



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1	19619	PULLER/PLM4631N2	PULI GIẬT/PLM4631N2	4.574.880	8%
2	42700	OULET PUMP KIT ROLE 870.118/HW111	ĐẦU GẮN DÂY ÁP LỰC/HW111	741.852	8%
3	42733	KIT RETROFIT RACCORDO MANDATA PLASTICA/HW102	ĐẦU GẮN DÂY XIT RỬA/HW102	599.940	8%
4	46057	HOSE CONNECTION ½"+ ATTACHMENT FOR TAP ¾"/HW121	ĐẦU NỐI VÀO NƯỚC/HW121	1.831.680	8%
5	50940	CABLE/HW101	DÂY ĐIỆN/HW101	479.520	8%
6	50944	BASE/HW101	VỎ CỬA MÁY XỊT RỬA/HW101	336.960	8%
7	50945	SWITCH/HW101	CÔNG TẮC/HW101	181.440	8%
8	50946	BOX/HW101	NÁP CHỤP CÔNG TẮC/HW101	30.240	8%
9	50947	ACCESSORIES CARRIER/HW101	GIÁ ĐỖ/HW101	38.880	8%
10	50949	COVER/HW101	NÁP CHỤP BẢO VỆ/HW101	38.880	8%
11	50950	GREEN CASING/HW101	NÁP CHỤP/HW101	578.880	8%
12	50953	MOTOR PUMP/HW101	CỤM MOTOR/HW101	4.309.092	8%
13	91707	CARTON/HW102	THÙNG CARTON/HW102	652.320	8%
14	93941	RETAINER/PLM4631N2	PHE GAI/PLM4631N2	303.600	10%
15	497680	STARTER REWIND/PLM4631N	BỘ MÀM GIẬT/PLM4631N	191.160	8%
16	590512	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	237.600	10%
17	590514	TAPPET-VALVE/PLM4631N2	CHÓT VAN/PLM4631N2	466.400	10%
18	590515	ROD-PUSH/PLM4631N2	THÀNH ĐAY/PLM4631N2	519.200	10%
19	590516	CRANK/PLM4631N2	TAY QUAY/PLM4631N2	622.080	8%
20	590517	LINK-MECHANICAL/PLM4631N2	THÀNH LIÊN KẾT/PLM4631N2	444.400	10%
21	590520	LEVER-GOVERNOR/PLM4631N2	CÀN CHUYỂN ĐỔI/PLM4631N2	624.800	10%
22	590522	TUBE/PLM4631N2	ỐNG HÚT/PLM4631N2	544.320	8%
23	590526	ARM-ROCKER/PLM4631N2	NÁP XA/PLM4631N2	479.600	10%
24	590532	SPRING-VALVE/PLM4631N2	LÒ XO/PLM4631N2	281.600	10%
25	590535	ADJUSTER-ROCKER/PLM4631N2	CHÓT ĐIỀU CHỈNH/PLM4631N2	611.600	10%
26	590546	SPACER/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	237.600	10%
27	590547	LINK-CHOKE/PLM4631N2	THÀNH LIÊN KẾT/PLM4631N2	440.000	10%
28	590549	SPACER-CARBURETOR/PLM4631N2	ỐNG HÚT/PLM4631N2	565.920	8%
29	590552	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	246.400	10%
30	590558	PIN-FLOAT/PLM4631N2	CHÓT GAI/PLM4631N2	259.600	10%
31	590560	BRACKET-CONTROL/PLM4631N2	GÁ ĐỖ/PLM4631N2	1.728.000	8%
32	590561	BRACKET-CONTROL/PLM4631N2	GÁ ĐỖ/PLM4631N2	1.918.080	8%
33	590562	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	220.000	10%
34	590586	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	220.000	10%
35	590589	KIT-CARBURETOR/PLM4631N2	BỘ VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	1.118.880	8%
36	590740	SPRING-CHOKE/PLM4631N2	LÒ XO/PLM4631N2	382.800	10%
37	591103	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	259.600	10%
38	591108	ROPE-STARTER/PLM4631N2	DÂY GIẬT KHỐI ĐỘNG/PLM4631N2	302.400	8%
39	591120	FLOAT-CARBURETOR/PLM4631N2	PHAO CHẾ HÓA KHI/PLM4631N2	496.800	8%
40	591292	LINK-LOCKOUT/PLM4631N2	KHOA LIÊN KẾT/PLM4631N2	440.000	10%
41	592358	GASKET-CYLINDER/PLM4631N2	MIẾNG ĐỆM XILANH/PLM4631N2	523.600	10%
42	592587	SHIM-END/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	299.200	10%
43	592645	CYLINDER ASSEMBLY/PLM4631N2	XI LANH/PLM4631N	9.175.680	8%
44	593215	SLEEVE-LEVER/PLM4631N2	CÀN ĐIỀU CHỈNH/PLM4631N2	267.840	8%
45	593235	GASKET-FLOAT/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	596.160	8%
46	593260	FILTER--AIR CLEANER/PLM4631N2	LỌC GIÓ/PLM4631N2	522.720	8%
47	593330	BRACKET-MOUNTING/PLM4631N2	GÁ ĐỖ/PLM4631N2	470.880	8%
48	593960	CUP-FLYWHEEL/PLM4631N2	BÁNH ĐÁ/PLM4631N2	527.040	8%
49	594054	FLYWHEEL/PLM4631N2	MÀM ĐIỆN/PLM4631N2	5.654.880	8%
50	594061	CAP-FUEL/PLM4631N2	NÁP BÌNH XĂNG/PLM4631N2	708.480	8%
51	594089	ROD-CONNECTING/PLM4631N2	TAY ĐÉN/PLM4631N2	1.092.960	8%
52	594090	CAMSHAFT/PLM4631N2	NHÔNG CAM/PLM4631N2	838.080	8%
53	594092	RETAINER-VALVE/PLM4631N2	VAN/PLM4631N2	246.400	10%
54	594093	PLATE-CYLINDER/PLM4631N2	NÁP XYLANH/PLM4631N2	325.600	10%
55	594094	VALVE-INTAKE/PLM4631N2	VÁN HÚT/PLM4631N2	622.080	8%
56	594095	VALVE-EXHAUST/PLM4631N2	VÁN XA/PLM4631N2	613.440	8%
57	594096	SEAL-VALVE/PLM4631N2	MIẾNG ĐỆM/PLM4631N2	585.200	10%
58	594097	CAP-VALVE/PLM4631N2	CAP/PLM4631N2	404.800	10%
59	594098	RING/PLM4631N2	BẠC PISTON/PLM4631N2	1.257.120	8%
60	594099	PISTON ASSEMBLY/PLM4631N2	PISTON/PLM4631N2	1.654.560	8%
61	594101	SUMP-ENGINE/PLM4631	ĐỂ MÁY/PLM4631	2.903.040	8%
62	594102	FAN-FLYWHEEL/PLM4631N2	QUẠT BÁNH ĐÁ/PLM4631N2	1.175.040	8%
63	594103	GUARD-FLYWHEEL/PLM4631N2	NÁP BẢO VỆ BÁNH ĐÁ/PLM4631N2	1.738.000	10%
64	594105	GEAR-TIMING/PLM4631N2	NHÔNG/PLM4631N2	371.520	8%
65	594107	BASE-AIR/PLM4631N2	NÁP HỘP GIÓ/PLM4631N2	1.023.840	8%
66	594115	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	250.800	10%
67	594116	COVER/PLM4631N2	VỎ BẢO VỆ ĐỘNG CƠ/PLM4631N2	2.423.520	8%
68	594506	SPRING-GOVERNOR/PLM4631N2	LÒ XO/PLM4631N2	343.200	10%
69	594562	ARRESTOR-SPARK/PLM4631N2	ỐNG NỔI/PLM4631N2	2.565.200	10%
70	594563	DEFLECTOR/PLM4631N2	ỐNG LÉCH HƯỚNG XA/PLM4631N2	624.800	10%
71	594581	VALVE-FLOAT/PLM4631N2	VÁN PHAO/PLM4631N2	470.880	8%
72	594632	BOWL-FLOAT/PLM4631N2	BÁT PHAO/PLM4631N2	770.000	10%
73	594633	GASKET-FLOAT/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	617.760	8%
74	594636	KIT/PLM4631N2	BỘ GIOĂNG/PLM4631N2	1.529.280	8%
75	594926	CARBURETOR/PLM4631N2	BỘ CHẾ HÓA KHI/PLM4631N2	2.367.360	8%
76	595009	ARMATURE-MAGNETO/PLM4631N2	CUỘN ĐIỆN/PLM4631N2	1.395.360	8%
77	595015	JET-MAIN/PLM4631N2	VÁN CÁP ÁP/PLM4631N2	781.920	8%
78	595018	WIRE-STOP/PLM4631N2	DÂY ĐIỆN/PLM4631N2	574.560	8%
79	595024	CRANKSHAFT/PLM4631N2	TRỤC KHUYU/PLM4631N2	5.909.760	8%
80	595191	FILTER/PLM4631N2	BỘ LỌC/PLM4631N2	246.240	8%
81	595196	BRACKET-THROTTLE/PLM4631N2	GIÁ ĐIỀU CHỈNH GA/PLM4631N2	264.000	10%
82	595342	GASKET-ROCKER/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	356.400	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
83	595352	COVER-ROCKER/PLM4631N2	NẮP BẢO VỆ/PLM4631N2	570.240	8%
84	595353	HEAD-CYLINDER/PLM4631N2	NẮP XYLANH/PLM4631N2	4.250.400	10%
85	595354	SET/PLM4631N2	BỘ GIOĂNG/PLM4631N2	1.684.800	8%
86	596216	CYLINDER ASSEMBLY/PLM4631N2	XI LANH/PLM4631N2	5.702.400	8%
87	690272	WASHER/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	246.400	10%
88	690340	RETAINER, GOVERNOR SHAFT/PLM4631	VÒNG ĐỆM/PLM4631	158.400	10%
89	690662	NUT/PLM4631N2	ĐAI ỐC/PLM4631N2	268.400	10%
90	690798	CLAMP-CASING/PLM4631N2	KẸP/PLM4631N2	281.600	10%
91	690859	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	250.800	10%
92	690959	PIN/PLM4631N2	PIN /PLM4631N2	343.200	10%
93	691024	CLAMP/PLM4631N2	KẸP/PLM4631N2	255.200	10%
94	691027	NUT/PLM4631N2	ĐAI ỐC/PLM4631N2	532.400	10%
95	691028	LEVER-CONTROL/PLM4631N2	ĐIỀU CHỈNH CHẾ ĐỘ/PLM4631N2	1.373.760	8%
96	691031	SEAL/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	216.000	8%
97	691044	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	246.400	10%
98	691061	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	198.000	10%
99	691146	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	246.400	10%
100	691588	LOCK PISTON PIN/PLM4631N	VÒNG GAI CHỮ C/PLM4631N	19.800	10%
101	691664	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	220.000	10%
102	691876	SEAL-O/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	216.000	8%
103	692076	BOOT/PLM4631N2	NẮP BÍT CAO SU/PLM4631N2	324.000	8%
104	692135	SPRING-BRAKE/PLM4631N2	LÒ XO/PLM4631N2	400.400	10%
105	692310	SWITCH-STOP/PLM4631N2	CÔNG TẮC DỪNG/PLM4631N2	367.200	8%
106	692551	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	198.000	10%
107	697124	REED/PLM4631N2	LƯỠI GÀ/PLM4631N2	349.920	8%
108	697478	RETAINER-SEAL/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	246.240	8%
109	697799	SLINGER-GOVERNOR OIL/PLM4631N2	NHÔNG BƠM NHỚT/PLM4631N2	773.280	8%
110	791766	LINE/PLM4631N2	ÔNG NÔI/PLM4631N2	302.400	8%
111	791850	CLAMP/PLM4631N2	KẸP/PLM4631N2	176.000	10%
112	792015	PLUG/PLM4631N2	BUGI/PLM4631N2	432.000	8%
113	793453	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	246.400	10%
114	793480	SCREW/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	246.400	10%
115	793514	BOLT/PLM4631N2	ỐC VÍT/PLM4631N2	369.600	10%
116	793515	NUT/PLM4631N2	ĐAI ỐC/PLM4631N2	233.200	10%
117	796503	DIPSTICK/PLM4631N2	NẮP HỘP NHỚT/PLM4631N2	715.680	8%
118	799580	GASKET-AIR/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	315.360	8%
119	799581	SEAL-O/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	246.240	8%
120	799587	GASKET-CRANKCASE/PLM4631	GIOĂNG/PLM4631	349.920	8%
121	001182042	GUIDE DISK/DCS9010	VÒNG ĐỆM/DCS9010	57.200	10%
122	3081270	PISTON SEALS KIT/HW101	VÒNG ĐỆM CAO SU/HW101	851.040	8%
123	3081280	TSS KIT/HW101	VÁN ÁP LỰC/HW101	475.200	8%
124	3081290	VALVES SEALS KIT/HW101	VÁN ÁP LỰC/HW101	289.440	8%
125	3082580	BRUSH KIT FOR MOTOR/HW101	CHỔI THAN/HW101	164.916	8%
126	3083400	HIGH PRESSURE HOSE 5.5M/HW111	DÂY XIT/HW111	30.240	8%
127	3320054	ACCESSORIES CARRIER/HW102	MIỆNG CHÂN/HW102	112.320	8%
128	3320200	CABLE GLAND/HW102	GIÁ ĐỖ CÁN PHUN ÁP LỰC/HW102	25.920	8%
129	3320440	SWITCH/HW102	HỘP CÔNG TẮC/HW102	90.720	8%
130	3320620	POWER SUPPLY CORD/HW111	DÂY CÁP/HW111	686.880	8%
131	3320730	POWER SUPPLY CORD/HW102	DÂY CÁP/HW102	302.400	8%
132	3440720	FILTER/HW111	BỘ LỌC/HW111	25.920	8%
133	3620390	MOTOR/HW102	CỤM MOTOR/HW102	1.593.648	8%
134	3640010	GREEN CASING/HW102	NẮP BẢO VỆ/HW102	267.840	8%
135	3640020	BASE/HW102	NẮP BẢO VỆ/HW102	289.440	8%
136	3640030	HANDLE M-READY/HW102	TAY CÀM/HW102	393.120	8%
137	3640040	HANDLE BUTTON/HW102	NÚT NHẤN/HW102	436.320	8%
138	3640050	HANDLE CLIP M/HW102	MÓC TAY CÀM/HW102	133.920	8%
139	3640060	HANDLE HOLDER/HW102	GIÁ TREO TAY CÀM/HW102	112.320	8%
140	3640080	BRACKET/HW102	GÁ ĐỖ/HW102	164.160	8%
141	3640160	CONVEYOR/HW102	NẮP CHỤP MOTOR/HW102	47.520	8%
142	3640170	COVER/HW102	NẮP CHỤP/HW102	151.200	8%
143	3640180	BRACKET/HW102	VÒNG NẸP MOTOR/HW102	108.000	8%
144	3640190	STOP/HW102	VÒNG ĐỆM CAO SU/HW102	108.000	8%
145	3640200	CASING/HW111	NẮP BẢO VỆ/HW111	660.960	8%
146	3640210	BASE/HW111	NẮP BẢO VỆ ROLE/HW111	868.320	8%
147	3640240	GREEN GUARD/HW111	NẮP MẶT TRƯỚC/HW111	138.240	8%
148	3640270	ROLE REEL CRANK/HW111	TAY QUAY/HW111	274.752	8%
149	3640280	KNOB/HW111	TAY NAM/HW111	201.528	8%
150	3640290	SUPPORT/HW111	CÁN BƠM/HW111	228.800	10%
151	3640300	CONVOYOR ROLE INDUCTION/HW121	NẮP CHỤP MOTOR/HW121	129.600	8%
152	3640331	SUPPORT/HW111	TĂM CHÂN BẢO VỆ/HW111	250.560	8%
153	3640530	EXTENSION/HW102	CÁN KÉO TAY CÀM/HW102	708.400	10%
154	3640540	ELECTRIC PUMP ASSEMBLY/HW102	CỤM MOTOR/HW102	2.643.840	8%
155	3640550	WATER SEALS KIT/HW102	BỘ VÁN NƯỚC/HW102	668.628	8%
156	3640560	PISTON SEALS KIT/HW102	BỘ PHỐT MÁY PHUN ÁP LỰC/HW102	660.960	8%
157	3640570	TSS KIT/HW102	VÁN ÁP LỰC/HW102	668.628	8%
158	3640580	INLET PUMP KIT/HW102	CHỐT GAI/HW102	108.000	8%
159	3640600	DETERGENT PLUG KIT/HW102	BỘ PHỐT NƯỚC/HW102	73.440	8%
160	3640610	SCREW KIT/HW102	CỤM MOTOR/HW102	185.760	8%
161	3640620	WHEEL/HW102	BÁNH XE/HW102	125.280	8%
162	3640621	WHEEL/HW102	BÁNH XE/HW102	125.280	8%
163	3640700	ELECTRIC PUMP ASSEMBLY/HW111	CỤM MOTOR/HW111	3.539.808	8%
164	3640710	PISTON SEALS KIT/HW111	BỘ PHỐT MÁY PHUN ÁP LỰC/HW111	746.496	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
165	3640720	TSS KIT/HW111	VAN ÁP LỰC/HW111	508.356	8%
166	3640740	DETERGENT SUCTION KIT/HW111	BỘ PHỐT NƯỚC/HW111	82.512	8%
167	3640750	SWITCH/HW111	HỘP CÔNG TÁC/HW111	549.504	8%
168	3640760	WHEEL/HW111	BÀNH XE/HW111	343.440	8%
169	3640790	SWITCH/HW112	CÔNG TÁC/HW112	267.840	8%
170	3640870	INLET PUMP KIT AR 02/HW121	ĐẦU VÀO NƯỚC/HW121	108.000	8%
171	3640980	KNOB/HW111	NÁP BOC TAY CÀM/HW111	82.080	8%
172	3641140	GASKET KIT/HW111	TẮM ĐỆM/HW111	203.040	8%
173	3641160	BRUSHES KIT/HW102	CHỔI THAN/HW102	626.400	8%
174	3641380	ORING 8.5x2/HW111	VÒNG ĐỆM/HW111	41.256	8%
175	3641580	ELECTRIC PUMP ASSEMBLY/HW111	CỤM MOTOR/HW111	4.941.000	8%
176	3761230	ORING	VÒNG ĐỆM CAO SU	38.880	8%
177	3761270	ORING	VÒNG ĐỆM CAO SU	38.880	8%
178	3761360	ORING	VÒNG ĐỆM CAO SU	41.256	8%
179	3761730	ORING	VÒNG ĐỆM CAO SU	38.880	8%
180	3761750	ORING	VÒNG ĐỆM CAO SU	43.200	8%
181	3761760	ORING	VÒNG ĐỆM CAO SU	45.792	8%
182	010114050	TANK PLUG CPL/DCS6401	NÁP ĐẬY NHIÊN LIỆU/DCS6401	9.720	8%
183	010114200	SUCTION HEAD/EA5600F	VAN HÚT GIÓ/EA5600F	96.800	10%
184	0011606160	BOLT M6X16/EVH2000	ỐC VÍT M6X16/EVH2000	4.400	10%
185	021245007	OIL PUMP CPL/DCS4610	BƠM NHIÊN LIỆU/DCS4610	505.440	8%
186	0022706000	NUT M6/HTR5600	TẮN M6/HTR5600	4.400	10%
187	0023705000	FLANGE NUT M5/EH6000W	CON TẮN M5/EH6000W	4.400	10%
188	024130300	CYLINDER AND PISTON ASSY/DCS9010	BỘ XILANH PISTON/DCS9010	6.384.960	8%
189	024150010	CARBURETOR/DCS9010	BỘ CHẾ HÒA KHÍ/DCS9010	3.075.840	8%
190	026224010	RIM SPROCKET 3/8"/DCS500	NHÔNG XÍCH/DCS500	177.120	8%
191	0031105003	WASHER/EH6000W	VÒNG ĐỆM/EH6000W	2.200	10%
192	0031428000	INNER SNAP RING/EH6000W	PHE GAI/EH6000W	8.800	10%
193	036173011	AIR FILTER/DCS4610	LỌC GIÓ/DCS4610	34.560	8%
194	038114130	SPRING CPL WITH CAP/DCS6401	LÒ XO/DCS6401	242.000	10%
195	038114141	SPRING CPL/DCS6401	LÒ XO/DCS6401	233.200	10%
196	038114661	TANK CPL. BLUE/DCS6401	BỘ TAY CÀM/DCS6401	2.328.480	8%
197	038117020	CATCH LEVER/DCS6401	CÁN GẠT/DCS6401	60.480	8%
198	038117030	ROCKER/DCS6401	CÁN BẢO VỆ CÔNG TÁC/DCS6401	38.880	8%
199	038120100	CRANKSHAFT CPL./DCS7301	TRỤC KHUYU/DCS7301	6.030.720	8%
200	038130021	CYLINDER,PISTON CPL/DCS9010	BỘ XILANH,PISTON/DCS9010	524.880	8%
201	038143030	CABLE HARNESS/DCS6401	DÂY DẪN/DCS6401	24.840	8%
202	038153511	CARBURETOR W.ADJUSTING GUIDE/DCS7301	BỘ CHẾ HÒA KHÍ/DCS7300	2.125.440	8%
203	038160610	STARTER ASSY.BLUE/DCS6401	BỘ NÁP KHỞI ĐỘNG/DCS6401	1.650.240	8%
204	038162024	CABLE DRUM CPL./DCS7301	RU LÒ CÁP/DCS7301	393.120	8%
205	038180014	CLUTCH CPL/EK6010	KHỚP LI HỢP/EK6010	315.360	8%
206	038213181	BRAKING MECHANISM COMPLETE/DCS6401	PHANH XÍCH/DCS6401	110.000	10%
207	038213370	HAND GUARD DRILLED COMPLETE/DCS6401	VỎ TAY CÀM/DCS6401	419.040	8%
208	038213641	SPROCKET GUARD BLUE CPL./DCS6401	BỘ NÁP CHỤP LAM XÍCH/DCS6401	946.080	8%
209	038245011	OIL PUMP COMPLETE/DCS6401	BƠM NHỚT/DCS6401	1.166.400	8%
210	038245031	PUMP DRIVE/DCS6401	NHÔNG BƠM NHỚT/DCS6401	276.480	8%
211	039130022	CYLINDER,PISTON CPL/DCS7300	BỘ XILANH,PISTON/DCS7300	6.073.920	8%
212	0043605120	SCREW ASS'Y M5X12/EVH2000	ỐC VÍT M5X12/EVH2000	4.400	10%
213	0043605140	SCREW ASS'Y M5X14/EBH340U	ỐC VÍT M5X14/EBH340U	4.400	10%
214	0043605180	SCREW ASS'Y M5X18/EBH340U	ỐC VÍT M5X18/EBH340U	4.400	10%
215	0043605303	SCREW ASSY M5X30/EBH340U	ỐC VÍT/EBH340U	17.600	10%
216	0062610101	O RING/BHX2500	VÒNG ĐỆM CAO SU/BHX2500	25.920	8%
217	0119049980	SOCKET HEAD BOLT M4X10/EB7660TH	ỐC VÍT M4X10/EB7660TH	8.800	10%
218	0119059350	SOCKET HEAD BOLT M5X20/EH6000W	ỐC VÍT M5X20/EH6000	2.200	10%
219	0119059360	SOCKET HEAD BOLT/EH6000W	ỐC VÍT/EH6000W	8.800	10%
220	0119059400	SOCKET HEAD BOLT M5X12/EH6000W	ỐC VÍT M5X12/EH6000W	4.400	10%
221	0119059490	SOCKET HEAD BOLT M5X14/EB7660TH	BU LÔNG M5X14/EB7660TH	8.800	10%
222	0119059620	SOCKET HEAD BOLT M5X18/EH6000W	ỐC VÍT M5X18/EH6000W	2.200	10%
223	0119059710	SOCKET HEAD BOLT M5X60/EH6000W	ỐC VÍT M5X60/EH6000W	2.200	10%
224	119224070	RIM SPROCKET/DCS9010	NHÔNG XÍCH/DCS9010	155.520	8%
225	130117010	THROTTLE LEVER/EA5600F	CÁN GẠT TAY GA/EA5600F	21.600	8%
226	130117060	TENSION SPRING/EA5600F	LÒ XO/EA5600F	2.200	10%
227	130118070	STEELCLIP/EA5600F	KẸP NÁP LỌC GIÓ/EA5600F	2.200	10%
228	130153500	PRIMER/EA5600F	NÚM BƠM/EA5600F	7.560	8%
229	130250011	SPIKE BAR/EA5600F	THANH CỤ/EA5600F	14.040	8%
230	131110650	ENGINE HOUSING ASSEMBLY(BLUE)/EA5600F	VỎ MÁY/EA5600F	130.680	8%
231	131114680	FUEL TANK SET (BLUE)/EA5600F	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EA5600F	157.680	8%
232	131118040	AIR GUIDE PLATE/EA5600F	NÁP CHẨN GIÓ/EA5600F	7.560	8%
233	131118600	HOOD SET/EA5600F	NÁP LỌC GIÓ/EA5600F	24.840	8%
234	131120101	CRANKSHAFT COMPLETE/EA5600F	TRỤC KHUY/EA5600F	1.684.800	8%
235	131131030	AIR HOSE/EA5600F	ÔNG KHÍ/EA5600F	328.320	8%
236	131131200	CYLINDER PISTON SET/EA5600F	XY LANH/EA5600F	385.560	8%
237	131132030	PISTON PIN/EA5600F	CHỚT PISTON/EA5600F	36.720	8%
238	131132100	PISTON COMPLETE/EA5600F	PISTON/EA5600F	721.440	8%
239	131151200	CARBURETOR/EA5600F	BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EA5600F	1.296.000	8%
240	131160660	STARTER HOUSING COMPLETE/EA5600F	NÁP CHỤP KHỞI ĐỘNG/EA5600F	665.280	8%
241	131164020	STARTER ROPE D=3.5 L=1030/EA5600F	GIÂY GIÚT D=3.5 L=1030/EA5600F	4.320	8%
242	131173010	AIR FILTER/EA5600F	LỌC GIÓ/EA5600F	328.320	8%
243	131174090	COOLING PLATE/EA5600F	TẮM CÁCH NHIỆT/EA5600F	4.400	10%
244	131174100	MUFFLER COMPLETE/EA5600F	BỘ GIẢM THANH/EA5600F	686.880	8%
245	131179010	VALVE STOPPER/EA5600F	NÁP VAN/EA5600F	26.400	10%
246	131179020	REED VALVE/EA5600F	NÁP VAN/EA5600F	105.600	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
247	131213621	SPROCKET GUARD ASSEMBLY(BLUE)/EA5600F	BỘ NÁP GIỮ LAM XÍCH/EA5600F	1.127.520	8%
248	0140049770	SCREW ASSY M4X16/EVH2000	ỐC VÍT M4X16/EVH2000	4.400	10%
249	0140059150	SCREW M5X6/EH7500S	ỐC VÍT M5X6/EH7500S	2.200	10%
250	0140059310	SCREW M5X14(W)/EVH2000	ỐC VÍT M5X14/EVH2000	4.400	10%
251	0140059962	SCREW M5X5/EBH340R	ỐC VÍT M5X5/EBH340R	4.400	10%
252	0149060120	ADJUSTING SCREW/EVH2000	ỐC TĂNG GIAM GA/EVH2000	136.400	10%
253	0150049860	TAPPING SCREW M4X14/EH6000W	ỐC VÍT M4X14/EH6000W	2.200	10%
254	170175010	AIR VALVE COMPLETE/EA5600F	VAN BÌNH XĂNG/EA5600F	7.560	8%
255	175131300	HEXAGONAL NUT WITH COLLAR/EA5600F	CON TẮN/EA5600F	2.200	10%
256	181111230	RUBBER BUFFER/EA5600F	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EA5600F	2.160	8%
257	181114202	TANK CAP CPL/EA3503S	NẮP ĐẦY BÌNH CHỨA/EA3503S	11.880	8%
258	181132063	PISTON CPL.45/DCS500	PISTON CPL.45/DCS500	2.319.840	8%
259	181132080	PISTON RING D45/DCS500	BẠC PISTON D45/DCS500	34.560	8%
260	181141105	FLYWHEEL CPL./EA5600F	MÀM ĐIỆN/EA5600F	488.160	8%
261	181143204	IGNITION COIL RED CPL./DCS500	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/DCS500	181.440	8%
262	181143207	IGNITION COIL/DCS500	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA/DCS500	2.242.080	8%
263	181162020	CABLE DRUM/DCS500	TANG QUẢN CÁP/DCS500	302.400	8%
264	181163050	RETURN SPRING CPL./DCS500	LÒ XO ĐÀN HỒI/DCS500	22.000	10%
265	181163080	SPRING EASY START/DCS500	BỘ ĐIỀU KHIỂN KHỞI ĐỘNG/DCS500	207.360	8%
266	181163090	STARTER WHEEL/DCS500	BỘ ĐIỀU KHIỂN KHỞI ĐỘNG/DCS500	60.480	8%
267	181164010	STARTER GRIP/DCS500	CẦN GẠT KHỞI ĐỘNG/DCS500	5.400	8%
268	181180300	CLUTCH ASSY/EA5600F	KHỚP LY HỢP/EA5600F	384.480	8%
269	181184020	TENSION SPRING/EK8100	LÒ XO/EK8100	13.200	10%
270	181213011	BRAKE SPRING/EA4301F	ĐAI Hãm/EA4301F	31.900	10%
271	181213023	TENSION SPRING/EA5600F	LÒ XO/EA5600F	4.400	10%
272	181213060	COMPRESSION SPRING 3/EA5600F	LÒ XO 3/EA5600F	2.200	10%
273	181213230	CHAIN ADJUSTING SCREW/DCS500	NHÔNG XÍCH/DCS500	315.360	8%
274	181213250	ADJUSTING SCREW PROF/DCS500	ỐC TĂNG GIAM XÍCH/DCS500	293.760	8%
275	181223200	CLUTCH DRUM COMPLETE/EA5600F	HỘP KHỚP LY HỢP/EA5600F	38.880	8%
276	181224081	DISC/EA5600F	LONG ĐÈN/EA5600F	101.200	10%
277	181224090	SHIM/EA5600F	MIẾNG ĐỆM PHẪNG 10/EA5600F	2.200	10%
278	181245090	PUMP DRIVE/EA5600F	BƠM DẦU/EA5600F	336.960	8%
279	181245120	OIL PRESSURE LINE/EA5600F	ỐNG DẪN DẦU/EA5600F	190.080	8%
280	181245300	OIL SUCTION LINE CPL./EA5600F	ỐNG NÁP DẦU/EA5600F	14.040	8%
281	185213100	LINK PLATE COMPLETE/EA5600F	CHÓT KHÓA XÍCH/EA5600F	12.100	10%
282	195118141	INSERT/EA5600F	MIẾNG ĐỆM/EA5600F	2.200	10%
283	195143031	ISOLATING WASHER/EA5600F	VÒNG ĐỆM IC/EA5600F	2.160	8%
284	0213229980	GASKET/PM5650H	VÒNG ĐỆM CAO SU/PM5650H	86.400	8%
285	315132140	SPRING RING/EA5600F	VÒNG GAI CHÓT PISTON/EA5600F	5.500	10%
286	315132200	PISTON COMPLETE/EK6101	PISTON/EK6101	751.680	8%
287	0325100002	UPPER CASE/HTR5600	HỘP NHÔNG/HTR5600	768.960	8%
288	0325101002	LOWER CASE/HTR5600	NÁP HỘP NHÔNG/HTR5600	85.320	8%
289	325132035	PISTON CPL/EK6010	PISTON 47/EK6010	881.280	8%
290	394132020	PISTON RING/DCS7300	BẠC PISTON/DCS7300	453.600	8%
291	394143030	IGNITION COIL/DPC6431	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/DPC6431	3.697.920	8%
292	395132050	PISTON CPL D50/DCS7300	PISTON D50/DCS7300	2.972.160	8%
293	395174120	GASKET/EA5600F	RON ỒNG XA/EA5600F	2.160	8%
294	0440109970	OIL SEAL (S)/BHX2500	PHỐT DẦU/BHX2500	77.760	8%
295	0440129960	OIL SEAL (L)/BHX2500	PHỐT DẦU/BHX2500	86.400	8%
296	0561089980	HOSE CLAMP/DVF154	VÒNG KHÓA/DVF154	8.800	10%
297	0561100030	HOSE CLAMP/DVF154	VÒNG KHÓA/DVF154	4.400	10%
298	0565099990	CLIP/EBH340U	VÒNG GAI CHỨ C/EBH340U	13.200	10%
299	0610129940	NEEDLE ROLLER BEARING/BBX7600	BẠC ĐẠN ĐÙA/BBX7600	73.440	8%
300	0650109950	SPARK PLUG CMR6A/EBH340U	BUGI/EBH340U	419.040	8%
301	652023793	SPRING BOX LEFT/ELM4120	MIẾNG LÁP LÒ XO BÊN TRÁI/ELM4120	38.880	8%
302	652023794	SWITCH LEVER END LEFT/ELM4120	CẦN GẠT CÔNG TẮC/ELM4120	17.280	8%
303	652023795	SPRING BOX RIGHT/ELM4120	MIẾNG LÁP LÒ XO BÊN PHẢI/ELM4120	38.880	8%
304	652023811	CABLE HANGER/ELM4120	GIÀ TREO DÂY CÁP/ELM4120	34.560	8%
305	652023843	NYLON INSERT HEX. LOCK NUT M8/ELM4120	ỐC VÍT M8/ELM4120	4.400	10%
306	652024721	SELF DRILLING SCREW 3.5X10/ELM4120	ỐC VÍT 3.5X10/ELM4120	8.800	10%
307	0654009931	PLUG CAP SPRING/BBX7600	LÒ XO BUGI/BBX7600	13.200	10%
308	671001176	WHEEL COVER 6.5 INCH/DLM460	NÁP CHỤP 6.5 INCH/DLM460	54.972	8%
309	671001292	CONTROL CAB/PLM4631N	DÂY CÁP/PLM4631N	629.200	10%
310	671001293	CONTROL CAB/PLM4631N	DÂY CÁP/PLM4631N	642.400	10%
311	671001353	GRASS CATCHER FRAME SHEATH/DLM460	MÓC GAI TỦI ĐỰNG CỎ/DLM460	34.560	8%
312	671001418	GRASS CATCHER CLOTH SET MAKITA/DLM460	TỦI ĐỰNG CỎ/DLM460	656.640	8%
313	671001443	GRASS CATCHER FRAME/DLM460	KHUNG GAI TỦI ĐỰNG CỎ/DLM460	466.400	10%
314	671001518	REAR FLAP HINGE ROD/DLM460	CHÓT GÀI/DLM460	46.640	10%
315	671001606	LOWER HANDLE BAR/DLM460	TAY CẦM/DLM460	528.000	10%
316	671001786	FRONT AXLE/DLM460	TRỤC GIỮ BÀNH XE/DLM460	531.360	8%
317	671002028	PAN.HED SCREW M6X45/DLM460	ỐC VÍT M6X45/DLM460	13.200	10%
318	671002030	PAN. HEAD SCREW M6X14/DLM460	ỐC VÍT M6X14/DLM460	8.800	10%
319	671011101	REAR FLAP TORSION SPRING/DLM460	LÒ XO/DLM460	23.320	10%
320	671011125	HEIGHT ADJUST TENSION SPRING/DLM460	LÒ XO/DLM460	23.320	10%
321	671020160	WHEEL ASSY 8 INCH/DLM460	BÀNH XE/DLM460	503.712	8%
322	671418001	FRONT AXLE MOUNT/DLM460	MIẾNG NẾP GIỮ TRỤC/DLM460	30.240	8%
323	671454001	GRASS CATCHER HANDLE/DLM460	TAY CẦM/DLM460	47.520	8%
324	671467001	GRASS CATCHER UPPER BORAD/DLM460	NÁP CHỤP TỦI ĐỰNG CỎ/DLM460	393.120	8%
325	671660001	MULCHING PLUG BOX/DLM460	ĐẦU NÓI CỦA TỦI ĐỰNG CỎ/DLM460	384.480	8%
326	671990001	POSITION FIXING SUPPORT/PLM4631N	MIẾNG ĐỆM/PLM4631N	17.280	8%
327	0851109960	TUBE/BBX7600	ỐNG CAO SU/BBX7600	17.280	8%
328	908605505	SCREW/EA5600F	ỐC VÍT/EA5600F	2.200	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
329	908705125	FILLISTER SCREW/EA5600F	ỐC VÍT/EA5600F	2.200	10%
330	908705165	HL SOCKET HEAD BOLT M5X16/EA5600F	ỐC VÍT M5X16/EA5600F	2.200	10%
331	913467164	SCREW M6.7X16/EA5600F	ỐC VÍT M6.7X16/EA5600F	2.200	10%
332	913850155	SCREW M5X15/EA5600F	ỐC VÍT M5X15/EA5600F	2.200	10%
333	914535105	SCREW/EA5600F	ỐC VÍT/EA5600F	2.200	10%
334	927304000	LOCK WASHER 4.0/DCS4610	MIẾNG ĐỆM KHÓA 4.0/DCS4610	2.200	10%
335	927306000	LOCK WASHER 7.0/DCS500	MIẾNG ĐỆM KHÓA 7.0/DCS500	17.280	8%
336	927408000	LOCK WASHER/DCS500	MIẾNG ĐỆM KHÓA/DCS500	17.600	10%
337	928405000	SPRING WASHER 5/DCS500	ĐỆM LÒ XO 5/DCS500	4.400	10%
338	935930280	CYL.PIN/DCS6401	CHÓT/DCS6401	4.400	10%
339	936430160	SPIRAL PIN 3X16/DCS500	CHÓT/DCS500	4.400	10%
340	962210111	NEEDLE CAGE/EK6010	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/EK6010	105.600	10%
341	962900054	RADIAL RING/DC9010	VÒNG ĐỆM CAO SU/DC9010	151.200	8%
342	962900061	RADIAL RING/DCS6400	VÒNG ĐỆM CAO SU/DCS6400	151.200	8%
343	962900156	OIL SEAL 12/20X4.5 FKM/EA5600F	PHỐT DẦU/EA5600F	11.880	8%
344	963229036	PACKING RING/EA5600F	VÒNG ĐỆM NÁP BÌNH XĂNG/EA5600F	2.160	8%
345	965402360	RUBBER BUFFER/EA5600F	CAO SU/EA5600F	2.160	8%
346	2771100161	MAIN BEARING COVER CP/EW2051H	NÁP LÒC MÁY/EW2051H	137.160	8%
347	2775120501	BLOWER HOUSING COMPLETE/EW2051H	NÁP CHÂN GIÓ/EW2051H	63.720	8%
348	2776010511	FUEL TANK CP/EW2051H	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EW2051H	202.400	10%
349	2777630121	OIL SENSOR CP/EW2050H/EW2050H	CẢM BIẾN NHÓT/EW2050H	578.880	8%
350	4800521008	MACHANICAL SEAL/EW2050H	PHỐT MÁY/EW2050H	1.650.240	8%
351	4800801013	VALVE CASE/EW2050H	ĐẦU HÚT NƯỚC/EW2050H	1.019.520	8%
352	4800801016	COUPLING HANDLE/EW2050H	KHỚP NÚI/EW2050H	738.720	8%
353	5016004110	SCREW/EK7651H	ỐC VÍT/EK7651H	30.800	10%
354	5025001020	SPIRAL SPRING/EBH340U	LÒ XO LÁ/EBH340U	198.000	10%
355	5196500302	DAMPER/EBH340U	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EBH340U	4.320	8%
356	5216006030	HIGH SPEED NEEDLE/EB5300	ỐC ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/EB5300	88.000	10%
357	5231016000	CRANKCASE ASSEMBLY/EH6000W	HỘP SỐ/EH6000W	78.840	8%
358	5233504200	CARBURETOR GASKET/PM7650H	MIẾNG ĐỆM BÌNH XĂNG/PM7650H	8.640	8%
359	5238500500	CLUTCH SPRING/HTR5600	LÒ XO/HTR5600	22.000	10%
360	5251003000	CRANKCASE COMPLETE/HTR7610	HỘP SỐ/HTR7610	777.600	8%
361	5253071000	EXHAUST MUFFLER/HTR5600	ỐNG XẢ BĂNG THÉP/HTR5600	397.440	8%
362	5255052000	REWIND STARTER/HTR5600	BỘ KHởi ĐỘNG/HTR5600	345.600	8%
363	5255501100	HOUSING,BLOWER/EVH2000	NÁP VỎ MÁY/EVH2000	298.080	8%
364	5258001010	CLUTCH SPRING/EVH2000	LÒ XO/EVH2000	22.000	10%
365	5315022020	REEL/EBH340U	BỘ CHỤP GIẶT/EBH340U	103.680	8%
366	5411500300	CYLINDER/RBC411	XILANH/RBC411	1.179.360	8%
367	5416036160	PLUG-WELCH/EK7651H	LƯỚI LỌC/EK7651H	22.000	10%
368	5503503001	SPACER/EH6000W	VÒNG ĐỆM/EH6000W	2.200	10%
369	5802500701	PISTON PIN/BBX7600	CHÓT PISTON/BBX7600	66.000	10%
370	5806122210	SPRING/EK7651H	LÒ XO/EK7651H	17.600	10%
371	5806122220	BALL/EK7651H	BI SẮT/EK7651H	17.600	10%
372	5806122260	THROTTLE VALVE/EK7651H	VÁN TIẾT LƯU/EK7651H	38.880	8%
373	5922004000	PISTON RING SET/BHX2500	BẠC PISTON/BHX2500	328.320	8%
374	5923006002	AIR CLEANER PLATE COMPLETE/EVH2000	HỘP LỌC GIÓ/EVH2000	47.520	8%
375	5923008001	MUFFLER AY/EVH2000	BỘ GIẢM THANH/EVH2000	228.960	8%
376	5923500501	CAM GEAR SHAFT/BHX2500	NHÔNG CAM/BHX2500	21.600	8%
377	5923502000	CARBURETOR INSULATOR/EVH2000	TẤM CHÂN BÌNH XĂNG/EVH2000	198.000	10%
378	5923503200	AIR CLEANER ELEMENT/EVH2000	BỘ LỌC GIÓ/EVH2000	12.960	8%
379	5923504700	INSULATOR GASKET/EBH340U	VÒNG ĐỆM CAO SU/EBH340U	17.280	8%
380	5925001002	STARTER COVER ASS'Y/BHX2500	NÁP CHỤP KHởi ĐỘNG/BHX2500	419.040	8%
381	5925005001	STARTER ASS'Y/EVH2000	BỘ KHởi ĐỘNG/EVH2000	354.240	8%
382	5925500800	CYLINDER COVER/EVH2000	NÁP XY LANH/EVH2000	116.640	8%
383	5926007011	JET #36.5/EBH340R	BÉC PHUN XĂNG #36.5/EBH340R	132.000	10%
384	5926009000	CARBURETOR/BHX2500	BỘ CHẾ HOÁ KHÍ/BHX2500	1.542.240	8%
385	5926017000	FUEL TANK CAP ASS'Y/BHX2500	NÁP BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/BHX2500	138.240	8%
386	5927012011	IGNITION COIL/BHX2500	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/BHX2500	630.720	8%
387	5928008010	SHOE,CLUTCH/EVH2000	KHỚP LY HỘP/EVH2000	185.760	8%
388	5931021000	CYLINDER BLOCK SET/EBH340U	XILANH/EBH340U	6.441.120	8%
389	5931037000	CYLINDER BLOCK SET/EBH340U	XILANH/EBH340U	6.454.080	8%
390	5931501300	RETAINER PLATE/PM7650H	TẤM ĐỆM/PM7650H	57.200	10%
391	5932003000	CRANK SHAFT COMPLETE/EBH340U	TRỤC KHUYU/EBH340U	2.786.400	8%
392	5932004000	PISTON RING SET/EBH340U	BẠC PISTON/EBH340U	328.320	8%
393	5932500400	PISTON/EBH340U	PISTON/EBH340U	29.160	8%
394	5932500900	PISTON PIN/EBH340U	CHÓT PISTON/EBH340U	48.400	10%
395	5932501000	CLIP/EBH340U	VÒNG GÁI CHỮ C/EBH340U	22.000	10%
396	5933003000	CAM GEAR ASS'Y/EBH340U	NHÔNG CAM/EBH340U	587.520	8%
397	5933018000	INSULATOR COMPLETE/EBH340U	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EBH340U	95.040	8%
398	5933504000	PIPE.INTAKE/EBH340U	ỐNG CÁN/EBH340U	108.000	8%
399	5935500802	CYLINDER COVER/EBH340U	NÁP XILANH/EBH340U	276.480	8%
400	5936004000	CARBURATOR/EBH340U	BỘ CHẾ HOÁ KHÍ/EBH340U	1.442.880	8%
401	5939503700	STAND/EBH340U	CHÂN CÀM MÁY/EBH340U	123.200	10%
402	5971007001	CYLINDER BLOCK SET/PM7650H	XY LANH/PM7650H	1.961.280	8%
403	5971500900	ROCKER COVER GASKET/EB7650TH	VÒNG ĐỆM CAO SU/EB7650TH	21.600	8%
404	5972002002	CRANKSHAFT COMPL/PM7650H	TRỤC KHUYU/PM7650H	3.473.280	8%
405	5972003000	PISTON RING SET/PM7650H	BẠC PISTON/PM7650H	591.840	8%
406	5973001003	MUFFLER EXHAUST/PM7650H	ỐNG XẢ/PM7650H	505.440	8%
407	5973006000	INTAKE CASE ASSY/PM7650H	BỘ ĐIỀU CHỈNH GIÓ/PM7650H	95.040	8%
408	5973500202	EXHAUST VALVE/PM7650H	XU PÁP HÚT/PM7650H	15.120	8%
409	5973500700	SHAFT CAM LIFTER/PM7650H	TRỤC CAM/PM7650H	12.960	8%
410	5973501700	CHOKE PLATE/PM7650H	NÁP CHÂN GIÓ/PM7650H	17.280	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
411	5975500000	PULLEY/PM7650H	BU LY/PM7650H	52.800	10%
412	5976001000	CARBURETOR/PM7650H	BỘ CHẾ HOÁ KHÍ/PM7650H	1.650.240	8%
413	5976500100	OIL CASE GASKET/EB7650TH	MIẾNG ĐỆM NGĂN DẦU/EB7650TH	56.160	8%
414	5977001010	IGNITION COIL/PM7650H	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/PM7650H	548.640	8%
415	5977001020	FLYWHEEL COMPL/PM7650H	MÀM ĐIỆN/PM7650H	324.000	8%
416	6014021000	WIRE SET/EH7500S	CỤM DÂY ĐIỀU KHIỂN/EH7500S	36.720	8%
417	6252500801	CLUTCH SHOE/HTR5600	KHỚP LY HỘP/HTR5600	155.520	8%
418	6341502400	WIRE CLAMP/EBH340U	MIẾNG NẸP DÂY ĐIỆN/EBH340U	21.600	8%
419	6341502500	WIRE CLAMP/EBH340U	MIẾNG NẸP DÂY ĐIỆN/EBH340U	21.600	8%
420	6342005001	CLUTCH DRUM/EBH340U	HỘP KHỚP LY HỘP/EBH340U	881.280	8%
421	6343006000	CASE GEAR ASSY/ EBH340U	BỘ ĐẦU NHÔNG/EBH340U	3.792.960	8%
422	6343006030	GUARD/EBH340U	LONG ĐÈN GIỮ LƯỚI/EBH340U	462.000	10%
423	6343007000	CUTTER SHAFT SET/EBH340U	BỘ NHÔNG/EBH340U	1.766.880	8%
424	6344005000	HANDLE HOLDER ASSY/EBH340U	GIÁ ĐỖ TAY CẦM/EBH340U	73.440	8%
425	6344500700	GRIP/EBH340U	TAY CẦM/EBH340U	203.040	8%
426	6344500800	GRIP/ EBH340U	TAY CẦM/EBH340U	203.040	8%
427	6345010000	CONTROL CABLE/EBH340U	DÂY GA/EBH340U	171.600	10%
428	6345500000	CABLE TUBE/EBH340U	ỐNG BAO VÊ GIẤY GA/EBH340U	43.200	8%
429	6411009002	SHAFT COMPLETE/RBC411	TRỤC TY/RBC411	81.000	8%
430	6672500300	ROCK RIVET/EB7660TH	CHÓT GAI/EB7660TH	22.000	10%
431	6676005000	OIL CAP ASSY/PM7650H	NẮP BÌNH DẦU/PM7650H	60.480	8%
432	6676500201	AIR CLEANER ELEMENT/BBX7600	LỌC GIÓ/BBX7600	237.600	8%
433	6901504301	BOLT/EVH2000	CHÓT GAI BĂNG THÉP/EVH2000	50.600	10%
434	6904017002	TANK COMPL/EVH2000	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EVH2000	156.600	8%
435	6904500300	GASKET, BLIND/EVH2000	VÒNG ĐỆM CAO SU/EVH2000	8.640	8%
436	6904503601	STRAINER, TANK/EVH2000	LƯỚI LỌC BĂNG NHỰA/EVH2000	116.640	8%
437	6904507400	CUSHION/EVH2000	MIẾNG ĐỆM BĂNG VAI/EVH2000	17.280	8%
438	6904507500	HOOK/EVH2000	VÒNG GAI CHỮ C BĂNG THÉP/EVH2000	4.400	10%
439	6906503600	WIRE/EVH2000	DÂY DẪN/EVH2000	14.040	8%
440	6906504301	DAMPER(1)COMPLETE/EVH2000	CAO SU GIAM CHÁM/EVH2000	7.560	8%
441	6906505500	PLATE,CONTROL LEVER/EVH2000	TẤM THÉP/EVH2000	66.000	10%
442	6906507301	PLATE/EVH2000	MIẾNG ĐỆM BĂNG THÉP/EVH2000	60.500	10%
443	6906507500	PLATE, SWITCH/EVH2000	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/EVH2000	17.600	10%
444	6908502400	TUBE,CABLE/EVH2000	ỐNG NHỰA MỀM/EVH2000	4.320	8%
445	6908502501	TUBE,CABLE/EVH2000	ỐNG NHỰA MỀM/EVH2000	4.320	8%
446	6908502602	TUBE,CABLE/EVH2000	ỐNG NHỰA MỀM/EVH2000	4.320	8%
447	6909070001	BAND COMPLETE/EVH2000	DÂY ĐEO VAI/EVH2000	17.280	8%
448	6945002000	LEVER COMPLETE/EVH2000	CÁN ĐIỀU GA/EVH2000	112.320	8%
449	6951019000	GEAR SET/DVF154	BỘ NHÔNG/DVF154	3.525.120	8%
450	6951021001	REGURATOR COMPLETE/DVF154	VÁN NƯỚC/DVF154	583.200	8%
451	6951022000	JOINT, ELBOW/DVF154	ĐẦU NỐI/DVF154	25.920	8%
452	6951023000	PACKING, ELBOW/DVF154	VÒNG ĐỆM/DVF154	17.280	8%
453	6951024001	NUT, ELBOW/DVF154	BU LÔNG/DVF154	57.200	10%
454	6951027010	PUMP COUPLING/DVF154	ĐẦU NỐI BƠM/DVF154	30.240	8%
455	6951027020	MOTOR BRACKET/DVF154	NẮP CHỤP MOTOR/DVF154	138.240	8%
456	6951027030	MOTOR COUPLING/DVF154	ĐẦU NỐI MOTOR/DVF154	73.440	8%
457	6951027050	PUMP HOUSING SET/DVF154	VỎ BƠM/DVF154	686.880	8%
458	6951029010	SCREW M3X16/DVF154	ỐC VÍT M3/DVF154	105.600	10%
459	6951029020	SCREW M4X12/DVF154	ỐC VÍT M4/DVF154	105.600	10%
460	6951036000	COVER ASSY/DVF154	NẮP CHỤP/DVF154	194.400	8%
461	6951502600	O-RING 1/DVF154	VÒNG ĐỆM CAO SU/DVF154	25.920	8%
462	6951502700	O-RING 2/DVF154	VÒNG ĐỆM CAO SU/DVF154	25.920	8%
463	6951502800	COVER/DVF154	VỎ/DVF154	69.120	8%
464	6951502900	PLATE 1/DVF154	TẤM ĐỆM/DVF154	138.240	8%
465	6951503000	PLATE 2/DVF154	TẤM ĐỆM/DVF154	138.240	8%
466	6951503101	PUMP HOLDER/DVF154	GIÁ ĐỖ BƠM/DVF154	332.640	8%
467	6951503501	PLATE, PUMP/DVF154	TẤM GÁ/DVF154	52.800	10%
468	6951503601	TUBE1/DVF154	ỐNG DẪN/DVF154	21.600	8%
469	6951503700	TUBE 2/DVF154	ỐNG DẪN/DVF154	17.280	8%
470	6951503800	TUBE 3/DVF154	ỐNG DẪN/DVF154	12.960	8%
471	6951503900	TUBE4/DVF154	ỐNG DẪN/DVF154	21.600	8%
472	6951504300	BATTERY HOUSING L/DVF154	VỎ PIN TRÁI/DVF154	354.240	8%
473	6951504600	BATTERY HOUSING R/DVF154	VỎ PIN PHẢI/DVF154	194.400	8%
474	6954012004	TANK COMPLETE/DVF154	DÂY ĐEO VAI/DVF154	2.069.280	8%
475	6954015000	CAP COMPLETE/EVH2000	NẮP BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EVH2000	15.120	8%
476	6954021000	STRAINER, SUCTION ASSY/DVF154	LƯỚI LỌC/DVF154	116.640	8%
477	6954022000	CAP COMPLETE/DVF154	NẮP BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/DVF154	254.880	8%
478	6954025000	CUSHION/DVF154	VỎ MÁY/DVF154	164.160	8%
479	6957025012	HOSE COMPLETE/DVF154	ỐNG DẪN/DVF154	319.680	8%
480	6957025020	GRIP/DVF154	ỐNG NỐI/DVF154	90.720	8%
481	6957025040	STRAINER/DVF154	LỌC/DVF154	25.920	8%
482	6957025050	O-RING/DVF154	VÒNG ĐỆM/DVF154	30.240	8%
483	6957025060	CAP, LEVER/DVF154	NẮP XOAY/DVF154	25.920	8%
484	6957029001	HOSE, SPRAY COMPLETE/DVF154	BỘ ĐIỀU CHỈNH LƯU LƯỢNG/DVF154	410.400	8%
485	6957029010	LEVER COMPL/DVF154	CÁN GẠT/DVF154	298.080	8%
486	6974007000	STRAINER SUCTION/EVH2000	LƯỚI LỌC BĂNG THÉP/EVH2000	4.400	10%
487	6974500600	NUT,SUCTION/EVH2000	NÚT GAI ỐNG DẪN/EVH2000	5.400	8%
488	6986502100	JOINT/EVH2000	ỐNG NỐI/EVH2000	2.160	8%
489	020103-015	SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
490	020106-013	SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
491	020127-003	SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	14.080	10%
492	020200-015	SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
493	020200-017	SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
494	020216-005	SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
495	020219-001	SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
496	020228-001	SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
497	020505-003	SET SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	9.350	10%
498	020508-001	SET SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	14.080	10%
499	020600-001	HEX. SOCKET BOLT/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	9.350	10%
500	020601-003	HEX.SOCKET BOLT/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	9.350	10%
501	020608-003	HEX.SOCKET BOLT/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	9.350	10%
502	020613-001	HEX.SOCKET BOLT/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	23.320	10%
503	020614-001	SOCKET HEAD SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	23.320	10%
504	020702-001	COVER SET SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
505	020720-003	SCREW & WASHER/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	9.350	10%
506	020723-007	SCREW & WASHER/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
507	020726-001	PAN HEAD SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
508	021100-011	FLAT WASHER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	4.730	10%
509	021101-025	FLAT WASHER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	4.730	10%
510	021101-027	FLAT WASHER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	4.730	10%
511	021104-023	FLAT WASHER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	4.730	10%
512	021200-001	SPRING WASHER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	4.730	10%
513	021202-003	SPRING WASHER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	4.730	10%
514	021306-001	LOCK WASHER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	4.730	10%
515	021402-001	WAVE WASHER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	14.080	10%
516	022101-001	NUT/SJ401	ĐAI ỐC/SJ401	4.730	10%
517	022804-000	NUT/SJ401	ĐAI ỐC/SJ401	9.350	10%
518	024201-001	PULL NAIL/SJ401	ĐINH TÀN/SJ401	4.730	10%
519	026102-007	PIN/SJ401	CHÓT HÂM/SJ401	4.730	10%
520	026103-015	ROLL PIN/SJ401	CHÓT HÂM/SJ401	4.730	10%
521	026104-001	PIN SPRINGR/SJ401	CHÓT HÂM/SJ401	4.730	10%
522	026104-009	PIN/SJ401	CHÓT HÂM/SJ401	4.730	10%
523	026107-001	PIN/SJ401	CHÓT HÂM/SJ401	4.730	10%
524	026202-007	PIN/SJ401	CHÓT HÂM/SJ401	9.350	10%
525	028935-001	SET SCREW/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	23.320	10%
526	029141-001	SPRING/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	4.730	10%
527	029144-001	COMPRESSION SPRING/SJ401	ỐC VÍT/SJ401	9.350	10%
528	040003009A	SCREW M6X22/HTR5600	ỐC VÍT/HTR5600	39.600	10%
529	040004009A	BLADE SLIDE SCREW/HTR7610	ỐC VÍT/HTR7610	30.800	10%
530	040005-003	HEX WRENCH "L" M3/SJ401	ỐC LỤC GIÁC M3/SJ401	13.824	8%
531	040006-001	HEX WRENCH "L" M4/SJ401	ỐC LỤC GIÁC M4/SJ401	9.180	8%
532	050007-000	BEARING/SJ401	BẠC ĐẠN/SJ401	82.512	8%
533	050012-000	BEARING/SJ401	BẠC ĐẠN/SJ401	119.124	8%
534	050015-100	BEARING/SJ401	BẠC ĐẠN/SJ401	123.660	8%
535	053014-000	BEARING FLANGE/SJ401	VÀNH BAO VỆ BẠC ĐẠN/SJ401	32.670	10%
536	060047-000	SPACER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	4.730	10%
537	060052-000	SPACER/SJ401	VÒNG ĐỆM/SJ401	9.350	10%
538	080171-000	POWER CORD/SJ401	DÂY NGUỒN/SJ401	293.112	8%
539	080408-015	POWER CORD/SJ401	DÂY NGUỒN/SJ401	283.932	8%
540	090042-000	SWITCH/SJ401	CÔNG TẮC/SJ401	155.736	8%
541	1135R-1070001-1	PROTECTIVE CUSHION (LEFT)/AN560	MIẾNG LOGO MAKITA BÊN TRÁI/AN560	177.120	8%
542	1135R-1070002-1	PROTECTIVE CUSHION (RIGHT)/AN560	MIẾNG LOGO MAKITA BÊN PHẢI/AN560	177.120	8%
543	122540-9	WISE ASSY/LS1030N	THÀNH KẾP VẬT LIỆU/LS1030N	238.140	8%
544	122694-2	SHARPENING HOLDER ASS'Y/MT111	BỆ MÀI LƯỚI BẢO/MT111	50.436	8%
545	122695-0	BLADE GAUGE ASSY/DKP181	THƯỚC CANH LƯỚI/DKP181	36.720	8%
546	122735-4	ANGLE RULE ASS'Y/2704	THƯỚC ĐO/2704	938.736	8%
547	122743-5	RULER ASS'Y/2704	THƯỚC CANH/2704	3.004.020	8%
548	122878-2	GRIP ASSEMBLY/HR2300	TAY CÀM/HR2300	210.708	8%
549	122932-2	PROTECTOR ASSEMBLY/EM3400U	NÁP BẢO VỆ LƯỚI CẮT/EM3400U	73.440	8%
550	122965-7	STRAIGHT GUIDE ASSEMBLY/RT0700C	THÀNH CỬ/RT0700C	95.040	8%
551	122A40-5	GEAR ASSEMBLY/HP001G	CỤM NHÔNG/HP001G	2.028.672	8%
552	122A41-3	GEAR ASSEMBLY/DF001G	CỤM NHÔNG/DF001G	1.749.276	8%
553	122A42-1	BRUSH GEAR ASSEMBLY/DVC560	NHÔNG/DVC560	847.152	8%
554	122A72-2	HANDLE LOWER ASSEMBLY/LM002J	TAY CÀM DƯỠI/LM002J	643.720	10%
555	122A74-8	BATTERY HOUSING ASSEMBLY/LM001J	VỎ ĐÈ GAI PIN/LM001J	241.920	8%
556	122A77-2	TANK CAP ASSEMBLY/UC004G	NÁP BÌNH ĐẦU/UC004G	256.500	8%
557	122A91-8	FRONT GRIP ASSEMBLY/DBO380	TAY CÀM TRƯỚC/DBO380	256.500	8%
558	122A94-2	GRIP ASSEMBLY/HR007G	BỘ TAY CÀM/HR007G	407.592	8%
559	122B22-3	GEAR ASSEMBLY/DDF487	CỤM NHÔNG/DDF487	668.628	8%
560	122B23-1	GEAR ASSEMBLY/DHP487	CỤM NHÔNG/DHP487	860.976	8%
561	122B29-9	COWLING UPPER ASSEMBLY/LM001J	NÁP CHỤP TRÊN/LM001J	316.008	8%
562	122B40-1	FAN GUIDE ASSEMBLY/DBO480	TÀM CHÂN BỤI/DBO480	68.688	8%
563	122B46-9	HOSE ASSEMBLY/CE001G	ỐNG DẪN NƯỚC/CE001G	1.415.016	8%
564	122B47-7	CASTER ASSEMBRY/CE001G	BÀNH XE ĐÁY THÂN MÁY/CE001G	357.264	8%
565	122B55-8	DRIVER GUIDE ASSEMBLY/PT001G	ĐẦU MŨI BÀN ĐỊNH/PT001G	2.830.032	8%
566	122B56-6	GEAR ASSEMBLY/PT001G	NHÔNG/PT001G	925.020	8%
567	122B60-5	HOOK ASSEMBLY/PB002G	MÓC TREO/PB002G	389.232	8%
568	122B72-8	NOSEPIECE 6.4 ASSEMBLY/DRV250	BỘ ĐẦU LẬP MŨI 6.4/DRV250	332.640	8%
569	122B84-1	CHANGE LEVER ASSEMBLY/DDF333	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDF333	13.824	8%
570	122B85-9	HOOK ASSEMBLY/JR002G	MÓC TREO/JR002G	293.112	8%
571	122C03-3	PUMP ASSEMBLY/DHW080	CỤM BƠM/DHW080	6.346.836	8%
572	122C19-8	DRIVE UNIT/DLM480	TRỤC BÀNH XE/DLM480	3.164.292	8%
573	122C20-3	DRIVE UNIT/DLM480	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG/DLM480	3.164.292	8%
574	122C26-1	BUZZER SWITCH ASSEMBLY/DCU603	CHUÔNG BAO/DCU603	274.752	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
575	122C28-7	TURNING LOCK L ASSEMBLY/DCU603	ỐC KHÓA MÓ HƯỚNG BÀNH XE TRÁI/DCU603	149.270	10%
576	122C29-5	TURNING LOCK R ASSEMBLY/DCU603	ỐC KHÓA MÓ HƯỚNG BÀNH XE PHẢI/DCU603	149.270	10%
577	122C30-0	DUMP LOCK ASSEMBLY/DCU603	MIẾNG NẾP/DCU603	494.450	10%
578	122C31-8	HOSE CLAMP 110 ASSEMBLY/UB002C	VÒNG KHÓA 110/UB002C	73.332	8%
579	122C32-6	FLAT BUCKET 250 ASSEMBLY/DCU603	THÙNG CHỨA 250/DCU603	8.233.488	8%
580	122C64-3	TORQUE LIMITER ASSEMBLY 230/GA9080	BỘ ĐẦU NHÔNG 230/GA9080	879.228	8%
581	122C65-1	TORQUE LIMITER ASSEMBLY 180/GA7080	BỘ ĐẦU NHÔNG 180/GA7080	870.048	8%
582	122C81-3	CLUTCH ASSEMBLY 8N/DFT087F	CỤM NHÔNG 8N/DFT087F	2.738.448	8%
583	122C83-9	CLUTCH ASSEMBLY 12N/DFT087F	CỤM NHÔNG 12N/DFT087F	2.761.344	8%
584	122C95-2	GEAR ASSEMBLY/HP333D	CỤM NHÔNG/HP333D	773.928	8%
585	122C96-0	MOTOR ASSEMBLY/CL117FD	CỤM MOTOR/CL117FD	432.000	8%
586	122D22-5	DIFFERENTIAL GEAR UNIT/DCU603	BỘ CỤM ĐỘNG CƠ BÀNH XE/DCU603	20.473.668	8%
587	122D28-3	DRIVE UNIT/LM001G	BỘ KHỐI ĐỘNG/LM001G	2.816.208	8%
588	122D38-0	HANDLE LOWER ASSEMBLY/LM001G	TAY CÀM DƯỚI/LM001G	984.170	10%
589	122D39-8	COWLING UPPER ASSEMBLY/LM001G	VỎ MÁY TRÊN/LM001G	361.800	8%
590	122D52-6	COCK ASSEMBLY A/PM001G	VÁN XÁ A/PM001G	425.952	8%
591	122D53-4	COCK ASSEMBLY B/PM001G	VÁN XÁ B/PM001G	448.848	8%
592	122D56-8	GEAR ASSEMBLY/DPV300	CỤM NHÔNG/DPV300	1.805.760	8%
593	122D63-1	GRIP ASSEMBLY/DHR183	TAY CÀM/DHR183	380.160	8%
594	122D65-7	GEAR ASSEMBLY/DHP489	CỤM NHÔNG/DHP489	2.326.320	8%
595	122D66-5	GEAR ASSEMBLY/DDF489	CỤM NHÔNG/DDF489	2.207.196	8%
596	122D67-3	HOOK ASSEMBLY/HS012G	MÓC TREO/HS012G	174.096	8%
597	122D71-2	GEAR CASE ASSEMBLY G/UR013G	ĐẦU NHÔNG/UR013G	1.108.188	8%
598	122D73-8	GEAR CASE ASSEMBLY R/UR013G	ĐẦU NHÔNG/UR013G	975.456	8%
599	122D95-8	COVER S ASSEMBLY/UT001G	VỎ MÁY/UT001G	709.776	8%
600	122E16-6	STRAINER ASSEMBLY/PM001G	BỘ LỌC NƯỚC/PM001G	517.536	8%
601	122E51-4	MOTOR ASSEMBLY/DCU603	CỤM MOTOR/DCU603	40.874.004	8%
602	122E54-8	DRIVE UNIT/LM001G	BỘ KHỐI ĐỘNG/LM001G	2.683.476	8%
603	122E82-3	UPPER HOUSING ASSEMBLY/RM350D	NẮP VỎ MÁY TRÊN/RM350D	572.400	8%
604	122E83-1	LOWER HOUSING ASSEMBLY/RM350D	NẮP DƯỚI VỎ MÁY/RM350D	609.120	8%
605	122E87-3	REAR WHEEL ASSEMBLY/RM350D	BÀNH XE/RM350D	522.072	8%
606	122E94-6	COWLING ASSEMBLY/UV001G	VỎ MÁY/UV001G	1.034.964	8%
607	122E95-4	HANDLE LOWER ASSEMBLY/UV001G	BỘ THANH NƠI TAY CÀM DƯỚI/UV001G	242.550	10%
608	122F16-2	PUMP ASSEMBLY/HW001G	CỤM BƠM/HW001G	5.627.880	8%
609	122F35-8	HOSE CLAMP 110 ASSEMBLY/PM001G	VÒNG KHÓA 110/PM001G	73.332	8%
610	122F46-3	GEAR ASSEMBLY/VS001G	CỤM NHÔNG/VS001G	842.616	8%
611	122F51-0	HANDLE LEVER ASSEMBLE/VS001G	MIẾNG GIỮ TAY CÀM/VS001G	128.304	8%
612	122F56-0	REAR BAG ASSEMBLY/LM004G	BỘ PHÂN CHỮA CỎ/LM004G	705.240	8%
613	122F80-3	GEAR ASSEMBLY/DHP486	CỤM NHÔNG/DHP486	2.541.456	8%
614	122F81-1	GEAR ASSEMBLY/DDF486	HỘP NHÔNG/DDF486	2.234.736	8%
615	122F99-2	MOTOR BRACKET ASSEMBLY/RM350D	GIÁ ĐỖ MÔ TƠ/RM350D	192.348	8%
616	122G00-3	NUT COVER ASSEMBLY/RM350D	CHỤP BẢO VỆ ỐC GIỮ LƯỠI/RM350D	96.228	8%
617	122G01-1	DC MOTOR ASSEMBLY/RM350D	DC MÔ TƠ/RM350D	4.890.672	8%
618	122G23-1	BRUSH GEAR ASSEMBLY/VC010G	GIÁ ĐỖ NHÔNG/VC010G	920.484	8%
619	122G27-3	HOSE CLAMP 120 ASSEMBLY/UB004C	VÒNG KHÓA 120/UB004C	65.340	10%
620	122G28-1	HOSE ASSEMBLY/CE003G	ỐNG DẪN NƯỚC/CE003G	1.268.460	8%
621	122G30-4	HOSE ASSEMBLY/CE004G	ỐNG DẪN NƯỚC/CE004G	1.268.460	8%
622	122G86-7	GEAR ASSEMBLY/PS001G	CỤM NHÔNG/PS001G	1.602.720	8%
623	122H00-9	HEAD ASSEMBLY/DWR180	CỤM ĐẦU SIẾT BU LÔNG/DWR180	1.593.648	8%
624	122H72-4	GEAR CHUCK ASSEMBLY/DHP490	CỤM NHÔNG/DHP490	792.288	8%
625	122H73-2	GEAR CHUCK ASSEMBLY/DHP490	BỘ ĐẦU KHOAN VÀ CỤM NHÔNG/DHP490	682.344	8%
626	122H74-0	GEAR ASSEMBLY/DHP490	BỘ CỤM NHÔNG/DHP490	567.864	8%
627	122H75-8	GEAR ASSEMBLY/DDF490	BỘ CỤM NHÔNG/DDF490	526.608	8%
628	122J18-2	GEAR ASSEMBLY/DF003G/HP003G	CỤM BÀNH RĂNG/DF003G/HP003G	2.268.000	8%
629	122J36-0	TRAY COVER 1 ASSY/BCC01/BCC02	NẮP KHAY 1/BCC01/BCC02	1.053.216	8%
630	122J37-8	TRAY COVER 2 ASSY/BCC01/BCC02	NẮP KHAY 2/BCC01/BCC02	1.053.216	8%
631	122J39-4	CHARGER CASE TOP ASSY/BCC01/BCC02	NẮP BỘ SẠC/BCC01/BCC02	4.189.968	8%
632	122K20-1	GEAR HOUSING COVER ASSEMBLY/JR003G	NẮP VỎ HỘP NHÔNG/JR003G	5.101.920	8%
633	122K21-9	TANK CAP ASSEMBLY/UC030G	NẮP BÌNH XĂNG/UC030G	261.036	8%
634	122K54-4	CURL GUIDE COMPLETE/TR001G	DẪN HƯỚNG DÂY BUỘC THÉP/TR001G	4.734.720	8%
635	122K70-6	TWIST ASSEMBLY/TR001G	CỤM XOÀN DÂY THÉP/TR001G	20.476.800	8%
636	122K71-4	RELEASE LEVER/TR001G	CÁN KHÓA NHÀ DÂY THÉP/TR001G	306.720	8%
637	122K72-2	FEED GEAR BASE ASSEMBLY/TR001G	CỤM ĐỂ ĐỖ BÀNH RĂNG/TR001G	2.354.400	8%
638	123100-0	TOOL HOLDER ASSY/DHR202	BỘ NÔNG THÉP/DHR202	865.512	8%
639	123121-2	COUPLING SLEEVE/EK6101	VÒNG ĐẼM/EK6101	60.480	8%
640	123149-0	ANGLE GUIDE ASSEMBLY/PJ7000	THƯỚC DẪN HƯỚNG GÓC/PJ7000	462.564	8%
641	123191-1	TOOL HOLDER ASSEMBLY/HR2810	NÔNG THÉP/HR2810	851.796	8%
642	123221-8	PISTON C ASSEMBLY/DCG180	PISTON C/DCG180	444.204	8%
643	123269-0	HOOK ASSEMBLY/DHS680	MÓC/DHS680	91.584	8%
644	123283-6	NOZZLE ASSEMBLY/CL183D	VỎI HÚT BỤI/CL183D	34.560	8%
645	123293-3	MOTOR ASSEMBLY/CL107FD	CỤM MOTOR/CL107FD	448.848	8%
646	123294-1	GEAR ASSEMBLY F/DFL651F	BỘ HỘP NHÔNG/DFL651F	5.403.456	8%
647	123299-1	CAM GEAR ASSEMBLY/EK7651H	NHÔNG CAM/EK7651H	399.600	8%
648	123305C2	CLUTCH CPL./EK8100	KHỚP LI HỘP/EK8100	470.880	8%
649	123306-0	FLYWHEEL D=120 CPL/EK8100	MÀM ĐIỆN/EK8100	898.560	8%
650	123307-8	STOP BOLT CPL./EK8100	ỐC VÍT/EK8100	7.700	10%
651	123308-6	HOOD CPL. BLACK/EK8100	NẮP CHỤP BẢO VỆ/EK8100	466.560	8%
652	123309-4	COVER CPL. BLACK PRE-FILTER/EK8100	NẮP ĐẦY CHO TẦM LỌC/EK8100	246.240	8%
653	123310-9	INTAKE MANIFOLD CPL./EK8100	NẮP GÀI BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EK8100	375.840	8%
654	123315-9	STARTER HOUSING BLUE/EK8100	NẮP CHỤP KHỐI ĐỘNG/EK8100	54.000	8%
655	123321-4	FUEL TANK CPL. BLUE/EK8100	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EK8100	103.680	8%
656	123357-3	STARTING DEVICE CPL. BLUE/EK8100	BỘ KHỐI ĐỘNG/EK8100	501.120	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
657	123361-2	BALANCER ASSEMBLY/HM1812	BỘ CÂN BẰNG/HM1812	1.550.880	8%
658	123369-6	PARTS FOR WATER ATTCHMENT KIT/EK8100	CỤM ỐNG NƯỚC/EK8100	794.880	8%
659	123424-4	MOTOR ASS'Y/CL183D	VỎ MOTOR/CL183D	338.904	8%
660	123442-2	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DDF482	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDF482	13.824	8%
661	123443-0	GEAR ASSEMBLY/DHP482	CỤM NHÔNG/DHP482	1.016.604	8%
662	123452-9	AIR FILTER CPL.NYLON/EA4301F	LỌC GIÓ/EA4301F	241.920	8%
663	123455-3	HOOK ASSEMBLY/DJR187	BỘ MÓC GIỮ MÁY/DJR187	149.270	10%
664	123456-1	HOOK ASSEMBLY/DJR360	MÓC GÀI GIỮ MÁY/DJR360	138.240	8%
665	123476-5	FUEL TANK CPL. BLUE/EK6101	BÌNH CHỨA XĂNG/EK6101	686.880	8%
666	123478-1	TOOLLESSBOLT ASSEMBLY/LW1400	CON TẮN TRUỖC/LW1400	359.150	10%
667	123479A9	IGNITION COIL CPL/EK6101	CUỘN ĐIỆN/EK6101	2.177.280	8%
668	123499-3	CLEANER COVER ASSEMBLY/EE2650H	NẮP LỌC GIÓ/EE2650H	82.080	8%
669	123501-2	CLEANER PLATE ASSEMBLY/EE2650H	LỌC GIÓ/EE2650H	401.760	8%
670	123502-0	GEAR ASS'Y/HP331D	CỤM NHÔNG/HP331D	1.222.668	8%
671	123505-4	GEAR ASS'Y/DF031D	CỤM NHÔNG/DF031D	668.628	8%
672	123509-6	GEAR HOUSING L ASSEMBLY/DJR187	VỎ NHÔNG BÊN TRÁI/DJR187	427.680	8%
673	123511-9	GEAR HOUSING L ASSEMBLY/DJR186	VỎ NHÔNG BÊN TRÁI/DJR186	38.880	8%
674	123536-3	TRIGGER ASS'Y/DUP361	LẤY CỎ/DUP361	338.904	8%
675	123559-1	DUST COLLECTOR ASSEMBLY/DSD180	KHUNG CUA HỘP CHỨA BUI/DSD180	494.640	8%
676	123578-7	CYLINDER BLOCK COMPLE/EK7650H	BỘ XY LANH/EK7651H	7.464.960	8%
677	123580-0	ENGINE BLOCK ASSY(FOR SERVICE)/PM7650H	BỘ LỘC MÁY/PM7650H	5.922.720	8%
678	123586-8	LATCH ASSEMBLY/DVC260	NẮP GÀI/DVC260	32.076	8%
679	123587-6	CHANGE LEVER ASS'Y/DDF083	CÁN GẠT CHUYỂN ĐỔI/DDF083	18.360	8%
680	123649-0	ABSORPTION JOINT/HW1300	ỐNG NỒI/HW1300	155.736	8%
681	123660-2	CLEANING PIN/HW1300	CHÓT/HW1300	22.000	10%
682	123738-1	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DDF484	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDF484	59.616	8%
683	123748-8	CRANK SHAFT ASSEMBLY/EB5300TH	TRỤC KHUYU/EB5300TH	1.447.200	8%
684	123749-6	SLIDER ASSEMBLY/DJR360	BỘ LƯỚI GÀI/DJR360	609.120	8%
685	123772-1	CYLINDER HEAD ASSEMBLY/EK7651H	NẮP XI LANH/EK7651H	68.040	8%
686	123774-7	CRANK SHAFT ASSEMBLY/EE2650H	TRỤC KHUYU/EE2650H	786.240	8%
687	123788-6	FUEL TUBE ASSEMBLY/EB5300	ỐNG BƠM XĂNG/EB5300	198.720	8%
688	123820-6	GEAR CASE ASSEMBLY/EM2550UH	VỎ NHÔNG/EM2550UH	78.840	8%
689	123835-3	GEAR CASE ASSEMBLY/RBC413U	BỘ ĐẦU NHÔNG/RBC413U	924.480	8%
690	123845-0	CLEANER PLATE ASSEMBLY/BHX2500	LỌC GIÓ/BHX2500	470.880	8%
691	123847-6	BEARING BOX ASSEMBLY/MT964	NẮP HỘP NHÔNG/MT964	59.616	8%
692	123849-2	MOTOR ASSEMBLY/CL106FD	CỤM MÔ TỎ/CL106FD	453.384	8%
693	123853-1	GEAR CASE ASSEMBLY/DUR369	CỤM NHÔNG/DUR369	1.598.184	8%
694	123857-3	CLUTCH ASSEMBLY/EA4301F	KHỚP LY HỘP/EA4301F	246.240	8%
695	123863-8	RECOIL STARTER ASSEMBLY/EB5300TH	BỘ CHỤP KHÔI ĐỘNG/EB5300TH	254.880	8%
696	123867-0	GEAR ASSEMBLY/DHP483	CỤM NHÔNG/DHP483	796.824	8%
697	123868-8	GEAR ASSEMBLY/DDF483	NHÔNG/DDF483	590.760	8%
698	123869-6	GEAR ASSEMBLY/DDF083	CỤM NHÔNG/DDF083	686.880	8%
699	123885-8	CLUTCH ASSEMBLY/RBC411U	KHỚP LY HỘP/RBC411U	380.160	8%
700	123886-6	BRAKE DRUM ASSEMBLY/UC4051A	CHUÔNG CÓN/UC4051A	540.432	8%
701	123911-3	GEAR ASSY/DF001D	CỤM NHÔNG/DF001D	293.112	8%
702	123913-9	GEAR ASSEMBLY/DF012D	CỤM NHÔNG/DF012D	915.840	8%
703	123934-1	GEAR ASSEMBLY G/DFT127F	CỤM NHÔNG/DFT127F	1.474.524	8%
704	123935-9	GEAR ASSEMBLY H/DFT085F	BỘ HỘP NHÔNG/DFT085F	1.552.392	8%
705	123938-3	CLUTCH ASS'Y 2N/DFT023F	KHỚP LI HỘP 2N/DFT023F	137.160	8%
706	123940-6	CLUTCH ASS'Y 4N/DFT045F	KHỚP LI HỘP 4N/DFT045F	137.160	8%
707	123969-2	GEAR ASSEMBLY A/DFT023F	BỘ NHÔNG/DFT023F	989.172	8%
708	123970-7	GEAR ASSEMBLY B/DFT045F	BỘ NHÔNG/DFT045F	1.208.952	8%
709	123974-9	MOTOR ASSEMBLY/DVC864L	MÔ TỎ/DVC864L	1.685.232	8%
710	123980-4	DUST NOZZLE ASSEMBLY/LS1019L	BỘ ĐẦU NỒI HÚT BUI/LS1019L	32.400	8%
711	123986-2	ENGINE SHORT BLOCK ASSEMBLY/EB5300	CỤM ĐỘNG CỎ/EB5300	4.669.920	8%
712	123992-7	CYLINDER BLOCK ASSEMBLY/EBH340U	BỘ XY LANH/EBH340U	1.607.040	8%
713	123997-7	MOTOR ASSEMBLY/CL111D	CỤM MOTOR/CL111D	572.400	8%
714	125176-3	GEAR ASS'Y/MT062	CỤM NHÔNG/MT062	544.320	8%
715	125182-8	GEAR ASS'Y/BDF450	CỤM NHÔNG/BDF450	1.114.560	8%
716	125189-4	GEAR ASSEMBLY A/DFL400F	CỤM NHÔNG/DFL400F	1.451.628	8%
717	125190-9	GEAR ASSEMBLY B/DFL201F	CỤM NHÔNG B/DFL201F	1.387.584	8%
718	125231-1	GEAR ASS'Y E/DFL301F	CỤM NHÔNG/DFL301F	1.428.732	8%
719	125255-7	ENGINE SHORT BLOCK/DCS232T	BỘ XI LANH/DCS232T	429.840	8%
720	125260-4	RECOILSTARTER ASS'Y/DCS232T	BỘ KHÔI ĐỘNG/DCS232T	527.040	8%
721	125278-5	IGNITION COIL ASS'Y/DCS232T	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/DCS232T	557.280	8%
722	125279-3	CENTER COVER ASS'Y/2704	THANH BAO VẼ/2704	22.680	8%
723	125283-2	GEAR ASS'Y/JR3050T	NHÔNG LỚN/JR3050T	412.128	8%
724	125310-5	SPEED CHANGE LEVER ASS'Y/6261DWE	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/6261DWE	13.824	8%
725	125321-0	HOOK ASS'Y/DJR181	CÁN GIỮ MÁY/DJR181	158.620	10%
726	125353-7	DUCT ASSY/DKP181	ỐNG DẪN/DKP181	146.556	8%
727	125374-9	TORQUE LIMITER ASS'Y/HR5211C	NHÔNG LỚN/HR5211C	2.559.816	8%
728	125375-7	TORQUE LIMITTER ASS'Y/HR4030C	NHÔNG LỚN/HR4030C	2.413.260	8%
729	125377-3	CLUTCH ASS'Y N/DFL201F	CỤM ĐIỀU CHỈNH LỰC N/DFL201F	2.010.312	8%
730	125386-2	TORQUE LIMITTER ASS'Y/HR2810	NHÔNG LỚN/HR2810	586.224	8%
731	125391-9	CLUTCH ASS'Y D/BFT044F	CỤM NHÔNG/BFT044F	2.564.352	8%
732	125392-7	CLUTCH ASS'Y E/DFL651F	BỘ TRỤC NHÔNG/DFL651F	2.073.600	8%
733	125393-5	CLUTCH ASS'Y F/DFT085F	CỤM NHÔNG/DFT085F	2.252.988	8%
734	125394-3	CLUTCH ASS'Y G/DFT127F	BỘ TRỤC NHÔNG/DFT127F	2.193.480	8%
735	125395-1	CLUTCH ASS'Y H/BFL082F	BỘ TRỤC NHÔNG/BFL082F	2.431.620	8%
736	125396-9	CLUTCH ASS'Y I/DFL301F	CỤM ĐIỀU CHỈNH LỰC I/DFL301F	1.918.728	8%
737	125399-3	TORQUE LIMITER ASS'Y/HR3530	NHÔNG LỚN/HR3530	1.419.552	8%
738	125421-6	TORQUE LIMITER ASS'Y/HR3200C	NHÔNG LỚN/HR3200C	1.382.940	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
739	125423-2	GEAR ASS'Y/DJR181	NHÔNG LỚN/DJR181	357.264	8%
740	125463-0	GEAR ASSEMBLY/DF010D	CỤM NHÔNG/DF010D	751.032	8%
741	125465-6	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DF010D	CÁN ĐIỀU CHỈNH CHẾ ĐỘ/DF010D	22.896	8%
742	125468-0	CLEANER PLATE ASSEMBLY/BHX2500	LỌC GIÓ/BHX2500	254.880	8%
743	125472-9	FUEL TANK CAP ASSEMBLY/BHX2500	NÁP BÌNH CHỨA DẦU/BHX2500	103.680	8%
744	125476-1	GEAR CASE ASSEMBLY/EM2550UH	BỘ ĐẦU NHÔNG/EM2550UH	898.560	8%
745	125477-9	CONTROL LEVER/EM2550UH	CÁN ĐIỀU CHỈNH GA/EM2550UH	86.400	8%
746	125478-7	PROTECTOR ASSEMBLY/EM2550UH	TẮM BẢO VỆ/EM2550UH	112.320	8%
747	125483-4	GEAR ASS'Y/DDF453	CỤM NHÔNG/DDF453	613.656	8%
748	125484-2	GEAR ASS'Y/8271D	CỤM NHÔNG/8271D	777.600	8%
749	125485-0	GEAR ASS'Y/DHP453	CỤM NHÔNG/DHP453	892.944	8%
750	125524-6	GEAR HOUSING COVER ASSEMBLY/JR3060T	HỘP NHÔNG/JR3060T	2.019.492	8%
751	125542-4	THUMB SCREW M10X115 ASS'Y/RP2301FC	ỐC VÍT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÂU M10X115/RP2301F	293.920	10%
752	125552-1	CAM GEAR ASSEMBLY/BHX2500	NHÔNG CAM/BHX2500	103.680	8%
753	125554-7	ROCKER ARM ASSEMBLY/BHX2500	TAY CAM/BHX2500	35.200	10%
754	125558-9	HANGER ASSEMBLY/EM3400U	GIÀ TREO/EM3400U	73.440	8%
755	125728-0	FUEL TANK CAP ASSEMBLY/EE2650H	NÁP BÌNH XĂNG/EE2650H	146.880	8%
756	125753-1	RECOIL STARTER ASSEMBLY/EH6000W	CỤM CHỤP GIÚT/EH6000W	466.560	8%
757	125755-7	CYLINDER BLOCK ASSEMBLY/EBH340R	XY LANH/EBH340R	2.134.080	8%
758	125756-5	CRANKSHAFT ASSEMBLY/EBH340R	TRỤC KHUYU/EBH340R	1.343.520	8%
759	125761-2	BAND ASSEMBLY/EBH340U	DÂY ĐEO VAI/EBH340U	259.200	8%
760	125770-1	FUEL TANK CAP ASSEMBLY/EH6000W	NÁP BÌNH XĂNG/EH6000W	19.440	8%
761	125772-7	CONTROL LEVER ASSEMBLY/EH7500S	TAY CÀM ĐIỀU KHIỂN/EH7500S	51.840	8%
762	125796-3	LEAD VALVE ASSEMBLY/RBC411	MIẾNG ĐỆM BÌNH XĂNG/RBC411	206.800	10%
763	125799-7	FUEL TANK CAP ASSEMBLY/RBC411	NÁP BÌNH XĂNG/RBC411	38.880	8%
764	125802-4	BAND ASSEMBLY/EM3400U	DÂY ĐEO VAI/EM3400U	276.480	8%
765	125858-7	SWITCH ASSEMBLY/EH6000W	CÔNG TẮC/EH6000W	24.840	8%
766	125865-0	MOTOR ASS'Y/DCL140	MÔ TƠ/DCL140	558.684	8%
767	125867-6	MOTOR ASS'Y/DCL180	MÔ TƠ/DCL180	425.952	8%
768	125875-7	MOTOR ASSEMBLY/VC3210L	MOTOR/VC3210L	3.045.168	8%
769	125914-3	CYLINDER BLOCK SET/BHX2500	BỘ XY LANH/BHX2500	1.408.320	8%
770	125916-9	INSULATOR ASSY/BHX2500	GIÀ ĐỔ BÌNH XĂNG/BHX2500	138.240	8%
771	125917-7	STARTER COVER ASSY/BHX2500	CHỤP BẢO VỆ/BHX2500	349.920	8%
772	125919-3	STARTER ASSEMBLY/EK7651H	BỘ KHỞI ĐỘNG/EK7651H	1.084.320	8%
773	125920-8	IGNITION COIL/EK7651H	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/EK7651H	902.880	8%
774	125922-4	GEAR CASE ASSEMBLY/EBH340U	BỘ ĐẦU NHÔNG/EBH340U	1.905.120	8%
775	125923-2	CUTTER SHAFT ASSEMBLY/EBH340U	THANH TRỤC TAY CÀM/EBH340U	1.425.600	8%
776	125925-8	CONTROL LEVER ASSEMBLY/EBH340U	THANH ĐIỀU KHIỂN/EBH340U	293.760	8%
777	125926-6	PROTECTOR ASSEMBLY/EBH340U	BỘ LẮM SẠCH/EBH340U	164.160	8%
778	125932-1	MOTOR ASSEMBLY/CL182D	MÔ TƠ MÁY PIN/CL182D	421.308	8%
779	125945-2	CLUTCH DRUM ASSEMBLY/EK7651H	HỘP KHỚP LY HỢP/EK7651H	984.960	8%
780	126000-3	GEAR ASSEMBLY/BDF343	CỤM NHÔNG/BDF343	604.476	8%
781	126001-1	GEAR ASSEMBLY/DHP343	CỤM NHÔNG/DHP343	947.916	8%
782	126005-3	ROCKER ARM ASSEMBLY/EK7651H	TAY CÀM/EK7651H	220.000	10%
783	126006-1	IGNITION COIL ASSEMBLY/EK7651H	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/EK7651H	954.720	8%
784	126029-9	AIR CLEANER PLATE ASSY/EH6000W	HỘP LỌC GIÓ/EH6000W	82.080	8%
785	126046-9	FLYWHEEL ASSEMBLY/EH6000W	MÀM ĐIỆN/EH6000W	276.480	8%
786	126105-9	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DTP141	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DTP141	54.972	8%
787	126135-0	CLUTCH ASSEMBLY/EE2650H	KHỚP LY HỢP/EE2650H	194.400	8%
788	126138-4	TUBE ASSEMBLY/EB7660TH	ỐNG CAO SU/EB7660TH	311.040	8%
789	126165-1	RECOIL/EB7650TH	BỘ KHỞI ĐỘNG/EB7650TH	466.400	10%
790	126179-0	GEAR ASSEMBLY/DHP459	CỤM NHÔNG/DHP459	993.708	8%
791	126180-5	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DDF459	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDF459	18.360	8%
792	126188-9	GEAR ASSEMBLY/DDF459	CỤM NHÔNG/DDF459	604.800	8%
793	126194-4	PUMP ASSEMBLY/DVF154	CỤM MOTOR/DVF154	5.412.636	8%
794	126201-3	BLADE CLAMP ASSEMBLY/JR103D	KẸP GIỮ LƯỠI/JR103D	503.712	8%
795	126211-0	LEAD VALVE ASSEMBLY/RBC413U	ĐỆM VAN BÌNH XĂNG/RBC413U	24.840	8%
796	126212-8	AIR CLEANER ASSEMBLY/RBC413U	BỘ LỌC KHÍ/RBC413U	129.600	8%
797	126231-4	MOTOR ASSEMBLY/CL104D	MÔ TƠ/CL104D	709.776	8%
798	126233-0	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DF030D	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DF030D	36.720	8%
799	126236-4	CONTROL LEVER ASSEMBLY/RBC411U	TAY CÀM/RBC411U	362.880	8%
800	126253-4	GEAR ASSEMBLY/DCG180	CỤM NHÔNG/DCG180	2.546.100	8%
801	126270-4	IGNITION COIL ASSEMBLY/EA3201S	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/EA3201S	933.120	8%
802	126290-8	TORQUE LIMITER ASSEMBLY/HR4013C	NHÔNG LỚN/HR4013C	2.237.760	8%
803	126340-9	IMPACT ASSEMBLY N/DTP141	BỘ ĐẦU NHÔNG/DTP141	5.650.776	8%
804	126342-5	MUFFLER ASSEMBLY/EA3601F	BỘ GIÀM THANH/EA3601F	181.440	8%
805	126343-3	REED VALVE/EA3601F	VAN LƯỠI GA/EA3601F	19.440	8%
806	126344-1	CYLINDER COVER ASSEMBLY/EA3601F	VỎ XY LANH/EA3601F	125.280	8%
807	126345-9	RIGHT HANDLE ASSEMBLY/EA3601F	TAY CÀM PHẢI/EA3601F	557.280	8%
808	126347-5	FUEL PIPE ASSEMBLY/EA3601F	ỐNG DẦU/EA3601F	306.720	8%
809	126349-1	OIL PIPE ASSEMBLY/EA3601F	ỐNG DẦU/EA3601F	4.320	8%
810	126350-6	IGNITION COIL ASSEMBLY/EA3601F	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/EA3601F	583.200	8%
811	126351-4	RECOIL STARTER ASSEMBLY/EA3601F	NÁP CHỤP BƠ KHỞI ĐỘNG/EA3601F	488.160	8%
812	126353-0	GEAR ASSEMBLY/DHP480	CỤM NHÔNG/DHP480	1.034.964	8%
813	126354-8	GEAR ASSEMBLY/DDF480	CỤM NHÔNG/DDF480	723.600	8%
814	126364-5	RECOIL STARTER ASSEMBLY/RBC411	NÁP CHỤP BƠ KHỞI ĐỘNG/RBC411	216.000	8%
815	126370-0	CLEANER ASSEMBLY/EA3601F	LỌC GIÓ/EA3601F	233.280	8%
816	126372-6	CHAIN COVER ASSEMBLY/EA3601F	BẢO VỆ XÍCH/EA3601F	794.880	8%
817	126409-9	GEAR ASSEMBLY/DDF481	CỤM NHÔNG/DDF481	2.037.744	8%
818	126410-4	GEAR ASSEMBLY/DHP481	CỤM NHÔNG/DHP481	2.404.080	8%
819	126411-2	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DDF481	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDF481	22.896	8%
820	126414-6	GEAR CASE ASS'Y/UE001G	CỤM ĐẦU NHÔNG/UE001G	1.515.780	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
821	126415-4	CUTTER SHAFT ASS'Y/EE2650H	CÓT NHÔNG/EE2650H	414.720	8%
822	126429-3	GRASS CATCHER ASSEMBLY M/DLM380	TÚI ĐỰNG CỎ/DLM380	1.049.760	8%
823	126457-8	GRIP ASS'Y/MT860	TAY CÀM/MT860	375.516	8%
824	126459-4	GEAR ASSEMBLY/DF456D	CỤM NHÔNG/DF456D	557.280	8%
825	126476-4	TORQUE LIMITER ASSEMBLY/HR5212C	NHÔNG LỚN (HẠN CHẾ LỰC XOÁN)/HR5212C	2.399.544	8%
826	126493-4	CONTROL LEVER ASSY/HTR5600	THÀNH ĐIỀU KHIỂN/HTR5600	617.760	8%
827	126501-1	RECOIL STARTER ASSEMBLY/EM3400U	NÁP CHỤP BƠ KHÔI ĐỒNG/EM3400U	259.200	8%
828	126502-9	AIR CLEANER PLATE ASSEMBLY/EM3400U	TẦM LỌC GIÓ/EM3400U	133.920	8%
829	126503-7	TUBE ASSEMBLY/EM3400U	ỐNG CAO SU/EM3400U	82.080	8%
830	126504-5	CONTROL LEVER ASS'Y/EM3400U	TAY CÀM/EM3400U	393.120	8%
831	126506-1	GEAR CASE ASSYMBLY/EM3400U	BỘ ĐẦU NHÔNG/EM3400U	907.200	8%
832	126576-0	CRANK SHAFT ASSEMBLY/PM7650H	TRỤC KHUYU/PM7650H	1.702.080	8%
833	126586-7	TUBE ASSEMBLY/EB7650TH	ỐNG CAO SU/EB7650TH	265.680	8%
834	126590-6	WHEEL/DCU180	BÀNH MAM TRƯỚC/DCU180	933.120	8%
835	126614-8	GEAR ASSEMBLY/CP100D	CỤM NHÔNG/CP100D	627.372	8%
836	126622-9	CAMGEAR ASSEMBLY/PM7650H	NHÔNG CAM/PM7650H	453.600	8%
837	126677-4	GEAR HOUSING L ASSEMBLY/DJR360	VỎ NHÔNG BÊN TRÁI/DJR360	432.000	8%
838	126691-0	DUST COVER ASSEMBLY/4100KB	VỎ MÁY CHỤP HÚT BỤI/4100KB	401.760	8%
839	126722-5	SLIDER ASSEMBLY/DJR188	BỘ LƯỚI GÁI/DJR188	514.080	8%
840	126743-7	STOPPER ASSEMBLY/DTR180	ĐỀ GÁI/DTR180	1.138.060	10%
841	126765-7	RELIEF VALVE ASSEMBLY/DHW080	VAN NƯỚC VÀO/DHW080	100.764	8%
842	126792-4	DUST NOZZLE ASS'Y/LS1219L	CỤM ĐẦU HÚT BỤI/LS1219L	457.920	8%
843	126832-8	TANK CAP ASSEMBLY/DUC256	NÁP BÌNH NHỚT/DUC256	270.216	8%
844	126838-6	GEAR ASSEMBLY/DTR180	CỤM NHÔNG/DTR180	1.263.924	8%
845	126840-9	GEAR CASE ASSEMBLY G/UR016G	ĐẦU NHÔNG G/UR016G	1.057.860	8%
846	126846-7	MOTOR ASSEMBLY/CL108FD	CỤM MOTOR/CL108FD	457.920	8%
847	126882-3	GRIP ASSEMBLY/DHR280	CỤM TAY CÀM/DHR280	384.696	8%
848	126899-6	VOLUTE CASE L ASSEMBLY/BHX2500	NÁP CÀNH QUẠT TRƯỚC/BHX2500	324.000	8%
849	126901-5	CENTER COVER ASS'Y/2704	THÀNH BẢO VỆ/2704	480.816	8%
850	126904-9	WHEEL/DCU180	BÀNH MAM TRƯỚC/DCU180	13.618.584	8%
851	126905-7	FRAME ASSEMBLY/DCU180	KHUNG XE/DCU180	6.713.172	8%
852	126911-2	DUST COVER ASSEMBLY/4100KB	NÁP THU BỤI/4100KB	439.668	8%
853	126939-0	HOOK ASSEMBLY/JR3061T	MỐC TREO/JR3061T	187.812	8%
854	126943-9	CYLINDER HEAD COMPLETE/PM7650H	VỎ XY LẠNH/PM7650H	820.800	8%
855	126961-7	GEAR ASSEMBLY/DHP485	CỤM NHÔNG/DHP485	989.172	8%
856	126972-2	FAN UNIT ASSEMBLY/DFJ210	CÀNH QUẠT/DFJ210	496.800	8%
857	126984-5	CUTTING ARM ASSEMBLY/DSC102	HỘP NHÔNG/DSC102	7.839.612	8%
858	127050-1	BALL SCREW/DRV250	TRỤC VÍT/DRV250	22.213.764	8%
859	127051-9	GEAR ASSEMBLY/DRV150	CỤM NHÔNG/DRV150	540.432	8%
860	127061-6	GRASS CATCHER ASSEMBLY/DLM460	BỘ TÚI ĐỰNG CỎ/DLM460	1.360.044	8%
861	127065-8	GEAR ASSEMBLY /DUT130	CỤM NHÔNG/DUT130	1.533.600	8%
862	127066-6	CHANGE LEVER ASSEMBLY/DUT130	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DUT130	41.256	8%
863	127081-0	FRONT TIRE ASSEMBLY/DCU180	LỐP TRƯỚC 430/DCU180	17.263.584	8%
864	127087-8	COVER CPL BLACK PRE-FILTER/EK8100	NÁP ĐẦY CHO TẦM LỌC/EK8100	319.680	8%
865	127090-9	MOTOR ASSEMBLY/CL114FD	CỤM MÔ TƠ/CL114FD	435.024	8%
866	127092-5	REAR TIRE ASSEMBLY/DCU180	CỤM BÀNH SAU/DCU180	2.285.064	8%
867	127098-3	INTAKE MANIFOLD CPL/EK8100	NÁP GÁI BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EK8100	756.000	8%
868	127099-1	GEAR ASSY/DF330D	CỤM NHÔNG/DF330D	663.984	8%
869	127108-6	FUEL TANK CAP ASSEMBLY/BHX2500	NÁP BÌNH CHỨA ĐAU/BHX2500	125.280	8%
870	127110-9	FUEL TANK CAP ASSEMBLY/EH6000W	NÁP BÌNH XĂNG/EH6000W	216.000	8%
871	127112-5	FUEL TANK CAP ASSEMBLY/EE2650H	NÁP BÌNH XĂNG/EE2650H	211.680	8%
872	127125-6	GEAR ASSEMBLY/DDF333	CỤM NHÔNG/DDF333	599.940	8%
873	127126-4	GEAR ASSEMBLY/DDF333	CỤM NHÔNG/DDF333	654.912	8%
874	127127-2	CHANGE LEVER ASSEMBLY/DDF333	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDF333	12.960	8%
875	127139-5	GEAR HOUSING R COMPLETE/JR3061T	HỘP NHÔNG R/RJ3061T	329.724	8%
876	127140-0	GEAR HOUSING L ASSEMBLY/JR3061T	HỘP NHÔNG L/JR3061T4(C4734)	595.296	8%
877	127142-6	BALL SCREW ASSEMBLY/DUP362	TRỤC VÍT/DUP362	19.131.984	8%
878	127219-7	TOOL HOLDER ASSEMBLY/HR2670FT	CỤM ĐẦU GIỮ MŨI/HR2670FT	902.124	8%
879	127220-2	GRIP ASSEMBLY/HR3001C	BỘ TAY CÀM/HR3001C	444.204	8%
880	127221-0	BALL SCREW/DRV150	TRỤC VÍT/DRV150	21.838.248	8%
881	127222-8	GEAR ASSEMBLY/DRV150	CỤM NHÔNG/DRV150	549.504	8%
882	127223-6	NOSEPIECE 6.4 ASSEMBLY/DRV250	ĐẦU LẬP MŨI 6.4/DRV250	414.720	8%
883	127225-2	NOSEPIECE ASSEMBLY 4.8MM/DRV150	ĐẦU LẬP MŨI 4.8MM/DRV150	572.400	8%
884	127236-7	MOTOR ASSEMBLY/CL121D	CỤM MOTOR/CL121D	457.920	8%
885	127238-3	GEAR CASE ASSEMBLY G/UR012G	BỘ ĐẦU NHÔNG/UR012G	4.634.172	8%
886	127274-9	DUST NOZZLE ASSEMBLY/DLS211	BỘ KHỚP NỐI HÚT BỤI BÊN DƯỚI/DLS211	384.696	8%
887	127276-5	REAR BAG ASS'Y M/DLM431	TÚI ĐỰNG CỎ/DLM431	1.274.400	8%
888	127282-0	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DUT130	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DUT130	160.272	8%
889	127291-9	DRIVER GUIDE ASSEMBLY/DFN350	NÁP CHỤP THANH DẪN ĐỊNH/DFN350	3.381.400	10%
890	127297-7	HEAD ASSEMBLY/WR100D	ĐẦU KHOAN/WR100D	1.473.120	8%
891	127320-8	CLUTCH ASSEMBLY U/DFL020F	BỘ KHỚP LY HỢP/DFL020F	2.133.972	8%
892	127321-6	ANGLE HEAD ASSEMBLY/DFL020F	BỘ ĐẦU ĐỀ SIẾT BÚ LÔNG GÓC/DFL020F	7.766.388	8%
893	127322-4	CLUTCH ASSEMBLY V/DFL020F	BỘ KHỚP LY HỢP/DFL020F	2.179.764	8%
894	127324-0	GEAR ASSEMBLY/DDF485	CỤM NHÔNG/DDF485	686.880	8%
895	127330-5	GEAR ASSEMBLY M/DFL020F	CỤM NHÔNG/DFL020F	1.259.280	8%
896	127344-4	HOOK ASSEMBLY/DHK180	MỐC TREO/DHK180	328.320	8%
897	127355-9	GEAR ASSEMBLY/HP0300	CỤM NHÔNG/HP0300	792.288	8%
898	127356-7	GEAR ASSEMBLY/DF0300	CỤM NHÔNG/DF0300	595.296	8%
899	127357-5	CHANGE LEVER ASSEMBLY/DF0300	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DF0300	13.824	8%
900	127386-8	REAR BAG ASSEMBLY M/DLM432	BỘ KHUNG VÀ TÚI CHỨA CỎ/DLM432	764.640	8%
901	127387-6	COWLING M ASSEMBLY/DLM432	NÁP CHỤP TRÊN/DLM432	311.040	8%
902	127392-3	REAR BAG ASSEMBLY M/DLM382	BỘ KHUNG VÀ TÚI CHỨA CỎ/DLM382	691.200	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
903	127393-1	COWLING M ASSEMBLY/DLM382	NÁP CHỤP TRÊN/DLM382	315.360	8%
904	127397-3	SLIDER ASSEMBLY/DJR186	BỘ LƯỚI GAI/DJR186	650.268	8%
905	127399-9	GEAR HOUSING COVER ASSEMBLY/JR3050T	VỎ NHÔNG/JR3050T	1.062.396	8%
906	127400-0	GEAR HOUSING COVER ASSEMBLY/JR3060T	CỤM NHÔNG/JR3060T	1.758.456	8%
907	127412-3	GRASS CATCHER ASSEMBLY/DLM533	TÚI ĐỰNG CỎ/DLM533	1.049.760	8%
908	127424-6	FAN COVER ASSEMBLY/DUB363	VỎ BẢO VỆ QUẠT/DUB363	174.096	8%
909	127428-8	SPINDLE ASSEMBLY/DGA419	TRỤC NHÔNG/DGA419	1.758.456	8%
910	127430-1	SPINDLE ASSEMBLY/DLM160	BỘ TRỤC QUAY/DLM160	343.440	8%
911	127433-5	GRASS CATCHER ASSEMBLY/DLM462	TÚI ĐỰNG CỎ/DLM462	1.250.208	8%
912	127443-2	CLUTCH ASSEMBLY/EA4301F	KHỚP LY HỢP/EA4301F	151.200	8%
913	127457-1	CASTER 210 ASSEMBLY/DCU603	BÀNH XE 210/DCU603	12.675.312	8%
914	127458-9	BRAKE LEVER ASSEMBLY/DCU603	BỘ DÂY THẮNG/DCU603	1.456.272	8%
915	127468-6	HOOK ASSEMBLY/JR001	MỐC TREO/JR001	210.708	8%
916	127473-3	JAW PUSHER 4.5 ASSEMBLY/DRV250	THANH ĐÁY ĐINH 4.5/DRV250	142.020	8%
917	127475-9	JAW PUSHER 3.6 ASSEMBLY/DRV150	THANH ĐÁY ĐINH 3.6/DRV150	142.020	8%
918	127480-6	LATCH ASSEMBLY/DVC660	NÁP GAI/DVC660	36.720	8%
919	127491-1	HOSE ASSEMBLY/DCE090	ỐNG DẪN NƯỚC/DCE090	1.176.876	8%
920	127494-5	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/HP001G	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HP001G	32.076	8%
921	127499-5	GEAR ASSEMBLY/DHP484	CỤM NHÔNG/DHP484	1.593.648	8%
922	127500-6	GEAR ASSEMBLY/DDF484	BỘ HỘP NHÔNG/DDF484	1.103.652	8%
923	127502-2	BENT PIPE 90 ASSMBLY/DUB363	ỐNG DẪN BỤI 90/DUB363	439.668	8%
924	127509-8	DRIVE UNIT ASSEMBLY/DLM462	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DLM462	3.219.264	8%
925	127510-3	DRIVE UNIT ASSEMBLY/DLM533	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DLM533	3.219.264	8%
926	127511-1	GEAR ASSEMBLY/DDF482	CỤM NHÔNG/DDF482	581.580	8%
927	127513-7	REAR WHEEL ASSEMBLY/DLM533	BÀNH XE SAU/DLM533	599.940	8%
928	127514-5	FRONT WHEEL ASSEMBLY/DLM533	BÀNH XE TRƯỚC/DLM533	641.088	8%
929	127515-3	MULCHING PLUG ASSEMBLY/DLM462	ĐẦU NÓI TÚI ĐỰNG CỎ/DLM462	384.696	8%
930	127516-1	MULCHING PLUG ASSEMBLY/DLM530	KHAY CHỨA CỎ/DLM530	320.544	8%
931	127521-8	BOTTOM PLATE ASSEMBLY/DVC560	BỘ TẮM CHẶN DƯỚI/DVC560	425.952	8%
932	127522-6	PIPE ASSEMBLY/DVC560	TAY CÀM ỐNG HÚT BỤI/DVC560	549.504	8%
933	127538-1	CRANKSHAFT COMPLETE/EK7651H	TRỤC KHUỠY/EK7651H	1.468.800	8%
934	127550-1	MULCHING PLUG ASSEMBLY/DLM533	ĐẦU NÓI TÚI ĐỰNG CỎ/DLM533	476.280	8%
935	127600-2	JOINT/DUB186	KHỚP NỐI/DUB186	137.376	8%
936	127601-0	HOOK ASSEMBLY/DPB183	MỐC TREO/DPB183	219.888	8%
937	127602-8	MOTOR ASSEMBLY/DVC156	CỤM MOTOR/DVC156	1.708.128	8%
938	127641-8	DAMPER SHAFT ASBLY/DUA300/DUA301	TRỤC NHÔNG/DUA300/DUA301	696.060	8%
939	127653-1	MOTOR ASSEMBLY/DVC157	CỤM MOTOR/DVC157	1.717.200	8%
940	127654-9	MOTOR ASSEMBLY/DCL184	MOTOR/DCL184	457.920	8%
941	127668-8	HARNESS ASSEMBLY/PDC1200	BỘ DÂY ĐEO VAI/PDC1200	1.813.428	8%
942	127672-7	DUST NOZZLE ASSY/DSL801	ỐNG THU BỤI/DSL801	174.096	8%
943	127679-3	CLUTCH ASS'Y 6N/DFT060F	KHỚP LY HỢP 6N/DFT060F	2.289.600	8%
944	127680-8	CLUTCH ASSEMBLY 6M/DFT024F	BỘ TRỤC NHÔNG 6M/DFT024F	2.642.220	8%
945	127681-6	GEAR ASSEMBLY N/DFT024F	CỤM NHÔNG N/DFT024F	1.067.040	8%
946	127682-4	GEAR ASSEMBLY O/DFT024F	CỤM NHÔNG O/DFT024F	1.250.208	8%
947	127683-2	SLIDER ASSEMBLY/JR3061T	ỐNG TRƯỢT/JR3061T	544.968	8%
948	127688-2	PIPE GRIP ASSEMBLY/DDG460	BỘ KẸP GIỮ TAY CÀM/DDG460	2.052.160	10%
949	127692-1	DUST NOZZLE ASSEMBLY/LS002G	BỘ ĐẦU KẾT NỐI HÚT BỤI/LS002G	425.952	8%
950	127693-9	WISE ASSEMBLY/LS002G	KẸP VẬT LIỆU/LS002G	357.264	8%
951	127699-7	GEAR ASSEMBLY/DDF486	CỤM NHÔNG/DDF486	1.421.280	8%
952	127710-5	GEAR CASE ASSEMBLY US/EM409MP	CỤM NHÔNG/EM409MP	934.200	8%
953	127711-3	GEAR CASE ASSEMBLY US/EM408MP	ĐẦU HỘP NHÔNG/EM408MP	1.076.112	8%
954	127720-2	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DPV300	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DPV300	77.868	8%
955	127729-4	GEAR ASSEMBLY/DF002G	CỤM NHÔNG/DF002G	1.561.572	8%
956	127730-9	GEAR ASSEMBLY/DF002G	CỤM NHÔNG/DF002G	1.167.696	8%
957	127731-7	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DF002G	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DF002G	32.076	8%
958	127732-5	GEAR ASSEMBLY/DF488D	CỤM NHÔNG/HP488D	746.496	8%
959	127734-1	GEAR ASSEMBLY/DF488D	CỤM NHÔNG/DF488D	432.000	8%
960	127745-6	GEAR ASSEMBLY/HP333D	CỤM NHÔNG/HP333D	527.040	8%
961	127750-3	DUST COVER ASSEMBLY A/DCC500	BỘ GẮN HÚT BỤI/DCC500	311.472	8%
962	127754-5	SPEED CHANGE LEVER ASSEMBLY/DF488D	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DF488D	27.540	8%
963	127758-7	CHANGE LEVER ASSEMBLY/DHP487	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHP487	13.824	8%
964	127760-0	GEAR ASSEMBLY/FN001G	BỘ NHÔNG/FN001G	457.920	8%
965	127761-8	DRIVER GUIDE ASSEMBLY/FN001G	BỘ THANH DẪN ĐINH/FN001G	3.086.424	8%
966	127762-6	CENTER PLATE ASSEMBLY/DPT353	THANH DẪN ĐINH/DPT353	824.256	8%
967	127763-4	ADJUSTER ASSEMBLY/FN001G	NÚT VẤN BĂNG NHỰA/FN001G	96.228	8%
968	127771-5	HOOK ASSEMBLY/RS001G	MỐC TREO/RS001G	196.992	8%
969	127809-6	GEAR CASE COMPLETE/DA001G	VỎ HỘP NHÔNG/DA001G	691.524	8%
970	127811-9	HOOK ASSEMBLY/DA001G	MỐC TREO/DA001G	609.120	8%
971	127823-2	TORQUE LIMITER ASSEMBLY/HR006G	BỘ NHÔNG/HR006G	2.408.724	8%
972	127838-9	TOP COVER ASSEMBLY/DRC300	NÁP CHỤP TRÊN/DRC300	1.708.128	8%
973	132027-3	DRUM ASS'Y/1804N	TRỤC LƯỚI BẢO/1804N	2.560.800	10%
974	133014-5	LEVER 98 ASS'Y/4107R	CÀN GẠT 98/4107R	270.600	10%
975	133018-7	WATER SUPPLY ASS'Y/4107R	ỐNG DẪN NƯỚC/4107R	306.828	8%
976	133172-7	BASE ASS'Y/5201N	ĐẾ CỬA MÁY CỬA Đĩa/5201N	1.641.200	10%
977	133173-5	BASE ASS'Y/5103N	ĐẾ CỬA MÁY CỬA Đĩa/5103N	2.371.600	10%
978	133324-0	GEAR HOUSING ASS'Y/9207SPB	ĐẦU HỘP NHÔNG/9207SPB	1.062.396	8%
979	134205-1	STOPPER ASS'Y/3612BR	CHÓT CHẶN/3612BR	471.130	10%
980	134645-3	BASE ASS'Y/9045B	ĐẾ MÁY CHÀ NHẠM/9045B	1.515.780	8%
981	134788-1	GEAR HOUSING ASS'Y/6922NB	ĐẦU HỘP NHÔNG/6922NB	2.092.716	8%
982	134790-4	GEAR ASS'Y/6922NB	NHÔNG NHỎ/6922NB	2.010.312	8%
983	134997-2	EXTENSION BAR 19 ASS'Y	KHỚP NỐI 19	1.710.720	8%
984	134998-0	UNIVERSAL JOINT 19 ASS'Y	KHỚP NỐI	3.257.280	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
985	135050-7	KNOB L SET/MT360	NÁP CÀN GẠT/MT360	41.256	8%
986	135051-5	KNOB R SET/MT360	NÁP CÀN GẠT/MT360	41.256	8%
987	135060-4	ROD ASSY/4350CT	TRỤC MÁY/4350CT	1.250.040	10%
988	135283-4	SIDE HANDLE 90 ASSEMBLY/HR5212C	TAY CÀM/HR5212C	1.054.130	10%
989	135375-9	CYLINDER BLOCK ASSEMBLY/EM2550UH	XILANH/EM2550UH	1.537.920	8%
990	135384-8	CONTROLLER ASSY/UH200D	BỘ MẠCH/UH200D	810.540	8%
991	135395-3	HANDLE HOLDER ASSY/BUR182U	ĐỀ TAY CÀM/BUR182U	14.300	10%
992	135405-6	MOTOR ASSEMBLY/CL100D	MÔ TƠ/CL100D	348.084	8%
993	135414-5	CAP ASSY/UC3020A	NÁP BÌNH CHỨA DẦU/UC3020A	18.360	8%
994	135416-1	BASE ASSEMBLY/HS301D	ĐỀ CUA MÁY CỬA ĐĨA/HS301D	160.272	8%
995	135473-9	ANVIL ASSEMBLY/TW100D	CÓT MÁY/TW100D	201.528	8%
996	135478-9	CYLINDER BLOCK ASSEMBLY/EE2650H	BỘ XY LANH/EE2650H	1.404.000	8%
997	135482-8	ROD ASSY/JV0600	TAY BIÊN/JV0600	1.153.980	8%
998	135486-0	SUPPORT ASSY/5806B	Ó GHIM CHỐI THAN/5806B	158.620	10%
999	135503-6	BASE ASSY/CC300D	ĐỀ MÁY CỬA/CC300D	274.752	8%
1000	135504-4	GEAR CASE ASSY/DTP141	HỘP NHÔNG/DTP141	618.192	8%
1001	135505-2	HAMMER CASE ASSY/DTP141	HỘP NHÔNG/DTP141	609.120	8%
1002	135506-0	MOTOR BRACKET ASSY/DTP141	NÁP HỘP NHÔNG/DTP141	302.292	8%
1003	135508-6	TORQUE LIMITER ASSY/HR4002	NHÔNG LỚN/HR4002	2.138.508	8%
1004	135509-4	WISE ASSY/LW1401	BỘ NẾP/LW1401	403.056	8%
1005	135539-5	CRANKSHAFT ASSEMBLY/BHX2500	TRỤC KHUYU/BHX2500	712.800	8%
1006	135554-9	SPINDLE ASSEMBLY/VC3211M	TRỤC NHÔNG/VC3211M	128.304	8%
1007	135555-7	COUPLING ASSY/GA4040	BỘ NHÔNG LỚN/GA4040	599.940	8%
1008	135556-5	COUPLING ASSY/PCS010C	CỤM NHÔNG/PCS010C	613.656	8%
1009	135558-1	CRANKCASE ASSEMBLY/RBC411U	HỘP SÓ/RBC411U	1.447.200	8%
1010	135561-2	ANVIL E ASSEMBLY/BTW074	TRỤC/BTW074	137.610	10%
1011	135562-0	CYLINDER BLOCK ASSEMBLY/EVH2000	XY LANH/EVH2000	1.494.720	8%
1012	135602-4	ROD ASSY/DJV181	BỘ GIỮ MŨI/DJV181	925.020	8%
1013	135614-7	HANDLE HOLDER ASSY/RBC411U	ĐỀ TAY CÀM/RBC411U	14.040	8%
1014	135615-5	SPUR GEAR 43 ASSY/UC3041A	NHÔNG 43/UC3041A	251.856	8%
1015	135629-4	SIDE GRIP ASSEMBLY/HR5212C	TAY CÀM/HR5212C	783.640	10%
1016	135631-7	CYLINDER BLOCK ASSEMBLY/EB7650TH	XI LANH/EB7650TH	4.125.600	8%
1017	135647-2	CRANK CASE ASSY/EM3400U	LỐC MÁY/EM3400U	596.160	8%
1018	135660-0	ENGINE CASE ASSY/EA3601F	HỘP ĐỘNG CƠ/EA3601F	617.760	8%
1019	135668-4	SHORT BLOCK ASSY 25.4CC/EE2650H	LỐC MÁY/EE2650H	2.687.040	8%
1020	135669-2	TOOL HOLDER ASSY/HM1812	BỘ ĐẦU GAI MŨI ĐỤC/HM1812	11.516.688	8%
1021	135696-9	SLIDE PIPE ASSEMBLY/DX01	BỘ ỐNG TRƯỢT/DX01	833.760	8%
1022	135708-8	WISE ASSY/LW1400	BỘ NẾP/LW1400	476.280	8%
1023	135718-5	INTERNAL GEAR CASE ASSY/DTW1001	NÁP HỘP NHÔNG/DTW1001	526.608	8%
1024	135739-7	CYLINDER BLOCK ASSY/EB7650TH	XY LANH/EB7650TH	1.594.080	8%
1025	135771-1	INLET ASSY/DVC260	TẮM ĐỊNH VỊ/DVC260	54.972	8%
1026	135785-0	CYLINDER HEAD ASSY/EK7651H	NÁP XI LANH/EK7651H	1.451.520	8%
1027	135794-9	CYLINDER ASSY/EK8100	XI LANH/EK8100	6.804.000	8%
1028	135796-5	ANVIL E ASSEMBLY/DTW190	CÓT MÁY/DTW190	196.992	8%
1029	135803-4	ANVIL E ASSY/DTW1001	CÓT MÁY/DTW1001	1.506.600	8%
1030	135804-2	ANVIL W ASSY/DTW1002	CÓT MÁY/DTW1002	1.300.536	8%
1031	135824-6	ANVIL E ASSY/DTW280	CÓT MÁY/DTW280	847.152	8%
1032	135838-5	FUEL SUCTION LINE ASSEMBLY/EB5300TH	ỐNG NÁP DẦU/EB5300TH	198.720	8%
1033	135841-6	WISE ASSY/MT243	BỘ THANH KÉP VẬT LIỆU (ETO)/MT243	389.232	8%
1034	135855-5	SPUR GEAR ASSEMBLY/DPT353	NHÔNG LỚN/DPT353	181.440	8%
1035	135857-1	CONTACT ARM ASSY/DPT353	THANH TIẾP XÚC/DPT353	462.564	8%
1036	135882-2	BEARING BOX ASSY/UH3502	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/UH3502	77.760	8%
1037	135883-0	HELICAL GEAR 47 ASSY/UH201D	NHÔNG/UH201D	64.152	8%
1038	135892-9	ANGLE HEAD ASSY/TL064D	ĐẦU HỘP NHÔNG/TL064D	3.365.712	8%
1039	135893-7	CYLINDER BLOCK COMPLETE ASSY/EB5300TH	XI LANH/EB5300TH	2.047.680	8%
1040	135894-5	CAM GEAR ASSY/EB5300TH	NHÔNG CAM/EB5300TH	90.720	8%
1041	135897-9	MAGAZINE ASSY/DPT353	Ổ CHỨA ĐINH/DPT353	1.630.260	8%
1042	135899-5	SPINDLE ASSY/TL064D	TRỤC NHÔNG/TL064D	796.824	8%
1043	135900-6	CONTROLLER ASSY/DSP600	BỘ MẠCH/DSP600	372.600	8%
1044	135916-1	GEAR HOUSING COVER ASSY/DGA700	NÁP HỘP NHÔNG/DGA700	138.240	8%
1045	135917-9	BEARING BOX ASSY/DGA700	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DGA700	174.096	8%
1046	135918-7	GEAR HOUSING ASSY/DGA700	ĐẦU HỘP NHÔNG/DGA700	485.460	8%
1047	135919-5	GUARD PIPE ASSY/DGA700	KHUNG BẢO VỆ/DGA700	436.320	8%
1048	135920-0	HANDLE SWITCH LEVER ASSY/DGA700	BỘ TAY CÀM/DGA700	31.320	8%
1049	135922-6	GEAR ASSEMBLY/DA333D	CỤM NHÔNG/DA333D	19.440	8%
1050	135929-2	GEAR HOUSING ASSEMBLY/DGA413	CỤM ĐẦU NHÔNG/DGA413	334.368	8%
1051	135930-7	GEAR HOUSING COVER ASSEMBLY/DGA413	NÁP CHỤP HỘP NHÔNG/DGA413	105.408	8%
1052	135932-3	ANVIL ASSY/TW140D	CÓT MÁY/TW140D	142.020	8%
1053	135933-1	TOOL HOLDER ASSY/HR140D	CỤM NÔNG THÉP/HR140D	663.984	8%
1054	135934-9	BATTERY BOX ASSY/DCU180	HỘP ĐUNG PIN/DCU180	467.100	8%
1055	135935-7	CONTROLLER ASSEMBLY/DGA700	BỘ MẠCH/DGA700	3.430.080	8%
1056	135941-2	BLADE GUIDE ASSY/JV103D	BỘ ĐẦU GAI/JV103D	746.496	8%
1057	135947-0	BEARING BOX ASSEMBLY/HS7010	NÁP HỘP NHÔNG/HS7010	68.688	8%
1058	135948-8	BEARING BOX ASSEMBLY/4100KB	NÁP HỘP NHÔNG/4100KB	84.040	10%
1059	135949-6	BEARING BOX ASSEMBLY/DGA413	HỘP NHÔNG/DGA413	149.270	10%
1060	135950-1	PROTECTOR ASSY/UR100D	NÁP BẢO VỆ/UR100D	164.916	8%
1061	135952-7	PIPE24 ASSY/UR100D	TAY CÀM/UR100D	279.840	10%
1062	135955-1	PIPE ASSY/DUR189	TAY CÀM DẠNG ỐNG/DUR189	629.640	10%
1063	135958-5	SLIDE LEVER B ASSY/DX08	NÚT NHẤN/DX08	151.200	8%
1064	135959-3	SLIDE PIPE ASSY/DX08	BỘ ỐNG TRƯỢT HÚT BỤI/DX08	599.940	8%
1065	135961-6	CHANGE LEVER ASSY/DHR280	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ BĂNG NHỰA/DHR280	36.720	8%
1066	135962-4	INNER HOUSING ASSY/DHR280	HỘP NHÔNG/DHR280	595.296	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1067	135966-6	TOOL HOLDER ASSY/DHR280	BỘ NÔNG THÉP/DHR280	870.048	8%
1068	135967-4	GEAR ASSEMBLY/DUR189	CỤM BÁNH RĂNG/DUR189	210.708	8%
1069	135968-2	SPUR GEAR 30A ASSEMBLY/DTR180	NHÔNG 30/DTR180	792.288	8%
1070	135969-0	SPUR GEAR 30B ASSEMBLY/DTR180	NHÔNG 30/DTR180	1.053.216	8%
1071	135973-9	CONTROLLER ASSY/DSP600	BỘ MẠCH/DSP600	5.197.392	8%
1072	135977-1	GEAR ASSEMBLY/DA332D	NHÔNG NHỎ 6/DA332D	352.620	8%
1073	135992-5	GUARD PIPE ASSY/DGA700	KHUNG BẢO VỆ/DGA700	5.041.850	10%
1074	135993-3	BEARING BOX ASSEMBLY/DHS660	NÁP HỘP NHÔNG/DHS660	68.688	8%
1075	135999-1	DC MOTOR ASSY/DTR180	CỤM MOTOR /DTR180	2.417.904	8%
1076	136012-8	BEARING BOX/GA4040C	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA4040C	96.228	8%
1077	136013-6	GEAR HOUSING/GA4040	HỘP NHÔNG/GA4040	384.696	8%
1078	136014-4	GEAR CASE ASSEMBLY/EM2550UH	BỘ ĐẦU NHÔNG/EM2550UH	1.378.080	8%
1079	136021-7	BEARING BOX ASSY/DHS780	NÁP HỘP NHÔNG/DHS780	77.868	8%
1080	136022-5	HANDLE SWITCH LEVER ASS'Y/DGA701	TAY CẦM/DGA701	36.720	8%
1081	136029-1	BEARING BOX ASSY/DLW140	NÁP HỘP NHÔNG/DLW140	74.690	10%
1082	136030-6	ANVIL E ASSY/DTW181	CÓT MÁY/DTW181	174.096	8%
1083	136038-0	ANVIL ASS'Y/TW060D	CÓT MÁY/TW060D	164.160	8%
1084	136039-8	SLIDE PIPE ASS'Y/DX05	ỐNG TRƯỢT HÚT BỤI/DX05	512.892	8%
1085	136040-3	CHANGE LEVER ASSY/DHR182	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR182	45.792	8%
1086	136041-1	TOOL HOLDER ASSY/DHR182	BỘ NÔNG THÉP/DHR182	492.480	8%
1087	136042-9	CAM SHAFT ASSY/DHR182	BỘ TRỤC NHÔNG/DHR182	902.124	8%
1088	136043-7	GEAR HOUSING ASSY/DHR182	HỘP NHÔNG/DHR182	751.032	8%
1089	136063-1	ANVIL ASS'Y/DTD171	CÓT MÁY/DTD171	595.296	8%
1090	136069-9	DUST BOX ASSEMBLY/DCS553	HỘP CHỨA BỤI/DCS553	572.400	8%
1091	136091-6	MOTOR ASS'Y/DCL280F	MÔ TÔ/DCL280F	2.619.324	8%
1092	136092-4	MOTOR ASS'Y/DCL280F	MÔ TÔ/DCL280F	2.619.324	8%
1093	136095-8	INLET ASS'Y/DCL280F	ĐẦU THU BỤI/DCL280F	54.972	8%
1094	136096-6	CAPSULE COMPLETE ASS'Y/DCL280F	CHỤP BẢO VỆ TÚI BỤI/DCL280F	174.096	8%
1095	136100-1	DUST BOX COVER ASS'Y/CL121D	NÁP CHỤP/CL121D	91.584	8%
1096	136104-3	SPUR GEAR ASSEMBLY/DFN350	NHÔNG/DFN350	172.800	8%
1097	136105-1	CAPSULE ASS'Y/DCL280F	CHỤP BẢO VỆ TÚI BỤI/DCL280F	201.528	8%
1098	136106-9	BLUE DUST CAPSULE/DCL280F	NÁP BỤI MÀU XANH/DCL280F	181.440	8%
1099	136107-7	INLET ASS'Y/DCL280F	ĐẦU THU BỤI/DCL280F	64.152	8%
1100	136108-5	SPINDLE ASS'Y/MT980	TRỤC NHÔNG/MT980	714.420	8%
1101	136117-4	ANVIL N ASSY/DTDA040	TRỤC CÓT MÁY N/DTDA040	3.144.960	8%
1102	136118-2	ANVIL E 9.5 ASSY/DTDA040	TRỤC CÓT MÁY E 9.5/DTDA040	4.451.004	8%
1103	136119-0	ANVIL E 12.7 ASSY/DTDA040	TRỤC CÓT MÁY E 12.7/DTDA040	2.550.636	8%
1104	136121-3	ANVIL JN 12.7 ASSY/DTDA040	TRỤC CÓT MÁY JN 12.7/DTDA040	2.417.904	8%
1105	136122-1	SPROCKET COVER ASS'Y B/DUC254	NÁP ỐP LAM XÍCH B/DUC254	242.784	8%
1106	136123-9	SPROCKET COVER ASS'Y/DUC254	MẶT ỐP LAM XÍCH/DUC254	283.932	8%
1107	136124-7	GEAR ASSEMBLY/DGP180	CỤM NHÔNG/DGP180	1.081.836	8%
1108	136128-9	PUMP HOUSING ASSY/DGP180	VỎ CỤM BOM/DGP180	966.276	8%
1109	136138-6	SPROCKET COVER ASS'Y/DUC256	MẶT ỐP LAM XÍCH/DUC256	265.680	8%
1110	136141-7	BEARING BOX A ASS'Y/GA4050	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA4050	238.140	8%
1111	136142-5	BEARING BOX B ASS'Y/GA4050	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA4050	242.784	8%
1112	136144-1	GEAR HOUSING B ASS'Y/GA4050	CỤM ĐẦU HỘP NHÔNG/GA4050	370.980	8%
1113	136154-8	TOOL HOLDER ASSY/DHR182	BỘ NÔNG THÉP/DHR182	686.880	8%
1114	136171-8	HAMMER CASE COVER ASSY/TD001G	VỎ CHỤP ĐẦU KHOAN/TD001G	73.332	8%
1115	136173-4	DUST NOZZLE ASS'Y/DHS900	ỐNG DẪN PHOI/DHS900	59.616	8%
1116	136179-2	SLIDE LEVER B ASSY/DX12	NÚT KHÓA TRƯỢT B/DX12	151.200	8%
1117	136180-7	SLIDE PIPE ASSY/DX12	BỘ ỐNG TRƯỢT HÚT BỤI/DX12	609.120	8%
1118	136190-4	GEAR HOUSING COVER ASS'Y/GA003	VỎ NHÔNG/GA003	132.840	8%
1119	136192-0	BEARING BOX ASS'Y/DHS900	NÁP HỘP VÒNG BỊ/DHS900	100.764	8%
1120	136194-6	INNER HOUSING ASS'Y/HR001G	VỎ MÁY TRONG/HR001G	595.296	8%
1121	136197-0	BEARING BOX ASS'Y/GA003	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA003	103.680	8%
1122	136198-8	GEAR HOUSING ASS'Y/GA003	VỎ NHÔNG/GA003	430.488	8%
1123	136199-6	BEARING BOX ASS'Y/DGA419	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DGA419	130.680	10%
1124	136204-9	ANVIL N ASS'Y/TD001G	CÓT MÁY/TD001G	187.812	8%
1125	136209-9	GEAR HOUSING ASS'Y/DGA419	ĐẦU HỘP NHÔNG/DGA419	435.024	8%
1126	136218-8	BATTERY UPPER ASSY/DCE090	VỎ HỘP PIN/DCE090	416.772	8%
1127	136219-6	HOUSING ASSY/DCE090	VỎ MÁY/DCE090	2.120.256	8%
1128	136224-3	SLIDER ASS'Y/JR001	BỘ THANH TRƯỢT/JR001	686.880	8%
1129	136229-3	KEYLESS DRILL CHUCK ASS'Y/HP001G	CỤM ĐẦU KHOAN/HP001G	1.857.600	8%
1130	136231-6	GEAR BOX ASS'Y/DUR369	VỎ NHÔNG/DUR369	206.064	8%
1131	136233-2	CUTTER SHAFT ASS'Y/DUR369	TRỤC NHÔNG/DUR369	1.195.236	8%
1132	136235-8	SPIRAL BEVEL GEAR ASS'Y/DUR369	NHÔNG/DUR369	572.400	8%
1133	136249-7	ANVIL E ASS'Y/TW001G	TRỤC CÓT MÁY/TW001G	1.680.588	8%
1134	136250-2	CUTTING DEVICE COMPLETE/DCE090	LỐC MÁY/DCE090	1.395.360	8%
1135	136256-0	ANVIL ASS'Y/DTW700	CÓT MÁY/DTW700	1.781.352	8%
1136	136262-5	BEARING BOX ASSY/GA003	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA003	256.520	10%
1137	136274-8	BASE ASSY/HS003G	BỘ BÀN ĐỂ/HS003G	1.309.716	8%
1138	136278-0	GEAR CASE ASSEMBLY/DUH501	VỎ NHÔNG/DUH501	1.025.784	8%
1139	136279-8	INTERNAL GEAR CASE COMPLETE/TW001G	VỎ NHÔNG/TW001G	737.316	8%
1140	136296-8	INTERNAL GEAR CASE ASS'Y/DTW700	VỎ NHÔNG/DTW700	288.576	8%
1141	136301-1	GEAR CASE ASBLY/DUA300	ĐẦU HỘP NHÔNG/DUA300	489.996	8%
1142	136303-7	DUST BOX ASSEMBLY/DVC560	BỘ HỘP CHỨA BỤI/DVC560	1.057.860	8%
1143	136304-5	GEAR HOUSING ASS'Y/HR3001C	NÁP HỘP NHÔNG/HR3001C	274.752	8%
1144	136312-6	TOOL HOLDER ASS'Y/HR3001C	CỤM NÔNG THÉP/HR3001C	1.286.820	8%
1145	136330-4	GEAR HOUSING ASS'Y/HR3001C	NÁP HỘP NHÔNG/HR3001C	283.932	8%
1146	136331-2	SLIDE PIPE ASSY/HR3001C	BỘ ỐNG TRƯỢT HÚT BỤI/HR3001C	1.039.500	8%
1147	136332-0	SLIDE PIPE ASSY/HR3001C	BỘ ỐNG TRƯỢT HÚT BỤI/HR3001C	1.057.860	8%
1148	136347-7	BEARING BOX ASS'Y/GA035G	Ổ BẠC ĐẠN/GA035G	384.696	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1149	136363-9	GEAR HOUSING COVER ASSY/GA037G	NÁP HỘP NHÔNG/GA037G	155.736	8%
1150	136364-7	BEARING BOX ASSY/GA037G	Ổ BÌ(HỘP BẠC ĐẠN)/GA037G	164.916	8%
1151	136365-5	GEAR HOUSING ASSY/GA037G	BỘ ĐẦU HỘP NHÔNG/GA037G	567.864	8%
1152	136368-9	GEAR BOX ASSY/UX01G	HỘP NHÔNG /UX01G	224.424	8%
1153	136371-0	PIPE BRACKET ASSY/DUA300	ĐẦU NỐI ỐNG/DUA300	247.280	10%
1154	136372-8	OIL TANK ASSEMBLY/DUA300	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/DUA300	892.944	8%
1155	136373-6	SPROCKET COVER ASSY/DUA300	NÁP CHỤP LAM XÍCH/DUA300	398.412	8%
1156	136374-4	SPIRAL BEVEL GEAR ASSY/EM408MP	NHÔNG/EM408MP	146.556	8%
1157	136375-2	CUTTER SHAFT ASSY/EM408MP	BỘ TRỤC LƯỚI CÁT VÀ NHÔNG/EM408MP	398.412	8%
1158	136377-8	IMPACT BOLT ASSY/HR005G	BỘ BÚA TRUNG GIAN/HR005G	838.080	8%
1159	136378-6	CYLINDER 28.5 ASSY/HR005G	BỘ XY LẠNH 28.5/HR005G	1.978.236	8%
1160	136382-5	ANVIL N ASSY/DTD157	CỤM CỐT MÁY/DTD157	192.348	8%
1161	136390-6	CRANK HOUSING ASSY/HM001G	HỘP NHÔNG /HM001G	1.044.144	8%
1162	136391-4	IMPACT BOLT ASSY/HM002G	BỘ BÚA TRUNG GIAN/HM002G	659.448	8%
1163	136393-0	SHAFT ASSY/DUA300	TRỤC TỶ/DUA300	1.465.344	8%
1164	136400-9	CAPSULE ASSY/CL001G	VỎ MÁY TRƯỚC/CL001G	159.840	8%
1165	136404-1	COWLING LOWER ASSY/LM001C	THÂN MÁY DƯỚI/LM001C	1.181.520	8%
1166	136405-9	KEYLESS DRILL CHUCK ASSY/HP001G	CỤM ĐẦU KHOAN/HP001G	2.710.908	8%
1167	136406-7	KEYLESS DRILL CHUCK ASSY/DF001G	CỤM NHÔNG/DF001G	2.637.684	8%
1168	136410-6	ANVIL E ASSY/TW007G	TRỤC NHÔNG/TW007G	393.876	8%
1169	136412-2	GEAR HOUSING COVER ASSY/DFR452	NÁP HỘP NHÔNG/DFR452	283.932	8%
1170	136413-0	IMPACT BOLT ASSEMBLY/HR006G	BỘ BÚA TRUNG GIAN/HR006G	1.213.488	8%
1171	136420-3	INTERNAL GEAR CASE ASSY/TW007G	NÁP HỘP NHÔNG/TW007G	256.500	8%
1172	136441-5	GEAR HOUSING ASSY/GA5080	HỘP NHÔNG/GA5080	732.672	8%
1173	136446-5	BEARING BOX/GA5080	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA5080	370.980	8%
1174	136449-9	CAPSULE ASSY/CL001G	CHỤP BẢO VỆ TỬ BỤI/CL001G	168.480	8%
1175	136451-2	SPIRAL BEVEL GEAR ASSY/DDA450	TRỤC NHÔNG/DDA450	728.136	8%
1176	136454-6	IMPACT BOLT ASSY/HM001G	BÚA TRUNG GIAN/HM001G	467.100	8%
1177	136455-4	ANVIL N ASSY/DTDA040	TRỤC CỐT MÁY N/DTDA040	3.374.892	8%
1178	136465-1	PIPE BRACKET ASSEMBLY/UR012G	ĐẦU NỐI/UR012G	335.830	10%
1179	136499-4	BEARING BOX ASSY/TD112D	NÁP GIỮ HỘP NHÔNG /TD112D	135.300	10%
1180	136501-3	ANVIL N ASSY/TD112D	TRỤC CỐT MÁY/TD112D	206.064	8%
1181	136510-2	ANVIL ASSY/DTW302	TRỤC CỐT/DTW302	1.323.432	8%
1182	136529-1	CRANK HOUSING ASSY/DTM52/XMT04	HỘP NHÔNG/DTM52/XMT04	3.095.604	8%
1183	136547-9	ANVILN ASSY/DTD172	CỐT MÁY/DTD172	196.992	8%
1184	136563-1	SPIRAL BEVEL GEAR 13COMPLTE/DDA460	TRỤC NHÔNG 13/DDA460	439.668	8%
1185	136564-9	SPIRAL BEVEL GEAR 13 ASSY/UR012G	NHÔNG 13/UR012G	132.840	8%
1186	136565-7	CUTTER SHAFT G ASSY/UR012G	TRỤC NHÔNG G/UR012G	407.592	8%
1187	136566-5	BEARING BOX ASSY/DDA450/DDA450	NÁP HỘP BẠC ĐẠN/DDA450	233.200	10%
1188	136568-1	HANDLE COVER COMPLETE/DKPI81	NÁP TAY CẦM/DKPI81	288.576	8%
1189	136571-2	EARTH LINE LEAD UNIT A ASSY/DRC300	DÂY DẪN TIẾP ĐỊA/DRC300	540.432	8%
1190	136573-8	SPROCKET COVER ASSY/UC004G	NÁP ĐÁY LAM XÍCH/UC004G	316.008	8%
1191	136584-3	CAM SHAFT ASSY/HR007G	CỤM TRỤC NHÔNG VÀ NHÔNG/HR007G	783.108	8%
1192	136585-1	INLET ASSY/CL002G	ĐẦU KẾT NỐI HÚT BỤI/CL002G	82.512	8%
1193	136586-9	INLET ASSY/CL002G	ĐẦU KẾT NỐI HÚT BỤI/CL002G	73.332	8%
1194	136587-7	INLET ASSY/CL002G	ĐẦU KẾT NỐI HÚT BỤI/CL002G	73.332	8%
1195	136606-9	MAIN FRAME ASSEMBLY/KP001G	VỎ MÁY/KP001G	943.380	8%
1196	136609-3	HOUSING BASE ASSEMBLY/UC012G	VỎ MÁY/UC012G	1.277.640	8%
1197	136612-4	HOUSING BASE ASSEMBLY/UC016G	VỎ MÁY/UC016G	1.332.612	8%
1198	136621-3	PIPE 28/DUN461	BỘ ỐNG CÁN/DUN461	946.880	10%
1199	136626-3	ANVIL N ASSEMBLY/TD002G	TRỤC CỐT MÁY TRUYỀN ĐỘNG/TD002G	746.496	8%
1200	136628-9	GEAR HOUSING ASSY/PV001G	VỎ NHÔNG/PV001G	1.094.472	8%
1201	136629-7	BEARING BOX ASSY/PV001G	VÀNH BẢO VỆ BẠC ĐẠN/PV001G	326.480	10%
1202	136630-2	GEAR HOUSING COVER ASSY/PV001G	VỎ NHÔNG/PV001G	297.648	8%
1203	136631-0	SLIDE PIPE ASSY/DX15	BỘ ỐNG TRƯỢT/DX15	1.382.940	8%
1204	136647-5	UPPER HOUSING ASSY/VC008G	VỎ MÁY TRƯỚC/VC008G	425.952	8%
1205	136648-3	UPPER HOUSING ASSY/VC009G	VỎ MÁY TRƯỚC/VC009G	425.952	8%
1206	136649-1	BEARING BOX ASSY/HS011G	VÀNH BẢO VỆ BẠC ĐẠN/HS011G	125.950	10%
1207	136650-6	HANDLE COVER SET/KP001G	VỎ TAY CẦM/KP001G	366.336	8%
1208	136652-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/DCC500	VỎ MÁY/DCC500	265.680	8%
1209	136653-0	CAPSULE ASSY/CL001G	CHỤP BẢO VỆ TỬ BỤI/CL001G	187.812	8%
1210	136656-4	CAPSULE ASSY/CL001G	CHỤP BẢO VỆ TỬ BỤI/CL001G	206.064	8%
1211	136657-2	MAGAZINE ASSY/PT001G	Ổ CHỨA ĐINH/PT001G	1.621.080	8%
1212	136660-3	HANDLE COVER COMPLETE/DCC500	VỎ TAY CẦM/DCC500	151.200	8%
1213	136663-7	ADJUSTER ASSY/PT001G	NÚT VẶN/PT001G	462.564	8%
1214	136674-2	HOUSING R ASSEMBLY/UC012G	VỎ MÁY R/UC012G	911.304	8%
1215	136675-0	RELEASE LEVER ASSY/DTRI81	CÀN KHÓA DÂY THÉP/DTRI81	865.512	8%
1216	136676-8	GEAR HOUSING ASSY/JR002G	VỎ NHÔNG/JR002G	549.504	8%
1217	136679-2	LOWER PIPE L ASSY/DLM230	TAY CẦM TRÁI/DLM230	158.620	10%
1218	136680-7	LOWER PIPE R ASSY/DLM230	TAY CẦM PHẢI/DLM230	158.620	10%
1219	136683-1	GEAR HOUSING COVER ASSY/JR002G	VỎ NHÔNG/JR002G	1.621.080	8%
1220	136689-9	HOUSING L ASSEMBLY/UC012G	VỎ MÁY L/UC012G	591.840	8%
1221	136692-0	ROTOR ASSY/VR001G	RỎ TO/VR001G	508.356	8%
1222	136695-4	COUNTER WEIGHT ASSY/PT001G	BỘ PHÂN ĐỐI TRONG ĐÁY ĐINH/PT001G	5.261.544	8%
1223	136698-8	GEAR HOUSING ASSY/GA7080	HỘP NHÔNG/GA7080	526.608	8%
1224	136699-6	TERMINAL HOUSING COMPLETE/SP001G	ĐÈ GÁI PIN/SP001G	96.228	8%
1225	136703-1	BEARING BOX/CS002G	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/CS002G	247.280	10%
1226	136704-9	BATTERY CASE S ASSY/VR003G	HỘP CHỨA PIN BẰNG NHƯA/VR003G	338.904	8%
1227	136707-3	RELEASE DRUM ASSY/JR002G	VÒNG KHÓA MỎ LƯỚI/JR002G	37.400	10%
1228	136708-1	BEARING BOX ASSY/JR002G	NÁP HỘP BẠC ĐẠN/JR002G	177.320	10%
1229	136712-0	CRANK CAM ASSY/JR002G	TAY QUAY/JR002G	895.510	10%
1230	136713-8	DUST BOX ASSEMBLY/CL003G	HỘP CHỨA BỤI/CL003G	448.848	8%
1231	136715-4	GEAR HOUSING ASSY/GA039G	HỘP NHÔNG/GA039G	439.668	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1232	136716-2	BEARING BOX ASSY/GA039G	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/GA039G	224.424	8%
1233	136729-3	DUST CASE ASSY/CS002G	TẮM CHÂN HỘP THU BỤI/CS002G	2.663.210	10%
1234	136761-7	CUTTING DEVICE COMPLETE/DCE090	LỐC MÁY/DCE090	1.813.428	8%
1235	136770-6	GEAR HOUSING ASSY/GA5090	HỘP NHÔNG/GA5090	316.008	8%
1236	136771-4	GEAR HOUSING COVER ASSY/GA5090	NÁP CHỤP HỘP NHÔNG/GA5090	109.944	8%
1237	136781-1	CAPSULE ASSY/CL117FD	NÁP CHỤP TÚI BỤI/CL117FD	198.720	8%
1238	136782-9	CAPSULE ASSY/CL117FD	NÁP CHỤP TÚI BỤI/CL117FD	242.784	8%
1239	136783-7	CAPSULE ASSY/CL117FD	NÁP CHỤP TÚI BỤI/CL117FD	242.784	8%
1240	136784-5	SPROCKET COVER ASSY/DUC307	BỘ NÁP CHỤP LAM XÍCH/DUC307	380.160	8%
1241	136803-7	ANVIL E ASSY/TW004G	TRỤC CỐT TRUYỀN ĐỒNG/TW004G	1.053.216	8%
1242	136814-2	GEAR ASSEMBLY/DFT087F	BỘ HỘP NHÔNG/DFT087F	1.126.548	8%
1243	136815-0	GEAR ASSEMBLY/DFT129F	BỘ HỘP NHÔNG/DFT129F	1.181.520	8%
1244	136821-5	CHANGE PLATE ASSEMBLY/UT001G	CÀN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/UT001G	181.940	10%
1245	136822-3	CHANGE LEVER ASSEMBLY/UT001G	CÀN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/UT001G	192.348	8%
1246	136824-9	GEAR HOUSING ASSY/DJR189	HỘP NHÔNG/DJR189	306.828	8%
1247	136830-4	MOTOR BRACKET ASSY/UT001G	GÁ ĐỖ/UT001G	694.980	10%
1248	136835-4	HEX SLEEVE 20 ASSY/DCU603	ĐAI ỐC 20/DCU603	923.560	10%
1249	136839-6	MOTOR HOUSING ASSEMBLY/HS012G	VỎ MÁY/HS012G	325.188	8%
1250	136840-1	HANDLE COVER ASSEMBLY/HS012G	VỎ TAY CẦM/HS012G	215.244	8%
1251	136843-5	GEAR ASSEMBLY/DUH507	NHÔNG/DUH507	279.396	8%
1252	136845-1	CONTROLLER ASSEMBLY/DGA700	BO MẠCH/DGA700	4.519.692	8%
1253	136853-2	WHEEL COVER GRIP ASSEMBLY/CE002G	TAY CẦM/CE002G	215.244	8%
1254	136854-0	ANVIL N ASSY/TD003G	TRỤC CỐT MÁY/TD003G	206.064	8%
1255	136856-6	CONTROLLER ASSY/DSP600	BO MẠCH/DSP600	5.467.608	8%
1256	136857-4	CONTROLLER ASSY/DSP601	BO MẠCH/DSP601	5.572.908	8%
1257	136860-5	CUTTER SHAFT US ASSEMBLY/UR014G	TRỤC/UR014G	384.696	8%
1258	136861-3	SPIRAL BEVEL GEAR ASSEMBLY/UR014G	NHÔNG/UR014G	160.272	8%
1259	136862-1	PIPE BRACKET ASSY/UR013G	GÁ GIỮ ỜNG CÀN/UR013G	279.840	10%
1260	136867-1	SLIDER ASSY/DJR189	BỘ THANH TRƯỢT/DJR189	833.436	8%
1261	136868-9	BRAKE CALIPER R ASSY/DCU603	CỤM PHANH PHẢI/DCU603	1.007.424	8%
1262	136869-7	BRAKE CALIPER L ASSY/DCU603	CỤM PHANH TRÁI/DCU603	1.025.784	8%
1263	136880-9	BATTERY COVER ASSY/LM001G	MIẾNG NHỰA CHỤP BẢO VỆ/LM001G	375.516	8%
1264	136882-5	BATTERY COVER ASSY/LM001G	CHỤP BẢO VỆ PIN/LM001G	407.592	8%
1265	136888-3	ANVIL N ASSEMBLY/DTD173	TRỤC CỐT MÁY/DTD173	219.888	8%
1266	136891-4	GEAR CASE COMPLETE/UT001G	VỎ NHÔNG/UT001G	970.812	8%
1267	136892-2	GEAR ASSEMBLY/UT001G	CỤM NHÔNG/UT001G	1.552.392	8%
1268	136906-7	FRONT COVER ASSEMBLY/DCL283F	VỎ MÁY TRƯỚC/DCL283F	109.944	8%
1269	136907-5	FRONT COVER ASSEMBLY/DCL283F	VỎ MÁY TRƯỚC/DCL283F	109.944	8%
1270	136908-3	FRONT COVER ASSEMBLY/DCL283F	VỎ MÁY TRƯỚC/DCL283F	105.408	8%
1271	136912-2	UPPER HOUSING ASSEMBLY/PM001G	VỎ MÁY TRƯỚC/PM001G	1.044.144	8%
1272	136914-8	SPROCKET COVER ASSY/UC100D	MẶT ỐP LAM XÍCH/UC100D	192.348	8%
1273	136928-7	BEARING HOUSING ASSY/DUH507	VỎ NHÔNG/DUH507	114.480	8%
1274	136944-9	COUNTER WEIGHT ASSY/ST001G	BỘ PHẬN ĐỐI TRỌNG ĐẦY ĐINH/ST001G	6.227.712	8%
1275	136949-9	SPIRAL BEVEL GEAR 14 ASSEMBLY/UR016G	NHÔNG 14/UR016G	109.944	8%
1276	136955-4	GEAR HOUSING ASSY/DHR183	VỎ ĐẦU MÁY/DHR183	421.308	8%
1277	136957-0	MAGAZINE ASSY/ST001G	HỘP ĐỰNG ĐINH/ST001G	4.496.796	8%
1278	136958-8	MAGAZINE ASSY/ST001G	HỘP ĐỰNG ĐINH/ST001G	4.950.180	8%
1279	136959-6	TOOL HOLDER ASSY/DHR183	CỤM NÔNG THÉP/DHR183	668.628	8%
1280	136960-1	SPUR GEAR 9 ASSY/DHR183	TRỤC NHÔNG 9/DHR183	746.496	8%
1281	136961-9	INNER HOUSING ASSY/DHR183	VỎ MÁY TRONG/DHR183	256.500	8%
1282	136963-5	CAPSULE ASSEMBLY WHITE/DCL283F	VỎ MÁY TRẮNG/DCL283F	224.424	8%
1283	136964-3	CAPSULE ASSEMBLY BLUE/DCL283F	VỎ MÁY XANH/DCL283F	224.424	8%
1284	136965-1	CAPSULE ASSEMBLY BLACK/DCL283F	VỎ MÁY ĐEN/DCL283F	238.140	8%
1285	136973-2	CUTTER SHAFT G ASSEMBLY/UR016G	TRỤC/UR016G	380.160	8%
1286	136975-8	GEAR HOUSING ASSY/HR010G	HỘP NHÔNG/HR010G	540.432	8%
1287	136976-6	INNER HOUSING ASSY/HR010G	HỘP NHÔNG/HR010G	283.932	8%
1288	136977-4	TOOL HOLDER ASSY/HR010G	CỤM NÔNG THÉP/HR010G	677.808	8%
1289	136978-2	CAM SHAFT ASSY/HR010G	CỤM NHÔNG/HR010G	723.600	8%
1290	136980-5	TANK ASSY/PM001G	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/PM001G	1.740.096	8%
1291	136985-5	SOLENOID VALVE ASSY/PM001G	VAN CẠM BIẾN TỰ NGÁT/PM001G	1.872.936	8%
1292	136986-3	GEAR HOUSING ASSEMBLY/GA048G	HỘP NHÔNG/GA048G	361.800	8%
1293	136987-1	CRANK HOUSING ASSY/EN402MP	VỎ NHÔNG/EN402MP	457.920	8%
1294	136989-7	GEAR HOUSING COVER ASSY/GA048G	NÁP NHÔNG/GA048G	151.200	8%
1295	136990-2	END STOPPER ASSEMBLY/DX16	VÒNG ĐỆM CHẶN ỜNG HỤT BỤI/DX16	32.076	8%
1296	137005-8	WHEEL COVER R ASSY/CE002G	VỎ MÁY BẢO VỆ LƯỚI CÁT/CE002G	1.602.720	8%
1297	137006-6	WHEEL COVER L ASSY/CE002G	NÁP CHỤP BẢO VỆ L/CE002G	1.360.044	8%
1298	137019-7	INNER HOUSING ASSEMBLY/HW001G	VỎ MÁY/HW001G	187.812	8%
1299	137020-2	REAR HOUSING ASSEMBLY/HW001G	VỎ MÁY/HW001G	352.620	8%
1300	137021-0	BATTERY BOX ASSEMBLY/HW001G	HỘP ĐỰNG PIN/HW001G	219.888	8%
1301	137022-8	BATTERY COVER ASSEMBLY/UV001G	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/UV001G	375.516	8%
1302	137024-4	HOUSING L ASSEMBLY/UC020G	VỎ MÁY TRÁI/UC020G	595.296	8%
1303	137025-2	RELIEF VALVE ASSY/HW001G	VAN NƯỚC VÀO/HW001G	91.584	8%
1304	137026-0	FRONT HOUSING ASSY/HW001G	VỎ MÁY/HW001G	334.368	8%
1305	137035-9	COWLING ASSY/LM004G	VỎ MÁY TRÊN/LM004G	563.328	8%
1306	137036-7	ANVIL A ASSY/DTW1004	CỐT MÁY/DTW1004	1.776.816	8%
1307	137043-0	TOP PLATE ASSY/DCU601	MIẾNG ĐỀ PHẪNG/DCU601	10.220.796	8%
1308	137044-8	LIFTER SIDE GUARD ASSY/DCU601	THANH CHẶN HÔNG/DCU601	853.600	10%
1309	137045-6	LIFTER FRONT GUARD ASSY/DCU601	THANH CHẶN PHÍA TRƯỚC/DCU601	839.520	10%
1310	137046-4	LIFTER REAR GUARD ASSY/DCU601	KHUANG CHẶN PHÍA SAU/DCU601	1.264.010	10%
1311	137047-2	ANVIL E ASSEMBLY/DTWA260	BỘ CỐT MÁY/DTWA260	1.772.172	8%
1312	137048-0	PIPE GUIDE L ASSEMBLY/DCU601	ỐNG THÉP GÁI THANH CHẶN BÊN TRÁI/DCU601	69.960	10%
1313	137049-8	PIPE GUIDE R ASSEMBLY/DCU601	ỐNG THÉP GÁI THANH CHẶN BÊN PHẢI/DCU601	69.960	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1314	137050-3	UPPER HOUSING ASSEMBLY/VC011G/VC012G	VỎ MÁY/VC011G/VC012G	769.392	8%
1315	137051-1	LOWER HOUSING ASSEMBLY/VC011G	VỎ MÁY/VC011G	929.664	8%
1316	137052-9	UPPER HOUSING ASSEMBLY/VC012G	VỎ MÁY TRƯỞC/VC012G	769.392	8%
1317	137053-7	LOWER HOUSING ASSEMBLY/VC012G	VỎ MÁY/VC012G	929.664	8%
1318	137057-9	FILTER HOLDER ASSMBLY/VS001G	BỘ LỌC BỤI/VS001G	870.048	8%
1319	137059-5	DUST CONTAINER ASSEMBLY/VS001G	VỎ MÁY ĐẦY HỘP CHỨA BỤI/VS001G	1.410.480	8%
1320	137060-0	SPONGE CASE ASSEMBLY/VS001G	MIẾNG ĐỆM BỘ LỌC BỤI/VS001G	137.376	8%
1321	137066-8	HOUSING R COMPLETE ASSY/WA400MP	NÁP NHÔNG R/WA400MP	975.456	8%
1322	137070-7	TERMINAL HOLDER ASSEMBLY/RM350D	GIÁ ĐỖ ĐỂ GAI PIN/RM350D	187.812	8%
1323	137076-5	BRAKE COVER ASSEMBLY/UC021G	NÁP BẢO VỆ PHANH XÍCH/UC021G	77.868	8%
1324	137094-3	HANDLE BASE A ASSEMBBLY/HM004G	VỎ MÁY/HM004G	2.083.536	8%
1325	137096-9	BATTERY COVER A ASSEMBLY/HM004G	CHỤP BẢO VỆ PIN A/HM004G	709.776	8%
1326	137097-7	BATTERY COVER B ASSEMBLY/HM004G	CHỤP BẢO VỆ PIN B/HM004G	755.568	8%
1327	137098-5	HANDLE BASE B ASSEMBBLY/HM004G	VỎ MÁY/HM004G	2.193.480	8%
1328	137100-4	DUST BOX ASSEMBLY/VC010G	HỘP CHỨA BỤI/VC010G	1.204.416	8%
1329	137101-2	TERMINAL CASE ASSEMBLY/VC010G	HỘP BẢO VỆ ĐỂ GAI PIN/VC010G	100.764	8%
1330	137110-1	BELT COVER ASSEMBLY/CE003G	NÁP BẢO VỆ DÂY CUROA/CE003G	297.648	8%
1331	137116-9	MOTOR HOUSING ASSEMBLY/RP001G	VỎ MÁY/RP001G	210.708	8%
1332	137119-3	BELT COVER ASSEMBLY/CE004G	NÁP BẢO VỆ DÂY CUROA/CE004G	370.980	8%
1333	137120-8	CRANK HOUSING ASSY/TM001G	VỎ HỘP NHÔNG/TM001G	3.333.744	8%
1334	137125-8	HARNESS PLATE ASSEMBLY/PDC1500	TẮM ĐỆM LƯNG/PDC1500	380.160	8%
1335	137129-0	MOTOR HOUSING ASSEMBLY/UB004C	VỎ MOTOR/UB004C	393.876	8%
1336	137135-5	TOP COVER ASSEMBLY/VS001G	VỎ BẢO VỆ THÂN MÁY TRÊN/VS001G	1.204.416	8%
1337	137142-8	ANVIL L ASSY/TW009G	CÓT MÁY/TW009G	4.679.964	8%
1338	137143-6	ANVIL E ASSY/TW009G	CÓT MÁY/TW009G	2.720.088	8%
1339	137146-0	INTERNAL GEAR CASE ASSY/TW009G	HỘP BẢO VỆ BÀNH RĂNG/TW009G	1.305.072	8%
1340	137149-4	GEAR HOUSING ASSEMBLY/GA7090/GA9090	BỘ VỎ HỘP NHÔNG/GA7090/GA9090	416.772	8%
1341	137152-5	ANVIL W ASSY/TW002G	TRỤC CỐT MÁY TRUYỀN ĐỘNG/TW002G	1.653.156	8%
1342	137154-1	GEAR HOUSING ASSY/UN001G	VỎ HỘP NHÔNG/UN001G	732.672	8%
1343	137155-9	GEAR HOUSING COVER ASSY/UN001G	VỎ HỘP NHÔNG/UN001G	485.460	8%
1344	137157-5	SPROCKET COVER ASSY/UC021G	VỎ BẢO VỆ THÂN MÁY/UC021G	421.308	8%
1345	137158-3	BRACKET ASSEMBLY/BS001G	KHUNG MÁY/BS001G	132.840	8%
1346	137159-1	LEVER ASSY/TM001G	CÁN GAT/TM001G	139.920	10%
1347	137160-6	CONTROLLER ASSY/TW009G	BỘ MẠCH/TW009G	6.003.396	8%
1348	137161-4	BEARING COVER ASSEMBLY/TW009G	NÁP BẢO VỆ Ổ BÌ/TW009G	107.360	10%
1349	137166-4	CHANGE LEVER ASSEMBLY/HR2670FT/HR2670	NÚM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2670FT/HR2670	18.360	8%
1350	137179-5	MAGAZINE ASSY/ST001G	HỘP DỰNG ĐINH/ST001G	4.313.628	8%
1351	137186-8	PIN CAP ASSY/CE003G	NÚT NHẤN GIỮ LƯỖI/CE003G	36.720	8%
1352	137187-6	HELICAL GEAR ASSY/UN001G	NHÔNG/UN001G	503.712	8%
1353	137196-5	BEARING HOUSING ASSY/UH020G/UH021G	VỎ NHÔNG/UH020G/UH021G	114.480	8%
1354	137204-2	SPROCKET COVER ASSY/DUA200	NÁP BẢO VỆ LAM /DUA200	183.168	8%
1355	137206-8	ANVIL A ASSY/TW003G	TRỤC CỐT MÁY/TW003G	1.840.860	8%
1356	137207-6	BATTERY COVER L ASSEMBLY/PS001G	HỘP BẢO VỆ PIN/PS001G	366.336	8%
1357	137216-5	HOUSING R ASSY/UC020G	VỎ MÁY BÊN PHẢI/UC020G	865.512	8%
1358	137222-0	GEAR HOUSING ASSY/HR2670FT/HR2670	VỎ HỘP NHÔNG/HR2670FT/HR2670	311.472	8%
1359	137223-8	TOOL HOLDER ASSY/HR2670FT/HR2670	BỘ NÔNG THIẾT/HR2670FT/HR2670	879.228	8%
1360	137224-6	CAM SHAFT ASSY/HR2670FT/HR2670	BỘ NHÔNG VÀ BẮC ĐẠN ĐẠO/HR2670FT/HR2670	806.004	8%
1361	137229-6	BLADE CASE ASSY/HS013G	VỎ BỌC LƯỖI CỬA/HS013G	3.988.548	8%
1362	137230-1	TOOL HOLDER ASSY/HR2670FT/HR2670	BỘ NÔNG THIẾT/HR2670FT/HR2670	833.436	8%
1363	137253-9	ANVIL E ASSY/DTW300	TRỤC CỐT MÁY/DTW300	947.916	8%
1364	137268-6	BATTERY COVER ASSEMBLY/VC014G	NÁP BẢO VỆ PIN/VC014G	178.632	8%
1365	137272-5	INTERNAL GEAR ASSY/DTW1001	VỎ NHÔNG/DTW1001	535.788	8%
1366	137273-3	ANVIL L ASSY/TW1005D	CỐT MÁY/TW1005D	2.280.528	8%
1367	137290-3	DUST BOX ASSEMBLY/CL004G	HỘP CHỨA BỤI/CL004G	137.376	8%
1368	137292-9	FILTER CASE ASSEMBLY/CL004G	GIÁ ĐỖ BỘ LỌC/CL004G	96.228	8%
1369	137306-4	INLET ASSY/CL004G	ĐẦU NỐI ỐNG HÚT BỤI/CL004G	316.008	8%
1370	137312-9	TOP COVER ASSEMBLY/VC014G	VỎ MÁY PHÍA TRÊN/VC014G	370.980	8%
1371	137318-7	HOUSING BASE ASSEMBLY/UC030G	VỎ ĐỒ LAM XÍCH/UC030G	1.323.432	8%
1372	137328-4	SPUR GEAR SET/TR001G	NHÔNG 21/TR001G	2.306.880	8%
1373	137335-7	SPROCKET COVER ASSY/UC030G	VỎ BẢO VỆ LAM XÍCH/UC030G	526.608	8%
1374	137337-3	BARREL ASSY/GD001G/GD002G	CỤM ĐẦU BẢO VỆ TRỤC/GD001G/GD002G	336.960	8%
1375	137338-1	MOTOR BRACKET ASSY/GD001G/GD002G	GIÁ ĐỖ ĐỘNG CƠ/GD001G/GD002G	151.200	8%
1376	137360-8	HOUSING COVER ASSEMBLY/1916B3-6	VỎ BẢO VỆ MÁY/1916B3-6	164.160	8%
1377	137361-6	HOUSING R ASSEMBLY/1916B3-6	VỎ BẢO VỆ ỐNG/1916B3-6	345.600	8%
1378	137366-6	GEAR HOUSING ASSY/JR003G	VỎ HỘP NHÔNG/JR003G	678.240	8%
1379	137376-3	SPROCKET COVER ASSY/UC031G	NÁP BẢO VỆ LAM XÍCH/UC031G	250.560	8%
1380	137387-8	ANVIL N ASSY/DTD201/XDT21	TRỤC CỐT MÁY/DTD201/XDT21	185.760	8%
1381	140019-8	MOTOR HOUSING COMPLETE/PC5000C	VỎ MÁY/PC5000C	311.472	8%
1382	140021-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/TW0200	VỎ MÁY/TW0200	929.664	8%
1383	140023-7	ROCKER COVER COMPLETE/BHX2500	NÁP CHỤP/BHX2500	103.680	8%
1384	140049-9	HANDLE COMPLETE/LS1016	TAY CÀM/LS1016	142.560	8%
1385	140054-6	BASE COMPLETE/LS1016	BÀN ĐỂ/LS1016	3.031.452	8%
1386	140055-4	BLADE CASE COMPLETE/LS1016	ĐẦU HỘP NHÔNG/LS1016	2.060.640	8%
1387	140056-2	CRANK HOUSING COMPLETE/HM1317C	Ổ NHÔM/HM1317C	7.084.660	10%
1388	140057-0	BEARING BOX COMPLETE/HM1317C	NÁP GIỮ BẮC ĐẠN/HM1317C	1.016.604	8%
1389	140060-1	CRANK HOUSING COMPLETE/HM1307C	Ổ NHÔM/HM1307C	7.527.740	10%
1390	140083-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/LS1016	VỎ MÁY/LS1016	380.160	8%
1391	140091-0	BEARING BOX COMPLETE/GD0602	NÁP GIỮ BẮC ĐẠN/GD0602	205.260	10%
1392	140130-6	CRANK HOUSING COMPLETE/DJS161	ĐẦU HỘP NHÔNG/DJS161	1.818.720	8%
1393	140140-3	GEAR COMPLETE/2107F	NHÔNG LỚN/2107F	480.816	8%
1394	140142-9	TURN BASE COMPLETE/LS1016	BÀN MÁY CỬA/LS1016	2.193.480	8%
1395	140152-6	BLADE CASE COMPLETE/LS1216	ĐẦU HỘP NHÔNG/LS1216	2.317.140	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1396	140155-0	ARM COMPLETE/LS1216	BỘ GÁI ĐÈ TRƯỢT/LS1216	2.234.100	10%
1397	140171-2	HAMMER CASE COMPLETE/DTW250	HỘP NHÓNG/DTW250	489.996	8%
1398	140197-4	MAIN FRAME COMPLETE/KP0800	VỎ MÁY/KP0800	517.536	8%
1399	140201-9	BRACKET COMPLETE/KP0800X	MẶT ỐP MÁY BẢO/KP0800X	256.500	8%
1400	140204-3	CRANK HOUSING COMPLETE/HM0871C	HỘP NHÓNG/HM0871C	1.172.340	8%
1401	140205-1	HANDLE COMPLETE/HM0871C	TAY CÀM/HM0871C	233.604	8%
1402	140206-9	CRANK HOUSING COMPLETE/HM0870C	HỘP NHÓNG/HM0870C	1.149.444	8%
1403	140207-7	HANDLE COMPLETE/HM0870C	TAY CÀM/HM0870C	480.816	8%
1404	140222-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/GA7050	VỎ MÁY/GA7050	293.112	8%
1405	140224-7	SPINDLE COMPLETE A/GA7050	TRỤC NHÓNG/GA7050	123.660	8%
1406	140251-4	TANK COVER COMPLETE/VC1310L	VỎ MÁY/VC1310L	338.904	8%
1407	140253-0	PRE-FILTER COMPLETE/VC1310L	BỘ LỌC TRƯỚC/VC1310L	499.176	8%
1408	140254-8	SEPARATOR COMPLETE/VC1310L	NÁP THÂN MÁY/VC1310L	228.960	8%
1409	140265-3	TOOL HOLDER COMPLETE/DHR242	NÔNG THÉP/DHR242	531.252	8%
1410	140266-1	TOOL HOLDERGUIDE COMPLETE/HR2630T	NÔNG THÉP/HR2630T	471.744	8%
1411	140267-9	INNER HOUSING COMPLETE/HR2601	VỎ MÁY BÊN TRONG/HR2601	190.080	8%
1412	140268-7	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2601	HỘP NHÓNG/HR2601	183.168	8%
1413	140269-5	INNER HOUSING COMPLETE/HR2300	VỎ MÁY BÊN TRONG/HR2300	164.160	8%
1414	140270-0	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2300	HỘP NHÓNG/HR2300	183.168	8%
1415	140280-7	PRE-FILTER COMPLETE/VC2510L	BỘ LỌC TRƯỚC/VC2510L	732.672	8%
1416	140312-0	PRE-FILTER COMPLETE/VC3210L	THÙNG CHỨA BỤI/VC3210L	737.316	8%
1417	140333-2	SWITCH LEVER A COMPLETE/GA4034	NÚT CÔNG TÁC/GA4034	54.972	8%
1418	140344-7	LASER COVER COMPLETE/DLS600	NÁP BẢO VỆ ĐÈN/DLS600	109.944	8%
1419	140419-2	ROCKER COVER COMPLETE/EBH340R	NÁP CHỤP/EBH340R	14.040	8%
1420	140422-3	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2610	HỘP NHÓNG/HR2610	210.708	8%
1421	140423-1	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2611F	HỘP NHÓNG/HR2611F	228.960	8%
1422	140427-3	HANDLE COVER COMPLETE/MT814	TAY CÀM/MT814	100.764	8%
1423	140429-9	CRANKSHAFT COMPLETE/EH6000W	TRỤC KHUYU/EH6000W	596.160	8%
1424	140433-8	GEAR HOUSING COMPLETE/MT961	HỘP NHÓNG/MT961	256.500	8%
1425	140434-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT961	VỎ MÁY/MT961	192.348	8%
1426	140435-4	FUEL TANK CAP/EBH340R	NÁP BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EBH340R	77.760	8%
1427	140436-2	STRAP COMPLETE/EBH340R	MIẾNG NHỰA NÁP BÌNH XĂNG/EBH340R	5.400	8%
1428	140437-0	PUMP BODY/EBH340R	THÂN BƠM PHUN NHIÊN LIỆU/EBH340R	371.520	8%
1429	140438-8	AIR PURGE BODY/BHX2500	MIẾNG ĐÈM BÌNH XĂNG CON/BHX2500	184.800	10%
1430	140451-6	UNDER COVER COMPLETE/UH200D	NÁP BẢO VỆ PHÍA DƯỚI/UH200D	32.076	8%
1431	140463-9	SWITCH PLATE COMPLETE/BUB360	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/BUB360	59.616	8%
1432	140480-9	FLYWHEEL COMPLETE/EA3201S	MÀM ĐIỆN/EA3201S	354.240	8%
1433	140482-5	ENGINE HOUSING COMPLETE TLC B/EA3201S	VỎ MÁY/EA3201S	380.160	8%
1434	140495-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT902	VỎ MÁY/MT902	325.188	8%
1435	140504-1	HANDLE COMPLETE/EH7500S	TAY CÀM/EH7500S	42.120	8%
1436	140506-7	CRANK HOUSING COMPLETE/JS1601	Ô NHÔM/JS1601	1.387.584	8%
1437	140507-5	GEAR HOUSING COMPLETE/JS1601	HỘP NHÓNG/JS1601	183.168	8%
1438	140536-8	GEAR COMPLETE/BUH550	NHÓNG LỚN/BUH550	1.948.320	8%
1439	140587-1	Rewind Spring Complete/EK6101	Lò Xo/EK6101	180.400	10%
1440	140599-4	PROTECTOR COMPLETE/UH200D	TẮM CHÂN BẢO VỆ/UH200D	69.120	8%
1441	140604-7	GEAR HOUSING COMPLETE/BUH550	HỘP NHÓNG/BUH550	1.039.500	8%
1442	140619-4	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/DS4011	NÁP HỘP NHÓNG/DS4011	911.520	8%
1443	140620-9	GEAR HOUSING COMPLETE/DS4011	HỘP NHÓNG/DS4011	380.160	8%
1444	140621-7	MOTOR HOUSING COMPLETE/DS4011	VỎ MÁY/DS4011	572.400	8%
1445	140625-9	GEAR HOUSING COMPLETE/CC300D	HỘP NHÓNG/CC300D	38.880	8%
1446	140628-3	CLUTCH CASE COMPLETE/RBC411	VỎ BẢO VỆ KHỚP LY HỢP/RBC411	159.840	8%
1447	140629-1	STOPPER COMPLETE/RBC411	GIA TREO/RBC411	38.880	8%
1448	140633-0	COCK BODY COMPLETE/RBC411	CHÓT KHÓA XĂNG/RBC411	334.400	10%
1449	140648-7	BLADE CASE COMPLETE/LS1030N	ĐẦU HỘP NHÓNG/LS1030N	1.144.800	8%
1450	140733-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT412	VỎ MÁY/MT412	279.396	8%
1451	140734-4	BLADE CASE COMPLETE/MT412	ĐẦU HỘP NHÓNG/MT412	544.968	8%
1452	140735-2	OUTER HOUSING COMPLETE/RT0700C	VỎ MÁY NGOÀI/RT0700C	457.920	8%
1453	140736-0	BRACKET COMPLETE/RT0700C	VỎ MÁY TRONG/RT0700C	206.064	8%
1454	140742-5	SWITCH BASE COMPLETE/VC1310L	MẶT ỐP CÔNG TÁC/VC1310L	11.880	8%
1455	140751-4	COWLING COMPLETE/VC1310L	NÁP MÁY/VC1310L	375.516	8%
1456	140753-0	BRACKET COMPLETE/DKP180	MẶT ỐP MÁY BẢO/DKP180	241.920	8%
1457	140774-2	TANK COMPLETE/EK7651H	HỘP CHỨA DẦU/EK7651H	1.347.840	8%
1458	140808-1	BODY PUMP ASSY/BHX2500	ÔNG BƠM NHIÊN LIỆU/BHX2500	341.280	8%
1459	140813-8	OIL PIPE COMPLETE/BHX2500	ÔNG DẪN DẦU/BHX2500	47.520	8%
1460	140816-2	RATCHET COMPLETE/EK7651H	BỘ KHỎI ĐỘNG/EK7651H	1.555.200	8%
1461	140817-0	CAM GEAR COMPLETE/EK7651H	NHÓNG CAM/EK7651H	457.920	8%
1462	140819-6	SHAFT PIPE COMPLETE/EBH340U	TAY CÀM/EBH340U	1.223.200	10%
1463	140820-1	CLUTCH DRUM COMPLETE/EBH340U	HỘP KHỚP LY HỢP/EBH340U	704.160	8%
1464	140831-6	TANK CAP COMPLETE/EB7650TH	VỎ HỘP CHỨA DẦU/EB7650TH	168.480	8%
1465	140838-2	MOTOR HOLDER COMPLETE/UH353D	GÁ ĐỖ MOTOR/UH353D	139.920	10%
1466	140846-3	CLUTCH DRUM COMPLETE/NB421	HỘP KHỚP LY HỢP/NB421	403.056	8%
1467	140890-0	SHAFT COMPLETE/RBC411	TRỤC KHUYU/RBC411	63.720	8%
1468	140898-4	ROCKER COVER COMPLETE/EK7651H	NÁP CHỤP/EK7651H	190.080	8%
1469	140899-2	OIL CAP COMPLETE/EK7651H	BỘ NÁP DẦU/EK7651H	90.720	8%
1470	140900-3	CRANKSHAFT COMPLETE/EK7651H	TRỤC KHUYU/EK7651H	3.136.320	8%
1471	140901-1	CYLINDER BLOCK COMPLETE/EK7651H	BỘ XY LẠNH/EK7651H	3.896.640	8%
1472	140903-7	TOP COVER COMPLETE/EK7651H	NÁP CHỤP TRÊN/EK7651H	34.560	8%
1473	140904-5	MAIN FRAME COMPLETE/DKP180	VỎ MÁY/DKP180	512.892	8%
1474	140905-3	HANDLE COVER COMPLETE/DKP180	TAY CÀM/DKP180	329.724	8%
1475	140928-1	CYLINDER HEAD COMPLETE/EK7651H	VỎ XY LẠNH/EK7651H	95.040	8%
1476	140929-9	HAMMER CASE COMPLETE/TW100D	HỘP NHÓNG/TW100D	174.096	8%
1477	140939-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT241	VỎ MÁY/MT241	366.336	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1478	140944-3	BRACKET COMPLETE/MT191	MẬT ỐP MÁY BẢO/MT191	210.708	8%
1479	140946-9	HAMMER CASE COMPLETE/DTD134	HỘP NHÔNG/DTD134	164.160	8%
1480	140963-9	SWITCH PLATE COMPLETE/DSD180	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DSD180	22.896	8%
1481	140976-0	FRONT ARM COMPLETE/LS1216	ỐC TÀN/LS1216	2.098.800	10%
1482	140977-8	CHARGER CASE COMPLETE/DC18RC	VỎ CỤC SẠC/DC18RC	1.057.860	8%
1483	140988-3	AIR PURGE BODY ASSEMBLY/EM2500U	MIẾNG ĐỆM BÌNH XĂNG CON/EM2500U	15.120	8%
1484	140989-1	PUMP BODY ASSEMBLY/EM2500U	THÂN BƠM/EM2500U	56.160	8%
1485	140A04-7	SUB CONTROLLER COMPLETE/DUH501	BỘ MẠCH/DUH501	494.640	8%
1486	140A12-8	SPUR GEAR 29 COMPLETE/DDA460	NHÔNG NHỎ 29/DDA460	151.200	8%
1487	140A13-6	CARRIER A COMPLETE/DDA460	KHỚP NHÔNG A/DDA460	503.712	8%
1488	140A14-4	CARRIER B COMPLETE/DDA460	KHỚP NHÔNG B/DDA460	462.564	8%
1489	140A16-0	GEAR CASE COMPLETE/DDA460	HỘP NHÔNG/DDA460	673.164	8%
1490	140A19-4	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/DDA460	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/DDA460	334.368	8%
1491	140A20-9	MOTOR BRACKET COMPLETE/DDA460	NÁP HỘP NHÔNG/DDA460	256.500	8%
1492	140A21-7	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/DDA460	NÁP HỘP NHÔNG/DDA460	293.112	8%
1493	140A22-5	GEAR HOUSING COMPLETE/DDA460	HỘP NHÔNG/DDA460	1.685.232	8%
1494	140A23-3	SPIRAL BEVEL GEAR 13COMPLTE/DDA460	TRỤC NHÔNG 13/DDA460	58.320	8%
1495	140A24-1	MAIN FRAME COMPLETE/MT192	VỎ MÁY/MT192	485.460	8%
1496	140A25-9	MAIN FRAME COMPLETE/M1902B	VỎ MÁY BẢO/M1902B	522.072	8%
1497	140A31-4	SWITCH BASE E-M COMPLETE/VC3211M	NÁP CÔNG TÁC/VC3211M	989.172	8%
1498	140A43-7	MOTOR COMPLETE/DX08	CỤM MOTOR/DX08	423.360	8%
1499	140A51-8	HAMMER CASE COMPLETE/DTD171	ĐẦU HỘP NHÔNG/DTD171	508.356	8%
1500	140A71-2	FRONT HAND GUARD COMPLETE/DUC254	TẮM CHÂN BẢO VỆ/DUC254	96.228	8%
1501	140A74-6	LINK PLATE COMPLETE/DUC254	CHỐT KHÓA XÍCH/DUC254	69.960	10%
1502	140A75-4	OIL TANK COMPLETE/DUC254	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/DUC254	297.648	8%
1503	140A85-1	BRAKE ARM COMPLETE/DTR180	CÁN HÂM PHANH/DTR180	517.770	10%
1504	140A87-7	RECEIVE WASHER COMPLETE/UR016G	MẶT BÍCH/UR016G	107.360	10%
1505	140B03-5	HAMMER CASE COMPLETE/TW140D	HỘP NHÔNG/TW140D	215.244	8%
1506	140B04-3	BEARING BOX COMPLETE/TW140D	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/TW140D	114.480	8%
1507	140B18-2	ANGLE HEAD COMPLETE/DFL301F	HỘP NHÔNG/DFL301F	2.422.440	8%
1508	140B24-7	FRONT COVER COMPLETE/DSC102	NÁP VỎ TRƯỚC/DSC102	169.452	8%
1509	140B29-7	CRANK SHAFT COMPLETE/EA3601F	TAY QUAY/EA3601F	678.240	8%
1510	140B46-7	ROCKER COVER COMPLETE/EM2550UH	NÁP CHỤP/EM2550UH	73.440	8%
1511	140B49-1	SWITCH COMPLETE/DTD171	CÔNG TÁC/DTD171	412.128	8%
1512	140B58-0	WHEEL COMPLETE/DPB180	CHỤP BẢO VỆ/DPB180	416.772	8%
1513	140B61-1	SUB CONTROLLER COMPLETE/DUR189	NÚT NHẤN ĐIỀU KHIỂN/DUR189	485.460	8%
1514	140B62-9	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/DUH501	NÁP HỘP NHÔNG/DUH501	746.496	8%
1515	140B67-9	SWITCH PLATE COMPLETE/DTR180	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DTR180	169.452	8%
1516	140B68-7	MAIN CONTROLLER COMPLETE/DTR180	BỘ MẠCH/DTR180	6.708.528	8%
1517	140B79-2	GEAR COMPLETE/DUH501	NHÔNG/DUH501	486.540	8%
1518	140C48-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/DHS660	VỎ MÁY/DHS660	334.368	8%
1519	140C49-7	MOTOR HOUSING COMPLETE/DHS660	VỎ MÁY/DHS660	338.904	8%
1520	140C65-9	SHAFT PIPE COMPLETE E/KR401MP	ỐNG TRỤC TAY CÀM/KR401MP	607.200	10%
1521	140C77-2	GEAR COMPLETE/JR3061T	NHÔNG LỚN/JR3061T	494.640	8%
1522	140C78-0	MOTOR HOUSING COMPLETE/JR3061T	VỎ MÁY/JR3061T	288.576	8%
1523	140C81-1	SEAL HOLDER COMPLETE/JR3061T	GÁ ĐỖ ĐẦU GÁI/JR3061T	69.960	10%
1524	140C92-6	SAFETY COVER COMPLETE/DCS553	CHỤP BẢO VỆ LƯỖI/DCS553	142.020	8%
1525	140D07-9	BLADE CASE COMPLETE/DHS660	BỘ BỌC LƯỖI CÁT /DHS660	1.053.216	8%
1526	140D35-4	GEAR COMPLETE/DJR187/DJR360	NHÔNG/DJR187/DJR360	549.504	8%
1527	140D36-2	HAMMER CASE COMPLETE/TW141D	HỘP ĐẦU BÚA/TW141D	228.960	8%
1528	140D62-1	UPPER HOUSING COMPLETE/DVC265	VỎ MÁY/DVC265	453.384	8%
1529	140D65-5	ROTALY COVER COMPLETE A/SW400MP	BỘ TẮM CHÂN/SW400MP	2.211.840	8%
1530	140D69-7	GEAR HOUSING COMPLETE/DLW140	HỘP NHÔNG/DLW140	874.692	8%
1531	140D72-8	BATTERY COVER COMPLETE/DLW140	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/DLW140	116.640	8%
1532	140D79-4	GEAR HOUSING COMPLETE/DCS553	VỎ NHÔNG/DCS553	815.184	8%
1533	140E03-3	SHAFT PIPE COMPLETE F/BR400MP	CÁN NƠI TAY CÀM/BR400MP	750.970	10%
1534	140E19-8	SHAFT PIPE COMPLETE F/SW400MP	CÁN MÁY F/SW400MP	750.970	10%
1535	140E31-8	SPUR GEAR 10 COMPLETE/DRV250	NHÔNG 10/DRV250	663.984	8%
1536	140E32-6	FRONT HOUSING COMPLETE/DRV250	ĐẦU HỘP NHÔNG/DRV250	1.222.668	8%
1537	140E33-4	REAR HOUSING COMPLETE/DRV250	NÁP HỘP NHÔNG/DRV250	838.080	8%
1538	140E40-7	MAGNET HOLDER COMPLETE/DRV250	Ổ ĐỖ NAM CHÂM/DRV250	90.720	8%
1539	140E43-1	HAMMER CASE COMPLETE/DTW181	HỘP NHÔNG/DTW181	219.888	8%
1540	140F01-3	MOTOR COVER COMPLETE/DLM460	NÁP CHỤP MOTOR/DLM460	105.408	8%
1541	140F02-1	BATTERY COVER COMPLETE/DLM460	NÁP CHỤP BẢO VỆ/DLM460	192.348	8%
1542	140F05-5	BLADE SUPPORT COMPLETE/DLM460	CÀNH QUẠT/DLM460	723.600	8%
1543	140F06-3	DRUM HOLDER COMPLETE/DLM460	GÁ ĐỖ BỘ CHUÔNG/DLM460	214.610	10%
1544	140F08-9	LED CIRCUIT COMPLETE/DLM460	MẠCH ĐÈN LED/DLM460	416.772	8%
1545	140F09-7	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/DLM460	MẠCH CÔNG TÁC/DLM460	270.216	8%
1546	140F10-2	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/DLM460	MẠCH CÔNG TÁC/DLM460	251.856	8%
1547	140F22-5	GEAR HOUSING/DUH501	HỘP NHÔNG/DUH501	794.880	8%
1548	140F38-0	BLADE CASE COMPLETE/DHS780	ĐẦU HỘP NHÔNG/DHS780	1.099.008	8%
1549	140F51-8	BRAKE COVER COMPLETE/DLM460	NÁP CHỤP/DLM460	160.272	8%
1550	140F52-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/HM1306	VỎ MÁY/HM1306	3.814.560	8%
1551	140F53-4	HANDLE R/DCS550	TAY CÀM R/DCS550	352.620	8%
1552	140F58-4	HANDLE L/DCS550	TAY CÀM L/DCS550	251.856	8%
1553	140F61-5	LOWER HOUSING COMPLETE/DVC265	VỎ MÁY/DVC265	453.384	8%
1554	140F83-5	BLADE CASE COMPLETE/LS1219L	BỘ BỌC LƯỖI/LS1219L	2.862.000	8%
1555	140F85-1	INNER HOUSING COMPLETE/DHR182	HỘP NHÔNG/DHR182	531.252	8%
1556	140F99-0	CAP COMPLETE/DGA701	NÁP CHỤP/DGA701	100.764	8%
1557	140G00-1	FLOAT COMPLETE/DVC750L	PHAO HÚT BỤI/DVC750L	32.076	8%
1558	140G01-9	SWITCH BASE COMPLETE/DVC750L	NÁP CÔNG TÁC/DVC750L	192.348	8%
1559	140G02-7	TOP COVER COMPLETE/DVC750L	NÁP CHỤP TRÊN/DVC750L	338.904	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1560	140G16-6	UPPER HOUSING COMPLETE/DVC265	VỎ MÁY/DVC265	435.024	8%
1561	140G18-2	CAP COMPLETE/DVC265	NẮP CHỤP/DVC265	50.436	8%
1562	140G24-7	CAPSULE COMPLETE WHITE/CL108FD	HỘP MÁY MAU TRANG/CL108FD	192.348	8%
1563	140G25-5	CAPSULE COMPLETE BLUE/CL108FD	HỘP MÁY MAU XANH/CL108FD	196.992	8%
1564	140G30-2	CAP SET/DHS660	NẮP CHỤP/DHS660	50.436	8%
1565	140G40-9	SWITCH PLATE COMPLETE/DTD171	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DTD171	64.152	8%
1566	140G46-7	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/HP1630	NẮP HỘP NHÔNG/HP1630	233.604	8%
1567	140G47-5	INNER HOUSING COMPLETE/MT813	ÓP ĐẦU/MT813	261.036	8%
1568	140G52-2	SWITCH PLATE COMPLETE/TW160D	NẮP CHỤP CÔNG TÁC/TW160D	25.920	8%
1569	140G53-0	HAMMER CASE COMPLETE/TW160D	ĐẦU HỘP NHÔNG/TW160D	207.360	8%
1570	140G71-8	TANK COMPLETE/DVC750L	HỘP CHỨA BUI/DVC750L	577.044	8%
1571	140G75-0	BEARING BOX COMPLETE/DTW180	NẮP CHỤP NHÔNG/DTW180	109.944	8%
1572	140G83-1	GEAR HOUSING COMPLETE/LW1400	HỘP NHÔNG/LW1400	669.600	8%
1573	140H47-1	CHARGER CASE COMPLETE/DC18SH	VỎ CỤC SẠC/DC18SH	1.097.280	8%
1574	140H65-9	CRANKSHAFT COMPLETE/EA4301F	TRỤC KHỦY/EA4301F	777.600	8%
1575	140H97-6	MAGNET WHEEL COMPLETE/DTRI80	NHÔNG LỚN/DTRI80	224.424	8%
1576	140J06-7	SPINDLE COMPLETE/DPB182	TRỤC NHÔNG/DPB182	311.472	8%
1577	140J07-5	WHEEL COMPLETE A/DPB182	CHỤP BẢO VỆ A/DPB182	302.292	8%
1578	140J09-1	FRAME COMPLETE/DPB182	KHUNG MÁY/DPB182	1.698.948	8%
1579	140J17-2	CONTROLLER COMPLETE/DUR365	BO MẠCH/DUR365	4.281.552	8%
1580	140J31-8	COUNTER WEIGHT COMPLETE/HR3001C	CƠ CẤU GIÀM RUNG/HR3001C	920.484	8%
1581	140J32-6	AIR DUCT COMPLETE/HR3001C	NẮP CHÂN BUI/HR3001C	123.660	8%
1582	140J33-4	CRANK HOUSING COMPLETE/HR3001C	VỎ HỘP NHÔNG/HR3001C	517.536	8%
1583	140J35-0	BARREL COMPLETE/HR3001C	NÔNG THIẾP/HR3001C	348.084	8%
1584	140J36-8	CONNECTING ROD COMPLETE/HR3001C	TAY BIẾN/HR3001C	96.228	8%
1585	140J44-9	FRONT HOUSING COMPLETE/DRV250	BỘ ĐỀ GÁI CÔNG TÁC/DRV250	1.318.896	8%
1586	140J45-7	REAR HOUSING COMPLETE/DRV250	VỎ MÁY SAU/DRV250	865.512	8%
1587	140J46-5	SPUR GEAR 10 COMPLETE/DRV250	NHÔNG 10/DRV250	480.816	8%
1588	140J49-9	MAIN SLEEVE COMPLETE/DTRI80	TRỤC NHÔNG/DTRI80	5.064.660	8%
1589	140J50-4	HOSE JOINT COMPLETE/CL121D	ÔNG HỘT BUI/CL121D	54.972	8%
1590	140J51-2	UPPER HOUSING COMPLETE/WUT02	NẮP ĐẦY TRÊN/WUT02	220.320	8%
1591	140J53-8	LINK PLATE COMPLETE/LS1219L	CHỐT KHÓA/LS1219L	163.240	10%
1592	140J61-9	HANDLE 22 COMPLETE/URI01C	TAY CẦM 22/URI01C	443.080	10%
1593	140J75-8	INDICATOR CIRCUIT COMPLETE/WUT02	BO MẠCH ĐÈN/WUT02	3.110.400	8%
1594	140J78-2	HOUSING COVER COMPLETE/DTRI80	NẮP HỘP NHÔNG/DTRI80	563.328	8%
1595	140J81-3	CARRIER COMPLETE/DLS800	GÁ ĐỖ/DLS800	23.320	10%
1596	140J82-1	SPUR GEAR 17 COMPLETE/DLS800	NHÔNG 17/DLS800	32.076	8%
1597	140J83-9	INDICATOR PANEL COMPLETE/DSL800	MIẾNG CHE CHỌN CHẾ ĐỘ/DSL800	95.040	8%
1598	140J84-7	LOCK SLEEVE COMPLETE/DSL800	VÒNG KHÓA/DSL800	92.400	10%
1599	140J85-5	BRUSH A COMPLETE/DSL800	CHỔI/DSL800	902.880	8%
1600	140J86-3	BRUSH B COMPLETE/DSL800	CHỔI/DSL800	233.280	8%
1601	140J89-7	BLADE CASE COMPLETE/DLS211	CHỤP BẢO VỆ/DLS211	2.738.448	8%
1602	140K00-5	SPINDLE COMPLETE/TL064D	TRỤC/TL064D	586.224	8%
1603	140K24-1	CAM HOUSING COMPLETE/M8104B	NẮP HỘP NHÔNG/M8104B	187.812	8%
1604	140K25-9	CAM COMPLETE/M8104B	BÁNH RĂNG CAM (NHÔNG CAM)/M8104B	93.280	10%
1605	140K35-6	SWITCH CIRCUIT COMPLETE G/DUR369	VỎ BẢO VỆ BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DUR369	421.308	8%
1606	140K36-4	INDICATION CIRCUIT COMPLETE G/DUR369	BO MẠCH/DUR369	540.432	8%
1607	140K41-1	HAMMER CASE COMPLETE/TW161D	VỎ NHÔNG/TW161D	256.500	8%
1608	140K43-7	HAMMER CASE COMPLETE/DTW285	ĐẦU HỘP NHÔNG/DTW285	334.368	8%
1609	140K44-5	BRAKE BAND COMPLETE/DLM460	CÓN THẮNG/DLM460	206.064	8%
1610	140K45-3	SPUR GEAR 61 COMPLETE/DFN350	NHÔNG 61/DFN350	1.235.520	8%
1611	140K48-7	SPUR GEAR 8 COMPLETE/DFN350	TRỤC NHÔNG/DFN350	219.888	8%
1612	140K70-4	LEVER COMPLETE/WR100D	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/WR100D	96.228	8%
1613	140K71-2	CARRIER COMPLETE/WR100D	KHỚP NỐI NHÔNG/WR100D	30.240	8%
1614	140K81-9	CENTER CASE COMPLETE/DUC256	KHUNG CHỨA ĐỀ GÁI PIN/DUC256	50.436	8%
1615	140K84-3	CONTROLLER COMPLETE/DUC256	BO MẠCH(BẢNG ĐIỀU KHIỂN)/DUC256	4.844.880	8%
1616	140K97-4	SLIDE DOOR COMPLETE/DFN350	THÀNH ĐỆM/DFN350	320.544	8%
1617	140L05-1	HAMMER CASE A COMPLETE/DTDA040	VỎ ĐẦU BÚA A/DTDA040	1.240.690	10%
1618	140L06-9	HAMMER CASE B COMPLETE/DTDA040	VỎ ĐẦU BÚA B/DTDA040	1.217.370	10%
1619	140L07-7	HAMMER CASE C COMPLETE/DTDA040	VỎ ĐẦU BÚA C/DTDA040	1.217.370	10%
1620	140L08-5	SWITCH COMPLETE/DTDA040	CÔNG TÁC/DTDA040	810.540	8%
1621	140L09-3	SWITCH PLATE BLUE COMPLETE/DTDA040	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC MAU XANH/DTDA040	224.424	8%
1622	140L10-8	SWITCH PLATE WHITE COMPLETE/DTDA040	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC MAU TRANG/DTDA040	196.992	8%
1623	140L11-6	SWITCH PLATE RED COMPLETE/DTDA100	MIẾNG CHE MẠCH HIỂN THỊ CÔNG TÁC MAU ĐỎ/DTDA100	196.992	8%
1624	140L12-4	SWITCH PLATE BLACK COMPLETE/DTDA040	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC MAU ĐEN/DTDA040	192.348	8%
1625	140L13-2	BARREL HOLDER/DTDA040	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DTDA040	224.424	8%
1626	140L14-0	WIRE GUIDE PIPE/DTRI80	ÔNG ĐỖ DÂY ĐIỆN/DTRI80	109.944	8%
1627	140L18-2	BRACKET COMPLETE/3709	NẮP CHỤP/3709	146.556	8%
1628	140L26-3	BRACKET COMPLETE/MT372	MẶT ÓP ĐỀ BẢO/MT372	137.376	8%
1629	140L30-2	BRACKET COMPLETE/M3700B	VỎ MÁY/M3700B	132.840	8%
1630	140L37-8	CYLINDER COMPLETE/EA4301F	XY LẠNH/EA4301F	881.280	8%
1631	140L56-4	FRONT COVER COMPLETE/DCL280F	NẮP CHỤP/DCL280F	87.048	8%
1632	140L57-2	FRONT COVER COMPLETE/DCL280F	VỎ MÁY/DCL280F	96.228	8%
1633	140L61-1	PIPE B COMPLETE/DSL800	ÔNG HÚT/DSL800	423.360	8%
1634	140L62-9	BEARING COVER COMPLETE/DSL800	NẮP CHỤP BẠC ĐẠN/DSL800	82.080	8%
1635	140L65-3	SWITCH LEVER COMPLETE/DFL020F	THÀNH TRƯỢT CÔNG TÁC/DFL020F	430.488	8%
1636	140L66-1	SPINDLE A COMPLETE/DFL020F	TRỤC MÁY/DFL020F	1.385.208	8%
1637	140L67-9	BEARING BOX COMPLETE/DFL020F	VÀNH BẢO VỆ BẠC ĐẠN/DFL020F	764.940	10%
1638	140L81-5	SUB CONTROLLER COMPLETE G/DUR368A	BO MẠCH/DUR368A	554.148	8%
1639	140L83-1	HANDLE 19 L COMPLETE/DUR368A	TAY CẦM 19 L/UR002G	462.000	10%
1640	140L84-9	RECEIVE WASHER COMPLETE G/DUR368A	MẮT BÍCH/DUR368A	144.650	10%
1641	140L89-9	PIPE COMPLETE O/DUR368A	ÔNG CÁN/DUR368A	563.200	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1642	140L95-4	OIL PUMP COMPLETE/UC021G	BƠM DẦU/UC021G	361.800	8%
1643	140M02-3	MOTOR COMPLETE/DX12	DC MOTOR/DX12	1.117.368	8%
1644	140M05-7	FRONT HAND GUARD COMPLETE/DUC256	TẮM CHÂN BẢO VỆ/DUC256	164.916	8%
1645	140M11-2	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/M8100B	NÁP HỘP NHÔNG/M8100B	233.604	8%
1646	140M12-0	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/HP1630	NÁP HỘP NHÔNG/HP1630	238.140	8%
1647	140M21-9	HANDLE STOPPER COMPLETE/HR3001C	NÚM CHẶN/HR3001C	22.896	8%
1648	140M22-7	CRANK SHAFT COMPLETE/HR3001C	TRỤC KHUYU/HR3001C	251.856	8%
1649	140M30-8	CLUTCH DRUM ASSEMBLY/EA3503S	HỘP KHỚP LY HỘP/EA3503S	190.080	8%
1650	140M75-6	SWITCH PLATE COMPLETE/DGP180	NÁP ĐÁY CỒNG TẮC/DGP180	142.020	8%
1651	140M80-3	SPUR GEAR 14B COMPLETE/DPB183	NHÔNG 14B/DPB183	50.436	8%
1652	140M81-1	SPUR GEAR 16 COMPLETE/DPB183	NHÔNG 16/DPB183	59.616	8%
1653	140M82-9	CHANGE VALVE COMPLETE/DGP180	THANH ĐIỀU CHỈNH VAN/DGP180	224.424	8%
1654	140M83-7	RELIEF VALVE COMPLETE/DGP180	VAN GIẢM ÁP/DGP180	439.668	8%
1655	140M84-5	LEVER COMPLETE/DFS452	CÀN GẠT/DFS452	98.010	10%
1656	140M85-3	FRAME COMPLETE/PDC01	VỎ MÁY/PDC01	1.658.880	8%
1657	140M87-9	COVER COMPLETE/PDC01	NÁP CHỤP/PDC01	1.658.880	8%
1658	140M96-8	MOTOR HOUSING COVER COMPLETE/DHK180	VỎ MÁY/DHK180	128.304	8%
1659	140N06-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT410	VỎ MÁY/MT410	280.800	8%
1660	140N15-0	SWITCH BOX COVER COMPLETE K/DLM382	HỘP BẢO VỆ CỒNG TẮC/DLM382	64.152	8%
1661	140N21-5	BATTERY COVER COMPLETE E/DLM382	NÁP BẢO VỆ PIN/DLM382	276.480	8%
1662	140N46-9	CHARGER CASE COMPLETE/DC40RA	VỎ SẠC/DC40RA	792.288	8%
1663	140N50-8	BRACKET COMPLETE/DKP181	MẮT ỚP MÁY BẢO/DKP181	311.472	8%
1664	140N51-6	MAIN FRAME COMPLETE/DKP181	VỎ MÁY/DKP181	787.644	8%
1665	140N57-4	HAMMER CASE COMPLETE/DTD156	VỎ NHÔNG/DTD156	210.708	8%
1666	140N60-5	PIPE A/DSL800	TAY CÀM DẠNG ỚNG/DSL800	1.149.120	8%
1667	140N74-4	MOTOR COVER COMPLETE/DUB363	VỎ MÁY/DUB363	348.084	8%
1668	140N76-0	GEAR HOUSING COMPLETE/DGA419	HỘP NHÔNG/DGA419	334.368	8%
1669	140N88-3	RECEIVE WASHER COMPLETE/EM408MP	MẮT BÍCH/EM408MP	107.360	10%
1670	140P15-2	HANDLE L COMPLETE/DCU603	TAY CÀM L/DCU603	1.428.732	8%
1671	140P16-0	DUMP HANDLE COMPLETE/DCU603	TAY CÀM/DCU603	2.341.350	10%
1672	140P19-4	TOP COVER COMPLETE/DCU601/DCU602	TẮM NHỰA BẢO VỆ BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DCU601/DCU602	448.848	8%
1673	140P23-3	BRAKE CABLE 1590/DCU603	ĐÂY PHANH 1590/DCU603	93.280	10%
1674	140P25-9	BRAKE CABLE 370/DCU603	ĐÂY PHANH 370/DCU603	46.640	10%
1675	140P26-7	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/DCU603	MẠCH CỒNG TẮC/DCU603	874.692	8%
1676	140P27-5	BEARING BOX COMPLETE/TW141D	VÀNH BẢO VỆ BẠC ĐẠN/TW141D	132.000	10%
1677	140P50-0	GEAR HOUSING L COMPLETE/JR001	VỎ NHÔNG L/JR001	590.760	8%
1678	140P51-8	GEAR HOUSING R COMPLETE/JR001	VỎ NHÔNG R/JR001	343.440	8%
1679	140P53-4	GEAR COMPLETE/JR001	NHÔNG/JR001	581.580	8%
1680	140P57-6	CONTROLLER COMPLETE/DUC254	BỘ MẠCH/DUC254	4.524.336	8%
1681	140P60-7	BEARING BOX COMPLETE/DLM160	HỘP BẠC ĐẠN/DLM160	114.480	8%
1682	140P83-5	BLADE CASE COMPLETE/DHS900	HỘP NHÔNG/DHS900	1.062.396	8%
1683	140P89-3	FRAME COMPLETE/DHS900	VỎ DƯỚI MÁY/DHS900	718.956	8%
1684	140P91-6	UPPER HOUSING COMPLETE/DVC660	VỎ MÁY TRÊN/DVC660	755.568	8%
1685	140P92-4	UPPER HOUSING COMPLETE/DVC660	VỎ MÁY TRÊN/DVC660	796.824	8%
1686	140P93-2	LOWER HOUSING COMPLETE/DVC660	VỎ MÁY DƯỚI/DVC660	783.108	8%
1687	140P94-0	LOWER HOUSING COMPLETE/DVC660	VỎ MÁY DƯỚI/DVC660	810.540	8%
1688	140P97-4	DUST BOX COVER COMPLETE/DVC660	TẮM CHÂN BẢO VỆ/DVC660	283.932	8%
1689	140P98-2	DUST BOX COVER COMPLETE/DVC660	TẮM CHÂN BẢO VỆ/DVC660	288.576	8%
1690	140P99-0	LEVER 100 COMPLETE/DVC660	CÀN GẠT/DVC660	45.792	8%
1691	140R12-0	GEAR HOUSING COMPLETE/JR3051T	VỎ NHÔNG/JR3051T	403.056	8%
1692	140R13-8	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/JR3051T	NÁP CHỤP HỘP NHÔNG/JR3051T	293.112	8%
1693	140R14-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/JR3051T	VỎ MÁY/JR3051T	265.680	8%
1694	140R15-4	GEAR COMPLETE/JR3051T	NHÔNG/JR3051T	398.412	8%
1695	140R16-2	GEAR HOUSING COMPLETE/DUN600L	HỘP NHÔNG/DUN600L	833.436	8%
1696	140R17-0	GEAR HOUSING COMPLETE/DUN500W	VỎ HỘP NHÔNG/DUN500W	768.960	8%
1697	140R19-6	PIPE 24 COMPLETE/DUN600L	ỐNG DẪN 24/DUN600L	289.190	10%
1698	140R22-7	PIPE 24 COMPLETE/DUN500W	ỐNG CÀN/DUN500W	648.340	10%
1699	140R24-3	SUB CONTROLLER COMPLETE/DUN600L	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DUN600L	595.296	8%
1700	140R47-1	HAMMER CASE COMPLETE/TD001G	HỘP NHÔNG/TD001G	618.192	8%
1701	140R48-9	BEARING BOX COMPLETE/TD001G	NÁP HỘP NHÔNG/TD001G	192.348	8%
1702	140R54-4	SWITCH PLATE COMPLETE/TD001G	MIẾNG ĐÁY CỒNG TẮC/TD001G	128.304	8%
1703	140R63-3	GEAR COMPLETE/DUH604	NHÔNG LỚN/DUH604	636.552	8%
1704	140R76-4	DIAL COMPLETE/HP001G	NÚM ĐIỀU CHỈNH CẤP ĐỘ TRƯỢT/HP001G	54.972	8%
1705	140R95-0	REAR FLAP COMPLETE/DLM462	NÁP ĐÁY HỘP ĐUNG CỎ/DLM462	302.292	8%
1706	140R96-8	REAR FLAP COMPLETE/DLM530	VỎ MÁY SAU/DLM530	261.036	8%
1707	140S03-7	BATTERY COVER COMPLETE/DLM533	NÁP BẢO VỆ PIN/DLM533	279.396	8%
1708	140S12-6	GEAR HOUSING COMPLETE/DUH604	HỘP NHÔNG/DUH604	1.007.424	8%
1709	140S15-0	REAR FLAP COMPLETE/DLM382	NÁP ĐÁY HỘP ĐUNG CỎ/DLM382	95.040	8%
1710	140S28-1	CASTER 75 COMPLETE/DVC560	BÀNH XE 75/DVC560	242.784	8%
1711	140S32-0	MOTOR COVER COMPLETE/DVC560	VỎ MÁY/DVC560	302.292	8%
1712	140S35-4	SWITCH PLATE COMPLETE/DVC560	NÚT NHẤN/DVC560	32.076	8%
1713	140S37-0	HOSE COMPLETE 28-0.7/DVC560	ỐNG DẪN BỤI 28-0.7/DVC560	531.252	8%
1714	140S42-7	BLADE CASE COMPLETE/HS003G	ĐẦU HỘP NHÔNG/HS003G	975.456	8%
1715	140S46-9	TERMINAL HOUSING COMPLETE/HS003G	VỎ ĐỂ GÁI PIN/HS003G	73.332	8%
1716	140S54-0	DRIUVER GUIDE COMPLETE/DST421	THANH DẪN HƯỚNG/DST421	842.616	8%
1717	140S58-2	CONTROLLER COMPLETE/DUB363	BỘ MẠCH/DUB363	3.961.008	8%
1718	140S76-0	SHAFT PIPE COMPLETE F/UB400MP	VỎ TRỤC/UB400MP	335.830	10%
1719	140S82-5	SHAFT PIPE COMPLETE I/URI01C	ỐNG NỐI TAY CÀM/URI01C	559.680	10%
1720	140S89-1	IMPACT BOLT A COMPLETE/HR3001CJ	BÚA TRUNG GIÂN/HR3001CJ	247.320	8%
1721	140S90-6	IMPACT BOLT B COMPLETE/HR009G	BÚA GỖ B/HR009G	242.784	8%
1722	140S92-2	SUB CONTROLLER COMPLETE/DUH604	NÚT ĐIỀU KHIỂN/DUH604	691.524	8%
1723	140T04-1	MAGNET HOLDER COMPLETE/DRV150	GIÁ ĐỖ NAM CHÂM/DRV150	142.020	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1724	140T18-0	SUB CONTROLLER COMPLETE/DUR191L	MIẾNG ĐỆM NÚT CÔNG TÁC/DUR191L	544.968	8%
1725	140T22-9	PIPE COMPLETE A/DUR191L	ỐNG CÁN/DUR191L	265.870	10%
1726	140T23-7	RECEIVE WASHER COMPLETE/DUR191L	MIẾNG ĐỆM/DUR191L	139.920	10%
1727	140T28-7	SHAFT COMPLETE/DGP180	CÁN ĐAY/DGP180	279.396	8%
1728	140T33-4	SWITCH LEVER COMPLETE/GA027G	THANH GẠT CÔNG TÁC/GA027G	91.584	8%
1729	140T37-6	INTERNAL GEAR CASE COMPLETE/DTW300	HỘP NHÔNG/DTW300	183.168	8%
1730	140T47-3	HANDLE R COMPLETE/DCU603	TAY CÀM BỀN PHAI/DCU603	1.445.840	10%
1731	140T54-6	TOP ADAPTER COMPLETE/PM7650H	ỐNG NỐI/PM7650H	103.680	8%
1732	140T65-1	PUSHER COMPLETE/DST421	CHÓT ĐAY/DST421	251.856	8%
1733	140T74-0	SPINDLE COMPLETE/DPB183	TRỤC NHÔNG/DPB183	407.592	8%
1734	140T79-0	INDICATION PLATE COMPLETE/DPB183	NHẤN HIỂN THỊ/DPB183	54.972	8%
1735	140T97-8	SWITCH BASE COMPLETE/DVC157	MẮT ỚP CÔNG TÁC/DVC157	206.064	8%
1736	140T99-4	HAMMER CASE COMPLETE/TW001G	VỎ NHÔNG/TW001G	792.288	8%
1737	140U03-9	SWITCH COMPLETE/TW001G	CÔNG TÁC/TW001G	531.252	8%
1738	140U04-7	OIL PUMP COMTE/DUA300	BƠM DẦU/DUA300	207.360	8%
1739	140U25-9	DRIVER GUIDE COMPLETE/DST121	THANH DẪN HƯỚNG ĐINH/DST121	943.380	8%
1740	140U35-6	BELT COVER COMPLETE/DCE090	BAO VỆ ĐAY CỤ ROA/DCE090	563.328	8%
1741	140U41-1	TANK COVER COMPLETE/DVC156	NÁP ĐẦY KHOANG CHỨA BỤI/DVC156	599.940	8%
1742	140U53-4	SWITCH PLATE COMPLETE/DTW700	BẢNG NHẤN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DTW700	43.200	8%
1743	140U56-8	FAN HOUSING COMPLETE/DUB185	VỎ BẢO VỆ CẢNH QUẠT/DUB185	123.660	8%
1744	140U72-0	TOP COVER COMPLETE/DVC560	MIẾNG BẢO VỆ/DVC560	238.140	8%
1745	140U77-0	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/DCE090	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/DCE090	366.336	8%
1746	140U83-5	SPUR GEAR COMPLETE/DLM160	NHÔNG/DLM160	105.408	8%
1747	140U84-3	PUSHER COMPLETE/DST121	THANH ĐAY ĐINH/DST121	302.292	8%
1748	140U90-8	SWITCH LEVER COMPLETE/DFT024F	GẠT CÔNG TÁC/DFT024F	393.120	8%
1749	140U92-4	MOTOR HOUSING COMPLETE/M1100B	VỎ MÁY/M1100B	370.980	8%
1750	140U96-6	PULLEY COVER COMPLETE/DBS180	HỘP BẢO VỆ BĂNG TỐI/DBS180	599.940	8%
1751	140V09-3	PIPE 24 COMTE B/DUA300	CÁN MÂY/DUA300	1.305.072	8%
1752	140V15-8	PIPE 38 COMTE B/DUA300	CÁN MÂY/DUA300	1.300.536	8%
1753	140V18-2	PIPE 24 COMTE/DUA300	ỐNG BĂNG THEP/DUA300	289.190	10%
1754	140V20-5	SHAFT C COMPLETE/DUA301	TRỤC TỶ C/DUA301	1.149.444	8%
1755	140V21-3	SWH CUIT COMTE/DUA300	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/DUA300	302.292	8%
1756	140V23-9	VALVE COMPLETE/DVC560	VÁN THOÁT KHÍ/DVC560	13.824	8%
1757	140V32-8	SPINDLE COMPLETE/DUA300	TRỤC BÀNH RĂNG/DUA300	329.724	8%
1758	140V33-6	REAR HOUSING COMPLETE/UB001C	VỎ MÁY/UB001C	421.308	8%
1759	140V49-1	HANDLE COVER COMPLETE/DKP181	VỎ TAY CÀM/DKP181	237.600	8%
1760	140V53-0	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/DVC560	BỘ MẠCH/DVC560	554.148	8%
1761	140V75-0	FRAME COMPLETE/DPB183	KHUNG MÁY/DPB183	1.241.028	8%
1762	140V76-8	FRAME COMPLETE/DPB184	KHUNG MÁY/DPB184	1.140.264	8%
1763	140V84-9	RACK CAM COMPLETE/DLM160	TRỤC CAM CHÍNH ĐỘ CAO/DLM160	123.660	8%
1764	140V89-9	BEARING BOX COVER COMPLETE/DCO181	HỘP BẠC ĐẠN/DCO181	325.188	8%
1765	140V97-0	PROTECTOR COMPLETE/DUM111	TẤM CHÂN BẢO VỆ/DUM111	51.840	8%
1766	140W03-1	LOWER HOUSING COMPLETE/DVC560	VỎ MÁY DƯỚI/DVC560	856.332	8%
1767	140W06-5	SWITCH CIRCUIT COMPLETE G/UR101C	MIẾNG NHỰA/UR101C	430.488	8%
1768	140W14-6	INTERNAL GEAR CASE COMPLETE/TW004G	VỎ NHÔNG/TW004G	187.812	8%
1769	140W19-6	SWITCH PLATE COMPLETE/TW004G	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/TW004G	82.512	8%
1770	140W22-7	SWITCH COMPLETE/FN001G	CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH/FN001G	228.960	8%
1771	140W29-3	HARNESS PLATE COMPLETE/PDC1200	TẤM ĐỆM LƯNG /PDC1200	265.680	8%
1772	140W38-2	CRANK HOUSING A COMPLETE/HM1511	HỘP NHÔNG/HM1511	6.758.964	8%
1773	140W41-3	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/DUR192L	MẠCH CÔNG TÁC/DUR192L	297.648	8%
1774	140W45-5	PIPE COMPLETE B/DUR192L	CÁN MÂY B/DUR192L	251.900	10%
1775	140W46-3	PIPE COMPLETE C/DUR192L	CÁN MÂY C/DUR192L	275.220	10%
1776	140W47-1	RECEIVE WASHER COMPLETE/DUR192L	ĐỆM PHANG/DUR192L	107.360	10%
1777	140W48-9	LEVER COMPLETE/HM1511	CÁN GẠT/HM1511	155.736	8%
1778	140W49-7	CONTROLLER COVER COMPLETE/HM1511	NÁP BỘ MẠCH/HM1511	224.424	8%
1779	140W50-2	HANDLE COMPLETE/HM1511	TAY CÀM/HM1511	938.736	8%
1780	140W51-0	LOCK LEVER COMPLETE/PDC1200	MIẾNG KHÓA /PDC1200	91.584	8%
1781	140W52-8	PIPE COMPLETE/DDG460	ỐNG GIỮ TAY CÀM/DDG460	1.438.800	10%
1782	140W55-2	MOTOR HOUSING COVER COMPLETE/HR005G	NÁP VỎ MÁY/HR005G	164.916	8%
1783	140W56-0	LEVER COMPLETE/HR005G	CÁN GẠT/HR005G	172.590	10%
1784	140W63-3	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/UX01G	BỘ MẠCH NHỎ/UX01G	509.760	8%
1785	140W64-1	SWITCH CIRCUIT COMPLETE G/UX01G	MẠCH CÔNG TÁC G/UX01G	407.592	8%
1786	140W68-3	SHAFT PIPE B COMPLETE/UX01G	ỐNG CÁN/UX01G	401.170	10%
1787	140W77-2	HOLDER COMPLETE/HM001G	GIA ĐỒ LỖ XO/HM001G	137.376	8%
1788	140W78-0	MOTOR HOUSING COVER COMPLETE/HM001G	NÁP VỎ MÁY/HM001G	169.452	8%
1789	140W80-3	BASE COMPLETE/LS002G	BÀN ĐỀ/LS002G	2.028.672	8%
1790	140W81-1	TURN BASE COMPLETE/LS002G	BÀN ĐỀ XOAY/LS002G	2.252.988	8%
1791	140W82-9	ARM COMPLETE/LS002G	BỘ THANH TRƯỢT/LS002G	2.321.676	8%
1792	140W83-7	FRONT ARM COMPLETE/LS002G	BỘ TRƯỢT TRÊN/LS002G	3.386.130	10%
1793	140W84-5	BLADE CASE COMPLETE/LS002G	ĐẦU HỘP NHÔNG/LS002G	1.822.608	8%
1794	140W85-3	UPPER FENCE L COMPLETE/LS002G	MIẾNG ỚP THANH CỬ PHÍA TRÊN BÊN TRÁI/LS002G	429.110	10%
1795	140W86-1	UPPER FENCE R COMPLETE/LS002G	MIẾNG ỚP THANH CỬ PHÍA TRÊN BÊN PHẢI/LS002G	429.110	10%
1796	140W98-4	LINK PLATE COMPLETE/LS002G	MIẾNG ĐỆM /LS002G	242.550	10%
1797	140X02-9	SWITCH PLATE COMPLETE/LS002G	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/LS002G	32.076	8%
1798	140X03-7	LENS COMPLETE/LS002G	BỘ ỚNG KÍNH/LS002G	41.256	8%
1799	140X08-7	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/UB001C	MẠCH CÔNG TÁC/UB001C	370.980	8%
1800	140X35-4	PROTECTOR U EXT. 300-330 COMP/EM408MP	TẤM BẢO VỆ/EM408MP	142.020	8%
1801	140X49-3	SWITCH LEVER COMPLETE/GA037G	THANH GẠT CÔNG TÁC/GA037G	128.304	8%
1802	140X51-6	BRACKET COMPLETE/M3701B	VỎ MÁY/M3701B	146.556	8%
1803	140X54-0	MAIN CONTROLLER COMPLETE/DTR181	BỘ MẠCH/DTR181	6.791.040	8%
1804	140X58-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT243	VỎ MÁY/MT243	320.544	8%
1805	140X60-5	HANDLE COMPLETE/M2402	BỘ TAY CÀM/M2402	135.300	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1806	140X63-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/M2401	VỎ MÁY/M2401	311.472	8%
1807	140X89-1	SHAFT PIPE COMPLETE E/EM407MP	ỐNG CÁN/EM407MP	998.140	10%
1808	140X97-2	MOTOR HOUSING COVER COMPLETE/HR006G	VỎ MÁY/HR006G	311.472	8%
1809	140Y00-9	CRANK HOUSING A COMPLETE/HR006G	ĐẦU HỘP NHÔNG A/HR006G	1.666.872	8%
1810	140Y01-7	HOUSING COVER COMPLETE/HR006G	VỎ MÁY/HR006G	888.408	8%
1811	140Y02-5	BARREL COMPLETE/HM002G	NÔNG THÉP/HM002G	783.108	8%
1812	140Y03-3	GEAR HOUSING COMPLETE/HM002G	VỎ HỘP NHÔNG/HM002G	476.280	8%
1813	140Y04-1	HOLDER COMPLETE/HM002G	GIÁ ĐỖ LỖ XO/HM002G	128.304	8%
1814	140Y05-9	MOTOR HOUSING COVER COMPLETE/HM002G	NÁP VỎ MOTOR/HM002G	174.096	8%
1815	140Y06-7	CRANK HOUSING COMPLETE/HM002G	HỘP NHÔNG/HM002G	1.419.552	8%
1816	140Y09-1	HAMMER CASE COMPLETE/DTD157	HỘP NHÔNG/DTD157	375.516	8%
1817	140Y11-4	BEARING BOX COMPLETE/DTD157	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DTD157	91.584	8%
1818	140Y20-3	MOTOR HOUSING COMPLETE/DCC500	VỎ MÁY/DCC500	237.600	8%
1819	140Y21-1	GEAR HOUSING COMPLETE/DCC500	VỎ HỘP NHÔNG/DCC500	609.120	8%
1820	140Y24-5	HANDLE COVER COMPLETE/DCC500	VỎ TAY CÀM/DCC500	125.280	8%
1821	140Y29-5	FUEL TANK CPL. BLUE/EK8100	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EK8100	3.443.040	8%
1822	140Y38-4	PIPE BRACKET COMPLETE/UX01G	GIÁ ĐỖ ỐNG CÁN/UX01G	228.580	10%
1823	140Y39-2	BASE PLATE COMPLETE/FN001G	ĐỂ GIỮ NHÔNG BĂNG THÉP/FN001G	1.026.080	10%
1824	140Y40-7	SPUR GEAR 64 COMPLETE/FN001G	NHÔNG 64/FN001G	320.544	8%
1825	140Y45-7	SLIDE DOOR COMPLETE/FN001G	MẶT ỐP HỘP ĐINH/FN001G	297.648	8%
1826	140Y51-2	SPRING HOLDER COMPLETE/HR005G	GIÁ ĐỖ LỖ XO/HR005G	100.764	8%
1827	140Y57-0	CHARGER CASE COMPLETE/DC40RB	NÁP SẠC/DC40RB	3.095.604	8%
1828	140Y58-8	BLADE CASE COMPLETE/RS002G	ĐẦU HỘP NHÔNG/RS002G	1.726.380	8%
1829	140Y63-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/RS002G	VỎ MOTOR/RS002G	467.100	8%
1830	140Y70-8	CHARGER CASE COMPLETE/DC40RC	NÁP SẠC/DC40RC	801.360	8%
1831	140Y72-4	SHAFT PIPE A COMPLETE C/EM409MP	ỐNG CÁN/EM409MP	668.628	8%
1832	140Y80-5	SHAFT PIPE A COMPLETE D/EM408MP	CÁN MÁY A/EM408MP	750.970	10%
1833	140Y86-3	SHOE HOLDER COVER COMPLETE/GA7070	BAO VỆ BỘ GIÁ ĐỖ/GA7070	91.584	8%
1834	140Y87-1	SLIDE RALL COMPLETE/GA7070	THANH DẪN HƯỚNG/GA7070	787.644	8%
1835	140Y88-9	LOWER LINK CASE COMPLETE/GA7070	VỎ LIÊN KẾT DƯỚI/GA7070	146.556	8%
1836	140Y89-7	GEAR HOUSING COMPLETE/GA7070	BỘ VỎ NHÔNG/GA7070	577.044	8%
1837	140Y95-2	LEVER COMPLETE/DTM52/XMT04	CÁN GẠT/DTM52/XMT04	139.920	10%
1838	140Y96-0	SPUR GEAR 61 COMPLETE/DFN350	NHÔNG 61/DFN350	1.099.008	8%
1839	141010-9	SHAFT PIPE A COMPLETE/EM400MP	BỘ TAY CÀM/EM400MP	604.476	8%
1840	141019-1	FLOAT COMPLETE/VC1310L	NÁP LỌC BỤI/VC1310L	87.048	8%
1841	141021-4	SKIRT COMPLETE/PCS000C	TRỤC NHÔNG/PCS000C	599.940	8%
1842	141025-6	GEAR HOUSING COMPLETE/MT90	ĐẦU HỘP NHÔNG/MT90	123.660	8%
1843	141026-4	GEAR COMPLETE/JV0600	NHÔNG LỚN/JV0600	398.412	8%
1844	141028-0	RETAINER COMPLETE/JV0600K	MIÈNG ĐEM LƯỚI CẮT/JV0600K	160.272	8%
1845	141029-8	BEARING CASE COMPLETE/JV0600	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/JV0600	164.160	8%
1846	141040-0	FILTER COVER COMPLETE/EK7651H	NÁP CHỤP/EK7651H	712.800	8%
1847	141042-6	HOOD COMPLETE/EK7651H	NÁP CHỤP/EK7651H	1.870.560	8%
1848	141070-1	GEAR HOUSING COMPLETE/MT870	HỘP NHÔNG/MT870	178.632	8%
1849	1410A7-5	HANDLE BASE 50 COMPLETE/PS001G	KÉP TAY CÀM/PS001G	792.880	10%
1850	1410B1-4	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/PS001G	MẠCH HIỂN THỊ/PS001G	751.032	8%
1851	1410C7-9	CARRIER COMPLETE A/DFL303F	GIÁ ĐỖ NHÔNG/DFL303F	321.860	10%
1852	1410F3-8	PIPE B COMPLETE EU/DUA200	ỐNG CÁN B/DUA200	433.440	10%
1853	1410F7-0	HAMMER CASE COMPLETE/DTW300	HỘP BÚA/DTW300	237.600	8%
1854	1410F7-0	HAMMER CASE COMPLETE/DTW300	HỘP BÚA/DTW300	237.600	8%
1855	1410F8-8	HAMMER CASE COMPLETE/TW004GD	ĐẦU HỘP NHÔNG/TW004GD	256.500	8%
1856	1410G9-3	NUT COMPLETE/UC029G	NÁP ĐÁY BAO VỆ BỘ ĐIỀU CHỈNH LAM/UC029G	119.124	8%
1857	1410H0-8	REAR HAND GUARD COMPLETE/UC029G	BAO VỆ TAY CÀM DƯỚI/UC029G	128.304	8%
1858	1410L1-4	SHAFT PIPE COMPLETE/UE001G	ỐNG CÁN/UE001G	597.080	10%
1859	1410U8-3	SEPARATOR COMPLETE/VC014G	VỎ CHỤP BAO VỆ ĐỘNG CƠ/VC014G	389.232	8%
1860	1410V6-4	SWITCH BASE COMPLETE/VC013G/VC014G	MIÈNG NHỰA GIỮ CÔNG TÁC/VC013G/VC014G	119.124	8%
1861	1410X3-4	NUT COMPLETE/DUA200	ĐAI ỐC/DUA200	105.408	8%
1862	1410X5-0	MAGNET HOLDER C COMPLETE/TR001G	GIÁ ĐỖ THANH CHÂN/TR001G	112.320	8%
1863	1410Y0-7	MAGNET HOLDER D COMPLETE/TR001G	BỘ GIÁ ĐỖ /TR001G	162.800	10%
1864	1410Y1-5	MAGNET HOLDER A COMPLETE/TR001G	GIÁ ĐỖ THANH TRƯỢT/TR001G	95.040	8%
1865	141106-6	SHAFT PIPE A COMPLETE/EN400MP	TAY CÀM/EN400MP	1.044.144	8%
1866	141108-2	SWITCH BASE COMPLETE/VC1310L	MẶT ỐP CÔNG TÁC/VC1310L	146.556	8%
1867	141127-8	GEAR COMPLETE/JR102D	NHÔNG LỚN/JR102D	283.932	8%
1868	141128-6	SWITCH LEVER F COMPLETE/JR102D	CÔNG TÁC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/JR102D	108.000	8%
1869	141140-6	BASE COMPLETE/LH1040	ĐỀ CỬA MÁY CỬA ĐÁ GÓC/LH1040	1.753.920	8%
1870	141144-8	COVER COMPLETE/LH1040	NÁP BAO VỆ/LH1040	187.812	8%
1871	141150-3	CLUTCH COMPLETE/EH6000W	KHỚP LÝ HỘP/EH6000W	341.280	8%
1872	141163-4	MOTOR COMPLETE/DX01	CỤM MOTOR/DX01	448.848	8%
1873	141165-0	CAM HOLDER COMPLETE/HP1620	HỘP NHÔNG/HP1620	178.632	8%
1874	141188-6	CONTROLLER COMPLETE/TR001G	BỘ MẠCH/TR001G	6.946.560	8%
1875	1411C9-1	SWITCH PLATE COMPLETE/TW1005D	MIÈNG CHÉ CÔNG TÁC/TW1005D	114.480	8%
1876	1411D0-6	HAMMER CASE COMPLETE/TW1005D	HỘP BÚA/TW1005D	751.032	8%
1877	1411G5-7	CUTTER COMPLETE/TR001G	LƯỚI CẮT/TR001G	1.257.120	8%
1878	1411S6-9	TRAY A COMPLETE/BCC01/BCC02	BỘ VỎ CHỨA ĐỂ GÁI PIN/BCC01/BCC02	3.988.548	8%
1879	1411T2-4	GEAR HOUSING COMPLETE/DUN500W	VỎ HỘP NHÔNG/DUN500W	746.496	8%
1880	1411U8-9	SWITCH LEVER COMPLETE/GD001G/GD002G	THANH GẠT CÔNG TÁC/GD001G/GD002G	103.680	8%
1881	1411X1-4	LINK PLATE COMPLETE/UC030G	THANH THÉP LIÊN KẾT TAY CÀM/UC030G	149.600	10%
1882	1411X9-8	PIPE COMPLETE B/1916B3-6	ỐNG CÁN/1916B3-6	440.000	10%
1883	141211-9	BEARING BOX COMPLETE/BUH523	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/BUH523	69.120	8%
1884	141229-0	GEAR HOUSING COMPLETE/DHR242	VỎ ĐẦU NHÔNG/DHR242	174.096	8%
1885	141230-5	INNER SUPPORT COMPLETE/DHR242	GIÁ ĐỖ/DHR242	88.660	10%
1886	141238-9	SHAFT B COMPLETE/EX2650LH	TRỤC TY/EX2650LH	414.720	8%
1887	141247-8	FENCE COMPLETE/PJ7000	TÀM CHÂN/PJ7000	396.440	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1888	141251-7	SPUR GEAR 14A COMPLETE/DTP141	NHÔNG 14/DTP141	82.512	8%
1889	141268-0	SWITCH PLATE COMPLETE/DTP141	KHOÁ GAT/DTP141	192.348	8%
1890	141298-1	SWITCH BOX COVER COMPLETE/LM430D	HỘP CÔNG TÁC/LM430D	82.080	8%
1891	1412A8-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/TW009G	VỎ MÁY/TW009G	3.379.536	8%
1892	1412B6-6	SUPPORTER COMPLETE/DUP181	GIA ĐỖ NHÔNG/DUP181	103.680	8%
1893	1412C5-5	SHOULDER SCREW M8 COMPLETE/DUP181	ỐC BU LÔNG M8 /DUP181	96.800	10%
1894	1412C8-9	HOUSING COVER COMPLETE/DUP181	VỎ BẢO VỆ LƯỚI CẮT/DUP181	30.240	8%
1895	1412D2-8	MAGAGINE COVER COMPLETE/TR001G	NÁP BẢO VỆ CUỘN DÂY THÉP/TR001G	345.600	8%
1896	1412E5-9	HAMMER CASE COMPLETE/DTD201/XDT21	VỎ CHỤP ĐẦU BÚA/DTD201/XDT21	336.960	8%
1897	1412F3-0	TRIGGER COMPLETE/DUP181	THANH GAT CÔNG TÁC/DUP181	95.040	8%
1898	1412F4-8	STATOR COMPLETE A/UC031G	STATO/UC031G	851.040	8%
1899	1412R5-0	HOUSING B COMPLETE/UB403MP	VỎ MÁY B/UB403MP	444.204	8%
1900	1412S1-5	SHAFT PIPE COMPLETE D/UB403MP	ÔNG CÁN D/UB403MP	335.830	10%
1901	141312-3	DEPTH GUIDE COMPLETE/DHS710	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHS710	91.584	8%
1902	141327-0	GEAR HOUSING COMPLETE/PJ7000	HỘP NHÔNG/PJ7000	242.784	8%
1903	141378-3	TANK CAP COMPLETE/EK6101	NÁP BÌNH XĂNG/EK6101	108.000	8%
1904	141381-4	CYLINDER COMPLETE/EH6000W	XY LẠNH/EH6000W	635.040	8%
1905	1413D6-6	LOCK OFF LEVER COMPLETE/UC031G	KHOÁ THANH GAT CÔNG TÁC/UC031G	95.040	8%
1906	141400-6	GEAR HOUGING COMPLETE/DPJ180	VỎ NHÔNG/DPJ180	96.120	8%
1907	141419-5	SWITCH PLATE COMPLETE/DBO180	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DBO180	91.584	8%
1908	141448-8	SWITCH COMPLETE/BTD136	CÔNG TÁC/BTD136	407.592	8%
1909	141458-5	SPIRAL BEVEL GEAR 11 COMPLETE/DHR242	NHÔNG NHỎ/DHR242	119.124	8%
1910	141477-1	HAMMER CASE COMPLETE/BTD136	HỘP NHÔNG/BTD136	302.400	8%
1911	141496-7	PLASTIC CARRYING CASE/DPB180	VỎ HỘP/DPB180	3.690.900	8%
1912	141500-2	SHAFT PIPE B COMPLETE/DUX60	ÔNG TAY CÀM/DUX60	513.040	10%
1913	141515-9	BRAKE SHOE HOLDER COMPLETE/GA5093	MIẾNG ĐỂ ĐỒ PHANH/GA5093	312.510	10%
1914	141521-4	ENGINE COVER COMPLETE/PM7650H	VỎ ĐỘNG CƠ/PM7650H	838.080	8%
1915	141522-2	BODY HOLDER COMPLETE/PM7650H	GIA ĐỖ VỎI NƯỚC/PM7650H	38.880	8%
1916	141525-6	AIR CLEANER COVER COMPLETE/PM7650H	NÁP LỌC GIÓ/PM7650H	397.440	8%
1917	141572-7	INNER HOUSING COMPLETE/HR2300	VỎ MÁY BÊN TRONG/HR2300	316.008	8%
1918	141573-5	INNER HOUSING COMPLETE/HR2601	VỎ MÁY BÊN TRONG/HR2601	380.160	8%
1919	141574-3	INNER HOUSING COMPLETE/DHR202	ÓP ĐẦU/DHR202	247.320	8%
1920	141575-1	INNER HOUSING COMPLETE/HR2230	VỎ MÁY BÊN TRONG/HR2230	251.856	8%
1921	141583-2	SWITCH PLATE COMPLETE/BTD136	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/BTD136	64.152	8%
1922	141630-9	TABLE COMPLETE/LH1040	BÀN ĐỂ/LH1040	1.099.008	8%
1923	141633-3	HAMMER CASE COMPLETE/DTD129	HỘP NHÔNG/DTD129	196.992	8%
1924	141649-8	STARTER CASE COMPLETE/EB7650TH	HỘP KHỞI ĐỘNG/EB7650TH	414.720	8%
1925	141664-2	INNER HOUSING COMPLETE/MT871	VỎ BÊN TRONG/MT871	238.140	8%
1926	141672-3	PUMP BODY ASSEMBLY/EB7650TH	ÔNG BƠM NHIÊN LIỆU/EB7650TH	803.520	8%
1927	141689-6	CLUTCH DRUM COMPLETE/RBC411U	HỘP KHỚP LY HỢP/RBC411U	125.280	8%
1928	141690-1	CRANK SHAFT COMPLETE/JS1602	TRỤC KHUYU/JS1602	764.748	8%
1929	141691-9	GEAR HOUSING COMPLETE/JS1602	HỘP NHÔNG/JS1602	1.099.008	8%
1930	141712-7	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT912	VỎ MÁY/MT912	196.992	8%
1931	141717-7	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT583	VỎ MÁY/MT583	276.480	8%
1932	141720-8	BLADE CASE COMPLETE/MT583	ĐẦU HỘP NHÔNG/MT583	609.120	8%
1933	141725-8	HAMMER CASE COMPLETE/M6901D	ĐẦU BÚA/M6901D	201.528	8%
1934	141726-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/4100NH2	VỎ MÁY/4100NH2	448.848	8%
1935	141737-1	PUMP BODY/EE2650H	ÔNG BƠM NHIÊN LIỆU/EE2650H	34.560	8%
1936	141744-4	CARRIER COMPLETE/DSC191	GÁ ĐỖ/DSC191	144.650	10%
1937	141760-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT941	VỎ MÁY/MT941	526.608	8%
1938	141764-8	TANK CAP COMPLETE/PM7650H	VỎ HỘP CHỨA ĐAU/PM7650H	488.160	8%
1939	141765-6	LOCK BUTTON COMPLETE/HR2300	NÚT KHOA/HR2300	32.076	8%
1940	141771-1	ROCKER COVER COMPLETE/EB7650TH	NÁP CHỤP/EB7650TH	125.280	8%
1941	141772-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT372	VỎ MÁY/MT372	114.480	8%
1942	141786-8	BARREL COMPLETE/HM1214C	VỎ NHÓM ĐẦU BẢO VỆ/HM1214C	1.842.280	10%
1943	141790-7	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT111	VỎ MÁY/MT111	380.160	8%
1944	141795-7	GEAR HOUSING COMPLETE/JS3201	HỘP NHÔNG/JS3201	883.872	8%
1945	141796-5	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/JN3201	NÁP HỘP NHÔNG/JN3201	778.464	8%
1946	141797-3	GEAR HOUSING COMPLETE/JN3201	HỘP NHÔNG/JN3201	2.298.780	8%
1947	141858-9	SPUR GEAR 9B COMPLETE/DCG180	NHÔNG NHỎ/DCG180	91.584	8%
1948	141859-7	SPUR GEAR 9C COMPLETE/DCG180	NHÔNG NHỎ/DCG180	581.580	8%
1949	141860-2	CARRIER A COMPLETE/DCG180	GIA ĐỖ/DCG180	154.000	10%
1950	141861-0	HOLDER B COMPLETE/DCG180	BỘ BÈ ĐỖ/DCG180	652.320	8%
1951	141866-0	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT362	VỎ MÁY/MT362	480.816	8%
1952	141867-8	BASE COMPLETE/MT362	ĐỂ CUA MÁY PHAY/MT362	755.568	8%
1953	141868-6	MOTOR BRACKET COMPLETE/MT362	NÁP CHỤP/MT362	581.580	8%
1954	141875-9	POWDER FILTER M COMPLETE/VC3211M	BỘ LỌC BỤI/VC3211M	444.204	8%
1955	141892-9	HAMMER CASE COMPLETE/TD091D	HỘP NHÔNG/TD091D	203.040	8%
1956	141893-7	BEARING BOX COMPLETE/TD091D	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/TD091D	114.480	8%
1957	141900-6	CHARGER CASE COMPLETE/DC18SF	VỎ SẠC/DC18SF	1.534.032	8%
1958	141903-0	GEAR COMPLETE/UH3502	NHÔNG/UH3502	206.064	8%
1959	141915-3	COWLING COMPLETE/VC3211M	NÁP CHỤP/VC3211M	1.094.472	8%
1960	141916-1	TANK COVER COMPLETE/VC3211M	NÁP THÙNG MÁY/VC3211M	1.172.340	8%
1961	141917-9	SEPARATOR COMPLETE/VC3211M	NÁP CHỤP MOTOR/VC3211M	787.644	8%
1962	141918-7	INNER VALVE COMPLETE/VC3211M	LƯỚI LỌC TRONG/VC3211M	68.688	8%
1963	141919-5	OUTER VALVE COMPLETE/VC3211M	LƯỚI LỌC NGOÀI/VC3211M	64.152	8%
1964	141921-8	NOZZLE ADAPTER COMLETE/PM7650H	BỘ ĐIỀU CHỈNH VỎI PHUN/PM7650H	95.040	8%
1965	141925-0	SHAFT PIPE COMPLETE/RBC411U	TRỤC TAY CÀM/RBC411U	751.680	8%
1966	141943-8	METERING COVER ASSEMBLY/EK7651H	NÁP ĐẦY/EK7651H	189.200	10%
1967	141950-1	GEAR COMPLETE/MT652	NHÔNG LỚN/MT652	155.736	8%
1968	141951-9	GEAR COMPLETE/MT653	NHÔNG LỚN/MT653	160.272	8%
1969	141953-5	CRANK HOUSING A COMPLETE/HR4013C	ĐẦU HỘP NHÔNG A/HR4013C	2.184.300	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1970	141955-1	GEAR HOUSING COMPLETE/HR4013C	NÁP HỘP NHÔNG/HR4013C	1.135.728	8%
1971	141956-9	BARREL COMPLETE/HR4013C	VỎ NHÔM ĐẦU/HR4013C	1.149.444	8%
1972	141957-7	HOUSING COVER A COMPLETE/DHR400	VỎ CHỤP ĐẦU/DHR400	466.560	8%
1973	141959-3	TORQUE LIMITTER COMPLETE/DHR400	NHÔNG LỚN/DHR400	1.451.628	8%
1974	141981-0	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/GA4040	NÁP HỘP NHÔNG/GA4040	224.424	8%
1975	141993-3	BARREL COMPLETE/HR4002	VỎ NHÔM ĐẦU/HR4002	618.192	8%
1976	141994-1	CAM COMPLETE/MT80B	CAM NHÔNG/MT80B	44.000	10%
1977	141A05-8	MOTOR HOUSING COMPLETE/UR002G	VỎ MOTOR/UR002G	416.772	8%
1978	141A09-0	PROTECTOR U EXT. 350 COMPLETE/UR002G	TẮM CHÂN CHỦ U/UR002G	201.528	8%
1979	141A11-3	BLADE CASE COMPLETE/RS001G	ĐẦU HỘP NHÔNG/RS001G	1.277.640	8%
1980	141A12-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/RS001G	VỎ MOTOR/RS001G	352.620	8%
1981	141A17-1	SPUR GEAR 22-48 COMPLETE/DDA450	NHÔNG 22-48/DDA450	82.512	8%
1982	141A18-9	CARRIER COMPLETE/DDA450	GIÁ ĐỒ NHÔNG/DDA450	65.340	10%
1983	141A40-6	HAMMER CASE COMPLETE/DTD172	HỘP NHÔNG/DTD172	554.148	8%
1984	141A41-4	BEARING BOX COMPLETE/DTD172	HỘP BẠC ĐẠN/DTD172	224.424	8%
1985	141A46-4	DUST BOX COMPLETE/HR4002	HỘP CHỮA BỤI/HR4002	819.720	8%
1986	141A59-5	LED COVER COMPLETE/LS002G	BỘ NÁP BAO VỆ ĐÈN LED/LS002G	73.332	8%
1987	141A63-4	GEAR COMPLETE 46/DFR452	NHÔNG 46/DFR452	668.628	8%
1988	141A64-2	GEAR HOUSING COMPLETE/DFR452	VỎ HỘP NHÔNG/DFR452	1.273.104	8%
1989	141A65-0	LEVER COMPLETE/DFR452	THANH GẠT/DFR452	125.950	10%
1990	141A67-6	SPINDLE 270S COMPLETE/DFR452	TRỤC/DFR452	650.268	8%
1991	141A99-3	HAMMER CASE COMPLETE/TW007G	VỎ HỘP NHÔNG/TW007G	410.400	8%
1992	141B05-4	PIPE COMPLETE O/UR002G	ỐNG CÁN/UR002G	430.488	8%
1993	141B15-1	SWITCH PLATE COMPLETE/DBO480	MIẾNG CHE NÚT NHẤN/DBO480	32.076	8%
1994	141B22-4	SHAFT PIPE B COMPLETE/DUX18	ỐNG CÁN/DUX18	499.070	10%
1995	141B31-3	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/UR002G	MẠCH HIỂN THỊ/UR002G	540.432	8%
1996	141B54-1	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/CL001G	NÚT KHÔI ĐỘNG/CL001G	320.544	8%
1997	141B58-3	MOTOR HOLDER COMPLETE/DUN461W	GIÁ ĐỖ MOTOR/DUN461W	121.330	10%
1998	141B59-1	GEAR COMPLETE/DUN461W	NHÔNG/DUN461W	247.320	8%
1999	141B81-8	TERMINAL COVER L COMPLETE/DRC300	NÁP CHỤP BAO VỆ PIN L/DRC300	228.960	8%
2000	141B82-6	TERMINAL COVER R COMPLETE/DRC300	NÁP CHỤP BAO VỆ PIN R/DRC300	228.960	8%
2001	141B86-8	UPPER HOUSING COMPLETE/DRC300	VỎ MÁY TRÊN/DRC300	2.097.360	8%
2002	141B90-7	LIDAR COVER COMPLETE/DRC300	NÁP CHỤP CAM BIÊN/DRC300	283.932	8%
2003	141B97-3	TOP CAP COMPLETE/DRC300	NÁP CHỤP/DRC300	435.024	8%
2004	141C02-6	HAMMER CASE COMPLETE/TD112D	VỎ HỘP NHÔNG/TD112D	389.232	8%
2005	141C03-4	SWITCH PLATE COMPLETE/TD112D	CÔNG TẮC/TD112D	50.436	8%
2006	141C08-4	BLADE CASE COMPLETE/LS003G	BỘ BỌC LƯỖI CÁT/LS003G	2.555.280	8%
2007	141C11-5	HOLDER COMPLETE/LS003G	GIÁ ĐỖ THANH TRƯỢT/LS003G	242.550	10%
2008	141C12-3	ARM COMPLETE/LS003G	BỘ CÁN TRƯỢT/LS003G	2.921.616	8%
2009	141C14-9	FRONT ARM COMPLETE/LS003G	BỘ TRƯỢT TRÊN/LS003G	1.987.416	8%
2010	141C16-5	UPPER FENCE L COMPLETE/LS003G	TẮM CHÂN BÊN TRÁI/LS003G	643.720	10%
2011	141C18-1	UPPER FENCE R COMPLETE/LS003G	TẮM CHÂN BÊN PHẢI/LS003G	667.040	10%
2012	141C21-2	LED COVER COMPLETE/LS003G	NÁP CHỤP ĐÈN LED/LS003G	178.632	8%
2013	141C22-0	SWITCH PLATE COMPLETE/LS003G	NÚT NHẤN CÔNG TẮC/LS003G	54.972	8%
2014	141C39-3	PIPE HOLDER 32 COMPLETE/DUN461W	ỐNG GIÁ ĐỖ 32/DUN461W	93.280	10%
2015	141C40-8	GEAR COMPLETE/UH004G	BÀNH RĂNG/UH004G	677.808	8%
2016	141C41-6	GEAR HOUSING COMPLETE/UH004G	HỘP NHÔNG/UH004G	596.160	8%
2017	141C46-6	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/UH004G	NÁP HỘP NHÔNG/UH004G	423.360	8%
2018	141C49-0	GEAR COMPLETE/UH004G	BÀNH RĂNG/UH004G	494.640	8%
2019	141C50-5	GEAR HOUSING COMPLETE/UH004G	HỘP NHÔNG/UH004G	636.552	8%
2020	141C58-9	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/LM001C	MẠCH CÔNG TẮC/LM001C	416.772	8%
2021	141C62-8	SHAFT PIPE COMPLETE B/UB401MP	ỐNG TỶ CÁN/UB401MP	382.470	10%
2022	141C76-7	BLADE CASE COMPLETE/LS004G	BỘ BỌC LƯỖI CÁT/LS004G	2.111.076	8%
2023	141C80-6	ARM COMPLETE/LS004G	BỘ CÁN TRƯỢT/LS004G	2.408.724	8%
2024	141C81-4	UPPER FENCE L COMPLETE/LS004G	TẮM CHÂN BÊN TRÁI/LS004G	597.080	10%
2025	141C82-2	UPPER FENCE R COMPLETE/LS004G	TẮM CHÂN BÊN PHẢI/LS004G	597.080	10%
2026	141C83-0	FRONT ARM COMPLETE/LS004G	BỘ TRƯỢT TRÊN/LS004G	1.868.400	8%
2027	141D05-6	TERMINAL HOUSING COMPLETE/SP001G	ĐÈ GAI PIN/SP001G	77.760	8%
2028	141D06-4	BLADE CASE COMPLETE/SP001G	BỘ BỌC LƯỖI CÁT/SP001G	1.016.604	8%
2029	141D07-2	GEAR HOUSING COMPLETE/SP001G	VỎ HỘP NHÔNG/SP001G	865.512	8%
2030	141D09-8	COWLING UPPER COMPLETE/LM001C	THÂN MÁY TRÊN/LM001C	1.016.604	8%
2031	141D12-9	DECK COMPLETE/LM001C	VỎ MÁY/LM001C	3.324.564	8%
2032	141D19-5	BRACKET COMPLETE/3711	BỘ GIÁ ĐỖ/3711	174.096	8%
2033	141D21-8	BRACKET COMPLETE/N3702B	VỎ MÁY/N3702B	155.736	8%
2034	141D23-4	MAIN SLEEVE COMPLETE/DTR181	TRỤC NHÔNG/DTR181	4.364.064	8%
2035	141D24-2	UPPER HANDLE HOLDER 22/UR006G	GIÁ ĐỖ TAY CẦM TRÊN 22/UR006G	111.980	10%
2036	141D26-8	INDICATION CIRCUIT COMPLETE G/UR012G	MẠCH HIỂN THỊ/UR012G	540.432	8%
2037	141D27-6	HANDLE 22L COMPLETE/UR006G	TAY CẦM BÊN TRÁI 22L/UR006G	424.490	10%
2038	141D28-4	MOTOR HOUSING COMPLETE/M9504B	VỎ MÁY/M9504B	206.064	8%
2039	141D32-3	LED COVER COMPLETE/LS004G	NÁP CHỤP ĐÈN LED/LS004G	77.868	8%
2040	141D34-9	SPINDLE COMPLETE A/DUA300	TRỤC NHÔNG/DUA300	254.880	8%
2041	141D35-7	SPL BEVEL GEAR 18 COMPLETE/DUA300	NHÔNG 18/DUA300	112.320	8%
2042	141D39-9	GEAR HOUSING COMPLETE/DA001G	VỎ HỘP NHÔNG/DA001G	1.703.484	8%
2043	141D66-6	SWITCH CIRCUIT COMPLETE E/UH004G	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/UH004G	412.128	8%
2044	141D69-0	UPPER HANDLE HOLDER19 COMPLETE/UR002G	NÁP GIỮ TAY CẦM 19/UR002G	107.360	10%
2045	141D72-1	PROTECTOR EXT. 480 COMPLETE/UR012G	TẮM CHÂN BAO VỆ/UR012G	925.020	8%
2046	141D74-7	SHAFT PIPE COMPLETE A/UR012G	ỐNG CÁN/UR012G	1.511.180	10%
2047	141D78-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/3711	VỎ MÁY/3711	96.228	8%
2048	141D80-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/M3700B	VỎ MÁY/M3700B	119.124	8%
2049	141D98-3	GRIP PIPE COMPLETE BR/EY403MP	ỐNG TAY CẦM/EY403MP	1.016.840	10%
2050	141E09-4	TURN BASE COMPLETE/LS003G	BÀN ĐỂ/LS003G	3.883.248	8%
2051	141E23-0	REAR HOUSING COMPLETE/UB401MP	VỎ SAU/UB401MP	338.904	8%
2052	141E30-3	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/LM001J	MẠCH CÔNG TẮC/LM001J	403.056	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2053	141E34-5	TIRE 180 COMPLETE/LM001J	BÀNH XE 180/LM001J	325.188	8%
2054	141E35-3	TIRE 230 COMPLETE/LM001J	BÀNH XE 230/LM001J	407.592	8%
2055	141E52-3	HOLDER COMPLETE/HR006GZ	GIA ĐỖ/HR006GZ	209.880	10%
2056	141E55-7	MOTOR COVER R COMPLETE/CL001G	NÁP BAO VỆ/CL001G	36.720	8%
2057	141E60-4	LINK PLATE COMPLETE/UC004G	CHỐT KHÓA XÍCH/UC004G	111.980	10%
2058	141E65-4	FRONT COVER COMPLETE/DLM160	VỎ MÁY TRƯỚC/DLM160	380.160	8%
2059	141E67-0	HANDLE 19 L COMPLETE/DUR368A	TAY CÀM19 L/UR002G	419.760	10%
2060	141E75-1	HAMMER CASE COMPLETE/DTWA260	HỘP NHÔNG/DTWA260	1.721.844	8%
2061	141E76-9	BRACKET COMPLETE/RT0702C	VỖ MÁY/RT0702C	210.708	8%
2062	141E77-7	SWITCH PLATE YELLOW COMPLETE/DTWA260	PHIẾM ĐIỀU CHỈNH/DTWA260	251.856	8%
2063	141E90-5	SWITCH PLATE COMPLETE/DBO380	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DBO380	32.076	8%
2064	141E93-9	TURN BASE COMPLETE/LS004G	BÀN ĐÉ/LS004G	3.819.096	8%
2065	141E94-7	HAMMER CASE COMPLETE/DTW302	HỘP NHÔNG/DTW302	256.500	8%
2066	141F10-5	FRONT COVER COMPLETE/CL002G	NÁP CHỤP TRƯỚC/CL002G	87.048	8%
2067	141F21-0	FRONT COVER COMPLETE/CL002G	NÁP CHỤP TRƯỚC/CL002G	91.584	8%
2068	141F22-8	FRONT COVER COMPLETE/CL002G	NÁP CHỤP TRƯỚC/CL002G	91.584	8%
2069	141F42-2	INNER HOUSING COMPLETE/HR007G	GIA ĐỖ XY LẠNH/HR007G	425.952	8%
2070	141F63-4	TIRE 230 COMPLETE/DLM480	BÀNH XE 230/DLM480	407.592	8%
2071	141F68-4	SWITCH PLATE COMPLETE/DTD172	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DTD172	73.332	8%
2072	141F75-7	SWITCH BASE COMPLETE/VC001GL	ĐỂ GIỮ CÔNG TÁC/VC001GL	192.348	8%
2073	141F76-5	SWITCH BASE COMPLETE/VC002GL	ĐỂ GIỮ CÔNG TÁC/VC002GL	435.024	8%
2074	141F78-1	COWLING COMPLETE/VC001GL	NÁP CHỤP TRÊN/VC001GL	453.384	8%
2075	141F80-4	COWLING COMPLETE/VC002GL	NÁP CHỤP TRÊN/VC002GL	467.100	8%
2076	141F83-8	TANK COVER COMPLETE/VC001GL	NÁP ĐẦY KHOANG CHỨA BỤI/VC001GL	503.712	8%
2077	141F84-6	SEPARATOR COMPLETE/VC001GL	NÁP THÂN MÁY /VC001GL	476.280	8%
2078	141F85-4	CLOTH FILTER COMPLETE/VC001GL	TÚI LỌC BỤI/VC001GL	499.176	8%
2079	141F86-2	CASTER 120 COMPLETE/VC005GL	BÀNH XE 120/VC005GL	476.280	8%
2080	141F87-0	HOUSING COVER/HM001G	BỌC VỎ NHÔNG/HM001G	453.384	8%
2081	141G07-0	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/UC004G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/UC004G	398.412	8%
2082	141G09-6	FRONT HAND GUARD COMPLETE/UC004G	TAY NAM KHÓA AN TOÀN/UC004G	187.812	8%
2083	141G16-9	TERMINAL HOUSING COMPLETE/HS009G	VỖ ĐỂ GÀI PIN/HS009G	91.584	8%
2084	141G17-7	BLADE CASE COMPLETE/HS009G	HỘP BỌC LƯỚI CÁT/HS009G	1.025.784	8%
2085	141G18-5	FRAME COMPLETE/HS009G	KHUNG MÁY/HS009G	714.420	8%
2086	141G25-8	FRAME COMPLETE/HS011G	THƯỚC CHIA ĐỘ/HS011G	737.316	8%
2087	141G27-4	BLADE CASE COMPLETE/HS011G	VỎ NHÔNG/HS011G	1.286.820	8%
2088	141G33-9	FRONT GRIP BASE COMPLETE/UH013G	MẶT TRƯỚC ĐỂ TAY CÀM/UH013G	283.932	8%
2089	141G39-7	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/CE001G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/CE001G	228.960	8%
2090	141G40-2	BELT COVER COMPLETE/CE001G	NÁP CHỤP DÂY CU ROA/CE001G	531.740	10%
2091	141G44-4	GEAR HOUSING COMPLETE/CE001G	VỎ NHÔNG/CE001G	407.592	8%
2092	141G47-8	SPUR GEAR 13 COMPLETE C/DFT060T	NHÔNG 13/DFT060T	45.792	8%
2093	141G48-6	SPUR GEAR 13 COMPLETE D/DFT120T	NHÔNG 13/DFT120T	146.556	8%
2094	141G49-4	SPINDLE N COMPLETE/DFT060T	TRỤC CỐT MÁY N/DFT060T	1.163.160	8%
2095	141G51-7	GEAR CASE COMPLETE/DFT060T	HỘP NHÔNG/DFT060T	952.560	8%
2096	141G57-5	DUST CAP COMPLETE/AS001G	NÁP/AS001G	27.540	8%
2097	141G66-4	MOTOR HOUG COMTE/RP1111C/RP1802	VỎ MÁY/RP1111C/RP1802	1.872.936	8%
2098	141G67-2	SWITCH PLATE COMPLETE/DFR452	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/DFR452	99.360	8%
2099	141G68-0	TANK COVER COMPLETE/VC005GL	NÁP ĐẦY KHOANG CHỨA BỤI/VC005GL	540.432	8%
2100	141G69-8	SPUR GEAR 61 COMPLETE/PT001G	NHÔNG 61/PT001G	352.620	8%
2101	141G70-3	BASE PLATE COMPLETE/PT001G	ĐỂ GIỮ NHÔNG/PT001G	485.100	10%
2102	141G78-7	WHEEL COMPLETE A/PB002G	BÀNH ĐÀ/PB002G	421.308	8%
2103	141G83-4	REAR FRAME COMPLETE/PB002G	KHUNG PHÍA SAU/PB002G	1.025.784	8%
2104	141G86-8	FRONT FRAME COMPLETE/PB002G	KHUNG PHÍA TRƯỚC/PB002G	943.380	8%
2105	141G99-9	TIRE 330 R ASSEMBLY/DCU603	BÀNH XE BỀN PHẢI 330MM/DCU603	3.471.120	8%
2106	141H00-0	TIRE 330 L ASSEMBLY/DCU603	BÀNH XE BỀN TRÁI 330MM/DCU603	3.471.120	8%
2107	141H01-8	TIRE 210 ASSEMBLY/DCU603	BÀNH XE ĐƯỜNG KÍNH 210MM/DCU603	2.074.464	8%
2108	141H06-8	GEAR HOUSING COMPLETE/PB002G	VỎ NHÔNG/PB002G	682.344	8%
2109	141H14-9	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/UA001G	CÔNG TÁC/UA001G	416.772	8%
2110	141H20-4	HANDLE LOCK KNOB/DCU603	ỐC ĐIỀU CHỈNH TAY CÀM/DCU603	172.590	10%
2111	141H24-6	REAR FLAP COMPLETE/LM001J	NÁP ĐẦY HỘP ĐỪNG CỎ/LM001J	201.528	8%
2112	141H35-1	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/DLM480	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/DLM480	274.752	8%
2113	141H36-9	GEAR HOUSING COMPLETE/CS002G	HỘP NHÔNG/CS002G	1.689.768	8%
2114	141H38-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/CS002G	VỎ MÁY/CS002G	435.024	8%
2115	141H41-6	TERMINAL HOUSING COMPLETE/CS002G	VỖ ĐỂ GÀI PIN/CS002G	155.736	8%
2116	141H42-4	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/UH013G	NÁP HỘP NHÔNG/UH013G	677.808	8%
2117	141H43-2	BATTERY COVER COMPLETE/DLM480	NÁP CHỤP BAO VỆ PIN/DLM480	306.828	8%
2118	141H47-4	LOWER HOUSING COMPLETE/VC008G	VỎ SAU MÁY/VC008G	508.356	8%
2119	141H48-2	LOWER HOUSING COMPLETE/VC009G	VỎ MÁY SAU/VC009G	494.640	8%
2120	141H54-7	BATTERY COVER COMPLETE/LM001J	NÁP BAO VỆ PIN/LM001J	389.232	8%
2121	141H55-5	CHARGER CASE COMPLETE/DCI8WC	NÁP SẠC/DCI8WC	558.684	8%
2122	141H61-0	MOTOR BRACKET COMPLETE/DLM480	ĐỂ CỐ ĐỊNH MOTOR/DLM480	366.336	8%
2123	141H68-6	GEAR COMPLETE/DJV184	NHÔNG/DJV184	389.232	8%
2124	141H81-4	MOTOR HOUSING COMPLETE/HR008G	VỎ MÁY/HR008G	251.856	8%
2125	141H90-3	SWITCH BASE COMPLETE/VC005GL	ĐỂ GIỮ CÔNG TÁC/VC005GL	187.812	8%
2126	141H94-5	TORQUE LIMITER COMPLETE/JR002G	NHÔNG GIỚI HẠN TRỤC QUAY/JR002G	622.836	8%
2127	141H95-3	SLIDER SUPPORT COMPLETE/JR002G	THÀNH TRƯỢT/JR002G	192.348	8%
2128	141H97-9	BEARING COMPLETE/JR002G	BẠC THAU/JR002G	178.632	8%
2129	141H98-7	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/JR002G	VỎ HỘP NHÔNG/JR002G	251.856	8%
2130	141J09-4	PIPE 22 COMPLETE A/DUR193	CẦN MÁY 22/DUR193	228.960	8%
2131	141J26-4	SPINDLE COMPLETE/PV001G	TRỤC QUAY TRUYỀN ĐỘNG/PV001G	215.244	8%
2132	141J37-9	PIPE 38 COMPLETE B/UA001G	CẦN MÁY/UA001G	1.296.000	8%
2133	141J40-0	PIPE 24 COMPLETE B/UA001G	CẦN MÁY 24/UA001G	1.176.876	8%
2134	141J44-2	GEAR HOUSING COMPLETE/UH013G	HỘP NHÔNG/UH013G	1.186.056	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2135	141J45-0	COWLING COMPLETE/DLM481	VỎ MÁY DƯỚI/DLM481	517.536	8%
2136	141J46-8	COWLING COMPLETE/DLM480	VỎ MÁY DƯỚI/DLM480	554.148	8%
2137	141J49-2	COWLING COMPLETE/DLM539	VỎ MÁY DƯỚI/DLM539	535.788	8%
2138	141J50-7	COWLING COMPLETE/DLM538	VỎ MÁY DƯỚI/DLM538	544.968	8%
2139	141J53-1	REAR FLAP COMPLETE/DLM538	MIẾNG NHỰA CHÂN CỎ/DLM538	201.528	8%
2140	141J55-7	REAR FLAP COMPLETE/DLM480	MIẾNG NHỰA CHÂN CỎ/DLM480	196.992	8%
2141	141J58-1	BRACKET COMPLETE/KP001G	VỎ MÁY/KP001G	270.216	8%
2142	141J65-4	BEARING BOX COMPLETE/TD002G	BẠC ĐẠN(Ổ BỊ)/TD002G	279.396	8%
2143	141J66-2	HAMMER CASE COMPLETE/TD002G	HỘP NHÔNG/TD002G	673.164	8%
2144	141J69-6	FRONT HAND GUARD COMPLETE/UC012G	CẢN ĐÁY KHÓA AN TOÀN/UC012G	196.992	8%
2145	141J75-1	FRAME COMPLETE/UB002C	KHUNG MÁY/UB002C	1.025.784	8%
2146	141J76-9	HOUSING COMPLETE/UB002C	VỎ MÁY/UB002C	462.564	8%
2147	141J78-5	CORD COVER COMPLETE/UB002C	NÁP CHỤP DÂY DẪN/UB002C	256.500	8%
2148	141J86-6	COWLING COMPLETE G/DLM230	VỎ MÁY G/DLM230	723.600	8%
2149	141J87-4	REAR COVER COMPLETE G/DLM230	MIẾNG BẢO VỆ LƯỚI CẮT/DLM230	109.944	8%
2150	141J98-9	LOWER HOUSING COMPLETE/DRC300	VỎ MÁY DƯỚI/DRC300	1.497.420	8%
2151	141J99-7	GEAR COMPLETE 21-25/DFR452	NHÔNG 21-25/DFR452	554.148	8%
2152	141K01-6	BATTERY COVER COMPLETE/DCU603	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/DCU603	361.800	8%
2153	141K44-8	GEAR COMPLETE/DUH506	NHÔNG/DUH506	494.640	8%
2154	141K47-2	PROTECTOR COMPLETE/DUH506	TẮM CHÂN BẢO VỆ/DUH506	41.256	8%
2155	141K49-8	SPUR GEAR 42 COMPLETE/UT001G	NHÔNG 42/UT001G	338.904	8%
2156	141K50-3	SPUR GEAR 49 COMPLETE/UT001G	NHÔNG 49/UT001G	375.516	8%
2157	141K56-1	MOTORHOUSING COMPLETE/AS001G	VỎ MOTOR/AS001G	119.124	8%
2158	141K76-5	SPINDLE COMPLETE/VR001G	TRỤC NHÔNG TRUYỀN ĐỘNG/VR001G	100.764	8%
2159	141K86-2	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/VR001G	MẠCH CÔNG TÁC/VR001G	293.112	8%
2160	141L25-8	WHEEL COVER 100 COMPLETE/GA039G	NÁP CHỤP BẢO VỆ 100/GA039G	297.648	8%
2161	141L27-4	WHEEL COVER 125 COMPLETE/GA039G	NÁP CHỤP BẢO VỆ 125/GA039G	201.528	8%
2162	141L58-3	SEPARATOR COMPLETE/VC006GM	VỎ THÂN MÁY/VC006GM	1.566.108	8%
2163	141L60-6	SWITCH BASE A COMPLETE/VC006GM	ĐẾ CÔNG TÁC A/VC006GM	444.204	8%
2164	141L61-4	SWITCH BASE B COMPLETE/VC006GM	ĐẾ CÔNG TÁC B/VC006GM	444.204	8%
2165	141L63-0	CAP COMPLETE/VC006GM	NÁP ĐẦY KHE CẮM CÁP/VC006GM	123.660	8%
2166	141L64-8	COWLING COMPLETE/VC006GM	VỎ MÁY/VC006GM	1.121.904	8%
2167	141L68-0	TANK COVER COMPLETE/VC006GM	VỎ MÁY BẢO VỆ KHOANG BỤI/VC006GM	1.469.988	8%
2168	141L69-8	TANK COVER COMPLETE/VC006GM	VỎ MÁY BẢO VỆ KHOANG BỤI/VC006GM	1.483.704	8%
2169	141L70-3	OUTER VALVE COMPLETE/VC006GM	LƯỚI LỌC NGOÀI/VC006GM	59.616	8%
2170	141L71-1	INNER VALVE COMPLETE/VC006GM	LƯỚI LỌC TRONG/VC006GM	50.436	8%
2171	141L75-3	TOP COVER COMPLETE/DCU603	TẮM NHỰA BẢO VỆ BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DCU603	453.384	8%
2172	141L82-6	SWITCH PLATE COMPLETE/TD002G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/TD002G	87.048	8%
2173	141L92-3	GEAR COMPLETE/DJR189	NHÔNG/DJR189	526.608	8%
2174	141M09-2	CHARGER CASE COMPLETE/DC40WA	VỎ SẠC/DC40WA	879.228	8%
2175	141M10-7	HOLDER B COMPLETE/CG100D	BỘ BÈ ĐỖ/CG100D	851.796	8%
2176	141M22-0	REAR FLAP COMPLETE/LM001G	VỎ MÁY SAU CHÂN CỎ/LM001G	187.812	8%
2177	141M25-4	TIRE 230 COMPLETE/LM001G	BÀNH XE 230/LM001G	499.176	8%
2178	141M26-2	TIRE 230 COMPLETE/LM001G	BÀNH XE 230/LM001G	503.712	8%
2179	141M28-8	COWLING COVER COMPLETE/LM001G	VỎ MÁY TRÊN/LM001G	100.764	8%
2180	141M30-1	STATOR BASE COMPLETE/LM001G	ĐẾ GÁI STATO/LM001G	545.710	10%
2181	141M31-9	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/LM001G	MẠCH CÔNG TÁC/LM001G	457.920	8%
2182	141M33-5	COWLING COVER COMPLETE/LM001G	VỎ MÁY TRÊN/LM001G	119.124	8%
2183	141M36-9	REAR FLAP COMPLETE/LM001G	VỎ MÁY SAU CHÂN CỎ/LM001G	187.812	8%
2184	141M44-0	OIL UNIT COMPLETE/DTS141	BỘ HỘP NHÔNG/DTS141	6.149.952	8%
2185	141M56-3	BATTERY COVER COMPLETE/DCU601	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/DCU601	329.724	8%
2186	141M69-4	LOWER HOUSING COMPLETE B/PM001G	VỎ MÁY SAU B/PM001G	1.259.280	8%
2187	141M72-5	NOZZLE ADAPTER COMPLETE/PM001G	BỘ ĐIỀU CHỈNH VỎI PHUN/PM001G	343.440	8%
2188	141M76-7	REAR HAND GUARD COMPLETE/UC100D	TẮM NHỰA CHÂN BẢO VỆ TAY CẮM/UC100D	142.020	8%
2189	141M77-5	NUT COMPLETE/DUC150	BỘ ĐAI ỐC/DUC150	109.944	8%
2190	141M84-8	HAMMER CASE COMPLETE/TW202D	HỘP NHÔNG/TW202D	228.960	8%
2191	141M85-6	HAMMER CASE COMPLETE/TD003G	VỎ CHỤP ĐẦU BÚA/TD003G	375.516	8%
2192	141M86-4	SWITCH PLATE COMPLETE/TD003G	BẢNG HIỂN THỊ CHẾ ĐỘ/TD003G	41.256	8%
2193	141M87-2	BEARING BOX COMPLETE/TD003G	THÂN Ổ,KHÔNG LẬP Ổ BỊ/TD003G	96.228	8%
2194	141M96-1	INNER PIPE COMPLETE/DX16	GÁ ĐỖ ỐNG DẪN BỤI/DX16	73.332	8%
2195	141M98-7	INNER SUPPORT COMPLETE/HR010G	GÁ ĐỖ NHÔNG/HR010G	125.950	10%
2196	141N00-6	BELT COVER COMPLETE/CE002G	VỎ MÁY/CE002G	485.460	8%
2197	141N02-2	LOWER GUARD R COMPLETE/CE002G	TẮM THÉP BẢO VỆ LƯỚI CẮT BÊN PHẢI/CE002G	886.160	10%
2198	141N13-7	PUSHER COMPLETE/ST001G	THÀNH ĐẦY ĐINH/ST001G	242.784	8%
2199	141N19-5	INNER SUPPORT COMPLETE/DHR183	GÁ ĐỖ NHÔNG/DHR183	98.010	10%
2200	141N25-0	OIL PUMP COMTE/DUA300	BƠM DẦU/DUA300	279.396	8%
2201	141N28-4	SHAFT PIPE COMPLETE A/UR013G	ỐNG NỐI/UR013G	778.910	10%
2202	141N31-5	SHAFT PIPE COMPLETE C/UR013G	ỐNG NỐI/UR013G	741.620	10%
2203	141N34-9	HANGER/UR013G	VÒNG KẸP/UR013G	93.280	10%
2204	141N38-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/9403	VỎ MÁY/9403	1.057.860	8%
2205	141N43-8	SHAFT PIPE COMPLETE/UB402MP	ỐNG CÁN/UB402MP	303.160	10%
2206	141N45-4	SWITCH CIRCUIT COMPLETE G/UR013G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/UR013G	403.056	8%
2207	141N47-0	SWITCH CIRCUIT COMPLETE G/UR013G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/UR013G	407.592	8%
2208	141N49-6	INDICATION CIRCUIT COMPLETE E/UR013G	VỎ BẢO VỆ NÚT NHẤN CÔNG TÁC/UR013G	526.608	8%
2209	141N51-9	INDICATION CIRCUIT COMPLETE E/UR013G	VỎ BẢO VỆ NÚT NHẤN CÔNG TÁC/UR013G	526.608	8%
2210	141N60-8	CONTROLLER COMPLETE/DUB362	BƠ MẠCH/DUB362	4.373.136	8%
2211	141N61-6	SPUR GEAR 10-16 COMPLETE/UT001G	NHÔNG 10-16/UT001G	480.816	8%
2212	141N71-3	SWITCH LEVER COMPLETE/GA048G	CẢN GẠT CÔNG TÁC/GA048G	123.660	8%
2213	141N73-9	BEARING BOX COMPLETE/GA048G	NÁP HỘP NHÔNG/GA048G	210.708	8%
2214	141N84-4	FRONT WHEEL COVER COMPLETE/PB002G	TẮM NHỰA ỐP BẢO VỆ TRÊN/PB002G	334.368	8%
2215	141N85-2	REAR WHEEL COVER COMPLETE/PB002G	TẮM NHỰA ỐP BẢO VỆ DƯỚI/PB002G	334.368	8%
2216	141N86-0	BUCKET GUARD COMPLETE/DCU603	KHUNG XE ĐẦY/DCU603	2.074.464	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2217	141N87-8	PIPE FRAME COMPLETE/DCU603	KHUNG XE ĐẨY/DCU603	4.226.688	8%
2218	141N88-6	SIDE GUARD COMPLETE/DCU603	THANH CHÂN HỒNG/DCU603	1.958.880	10%
2219	141N89-4	FRONT GUARD COMPLETE/DCU603	THANH CHÂN TRƯỚC/DCU603	816.200	10%
2220	141N97-5	HANDLE BASE COMPLETE/DCU603	KHUNG XE ĐẨY/DCU603	5.591.268	8%
2221	141N98-3	DUMP BASE COMPLETE/DCU603	KHUNG XE ĐẨY/DCU603	9.039.384	8%
2222	141N99-1	ELECTRIC DUMP BASE COMPLETE/DCU602	KHUNG ĐỂ NẶNG HẠ/DCU602	10.875.600	8%
2223	141P00-8	LIFTER BASE COMPLETE/DCU601	KHUNG ĐỂ NẶNG HẠ/DCU601	9.579.708	8%
2224	141P06-6	CARRIER COMPLETE/PP001G	GIÁ ĐỒ NHÔNG/PP001G	68.688	8%
2225	141P11-3	HAMMER CASE COMPLETE/DTD173	VỎ HỘP BÚA/DTD173	403.056	8%
2226	141P12-1	BEARING BOX COMPLETE/DTD173	NÁP HỘP NHÔNG/DTD173	293.112	8%
2227	141P30-9	WHEEL COVER 180K COMPLETE/GA7090	CHỤP BẢO VỆ 180MM/GA7090	228.960	8%
2228	141P32-5	WHEEL COVER 230K COMPLETE/GA9090	CHỤP BẢO VỆ 230MM/GA9090	233.604	8%
2229	141P49-8	MAIN FRAME COMPLETE/DCU603	KHUNG XE ĐẨY/DCU603	8.489.880	8%
2230	141P62-6	PLATE COMPLETE/DCU603	MIẾNG ĐỆM NGOÀI/DCU603	125.950	10%
2231	141R04-2	LOWER HOUSING COMPLETE/VC010G	VỎ MÁY DƯỚI/VC010G	1.382.940	8%
2232	141R06-8	MOTOR COVER COMPLETE/VC010G	NÁP VỎ NGOÀI/VC010G	480.816	8%
2233	141R09-2	SWITCH PLATE COMPLETE/VC010G	MIẾNG BẢO VỆ CÔNG TÁC/VC010G	27.540	8%
2234	141R11-5	TOP COVER COMPLETE/VC010G	NÁP TRÊN HỘP CHỨA BỤI/VC010G	288.576	8%
2235	141R13-1	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/VC010G	MẠCH HIỂN THỊ/VC010G	586.224	8%
2236	141R14-9	HOSE COMPLETE 28-0.1/VC010G	ỐNG HÚT BỤI 28-0.1/VC010G	380.160	8%
2237	141R15-7	HOSE COMPLETE 28-0.7/VC010G	ỐNG DẪN BỤI 28-0.7/VC010G	595.296	8%
2238	141R20-4	HOUSING B COMPLETE/UB402MP	ĐẦU NỐI ỚNG THỎI/UB402MP	370.980	8%
2239	141R27-0	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/JV001G	HỘP NHÔNG/JV001G	261.036	8%
2240	141R34-3	SHAFT PIPE COMPLETE A/UR016G	ỐNG CÁN A/UR016G	788.260	10%
2241	141R37-7	HAMMER CASE/6906	HỘP NHÔNG/6906	2.564.352	8%
2242	141R50-5	GRIP PIPE COMPLETE C/EN402MP	ỐNG CÁN C/EN402MP	1.058.750	10%
2243	141R52-1	GRIP PIPE COMPLETE C/EN402MP	ỐNG CÁN C/EN402MP	1.058.750	10%
2244	141R57-1	LOWER CASE COMPLETE/BAP001G	VỎ DƯỚI/BAP001G	320.544	8%
2245	141R60-2	FRONT BASE COMPLETE/1805N	ĐỀ CHÍNH ĐỘ SÂU LƯỚI BAO/1805N	1.341.792	8%
2246	141R65-2	MAIN FRAME COMPLETE/1804N	VỎ MÁY CHÍNH/1804N	7.995.348	8%
2247	141R66-0	MAIN FRAME COMPLETE/1805N	VỎ MÁY CHÍNH/1805N	8.302.176	8%
2248	141R82-2	TOP COVER COMPLETE/RM350D	NÁP TRÊN VỎ MÁY/RM350D	3.145.932	8%
2249	141R83-0	SLIDER BASE COMPLETE/RM350D	GIÁ ĐỖ LỖ XO/RM350D	91.584	8%
2250	141R84-8	STATION BASE COMPLETE/RM350D	ĐỂ TRẠM SẠC/RM350D	2.715.552	8%
2251	141R98-7	REAR FLAP COMPLETE/UV001G	NÁP ĐÁY HỘP ĐỰNG CỎ/UV001G	334.368	8%
2252	141S00-6	VALVE COMPLETE A/HW001G	VAN MỘT CHIỀU A/HW001G	114.480	8%
2253	141S01-4	VALVE COMPLETE B/HW001G	VAN MỘT CHIỀU B/HW001G	114.480	8%
2254	141S15-3	GEAR HOUSING COMPLETE/EN424MP	VỎ NHÔNG/EN424MP	357.264	8%
2255	141S16-1	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/EN424MP	VỎ NHÔNG/EN424MP	238.140	8%
2256	141S30-7	SHAFT PIPE COMPLETE C/EN424MP	ỐNG CÁN C/EN424MP	764.940	10%
2257	141S44-6	DECK COMPLETE/LM001G	VỎ MÁY/LM001G	2.797.956	8%
2258	141S56-9	SPUR GEAR 11 B COMPLETE/DUP180	NHÔNG 11/DUP180	398.412	8%
2259	141S57-7	SPUR GEAR 13 COMPLETE/DUP180	NHÔNG 13/DUP180	407.592	8%
2260	141S58-5	TRIGGER COMPLETE/DUP180	CÁN BÓP CÔNG TÁC/DUP180	293.112	8%
2261	141S59-3	BLADE HOLDER COMPLETE/DUP180	MIẾNG THÉP GIỮ LƯỚI CẮT/DUP180	699.600	10%
2262	141S62-4	HOUSING COVER COMPLETE/DUP180	NÁP HỘP NHÔNG/DUP180	100.764	8%
2263	141S67-4	DUCT LOWER COMPLETE/VS001G	VỎ MÁY DƯỚI/VS001G	544.968	8%
2264	141S68-2	MOTOR COMPLETE/VS001G	MÔ TƠ/VS001G	279.396	8%
2265	141S76-3	MOTOR HOUSING COMPLETE/GA7090/GA9090	VỎ MÁY/GA7090/GA9090	494.640	8%
2266	141S81-0	DUST BOX COVER COMPLETE/VC011G	NÁP HỘP BỤI/VC011G	407.592	8%
2267	141S82-8	DUST BOX COVER COMPLETE/VC012G	NÁP HỘP BỤI/VC012G	407.592	8%
2268	141S89-4	BEARING RETAINER32-43 COMPLETE/DDG461,DG002G	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DDG461,DG002G	275.220	10%
2269	141T00-2	GEAR HOUSING COMPLETE/WT001G	NÁP HỘP NHÔNG/WT001G	1.946.160	8%
2270	141T01-0	GEAR CASE COMPLETE/WT001G	HỘP NHÔNG/WT001G	1.703.484	8%
2271	141T09-4	ACCESSORY HOLDER R COMPLETE/HW001G	VỎ MÁY NGOÀI/HW001G	123.660	8%
2272	141T10-9	BATTERY COVER COMPLETE/LM004G	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/LM004G	215.244	8%
2273	141T11-7	UPPER PIPE COMPLETE/LM004G	TAY CẮM PHÍA TRÊN/LM004G	466.400	10%
2274	141T31-1	SPINDLE COMPLETE/GA7090/GA9090	TRỤC NHÔNG/GA7090/GA9090	128.304	8%
2275	141T62-0	REAR FLAP COMPLETE/LM004G	NÁP ĐÁY HỘP ĐỰNG CỎ/LM004G	132.840	8%
2276	141T73-5	WORM WHEEL 20 COMPLETE/WA400MP	CỤM NHÔNG/WA400MP	847.152	8%
2277	141T76-9	HOUSING L COVER COMPLETE/WA400MP	NÁP NHÔNG R/WA400MP	540.432	8%
2278	141T77-7	HOUSING L COMPLETE/WA400MP	HỘP NHÔNG BÊN TRÁI/WA400MP	1.190.592	8%
2279	141T78-5	CONNECTING ROD A COMPLETE/WA400MP	TAY BIÊN A/WA400MP	242.784	8%
2280	141T79-3	CONNECTING ROD B COMPLETE/WA400MP	TAY BIÊN B/WA400MP	329.724	8%
2281	141T82-4	HAMMER CASE COMPLETE/DTW1004	HỘP NHÔNG/DTW1004	1.021.248	8%
2282	141T89-0	REAR HAND GUARD COMPLETE/DUC150	TẮM NHỰA CHÂN BẢO VỆ TAY CẮM/DUC150	114.480	8%
2283	141U33-3	SHAFT PIPE COMPLETE D/WA400MP	ỐNG TRỤC NGOÀI/WA400MP	713.680	10%
2284	141U35-9	HAMMER CASE COMPLETE/DTW700	HỘP NHÔNG/DTW700	485.460	8%
2285	141U36-7	HAMMER CASE COMPLETE/TW007G	VỎ HỘP NHÔNG/TW007G	425.952	8%
2286	141U48-0	VOLUTE CASE L COMPLETE/DUB363	ỐNG DẪN KHÍ/DUB363	622.836	8%
2287	141U53-7	SWITCH LEVER COMPLETE/DFL303F	GẠT CÔNG TÁC/DFL303F	421.308	8%
2288	141U54-5	ANGLE HEAD COMPLETE/DFL303F	HỘP NHÔNG/DFL303F	4.533.408	8%
2289	141U55-3	SPUR GEAR 13 COMPLETE/DFL404F	NHÔNG 13/DFL404F	2.060.640	8%
2290	141U56-1	CARRIER COMPLETE/DFL404F	GIÁ ĐỖ NHÔNG/DFL404F	128.304	8%
2291	141U68-4	CRANK HOUSING COMPLETE/HM004G	HỘP NHÔNG/HM004G	6.987.924	8%
2292	141U69-2	LEVER COMPLETE/HM004G	CÁN ĐÁY/HM004G	224.424	8%
2293	141U70-7	AIR DUCT COMPLETE/HM004G	VỎ MÁY SAU/HM004G	425.952	8%
2294	141U73-1	SWITCH PLATE COMPLETE/JV002G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/JV002G	27.540	8%
2295	141V01-2	LOCK OFF LEVER COMPLETE/UC021G	KHOÁ CÔNG TÁC/UC021G	59.616	8%
2296	141V03-8	OUTER HOUSING COMPLETE/DRT52	VỎ MÁY NGOÀI/DRT52	100.764	8%
2297	141V04-6	SWITCH PLATE COMPLETE/DRT52	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/DRT52	32.076	8%
2298	141V10-1	BEARING BRACKET COMPLETE/DP4020/DP4021	GIÁ ĐỖ VÒNG BÍ/DP4020/DP4021	98.010	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2299	141V12-7	FRAME COMPLETE/UB004C	KHUNG ĐEO VAI/UB004C	613.656	8%
2300	141V13-5	PIPE COMPLETE/UB004C	ỐNG NỐI DÀI/UB004C	476.280	8%
2301	141V18-5	REAR BUMPER COMPLETE/RM350D	BAO VỆ SAU/RM350D	462.564	8%
2302	141V21-6	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/CE003G	MẠCH CÔNG TÁC/CE003G	256.500	8%
2303	141V23-2	CARRIER COMPLETE/CE003G	GIA ĐỖ NHÔNG/CE003G	135.300	10%
2304	141V25-8	CARRIER COMPLETE/CE004G	GIA ĐỖ NHÔNG/CE004G	251.900	10%
2305	141V27-4	BODY COMPLETE/VS001G	VỎ THÂN MÁY/VS001G	1.712.664	8%
2306	141V72-9	LOCK OFF LEVER COMPLETE/UN001G	KHÓA GẠT CÔNG TÁC/UN001G	100.764	8%
2307	141V73-7	PIPE 24 COMPLETE/UN001G	ỐNG CÁN 24/UN001G	573.760	10%
2308	141V75-3	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/UN001G	MẠCH HIỂN THỊ/UN001G	549.504	8%
2309	141V77-9	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/UN001G	MẠCH CÔNG TÁC/UN001G	421.308	8%
2310	141V80-0	HAMMER CASE COMPLETE/TW002G	VỎ CHỤP ĐẦU Búa/TW002G	851.796	8%
2311	141V82-6	SWITCH COMPLETE/TW002G	CÔNG TẮC/TW002G	531.252	8%
2312	141V87-6	PROTECTOR COMPLETE/UH020G/UH021G	MIẾNG BẢO VỆ/UH020G/UH021G	41.256	8%
2313	141V89-2	SWITCH CIRCUIT COMPLETE E/UH020G/UH021G	MẠCH CÔNG TÁC E/UH020G/UH021G	338.904	8%
2314	141V92-3	MOTOR BRACKET COMPLETE/RP001G	ĐÈ ĐỖ ĐONG CỎ/ RP001G	613.656	8%
2315	141V93-1	BASE COMPLETE/ RP001G	ĐÈ MÁY/ RP001G	599.940	8%
2316	141W24-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/M9100B	VỎ MÁY/M9100B	224.424	8%
2317	141W46-6	INNER HOUSING COMPLETE/HR2670FT/HR2670	VỎ NHÔNG/HR2670	265.680	8%
2318	141W48-2	TOOL HOLDER COMPLETE/HR2670	NÒNG THÉP/HR2670	416.772	8%
2319	141W50-5	TOOL HOLDER GUIDE COMPLETE/HR2670FT	NÒNG THÉP/HR2670FT	435.024	8%
2320	141W51-3	HELICAL GEAR 30 COMPLETE/HR2670	NHÔNG 30/HR2670	137.376	8%
2321	141W62-8	SPINDLE A COMPLETE/DFL303F	BỘ TRỤC NHÔNG/DFL303F	2.307.960	8%
2322	141W69-4	SWITCH COMPLETE/TW009G	CÔNG TẮC/TW009G	361.800	8%
2323	141W71-7	HAMMER CASE COMPLETE/TW009G	HỘP NHÔNG/TW009G	1.648.512	8%
2324	141W72-5	HAMMER CASE COMPLETE/TW009G	HỘP NHÔNG/TW009G	1.556.928	8%
2325	141W75-9	F/R CHANGE LEVER COMPLETE/TW009G	THANH GẠT ĐẠO CHIẾU/TW009G	100.764	8%
2326	141X89-4	LOCK OFF LEVER COMPLETE/UE001G	KHÓA GẠT CÔNG TÁC/UE001G	54.972	8%
2327	141X93-3	LATCH B COMPLETE/BCC01	KHOA B/BCC01	183.168	8%
2328	141Y82-4	SWITCH PLATE COMPLETE/DTW300	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/DTW300	36.720	8%
2329	141Y92-1	HERICAL GEAR 39 COMPLETE/BS001G	NHÔNG 39/BS001G	174.096	8%
2330	141Y93-9	FRAME COMPLETE/BS001G	KHUNG ĐỖ NHÔNG/BS001G	306.828	8%
2331	141Y94-7	SWITCH LEVER COMPLETE/BS001G	THANH GẠT CÔNG TÁC/BS001G	73.332	8%
2332	142000-5	SPINDLE COMPLETE/EN420MP	TRỤC NHÔNG/EN420MP	302.400	8%
2333	142001-3	OIL PUMP COMPLETE/UC4020A	BỘ BƠM DẦU/UC4020A	68.688	8%
2334	142037-2	SPINDLE COMPLETE/ DTP141	TRỤC NHÔNG/ DTP141	668.628	8%
2335	142038-0	SPUR GEAR 9A COMPLETE/DCG180	NHÔNG NHỎ/DCG180	485.460	8%
2336	142041-1	RACK 42 COMPLETE/CG100D	THANH RĂNG 42/CG100D	890.890	10%
2337	142042-9	RACK 64 COMPLETE/DCG180	GIA ĐỖ/DCG180	979.440	10%
2338	142064-9	SWITCH PLATE WHITE COMPLETE/BTW074	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/BTW074	21.600	8%
2339	142066-5	MOTOR COMPLETE/DCG180	MƠ TƠ/DCG180	1.007.424	8%
2340	142071-2	PISTON A COMPLETE/DCG180	PISTON A/DCG180	50.436	8%
2341	142072-0	PISTON B COMPLETE/DCG180	PISTON B/DCG180	77.868	8%
2342	142074-6	CAM HOLDER COMPLETE/MT80A	HỘP NHÔNG/MT80A	128.304	8%
2343	142109-3	GEAR COMPLETE/DJV181	NHÔNG/DJV181	806.004	8%
2344	142110-8	RETAINER COMPLETE/DJV181	CỦ GIỮ LƯỠI/DJV181	224.424	8%
2345	142111-6	GEAR HOUSING COMPLETE/DJV181	VỎ NHÔNG/DJV181	416.772	8%
2346	142112-4	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/DJV181	NÁP HỘP NHÔNG/DJV181	499.176	8%
2347	142134-4	SUB CONTROLLER COMPLETE/BUR182U	BỘ MẠCH/BUR182U	699.840	8%
2348	142136-0	CYLINDER COMPLETE/EA3201S	XY LÀNH/EA3201S	907.200	8%
2349	142137-8	BLADE CASE COMPLETE/MT413	ĐẦU HỘP NHÔNG/MT413	329.724	8%
2350	142139-4	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT413	VỎ MÁY/MT413	274.752	8%
2351	142142-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/4100NH3	VỎ MÁY/4100NH3	380.160	8%
2352	142143-3	BLADE CASE COMPLETE/4100NH3	ĐẦU HỘP NHÔNG/4100NH3	398.412	8%
2353	142150-6	TUBE COMPLETE/EK7651H	ỐNG CAO SU/EK7651H	7.560	8%
2354	142156-4	OIL PUMP COMPLETE/DUC353	BƠM NHỚT/DUC353	362.880	8%
2355	142159-8	CRANKSHAFT COMPLETE/RBC411	TRỤC KHUYU/RBC411	954.720	8%
2356	142175-0	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT450	VỎ MÁY/MT450	246.240	8%
2357	142176-8	GEAR COMPLETE/MT450	NHÔNG LỚN/MT450	306.828	8%
2358	142177-6	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/MT450	NÁP HỘP NHÔNG/MT450	238.140	8%
2359	142178-4	GEAR HOUSING COMPLETE/MT450	HỘP NHÔNG/MT450	280.800	8%
2360	142213-8	FAN COVER COMPLETE/EA3601F	BỘ BẢO VỆ CẢNH QUẠT/EA3601F	73.440	8%
2361	142223-5	CYLINDER COMPLETE/EA3601F	XY LÀNH/EA3601F	1.455.840	8%
2362	142224-3	CRANK CASE COMPLETE/EA3601F	HỘP SƠ/EA3601F	1.425.600	8%
2363	142225-1	FRONT HANDLE COMPLETE/EA3601F	BỘ TAY CÀM TRƯ/ỐC/EA3601F	159.840	8%
2364	142226-9	DAMPER SPRING R COMPLETE/EA3601F	BỘ LÒ XO GIÂM SỐC R/EA3601F	22.000	10%
2365	142227-7	DAMPER SPRING F COMPLETE/EA3601F	BỘ LÒ XO GIÂM SỐC F/EA3601F	22.000	10%
2366	142228-5	FRONT GUARD COMPLETE/EA3601F	CHÂN BẢO VỆ TRƯ/ỐC/EA3601F	77.760	8%
2367	142229-3	CRANK SHAFT COMPLETE/EA3601F	TRỤC KHUYU/EA3601F	1.853.280	8%
2368	142234-0	LEVER COMPLETE/EA3601F	BỘ CHUYỂN ĐỔI/EA3601F	7.560	8%
2369	142235-8	NUT COMPLETE/DUC353	CÓN TÁN/DUC353	100.764	8%
2370	142236-6	FLYWHEEL COMPLETE/EA3601F	MÀM ĐIỆN/EA3601F	298.080	8%
2371	142239-0	CLEANER COVER COMPLETE/EA3601F	CHỤP BẢO VỆ LỌC GIÓ/EA3601F	56.160	8%
2372	142241-3	PIPE COMPLETE/DUR187	BỘ CÁN/DUR187	718.956	8%
2373	142245-5	REAR BAG COMPLETE/DLM430D	THÙNG CHỨA/DLM430D	1.520.316	8%
2374	142252-8	PIPE COMPLETE/BUR182U	TAY CÀM/BUR182U	906.400	10%
2375	142263-3	INDICATOR PANEL COMPLETE/DSC121	MIẾNG ĐỆM/DSC121	22.896	8%
2376	142279-8	FRONT HAND GUARD COMPLETE/UC3041A	TÀM CHÂN XÍCH/UC3041A	87.048	8%
2377	142281-1	SPROCKET COVER COMPLETE/UC3041A	TÀM CHÂN XÍCH/UC3041A	82.512	8%
2378	142282-9	TANK CAP COMPLETE/UC3041A	NÁP ĐÁY BÌNH CHỨA/UC3041A	82.512	8%
2379	142284-5	GEAR COMPLETE/JR105D	NHÔNG LỚN/JR105D	288.576	8%
2380	142288-7	WHEEL COMPLETE/DUC353	CÁN TĂNG GIÂM XÍCH/DUC353	34.560	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2381	142289-5	HOLDER COMPLETE/DHR400	GÁ ĐỠ LÒ XO/DHR400	167.200	10%
2382	142291-8	MOTOR HOUSING COMPLETE/UB1103	VỎ MÁY/UB1103	332.640	8%
2383	142292-6	FAN HOUSING COMPLETE/UB1103	HỘP CẢNH QUẠT/UB1103	151.200	8%
2384	142303-7	SWITCH PLATE COMPLETE/JV103D	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/JV103D	51.370	10%
2385	142341-9	FRONT HAND GUARD COMPLETE/UC4051A	KHÓA GAI AN TOÀN/UC4051A	128.304	8%
2386	142342-7	SPROCKET COVER COMPLETE/UC4051A	NÁP BẢO VỆ LAM XÍCH/UC4051A	128.304	8%
2387	142348-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/UC4051A	VỎ MÁY/UC4051A	297.648	8%
2388	142356-6	SPINDLE COMPLETE/DPB181	TRỤC NHÔNG/DPB181	306.828	8%
2389	142357-4	WHEEL COMPLETE A/DPB181	CHỤP BẢO VỆ/DPB181	361.800	8%
2390	142358-2	WHEEL COMPLETE B/DPB181	BÀNH LÁI (BÀNH ĐÁ)/DPB181	283.932	8%
2391	142362-1	MAIN FRAME COMPLETE/MT191	VỎ MÁY/MT191	544.968	8%
2392	142365-5	BLADE CASE COMPLETE/DHS710	ĐẦU HỘP NHÔNG/DHS710	993.708	8%
2393	142389-1	INTERNAL GEAR CASE COMPLETE/DTW280	HỘP NHÔNG/DTW280	311.472	8%
2394	142394-8	SWITCH PLATE COMPLETE/DTW280	MIẾNG CHÉ CÔNG TÁC/DTW280	43.200	8%
2395	142399-8	CRANK HOUSING COMPLETE/TM3000C	Ô NHÔM/TM3000C	1.158.624	8%
2396	142403-3	TRIMMER BASE COMPLETE/RT0700C	ĐÈ SOI/RT0700C	444.204	8%
2397	142406-7	CRANK HOUSING A COMPLETE/HR5212C	HỘP NHÔNG A/HR5212C	1.804.248	8%
2398	142408-3	BARREL COMPLETE/HR5212C	VỎ NHÔM ĐẦU/HR5212C	1.689.768	8%
2399	142409-1	GEAR HOUSING COMPLETE/HR5212C	NÁP HỘP NHÔNG/HR5212C	1.099.008	8%
2400	142410-6	TORQUE LIMITER COMPLETE/HR5212C	NHÔNG LỚN/HR5212C	1.593.648	8%
2401	142411-4	HOUSING COVER A COMPLETE/HR5212C	NÁP CHỤP ĐẦU/HR5212C	1.044.144	8%
2402	142426-1	ENGIN COVER COMPLETE/EB7650TH	VỎ ĐỘNG CƠ/EB7650TH	509.760	8%
2403	142427-9	FUEL TANK COMPLETE/EB7650TH	BỂ CHỨA NHIÊN LIỆU/EB7650TH	479.600	10%
2404	142453-8	CHARGER CASE COVER COMPLETE/DC18WA	NÁP VỎ SẠC/DC18WA	82.512	8%
2405	142456-2	CHARGER CASE COMPLETE/DC18WA	VỎ SẠC/DC18WA	96.228	8%
2406	142517-8	BEARING BOX COMPLETE/DTD137	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DTD137	256.520	10%
2407	142541-1	BLADE CASE COMPLETE/4100NH2	ĐẦU HỘP NHÔNG/4100NH2	709.776	8%
2408	142542-9	CRANKSHAFT COMPLETE/EM3400U	TRỤC KHUYU/EM3400U	419.040	8%
2409	142553-4	HANDLE COVER COMPLETE/DTM51	NÁP TAY CÀM/DTM51	82.512	8%
2410	142555-0	BASE COMPLETE/9035H	ĐÈ MÁY CHÀ NHAM/9035H	251.856	8%
2411	142560-7	SHFT PIPE COMPLETE/EE2650H	TRỤC TAY CÀM/EE2650H	57.200	10%
2412	142573-8	BEARING HOUSING COMPLETE/DUC252	VỎ BẠC ĐẠN/DUC252	242.784	8%
2413	142585-1	BATTERY COVER COMPLETE E/DLM380	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/DLM380	190.080	8%
2414	142591-6	COWLING COMPLETE/DLM380	NÁP CHỤP TRÊN/DLM380	319.680	8%
2415	142656-4	SPINDLE COMPLETE/DC0180	TRỤC NHÔNG/DC0180	544.320	8%
2416	142665-3	DRIVE GEAR COMPLETE/UC4051A	NÚT TĂNG GIẢM XÍCH/UC4051A	73.332	8%
2417	142668-7	BASE COMPLETE/BO4510H	ĐÈ MÁY CHÀ NHAM/BO4510H	151.200	8%
2418	142693-8	SHAFT PIPE COMPLETE/RBC413U	ỐNG TRỤC MÁY/RBC413U	844.800	10%
2419	142703-1	GEAR HOUSING COMPLETE/MT860	HỘP NHÔNG/MT860	389.232	8%
2420	142704-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT860	VỎ MÁY/MT860	462.564	8%
2421	142706-5	BARREL COMPLETE/MT860	NÔNG THÉP/MT860	1.666.872	8%
2422	142719-6	TENSION ROLLER COMPLETE/MT941	RU LÒ TRƯỢT/MT941	215.244	8%
2423	142747-1	GEAR HOUSING COMPLETE/9237C	HỘP NHÔNG/9237C	714.420	8%
2424	142753-6	GEAR HOUSING COMPLETE/MT902	HỘP NHÔNG/MT902	412.128	8%
2425	142754-4	GEAR HOUSING COMPLETE/GA7020	HỘP NHÔNG/GA7020	480.816	8%
2426	142771-4	CYLINDER HEAD COMPLETE/EB7650TH	VỎ XY LẠNH/EB7650TH	1.732.320	8%
2427	142783-7	SPROCKET GUARD TLC COMP. BLUE/EA3201S	TẮM CHÂN XÍCH/EA3201S	345.600	8%
2428	142796-8	BLADE CASE COMPLETE/HS7600	ĐẦU HỘP NHÔNG/HS7600	668.628	8%
2429	142812-6	UPPER FENCE L COMPLETE/LS1016	THANH CỬ/LS1016	555.600	10%
2430	142813-4	UPPER FENCE R COMPLETE/LS1016L	THANH CHÂN TRÊN R/LS1016L	667.040	10%
2431	142814-2	UPPER FENCE L COMPLETE/LS1216	MIẾNG ỐP PHẢI PHIA DƯỚI/LS1216	638.990	10%
2432	142815-0	UPPER FENCE R COMPLETE/LS1216	MIẾNG ỐP PHẢI PHIA TRÊN/LS1216	704.330	10%
2433	142818-4	BLADE CASE COMPLETE/LH1040	ĐẦU HỘP NHÔNG/LH1040	1.666.872	8%
2434	142837-0	SHAFT PIPE COMPLETE/EM3400U	TRỤC ỐNG/EM3400U	646.800	10%
2435	142839-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT621	VỎ MÁY/MT621	398.412	8%
2436	142840-1	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/MT660	NÁP HỘP NHÔNG/MT660	306.828	8%
2437	142841-9	GEAR HOUSING COMPLETE/MT621	HỘP NHÔNG/MT621	293.112	8%
2438	142857-4	OIL PUMP COMPLETE/UC012G	BƠM NHIÊN LIỆU/UC012G	366.336	8%
2439	142868-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT904	VỎ MÁY/MT904	320.544	8%
2440	142872-8	MOTOR HOUSING COMPLETE/HS6600	VỎ MÁY/HS6600	320.544	8%
2441	142901-7	INDICATOR PANEL COMPLETE/DGA404	ĐÈ GAI/DGA404	22.896	8%
2442	142902-5	GEAR HOUSING COMPLETE/DFS452	HỘP NHÔNG/DFS452	746.496	8%
2443	142903-3	SPINDLE 125S COMPLETE/DFS452	TRỤC NHÔNG/DFS452	773.928	8%
2444	142904-1	GEAR COMPLETE/DFS452	NHÔNG LỚN/DFS452	397.440	8%
2445	142905-9	SWITCH PLATE COMPLETE/DFS452	NÚT NHAN CÔNG TÁC/DFS452	82.080	8%
2446	142909-1	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/DFS452	HỘP NHÔNG/DFS452	151.200	8%
2447	142926-1	INSULATOR COMPLETE/EB7650TH	GIÁ ĐỠ CAO SU/EB7650TH	319.680	8%
2448	142928-7	UNIT CASE COMPLETE/DTS141	ĐẦU HỘP NHÔNG/DTS141	338.904	8%
2449	142929-5	CARRIER COMPLETE/DTS141	Ổ ĐỠ NHÔNG/DTS141	316.008	8%
2450	142948-1	INDICATION PLATE COMPLETE/DCS551	MIẾNG ĐỆM/DCS551	27.540	8%
2451	142970-8	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2631F	HỘP NHÔNG/HR2631F	219.888	8%
2452	142971-6	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2630	HỘP NHÔNG/HR2630	183.168	8%
2453	142972-4	TOOL HOLDER COMPLETE/HR2601	NÔNG THÉP/HR2601	430.488	8%
2454	142973-2	TOOL HOLDER COMPLETE/HR2630	NÔNG THÉP/HR2630	380.160	8%
2455	142976-6	SWITCH LEVER COMPLETE/DGA408	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DGA408	100.764	8%
2456	143016-3	GEAR HOUSING COMPLETE/GA7050	HỘP NHÔNG/GA7050	425.952	8%
2457	143035-9	BEARING BOX COMPLETE/DTW250	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DTW250	174.096	8%
2458	143038-3	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/JR3035	NÁP HỘP NHÔNG/JR3035	349.920	8%
2459	143039-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/DUR365U	VỎ MÔ TÔ/DUR365U	494.640	8%
2460	143043-0	CRANK SHAFT COMPLETE/EB7650TH	TRỤC KHUYU/EB7650TH	1.795.068	8%
2461	143046-4	HANDLE COMPLETE/EM3400U	TAY CÀM/EM3400U	19.440	8%
2462	143052-9	SPUR GEAR 20 COMPLETE/DFL651F	NHÔNG NHỎ/DFL651F	2.344.572	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2463	143095-1	SWITCH PLATE COMPLETE/CL104D	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/CL104D	21.600	8%
2464	143097-7	WRAP AROUND HANDLE CPL/EK8100	TAY CÀM/EK8100	49.500	10%
2465	143098-5	CABLE DRUM COMPLETE/EK8100	BU LY GIẶT/EK8100	280.800	8%
2466	143109-6	CRANKSHAFT CPL/EK8100	TRỤC KHUYU/EK8100	872.640	8%
2467	143120-8	GEAR HOUSING COMPLETE/M8700B	VỎ MÁY/M8700B	215.244	8%
2468	143126-6	BLADE CASE COMPLETE/M5801B	ĐẦU HỘP NHÔNG/M5801B	590.760	8%
2469	143137-1	CARRIER COMPLETE/DFL651F	Ó ĐỒ NHÔNG/DFL651F	3.045.168	8%
2470	143146-0	CENTER CASE COMPLETE/DUB362	GIA ĐỒ BƠ MẠCH/DUB362	125.950	10%
2471	143155-9	SAFETY COVER COMPLATE/DCS551	CHỤP BẢO VỆ/DCS551	192.348	8%
2472	143166-4	CONTROLLER COMPLETE/DUB362	BƠ MẠCH/DUB362	4.013.280	8%
2473	143173-7	COWLING COMPLETE/DVC860L	NẮP VỎ MÁY/DVC860L	462.564	8%
2474	143174-5	BATTERY COVER COMPLETE/DVC860L	NẮP BẢO VỆ PIN/DVC860L	196.992	8%
2475	143175-3	TANK COVER COMPLETE/DVC860L	NẮP BÌNH CHỨA/DVC860L	668.628	8%
2476	143176-1	SWITCH BASE COMPLETE/DVC860L	ĐỀ CÔNG TÁC/DVC860L	174.096	8%
2477	143177-9	GEAR HOUSING COMPLETE/4107R	HỘP NHÔNG/4107R	1.085.292	8%
2478	143180-0	PIPE COMPLETE E/DUR365U	ỐNG TAY CAM/DUR365U	652.960	10%
2479	143185-0	SUB CONTROLLER COMPLETE/DUR365U	MIẾNG ĐEM BƠ MẠCH/DUR365U	480.816	8%
2480	143187-6	HANDLE COMPLETE/DUR365U	TAY CAM/DUR365U	572.000	10%
2481	143198-1	TANK COMPLETE/PM7650H	BÌNH CHỨA/PM7650H	65.880	8%
2482	143211-5	SIDE SUPPORT MAKITA/EK8100	NẮP NHỰA/EK8100	21.600	8%
2483	143220-4	RACK 53 COMPLETE/CG100D	THANH RĂNG 53/CG100D	872.190	10%
2484	143223-8	HOLDER JOINT C COMPLETE/CG100D	ĐẦU NỐI C/CG100D	419.760	10%
2485	143224-6	BLADE CASE COMPLETE/HS6600	ĐẦU HỘP NHÔNG/HS6600	636.552	8%
2486	143225-4	CRANKCASE CS CPL/EK8100	HỘP SÓ/EK8100	885.600	8%
2487	143226-2	CRANKCASE MS CPL./EK8100	HỘP SÓ/EK8100	825.120	8%
2488	143228-8	BEARING BOX COMPLETE/DCS551	NẮP GIỮ BẠC ĐẠN/DCS551	215.244	8%
2489	143229-6	GEAR HOUSING COMPLETE/DCS551	HỘP NHÔNG/DCS551	1.048.680	8%
2490	143249-0	CRANK HOUSING COMPLETE/TM3010C	Ó NHÔM/TM3010C	1.473.120	8%
2491	143250-5	CRANK HOUSING COMPLETE/DTM51	HỘP NHÔNG/DTM51	1.543.212	8%
2492	143251-3	MOTOR HOUSING COMPLETE/M0920B	VỎ MÁY/M0920B	352.620	8%
2493	143252-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/M9000B	VỎ MÁY/M9000B	370.980	8%
2494	143253-9	MOTOR HOUSING COMPLTE/M9003B	VỎ MÁY/M9003B	210.708	8%
2495	143256-3	BLADE CASE COMPLETE/DHS680	BỘ BỌC LƯỚI CẮT/DHS680	691.524	8%
2496	143258-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/M9400B	VỎ MÁY/M9400B	485.460	8%
2497	143260-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/M6600	VỎ MOTOR/M6600	398.412	8%
2498	143262-8	HANDLE COVER COMPLETE/M8100B	VỎ TAY CÀM/M8100B	100.764	8%
2499	143263-6	BIT PIECE A COMPLETE/DTS141	MANH BÍT/DTS141	95.040	8%
2500	143274-1	OIL UNIT COMPLETE/DTS141	BỘ HỘP NHÔNG/DTS141	5.266.080	8%
2501	143277-5	HAMMER CASE COMPLETE/TD110D	HỘP NHÔNG/TD110D	187.812	8%
2502	143280-6	CHARGER CASE COMPLETE/DC10SB	BỘ VỎ SẠC/DC10SB	677.808	8%
2503	143298-7	BEARING BOX COMPLETE/DTD149	NẮP GIỮ BẠC ĐẠN/DTD149	102.630	10%
2504	143299-5	HAMMER CASE COMPLETE/DTD152	HỘP NHÔNG/DTD152	196.992	8%
2505	143308-0	TOOL BOX COMPLETE WITH LABEL/TM3010C	HỘP MÁY/TM3010C	125.280	8%
2506	143321-8	CLUTCH CASE COMPLETE/EM3400U	VỎ BẢO VỆ KHỚP LY HỢP/EM3400U	388.800	8%
2507	143323-4	CYLINDER COMPLETE/EA3503S	XY LẠNH/EA3503S	894.240	8%
2508	143324-2	GEAR HOUSING COMPLETE/BO6050	HỘP NHÔNG/BO6050	1.016.604	8%
2509	143325-0	OUTER SPINDLE COMPLETE/BO6050	TRỤC/BO6050	997.920	8%
2510	143326-8	NOZZLE COMPLETE/BO6050	ỐNG HÚT BỤI/BO6050	216.000	8%
2511	143327-6	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/BO6050	NẮP CHỤP HỘP NHÔNG/BO6050	302.400	8%
2512	143329-2	CRANKSHAFT CPL./EA4301F	TRỤC KHUYU/EA4301F	49.680	8%
2513	143330-7	THROTTLE LINKAGE/EA4301F	CÁN CHÍNH GIÓ/EA4301F	4.400	10%
2514	143331-5	FLYWHEEL COMPLETE/EA4301F	MÀM ĐIỆN/EA4301F	475.200	8%
2515	143332-3	PISTON 42 CPL./EA4301F	PISTON 42 CPL/EA4301F	267.840	8%
2516	143333-1	CRANKCASE CS COMPLETE BLUE/EA4301F	LỐC MÁY/EA4301F	154.440	8%
2517	143337-3	CRANKCASE MS COMPLETE BLUE/EA4301F	LỐC MÁY/EA4301F	117.720	8%
2518	143339-9	CLUTCH DRUM SOLDERED CPL./EA4301F	HỘP KHỚP LY HỢP/EA4301F	388.800	8%
2519	143341-2	FUEL TANK WELDED BLUE/EA4301F	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EA4301F	656.640	8%
2520	143362-4	GEAR HOUSING R COMPLETE/DJR187	VỎ NHÔNG BỀN PHAI/DJR187	288.576	8%
2521	143365-8	SLIDER GUIDE COMPLETE/DJR186	THANH TRƯỢT/DJR186	228.960	8%
2522	143375-5	INNER SPINDLE COMPLETE/BO6050	TRỤC NHÔNG/BO6050	267.840	8%
2523	143376-3	SHAFT LOCK COMPLETE/BO6050	CHÓT KHÓA/BO6050	70.400	10%
2524	143377-1	GEAR COMPLETE/DJR186	NHÔNG/DJR186	544.968	8%
2525	143381-0	GEAR HOUSING R COMPLETE/DJR186	VỎ NHÔNG BỀN PHAI/DJR186	261.036	8%
2526	143383-6	BRAKE BAND COMPLETE/EA3601F	ĐAI Hãm/EA3601F	184.800	10%
2527	143416-7	SWITCH COMPLETE/DTW1001	BỘ CÔNG TÁC/DTW1001	471.744	8%
2528	143417-5	SWITCH PLATE COMPLETE/DTW1001	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/DTW1001	50.436	8%
2529	143419-1	HAMMER CASE COMPLETE/DTD149	HỘP NHÔNG/DTD149	201.528	8%
2530	143435-3	CRANK SHAFT COMPLETE/EK6101	TRỤC KHUYU/EK6101	868.320	8%
2531	143437-9	CRANKCASE MS CPL./EK6101	LỐC MÁY/EK6101	816.480	8%
2532	143438-7	BELT COVER MAKITA CPL./EK6101	NẮP CHỤP BẢO VỆ DÂY CUA ROA/EK6101	453.600	8%
2533	143439-5	AIR HOSE CPL./EK6101	ỐNG MỀM DÀN KHÍ/EK6101	954.720	8%
2534	143440-0	INTERMEDIATE WALL CPL./EK6101	GIA ĐỒ BÌNH XĂNG/EK6101	22.680	8%
2535	143441-8	AIR HEAD COMPLETE/EK6101	ĐỆM THÔNG GIÓ/EK6101	142.560	8%
2536	143442-6	TUBULAR HANDLE CPL./EK6101	TAY CÀM/EK6101	97.900	10%
2537	143445-0	VALVE COVER CPL./EK6101	VÁN BÌNH NHIÊN LIỆU/EK6101	46.440	8%
2538	143449-2	CRANKCASE CS CPL./EK6101	HỘP SÓ/EK6101	2.246.400	8%
2539	143450-7	FLYWHEEL COMPLEE/EK6101	MÀM ĐIỆN/EK6101	483.840	8%
2540	143451-5	FILTER COVER CPL./EK6101	VỎ LỌC KHÍ/EK6101	237.600	8%
2541	143452-3	WATER SET CPL./EK6101	ĐẦU VÁO NƯỚC/EK6101	203.040	8%
2542	143454-9	STARTING DEVICE BLUE CPL./EK6101	BỘ KHỞI ĐỘNG/EK6101	738.720	8%
2543	143459-9	PROTECTION HOOD 350 CPL./EK6101	NẮP CHỤP BẢO VỆ/EK6101	1.261.440	8%
2544	143460-4	DAMPING SPRING CPL./EK6101	LÒ XO GIẢM RUNG/EK6101	136.400	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2545	143461-2	DAMPING SPRING COMPLETE/EK6101	LÒ XO GIẢM CHẤN/EK6101	123.200	10%
2546	143462-0	DAMPING SPRING COMPLETE/EK6101	ỔNG LỐT BẢNG NHỰA/EK6101	123.200	10%
2547	143463-8	MOTOR HOUSING COMPLETE/LW1400	VỎ MÁY/LW1400	384.696	8%
2548	143484-0	SPINDLE COMPLETE/GA7060	TRỤC MÁY/GA7060	132.840	8%
2549	143485-8	GEAR HOUSING COMPLETE/GA7060	HỘP NHÔNG/GA7060	526.608	8%
2550	143490-5	HOOD CPL. BLUE/EK6101	NÁP CHỤP BẢO VỆ/EK6101	237.600	8%
2551	143500-8	GEAR HOUSING COMPLETE/EN420MP	VỎ NHÔNG/EN420MP	1.025.784	8%
2552	143505-8	LED CIRCUIT COMPLETE/DLM431	MẠCH ĐÈN LED/DLM431	397.440	8%
2553	143506-6	BATTERY COVER COMPLETE E/DLM431	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/DLM431	397.440	8%
2554	143508-2	SWITCH BOX COVER COMPLETE K/DLM431	HỘP CÔNG TÁC K/DLM431	73.440	8%
2555	143510-5	UPPER PIPE COMPLETE/DLM431	TAY CÀM PHIA TRÊN/DLM431	280.800	8%
2556	143515-5	BEARING BOX COMPLETE/GA7061R	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA7061R	476.280	8%
2557	143517-1	BLADE GUIDE COMPLETE/2107F/DPB180	BẠC DẪN HƯỚNG 2107F/DPB180	237.930	10%
2558	143526-0	GEAR COMPLETE/UH353D	NHÔNG/UH353D	224.424	8%
2559	143539-1	CHARGER CASE COMPLETE/DC18SD	VỎ SẠC/DC18SD	508.356	8%
2560	143541-4	CENTER CASE COMPLETE/BAP182	GÀ ĐỖ BƠ MẠCH/BAP182	518.400	8%
2561	143551-1	ENGINE HOUSING TLC COMP. BLUE/EA3503S	VỎ ĐỘNG CƠ/EA3503S	384.480	8%
2562	143583-8	BLADE CASE COMPLETE/M4100B	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI/M4100B	366.336	8%
2563	143584-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/M4100B	VỎ MÁY/M4100B	251.856	8%
2564	143589-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/M4500B	VỎ MÁY/M4500B	283.932	8%
2565	143591-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/M3600B	VỎ MÁY/M3600B	526.608	8%
2566	143592-7	MOTOR HOUSING COMPLETE/M9100B	VỎ MÁY/M9100B	211.680	8%
2567	143598-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/M9503B	VỎ MÁY/M9503B	183.168	8%
2568	143620-8	MAIN FRAME COMPLETE/M1901B	VỎ MÁY BƠ/M1901B	622.836	8%
2569	143646-0	HAMMER CASE COMPLETE/DTW190	HỘP NHÔNG/DTW190	279.396	8%
2570	143690-7	CRANK SHAFT COMPLETE/DSDI80	TRỤC KHUYU/DSDI80	1.364.688	8%
2571	143694-9	SLIDER COMPLETE/DSDI80	THANH TRƯỢT/DSDI80	1.176.876	8%
2572	143695-7	BARRIER COMPLETE/DURI91L	NÁP ĐẦY TAY CÀM/DURI91L	142.020	8%
2573	143714-9	SPINDLE A COMPLETE/DFL651F	TRỤC NHÔNG/DFL651F	2.083.536	8%
2574	143715-7	SPINDLE COMPLETE/DFL651F	TRỤC/DFL651F	2.170.584	8%
2575	143716-5	ANGLE HEAD COMPLETE/DFL651F	ĐẦU HỘP NHÔNG/DFL651F	4.382.316	8%
2576	143717-3	INTERNAL GEAR HOUSING COMPLETE/DFL651F	HỘP NHÔNG/DFL651F	3.319.920	8%
2577	143721-2	SWITCH PLATE COMPLETE/DTD170	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/DTD170	54.972	8%
2578	143763-6	BRACKET COMPLETE/MT192	NÁP ĐẦY VỎ MÁY/MT192	206.064	8%
2579	143782-2	SPIRAL BEVEL GEAR 37 COMPLETE/PO5000C	NHÔNG LỚN 37/PO5000C	334.368	8%
2580	143783-0	GEAR HOUSING COMPLETE/PO5000C	ĐẦU HỘP NHÔNG/PO5000C	613.656	8%
2581	143788-0	UPPER HOUSING COMPLETE/DVC260	VỎ MÁY/DVC260	435.024	8%
2582	143789-8	LOWER HOUSING COMPLETE/DVC260	VỎ MÁY/DVC260	412.128	8%
2583	143790-3	SPUR GEAR 26 COMPLETE/PO5000C	NHÔNG LỚN 26/PO5000C	467.100	8%
2584	143794-5	HOOD COMPLETE/EK8100	NÁP CHỤP/EK8100	186.840	8%
2585	143809-8	ENGINE COVER COMPLETE/EB7660TH	VỎ MÁY ĐỘNG CƠ/EB7660TH	583.200	8%
2586	143813-7	MOTOR HOUSING COMPLETE/HW1300	VỎ MÔ TƠ/HW1300	425.952	8%
2587	143814-5	FRONT HOUSING COMPLETE/HW1300	VỎ MÁY TRƯỚC/HW1300	531.360	8%
2588	143817-9	FRONT HOUSING COMPLETE/HW1200	VỎ MÁY TRƯỚC/HW1200	522.720	8%
2589	143820-0	REAR HOUSING COMPLETE/HW1300	VỎ MÁY SAU/HW1300	476.280	8%
2590	143822-6	GEAR HOUSING COMPLETE/HW1300	HỘP NHÔNG/HW1300	251.586	8%
2591	143825-0	GRIP PIPE COMPLETE/EN410	THANH NỐI BẢNG NHÓM/EN410	643.720	10%
2592	143837-3	HỘP NHÔNG/EN410MP	HỘP NHÔNG/EN410MP	617.760	8%
2593	143848-8	SWITCH PLATE COMPLETE/DTW281	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/DTW281	45.792	8%
2594	143935-3	FRONT HOUSING COMPLETE/DUP361	BỘ ĐỀ GÁI CÔNG TÁC/DUP361	219.888	8%
2595	143949-2	BRUSH HOLDER COVER L COMPLETE/GA7060	NÁP THAN/GA7060	56.160	8%
2596	143950-7	BRUSH HOLDER COVER R COMPLETE/GA7060	NÁP THAN/GA7060	69.120	8%
2597	143954-9	SWITCH PLATE COMPLETE/DTD154	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DTD154	34.560	8%
2598	143957-3	HAMMER CASE COMPLETE/DTD153	HỘP NHÔNG/DTD153	288.576	8%
2599	143958-1	BEARING BOX COMPLETE/DTD153	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DTD153	105.408	8%
2600	143961-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/M8600B	VỎ MÁY/M8600B	476.280	8%
2601	143962-0	NEEDLE BEARING COMPLETE/MT871	BẠC ĐẠN ĐŨA/MT871	123.660	8%
2602	143970-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/M2400B	VỎ MÁY/M2400B	306.828	8%
2603	143975-1	SWITCH COMPLETE/DTD153	CÔNG TÁC/DTD153	398.412	8%
2604	143976-9	BEARING BOX COMPLETE/DTD154	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/DTD154	123.660	8%
2605	143979-3	MOTOR HOUSING COMPLETE/M5801B	VỎ MÁY/M5801B	334.368	8%
2606	144007-7	CONTROLLER COMPLETE/DUC353	BƠ MẠCH/DUC353	4.606.740	8%
2607	144012-4	SLIDER GUIDE COMPLETE/DJR360	ĐẦU TRƯỢT GÁI LƯỠI/DJR360	242.784	8%
2608	144028-9	TURN BASE COMPLETE/DLS600	BÀN CẮT/DLS600	1.840.860	8%
2609	144033-6	INDICATION PLATE COMPLETE/DLS600	ĐỆM GÁI PIN/DLS600	96.228	8%
2610	144034-4	SUB PLATE COMPLETE/DLS600	MIẾNG CHEN/DLS600	242.784	8%
2611	144051-4	CYLINDER HEAD COMPLET/EK7651H	VỎ XY LẠNH/EK7651H	747.360	8%
2612	144057-2	GEAR HOUSING COMPLETE/MT243	ĐẦU HỘP NHÔNG/MT243	686.880	8%
2613	144058-0	HAMMER CASE COMPLETE/TD111D	HỘP NHÔNG/TD111D	201.528	8%
2614	144060-3	SWITCH PLATE COMPLETE/TD111D	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/TD111D	27.540	8%
2615	144063-7	BLADE CASE COMPLETE/M0401B	BỘ BỌC LƯỠI CẮT/M0401B	412.128	8%
2616	144064-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/M0401B	VỎ MÁY/M0401B	201.528	8%
2617	144076-8	REAR FLAP COMPLETE/DML431	NÁP ĐẦY HỘP ĐUNG CỎ/DML431	138.240	8%
2618	144082-3	ANGLE HEAD COMPLETE/DFL201F	HỘP NHÔNG/DFL201F	1.492.884	8%
2619	144085-7	CRANK HOUSING COMPLETE/TM30D	HỘP NHÔNG BẢO VỆ/TM30D	1.135.728	8%
2620	144096-2	SWITCH PLATE COMPLETE/CL107FD	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/CL107FD	32.076	8%
2621	144100-7	RATCHET COMPLETE/EK7651H	BỘ KHỎI ĐỘNG/EK7651H	159.840	8%
2622	144109-9	GRIP PIPE F COMPLETE/EN420MP	CÁN MÁY/EN420MP	778.800	10%
2623	144132-4	HAMMER CASE COMPLETE/DTD155	HỘP NHÔNG/DTD155	215.244	8%
2624	144137-4	SWITCH PLATE COMPLETE/DTD155	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DTD155	32.076	8%
2625	144143-9	FRAME COMPLETE/DPB181	TRỤC PHỤ/DPB181	838.080	8%
2626	144154-4	UNDER CASE COMPLETE/BTC04	NÁP ĐẦY VỎ SẠC/BTC04	320.544	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2627	144157-8	GEAR HOUSING COMPLETE/DFS251	HỘP NHÔNG/DFS251	517.536	8%
2628	144161-7	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/DFS250	NẮP HỘP NHÔNG/DFS250	276.480	8%
2629	144162-5	SWITCH PLATE COMPLETE/DFS250	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/DFS250	95.040	8%
2630	144214-2	GEAR HOUSING COMPLETE/MT871	ĐẦU HỘP NHÔNG/MT871	219.888	8%
2631	144215-0	TOOL HOLDER COMPLETE/MT871	BỘ ĐẦU XI LẠNH/MT871	425.952	8%
2632	144216-8	GEAR HOUSING COMPLETE/M8701	VỎ ĐẦU MÁY/M8701	219.888	8%
2633	144217-6	SWITCH PLATE COMPLETE/DTW285	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DTW285	41.256	8%
2634	144218-4	GEAR HOUSING COMPLETE/DHR171	ÓP NHÔNG/DHR171	380.160	8%
2635	144219-2	INNER SUPPORT COMPLETE/HR140D	TRẠM CÔNG TÁC BÊN TRONG/HR140D	123.660	8%
2636	144251-6	INDICATION PLATE COMPLETE/DHS660	NẮP ĐÁY ĐÈN BẢO PIN/DHS660	68.688	8%
2637	144270-2	INNER HOUSING COMPLETE/HR1841F	HỘP NHÔNG/HR1841F	444.204	8%
2638	144271-0	GEAR HOUSING COMPLETE/HR1841F	HỘP NHÔNG/HR1841F	403.056	8%
2639	144272-8	GEAR HOUSING COMPLETE/HR1840	HỘP NHÔNG/HR1840	389.232	8%
2640	144273-6	TOOL HOLDER COMPLETE/MT870	NÔNG THÉP/MT870	343.440	8%
2641	144284-1	BLADE CASE COMPLETE/HS0600	ĐẦU HỘP NHÔNG/HS0600	1.314.252	8%
2642	144285-9	GRIP 36 COMPLETE/HS0600	TAY CÀM/HS0600	73.332	8%
2643	144290-6	SPUR GEAR 55 COMPLETE/DPT353	NHÔNG LỚN/DPT353	695.520	8%
2644	144291-4	DRIVER GUIDE COVER COMPLETE/DPT353	THANH KẸP BẢNG THÉP/DPT353	732.270	10%
2645	144312-2	RECEIVE WASHER COMPLETE/EM403MP	ĐỆM PHẪNG/EM403MP	317.240	10%
2646	144313-0	UPPER HANDLE HOLDER COMPLETE/UR101C	ĐỂ GIỮ TAY CÀM/UR101C	105.408	8%
2647	144315-6	BARRIER COMPLETE/DUX60	NẮP ĐÁY TAY CÀM/DUX60	69.120	8%
2648	144329-5	CENTER PLATE COMPLETE/DPT353	MIẾNG ĐỆM/DPT353	583.000	10%
2649	144330-0	DRIVER GUIDE COMPLETE/DPT353	THANH DẪN/DPT353	1.075.680	8%
2650	144342-3	PROTECTOR COMPLETE/UH201D	TẤM BẢO VỆ/UH201D	50.436	8%
2651	144349-9	SWITCH LEVER COMPLETE/UH3502	CÀN GẠT CÔNG TÁC/UH3502	22.896	8%
2652	144360-1	ENGINE COVER COMPLETE M/EB5300TH	NẮP CHỤP ĐỘNG CỎ/EB5300TH	21.600	8%
2653	144371-6	SUB CONTROLLER COMPLETE/DUR187	BỘ MẠCH/DUR187	554.148	8%
2654	144374-0	HANDLE COMPLETE/DUR187	TAY CÀM/DUR187	375.516	8%
2655	144375-8	SPACER COMPLETE/CG100D	ĐỂ ĐỖ/CG100D	154.000	10%
2656	144382-1	CARRIER COMPLETE C/DFT085F	GIÁ ĐỖ/DFT085F	167.970	10%
2657	144383-9	CARRIER COMPLETE D/DFT127F	GIÁ ĐỖ/DFT127F	158.620	10%
2658	144384-7	SPUR GEAR 17 COMPLETE/DFT085F	NHÔNG/DFT085F	151.200	8%
2659	144385-5	SPUR GEAR 13 COMPLETE/DFT127F	NHÔNG NHỎ/DFT127F	146.556	8%
2660	144386-3	SPUR GEAR 7 COMPLETE/DPB181	NHÔNG NHỎ/DPB181	146.556	8%
2661	144393-6	CRANKCASE CS COMPLETE BLUE/EA4301F	LỐC MÁY/EA4301F	1.611.360	8%
2662	144394-4	CRANKCASE MS COMPLETE BLUE/EA4301F	LỐC MÁY/EA4301F	1.092.960	8%
2663	144409-7	COWLING COMPLETE/DVC862	NẮP VỎ MÁY/DVC862	435.024	8%
2664	144421-7	ADJUST RING COMPLETE/DFT023F	VÒNG ĐỆM ĐIỀU CHỈNH/DFT023F	28.050	10%
2665	144422-5	SPUR GEAR 20 COMPLETE/DFT045F	NHÔNG NHỎ/DFT045F	155.736	8%
2666	144423-3	CARRIER COMPLETE A/DFT023F	GIÁ ĐỖ/DFT023F	284.570	10%
2667	144424-1	CARRIER COMPLETE B/DFT045F	GIÁ ĐỖ/DFT045F	261.250	10%
2668	144445-3	BLADE CASE COMPLETE/M4101B	HỘP NHÔNG/M4101B	476.280	8%
2669	144446-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/M4101B	VỎ MÁY/M4101B	279.396	8%
2670	144473-8	HAMMER CASE COMPLETE/DTW1001	HỘP NHÔNG/DTW1001	721.440	8%
2671	144474-6	HAMMER CASE COMPLETE/BTW074	HỘP NHÔNG/BTW074	860.976	8%
2672	144479-6	SWITCH BASE COMPLETE/DVC260	ĐỂ CÔNG TÁC/DVC260	187.812	8%
2673	144486-9	BATTERY COVER COMPLETE/DVC864L	NẮP BẢO VỆ PIN/DVC864L	224.424	8%
2674	144512-4	RECEIVE WASHER COMPLETE/DUR189	MẶT BÍCH/DUR189	88.660	10%
2675	144519-0	CENTER CASE COMPLETE/DCU180	ĐỂ GÁI PIN/DCU180	274.752	8%
2676	144520-5	SUB CONTROLLER COMPLETE/DCU180	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DCU180	370.980	8%
2677	144521-3	SWITCH PLATE COMPLETE/DCU180	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/DCU180	526.608	8%
2678	144526-3	DEPTH GUIDE COMPLETE/HS0600	MIẾNG ĐỆM/HS0600	284.570	10%
2679	144529-7	LINK PLATE COMPLETE/DLS111	CHÓT KHÓA XÍCH/DLS111	172.590	10%
2680	144530-2	ARM COMPLETE/DLS111	BỘ GÁI ĐỂ TRƯỢT/DLS111	2.468.232	8%
2681	144531-0	FRONT ARM COMPLETE/DLS111	BỘ TRƯỢT TRÊN/DLS111	1.850.040	8%
2682	144532-8	MOTOR HOUSING COMPLETE/LS1219L	VỎ MÁY/LS1219L	393.876	8%
2683	144562-9	CHARGER CASE COMPLETE/DC18RE	BỘ VỎ SẠC/DC18RE	650.268	8%
2684	144570-0	SUB CONTROLLER COMPLETE/DUX60	BỘ MẠCH/DUX60	943.380	8%
2685	144575-0	GEAR HOUSING COMPLETE/HR140D	HỘP NHÔNG/HR140D	393.876	8%
2686	144584-9	SWITCH LEVER COMPLETE/DGA700	THANH GẠT CÔNG TÁC/DGA700	109.944	8%
2687	144586-5	GEAR HOUSING COMPLETE/DSP601	HỘP NHÔNG/DSP601	842.616	8%
2688	144591-2	CARRIER COMPLETE/DSC121	KHỚP NHÔNG/DSC121	146.556	8%
2689	144615-4	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2651T	HỘP NHÔNG/HR2651T	172.800	8%
2690	144616-2	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2650	HỘP NHÔNG/HR2650	15.120	8%
2691	144625-1	CLOTH FILTER COMPLETE/VC001GL	TÚI LỌC BỤI/VC001GL	531.252	8%
2692	144627-7	FLOAT COMPLETE/VC001GL	NẮP LỌC BỤI/VC001GL	91.584	8%
2693	144629-3	RETAINER COMPLETE/JV103D	CỦ GIỮ LƯỚI/JV103D	146.556	8%
2694	144630-8	GEAR COMPLETE/JV103D	BÁNH RĂNG/JV103D	462.564	8%
2695	144634-0	BLADE CASE COMPLETE/LS1019L	ĐẦU HỘP NHÔNG/LS1019L	2.065.284	8%
2696	144646-3	UPPER FENCE L COMPLETE/DLS111	MIẾNG ỐP PHÍA BÊN DƯỚI/DLS111	606.320	10%
2697	144650-2	UPPER FENCE R COMPLETE/DLS111	MIẾNG ỐP PHÍA BÊN DƯỚI/DLS111	611.050	10%
2698	144654-4	TURN BASE COMPLETE/DLS111	BÀN ĐỂ MÁY CUA/DLS111	3.809.916	8%
2699	144656-0	LEVER 25 COMPLETE/DLS111	CÀN GẠT/DLS111	13.824	8%
2700	144657-8	STOPPER LEVER COMPLETE/DLS111	CHÓT GẠT/DLS111	32.670	10%
2701	144658-6	HOLDER COMPLETE/DLS111	BỘ TRƯỢT TRÊN/DLS111	210.708	8%
2702	144661-7	OUTER HOUSING COMPLETE/DRT50	VỎ MÁY NGOÀI/DRT50	467.100	8%
2703	144662-5	SWITCH PLATE COMPLETE/DRT50	MIẾNG CHE CÔNG TÁC/DRT50	32.076	8%
2704	144689-5	FLANGE NUT COMPLETE/EA5600F	CON TẮN/EA5600F	7.700	10%
2705	144700-3	BRAKE CABLE/DCU180	DÂY THẮNG/DCU180	59.616	8%
2706	144701-1	CARRIER COMPLETE/DA332D	Ổ ĐỖ NHÔNG/DA332D	109.944	8%
2707	144702-9	CARRIER COMPLETE/DA333D	Ổ ĐỖ NHÔNG/DA333D	91.584	8%
2708	144709-5	USB COVER/DFT023F	NẮP BẢO VỆ USB/DFT023F	64.152	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2709	144728-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/HS7010	VỎ MÁY/HS7010	380.160	8%
2710	144729-9	BLADE CASE COMPLETE/HS7010	ĐẦU HỘP NHÔNG/HS7010	934.200	8%
2711	144734-6	GEAR HOUSING COMPLETE/JN1601	HỘP NHÔNG/JN1601	1.327.968	8%
2712	144746-9	MOTOR HOUSING SET/M4302B	VỎ MÁY/M4302B	467.100	8%
2713	144765-5	CLUTCH DRUM COMPLETE/EA5600F	HỘP KHỚP LY HỘP/EA5600F	761.200	10%
2714	144766-3	ROCKER COVER COMPLETE/EB7660TH	NÁP CHỤP/EB7660TH	125.280	8%
2715	144770-2	SWITCH BASE COMPLETE/DVC864L	MẶT ỐP CÔNG TẮC/DVC864L	19.440	8%
2716	144774-4	BLADE CASE COMPLETE/DLS111	BỘ BỌC LƯỖI CẮT/DLS111	2.115.612	8%
2717	144781-7	GEAR HOUSING COMPLETE/4100KB	HỘP NHÔNG/4100KB	622.836	8%
2718	144787-5	HAMMER CASE COMPLETE/DTD170	HỘP NHÔNG/DTD170	467.100	8%
2719	144788-3	HAMMER CASE COMPLETE/DTD148	HỘP NHÔNG/DTD148	412.128	8%
2720	144791-4	LINK PLATE COMPLETE/DLS600	MIẾNG ĐỆM/DLS600	284.570	10%
2721	144792-2	BASE COMPLETE/DLS600	ĐỀ CỬA MÁY CỬA/DLS600	2.262.168	8%
2722	144795-6	ARM COMPLETE/DLS600	GIÁ ĐỖ THÂN MÁY/DLS600	1.203.400	10%
2723	144796-4	BLADE CASE COMPLETE/DLS600	ĐẦU HỘP NHÔNG/DLS600	4.240.404	8%
2724	144806-7	GEAR COMPLETE/DJR188	NHÔNG/DJR188	480.816	8%
2725	144808-3	GEAR HOUSING L COMPLETE/DJR188	VỎ NHÔNG BÊN TRAI/DJR188	380.160	8%
2726	144809-1	GEAR HOUSING R COMPLETE/DJR188	VỎ NHÔNG BÊN PHẢI/DJR188	238.140	8%
2727	144820-3	BEARING CASE COMPLETE/JV0600	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN / JV0600	201.528	8%
2728	144823-7	HAMMER CASE COMPLETE/DTW180	HỘP NHÔNG/DTW180	196.992	8%
2729	144828-7	SWITCH PLATE COMPLETE/DTW180	MIẾNG CHE CÔNG TẮC/DTW180	41.256	8%
2730	144829-5	BEARING BOX COMPLETE/DTW180	NÁP CHỤP NHÔNG/DTW180	9.720	8%
2731	144860-1	FAN HOUSING COMPLETE/M4001B	VỎ QUẠT GIÓ/M4001B	302.292	8%
2732	144861-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/M4001B	VỎ MÁY/M4001B	522.072	8%
2733	144863-5	MOTOR COMPLETE/CG100D	MÔ TƠ/CG100D	874.692	8%
2734	144866-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT430	VỎ MÁY/MT430	354.240	8%
2735	144867-7	LEVER 20 COMPLETE/DSP601	CÁN GẠT/DSP601	18.360	8%
2736	144868-5	BLADE CASE COMPLETE/DSP601	ĐẦU HỘP NHÔNG/DSP601	872.640	8%
2737	144901-3	MAGNET ARM C COMPLETE/DTR180	GÁ ĐỖ/DTR180	123.660	8%
2738	144903-9	MAGNET BASE B COMPLETE/DTR180	NAM CHÂM B/DTR180	109.944	8%
2739	144904-7	MAGNET WHEEL COMPLETE/DTR180	NHÔNG LỚN/DTR180	14.040	8%
2740	144911-0	ARM COMPLETE/LS1219L	GIÁ ĐỖ BỘ ĐIỀU KHIỂN/LS1219L	3.232.240	10%
2741	144912-8	FRONT ARM COMPLETE/LS1219L	BỘ TRƯỢT TRÊN/LS1219L	1.987.416	8%
2742	144920-9	UPPER FENCE L COMPLETE/LS1219L	MIẾNG ỐP TRẢI PHÍA TRÊN /LS1219L	629.640	10%
2743	144922-5	UPPER FENCE L COMPLETE/LS1219L	MIẾNG ỐP THANH CỬ PHÍA TRÊN L/LS1219L	629.640	10%
2744	144923-3	UPPER FENCE R COMPLETE/LS1219L	MIẾNG ỐP PHẢI PHÍA TRÊN/LS1219L	652.960	10%
2745	144925-9	UPPER FENCE R COMPLETE/LS1219L	MIẾNG ỐP THANH CỬ PHÍA TRÊN R/LS1219L	657.690	10%
2746	144928-3	TURN BASE COMPLETE/LS1219L	BÀN ĐỀ MÁY CỬA/LS1219L	3.713.796	8%
2747	144930-6	STOP LEVER COMPLETE/LS1219L	TAM ĐỆM CHẠM/LS1219L	46.640	10%
2748	144939-8	PIPE 28 COMPLETE A/UR100D	TAY CÀM/UR100D	302.292	8%
2749	144952-6	INTERNAL GEAR CASE/DTD156	NÁP HỘP NHÔNG/DTD156	73.332	8%
2750	144959-2	LOCK BUTTON COMPLETE/DHR280	NÚT KHÓA THUỐC CÀNH/DHR280	27.540	8%
2751	144960-7	INNER SUPPORT COMPLETE/DHR280	GÁ ĐỖ NHÔNG/DHR280	98.010	10%
2752	144964-9	SPIRAL BEVEL GEAR 11 COMPLETE/DHR280	NHÔNG NHỎ 11/DHR280	114.480	8%
2753	144965-7	GEAR HOUSING COMPLETE/DHR280	VỎ HỘP NHÔNG/DHR280	306.828	8%
2754	144973-8	COWLING COMPLETE/DVC864L	NÁP MÁY/DVC864L	485.460	8%
2755	144986-9	CAM COMPLETE/DSC102	BỘ CAM/DSC102	1.834.800	10%
2756	144987-7	SPUR GEAR 10B COMPLETE/DSC102	NHÔNG 10B/DSC102	128.304	8%
2757	144988-5	SPUR GEAR 9 COMPLETE/DSC102	NHÔNG 9/DSC102	125.280	8%
2758	144989-3	CARRIER COMPLETE/DSC102	Ố ĐỖ NHÔNG/DSC102	480.816	8%
2759	144990-8	MAGNET HOLDER COMPLETE/DSC102	GIÁ ĐỖ NAM CHÂM/DSC102	87.048	8%
2760	144992-4	GEAR COVER COMLPETE/DSC102	NÁP HỘP NHÔNG/DSC102	499.176	8%
2761	150369-3	CRANK CAP COMPLETE/HM1201	NÁP HỘP NHÔNG/HM1201	223.960	10%
2762	150585-7	BASE COMPLETE/LS1030N	ĐỀ MÁY CỬA/LS1030N	1.840.860	8%
2763	150647-1	BLADE CASE COMPLETE/4100NH	ĐẦU HỘP NHÔNG/4100NH	316.008	8%
2764	150811-4	MAIN FRAME/1804N	VỎ MÁY CHÍNH/1804N	591.840	8%
2765	150845-7	FRONT BASE COMPLETE/1805N	ĐỀ CHÍNH ĐỘ SÂU LƯỖI BẢO/1805N	113.400	8%
2766	150846-5	EDGE SLIDER COMPLETE/9403	THANH KÉP RULO/9403	88.660	10%
2767	150879-0	PLASTIC CARRYING CASE COMPLETE/HM0810	VỎ HỘP NHỰA/HM0810	1.227.312	8%
2768	150893-6	MAIN FRAME COMPLETE/1805N	VỎ MÁY CHÍNH/1805N	517.320	8%
2769	150916-0	GEAR HOUSING COMPLETE/2414NB	HỘP NHÔNG/2414NB	1.108.188	8%
2770	150969-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/9067	VỎ MÁY/9067	316.008	8%
2771	150979-6	FRAME COMPLETE/9403	BỘ KHUNG MÁY/9403	2.495.664	8%
2772	151113-1	DRIVING ROLLER COMPLETE/9924DB	RU LỎ/9924DB	961.632	8%
2773	151121-2	DRIVING ROLLER COMPLETE/9401	RU LỎ/9401	915.840	8%
2774	151158-9	BASE COMPLETE/3612BR	ĐỀ MÁY PHAY/3612BR	975.456	8%
2775	151189-8	FRAME COMPLETE/9924DB	BỘ KHUNG MÁY/9924DB	2.839.104	8%
2776	151232-3	BASE COMPLETE/BO4540	ĐỀ MÁY CHÀ NHAM/BO4540	228.960	8%
2777	151310-9	BARREL COMPLETE/HM1201	VỎ NHÔM ĐẦU BẢO VỆ XILANH HM1201/HM1201	3.465.440	10%
2778	151449-8	ROLLER 40 COMPLETE/DVC860L	RU LỎ/DVC860L	265.680	8%
2779	151457-9	BARREL COMPLETE/HM0810	VỎ ĐẦU BẢO VỆ/HM0810	2.436.156	8%
2780	151518-5	DUST NOZZLE COMPLETE/BO6030	ÔNG DẪN BỤI/BO6030	219.888	8%
2781	151594-9	GEAR HOUSING COMPLETE/4304	HỘP NHÔNG/4304	1.318.896	8%
2782	151622-0	LEVER HOLDER COMPLETE/LC1230	GIÁ ĐỖ CHIA GÓC/LC1230	60.720	10%
2783	151623-8	BASE COMPLETE/LC1230	ĐỀ MÁY/LC1230	2.944.512	8%
2784	151625-4	MOTOR HOUSING COMPLETE/LC1230	VỎ MÁY/LC1230	659.448	8%
2785	151631-9	GEAR HOUSING COMPLETE/9067	HỘP NHÔNG/9067	499.176	8%
2786	151737-3	MOTOR HOUSING COMPLETE/2012NB	VỎ MÁY/2012NB	421.308	8%
2787	151738-1	GEAR HOUSING COMPLETE/2012NB	HỘP NHÔNG/2012NB	503.712	8%
2788	151739-9	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/2012NB	HỘP NHÔNG/2012NB	462.564	8%
2789	151744-6	TENSION ROLLER ARM COMPLETE/BS001G	GIÁ ĐỖ RU LỎ/BS001G	443.080	10%
2790	151753-5	TENSION ROLLER COMPLETE/BS001G	RU LỎ TRƯỚC/BS001G	485.460	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2791	151759-3	MOTOR REAR HOUSING COMPLETE/N3701	VỎ ĐUÔI MÁY/N3701	709.776	8%
2792	151829-8	GEAR HOUSING COMPLETE/2416S	HỘP NHÔNG/2416S	1.259.280	8%
2793	151847-6	BLADE CASE COMPLETE/N5900B	ĐẦU HỘP NHÔNG/N5900B	838.080	8%
2794	151848-4	MOTOR HOUSING COMPLETE/N5900B	VỎ MOTOR/N5900B	632.016	8%
2795	151874-3	GEAR HOUSING COMPLETE/4107R	HỘP NHÔNG/4107R	85.320	8%
2796	151886-6	SIDE COVER COMPLETE/2012NB	NÁP NGOÀI MÁY BẢO/2012NB	155.736	8%
2797	152103-7	TENSION ROLLER COMPLETE/9401	RU LO TRƯỚC/9401	1.048.680	8%
2798	152104-5	TENSION ROLLER COMPLETE/9924DB	RU LO TRƯỚC/9924DB	527.040	8%
2799	152176-0	DICE HOLDER COMPLETE/JN3201	Ổ GIỮ KHUÔN DẬP/JN3201	5.503.520	10%
2800	152180-9	CRANK SHAFT COMPLETE/HM1201	TRỤC KHUYU/HM1201	700.704	8%
2801	152196-4	BRACKET COMPLETE/1900B	MẶT ỚP MÁY BẢO/1900B	760.212	8%
2802	152213-0	BRACKET COMPLETE/1804N	MẶT ỚP MÁY BẢO/1804N	59.400	8%
2803	152252-0	CASING COMPLETE/5012B	BƠM NHỚT/5012B	238.140	8%
2804	152253-8	CASING COMPLETE/5016B	BƠM NHỚT/5016B	238.140	8%
2805	152289-7	INNER COVER/906H	NÁP HỘP NHÔNG/906H	345.600	8%
2806	152362-3	BRACKET/1911B	MẶT ỚP MÁY BẢO/1911B	259.200	8%
2807	152448-3	SWITCH LEVER COMPLETE/2414NB	NÚT CÔNG TÁC/2414NB	32.076	8%
2808	152454-8	CRANK COMPLETE/4304	TRỤC KHUYU/4304	196.992	8%
2809	152461-1	ANGLE HEAD COMPLETE/TL064D	ĐẦU HỘP NHÔNG/TL064D	1.538.676	8%
2810	152463-7	SWITCH LEVER COMPLETE/LC1230	NÚT CÔNG TÁC/LC1230	64.152	8%
2811	152483-1	LOCATOR COMPLETE/6821	VÒNG ĐÉM/6821	56.160	8%
2812	152486-5	PUNCH HOLDER COMPLETE/JN3201	Ổ GIỮ MŨI KHOÉT/JN3201	902.000	10%
2813	152504-9	CONNECTING ROD COMPLETE/HR2010	TAY BIÊN/HR2010	114.480	8%
2814	152518-8	BRACKET COMPLETE/1805N	MẶT ỚP MÁY BẢO/1805N	778.464	8%
2815	152536-6	WATER SUPPLY COCK COMPLETE/CC300D	VÁN NƯỚC/CC300D	60.480	8%
2816	152553-6	SPINDLE COMPLETE/9237C	TRỤC NHÔNG/9237C	668.628	8%
2817	152567-5	MOTOR BRACKET COMPLETE/3612	NÁP CHỤP/3612	856.332	8%
2818	152572-2	SPINDLE COMPLETE/9015B	TRỤC NHÔNG/9015B	242.784	8%
2819	152577-2	BEARING CASE COMPLETE/4326	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/4326	186.560	10%
2820	152578-0	RETAINER COMPLETE/4323	CỦ GIỮ LƯỠI/4323	59.616	8%
2821	152582-9	HOLDER ARM COMPLETE/6951	Ổ CHỐI THAN/6951	228.960	8%
2822	152583-7	HAMMER CASE COMPLETE/6951	HỘP NHÔNG/6951	700.704	8%
2823	152585-3	TENSION ROLLER COMPLETE/9910	RU LO TRƯỚC/9910	192.348	8%
2824	152600-3	BEARING CASE COMPLETE/4328	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/4328	181.940	10%
2825	152601-1	RETAINER COMPLETE/4324	CỦ GIỮ LƯỠI/4324	41.256	8%
2826	152606-1	SPINDLE COMPLETE/9067	TRỤC NHÔNG/9067	155.736	8%
2827	152612-6	GRIP 36 COMPLETE/N5900B	TAY CẦM/N5900B	59.616	8%
2828	152675-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/9500NB	VỎ MÁY/9500NB	558.684	8%
2829	152690-6	BEARING RETAINER COMPLETE/GV7000	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GV7000	198.720	8%
2830	152809-7	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/GV7000	NÁP HỘP NHÔNG/GV7000	819.720	8%
2831	152828-3	HAMMER CASE COMPLETE/6952	HỘP NHÔNG/6952	678.240	8%
2832	152869-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/5806B	VỎ MÁY/5806B	416.772	8%
2833	152947-5	RETAINER COMPLETE/4304	BỘ ĐỖ/4304	238.140	8%
2834	152990-4	HOLDER ARM COMPLETE/6952	Ổ CHỐI THAN/6952	297.648	8%
2835	153119-5	GEAR COMPLETE/GV6010	NHÔNG LỚN/GV6010	535.788	8%
2836	153138-1	CRANK SHAFT COMPLETE/JS1600	TRỤC KHUYU/JS1600	2.303.424	8%
2837	153141-2	CRANK SHAFT COMPLETE/JS3201	TRỤC KHUYU/JS3201	1.282.176	8%
2838	153168-2	GEAR COMPLETE 64/9741	NHÔNG LỚN/9741	1.465.344	8%
2839	153178-9	GEAR COMPLETE/6501	NHÔNG LỚN/6501	806.004	8%
2840	153199-1	SPINDLE COMPLETE/6905H	TRỤC NHÔNG/6905H	1.179.360	8%
2841	153228-0	SPUR GEAR 9 COMPLETE/VC3211M	NHÔNG 9/VC3211M	36.720	8%
2842	153253-1	GEAR COMPLETE/6307	NHÔNG LỚN/6307	741.852	8%
2843	153254-9	GEAR COMPLETE/4326	NHÔNG LỚN/4326	164.916	8%
2844	153260-4	GEAR COMPLETE/4328	NHÔNG LỚN/4328	274.752	8%
2845	153284-0	HANDLE COVER COMPLETE/DP4010	BỘ TAY CẦM/DP4010	132.840	8%
2846	153289-0	CHANGE LEVER COMPLETE/HR2020	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2020	27.540	8%
2847	153290-5	NEEDLE BEARING COMPLETE/DHR202	BẠC ĐẠN ĐŨA/DHR202	69.120	8%
2848	153291-3	HELICAL GEAR 43 COMPLETE/9403	NHÔNG LỚN/9403	581.580	8%
2849	153299-7	CAM COMPLETE/MT811	NHÔNG CAM/MT811	74.690	10%
2850	153308-2	PULLEY COVER COMPLETE/9032	NÁP ĐỖ BULY/9032	738.720	8%
2851	153310-5	ARM 9 COMPLETE/9032	THÀNH TRƯỢT 9/9032	682.344	8%
2852	153312-1	ARM TENSIONER COMPLETE/9032	CÁN ĐÁY LỖ XO/9032	86.400	8%
2853	153314-7	SHOE 9 COMPLETE/9032	NÁP THANH TRƯỢT 9/9032	84.040	10%
2854	153318-9	GEAR HOUSING COMPLETE/PV7001C	HỘP NHÔNG/PV7001C	783.108	8%
2855	153319-7	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/PV7001C	NÁP HỘP NHÔNG/PV7001C	842.616	8%
2856	153334-1	RETAINER COMPLETE/4350CT	CỦ GIỮ LƯỠI/4350CT	462.564	8%
2857	153335-9	GEAR COMPLETE/4350CT	NHÔNG LỚN/4350CT	851.796	8%
2858	153336-7	CRANK COMPLETE/4350CT	TRỤC KHUYU/4350CT	119.124	8%
2859	153337-5	GEAR HOUSING COMPLETE/4350CT	HỘP NHÔNG/4350CT	906.768	8%
2860	153338-3	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/4350CT	NÁP HỘP NHÔNG/4350CT	737.316	8%
2861	153361-8	CLAMP LEVER COMPLETE/BO4901	KẸP NHÁM/BO4901	98.010	10%
2862	153362-6	PAPER CLAMP COMPLETE/BO4901	KẸP NHÁM/BO4901	174.096	8%
2863	153374-9	GEAR HOUSING COMPLETE/9015B	HỘP NHÔNG/9015B	517.536	8%
2864	153379-9	GEAR HOUSING COMPLETE/HP2050	HỘP NHÔNG/HP2050	435.024	8%
2865	153384-6	CLAMPER COMPLETE/BO4540	KẸP NHÁM/BO4540	174.096	8%
2866	153386-2	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/UT1305	NÁP HỘP NHÔNG/UT1305	439.668	8%
2867	153389-6	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/4304	NÁP HỘP NHÔNG/4304	1.465.344	8%
2868	153414-3	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/UT2204	NÁP HỘP NHÔNG/UT2204	488.160	8%
2869	153416-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/4107R	VỎ MÁY/4107R	728.136	8%
2870	153423-2	GEAR HOUSING COMPLETE/MT954	HỘP NHÔNG/MT954	251.856	8%
2871	153443-6	CARRIER COMPLETE A/DFL301F	KHỚP NHÔNG/DFL301F	261.036	8%
2872	153444-4	CARRIER COMPLETE B/DFL201F	GIÁ ĐỖ NHÔNG/DFL201F	261.250	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2873	153445-2	SPUR GEAR 20 COMPLETE A/DFL400F	NHÔNG 20/DFL400F	169.452	8%
2874	153446-0	SPUR GEAR 20 COMPLETE/BFT080F	NHÔNG LỚN/BFT080F	169.452	8%
2875	153447-8	SPUR GEAR 9 COMPLETE A/DFL201F	NHÔNG 9/DFL201F	146.556	8%
2876	153449-4	GEAR COMPLETE/MT650	HỘP NHÔNG/MT650	128.304	8%
2877	153476-1	HALF NUT COMPLETE/RP2301FC	NÚT ĐIỀU CHỈNH/RP2301FC	195.910	10%
2878	153477-9	SWITCH LEVER COMPLETE/DA3010	NÚT CÔNG TÁC/DA3010	112.320	8%
2879	153488-4	GEAR HOUSING COMPLETE/9563C	HỘP NHÔNG/9563C	444.204	8%
2880	153536-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT580	VỎ MÁY/MT580	343.440	8%
2881	153539-3	BEARING BOX COMPLETE/4112HS	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/4112HS	856.332	8%
2882	153541-6	SPINDLE COMPLETE/4112HS	TRỤC NHÔNG/4112HS	979.440	10%
2883	153542-4	GEAR HOUSING COMPLETE/4112HS	HỘP NHÔNG/4112HS	1.520.316	8%
2884	153581-4	HAMMER CASE COMPLETE/TW0200	HỘP NHÔNG/TW0200	860.976	8%
2885	153583-0	INTERNAL GEAR COVER COMPLETE/TW0200	NÁP HỘP NHÔNG/TW0200	265.680	8%
2886	153600-6	GEAR HOUSING COMPLETE/MT241	HỘP NHÔNG/MT241	870.048	8%
2887	153601-4	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT240	VỎ MÁY/MT240	315.360	8%
2888	153620-0	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/HP2050	NÁP HỘP NHÔNG/HP2050	256.500	8%
2889	153621-8	GEAR HOUSING COMPLETE/HP2070	HỘP NHÔNG/HP2070	435.024	8%
2890	153622-6	GEAR COMPLETE/DP4010	NHÔNG LỚN/DP4010	540.432	8%
2891	153623-4	HAMMER CASE COMPLETE/TW0350	HỘP NHÔNG/TW0350	1.053.216	8%
2892	153624-2	HAMMER CASE COVER COMPLETE/TW0350	NÁP HỘP NHÔNG/TW0350	746.496	8%
2893	153625-0	MOTOR HOUSING/TW0350	VỎ MÁY/TW0350	906.768	8%
2894	153626-8	SPUR GEAR 19-41 COMPLETE/TW0350	NHÔNG LỚN/TW0350	1.254.744	8%
2895	153664-0	BLADE CASE COMPLETE/5806B	ĐẦU HỘP NHÔNG/5806B	783.108	8%
2896	153684-4	SPUR GEAR 20 COMPLETE C/DFL301F	NHÔNG LỚN/DFL301F	169.452	8%
2897	153685-2	BLADE CASE COMPLETE/SG1251	ĐẦU HỘP NHÔNG/SG1251	1.241.028	8%
2898	153746-8	BRACKET COMPLETE/MT190	MẶT ỚP MÁY BAO/MT190	220.320	8%
2899	153763-8	BASE COMPLETE/MT360	ĐỀ MÁY PHAY/MT360	756.000	8%
2900	153764-6	KNOB 50 COMPLETE/MT362	CÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIAM/MT362	77.868	8%
2901	153765-4	MOTOR BRACKET COMPLETE/MT360	NÁP CHỤP/MT360	636.552	8%
2902	153781-6	TOP COVER COMPLETE/2012NB	NÁP CHỤP TRÊN/2012NB	1.419.552	8%
2903	153792-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/LS1030N	VỎ MÁY/LS1030N	654.912	8%
2904	153808-2	HAMMER CASE COMPLETE/6980FD	HỘP NHÔNG/6980FD	319.680	8%
2905	153820-2	VALVE COMPLETE/DVC260	RON CAO SU/DVC260	87.048	8%
2906	153851-1	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT370	VỎ MÁY/MT370	270.216	8%
2907	153872-3	INNER SUPPORT COMPLETE/6922NB	KHỚP NỐI/6922NB	2.761.344	8%
2908	153882-0	GEAR COMPLETE/MT651	NHÔNG LỚN/MT651	142.020	8%
2909	153910-1	CRANKSHAFT COMPLETE/DCS232T	TRỤC KHUYU/DCS232T	1.300.320	8%
2910	153918-5	HOUSING COMPLETE/DCS232T	VỎ MÁY/DCS232T	673.920	8%
2911	153924-0	GEAR HOUSING COMPLETE/4131	HỘP NHÔNG/4131	1.594.080	8%
2912	153995-7	HANDLE COMPLETE/LH1040	TAY CÀM/LH1040	105.408	8%
2913	153996-5	CLAMP PLATE COMPLETE/LH1040	NÁP BAO VỆ/LH1040	21.600	8%
2914	154416-2	SPINDLE COMPLETE/TL064D	TRỤC/TL064D	652.320	8%
2915	154427-7	ELBOW JOINT COMPLETE/DVC860L	KHỚP NỐI/DVC860L	1.149.444	8%
2916	154447-1	SPINDLE A COMPLETE/DFL204F	TRỤC NHÔNG/DFL204F	1.790.532	8%
2917	154448-9	SPINDLE A COMPLETE/DFL301F	TRỤC NHÔNG /DFL301F	1.932.444	8%
2918	154463-3	ARM COMPLETE/LH1040	GIÁ ĐỖ THÂN MÁY/LH1040	555.060	10%
2919	154468-3	SPUR GEAR 16 COMPLETE/DSC191	NHÔNG 16/DSC191	13.824	8%
2920	154472-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/2107F	VỎ MÁY/2107F	609.120	8%
2921	154475-6	GEAR HOUSING COMPLETE/2107F	HỘP NHÔNG/2107F	686.880	8%
2922	154491-8	MOTOR HOUSING COMPLETE/6924N	VỎ MÁY/6924N	2.358.288	8%
2923	154492-6	INNER SUPPORT COMPLETE/6924N	BỘ HỖ TRỢ BÊN TRONG/6924N	2.953.584	8%
2924	154497-6	GEAR HOUSING COMPLETE/JR3050T	HỘP NHÔNG/JR3050T	289.440	8%
2925	154498-4	MOTOR HOUSING COMPLETE/JR3050T	VỎ MÁY/JR3050T	265.680	8%
2926	154499-2	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/JR3050T	NÁP HỘP NHONG/JR3050T	462.564	8%
2927	154500-3	MOTOR HOUSING COMPLETE/MT110	VỎ MÁY/MT110	475.200	8%
2928	154501-1	MAIN FRAME COMPLETE/MT111	BỘ KHUNG MÁY/MT111	1.135.728	8%
2929	154502-9	SLIDER SUPPORT COMPLETE/JR3060T	THÀNH TRƯỢT/JR3060T	476.280	8%
2930	154511-8	CORD HOLDER COMPLETE/DUP361	GIÁ ĐỖ/DUP361	37.400	10%
2931	154545-1	CRANK CAM COMPLETE/JR3060T	NÁP ĐẦU/JR3060T	508.356	8%
2932	154546-9	CRANK BASE COMPLETE/JR3060T	TAY BIẾN/JR3060T	311.472	8%
2933	154547-7	BEARING COMPLETE/JR3060T	BẠC THAU ĐỒNG/JR3060T	183.168	8%
2934	154549-3	TORQUE LIMITER COMPLETE/JR3060T	NHÔNG LỚN/JR3060T	1.121.904	8%
2935	154551-6	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/JR3060T	NÁP HỘP NHONG/JR3060T	343.440	8%
2936	154555-8	HAMMER CASE COMPLETE/TW1000	HỘP NHÔNG/TW1000	4.029.696	8%
2937	154556-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/TW1000	VỎ MÁY/TW1000	1.552.392	8%
2938	154584-1	SWITCH LEVER B COMPLETE/9556HP	NÚT CÔNG TÁC/9556HP	64.152	8%
2939	154585-9	GEAR HOUSING COMPLETE/HM1810	NÁP HỘP NHÔNG/HM1810	1.693.440	8%
2940	154586-7	MOTOR HOUSING B COMPLETE/HM1810	VỎ MÁY B/HM1810	695.520	8%
2941	154587-5	CRANK COMPLETE/HM1810	TRỤC KHUYU/HM1810	1.222.560	8%
2942	154589-1	BALLANCER COMPLETE/HM1810	VÒNG LỐT XY LẠNH/HM1810	2.785.200	10%
2943	154590-6	HAMMER CASE COMPLETE/BTD141	BÚA GỖ/BTD141	192.348	8%
2944	154595-6	SPINDLE COMPLETE/2704	BỘ TRỤC NHÔNG/2704	838.080	8%
2945	154596-4	FRONT OUTER RAIL COMPLETE/2704	THÀNH RAY TRƯỢT/2704	494.640	8%
2946	154599-8	FRAME COVER COMPLETE/2704	NÁP DÂY CHỤP LƯỚI/2704	224.424	8%
2947	154602-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/2704	VỎ MÁY/2704	531.252	8%
2948	154608-3	BASE COMPLETE/2704	ĐỀ CUA MÁY CẮT BÀN /2704	3.260.412	8%
2949	154623-7	GEAR HOUSING COMPLETE/HR4001C	NÁP HỘP NHONG/HR4001C	1.126.548	8%
2950	154626-1	SWITCH HOLDER COMPLETE/HR3200C	GIÁ ĐỖ CÔNG TÁC/HR3200C	36.720	8%
2951	154629-5	BEARING BOX COMPLETE/MUH355	VÀNH BAO VỆ BẠC ĐẠN/MUH355	99.360	8%
2952	154650-4	FRONT HAND GUARD COMPLETE/DCS232T	KHÓA GÀI AN TOÀN/DCS232T	138.240	8%
2953	154671-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/GA7020	VỎ MÁY/GA7020	352.620	8%
2954	154725-9	SPINDLE A COMPLETE/DFL201F	TRỤC NHÔNG/DFL201F	1.538.676	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2955	154761-5	SPROCKET COVER COMPLETE/UC3020A	TẮM CHÂN XÍCH/UC3020A	105.408	8%
2956	154763-1	LEVER COMPLETE/BUC250	BỘ CHUYỂN ĐỔI/BUC250	54.972	8%
2957	154769-9	BEARING BOX COMPLETE/BTD141	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/BTD141	206.064	8%
2958	154777-0	SPINDLE COMPLETE/GA7030	TRỤC NHÔNG/GA7030	247.320	8%
2959	154786-9	MOTOR HOUSING COMPLETE/GA7030	VỎ MÁY/GA7030	375.516	8%
2960	154788-5	SLIDER COMPLETE/JR3050T	THÀNH TRƯỢT/JR3050T	241.920	8%
2961	154812-4	GEAR HOUSING COMPLETE/DJR181	HỘP NHÔNG/DJR181	659.448	8%
2962	154813-2	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/DJR181	NÁP HỘP NHÔNG/DJR181	609.120	8%
2963	154840-9	GEAR HOUSING COMPLETE/DHR165	ĐẦU HỘP NHÔNG/DHR165	577.044	8%
2964	154841-7	INNER HOUSING COMPLETE/DHR165	VỎ MÁY BÊN TRONG/DHR165	544.968	8%
2965	154843-3	TOOL HOLDER COMPLETE/DHR165	NÒNG THÉP/DHR165	499.176	8%
2966	154874-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/UT1305	VỎ MÁY/UT1305	773.928	8%
2967	154946-3	CONNECTING ROD COMPLETE/HM1810	TAY BIÊN/HM1810	842.400	8%
2968	154949-7	GEAR COMPLETE/DPB180	NHÔNG LỚN/DPB180	348.084	8%
2969	154950-2	SWITCH LEVER COMPLETE/MUH355	NÚT CÔNG TÁC/MUH355	18.360	8%
2970	154973-0	SPUR GEAR 7 COMPLETE/DPT351	NHÔNG/DPT351	164.916	8%
2971	155174-3	BASE COMPLETE/9035	ĐỀ MÁY CHA NHAM/9035	210.708	8%
2972	155326-6	EDGE SLIDER/9924DB	MÉP TRƯỢT/9924DB	98.010	10%
2973	155410-7	BLADE CASE COMPLETE/4100NB	NÁP CHỤP LƯỖI CÁT/4100NB	833.436	8%
2974	155763-4	MOTOR BRACKET/3612br	NÁP CHỤP/3612BR	2.674.296	8%
2975	155811-9	OIL VESSEL COMPLETE/5012B	BỘ PHỐT DẦU/5012B	68.688	8%
2976	155812-7	OIL VESSEL COMPLETE/5016B	BÌNH CHỨA DẦU/5016B	73.332	8%
2977	155957-1	CLAMPER/BO4510H	KẸP NHÁM/BO4510H	82.512	8%
2978	156087-1	HAMMER CASE/6906	HỘP NHÔNG/6906	2.041.600	10%
2979	156125-9	MOTOR HOUSING/9207SPB	VỎ MÁY/9207SPB	911.304	8%
2980	156225-5	MOTOR HOUSING/9401	VỎ MÁY/9401	1.114.560	8%
2981	156433-8	MOTOR HOUSING/5012B	VỎ MÁY/5012B	957.096	8%
2982	156438-8	MOTOR HOUSING/5016B	VỎ MÁY/5016B	1.007.424	8%
2983	156448-5	GEAR HOUSING/9500NB	HỘP NHÔNG/9500NB	457.920	8%
2984	156490-6	MOTOR HOUSING COMPLETE/9924DB	VỎ MÁY/9924DB	828.900	8%
2985	156600-5	MOTOR HOUSING/5103N	VỎ MÁY/5103N	1.948.320	8%
2986	156709-3	MOTOR HOUSING COVER/5012B	VỎ MÁY/5012B	947.916	8%
2987	156725-5	GEAR HOUSING/JS1600	HỘP NHÔNG/JS1600	1.025.784	8%
2988	156731-0	GEAR HOUSING COVER/JS1600	NÁP HỘP NHÔNG/JS1600	636.552	8%
2989	156734-4	MOTOR HOUSING/JN3200	VỎ MÁY/JN3200	773.928	8%
2990	156833-2	GEAR HOUSING COVER/JN3200	NÁP HỘP NHÔNG/JN3200	858.220	10%
2991	156838-2	GEAR HOUSING/JN3200	HỘP NHÔNG/JN3200	2.248.452	8%
2992	156862-5	MOTOR HOUSING/HM1201	VỎ MÁY/HM1201	2.637.684	8%
2993	156863-3	CRANK HOUSING COMPLETE/HM1201	Ổ NHÓM/HM1201	1.982.200	10%
2994	156916-8	GEAR HOUSING/5016B	HỘP NHÔNG/5016B	1.172.340	8%
2995	157023-0	DRUM HOUSING/1804N	NÁP HỘP BẠC ĐẠN/1804N	22.680	8%
2996	157030-3	GEAR HOUSING/5103N	HỘP NHÔNG/5103N	967.680	8%
2997	157032-9	GEAR HOUSING/5201N	HỘP NHÔNG/5201N	881.280	8%
2998	157072-7	GEAR HOUSING/HM1201	NÁP HỘP NHÔNG/HM1201	820.930	10%
2999	157109-0	MOTOR HOUSING/3612BR	VỎ MÁY/3612BR	1.689.768	8%
3000	157114-7	GEAR HOUSING COVER/5016B	NÁP HỘP NHÔNG/5016B	796.824	8%
3001	157596-3	MOTOR HOUSING/906H	VỎ MÁY/906H	1.494.720	8%
3002	157627-8	CRANK HOUSING COMPLETE/HM0810	HỘP NHÔNG/HM0810	1.204.416	8%
3003	157628-6	GEAR HOUSING/HM0810	NÁP HỘP NHÔNG/HM0810	499.176	8%
3004	157640-6	GEAR HOUSING COMPLETE/JS3200	HỘP NHÔNG/JS3200	1.282.176	8%
3005	157753-3	MOTOR HOUSING COMPLETE/2416S	VỎ MÁY/2416S	3.326.400	8%
3006	157776-1	GEAR HOUSING/9741	HỘP NHÔNG/9741	288.576	8%
3007	157777-9	GEAR HOUSING COVER/9741	NÁP HỘP NHÔNG/9741	146.556	8%
3008	157798-1	HOUSING/9741	VỎ MÁY/9741	1.300.536	8%
3009	158044-5	LINK PLATE COMPLETE/UC4051A	CHỐT KHÓA XÍCH/UC4051A	195.910	10%
3010	158047-9	LINK PLATE COMPLETE/BUC250	CHỐT KHÓA XÍCH/BUC250	65.340	10%
3011	158051-8	COVER COMPLETE/DVR450Z	VỎ BẢO VỆ PIN/DVR450Z	283.932	8%
3012	158056-8	ANGLE HEAD COMPLETE/DFL301F	HỘP NHÔNG/DFL301F	189.000	8%
3013	158070-4	FRAME COMPLETE/MT941	BỘ KHUNG MÁY/MT941	1.044.144	8%
3014	158072-0	HELICAL GEAR 42 COMPLETE/MT941	NHÔNG LỚN 42/MT941	160.272	8%
3015	158076-2	HAMMER CASE COMPLETE/DTW450	HỘP NHÔNG/DTW450	595.296	8%
3016	158092-4	GEAR HOUSING COMPLETE/CA5000	HỘP NHÔNG/CA5000	1.805.760	8%
3017	158094-0	MOTOR HOUSING COMPLETE/CA5000	VỎ MÁY/CA5000	518.400	8%
3018	158096-6	SHOE COMPLETE/CA5000	CÁN KHOA/CA5000	146.880	8%
3019	158103-5	REAR INNER RAIL COMPLETE/2704	THÀNH RAY TRƯỢT/2704	1.163.160	8%
3020	158104-3	FRONT INNER RAIL COMPLETE/2704	THÀNH RAY TRƯỢT/2704	1.172.340	8%
3021	158116-6	SAFETY COVER COMPLETE/BCS550	NÁP BẢO VỆ/BCS550	132.840	8%
3022	158117-4	BARREL COMPLETE/HR4030C	VỎ NHÓM ĐẦU BẢO VỆ/HR4030C	1.096.040	10%
3023	158118-2	CRANK HOUSING COMPLETE/HR4030C	Ổ NHÓM/HR4030C	2.131.470	10%
3024	158119-0	GEAR HOUSING COMPLETE/HR4030C	HỘP NHÔNG/HR4030C	900.240	10%
3025	158145-9	BEARING BOX COMPLETE/BTD136	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/BTD136	120.960	8%
3026	158156-4	DRUM COMPLETE/KP0810	QUA LỖ (ÔP LƯỖI BẢO)/KP0810	1.248.480	8%
3027	158166-1	FLOAT COMPLETE/DVC860L	TÚI PHAO/DVC860L	73.332	8%
3028	158168-7	GEAR COMPLETE/DJV180	BÁNH RĂNG/DJV180	989.172	8%
3029	158169-5	GEAR HOUSING COMPLETE/DJV180	HỘP NHÔNG/DJV180	728.136	8%
3030	158178-4	GEAR HOUSING COMPLETE/HR5211C	HỘP NHÔNG/HR5211C	1.250.208	8%
3031	158184-9	DRUM HOLDER COMPLETE/KP0810	GÀ ĐỖ QUA LỖ (GÀ ĐỖ ÔP BẢO)/KP0810	585.200	10%
3032	158206-5	SPINDLE COMPLETE/GA7020	TRỤC NHÔNG/GA7020	146.556	8%
3033	158209-9	SPINDLE COMPLETE/MT902	TRỤC NHÔNG/MT902	132.840	8%
3034	158216-2	GEAR HOUSING COMPLETE/DHR202	HỘP NHÔNG/DHR202	283.932	8%
3035	158231-6	CRANK HOUSING COMPLETE/HR4002	Ổ NHÓM/HR4002	883.872	8%
3036	158232-4	GEAR HOUSING COMPLETE/HR4002	HỘP NHÔNG/HR4002	416.772	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3037	158240-5	BARREL COMPLETE/HR3530	VỎ NHÔM ĐẦU BẢO VỆ XILANH/HR3530	1.323.432	8%
3038	158241-3	CRANK HOUSING COMPLETE/HR3530	HỘP NHÔNG/HR3530	1.840.860	8%
3039	158242-1	GEAR HOUSING COMPLETE/HR3530	HỘP NHÔNG/HR3530	860.976	8%
3040	158243-9	HANDLE COMPLETE/HR3530	TAY CÀM/HR3530	329.724	8%
3041	158263-3	HANDLE COMPLETE/HR4030C	TAY CÀM/HR4030C	370.980	8%
3042	158278-0	MOTOR HOUSING COMPLETE/GA5010	VỎ MÁY/GA5010	412.128	8%
3043	158281-1	SWITCH HOLDER COMPLETE/HR2810	GIÁ ĐỒ CÔNG TÁC/HR2810	32.076	8%
3044	158282-9	CONNECTING ROD COMPLETE/HR2810	TAY ĐÉN/HR2810	82.512	8%
3045	158284-5	CHANGE LEVER COMPLETE/HR2810	CÔNG TÁC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2810	36.720	8%
3046	158286-1	TOOL HOLDER GUIDE COMPLETE/HR2810T	NÔNG THÉP/HR2810T	668.628	8%
3047	158287-9	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2810	HỘP NHÔNG/HR2810	228.960	8%
3048	158288-7	BARREL COMPLETE/HR2810	VỎ ĐẦU BẢO VỆ/HR2810	329.724	8%
3049	158289-5	CRANK HOUSING COMPLETE/HR2810	HỘP NHÔNG/HR2810	709.776	8%
3050	158299-2	GEAR HOUSING COMPLETE/HR4511C	HỘP NHÔNG/HR4511C	1.346.328	8%
3051	158305-3	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2230	HỘP NHÔNG/HR2230	261.036	8%
3052	158307-9	TOOL HOLDER GUIDE COMPLETE/HR2470FT	NÔNG THÉP/HR2470FT	746.496	8%
3053	158325-7	PLATE COMPLETE/BO4565	ĐỀ LỘT/BO4565	219.888	8%
3054	158326-5	PLATE COMPLETE/BO4566	ĐỀ LỘT/BO4566	155.736	8%
3055	158356-6	CAM HOUSING COMPLETE/HP1230	VỎ BÁNH RĂNG CAM/HP1230	24.840	8%
3056	158387-5	HELICAL GEAR 37 COMPLETE/HM1306	NHÔNG LỚN 37/HM1306	1.396.656	8%
3057	158388-3	FELT COMPLETE/HM1306	BỘ PHỐT/HM1306	298.540	10%
3058	158392-2	RETAINER COMPLETE/4328	CỦ GIỮ LƯỖI/4328	59.616	8%
3059	158393-0	RETAINER COMPLETE/4326	CỦ GIỮ LƯỖI/4326	54.972	8%
3060	158403-3	SWITCH LEVER C COMPLETE/PC5000C	BỘ C VỎ NHÔNG/PC5000C	109.944	8%
3061	158408-3	ADJUST RING COMPLETE/DFT085F	VÒNG ĐỆM ĐIỀU CHỈNH/DFT085F	116.600	10%
3062	158412-2	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/DP4010	NÁP HỘP NHÔNG/DP4010	233.604	8%
3063	158437-6	SPUR GEAR 33 COMPLETE/HR3200C	NHÔNG LỚN/HR3200C	54.972	8%
3064	158523-3	CRANK HOUSING COMPLETE/DHK180	HỘP NHÔNG/DHK180	1.067.040	8%
3065	158533-0	BARREL COMPLETE/HR3200C	VỎ ĐẦU BẢO VỆ/HR3200C	778.464	8%
3066	158534-8	GEAR HOUSING COMPLETE/HR3200C	HỘP NHÔNG/HR3200C	462.564	8%
3067	158538-0	OIL TANK COVER COMPLETE/HM1306	NÁP BÌNH DẦU/HM1306	79.310	10%
3068	158561-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/LH1040	VỎ MÁY/LH1040	370.980	8%
3069	158574-6	TOOL HOLDER COMPLETE/DHR202	NÔNG THÉP/DHR202	563.328	8%
3070	158575-4	TOOL HOLDER COMPLETE/HR2230	NÔNG THÉP/HR2230	709.776	8%
3071	158576-2	BARREL COMPLETE/HR4511C	VỎ NHÔM ĐẦU BẢO VỆ/HR4511C	1.689.768	8%
3072	158658-0	SHAFT PIPE COMPLETE/EM2550UH	BỘ TAY CÀM/EM2550UH	488.400	10%
3073	158659-8	HANDLE COMPLETE/BUR182U	TAY CÀM/BUR182U	336.960	8%
3074	158670-0	HAMMER CASE COMPLETE/TD090D	HỘP NHÔNG/TD090D	155.736	8%
3075	158671-8	BEARING BOX COMPLETE/TD090D	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/TD090D	109.944	8%
3076	158677-6	HANDLE COVER COMPLETE/HP1630	VỎ TAY CÀM/HP1630	77.868	8%
3077	158702-3	FRONT WHEEL COVER COMPLETE/2107F	BỘ BỌC LƯỖI CỬA/2107F	1.204.416	8%
3078	158703-1	FRONT WHEEL COVER COMPLETE/DPB180	BỘ VỎ BÁNH LÔNG TRƯỚC/DPB180	1.437.912	8%
3079	158712-0	CRANK HOUSING COMPLETE/HR3210C	Ổ NHÔM/HR3210C	2.471.920	10%
3080	158713-8	CRANK HOUSING COMPLETE/HR3200C	HỘP NHÔNG/HR3200C	2.294.244	8%
3081	158808-7	BASE COMPLETE/RO900	ĐỀ CỬA MÁY PHAY/RO900	357.264	8%
3082	158858-2	BARREL COMPLETE/HM1203C	VỎ NHÔM ĐẦU/HM1203C	1.282.176	8%
3083	158859-0	GEAR HOUSING COMPLETE/HM1203C	HỘP NHÔNG/HM1203C	915.840	8%
3084	158869-7	RETAINER COMPLETE/MT430	CỦ GIỮ LƯỖI/MT430	54.972	8%
3085	158870-2	GEAR HOUSING COMPLETE/MT430	HỘP NHÔNG/MT430	439.668	8%
3086	158871-0	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/MT430	NÁP HỘP NHÔNG/MT430	256.500	8%
3087	158873-6	CRANK PLATE COMPLETE/MT430	TRỤC KHUYU/MT430	82.512	8%
3088	158874-4	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/FS4000	NÁP HỘP NHÔNG/FS4000	73.332	8%
3089	158876-0	LOCATOR L COMPLETE/DFS452	VÒNG ĐỆM/DFS452	135.300	10%
3090	158877-8	HANDLE COVER S COMPLETE/FS2500	VỎ TAY CÀM/FS2500	105.408	8%
3091	158881-7	GEAR HOUSING HSA COMPLETE/FS6300	HỘP NHÔNG/FS6300	375.516	8%
3092	158883-3	GEAR HOUSING HP COMPLETE/FS4000	HỘP NHÔNG/FS4000	155.736	8%
3093	158885-9	GEAR 38S COMPLETE/FS6300	NHÔNG LỚN/FS6300	352.620	8%
3094	158886-7	SPINDLE 125S COMPLETE/FS6300	TRỤC MÁY/FS6300	499.176	8%
3095	158896-4	GEAR HOUSING LN COMPLETE/FS2500	HỘP NHÔNG/FS2500	421.308	8%
3096	158898-0	HAMMER CASE COMPLETE/TD0100	HỘP NHÔNG/TD0100	146.556	8%
3097	158899-8	BEARING BOX COMPLETE/TD0100	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/TD0100	105.408	8%
3098	158911-4	TUBE COMPLETE/BHX2500	ỐNG DẪN DẦU/BHX2500	64.800	8%
3099	158913-0	HELICAL GEAR 49 COMPLETE/MT430	NHÔNG LỚN 49/MT430	325.188	8%
3100	158944-9	INNER SUPPORT COMPLETE/DHR263	GA ĐỖ NHÔNG/DHR263	167.970	10%
3101	158945-7	GEAR HOUSING COMPLETE/DHR263	HỘP NHÔNG/DHR263	169.452	8%
3102	158952-0	TABLE COMPLETE/2704	BÀN CẮT/2704	6.557.436	8%
3103	158957-0	BEARING BOX COMPLETE/LS1016	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/LS1016	201.528	8%
3104	158959-6	SAFETY COVER A COMPLETE/LS1016	CHỤP BẢO VỆ/LS1016	283.932	8%
3105	158961-9	FRONT ARM COMPLETE/LS1016	BỘ TRƯỢT TRÊN/LS1016	1.259.280	8%
3106	158964-3	ARM HOLDER COMPLETE/LS1016	BỘ TRƯỢT DƯỚI/LS1016	1.048.680	8%
3107	158968-5	LINEAR BEARING BOX COMPLETE/LS1016	Ổ BẠC ĐẠN TRƯỢT/LS1016	1.108.188	8%
3108	158971-6	MOTOR BRACKET COMPLETE/RP1800	NÁP CHỤP/RP1800	1.144.800	8%
3109	158972-4	MOTOR BRACKET COMPLETE/RP2301FC	VỎ MOTOR/RP2301FC	1.140.480	8%
3110	158973-2	BASE COMPLETE/RP2301FC	ĐỀ CỬA MÁY PHAY/RP2301FC	1.557.820	10%
3111	158974-0	MOTOR HOUSING COMPLETE/RP1800	VỎ MÁY/RP1800	1.702.080	8%
3112	158975-8	MOTOR HOUSING COMPLETE/RP1801	VỎ MÁY/RP1801	1.845.504	8%
3113	158982-1	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/FS2500	NÁP HỘP NHÔNG/FS2500	109.944	8%
3114	158983-9	CRANK HOUSING COMPLETE/HM1214C	Ổ NHÔM/HM1214C	5.966.784	8%
3115	158985-5	BEARING BOX COMPLETE/HM1214C	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/HM1214C	942.150	10%
3116	158986-3	CONTROLLER COVER COMPLETE/HM1214C	NÁP BƠ MẠCH/HM1214C	215.244	8%
3117	159140-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/LS1030	VỎ MÁY/LS1030	876.960	8%
3118	159184-2	MOTOR HOUSING COMPLETE/4100NB	VỎ MÁY/4100NB	860.976	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3119	159247-4	MOTOR HOUSING/3600H	VỎ MÁY/3600H	2.541.456	8%
3120	159278-3	MOTOR HOUSING COMPLETE/9500N	VỎ MÁY/9500N	577.044	8%
3121	159336-5	MAIN FRAME/1911B	KHUNG MÁY/1911B	1.396.656	8%
3122	159414-1	MOTOR HOUSING/6906	VỎ MÁY/6906	1.685.232	8%
3123	159533-3	FRAME/9045B	KHUNG MÁY/9045B	1.250.208	8%
3124	159634-7	MOTOR HOUSING/HM0810	VỎ MÁY/HM0810	906.768	8%
3125	159675-3	MOTOR HOUSING COMPLETE/6922NB	VỎ MÁY/6922NB	801.360	8%
3126	159681-8	MAIN FRAME/1900B	VỎ MÁY/1900B	1.195.236	8%
3127	159685-0	MOTOR HOUSING COMPLETE/4131	VỎ MÁY/4131	581.580	8%
3128	159710-7	GEAR HOUSING COMPLETE/9005B	HỘP NHÔNG/9005B	686.880	8%
3129	159747-4	MOTOR HOUSING COMPLETE/9032	VỎ MÁY/9032	444.960	8%
3130	159750-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/2414NB	VỎ MÁY/2414NB	911.304	8%
3131	159755-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/JN1601	VỎ MÁY/JN1601	343.440	8%
3132	159757-1	GEAR HOUSING COMPLETE/JN1601	HỘP NHÔNG/JN1601	1.088.640	8%
3133	159758-9	GEAR HOUSING COVER COMPLETE/JN1601	NÁP HỘP NHÔNG/JN1601	1.112.832	8%
3134	159767-8	MOTOR HOUSING/4100NH	VỎ MÁY/4100NH	604.476	8%
3135	159771-7	GEAR HOUSING/4100NB	HỘP NHÔNG/4100NB	1.103.652	8%
3136	159846-2	GEAR HOUSING COMPLETE/HR2010	HỘP NHÔNG/HR2010	370.980	8%
3137	159847-0	CRANK HOUSING COMPLETE/HR2010	HỘP NHÔNG/HR2010	957.096	8%
3138	159878-9	DRUM HOUSING/1804N	NÁP HỘP BẠC ĐẠN/1804N	270.600	10%
3139	159911-7	GEAR HOUSING COMPLETE/4100NH	HỘP NHÔNG/4100NH	283.932	8%
3140	159912-5	MOTOR HOUSING COMPLETE/5800NB	VỎ MÁY/5800NB	641.088	8%
3141	159930-3	GEAR CASE COMPLETE/6922NB	HỘP NHÔNG/6922NB	1.703.484	8%
3142	159951-5	GEAR HOUSING COMPLETE/9227C	HỘP NHÔNG/9227C	613.656	8%
3143	161017-9	DRUM/1804N	TRỤC LƯỠI BẢO/1804N	970.200	10%
3144	161056-9	DRUM/1805N	TRỤC LƯỠI BẢO/1805N	858.000	10%
3145	161061-6	DRUM/1900B	ỚP BẢO 1900B/1900B	517.536	8%
3146	161119-1	DRUM/1911B	TRỤC LƯỠI BẢO/1911B	660.000	10%
3147	161140-0	DRUM/MT191	ỚP BẢO/MT191	714.420	8%
3148	161141-8	DRUM/MT111	ỚP BẢO/MT111	1.268.460	8%
3149	161301-2	ROCKER COVER GASKET/EK7651H	DOĂNG NHÔM/EK7651H	22.000	10%
3150	161310A1	IGNITION COIL CDIM 120-15/EK8100	CUỘN ĐIỆN 120-15/EK8100	1.684.800	8%
3151	161311-9	ANGULAR NIPPLE/EK8100	VÁN ĐIỀU TIẾT/EK8100	34.560	8%
3152	161312-7	CARBURETOR/EK8100	BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EK8100	1.045.440	8%
3153	161326-6	BASE/DCS551	ĐỀ CỬA MÁY CẮT KIM LOẠI/DCS551	488.160	8%
3154	161328-2	STARTER COMPLETE BLUE/EA3201S	BỘ KHỞI ĐỘNG/EA3201S	362.880	8%
3155	161332-1	CLUTCH SHOE/EE2650H	KHỚP LY HỢP/EM2550UH	77.760	8%
3156	161337-1	DEPTH GUIDE COMPLETE/HS6600	THƯỚC CẠNH ĐO SÂU/HS6600	73.332	8%
3157	161338-9	MUFFLER CPL./EK8100	BỘ GIẢM THANH/EK8100	432.000	8%
3158	161346-0	OIL PUMP COMPLETE/EA3201S	BỘ BƠM DẦU/EA3201S	360.800	10%
3159	161357-5	IGNITION COIL COMPLETE/EA4301F	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/EA4301F	78.840	8%
3160	161362-2	MUFFLER COMPLETE/EA4301F	BỘ GIẢM THANH/EA4301F	24.840	8%
3161	161365-6	STARTER COMPLETE BLUE/EA4301F	BỘ KHỞI ĐỘNG/EA4301F	388.800	8%
3162	161368-0	HOOD COMPLETE BLACK/EA4301F	NÁP CHỤP/EA4301F	24.840	8%
3163	161370-3	CARBURETOR DM24B/EA4301F	BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EA4301F	768.960	8%
3164	161373-7	PLATE/DLM381	MIẾNG ĐỆM/DLM381	286.000	10%
3165	161375-3	SHOE/DJR186	TÀM LỘT/DJR186	101.200	10%
3166	161376-1	SLIDER/DJR186	THANH TRƯỢT ĐẦU GAI/DJR186	238.140	8%
3167	161390-7	SHORT-CIRCUIT CABLE/EK6101	DÂY DẪN ĐIỆN /EK6101	21.600	8%
3168	161396-5	CARBURETOR DM22A/EK6101	BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EK6101	2.540.160	8%
3169	161397-3	BASE/LW1400	ĐỀ CỬA MÁY CẮT SẮT/LW1400	1.310.650	10%
3170	161399-9	SPARK GUARD/LW1400	NÁP CHỮA BA VỎ/LW1400	228.960	8%
3171	161400-0	SAFETY COVER/LW1400	TÀM CHÂN BẢO VỆ/LW1400	668.628	8%
3172	161401-8	SAFETY GUIDE/LW1401	NÁP CHỤP AN TOÀN/LW1401	467.100	8%
3173	161402-6	GUIDE BASE/LW1400	ĐỀ DẪN/LW1400	87.048	8%
3174	161408-4	MUFFLER/EB7660TH	BỘ GIẢM THANH/EB7660TH	259.200	8%
3175	161411-5	IGNITION COIL/EB5300TH	IC ĐÁNH LỬA/EB5300TH	293.760	8%
3176	161437-7	SLIDER/JR3060T	THANH TRƯỢT/JR3060T	407.592	8%
3177	161440-8	SPROCKET GUARD CPL. MAKITA/EA4301F	TÀM CHÂN XÍCH/EA4301F	99.360	8%
3178	161446-6	FUEL FILTER/RBC411U	TÚI LỌC XĂNG/RBC411U	30.240	8%
3179	161458-9	DRUM/MT192	TRỤC LƯỠI BẢO/MT192	398.412	8%
3180	161465-2	CLUTCH SHOE/RBC411U	BỘ LY HỢP/RBC411U	125.280	8%
3181	161479-1	HARNESS/DVC260	BỘ DÂY ĐEO/DVC260	54.000	8%
3182	161487-2	CARBURETOR/EB7660TH	BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EB7660TH	1.634.796	8%
3183	161505-6	SAFETY GUIDE/M2400B	TÀM CHÂN BẢO VỆ/M2400B	361.800	8%
3184	161509-8	BAND L/PM7650H	DÂY ĐEO VAI BÊN TRÁI/PM7650H	241.920	8%
3185	161510-3	BAND R/PM7650H	DÂY ĐEO VAI BÊN PHẢI/PM7650H	241.920	8%
3186	161518-7	MUFFLER/EB5300TH	BỘ GIẢM THANH/EB5300TH	15.120	8%
3187	161519-5	CARBURETOR GASKET/EB5300TH	GIẤY CHỐNG THÂM/EB5300TH	17.280	8%
3188	161520-0	ROCKER COVER GASKET/EB5300TH	VÒNG ĐỆM NÁP CHỤP/EB5300TH	22.000	10%
3189	161521-8	CAM GEAR COVER GASKET/EB5300TH	VÒNG ĐỆM NHÔNG CAM/EB5300TH	26.400	10%
3190	161522-6	OIL CASE GASKET/EB5300TH	VÒNG ĐỆM/EB5300TH	44.000	10%
3191	161523-4	OIL PIPE GASKET/EB5300TH	MIẾNG ĐỆM/EB5300TH	8.640	8%
3192	161526-8	BRAKE DRUM COMPLETE/DUC353	BỘ PHÂN HẦM/DUC353	73.440	8%
3193	161528-4	BASE/MT243	BÀN MÁY CẮT SẮT/MT243	732.672	8%
3194	161531-5	SAFETY COVER/MT243	TÀM CHÂN BẢO VỆ/MT243	448.848	8%
3195	161532-3	EXHAUST MUFFLER/EK7650H	ÔNG GIẢM THANH/EK7650H	505.440	8%
3196	161540-4	CUSHION/EB7660TH	MIẾNG ĐỆM/EB7660TH	99.360	8%
3197	161542-0	CARBURETOR/EB7660TH	BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EB7660TH	1.179.360	8%
3198	161547-0	CUSION/EB5300TH	MIẾNG ĐỆM/EB5300TH	7.560	8%
3199	161551-9	SAFETY COVER/M2402B	BẢO VỆ LƯỠI/M2402B	489.996	8%
3200	161566-6	CUSHION/PM7650H	TÀM ĐỆM/PM7650H	432.000	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3201	161568-2	LOCK BUTTON COMPLETE/HR140D	NÚT KHÓA/HR140D	18.360	8%
3202	161569-0	CHANGE LEVER COMPLETE/HR140D	CÔNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR140D	45.792	8%
3203	161570-5	CHANGE PLATE COMPLITE/HR140D	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR140D	60.720	10%
3204	161571-3	SEPARATOR PLATE/BHX2500	TẦM LỌC/BHX2500	38.880	8%
3205	161572-1	SEPARATOR GASKET/BHX2500	ĐỆM NGĂN/BHX2500	8.640	8%
3206	161573-9	MUFFLER/RBC411U	BỘ GIAM THANH/RBC411U	95.040	8%
3207	161583-6	INSULATOR GASKET/EB7660TH	MIẾNG ĐỆM/EB7660TH	21.600	8%
3208	161588-6	CLUTCH DRUM COMPLETE/EE2650H	HỘP KHỚP LY HỢP/EE2650H	9.720	8%
3209	161596-7	CARBURETOR/EB5300TH	BỘ CHẾ HỒA KHÍ/EB5300TH	1.771.200	8%
3210	161598-3	CRANK COMPLETE/UH201D	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG/UH201D	132.840	8%
3211	161599-1	PULLEY/PM7650H	BU LY/PM7650H	43.200	8%
3212	161600-2	SLIDER/MT450	THANH TRƯỢT/MT450	261.036	8%
3213	161607-8	BIT SLEEVE/DFT023F	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI VÍT/DFT023F	186.560	10%
3214	161638-7	SNAP IN VALVE/DCU180	VÁN HỐI/DCU180	18.360	8%
3215	161639-5	JOINT/DCU180	ĐẦU NỐI/DCU180	17.280	8%
3216	161640-0	HANDLE COMPLETE/DCU180	TAY CAM/DCU180	700.704	8%
3217	161641-8	BRAKE CALIPER ASSEMBLY/DCU180	GIÁ ĐÓ THĂNG ĐĨA/DCU180	914.210	10%
3218	161647-6	GUARD HOLDER/DLS111	GIÁ/DLS111	98.010	10%
3219	161648-4	BRAKE ASSEMBLY/DCU180	BỘ DÂY THẮNG/DCU180	783.108	8%
3220	161653-1	SWIVEL PIPE COMPLETE/EB7650TH	ỐNG THỐI/EB7650TH	190.080	8%
3221	161655-7	COUNTER WEIGHT/HR2651T	CÂN ĐỐI TRỌNG/HR2651T	100.764	8%
3222	161656-5	CHANGE LEVER COMPLETE/HR2651T	NÚT KHÓA/HR2651T	32.076	8%
3223	161663-8	JOINT L/DCU180	ĐẦU NỐI/DCU180	17.280	8%
3224	161767-6	HARNESS/DVC260	DÂY ĐEO VAI/DVC260	44.280	8%
3225	161773-1	BASE/HS7010	ĐẾ/HS7010	325.188	8%
3226	161775-7	BASE/4100KB	ĐẾ/4100KB	120.960	8%
3227	161795-1	SHOE/DJR188	CHÂN ĐẾ/DJR188	114.480	8%
3228	161796-9	SLIDER/DJR188	THANH TRƯỢT/DJR188	206.064	8%
3229	161804-6	FAN COVER/DVC260	BAO VỆ CÀNH QUẠT/DVC260	142.020	8%
3230	161809-6	SHOE/DJR187	KÉP GIỮ LƯỚI/DJR187	146.556	8%
3231	161810-1	SHOE/DJR186	TẦM LỘT/DJR186	125.950	10%
3232	161821-6	PUMP HOUSING COMPLETE/DHW080	VỎ CỤM BOM/DHW080	581.580	8%
3233	161823-2	GEAR HOUSING COMPLETE/DHW080	VỎ NHÔNG/DHW080	256.500	8%
3234	161836-3	JOINT/DCU180	ĐẦU NỐI/DCU180	382.470	10%
3235	161837-1	IGNITION COIL/EB7660TH	IC ĐÁNH LỬA/EB7660TH	406.080	8%
3236	161838-9	FIX PIN/DHR280	CHÓT KHÓA CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR280	74.690	10%
3237	161867-2	CURL GUIDE COMPLETE/DTR180	GÁ ĐỖ/DTR180	1.394.580	10%
3238	161868-0	TIRE 260 WITH STOPPER/DCU180	LỐP SAU 260/DCU180	1.634.796	8%
3239	161870-3	FRANGE NUT COMPLETE/DUC254	ỐC VÍT/DUC254	98.010	10%
3240	161871-1	BRAKE DRUM COMPLETE/DUC254	CHUÔNG CON/DUC254	164.916	8%
3241	161872-9	LINK ARM A COMPLETE/DTR180	THANH DÂY A/DTR180	270.600	10%
3242	161873-7	LINK ARM B COMPLETE/DTR180	THANH DÂY B/DTR180	312.510	10%
3243	161877-9	CLUTCH DRUM COMPLETE/RBC413U	HỘP KHỚP LY HỢP/RBC413U	164.160	8%
3244	161885-0	BAND COMPL/EVH2000	DÂY ĐEO/EVH2000	228.960	8%
3245	161899-9	DEPTH GUIDE COMPLETE/DHS660	THANH DẪN HƯỚNG/DHS660	109.944	8%
3246	162133-0	ROLLER/9741	RU LỎ/9741	174.096	8%
3247	162134-8	FRONT ROLLER/9741	RU LỎ TRƯỚC/9741	82.512	8%
3248	162171-2	BEARING RETAINER 24/BO4901	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/BO4901	144.650	10%
3249	162199-0	DRIVING ROLLER/9403	RU LỎ/9403	741.852	8%
3250	162216-6	ROLLER 34-295/2012NB	RU LỎ 34-295/2012NB	2.875.824	8%
3251	162217-4	DRIVING ROLLER/BS001G	RU LỎ SAU/BS001G	650.268	8%
3252	162218-2	SLEEVE/DFT085F	BẠC ĐỆM/DFT085F	167.970	10%
3253	162229-7	CHANGE LEVER COMPLETE/HR2450T	CÔNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2450T	32.076	8%
3254	162236-0	SHIFT BUTTON/DJR181	CHÓT KHÓA/DJR181	102.630	10%
3255	162241-7	GASKET/HM1810	VÒNG ĐỆM CHỒNG THÂM/HM1810	462.240	8%
3256	162242-5	CHANGE LEVER COMPLETE/DHR165	CÔNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR165	22.896	8%
3257	162244-1	CHANGE LEVER/HR2230	CÔNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2230	22.896	8%
3258	162245-9	CHANGE LEVER/DHR202	CÔNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR202	32.076	8%
3259	162248-3	DRIVING ROLLER/MT941	RU LỎ/MT941	233.604	8%
3260	162256-4	LINK LEVER COMPLETE/HR2810	CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2810	22.896	8%
3261	162257-2	SLEEVE/BTD104	ỔNG ĐỆM/BTD104	237.930	10%
3262	162259-8	LEVER COMPLETE/BO4555	KÉP NHĂM/BO4555	37.400	10%
3263	162272-6	HOOK/DFS452	MỐC TREO/DFS452	41.256	8%
3264	162274-2	CAM GEAR COVER GASKET/BHX2500	MIẾNG ĐỆM NHÔNG CAM/BHX2500	26.400	10%
3265	162275-0	ROCKER COVER GASKET/BHX2500	VÒNG ĐỆM NÁP XI LẠNH/BHX2500	26.400	10%
3266	162276-8	CASE GASKET/BHX2500	VÒNG ĐỆM LÓC MÁY/BHX2500	35.200	10%
3267	162279-2	LEVER COMPLETE/BO3710	KÉP NHĂM/BO3710	32.670	10%
3268	162299-6	LEVER COMPLETE/BO4558	THANH NÉP NHĂM/BO4558	37.400	10%
3269	162304-9	ROCKER COVER GASKET/EE2650H	VÒNG ĐỆM/EE2650H	17.600	10%
3270	162307-3	ROCKER COVER GASKET/EBH340R	MIẾNG ĐỆM/EBH340R	30.800	10%
3271	162308-1	CASE GASKET/EBH340R	MIẾNG ĐỆM/EBH340R	48.400	10%
3272	162322-7	SEPARATOR STOPPER/PM7650H	LƯỚI LỌC BĂNG NHỰA/PM7650H	5.400	8%
3273	162325-1	SEPARATOR GASKET/PM7650H	NÁP CHÂN BUL/PM7650H	2.160	8%
3274	162333-2	INSULATOR GASKET/EB7650TH	MIẾNG ĐỆM/EB7650TH	25.920	8%
3275	162345-5	OIL CASE GASKET/EE2650H	THÙNG CHỨA DẦU/EE2650H	4.400	10%
3276	162352-8	SLEEVE/TD091D	LONG ĐẼN/TD091D	88.000	10%
3277	162363-3	GRIP 34 COMPLETE/MT860	TAY CAM/MT860	155.736	8%
3278	162365-9	LEVER COMPLETE/BO4510H	THANH NÉP/BO4510H	28.050	10%
3279	162468-9	BASE/DCS553	BÀN ĐẾ/DCS553	563.328	8%
3280	162469-7	HARNESS/DVC260	DÂY ĐEO VAI/DVC260	902.124	8%
3281	162489-1	SAFETY COVER/DLW140	NÁP CHỤP BẢO VỆ/DLW140	639.360	8%
3282	162493-0	FLANGE NUT COMPLETE/EA5600F	CON TẮN/EA5600F	74.800	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3283	162494-8	FLANGE NUT COMPLETE/DUC406	ĐAI ỐC/DUC406	88.660	10%
3284	162500-9	MANDREL CONTAINER COMPLETE/DRV250	HỘP ĐỨNG TRỤC VÍT/DRV250	279.396	8%
3285	162501-7	BAND L COMPLETE/EB7660TH	NẸP BỀN TRAI/EB7660TH	164.160	8%
3286	162502-5	BAND R COMPLETE/EB7660TH	NẸP BỀN PHAI/EB7660TH	164.160	8%
3287	162505-9	BAND L COMPLETE M/EB5300TH	DÂY ĐEO TRAI/EB5300TH	164.160	8%
3288	162506-7	BAND R COMPLETE M/EB5300TH	DÂY ĐEO PHAI/EB5300TH	164.160	8%
3289	162509-1	CONTROL CABLE/DLM460	DÂY CÁP/DLM460	154.000	10%
3290	162530-0	MUFFLER/EH6000W	BỘ GIAM THANH(PỐY)/EH6000W	1.196.640	8%
3291	162533-4	CARBURETOR/EK8100	BỘ CHẾ HỎA KHÍ/EK8100	2.449.440	8%
3292	162535-0	DAMPER(1)COMPLETE/EVH2000	CAO SU GIAM CHẤN/EVH2000	151.200	8%
3293	162540-7	SWITCH LEVER COMPLETE/GA4050	NÁP DÂY CÔNG TẮC/GA4050	119.124	8%
3294	162564-3	SLIDE PLATE/DPB182	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT/DPB182	149.270	10%
3295	162566-9	DEPTH GUIDE/RS001G	THƯỚC CẠNH ĐỘ SAU/RS001G	64.152	8%
3296	162567-7	CLAMP WASHER COMPLETE G/UR012G	MIẾNG ĐỆM/UR012G	98.010	10%
3297	162638-0	BRAKE DRUM COMPLETE/DUC256	CÓN HÂM/DUC256	201.528	8%
3298	162641-1	TANK COVER COMPLETE/DVC750	NÁP CHỤP/DVC750	192.348	8%
3299	162658-4	HANDLE COMPLETE/PDC01	TAY CẦM/PDC01	69.120	8%
3300	162667-3	DRAIN VALVE/DGP180	VẠN XÁ MỖ/DGP180	263.520	8%
3301	162680-1	REAR BAG/DLM432	TÚI ĐỰNG CỎ/DLM432	406.080	8%
3302	162682-7	FRONT SHAFT/DLM382	TRỤC BÁNH XE TRƯỚC/DLM382	164.160	8%
3303	162683-5	REAR SHAFT/DLM382	TRỤC BÁNH XE TRUYỀN ĐỘNG SAU/DLM382	181.440	8%
3304	162684-3	REAR BAG/DLM382	TÚI ĐỰNG CỎ/DLM382	371.520	8%
3305	162686-9	OPEN LEVER/DHS900	CÁN GẠT MỖ/DHS900	79.310	10%
3306	162688-5	FRONT SHAFT/DLM533	TRỤC BÁNH XE TRƯỚC/DLM533	494.640	8%
3307	162689-3	REAR SHAFT/DLM533	TRỤC BÁNH XE TRUYỀN ĐỘNG SAU/DLM533	732.672	8%
3308	162690-8	FRONT SHAFT/DLM462	TRỤC BÁNH XE TRƯỚC/DLM462	522.072	8%
3309	162691-6	REAR SHAFT/DLM462	TRỤC BÁNH XE TRUYỀN ĐỘNG SAU/DLM462	737.316	8%
3310	162692-4	REAR GRIP/DLM530	CÁN DÂY/DLM530	183.168	8%
3311	162693-2	REAR GRIP/DLM462	KHUNG SAU/DLM462	228.690	8%
3312	162694-0	HEIGHT ADJUST LEVER COMPLETE/DLM533	THÀNH ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/DLM533	206.064	8%
3313	162696-6	SAFETY COVER/M2400B	TẮM CHẮN BẢO VỆ/M2400B	618.192	8%
3314	162699-0	MAIN FILTER H/VS001G	BỘ LỌC BỤI H/VS001G	215.244	8%
3315	162700-1	HARNESS/DVC660	DÂY ĐEO VAI/DVC660	1.053.216	8%
3316	162704-3	SHOE/JR3051T	KÉP GIỮ LƯỖI/JR3051T	102.630	10%
3317	162705-1	SLIDER/JR3051T	THÀNH TRƯỢT/JR3051T	279.396	8%
3318	162712-4	REAR BASE/DCU603	THÀNH LIÊN KẾT BÁNH XE SAU/DCU603	3.945.810	10%
3319	162717-4	UPPER FRAME/DCU603	KHUNG XE ĐẦY/DCU603	8.219.664	8%
3320	162723-9	FLAT BUCKET BASE/DCU603	KHUNG XE ĐẦY/DCU603	5.792.688	8%
3321	162724-7	FLAT BUCKET GUARD/DCU603	KHUNG XE ĐẦY/DCU603	2.587.248	8%
3322	162728-9	INNER LIFTER ARM/DCU601	KHUNG ĐỀ NÂNG HẠ/DCU601	7.500.816	8%
3323	162729-7	OUTER LIFTER ARM R/DCU601	TRỤC NÂNG R/DCU601	2.024.220	10%
3324	162735-2	LOWER FRAME/DCU602	ĐỀ THUNG/DCU602	7.519.068	8%
3325	162736-0	OUTER LIFTER ARM L/DCU601	TRỤC NÂNG L/DCU601	2.024.220	10%
3326	162738-6	HYDRAULIC UNIT/DCU601/DCU602	MOTOR THUY LỰC/DCU601/DCU602	52.115.940	8%
3327	162739-4	SHOE/JR001	ĐỂ ĐỖ LƯỖI CỬA/JR001	149.270	10%
3328	162740-9	FRONT GRIP/DLM533	KHUNG TRƯỚC/DLM533	405.790	10%
3329	162743-3	PIPE 4.6 COMPLETE/DRV250	ỐNG DẪN 4.6/DRV250	326.480	10%
3330	162750-6	HARNESS/DVC660	DÂY ĐEO VAI/DVC660	1.053.216	8%
3331	162809-9	REAR FLAP COMPLETE/DLM533	NÁP DÂY HỘP ĐỰNG CỎ/DLM533	544.968	8%
3332	162815-4	HOOK/DPB183	MỐC TREO/DPB183	37.400	10%
3333	162816-2	GAS SPRING 240/DCU603	THÀNH TRỖ LỰC 240/DCU603	550.440	10%
3334	162842-1	BRACKET/TW007G	MỐC TREO MÂY/TW007G	897.588	8%
3335	162844-7	SUB MAGAZINE/DST121	Ổ GIỮ ĐINH/DST121	2.033.208	8%
3336	162845-5	SUB MAGAZINE/DST421	NÁP Ổ ĐINH/DST421	2.112.880	10%
3337	162848-9	BAND R COMPLETE/PDC1200	DÂY ĐEO R/PDC1200	242.784	8%
3338	162849-7	BAND L COMPLETE/PDC1200	DÂY ĐEO L/PDC1200	256.500	8%
3339	162850-2	WAIST BELT/PDC1200	DÂY THẮT LƯNG/PDC1200	370.980	8%
3340	162937-0	ARM SUPPORT COMPLETE/191M27-0	CHÓT ĐỊNH VÍ/191M27-0	107.360	10%
3341	162938-8	GRIP BASE/191M27-0	ĐỂ TAY CẦM/191M27-0	96.228	8%
3342	162942-7	LOCK SHAFT COMPLETE/LS002G	TRỤC TỖ/LS002G	349.800	10%
3343	162943-5	LINK ARM B COMPLETE/DTR181	THÀNH DÂY/DTR181	321.860	10%
3344	162946-9	CURL GUIDE COMPLETE/DTR181	GÁ ĐỖ/DTR181	1.450.570	10%
3345	162951-6	BASE/DCC500	ĐỂ MÂY/DCC500	178.632	8%
3346	162958-2	DEPTH GUIDE/RS002G	THƯỚC CẠNH ĐỘ SAU/RS002G	181.940	10%
3347	162965-5	KNOB 57/UR002G	ỐC VÍT 57/UR002G	119.124	8%
3348	162979-4	BRAKE DRUM/UC012G	CHUÔNG CÓN/UC012G	169.452	8%
3349	162989-1	FRONT SHAFT/LM001J	TRỤC BÁNH XE TRƯỚC/LM001J	316.008	8%
3350	162990-6	REAR SHAFT/LM001J	TRỤC BÁNH XE SAU/LM001J	522.390	10%
3351	162993-0	HEIGHT ADJUST PLATE/LM001J	MIẾNG CHỈA ĐỘ CAO/LM001J	192.348	8%
3352	162994-8	PISTON HOUSING COMPLETE/DHW080	VỎ PISTON/DHW080	462.564	8%
3353	162A04-7	TANK CAP COMPLETE/DUC254	NÁP BÌNH CHỨA/DUC254	45.792	8%
3354	162A10-2	HOOK COMPLETE/VC001GL	MỐC KHÓA/VC001GL	186.560	10%
3355	162A11-0	CASTER 50/VC005GL	BÁNH XE 50/VC005GL	178.632	8%
3356	162A27-5	GRASS CATCHER BRACKET/LM001J	KHUNG GÁI TÚI ĐỰNG CỎ/LM001J	321.200	10%
3357	162825-5	GRASS CATCHER/LM001J	TÚI ĐỰNG CỎ/LM001J	499.176	8%
3358	162827-1	TORQUE SENCER 6 COMPLETE/DFT060T	NHÔNG 6/DFT060T	15.193.872	8%
3359	162828-9	TORQUE SENCER 12 COMPLETE/DFT120T	NHÔNG 12/DFT120T	15.193.872	8%
3360	162833-6	HOOK/PB002G	MỐC GÁI/PB002G	46.640	10%
3361	162836-0	HARNESS/VC008G	DÂY ĐEO VAI/VC008G	737.316	8%
3362	162837-8	HARNESS/VC009G	DÂY ĐEO VAI/VC009G	737.316	8%
3363	162839-4	TUBE 330/DCU601	SẮM XE VẬN CHUYỂN/DCU601	911.304	8%
3364	162840-9	TUBE 210/DCU601	SẮM XE VẬN CHUYỂN HÀNG 210/DCU601	512.892	8%
3365	162841-7	BASE/CS002G	ĐỂ MÁY/CS002G	1.153.980	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3366	162B43-3	SHOE/JR002G	THANH THÉP LỐT/JR002G	228.960	8%
3367	162B44-1	SLIDER/JR002G	THANH TRƯỢT/JR002G	361.800	8%
3368	162B46-7	WHEEL COVER 76/DMC300	NÁP CHỤP BẢO VỆ 76/DMC300	320.544	8%
3369	162B48-3	SLIDE PLATE/PB002G	MIỀNG TRƯỢT/PB002G	149.270	10%
3370	162B55-6	LEVER/CS002G	CÁN GẠT/CS002G	125.950	10%
3371	162B56-4	SWIVEL PIPE COMPLETE/UB002C	ỐNG THỜI BANG NHỰA/UB002C	297.648	8%
3372	162B57-2	PIPE FRAME COMPLETE/UB002C	KHUNG ĐỖ MÁY/UB002C	1.337.148	8%
3373	162B58-0	CUSHION COMPLETE/UB002C	MIỀNG ĐỆM LƯNG/UB002C	557.280	8%
3374	162B59-8	BAND A COMPLETE/UB002C	DÂY ĐEO A/UB002C	27.540	8%
3375	162B60-3	BAND B COMPLETE/UB002C	DÂY ĐEO B/UB002C	36.720	8%
3376	162B63-7	SWITCH LEVER COMPLETE/GA5093	NÚT CÔNG TÁC/GA5093	100.764	8%
3377	162B71-8	BUCKET/DLM230	TÙI LƯỚI CHỨA CỎ/DLM230	196.992	8%
3378	162B72-6	BUCKET FRAME/DLM230	KHUNG GÀI TÙI CHỨA CỎ/DLM230	261.250	10%
3379	162B78-4	BRAKE DRUM/DUC307	CHUÔNG CỒN/DUC307	196.992	8%
3380	162B92-0	DRAIN VALVE/DGP180	VAN XÁ MỖ/DGP180	270.216	8%
3381	162B95-4	SHOE/DJR189	GÁ ĐỖ LƯỚI/DJR189	158.620	10%
3382	162B98-8	HEIGHT ADJUST LEVER COMPLETE/LM001G	CÁN ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/LM001G	224.424	8%
3383	162C00-7	FRONT SHAFT/LM001G	THANH LIÊN KẾT HAI BÀN XE TRƯỚC/LM001G	415.140	10%
3384	162C02-3	REAR SHAFT/LM001G	THANH LIÊN KẾT HAI BÀN XE SAU/LM001G	597.080	10%
3385	162C13-8	GRASS CATCHER/LM001G	TÚI ĐỰNG CỎ/LM001G	554.148	8%
3386	162C16-2	CHANGE LEVER COMPLETE/HR010G	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR010G	41.256	8%
3387	162C19-6	DEPTH GUIDE COMPLETE/HS012G	THƯỚC CẠNH ĐỘ SAU/HS012G	91.584	8%
3388	162C20-1	TANK CAP COMPLETE/DUC307	NÁP BÌNH CHỨA/DUC307	36.720	8%
3389	162C27-7	CASTER 50/DVC860L	BÀN XE 50/VOC830	137.376	8%
3390	162C28-5	CASTER 50/DVC860L	BÀN XE 50/DVC860L	164.916	8%
3391	162C31-6	SUPPORTER COMPLETE/UP100D	MIỀNG THÉP ĐỖ NHÔNG/UP100D	718.300	10%
3392	162C32-4	TRIGGER COMPLETE/UP100D	NÚT CÔNG TÁC/UP100D	293.112	8%
3393	162C33-2	BLADE HOLDER COMPLETE/UP100D	MIỀNG THÉP GIỮ LƯỚI CẮT/UP100D	606.320	10%
3394	162C34-0	SWITCH PLATE COMPLETE/UP100D	MIỀNG NHỰA ĐÁY CÔNG TÁC/UP100D	91.584	8%
3395	162C35-8	SHOULDER SCREW M8 COMPLETE/UP100D	ỐC VÍT M8/UP100D	396.440	10%
3396	162C36-6	SPUR GEAR 8 B COMPLETE/UP100D	NHÔNG 8/UP100D	389.232	8%
3397	162C37-4	SPUR GEAR 13 COMPLETE/UP100D	NHÔNG 13/UP100D	403.056	8%
3398	162C42-1	HOUSING COVER COMPLETE/UP100D	VỎ MÁY/UP100D	91.584	8%
3399	162C45-5	GRASS CATCHER BRACKET/LM002J	KHUNG GÀI TÙI ĐỰNG CỎ/LM002J	415.140	10%
3400	162C46-3	BAND L/PM001G	DÂY ĐEO VAI TRÁI/PM001G	325.188	8%
3401	162C47-1	BAND R/PM001G	DÂY ĐEO VAI PHẢI/PM001G	338.904	8%
3402	162C48-9	FRONT SHAFT/UV001G	TRỤC BÀN XE TRƯỚC/UV001G	377.850	10%
3403	162C49-7	GRASS CATCHER BRACKET/UV001G	KHUNG TÙI ĐỰNG CỎ/UV001G	471.130	10%
3404	162C50-2	GRASS CATCHER/UV001G	TÚI ĐỰNG CỎ/UV001G	407.592	8%
3405	162C59-4	FRONT COVER COMPLETE/RM350D	NÁP VỎ TRƯỚC/RM350D	224.424	8%
3406	162C61-7	BAND R/PDC1500	DÂY ĐEO VAI BÊN PHẢI/PDC1500	508.356	8%
3407	162C62-5	BAND L/PDC1500	DÂY ĐEO VAI BÊN TRÁI/PDC1500	462.564	8%
3408	162C63-3	WAIST BELT/PDC1500	BỘ DÂY THẮT LƯNG/PDC1500	1.144.800	8%
3409	162C64-1	POCKET/PDC1500	TÚI ĐỰNG DỤNG CỤ/PDC1500	210.708	8%
3410	162C76-4	HEIGHT ADJUST PLATE/LM003G	MIỀNG THÉP CHIA ĐỘ CAO/LM003G	214.610	10%
3411	162C77-2	FRONT SHAFT/LM004G	THANH LIÊN KẾT HAI BÀN XE TRƯỚC/LM004G	289.190	10%
3412	162C78-0	REAR SHAFT/LM004G	THANH LIÊN KẾT HAI BÀN XE SAU/LM004G	293.920	10%
3413	162C79-8	REAR BAG/LM004G	TÚI ĐỰNG CỎ/LM004G	361.800	8%
3414	162C84-5	BELT 25R/PDC1500	DÂY THẮT LƯNG 25R/PDC1500	54.972	8%
3415	162C85-3	BELT 25L/PDC1500	DÂY THẮT LƯNG 25L/PDC1500	45.792	8%
3416	162C86-1	CASTER 100/VS001G	BÀN XE 100/VS001G	3.196.368	8%
3417	162C89-5	PRE FILTER/VS001G	LỌC BỤI TRƯỚC/VS001G	485.460	8%
3418	162C90-0	LINK CABLE A/VS001G	DÂY CÁP THÉP A/VS001G	144.650	10%
3419	162C91-8	TUBE COMPLETE/VS001G	ỐNG DẪN GIÓ/VS001G	499.176	8%
3420	162C92-6	LINK CABLE B/VS001G	DÂY CÁP THÉP B/VS001G	391.820	10%
3421	162C93-4	HOOK/VS001G	MIỀNG THÉP KHÓA NÁP TÚI BỤI/VS001G	242.550	10%
3422	162C94-2	HARNESS/VC011G	DÂY ĐEO VAI/VC011G	998.352	8%
3423	162C95-0	HARNESS/VC012G	DÂY ĐEO VAI/VC012G	998.352	8%
3424	162D07-9	NUT COMPLETE/UC022G	NÚM XOAY/UC022G	123.660	8%
3425	162D12-6	TIRE PLATE R/VS001G	TẤM CHÂN PHẢI/VS001G	979.440	10%
3426	162D13-4	TIRE PLATE L/VS001G	TẤM CHÂN TRÁI/VS001G	979.440	10%
3427	162D16-8	PIPE FRAME COMPLETE/UB004C	KHUNG ĐỖ BỘ CÁP NGUỒN DỰ PHÒNG/UB004C	2.317.140	8%
3428	162D22-3	BAND COMPLETE/UB004C	DÂY ĐEO VAI/UB004C	773.928	8%
3429	162D23-1	CUSHION COMPLETE/UB004C	MIỀNG ĐỆM LƯNG/UB004C	682.344	8%
3430	162D36-2	BRACKET/TW009G	MIỀNG ĐỆM/TW009G	559.680	10%
3431	162E02-5	SPEED CHANGE LEVER COMPLETE/DF003G/HP003G	CÁN GẠT THAY ĐỔI TỐC ĐỘ/DF003G/HP003G	95.040	8%
3432	162E14-8	BRAKE DRUM/UC030G	CHUÔNG PHANH/UC030G	194.400	8%
3433	162E19-8	BRAKE DRUM COMPLETE/UC031G	CHUÔNG PHANH/UC031G	159.840	8%
3434	163039-5	TENSION ROLLER ARM/9401	GIA ĐỖ RU LỘ/9401	369.600	10%
3435	163104-0	TENSION ROLLER ARM/9924DB	GÁ ĐỖ RULO/9924DB	373.120	10%
3436	163107-4	CLAMPER/9035	KẸP NHAM/9035	96.228	8%
3437	163255-9	CLAMP 120/4107R	VÒNG NẸP 120 (CỎ ĐẸ)/4107R	158.620	10%
3438	163269-8	SPINDLE/9741	TRỤC NHÔNG/9741	554.148	8%
3439	163276-1	SLIDE PLATE/2107F	TẤM ĐỆM/2107F	345.180	10%
3440	163397-9	BASE/4326	ĐỂ MÁY CỬA LÔNG/4326	77.868	8%
3441	163398-7	TENSION ROLLER ARM/9403	GIA ĐỖ/9403	440.000	10%
3442	163430-7	LOCK PLATE COMPLETE/DHR202	CHÓT KHÓA/DHR202	28.050	10%
3443	163447-0	GASOLINE FILTER/BHX2500	LỌC DẦU/BHX2500	57.200	10%
3444	163448-8	LINKPLATE COMPLETE/DCS232T	CHÓT KHÓA XÍCH/DCS232T	176.000	10%
3445	163450-1	STARTER CASE COMPLETE/DCS232T	NÁP KHỐI ĐỘNG/DCS232T	17.280	8%
3446	163451-9	SHOE/DJR181	CHÂN ĐÈ/DJR181	137.376	8%
3447	163455-1	LATCH/2107F	CHI TIẾT BẢO VỆ/2107F	27.540	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3448	163471-3	BASE/BCS550	ĐỀ CỬA MÁY CẮT KIM LOẠI/BCS550	228.960	8%
3449	163477-1	TENSION ROLLER ARM/MT941	GIÁ ĐỖ/MT941	265.870	10%
3450	163499-1	SUCTION HEAD/EK6101	VÁN HÚT GIÒ/EK6101	64.800	8%
3451	163500-2	LINK PLATE COMPLETE/EA3201S	BỘ CHỐT KHOA XÍCH/EA3201S	57.200	10%
3452	163506-0	SIDE HANDLE/HM1307C	TAY CÀM/HM1307C	839.520	10%
3453	163518-3	GASOLINE FILTER/EA3601F	LỌC XĂNG/EA3601F	60.480	8%
3454	163519-1	NEEDLE/RBC411	KIM XĂNG/RBC411	159.840	8%
3455	163524-8	LOCK LEVER COMPLETE/RT0700C	CÁN KHÓA/RT0700C	65.340	10%
3456	163532-9	FILTER/EB7650TH	LỌC XĂNG/EB7650TH	99.360	8%
3457	163534-5	FLEXIBLE WIRE/DVR450	DÂY KIM LOẠI ĐEO/DVR450	1.525.150	10%
3458	163537-9	FLEXIBLE HOSE/DVR450	ỐNG ĐEO/DVR450	4.144.176	8%
3459	163541-8	SHOE/MT450	CHÂN ĐÈ/MT450	151.200	8%
3460	163543-4	CLAMPER COMPLETE/9035H	KẸP NHÁM/9035H	55.990	10%
3461	163546-8	DEPTH GUIDE COMPLETE/HS7600	THANH DẪN HƯỚNG/HS7600	77.868	8%
3462	164195-4	BASE/4100NB	ĐỀ CỬA MÁY CẮT/4100NB	142.020	8%
3463	164365-5	GUIDE RULE/1805N	THƯỚC DẪN HƯỚNG/1805N	799.200	8%
3464	164496-0	STEEL BAND/9045B	VÒNG THÉP/9045B	130.680	10%
3465	164617-4	TOOL RETAINER/HM1201	CÁN GAI MŨI ĐỤC/HM1201	587.730	10%
3466	164655-6	BASE/4107R	ĐỀ CỬA MÁY CẮT ĐÁ/4107R	1.441.220	10%
3467	164700-7	SAFETY COVER/2416S	CHỤP BẢO VỆ/2416S	3.611.520	8%
3468	164710-4	BASE/2416S	BÀN MÁY CẮT SẮT/2416S	4.307.040	8%
3469	165066-8	SPRING HOLDER/2414NB	GÁ ĐỖ LÒ XO/2414NB	37.400	10%
3470	165071-5	TOOL RETAINER/HM0810	CÁN GAI MŨI ĐỤC/HM0810	583.000	10%
3471	165074-9	CHIP ROD/6922NB	TAY BIÊN/6922NB	609.120	8%
3472	165089-6	ROD/4304	TAY BIÊN/4304	1.403.930	10%
3473	165217-3	GUIDE RULE/JV101D	THƯỚC DẪN/JV101D	168.480	8%
3474	165227-0	TOOL RETAINER/HR3530	CÁN GAI MŨI ĐỤC/HR3530	750.970	10%
3475	165230-1	BASE/2414NB	ĐỀ CỬA MÁY CẮT SẮT/2414NB	888.408	8%
3476	165233-5	SAFETY COVER/2414NB	TÀM BẢO VỆ/2414NB	512.892	8%
3477	165276-7	SAFETY GUARD/2416S	NÁP BẢO VỆ/2416S	2.116.800	8%
3478	165323-4	BASE/MT410	ĐỀ CỬA MÁY CẮT/MT410	125.280	8%
3479	165326-8	ROD/JV180D	TAY BIÊN/JV180D	696.060	8%
3480	165343-8	BASE/4112HS	ĐỀ CỬA MÁY CẮT GÓC/4112HS	457.920	8%
3481	165352-7	BASE/LW1401	ĐỀ CỬA MÁY CẮT SẮT/LW1401	824.256	8%
3482	165367-4	SAFETY COVER/5806B	CHỤP BẢO VỆ/5806B	403.056	8%
3483	165374-7	SAFETY COVER/N5900B	CHỤP BẢO VỆ/N5900B	279.396	8%
3484	165378-9	GUIDE RULE/MT191	THƯỚC HƯỚNG DẪN/MT191	73.332	8%
3485	165379-7	CHIP COVER/2012NB	NÁP CHỤP/2012NB	183.168	8%
3486	165387-8	BASE/4131	ĐỀ/4131	1.003.200	10%
3487	165388-6	SUPPORT PLATE/LH1040	CÁN GẠT/LH1040	26.400	10%
3488	165405-2	CLUTCHDRUM COMPLETE	HỘP KHỚP LY HỘP	444.960	8%
3489	165412-5	CHIP ROD FOR 6924N/6924N/6924N	TAY BIÊN/6924N	778.464	8%
3490	165548-0	BASE/4100NH2	ĐỀ CỬA MÁY CẮT / 4100NH2	119.124	8%
3491	165555-3	BASE/MT430	ĐỀ CỬA MÁY CỬA LONG / MT430	105.408	8%
3492	165581-2	GUIDE RULE/DKP180	THƯỚC DẪN HƯỚNG/DKP180	132.840	8%
3493	165593-5	COUNTER WEIGHT/HR2611F	CÁN ĐỐI TRỌNG/HR2611F	119.124	8%
3494	165606-2	PULLEY/EBH340U	BULI /EBH340U	73.440	8%
3495	165609-6	CRANK COMPLETE/DUM168	TAY QUAY/DUM168	95.040	8%
3496	165630-5	BASE/MT412	BÀN ĐỀ/MT412	91.584	8%
3497	165633-9	LOCK SLEEVE/HR4002	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ /HR4002	396.440	10%
3498	165636-3	CLUTCH DRUM	HỘP KHỚP LY HỘP	768.960	8%
3499	165648-6	SAFETY COVER/MT241	CHỤP BẢO VỆ/MT241	517.536	8%
3500	165654-1	ROD/JV0600K	TRỤC ĐẦU GAI/JV0600K	526.608	8%
3501	165659-1	BLADE GUARD/LH1040	MIẾNG CHÀN BẢO VỆ/LH1040	95.040	8%
3502	165668-0	FRONT SHAFT/DLM431	TRỤC TRƯỚC/DLM431	375.516	8%
3503	165669-8	REAR SHAFT/DLM431	TRỤC SAU/DLM431	324.000	8%
3504	165670-3	REAR ANGULAR GUIDE/DHS710	GÓC DẪN/DHS710	28.050	10%
3505	165711-5	BASE	ĐỀ CỬA MÁY CẮT / 4100NH3	109.944	8%
3506	165724-6	ROD/DJV181	TAY BIÊN/DJV181	517.536	8%
3507	165725-4	CLUTCH DRUM COMPLETE/EA3600	HỘP KHỚP LY HỘP	138.240	8%
3508	165734-3	CRANK/MUH355G	TRỤC ĐÀO/MUH355	87.048	8%
3509	165738-5	SLIDE PLATE/DPB181	TÀM ĐỆM/DPB181	200.640	10%
3510	165740-8	SHOE/DJR105	THANH DẪN/DJR105	105.408	8%
3511	165747-4	CLUTCH DRUM COMPLETE/EY2650H	HỘP KHỚP LY HỘP	185.760	8%
3512	165754-7	EXHAUST MUFFLER/EM3400U	ỐNG GIẢM THANH /EM3400U	164.160	8%
3513	166062-9	ARM BAND/DUP361	ĐAI THUN/DUP361	338.904	8%
3514	166106-5	DUST BAG	TÚI CHỨA BỤI	90.720	8%
3515	166108-1	BAND L	DÂY ĐEO VAI BÊN TRÁI PM7650H	216.000	8%
3516	166109-9	BAND R	DÂY ĐEO VAI BÊN PHẢI PM7650H	216.000	8%
3517	166116-2	HOSE BAND/DVC260	DÂY NẸP ỐNG/DVC260	22.896	8%
3518	166126-9	BAND R COMPLETE/EB7650TH	NẸP BÊN PHẢI/EB7650TH	142.560	8%
3519	166144-7	CUSHION/PM7650H	TÀM ĐỆM/PM7650H	27.000	8%
3520	168296-0	BASE/5806B	ĐỀ CỬA MÁY CỬA Đĩa/5806B	247.320	8%
3521	168321-7	BRAKE BAND/BUC250	ĐAI HẮM/BUC250	93.280	10%
3522	168324-1	FRONT GRIP/BO6030	TAY CÀM TRƯỚC/BO6030	116.640	8%
3523	168370-4	BASE/MT583	ĐỀ CỬA MÁY CỬA Đĩa/MT583	238.140	8%
3524	168389-3	BASE/N5900B	ĐỀ MÁY CỬA/N5900B	531.252	8%
3525	168391-6	CLUTCH COMPLETE/DCS232T	CHUÔNG CỎL/DCS232T	246.240	8%
3526	168392-4	EXHAUSTMUFFLER COMPLETE/DCS232T	BỘ GIẢM THANH/DCS232T	27.000	8%
3527	168393-2	OIL PUMP/BUC250	BƠM DẦU/BUC250	704.160	8%
3528	168396-6	BREATHER/DCS232T	VÁN CHẶN NHIÊN LIỆU/DCS232T	75.600	8%
3529	168398-2	PRIMER PUMP/DCS232T	BƠM KÍCH NỔ/DCS232T	82.080	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3530	168399-0	TANKCAP COMPLETE/DCS232T	NÁP BÌNH XĂNG/DCS232T	51.840	8%
3531	168401-9	SPARK PLUG/BHX2500	BUGI/BHX2500	254.880	8%
3532	168405-1	SLIDER/DJR181	THANH TRƯỢT/DJR181	439.668	8%
3533	168410-8	SLIDER/JR3060T	THANH TRƯỢT/JR3060T	389.232	8%
3534	168412-4	REAR BUMPER/DPB180	GIAM CHẶN/DPB180	412.128	8%
3535	168413-2	FRONT BUMPER/DPB180	GIAM CHẶN/DPB180	412.128	8%
3536	168425-5	CASTER 50/VC2510L	BÀNH XE ĐÁY/VC2510L	151.200	8%
3537	168426-3	BRAKE BAND/UC4051A	VÒNG THÉP/UC4051A	32.670	10%
3538	168434-4	CASTER 50/DVC860L	BÀNH XE 50/DVC860L	142.560	8%
3539	168456-4	CRANK CAP COVER COMPLETE/HR4002	NÁP ĐÁY CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4002	366.336	8%
3540	168469-5	EXHAUST MUFFLER/EBH340R	ỐNG BỐ/EBH340R	138.240	8%
3541	168470-0	CONTROL CABLE/EM2550UH	CÁP ĐIỀU KHIỂN/EM2550UH	44.000	10%
3542	168471-8	PULLEY/EVH2000	BU LY/EVH2000	56.160	8%
3543	168472-6	TUBE COMPLETE/EM2550UH	ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU/EM2550UH	5.400	8%
3544	168478-4	HANGER/BBC231U	GIA TREO/BBC231U	7.700	10%
3545	168483-1	PULLEY/BHX2500	BULY KHỐI ĐỘNGG/BHX2500	21.600	8%
3546	168490-4	CARBURETOR/DCS232T	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/DCS232T	872.640	8%
3547	168491-2	TUBE COMPLETE/DCS232T	ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU/DCS232T	133.920	8%
3548	168497-0	CARBURETOR/EM2550UH	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/EM2550UH	1.084.320	8%
3549	168503-1	OIL PUMP COMPLETE/EA3201S	BỘ BƠM DẦU/EA3201S	367.200	8%
3550	168504-9	VENT VALVE/EA4301F	NÚT VẠN DẦU/EA4301F	4.320	8%
3551	168507-3	TANK CAP COMPLETE/EA3201S	NÁP ĐÁY BÌNH CHỨA/EA3201S	47.520	8%
3552	168508-1	TANK CAP COMPLETE/DUC254	NÁP BÌNH CHỨA/DUC254	47.520	8%
3553	168510A4	CLUTCH COMPLETE/EK6101	KHỚP LY HỢP/EK6101	609.120	8%
3554	168514-6	SLIDER/MT430	THANH TRƯỢT/MT430	228.960	8%
3555	168517-0	SPARK PLUG/EK6101	BUGI/EK6101	155.520	8%
3556	168518-8	CONTROL CABLE/BHX2500	ĐÂY CÁP ĐIỀU KHIỂN/BHX2500	149.600	10%
3557	168526-9	CUP/BBC231U	ĐỆM CHÈN/BBC231U	66.000	10%
3558	168534-0	SPARK PLUG/EE2650H	BUGI/EE2650H	272.160	8%
3559	168535-8	CASTER 50/DVC860L	BÀNH XE 50/DVC860L	168.480	8%
3560	168537-4	HOOK/DVC860L	MỐC KHÓA MỞ THÂN MÁY/DVC860L	224.424	8%
3561	168540-5	CASTER 50/VC2510L	BÀNH XE ĐÁY/VC2510L	178.632	8%
3562	168547-1	CASTER 75/VC3210L	BÀNH XE 75/VC3210L	279.396	8%
3563	168554-4	EXHAUST MUFFLER/EE2650H	ỐNG BỐ GIAM THANH/EE2650H	11.880	8%
3564	168559-4	IGNITION COIL/EE2650H	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/EE2650H	578.880	8%
3565	168561-7	CARBURETOR/EBH340R	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/EBH340R	838.080	8%
3566	168563-3	CLUTCH SHOE/EBH340R	KHỚP LY HỢP/EBH340R	203.040	8%
3567	168568-3	TUBE COMPLETE/EH6000W	ỐNG DẪN CAO SU/EH6000W	43.200	8%
3568	168569-1	CARBURETOR/EH6000W	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/EH6000W	803.520	8%
3569	168571-4	CONTROL CABLE/EE2650H	ĐÂY GA/EE2650H	48.400	10%
3570	168574-8	METERING DIAPHRAGM/EBH340R	MIẾNG NHỊP XĂNG/EBH340R	254.880	8%
3571	168575-6	PUMP DIAPHRAGM/BHX2500	MANG BƠM XĂNG/BHX2500	86.400	8%
3572	168576-4	SEPARATOR PLATE/BHX2500	TẤM LỌC/BHX2500	69.120	8%
3573	168577-2	SEPARATOR GASKET/BHX2500	ĐỆM NGĂN/BHX2500	8.640	8%
3574	168584-5	MUFFLER GASKET/RBC411	BỘ GIAM THANH/RBC411	8.640	8%
3575	168587-9	IGNITION COIL/RBC411	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/RBC411	635.040	8%
3576	168588-7	SPARK PLUG/RBC411	BUGI/RBC411	142.560	8%
3577	168589-5	EXHAUST MUFFLER/RBC411	ỐNG GIAM THANH/RBC411	263.520	8%
3578	168599-2	SPARK PLUG NGK CMR7A-5/EA4301F	BUGI NGK CMR7A-5/EA4301F	220.320	8%
3579	168601-1	CABLE HARNESS/EA3201S	ĐÂY CAO ÁP/EA3201S	38.880	8%
3580	168604-5	MUFFLER COMPLETE/EA3201S	BỘ GIAM THANH/EA3201S	98.280	8%
3581	168607-9	CLUTCH COMPLETE/EA3201S	KHỚP LY HỢP/EA3201S	99.360	8%
3582	168613-4	CUSHION/EM3400U	ĐỆM TAY CÀM/EM3400U	95.040	8%
3583	168620-7	METERING DIAPHRAGM/BHX2500	MANG BƠM/BHX2500	224.640	8%
3584	168622-3	CLUTCH SHOE/RBC411	BỘ LY HỢP/RBC411	116.640	8%
3585	168626-5	WIRE COMPLETE/EH7500S	ĐÂY GA/EH7500S	31.900	10%
3586	168638-8	EXHAUST MUFFLER/EK7651H	ỐNG GIAM THANH/EK7651H	807.840	8%
3587	168641-9	CARBURETOR/BHX2500	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/BHX2500	1.179.360	8%
3588	168645-1	OIL SUCTION LINE COMPLETE/EA3201S	ỐNG DẪN NHỚT/EA3201S	90.720	8%
3589	168648-5	SPARK PLUG (BPMR7A)/EM2500U	BURI BPMR7A/EM2500U	177.120	8%
3590	168652-4	SPARK PLUG/EB7660TH	BUGI/EB7660TH	285.120	8%
3591	168653-2	CARBURETOR WT/EK7651H	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/EK7651H	2.259.360	8%
3592	168655-8	OIL TUBE COMPLETE/EK7651H	ỐNG DẪN DẦU/EK7651H	133.920	8%
3593	168656-6	CLUTCH COMPLETE/EK7651H	KHỚP LY HỢP/EK7651H	928.800	8%
3594	168662-1	SPARK PLUG(BMR7A)/HTR5600	BURI BMR7A/HTR5600	177.120	8%
3595	168725-3	CARBURETOR/PM7650H	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/PM7650H	2.073.600	8%
3596	168744-9	CONTROL CABLE/PM7650H	ĐÂY DẪN ĐIỀU KHIỂN/PM7650H	237.600	8%
3597	168746-5	SWIVEL PIPE COMPLETE/PM7650H	ỐNG THOẢI/PM7650H	267.840	8%
3598	168755-4	TUBE COMPLETE/EE2650H	ỐNG DẪN DẦU/EE2650H	69.120	8%
3599	168762-7	CARBURETOR/EE2650H	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/EE2650H	1.101.600	8%
3600	168767-7	METALING DIAPHRAGM/HTR5600	MÀNG LỌC XĂNG/HTR5600	237.600	8%
3601	168779-0	CARBURETOR/EA3201S	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/EA3201S	1.140.480	8%
3602	168780-5	CONTROL CABLE/RBC411U	ĐÂY CÁP ĐIỀU KHIỂN/RBC411U	60.480	8%
3603	168796-0	KNOB 57/BBC231U	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/BBC231U	73.332	8%
3604	168797-8	CLAMP WASHER COMPLETE/EM2550UH	BỘ KẸP ĐỆM/EM2550UH	52.800	10%
3605	168809-7	CLUTCH DRUM/EE2650H	HỢP KHỚP LY HỢP/EE2650H	90.720	8%
3606	168812-8	THROTTLE CABLE/EA3601F	ĐÂY GA/EA3601F	7.700	10%
3607	168816-0	IGNITION COIL/EM2550UH	IC ĐÁNH LỬA/EM2550UH	263.520	8%
3608	168821-7	SLIDER/MT450	THANH TRƯỢT/MT450	207.360	8%
3609	168823-3	TANK CAP COMPLETE/EA3201S	NÁP BÌNH XĂNG/EA3201S	30.240	8%
3610	168825-9	CARBURETOR ASSEMBLY/EA3601F	BỘ CHẾ HOÀ KHÍ/EA3601F	1.131.840	8%
3611	168827-5	PULLEY/EBH340U	BULI/EBH340U	56.160	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3612	168828-3	CARBURETOR/EA3503S	BỘ CHẾ HÓA KHÍ/EA3503S	799.200	8%
3613	168832-2	SWIVEL PIPE COMPLETE/EB7650TH	ỐNG THỐI/EB7650TH	146.880	8%
3614	168834-8	CLUTCH COMPLETE/EK7651H	BỘ LY HỢP/EK7651H	777.600	8%
3615	168843-7	CONTROL CABLE/EB7650TH	DÂY GA/EB7650TH	88.000	10%
3616	168845-3	CONTROLL CABLE/RBC413U	CÁP ĐIỀU KHIỂN/RBC413U	90.720	8%
3617	168848-7	CARBURETOR/EA3201S	BỘ CHẾ HÓA KHÍ/EA3201S	794.880	8%
3618	168859-2	CARBURETOR/EB7650TH	BỘ CHẾ HÓA KHÍ/EB7650TH	1.547.856	8%
3619	168863-1	PULLEY/EM3400U	CHÓT/EM3400U	82.080	8%
3620	168864-9	CARBURETOR/EM3400U	BỘ CHẾ HÓA KHÍ/EM3400U	678.240	8%
3621	168867-3	CONTROL CABLE/EM3400U	DÂY CÁP ĐIỀU KHIỂN/EM3400U	88.000	10%
3622	168893-2	SLIDER/JR3035	THANH TRƯỢT/JR3035	34.560	8%
3623	181048-2	CARBON BRUSH CB-155	CHÒI THAN CB-155	133.920	8%
3624	181137-3	HANDLE SET/1804N	TAY CÀM/1804N	311.472	8%
3625	181148-8	HANDLE SET/3600H	BỘ TAY CÀM/3600H	375.516	8%
3626	181410-1	CARBON BRUSH CB-106	CHÒI THAN CB-106	73.440	8%
3627	181441-0	HANDLE SET/JN3200	BỘ TAY CÀM/JN3200	457.920	8%
3628	181675-5	HOUSING SET/906	VỎ MÁY/906	673.164	8%
3629	181737-9	SPIRAL BEVEL GEAR SET/9005B	NHÔNG NHO/9005B	505.440	8%
3630	181976-1	HANDLE SET/2416S	TAY CÀM BĂNG NHỰA/2416S	471.744	8%
3631	182077-8	HANDLE SET/HM1201	TAY CÀM/HM1201	462.564	8%
3632	182471-4	HOUSING SET/6905H	VỎ MÁY 6905H/6905H	803.520	8%
3633	182590-6	HANDLE SET/HM0810	TAY CÀM BĂNG NHỰA/HM0810	174.096	8%
3634	182628-7	HANDLE SET/2414NB	TAY CÀM/2414NB	558.684	8%
3635	182630-0	HOUSING SET/BO4540	VỎ MÁY/BO4540	558.684	8%
3636	182634-2	HANDLE SET/6922NB	TAY CÀM/6922NB	457.920	8%
3637	182648-1	HANDLE SET/4131	TAY CÀM BĂNG NHỰA/4131	358.560	8%
3638	182680-5	HANDLE SET/4304	BỘ TAY CÀM/4304	178.632	8%
3639	182862-9	HOUSING SET/6307	VỎ MÁY/6307	444.204	8%
3640	182917-0	HANDLE SET/9227C	TAY CÀM/9227C	345.600	8%
3641	182918-8	MOTOR HOUSING SET/9227C	VỎ MÁY/9227C	686.880	8%
3642	182990-0	HANDLE SET/9015B	BỘ TAY CÀM/9015B	389.232	8%
3643	183029-2	HANDLE SET/9069	BỘ TAY CÀM/9069	196.992	8%
3644	183053-5	SPIRAL BEVEL GEAR SET/9015B	BỘ NHÔNG/9015B	636.552	8%
3645	183089-4	BLADE CASE SET/LC1230	BỘ BỌC LƯỚI CẮT/LC1230	567.864	8%
3646	1830A1-1	GRIP SET/HW001G	BỘ TAY CÀM/HW001G	178.632	8%
3647	1830A2-9	TERMINAL HOUSING SET/LM004G	VỎ GIỮ ĐÈ GAI PIN/LM004G	114.480	8%
3648	1830A6-1	HOUSING SET/DTW1001	VỎ MÁY/DTW1001	348.084	8%
3649	1830B1-8	MOTOR HOUSING SET/GA048G	VỎ MÁY/GA048G	183.168	8%
3650	1830B2-6	SWITCH BOX SET/UV001G	VỎ CÔNG TÁC/UV001G	183.168	8%
3651	1830B4-2	HOUSING SET/DUP180	VỎ MÁY/DUP180	705.240	8%
3652	1830C1-5	MOTOR HOUSING SET/VC011G/VC012G	VỎ MÁY/VC011G/VC012G	96.228	8%
3653	1830C3-1	SWITCH BOX SET/LM004G	HỘP CÔNG TÁC/LM004G	91.584	8%
3654	1830C6-5	HOUSING SET/JV002G	VỎ MÁY/JV002G	425.952	8%
3655	1830C8-1	HANDLE SET/WT001G	VỎ MÁY/WT001G	2.101.896	8%
3656	1830D0-4	SWITCH CASE SET/VC011G	HỘP CÔNG TÁC/VC011G	109.944	8%
3657	1830D1-2	SWITCH CASE SET/VC012G	HỘP CÔNG TÁC/VC012G	274.752	8%
3658	1830D9-6	MOTOR HOUSING SET/VC010G	VỎ MÔ TÔ/VC010G	160.272	8%
3659	1830E3-5	LEVER BOX SET/DLM460	HỘP BẢO VỆ DÂY GA/DLM460	77.868	8%
3660	1830F8-2	BATTERY HOLDER SET/VS001G	BỘ GIỮ ĐÈ GAI PIN/VS001G	563.328	8%
3661	1830G2-1	SILENCER SET/VS001G	BỘ GIẢM TIẾNG ỒN/VS001G	489.996	8%
3662	1830G6-3	HANDLE CAM SET/VS001G	BỘ ĐÈ GIỮ TAY CÀM/VS001G	178.632	8%
3663	1830G7-1	MOTOR HOUSING SET/VS001G	VỎ MOTOR/VS001G	160.272	8%
3664	1830G8-9	MOTOR CASE SET/VS001G	VỎ MOTOR/VS001G	164.916	8%
3665	1830H0-2	HOUSING SET/DFL303F	VỎ MÁY/DFL303F	654.912	8%
3666	1830H1-0	HANDLE SET/DJR188	VỎ MÁY/DJR188	425.952	8%
3667	1830H3-6	TERMINAL BOX SET/UC021G	VỎ ĐÈ GAI PIN/UC021G	54.972	8%
3668	1830J3-0	LEVER CASE SET/UB004C	TAY CÀM/UB004C	476.280	8%
3669	1830J4-8	FOOT HOUSING R SET/UB004C	MIỀNG NHỰA NẾP CHÂN MÁY/UB004C	137.376	8%
3670	1830J9-8	HANDLE SET/GA7090/GA9090	VỎ TAY CÀM/GA7090/GA9090	137.376	8%
3671	1830K2-9	HOUSING SET/PP001G	VỎ MÁY/PP001G	279.396	8%
3672	1830K8-7	HOUSING SET/DRT52	VỎ MÁY/DRT52	164.916	8%
3673	1830L0-0	BATTERY HOLDER SET/TW009G	BỘ GIỮ ĐÈ GAI PIN/TW009G	114.480	8%
3674	1830L1-8	BATTERY HOUSING SET/TW009G	VỎ BẢO VỆ ĐÈ GAI PIN/TW009G	201.528	8%
3675	1830L2-6	BATTERY HOUSING SET/RP001G	VỎ ĐÈ GAI PIN/RP001G	178.632	8%
3676	1830L3-4	HOUSING SET/TW009G	VỎ MÁY/TW009G	1.071.576	8%
3677	1830L4-2	GRIP COVER SET/RP001G	BỘ TAY CÀM/RP001G	183.168	8%
3678	1830L5-0	GRIP COVER SET/RP001G	BỘ TAY CÀM/RP001G	187.812	8%
3679	1830M9-9	TERMINAL BOX SET/CE003G	HỘP BẢO VỆ ĐÈ GAI PIN/CE003G	142.020	8%
3680	1830N0-4	MOTOR HOUSING SET/UN001G	VỎ MÔ TÔ/UN001G	96.228	8%
3681	1830N2-0	HOUSING SET/UN001G	VỎ MÁY/UN001G	137.376	8%
3682	1830N5-4	HOUSING SET/CE003G	VỎ MÁY/CE003G	979.992	8%
3683	1830P2-4	SWITCH CASE SET/VS001G	HỘP BẢO VỆ CÔNG TÁC/VS001G	403.056	8%
3684	1830R7-8	HANDLE SET/UH020G/UH021G	VỎ TAY CÀM/UH020G/UH021G	393.876	8%
3685	1830R8-6	HOUSING SET/TW001G	VỎ MÁY/TW001G	430.488	8%
3686	1830S3-3	HOUSING SET/UB004C	VỎ MÁY/UB004C	1.282.176	8%
3687	1830S5-9	MAIN BRUSH REPAIR SET/VS001G	BỘ CHƠI QUÉT CHÍNH/VS001G	1.465.344	8%
3688	1830S6-7	SIDE BRUSH REPAIR SET/VS001G	CHƠI QUÉT/VS001G	1.181.520	8%
3689	1830S8-3	MOTOR HOUSING SET/UH020G/UH021G	VỎ MÁY/UH020G/UH021G	155.736	8%
3690	1830T8-0	SIDE COVER SET/VS001G	VỎ BẢO VỆ SƯỜN MÁY/VS001G	641.088	8%
3691	1830T9-8	LEVER CASE SET/VS001G	HỘP BẢO VỆ CHẾ ĐỘ CHƠI QUÉT/VS001G	174.096	8%
3692	1830U0-3	HOUSING SET/DP4020/DP4021	VỎ MÁY/DP4020/DP4021	261.036	8%
3693	1830U5-3	HOUSING SET/UC021G	VỎ MÁY/UC021G	1.076.112	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3694	1830V7-6	GRIP HOUSING SET/DUA200	BỘ VỎ MÁY TRÁI-PHAI/DUA200	178.632	8%
3695	1830V8-4	HOUSING SET/DUA200	VỎ MÁY/DUA200	503.712	8%
3696	1830V9-2	GRIP HOUSING SET/UN001G	VỎ TAY CÀM/UN001G	439.668	8%
3697	1830W1-5	HOUSING SET/BS001G	VỎ MÁY/BS001G	911.304	8%
3698	1830W2-3	INNER HOUSING SET/TM001G	VỎ TRONG MÁY/TM001G	215.244	8%
3699	1830W6-5	FRONT HANDLE SET/BS001G	BỘ TAY CÀM TRƯỚC A, B/BS001G	187.812	8%
3700	1830W8-1	GRIP SET/UE001G	BỘ TAY CÀM/UE001G	632.016	8%
3701	1830X0-4	PIPE HOLDER 32 SET/DUA200	KHỚP NỐI ỜNG TAY CÀN 32/DUA200	79.310	10%
3702	1830X3-8	HOUSING SET/M4000B	BỘ VỎ MÁY/M4000B	265.680	8%
3703	1830Y1-9	HANDLE SET/PS001G	VỎ TAY CÀM/PS001G	1.181.520	8%
3704	1830Y4-3	BATTERY HOUSING SET/HS013G	VỎ BẢO VỆ ĐỀ GÀI PIN/HS013G	183.168	8%
3705	1830Y5-1	HANDLE SET/HS013G	TAY CÀM/HS013G	645.732	8%
3706	1830Y6-9	MOTOR HO G SET/PS001G	VỎ ĐỘNG CƠ/PS001G	187.812	8%
3707	1830Y7-7	CORD HOLDER SET/PS001G	GIÀ ĐỒ DÂY DÀN/PS001G	105.408	8%
3708	1830Y9-3	ARM SET/PS001G/GSP01	BỘ VỎ TAY CÀM/PS001G/GSP01	206.064	8%
3709	183159-9	MOTOR HOUSING/9015B	VỎ MÁY/9015B	650.268	8%
3710	183178-5	HANDLE SET/4107R	BỘ TAY CÀM/4107R	453.384	8%
3711	1831A0-9	PIPE HOUSING SET/PS001G/GSP01	VỎ BẢO VỆ ỜNG /PS001G/GSP01	132.840	8%
3712	1831A3-3	HOUSING SET/UC029G	VỎ MÁY/UC029G	714.420	8%
3713	1831A6-7	HOUSING SET/TM001G	VỎ MÁY/TM001G	361.800	8%
3714	1831B9-8	HOUSING SET/TW002G	VỎ MÁY/TW002G	517.536	8%
3715	1831C1-1	HEAD COVER SET/PS001G	VỎ MÁY/PS001G	196.992	8%
3716	1831C5-3	HOUSING SET/TD004G	VỎ MÁY/TD004G	320.544	8%
3717	1831D4-2	MOTOR HOUSING SET/UB002G	VỎ MÁY/UB002G	270.216	8%
3718	1831F0-4	SPROCKET COVER SET/UC029G	NÁP BẢO VỆ LAM XÍCH/UC029G	192.348	8%
3719	1831F3-8	HOUSING SET/CL004G	VỎ MÁY/CL004G	288.576	8%
3720	1831H5-8	HOUSING SET/DHP490/DDF490	VỎ MÁY/DHP490/DDF490	178.632	8%
3721	1831J4-4	FAN HOUSING SET/UB002G	VỎ MÁY/UB002G	251.856	8%
3722	1831K5-9	TERMINAL CASE SET/VC014G	VỎ BẢO VỆ ĐỀ GÀI PIN/VC014G	68.688	8%
3723	1831K6-7	HOUSING SET/DJV186	BỘ VỎ MÁY/DJV186	320.544	8%
3724	1831L8-0	MOTOR HOUSING SET/GD001G/GD002G	VỎ MÁY/GD001G/GD002G	388.800	8%
3725	1831L9-8	MOTOR HOUSING SET/GD001G/GD002G	VỎ MÁY/GD001G/GD002G	444.960	8%
3726	1831M0-3	HOUSING SET/TR001G	VỎ MÁY/TR001G	1.715.040	8%
3727	1831M9-5	HOUSING SET/DTL300/DTL301/DTL302	VỎ MÁY/DTL300/DTL301/DTL302	276.480	8%
3728	1831N8-4	HANDLE SET/1916B3-6	VỎ TAY CÀM/1916B3-6	499.176	8%
3729	1831N9-2	HOUSING SET/UC030G	VỎ MÁY /UC030G	1.918.080	8%
3730	1831X2-6	HANDLE SET/JR003G	VỎ TAY CÀM/JR003G	1.455.840	8%
3731	1831X3-4	HOUSING SET/DUP181	VỎ MÁY/DUP181	164.160	8%
3732	183209-0	HOUSING SET/6501	VỎ MÁY/6501	618.192	8%
3733	183232-5	HOUSING SET/BO3700	VỎ MÁY/BO3700	352.620	8%
3734	183299-3	MOTOR HOUSING SET/GV7000	VỎ MÁY/GV7000	613.440	8%
3735	183300-4	MOTOR HOUSING SET/PV7001C	VỎ MÁY/PV7001C	650.268	8%
3736	183322-4	MOTOR HOUSING SET/BO6030	VỎ MÔ TƠ/BO6030	457.920	8%
3737	183323-2	SCROLL HOUSING SET/BO6030	NÁP CHỤP CẢNH QUẠT/BO6030	203.040	8%
3738	183394-9	HOUSING SET/6952	VỎ MÁY/6952	596.160	8%
3739	183419-9	MOTOR HOUSING/BO4901	VỎ MÁY/BO4901	549.504	8%
3740	183442-4	GEAR HOUSING SET/HR2020	HỘP NHÔNG/HR2020	283.932	8%
3741	183468-6	BLADE CASE/MT410	ĐẦU HỘP NHÔNG/MT410	361.800	8%
3742	183472-5	MOTOR HOUSING/MT811	VỎ MÁY/MT811	238.140	8%
3743	183511-1	HOUSING SET/MT650	VỎ MÁY/MT650	169.452	8%
3744	183559-3	REAR COVER SET/DA3010	VỎ ĐUÔI MÁY/DA3010	155.520	8%
3745	183560-8	MOTOR HOUSING/DA3010	VỎ MÁY/DA3010	216.000	8%
3746	183564-0	MOTOR HOUSING/4112HS	VỎ MÁY/4112HS	764.748	8%
3747	183615-9	HANDLE SET/4114S	BỘ TAY CÀM/4114S	512.892	8%
3748	183618-3	HANDLE SET/MT240	TAY CÀM/MT240	412.128	8%
3749	183657-3	MOTOR HOUSING/HP2070	VỎ MÁY/HP2070	17.280	8%
3750	183685-8	HOUSING SET/MT603	VỎ MÁY/MT603	192.348	8%
3751	183706-6	BLADE CASE COMPLETE/MT580	ĐẦU HỘP NHÔNG/MT580	558.684	8%
3752	183767-6	BELT COVER/MT190	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CUA ROA/MT190	22.896	8%
3753	183769-2	MOTOR HOUSING SET/MT360	VỎ MÁY/MT360	746.496	8%
3754	183837-1	DUST CASE COVER/4131	NÁP GIỮ BỤI/4131	207.360	8%
3755	183848-6	LIGHT COVER SET/DFL301F	NÁP CHỤP ĐÈN/DFL301F	100.764	8%
3756	183869-8	HANDLE SET/2107FK	TAY CÀM/2107FK	316.008	8%
3757	183874-5	HOUSING SET/MT651	VỎ NHÔNG/MT651	247.320	8%
3758	183880-0	HANDLE SET/6924N	BỘ TAY CÀM/6924N	1.648.512	8%
3759	183883-4	MOTOR HOUSING/MT955	VỎ MÁY/MT955	206.064	8%
3760	183920-4	HANDLE SET/JR3050T	BỘ TAY CÀM/JR3050T	219.888	8%
3761	183926-2	MOTOR HOUSING/MT813	VỎ MÁY/MT813	241.920	8%
3762	183928-8	GEAR CASE SET/6924N	HỘP NHÔNG/6924N	4.231.224	8%
3763	183932-7	HANDLE SET/JR3060T	BỘ TAY CÀM/JR3060T	233.280	8%
3764	183933-5	HANDLE SET/JR3070CT	BỘ TAY CÀM/JR3070CT	233.280	8%
3765	183935-1	HANDLE SET/TW1000	TAY CÀM/TW1000	897.588	8%
3766	183938-5	MAIN FRAME SET/MT110	BỘ KHUNG MÁY/MT110	1.140.264	8%
3767	183943-2	REAR COVER SET/9556HP	NÁP ĐUÔI MÁY/9556HP	69.120	8%
3768	183944-0	CYLINDER SET/DCS232T	XILANH/DCS232T	3.404.160	8%
3769	183A10-9	LEVER CASE SET/EM3400U	TAY CÀM/EM3400U	99.360	8%
3770	183A15-9	HANDLE SET/DHS680	TAY CÀM/DHS680	485.460	8%
3771	183A30-3	HOUSING SET MÀU ĐỎ/CL104D	VỎ MÁY MÀU ĐỎ/CL104D	256.500	8%
3772	183A41-8	HOUSING SET/DHR165	VỎ MÁY/DHR165	370.980	8%
3773	183A42-6	HOUSING SET/DF330D	VỎ MÁY/DF330D	806.004	8%
3774	183A52-3	MOTOR HOUSING SET/DGA408	VỎ MOTOR/DGA408	319.680	8%
3775	183A61-2	HOUSING SET/CL183D	VỎ MÁY/CL183D	196.992	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3776	183A64-6	HOUSING SET/DUR365U	VỎ MÁY/DUR365U	366.336	8%
3777	183A77-7	GRIP SET/DUR365U	TAY CÀM/DUR365U	328.320	8%
3778	183A81-6	HOUSING SET/DUP362	VỎ MÁY/DUP362	1.534.032	8%
3779	183A91-3	HOUSING SET/M4000B	VỎ MÁY/M4000B	261.036	8%
3780	183A94-7	HANDLE SET/M9000B	VỎ TAY CÀM/M9000B	210.708	8%
3781	183B04-0	SWITCH HANDLE SET/M6600	TAY CÀM CÔNG TÁC/M6600	352.620	8%
3782	183B05-8	SWITCH HANDLE SET/M6201B	VỎ TAY CÀM/M6201B	567.864	8%
3783	183B06-6	HANDLE SET/M9003B	VỎ MÁY/M9003B	137.376	8%
3784	183B11-3	HANDLE SET/M8600B	VỎ TAY CÀM/M8600B	206.064	8%
3785	183B23-6	HOUSING SET/M0600	VỎ MÁY/M0600	128.304	8%
3786	183B24-4	HANDLE SET/DCS551	TAY CÀM/DCS551	686.880	8%
3787	183B35-9	HOUSING SET/M6500B	VỎ MÁY/M6500B	187.812	8%
3788	183B49-8	HOUSING SET/TD110D	VỎ MÁY/TD110D	219.888	8%
3789	183B50-3	HOUSING SET/DF031D	VỎ MÁY/DF031D	201.528	8%
3790	183B54-5	SPROCKET COVER COMPLETE/UC4051A	NÁP BẢO VỆ LAM XÍCH/UC4051A	430.488	8%
3791	183B62-6	HOUSING SET/GD0603	VỎ MÁY/GD0603	274.752	8%
3792	183B63-4	HOUSING SET/DTD152	VỎ MÁY/DTD152	210.708	8%
3793	183B65-0	HOUSING SET/DDF482	VỎ NHÔNG/DDF482	288.576	8%
3794	183B68-4	HEAD COVER SET/BO6050	NÁP ĐẦU NHÔNG/BO6050	328.320	8%
3795	183B69-2	CONTROLLER HOUSING SET/DUP361	NÁP HỘP PIN/DUP361	544.968	8%
3796	183B76-5	SWITCH HOUSING SET/DUP361	HỘP CÔNG TÁC/DUP361	272.160	8%
3797	183C02-0	HOUSING SET/DHR242	VỎ MÁY/DHR242	361.800	8%
3798	183C12-7	BATTERY HOUSING SET/DTW1001	VỎ CHỮA PIN/DTW1001	274.752	8%
3799	183C14-3	HANDLE SET/LW1400	TAY CÀM BĂNG NHỰA/LW1400	302.292	8%
3800	183C31-3	HOUSING SET/JR105D	VỎ/JR105D	325.188	8%
3801	183C34-7	HOUSING SET/DF032D	VỎ MÁY/DF032D	297.648	8%
3802	183C36-3	HOUSING SET/DSCI21	VỎ MÁY/DSCI21	325.188	8%
3803	183C47-8	HANDLE SET/DJR187	TAY CÀM BĂNG NHỰA/DJR187	358.560	8%
3804	183C48-6	HANDLE SET/DJR186	TAY CÀM BĂNG NHỰA/DJR186	207.360	8%
3805	183C49-4	HANDLE SET/DJR186	TAY CÀM/DJR186	297.648	8%
3806	183C50-9	HANDLE SET/DJR360	TAY CÀM/DJR360	769.392	8%
3807	183C54-1	HANDLE SET/HS301D	TAY CÀM/HS301D	412.128	8%
3808	183C62-2	HANDLE SET/GA7061R	TAY CÀM/GA7061R	181.440	8%
3809	183C63-0	HANDLE SET/GA7060	TAY CÀM/GA7060	178.632	8%
3810	183C66-4	DUST COLLECTOR SET/DSD180	HỘP CHỮA BỤI/DSD180	159.840	8%
3811	183C71-1	MOTOR HOUSING SET/UH353D	VỎ MÁY/UH353D	190.080	8%
3812	183C90-7	HOUSING SET/DFL651F	VỎ MÁY/DFL651F	1.291.356	8%
3813	183C93-1	GRIP L SET/M3600B	TAY CÀM BÊN TRÁI/M3600B	87.048	8%
3814	183C94-9	GRIP R SET/M3600B	TAY CÀM BÊN PHẢI/M3600B	87.048	8%
3815	183D05-0	HANDLE SET/M4500B	VỎ TAY CÀM /M4500B	215.244	8%
3816	183D13-1	MOTOR HOUSING SET/DVC260	VỎ MÔ TƠ/DVC260	114.480	8%
3817	183D43-2	HOUSING SET/M6001B	VỎ MÁY/M6001B	228.960	8%
3818	183D46-6	HOUSING SET/DTW281	VỎ MÁY/DTW281	467.100	8%
3819	183D48-2	HOUSING SET/DTW280	VỎ MÁY/DTW280	448.848	8%
3820	183D60-2	HOUSING SET/M6000B	VỎ MÁY/M6000B	228.960	8%
3821	183D72-5	PUMP RETAINER SET/HW1300	NÁP CHỤP/HW1300	47.520	8%
3822	183D73-3	HOUSING SET/DTW190	VỎ MÁY/DTW190	393.876	8%
3823	183D78-3	HANDLE SET/M2400B	VỎ TAY CÀM/M2400B	242.784	8%
3824	183D87-2	HANDLE SET/CC301D	TAY CÀM/CC301D	375.840	8%
3825	183D91-1	SWITCH CASE SET/DVC260	NÁP CÔNG TÁC/DVC260	96.228	8%
3826	183E13-7	HOUSING SET/JV101D	VỎ MÁY/JV101D	471.744	8%
3827	183E19-5	HOUSING SET/DDF083	VỎ MÁY/DDF083	343.440	8%
3828	183E27-6	HOUSING SET/M4301B	VỎ MÁY/M4301B	398.412	8%
3829	183E32-3	MOTOR HOUSING SET/TM30D	VỎ MÔ TƠ/TM30D	306.828	8%
3830	183E35-7	HOUSING SET/DTD153	VỎ MÁY/DTD153	311.472	8%
3831	183E39-9	HOUSING SET/DTD170	VỎ MÁY/DTD170	503.712	8%
3832	183E41-2	HOUSING SET/DSD180	VỎ MÁY/DSD180	938.736	8%
3833	183E46-2	TERMINAL BOX SET/DCE090	NÁP BẢO VỆ ĐỂ GÁI PIN/DCE090	146.556	8%
3834	183E48-8	HANDLE SET/MT243	TAY CÀM/MT243	142.020	8%
3835	183E50-1	HANDLE SET/M2401B	VỎ MÁY/M2401B	155.736	8%
3836	183E52-7	HANDLE SET/DLS600	VỎ TAY CÀM/DLS600	920.484	8%
3837	183E53-5	HOUSING SET/MT954	VỎ MÁY/MT954	247.320	8%
3838	183E54-3	HOUSING SET BLACK/DCL180	VỎ MÁY MÀU ĐEN/DCL180	283.932	8%
3839	183E55-1	HOUSING SET/DCL182	VỎ MÁY/DCL182	384.696	8%
3840	183E59-3	GRIP HOUSING SET/DUR189	VỎ MÁY/DUR189	659.448	8%
3841	183E65-8	HOUSING SET/TD111D	VỎ MÁY/TD111D	325.188	8%
3842	183E72-1	HANDLE SET/TD022D	TAY CÀM/TD022D	96.228	8%
3843	183E86-0	HOUSING SET/CL106FD	VỎ MÁY/CL106FD	215.244	8%
3844	183E87-8	HOUSING SET WHITE/CL107FD	VỎ MÁY MÀU TRẮNG/CL107FD	238.140	8%
3845	183E88-6	HOUSING SET BLUE/CL106FD	VỎ MÁY MÀU XANH/CL106FD	219.888	8%
3846	183E89-4	HOUSING SET BLUE/CL107FD	VỎ MÁY MÀU XANH/CL107FD	247.320	8%
3847	183E91-7	HOUSING SET/MT80A	VỎ MÁY/MT80A	178.632	8%
3848	183F00-2	MOTOR HOUSING SET/TD022D	VỎ MÁY/TD022D	146.556	8%
3849	183F15-9	TERMINAL BOX SET/DUC353	NÁP HỘP GÁI PIN/DUC353	137.376	8%
3850	183F17-5	HOUSING SET/DFS250	VỎ MÁY/DFS250	462.564	8%
3851	183F18-3	MOTOR HOUSING SET/DUR189	VỎ MÁY/DUR189	210.708	8%
3852	183F27-2	LEVER CASE SET/DUX60	TAY CÀM/DUX60	328.320	8%
3853	183F35-3	HOUSING SET/DUR187	VỎ MÁY/DUR187	251.856	8%
3854	183F38-7	MOTOR HOUSING SET/DF001D	VỎ MÁY/DF001D	32.076	8%
3855	183F59-9	HOUSING SET/DUC353	VỎ MÁY/DUC353	1.653.156	8%
3856	183F65-4	HOUSING SET/SD100D	VỎ MÁY/SD100D	1.071.576	8%
3857	183F69-6	HOUSING SET/MT653	VỎ MÁY/MT653	261.036	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3858	183F77-7	HOUSING SET/M6501	VỎ MÁY/M6501	283.932	8%
3859	183F79-3	HOUSING SET/DTD149	VỎ MÁY/DTD149	288.576	8%
3860	183F88-2	HOUSING SET/DFT023F	VỎ MÁY/DFT023F	691.524	8%
3861	183F90-5	MOTOR HOUSING SET/DVC864L	VỎ MÁY/DVC864L	151.200	8%
3862	183F92-1	MOTOR HOUSING SET/UH3502	VỎ MÁY/UH3502	155.736	8%
3863	183F93-9	HOUSING SET/DPT353	VỎ MÁY/DPT353	732.672	8%
3864	183F94-7	HANDLE SET/UH3502	VỎ MÁY/UH3502	293.112	8%
3865	183F98-9	MOTOR HOUSING SET/DF012D	VỎ MÁY/DF012D	96.228	8%
3866	183G00-8	HANDLE SET/DF012D	TAY CÀM/DF012D	87.048	8%
3867	183G03-2	HOUSING SET/DUM604	VỎ MÁY/DUM604	389.232	8%
3868	183G04-0	HOUSING SET/UH201D	VỎ MÁY/UH201D	384.696	8%
3869	183G07-4	HOUSING SET/UM110D	VỎ MÁY/UM110D	393.876	8%
3870	183G09-0	MOTOR CASE SET/DHR171	VỎ MÔ TÔ/DHR171	68.688	8%
3871	183G11-3	HOUSING SET/DFT085F	VỎ MÁY/DFT085F	632.016	8%
3872	183G15-5	HOUSING SET/HR166D	VỎ MÁY/HR166D	375.516	8%
3873	183G24-4	HOUSING SET/PT354	VỎ MÁY/PT354	778.464	8%
3874	183G25-2	HANDLE SET/GA7062	BỘ TAY CÀM/GA7062	254.880	8%
3875	183G26-0	HANDLE SET/GA7062	BỘ TAY CÀM/GA7062	254.880	8%
3876	183G27-8	HOUSING SET/CL111D	VỎ MÁY/CL111D	129.600	8%
3877	183G28-6	HOUSING SET/CL111D	VỎ MÁY/CL111D	15.120	8%
3878	183G29-4	HOUSING SET/DUX60	VỎ MÁY/DUX60	366.336	8%
3879	183G30-9	MOTOR HOUSING SET/DUX60	VỎ MÔ TÔ/DUX60	100.764	8%
3880	183G31-7	GRIP SET/DUX60	TAY CÀM/DUX60	444.960	8%
3881	183G43-0	HOUSING SET/TL064D	VỎ MÁY/TL064D	494.640	8%
3882	183G51-1	HOUSING SET/DPP200	VỎ MÁY/DPP200	471.744	8%
3883	183G66-8	HOUSING SET/CP100	VỎ MÁY/CP100	302.292	8%
3884	183G68-4	DUST NOZZLE CONNECTOR SET/LS1019L	ĐẦU NỐI ỐNG DẦN BỤI/LS1019L	7.560	8%
3885	183G71-5	HOUSING SET/DTD155	VỎ MÁY/DTD155	407.592	8%
3886	183G76-5	HOUSING SET/DRT50	VỎ MÁY/DRT50	183.168	8%
3887	183G77-3	HOUSING SET/HR2651T	VỎ MÁY/HR2651T	19.440	8%
3888	183H15-1	SWITCH BOX SET/DCU180	HỘP CÔNG TÁC/DCU180	215.244	8%
3889	183H16-9	HOUSING SET/HR140D	VỎ MÁY/HR140D	352.620	8%
3890	183H18-5	HOUSING SET/JV103D	VỎ MÁY/JV103D	398.412	8%
3891	183H19-3	HANDLE SET/LS1219L	TAY CÀM/LS1219L	293.112	8%
3892	183H25-8	HOUSING SET/DHR171	VỎ MÁY/DHR171	462.564	8%
3893	183H38-9	HOUSING SET/DA333D	VỎ MÁY/DA333D	384.480	8%
3894	183H44-4	MOTOR HOUSING SET/DJR188	VỎ MÁY/DJR188	82.512	8%
3895	183H46-0	HANDLE REAR COVER SET/DSP600	VỎ TAY CÀM/DSP600	1.172.340	8%
3896	183H54-1	HOUSING SET/CG100D	VỎ MÁY/CG100D	709.776	8%
3897	183H65-6	BATTERY HOUSING SET/DLS111	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/DLS111	160.272	8%
3898	183H70-3	HANDLE SET/DLS111	TAY CÀM/DLS111	343.440	8%
3899	183H71-1	HOSE CONNECTOR SET/DLS111	KHỚP NỐI/DLS111	9.720	8%
3900	183H79-5	HANDLE REAR COVER SET/DSP601	VỎ TAY CÀM/DSP601	1.552.392	8%
3901	183H83-4	HOUSING SET/DGA413	VỎ MÁY/DGA413	380.160	8%
3902	183H84-2	MOTOR HOUSING SET/DGA414	VỎ MÁY/DGA414	380.160	8%
3903	183H85-0	MOTOR HOUSING SET/DGA418	VỎ MÁY/DGA418	435.024	8%
3904	183H86-8	MOTOR HOUSING SET/DGA417	VỎ MÁY/DGA417	430.488	8%
3905	183H89-2	HANDLE SET/UR100D	BỘ TAY CÀM/UR100D	403.056	8%
3906	183H91-5	MOTOR HOUSING SET/UR100D	VỎ MÔ TÔ/UR100D	146.556	8%
3907	183H95-7	CAP SET/DHR400	BỘ NÁP/DHR400	14.040	8%
3908	183J10-3	HOUSING SET/DHR400	VỎ MÁY/DHR400	1.218.132	8%
3909	183J24-2	HOUSING SET/DTW180	VỎ MÁY/DTW180	343.440	8%
3910	183J29-2	HANDLE SET/DHR280	VỎ TAY CÀM/DHR280	142.020	8%
3911	183J31-5	HOUSING SET/DHR280	VỎ MÁY/DHR280	599.940	8%
3912	183J32-3	HOUSING SET/DX08	VỎ MÁY/DX08	384.480	8%
3913	183J34-9	HOUSING SET/DSC102	VỎ MÁY/DSC102	824.256	8%
3914	183J39-9	MOTOR HOUSING SET/DGA406	VỎ MOTOR/DGA406	293.112	8%
3915	183J40-4	MOTOR HOUSING SET/DGA408	VỎ MOTOR/DGA408	302.292	8%
3916	183J41-2	MOTOR HOUSING SET/DGA408	VỎ MÁY/DGA408	334.368	8%
3917	183J43-8	WATER SET CPL/EK6101	ĐẦU VÀO NƯỚC/EK6101	332.640	8%
3918	183J51-9	HANDLE SET/DUH501	TAY CÀM/DUH501	480.816	8%
3919	183J52-7	MOTOR HOUSING SET/DUH501	VỎ MÁY/DUH501	51.840	8%
3920	183J56-9	HOUSING SET/DTR180	VỎ MÁY/DTR180	1.254.744	8%
3921	183J58-5	HANDLE SET/DDA460	BỘ TAY CÀM/DDA460	1.241.028	8%
3922	183J68-2	CYLINDER PISTON SET/EK6101	XI LANH/EK6101	3.252.960	8%
3923	183J75-5	HOUSING SET/TW140D	VỎ MÁY/TW140D	242.784	8%
3924	183K07-8	CUTTER SHAFT SET/RBC413U	BỘ NHÔNG/RBC413U	32.400	8%
3925	183K13-3	HANDLE SET/DCS553	VỎ TAY CÀM/DCS553	554.148	8%
3926	183K17-5	HANDLE SET/BUH523	TAY CÀM BĂNG NHỰA/BUH523	297.648	8%
3927	183K21-4	HOUSING LR COMPLETE/DUH501	VỎ MÁY/DUH501	375.516	8%
3928	183K23-0	HANDLE SET/DJR187	TAY CÀM/DJR187	512.892	8%
3929	183K32-9	HOUSING SET/DDF485	VỎ MÁY/DDF485	366.336	8%
3930	183K39-5	HANDLE SET/JR3061T	TAY CÀM/JR3061T	325.188	8%
3931	183K40-0	TERMINAL HOUSING SET/DLM460	HỘP ĐỂ GÀI PIN/DLM460	196.992	8%
3932	183K45-0	SWITCH BOX SET/DLM460	HỘP CÔNG TÁC/DLM460	105.408	8%
3933	183K48-4	HOUSING SET WHITE/CL108FD	VỎ MÁY MÀU TRẮNG/CL108FD	228.960	8%
3934	183K49-2	HOUSING SET BLUE/CL108FD	VỎ MÁY MÀU XANH/CL108FD	228.960	8%
3935	183K51-5	HANDLE SET/DHS780	TAY CÀM/DHS780	499.176	8%
3936	183K52-3	HANDLE SET/DHS780	TAY CÀM/DHS780	444.204	8%
3937	183K53-1	HOUSING SET/DHR282	VỎ MÁY/DHR282	700.704	8%
3938	183K56-5	LEVER BOX SET/DLM460	NÁP CHỤP/DLM460	96.228	8%
3939	183K57-3	HANDLE SET/DLW140	NÁP TAY CÀM/DLW140	570.240	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3940	183K65-4	HANDLE SET/UH353D	TAY CẦM/UH353D	462.240	8%
3941	183K68-8	FAN HOUISNG SET/UB1103	HỘP BẢO VỆ CÀNH QUẠT/UB1103	270.216	8%
3942	183K69-6	TERMINAL CASE SET/DVC750L	CHỤP GÁI ĐÈ PIN/DVC750L	68.688	8%
3943	183K70-1	MOTOR HOUSING SET/DVC750L	NÁP CHỤP MOTOR/DVC750L	73.332	8%
3944	183K74-3	SWITCH CASE SET/DVC265	NÁP CÔNG TÁC/DVC265	105.408	8%
3945	183K75-1	SWITCH CASE SET/DVC265	NÁP CÔNG TÁC/DVC265	265.680	8%
3946	183K85-8	HANDLE SET/DWT310	TAY CẦM/DWT310	1.808.784	8%
3947	183K90-5	HOUSING SET/DDF333	VỎ MÁY/DDF333	196.992	8%
3948	183L06-6	HOUSHING SET/DUT130	VỎ MÁY/DUT130	730.080	8%
3949	183L12-1	HANDLE SET/DHR182	TAY CẦM/DHR182	334.368	8%
3950	183L14-7	MOTOR HOUSING SET/DHR182	NÁP CHỤP MOTOR/DHR182	96.228	8%
3951	183L18-9	HOUSING SET/DX05	VỎ MÁY/DX05	250.560	8%
3952	183L30-9	HOUSING SET/DRV250	VỎ MÁY/DRV250	581.580	8%
3953	183L31-7	HOUSING SET/TW160D	VỎ MÁY/TW160D	283.932	8%
3954	183L33-3	HOUSING SET/DUR368A	VỎ MÁY/DUR368A	336.960	8%
3955	183L40-6	BATTERY HOUSING SET/DLS211	HỘP CHỮA PIN/DLS211	279.396	8%
3956	183L41-4	CYLINDER PISTON SET/EA4301F	BỘ PITÔNG XILANH/EA4301F	1.179.360	8%
3957	183L60-0	GRIP SET/URI01C	VỎ TAY CẦM/URI01C	467.100	8%
3958	183L61-8	GRIP SET/DUR369	TAY CẦM/DUR369	467.100	8%
3959	183L66-8	MOTOR HOUSING SET/DUH601	VỎ MOTOR/DUH601	64.152	8%
3960	183L67-6	HOUSING SET/DFN350	VỎ MÁY/DFN350	938.736	8%
3961	183L70-7	HOUSING SET/DCL280F	VỎ MÁY/DCL280F	412.128	8%
3962	183L71-5	HOUSING SET/DCL280F	VỎ MÁY/DCL280F	357.264	8%
3963	183L72-3	HOUSING SET/DCL280F	VỎ MÁY/DCL280F	357.264	8%
3964	183L75-7	HANDLE SET/DSL800	VỎ MÁY BỀN/DSL800	1.235.520	8%
3965	183L76-5	ARM SET/DSL800	VỎ TAY CẦM/DSL800	354.240	8%
3966	183L77-3	MOTOR HOUSING SET/DSL800	VỎ MOTOR/DSL800	194.400	8%
3967	183L78-1	PIPE HOUSING SET/DSL800	VỎ THANH DẪN/DSL800	345.600	8%
3968	183L79-9	HOUSING COMPLETE/DDF484	VỎ MÁY/DDF484	256.500	8%
3969	183L81-2	HOUSING SET/WR100D	VỎ MOTOR/WR100D	237.600	8%
3970	183L84-6	HOUSING SET/DF333D	VỎ MÁY/DF333D	407.592	8%
3971	183L86-2	HOUSING SET/CL121D	VỎ MÁY/CL121D	595.296	8%
3972	183L93-5	HOUSING SET/DFL020F	VỎ MÁY/DFL020F	815.184	8%
3973	183L99-3	HOUSING SET/CL108FD	VỎ MÁY/CL108FD	219.888	8%
3974	183M00-4	SWITCH BOX SET/DHW080	HỘP CÔNG TÁC/DHW080	73.332	8%
3975	183M07-0	HOUSING SET/DCL280F	VỎ MÁY/DCL280F	357.264	8%
3976	183M11-9	HOUSING SET/DCL280F	VỎ MÁY/DCL280F	448.848	8%
3977	183M13-5	HOUSING SET/DCL280F	VỎ MÁY/DCL280F	403.056	8%
3978	183M17-7	HEAD HOUSING SET/MT980	NÁP CHỤP ĐẦU/MT980	210.708	8%
3979	183M26-6	SPROCKET COVER SET/DCS232T	NÁP BẢO VỆ LAM XÍCH/DCS232T	250.560	8%
3980	183M32-1	HOUSING SET/DF0300	VỎ MÁY/DF0300	274.752	8%
3981	183M37-1	HOUSING SET/DHW080	VỎ MÁY/DHW080	747.360	8%
3982	183M41-0	HOUSIMG SET/DTDA040	VỎ MÁY/DTDA040	1.369.224	8%
3983	183M42-8	HOUSIMG SET/DTDA040	VỎ MÁY/DTDA040	1.117.368	8%
3984	183M55-9	TERMINAL HOLDER SET/DHW080	BỘ VỎ ĐÈ GÁI PIN/DHW080	192.348	8%
3985	183M63-0	TERMINAL HOUSING SET/PDC01	NÁP ỚP GÁI ĐỒ PIN/PDC01	786.240	8%
3986	183M64-8	MOTOR HOUSING SET/DUB184	VỎ MOTOR/DUB184	21.600	8%
3987	183M68-0	REAR COVER SET/GA4050	VỎ ĐUÔI MÁY/GA4050	96.228	8%
3988	183M82-6	BRACKET/MT370	VỎ MÁY TRONG/MT370	155.736	8%
3989	183M99-9	HOUSING SET/M0800	VỎ MÁY/M0800	201.528	8%
3990	183N06-8	HOUSING SET/DTD171	VỎ MÁY/DTD171	398.412	8%
3991	183N07-6	HOUSING SET/DT001G	VỎ MÁY/DTD171	435.024	8%
3992	183N09-2	HOUSING SET/DTD171	VỎ MÁY MÀU ĐỎ/DTD171	485.460	8%
3993	183N15-7	HOUSING SET/DUC256	VỎ MÁY/DUC256	870.048	8%
3994	183N23-8	HOUSING SET/DUR369	VỎ MÁY/DUR369	590.760	8%
3995	183N25-4	HOUSING COVER SET/DUR369	VỎ BẢO VỆ/DUR369	178.632	8%
3996	183N26-2	GRIP SET/UX01G	VỎ TAY CẦM/UX01G	403.056	8%
3997	183N31-9	HOUSING SET/DTD156	VỎ MÁY/DTD156	251.856	8%
3998	183N35-1	TERMINAL HOUSING SET/DML382	VỎ BẢO VỆ ĐÈ GÁI PIN/DML382	137.376	8%
3999	183N36-9	HOUSING SET/DHK180	VỎ THAN MÁY/DHK180	838.080	8%
4000	183N39-3	HANDLE SET/DHS900	VỎ MÁY/DHS900	645.732	8%
4001	183N40-8	HANDLE SET/JR3051T	VỎ TAY CẦM/JR3051T	267.840	8%
4002	183N49-0	HOUSING SET/SC103D	VỎ MÁY/SC103D	1.209.600	8%
4003	183N51-3	HOUSING SET/DX12	VỎ MÁY/DX12	425.952	8%
4004	183N52-1	HANDLE SET/HR001G	TAY CẦM/HR001G	412.128	8%
4005	183N53-9	HANDLE SET/HR003G	TAY CẦM/HR003G	393.876	8%
4006	183N56-3	HOUSING SET/HR003G	VỎ MÁY/HR003G	444.204	8%
4007	183N57-1	HANDLE SET/JR001	TAY CẦM/JR001	430.488	8%
4008	183N58-9	BATTERY HOUSING SET/JR001	VỎ ĐÈ GÁI PIN/JR001	142.020	8%
4009	183N63-6	MOTOR HOUSING SET/GA003	VỎ MÁY/GA003	297.648	8%
4010	183N64-4	HOUSING SET/HR001G	VỎ MÁY/HR001G	489.996	8%
4011	183N66-0	GRIP SET/DUH604S	TAY CẦM/DUH604S	316.008	8%
4012	183N69-4	HOUSING SET/DUH604S	VỎ MÁY/DUH604S	370.980	8%
4013	183N70-9	HOUSING SET/URI01C	VỎ MÁY/URI01C	883.872	8%
4014	183N71-7	HOUSING SET/URI01C	VỎ MÁY/URI01C	929.664	8%
4015	183N75-9	HINGE SET/DLM160	BỘ BÀN LỀ/DLM160	274.752	8%
4016	183N77-5	HANDLE SET/DLM160	BỘ VỎ TAY CẦM/DLM160	219.888	8%
4017	183N78-3	TERMINAL HOUSING SET/DLM533	VỎ BẢO VỆ ĐÈ GÁI PIN/DLM533	169.452	8%
4018	183N81-4	SWITCH BOX SET/DLM530	VỎ CÔNG TÁC/DLM530	73.332	8%
4019	183N83-0	MOTOR HOUSING SET/DUN600L	VỎ MOTOR/DUN600L	59.616	8%
4020	183N84-8	HOUSING SET/DUN600L	VỎ MÁY/DUN600L	160.272	8%
4021	183N85-6	HOUSING SET/DUN500W	VỎ MÁY/DUN500W	146.556	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4022	183N86-4	CONNECTOR HOLDER SET/URI01C	GIÁ ĐỖ ỐNG TAY CẮM/URI01C	288.576	8%
4023	183N88-0	HOUSING SET/DUB184	VỎ MÁY/DUB184	663.984	8%
4024	183N90-3	SWITCH BOX SET/DLM533	HỘP CÔNG TẮC/DLM533	73.332	8%
4025	183N92-9	GRIP HOUSING SET/DUN600L	VỎ TAY CẮM/DUN600L	618.192	8%
4026	183N96-1	HOUSING SET/DST421	VỎ MÁY/DST421	934.200	8%
4027	183P02-8	HOUSING SET/DTDA040	VỎ MÁY/DTDA040	1.028.160	8%
4028	183P03-6	HOUSING SET/DTDA100	VỎ MÁY/DTDA100	1.208.952	8%
4029	183P04-4	GRIP SET/DURI91L	TAY CẮM/DURI91L	265.680	8%
4030	183P06-0	MOTOR HOUSING SET/DURI91L	VỎ MOTOR/DURI91L	192.348	8%
4031	183P07-8	HOUSING SET/DURI91L	VỎ BẢO VỆ BƠ MẠCH/DURI91L	169.452	8%
4032	183P27-2	HOUSING SET/DTW300	VỎ MÁY/DTW300	334.368	8%
4033	183P29-8	MOTOR HOUSING SET/GA011G	VỎ MÁY/GA011G	398.412	8%
4034	183P30-3	FRONT GRIP SET/DUH604	TAY CẮM/DUH604	595.296	8%
4035	183P40-0	LEVER BOX SET/DLM533	HỘP TAY QUAY ĐỂ ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/DLM533	73.440	8%
4036	183P49-2	MOTOR HOUSING SET/DPB183	VỎ MÁY/DPB183	164.916	8%
4037	183P56-5	HOUSING SET/TD001G	VỎ MÁY/TD001G	512.892	8%
4038	183P62-0	BATTERY HOUSING SET/TW001G	ĐỂ GIỮ PIN/TW001G	712.800	8%
4039	183P63-8	MOTOR HOUSING SET/DUB185	VỎ MOTOR/DUB185	233.604	8%
4040	183P68-8	MOTOR HOUSING SET/DPB184	VỎ MÁY/DPB184	132.840	8%
4041	183P76-9	MOTOR HOUSING SET/GA021G	VỎ MÁY/GA021G	439.668	8%
4042	183P78-5	MOTOR HOUSING SET/GA027G	VỎ MÁY/GA027G	563.328	8%
4043	183P83-2	GEAR CASE HOUG/DUA300	BỘ ĐỂ VỎ HỘP NHÔNG/DUA300	169.452	8%
4044	183P84-0	HOUG/DUA300	BỘ VỎ MÁY/DUA300	755.568	8%
4045	183P85-8	GRIP/DUA300	BỘ VỎ MÁY/DUA300	572.400	8%
4046	183P88-2	HOUSING SET/DTW700	VỎ MÁY/DTW700	357.264	8%
4047	183P89-0	BATTERY HOUSING SET/DTW700	ĐỂ GÁI PIN/DTW700	228.960	8%
4048	183R01-2	END NOZZLE 72/DUB363ZV	ỐNG THỜI ĐEP 72/DUB363ZV	151.200	8%
4049	183R12-7	HANDLE SET/DVC560	TAY CẮM/DVC560	187.812	8%
4050	183R14-3	TERMINAL CASE SET/DVC560	BỘ ĐỂ GÁI/DVC560	68.688	8%
4051	183R15-1	HANDLE SET/HS003G	VỎ TAY CẮM/HS003G	430.488	8%
4052	183R16-9	HOUSING SET/TW004GD	VỎ MÁY/TW004GD	302.292	8%
4053	183R20-8	HANDLE SET/DPB183	VỎ MÁY/DPB183	755.568	8%
4054	183R22-4	HANDLE SET/DPB183	VỎ MÁY/DPB183	920.484	8%
4055	183R26-6	HOUSING SET/DCO181	VỎ MÁY/DCO181	558.684	8%
4056	183R28-2	HOUSING SET/DCL184	VỎ MÁY/DCL184	508.356	8%
4057	183R37-1	HOUSING SET/HR3001C	VỎ MÁY/HR3001C	526.608	8%
4058	183R38-9	HOUSING SET/DGP180	VỎ MÁY/DGP180	841.428	8%
4059	183R39-7	MOTOR HOUSING HANDLE COVER SET/DBS180	VỎ MÁY/DBS180	613.656	8%
4060	183R42-8	HOUSING SET/M6901D	VỎ MÁY/M6901D	265.680	8%
4061	183R46-0	HANDLE SET/DDG460	VỎ TAY CẮM/DDG460	1.488.240	8%
4062	183R48-6	HOUSING SET/DFT024F	VỎ MÁY/DFT024F	732.672	8%
4063	183R54-1	MOTOR HOUSING SET/DURI92L	BỘ VỎ MÁY/DURI92L	151.200	8%
4064	183R55-9	GRIP HOUSING SET/DURI92L	VỎ TAY CẮM/DURI92L	261.036	8%
4065	183R61-4	HOUSING SET/UB001C	VỎ MÁY/UB001C	1.186.056	8%
4066	183R73-7	MOTOR HOUSING SET/UB100D	VỎ MOTOR/UB100D	256.500	8%
4067	183R74-5	GRIP SET/M2402	BỘ TAY CẮM/M2402	109.944	8%
4068	183R77-9	FAN HOUSING SET/UB100D	BỘ VỎ MÁY/UB100D	247.320	8%
4069	183R80-0	MOTOR HOUSING SET/DUX18	VỎ MÁY/DUX18	119.124	8%
4070	183R81-8	GRIP HOUSING SET/DUX18	VỎ TAY CẮM/DUX18	398.412	8%
4071	183R83-4	HOUSING SET/DDF486	VỎ MÁY/DDF486	274.752	8%
4072	183R84-2	HOUSING SET/HR005G	VỎ MÁY/HR005G	1.199.772	8%
4073	183R85-0	BATTERY HOLDER SET/HR005G	BỘ GIỮ ĐỂ GÁI PIN/HR005G	119.124	8%
4074	183R88-4	HOUSING SET/UX01G	VỎ MÁY/UX01G	453.384	8%
4075	183R89-2	HOUSING SET/DWR180	VỎ MÁY/DWR180	201.528	8%
4076	183R90-7	HOUSING SET/HM001G	VỎ MÁY/HM001G	1.048.680	8%
4077	183R91-5	GEAR CASE COVER/DUA300	NÁP HỘP NHÔNG/DUA300	55.990	10%
4078	183R92-3	BATTERY HOUSING SET/LS002G	NÁP BẢO VỆ PIN/LS002G	196.992	8%
4079	183R93-1	HOUSING SET/DF488D	BỘ VỎ MÁY/DF488D	219.888	8%
4080	183R96-5	HANDLE SET/LS002G	BỘ TAY CẮM/LS002G	686.880	8%
4081	183R97-3	HANDLE SET/GA037G	BỘ TAY CẮM/GA037G	485.460	8%
4082	183S03-4	HOUSING SET/DF002G	VỎ MÁY/DF002G	238.140	8%
4083	183S07-6	HOUSING SET/DHP487	VỎ MÁY/DHP487	238.140	8%
4084	183S18-1	TERMINAL BOX SET/RS001G	NÁP HỘP GÁI PIN/RS001G	114.480	8%
4085	183S22-0	SKIRT SET/M9204B	VỎ BẢO VỆ CẢNH QUẠT/M9204B	105.408	8%
4086	183S27-0	HOUSING SET/DTD157	VỎ MÁY/DTD157	270.216	8%
4087	183S31-9	HOUSING SET/FN001G	VỎ MÁY/FN001G	1.048.680	8%
4088	183S32-7	HOUSING SET/HR006G	VỎ MÁY/HR006G	2.825.388	8%
4089	183S33-5	BATTERY HOUSING SET/TW002G	VỎ BẢO VỆ PIN/TW002G	526.608	8%
4090	183S34-3	HOUSING SET/UR002G	VỎ MÁY/UR002G	512.892	8%
4091	183S35-1	HOUSING COVER SET/UR002G	NÁP VỎ MÁY/UR002G	169.452	8%
4092	183S37-7	HOUSING SET/HP001G/HP001G	VỎ MÁY/HP001G	293.112	8%
4093	183S40-8	HOUSING SET/DTD172	VỎ MÁY/DTD172	361.800	8%
4094	183S55-5	HANDLE SET/RS001G	TAY CẮM/RS001G	783.108	8%
4095	183S64-4	GRIP SET/UR002G	VỎ TAY CẮM/UR002G	476.280	8%
4096	183S69-4	INNER HOUSING SET/DTM52/XMT04	VỎ MÁY TRONG/DTM52/XMT04	185.760	8%
4097	183S70-9	HANDLE SET/DDA450	TAY CẮM/DDA450	480.816	8%
4098	183S72-5	COVER SET/DDA450	VỎ BẢO VỆ/DDA450	169.452	8%
4099	183S73-3	MOTOR HOUSING SET/DDA450	VỎ BẢO VỆ MOTOR/DDA450	215.244	8%
4100	183S74-1	HOUSING SET/TW007G	VỎ MÁY/TW007G	270.216	8%
4101	183S75-9	SWITCH BOX SET/LM001C	VỎ CÔNG TẮC/LM001C	77.868	8%
4102	183S77-5	BATTERY HOUSING SET/TW007G	VỎ BẢO VỆ ĐỂ GÁI PIN/TW007G	297.648	8%
4103	183S78-3	HOUSING SET/DTM52/XMT04	VỎ MÁY/DTM52/XMT04	407.592	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4104	183S81-4	HANDLE SET/RS002G	VỎ TAY CẮM/RS002G	1.204.416	8%
4105	183S87-2	HOUSING SET/UR006G	VỎ MÁY/UR006G	453.384	8%
4106	183S93-7	HANDLE SET/DA001G	VỎ TAY CẮM/DA001G	632.016	8%
4107	183S94-5	MOTOR HOUSING SET/UH004G	VỎ MOTOR/UH004G	77.868	8%
4108	183S95-3	HOUSING SET/UH004G	VỎ MÁY/UH004G	467.100	8%
4109	183S96-1	GRIP HOUSING SET/DUN461W	VỎ TAY CẮM/DUN461W	123.660	8%
4110	183T07-2	HOUSING SET/UB001G	VỎ MÁY/UB001G	682.344	8%
4111	183T10-3	HOUSING SET/HM002G	VỎ MÁY/HM002G	1.676.052	8%
4112	183T12-9	GRIP HOUSING SET/DUN461W	VỎ TAY CẮM/DUN461W	123.660	8%
4113	183T13-7	MOTOR HOUSING SET/DUN461W	VỎ MÁY/DUN461W	196.992	8%
4114	183T14-5	PIPE HOLDER SET/DUN461W	BỘ ỚNG GIÁ ĐỖ/DUN461W	79.310	10%
4115	183T15-3	ARM SET/DSL801	VỎ TAY CẮM/DSL801	531.252	8%
4116	183T18-7	HOUSING SET/CL001G	VỎ MÁY/CL001G	361.800	8%
4117	183T22-6	HANDLE SET/GA7070	TAY CẮM/GA7070	407.592	8%
4118	183T23-4	HANDLE SET/GA7070	TAY CẮM/GA7070	865.512	8%
4119	183T24-2	BRUSH HOLDER COVER SET/GA7070	NÁP Ồ CHỐI THAN/GA7070	73.332	8%
4120	183T26-8	BATTERY HOUSING SET/LS003G	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/LS003G	206.064	8%
4121	183T31-5	HANDLE SET/GA7080	TAY CẮM/GA7080	398.412	8%
4122	183T35-7	HOUSING SET/TD112D	VỎ MÁY/TD112D	375.516	8%
4123	183T43-8	HOUSING SET/CL001G	VỎ MÁY/CL001G	370.980	8%
4124	183T51-9	BATTERY HOUSING SET/LS004G	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/LS004G	160.272	8%
4125	183T58-5	HANDLE HANDLE COVER SET/LS003G	TAY CẮM/LS003G	352.620	8%
4126	183T62-4	HANDLE SET/SP001G	VỎ TAY CẮM/SP001G	677.808	8%
4127	183T66-6	HANDLE SET/UH004G	TAY CẮM/UH004G	403.056	8%
4128	183T68-2	GRIP SET/UR012G	VỎ TAY CẮM/UR012G	462.564	8%
4129	183T69-0	HOUSING SET/UR012G	VỎ MÁY/UR012G	1.282.176	8%
4130	183T80-2	HOUSING SET/DFR452	VỎ MÁY/DFR452	734.400	8%
4131	183T93-3	HOUSING SET/DBO380	VỎ MÁY/DBO380	517.536	8%
4132	183T94-1	HOUSING SET/DBO380	VỎ MÁY/DBO380	517.536	8%
4133	183U05-2	MOTOR HOUSING/VC001GL	VỎ MOTOR/VC001GL	91.584	8%
4134	183U06-0	TERMINAL CASE SET/VC001GL	VỎ BẢO VỆ ĐỂ GÀI PIN/VC001GL	82.512	8%
4135	183U16-7	GRIP SET/UH013G	VỎ TAY CẮM/UH013G	348.084	8%
4136	183U17-5	HOUSING SET /UH013G	VỎ MÁY/UH013G	691.524	8%
4137	183U18-3	FRONT GRIP SET/UH013G	TAY CẮM/UH013G	535.788	8%
4138	183U19-1	HANDLE SET/HR007G	VỎ TAY CẮM/HR007G	563.328	8%
4139	183U21-4	LEVER BOX SET/LM001J	HỘP GIỮ CHUYỂN CHẾ ĐỘ/LM001J	50.436	8%
4140	183U22-2	MOTOR HOUSING SET/HR007G	VỎ MOTOR/HR007G	247.320	8%
4141	183U26-4	HOUSING SET/CL002G	VỎ MÁY/CL002G	425.952	8%
4142	183U29-8	REAR COVER SET/GD0801C	NÁP CHỤP ĐUÔI/GD0801C	100.764	8%
4143	183U35-3	LEVER BOX SET/DLM480	VỎ BỘ CHUYỂN ĐỔI BĂNG NHỰA/DLM480	64.152	8%
4144	183U43-4	HOUSING SET/UA001G	VỎ MÁY/UA001G	659.448	8%
4145	183U44-2	GRIP SET/UA001G	VỎ TAY CẮM/UA001G	549.504	8%
4146	183U47-6	HANDLE SET/HS009G	TAY CẮM/HS009G	512.892	8%
4147	183U56-5	HOUSING SET/UC004G	VỎ MÁY/UC004G	1.021.248	8%
4148	183U63-8	HOUSING SET/DUC254	VỎ MÁY/DUC254	485.460	8%
4149	183U73-5	SWITCH BOX SET/LM001J	HỘP CÔNG TÁC/LM001J	123.660	8%
4150	183U75-1	HOUSING SET/CL002G	VỎ MÁY/CL002G	430.488	8%
4151	183U76-9	HOUSING SET/CL002G	VỎ MÁY/CL002G	430.488	8%
4152	183U77-7	HOUSING SET/DFT060T	VỎ MÁY/DFT060T	1.167.696	8%
4153	183U82-4	LEVER CASE COVER/DLM230	TAY NẠM ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO LƯỚI CẮT/DLM230	73.332	8%
4154	183U87-4	TERMINAL BOX SET/CE001G	VỎ ĐỂ GÀI PIN/CE001G	192.348	8%
4155	183U88-2	MOTOR HOUSING COVER SET/CE001G	VỎ MOTOR/CE001G	480.816	8%
4156	183U92-1	CHARGER CASE SET/DC64WA	VỎ SẠC/DC64WA	934.200	8%
4157	183U93-9	HOUSING SET/DBO480	VỎ MÁY/DBO480	279.396	8%
4158	183U97-1	TERMINAL HOUSING SET/DLM230	VỎ GIỮ ĐỂ GÀI PIN/DLM230	105.408	8%
4159	183U98-9	WHEEL COVER GRIP SET/CE001G	TAY CẮM/CE001G	224.424	8%
4160	183V01-6	MOTOR HOUSING SET/VC008G	VỎ MOTOR/VC008G	123.660	8%
4161	183V10-5	HOUSING SET/DJV184	VỎ MÁY/DJV184	407.592	8%
4162	183V14-7	MOTOR HOUSING SET/PB002G	VỎ MÁY/PB002G	888.408	8%
4163	183V16-3	TERMINAL BOX SET/UC012G	TẮM ĐỂ GÀI PIN/UC012G	87.048	8%
4164	183V17-1	PIPE HOLDER SET/DUR193	KẸP GIỮ CÀN MÁY/DUR193	51.370	10%
4165	183V18-9	PIPE COVER SET/DUR193	THANH NHỰA BẢO VỆ CÀN MÁY/DUR193	155.736	8%
4166	183V19-7	GRIP HOUSING SET/DUR193	VỎ TAY CẮM/DUR193	228.960	8%
4167	183V20-2	MOTOR HOUSING SET/DUR193	VỎ MOTOR/DUR193	206.064	8%
4168	183V30-9	SWITCH BOX SET/DLM539	VỎ CÔNG TÁC/DLM539	96.228	8%
4169	183V31-7	SWITCH BOX SET/DLM480	VỎ CÔNG TÁC/DLM480	100.764	8%
4170	183V33-3	HOUSING SET/PT001G	VỎ MÁY/PT001G	902.880	8%
4171	183V34-1	TERMINAL CASE SET/DCU603	ĐỂ CỎ ĐỊNH ĐỂ GÀI PIN/DCU603	503.712	8%
4172	183V37-5	MOTOR HOUSING SET/PV001G	VỎ MÁY/PV001G	979.992	8%
4173	183V39-1	HANDLE SET/DUH506	VỎ TAY CẮM/DUH506	348.084	8%
4174	183V61-8	HOUSING SET/TD002G	VỎ MÁY/TD002G	508.356	8%
4175	183V66-8	SWITCH CASE SET/VC008G	GIÁ ĐỖ CÔNG TÁC/VC008G	132.840	8%
4176	183V69-2	SWITCH CASE SET/VC009G	GIÁ ĐỖ CÔNG TÁC/VC009G	283.932	8%
4177	183V77-3	HOUSING SET/HR008G	VỎ MÁY/HR008G	183.168	8%
4178	183V79-9	HANDLE SET/PB002G	VỎ TAY CẮM/PB002G	668.628	8%
4179	183V81-2	HANDLE SET/CS002G	VỎ TAY CẮM/CS002G	467.100	8%
4180	183V84-6	HOUSING SET/VR003G	VỎ MÁY/VR003G	563.328	8%
4181	183V86-2	SPROCKET COVER SET/UC012G	ÓP BẢO VỆ LAM XÍCH/UC012G	535.788	8%
4182	183V87-0	HANDLE SET/DMC300	VỎ MÁY/DMC300	242.784	8%
4183	183V95-1	MOTOR HOUSING SET/DUH506	VỎ HỘP NHÔNG/DUH506	151.200	8%
4184	183V96-9	HANDLE SET/HR008G	VỎ TAY CẮM/HR008G	522.072	8%
4185	183V99-3	HANDLE SET/JR002G	VỎ TAY CẮM/JR002G	577.044	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4186	183W01-2	HOUSING SET/DTR181	VỎ MÁY/DTR181	1.437.912	8%
4187	183W04-6	GRIP SET/DLM230	TAY CÀM/DLM230	439.668	8%
4188	183W18-5	HANDLE SET/CE001G	VỎ MÁY/CE001G	1.451.520	8%
4189	183W23-2	SPROCKET COVER SET/UC016G	ÓP BẢO VỆ LAM XÍCH/UC016G	654.912	8%
4190	183W31-3	HOUSING SET/DFT087F	VỎ MÁY/DFT087F	934.200	8%
4191	183W34-7	FOOT HOUSING SET/UB002C	CHÂN NẸP KHUNG MÁY/UB002C	82.512	8%
4192	183W35-5	LEVER CASE SET/UB002C	TAY CÀM /UB002C	760.212	8%
4193	183W36-3	HOUSING SET/CL117FD	VỎ MÁY/CL117FD	168.480	8%
4194	183W40-2	DUST CASE COVER COMPLETE/CS002G	HỘP THU BỤI/CS002G	601.700	10%
4195	183W44-4	MOTOR HOUSING SET/GA039G	VỎ MÁY/GA039G	448.848	8%
4196	183W45-2	MOTOR HOUSING SET/GA039G	VỎ MÁY/GA039G	567.864	8%
4197	183W50-9	HOUSING SET/DJR189	VỎ MÁY/DJR189	457.920	8%
4198	183W52-5	HOUSING SET/CL003G	VỎ MÁY/CL003G	366.336	8%
4199	183W54-1	HOUSING SET/CL003G	VỎ MÁY/CL003G	370.980	8%
4200	183W55-9	HOUSING SET/CL003G	VỎ MÁY/CL003G	380.160	8%
4201	183W84-2	HOUSING SET/DUC307	VỎ MÁY/DUC307	1.364.688	8%
4202	183W95-7	HOUSING SET/JV001G	VỎ MÁY/JV001G	389.232	8%
4203	183W98-1	TERMINAL CASE SET/VC006GM	VỎ BẢO VỆ ĐỂ GÁI PIN/VC006GM	91.584	8%
4204	183X10-7	RIGHT GRIP SET/UT001G	TAY CÀM R/UT001G	421.308	8%
4205	183X11-5	LEFT GRIP SET/UT001G	TAY CÀM L/UT001G	421.308	8%
4206	183X12-3	TERMINAL HOUSING SET/LM001G	VỎ GIỮ ĐỂ GÁI PIN/LM001G	174.096	8%
4207	183X13-1	HOUSING SET/UT001G	VỎ MÁY/UT001G	1.053.216	8%
4208	183X16-5	GRASS GUARD SET/LM001G	MIẾNG NẸP LƯỚI GIỮ CỎ/LM001G	36.720	8%
4209	183X19-9	HOUSING SET/DHP489	VỎ MÁY/DHP489	297.648	8%
4210	183X27-0	HOUSING SET/PT001G	VỎ MÁY/PT001G	970.812	8%
4211	183X31-9	HOUSING SET/DTW103	VỎ MÁY/DTW103	572.400	8%
4212	183X32-7	HOUSING SET/DTW104	VỎ MÁY/DTW104	572.400	8%
4213	183X33-5	MOTOR HOUSING SET/DMC300	VỎ MÁY/DMC300	105.408	8%
4214	183X36-9	MOTOR HOUSING SET/DUH507	VỎ MOTOR/DUH507	174.096	8%
4215	183X39-3	HOUSING SET/UR013G	VỎ MÁY/UR013G	682.344	8%
4216	183X40-8	HOUSING SET/UR013G	VỎ MÁY/UR013G	700.704	8%
4217	183X42-4	HOUSING COVER SET/UR013G	VỎ MÁY/UR013G	183.168	8%
4218	183X43-2	GRIP SET/UR013G	VỎ TAY CÀM/UR013G	366.336	8%
4219	183X45-8	GRIP SET/UR013G	VỎ TAY CÀM/UR013G	311.472	8%
4220	183X47-4	HOUSING SET/TW202D	VỎ MÁY/TW202D	357.264	8%
4221	183X55-5	BATTERY COVER SET/VC006GM	VỎ BẢO VỆ PIN/VC006GM	471.744	8%
4222	183X57-1	SWITCH PLATE SET/DCU601Z	TẤM ĐÓ CÔNG TÁC/DCU601Z	142.020	8%
4223	183X60-2	HOUSING SET/DTD173	VỎ MÁY/DTD173	338.904	8%
4224	183X67-8	HOUSING SET/CL117FD	VỎ MÁY/CL117FD	194.400	8%
4225	183X68-6	HANDLE SET/DHR183	VỎ TAY CÀM/DHR183	325.188	8%
4226	183X73-3	LEVER BOX SET/DLM462	HỘP TAY QUAY ĐỂ ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/DLM462	87.048	8%
4227	183X78-3	GRIP SET/UR016G	VỎ TAY CÀM/UR016G	508.356	8%
4228	183X79-1	GRIP SET/UR016G	VỎ TAY CÀM/UR016G	348.084	8%
4229	183X80-6	MOTOR HOUSING SET/UR016G	VỎ MOTOR/UR016G	142.020	8%
4230	183X82-2	HOUSING COVER SET/UR016G	VỎ MÁY/UR016G	96.228	8%
4231	183X85-6	FOOT HOUSING SET/PM001G	CHÂN NẸP KHUNG MÁY/PM001G	100.764	8%
4232	183X86-4	LEVER CASE SET/PM001G	VỎ TAY CÀM/PM001G	746.496	8%
4233	183X90-3	SWITCH BOX SET/DCU603	VỎ CÔNG TÁC/DCU603	357.264	8%
4234	183X91-1	HOUSING SET/DX16	VỎ MÁY/DX16	480.816	8%
4235	183X92-9	HOUSING SET/DHR183	VỎ MÁY/DHR183	183.168	8%
4236	183X93-7	SWITCH BOX SET/LM001G	VỎ CÔNG TÁC/LM001G	119.124	8%
4237	183X94-5	HOUSING SET/DJV185	VỎ MÁY/DJV185	375.516	8%
4238	183X95-3	HOUSING SET/TD003G	VỎ MÁY/TD003G	306.828	8%
4239	183Y18-7	BATTERY HOUSING SET/BAP001G	VỎ BẢO VỆ PIN/BAP001G	613.656	8%
4240	183Y19-5	HANDLE SET/CE001G	VỎ MÁY/CE001G	2.024.028	8%
4241	183Y25-0	HOUSING SET/HR010G	VỎ MÁY/HR010G	196.992	8%
4242	183Y26-8	HANDLE SET/CE002G	VỎ MÁY/CE002G	2.111.076	8%
4243	183Y30-7	HOUSING SET/UC100D	VỎ MÁY/UC100D	668.628	8%
4244	183Y31-5	HOUSING SET/UC100D	VỎ MÁY/UC100D	682.344	8%
4245	183Y33-1	HOUSING SET/UP100D	VỎ MÁY/UP100D	554.148	8%
4246	183Y34-9	HOUSING SET/DTWA260	VỎ MÁY/DTWA260	1.561.572	8%
4247	183Y38-1	HANDLE SET/DUH507	VỎ TAY CÀM/DUH507	246.240	8%
4248	183Y42-0	BLADE CASE SET/HS012G	VỎ MÁY BẢO VỆ LƯỚI CẮT/HS012G	709.776	8%
4249	183Y52-7	HOUSING SET/DCL283F	VỎ MÁY/DCL283F	334.368	8%
4250	183Y53-5	HOUSING SET WHITE/DCL285F	VỎ MÁY TRẮNG/DCL285F	499.176	8%
4251	183Y55-1	HANDLE SET/DDG461	VỎ TAY CÀM/DDG461	883.872	8%
4252	183Y56-9	HANDLE SET/GA048G	VỎ MÁY/GA048G	586.224	8%
4253	183Y57-7	HANDLE SET/DDG461	VỎ TAY CÀM/DDG461	641.088	8%
4254	183Y60-8	HOUSING SET WHITE/DCL283F	VỎ MÁY TRẮNG/DCL283F	416.772	8%
4255	183Y61-6	HOUSING SET BLUE/DCL283F	VỎ MÁY XANH/DCL283F	393.120	8%
4256	183Y62-4	HOUSING SET BLACK/DCL283F	VỎ MÁY ĐEN/DCL283F	416.772	8%
4257	183Y66-6	HOUSING SET BLUE/DCL284F	VỎ MÁY XANH/DCL284F	334.368	8%
4258	183Y67-4	HOUSING SET BLACK/DCL284F	VỎ MÁY ĐEN/DCL284F	334.368	8%
4259	183Y69-0	HOUSING SET BLUE/DCL285F	VỎ MÁY XANH/DCL285F	499.176	8%
4260	183Y70-5	HOUSING SET BLACK/DCL285F	VỎ MÁY ĐEN/DCL285F	494.640	8%
4261	183Y74-7	TERMINAL BOX SET/PM001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐỂ GÁI PIN/PM001G	288.576	8%
4262	183Y77-1	HOUSING SET/DAS180	VỎ MÁY/DAS180	343.440	8%
4263	183Y92-5	HANDLE SET/HR010G	VỎ TAY CÀM/HR010G	288.576	8%
4264	183Y95-9	TERMINAL CASE SET/HW001G	ĐỂ GÁI PIN/HW001G	96.228	8%
4265	183Y99-1	SWITCH BOX SET/HW001G	HỘP CÔNG TÁC/HW001G	73.332	8%
4266	184678-8	CHANGE LEVER ASSY/HR2020	CÔNG TÁC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2020	494.640	8%
4267	187025-2	HOUSING SET/DF347D	VỎ MÁY/DF347D	206.064	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4268	187026-0	HOUSING SET/DF457D	VỎ MÁY/DF457D	238.140	8%
4269	187027-8	HOUSING SET/MT60	VỎ MÁY/MT60	91.584	8%
4270	187049-8	LEVER CASE SET/EH6000W	TAY CÀM/EH6000W	198.720	8%
4271	187059-5	SKIRT SET/MT924	THÂN MÁY/MT924	105.408	8%
4272	187085-4	HOUSING SET/MT605	VỎ MÁY/MT605	177.120	8%
4273	187114-3	HOUSING SET/DTD134	VỎ MÁY/DTD134	398.412	8%
4274	187116-9	HOUSING SET/DTD146	VỎ MÁY/DTD146	334.368	8%
4275	187128-2	HANDLE SET/MT241	TAY CÀM/MT241	228.960	8%
4276	187130-5	HOUSING SET/DDA350	VỎ MÁY/DDA350	467.100	8%
4277	187136-3	UNDER GUARD L/LH1040	MIẾNG CHÂN BẢO VỆ/LH1040	203.040	8%
4278	187142-8	HOUSING SET/DSC191	VỎ MỔ TỖ/DSC191	467.100	8%
4279	187160-6	HOUSING SET/TD090D	VỎ MÁY/TD090D	169.452	8%
4280	187163-0	HOUSING SET/JV0600	VỎ MÁY/JV0600	311.472	8%
4281	187212-3	BATTERY HOUSING SET/DHR202	NÁP CHỤP ĐỂ GAI PIN/DHR202	174.096	8%
4282	187216-5	HOUSING SET/JV100D	VỎ MÁY/JV100D	366.336	8%
4283	187269-4	HOUSING SET/DTP141	VỎ MÁY/DTP141	622.836	8%
4284	187273-3	HOUSING SET/JRT02D	VỎ MÁY/JRT02D	325.188	8%
4285	187276-7	TANK HOLDER SET/CC300D	VÒNG GAI BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/CC300D	144.650	10%
4286	187277-5	WATER SUPPLY TANK SET/CC300D	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/CC300D	151.200	8%
4287	187278-3	WATER SUPPLY COCK SET/CC300D	VÁN NƯỚC VÀO/CC300D	114.480	8%
4288	187282-2	HANDLE SET/CC300D	TAY CÀM/CC300D	279.396	8%
4289	187285-6	MOTOR HOUSING SET/BUH523	VỎ MÁY/BUH523	192.348	8%
4290	187301-4	HOUSING SET/6281DWE	VỎ MÁY/6281DWE	265.680	8%
4291	187304-8	HOUSING SET/DX01	VỎ MÁY/DX01	265.680	8%
4292	187347-0	HOUSING SET/TW100D	VỎ MÁY/TW100D	192.348	8%
4293	187359-3	HOUSING SET/DF030D	VỎ MÁY/DF030D	178.632	8%
4294	187360-8	SKIRT SET/DBO180	VỎ BAO VỆ QUẠT/DBO180	119.124	8%
4295	187363-2	HOUSING SET/DDF453	VỎ/DDF453	306.828	8%
4296	187373-9	HEAD COVER SET/TM3000C	NÁP CHỤP ĐẦU NHÔNG/TM3000C	123.660	8%
4297	187377-1	BATTERY HOUSING SET/DHR242	NÁP CHỤP ĐỂ GAI PIN/DHR242	128.304	8%
4298	187383-6	HOUSING SET/BTD136	VỎ MÁY/BTD136	1.153.980	8%
4299	187423-0	HOUSING SET/DBO180	VỎ MÁY/DBO180	567.864	8%
4300	187454-9	HOUSING SET/DDF459	VỎ MÁY/DDF459	306.720	8%
4301	187455-7	HOUSING SET/DTD129	VỎ MÁY/DTD129	270.216	8%
4302	187458-1	HOUSING SET BLUE/DCL180	VỎ MÁY MÀU XANH/DCL180	325.188	8%
4303	187460-4	HOUSING SET WHITE/DCL180	VỎ MÁY MÀU TRẮNG/DCL180	288.576	8%
4304	187463-8	HOUSING SET WHITE/DCL180F	VỎ MÁY MÀU TRẮNG/DCL180F	288.576	8%
4305	187464-6	HOUSING SET/DCL140	NÁP CHÁN GIÓ/DCL140	293.112	8%
4306	187466-2	HOUSING SET/DTW250	BỘ VỎ NHÔNG/DTW250	1.227.312	8%
4307	187486-6	HOUSING SET/BFT044F	VỎ MÁY/BFT044F	734.400	8%
4308	187487-4	HOUSING SET/BFL082F	VỎ MÁY/BFL082F	453.600	8%
4309	187512-1	GRIP L SET/MT362	TAY CÀM/MT362	87.048	8%
4310	187515-5	GRIP R SET/MT362	TAY CÀM/MT362	87.048	8%
4311	187518-9	HOUSING SET/MT401	VỎ MÁY/MT401	261.036	8%
4312	187529-4	HOUSING SET/DA331D	VỎ MÁY/DA331D	316.008	8%
4313	187531-7	HANDLE SET/JS3201	TAY CÀM/JS3201	439.668	8%
4314	187532-5	HANDLE SET/JN3201	TAY CÀM/JN3201	414.720	8%
4315	187552-9	HOUSING SET/MT652	VỎ MÁY/MT652	169.452	8%
4316	187572-3	HOUSING SET/TD091D	VỎ MÁY/TD091D	160.272	8%
4317	187575-7	SLIDE LEVER SET/EN420MP	NÁP CHỤP/EN420MP	47.520	8%
4318	187585-4	MOTOR HOUSING SET/BUR182U	VỎ MÁY/BUR182U	492.480	8%
4319	187587-0	MAIN GRIP SET/BUR182U	TAY CÀM/BUR182U	570.240	8%
4320	187618-5	HOUSING SET/DCG180	VỎ MÁY/DCG180	577.044	8%
4321	187620-8	HOUSING SET/DP2010	VỎ MÁY/DP2010	206.064	8%
4322	187625-8	HOUSING SET IVORY/CL104D	VỎ MÁY MÀU NGÀ/CL104D	219.888	8%
4323	187638-9	HANDLE SET/M0920B	BỘ TAY CÀM/M0920B	109.944	8%
4324	187644-4	CUTTER SHAFT SET/RBC411U	LƯỚI CẮT/RBC411U	250.560	8%
4325	187646-0	HOUSING SET/BTW074	VỎ MÁY/BTW074	46.440	8%
4326	187665-6	HOUSING SET/BUR182U	VỎ MÁY/BUR182U	794.880	8%
4327	187667-2	HOUSING SET/MT80A	VỎ MÁY/MT80A	142.560	8%
4328	187673-7	DRUM PLATE SET/1804N	ĐỆM TRÔNG/1804N	320.544	8%
4329	187674-5	DRUM PLATE SET/1911B	ĐỆM TRÔNG/1911B	233.200	10%
4330	187676-1	DRUM PLATE SET/MT111	ÔP LƯỚI BAO/MT111	256.520	10%
4331	187679-5	DRUM PLATE SET/1900B	ÔP LƯỚI BAO/1900B	209.880	10%
4332	187681-8	DRUM PLATE SET/1805N	ÔP LƯỚI BAO/1805N	387.200	10%
4333	187692-3	SWITCH CASE SET/HR4013C	HỘP CÔNG TÁC/HR4013C	64.800	8%
4334	187698-1	GRIP SET/DUR182L	TAY CÀM/DUR182L	470.880	8%
4335	187704-2	HOUSING SET/DJV181	VỎ MÁY/DJV181	457.920	8%
4336	187706-8	HOUSING SET/DJV182	VỎ MÁY/DJV182	453.384	8%
4337	187711-5	MOTOR HOUSING SET/DPB181	VỎ MÁY/DPB181	238.140	8%
4338	187714-9	HOUSING SET/DDF480	VỎ MÁY/DDF480	338.904	8%
4339	187717-3	HANDLE SET/MT450	BỘ TAY CÀM/MT450	190.080	8%
4340	187723-8	HOUSING SET/JV143D	VỎ MÁY/JV143D	488.160	8%
4341	187725-4	HANDLE SET/DJV180	BỘ TAY CÀM/DJV180	600.480	8%
4342	187760-2	HOUSING SET/DJR183	VỎ MÁY/DJR183	325.188	8%
4343	187762-8	HANDLE SET/DPB181	TAY CÀM/DPB181	1.208.952	8%
4344	187763-6	HANDLE SET/DPB182	TAY CÀM/DPB182	1.346.328	8%
4345	187768-6	HANDLE SET/DHS710	TAY CÀM/DHS710	686.880	8%
4346	187771-7	HANDLE SET/DHR263	TAY CÀM/DHR263	247.320	8%
4347	187801-4	HOUSING SET/DPB180	VỎ MÁY/DPB180	741.852	8%
4348	187804-8	LEVER CASE SET/EB7650TH	HỘP CÁN GẠT/EB7650TH	311.040	8%
4349	187833-1	HOUSING SET/DHR263	VỎ MÁY/DHR263	677.808	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4350	187839-9	HOUSING SET/DGA402	VỎ MÁY/DGA402	357.264	8%
4351	187848-8	BATTERY HOUSING SET/DTM51	NẮP CHỤP BẢO VỆ PIN/DTM51	123.660	8%
4352	187860-8	HOUSING SET/DFL201F	VỎ MÁY/DFL201F	1.740.096	8%
4353	187865-8	HOUSING SET/DVR450Z	VỎ MÁY/DVR450Z	929.664	8%
4354	187869-0	HOUSING SET/UC3041A	VỎ MÁY/UC3041A	650.268	8%
4355	187871-3	HOUSING SET/DCO180	VỎ/DCO180	423.360	8%
4356	187873-9	BATTERY HOUSING SET/DTW450	VỎ GIỮ PIN/DTW450	297.648	8%
4357	187890-9	SWITCH CASE SET/HR5212C	GIÁ ĐÓ CÔNG TẮC/HR5212C	68.688	8%
4358	187901-0	HANDLE SET/UC4051A	TAY CÀM/UC4051A	246.240	8%
4359	187913-3	HOUSING SET/BO4510H	VỎ MÁY/BO4510H	233.604	8%
4360	187914-1	HOUSING SET/9035H	VỎ/9035H	453.384	8%
4361	187917-5	HANDLE SET/9237C	BỘ TAY CÀM/9237C	251.856	8%
4362	187921-4	HOUSING SET/DF481	VỎ MÁY/DF481	384.696	8%
4363	187926-4	TERMINAL HOUSING SET/DLM431	NẮP GÁI PIN/DLM431	155.520	8%
4364	187929-8	HOUSING SET/DHP343	VỎ MÁY/DHP343	259.200	8%
4365	187931-1	HOUSING SET BLUE/CL104D	VỎ MÁY MÀU XANH /CL104D	233.604	8%
4366	187942-6	HANDLE SET/SG1251	TAY CÀM BĂNG NHỰA/SG1251	613.656	8%
4367	187943-4	SWITCH HANDLE SET/MT621	TAY CÀM CÔNG TẮC/MT621	302.292	8%
4368	187949-2	HANDLE SET/MT904	BỘ TAY CÀM/MT904	137.376	8%
4369	187958-1	MOTOR HOUSING SET/9237C	VỎ MÁY/9237C	581.580	8%
4370	187972-7	HOUSING SET/DTD137	VỎ MÁY/DTD137	540.432	8%
4371	187982-4	HANDLE SET/MT860	TAY CÀM/MT860	210.708	8%
4372	187989-0	HOUSING SET/DTS141	VỎ MÁY/DTS141	503.712	8%
4373	187993-9	HOUSING SET/DFS452	VỎ MÁY/DFS452	721.440	8%
4374	187997-1	MOTOR HOUSING SET/DSC250	VỎ MÔ TƠ/DSC250	274.752	8%
4375	187998-9	MOTOR HOUSING SET/DGA404	VỎ MOTOR/DGA404	261.036	8%
4376	188016-6	HANDLE SET/MT901	TAY CÀM/MT901	146.880	8%
4377	188059-8	HANDLE SET/GA7020	BỘ TAY CÀM/GA7020	293.112	8%
4378	188062-9	MOTOR HOUSING SET/MT901	VỎ MÁY/MT901	194.400	8%
4379	188089-9	HOUSING SET/UC3020A	VỎ MÁY/UC3020A	796.824	8%
4380	188094-6	MOTOR HOUSING SET/MT959	VỎ MÁY/MT959	238.140	8%
4381	188108-1	HANDLE SET/DPB180	BỘ TAY CÀM/DPB180	696.060	8%
4382	188123-5	HANDLE SET/GA7030	TAY CÀM BĂNG NHỰA/GA7030	430.488	8%
4383	188169-1	MOTOR HOUSING/MT910	VỎ MÁY/MT910	210.708	8%
4384	188197-6	HANDLE SET/CA5000	TAY CÀM BĂNG NHỰA/CA5000	864.000	8%
4385	188199-2	HANDLE SET (WHITE)/TD020D	TAY CÀM/TD020D	112.320	8%
4386	188205-3	MOTOR HOUSING SET/TD020D	VỎ MOTOR/TD020D	116.640	8%
4387	188208-7	MOTOR HOUSING SET/DJV180	VỎ MÁY/DJV180	187.812	8%
4388	188209-5	HOUSING SET/BCS550	VỎ MÁY/BCS550	272.160	8%
4389	188243-5	HOUSING SET/DTW251	VỎ MÁY/DTW251	934.200	8%
4390	188254-0	DUST COLLECTOR COVER SET/MT940	VỎ MÁY/MT940	270.216	8%
4391	188269-7	MOTOR HOUSING SET/MT920	VỎ MÁY/MT920	228.960	8%
4392	188276-0	HOUSING SET/6411	VỎ MÁY/6411	334.368	8%
4393	188277-8	HOUSING SET/6412	VỎ MÁY/6412	329.724	8%
4394	188286-7	HANDLE SET/4350CT	TAY CÀM/4350CT	654.912	8%
4395	188291-4	HANDLE SET/GA5020	TAY CÀM/GA5020	187.812	8%
4396	188338-4	HOUSING SET/4328	VỎ MÁY/4328	407.592	8%
4397	188340-7	HOUSING SET/4326	VỎ MÁY/4326	421.308	8%
4398	188342-3	HOUSING SET/4327	VỎ MÁY/4327	421.308	8%
4399	188387-1	HANDLE SET/HM1306	TAY CÀM/HM1306	425.952	8%
4400	188434-8	HOUSING SET/DTW450	VỎ MÁY/DTW450	925.020	8%
4401	188503-5	MOTOR HOUSING SET/MT921	VỎ MÁY/MT921	215.244	8%
4402	188508-5	MOTOR HOUSING SET/DF010D	VỎ MÁY/DF010D	114.480	8%
4403	188509-3	HANDLE SET/DF010D	TAY CÀM/DF010D	82.512	8%
4404	188511-6	HOUSING SET/6271DWE	VỎ MÁY/6271DWE	190.080	8%
4405	188515-8	HOUSING SET/DHR202	VỎ MÁY/DHR202	343.440	8%
4406	188564-5	HOUSING SET/GV6010	VỎ MÁY/GV6010	851.796	8%
4407	188577-6	HOUSING SET/DHR241	VỎ MÁY/DHR241	403.056	8%
4408	188579-2	SKIRT L/R SET/BO5030	NẮP CHỤP ĐÀN BUL/BO5030	256.500	8%
4409	188583-1	SPROCKET COVER SET/DCS232T	NẮP BẢO VỆ LAM XÍCH/DCS232T	233.280	8%
4410	188618-8	HANDLE SET/MT430	TAY CÀM/MT430	137.376	8%
4411	188619-6	HOUSING SET/TD0100	VỎ MÁY/TD0100	293.112	8%
4412	188622-7	SKIRT SET/MT922	VỎ BẢO VỆ QUẠT/MT922	100.764	8%
4413	188630-8	HANDLE SET/PC5000C	TAY CÀM BĂNG NHỰA/PC5000C	261.036	8%
4414	188634-0	MOTOR HOUSING SET/MUH355	VỎ MOTOR/MUH355	164.916	8%
4415	188640-5	MOTOR HOUSING SET/MT960	VỎ MÁY/MT960	82.512	8%
4416	188659-4	GRIP SET/BBC231U	TAY CÀM/BBC231U	9.720	8%
4417	188662-5	HOUSING SET/TD0101	VỎ MÁY/TD0101	302.292	8%
4418	188664-1	HOUSING SET/TD0101F	VỎ MÁY/TD0101F	320.544	8%
4419	188669-1	MOTOR HOUSING SET/MT430	VỎ MÁY/MT430	246.240	8%
4420	188670-6	MOTOR HOUSING SET/MT922	VỎ MÁY/MT922	187.812	8%
4421	188696-8	HOUSING SET/RP0900	VỎ MÁY/RP0900	737.316	8%
4422	188824-5	TANK SET/VC3210L	VỎ THÂN MÁY/VC3210L	3.013.200	8%
4423	188830-0	HOUSING SET/UH200D	VỎ MÁY/UH200D	293.112	8%
4424	188832-6	LEVER CASE SET/EE2650H	TAY CÀM/EE2650H	14.040	8%
4425	188835-0	SKIRT SET/BO5041	VỎ BẢO VỆ QUẠT/BO5041	103.680	8%
4426	188838-4	MOTOR HOUSING SET/BBC231U	VỎ MÁY/BBC231U	155.520	8%
4427	188844-9	HANDLE SET/GA7020R	TAY CÀM/GA7020R	283.932	8%
4428	188845-7	HANDLE SET/GA9030R	BỘ TAY CÀM/GA9030R	241.920	8%
4429	188848-1	HANDLE SET/GA7050	TAY CÀM BĂNG NHỰA/GA7050	224.424	8%
4430	188895-2	HANDLE SET/MT902	TAY CÀM/MT902	169.452	8%
4431	188920-9	SWITCH HANDLE COVER SET/DS4011	VỎ TAY CÀM/DS4011	201.528	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4432	188921-7	HANDLE SET/DS4011	TAY CẦM/DS4011	128.304	8%
4433	188933-0	HOUSING SET/MT431	VỎ MÁY/MT431	512.892	8%
4434	188941-1	MOTOR HOUSING SET/CC300D	VỎ MÁY/CC300D	82.512	8%
4435	188950-0	HOUSING SET/BUH550	VỎ MÁY/BUH550	574.560	8%
4436	188966-5	HANDLE SET/HS300D	TAY CẦM/HS300D	293.112	8%
4437	188977-0	HOUSING SET/CL100D	VỎ MÁY/CL100D	160.272	8%
4438	188989-3	HOUSING SET/DCL182F	VỎ MÁY/DCL182F	435.024	8%
4439	188991-6	HOUSING SET/DCL182	VỎ MÁY/DCL182	403.056	8%
4440	188998-2	HOUSING SET/DCL182	VỎ MÁY/DCL182	430.488	8%
4441	1910J8-6	PHOTO INTERRUPTER REPAIR SET/DRC300	CẢM BIẾN HÌNH ANH/DRC300	201.528	8%
4442	1910J9-4	RF MODULE REPAIR SET/DRC300	MẠCH ĐIỆN TỬ RF/DRC300	1.062.396	8%
4443	1910K0-9	CONTROL BOARD REPAIR SET/DRC300	BỘ MẠCH (BẢNG ĐIỀU KHIỂN)/DRC300	16.627.140	8%
4444	1910K1-7	HALL SENSOR BOARD REPAIR SET/DRC300	BỘ CẢM BIẾN TỬ/DRC300	306.828	8%
4445	1910K2-5	USS MAIN BOARD REPAIR SET/DRC300	BỘ MẠCH CẢM BIẾN USS (BẢNG ĐIỀU KHIỂN)/DRC300	2.188.944	8%
4446	1910K3-3	USS SUB BOARD REPAIR SET/DRC300	BỘ MẠCH CẢM BIẾN (BẢNG ĐIỀU KHIỂN) USS/DRC300	2.198.016	8%
4447	1910K4-1	UI BOARD REPAIR SET/DRC300	BỘ MẠCH(BẢNG ĐIỀU KHIỂN)/DRC300	7.967.808	8%
4448	1910K5-9	LED BOARD REPAIR SET/DRC300	BỘ MẠCH LED (BẢNG ĐIỀU KHIỂN)/DRC300	288.576	8%
4449	1910K7-5	USB IF BOARD REPAIR SET/DRC300	BỘ MẠCH USB/DRC300	425.952	8%
4450	1910K9-1	BUZZER REPAIR SET/DRC300	CHUÔNG BÁO/DRC300	384.696	8%
4451	1910L0-6	FAN MOTOR ASSEMBLY REPAIR SET/DRC300	MOTOR/DRC300	1.882.116	8%
4452	1910L1-4	MAIN BRUSH MOTOR A. REPAIR SET/DRC300	CỤM MOTOR CHỔI CUỘN A/DRC300	3.008.556	8%
4453	1910L2-2	WHEEL L ASSEMBLY REPAIR SET/DRC300	HỘP NHÔNG L/DRC300	4.886.028	8%
4454	1910L3-0	WHEEL R ASSEMBLY REPAIR SET/DRC300	HỘP NHÔNG R/DRC300	4.876.848	8%
4455	1910L4-8	SIDE BRUSH L MOTOR REPAIR SET/DRC300	CỤM MOTOR CHỔI QUÉT L/DRC300	1.959.984	8%
4456	1910L5-6	SIDE BRUSH R MOTOR REPAIR SET/DRC300	CỤM MOTOR CHỔI QUÉT R/DRC300	1.959.984	8%
4457	1910L6-4	CLIFF SENSOR ASSY REPAIR SET/DRC300	MẠCH CẢM BIẾN (BỘ MẠCH)/DRC300	1.002.888	8%
4458	1910M3-7	CARBON BRUSH 264 SET/GA5090	CHỔI THAN CB-264/GA5090	142.020	8%
4459	1911A5-5	VISION CAMERA COMP REPAIR SET/DRC300	BỘ MẠCH(BẢNG ĐIỀU KHIỂN)/DRC300	15.912.720	8%
4460	1914B1-8	BRUSH COMPLETE SET/VC010G	CHỔI QUÉT/VC010G	1.653.156	8%
4461	1914D4-6	CONTROLLER REPAIR SET/RM350D	BỘ MẠCH/RM350D	30.882.168	8%
4462	1914D5-4	UI CONTROLLER REPAIR SET/RM350D	BỘ MẠCH ĐIỀU KHIỂN/RM350D	22.140.432	8%
4463	1914D6-2	ST CONTROLLER REPAIR SET/RM350D	BỘ MẠCH/RM350D	8.755.452	8%
4464	1914D7-0	CHARGING CIRCUIT REPAIR SET/RM350D	BỘ MẠCH SẠC/RM350D	3.832.812	8%
4465	1914L5-0	CARBON BRUSH CB-475/DP4020	CHỔI THAN CB-475/DP4020	73.332	8%
4466	1915K2-5	GEAR ASSEMBLY T/DFL404F	CỤM NHÔNG/DFL404F	3.732.048	8%
4467	1916C6-7	BLADE CLAMP S SET/JR003G	KẸP GIỮ LƯỚI/JR003G	648.000	8%
4468	1916N6-4	SPROCKET 7 SET/UC031G	NHÔNG XÍCH 7 /UC031G	47.520	8%
4469	1916N7-2	SPROCKET 6 SET/UC031G	NHÔNG XÍCH 6 /UC031G	56.160	8%
4470	191914-5	CARBON BRUSH CB-70	CHỔI THAN CB-70	56.160	8%
4471	191950-1	CARBON BRUSH CB-415	CHỔI THAN CB-415	90.720	8%
4472	191961-6	CARBON BRUSH CB-304	CHỔI THAN CB-304	129.600	8%
4473	191971-3	CARBON BRUSH CB-430	CHỔI THAN CB-430	59.616	8%
4474	191978-9	CARBON BRUSH CB-318	CHỔI THAN CB-318	160.272	8%
4475	191A48-0	CLUTCH DRUM SET/EA3503S	HỘP KHỚP LY HỘP/EA3503S	203.040	8%
4476	191D85-2	CARBON BRUSH SET CB-260/GA4050	CHỔI THAN CB-260/GA4050	105.408	8%
4477	191P12-1	HOUSING SET/DPV300	VỎ MÁY/DPV300	636.552	8%
4478	191P13-9	HOUSING SET/DPV300	VỎ MÁY/DPV300	609.120	8%
4479	191T31-1	CARBON BRUSH SET/GA7070	CHỔI THAN/GA7070	164.916	8%
4480	191X75-5	HOUSING L/R SET/AS001G	VỎ MÁY/AS001G	279.396	8%
4481	191Y27-2	MAIN FILTER H SET/VC008G/VC009G	TẮM LỌC BỤI/VC008G/VC009G	334.368	8%
4482	191Y39-5	SPOOL SET MG/DUR193	ĐẦU LƯỚI CẮT CỎ/DUR193	215.244	8%
4483	192082-7	NOZZLE FOR VACUUM CLEANER/1911B	ÔNG KẾT NỐI HÚT BỤI/1911B	159.840	8%
4484	192518-6	JOINT/9924DB	ÔNG NỐI/9924DB	806.004	8%
4485	192613-2	ELBOW JOINT 32/4112HS	ÔNG KHUYU/4112HS	435.024	8%
4486	193003-2	TOOL HOLDER SET/HM0810	ĐẦU GÁI MŨI ĐỤC/HM0810	1.427.250	10%
4487	193004-0	TOOL HOLDER SET/HM0810T	ĐẦU GÁI MŨI ĐỤC/HM0810T	2.440.800	8%
4488	193050-3	GEAR COMPLETE REPAIR SET/6409	NHÔNG LỚN/6409	261.036	8%
4489	193068-4	JOINT (DUST NOZZLE)/N5900B	ÔNG KẾT NỐI HÚT BỤI/N5900B	155.736	8%
4490	194074-2	CARBON BRUSH CB-325	CHỔI THAN CB-325	32.076	8%
4491	194080-7	TOOL HOLDER SET/HR2651T	ĐẦU GÁI MŨI KHOAN/HR2651T	929.664	8%
4492	194089-9	USB SERIAL ADAPTER SET/BFL201R	BỘ CHUYỂN CHẾ ĐỘ/BFL201R	3.525.120	8%
4493	194100-7	HELICAL GEAR 27 SET/6924N	NHÔNG 27/6924N	3.337.092	8%
4494	194160-9	CARBON BRUSH CB-350	CHỔI THAN CB-350	82.512	8%
4495	194547-5	CARBON BRUSH CB-253	CHỔI THAN CB-253	73.440	8%
4496	194921-7	BRUSH SET/PC5000C	VÔNG LÓT ĐẾ/PC5000C	160.272	8%
4497	194928-3	CARBON BRUSH CB-442	CHỔI THAN CB-442	64.800	8%
4498	194984-3	CARBON BRUSH CB-132/KP0810	CHỔI THAN CB-132/KP0810	105.408	8%
4499	194994-0	CARBON BRUSH CB-253/GA5021C	CHỔI THAN CB-253/GA5021C	114.480	8%
4500	194999-0	CARBON BRUSH CB-318/9562	CHỔI THAN CB-318/9562	151.200	8%
4501	195004-6	CARBON BRUSH CB-350/HK1820	CHỔI THAN CB-350/HK1820	125.280	8%
4502	195020-8	CARBON BRUSH CB-434/6916D	CHỔI THAN CB-434/6916D	48.168	8%
4503	195021-6	CARBON BRUSH CB-440/BDA340	CHỔI THAN CB-440/BDA340	82.512	8%
4504	195022-4	CARBON BRUSH CB-441/BHR202	CHỔI THAN CB-441/BHR202	105.408	8%
4505	195023-2	CARBON BRUSH CB-442/BHR261	CHỔI THAN CB-442/BHR261	82.512	8%
4506	195026-6	CARBON BRUSH CB-459/GA4030	CHỔI THAN CB-459/GA4030	50.436	8%
4507	195141-6	PISTON RING SET/EBH340R	BẠC PISTON/EBH340R	220.320	8%
4508	195142-4	RECOIL STARTER SET/EBH340U	NẮP CHỤP BƠ KHỞI ĐỘNG/EBH340U	427.680	8%
4509	195143-2	HANGER SET/EM2550UH	GIÀ TREO/EM2550UH	5.500	10%
4510	195144-0	STAND SET/EM2550UH	CHÂN MÁY/EM2550UH	38.880	8%
4511	195145-8	PISTON RING SET/BHX2500	BẠC PISTON/BHX2500	228.960	8%
4512	195146-6	RECOIL STARTER SET/EM2550UH	NẮP CHỤP BƠ KHỞI ĐỘNG/EM2550UH	194.400	8%
4513	195308-6	RECOIL STARTER SET/EE2650H	NẮP CHỤP BƠ KHỞI ĐỘNG/EE2650H	328.320	8%
4514	195350-7	CUTTER SHAFT SET/EM2550UH	BỘ NHÔNG/EM2550UH	345.600	8%
4515	195489-6	CARBON BRUSH CB-173/VC1310L	CHỔI THAN CB-173/VC1310L	210.708	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4516	195626-2	LOOP HANDLE SET/EE2650H	TAY CẦM/EE2650H	19.440	8%
4517	195758-5	TANK ASSEMBLY A BLUE/EA3201S	TAY CẦM CÔNG TẮC/EA3201S	436.320	8%
4518	195760-8	PISTON SET/EA3201S	PISTON/EA3201S	306.720	8%
4519	195761-6	RATCHET SET/EA3201S	CHỌT KHỎI ĐỒNG/EA3201S	39.600	10%
4520	195762-4	AIR VALVE SET/EA3201S	VAN KHÍ/EA3201S	43.200	8%
4521	195764-0	WING GRIP SET/EA3201S	BỘ KHÓA MỞ LAM XÍCH/EA3201S	69.120	8%
4522	195844-2	CARBON BRUSH CB-175/HM1101C	CHỎI THAN CB-175/HM1101C	73.332	8%
4523	195845-0	CARBON BRUSH CB-175/HM1101C	CHỎI THAN CB-175/HM1101C	99.360	8%
4524	195955-3	REWIND SPRING SET/EA3201S	LÒ XO/EA3201S	136.400	10%
4525	195956-1	CRANK SHAFT SET/EA3201S	TRỤC KHUYU/EA3201S	1.023.840	8%
4526	196051-0	PROTECTOR SET/RBC411U	CHỤP BẢO VỆ/RBC411U	103.680	8%
4527	196253-8	PRE-FILTER SET/VC3211M	HỘP ĐỰNG BỘ LỌC/VC3211M	457.920	8%
4528	196325-9	WHEEL COVER SET/2107F	NÁP BẢO VỆ LƯỖI CẮT/2107F	3.622.212	8%
4529	196424-7	CUTTER SHAFT SET/EM2550UH	BỘ NHÔNG/EM2550UH	345.600	8%
4530	196595-0	PISTON RING SET/BHX2500	BẠC PISTON/BHX2500	116.640	8%
4531	196779-0	SPROCKET COVER SET/DUC252	NÁP BẢO VỆ LAM XÍCH/DUC252	686.880	8%
4532	196843-7	JOINT (DUST NOZZLE)/HS7600	ĐẦU NỐI HÚT BỤI/HS7600	128.304	8%
4533	196855-0	CARBON BRUSH CB-448/BTD043	CHỎI THAN CB-448/BTD043	77.868	8%
4534	196919-0	WATER SUPPLY PIPE SET/4100NH2	ỐNG DẪN NƯỚC/4100NH2	403.056	8%
4535	197007-6	OIL SET/EE2650H	BÌNH DẦU/EE2650H	15.120	8%
4536	197040-8	PISTON RING SET/EB7650TH	BẠC PISTON/EB7650TH	267.840	8%
4537	197095-3	CONTROL LEVER SET/PM7650H	BỘ TAY CẦM/PM7650H	993.600	8%
4538	197128-4	CARBON BRUSH CB-218/GA7060	CHỎI THAN CB-218/GA7060	113.400	8%
4539	197129-2	CARBON BRUSH CB-218/GA7060	CHỎI THAN CB-218/GA7060	155.736	8%
4540	197206-0	CARBON BRUSH CB-353/DVC150L	CHỎI THAN CB-353/DVC150L	659.448	8%
4541	197244-2	CARBON BRUSH CB-351/HR3001C	CHỎI THAN CB-351/HR3001C	105.408	8%
4542	197453-3	PISTON SET/BHX2500	PISTON/BHX2500	259.200	8%
4543	197454-1	PISTON SET/EBH340U	PISTON/EBH340U	280.800	8%
4544	197456-7	PISTON SET/PM7650H	PISTON/PM7650H	440.640	8%
4545	197457-5	PISTON SET/EK7651H	PISTON/EK7651H	617.760	8%
4546	197458-3	PISTON RING SET/EK7651H	BẠC PISTON/EK7651H	444.960	8%
4547	197539-3	CRANK SHAFT SET/EA3201S	TRỤC KHUYU/EA3201S	773.280	8%
4548	197730-3	ALUMINUM CASE SET/DLX2161X	HỘP NHÓM/DLX2161X	1.986.930	10%
4549	197975-3	WHEEL COVER SET/DPB182	CHỤP BẢO VỆ/DPB182	984.528	8%
4550	198172-4	PRE FILTER SET/EK7651H	BỘ LỌC TRƯỚC/EK7651H	211.680	8%
4551	198209-7	PISTON SET/EB7660TH	PISTON/EB7660TH	444.960	8%
4552	198210-2	CYLINDER BLOCK SET/EB7660TH	BỘ XYLANH/EB7660TH	1.516.320	8%
4553	198218-6	CONTROL LEVER SET/PM7650H	BỘ TAY CẦM/PM7650H	1.200.960	8%
4554	198248-7	DEFLECTOR SET MG/PM001G	NÁP CHỤP ĐẦU PHỤN/PM001G	15.120	8%
4555	198420-1	PISTON SET/EB5300TH	PISTON/EB5300TH	479.520	8%
4556	198421-9	PISTON RING SET/EB5300TH	BẠC PISTON/EB5300TH	146.880	8%
4557	198667-7	PISTON SET/EK8100WS	BỘ PITON/EK8100WS	902.880	8%
4558	198887-3	CARBON BRUSH CB-5/BTD043	CHỎI THAN CB-5/BTD043	96.228	8%
4559	199033-1	CLUTCH DRUM SET/EA3503S	HỘP KHỚP LY HỢP/EA3503S	159.840	8%
4560	199230-9	DUST NOZZLE SET/DHS661	ỐNG NỔI/DHS661	59.616	8%
4561	199451-3	CUTTER SHAFT SET/EM2550UH	BỘ NHÔNG/EM2550UH	267.840	8%
4562	1R003	RETAINING RING PLIERS ST-2N	KÌM MỖ PHE	1.524.960	8%
4563	1R004	RETAINING RING PLIERS ST-2	KÌM MỖ PHE	1.039.500	8%
4564	1R005	RETAINING RING PLIERS RT-2N	KÌM MỖ PHE	1.465.344	8%
4565	1R006	RETAINING RING PLIERS RT-2E	KÌM MỖ PHE	1.039.500	8%
4566	1R023	PIPE RING (FOR ARBOR PRESS) FOR ZZR	BULI DẠNG Ống	2.532.384	8%
4567	1R024	PRESS TOOL (FOR ARBOR PRESS) FOR ZZR	TRỤC TẬP	819.720	8%
4568	1R026	BEARING SETTING PIPE 16-8.2 FOR ZZR	ỐNG TẬP ÉP BẠC ĐẠN CỖ PHI 16-8.2	654.912	8%
4569	1R032	BEARING SETTING PLATE 8.2 FOR ZZR	ỐNG TẬP ÉP BẠC ĐẠN CỖ PHI 8.2	599.940	8%
4570	1R041	WISE PLATE FOR ZZR	KẸP ĐỒNG DÙNG ETO THẢO ĐẠ NẶNG	531.740	10%
4571	1R045	GEAR EXTRACTOR (LARGE)	CÁO NHÔNG BẠC	10.838.988	8%
4572	1R062	GUIDE BAR M4 FOR FITTING FIELD	DỤNG CỤ RÁP SATO	961.632	8%
4573	1R063	GUIDE BAR M5 FOR FITTING FIELD	DỤNG CỤ RÁP SATO	577.044	8%
4574	1R064	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHỎI THAN CB124	806.004	8%
4575	1R065	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHỎI THAN CB167	796.824	8%
4576	1R077	INSULATION RESISTANCE TESTER	THIẾT BỊ DÙNG ĐỂ ĐO ĐIỆN TRỞ	11.109.204	8%
4577	1R083	HAMMER TESTING STAND	ĐẦU TẬP THỬ MÁY ĐỤC PHI 22	46.346.148	8%
4578	1R084	HAMMER TESTING BIT (LARGE)	ĐẦU BUA THỬ PHI 22	2.999.376	8%
4579	1R086	HAMMER TESTING BIT (SMALL)	ĐẦU BUA THỬ PHI 21	1.030.320	8%
4580	1R087	HAMMER BIT HOLDER	ĐẦU BUA THỬ PHI 25	2.092.716	8%
4581	1R089	NOSE (FOR BEARING EXTRACTOR)	BỘ MỖ VÒNG BÌ	4.776.192	8%
4582	1R095	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHỎI THAN CB76	654.912	8%
4583	1R118	HAMMER TESTING BIT 370	BÚA THỬ BIT 370	1.012.068	8%
4584	1R127	AIR DENSITY TESTER	ĐỒNG HỒ TẾT HƠI MÁY OPE	3.384.072	8%
4585	1R130	NOSE (FOR BEARING EXTRACTOR)	BỘ MỖ VÒNG BÌ	4.432.752	8%
4586	1R131	SLIDE HAMMER (12-15MM)	DỤNG CỤ MỖ BẠC ĐẠN (12-15MM)	6.081.264	8%
4587	1R132	SLIDE HAMMER (15-20MM)	DỤNG CỤ MỖ BẠC ĐẠN (15-20MM)	6.420.060	8%
4588	1R139	DRILL CHUCK EXTRACTOR/1R139	BỘ THẢO ĐẦU KHOAN/1R139	3.319.920	8%
4589	1R150	ARMATURE TESTER 240V	THIẾT BỊ KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG CỦA RÔ TO	13.462.848	8%
4590	1R174	FIELD TEST CABLE	BỘ KIỂM TRA STATO	3.104.784	8%
4591	1R197	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHỎI THAN CB251	796.824	8%
4592	1R198	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHỎI THAN CB408	783.108	8%
4593	1R202	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHỎI THAN CB203	801.360	8%
4594	1R203	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHỎI THAN CB303	738.720	8%
4595	1R205	TAPER SLEEVE	TIPI THẢO MÁY HR4500C	613.656	8%
4596	1R207	45 DEGREES SET SQUARE	THANG ĐO 45 ĐỘ	3.626.748	8%
4597	1R208	90 DEGREES SET SQUARE	THANG ĐO 90 ĐỘ	3.145.932	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4598	1R212-A	TIP FOR RETAINING RING PLIERS	MỎ KÌM PHE	892.944	8%
4599	1R212-B	2 LACING WIRES (WITH SCREWS)	DỤNG CỤ MỖ VÍT	311.472	8%
4600	1R213	CYLINDER EXTRACTOR	CAO THẢO XILINDER	15.166.332	8%
4601	1R214	TAPER SLEEVE	TÍP THAO MÂY HRHR4000C	2.188.944	8%
4602	1R225	BEARING EXTRACTOR	DỤNG CỤ ÉP TRỤC NHÔNG BẠC ĐẠN	1.972.960	10%
4603	1R226	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHÔI THAN CB419	796.824	8%
4604	1R231	1/4" HEX.SHANK BIT FOR M8	ĐẦU LỤC GIÁC M8	425.952	8%
4605	1R232	PIPE 30	ỐNG TÍP PHI 30	384.696	8%
4606	1R258	V BLOCK	THANH THÉP 1SET 2PCS	2.930.688	8%
4607	1R263	BEARING EXTRACTOR	KÉP THẢO BẠC ĐẠN	1.436.600	10%
4608	1R269	BEARING EXTRACTOR	CẦN RIẾT LỰC CỎ ĐỒNG HỒ	6.694.812	8%
4609	1R281	ROUND BAR 7-50	ỐNG THÉP 7-50	531.252	8%
4610	1R288	SCREWDRIVER MAGNETIZER	VÍT ĐỒNG	471.130	10%
4611	1R292	WRENCH FOR BEARING RETAINER	KHOÁ MỖ LONG ĐẾN BẠC ĐẠN	1.332.612	8%
4612	1R293	WRENCH FOR CLUTCH	KHOÁ MỖ LONG ĐẾN BẠC ĐẠN	375.516	8%
4613	1R294	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHÔI THAN CB166	920.484	8%
4614	1R295	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHÔI THAN CB412	650.268	8%
4615	1R301	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHÔI THAN CB431	261.036	8%
4616	1R302	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHÔI THAN CB424	201.528	8%
4617	1R303	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHÔI THAN CB430	238.140	8%
4618	1R304	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHÔI THAN CB432	348.084	8%
4619	1R306	RING SPRING REMOVING JIG	CỤM MỖ ĐẦU KHÓA	11.674.080	10%
4620	1R340	BEARING RETAINER WRENCH	KHOÁ MỖ BẠC ĐẠN	4.199.148	8%
4621	1R347	TOOL RETAINER POLE	CHỐT GÀI	965.470	10%
4622	1R359	CHUCK REMOVING TOOL	KHOÁ MỖ ĐẦU KHOAN PIN	1.204.416	8%
4623	1R360	CLUTCH REMOVING TOOL	KHOÁ 3 CHÂN	906.768	8%
4624	1R361	BEARING RETAINER TIGHTEN	KHOA MỖ LONG ĐẾN BẠC ĐẠN	1.327.968	8%
4625	1R363	RING SPRING REMOVING TOOL	KHOÁ MỖ ĐẦU MÂY ĐỤC	3.118.500	8%
4626	1R364	FLYWHEEL PULLER	CAO 3 CHÂN	1.373.760	8%
4627	1R365	HOOK WRENCH	MO GAI	769.392	8%
4628	1R366	FEELER GAUGE SET	THƯỚC LÁ ĐO KHE HỖ GIỮA CÁC CHI TIẾT MÁY	911.304	8%
4629	1R367	TAPER SLEEVE	ỐNG MỖ ĐẦU BỬA TRUNG GIAN MÂY ĐỤC	2.472.768	8%
4630	1R368	COMMUTATOR FILING BRUSH	CHÔI THAN CB350	508.356	8%
4631	1R369	JIG FOR SPIRO LOCK WASHER	CAO LỚN	1.039.500	8%
4632	1R370	RING TERMINAL SETTING JIG	TUỐC LỖ VÍT DẠNG GÀI	1.199.772	8%
4633	1R370-A	RING TERMINAL SETTING JIG	DỤNG CỤ GÀI LỖ XO	2.069.820	8%
4634	1R388	RING SPRING EXTRACTOR	ETO KÉP	453.384	8%
4635	1R401	BEARING EXTRACTOR	CAO THẢO BẠC ĐẠN	9.277.524	8%
4636	1R404	DRILL CHUCK REMOVAL JIG	BỘ KHUNG THẢO ĐẦU KHOAN	5.888.916	8%
4637	1R408	PARALLEL ACCURACY ADJUST GAUGE	PHỤ KIỆN CỎ ĐỊNH NGƯỢC DÙNG CHO MÁY CƯAĐIA CÀM	2.260.980	8%
4638	1R409	CONNECTION CABLE/DRC200	DÂY CÁP USB/DRC200	1.516.320	8%
4639	1R413	DIAGNOSTIC JIG FOR SWITCH	THIẾT BỊ DÙNG ĐỂ KIỂM TRA ĐIỆN ÁP	1.543.212	8%
4640	1R462	REPAR JIG SET FOR ARBOR PRESS 86PCS/SET	BỘ PHỤ KIỆN 86 CÀI/ BỘ	73.088.676	8%
4641	1R467	DRILL CHUCK REMOVAL JIG A	KHOÁ MỖ ĐẦU KHOAN A	3.640.464	8%
4642	1R467-A	DRILL CHUCK REMOVAL JIG B	KHOÁ MỖ ĐẦU KHOAN B	2.994.840	8%
4643	1R473	DRILL CHUCK REMOVAL JIG	GÁ MỖ ĐẦU KHOAN	14.767.920	8%
4644	1R477	LAN CABLE/DRC300	DÂY CÁP (3M)/DRC300	435.024	8%
4645	1R477-A	LAN-USB ADAPTER/DRC300	DÂY CÁP (66MM)/DRC300	1.941.624	8%
4646	1R478	LIFT UP JIG/DRC300	GÁ ĐỖ/DRC300	2.481.270	10%
4647	20A2030201	CRANK SHAFT CP/EW2051H	TRỤC KHUYU/EW2051H	326.160	8%
4648	20A7943101	IGNITION COIL CP/EW2050H	IC ĐÁNH LỬA/EW2050H	1.563.840	8%
4649	210003-8	BALL BEARING 685ZZ/DFS251	BẠC ĐẠN 685ZZ/DFS251	99.360	8%
4650	210005-4	BALL BEARING 608DDW/MT817	BẠC ĐẠN 608/MT817	114.480	8%
4651	210006-2	BALL BEARING 696ZZ/DLS600	BẠC ĐẠN 696ZZ/DLS600	41.256	8%
4652	210007-0	BALL BEARING 608VV/FS2500	BẠC ĐẠN 698/FS2500	45.792	8%
4653	210013-5	BALL BEARING 698VV/6922NB	BẠC ĐẠN 698/6922NB	132.840	8%
4654	210016-9	BALL BEARING 698ZZ/UC022G	BẠC ĐẠN 698ZZ/UC022G	96.228	8%
4655	210017-7	BALL BEARING 607DDW/KP180D	BẠC ĐẠN 607/KP180D	45.792	8%
4656	210018-5	BALL BEARING 626/DVR450Z	VÒNG BỊ 626/DVR450Z	59.616	8%
4657	210022-4	BALL BEARING 626DDW/9910	BẠC ĐẠN 626/9910	54.972	8%
4658	210023-2	BALL BEARING 627DDW/9032	BẠC ĐẠN 627/9032	41.256	8%
4659	210024-0	BALL BEARING 608LLU/DHR242	BẠC ĐẠN 608/DHR242	50.436	8%
4660	210025-8	BALL BEARING 627LLB/4326	BẠC ĐẠN 627/4326	45.792	8%
4661	210026-6	BALL BEARING 696ZZ/DA3010	BẠC ĐẠN 696/DA3010	64.152	8%
4662	210027-4	BALL BEARING 627DDW/9563C	BẠC ĐẠN 627/9563C	68.688	8%
4663	210028-2	BALL BEARING 606ZZ/4100NH3	BẠC ĐẠN 606/4100NH3	18.360	8%
4664	210029-0	BALL BEARING 608ZZ/2107F	BẠC ĐẠN 608/2107F	18.360	8%
4665	210030-5	BALL BEARING 627ZZ/6411	BẠC ĐẠN 627/6411	18.360	8%
4666	210031-3	BALL BEARING 606DDW/DBS180	BẠC ĐẠN 606DDW/DBS180	109.944	8%
4667	210032-1	BALL BEARING 628DDW/DHW080	BẠC ĐẠN 628DDW/DHW080	77.868	8%
4668	210033-9	BALL BEARING 696ZZ/2107F	BẠC ĐẠN 696/2107F	18.360	8%
4669	210034-7	BALL BEARING 607LLB/3709	BẠC ĐẠN 607/3709	22.896	8%
4670	210035-5	BALL BEARING 625DDW/JV180D	BẠC ĐẠN 625DDW/JV180D	41.256	8%
4671	210036-3	BALL BEARING 604ZZ/BCS550	BẠC ĐẠN 604/BCS550	54.972	8%
4672	210039-7	BALL BEARING 695DDW/DGA402	BẠC ĐẠN 695DDW/DGA402	54.972	8%
4673	210040-2	BALL BEARING 698LLU/DUP362	BẠC ĐẠN 698LLU/DUP362	64.152	8%
4674	210042-8	BALL BEARING 629LLB/9553NB	BẠC ĐẠN 629/9553NB	41.256	8%
4675	210044-4	BALL BEARING 608DDW/GA5010	BẠC ĐẠN 608/GA5010	22.896	8%
4676	210045-2	BALL BEARING 627DDW/GD0801C	BẠC ĐẠN 627/GD0801C	22.896	8%
4677	210046-0	BALL BEARING 608ZZ/MT60	BẠC ĐẠN 608/MT60	18.360	8%
4678	210047-8	BALL BEARING 626Z/6307	BẠC ĐẠN 626/6307	59.616	8%
4679	210049-4	BALL BEARING 609ZZ/BBC231U	BẠC ĐẠN 609/BBC231U	41.256	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4680	210050-9	BALL BEARING 627ZZ/MT60	BẠC ĐẠN 627/MT60	18.360	8%
4681	210051-7	BALL BEARING 609LLB/DHS680	BẠC ĐẠN 609LLB/DHS680	59.616	8%
4682	210057-5	BALL BEARING 6900LLB/KP0810C	BẠC ĐẠN 6900LLB/KP0810C	109.944	8%
4683	210059-1	BALL BEARING 6000DDW/DJV181	BẠC ĐẠN 6000/DJV181	54.972	8%
4684	210060-6	BALL BEARING 609LLU/HR1830	BẠC ĐẠN 609/HR1830	59.616	8%
4685	210062-2	BALL BEARING 607ZZ/BO3710	BẠC ĐẠN 607/BO3710	18.360	8%
4686	210063-0	BALL BEARING 629ZZ/MT362	BẠC ĐẠN 629/MT362	22.896	8%
4687	210064-8	BALL BEARING 694LLU/9032	BẠC ĐẠN 694/9032	9.720	8%
4688	210065-6	BALL BEARING 625ZZ/DCS551	VÒNG BI 625ZZ/DCS551	45.792	8%
4689	210067-2	BALL BEARING 6000ZZ/2414NB	BẠC ĐẠN 6000/2414NB	22.896	8%
4690	210069-8	BALL BEARING 6900DDW/BCS550	VÒNG BI 6900DDW/BCS550	68.688	8%
4691	210070-3	BALL BEARING 6200ZZ/DLM431	BẠC ĐẠN 6200/DLM431	27.540	8%
4692	210071-1	BALL BEARING 629LLB/MT910	BẠC ĐẠN 629/MT910	32.076	8%
4693	210075-3	BALL BEARING 6200DDW/GA7020	BẠC ĐẠN 6200/GA7020	32.076	8%
4694	210076-1	BALL BEARING 6800LLB/DFT023F	BẠC ĐẠN 6800LLB/DFT023F	155.736	8%
4695	210080-0	BALL BEARING 6900ZZ/BCS550	BẠC ĐẠN 6900/BCS550	87.048	8%
4696	210081-8	BALL BEARING 629ZZ/RBC411U	BẠC ĐẠN 629/RBC411U	38.880	8%
4697	210084-2	BALL BEARING 629ZZ/MT960	BẠC ĐẠN 629/MT960	27.540	8%
4698	210087-6	BALL BEARING 6900LLB/DP2010	BẠC ĐẠN 6900LLB/DP2010	27.540	8%
4699	210102-6	BALL BEARING 6001DDW/DJR181	BẠC ĐẠN 6001/DJR181	54.972	8%
4700	210104-2	BALL BEARING 6301DDW/MT902	BẠC ĐẠN 6301/MT902	45.792	8%
4701	210105-0	BALL BEARING 6001LLU/HR2810	BẠC ĐẠN 6001/HR2810	73.332	8%
4702	210106-8	BALL BEARING 6001LLB/GD0600	BẠC ĐẠN 6001/GD0600	32.076	8%
4703	210107-6	BALL BEARING 6001ZZ/DTW190	BẠC ĐẠN 6001/DTW190	27.540	8%
4704	210108-4	BALL BEARING 6801LLU/TD022D	BẠC ĐẠN 6801LLU/TD022D	77.868	8%
4705	210111-5	BALL BEARING 6201LLU/EE2650H	BẠC ĐẠN 6201/EE2650H	51.840	8%
4706	210112-3	BALL BEARING 6801LLB/TD090D	BẠC ĐẠN 6801/TD090D	32.076	8%
4707	210113-1	BALL BEARING 6001/DCS232T	BẠC ĐẠN 6001/DCS232T	34.560	8%
4708	210116-5	BALL BEARING 6201LLU/RBC411U	BẠC ĐẠN 6201LLU/RBC411U	73.440	8%
4709	210118-1	BALL BEARING 6201DDW/DJR187	VÒNG BI 6201DDW/DJR187	36.720	8%
4710	210119-9	BALL BEARING 6001ZZ/MT60	BẠC ĐẠN 6001/MT60	27.540	8%
4711	210124-6	BALL BEARING 688ZZ/UH353D	BẠC ĐẠN 688ZZ/UH353D	22.896	8%
4712	210125-4	BALL BEARING 629DDW/MT412	BẠC ĐẠN 629/MT412	36.720	8%
4713	210126-2	BALL BEARING 6003LLU/EM3400U	BẠC ĐẠN 6003/EM3400U	34.560	8%
4714	210137-7	BALL BEARING 606ZZ/DHS680	BẠC ĐẠN 606/DHS680	18.360	8%
4715	210138-5	BALL BEARING 6003LLU/EK7651H	BẠC ĐẠN 6003/EK7651H	159.840	8%
4716	210141-6	BALL BEARING 6000DDW/MT192	BẠC ĐẠN 6000DDW/MT192	22.896	8%
4717	210143-2	BALL BEARING 626ZZ/DUR182U	BẠC ĐẠN 626ZZ/DUR182U	22.896	8%
4718	210144-0	SPHERE BEARING 505/TM30D	BẠC ĐẠN 505/TM30D	36.720	8%
4719	210146-6	BALL BEARING 6811LLB/PO5000C	BẠC ĐẠN 6811/PO5000C	155.736	8%
4720	210147-4	BALL BEARING 6902/TM30D	BẠC ĐẠN 6902/TM30D	30.240	8%
4721	210150-5	BALL BEARING 6803DDW/DLS600	BẠC ĐẠN/DLS600	45.792	8%
4722	210153-9	BALL BEARING 6902ZZ/6411	BẠC ĐẠN 6902/6411	22.896	8%
4723	210155-5	BALL BEARING 6203ZZ/MT243	BẠC ĐẠN 6203/MT243	27.540	8%
4724	210156-3	BALL BEARING 6202ZZ/MT243	BẠC ĐẠN 6202ZZ/MT243	32.076	8%
4725	210157-1	BALL BEARING 609ZZ/BBC231U	BẠC ĐẠN 609/BBC231U	38.880	8%
4726	210159-7	BALL BEARING 629ZZ/RBC413U	BẠC ĐẠN 629/RBC413U	34.560	8%
4727	210161-0	BALL BEARING 6000/RBC413U	BẠC ĐẠN 6000/RBC413U	43.200	8%
4728	210162-8	BALL BEARING 609LLU/HR1841F	BẠC ĐẠN/HR1841F	100.764	8%
4729	210163-6	BALL BEARING 6001 DDW/DLM481	BẠC ĐẠN/DLM481	27.540	8%
4730	210164-4	SPHERE BEARING 706/DTM41	BẠC ĐẠN/DTM41	36.720	8%
4731	210167-8	BALL BEARING 6900LLB/DLS111	BẠC ĐẠN/DLS111	27.540	8%
4732	210168-6	BALL BEARING 6805DDW/DLS111	BẠC ĐẠN/DLS111	50.436	8%
4733	210169-4	BALL BEARING 607LLB/MT964	BẠC ĐẠN 607/MT964	18.360	8%
4734	210171-7	BALL BEARING 6800ZZ/DA333D	BẠC ĐẠN 6800ZZ/DA333D	22.896	8%
4735	210176-7	THRUST BALL BEARING 2454/DHW080	MİNG ĐỆM/DHW080	865.512	8%
4736	210177-5	BALL BEARING 68/14LLU/DTDA040	BẠC ĐẠN 68/DTDA040	91.584	8%
4737	210183-0	BALL BEARING 6004LLU/DHR400	BẠC ĐẠN 6004LLU/DHR400	228.960	8%
4738	210187-2	BALL BEARING 696ZZ/DPB182	BẠC ĐẠN 696Z/DPB182	13.824	8%
4739	210190-3	BALL BEARING 6803LLU/DTWA140	BẠC ĐẠN 6803LLU/DTWA140	146.556	8%
4740	210194-5	BALL BEARING 629DDW/GA7090	BẠC ĐẠN 629DDW/GA7090	36.720	8%
4741	210195-3	BALL BEARING 6201DDW/GA9090	BẠC ĐẠN 6201DDW/GA9090	45.792	8%
4742	210199-5	BALL BEARING 6000ZZ/2414NB	BẠC ĐẠN 6000/2414NB	22.896	8%
4743	210200-6	BALL BEARING 608DDW/GA5010	BẠC ĐẠN 608/GA5010	18.360	8%
4744	210204-8	BALL BEARING 6202DDU/EBH340U	BẠC ĐẠN 6202/EBH340U	99.360	8%
4745	210205-6	BALL BEARING 6001ZZ/DTW190	BẠC ĐẠN 6001/DTW190	22.896	8%
4746	210206-4	BALL BEARING 606ZZ/4100NH3	BẠC ĐẠN 606/4100NH3	18.360	8%
4747	210208-0	BALL BEARING 6905DDW/DGA419	BẠC ĐẠN 6905DDW/DGA419	265.680	8%
4748	210209-8	BALL BEARING 694LLU/9032	BẠC ĐẠN 694/9032	119.124	8%
4749	210211-1	BALL BEARING 688LLU/RM350D	BẠC ĐẠN 688LLU/RM350D	59.616	8%
4750	210215-3	BALL BEARING 695ZZ/DUR191L	VÒNG BI (BẠC ĐẠN) 695ZZ/DUR191L	22.896	8%
4751	210216-1	BALL BEARING 6001DDW/DUR192L	BẠC ĐẠN 6001DDW/DUR192L	41.256	8%
4752	210217-9	BALL BEARING 609ZZ/DUR193	BẠC ĐẠN 609ZZ/DUR193	32.076	8%
4753	210223-4	BALL BEARING 608ZZ/1100N	BẠC ĐẠN 608ZZ/1100N	54.972	8%
4754	210229-2	BALL BEARING 6808LLB/VS001G	BẠC ĐẠN 6808LLB/VS001G	366.336	8%
4755	210232-3	BALL BEARING 6200DDW/HM1511	BẠC ĐẠN 6200DDW/HM1511	169.452	8%
4756	210233-1	BALL BEARING 2818LLU/HM1511	BẠC ĐẠN 2818LLU/HM1511	558.684	8%
4757	210234-9	BALL BEARING 2216LLB/HM1511	BẠC ĐẠN 2216LLB/HM1511	261.036	8%
4758	210235-7	BALL BEARING 625ZZ/DUR192L	BẠC ĐẠN 625ZZ/DUR192L	18.360	8%
4759	210236-5	BALL BEARING 627ZZ/DUR192L	BẠC ĐẠN 627ZZ/DUR192L	27.540	8%
4760	210239-9	BALL BEARING 6203DDW/M9000B	BẠC ĐẠN 6203/M9000B	41.256	8%
4761	210241-2	BALL BEARING 6202DDW/M8100B	BẠC ĐẠN 6202/M8100B	32.076	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4762	210243-8	BALL BEARING 6901ZZ/DUX18	BẠC ĐẠN 6901ZZ/DUX18	27.540	8%
4763	210244-6	BALL BEARING 6001ZZ/DUX18	BẠC ĐẠN 6001ZZ/DUX18	41.256	8%
4764	210245-4	BALL BEARING 6801LLU/CE003G	BẠC ĐẠN 6801 LLU/CE003G	87.048	8%
4765	210249-6	BALL BEARING 688LLU/TM001G	BẠC ĐẠN 688LLU/TM001G	54.972	8%
4766	210253-5	BALL BEARING 6302DDW/HM002G	BẠC ĐẠN 6302DDW/HM002G	155.736	8%
4767	210254-3	BALL BEARING 6206LLB/HM002G	BẠC ĐẠN 6206LLB/HM002G	274.752	8%
4768	210255-1	BALL BEARING 6006LLB/HR006G	BẠC ĐẠN 6006LLB/HR006G	206.064	8%
4769	210256-9	BALL BEARING 6904LLB/HR006GZ	VÒNG BI 6904LLB/HR006GZ	187.812	8%
4770	210261-6	BALL BEARING 688LLB/TW007GZ	BẠC ĐẠN 688LLB/TW007GZ	59.616	8%
4771	210274-7	BALL BEARING 6000DDW/DUC353	BẠC ĐẠN 6000/DUC353	36.720	8%
4772	210275-5	THRUST BALL BEARING 2454/HW001G	BẠC ĐẠN 2454/HW001G	448.848	8%
4773	210278-9	BALL BEARING 695DDW/DGA402	BẠC ĐẠN 695DDW/DGA402	18.360	8%
4774	210281-0	BALL BEARING 695 DDW/TM001G	BẠC ĐẠN 695DDW/TM001G	41.256	8%
4775	210291-7	BALL BEARING 6002DDW/GA5020	BẠC ĐẠN 6002/GA5020	27.540	8%
4776	210293-3	BALL BEARING 607ZZ/BO3710	BẠC ĐẠN 607ZZ/BO3710	18.360	8%
4777	210299-1	BALL BEARING 6802LLB/DTWA260	BẠC ĐẠN 6802LLB/DTWA260	82.512	8%
4778	210301-0	BALL BEARING 6003DDW/LS1216	BẠC ĐẠN 6003/LS1216	109.944	8%
4779	210302-8	BALL BEARING 6903ZZ/GA0404	BẠC ĐẠN 6903/GA0404	178.632	8%
4780	210304-4	BALL BEARING 6202DDW/GA5010	BẠC ĐẠN 6202DDW/GA5010	32.076	8%
4781	210324-8	BALL BEARING 6808LLB/GA055G/GA056G	BẠC ĐẠN 6808LLB/GA055G/GA056G	393.120	8%
4782	211012-0	BALL BEARING 606ZZ/HP2050	BẠC ĐẠN 606/HP2050	64.152	8%
4783	211014-6	BALL BEARING 606ZZ/HP2050	BẠC ĐẠN 606/HP2050	77.760	8%
4784	211016-2	BALL BEARING 626LLB/BO4540	BẠC ĐẠN 626/BO4540	77.868	8%
4785	211019-6	BALL BEARING 626/9741	BẠC ĐẠN 626/9741	43.200	8%
4786	211021-9	BALL BEARING 607LLB/9553NB	BẠC ĐẠN 607/9553NB	32.076	8%
4787	211022-7	BALL BEARING 607ZZ/BO180D	VÒNG BI 607ZZ/BO180D	73.332	8%
4788	211023-5	BALL BEARING 607LB/4140	BẠC ĐẠN 607/4140	82.512	8%
4789	211027-7	BALL BEARING 627ZZ/JS1601	BẠC ĐẠN 627/JS1601	59.616	8%
4790	211028-5	BALL BEARING 627LB/906H	BẠC ĐẠN 627/906H	77.868	8%
4791	211030-8	BALL BEARING 627Z/6307	BẠC ĐẠN 627/6307	59.616	8%
4792	211031-6	BALL BEARING 608LB/6922NB	BẠC ĐẠN 608/6922NB	45.792	8%
4793	211032-4	BALL BEARING 608ZZ/KP180D	BẠC ĐẠN 608/KP180D	45.792	8%
4794	211042-1	BALL BEARING 608Z/8416	BẠC ĐẠN 608/8416	59.616	8%
4795	211044-7	BALL BEARING 694/6922NB	BẠC ĐẠN 694/6922NB	114.480	8%
4796	211051-0	BALL BEARING 609LLB/DA3010	BẠC ĐẠN 609LLB/DA3010	64.152	8%
4797	211061-7	BALL BEARING 6000LLB/1900B	BẠC ĐẠN 6000/1900B	54.972	8%
4798	211062-5	BALL BEARING 6000ZZ/1900B	BẠC ĐẠN 6000/1900B	59.616	8%
4799	211063-3	BALL BEARING 6000LB/906H	BẠC ĐẠN 6000/906H	109.944	8%
4800	211066-7	BALL BEARING 6200LLB/1804N	BẠC ĐẠN 6200/1804N	64.152	8%
4801	211067-5	BALL BEARING 6200ZZ/1804N	BẠC ĐẠN 6200/1804N	100.764	8%
4802	211068-3	BALL BEARING 6200LB/4107R	BẠC ĐẠN 6200/4107R	87.048	8%
4803	211082-9	BALL BEARING 699/6922NB	BẠC ĐẠN 699/6922NB	132.840	8%
4804	211087-9	BALL BEARING 6200DDW/2012NB	BẠC ĐẠN 6200/2012NB	68.688	8%
4805	211092-6	BALL BEARING 629DDW/GA4030	BẠC ĐẠN 629/GA4030	45.792	8%
4806	211097-6	BALL BEARING 6000LLB/5806B	BẠC ĐẠN 6000/5806B	59.616	8%
4807	211101-1	BALL BEARING 6001LLB/5016B	BẠC ĐẠN 6001LLB/5016B	82.512	8%
4808	211103-7	BALL BEARING 6001LB/906H	BẠC ĐẠN 6001/906H	128.304	8%
4809	211104-5	BALL BEARING 6001/HR2010	BẠC ĐẠN 6001/HR2010	68.688	8%
4810	211106-1	BALL BEARING 6201LLB/1804N	BẠC ĐẠN 6201/1804N	68.688	8%
4811	211107-9	BALL BEARING 6201ZZ/1804N	BẠC ĐẠN 6201/1804N	96.228	8%
4812	211111-8	BALL BEARING 6301LLB/UC4551A	BẠC ĐẠN 6301LLB/UC4551A	137.376	8%
4813	211129-9	BALL BEARING 6201DDW/9553B	BẠC ĐẠN 6201/9553B	64.152	8%
4814	211131-2	BALL BEARING 6001DDW/4131	BẠC ĐẠN 6001/4131	68.688	8%
4815	211132-0	BALL BEARING 6301DDW/9067	BẠC ĐẠN 6301/9067	73.332	8%
4816	211136-2	BALL BEARING 6801LLB/DTS141	BẠC ĐẠN 6801/DTS141	137.376	8%
4817	211138-8	BALL BEARING 6001LLU/HR3530	BẠC ĐẠN 6001/HR3530	95.040	8%
4818	211140-1	BALL BEARING 6901LLB/6952	VÒNG BI 6901LL/6952	73.332	8%
4819	211141-9	BALL BEARING 6901LLB/GD0800C	BẠC ĐẠN 6901/GD0800C	146.556	8%
4820	211142-7	BALL BEARING 6001LLB/9563C	BẠC ĐẠN 6001/9563C	123.660	8%
4821	211145-1	BALL BEARING 6201ZZ/MT412	BẠC ĐẠN 6201/MT412	27.540	8%
4822	211148-5	BALL BEARING 6001ZZ/BBC231U	BẠC ĐẠN 6001/BBC231U	112.320	8%
4823	211150-8	BALL BEARING 6901ZZ/6980FD	BẠC ĐẠN 6901/6980FD	96.228	8%
4824	211151-6	BALL BEARING 6306LLB/HM1812	BẠC ĐẠN 6306/HM1812	348.084	8%
4825	211152-4	BALL BEARING 6303LLU/HM1511	BẠC ĐẠN 6303LLU/HM1511	160.272	8%
4826	211154-0	BALL BEARING 6202/EK6101	BẠC ĐẠN/EK6101	172.800	8%
4827	211157-4	BALL BEARING 695ZZ/JV103D	BẠC ĐẠN/JV103D	32.076	8%
4828	211166-3	BALL BEARING 698DDW/GD0603	BẠC ĐẠN 698/GD0603	22.896	8%
4829	211168-9	Ball Bearing 6901/EK6101	Bạc Đạn/EK6101	336.960	8%
4830	211201-7	BALL BEARING 6002LLB/9045B	BẠC ĐẠN 6002/9045B	169.452	8%
4831	211204-1	BALL BEARING 6002/HR2010	BẠC ĐẠN 6002/HR2010	100.764	8%
4832	211209-1	BALL BEARING 6202/HM1201	BẠC ĐẠN 6202/HM1201	86.400	8%
4833	211211-4	BALL BEARING 6302LLB/2416S	BẠC ĐẠN 6302/2416S	187.812	8%
4834	211214-8	BALL BEARING 6302/HM1810	BẠC ĐẠN 6302/HM1810	123.660	8%
4835	211221-1	BALL BEARING 6902/6922NB	BẠC ĐẠN 6902/6922NB	187.812	8%
4836	211223-7	BALL BEARING 6002DDW/3709	BẠC ĐẠN 6002/3709	99.360	8%
4837	211228-7	BALL BEARING 6202DDW/2414NB	BẠC ĐẠN 6202/2414NB	64.152	8%
4838	211232-6	BALL BEARING 6002LLU/HR2810	BẠC ĐẠN 6002/HR2810	96.228	8%
4839	211233-4	BALL BEARING 6802LLB/DSC191	BẠC ĐẠN/DSC191	96.228	8%
4840	211234-2	BALLBEARING 6902LLB/BO6030	BẠC ĐẠN/BO6030	132.840	8%
4841	211236-8	BALL BEARING 6002DDW/N3701	BẠC ĐẠN 6002/N3701	96.228	8%
4842	211237-6	BALL BEARING 6002LLB/GD0602	BẠC ĐẠN 6202/GD0602	132.840	8%
4843	211238-4	BALL BEARING 6202LLU/HR4511C	BẠC ĐẠN 6202/HR4511C	142.020	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4844	211240-7	BALL BEARING 6200ZZ/LW1400	BẠC ĐẠN 6202/LW1400	36.720	8%
4845	211241-5	BALL BEARING 6202DDW/2107F	BẠC ĐẠN 6202/2107F	36.720	8%
4846	211242-3	BALL BEARING 6902ZZ/6411	BẠC ĐẠN 6902/6411	32.076	8%
4847	211243-1	BALL BEARING 6002ZZ/MT370	BẠC ĐẠN 6002/MT370	25.920	8%
4848	211244-9	BALL BEARING 6902LLU/BO6030	BẠC ĐẠN/BO6030	210.708	8%
4849	211247-3	BALL BEARING 6002DDW/DJR186	BẠC ĐẠN 6002/DJR186	27.540	8%
4850	211249-9	BALL BEARING 6302LLU/HM1203C	BẠC ĐẠN 6302/HM1203C	219.888	8%
4851	211251-2	BALL BEARING 6003LLB/JR3060T	BẠC ĐẠN 6003/JR3060T	100.764	8%
4852	211256-2	BALL BEARING 6203LLB/2414NB	BẠC ĐẠN 6203/2414NB	96.228	8%
4853	211278-2	BALL BEARING 6203DDW/2704	BẠC ĐẠN 6203/2704	96.228	8%
4854	211279-0	BALL BEARING 6303LLU/HM0810	BẠC ĐẠN 6303/HM0810	196.992	8%
4855	211281-3	BALL BEARING 6203LLU/EK7651H	BẠC ĐẠN 6203/EK7651H	164.160	8%
4856	211282-1	BALL BEARING 6203ZZ/2414NB	BẠC ĐẠN 6203/2414NB	36.720	8%
4857	211283-9	BALL BEARING 6803ZZ/DFL651F	BẠC ĐẠN/DFL651F	146.556	8%
4858	211285-5	BALL BEARING 6203DDW/M9000B	BẠC ĐẠN 6203/M9000B	45.792	8%
4859	211288-9	BALL BEARING 6901DDW/DFL651F	BẠC ĐẠN/DFL651F	123.660	8%
4860	211289-7	BALL BEARING 6000DDW/HM1203C	BẠC ĐẠN 6000/HM1203C	174.096	8%
4861	211290-2	BALL BEARING 6203ZZ/HM1214C	BẠC ĐẠN 6203/HM1214C	146.556	8%
4862	211293-6	BALL BEARING 6809LLB/VS001G	BẠC ĐẠN 6809LLB/VS001G	485.460	8%
4863	211294-4	BALL BEARING 6806LLU/DCG180	BẠC ĐẠN 6806/DCG180	155.736	8%
4864	211304-7	BALL BEARING 6004/HR2010	BẠC ĐẠN 6004/HR2010	119.124	8%
4865	211306-3	BALL BEARING 6204LLB/2107F	BẠC ĐẠN 6204/2107F	192.348	8%
4866	211323-3	BALL BEARING 6904LLU/HR4002	BẠC ĐẠN 6904/HR4002	164.916	8%
4867	211326-7	BALL BEARING 6004DDW/3600H	BẠC ĐẠN 6004DDW/3600H	109.944	8%
4868	211327-5	BALL BEARING 6304LLU/HM1201	BẠC ĐẠN 6304/HM1201	251.856	8%
4869	211329-1	BALL BEARING 6204DDW/LC1230	BẠC ĐẠN 6204DDW/LC1230	137.376	8%
4870	211332-2	BALL BEARING 6004LLU/HR3200C	BẠC ĐẠN 6004LLU/HR3200C	128.304	8%
4871	211333-0	BALL BEARING 6804LLU/BO6050	BẠC ĐẠN 6804LLU/BO6050	206.064	8%
4872	211335-6	BALL BEARING 6004ZZ/MT362/M3600	BẠC ĐẠN 6004ZZ/M3600	50.436	8%
4873	211341-1	BALL BEARING 6201/EA3201S	BẠC ĐẠN 6201/EA3201S	43.200	8%
4874	211343-7	BALL BEARING 688ZZ/DTW700	BẠC ĐẠN 688ZZ/DTW700	36.720	8%
4875	211345-3	BALL BEARING 6201DDW/M9512	BẠC ĐẠN 6201/M9512	32.076	8%
4876	211361-5	BALL BEARING 6305LLB/2416S	BẠC ĐẠN 6305/2416S	329.724	8%
4877	211373-8	BALL BEARING 6205LLU/HM1306	BẠC ĐẠN 6205/HM1306	215.244	8%
4878	211375-4	BALL BEARING 6805LLB/DHR165	BẠC ĐẠN 6805/DHR165	187.812	8%
4879	211377-0	BALL BEARING 6905LLB/GA7061R	BẠC ĐẠN 6905/GA7061R	137.376	8%
4880	211379-6	BALL BEARING 6805LLB/DTP141	BẠC ĐẠN 6805LLB/DTP141	366.336	8%
4881	211380-1	BALL BEARING 6205DDW/RP1800	BẠC ĐẠN 6205/RP1800	219.888	8%
4882	211381-9	BALL BEARING 629ZZ/MT90	BẠC ĐẠN 629/MT90	27.540	8%
4883	211382-7	BALL BEARING 607ZZ/MT816	BẠC ĐẠN 607/MT816	18.360	8%
4884	211387-7	BALL BEARING 6004LLU/DLM533	VÒNG BÌ (BẠC ĐẠN) 6004LLU/DLM533	137.376	8%
4885	211392-4	SPHERE BEARING 706/DTM51	BẠC ĐẠN/DTM51	485.460	8%
4886	211395-8	BALL BEARING 608LLU/4100KB	BẠC ĐẠN 608LLU/4100KB	54.972	8%
4887	211418-2	BALL BEARING 6006LLU/HR5211C	BẠC ĐẠN 6006/HR5211C	261.036	8%
4888	211419-0	BALL BEARING 6806DDW/DA3010	BẠC ĐẠN 6806/DA3010	345.600	8%
4889	211423-9	BALL BEARING 6806DDW/DA3010	BẠC ĐẠN 6806/DA3010	69.120	8%
4890	211424-7	BALL BEARING 6206LLU/HM1203C	BẠC ĐẠN 6206/HM1203C	343.440	8%
4891	211441-7	BALL BEARING 3009/6906	BẠC ĐẠN 3009/6906	329.724	8%
4892	211445-9	BALL BEARING 6906DDW/BO6050	BẠC ĐẠN 6906DDW/BO6050	169.452	8%
4893	211476-8	BALL BEARING 6200ZZ/MT111	BẠC ĐẠN 6200/MT111	32.076	8%
4894	211477-6	BALL BEARING 6201ZZ/MT111	BẠC ĐẠN 6201/MT111	32.076	8%
4895	211478-4	BALL BEARING 689/DTR180	BẠC ĐẠN 689/DTR180	96.228	8%
4896	211480-7	BALL BEARING 6000ZZ/MT871	BẠC ĐẠN 6000/MT871	27.540	8%
4897	211482-3	BALL BEARING 6803LLU/DCG180	BẠC ĐẠN 6803/DCG180	196.992	8%
4898	211483-1	BALL BEARING 6202/RBC411	BẠC ĐẠN 6202/RBC411	47.520	8%
4899	211484-9	BALL BEARING 6002LLB/MT80A	BẠC ĐẠN 6002/MT80A	27.540	8%
4900	211485-7	BALL BEARING 6800LLU/DSC102	BẠC ĐẠN 6800LLU/DSC102	119.124	8%
4901	211487-3	BALL BEARING 6202DDW/M6201B	BẠC ĐẠN 6202DDW/M6201B	32.076	8%
4902	211488-1	BALL BEARING 629DDW/M0401B	BẠC ĐẠN/M0401B	27.540	8%
4903	211489-9	BALL BEARING 6002LLUX/3709	BẠC ĐẠN 6002/3709	105.408	8%
4904	211490-4	BALL BEARING 6203LLU/HM0870C	BẠC ĐẠN/HM0870C	96.228	8%
4905	211491-2	BALL BEARING 609DDW/UB1102	BẠC ĐẠN 609DDW/UB1102	59.616	8%
4906	211493-8	BALL BEARING 609DDW/DFS251	BẠC ĐẠN 609DDW/DFS251	27.540	8%
4907	211494-6	BALL BEARING 6201 /EA4301F	BẠC ĐẠN 6201/EA4301F	14.040	8%
4908	211498-8	BALL BEARING 6303LLU/MT860	BẠC ĐẠN 6303LLU/MT860	64.152	8%
4909	211499-6	BALL BEARING 626ZZ/DUH601	BẠC ĐẠN 626ZZ/DUH601	22.896	8%
4910	211611-8	BALL BEARING 6810/6922NB	BẠC ĐẠN 6810/6922NB	700.704	8%
4911	211653-2	BALL BEARING 6811/6922NB	BẠC ĐẠN 6811/6922NB	59.400	8%
4912	212003-4	NEEDLE BEARING 810/9924DB	BẠC ĐẠN 810/9924DB	59.616	8%
4913	212004-2	NEEDLE BEARING 810/4100NB	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/4100NB	79.310	10%
4914	212005-0	NEEDLE BEARING 810/9045B	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/9045B	55.990	10%
4915	212010-7	NEEDLE BEARING 607/4304	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/4304	183.168	8%
4916	212011-5	NEEDLE BEARING 609/6906	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/6906	59.616	8%
4917	212016-5	NEEDLE BEARING 609/GV7000	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/GV7000	69.120	8%
4918	212026-2	NEEDLE CAGE 808/6924N	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/6924N	91.584	8%
4919	212043-2	NEEDLE BEARING 810/4304	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/4304	36.720	8%
4920	212048-2	THRUST NEEDLE BEARING 617/6922NB	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/6922NB	325.188	8%
4921	212061-0	NEEDLE BEARING 1010/JN3200	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/JN3200	91.584	8%
4922	212063-6	NEEDLE BEARING 1012/JS1602	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/JS1602	107.360	10%
4923	212065-2	NEEDLE BEARING 1012/HR3520	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/HR3520	228.960	8%
4924	212077-5	NEEDLE CAGE/DCS232T	BẠC ĐẠN ĐŨA/DCS232T	5.400	8%
4925	212078-3	NEEDLE CAGE 1010/6924N	VÒNG ĐÈM BẠC ĐẠN/6924N	87.048	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4926	212080-6	NEEDLE BEARING 1012/DJR181	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DJR181	27.540	8%
4927	212085-6	NEEDLE CAGE1014/EPH1000X	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/EPH1000X	69.120	8%
4928	212086-4	NEEDLE CAGE 810/EA3201S	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/EA3201S	105.600	10%
4929	212092-9	NEEDLE BEARING 407/4350CT	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/4350CT	65.340	10%
4930	212093-7	NEEDLE CAGE 912/EA3503S	BẠC ĐẠN ĐŨA 912/EA3503S	86.400	8%
4931	212101-4	NEEDLE BEARING 1210/4107R	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/4107R	82.512	8%
4932	212102-2	NEEDLE BEARING 1216/JR3050T	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM0810	91.584	8%
4933	212104-8	NEEDLE BEARING 1212/2416S	BẠC ĐẠN ĐŨA 1212/2416S	73.332	8%
4934	212108-0	NEEDLE BEARING 1212/HM0810	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM0810	233.604	8%
4935	212115-3	NEEDLE BEARING 1216/JR3050T	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/JR3050T	91.584	8%
4936	212117-9	NEEDLE BEARING 1216/JN3200	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/JN3200	583.000	10%
4937	212122-6	NEEDLE BEARING 1212/DFL204F	BẠC ĐẠN ĐŨA 1212/DFL204F	64.152	8%
4938	212123-4	NEEDLE BEARING 1210/DFL201F	BẠC ĐẠN ĐŨA 1210/DFL201F	64.152	8%
4939	212127-6	NEEDLE CAGE 1011/EA3601F	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/EA3601F	47.520	8%
4940	212129-2	NEEDLE CAGE 1013/EA3601F	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/EA3601F	47.520	8%
4941	212131-5	NEEDLE CAGE 307/DFL651F	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DFL651F	32.670	10%
4942	212132-3	NEEDLE CAGE 205/DFT085F	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DFT085F	4.400	10%
4943	212133-1	PISTON PIN BEARING 12X16X13/EK8100	BẠC LỘT TRỤC PISTON/EK8100	86.400	8%
4944	212134-9	NEEDLE ROLLER BEARING 15X21X16/EK8100	BẠC ĐŨA/EK8100	228.960	8%
4945	212151-9	NEEDLE BEARING 1412/6906	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/6906	59.616	8%
4946	212159-3	NEEDLE CAGE 1412/HM1214C	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM1214C	69.960	10%
4947	212164-0	NEEDLE CAGE/EK6101	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/EK6101	241.920	8%
4948	212193-3	NEEDLE CAGE 5810/DDA460	BẠC ĐẠN ĐŨA 5810/DDA460	41.256	8%
4949	212199-1	NEEDLE BEARING 510/DPB182	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN 510/DPB182	84.040	10%
4950	212208-6	NEEDLE BEARING 1516/HM1201	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM1201	283.932	8%
4951	212222-2	NEEDLE BEARING 1612/JN1601	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/JN1601	130.680	10%
4952	212225-6	NEEDLE BEARING 1613/HM1214C	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM1214C	265.870	10%
4953	212229-8	NEEDLE CAGE 315/DUH604	BẠC ĐŨA 315/DUH604	100.764	8%
4954	212230-3	NEEDLE CAGE 1715/HM1511	BẠC ĐẠN ĐŨA 1715/HM1511	164.916	8%
4955	212231-1	NEEDLE CAGE 1012/JR3061T	ĐỆM CAO SU/JR3061T	105.408	8%
4956	212252-3	NEEDLE BEARING 1816/JS3201	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/JS3201	155.736	8%
4957	212260-4	NEEDLE BEARING 1716/HM1302	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM1302	320.544	8%
4958	212263-8	NEEDLE ROLLER BEARING 1820/HM1306	VÒNG BÌ ĐŨA 1820/HM1306	274.752	8%
4959	212264-6	NEEDLE ROLLER BEARING 1813/HM1317C	BẠC ĐŨA 1813/HM1317C	233.604	8%
4960	212265-4	NEEDLE CAGE 508/DJV184	BẠC ĐẠN ĐŨA 508/DJV184	18.360	8%
4961	212306-6	NEEDLE BEARING 2020/JN3201	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/JN3201	270.600	10%
4962	212309-0	NEEDLE BEARING 2016/HM1500	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM1500	203.040	8%
4963	212358-7	NEEDLE BEARING 2520/HM1810	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM1810	216.000	8%
4964	212403-8	NEEDLE BEARING 3012/HR2810	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HR2810	74.690	10%
4965	212701-0	NEEDLE BEARING 7025/HM1810	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM1810	505.440	8%
4966	212702-8	NEEDLE CAGE 810/EM3400U	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/EM3400U	56.160	8%
4967	212953-3	NEEDLE BEARING 810/MT954	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/MT954	23.320	10%
4968	212954-1	NEEDLE CAGE 810/6922NB	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/6922NB	163.240	10%
4969	212955-9	NEEDLE CAGE 8X11X10/DCS232T	BẠC ĐẠN ĐŨA/DCS232T	5.400	8%
4970	212957-5	NEEDLE BEARING 710/JR3060T	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/JR3060T	224.424	8%
4971	212959-1	NEEDLE BEARING 708/DJR181	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DJR181	123.660	8%
4972	212960-6	NEEDLE BEARING 607/MT430	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/MT430	87.048	8%
4973	212965-6	NEEDLE CAGE 407/JV0600	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/JV0600	18.700	10%
4974	213003-7	O RING 6/5016B	VÒNG ĐỆM CAO SU/5016B	9.180	8%
4975	213005-3	O RING 5/4100KB	VÒNG ĐỆM 5/4100KB	4.644	8%
4976	213008-7	O RING 22.4/DHR242	VÒNG ĐỆM 22.4/DHR242	4.644	8%
4977	213009-5	O RING 4/2012NB	VÒNG ĐỆM/2012NB	4.644	8%
4978	213011-8	O RING 7/DUC353	VÒNG ĐỆM 7/DUC353	4.320	8%
4979	213017-6	O RING 6/GA7050	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA7050	4.644	8%
4980	213021-5	O RING 5/JR3060T	VÒNG ĐỆM CAO SU/JR3060T	4.644	8%
4981	213022-3	O RING 3/BHX2500	VÒNG ĐỆM 3/BHX2500	4.320	8%
4982	213023-1	O RING 4/PJ7000	VÒNG ĐỆM 4/PJ7000	4.320	8%
4983	213026-5	O RING 7/GA7050	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA7050	4.644	8%
4984	213030-4	O RING 8/HM0871C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0871C	4.644	8%
4985	213032-0	O RING 4/GA4030	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA4030	4.730	10%
4986	213034-6	O RING 3/DA3010	RON CAO SU 3/DA3010	4.320	8%
4987	213038-8	O RING 5/4326	VÒNG ĐỆM CAO SU/4326	4.730	10%
4988	213039-6	O RING 6/BUC250	VÒNG ĐỆM CAO SU/BUC250	4.730	10%
4989	213045-1	O-RING 6/BBC231U	VÒNG ĐỆM CAO SU 6/BBC231U	4.644	8%
4990	213048-5	O RING 6/9565CVR	VÒNG ĐỆM CAO SU 6/9565CVR	4.644	8%
4991	213051-6	DUST SEAL 10/HM1201	VÒNG ĐỆM 10/HM1201	22.896	8%
4992	213054-0	O RING 9/DVCS860L	VÒNG ĐỆM CAO SU/DVCS860L	4.730	10%
4993	213055-8	O RING 10/DUR187	VÒNG ĐỆM CAO SU/DUR187	4.644	8%
4994	213058-2	O RING 10/HM1511	VÒNG ĐỆM 10/HM1511	18.360	8%
4995	213060-5	O RING 10/DUC353	VÒNG ĐỆM 10/DUC353	4.644	8%
4996	213062-1	O RING 9/DHS680	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHS680	4.644	8%
4997	213063-9	O RING 10/EBH340R	VÒNG ĐỆM CAO SU/EBH340R	12.960	8%
4998	213070-2	O RING 10/TM001G	VÒNG ĐỆM 10/TM001G	4.644	8%
4999	213073-6	O RING 9/DHR202	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR202	9.180	8%
5000	213075-2	X-RING 9/HR2453	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR2453	13.824	8%
5001	213077-8	OIL SEAL 10/DHR202	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/DHR202	73.332	8%
5002	213079-4	O-RING 35.5/HM1203C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1203C	36.720	8%
5003	213080-9	O RING 29.5/UC016G	VÒNG ĐỆM/UC016G	12.960	8%
5004	213083-3	O RING 9/HR3200C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3200C	13.824	8%
5005	213084-1	OIL SEAL 12/EA3201S	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/EA3201S40B	25.920	8%
5006	213085-9	O-RING 20/EA4301F	VÒNG ĐỆM 20/EA4301F	2.160	8%
5007	213088-3	OIL SEAL 15/EB5300TH	VÒNG ĐỆM CAO SU/EB5300TH	95.040	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5008	213089-1	OIL SEAL 12/EE2650H	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/EE2650H	43.200	8%
5009	213090-6	OIL SEAL(L)/EB7660TH	VÒNG ĐỆM CAO SU/EB7660TH	60.480	8%
5010	213091-4	OIL SEAL 17/EB7660TH	VÒNG ĐỆM CAO SU/EB7660TH	77.760	8%
5011	213093-0	O RING 14/BHX2500	VÒNG ĐỆM 14/BHX2500	8.640	8%
5012	213094-8	O RING 15/BHX2500	VÒNG ĐỆM 15/BHX2500	17.280	8%
5013	213102-5	DUST SEAL 12/HM0810TA	VÒNG ĐỆM 12/HM0810TA	13.824	8%
5014	213105-9	O RING 11/BBC231U	VÒNG ĐỆM CAO SU/BBC231U	4.320	8%
5015	213107-5	O RING 12/2704	VÒNG ĐỆM 12/2704	4.644	8%
5016	213112-2	OIL SEAL 12/HR2010	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HR2010	54.972	8%
5017	213117-2	O RING 11/HR2010	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR2010	27.540	8%
5018	213118-0	O RING 12/HM1213C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1213C	4.644	8%
5019	213122-9	O RING 12/DP4010	VÒNG ĐỆM CAO SU/DP4010	4.644	8%
5020	213126-1	OIL SEAL 12/DTS141	BÌNH DẦU/DTS141	44.000	10%
5021	213128-7	O RING 12/HR140D	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR140D	18.360	8%
5022	213131-8	OIL SEAL 12/DCS232T	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/DCS232T	133.920	8%
5023	213134-2	O-RING 11/DUR192L	VÒNG ĐỆM 11/DUR192L	4.730	10%
5024	213139-2	DUST SEAL 13/DFS251	VÒNG ĐỆM 13/DFS251	12.960	8%
5025	213141-5	OIL SEAL 12 /EA4301F	PHỐT CAO SU 12/EA4301F	60.480	8%
5026	213142-3	O-RING 35/HR3200C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3200C	9.180	8%
5027	213147-3	OIL SEAL 12/BHX2500	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/BHX2500	34.560	8%
5028	213148-1	OIL SEAL 10/BHX2500	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/BHX2500	34.560	8%
5029	213149-9	O RING 35/HM1203C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1203C	22.896	8%
5030	213150-4	O-RING 36/HM1307C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1307C	36.720	8%
5031	213151-2	OIL SEAL 14/DJR181	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/DJR181	42.020	10%
5032	213154-6	O RING 14/DHW080	VÒNG ĐỆM 14/DHW080	4.644	8%
5033	213162-7	O RING 14/2414NB	RON CAO SU 14/2414NB	4.320	8%
5034	213166-9	O RING 12.5/DTP141	VÒNG ĐỆM CAO SU/DTP141	4.644	8%
5035	213172-4	O RING 15/HR2010	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR2010	27.540	8%
5036	213174-0	X RING 14/DJR181	VÒNG ĐỆM SẮT/DJR181	59.616	8%
5037	213176-6	O RING 14/DVC860L	VÒNG ĐỆM CAO SU/DVC860L	17.172	8%
5038	213180-5	O RING 14/MT243	VÒNG ĐỆM CAO SU/MT243	4.644	8%
5039	213182-1	O RING 14/DHR165	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR165	13.824	8%
5040	213183-9	X RING 13/DHR165	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR165	18.700	10%
5041	213188-9	O-RING 13/TD090D	VÒNG ĐỆM CAO SU/TD090D	4.320	8%
5042	213192-8	X-RING 36/HM1307C	VÒNG ĐỆM 36/HM1307C	100.764	8%
5043	213193-6	O-RING 42/HM1307C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1307C	54.972	8%
5044	213202-1	DUST SEAL 15/HM1201	VÒNG ĐỆM 15/HM1201	22.896	8%
5045	213207-1	O RING 16/DTW190	VÒNG ĐỆM 16/DTW190	2.160	8%
5046	213209-7	OIL SEAL 16/GD0800C	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/GD0800C	87.048	8%
5047	213214-4	O RING 16/DTW190	VÒNG ĐỆM CAO SU/DTW190	17.600	10%
5048	213218-6	O RING 16/HM0870C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0870C	2.200	10%
5049	213219-4	OIL SEAL 15/DHK180	VÒNG NGĂN DẦU 15/DHK180	50.436	8%
5050	213221-7	O RING 15/DCS232T	VÒNG ĐỆM CAO SU/DCS232T	2.160	8%
5051	213222-5	O RING 15/DFL204F	VÒNG ĐỆM 15/DFL204F	27.540	8%
5052	213223-3	O RING 16/HR3200C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3200C	4.644	8%
5053	213226-7	O RING 16/HR2453	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR2453	18.360	8%
5054	213227-5	O RING 16/DHR202	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR202	13.824	8%
5055	213228-3	O RING 15/HR3200C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3200C	13.824	8%
5056	213231-4	OIL SEAL 15/DHR263	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/DHR263	51.840	8%
5057	213233-0	O-RING 15/DTWA140	VÒNG ĐỆM CAO SU/DTWA140	9.180	8%
5058	213238-0	O-RING 13/DHW080	VÒNG ĐỆM 13/DHW080	4.644	8%
5059	213246-1	O-RING 38 SA1004/DHR400	VÒNG ĐỆM 38 SA1004/DHR400	8.640	8%
5060	213255-0	O RING 18/4100NB	VÒNG ĐỆM CAO SU/4100NB	4.730	10%
5061	213257-6	OIL SEAL 18/4140	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/4140	84.040	10%
5062	213258-4	O RING 17.5/DHR242	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR242	18.360	8%
5063	213260-7	OIL SEAL 17/HM0810	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HM0810	64.152	8%
5064	213261-5	O RING 17/CA5000	VÒNG ĐỆM CAO SU/CA5000	4.644	8%
5065	213262-3	O RING 18/4100NB	VÒNG ĐỆM CAO SU/4100NB	18.360	8%
5066	213265-7	O RING 17/DRV150	VÒNG ĐỆM 17/DRV150	4.644	8%
5067	213275-4	O RING 18/HM0871C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0871C	4.644	8%
5068	213278-8	O RING 17/DHR165	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR165	4.644	8%
5069	213279-6	O RING 18/4100NH2	VÒNG ĐỆM CAO SU/4100NH2	4.644	8%
5070	213281-9	X-RING 18/HR4002	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR4002	100.764	8%
5071	213283-5	O-RING 18/HR3200C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3200C	41.256	8%
5072	213286-9	O-RING 48/HM001G	VÒNG ĐỆM CAO SU 48/HM001G	13.824	8%
5073	213301-9	DUST SEAL 20/9207SPB	VÒNG ĐỆM 20/9207SPB	34.560	8%
5074	213304-3	O RING 20/VC3211M	VÒNG ĐỆM 20/VC3211M	4.644	8%
5075	213306-9	OIL SEAL 20/HM1201	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU 20/HM1201	54.972	8%
5076	213313-2	OIL SEAL 20/HM1214C	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HM1214C	59.616	8%
5077	213314-0	OIL SEAL 19/HP2050	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HP2050	27.540	8%
5078	213315-8	O RING 19/BO3710	VÒNG ĐỆM CAO SU/BO3710	4.644	8%
5079	213317-4	O RING 20/HR4002	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR4002	13.824	8%
5080	213321-3	FLUORO CARBON RESIN RING 20/HR3200C	VÒNG ĐỆM 20/HR3200C	181.940	10%
5081	213325-5	O RING 19/BUR182U	VÒNG ĐỆM CAO SU/BUR182U	4.320	8%
5082	213343-3	O RING 35/DTM51	VÒNG ĐỆM CAO SU/DTM51	9.350	10%
5083	213344-1	OIL SEAL 9/HR2630	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HR2630	59.616	8%
5084	213345-9	OIL SEAL 25/DHR202	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/DHR202	27.540	8%
5085	213355-6	O-RING 25/EA3601F	VÒNG ĐỆM CAO SU/EA3601F	4.320	8%
5086	213373-4	O RING 22/BUR182U	VÒNG ĐỆM CAO SU/BUR182U	9.180	8%
5087	213379-2	O RING 21/HR3530	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3530	13.824	8%
5088	213380-7	O RING 24/MT860	VÒNG ĐỆM CAO SU/MT860	4.644	8%
5089	213381-5	O RING 21/DHR242	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR242	27.540	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5090	213382-3	O-RING 22/RM350D	VÒNG ĐỆM 22/RM350D	4.644	8%
5091	213383-1	X RING 25/HR3530	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3530	130.680	10%
5092	213388-1	O RING 24/HM1306	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1306	54.972	8%
5093	213392-0	FLUORIDE RING 25/HR4002	VÒNG ĐỆM THÉP/HR4002	279.840	10%
5094	213393-8	O RING 23/DSL800	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSL800	4.320	8%
5095	213394-6	O RING 23/HM0870C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0870C	84.040	10%
5096	213406-5	O RING 30/HM1201	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1201	4.644	8%
5097	213407-3	O RING 26/4100NB	VÒNG ĐỆM CAO SU/4100NB	8.640	8%
5098	213411-2	O RING 27/HM0810	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0810	9.180	8%
5099	213412-0	O RING 29/DSD180	VÒNG ĐỆM/DSD180	8.800	10%
5100	213415-4	O RING 28/9403	VÒNG ĐỆM CAO SU/9403	9.180	8%
5101	213423-5	O RING 30/SG1251	VÒNG ĐỆM CAO SU/SG1251	9.180	8%
5102	213428-5	X RING 28/HM0810	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0810	146.556	8%
5103	213430-8	O RING 28/DCC500	VÒNG ĐỆM 28/DCC500	9.180	8%
5104	213431-6	FLUORIDE RING 28/HM0870C	VÒNG ĐỆM THÉP/HM0870C	288.576	8%
5105	213432-4	O RING 26/HM0870C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0870C	9.350	10%
5106	213434-0	O RING 26/DHS710	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHS710	9.180	8%
5107	213435-8	O RING 26/BCS550	VÒNG ĐỆM CAO SU/BCS550	4.644	8%
5108	213436-6	OIL SEAL 28/HR3200C	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HR3200C	79.310	10%
5109	213437-4	O RING 28/DHR263	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR263	4.320	8%
5110	213444-7	O RING 30/4100KB	VÒNG ĐỆM CAO SU 30/4100KB	4.320	8%
5111	213445-5	O-RING 26/4100NH2	VÒNG ĐỆM CAO SU/4100NH2	4.644	8%
5112	213458-6	O RING 34/TW141D	VÒNG ĐỆM CAO SU/TW141D	4.320	8%
5113	213459-4	O RING 32/EK7651H	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK7651H	4.400	10%
5114	213460-9	O RING 35/CA5000	VÒNG ĐỆM CAO SU/CA5000	9.180	8%
5115	213464-1	O RING 34/HM1201	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1201	13.824	8%
5116	213465-9	O RING 31/DHK180	VÒNG ĐỆM 31/DHK180	9.180	8%
5117	213472-2	X RING 35/HM1201	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1201	233.604	8%
5118	213476-4	OIL SEAL 35/HM1810	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU 35/HM1810	73.440	8%
5119	213477-2	Y RING 34/HM1302	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1302	77.760	8%
5120	213479-8	O RING 33/TD091D	VÒNG ĐỆM CAO SU/TD091D	4.644	8%
5121	213487-9	O RING 31/GA7050	VÒNG ĐỆM 31/GA7050	27.540	8%
5122	213490-0	OIL SEAL 32/DHR400	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU 32/DHR400	51.840	8%
5123	213492-6	O-RING 32/HR4013C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR4013C	34.560	8%
5124	213494-2	Y RING 34/HM1306	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1306	82.512	8%
5125	213499-2	O-RING 31.5/HM1203C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1203C	77.868	8%
5126	213507-9	O RING 40/BTD136	VÒNG ĐỆM CAO SU/BTD136	9.180	8%
5127	213508-7	O RING 38/HM0810	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0810	13.824	8%
5128	213510-0	O RING 36/BO4555	VÒNG ĐỆM CAO SU/BO4555	9.350	10%
5129	213512-6	O RING 39/CA5000	VÒNG ĐỆM/CA5000	18.360	8%
5130	213513-4	O RING 39/BO4558	VÒNG ĐỆM/BO4558	9.180	8%
5131	213517-6	X RING 40/HM1810	VÒNG ĐỆM 40/HM1810	267.840	8%
5132	213519-2	O RING 36/HM1303	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1303	96.228	8%
5133	213520-7	Y RING 36/HM1303	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1303	128.304	8%
5134	213527-3	O RING 38/HM0870C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0870C	22.896	8%
5135	213535-4	OIL SEAL 25/DHR165	VÒNG ĐỆM CAO SU 25/DHR165	18.360	8%
5136	213537-0	OIL SEAL 12/EBH340R	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/EBH340R	56.160	8%
5137	213540-1	O RING 15/BHX2500	VÒNG ĐỆM 15/BHX2500	8.640	8%
5138	213541-9	O-RING 14/DTDA040	VÒNG ĐỆM CAO SU/DTDA040	9.180	8%
5139	213546-9	OIL SEAL 15/RBC411	VÒNG ĐỆM CAO SU/RBC411	12.960	8%
5140	213547-7	O-RING 12/EE2650H	VÒNG ĐỆM CAO SU/EE2650H	4.320	8%
5141	213548-5	O-RING 20/EE2650H	RON CAO SU 20/EE2650H	8.640	8%
5142	213554-0	O RING 44/HM0810	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0810	9.180	8%
5143	213560-5	O RING 44/BCS550	VÒNG ĐỆM CAO SU/BCS550	4.644	8%
5144	213561-3	O RING 42/GA4030	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA4030	4.644	8%
5145	213565-5	O RING 42/DHS680	VÒNG ĐỆM/DHS680	13.824	8%
5146	213569-7	O RING 45/HM1214C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1214C	13.824	8%
5147	213579-4	O-RING 44/HR3200C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3200C	18.360	8%
5148	213581-7	O-RING 44/HM1203C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1203C	41.256	8%
5149	213582-5	OIL SEAL 12/EA3201S	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/EA3201S	83.600	10%
5150	213584-1	O-RING 16/EK6101	VÒNG ĐỆM 16/EK6101	8.640	8%
5151	213586-7	O RING 11.5/EA3201S	RON CAO SU 11.5/EA3201S	8.640	8%
5152	213589-1	O-RING 4/MT90	VÒNG ĐỆM CAO SU/MT90	4.320	8%
5153	213591-4	O RING 14/BHX2500	VÒNG ĐỆM 14/BHX2500	21.600	8%
5154	213594-8	O RING 7/EA4301F	VÒNG ĐỆM 7/EA4301F	2.160	8%
5155	213598-0	OIL SEAL(L)/EB7650TH	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/EB7650TH	129.600	8%
5156	213599-8	OIL SEAL 17/EB7650TH	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/EB7650TH	198.720	8%
5157	213604-1	O RING 50/HM1201	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1201	13.824	8%
5158	213605-9	O RING 50/CC300D	VÒNG ĐỆM 50/CC300D	12.960	8%
5159	213608-3	ORING 48/HR3530	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3530	13.824	8%
5160	213611-4	O RING 46/GD0810C	VÒNG ĐỆM CAO SU/GD0810C	14.080	10%
5161	213615-6	O RING 46/HR4013C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR4013C	12.960	8%
5162	213616-4	O RING 48/DUA200	VÒNG ĐỆM 48/DUA200	9.180	8%
5163	213617-2	O RING 47/DHK180	VÒNG ĐỆM 47/DHK180	13.824	8%
5164	213620-3	O RING 46/6980FD	VÒNG ĐỆM CAO SU/6980FD	9.180	8%
5165	213621-1	O RING 46/LH1040	VÒNG ĐỆM 46/LH1040	12.960	8%
5166	213622-9	O RING 45/9553B	VÒNG ĐỆM CAO SU/9553B	4.644	8%
5167	213623-7	O RING 46/DTD173	VÒNG ĐỆM 46/DTD173	9.180	8%
5168	213624-5	O RING 48/GA5010	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA5010	9.180	8%
5169	213625-3	O-RING 9/EK7651H	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK7651H	4.320	8%
5170	213628-7	OIL SEAL/EM3400U	VÒNG ĐỆM CAO SU/EM3400U	21.600	8%
5171	213636-8	OIL SEAL 25/HR2611F	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HR2611F	77.868	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5172	213641-5	O RING 51/GA4040	VÒNG ĐỆM CAO SU 51/GA4040	9.180	8%
5173	213645-7	O RING 93/EB7650TH	VÒNG ĐỆM CAO SU/EB7650TH	56.160	8%
5174	213647-3	O-RING 9/PM7650H	VÒNG ĐỆM CAO SU/PM7650H	47.520	8%
5175	213649-9	O-RING 18/PM7650H	VÒNG ĐỆM CAO SU/PM7650H	47.520	8%
5176	213654-6	O RING 60/HM0810	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0810	50.436	8%
5177	213655-4	O RING 56/DVC260	VÒNG ĐỆM CAO SU/DVC260	9.180	8%
5178	213656-2	O RING 53/6924N	VÒNG ĐỆM CAO SU/6924N	9.180	8%
5179	213660-1	O RING 53/HM1810	VÒNG ĐỆM 53/HM1810	12.960	8%
5180	213662-7	O RING 55/HM1810	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1810	13.824	8%
5181	213663-5	O RING 55/TW001G	VÒNG ĐỆM/TW001G	14.080	10%
5182	213664-3	O RING 60/HR5212C	VÒNG ĐỆM 60/HR5212C	18.360	8%
5183	213667-7	O RING 60/HM1810	VÒNG ĐỆM 60/HM1810	108.000	8%
5184	213670-8	O RING 58/TW0200	VÒNG ĐỆM CAO SU/TW0200	22.896	8%
5185	213673-2	O RING 52/9565CVR	VÒNG ĐỆM CAO SU 52/9565CVR	13.824	8%
5186	213678-2	OIL SEAL 12/HM0870C	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HM0870C	73.440	8%
5187	213686-3	O-RING 12/PM7650H	VÒNG ĐỆM CAO SU/PM7650H	21.600	8%
5188	213693-6	O-RING 27.5/GA5093	VÒNG ĐỆM 27.5/GA5093	4.644	8%
5189	213695-2	O-RING 22/HR4013C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR4013C	82.512	8%
5190	213701-3	O RING 65/HM1306	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1306	22.896	8%
5191	213706-3	O RING 67/DHW080	VÒNG ĐỆM 67/DHW080	13.824	8%
5192	213707-1	O RING 65/BO6050	VÒNG ĐỆM CAO SU/BO6050	13.824	8%
5193	213709-7	O RING 63/DDA460	VÒNG ĐỆM CAO SU 63/DDA460	18.360	8%
5194	213720-9	O RING 67/DTW1001	VÒNG ĐỆM CAO SU/DTW1001	14.080	10%
5195	213721-7	O RING 61/HM1810	VÒNG ĐỆM 61/HM1810	17.280	8%
5196	213722-5	O RING 63/DTW450	VÒNG ĐỆM/DTW450	18.360	8%
5197	213726-7	O RING 62/JR3060T	VÒNG ĐỆM/JR3060T	8.640	8%
5198	213727-5	O-RING 63/DHR202	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR202	18.360	8%
5199	213728-3	O-RING 68/DHR263	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR263	18.360	8%
5200	213754-2	O RING 71/HM1201	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1201	18.360	8%
5201	213755-0	O RING 75/BO4901	VÒNG ĐỆM CAO SU/BO4901	22.896	8%
5202	213757-6	O RING 80/4112HS	VÒNG ĐỆM CAO SU/4112HS	18.360	8%
5203	213758-4	O RING 74/HM1307C	VÒNG ĐỆM 74/HM1307C	45.792	8%
5204	213760-7	O RING 78/GA7020	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA7020	9.180	8%
5205	213765-7	O RING 78/HM1810	VÒNG ĐỆM 78/HM1810	25.920	8%
5206	213766-5	O-RING 78/HR5211C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5211C	27.540	8%
5207	213767-3	O-RING 75/DHR242	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR242	18.360	8%
5208	213768-1	OIL SEAL 30/DCG180	ĐẾ ĐỖ/DCG180	4.320	8%
5209	213769-9	OIL SEAL 10/BHX2500	VÒNG ĐỆM CAO SU/BHX2500	34.560	8%
5210	213776-2	X-RING 26/HR5212C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5212C	74.800	10%
5211	213778-8	OIL SEAL 42/HR5212C	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HR5212C	425.952	8%
5212	213779-6	O-RING 45/HR5212C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5212C	41.256	8%
5213	213780-1	FLUORIDE RING 32.5/HR5212C	VÒNG GAI CHỮ C/HR5212C	363.880	10%
5214	213781-9	O-RING 33/HR5212C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5212C	96.228	8%
5215	213782-7	O-RING 30/HR5212C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5212C	87.048	8%
5216	213783-5	O-RING 48/HR5212C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5212C	54.972	8%
5217	213785-1	O-RING 49/DTW280	VÒNG ĐỆM CAO SU/DTW280	4.644	8%
5218	213787-7	O-RING 22/MT860	VÒNG ĐỆM CAO SU/MT860	22.896	8%
5219	213788-5	OIL SEAL 25/HR140D	KHÓA DẦU/HR140D	22.896	8%
5220	213789-3	O-RING 38/HR5212C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5212C	36.720	8%
5221	213796-6	OIL SEAL 11/DFS452	VÒNG ĐỆM CAO SU 11/DFS452	47.520	8%
5222	213797-4	X-RING 47/HM1812	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1812	123.660	8%
5223	213798-2	O-RING 47/HM1812	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1812	105.408	8%
5224	213799-0	O-RING 56/HM1812	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1812	132.840	8%
5225	213806-9	O RING 90/HM1307C	VÒNG ĐỆM 90/HM1307C	18.360	8%
5226	213809-3	O RING 87/HM1307C	VÒNG ĐỆM 87/HM1307C	82.512	8%
5227	213811-6	O-RING 26.5/HR5212C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5212C	41.256	8%
5228	213814-0	RADIAL RING/EK6101	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK6101	73.440	8%
5229	213821-3	O-RING 26/DHS661	VÒNG ĐỆM 26/DHS661	4.644	8%
5230	213826-3	O-RING 13/EK6101	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK6101	12.960	8%
5231	213827-1	O-RING 20/EK6101	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK6101	12.960	8%
5232	213831-0	O-RING 29.5/EB7650TH	RON CAO SU 29.5/EB7650TH	12.960	8%
5233	213832-8	O-RING 13/HR1841F	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR1841F	13.824	8%
5234	213833-6	O-RING 60/HR1841F	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR1841F	13.824	8%
5235	213836-0	O-RING 22/DFT023F	VÒNG ĐỆM/DFT023F	9.180	8%
5236	213837-8	O-RING 29/CL003G	VÒNG ĐỆM CAO SU 29/CL003G	9.180	8%
5237	213842-5	O-RING 40/PV001G	VÒNG ĐỆM 40/PV001G	13.824	8%
5238	213843-3	O-RING 21/DUR192L	VÒNG ĐỆM 21/DUR192L	4.644	8%
5239	213845-9	O-RING 13/TW160D	VÒNG ĐỆM CAO SU/TW160D	4.320	8%
5240	213850-6	O-RING 74/DHR280	VÒNG ĐỆM CAO 74/DHR280	18.360	8%
5241	213855-6	O RING 95/HM1810	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1810	27.540	8%
5242	213858-0	O-RING 65/LW1400	VÒNG ĐỆM CAO SU/LW1400	9.180	8%
5243	213859-8	O-RING 19/GA7061R	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA7061R	9.180	8%
5244	213861-1	OIL SEAL 12/DHW080	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU 12/DHW080	87.048	8%
5245	213874-2	OIL SEAL 25/DHR182	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU 25/DHR182	68.688	8%
5246	213877-6	O-RING 6/GA5050	VÒNG ĐỆM 6/GA5050	4.644	8%
5247	213880-7	SEAL RING 12/HR3001CJ	VÒNG ĐỆM 12/HR3001CJ	36.720	8%
5248	213881-5	O RING 16/HR3011FC	VÒNG ĐỆM/HR3011FC	77.868	8%
5249	213884-9	O RING 72/CL003G	VÒNG ĐỆM 72/CL003G	9.180	8%
5250	213891-2	O RING 14.5/DRV150	VÒNG ĐỆM 14.5/DRV150	9.180	8%
5251	213892-0	O-RING 43/TD001G	VÒNG ĐỆM 43/TD001G	9.180	8%
5252	213896-2	O-RING 24/DLM530	VÒNG ĐỆM/DLM530	18.360	8%
5253	213897-0	O-RING 26/DLM530	VÒNG ĐỆM/DLM530	18.360	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5254	213911-2	X-RING 38/HM1511	VÒNG ĐỆM 38/HM1511	163.240	10%
5255	213912-0	O-RING 40/HM1511	VÒNG ĐỆM 40/HM1511	68.688	8%
5256	213913-8	O-RING 48/HM1511	VÒNG ĐỆM 48/HM1511	142.020	8%
5257	213914-6	O-RING 100/HM1511	VÒNG ĐỆM 100/HM1511	41.256	8%
5258	213915-4	O-RING 25/HM1511	VÒNG ĐỆM 25/HM1511	22.896	8%
5259	213916-2	O-RING106/HM1511	VÒNG ĐỆM 106/HM1511	36.720	8%
5260	213918-8	O-RING 12.5/DGP180	VÒNG ĐỆM 12.5/DGP180	4.644	8%
5261	213920-1	O-RING 10.5/DTD157	VÒNG ĐỆM 10.5/DTD157	4.644	8%
5262	213922-7	O RING/DHW080	VÒNG ĐỆM/DHW080	4.644	8%
5263	213924-3	O RING 79/GA7080	VÒNG ĐỆM 79/GA7080	32.076	8%
5264	213953-6	O RING 24/DHR165	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR165	9.180	8%
5265	213958-6	O RING 24/HM0870C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0870C	59.616	8%
5266	213960-9	O RING 5/9553B	VÒNG ĐỆM CAO SU/9553B	4.644	8%
5267	213961-7	O RING 22/BBC231U	VÒNG ĐỆM CAO SU/BBC231U	4.644	8%
5268	213962-5	O RING 22/HR3530	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3530	41.256	8%
5269	213977-2	O RING 7/DHS710	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHS710	4.644	8%
5270	213980-3	X-RING 21/HM1203C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1203C	151.200	8%
5271	213981-1	O-RING 27/HR4511C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR4511C	41.256	8%
5272	213983-7	O RING 4/BO3710	VÒNG ĐỆM CAO SU/BO3710	9.180	8%
5273	213987-9	O-RING 25/TM30D	VÒNG ĐỆM 25/TM30D	9.180	8%
5274	213A01-7	O-R G 50/PS001G	VÒNG ĐỆM/PS001G	87.048	8%
5275	213A03-3	O-RING 50/GA5080	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA5080	22.896	8%
5276	213A05-9	O RING 16/HM0870C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM0870C	4.644	8%
5277	213A09-1	O RING 19/HM001G	VÒNG ĐỆM CAO SU 19/HM001G	9.180	8%
5278	213A11-4	O-RING 25/DUC254	VÒNG ĐỆM CAO SU/DUC254	9.180	8%
5279	213A12-2	O-RING 18/DLM480	VÒNG ĐỆM 18/DLM480	9.180	8%
5280	213A15-6	O-RING 14/DCU603	VÒNG ĐỆM 14/DCU603	87.048	8%
5281	213A16-4	O-RING 30/DFT060T	VÒNG ĐỆM CAO SU 30/DFT060T	64.152	8%
5282	213A18-0	O-RING 45/TD002G	VÒNG ĐỆM 45/TD002G	9.180	8%
5283	213A27-9	O-RING 115/UT001G	VÒNG ĐỆM CAO SU 115/UT001G	36.720	8%
5284	213A30-0	O RING 29.5/UC016G	VÒNG ĐỆM 29.5/UC016G	9.180	8%
5285	213A32-6	O-RING 32/GA048G	VÒNG ĐỆM 32/GA048G	9.180	8%
5286	213A49-9	O-RING 22/HW001G	VÒNG ĐỆM 22/HW001G	9.180	8%
5287	213A64-3	O-RING 4/HW001G	VÒNG ĐỆM 4/HW001G	9.180	8%
5288	213A73-2	O-RING 15/DCU601	VÒNG ĐỆM 15/DCU601	9.180	8%
5289	214001-4	PLANE BEARING 8/6016	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/6016	22.896	8%
5290	214004-8	PLANE BEARING 6/GV6010	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/GV6010	14.080	10%
5291	214005-6	PLANE BEARING 8/4304	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/4304	13.824	8%
5292	214012-9	PLANE BEARING 6/6802BV	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/6802BV	8.800	10%
5293	214014-5	PLANE BEARING 6/UH3502	BẠC ĐỆM 6/UH3502	14.080	10%
5294	214017-9	PLANE BEARING 5/6501	BẠC THAU/6501	4.644	8%
5295	214022-6	PLANE BEARING 8/2012NB	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/2012NB	13.824	8%
5296	214031-5	PLANE BEARING 4/JV180D	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/JV180D	9.350	10%
5297	214034-9	PLANE BEARING 5/6951	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/6951	18.700	10%
5298	214041-2	PLANE BEARING 8/JV180D	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/JV180D	22.896	8%
5299	214043-8	PLANE BEARING 5/MT652	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/MT652	9.350	10%
5300	214060-8	PLANE BEARING 10/DPT351	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/DPT351	18.700	10%
5301	214061-6	PLANE BEARING 10/4304	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/4304	22.896	8%
5302	214067-4	PLANE BEARING 10/DLM431	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/DLM431	17.600	10%
5303	214079-7	PLANE BEARING 6/DGP180	BẠC ĐẠN ĐUỖ 6/DGP180	41.256	8%
5304	214101-0	PLANE BEARING 12/9924DB	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/9924DB	42.020	10%
5305	214109-4	PLANE BEARING 12/2012NB	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/2012NB	13.824	8%
5306	214114-1	PLANE BEARING 12/2704	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/2704	13.824	8%
5307	214116-7	PLANE BEARING 12/9403	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/9403	14.080	10%
5308	214169-6	PLANE BEARING 14/JR3050T	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/JR3050T	27.540	8%
5309	214170-1	PLANE BEARING 14A/DJR181	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/DJR181	27.540	8%
5310	214204-0	PLANE BEARING 15/6020	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/6020	54.972	8%
5311	214207-4	PLANE BEARING 16/JN3200	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/JN3200	74.690	10%
5312	214212-1	PLANE BEARING 14A/JR002G	BẠC THAU 14A/JR002G	27.540	8%
5313	214251-1	PLANE BEARING 17/2012NB	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/2012NB	36.720	8%
5314	214408-4	PLANE BEARING 30/DPB181	VÒNG ĐỆM BẠC THAU/DPB181	14.080	10%
5315	214457-1	PLANE BEARING 32/DHR400	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN 32/DHR400	176.000	10%
5316	214603-6	PLANE BEARING 49/HR5212C	BẠC THAU 49/HR5212C	164.916	8%
5317	216001-0	STEEL BALL 3.5/6802BV	BI SẮT/6802BV	4.730	10%
5318	216002-8	STEEL BALL 4.8/DTW1001	BI SẮT/DTW1001	4.730	10%
5319	216003-6	STEEL BALL 10/HM1201	BI SẮT/HM1201	4.730	10%
5320	216004-4	STEEL BALL 7.9/HM0810T	BI SẮT/HM0810T	9.350	10%
5321	216007-8	STEEL BALL 6.4/6905B	BI SẮT/6905B	4.730	10%
5322	216008-6	STEEL BALL 4/4304	BI SẮT/4304	9.350	10%
5323	216009-4	STEEL BALL 7.1/6906	BI SẮT/6906	4.730	10%
5324	216010-9	STEEL BALL 10.3/TW1000	BI SẮT/TW1000	9.350	10%
5325	216011-7	STEEL BALL 5.6/TW300D	BI SẮT/TW300D	4.730	10%
5326	216013-3	STEEL BALL 6/HR2651T	BI SẮT 6/HR2651T	4.730	10%
5327	216015-9	STEEL BALL 2.4/DFT023F	BI SẮT/DFT023F	4.730	10%
5328	216019-1	STEEL BALL 3/DDF083	BI SẮT/DDF083	4.730	10%
5329	216022-2	STEEL BALL 7.0/DHR165	BI SẮT/DHR165	9.350	10%
5330	216024-8	STEEL BALL 4/LS1016	BI SẮT 4/LS1016	4.730	10%
5331	216031-1	STEEL BALL 2.3/DUP361	BI SẮT/DUP361	4.730	10%
5332	216038-7	STEEL BALL 5.0/MT80A	BI SẮT/MT80A	4.730	10%
5333	216040-0	STEEL BALL 3.5/6980FD	BI SẮT/6980FD	4.730	10%
5334	216041-8	STEEL BALL 5.6/6980FD	BI SẮT/6980FD	4.730	10%
5335	216049-2	STEEL BALL 4/DLS211	BI SẮT 4/DLS211	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5336	216054-9	WASHER 1024/WA400MP	MIẾNG ĐỆM 1024/WA400MP	51.370	10%
5337	216055-7	THRUST NEEDLE CAGE 1024/DTM52	BẠC ĐẠN/DTM52	174.096	8%
5338	216067-0	THRUST NEEDLE CAGE 4060/JR003G	BẠC ĐẠN ĐUỖA/JR003G	108.000	8%
5339	216103-2	INNER SLEEVE 1016/6906	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN 1016/6906	98.010	10%
5340	216207-0	WASHER 2542/6922NB	LONG ĐÈN/6922NB	44.000	10%
5341	216212-7	WASHER 821/FS2500	VÒNG ĐỆM 821/FS2500	18.700	10%
5342	216217-7	WASHER/EK6101	LONG ĐÈN/EK6101	22.000	10%
5343	216403-0	THRUST NEEDLE GAUGE 1528/6922NB	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/6922NB	130.680	10%
5344	216413-7	THRUST NEEDLE CAGE 1024/BO6050	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/BO6050	41.256	8%
5345	216415-3	THRUST NEEDLE GAUGE 821/FS2500	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/FS2500	42.020	10%
5346	216419-5	THRUST NEEDLE CAGE 1831/6924N	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/6924N	123.660	8%
5347	219019-0	SWASH BEARING 9/DHR165	BẠC ĐẠN ĐÀO/DHR165	961.632	8%
5348	219020-5	SWASH BEARING 10/DHR242	BẠC ĐẠN ĐÀO/DHR242	641.088	8%
5349	219021-3	SWASH BEARING 10/MT871	BẠC ĐẠN ĐÀO/MT871	233.604	8%
5350	219023-9	SWASH BEARING 10/HR2631F	BẠC ĐẠN ĐÀO/HR2631F	421.308	8%
5351	219024-7	DEEP GROOVE BALL BEARING/EA4301F	BẠC ĐẠN/EA4301F	401.760	8%
5352	219026-3	SWASH BEARING 6/HR140D	BẠC ĐẠN ĐÀO/HR140D	228.960	8%
5353	219029-7	SWASH BEARING 9/HR1841F	BẠC ĐẠN ĐÀO/HR1841F	302.292	8%
5354	219030-2	SWASH BEARING 10/DHR280	BẠC ĐẠN ĐÀO 10/DHR280	343.440	8%
5355	219036-0	SWASH BEARING 9-15/HR2670	BẠC ĐẠN ĐÀO 9-15/HR2670	343.440	8%
5356	221013-0	HELICAL GEAR 44/5900B	NHÔNG 44/5900B	174.096	8%
5357	221070-8	HELICAL GEAR 48/9924DB	NHÔNG 48/9924DB	380.160	8%
5358	221126-7	HELICAL GEAR 47/9105	NHÔNG LỚN 47/9105	410.400	8%
5359	221159-2	HELICAL GEAR 69/5103N	NHÔNG LỚN 69/5103N	2.633.040	8%
5360	221188-5	HELICAL GEAR 54/5201N	NHÔNG LỚN 54/5201N	1.813.428	8%
5361	221193-2	HELICAL GEAR 10/9924DB	NHÔNG NHỎ 10/9924DB	279.396	8%
5362	221194-0	HELICAL GEAR 42/9401	NHÔNG LỚN 42/9401	274.752	8%
5363	221242-5	INTERNAL GEAR 65/6906	NHÔNG 65/6906	1.607.364	8%
5364	221243-3	SPUR GEAR 29/6906	NHÔNG 29/6906	242.784	8%
5365	221261-1	SPUR GEAR 47/DS4011	NHÔNG LỚN/DS4011	128.304	8%
5366	221312-0	SPIRAL BEVEL GEAR 43/9207SPB	NHÔNG LỚN/9207SPB	828.900	8%
5367	221318-8	SPIRAL BEVEL GEAR 14/9500NB	NHÔNG NHỎ/9500NB	314.820	8%
5368	221422-3	WORM GEAR/BUC250	NHÔNG NHỎ/BUC250	112.320	8%
5369	221427-3	WORM GEAR/DUC353	NHÔNG NHỎ/DUC353	56.160	8%
5370	221437-0	SPUR GEAR 17/TD111D	NHÔNG NHỎ/TD111D	96.228	8%
5371	221442-7	SPIRAL BEVEL GEAR 19/DSC250	NHÔNG/DSC250	247.320	8%
5372	221443-5	SPIRAL BEVEL GEAR 9/DFL651F	NHÔNG NHỎ/DFL651F	906.768	8%
5373	221450-8	SPIRAL BEVEL GEAR 10/PO5000C	NHÔNG NHỎ 10/PO5000C	128.304	8%
5374	221453-2	INTERNAL SPUR GEAR 29/PO5000C	NHÔNG LỚN 29/PO5000C	73.332	8%
5375	221457-4	INTERNAL GEAR 51/DTD137	NHÔNG LỚN 51/DTD137	36.720	8%
5376	221462-1	HELICAL GEAR 43/MT243	NHÔNG LỚN/MT243	151.200	8%
5377	221464-7	SPROCKET 6/DUC353	NHÔNG XÍCH/DUC353	32.076	8%
5378	221475-2	SPIRAL BEVEL GEAR 10/MT964	NHÔNG NHỎ/MT964	36.720	8%
5379	221476-0	SPIRAL BEVEL GEAR 37/MT964	NHÔNG LỚN/MT964	87.048	8%
5380	221478-6	GEAR COMPLETE 9-23/DFS250	NHÔNG LỚN/DFS250	138.240	8%
5381	221479-4	SPUR GEAR 34-180/DFS251	NHÔNG LỚN/DFS251	151.200	8%
5382	221481-7	SPIRAL BEVEL GEAR 37/DHR171	NHÔNG/DHR171	146.556	8%
5383	221482-5	SPUR GEAR 8/HR140D	BÁNH RĂNG 8/HR140D	87.048	8%
5384	221483-3	SPUR GEAR 57/HR140D	BÁNH RĂNG 57/HR140D	119.124	8%
5385	221484-1	SPIRAL BEVEL GEAR 19/DUR369	NHÔNG 19/DUR369	503.712	8%
5386	221492-2	HELICAL GEAR 26/DUR189	NHÔNG/DUR189	59.616	8%
5387	221494-8	SPUR GEAR 44/HR1841F	NHÔNG/HR1841F	105.408	8%
5388	221495-6	SPUR GEAR 12/HR1841F	NHÔNG/HR1841F	59.616	8%
5389	221496-4	HELICAL GEAR 23/HR1841F	NHÔNG/HR1841F	82.512	8%
5390	221504-1	SPROCKET 9/UC120D	NHÔNG XÍCH/UC120D	36.720	8%
5391	221514-8	SPROCKET 6/5016B	NHÔNG XÍCH/5016B	123.660	8%
5392	221525-3	SPROCKET 10/2012NB	NHÔNG XÍCH/2012NB	18.360	8%
5393	221526-1	SPROCKET/BUC250	NHÔNG XÍCH/BUC250	73.332	8%
5394	221531-8	MOTOR PINION/DF001D	DC MOTOR/DF001D	4.320	8%
5395	221532-6	SPUR GEAR 20B/DF001D	NHÔNG NHỎ 20B/DF001D	4.320	8%
5396	221537-6	SPUR GEAR 16/DFT127F	NHÔNG NHỎ/DFT127F	9.180	8%
5397	221539-2	SPUR GEAR 14/DFT085F	NHÔNG NHỎ/DFT085F	9.180	8%
5398	221540-7	SPUR GEAR 19/DFT127F	NHÔNG NHỎ/DFT127F	9.180	8%
5399	221542-3	HELICAL GEAR 37/RS001G	NHÔNG 37/RS001G	87.048	8%
5400	221543-1	SPUR GEAR 13/DFT045F	NHÔNG NHỎ/DFT045F	9.180	8%
5401	221544-9	SPUR GEAR 18/DFT045F	NHÔNG NHỎ/DFT045F	9.180	8%
5402	221546-5	INTERNAL GEAR 47/DFT023F	NHÔNG LỚN/DFT023F	36.720	8%
5403	221548-1	HELICAL GEAR 41/DSP601	NHÔNG/DSP601	109.944	8%
5404	221549-9	SPIRAL BEVEL GEAR 36/9553HN	NHÔNG 36/9553HN	108.000	8%
5405	221553-8	SPIRAL BEVEL GEAR 37/HR140D	NHÔNG/HR140D	151.200	8%
5406	221558-8	INTERNAL SPUR GEAR 41/DSC121	NHÔNG 41/DSC121	82.512	8%
5407	221569-3	INTERNAL GEAR 48/DA333D	KHỚP NỐI NHÔNG/DA333D	27.540	8%
5408	221570-8	SPIRAL BEVEL GEAR 6/DA333D	NHÔNG 6/DA333D	17.280	8%
5409	221572-4	SPUR GEAR 17/DA333D	NHÔNG NHỎ 17/DA333D	4.644	8%
5410	221573-2	SPIRAL BEVEL GEAR 14/MT954	NHÔNG 14/MT954	34.560	8%
5411	221574-0	SPIRAL BEVEL GEAR 35/MT954	NHÔNG 35/MT954	73.332	8%
5412	221575-8	HELICAL GEAR 43/HS7010	NHÔNG/HS7010	82.512	8%
5413	221597-8	HELICAL GEAR 47/DHW080	NHÔNG 47/DHW080	174.096	8%
5414	221599-4	SPIRAL BEVEL GEAR 32/DHR280	NHÔNG LỚN 32/DHR280	128.304	8%
5415	221602-1	HELICAL GEAR 44/5800NB	NHÔNG LỚN 44/5800NB	595.296	8%
5416	221607-1	HELICAL GEAR 45/4107R	NHÔNG LỚN 45/4107R	682.344	8%
5417	221623-3	HELICAL GEAR 73/5401N	NHÔNG LỚN 73/5401N	819.720	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5418	221636-4	HELICAL GEAR 53/5016B	NHÔNG LỚN 53/5016B	297.648	8%
5419	221669-9	HELICAL GEAR 41/HM0810	NHÔNG LỚN 41/HM0810	306.828	8%
5420	221676-2	HELICAL GEAR 36/HR3520	NHÔNG LỚN 36/HR3520	238.140	8%
5421	221689-3	HELICAL GEAR 33/HR3830	NHÔNG/HR3830	338.904	8%
5422	221701-9	HELICAL GEAR 50/HM1201	NHÔNG LỚN 50/HM1201	920.484	8%
5423	221730-2	HELICAL GEAR 53/2416S	NHÔNG LỚN 53/2416S	970.812	8%
5424	221756-4	HELICAL GEAR 53/9741	NHÔNG LỚN 53/9741	847.152	8%
5425	221776-8	HELICAL GEAR 19/4100NB	NHÔNG NHỎ 19/4100NB	172.800	8%
5426	221777-6	HELICAL GEAR 41/4100NB	NHÔNG LỚN 41/4100NB	288.576	8%
5427	221793-8	HELICAL GEAR 50/HM1810	NHÔNG LỚN 50/HM1810	570.240	8%
5428	221815-4	INTERNAL GEAR 82/TW1000	KHỚP NỘI NHÔNG/TW1000	2.944.512	8%
5429	221879-8	SPUR GEAR 41/JS3201	NHÔNG LỚN 41/JS3201	315.360	8%
5430	221880-3	SPUR GEAR 44/JN3201	NHÔNG LỚN/JN3201	470.880	8%
5431	221961-3	SPUR GEAR 27/DPT351	NHÔNG/DPT351	32.076	8%
5432	222006-0	V-PULLEY 6-30/1804N	BU LY 6-30/1804N	142.020	8%
5433	222007-8	V-PULLEY 6-23L/1804N	BU LY 6-23/1804N	114.480	8%
5434	222010-9	V-PULLEY 5-25L/9924DB	BU LY 5-25/9924DB	96.228	8%
5435	222011-7	V-PULLEY 5-45/9924DB	BU LY 5-45/9924DB	348.084	8%
5436	222012-5	V-PULLEY 6-24L/9401	BU LY 6-24L/9401	100.764	8%
5437	222038-7	V-PULLEY 6-55.7/9401	BU LY 6-55.7/9401	599.940	8%
5438	222050-7	V-PULLEY 4-24L/1911B	BU LY 4-24/1911B	95.040	8%
5439	222063-8	V-PULLEY 4-38/1911B	BU LY 4-38/1911B	138.240	8%
5440	222072-7	V-PULLEY 3-26/9045B	BU LY 3-26/9045B	68.688	8%
5441	222125-2	V-PULLEY 4-20L/1900B	BU LY 4-20L/1900B	54.972	8%
5442	222126-0	V-PULLEY 4-37/1900B	BU LY 4-37/1900B	82.512	8%
5443	222144-8	PULLEY 8.5-45.1/9910	PULI 8.5-45.1/9910	210.708	8%
5444	222147-2	PULLEY 10-24.1/9403	PULI 10-24.1/9403	219.888	8%
5445	222148-0	PULLEY 11-55.6/9403	PULI 11-55.6/9403	233.604	8%
5446	222154-5	V-PULLEY 8-54/2012NB	BU LY 8-54/2012NB	274.752	8%
5447	222155-3	V-PULLEY 8-23.5L/2012NB	BU LY 8-23.5L/2012NB	87.048	8%
5448	222156-1	PULLEY 9.5-46.0/BS001G	PULY 9.5-46.0/BS001G	187.812	8%
5449	222163-4	V PULLEY 4-20L/KP0800	BU LY 4-20L/KP0800	27.540	8%
5450	222164-2	V PULLEY 4-37/KP0800	BU LY 4-37/KP0800	54.972	8%
5451	222165-0	V-PULLEY 5-32.4/MT111	BU LY 5-32.4/MT111	73.332	8%
5452	222166-8	V-PULLEY 5-23.5L/MT111	BU LY 5-23.5L/MT111	59.616	8%
5453	222168-4	V-PULLEY 6-23/MT941	BU LY 6-23/MT941	87.048	8%
5454	222169-2	V-PULLEY 6-52.9/MT941	BU LY 6-52.9/MT941	91.584	8%
5455	222172-3	V-PULLEY 4-24L/DKP180	BU LY 4-24L/DKP180	36.720	8%
5456	222173-1	V-PULLEY 4-33.5/DKP180	BU LY 4-33.5/DKP180	50.436	8%
5457	222174-9	V PULLEY 5-95.8/EK7651H	PULI 5-95.8/EK7651H	116.640	8%
5458	222175-7	PULLEY 7.5-24.1/DBO180	PU LY 7.5-24.1/DBO180	215.244	8%
5459	222176-5	PULLEY 7.5-40.3/DBO180	PU LY 7.5-40.3/DBO180	238.140	8%
5460	222185-4	BELT PULLEY/EK8100	BU LY/EK8100	267.840	8%
5461	222188-8	PULLEY PJ6/EK6101	PULI/EK6101	54.000	8%
5462	222191-9	PULLEY 17-19.3/DLS111	PULI/DLS111	109.944	8%
5463	222192-7	PULLEY 17-87.8/DLS111	PULI/DLS111	142.020	8%
5464	222193-5	V-PULLEY 4-17L/DKP181	BU LY 4-17L/DKP181	50.436	8%
5465	222194-3	V-PULLEY 4-39.5/DKP181	BU LY 4-39.5/DKP181	91.584	8%
5466	222195-1	PULLEY 14-16.4/DLM160	BULY 14-16.4/DLM160	123.660	8%
5467	222197-7	V PULLEY 7-34.6/DCE090	PULY 7-34.6/DCE090	261.036	8%
5468	222198-5	V PULLEY 7-20.5/DCE090	PULLEY 7-20.5/DCE090	297.648	8%
5469	222199-3	PULLEY 7.5-20.3/DBO480	PULI 7.5-20.3/DBO480	160.272	8%
5470	222200-4	PULLEY 7.5-15.5/DBO480	PULI 7.5-15.5/DBO480	109.944	8%
5471	222201-2	PULLEY 17-70.5/CE001G	PULI 17-70.5/CE001G	435.024	8%
5472	222202-0	PULLEY 17-54.6/CE001G	PULI 17-54.6/CE001G	274.752	8%
5473	222203-8	PULLEY 17-45.0/CE002G	PULY 17-45.0/CE002G	256.500	8%
5474	222204-6	PULLEY 20/UV001G	PULY 20/UV001G	265.680	8%
5475	222205-4	PULLEY 60/UV001G	PULY 60/UV001G	622.836	8%
5476	222206-2	PULLEY 14-33.6/VS001G	PULY 14-33.6/VS001G	389.232	8%
5477	222207-0	PULLEY 17-26.0/VS001G	PULY 17-26.0/VS001G	178.632	8%
5478	222208-8	PULLEY 17.5-33.6/VS001G	PULY 17.5-33.6/VS001G	201.528	8%
5479	222209-6	ROUND PULLEY 6.2-45.7/VS001G	PULY 6.2-45.7/VS001G	68.688	8%
5480	222210-1	ROUND PULLEY 6.2-149.6/VS001G	ROUND PULLEY 6.2-149.6/VS001G	224.424	8%
5481	222211-9	GIDE PULLEY 6.2-19.7/VS001G	PULY 6.2-19.7/VS001G	36.720	8%
5482	222212-7	PULLEY 21-30.7/CE003G	PULY 21-30.7/CE003G	316.008	8%
5483	222213-5	PULLEY 21-27.5/CE003G	PULY 21-27.5/CE003G	316.008	8%
5484	222698S	KEY FLY WHEEL/PLM4631N	CHỐT GÀ/PLM4631N	110.000	10%
5485	223107-7	SPINDLE/6821	TRỤC NHÔNG/6821	475.200	8%
5486	223137-8	CAM A/HP2050	KHỚP NHÔNG/HP2050	41.256	8%
5487	223141-7	CAM A/HP2070	KHỚP NHÔNG/HP2070	41.256	8%
5488	223143-3	CAM C/BFL082F	KHỚP NHÔNG/BFL082F	824.256	8%
5489	223145-9	CAM/SG1251J	VÒNG ĐỆM TAY CAM/SG1251J	60.720	10%
5490	223146-7	CAM D/DFT085F	KHỚP NHÔNG/DFT085F	462.564	8%
5491	223163-7	CLUTCH CAM/BTP140	KHỚP NHÔNG/BTP140	30.240	8%
5492	223167-9	CLUTCH/HR2810	KHỚP NHÔNG/HR2810	87.048	8%
5493	223170-0	CLUTCH CAM 125S/FS6300	KHỚP NHÔNG/FS6300	151.200	8%
5494	223174-2	CLUTCH CAM/MT870	KHỚP NHÔNG/MT870	36.720	8%
5495	223175-0	CAM A/DTP141	NHÔNG CAM A/DTP141	96.228	8%
5496	223176-8	CAM B/DTP141	NHÔNG CAM B/DTP141	45.792	8%
5497	223181-5	CLUTCH CAM 125S/DFS452	KHỚP NHÔNG/DFS452	201.528	8%
5498	223185-7	CAM A/DFT023F	KHỚP NHÔNG/DFT023F	357.264	8%
5499	223186-5	CAM B/DFT023F	KHỚP NHÔNG/DFT023F	435.024	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5500	223188-1	CAM/DDA460	CAM NHÔNG/DDA460	160.272	8%
5501	223202-3	CAM G/DFL303F	MIẾNG ĐỆM G/DFL303F	377.850	10%
5502	223206-5	CAM I/DFL303F	MIẾNG ĐỆM I/DFL303F	438.460	10%
5503	224041-000	UPPER ARM/SJ401	TAY ĐƠN TRÊN/SJ401	297.648	8%
5504	224042-000	LOWER ARM/SJ401	TAY ĐƠN DƯỚI/SJ401	316.008	8%
5505	224053-000	TABLE/SJ401	BÀN MÁY/SJ401	925.020	8%
5506	224613-5	OUTER FLANGE 40/RS002G	MẶT BÍCH NGOÀI/RS002G	42.020	10%
5507	224616-9	FLANGE 10/DTM52	MIẾNG ĐỆM 10/DTM52	32.670	10%
5508	224619-3	OUTER FLANGE 42/HS011G	MẶT BÍCH NGOÀI 42/HS011G	107.360	10%
5509	224620-8	INNER FLANGE 42/HS011G	MẶT BÍCH TRONG 42/HS011G	107.360	10%
5510	224622-4	FLANGE 92/CE001G	MẶT BÍCH NGOÀI 92/CE001G	293.920	10%
5511	224623-2	INNER FLANGE 25/DMC300	MẶT BÍCH TRONG 25/DMC300	46.640	10%
5512	224624-0	OUTER FLANGE 25/DMC300	MẶT BÍCH NGOÀI 25/DMC300	32.670	10%
5513	224632-1	FLANGE 80/CE002G	MẶT BÍCH 80/CE002G	261.250	10%
5514	224635-5	FLANGE 50/CE004G	MẶT BÍCH 50/CE004G	111.980	10%
5515	224641-0	INNER FLANGE 45/GA055G/GA056G	BÍCH KẸP GIỮ ĐÁ MAI/GA055G/GA056G	99.360	8%
5516	225006-9	POLY V-BELT 6-285/1804N	DÂY CUA ROA/1804N	274.752	8%
5517	225007-7	POLY V-BELT 4-241/MT190	DÂY CUA ROA/MT190	142.020	8%
5518	225008-5	POLY V-BELT 5-304/9924DB	DÂY CUA ROA/9924DB	242.784	8%
5519	225049-1	POLY V-BELT 3-250/9045B	DÂY CUA ROA/9045B	183.168	8%
5520	225069-000	BLADE TENSION LEVER/SJ401	THANH DÂY/SJ401	27.540	8%
5521	225069-5	POLY V-BELT 4-272/1911B	DÂY CUA ROA/1911B	228.960	8%
5522	225070-000	HOLD DOWN BLOCK/SJ401	THANH GIỮ DƯỚI/SJ401	93.280	10%
5523	225071-8	POLY V-BELT 4-241/DKP181	DÂY CU-ROA 4-241/DKP181	151.200	8%
5524	225073-000	BLADE SUPPORT/SJ401	GIÁ ĐỖ LƯỚI/SJ401	88.660	10%
5525	225079-2	SYNCHRO BELT 6-300/9910	DÂY CUA ROA/9910	59.616	8%
5526	225081-5	SYNCHRO BELT/9403	DÂY CUA ROA/9403	137.376	8%
5527	225083-000	MOTOR FRONT COVER/SJ401	NÁP BẢO VỆ PHÍA TRƯỚC CỦA MOTOR/SJ401	146.556	8%
5528	225083-1	POLY V-BELT 8-341/2012NB	DÂY CUA ROA/2012NB	320.544	8%
5529	225091-2	POLY V-BELT 6-355/MT941	DÂY CUA ROA/MT941	105.408	8%
5530	225092-0	POLY V-BELT 4-241/MT191	DÂY CUA ROA/MT191	82.512	8%
5531	225094-6	V BELT 5-800/EK7651H	DÂY CUA ROA/EK7651H	725.760	8%
5532	225095-4	SYNCHRO BELT 6-174/DBO180	DÂY CU ROA 6-174/DBO180	100.764	8%
5533	225096-2	POLY V-BELT 5-285/MT111	DÂY CUA ROA/MT111	114.480	8%
5534	225097-0	SYNCHRO BELT 4-176/DCG180	DÂY CUA ROA/DCG180	87.048	8%
5535	225101-5	SYNCHRO BELT 15-756/DLS111	DÂY CUA ROA/DLS111	558.684	8%
5536	225102-3	SYNCHRO BELT 15-810/LS1219L	DÂY CU ROA/LS1219L	686.880	8%
5537	225103-1	SYNCHRO BELT 10-210/DLM160	DÂY CUROA 10-210/DLM160	187.812	8%
5538	225104-9	V BELT 7-454/DCE090	DÂY CU-ROA/DCE090	865.512	8%
5539	225105-7	SYNCHRO BELT 6-108/DBO480	DÂY CUROA 6-108/DBO480	68.688	8%
5540	225106-5	SYNCHRO BELT 15-750/CE001G	DÂY CUROA 15-750/CE001G	1.955.340	8%
5541	225107-3	SYNCHRO BELT 15-880/CE002G	DÂY CUROA 15-880/CE002G	2.252.988	8%
5542	225108-1	SYNCHRO BELT 15-525/UV001G	DÂY CUROA 15-525/UV001G	590.760	8%
5543	225109-9	SYNCHRO BELT 12-699/VS001G	DÂY CUROA 12-699/VS001G	1.552.392	8%
5544	225110-4	ROUND BELT 6-860/VS001G	VÒNG ĐỆM 6-860/VS001G	489.996	8%
5545	225111-2	SYNCHRO BELT 20-500/CE003G	DÂY CUROA 20-500/CE003G	586.224	8%
5546	225112-0	SYNCHRO BELT 20-575/CE004G	DÂY CUROA 20-575/CE004G	654.912	8%
5547	225115-4	SYNCHRO BELT 6-264/BS001G	DÂY CU-ROA 6-264/BS001G	82.512	8%
5548	225520-5	CHAIN 35-46/2012NB	XÍCH MÁY BẢO/2012NB	237.930	10%
5549	226009-6	GEAR COMPLETE 11-47/6016	NHÔNG LỚN/6016	596.160	8%
5550	226012-7	GEAR COMPLETE 13-41/UT1301	NHÔNG LỚN/UT1301	577.044	8%
5551	226028-2	GEAR COMPLETE 7-41/DS4011	NHÔNG NHỎ/DS4011	247.320	8%
5552	226058-3	GEAR COMPLETE 18-46/JS3201	NHÔNG LỚN/JS3201	794.880	8%
5553	226060-6	GEAR COMPLETE 15-46/JN3201	NHÔNG LỚN/JN3201	842.616	8%
5554	226100-0	GEAR COMPLETE 16-38/6905H	NHÔNG 16-38/6905H	583.200	8%
5555	226122-0	GEAR COMPLETE 16-44/LC1230	NHÔNG LỚN/LC1230	403.056	8%
5556	226123-8	GEAR COMPLETE 13-37/JN1601	NHÔNG LỚN/JN1601	760.212	8%
5557	226134-3	GEAR COMPLETE 8-50/2012NB	NHÔNG LỚN/2012NB	233.604	8%
5558	226135-1	GEAR COMPLETE 8-46/2012NB	NHÔNG LỚN/2012NB	256.500	8%
5559	226141-6	GEAR COMPLETE 21-44/PV7001C	NHÔNG 21-44 /PV7001C	1.071.576	8%
5560	226153-9	GEAR COMPLETE 12-41/UT1305	NHÔNG LỚN/UT1305	874.692	8%
5561	226155-5	GEAR COMPLETE 34-48/HM1214C	NHÔNG LỚN/HM1214C	1.630.260	8%
5562	226156-3	GEAR COMPLETE 31-43/HM1307C	NHÔNG LỚN/HM1307C	1.973.700	8%
5563	226157-1	GEAR COMPLETE 17-39/FS2500	NHÔNG LỚN/FS2500	206.064	8%
5564	226158-9	GEAR COMPLETE/DJN161	CỤM NHÔNG/DJN161	632.016	8%
5565	226163-6	SPUR GEAR 21/DSC102	NHÔNG 21/DSC102	9.180	8%
5566	226164-4	INTERNAL GEAR 53/DSC102	NHÔNG 53/DSC102	64.152	8%
5567	226165-2	SPUR GEAR 19/DSC102	NHÔNG 19/DSC102	22.896	8%
5568	226166-0	INTERNAL GEAR 48/DSC102	NHÔNG 48/DSC102	128.304	8%
5569	226168-6	SPUR GEAR 10C/DSC102	NHÔNG 10/DSC102	114.480	8%
5570	226169-4	SPUR GEAR 39/DSC102	NHÔNG 39/DSC102	192.348	8%
5571	226170-9	SPUR GEAR 10/DHR280	NHÔNG CAM 10/DHR280	151.200	8%
5572	226174-1	INTERNAL GEAR 71/DDA460	NHÔNG 71/DDA460	119.124	8%
5573	226175-9	SPUR GEAR 14/DDA460	NHÔNG 14/DDA460	132.840	8%
5574	226176-7	SPUR GEAR 13/DDA460	NHÔNG 13/DDA460	13.824	8%
5575	226177-5	INTERNAL GEAR 40/DDA460	NHÔNG 40/DDA460	137.376	8%
5576	226182-2	INTERNAL GEAR 51/DTD171	NHÔNG 51/DTD171	109.944	8%
5577	226190-3	SPUR GEAR 18/TW140D	NHÔNG NHỎ 18/TW140D	8.640	8%
5578	226191-1	INTERNAL GEAR 45/TW140D	NHÔNG LỚN 45/TW140D	41.256	8%
5579	226192-9	HELICAL GEAR 49/DHS660	NHÔNG LỚN 49/DHS660	87.048	8%
5580	226193-7	SPUR GEAR 13/DSC121	NHÔNG 13/DSC121	22.896	8%
5581	226195-3	SPIRAL BEVEL GEAR 6/DA332D	NHÔNG 6/DA332D	246.240	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5582	226217-9	SPUR GEAR 16/3709	NHÔNG NHỎ/3709	18.360	8%
5583	226242-0	SPUR GEAR 47/HM1810	NHÔNG LỚN/HM1810	1.010.880	8%
5584	226251-9	SPUR GEAR 22/HM1810	NHÔNG LỚN/HM1810	876.960	8%
5585	226269-0	SPUR GEAR 25/6922NB	NHÔNG LỚN/6922NB	293.112	8%
5586	226270-5	SPUR GEAR 25/6922NB	NHÔNG LỚN/6922NB	302.292	8%
5587	226273-9	SPUR GEAR 14/6922NB	NHÔNG LỚN/6922NB	5.376.024	8%
5588	226275-5	SPUR GEAR 11/6922NB	NHÔNG LỚN/6922NB	6.777.216	8%
5589	226279-7	SPUR GEAR 29/TL064D	BÁNH RĂNG 29/TL064D	18.360	8%
5590	226280-2	INTERNAL GEAR 69/TL064D	BÁNH RĂNG BÊN TRONG 69/TL064D	59.616	8%
5591	226283-6	SPUR GEAR 15/VC3211M	NHÔNG 15/VC3211M	9.180	8%
5592	226284-4	SPUR GEAR 15/VC3211M	NHÔNG 15/VC3211M	18.360	8%
5593	226285-2	INTERNAL GEAR 42/VC3211M	NHÔNG 42/VC3211M	100.764	8%
5594	226286-0	SPUR GEAR 34/JN1601	NHÔNG LỚN/JN1601	293.760	8%
5595	226331-1	SUPER GEAR 28-38/HP2040	NHÔNG LỚN/HP2040	228.960	8%
5596	226415-5	HELICAL GEAR 41/2414NB	NHÔNG LỚN 41/2414NB	169.452	8%
5597	226423-6	HELICAL GEAR 41/HP1500	NHÔNG LỚN 41/HP1500	100.764	8%
5598	226427-8	HELICAL GEAR 38/LC1230	NHÔNG LỚN 38/LC1230	233.604	8%
5599	226428-6	HELICAL GEAR 51/4304	NHÔNG LỚN 51/4304	583.200	8%
5600	226444-8	HELICAL GEAR 46/6821	NHÔNG LỚN 46/6821	552.960	8%
5601	226458-7	HELICAL GEAR 29/HR2010	NHÔNG LỚN 29/HR2010	215.244	8%
5602	226459-5	HELICAL GEAR 43/HR2010	NHÔNG LỚN 43/HR2010	311.472	8%
5603	226461-8	HELICAL GEAR 47/5806B	NHÔNG LỚN 47/5806B	100.764	8%
5604	226465-0	HELICAL GEAR 42/LH1040	NHÔNG LỚN 42/LH1040	160.272	8%
5605	226467-6	HELICAL GEAR 47/5060B	NHÔNG LỚN 47/5060B	267.840	8%
5606	226475-7	HELICAL GEAR 30/6922NB	NHÔNG LỚN 30/6922NB	842.616	8%
5607	226476-5	HELICAL GEAR 18/6922NB	NHÔNG NHỎ 18/6922NB	467.100	8%
5608	226510-1	HELICAL GEAR 19/4140	NHÔNG NHỎ 19/4140	220.320	8%
5609	226518-5	HELICAL GEAR 47/2012NB	NHÔNG LỚN 47/2012NB	210.708	8%
5610	226520-8	HELICAL GEAR 10/BS001G	NHÔNG 10/BS001G	228.960	8%
5611	226523-2	HELICAL GEAR 39/N5900B	NHÔNG LỚN 39/N5900B	164.916	8%
5612	226531-3	HELICAL GEAR 25/GD0810C	NHÔNG LỚN 25/GD0810C	352.620	8%
5613	226534-7	HELICAL GEAR 8/DCS232T	NHÔNG NHỎ 8/DCS232T	51.840	8%
5614	226536-3	HELICAL GEAR 43/PV7001C	NHÔNG 43/PV7001C	187.812	8%
5615	226537-1	HELICAL GEAR 39/GV7000	NHÔNG LỚN 39/GV7000	242.784	8%
5616	226551-7	HELICAL GEAR 12/9403	NHÔNG NHỎ 12/9403	228.960	8%
5617	226552-5	HELICAL GEAR 15/4100NH3	NHÔNG NHỎ 15/4100NH3	22.896	8%
5618	226553-3	HELICAL GEAR 34/MT410	NHÔNG LỚN 36/MT410	64.152	8%
5619	226558-3	HELICAL GEAR 37/HP1230	NHÔNG LỚN 37/HP1230	82.080	8%
5620	226559-1	HELICAL GEAR 34/UT1305	NHÔNG LỚN 34/UT1305	421.308	8%
5621	226561-4	HERICAL GEAR 43/UT2204	NHÔNG LỚN 43/UT2204	656.640	8%
5622	226567-2	HELICAL GEAR 28/DA3010	NHÔNG LỚN 28/DA3010	201.528	8%
5623	226572-9	HELICAL GEAR 49/MT241	NHÔNG LỚN 49/MT241	196.992	8%
5624	226578-7	HELICAL GEAR 35/6411	NHÔNG LỚN 35/6411	73.332	8%
5625	226589-2	HELICAL GEAR 37/HP1630	NHÔNG 37/HP1630	68.688	8%
5626	226590-7	HELICAL GEAR 17/DCS232T	NHÔNG NHỎ 17/DCS232T	237.600	8%
5627	226591-5	HELICAL GEAR 48/4131	NHÔNG LỚN 48/4131	370.980	8%
5628	226593-1	HELICAL GEAR 64/2107F	NHÔNG LỚN 64/2107F	164.916	8%
5629	226597-3	HELICAL GEAR 15/6924N	NHÔNG NHỎ 15/6924N	3.718.332	8%
5630	226602-6	HELICAL GEAR 42/2704	NHÔNG LỚN 42/2704	247.320	8%
5631	226605-0	HELICAL GEAR 38/HR4011C	NHÔNG LỚN 38/HR4011C	489.996	8%
5632	226606-8	HELICAL GEAR 49/MUH355	NHÔNG NHỎ 8/MUH355	128.304	8%
5633	226610-7	HELICAL GEAR 38/MT582	NHÔNG LỚN 38/MT582	137.376	8%
5634	226620-4	HELICAL GEAR 23/HR1830	NHÔNG LỚN 23/HR1830	100.764	8%
5635	226623-8	HELICAL GEAR 22/DHR165	NHÔNG LỚN 22/DHR165	219.888	8%
5636	226626-2	HELICAL GEAR 45/DPB180	NHÔNG LỚN 45/DPB180	174.096	8%
5637	226632-7	HELICAL GEAR 25/DHR202	NHÔNG LỚN 25/DHR202	77.760	8%
5638	226634-3	HELICAL GEAR 10/MT941	NHÔNG NHỎ 10/MT941	119.124	8%
5639	226635-1	HELICAL GEAR 15/BCS550	NHÔNG NHỎ/BCS550	91.584	8%
5640	226637-7	HELICAL GEAR 39/CA5000	NHÔNG LỚN 39/CA5000	219.888	8%
5641	226640-8	HELICAL GEAR 23/BCS550	NHÔNG NHỎ/BCS550	95.040	8%
5642	226642-4	HELICAL GEAR 38/HR4030C	NHÔNG LỚN 38/HR4030C	288.576	8%
5643	226648-2	HELICAL GEAR 46/HR4002	NHÔNG LỚN 46/HR4002	174.096	8%
5644	226649-0	HELICAL GEAR 32/HR3530	NHÔNG LỚN 32/HR3530	261.036	8%
5645	226651-3	HELICAL GEAR 30/DWT310	NHÔNG 30/DWT310	1.227.312	8%
5646	226653-9	HELICAL GEAR 29/HR2810	NHÔNG LỚN 29/HR2810	160.272	8%
5647	226655-5	HELICAL GEAR 36/HR4511C	NHÔNG LỚN 36/HR4511C	27.000	8%
5648	226656-3	HELICAL GEAR 26/HR2230	NHÔNG LỚN 26/HR2230	87.048	8%
5649	226671-7	HELICAL GEAR 65/HM1306	NHÔNG LỚN 65/HM1306	934.200	8%
5650	226675-9	HELICAL GEAR 36/DHK180	NHÔNG 36/DHK180	279.396	8%
5651	226681-4	HELICAL GEAR 17/EA3201S	NHÔNG NHỎ 17/EA3201S	86.400	8%
5652	226683-0	HELICAL GEAR 17/4100NH	NHÔNG NHỎ 17/4100NH	87.048	8%
5653	226684-8	HELICAL GEAR 41/4100NH	NHÔNG LỚN 41/4100NH	109.944	8%
5654	226691-1	HELICAL GEAR 57/HM1203C	NHÔNG LỚN 57/HM1203C	888.408	8%
5655	226695-3	HELICAL GEAR 17/4100NH2	NHÔNG NHỎ 17/4100NH2	68.688	8%
5656	226696-1	HELICAL GEAR 44/4100NH2	NHÔNG LỚN 44/4100NH2	87.048	8%
5657	226699-5	HELICAL GEAR 52/HM1214C	NHÔNG LỚN 52/HM1214C	563.328	8%
5658	226711-1	SPIRAL BEVEL GEAR 12/6922NB	NHÔNG NHỎ/6922NB	1.323.432	8%
5659	226720-0	ZEROL BEVEL GEAR 13/TL064D	BÁNH RĂNG/TL064D	595.296	8%
5660	226721-8	ZEROL BEVEL GEAR 13/TL064D	BÁNH RĂNG CÓN/TL064D	361.800	8%
5661	226731-5	SPIRAL BEVEL GEAR 9/HR2010	NHÔNG NHỎ/HR2010	311.472	8%
5662	226732-3	SPIRAL BEVEL GEAR 33/HR2010	NHÔNG LỚN/HR2010	581.580	8%
5663	226737-3	SPIRAL BEVEL GEAR 16/9047	NHÔNG NHỎ/9047	358.560	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5664	226738-1	SPIRAL BEVEL GEAR 53/9047	NHÔNG LỚN/9047	824.256	8%
5665	226739-9	SPIRAL BEVEL GEAR 53/9049	NHÔNG LỚN/9049	1.080.000	8%
5666	226740-4	SPIRAL BEVEL GEAR 12/9049	NHÔNG NHỎ/9049	501.120	8%
5667	226747-0	STRAIGHT BEVEL GEAR/2704	NHÔNG LỚN/2704	64.152	8%
5668	226754-3	SPIRAL BEVEL GEAR 35/9016B	NHÔNG LỚN/9016B	440.640	8%
5669	226756-9	SPIRAL BEVEL GEAR 11/9016B	NHÔNG NHỎ/9016B	267.840	8%
5670	226773-9	SPIRAL BEVEL GEAR 49/9067	NHÔNG LỚN/9067	938.736	8%
5671	226774-7	SPIRAL BEVEL GEAR 15/9067	NHÔNG NHỎ/9067	320.544	8%
5672	226786-0	STRAIGHT BEVEL GEAR 15/2012NB	NHÔNG NHỎ/2012NB	45.792	8%
5673	226791-7	STRAIGHT BEVEL GEAR 15/2012NB	NHÔNG NHỎ/2012NB	41.256	8%
5674	226794-1	SPIRAL BEVEL GEAR 11/9563C	NHÔNG NHỎ/9563C	181.440	8%
5675	226798-3	SPIRAL BEVEL GEAR 36/9523NB	NHÔNG LỚN/9523NB	120.960	8%
5676	226799-1	SPIRAL BEVEL GEAR 11/9523NB	NHÔNG NHỎ/9523NB	56.160	8%
5677	226812-5	GEAR 14-41/6922NB	NHÔNG 14-41/6922NB	2.193.480	8%
5678	226826-4	GEAR COMPLETE 7-46/UT2204	NHÔNG LỚN/UT2204	902.880	8%
5679	226828-0	GEAR 11-47/6924N	NHÔNG LỚN/6924N	1.946.160	8%
5680	226831-1	GEAR 12-31/UH200D	NHÔNG LỚN/UH200D	22.896	8%
5681	226836-1	SPIRAL BEVEL GEAR 6/DA333D	TRỤC NHÔNG 6/DA333D	283.932	8%
5682	226838-7	HELICAL GEAR 37/DHS780	NHÔNG 37/DHS780	114.480	8%
5683	226853-1	SPUR GEAR 12/DHR182	NHÔNG 12/DHR182	96.228	8%
5684	226854-9	SPUR GEAR 44/DHR182	NHÔNG 44/DHR182	114.480	8%
5685	226858-1	SPIRAL BEVEL GEAR 10/GA4050	NHÔNG NHỎ/GA4050	68.688	8%
5686	226859-9	SPIRAL BEVEL GEAR 37/GA4050	NHÔNG LỚN/GA4050	187.812	8%
5687	226861-2	GEAR 10/DGA404	NHÔNG NHỎ/DGA404	50.436	8%
5688	226862-0	SPIRAL BEVEL GEAR 37/DGA404	NHÔNG 37/DGA404	96.228	8%
5689	226865-4	SPUR GEAR 19/DUP362	NHÔNG 19/DUP362	27.540	8%
5690	226866-2	INTERNAL GEAR 49/DUP362	NHÔNG 49/DUP362	87.048	8%
5691	226867-0	SPIRAL BEVEL GEAR 8/HR3001C	BANH RĂNG CÓN 8/HR3001C	206.064	8%
5692	226868-8	SPIRAL BEVEL GEAR 31/HR3001C	BANH RĂNG (NHÔNG) 31/HR3001C	403.056	8%
5693	226869-6	HELICAL GEAR 31/HR3001C	NHÔNG LỚN 31/HR3001C	151.200	8%
5694	226880-8	SPUR GEAR 24/DTW1001	NHÔNG 24/DTW1001	50.436	8%
5695	226884-0	WORM GEAR/DUC256	NHÔNG NHỐT/DUC256	18.360	8%
5696	226885-8	SPUR GEAR 13/DLS800	NHÔNG 13/DLS800	9.180	8%
5697	226886-6	SPUR GEAR 14/DLS800	NHÔNG NHỎ 14/DLS800	13.824	8%
5698	226888-2	SPUR GEAR 19/DSL800	NHÔNG 19/DSL800	17.280	8%
5699	226889-0	INTERNAL GEAR 43/DLS800	NHÔNG 43/DLS800	50.436	8%
5700	226890-5	INTERNAL GEAR 47/DLS800	NHÔNG 47/DLS800	68.688	8%
5701	226892-1	SPUR GEAR 25/ST001G	NHÔNG 25/ST001G	22.896	8%
5702	226895-5	INTERNAL GEAR 39/DTDA040	NHÔNG LỚN/DTDA040	142.020	8%
5703	226896-3	SPUR GEAR 16/DTDA040	NHÔNG 16/DTDA040	64.152	8%
5704	226897-1	INTERNAL GEAR 41/WR100D	NHÔNG 41/WR100D	30.240	8%
5705	226898-9	SPUR GEAR 14/WR100D	BANH RĂNG/WR100D	45.792	8%
5706	226900-8	SPUR GEAR 14/DPB182	NHÔNG 14/DPB182	9.180	8%
5707	226902-4	SPIRAL BEVEL GEAR 15A/DFL020F	TRỤC NHÔNG/DFL020F	1.158.624	8%
5708	226921-0	INTERNAL GEAR 40/DPB183	NHÔNG 40/DPB183	96.228	8%
5709	226922-8	INTERNAL GEAR 39/DPB183	NHÔNG 39/DPB183	54.972	8%
5710	226923-6	SPUR GEAR 13/DPB183	NHÔNG 13/DPB183	9.180	8%
5711	226924-4	SPUR GEAR 11/DPB183	NHÔNG 11/DPB183	13.824	8%
5712	226931-7	HELICAL GEAR 29/DUR369	NHÔNG 29/DUR369	105.408	8%
5713	226932-5	HELICAL GEAR 10/DUR369	NHÔNG 10/DUR369	91.584	8%
5714	226934-1	HELICAL GEAR 46/DHS900	NHÔNG LỚN 46/DHS900	109.944	8%
5715	226935-9	SPUR GEAR 31/BO6050	NHÔNG 31/BO6050	595.296	8%
5716	226937-5	SPIRAL BEVEL GEAR 13/MT90	NHÔNG 13/MT90	36.720	8%
5717	226938-3	SPIRAL BEVEL GEAR 37/MT90	NHÔNG 37/MT90	68.688	8%
5718	226940-6	SPUR GEAR 12/DLM533	NHÔNG 12/DLM533	87.048	8%
5719	226941-4	SPUR GEAR 49/DLM533	NHÔNG 49/DLM533	343.440	8%
5720	226950-3	SPIRAL BEVEL GEAR 10/DGA419	NHÔNG NHỎ/DGA419	100.764	8%
5721	226951-1	SPIRAL BEVEL GEAR 37/DGA419	NHÔNG LỚN/DGA419	151.200	8%
5722	226957-9	INTERNAL GEAR 45/TW141D	NHÔNG LỚN 45/TW141D	43.200	8%
5723	226958-7	HELICAL GEAR 68/DUN500WZ	NHÔNG 68/DUN500WZ	352.620	8%
5724	226961-8	INTERNAL GEAR 56/TD001G	NHÔNG 56/TD001G	119.124	8%
5725	226976-5	SPIRAL BEVEL GEAR 10/GA003	NHÔNG 10/GA003	114.480	8%
5726	226985-4	HELICAL GEAR 25/DHR202	NHÔNG 25/DHR202	82.512	8%
5727	226988-8	SPIRAL BEVEL GEAR 19/EM408MP	NHÔNG 19/EM408MP	64.152	8%
5728	226989-6	SPUR GEAR 15/TW001G	NHÔNG 15/TW001G	90.720	8%
5729	226990-1	SPUR GEAR 11-22/TW001G	NHÔNG 11-22/TW001G	105.408	8%
5730	226991-9	INTERNAL SPUR GEAR 50/TW001G	NHÔNG 50/TW001G	109.944	8%
5731	226992-7	SPROCKET 6/DUA300	NHÔNG XÍCH/DUA300	77.868	8%
5732	226995-1	SPL BEVEL GEAR 18 COMPLETE/DUA300	NHÔNG 18/DUA300	119.124	8%
5733	226996-9	HELIGEAR 16/DUA300	NHÔNG 16/DUA300	68.688	8%
5734	227001-5	INTERNAL GEAR 51/6952	NHÔNG 51/6952	50.436	8%
5735	227019-6	SPUR GEAR 51/HR2230	NHÔNG LỚN/HR2230	109.944	8%
5736	227029-3	SPUR GEAR 10/HR2020	NHÔNG NHỎ/HR2020	146.556	8%
5737	227030-8	SPUR GEAR 29-37/DP4010	NHÔNG LỚN/DP4010	73.332	8%
5738	227048-9	INTERNAL GEAR 47/DFT085F	NHÔNG NHỎ/DFT085F	114.480	8%
5739	227049-7	SPUR GEAR 18/DFL201F	NHÔNG 18/DFL201F	18.360	8%
5740	227050-2	SPUR GEAR 13/DFL301F	NHÔNG NHỎ/DFL301F	22.896	8%
5741	227051-0	SPUR GEAR 19/DFT023F	NHÔNG NHỎ/DFT023F	18.360	8%
5742	227052-8	SPUR GEAR 18/DFL201F	NHÔNG 18/DFL201F	22.896	8%
5743	227092-6	SPUR GEAR 32/TW0200	NHÔNG LỚN/TW0200	238.140	8%
5744	227093-4	INTERNAL GEAR 71/TW0200	NHÔNG LỚN/TW0200	192.348	8%
5745	227104-5	SPUR GEAR 15/DFL301F	NHÔNG NHỎ/DFL301F	22.896	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5746	227109-5	SPUR GEAR 51/DHR202	NHÔNG LỚN/DHR202	155.736	8%
5747	227117-6	SPUR GEAR 20/6922NB	NHÔNG LỚN/6922NB	393.876	8%
5748	227118-4	INTERNAL GEAR 53-66/6922NB	NHÔNG LỚN/6922NB	12.336.408	8%
5749	227119-2	SPUR GEAR 29-37/HP2070	NHÔNG LỚN/HP2070	302.292	8%
5750	227120-7	INTERNAL GEAR 50/DFL301F	NHÔNG LỚN 50/DFL301F	123.660	8%
5751	227129-9	INTERNAL GEAR 46/DSC191	NHÔNG LỚN/DSC191	45.792	8%
5752	227137-0	SPUR GEAR 21/DFL302F	NHÔNG 21/DFL302F	801.360	8%
5753	227138-8	SPUR GEAR 14/DFL301F	NHÔNG NHỎ 14/DFL301F	329.724	8%
5754	227139-6	SPUR GEAR 8/2107F	NHÔNG NHỎ/2107F	517.536	8%
5755	227140-1	SPUR GEAR 26/6924N	NHÔNG LỚN/6924N	627.372	8%
5756	227141-9	SPUR GEAR 11/6924N	NHÔNG NHỎ/6924N	11.933.460	8%
5757	227142-7	SPUR GEAR 26/6924N	NHÔNG LỚN/6924N	659.448	8%
5758	227143-5	SPUR GEAR 10/6924N	NHÔNG NHỎ/6924N	3.576.420	8%
5759	227144-3	SPUR GEAR 18/6924N	NHÔNG NHỎ/6924N	828.900	8%
5760	227149-3	SPUR GEAR 37/TW1000	NHÔNG LỚN/TW1000	435.024	8%
5761	227150-8	INTERNAL GEAR 51/BTD136	NHÔNG LỚN/BTD136	59.616	8%
5762	227152-4	SPUR GEAR 10/DHR165	NHÔNG NHỎ/DHR165	160.272	8%
5763	227153-2	SPUR GEAR 12/UC3041A	NHÔNG NHỎ/UC3041A	27.540	8%
5764	227154-0	SPUR GEAR 43/UC3020A	NHÔNG LỚN/UC3020A	151.200	8%
5765	227155-8	INTERNAL GEAR 46-64/6924N	NHÔNG LỚN/6924N	14.392.512	8%
5766	227166-3	INTERNAL GEAR 69/DPT351	NHÔNG/DPT351	68.688	8%
5767	227170-2	SPUR GEAR 12/DPB180	NHÔNG NHỎ/DPB180	563.328	8%
5768	227171-0	SPUR GEAR 23/DTW450	NHÔNG NHỎ/DTW450	45.792	8%
5769	227172-8	INTERNAL GEAR 53/DTW450	NHÔNG LỚN/DTW450	480.816	8%
5770	227173-6	SPUR GEAR 27/TD022D	NHÔNG LỚN/TD022D	22.896	8%
5771	227176-0	SPUR GEAR 24/HR5211C	NHÔNG LỚN/HR5211C	210.708	8%
5772	227179-4	SPUR GEAR 10/DHR202	NHÔNG NHỎ/DHR202	421.308	8%
5773	227181-7	SPUR GEAR 19/HR4511C	NHÔNG NHỎ/HR4511C	19.440	8%
5774	227182-5	SPUR GEAR 10/HR2230	NHÔNG NHỎ/HR2230	151.200	8%
5775	227188-3	SPUR GEAR 33/HR3200C	NHÔNG LỚN/HR3200C	297.648	8%
5776	227213-0	SPUR GEAR 17/TD090D	NHÔNG NHỎ/TD090D	9.180	8%
5777	227215-6	INTERNAL GEAR 43/TD090D	NHÔNG LỚN/TD090D	54.972	8%
5778	227230-0	SPUR GEAR 29/DDA340	NHÔNG LỚN/DDA340	224.424	8%
5779	227231-8	SPUR GEAR 10/DHR242	NHÔNG NHỎ/DHR242	380.160	8%
5780	227233-4	SPUR GEAR 22/BTD136	NHÔNG LỚN/BTD136	56.160	8%
5781	227239-2	SPUR GEAR 35-180/FS2500	NHÔNG LỚN/FS2500	151.200	8%
5782	227243-1	SPUR GEAR 10/HR2300	NHÔNG NHỎ/HR2300	114.480	8%
5783	227248-1	SPUR GEAR 43/EN420MP	NHÔNG LỚN/EN420MP	216.000	8%
5784	227262-7	SPUR GEAR 16/RT0700C	NHÔNG NHỎ/RT0700C	18.360	8%
5785	227268-5	SPUR GEAR 51/MT870	NHÔNG LỚN/MT870	54.972	8%
5786	227269-3	SPUR GEAR 10/MT870	NHÔNG NHỎ/MT870	100.764	8%
5787	227278-2	SPUR GEAR 32/DA331D	NHÔNG LỚN/DA331D	45.792	8%
5788	227279-0	INTERNAL GEAR 51/DTD129	NHÔNG LỚN/DTD129	22.896	8%
5789	227281-3	SPUR GEAR 93/BUH523	NHÔNG LỚN/BUH523	242.784	8%
5790	227284-7	SPUR GEAR 21/DTP141	NHÔNG 21/DTP141	18.360	8%
5791	227287-1	INTERNAL GEAR 41/DTP141	NHÔNG 41/DTP141	87.048	8%
5792	227309-7	INTERNAL GEAR 48/DCG180	NHÔNG LỚN/DCG180	174.096	8%
5793	227310-2	SPUR GEAR 19A/DCG180	NHÔNG NHỎ/DCG180	77.868	8%
5794	227311-0	SPUR GEAR 19B/DCG180	NHÔNG NHỎ/DCG180	45.792	8%
5795	227312-8	SPUR GEAR 10/DCG180	NHÔNG NHỎ/DCG180	334.368	8%
5796	227314-4	SPUR GEAR 31/DJN161	NHÔNG LỚN 31/DJN161	567.864	8%
5797	227316-0	INTERNAL GEAR 43/TD091D	NHÔNG LỚN/TD091D	68.688	8%
5798	227317-8	SPUR GEAR 24/EN420MP	NHÔNG LỚN/EN420MP	164.916	8%
5799	227318-6	INTERNAL GEAR 39/BTW074	NHÔNG LỚN/BTW074	5.400	8%
5800	227319-4	SPUR GEAR 41/DTP141	NHÔNG 41/DTP141	50.436	8%
5801	227320-9	SPUR GEAR 14B/DTP141	NHÔNG 14/DTP141	13.824	8%
5802	227321-7	SPUR GEAR 16/BTW074	NHÔNG NHỎ/BTW074	5.400	8%
5803	227331-4	SPUR GEAR 14/DPB181	NHÔNG NHỎ/DPB181	9.180	8%
5804	227332-2	INTERNAL GEAR 36/DPB181	NHÔNG LỚN/DPB181	54.972	8%
5805	227336-4	SPUR GEAR 26/HR5212C	NHÔNG LỚN/HR5212C	137.376	8%
5806	227337-2	INTERNAL GEAR 51/DTW280	NHÔNG LỚN/DTW280	59.616	8%
5807	227338-0	SPUR GEAR 22/DTD137	NHÔNG 22/DTD137	109.944	8%
5808	227350-0	SPUR GEAR 22/DTD172	NHÔNG 22/DTD172	41.256	8%
5809	227359-2	SPUR GEAR 10/HR2630	NHÔNG NHỎ/HR2630	288.576	8%
5810	227360-7	SPUR GEAR 51/DHR242	NHÔNG LỚN/DHR242	96.228	8%
5811	227361-5	INTERNAL GEAR 51/DTS141	NHÔNG LỚN/DTS141	581.580	8%
5812	227362-3	SPUR GEAR 22/6980FD	NHÔNG LỚN/D127D/6980FD	36.720	8%
5813	227364-9	SPUR GEAR 14/DFL651F	NHÔNG NHỎ/DFL651F	361.800	8%
5814	227365-7	SPUR GEAR 13/DFL651F	NHÔNG NHỎ/DFL651F	1.025.784	8%
5815	227366-5	SPUR GEAR 18/DFT085F	NHÔNG NHỎ/DFT085F	41.256	8%
5816	227368-1	SPUR GEAR 22/DTS141	NHÔNG NHỎ/DTS141	96.228	8%
5817	227378-8	INTERNAL GEAR 51/DTD149	NHÔNG 51/DTD149	32.076	8%
5818	227386-9	SPUR GEAR 31/BO6050	NHÔNG LỚN/BO6050	505.440	8%
5819	227387-7	INTERNAL GEAR 34/BO6050	NHÔNG LỚN/BO6050	613.656	8%
5820	227389-3	SPUR GEAR 18/DUP361	NHÔNG 18/DUP361	4.644	8%
5821	227390-8	INTERNAL GEAR 48/DUP361	NHÔNG 48/DUP361	64.152	8%
5822	227392-4	INTERNAL SPUR GEAR 54/DTW1001	NHÔNG 54/DTW1001	242.784	8%
5823	227406-9	SPIRAL BEVEL GEAR 11/9523B	NHÔNG/9523B	86.400	8%
5824	227416-6	SPIRAL BEVEL GEAR 40/DDA460	NHÔNG 40/DDA460	656.640	8%
5825	227424-7	SPIRAL BEVEL GEAR 35/9500NB	NHÔNG LỚN/9500NB	201.528	8%
5826	227429-7	SPIRAL BEVEL GEAR 9/SG1251	NHÔNG NHỎ/SG1251	331.992	8%
5827	227430-2	SPIRAL BEVEL GEAR 35/SG1251	NHÔNG LỚN/SG1251	554.148	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5828	227436-0	SPIRAL BEVEL GEAR 9/DA3010	NHÔNG NHỎ/DA3010	223.236	8%
5829	227437-8	SPIRAL BEVEL GEAR 26/DA3010	NHÔNG LỚN/DA3010	389.232	8%
5830	227438-6	SPIRAL BEVEL GEAR 48/4112HS	NHÔNG LỚN/4112HS	1.776.816	8%
5831	227439-4	SPIRAL BEVEL GEAR 57/4114S	NHÔNG LỚN/4114S	1.002.888	8%
5832	227440-9	SPIRAL BEVEL GEAR 9/4112HS	NHÔNG NHỎ/4112HS	586.224	8%
5833	227448-3	SPIRAL BEVEL GEAR 14/MT954	NHÔNG 14/MT954	114.480	8%
5834	227449-1	SPIRAL BEVEL GEAR 35/MT954	NHÔNG 35/MT954	123.660	8%
5835	227451-4	SPIRAL BEVEL GEAR 11/MT961	NHÔNG 11/MT961	137.376	8%
5836	227452-2	SPIRAL BEVEL GEAR 36/MT961	NHÔNG 36/MT961	137.376	8%
5837	227455-6	SPIRAL BEVEL GEAR 38/PW5001C	NHÔNG 38/PW5001C	787.644	8%
5838	227469-5	SPIRAL BEVEL GEAR 9/DFL201F	TRỤC NHÔNG 9/DFL201F	453.384	8%
5839	227470-0	SPIRAL BEVEL GEAR 29/2107F	NHÔNG LỚN/2107F	192.348	8%
5840	227471-8	SPIRAL BEVEL GEAR 11/9553B	NHÔNG NHỎ/9553B	87.048	8%
5841	227478-4	SPIRAL BEVEL GEAR 9/DFL204F	TRỤC NHÔNG 9/DFL204F	677.808	8%
5842	227479-2	SPIRAL BEVEL GEAR 9/DFL301F	NHÔNG 9/DFL301F	723.600	8%
5843	227481-5	SPIRAL BEVEL GEAR 11/2107F	NHÔNG NHỎ/2107F	370.980	8%
5844	227483-1	SPIRAL BEVEL GEAR 15/6924N	NHÔNG NHỎ/6924N	833.436	8%
5845	227488-1	SPIRAL BEVEL GEAR 16/GA7020	NHÔNG NHỎ/GA7020	100.764	8%
5846	227489-9	SPIRAL BEVEL GEAR 53 B/GA7020	NHÔNG LỚN/GA7020	242.784	8%
5847	227490-4	SPIRAL BEVEL GEAR 12/GA9020	NHÔNG NHỎ/GA9020	105.408	8%
5848	227491-2	SPIRAL BEVEL GEAR 53 A/GA9020	NHÔNG LỚN/GA9020	256.500	8%
5849	227492-0	SPIRAL BEVEL GEAR 53C/GA9030	NHÔNG LỚN/GA9030	293.112	8%
5850	227493-8	SPIRAL BEVEL GEAR 53D/GA7030	NHÔNG LỚN/GA7030	288.576	8%
5851	227495-4	STRAIGHT BEVEL GEAR 14/BUC250	NHÔNG NHỎ/BUC250	45.792	8%
5852	227496-2	STRAIGHT BEVEL GEAR 14/BUC250	NHÔNG NHỎ/BUC250	18.360	8%
5853	227499-6	SPIRAL BEVEL GEAR 50/9069	NHÔNG LỚN/9069	283.932	8%
5854	227500-7	SPIRAL BEVEL GEAR 12/9069	NHÔNG NHỎ/9069	91.584	8%
5855	227501-5	SPIRAL BEVEL GEAR 19/DGA402	NHÔNG 19/DGA402	246.240	8%
5856	227502-3	SPIRAL BEVEL GEAR 39/DGA402	NHÔNG 39/DGA402	120.960	8%
5857	227505-7	SPIRAL BEVEL GEAR 37/MT955	NHÔNG 37/MT955	82.512	8%
5858	227506-5	SPIRAL BEVEL GEAR 36/9553B	NHÔNG LỚN/9553B	105.408	8%
5859	227508-1	SPIRAL BEVEL GEAR 27/HR4030C	NHÔNG LỚN/HR4030C	577.044	8%
5860	227509-9	STRAIGHT BEVEL GEAR 25/HR4002	NHÔNG LỚN/HR4002	609.120	8%
5861	227511-2	STRAIGHT BEVEL GEAR 33/HR5211C	NHÔNG LỚN/HR5211C	1.263.924	8%
5862	227512-0	SPIRAL BEVEL GEAR 52/9237C	NHÔNG LỚN/9237C	819.720	8%
5863	227513-8	SPIRAL BEVEL GEAR 11/9565CVR	NHÔNG NHỎ/9565CVR	142.020	8%
5864	227514-6	SPIRAL BEVEL GEAR 38/9565CVR	NHÔNG LỚN 38/9565CVR	242.784	8%
5865	227515-4	SPIRAL BEVEL GEAR 9/HR3530	NHÔNG NHỎ/HR3530	325.188	8%
5866	227516-2	SPIRAL BEVEL GEAR 39/HR3530	NHÔNG LỚN/HR3530	622.836	8%
5867	227517-0	SPIRAL BEVEL GEAR 13/GA5010	NHÔNG NHỎ/GA5010	68.688	8%
5868	227518-8	SPIRAL BEVEL GEAR 34 A/GA5010	NHÔNG LỚN/GA5010	137.376	8%
5869	227519-6	SPIRAL BEVEL GEAR 34B/GA5020	NHÔNG LỚN/GA5020	178.632	8%
5870	227520-1	SPIRAL BEVEL GEAR 11/GA6010	NHÔNG NHỎ/GA6010	73.332	8%
5871	227521-9	SPIRAL BEVEL GEAR 35A/GA6010	NHÔNG LỚN/GA6010	174.096	8%
5872	227522-7	SPIRAL BEVEL GEAR 35B/GA6020	NHÔNG LỚN/GA6020	187.812	8%
5873	227524-3	SPIRAL BEVEL GEAR 9/HR2810	NHÔNG NHỎ/HR2810	311.472	8%
5874	227526-9	STRAIGHT BEVEL GEAR 35/HR4511C	NHÔNG LỚN/HR4511C	1.076.112	8%
5875	227529-3	SPIRAL BEVEL GEAR 11A/MT905	NHÔNG NHỎ/MT905	87.048	8%
5876	227531-6	SPIRAL BEVEL GEAR 37/HR3200C	NHÔNG LỚN/HR3200C	847.152	8%
5877	227532-4	SPIRAL BEVEL GEAR 31/HR2810	NHÔNG LỚN/HR2810	627.372	8%
5878	227533-2	SPIRAL BEVEL GEAR 9/HR3200C	NHÔNG NHỎ/HR3200C	403.056	8%
5879	227536-6	SPIRAL BEVEL GEAR 26/DDA340	NHÔNG LỚN/DDA340	242.784	8%
5880	227541-3	SPIRAL BEVEL GEAR 10/9556HN	NHÔNG NHỎ/9556HN	87.048	8%
5881	227544-7	SPIRAL BEVEL GEAR 36/9553HN	NHÔNG LỚN/9553HN	145.800	8%
5882	227545-5	SPIRAL BEVEL GEAR 10/GA4030	NHÔNG NHỎ/GA4030	59.616	8%
5883	227546-3	SPIRAL BEVEL GEAR 37/GA4030	NHÔNG LỚN/GA4030	105.408	8%
5884	227547-1	SPIRAL BEVEL GEAR 11/MT960	NHÔNG NHỎ/MT960	123.660	8%
5885	227548-9	SPIRAL BEVEL GEAR 36/MT960	NHÔNG LỚN/MT960	142.020	8%
5886	227549-7	SPIRAL BEVEL GEAR 26/DHR263	NHÔNG LỚN/DHR263	123.660	8%
5887	227550-2	SPIRAL BEVEL GEAR 32/LS1016	NHÔNG LỚN/LS1016	119.124	8%
5888	227559-4	SPIRAL BEVEL GEAR 9/GA4032	NHÔNG NHỎ/GA4032	82.512	8%
5889	227560-9	SPIRAL BEVEL GEAR 38/GA4032	NHÔNG LỚN/GA4032	169.452	8%
5890	227561-7	SPIRAL BEVEL GEAR 49/GA9050	NHÔNG LỚN/GA9050	251.856	8%
5891	227562-5	SPIRAL BEVEL GEAR 38/GA7050	NHÔNG LỚN/GA7050	256.500	8%
5892	227563-3	SPIRAL BEVEL GEAR 10B/GA9050	NHÔNG NHỎ/GA9050	91.584	8%
5893	227564-1	SPIRAL BEVEL GEAR 10A/GA7050	NHÔNG NHỎ/GA7050	100.764	8%
5894	227565-9	SPIRAL BEVEL GEAR 35/DLS600	NHÔNG LỚN 35/DLS600	581.580	8%
5895	227588-7	SPIRAL BEVEL GEAR 32/DHR242	NHÔNG LỚN/DHR242	123.660	8%
5896	227591-8	SPIRAL BEVEL GEAR 10/GA4040	NHÔNG NHỎ/GA4040	137.376	8%
5897	227592-6	SPIRAL BEVEL GEAR 38/GA4040	NHÔNG LỚN/GA4040	132.840	8%
5898	227593-4	SPIRAL BEVEL GEAR 9/PC5010C	NHÔNG NHỎ 9/PC5010C	151.200	8%
5899	227594-2	SPIRAL BEVEL GEAR 41/PC5010C	NHÔNG LỚN 41/PC5010C	146.556	8%
5900	227597-6	SPIRAL BEVEL GEAR 11/DPJ180	NHÔNG NHỎ/DPJ180	142.560	8%
5901	227598-4	SPIRAL BEVEL GEAR 36/DPJ180	NHÔNG 36/DPJ180	103.680	8%
5902	227601-1	SPIRAL BEVEL GEAR 31/DA332D	NHÔNG LỚN 31/DA332D	228.960	8%
5903	227602-9	SPIRAL BEVEL GEAR 6/DA331D	NHÔNG NHỎ/DA331D	155.736	8%
5904	227603-7	SPIRAL BEVEL GEAR 31/DA331D	NHÔNG LỚN/DA331D	128.304	8%
5905	227604-5	SPIRAL BEVEL GEAR 9/EN420MP	NHÔNG NHỎ/EN420MP	34.560	8%
5906	227605-3	SPIRAL BEVEL GEAR 22/EN420MP	NHÔNG LỚN/EN420MP	36.720	8%
5907	227606-1	SPIRAL BEVEL GEAR 11/EN420MP	NHÔNG NHỎ/EN420MP	181.440	8%
5908	227607-9	SPIRAL BEVEL GEAR 12/EN420MP	NHÔNG NHỎ/EN420MP	187.812	8%
5909	227608-7	SPIRAL BEVEL GEAR 10/EN420MP	NHÔNG NHỎ/EN420MP	133.920	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5910	227609-5	SPIRAL BEVEL GEAR 47/EN420MP	NHÔNG LỚN/EN420MP	210.708	8%
5911	227612-6	SPIRAL BEVEL GEAR 7/HR4013C	NHÔNG NHỎ/HR4013C	192.348	8%
5912	227613-4	SPIRAL BEVEL GEAR 26/HR4013C	NHÔNG LỚN/HR4013C	384.696	8%
5913	227615-0	SPIRAL BEVEL GEAR 53A/M0920B	NHÔNG LỚN 53A/M0920B	174.096	8%
5914	227616-8	SPIRAL BEVEL GEAR 16/M0920B	NHÔNG NHỎ 16/M0920B	77.868	8%
5915	227617-6	SPIRAL BEVEL GEAR 12/M0921B	NHÔNG NHỎ 12/M0921B	68.688	8%
5916	227618-4	SPIRAL BEVEL GEAR 53B/M0921B	NHÔNG LỚN 53B/M0921B	183.168	8%
5917	227620-7	DRIVE GEAR/DUC254	NHÔNG/DUC254	22.896	8%
5918	227625-7	SPIRAL BEVEL GEAR 33/HR5212C	NHÔNG LỚN/HR5212C	457.920	8%
5919	227626-5	SPIRAL BEVEL GEAR 12/UC4051A	NHÔNG NHỎ/UC4051A	155.736	8%
5920	227627-3	SPIRAL BEVEL GEAR 37/UC4051A	NHÔNG LỚN/UC4051A	192.348	8%
5921	227628-1	SPIRAL BEVEL GEAR 10/HR5212C	NHÔNG NHỎ/HR5212C	174.096	8%
5922	227629-9	SPIRAL BEVEL GEAR 14/EE2650H	NHÔNG NHỎ 14/EE2650H	198.720	8%
5923	227634-6	STRAIGHT BEVEL GEAR 14/UC004G	NHÔNG 14/UC004G	59.616	8%
5924	227637-0	SPIRAL BEVEL GEAR 35A/MT904	NHÔNG LỚN/MT904	178.632	8%
5925	227638-8	SPIRAL BEVEL GEAR 38/MT905	NHÔNG LỚN/MT905	178.632	8%
5926	227647-7	SPIRAL BEVEL GEAR 11/BO6050	NHÔNG NHỎ/BO6050	401.760	8%
5927	227648-5	SPIRAL BEVEL GEAR 43/BO6050	NHÔNG LỚN/BO6050	527.040	8%
5928	227650-8	SPIRAL BEVEL GEAR 7/DJR186	NHÔNG NHỎ 7/DJR186	178.632	8%
5929	227652-4	SPIRAL BEVEL GEAR 13/GA9060	NHÔNG 13/GA9060	100.764	8%
5930	227653-2	SPIRAL BEVEL GEAR 54/GA9060	NHÔNG LỚN/GA9060	251.856	8%
5931	227654-0	SPIRAL BEVEL GEAR 54/GA9061R	NHÔNG LỚN/GA9061R	462.564	8%
5932	227655-8	SPIRAL BEVEL GEAR 17/GA7060	NHÔNG NHỎ/GA7060	105.408	8%
5933	227656-6	SPIRAL GEAR 55/GA7060	NHÔNG LỚN/GA7060	261.036	8%
5934	227657-4	SPIRAL BEVEL GEAR 55/GA7061R	NHÔNG LỚN/GA7061R	435.024	8%
5935	227701-7	HELICAL GEAR 14/LS1016	NHÔNG 14/LS1016	109.944	8%
5936	227702-5	HERICAL GEAR 27/LS1016	NHÔNG LỚN 27/LS1016	100.764	8%
5937	227703-3	HERICAL GEAR 28/LS1016	NHÔNG LỚN 28/LS1016	96.228	8%
5938	227709-1	HELICAL GEAR 47/HM1307C	NHÔNG LỚN 47/HM1307C	783.108	8%
5939	227716-4	HELICAL GEAR 34/BJS160	NHÔNG LỚN 34/BJS160	704.160	8%
5940	227719-8	HELICAL GEAR 26/HR2300	NHÔNG LỚN 26/HR2300	68.688	8%
5941	227720-3	HELICAL GEAR 33/BBC231U	NHÔNG LỚN 33/BBC231U	865.512	8%
5942	227721-1	HELICAL GEAR 16/DUX60	NHÔNG 16/DUX60	91.584	8%
5943	227726-1	HELICAL GEAR 31/DLS600	NHÔNG 31/DLS600	512.892	8%
5944	227727-9	HELICAL GEAR 39/DLS600	NHÔNG 39/DLS600	815.184	8%
5945	227728-7	HELICAL GEAR 47/UH200D	NHÔNG LỚN 47/UH200D	32.076	8%
5946	227731-8	HELICAL GEAR 40/JS1601	NHÔNG LỚN 40/JS1601	696.060	8%
5947	227735-0	HELICAL GEAR 9B/CC300D	NHÔNG LỚN 36/CC300D	68.688	8%
5948	227736-8	HELICAL GEAR 28/CC300D	NHÔNG LỚN 28/CC300D	64.152	8%
5949	227737-6	HELICAL GEAR 47/CC300D	NHÔNG LỚN 47/CC300D	82.512	8%
5950	227738-4	HELICAL GEAR 17/MT412	NHÔNG NHỎ/MT412	73.332	8%
5951	227739-2	HELICAL GEAR 44/MT412	NHÔNG LỚN 44/MT412	77.868	8%
5952	227742-3	HELICAL GEAR 35/MT60	NHÔNG LỚN 35/MT60	50.436	8%
5953	227743-1	HELICAL GEAR 11/EA4301F	NHÔNG XÍCH 11/EA4301F	7.560	8%
5954	227744-9	HELICAL GEAR 18/EA4301F	NHÔNG XÍCH 18/EA4301F	7.560	8%
5955	227748-1	HELICAL GEAR 27/MT871	NHÔNG LỚN 27/MT871	36.720	8%
5956	227752-0	HELICAL GEAR 27/BCS550	NHÔNG LỚN/BCS550	96.228	8%
5957	227760-1	HELICAL GEAR 44/JS1602	NHÔNG LỚN 44/JS1602	254.880	8%
5958	227761-9	HELICAL GEAR 37/MT817	NHÔNG 37/MT817	68.688	8%
5959	227762-7	HELICAL GEAR 14/M0401B	NHÔNG NHỎ 14/M0401B	18.360	8%
5960	227763-5	HELICAL GEAR 32/M0401B	NHÔNG LỚN 32/M0401B	64.152	8%
5961	227764-3	HELICAL GEAR 39/MT80A	NHÔNG LỚN 39/MT80A	64.152	8%
5962	227766-9	HELICAL GEAR 47/GS5000	NHÔNG 47/GS5000	338.904	8%
5963	227767-7	HELICAL GEAR 34/4100NH3	NHÔNG LỚN 34/4100NH3	100.764	8%
5964	227768-5	HELICAL GEAR 38/MT583	NHÔNG 38/MT583	123.660	8%
5965	227769-3	HELICAL GEAR 41N/FS4000	NHÔNG LỚN 41/FS4000	137.376	8%
5966	227772-4	HELICAL GEAR 37/HR4013C	NHÔNG LỚN/HR4013C	160.272	8%
5967	227773-2	HELICAL GEAR 31/BUR182U	NHÔNG LỚN 31/BUR182U	90.720	8%
5968	227776-6	HELICAL GEAR 34/DP2010	NHÔNG LỚN 34/DP2010	109.944	8%
5969	227786-3	HELICAL GEAR 49/DHS710	NHÔNG LỚN 49/DHS710	114.480	8%
5970	227788-9	HELICAL GEAR 46/HR5212C	NHÔNG LỚN 46/HR5212C	238.140	8%
5971	227792-8	HELICAL GEAR 35/MT860	NHÔNG 35/MT860	174.096	8%
5972	227793-6	HELICAL GEAR 38/HS6600	NHÔNG LỚN 38/HS6600	132.840	8%
5973	227794-4	HELICAL GEAR 50/DHS680	NHÔNG LỚN 50/DHS680	114.480	8%
5974	227806-3	HELICAL GEAR 37/HP1630	NHÔNG LỚN 37/HP1630	132.840	8%
5975	227807-1	HERICAL GEAR 17/DCS551	NHÔNG NHỎ 17/DCS551	105.408	8%
5976	227808-9	HERICAL GEAR 24/DCS551	NHÔNG LỚN 24 DCS551/DCS551	96.228	8%
5977	227809-7	HERICAL GEAR 30/DCS551	NHÔNG LỚN 30/DCS551	100.764	8%
5978	227811-0	HELICAL GEAR 50/LW1400	NHÔNG LỚN 50/LW1400	265.680	8%
5979	227813-6	SPUR GEAR 21/DTW700	NHÔNG NHỎ 21/DTW700	54.972	8%
5980	227814-4	INTERNAL SPUR GEAR 48/DTW700	NHÔNG LỚN 48/DTW700	96.228	8%
5981	227830-6	HELICAL GEAR 32/DUR192L	NHÔNG 32/DUR192L	50.436	8%
5982	227832-2	HELICAL GEAR 53/HM1511	NHÔNG 53/HM1511	361.800	8%
5983	227833-0	GEAR COMPLETE 31-45/HM1511	NHÔNG 31-45/HM1511	489.996	8%
5984	227834-8	HELICAL GEAR 16/UX01GZ	NHÔNG 16/UX01GZ	64.152	8%
5985	227836-4	SPIRAL BEVEL GEAR 33/LS002G	BÀNH RĂNG CÓN XOÀN 33/LS002G	151.200	8%
5986	227837-2	HELICAL GEAR 30/LS002G	NHÔNG 30/LS002G	123.660	8%
5987	227838-0	HELICAL GEAR 43/LS002G	NHÔNG 43/LS002G	87.048	8%
5988	227848-7	HELICAL GEAR 33/DUX18	NHÔNG 33/DUX18	82.512	8%
5989	227849-5	HELICAL GEAR 16/DUX18	NHÔNG 16/DUX18	64.152	8%
5990	227855-0	HELICAL GEAR 45/DCC500	NHÔNG LỚN/DCC500	82.512	8%
5991	227859-2	SPUR GEAR 9/FN001G	NHÔNG NHỎ/FN001G	82.512	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5992	227860-7	SPUR GEAR 29/FN001G	NHÔNG LỚN/FN001G	27.540	8%
5993	227873-8	HELICAL GEAR 57/RS002G	NHÔNG 57/RS002G	164.916	8%
5994	227877-0	SPUR GEAR 25/DDA450	NHÔNG 25/DDA450	9.180	8%
5995	227878-8	INTERNAL SPUR GEAR 62/DDA450	NHÔNG 62/DDA450	123.660	8%
5996	227880-1	SPUR GEAR 13/DDA450	NHÔNG 13/DDA450	9.180	8%
5997	227881-9	INTERNAL SPUR GEAR 48/DDA450	NHÔNG 48/DDA450	50.436	8%
5998	227882-7	INTERNAL GEAR 51/DTD172	NHÔNG 51/DTD172	105.408	8%
5999	227883-5	HELICAL GEAR 11/DUR192L	NHÔNG 11/DUR192L	51.840	8%
6000	227891-6	SPUR GEAR 28/TW007G	NHÔNG 28/TW007G	64.152	8%
6001	227892-4	INTERNAL SPUR GEAR 65/TW007G	NHÔNG 65/TW007G	64.152	8%
6002	227896-6	SPIRAL BEVEL GEAR 11/GA5080	NHÔNG 11/GA5080	77.868	8%
6003	227897-4	SPIRAL BEVEL GEAR 38/GA5080	NHÔNG 38/GA5080	192.348	8%
6004	227900-1	SPIRAL BEVEL GEAR 18/EY403MP	NHÔNG 18/EY403MP	119.124	8%
6005	227905-1	SPROCKET 7/UC021G	NHÔNG XÍCH 7/UC021G	293.112	8%
6006	227908-5	INTERNAL GEAR 51/DTWA260	NHÔNG 51/DTWA260	270.216	8%
6007	227912-4	SPUR GEAR 11/DLM480	NHÔNG 11/DLM480	54.972	8%
6008	227913-2	SPUR GEAR 49/DLM480	NHÔNG 49/DLM480	155.736	8%
6009	227915-8	SPUR GEAR 24/TD001G	NHÔNG 24/TD001G	38.880	8%
6010	227916-6	SPIRAL BEVEL GEAR 11/GA5090	NHÔNG 11/GA5090	109.944	8%
6011	227917-4	SPIRAL BEVEL GEAR 38/GA5090	NHÔNG 38/GA5090	297.648	8%
6012	227918-2	HELICAL GEAR 49/HS011G	NHÔNG 49/HS011G	128.304	8%
6013	227920-5	SPIRAL BEVEL GEAR 40/DDA460	NHÔNG 40/DDA460	192.348	8%
6014	227921-3	SPIRAL BEVEL GEAR 15/CE001G	NHÔNG 15/CE001G	109.944	8%
6015	227922-1	SPIRAL BEVEL GEAR 53/CE001G	NHÔNG 53/CE001G	325.188	8%
6016	227924-7	SPUR GEAR 15/DFT060T	NHÔNG 15/DFT060T	27.540	8%
6017	227925-5	INTERNAL GEAR 47/DFT060T	VỎ NHÔNG 47/DFT060T	270.216	8%
6018	227926-3	SPUR GEAR 24/TD001G	NHÔNG 24/TD001G	50.436	8%
6019	227930-2	SPIRAL BEVEL GEAR 11/PB002G	NHÔNG 11/PB002G	146.556	8%
6020	227931-0	SPIRAL BEVEL GEAR 29/PB002G	NHÔNG 29/PB002G	137.376	8%
6021	227932-8	SPUR GEAR 12/PB002G	NHÔNG 12/PB002G	192.348	8%
6022	227933-6	SPUR GEAR 39/PB002G	NHÔNG 39/PB002G	302.292	8%
6023	227934-4	HELICAL GEAR 61/PB002G	NHÔNG 61/PB002G	137.376	8%
6024	227935-2	SPUR GEAR 15/TW001G	NHÔNG 15/TW001G	96.228	8%
6025	227944-1	HELICAL GEAR 29/CS002G	NHÔNG 29/CS002G	114.480	8%
6026	227949-1	HELICAL GEAR 48/DUR193	NHÔNG 48/DUR193	45.792	8%
6027	227953-0	SPIRAL BEVEL GEAR 52/PV001G	NHÔNG 52/PV001G	192.348	8%
6028	227954-8	SPIRAL BEVEL GEAR 15/GA7080	NHÔNG 15/GA7080	105.408	8%
6029	227956-4	SPUR GEAR 24/TD002G	NHÔNG 24/TD002G	59.616	8%
6030	227957-2	INTERNAL SPUR GEAR 56/TD002G	NHÔNG LỚN 56/TD002G	45.792	8%
6031	227959-8	SPIRAL BEVEL GEAR 19/DGA402	NHÔNG 19/DGA402	142.020	8%
6032	227960-3	SPIRAL BEVEL GEAR 39/DGP183	NHÔNG 39/DGA402	160.272	8%
6033	227984-9	HELICAL GEAR 13/UT001G	NHÔNG 13/UT001G	100.764	8%
6034	227985-7	HELICAL GEAR 34/UT001G	NHÔNG 34/UT001G	210.708	8%
6035	227989-9	SPUR GEAR 16/DUC307	NHÔNG 16/DUC307	73.332	8%
6036	227990-4	SPUR GEAR 73/DUC307	NHÔNG 73/DUC307	109.944	8%
6037	227998-8	SPIRAL BEVEL GEAR 53/GA7080	NHÔNG 53/GA7080	279.396	8%
6038	227A00-3	SPUR GEAR 12/LM001G	NHÔNG 12/LM001G	64.152	8%
6039	227A01-1	SPUR GEAR 15/LM001G	NHÔNG 15/LM001G	64.152	8%
6040	227A02-9	SPUR GEAR 47/LM001G	NHÔNG 47/LM001G	160.272	8%
6041	227A08-7	SPUR GEAR 19/HR4511C	NHÔNG NHỎ/HR4511C	187.812	8%
6042	227A17-6	SPIRAL BEVEL GEAR 53/UC100D	NHÔNG 53/UC100D	178.632	8%
6043	227A40-1	HELICAL GEAR 52/HS012G	NHÔNG 52/HS012G	119.124	8%
6044	227A47-7	ZEROL BEVEL GEAR 21/UR014G	NHÔNG 21/UR014G	59.616	8%
6045	227A50-8	INTERNAL GEAR 41/PP001G	NHÔNG 41/PP001G	146.556	8%
6046	227A51-6	SPUR GEAR 13/PP001G	NHÔNG 13/PP001G	77.868	8%
6047	227A60-5	ZEROL BEVEL GEAR 9/UP100D	NHÔNG 9/UP100D	210.708	8%
6048	227A61-3	INTERNAL GEAR 43/UP100D	NHÔNG 43/UP100D	1.653.156	8%
6049	227A62-1	SPUR GEAR 15/DUP180	NHÔNG 15/DUP180	160.272	8%
6050	227A63-9	SPUR GEAR 14/UP100D	NHÔNG 14/UP100D	160.272	8%
6051	227A64-7	SPUR GEAR 17/UP100D	NHÔNG 17/UP100D	160.272	8%
6052	227A65-5	SPIRAL BEVEL GEAR 37/GA048G	NHÔNG 37/GA048G	128.304	8%
6053	227A69-7	SPIRAL BEVEL GEAR 11/EN402MP	NHÔNG NHỎ 11/EN402MP	119.124	8%
6054	227A70-2	SPIRAL BEVEL GEAR 25/EN402MP	NHÔNG NHỎ 25/EN402MP	123.660	8%
6055	227A71-0	SPIRAL BEVEL GEAR 15/EN402MP	NHÔNG CÓN XOÀN 15/EN402MP	233.604	8%
6056	227A72-8	SPIRAL BEVEL GEAR 31/EN402MP	NHÔNG NHỎ 31/EN402MP	169.452	8%
6057	227A84-1	SPIRAL BEVEL GEAR 9/EN420MP	NHÔNG NHỎ/EN420MP	109.944	8%
6058	227A85-9	SPIRAL BEVEL GEAR 22/EN420MP	NHÔNG LỚN/EN420MP	132.840	8%
6059	227A88-3	SPIRAL BEVEL GEAR 11/EN424MP	NHÔNG NHỎ 11/EN424MP	119.124	8%
6060	227A89-1	SPIRAL BEVEL GEAR 52/EN424MP	NHÔNG NHỎ 52/EN424MP	265.680	8%
6061	227A92-2	INTERNAL GEAR 51/TD003G	NHÔNG LỚN 51/TD003G	36.720	8%
6062	227A97-2	SPUR GEAR 12/HR010G	NHÔNG 12/HR010G	100.764	8%
6063	227B03-3	SPIRAL BEVEL GEAR 55/GA7090/GA9090	NHÔNG 55/GA7090/GA9090	242.784	8%
6064	227B04-1	SPIRAL BEVEL GEAR 54/GA7090/GA9090	NHÔNG LỚN 54/GA7090/GA9090	251.856	8%
6065	227B08-3	SPIRAL BEVEL GEAR 17/GA7090	NHÔNG NHỎ/GA7090	100.764	8%
6066	227B09-1	SPUR GEAR 16/RM350D	NHÔNG 16/RM350D	215.244	8%
6067	227B10-6	SPUR GEAR 27/RM350D	NHÔNG 27/RM350D	238.140	8%
6068	227B14-8	WORM GEAR/WA400MP	TRỤC NHÔNG TRUYỀN ĐỘNG/WA400MP	531.252	8%
6069	227B16-4	HELICAL GEAR 52 A/HM004G	NHÔNG 52/HM004G	865.512	8%
6070	227B17-2	GEAR COMPLETE 21-52/HM004G	CỤM NHÔNG 21-52/HM004G	1.144.800	8%
6071	227B18-0	ZEROL BEVEL GEAR 9/DUP180	NHÔNG 9/DUP180	210.708	8%
6072	227B20-3	STRAIGHT BEVEL GEAR 14/UC022G	BÁNH RĂNG 14/UC022G	18.360	8%
6073	227B35-0	SPUR GEAR 14/DFL303F	NHÔNG 14/DFL303F	87.048	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6074	227B36-8	SPIRAL BEVEL GEAR 9/DFL303F	NHÔNG 9/DFL303F	943.380	8%
6075	227B37-6	INTERNAL GEAR 50/DFL303F	NHÔNG 50/DFL303F	114.480	8%
6076	227B39-2	SPUR GEAR 16/DFL404F	NHÔNG 16/DFL404F	142.020	8%
6077	227B42-3	HELICAL GEAR 45/DP4020/DP4021	NHÔNG 45/DP4020/DP4021	82.512	8%
6078	227B43-1	SPUR GEAR 17/CE003G	NHÔNG 17/CE003G	59.616	8%
6079	227B44-9	SPUR GEAR 18/CE003G	NHÔNG 18/CE003G	22.896	8%
6080	227B45-7	INTERNAL GEAR 55/CE003G	NHÔNG 55/CE003G	91.584	8%
6081	227B46-5	SPUR GEAR 16/CE004G	NHÔNG 16/CE004G	68.688	8%
6082	227B47-3	SPUR GEAR 27/CE004G	NHÔNG 27/CE004G	18.360	8%
6083	227B48-1	INTERNAL GEAR 72/CE004G	NHÔNG 72/CE004G	91.584	8%
6084	227B56-2	SPUR GEAR 9/HR2670	NHÔNG 9/HR2670	87.048	8%
6085	227B57-0	SPUR GEAR 40/HR2670	NHÔNG 40/HR2670	105.408	8%
6086	227B58-8	INTERNAL GEAR 57/TW009G	NHÔNG LỚN 57/TW009G	242.784	8%
6087	227B61-9	SPIRAL BEVEL GEAR 31/TW009G	NHÔNG 31/TW009G	119.124	8%
6088	227B63-5	SPUR GEAR 9/TW009G	TRỤC NHÔNG 9/TW009G	87.048	8%
6089	227B64-3	SPUR GEAR 24/TW009G	NHÔNG NHỎ 24/TW009G	64.152	8%
6090	227B67-7	SPIRAL BEVEL GEAR 71/DUA200	NHÔNG LỚN 71/DUA200	242.784	8%
6091	227B85-5	HELICAL GEAR 61/HS013G	NHÔNG 61/HS013G	338.904	8%
6092	227B90-2	SPIRAL BEVL GEAR 37/9556HN	NHÔNG 37/9556HN	96.228	8%
6093	227B91-0	SPIRAL BEVEL GEAR 11/9553HN	NHÔNG NHỎ 11/9553HN	47.520	8%
6094	227B92-8	SPIRAL BEVEL GEAR 36/9553HN	NHÔNG LỚN 36/9553HN	95.040	8%
6095	227C02-1	SPIRAL BEVEL GEAR 37/GA055G/GA056G	NHÔNG 37/GA055G/GA056G	185.760	8%
6096	227C36-4	SPROCKET8/UC030G	NHÔNG XÍCH/UC030G	283.932	8%
6097	227C39-8	SPIRAL BEVEL GEAR 59/JR003G	NHÔNG 59/JR003G	407.592	8%
6098	227C40-3	ZEROL BEVEL GEAR 9/DUP181	NHÔNG 9/DUP181	133.920	8%
6099	227C41-1	INTERNAL GEAR 43/DUP181	NHÔNG 43/DUP181	211.680	8%
6100	227C43-7	SPUR GEAR 15/DUP181	NHÔNG 15/DUP181	38.880	8%
6101	227C44-5	SPUR GEAR 14/DUP181	NHÔNG 14/DUP181	38.880	8%
6102	227C47-9	HELICAL GEAR 11/UC031G	NHÔNG 11/UC031G	142.560	8%
6103	227C48-7	HELICAL GEAR 18/UC031G	NHÔNG 18/UC031G	116.640	8%
6104	231004-3	COMPRESSION SPRING 18/1911B	LÒ XO 18/1911B	14.080	10%
6105	231005-1	COMPRESSION SPRING 7/3600H	LÒ XO 7/3600H	4.730	10%
6106	231007-7	COMPRESSION SPRING 6/DHS661	LÒ XO 6/DHS661	4.730	10%
6107	231025-5	COMPRESSION SPRING 8/BUC250	LÒ XO/BUC250	4.400	10%
6108	231026-3	COMPRESSION SPRING 4/LS1016	LÒ XO/LS1016	4.730	10%
6109	231033-6	COMPRESSION SPRING 11/9924DB	LÒ XO 11/9924DB	13.200	10%
6110	231037-8	COMPRESSION SPRING 7/3600H	LÒ XO/3600H	4.730	10%
6111	231038-6	COMPRESSION SPRING 6/DLS600	LÒ XO 6/DLS600	4.730	10%
6112	231113-8	COMPRESSION SPRING 12/DUR193	LÒ XO 12/DUR193	4.730	10%
6113	231135-8	COMPRESSION SPRING 37/6906	LÒ XO 37/6906	121.330	10%
6114	231139-0	COMPRESSION SPRING 9/6802BV	LÒ XO/6802BV	4.730	10%
6115	231142-1	COMPRESSION SPRING 10/3612br	LÒ XO/3612BR	4.730	10%
6116	231211-8	COMPRESSION SPRING 36/TW1000	LÒ XO/TW1000	256.520	10%
6117	231225-7	COMPRESSION SPRING 16/9403	LÒ XO/9403	125.950	10%
6118	231226-5	COMPRESSION SPRING 11/2012NB	LÒ XO 11/2012NB	4.730	10%
6119	231227-3	COMPRESSION SPRING 15/DLM460	LÒ XO 15/DLM460	9.350	10%
6120	231231-2	COMPRESSION SPRING 12/3612br	LÒ XO/3612BR	4.730	10%
6121	231233-8	COMPRESSION SPRING 24/1804N	LÒ XO 24/1804N	30.800	10%
6122	231234-6	COMPRESSION SPRING 3.5/DHS783	LÒ XO 3.5/DHS783	9.350	10%
6123	231240-1	COMPRESSION SPRING 7/2414NB	LÒ XO 7/2414NB	4.730	10%
6124	231252-4	COMPRESSION SPRING 6/GD0600	LÒ XO 6/GD0600	4.730	10%
6125	231282-5	COMPRESSION SPRING 2.4/PJ7000	LÒ XO 2.4/PJ7000	4.400	10%
6126	231294-8	COMPRESSION SPRING 6/5016B	LÒ XO/5016B	9.350	10%
6127	231297-2	COMPRESSION SPRING 9/2704	LÒ XO/2704	9.350	10%
6128	231298-0	COMPRESSION SPRING 6/BUC250	LÒ XO/BUC250	4.400	10%
6129	231309-1	COMPRESSION SPRING 5/JR3060T	LÒ XO 5/JR3060T	9.350	10%
6130	231314-8	COMPRESSION SPRING 4/4304	LÒ XO/4304	4.730	10%
6131	231315-6	COMPRESSION SPRING 14/2704	LÒ XO/2704	14.080	10%
6132	231316-4	COMPRESSION SPRING 7/5806B	LÒ XO/5806B	9.350	10%
6133	231325-3	COMPRESSION SPRING 6/LS1019L	LÒ XO 6/LS1019L	4.730	10%
6134	231326-1	COMPRESSION SPRING 6/BS001G	LÒ XO 6/BS001G	9.350	10%
6135	231329-5	COMPRESSION SPRING 11/3612BR	LÒ XO 11/3612BR	22.000	10%
6136	231372-4	COMPRESSION SPRING 5/RP1800	LÒ XO/RP1800	9.350	10%
6137	231396-0	COMPRESSION SPRING 6/DST421	LÒ XO/DST421	8.800	10%
6138	231397-8	COMPRESSION SPRING 4/2414NB	LÒ XO/2414NB	4.730	10%
6139	231401-3	COMPRESSION SPRING 7/DLM533	LÒ XO/DLM533	4.730	10%
6140	231402-1	COMPRESSION SPRING 7/4131	LÒ XO 7/4131	9.350	10%
6141	231403-9	COMPRESSION SPRING 3/DSC102	LÒ XO 3/DSC102	4.730	10%
6142	231416-0	COMPRESSION SPRING 10/RP0900	LÒ XO 10/RP0900	14.080	10%
6143	231417-8	COMPRESSION SPRING 10/RP0900	LÒ XO 10/RP0900	14.080	10%
6144	231418-6	COMPRESSION SPRING 9/LC1230	LÒ XO 9/LC1230	4.400	10%
6145	231419-4	COMPRESSION SPRING 5/RP2301FC	LÒ XO 5/RP2301FC	14.080	10%
6146	231433-0	COMPRESSION SPRING 4/6261DWE	LÒ XO/6261DWE	4.730	10%
6147	231449-5	COMPRESSION SPRING 11/2107F	LÒ XO/2107F	23.320	10%
6148	231457-6	COMPRESSION SPRING 3/HM1306	LÒ XO/HM1306	4.730	10%
6149	231459-2	COMPRESSION SPRING 13/2012NB	LÒ XO/2012NB	23.320	10%
6150	231469-9	COMPRESSION SPRING 4/BCS550	LÒ XO/BCS550	4.400	10%
6151	231473-8	COMPRESSION SPRING 4/BBC231U	LÒ XO/BBC231U	4.400	10%
6152	231474-6	COMPRESSION SPRING 4/DC36RA	LÒ XO/DC36RA	4.730	10%
6153	231490-8	COMPRESSION SPRING 5/BO6050	LÒ XO/BO6050	8.800	10%
6154	231534-4	TORSION SPRING 4/9045B	LÒ XO 4/9045B	4.730	10%
6155	231541-7	TORSION SPRING 17/2704	LÒ XO/2704	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6156	231542-5	TORSION SPRING 17/2704	LỖ XO 17/2704	4.730	10%
6157	231569-5	TORSION SPRING 30/2416S	LỖ XO 30/2416S	140.800	10%
6158	231574-2	TORSION SPRING 15/3612br	LỖ XO 15/3612BR	9.350	10%
6159	231588-1	TORSION SPRING 9/2012NB	LỖ XO 9/2012NB	14.080	10%
6160	231593-8	TORSION SPRING 36/LH1040	LỖ XO 36/LH1040	9.350	10%
6161	231634-0	TORSION SPRING 45/LS1019L	LỖ XO 45/LS1019L	9.350	10%
6162	231640-5	TORSION SPRING 20/UC3041A	LỖ XO 20/UC3041A	4.730	10%
6163	231643-9	TORSION SPRING 38/LC1230	LỖ XO 38/LC1230	18.700	10%
6164	231646-3	TORSION SPRING 14/LS1019L	LỖ XO 14/LS1019L	4.730	10%
6165	231647-1	TORSION SPRING 4/BO3700	LỖ XO 4/BO3700	4.730	10%
6166	231655-2	TORSION SPRING 11/SG1251J	LỖ XO 11/SG1251J	28.050	10%
6167	231657-8	TORSION SPRING 6/DDA460	LỖ XO 6/DDA460	18.700	10%
6168	231659-4	TORSION SPRING 6/4350CT	LỖ XO 6/4350CT	32.670	10%
6169	231660-9	TORSION SPRING 15/4350CT	LỖ XO 15/4350CT	14.080	10%
6170	231661-7	TORSION SPRING 9/DSD180	LỖ XO/DSD180	4.400	10%
6171	231664-1	TORSION SPRING 9/DLS600	LỖ XO/DLS600	4.730	10%
6172	231665-9	TORSION SPRING 7/SP6000	LỖ XO/SP6000	4.400	10%
6173	231666-7	TORSION SPRING 24/MT241	LỖ XO 24/MT241	79.310	10%
6174	231667-5	TORSION SPRING 24/M2400B	LỖ XO/M2400B	84.040	10%
6175	231669-1	TORSION SPRING 31/HR2651T	LỖ XO 31/HR2651T	4.730	10%
6176	231670-6	TORSION SPRING 16/MT362	LỖ XO 16/MT362	4.730	10%
6177	231671-4	TORSION SPRING/DCS232T	LỖ XO/DCS232T	2.200	10%
6178	231672-2	TORSION SPRING 11/DCS232T	LỖ XO/DCS232T	2.200	10%
6179	231674-8	TORSION SPRING 9/LH1040	LỖ XO 9/LH1040	4.400	10%
6180	231675-6	TORSION SPRING 11/LS1219L	LỖ XO 11/LS1219L	4.400	10%
6181	231677-2	TORSION SPRING 9/MT111	LỖ XO/MT111	4.730	10%
6182	231679-8	TORSION SPRING 2/DGA404	LỖ XO/DGA404	4.730	10%
6183	231685-3	TORSION SPRING 29/LS002G	LỖ XO 29/LS002G	88.000	10%
6184	231687-9	TORSION SPRING 17/DJR181	LỖ XO 17/DJR181	4.730	10%
6185	231698-4	TORSION SPRING 7/KP0800	LỖ XO 7/KP0800	4.730	10%
6186	231766-3	TENSION SPRING 4/5900B	LỖ XO 4/5900B	46.640	10%
6187	231767-1	TENSION SPRING 5/5201N	LỖ XO 5/5201N	39.600	10%
6188	231781-7	TENSION SPRING 5/5103N	LỖ XO 5/5103N	39.600	10%
6189	231792-2	TENSION SPRING 3/BCS550	LỖ XO 3/BCS550	32.670	10%
6190	231793-0	TENSION SPRING 5/2012NB	LỖ XO 5/2012NB	23.320	10%
6191	231795-6	TENSION SPRING 8/PJ7000	LỖ XO 8/PJ7000	30.800	10%
6192	231808-3	TENSION SPRING 4/5806B	LỖ XO/5806B	14.080	10%
6193	231817-2	TENSION SPRING 5/UC3041A	LỖ XO/UC3041A	9.350	10%
6194	231819-8	TENSION SPRING 4/9403	LỖ XO/9403	9.350	10%
6195	231823-7	TENSION SPRING 4/4131	LỖ XO 4/4131	22.000	10%
6196	231832-6	TENSION SPRING 3 /DHS660	LỖ XO 3/DHS660	23.320	10%
6197	231833-4	TENSION SPRING 3/MT583	LỖ XO/MT583	9.350	10%
6198	231834-2	TENSION SPRING 5/N5900B	LỖ XO/N5900B	98.010	10%
6199	231839-2	TENSION SPRING 4/MT582	LỖ XO/MT582	14.080	10%
6200	231858-8	TENSION SPRING 6/EM2550UH	LỖ XO/EM2550UH	57.200	10%
6201	231866-9	TORSION SPRING 10/EA3201S	LỖ XO 10/EA3201S	4.400	10%
6202	231867-7	TENSION SPRING 4/HS301D	LỖ XO/HS301D	4.730	10%
6203	231868-5	TENSION SPRING 10/EA3201S	LỖ XO 10/EA3201S	4.400	10%
6204	231870-8	TENSION SPRING 10/EA4301F	LỖ XO KHỎA XÍCH 10/EA4301F	4.400	10%
6205	231871-6	TENSION SPRING 6/EK7651H	LỖ XO/EK7651H	123.200	10%
6206	231873-2	TENSION SPRING 5/EA3201S	LỖ XO/EA3201S	8.800	10%
6207	231875-8	TENSION SPRING 16/DLM431	LỖ XO/DLM431	26.400	10%
6208	231876-6	TENSION SPRING 9/DLM431	LỖ XO/DLM431	4.400	10%
6209	231877-4	TENSION SPRING 4/DHS710	LỖ XO/DHS710	9.350	10%
6210	231878-2	TENSION SPRING 4/DHS680	LỖ XO/DHS680	9.350	10%
6211	231881-3	TENSION SPRING 7/EE2650H	LỖ XO/EE2650H	35.200	10%
6212	231884-7	TENSION SPRING 6/EK7651H	LỖ XO 6/EK7651H	52.800	10%
6213	231887-1	TENSION SPRING 4/HS7010	LỖ XO 4/HS7010	32.670	10%
6214	231891-0	TENSION SPRING 4/4131	LỖ XO 4/4131	28.050	10%
6215	231893-6	TENSION SPRING 4/HS6600	LỖ XO 4/HS6600	9.350	10%
6216	231898-6	DAMPING SPRING/EA5600F	LỖ XO/EA5600F	2.200	10%
6217	231899-4	COMPRESSION SPRING 31/MT871	LỖ XO/MT871	23.320	10%
6218	231900-5	COMPRESSION SPRING 5/MT871	LỖ XO/MT871	4.730	10%
6219	231907-1	RING SPRING 10/6905B	LONG ĐÈN ĐỆM/6905B	9.350	10%
6220	231920-9	RING SPRING 16/6906	LONG ĐÈN ĐỆM 16/6906	9.350	10%
6221	231921-7	RING SPRING 22/TW1000	LONG ĐÈN ĐỆM/TW1000	23.320	10%
6222	231928-3	RING SPRING 8/LS1019L	VÒNG GAI 8/LS1019L	4.730	10%
6223	231936-4	RING SPRING 30.5/HM0810	LONG ĐÈN ĐỆM/HM0810	4.730	10%
6224	231951-8	RING SPRING 11/6951	LONG ĐÈN ĐỆM/6951	9.350	10%
6225	231952-6	RING SPRING 12/WR100D	VÒNG ĐỆM/WR100D	23.320	10%
6226	231955-0	RING SPRING 12/DPB181	LONG ĐÈN ĐỆM/DPB181	9.350	10%
6227	231956-8	RING SPRING 6/DA331D	PHE GAI 6/DA331D	17.600	10%
6228	231964-9	RING SPRING 7/TW100D	LONG ĐÈN ĐỆM/TW100D	32.670	10%
6229	231965-7	RING SPRING 10/DDF083	LONG ĐÈN ĐỆM/DDF083	4.730	10%
6230	231975-4	SPRING/DCS232T	LỖ XO/DCS232T	4.400	10%
6231	231979-6	RING SPRING 17/HR2010	LONG ĐÈN ĐỆM/HR2010	4.730	10%
6232	231984-3	RING SPRING 25/HM0870C	LONG ĐÈN ĐỆM/HM0870C	9.350	10%
6233	231985-1	RING SPRING 43/HM1214C	LONG ĐÈN ĐỆM/HM1214C	18.700	10%
6234	231987-7	RING SPRING 21/HR3001CJ	VÒNG GAI CHỮ C 21/HR3001CJ	9.350	10%
6235	231988-5	RING SPRING 34/DFL303F	VÒNG GAI CHỮ C/DFL303F	14.080	10%
6236	231989-3	RING SPRING 46/HR5212C	LONG ĐÈN ĐỆM/HR5212C	18.700	10%
6237	231990-8	RING SPRING 9/TL064D	LỖ XO VÒNG/TL064D	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6238	231991-6	CONICAL COMP. SPRING 21-31/HR3200C	LỖ XO/HR3200C	18.700	10%
6239	232050-9	LEAF SPRING/6802BV	LỖ XO LÀ/6802BV	4.730	10%
6240	232075-3	LEAF SPRING/LC1230	LỖ XO LÀ/LC1230	8.800	10%
6241	232100-0	LEAF SPRING/6501	LỖ XO/6501	14.080	10%
6242	232131-9	LEAF SPRING/PJ7000	VÒNG ĐỆM/PJ7000	8.800	10%
6243	232143-2	LEAF SPRING/DP4010	LỖ XO LÀ/DP4010	9.350	10%
6244	232152-1	LEAF SPRING/DJR181	LỖ XO LÀ/DJR181	18.700	10%
6245	232163-6	CUP SPRING 20/GA7030	LỖ XO LÀ/GA7030	28.050	10%
6246	232174-1	LEAF SPRING/2704	LỖ XO LÀ/2704	14.080	10%
6247	232182-2	LEAF SPRING/6261DWE	LỖ XO LÀ/6261DWE	9.350	10%
6248	232183-0	LEAF SPRING/4328	LỖ XO LÀ/4328	9.350	10%
6249	232185-6	LEAF SPRING/KP0800X	LỖ XO LÀ/KP0800X	28.050	10%
6250	232190-3	LEAF SPRING 26/HR2010	LỖ XO LÀ/HR2010	74.690	10%
6251	232195-3	LEAF SPRING/2012NB	LỖ XO LÀ/2012NB	9.350	10%
6252	232201-4	LEAF SPRING/DPB180	LỖ XO/DPB180	18.700	10%
6253	232207-2	LEAF SPRING/4350CT	LỖ XO LÀ/4350CT	18.700	10%
6254	232208-0	LEAF SPRING/4350CT	LỖ XO LÀ/4350CT	14.080	10%
6255	232209-8	LEAF SPRING/HM1203C	LỖ XO LÀ /HM1203C	4.730	10%
6256	232210-3	LEAF SPRING/6411	LỖ XO LÀ/6411	4.730	10%
6257	232220-0	LEAF SPRING/DDF485	LỖ XO LÀ/DDF485	4.730	10%
6258	232221-8	LEAF SPRING A/DJR181	LỖ XO LÀ/DJR181	4.730	10%
6259	232222-6	LEAF SPRING B/DJR181	LỖ XO LÀ/DJR181	9.350	10%
6260	232239-9	LEAF SPRING/DF030D	LỖ XO LÀ/DF030D	4.730	10%
6261	232242-0	LEAF SPRING/DF010D	LỖ XO LÀ/DF010D	4.730	10%
6262	232245-4	LEAF SPRING/DFS452	LỖ XO LÀ/DFS452	42.020	10%
6263	232247-0	CONED DISC SPRING 16/DCU180	VÒNG ĐỆM 16/DCU180	2.200	10%
6264	232249-6	LEAF SPRING/LS1016	LỖ XO LÀ/LS1016	4.400	10%
6265	232251-9	LEAF SPRING/EE2650H	LỖ XO LÀ/EE2650H	8.800	10%
6266	232257-7	SPIRAL SPRING/EBH340R	LỖ XO LÀ/EBH340R	136.400	10%
6267	232258-5	SPIRAL SPRING/BHX2500	LỖ XO LÀ/BHX2500	83.600	10%
6268	232260-8	LEAF SPRING/DS4011	LỖ XO LÀ/DS4011	4.400	10%
6269	232262-4	SPIRAL SPRING/EB7650TH	LỖ XO LÀ/EB7650TH	92.400	10%
6270	232264-0	LEAF SPRING/CL104D	LỖ XO LÀ/CL104D	4.730	10%
6271	232267-4	LEAF SPRING/DUP361	TẤM CHÂN ĐÀN HỒI/DUP361	9.180	8%
6272	232272-1	LEAF SPRING/DTP141	LỖ XO LÀ/DTP141	23.320	10%
6273	232280-2	LEAF SPRING/DHR400	LỖ XO LÀ/DHR400	9.350	10%
6274	232282-8	LEAF SPRING/DTM51	LỖ XO LÀ/DTM51	18.360	8%
6275	232284-4	LEAF SPRING/EA3601F40B	LỖ XO/EA3601F40B	8.800	10%
6276	232286-0	LEAF SPRING/HR2630	LỖ XO LÀ/HR2630	4.730	10%
6277	232299-1	COMPRESSION SPRING 5/DUN500W	LỖ XO 5/DUN500W	9.350	10%
6278	232304-4	COMPRESSION SPRING 22/EB7660TH	LỖ XO/EB7660TH	22.000	10%
6279	232305-2	COMPRESSION SPRING 22/EB7660TH	LỖ XO/EB7660TH	17.600	10%
6280	232310-9	TORSION SPRING 28/DLS600	LỖ XO 28/DLS600	84.040	10%
6281	232311-7	TORSION SPRING 30/DLS600	LỖ XO 30/DLS600	23.320	10%
6282	232315-9	COMPRESSION SPRING 12/EB5300TH	LỖ XO/EB5300TH	8.800	10%
6283	232316-7	RING SPRING 11/EB5300TH	PHE GAI/EB5300TH	4.400	10%
6284	232318-3	TORSION SPRING 10/DUC353	LỖ XO/DUC353	42.020	10%
6285	232319-1	COMPRESSION SPRING 9/DUC353	LỖ XO/DUC353	32.670	10%
6286	232323-0	RING SPRING 10/DTW1002	LONG ĐÈN ĐỆM/DTW1002	9.350	10%
6287	232325-6	TORSION SPRING 20/MT243	LỖ XO/MT243	88.660	10%
6288	232326-4	COMPRESSION SPRING 21/TD111D	LỖ XO/TD111D	9.350	10%
6289	232328-0	COMPRESSION SPRING 22/EB5300TH	LỖ XO/EB5300TH	4.400	10%
6290	232329-8	COMPRESSION SPRING 22/EB5300TH	LỖ XO/EB5300TH	4.400	10%
6291	232330-3	LEAF SPRING/EB5300TH	LỖ XO LÀ/EB5300TH	2.200	10%
6292	232331-1	LEAF SPRING/EB5300TH	LỖ XO LÀ/EB5300TH	2.200	10%
6293	232334-5	RING SPRING 16/DTW1001	VÒNG GIỮ 16/DTW1001	23.320	10%
6294	232343-4	RING SPRING 23/HR140D	LỖ XO VÒNG/HR140D	4.730	10%
6295	232344-2	COMPRESSION SPRING 3/HR140D	LỖ XO 3/HR140D	4.730	10%
6296	232345-0	CONICAL COMP. SPRING 8-19/HR140D	LỖ XO HÌNH NÓN 8-19/HR140D	9.350	10%
6297	232346-8	COMPRESSION SPRING 8/HR140D	LỖ XO/HR140D	4.730	10%
6298	232347-6	CONICAL COMP. SPRING 21-29/HR140D	LỖ XO HÌNH NÓN 21-29/HR140D	4.730	10%
6299	232350-7	RING SPRING 6/EM403MP	VÒNG ĐỆM 6/EM403MP	35.200	10%
6300	232352-3	TENSION SPRING/EK8100	LỖ XO LY HỢP/EK8100	13.200	10%
6301	232353-1	COMPRESSION SPRING 4/WR100D	LỖ XO/WR100D	4.400	10%
6302	232356-5	TENSION SPRING 6/HS0600	LỖ XO/HS0600	9.350	10%
6303	232357-3	COMPRESSION SPRING 10A/HR1841F	LỖ XO/HR1841F	9.350	10%
6304	232358-1	COMPRESSION SPRING 10B/HR1841F	LỖ XO/HR1841F	4.730	10%
6305	232359-9	COMPRESSION SPRING 7/HR1841F	LỖ XO/HR1841F	4.730	10%
6306	232360-4	COMPRESSION SPRING 25/HR1841F	LỖ XO/HR1841F	14.080	10%
6307	232361-2	CONICAL COMP. SPRING 6-13/HR1841F	LỖ XO/HR1841F	4.730	10%
6308	232362-0	LEAF SPRING/DPT353	LỖ XO LÀ/DPT353	55.990	10%
6309	232363-8	COMPRESSION SPRING 7/DPT353	LỖ XO/DPT353	14.080	10%
6310	232365-4	COMPRESSION SPRING 7/DPT353	LỖ XO/DPT353	9.350	10%
6311	232367-0	COMPRESSION SPRING 3/DPT353	LỖ XO/DPT353	4.400	10%
6312	232369-6	LEAF SPRING/DF012D	LỖ XO/DF012D	14.080	10%
6313	232370-1	COMPRESSION SPRING 5/DPT353	LỖ XO/DPT353	9.350	10%
6314	232371-9	TENSION SPRING 5/RS001G	LỖ XO/RS001G	18.700	10%
6315	232372-7	COMPRESSION SPRING 18A/DFT023F	LỖ XO 18A/DFT023F	55.990	10%
6316	232373-5	COMPRESSION SPRING 18B/DFT045F	LỖ XO/DFT045F	55.990	10%
6317	232374-3	COMPRESSION SPRING 10A/DFT023F	LỖ XO NỀN/DFT023F	18.700	10%
6318	232375-1	COMPRESSION SPRING 10B/DFT023F	LỖ XO/DFT023F	2.200	10%
6319	232381-6	COMPRESSION SPRING 6/DHS783	LỖ XO 6/DHS783	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6320	232384-0	COMPRESSION SPRING 10/DLS111	LÒ XO/DLS111	4.730	10%
6321	232386-6	COMPRESSION SPRING 4/HR2651T	LÒ XO/HR2651T	4.730	10%
6322	232389-0	COMPRESSION SPRING 5/TD001G	LÒ XO/TD001G	4.730	10%
6323	232410-5	COMPRESSION SPRING 21/DTW180	LÒ XO 21/DTW180	42.020	10%
6324	232411-3	COMPRESSION SPRING 8/DHR400	LÒ XO 8/DHR400	9.350	10%
6325	232412-1	TORSION SPRING 11/DLS111	LÒ XO/DLS111	4.730	10%
6326	232418-9	COMPRESSION SPRING 5/DHR400	LÒ XO 5/DHR400	9.350	10%
6327	232427-8	COMPRESION SPRING 2/DX05	LÒ XO 2/DX05	4.400	10%
6328	232428-6	COMPRESSION SPRING 3/DX08	LÒ XO 3/DX08	4.400	10%
6329	232429-4	COMPRESSION SPRING 11/DHW080	LÒ XO 11/DHW080	4.730	10%
6330	232430-9	COMPRESSION SPRING 5/LM004G	LÒ XO 5/LM004G	4.730	10%
6331	232432-5	COMPRESSION SPRING 7/DHW080	LÒ XO 7/DHW080	4.730	10%
6332	232433-3	COMPRESSION SPRING 6/DHW080	LÒ XO 6/DHW080	4.730	10%
6333	232434-1	COMPRESSION SPRING 22/DHW080	LÒ XO 22/DHW080	9.350	10%
6334	232435-9	TORSION SPRING 4/DHW080	LÒ XO 4/DHW080	4.730	10%
6335	232436-7	COMPRESSION SPRING 10/DHR280	LÒ XO 10/DHR280	4.730	10%
6336	232442-2	COMPRESSION SPRING 3/DTR180	LÒ XO 3/DTR180	18.700	10%
6337	232443-0	COMPRESSION SPRING 3/DTR180	LÒ XO 3/DTR180	14.080	10%
6338	232444-8	COMPRESSION SPRING 4/DTR180	LÒ XO 4/DTR180	14.080	10%
6339	232445-6	TORSION SPRING 7/DTR180	LÒ XO 7/DTR180	9.350	10%
6340	232446-4	COMPRESSION SPRING 7/DTR180	LÒ XO 7/DTR180	14.080	10%
6341	232447-2	COMPRESSION SPRING 8/PDC1500	LÒ XO 8/PDC1500	4.730	10%
6342	232448-0	TORSION SPRING 6/DTR180	LÒ XO 6/DTR180	18.700	10%
6343	232449-8	COMPRESSION SPRING 14/DHR280	LÒ XO 14/DHR280	4.730	10%
6344	232452-9	COMPRESSION SPRING 7/DUC254	LÒ XO 7/DUC254	13.200	10%
6345	232453-7	COMPRESSION SPRING 3/DUC254	LÒ XO 3/DUC254	4.730	10%
6346	232454-5	TORSION SPRING 10/DUH501	LÒ XO 10/DUH501	9.350	10%
6347	232459-5	COMPRESSION SPRING 24B/DTD171	LÒ XO 24B/DTD171	51.370	10%
6348	232467-6	TENSION SPRING 4 /DHS780	LÒ XO 4/DHS780	14.080	10%
6349	232469-2	TENSION SPRING 15/DLM460	LÒ XO 15/DLM460	23.320	10%
6350	232470-7	TORSION SPRING 12/DLM460	LÒ XO 12/DLM460	9.350	10%
6351	232471-5	LEAF SPRING/DLM460	LÒ XO LÁ/DLM460	18.700	10%
6352	232472-3	COMPRESSION SPRING 2/DJR188Z	LÒ XO/DJR188Z	4.730	10%
6353	232473-1	COMPRESSION SPRING 8/DHR182	LÒ XO 8/DHR182	4.730	10%
6354	232474-9	COMPRESSION SPRING 4/DHR182	LÒ XO 4/DHR182	4.730	10%
6355	232475-7	COMPRESSION SPRING 3/DHR182	LÒ XO 3/DHR182	4.730	10%
6356	232478-1	TORSION SPRING 33/DLW140	LÒ XO 33/DLW140	189.200	10%
6357	232479-9	COMPRESSION SPRING 4/DX05	LÒ XO 4/DX05	4.400	10%
6358	232484-6	TORSION SPRING 4/DCL280F	LÒ XO/DCL280F	4.730	10%
6359	232485-4	COMPRESSION SPRING 5/CL121D	LÒ XO 5/CL121D	4.730	10%
6360	232489-6	COMPRESSION SPRING 21/DTW181	LÒ XO 21/DTW181	46.640	10%
6361	232490-1	COMPRESSION SPRING 4/GA4050	LÒ XO/GA4050	4.730	10%
6362	232491-9	COMPRESSION SPRING 9/GA5050	LÒ XO 9/GA5050	4.730	10%
6363	232492-7	TORSION SPRING 2/GA4050	LÒ XO/GA4050	4.730	10%
6364	232493-5	LEAF SPRING/DDF333	LÒ XO LÁ/DDF333	4.730	10%
6365	232496-9	COMPRESSION SPRING 37/HR3001C	LÒ XO 37/HR3001C	9.350	10%
6366	232497-7	COMPRESSION SPRING 27/HR3001C	LÒ XO 27/HR3001C	9.350	10%
6367	232498-5	CONICAL COMP. SPRING 21-26/HR3001C	LÒ XO 21-26/HR3001C	4.730	10%
6368	232499-3	COMPRESSION SPRING 2/HR3001C	LÒ XO 2/HR3001C	4.730	10%
6369	232500-4	COMPRESSION SPRING 10/HR3001C	LÒ XO 10/HR3001C	9.350	10%
6370	232501-2	RING SPRING 24/HR3001C	VÒNG GAI CHỮ C/HR3001C	4.730	10%
6371	232503-8	CONICAL COMP. SPRING 21-34/HR3001C	LÒ XO 21-34/HR3001C	4.730	10%
6372	232505-4	COMPRESSION SPRING 7/HR3001C	LÒ XO 7/HR3001C	4.730	10%
6373	232508-8	COMPRESSION SPRING 1/DTR180	LÒ XO/DTR180	18.700	10%
6374	232509-6	TORSION SPRING 10/DUC256	LÒ XO/DUC256	4.730	10%
6375	232510-1	LEAF SPRING/DSL800	VÒNG GAI/DSL800	39.600	10%
6376	232511-9	COMPRESSION SPRING 17/DFN350	LÒ XO 17/DFN350	387.200	10%
6377	232512-7	COMPRESSION SPRING 3/DFN350	LÒ XO 3/DFN350	9.350	10%
6378	232513-5	COMPRESSION SPRING 3/DFN350	LÒ XO 3/DFN350	14.080	10%
6379	232514-3	TORSION SPRING 7/DFN350	LÒ XO 7/DFN350	14.080	10%
6380	232516-9	COMPRESSION SPRING 21/TW161D	LÒ XO 21/TW161D	57.200	10%
6381	232517-7	COMPRESSION SPRING 21/TW141D	LÒ XO 21/TW141D	48.400	10%
6382	232518-5	COMPRESSION SPRING 4/DUT130	LÒ XO 4/DUT130	4.730	10%
6383	232523-2	COMPRESSION SPRING 27/DTDA040	LÒ XO 27/DTDA040	88.660	10%
6384	232524-0	COMPRESSION SPRING 25 A/DTDA040	LÒ XO 25/DTDA040	177.320	10%
6385	232525-8	COMPRESSION SPRING 25 B/DTDA040	LÒ XO 25/DTDA040	489.720	10%
6386	232526-6	COMPRESSION SPRING 25 C/DTDA040	LÒ XO 25/DTDA040	494.450	10%
6387	232527-4	COMPRESSION SPRING 25 D/DTDA040	LÒ XO 25/DTDA040	489.720	10%
6388	232528-2	COMPRESSION SPRING 25 E/DTDA040	LÒ XO 25/DTDA040	457.160	10%
6389	232529-0	BARREL HOLDER/DTDA040	LÒ XO/DTDA040	457.160	10%
6390	232531-3	LEAF SPRING/WR100D	LÒ XO LÁ/WR100D	8.800	10%
6391	232534-7	LEAF SPRING/DSL800	VÒNG GAI/DSL800	52.800	10%
6392	232536-3	TORSION SPRING 5/PDC01	LÒ XO 5/PDC01	13.200	10%
6393	232537-1	COMPRESSION SPRING 7/PDC01	LÒ XO 7/PDC01	4.400	10%
6394	232538-9	COMPRESSION SPRING 19/PDC01	LÒ XO 19/PDC01	13.200	10%
6395	232539-7	COMPRESSION SPRING 18C/DFL063	LÒ XO 18C/DFL063	98.010	10%
6396	232541-0	TORSION SPRING 5/PDC01	LÒ XO 5/PDC01	13.200	10%
6397	232542-8	SCROW WAVE SPRING 41/GA4050	VÒNG ĐỆM LÒ XO/GA4050	69.960	10%
6398	232554-1	COMPRESSION SPRING 26/HR2670FT	LÒ XO 26/HR2670FT	4.730	10%
6399	232555-9	LEAF SPRING/HR2670FT	LÒ XO LÁ/HR2670FT	9.350	10%
6400	232557-5	COMPRESSION SPRING 4/DGP180	LÒ XO 4/DGP180	4.730	10%
6401	232560-6	COMPRESSION SPRING 12/DHK180	LÒ XO NÉN/DHK180	14.080	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6402	232561-4	COMPRESSION SPRING 5/DHK180	LÒ XO NÉN/DHK180	9.350	10%
6403	232562-2	TENSION SPRING 6/DHS900	LÒ XO 6/DHS900	23.320	10%
6404	232563-0	TENSION SPRING 4/DHS900	LÒ XO 4/DHS900	4.730	10%
6405	232565-6	TENSION SPRING 4/DC40RA	LÒ XO 4/DC40RA	42.020	10%
6406	232566-4	TORSION SPRING 12/DLM533	LÒ XO 12/DLM533	14.080	10%
6407	232567-2	TORSION SPRING 9/DLM530	LÒ XO 9/DLM530	23.320	10%
6408	232570-3	LEAF SPRING/DKP181	LÒ XO LÁ/DKP181	14.080	10%
6409	232575-3	TORSION SPRING 12/DLM533	LÒ XO 12/DLM533	9.350	10%
6410	232576-1	TORSION SPRING 5/DGA419	LÒ XO/DGA419	4.730	10%
6411	232577-9	SCROW WAVE SPRING 49/DGA419	VÒNG ĐỀM/DGA419	149.600	10%
6412	232579-5	COMPRESSION SPRING 27/DLM160	LÒ XO 27/DLM160	9.350	10%
6413	232580-0	TORSION SPRING 13/DLM160	LÒ XO 13/DLM160	9.350	10%
6414	232581-8	TORSION SPRING 13/DLM160	LÒ XO 13/DLM160	4.730	10%
6415	232582-6	COMPRESSION SPRING 8/DLM160	LÒ XO 8/DLM160	4.730	10%
6416	232583-4	TENSION SPRING 3/JR001	LÒ XO 3/JR001	4.730	10%
6417	232586-8	COMPRESSION SPRING 7/DRV150	LÒ XO 7/DRV150	18.700	10%
6418	232588-4	COMPRESSION SPRING 6/DVC660	LÒ XO/DVC660	4.730	10%
6419	232589-2	TORSION SPRING 12/URI01C	LÒ XO 12/URI01C	4.730	10%
6420	232591-5	COMPRESSION SPRING 25/TD001G	LÒ XO 25/TD001G	61.600	10%
6421	232592-3	COMPRESSION SPRING 14/TD001G	LÒ XO 14/TD001G	4.730	10%
6422	232594-9	TORSION SPRING 5/DCE090	LÒ XO/DCE090	149.270	10%
6423	232597-3	COMPRESSION SPRING 3/HP001G	LÒ XO 3/HP001G	4.730	10%
6424	232600-0	TORSION SPRING 8/DUB363	LÒ XO 8/DUB363	9.350	10%
6425	232602-6	COMPRESSION SPRING 18/DFL020	LÒ XO 18/DFL020	46.640	10%
6426	232603-4	COMPRESSION SPRING 4/ADP10	LÒ XO 4/ADP10	32.670	10%
6427	232604-2	TENSION SPRING 5/ADP10	LÒ XO 5/ADP10	42.020	10%
6428	232605-0	CONED DISC SPRING 16/DCU180	VÒNG ĐỀM 16/DCU180	9.350	10%
6429	232606-8	TORSION SPRING 8/DST421	LÒ XO 8/DST421	8.800	10%
6430	232607-6	COMPRESSION SPRING 3/DST421	LÒ XO/DST421	9.350	10%
6431	232608-4	COMPRESSION SPRING 4/DST421	LÒ XO 4/DST421	8.800	10%
6432	232615-7	COMPRESSION SPRING 25/DTW300	LÒ XO 25/DTW300	51.370	10%
6433	232616-5	TORSION SPRING 14/DCU603	LÒ XO 14/DCU603	9.350	10%
6434	232617-3	COMPRESSION SPRING 10/DCU601	LÒ XO 10/DCU601	4.730	10%
6435	232620-4	LEAF SPRING/DUB185	LÒ XO LÁ/DUB185	4.730	10%
6436	232623-8	COMPRESSION SPRING 41/TW001G	LÒ XO 41/TW001G	181.940	10%
6437	232624-6	COMPRION SPRING 28/DUA300	LÒ XO 28/DUA300	14.080	10%
6438	232626-2	CORNED DISK SPRING 14/DUA300	VÒNG ĐỀM LÒ XO/DUA300	14.080	10%
6439	232627-0	TORSION SPRING 9/DVC560	LÒ XO 9/DVC560	4.730	10%
6440	232628-8	TENSION SPRING 16/DLM533	LÒ XO 16/DLM533	74.690	10%
6441	232629-6	COMPRESSION SPRING 34/DTW700	LÒ XO 34/DTW700	102.630	10%
6442	232630-1	COMPRESSION SPRING 7/DST421	LÒ XO 7/DST421	13.200	10%
6443	232634-3	LEAF SPRING/UB001C	LÒ XO/UB001C	18.700	10%
6444	232641-6	COMPRESSION SPRING 28/HM1511	LÒ XO 28/HM1511	37.400	10%
6445	232642-4	COMPRESSION SPRING 18/HM1511	LÒ XO 18/HM1511	23.320	10%
6446	232643-2	TORSION SPRING 13/HR005G	LÒ XO 13/HR005G	4.730	10%
6447	232644-0	COMPRESSION SPRING 16 A/HM1511	LÒ XO 16/HM1511	14.080	10%
6448	232646-6	COMPRESSION SPRING 66/HM1511	LÒ XO 66/HM1511	135.300	10%
6449	232647-4	TENSION SPRING 4/DC40RB	LÒ XO 4/DC40RB	18.700	10%
6450	232650-5	COMPRESSION SPRING 13/HR005G	LÒ XO 13/HR005G	4.730	10%
6451	232651-3	TORSION SPRING 8/LS002G	LÒ XO 8/LS002G	4.730	10%
6452	232657-1	COMPRESSION SPRING 5/DFT085F	LÒ XO/DFT085F	9.350	10%
6453	232659-7	LEAF SPRING/DPV300	LÒ XO LÁ/DPV300	98.010	10%
6454	232662-8	COMPRESSION SPRING 12/HR006G	LÒ XO 12/HR006G	4.730	10%
6455	232663-6	COMPRESSION SPRING 8/HR006G	LÒ XO 8/HR006G	4.730	10%
6456	232664-4	COMPRESSION SPRING 10/HR006G	LÒ XO 10/HR006G	4.730	10%
6457	232667-8	COMPRESSION SPRING 6/DCC500	LÒ XO/DCC500	4.730	10%
6458	232670-9	COMPRESSION SPRING 16/FN001G	LÒ XO 16/FN001G	419.760	10%
6459	232671-7	COMPRESSION SPRING 9/FN001G	LÒ XO 9/FN001G	23.320	10%
6460	232672-5	LEAF SPRING/FN001G	LÒ XO LÁ/FN001G	28.050	10%
6461	232673-3	LEAF SPRING/FN001G	LÒ XO LÁ/FN001G	28.050	10%
6462	232675-9	TENSION SPRING 7/RS002G	LÒ XO 7/RS002G	42.020	10%
6463	232676-7	COMPRESSION SPRING 7/GA7070	LÒ XO 7/GA7070	4.730	10%
6464	232677-5	COMPRESSION SPRING 10/GA7070	LÒ XO 10/GA7070	4.730	10%
6465	232680-6	TORSION SPRING 25/DTM52/XMT04	LÒ XO/DTM52/XMT04	4.730	10%
6466	232681-4	TORSION SPRING 4/LM001C	LÒ XO 4/LM001C	4.730	10%
6467	232682-2	COMPRESSION SPRING 18/TW004G	LÒ XO 18/TW004G	28.050	10%
6468	232684-8	CONICAL SPRING/DGP180	LÒ XO/DGP180	114.400	10%
6469	232685-6	COMPRESSION SPRING 18/DRC300	LÒ XO 18/DRC300	23.320	10%
6470	232686-4	TENSION SPRING 11/DRC300	LÒ XO 11/DRC300	51.370	10%
6471	232687-2	LEAF SPRING/DRC300	LÒ XO LÁ/DRC300	167.970	10%
6472	232688-0	COMPRESSION SPRING 6/DRC300	LÒ XO 6/DRC300	9.350	10%
6473	232689-8	TORSION SPRING 14/DRC300	LÒ XO 14/DRC300	23.320	10%
6474	232691-1	COMPRESSION SPRING 15/HM002G	LÒ XO 15/HM002G	14.080	10%
6475	232693-7	COMPRESSION SPRING 8/DC64WA	LÒ XO 8/DC64WA	23.320	10%
6476	232699-5	COMPRESSION SPRING 3/DCE090	LÒ XO 3/DCE090	9.350	10%
6477	232700-6	COMPRESSION SPRING 8/DRC300	LÒ XO 8/DRC300	9.350	10%
6478	232701-4	COMPRESSION SPRING 21/TD112D/DT05	LÒ XO/TD112D/DT05	60.720	10%
6479	232703-0	TORSION SPRING 3/DFR452	LÒ XO 3/DFR452	9.350	10%
6480	232706-4	LEAF SPRING/DTM52/XMT04	LÒ XO LÁ/DTM52/XMT04	4.730	10%
6481	232708-0	COMPRESSION SPRING 34/TW007G	LÒ XO/TW007G	149.270	10%
6482	232715-3	TORSION SPRING 9/LM001J	LÒ XO 9/LM001J	14.080	10%
6483	232717-9	TENSION SPRING 17/LM001J	LÒ XO 17/LM001J	55.990	10%
6484	232720-0	COMPRESSION SPRING 25/DTWA260	LÒ XO 25/DTWA260	205.260	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6485	232721-8	TORSION SPRING 8/LM001J	LÒ XO 8/LM001J	28.050	10%
6486	232722-6	TENSION SPRING 4/VC001GL	LÒ XO 4/VC001GL	4.730	10%
6487	232726-8	TENSION SPRING 7/HS011G	LÒ XO 7/HS011G	32.670	10%
6488	232728-4	COMPRESSION SPRING 12/CE001G	LÒ XO 12/CE001G	37.400	10%
6489	232729-2	COMPRESSION SPRING 13/CE001G	LÒ XO 13/CE001G	32.670	10%
6490	232730-7	COMPRESSION SPRING 5/CE001G	LÒ XO 5/CE001G	4.730	10%
6491	232731-5	LEVER SPRING/CE001G	LÒ XO/CE001G	4.730	10%
6492	232732-3	TORSION SPRING 10/CE001G	LÒ XO 10/CE001G	4.730	10%
6493	232733-1	TORSION SPRING 10/UC012G	LÒ XO 10/UC012G	4.730	10%
6494	232737-3	COMPRESSION SPRING 19/DCU603	LÒ XO 19/DCU603	4.730	10%
6495	232738-1	TORSION SPRING 11/DCU603	LÒ XO 11/DCU603	4.730	10%
6496	232739-9	COMPRESSION SPRING 15/DCU601	LÒ XO NÉN 15/DCU601	9.350	10%
6497	232741-2	COMPRESSION SPRING 17/PT001G	LÒ XO 17/PT001G	42.020	10%
6498	232744-6	COMPRESSION SPRING 8/DC18WC	LÒ XO 8/DC18WC	23.320	10%
6499	232745-4	COMPRESSION SPRING 3/JR002G	LÒ XO 3/JR002G	4.730	10%
6500	232746-2	RING SPRING 39/JR002G	VÒNG GAI CHỮ C 39/JR002G	4.730	10%
6501	232747-0	LEAF SPRING/DMC300	LÒ XO LA/DMC300	14.080	10%
6502	232748-8	COMPRESSION SPRING 31/TD002G	LÒ XO CUỘN 31/TD002G	55.990	10%
6503	232749-6	COMPRESSION SPRING 20/TD002G	LÒ XO CUỘN 20/TD002G	42.020	10%
6504	232750-1	COMPRESSION SPRING 26/TD002G	LÒ XO CUỘN 26/TD002G	18.700	10%
6505	232751-9	RING SPRING 27/TD002G	VÒNG GAI CHỮ C 27/TD002G	18.700	10%
6506	232752-7	COMPRESSION SPRING 14/HR007G	LÒ XO 14/HR007G	4.730	10%
6507	232753-5	TORSION SPRING 8/GA5093	LÒ XO 8/GA5093	4.730	10%
6508	232765-8	COMPRESSION SPRING 3/DUP180	LÒ XO 3/DUP180	14.080	10%
6509	232770-5	TORSION SPRING 6/DUH506	LÒ XO 6/DUH506	4.730	10%
6510	232772-1	TORSION SPRING 29/LS002G	LÒ XO 29/LS002G	102.630	10%
6511	232774-7	COMPRESSION SPRING 6/UC100D	LÒ XO 6/UC100D	4.730	10%
6512	232775-5	CONICAL SPRING/DGP180	LÒ XO/DGP180	121.330	10%
6513	232777-1	COMPRESSION SPRING 4/DC40WA	LÒ XO 4/DC40WA	116.600	10%
6514	232782-8	COMPRESSION SPRING 8/DHR183	LÒ XO 8/DHR183	4.730	10%
6515	232784-4	TORSION SPRING 6/UC100D	LÒ XO 6/UC100D	4.730	10%
6516	232785-2	TORSION SPRING 14/UC100D	LÒ XO 14/UC100D	4.730	10%
6517	232787-8	COMPRESSION SPRING 4/UC100D	LÒ XO 4/UC100D	4.730	10%
6518	232788-6	RING SPRING 7/UC022G	VÒNG PHE GAI CHỮ C/UC022G	4.730	10%
6519	232789-4	COMPRESSION SPRING 24/TD003G	LÒ XO 24/TD003G	65.340	10%
6520	232793-3	COMPRESSION SPRING 12/HR010G	LÒ XO 12/HR010G	4.730	10%
6521	232794-1	COMPRESSION SPRING 6/HR010G	LÒ XO 6/HR010G	4.730	10%
6522	232795-9	COMPRESSION SPRING 8/HR010G	LÒ XO 8/HR010G	4.730	10%
6523	232796-7	COMPRESSION SPRING 37/DHR183	LÒ XO CUỘN 37/DHR183	9.350	10%
6524	232797-5	COMPRESSION SPRING 8/HR010G	LÒ XO 8/HR010G	4.730	10%
6525	232798-3	TENSION SPRING 11/CE002G	LÒ XO CUỘN 11/CE002G	74.690	10%
6526	232800-2	LEAF SPRING/TD003G	LÒ XO LA/TD003G	9.350	10%
6527	232801-0	COMPRESSION SPRING 10/DHR183	LÒ XO CUỘN 10/DHR183	4.730	10%
6528	232802-8	COMPRESSION SPRING 4/DHR183	LÒ XO CUỘN 4/DHR183	4.730	10%
6529	232805-2	COMPRESSION SPRING 4/HR010G	LÒ XO 4/HR010G	4.730	10%
6530	232806-0	TORSION SPRING 8/UV001G	LÒ XO 8/UV001G	23.320	10%
6531	232809-4	TENSION SPRING 7/RM350D	LÒ XO 7/RM350D	14.080	10%
6532	232813-3	TORSION SPRING 5/HW001G	LÒ XO 5/HW001G	9.350	10%
6533	232814-1	TENSION SPRING 7/LM003G	LÒ XO 7/LM003G	4.730	10%
6534	232815-9	TENSION SPRING 12/LM004G	LÒ XO 12/LM004G	37.400	10%
6535	232818-3	LEAF SPRING/VS001G	LÒ XO LA/VS001G	14.080	10%
6536	232819-1	COMPRESSION SPRING 3/HW001G	LÒ XO 3/HW001G	4.730	10%
6537	232820-6	COMPRESSION SPRING 6/HW001G	LÒ XO 6/HW001G	4.730	10%
6538	232821-4	COMPRESSION SPRING 6/HW001G	LÒ XO 6/HW001G	4.730	10%
6539	232822-2	COMPRESSION SPRING 17/ST001G	LÒ XO 17/ST001G	391.820	10%
6540	232829-8	COMPRESSION SPRING 38/DTW1004	LÒ XO 38/DTW1004	214.610	10%
6541	232831-1	COMPRESSION SPRING 12/HM004G	LÒ XO 12/HM004G	32.670	10%
6542	232832-9	COMPRESSION SPRING 15/HM004G	LÒ XO 15/HM004G	32.670	10%
6543	232833-7	COMPRESSION SPRING 5/HM004G	LÒ XO 5/HM004G	9.350	10%
6544	232834-5	COMPRESSION SPRING 7/HM004G	LÒ XO 7/HM004G	9.350	10%
6545	232836-1	COMPRESSION SPRING 6/RM350D	LÒ XO 6/RM350D	4.730	10%
6546	232837-9	COMPRESSION SPRING 8/RM350D	LÒ XO CUỘN 8/RM350D	4.730	10%
6547	232839-5	TENSION SPRING 9/VS001G	LÒ XO 9/VS001G	4.730	10%
6548	232840-0	COMPRESSION SPRING 11/VS001G	LÒ XO 11/VS001G	4.730	10%
6549	232841-8	COMPRESSION SPRING 14/VS001G	LÒ XO 14/VS001G	4.730	10%
6550	232849-2	COMPRESSION SPRING 17/RM350D	LÒ XO 17/RM350D	14.080	10%
6551	232850-7	TORSION SPRING 10/UC021G	LÒ XO 10/UC021G	4.730	10%
6552	232853-1	TORSION SPRING 12/UB004C	LÒ XO 12/UB004C	4.730	10%
6553	232854-9	TORSION SPRING 10/CE003G	LÒ XO 10/CE003G	4.730	10%
6554	232858-1	COMPRESSION SPRING 11/RM350D	LÒ XO 11/RM350D	28.050	10%
6555	232868-8	CONED DISK SPRING 12/UN001G	VÒNG ĐÈM 12/UN001G	14.080	10%
6556	232869-6	COMPRESSION SPRING 46/TW002G	LÒ XO CUỘN 46/TW002G	191.290	10%
6557	232870-1	COMPRESSION SPRING 34/TW002G	LÒ XO CUỘN 34/TW002G	79.310	10%
6558	232872-7	LEAF SPRING/TW009G	LÒ XO LA/TW009G	4.730	10%
6559	232873-5	COMPRESSION SPRING 51/TW009G	LÒ XO 51/TW009G	331.210	10%
6560	232874-3	COMPRESSION SPRING 71/TW009G	LÒ XO 71/TW009G	541.090	10%
6561	232875-1	COMPRESSION SPRING 61/TW009G	LÒ XO 61/TW009G	74.690	10%
6562	232877-7	COMPRESSION SPRING 12/RP001G	LÒ XO 12/RP001G	14.080	10%
6563	232904-0	COMPRESSION SPR G 8/PS001G	LÒ XO 8/PS001G	14.080	10%
6564	232906-6	LEAF SPRING/TM001G	LÒ XO LA/TM001G	4.730	10%
6565	232907-4	COMPRESSION SPRING 4/UC029G	LÒ XO 4/UC029G	4.730	10%
6566	232908-2	TORSION SPRING 13/PS001G/GSP01	LÒ XO 13/PS001G/GSP01	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6567	232909-0	COMPRESSION SPRING 18/TD004G	LÒ XO 18/TD004G	23.320	10%
6568	232910-5	COMPRESSION SPRING 25/TD004G	LÒ XO 25/TD004G	69.960	10%
6569	232911-3	RING SPRING 12/TD004G	VÒNG GAI CHỮ C/TD004G	4.730	10%
6570	232916-3	TORSION SPRING 4B/TR001G	LÒ XO 4/TR001G	8.800	10%
6571	232919-7	COMPRESSION SPRING 6/TR001G	LÒ XO 6/TR001G	13.200	10%
6572	232921-0	COMPRESSION SPRING 4C/TR001G	LÒ XO 4C/TR001G	4.400	10%
6573	232922-8	COMPRESSION SPRING 4B/TR001G	LÒ XO 4B/TR001G	4.400	10%
6574	232923-6	COMPRESSION SPRING 4D/TR001G	LÒ XO 4D/TR001G	4.400	10%
6575	232924-4	COMPRESSION SPRING 11/TR001G	LÒ XO/TR001G	8.800	10%
6576	232925-2	TORSION SPRING 4A/TR001G	LÒ XO 4A/TR001G	8.800	10%
6577	232926-0	COMPRESSION SPRING 9/GA055G/GA056G	LÒ XO 9/GA055G/GA056G	4.400	10%
6578	232935-9	COMPRESSION SPRING 38/TW1005D	LÒ XO 38/TW1005D	293.920	10%
6579	232955-3	COMPRESSION SPRING 5/UC030G	LÒ XO 5/UC030G	4.730	10%
6580	232956-1	TORSION SPRING 10/UC030G	LÒ XO 10/UC030G	4.730	10%
6581	232966-8	TORSION SPRING 8/UB003G	LÒ XO 8/UB003G	8.800	10%
6582	232970-7	COMPRESSION SPRING 14/TD004G	LÒ XO 14/TD004G	4.730	10%
6583	232981-2	COMPRESSION SPRING 13/6922NB	LÒ XO 13/6922NB	26.400	10%
6584	232982-0	COMPRESSION SPRING 25/6922NB	LÒ XO 25/6922NB	30.800	10%
6585	233002-3	COMPRESSION SPRING 3/9237C	LÒ XO/9237C	4.730	10%
6586	233005-7	COMPRESSION SPRING 13/6951	LÒ XO/6951	4.730	10%
6587	233011-2	COMPRESSION SPRING 8/DUH501	LÒ XO 8/DUH501	4.730	10%
6588	233016-2	COMPRESSION SPRING 15/2012NB	LÒ XO 15/2012NB	9.350	10%
6589	233018-8	COMPRESSION SPRING 3/DF010D	LÒ XO/DF010D	4.730	10%
6590	233024-3	COMPRESSION SPRING 4/RP1800	LÒ XO/RP1800	9.350	10%
6591	233025-1	COMPRESSION SPRING 2/DJR188Z	LÒ XO/DJR188Z	4.730	10%
6592	233031-6	COMPRESSION SPRING 12/LS1019L	LÒ XO 12/LS1019L	4.730	10%
6593	233033-2	COMPRESSION SPRING 4/BUC250	LÒ XO/BUC250	4.400	10%
6594	233038-2	COMPRESSION SPRING 5/JR3060T	LÒ XO 5/JR3060T	9.350	10%
6595	233042-1	COMPRESSION SPRING 14/LH1040	LÒ XO 14/LH1040	4.730	10%
6596	233052-8	COMPRESSION SPRING 35/HM0810	LÒ XO 35/HM0810	98.010	10%
6597	233064-1	COMPRESSION SPRING 4/DCE090	LÒ XO/DCE090	9.350	10%
6598	233068-3	COMPRESSION SPRING 6/DLM431	LÒ XO 6/DLM431	8.800	10%
6599	233071-4	COMPRESSION SPRING 4/9563C	LÒ XO/9563C	4.730	10%
6600	233072-2	COMPRESSION SPRING 8/9237C	LÒ XO/9237C	4.730	10%
6601	233075-6	COMPRESSION SPRING 6/UH3502	LÒ XO 6/UH3502	9.350	10%
6602	233083-7	COMPRESSION SPRING 12/HM1810	LÒ XO 12/HM1810	22.000	10%
6603	233084-5	COMPRESSION SPRING 6/CA5000	LÒ XO/CA5000	4.400	10%
6604	233085-3	COMPRESSION SPRING 45/2414NB	LÒ XO/2414NB	135.300	10%
6605	233087-9	COMPRESSION SPRING 13/6922NB	LÒ XO/6922NB	35.200	10%
6606	233089-5	COMPRESSION SPRING 12/9015B	LÒ XO/9015B	4.400	10%
6607	233092-6	COMPRESSION SPRING 5/4131	LÒ XO/4131	9.350	10%
6608	233096-8	COMPRESSION SPRING 5/DUN500W	LÒ XO 5/DUN500W	4.730	10%
6609	233098-4	COMPRESSION SPRING 4/6922NB	LÒ XO/6922NB	28.050	10%
6610	233101-1	COMPRESSION SPRING 4/4304	LÒ XO 4/4304	4.730	10%
6611	233103-7	COMPRESSION SPRING 45/LC1230	LÒ XO 45/LC1230	186.560	10%
6612	233105-3	COMPRESSION SPRING 4/RP2301FC	LÒ XO 4/RP2301FC	4.730	10%
6613	233107-9	COMPRESSION SPRING 22/TL064D	LÒ XO 22/TL064D	28.050	10%
6614	233110-0	COMPRESSION SPRING 8/RP0900	LÒ XO 8/RP0900	4.730	10%
6615	233117-6	COMPRESSION SPRING 6/BCS550	LÒ XO/BCS550	4.730	10%
6616	233118-4	COMPRESSION SPRING 4/DJV180	LÒ XO/DJV180	4.400	10%
6617	233121-5	COMPRESSION SPRING 4/9553NB	LÒ XO/9553NB	4.730	10%
6618	233126-5	COMPRESSION SPRING 6/FS2500	LÒ XO/FS2500	4.400	10%
6619	233127-3	COMPRESSION SPRING 7/RT0700C	LÒ XO 7/RT0700C	4.730	10%
6620	233139-6	COMPRESSION SPRING 3/4350CT	LÒ XO/4350CT	9.350	10%
6621	233142-7	COMPRESSION SPRING 14/BS001G	LÒ XO 14/BS001G	14.080	10%
6622	233151-6	COMPRESSION SPRING 4/4328	LÒ XO/4328	4.644	8%
6623	233152-4	COMPRESSION SPRING 28/LS1030N	LÒ XO/LS1030N	42.020	10%
6624	233173-6	COMPRESSION SPRING 4/BUC250	LÒ XO 4/BUC250	4.730	10%
6625	233174-4	COMPRESSION SPRING 6/UC4051A	LÒ XO/UC4051A	4.400	10%
6626	233175-2	COMPRESSION SPRING 9/BUC250	LÒ XO/BUC250	8.800	10%
6627	233180-9	COMPRESSION SPRING 3/HR4040C	LÒ XO/HR4040C	4.730	10%
6628	233188-3	COMPRESSION SPRING 2.4/DPT351	LÒ XO/DPT351	4.730	10%
6629	233191-4	COMPRESSION SPRING 30/HM0810T	LÒ XO/HM0810T	4.730	10%
6630	233194-8	COMPRESSION SPRING 4/HR140D	LÒ XO/HR140D	4.730	10%
6631	233201-7	COMPRESSION SPRING 6/LS002G	LÒ XO/LS002G	4.730	10%
6632	233203-3	COMPRESSION SPRING 38/HR2010	LÒ XO/HR2010	4.730	10%
6633	233211-4	COMPRESSION SPRING 2/BBC231U	LÒ XO/BBC231U	4.400	10%
6634	233222-9	COMPRESSION SPRING 5 /DUH501	LÒ XO 5/DUH501	32.670	10%
6635	233229-5	COMPRESSION SPRING 8/2704	LÒ XO 8/2704	14.080	10%
6636	233234-2	COMPRESSION SPRING 35/HR2010	LÒ XO/HR2010	9.350	10%
6637	233235-0	COMPRESSION SPRING 12/9403	LÒ XO/9403	9.350	10%
6638	233249-9	COMPRESSION SPRING 7/BS001G	LÒ XO 7/BS001G	4.730	10%
6639	233250-4	COMPRESSION SPRING 12/BS001G	LÒ XO 12/BS001G	9.350	10%
6640	233263-5	COMPRESSION SPRING 9/GA027G	LÒ XO/GA027G	14.080	10%
6641	233264-3	COMPRESSION SPRING 5/N5900B	LÒ XO/N5900B	4.730	10%
6642	233267-7	COMPRESSION SPRING 7/CA5000	LÒ XO/CA5000	14.080	10%
6643	233279-0	COMPRESSION SPRING 4/DHR263	LÒ XO/DHR263	9.350	10%
6644	233284-7	COMPRESSION SPRING 5/N5900B	LÒ XO/N5900B	4.730	10%
6645	233285-5	COMPRESSION SPRING 4/BO6050	LÒ XO/BO6050	4.730	10%
6646	233292-8	COMPRESSION SPRING 12/9067	LÒ XO/9067	32.670	10%
6647	233296-0	COMPRESSION SPRING 24/BTW070	LÒ XO/BTW070	5.500	10%
6648	233303-9	COMPRESSION SPRING 13/RP001G	LÒ XO 13/RP001G	18.700	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6649	233306-3	COMPRESSION SPRING 4/DGP180Z	LÒ XO 4/DGP180Z	14.080	10%
6650	233309-7	COMPRESSION SPRING 17/HM1306	LÒ XO/HM1306	37.400	10%
6651	233310-2	COMPRESSION SPRING 25/6952	LÒ XO/6952	35.200	10%
6652	233314-4	COMPRESSION SPRING 4/JV0600K	LÒ XO 4/JV0600K	4.730	10%
6653	233326-7	COMPRESSION SPRING 5/DDA460	LÒ XO 5/DDA460	14.080	10%
6654	233328-3	COMPRESSION SPRING 31/HR2230	LÒ XO/HR2230	9.350	10%
6655	233330-6	COMPRESSION SPRING 16/HP1630	LÒ XO/HP1630	4.730	10%
6656	233332-2	COMPRESSION SPRING 6/9032	LÒ XO 6/9032	13.200	10%
6657	233333-0	COMPRESSION SPRING 10/9032	LÒ XO 10/9032	17.600	10%
6658	233342-9	COMPRESSION SPRING 6/DHR202	LÒ XO/DHR202	4.730	10%
6659	233343-7	COMPRESSION SPRING 7/DHR202	LÒ XO/DHR202	4.730	10%
6660	233344-5	COMPRESSION SPRING 4/CL104D	LÒ XO/CL104D	4.730	10%
6661	233345-3	COMPRESSION SPRING 6/DJR181	LÒ XO/DJR181	9.350	10%
6662	233347-9	COMPRESSION SPRING 12/HR2230	LÒ XO/HR2230	4.730	10%
6663	233356-8	COMPRESSION SPRING 19A/DFL083F	LÒ XO 19A/DFL083F	65.340	10%
6664	233357-6	COMPRESSION SPRING 19B/DFL403F	LÒ XO 19B/DFL403F	55.990	10%
6665	233358-4	COMPRESSION SPRING 19C/DFT127F	LÒ XO/DFT127F	93.280	10%
6666	233360-7	COMPRESSION SPRING 4/DHR242	LÒ XO/DHR242	4.730	10%
6667	233372-0	COMPRESSION SPRING 7/LW1400	LÒ XO/LW1400	4.730	10%
6668	233375-4	COMPRESSION SPRING 7/GA7030	LÒ XO/GA7030	4.730	10%
6669	233376-2	COMPRESSION SPRING 8/9553B	LÒ XO/9553B	4.730	10%
6670	233377-0	COMPRESSION SPRING 30/TW0200	LÒ XO/TW0200	65.340	10%
6671	233383-5	COMPRESSION SPRING 28/TW0350	LÒ XO/TW0350	69.960	10%
6672	233384-3	COMPRESSION SPRING 19E/DFT085F	LÒ XO/DFT085F	88.660	10%
6673	233385-1	COMPRESSION SPRING 19D/DFL651F	LÒ XO/DFL651F	121.330	10%
6674	233386-9	COMPRESSION SPRING 37/HM0870C	LÒ XO/HM0870C	9.350	10%
6675	233387-7	COMPRESSION SPRING 52/HM0870C	LÒ XO/HM0870C	14.080	10%
6676	233388-5	COMPRESSION SPRING 5/HR2230	LÒ XO/HR2230	4.730	10%
6677	233395-8	COMPRESSION SPRING 18/MT191	LÒ XO/MT191	14.080	10%
6678	233396-6	COMPRESSION SPRING 7/MT362	LÒ XO/MT362	4.730	10%
6679	233397-4	COMPRESSION SPRING 11/MT362	LÒ XO/MT362	4.730	10%
6680	233398-2	COMPRESSION SPRING 12/MT362	LÒ XO/MT362	4.730	10%
6681	233401-9	COMPRESSION SPRING 32/DHR202	LÒ XO/DHR202	14.080	10%
6682	233407-7	COMPRESSION SPRING 37/HM001G	LÒ XO 37/HM001G	23.320	10%
6683	233414-0	COMPRESSION SPRING 27/LH1040	LÒ XO 27/LH1040	69.960	10%
6684	233415-8	COMPRESSION SPRING 21/LH1040	LÒ XO 21/LH1040	4.400	10%
6685	233417-4	COMPRESSION SPRING 19F/DFL301F	LÒ XO 19F/DFL301F	79.310	10%
6686	233420-5	COMPRESSION SPRING 28/6924N	LÒ XO/6924N	51.370	10%
6687	233421-3	COMPRESSION SPRING 4/6924N	LÒ XO/6924N	46.640	10%
6688	233422-1	COMPRESSION SPRING 19/MT111	LÒ XO 19/MT111	14.080	10%
6689	233423-9	COMPRESSION SPRING 9/MT111	LÒ XO/MT111	4.730	10%
6690	233430-2	COMPRESSION SPRING 24/BTD136	LÒ XO/BTD136	28.050	10%
6691	233431-0	COMPRESSION SPRING 48/HR4002	LÒ XO/HR4002	14.080	10%
6692	233432-8	COMPRESSION SPRING 7/HR4002	LÒ XO 7/HR4002	4.730	10%
6693	233433-6	COMPRESSION SPRING 5/HR4002	LÒ XO 5/HR4002	4.730	10%
6694	233434-4	COMPRESSION SPRING 11/HM0871C	LÒ XO/HM0871C	14.080	10%
6695	233436-0	COMPRESSION SPRING 3/HR3200C	LÒ XO/HR3200C	4.730	10%
6696	233438-6	COMPRESSION SPRING 4/DDF459	LÒ XO 4/DDF459	4.730	10%
6697	233441-7	COMPRESSION SPRING 8/BAP182	LÒ XO 8/BAP182	8.800	10%
6698	233445-9	COMPRESSION SPRING 16/6924N	LÒ XO/6924N	51.370	10%
6699	233448-3	COMPRESSION SPRING 37/HR4002	LÒ XO 37/HR4002	14.080	10%
6700	233455-6	COMPRESSION SPRING 7/DJR181	LÒ XO/DJR181	4.730	10%
6701	233456-4	COMPRESSION SPRING 11/MT362	LÒ XO/MT362	14.080	10%
6702	233457-2	COMPRESSION SPRING 25/DHR165	LÒ XO/DHR165	14.080	10%
6703	233458-0	COMPRESSION SPRING 32/DHR165	LÒ XO/DHR165	9.350	10%
6704	233459-8	COMPRESSION SPRING 3/DHR165	LÒ XO/DHR165	4.730	10%
6705	233460-3	COMPRESSION SPRING 3/DHR165	LÒ XO/DHR165	4.730	10%
6706	233471-8	COMPRESSION SPRING 6/DLS600	LÒ XO 6/DLS600	4.730	10%
6707	233476-8	COMPRESSION SPRING 4/DUC254	LÒ XO 4/DUC254	4.730	10%
6708	233479-2	COMPRESSION SPRING 11/CA5000	LÒ XO/CA5000	17.600	10%
6709	233480-7	COMPRESSION SPRING 7/CA5000X	LÒ XO 7/CA5000X	4.730	10%
6710	233481-5	COMPRESSION SPRING 20/TD022D	LÒ XO/TD022D	9.350	10%
6711	233491-2	COMPRESSION SPRING 2/DUP361	LÒ XO/DUP361	9.350	10%
6712	233521-9	TORSION SPRING 10/KP0810	LÒ XO/KP0810	22.000	10%
6713	233535-8	TORSION SPRING 13/EK8100	LÒ XO 13/EK8100	8.800	10%
6714	233536-6	TORSION SPRING 5/BHX2500	LÒ XO 5/BHX2500	2.200	10%
6715	233537-4	TORSION SPRING 35/LS1016	LÒ XO 35/LS1016	144.650	10%
6716	233538-2	TORSION SPRING 15/RP1800	LÒ XO 15/RP1800	9.350	10%
6717	233540-5	TORSION SPRING 11/EE2650H	LÒ XO/EE2650H	4.400	10%
6718	233541-3	TORSION SPRING 7/EE2650H	LÒ XO/EE2650H	4.400	10%
6719	233542-1	TORSION SPRING 40/LS1216	LÒ XO/LS1216	303.160	10%
6720	233563-3	TORSION SPRING 8/DLS600	LÒ XO 8/DLS600	9.350	10%
6721	233568-3	TORSION SPRING/EH7500S	LÒ XO/EH7500S	2.200	10%
6722	233578-0	DAMPER SPRING/EVH2000	BỘ LÒ XO GIAM SÓC/EVH2000	79.200	10%
6723	233579-8	TORSION SPRING 8/EH6000W	LÒ XO TAY GA/EH6000W	22.000	10%
6724	233580-3	TORSION SPRING 4/CL104D	LÒ XO 4/CL104D	4.730	10%
6725	233590-0	TORSION SPRING 12/EK7651H	LÒ XO 12/EK7651H	17.600	10%
6726	233591-8	TORSION SPRING 10/JV0600K	LÒ XO 10/JV0600K	4.730	10%
6727	233594-2	TORSION SPRING 17/DJR188	LÒ XO 17/DJR188	4.730	10%
6728	233596-8	TORSION SPRING 11/DHS710	LÒ XO 11/DHS710	4.730	10%
6729	233597-6	TORSION SPRING 8/DLM431	LÒ XO 8/DLM431	13.200	10%
6730	233598-4	TORSION SPRING 6/DHR280	LÒ XO 6/DHR280	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6731	233603-7	TORSION SPRING 7/HR4013C	LÒ XO 7/HR4013C	4.400	10%
6732	233604-5	TORSION SPRING 3/DUR191L	LÒ XO/DUR191L	18.700	10%
6733	233607-9	TORSION SPRING 6/EA3601F	LÒ XO 6/EA3601F	2.200	10%
6734	233611-8	TORSION SPRING 7/HR5212C	LÒ XO 7/HR5212C	23.320	10%
6735	233612-6	TORSION SPRING 10/DUR365U	LÒ XO/DUR365U	22.000	10%
6736	233619-2	TORSION SPRING 3/DFS452	LÒ XO/DFS452	4.400	10%
6737	233621-5	TORSION SPRING 9/DUR365U	LÒ XO/DUR365U	4.400	10%
6738	233622-3	TORSION SPRING 12/DUR192L	LÒ XO 12/DUR192L	4.730	10%
6739	233623-1	TORSION SPRING 9/EK7651H	LÒ XO 9/EK7651H	12.100	10%
6740	233625-7	SPRING CLAMP/EK8100	VÒNG KEP/EK8100	22.000	10%
6741	233626-5	SPRING/EK8100	LÒ XO TAY GA/EK8100	48.400	10%
6742	233627-3	TORSION SPRING 4/CA5000	LÒ XO 4/CA5000	4.730	10%
6743	233629-9	TORSION SPRING/EK6101	LÒ XO/EK6101	13.200	10%
6744	233631-2	SPRING/EK6101	LÒ XO/EK6101	8.800	10%
6745	233633-8	TORSION SPRING 33/LW1400	LÒ XO 33/LW1400	205.260	10%
6746	233901-9	LOCK SPRING 12/9563C	LÒ XO 12/9563C	42.020	10%
6747	233910-8	RING SPRING 43/DTW280	LÒ XO/DTW280	4.730	10%
6748	233916-6	CONICAL COMP. SPRING 21-29/DHR165	LÒ XO 21-29/DHR165	14.080	10%
6749	233917-4	RING SPRING 28/DHR202	VÒNG GAI CHỮ C/DHR202	4.730	10%
6750	233918-2	RING SPRING 28/HR2230	VÒNG GAI CHỮ C/HR2230	4.644	8%
6751	233920-5	RING SPRING 11/HP2050	PHE GAI 11/HP2050	4.730	10%
6752	233921-3	CONICAL COMPRESSION SPRING/HP2050	LÒ XO 15-24/HP2050	4.730	10%
6753	233922-1	LOCK SPRING 24/4112HS	LÒ XO/4112HS	228.580	10%
6754	233924-7	RING SPRING 21/HR2651T	VÒNG GAI 21/HR2651T	4.730	10%
6755	233925-5	RING SPRING 13/6411	VÒNG GAI CHỮ C/6411	4.730	10%
6756	233926-3	RING SPRING 7/GA5020	VÒNG GAI CHỮ C/GA5020	23.320	10%
6757	233927-1	RING SPRING 34/HM0870C	VÒNG GAI CHỮ C/HM0870C	4.730	10%
6758	233929-7	RING SPRING 29/DHR202	VÒNG GAI CHỮ C/DHR202	4.730	10%
6759	233930-2	RING SPRING 9/MT066	VÒNG GAI CHỮ C/MT066	32.670	10%
6760	233931-0	RING SPRING 36/DFL301F	VÒNG KEP 36/DFL301F	23.320	10%
6761	233932-8	RING SPRING 29/DFL301F	VÒNG GAI 29/DFL301F	42.020	10%
6762	233933-6	RING SPRING 15/HM1306	PHE GAI BẢNG THÉP 15/HM1306	18.700	10%
6763	233935-2	RING SPRING 32/HR3530	VÒNG GAI CHỮ C/HR3530	4.730	10%
6764	233936-0	CONICAL COMPRESSIONSPRING19-27/HR4002	LÒ XO 19-27/HR4002	4.730	10%
6765	233937-8	RING SPRING 31/HR4002	VÒNG GAI 31/HR4002	4.730	10%
6766	233938-6	RING SPRING 12/HP1630	VÒNG GAI CHỮ C/HP1630	4.730	10%
6767	233940-9	RING SPRING 19/DHR165	VÒNG GAI CHỮ C/DHR165	28.050	10%
6768	233942-5	RING SPRING 22/DHR165	VÒNG GAI CHỮ C/DHR165	14.080	10%
6769	233943-3	RING SPRING 8/TW140D	VÒNG GAI 8/TW140D	65.340	10%
6770	233945-9	RING SPRING 32/HR3530	VÒNG GAI CHỮ C/HR3530	4.730	10%
6771	233946-7	RING SPRING 15/GA7020	LONG ĐÈN/GA7020	4.730	10%
6772	233948-3	RING SPRING 25/HR4013C	VÒNG GAI CHỮ C/HR4013C	18.700	10%
6773	233950-6	RING SPRING 11/DGA404	VÒNG GAI CHỮ C/DGA404	9.350	10%
6774	233951-4	C. C. SPRING 16-26/HR2810	LÒ XO/HR2810	9.350	10%
6775	233952-2	RING SPRING 41/HR2810	VÒNG GAI CHỮ C/HR2810	4.730	10%
6776	233954-8	RING SPRING 21/HR2810	VÒNG GAI CHỮ C/HR2810	4.730	10%
6777	233958-0	RING SPRING 41/HR3530	LÒ XO/HR3530	13.200	10%
6778	233959-8	C. C. SPRING 35-40/HR3530	LÒ XO/HR3530	46.640	10%
6779	233966-1	RING SPRING 19/DHK180	VÒNG GAI CHỮ C 19/DHK180	32.670	10%
6780	233970-0	RING SPRING 35/HM1203C	LÒ XO VÒNG/HM1203C	14.080	10%
6781	233971-8	RING SPRING/EA3201S	VÒNG GAI CHỮ C/EA3201S	22.000	10%
6782	233973-4	RING SPRING 26/HM1203C	LÒ XO VÒNG/HM1203C	14.080	10%
6783	233974-2	RING SPRING 33/FS2500	PHE GAI 33/FS2500	4.730	10%
6784	233976-8	CLIP/BHX2500	VÒNG GAI CHỮ C/BHX2500	4.400	10%
6785	233977-6	RING SPRING 55/HM1317C	VÒNG GAI CHỮ C/HM1317C	18.700	10%
6786	233979-2	RING SPRING 28/DHR242	PHE GAI 28/DHR242	4.730	10%
6787	233988-1	RING SPRING 8/EA3201S	VÒNG GAI CHỮ C/EA3201S	2.200	10%
6788	233989-9	RING SPRING 14/DHR242	VÒNG GAI CHỮ C/DHR242	4.730	10%
6789	233991-2	DAMPER.SPRING/EH6000W	LÒ XO DÂY CHỤP GIÙT/EH6000W	70.400	10%
6790	233992-0	RING SPRING 15/DHR242	VÒNG GAI CHỮ C/DHR242	4.730	10%
6791	233995-4	RING SPRING 12/EB7650TH	VÒNG GAI CHỮ C/EB7650TH	4.400	10%
6792	234005-0	COMPRESSION SPRING 9/UC4051A	LÒ XO/UC4051A	13.200	10%
6793	234013-1	COMPRESSION SPRING 5/VS001G	LÒ XO 5/VS001G	14.080	10%
6794	234016-5	COMPRESSION SPRING 35/HR4030C	LÒ XO/HR4030C	18.700	10%
6795	234019-9	COMPRESSION SPRING 4/HR2810	LÒ XO/HR2810	4.730	10%
6796	234020-4	COMPRESSION SPRING 37/HR2810	LÒ XO/HR2810	9.350	10%
6797	234021-2	COMPRESSION SPRING 30/HR2810	LÒ XO/HR2810	9.350	10%
6798	234029-6	COMPRESSION SPRING 19H/DFL201F	LÒ XO 19H/DFL201F	177.320	10%
6799	234037-7	COMPRESSION SPRING 5/DTR180	LÒ XO 5/DTR180	9.350	10%
6800	234039-3	COMPRESSION SPRING 42/DHK180	LÒ XO 42/DHK180	18.700	10%
6801	234041-6	COMPRESSION SPRING 32/DHK180	LÒ XO 32/DHK180	23.320	10%
6802	234048-2	COMPRESSION SPRING 10/HR3210C	LÒ XO/HR3210C	18.700	10%
6803	234049-0	CONICAL COMPRESSIONSPRING22-32/HR3200C	LÒ XO/HR3200C	9.350	10%
6804	234050-5	COMPRESSION SPRING 34/HR3200C	LÒ XO/HR3200C	28.050	10%
6805	234051-3	COMPRESSION SPRING 11/HR3210C	LÒ XO/HR3210C	18.700	10%
6806	234052-1	COMPRESSION SPRING 42/HR3200C	LÒ XO/HR3200C	46.640	10%
6807	234057-1	COMPRESSION SPRING 8/GA4030	LÒ XO/GA4030	4.730	10%
6808	234064-4	COMPRESSION SPRING 21/TD090D	LÒ XO/TD090D	9.350	10%
6809	234079-1	COMPRESSION SPRING 4/BBC231U	LÒ XO/BBC231U	4.730	10%
6810	234080-6	COMPRESSION SPRING 24/BTP130	LÒ XO/BTP130	60.720	10%
6811	234084-8	COMPRESSION SPRING 3/JR002G	LÒ XO 3/JR002G	60.720	10%
6812	234085-6	COMPRESSION SPRING 15/HM1213C	LÒ XO 15/HM1213C	18.700	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6813	234086-4	COMPRESSION SPRING 56/HM1203C	LÒ XO/HM1203C	14.080	10%
6814	234093-7	COMPRESSION SPRING 3/EA4301F	LÒ XO 3/EA4301F	2.200	10%
6815	234096-1	COMPRESSION SPRING 21/TD0100	LÒ XO/TD0100	9.350	10%
6816	234097-9	COMPRESSION SPRING 10/DHR263	LÒ XO/DHR263	4.730	10%
6817	234098-7	COMPRESSION SPRING 14/DHR242	LÒ XO/DHR242	4.730	10%
6818	234104-8	COMPRESSION SPRING 13/LS1016	LÒ XO/LS1016	8.800	10%
6819	234105-6	COMPRESSION SPRING 11/RP2301FC	LÒ XO 11/RP2301FC	28.050	10%
6820	234106-4	COMPRESSION SPRING 13/RP2301FC	LÒ XO 13/RP2301FC	23.320	10%
6821	234107-2	COMPRESSION SPRING 58/HM1214C	LÒ XO/HM1214C	116.600	10%
6822	234108-0	COMPRESSION SPRING 9/BHX2500	LÒ XO/BHX2500	8.800	10%
6823	234111-1	COMPRESSION SPRING 66/HM1317C	LÒ XO/HM1317C	223.960	10%
6824	234121-8	COMPRESSEION SPRING 8/DFS452	LÒ XO/DFS452	4.730	10%
6825	234122-6	COMPRESSION SPRING 6/LS1019L	LÒ XO 6/LS1019L	4.730	10%
6826	234134-9	COMPRESSION SPRING 12/HM0871C	LÒ XO GIÂM RUNG 12/HM0871C	14.080	10%
6827	234141-2	COMPRESSION SPRING 12/DVC660	LÒ XO 12/DVC660	4.730	10%
6828	234143-8	COMPRESSION SPRING 25/6922NB	LÒ XO/6922NB	44.000	10%
6829	234147-0	COMPRESSION SPRING 5/DHR242	LÒ XO/DHR242	4.730	10%
6830	234148-8	COMPRESSION SPRING 31/DHR242	LÒ XO/DHR242	23.320	10%
6831	234149-6	COMPRESSION SPRING 20/DHR242	LÒ XO/DHR242	18.700	10%
6832	234173-9	COMPRESSION SPRING 4/DSP601	LÒ XO/DSp601	23.320	10%
6833	234181-0	COMPRESSION SPRING 11/EBH340R	LÒ XO/EBH340R	2.200	10%
6834	234182-8	COMPRESSION SPRING 15/EH7500S	LÒ XO 15/EH7500S	5.500	10%
6835	234183-6	CONICAL COMPRESSION SPRING 5-9/BHX2500	LÒ XO 5-9/BHX2500	39.600	10%
6836	234189-4	COMPRESSION SPRING 12/EA3201S	LÒ XO/EA3201S	13.200	10%
6837	234193-3	SPRING EASY START/EK6101	BỘ ĐIỀU KHIỂN KHỞI ĐỘNG/EK6101	82.080	8%
6838	234198-3	SPRING/RBC411	LÒ XO/RBC411	4.400	10%
6839	234204-4	COMPRESSION SPRING 8/EH6000W	LÒ XO 8/EH6000W	8.800	10%
6840	234207-8	COMPRESSION SPRING 6/DUC353	LÒ XO/DUC353	2.200	10%
6841	234210-9	COMPRESSION SPRING 3/EA3201S	LÒ XO 3/EA3201S	2.200	10%
6842	234212-5	COMPRESSION SPRING 11/EB7650TH	LÒ XO/EB7650TH	13.200	10%
6843	234213-3	COMPRESSION SPRING 13/EK7651H	LÒ XO/EK7651H	39.600	10%
6844	234214-1	COMPRESSION SPRING 16/EK7651H	LÒ XO/EK7651H	26.400	10%
6845	234215-9	COMPRESSION SPRING 6/EK7651H	LÒ XO/EK7651H	26.400	10%
6846	234217-5	COMPRESSION SPRING 21/TD091D	LÒ XO/TD091D	9.350	10%
6847	234222-2	COMPRESSION SPRING 31/MT870	LÒ XO/MT870	14.080	10%
6848	234227-2	COMPRESSION SPRING 3/DX01	LÒ XO 3/DX01	4.730	10%
6849	234228-0	COMPRESSION SPRING 6/DX01	LÒ XO 6/DX01	4.400	10%
6850	234230-3	COMPRESSION SPRING 33/GA5091/GA5092	LÒ XO 33/GA5091/GA5092	9.350	10%
6851	234231-1	COMPRESSION SPRING 2/DTP141	LÒ XO/DTP141	32.670	10%
6852	234232-9	COMPRESSION SPRING 3/DTP141	LÒ XO/DTP141	14.080	10%
6853	234233-7	COMPRESSION SPRING 5/DTP141	LÒ XO/DTP141	9.350	10%
6854	234234-5	COMPRESSION SPRING 22/DTP141	LÒ XO/DTP141	98.010	10%
6855	234243-4	CLIP/EH6000W	PHE GAI/EH6000W	4.400	10%
6856	234244-2	COMPRESSION SPRING 3/PM7650H	LÒ XO/PM7650H	4.400	10%
6857	234245-0	COMPRESSION SPRING 12/PM7650H	LÒ XO/PM7650H	4.400	10%
6858	234246-8	COMPRESSION SPRING 17/PM7650H	LÒ XO/PM7650H	4.400	10%
6859	234251-5	COMPRESSION SPRING 25/DTD137	LÒ XO/DTD137	65.340	10%
6860	234254-9	COMPRESSION SPRING 2/DPT353	LÒ XO/DPT353	23.320	10%
6861	234257-3	FRICTION SPRING/EB7650TH	LÒ XO/EB7650TH	96.800	10%
6862	234258-1	COMPRESSION SPRING 7/JR102D	LÒ XO 7/JR102D	4.730	10%
6863	234261-2	COMPRESSION SPRING 5/DUH523	LÒ XO 5/DUH523	4.730	10%
6864	234263-8	COMPRESSION SPRING 5/DTM51	LÒ XO/DTM51	4.730	10%
6865	234264-6	COMPRESSION SPRING 3/DHR242	LÒ XO/DHR242	4.730	10%
6866	234273-5	COMPRESSION SPRING 20/DVC860L	LÒ XO/DVC860L	4.730	10%
6867	234277-7	COMPRESSION SPRING 3/EK7651H	LÒ XO 3/EK7651H	26.400	10%
6868	234281-6	COMPRESSION SPRING 6/HR4013C	LÒ XO 6/HR4013C	4.400	10%
6869	234282-4	COMPRESSION SPRING 12/DHR400	LÒ XO 12/DHR400	8.800	10%
6870	234283-2	COMPRESSION SPRING 18.5/CA5000X	LÒ XO GIÂM RUNG 18.5/CA5000X	4.400	10%
6871	234284-0	COMPRESSION SPRING 4/HR4013C	LÒ XO 4/HR4013C	4.400	10%
6872	234285-8	COMPRESSION SPRING 7/HR4013C	LÒ XO 7/HR4013C	4.400	10%
6873	234286-6	COMPRESSION SPRING 11/HR4013C	LÒ XO 11/HR4013C	8.800	10%
6874	234287-4	COMPRESSION SPRING 34/HR4013C	LÒ XO 34/HR4013C	13.200	10%
6875	234288-2	COMPRESSION SPRING 46/HR4013C	LÒ XO 46/HR4013C	8.800	10%
6876	234289-0	COMPRESSION SPRING 33/HR4013C	LÒ XO 33/HR4013C	4.400	10%
6877	234290-5	RING SPRING 59/HR4013C	VÒNG GAI CHỮ C/HR4013C	4.400	10%
6878	234295-5	COMPRESSION SPRING 25/BTW074	LÒ XO/BTW074	7.700	10%
6879	234298-9	COMPRESSION SPRING 12/M0920B	LÒ XO 12/M0920B	4.730	10%
6880	234299-7	RING SPRING 13/M0920B	VÒNG GAI CHỮ C/M0920B	4.644	8%
6881	234307-4	RETEAINING RING/EA3601F	VÒNG GAI CHỮ C/EA3601F	4.400	10%
6882	234313-9	COMPRESSION SPRING 9/DPB181	LÒ XO/DPB181	14.080	10%
6883	234315-5	COMPRESSION SPRING 6/DCG180	LÒ XO/DCG180	23.320	10%
6884	234316-3	COMPRESSION SPRING 7/LS002G	LÒ XO 7/LS002G	4.730	10%
6885	234317-1	COMPRESSION SPRING 49/HR5212C	LÒ XO 49/HR5212C	28.050	10%
6886	234318-9	COMPRESSION SPRING 45/HR5212C	LÒ XO 45/HR5212C	23.320	10%
6887	234319-7	COMPRESSION SPRING 46/HR5212C	LÒ XO 46/HR5212C	65.340	10%
6888	234320-2	COMPRESSION SPRING 12/HR5212C	LÒ XO 12/HR5212C	14.080	10%
6889	234322-8	COMPRESSION SPRING 25/DTW280	LÒ XO/DTW280	60.720	10%
6890	234323-6	RING SPRING 9/EA3503S	PHE GAI BẢNG THÉP 9/EA3503S	13.200	10%
6891	234325-2	COMPRESSION SPRING 6/DFN350	LÒ XO 6/DFN350	42.020	10%
6892	234331-7	COMPRESSION SPRING 24/DTD148	LÒ XO/DTD148	51.370	10%
6893	234332-5	COMPRESSION SPRING 7/DCO181	LÒ XO 7/DCO181	4.730	10%
6894	234333-3	COMPRESSION SPRING 22/EB7650TH	LÒ XO 22/EB7650TH	18.700	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6895	234337-5	COMPRESSION SPRING 25/DTW250	SÉC MĂNG/DTW250	51.370	10%
6896	234338-3	COMPRESSION SPRING 33/DTW450	LÒ XO/DTW450	107.360	10%
6897	234339-1	COMPRESSION SPRING 6/UH201D	LÒ XO/UH201D	4.400	10%
6898	234342-2	COMPRESSION SPRING 16/MT80A	LÒ XO 16/MT80A	4.730	10%
6899	234343-0	COMPRESSION SPRING 5/HR2630	LÒ XO 5/HR2630	4.730	10%
6900	234347-2	COMPRESSION SPRING 11/DTS141	LÒ XO/DTS141	9.350	10%
6901	234348-0	RING SPRING 30/DFS452	VÒNG ĐỆM LÒ XO/DFS452	4.730	10%
6902	234355-3	RING SPRING 5/UE001G	VÒNG GAI/UE001G	4.730	10%
6903	234356-1	LOCK SPRING 16/GA5020	LÒ XO/GA5020	74.690	10%
6904	234357-9	COMPRESSION SPRING 11/DGA408	LÒ XO/DGA408	4.730	10%
6905	234358-7	TERMINAL SPRING/EK6101	LÒ XO/EK6101	8.800	10%
6906	234359-5	CIRCLIP 12/EK8100	PHE GAI 12/EK8100	2.200	10%
6907	234361-8	COMPRESSION SPRING 2/DFL651F	LÒ XO/DFL651F	28.050	10%
6908	234366-8	SNAP RING A 16/EK8100	VÒNG GAI A 16/EK8100	2.200	10%
6909	234374-9	COMPRESSION SPRING 8/EK7651H	LÒ XO 8/EK7651H	8.800	10%
6910	234381-2	COMPRESSION SPRING 6/DJR186	LÒ XO/DJR186	4.730	10%
6911	234382-0	COMPRESSION SPRING 13/CA5000	LÒ XO BĂNG THẺP 13/CA5000	4.730	10%
6912	234383-8	COMPRESSION SPRING 38/DTW1001	LÒ XO 38/DTW1001	195.910	10%
6913	234388-8	RETAINING RING 32X1.2/EK6101	PHE GAI 32X1.2/EK6101	2.200	10%
6914	234389-6	RETAINING RING 20X1.2/EK6101	PHE GAI 20X1.2/EK6101	22.000	10%
6915	234391-9	COMPRESSION SPRING 8/GA7060	LÒ XO 8/GA7060	4.730	10%
6916	234392-7	COMPRESSION SPRING 6/DFL651F	LÒ XO/DFL651F	139.920	10%
6917	240003-4	FAN 80/2012NB	CÁNH QUẠT/2012NB	41.256	8%
6918	240007-6	FAN 68/4100NH	CÁNH QUẠT/4100NH	51.840	8%
6919	240014-9	FAN 40/6951	CÁNH QUẠT/6951	128.304	8%
6920	240024-6	FAN 100/HM1810	CÁNH QUẠT 100/HM1810	120.960	8%
6921	240033-5	FAN 57/9563C	CÁNH QUẠT/9563C	68.688	8%
6922	240041-6	FAN 60/9500NB	CÁNH QUẠT/9500NB	68.688	8%
6923	240042-000	COUNTERWEIGHT/SJ401	CÂN ĐỐI TRỌNG/SJ401	114.480	8%
6924	240043-2	FAN 70/BO4901	CÁNH QUẠT/BO4901	119.124	8%
6925	240046-6	FAN 46/TD0100	CÁNH QUẠT/TD0100	45.792	8%
6926	240050-5	FAN 60/MT954	CÁNH QUẠT/MT954	13.824	8%
6927	240051-000	BASE/SJ401	BÀN ĐỀ/SJ401	2.230.092	8%
6928	240055-5	FAN 48/M8104B	CÁNH QUẠT/M8104B	22.896	8%
6929	240060-2	FAN 80/4114S	CÁNH QUẠT 80/4114S	146.556	8%
6930	240063-6	FAN 80/M2400B	CÁNH QUẠT/M2400B	32.076	8%
6931	240066-0	FAN 52/6413	CÁNH QUẠT 52/6413	22.896	8%
6932	240068-6	FAN 52/MT191	CÁNH QUẠT/MT191	22.896	8%
6933	240069-4	FAN 83/MT362	CÁNH QUẠT/MT362	73.332	8%
6934	240076-7	FAN 56/9553B	CÁNH QUẠT/9553B	17.280	8%
6935	240077-5	FAN 100/MT401	CÁNH QUẠT/MT401	54.972	8%
6936	240081-4	FAN 80/GA7020	CÁNH QUẠT 80/GA7020	91.584	8%
6937	240083-0	FAN 52/FS2500	CÁNH QUẠT 52/FS2500	30.240	8%
6938	240084-8	FAN 60/MT871	CÁNH QUẠT 60/MT871	22.896	8%
6939	240095-3	FAN 64/HR2810	CÁNH QUẠT/HR2810	27.540	8%
6940	240102-2	FAN 82/CL100D	CÁNH QUẠT/CL100D	64.152	8%
6941	240112-9	FAN 80/RP1800	CÁNH QUẠT 80/RP1800	146.556	8%
6942	240113-7	FAN 180/BHX2500	CÁNH QUẠT/BHX2500	286.200	8%
6943	240114-5	FAN 85/PC5000C	CÁNH QUẠT/PC5000C	169.452	8%
6944	240117-9	FAN 68/BO3710	CÁNH QUẠT/BO3710	50.436	8%
6945	240121-8	FAN 65/HR2300	CÁNH QUẠT/HR2300	22.896	8%
6946	240125-0	FAN 55/RT0700C	CÁNH QUẠT 55/RT0700C	22.896	8%
6947	240126-8	FAN 60/M0910B	CÁNH QUẠT 60/M0910B	12.960	8%
6948	240136-5	FAN 88/DBO180	CÁNH QUẠT/DBO180	132.840	8%
6949	240138-1	IMPELLER/PM7650H	CÁNH QUẠT/PM7650H	54.000	8%
6950	240139-9	FAN 56/GA4030	CÁNH QUẠT 56/GA4030	18.360	8%
6951	240143-8	FAN 80/GS5000	CÁNH QUẠT/GS5000	201.528	8%
6952	240146-2	FAN 76/HR4013C	CÁNH QUẠT/HR4013C	187.812	8%
6953	240148-8	FAN 110/UB1103	CÁNH QUẠT/UB1103	100.764	8%
6954	240152-7	FAN 250/EB7650TH	CÁNH QUẠT/EB7650TH	1.239.840	8%
6955	240154-3	FAN 69/9035H	CÁNH QUẠT/9035H	119.124	8%
6956	240164-0	FAN 80/LW1401	CÁNH QUẠT 80/LW1401	114.480	8%
6957	240170-5	FAN 243/EB5300TH	CÁNH QUẠT/EB5300TH	21.600	8%
6958	240177-1	FAN 110/DUB362	CÁNH QUẠT/DUB362	306.828	8%
6959	240178-9	FAN 104/DVC864L	CÁNH QUẠT/DVC864L	100.764	8%
6960	240182-8	FAN 65/HR2651T	CÁNH QUẠT/HR2651T	151.200	8%
6961	240204-4	FAN 180/DUB363	CÁNH QUẠT 180/DUB363	457.920	8%
6962	240205-2	FAN 170/DLM533	CÁNH QUẠT 170/DLM533	137.376	8%
6963	240206-0	FAN 86/DLM160	CÁNH QUẠT 86/DLM160	169.452	8%
6964	240210-9	FAN 85/DUB185	CÁNH QUẠT 85/DUB185	45.792	8%
6965	240224-8	FAN 63/DBO480	CÁNH QUẠT 63/DBO480	137.376	8%
6966	240229-8	FAN 170/LM001J	CÁNH QUẠT 170/LM001J	109.944	8%
6967	240230-3	FAN 68/DBO380	CÁNH QUẠT/DBO380	45.792	8%
6968	240237-9	FAN 110/UB002C	CÁNH QUẠT 110/UB002C	201.528	8%
6969	240242-6	FAN 120/UB402MP	CÁNH QUẠT 120/UB402MP	238.140	8%
6970	240243-4	FAN 80/VC010G	CÁNH QUẠT 80/VC010G	142.020	8%
6971	240258-1	FAN 149/UB403MP	CÁNH QUẠT 149/UB403MP	247.320	8%
6972	241013-4	FAN 80/1804N	CÁNH QUẠT 80/1804N	345.600	8%
6973	241064-7	FAN 106/5103N	CÁNH QUẠT/5103N	336.960	8%
6974	241072-8	FAN 97/4107R	CÁNH QUẠT 97/4107R	476.280	8%
6975	241508-7	FAN 52/6501	CÁNH QUẠT 52/6501	32.400	8%
6976	241510-0	FAN 52/1900B	CÁNH QUẠT/1900B	41.256	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6977	241512-6	FAN 62/VC1310L	CÁNH QUẠT/VC1310L	22.896	8%
6978	241514-2	FAN 92/LC1230	CÁNH QUẠT 92/LC1230	64.800	8%
6979	241515-0	FAN 92/2414NB	CÁNH QUẠT/2414NB	68.688	8%
6980	241517-6	FAN 70/JN3200	CÁNH QUẠT/JN3200	45.792	8%
6981	241519-2	FAN 68/1911B	CÁNH QUẠT 68/1911B	64.152	8%
6982	241520-7	FAN 68/4100NB	CÁNH QUẠT 68/4100NB	60.480	8%
6983	241609-1	FAN 73/6906	CÁNH QUẠT/6906	99.360	8%
6984	241611-4	FAN 74/9924DB	CÁNH QUẠT 74/9924DB	97.200	8%
6985	241618-0	FAN 68/9035	CÁNH QUẠT/9035	171.720	8%
6986	241632-6	FAN 90/5012B	CÁNH QUẠT/5012B	142.020	8%
6987	241651-2	FAN 76/3600H	CÁNH QUẠT/3600H	251.856	8%
6988	241652-0	FAN 65/BO4510H	CÁNH QUẠT/BO4510H	171.720	8%
6989	241660-1	FAN 68/9910	CÁNH QUẠT/9910	247.320	8%
6990	241662-7	FAN 80/9403	CÁNH QUẠT/9403	96.228	8%
6991	241663-5	FAN 76/BS001G	CÁNH QUẠT 76/BS001G	316.008	8%
6992	241665-1	FAN 92/BO6030	CÁNH QUẠT/BO6030	920.484	8%
6993	241666-9	FAN 65/BO4540	CÁNH QUẠT/BO4540	194.616	8%
6994	241667-7	FAN 52/3709	CÁNH QUẠT/3709	123.660	8%
6995	241669-3	FAN 65/MT925	CÁNH QUẠT/MT925	109.944	8%
6996	241671-6	FAN 63/BO4555	CÁNH QUẠT/BO4555	128.304	8%
6997	241672-4	FAN 68/MT921	CÁNH QUẠT/MT921	100.764	8%
6998	241673-2	FAN 88/MT922	CÁNH QUẠT/MT922	146.556	8%
6999	241677-4	FAN 68/MT923	CÁNH QUẠT/MT923	128.304	8%
7000	241823-9	FAN 92/3612br	CÁNH QUẠT/3612BR	105.408	8%
7001	241850-6	FAN 60/2107F	CÁNH QUẠT/2107F	54.972	8%
7002	241851-4	FAN 94/DVC260	CÁNH QUẠT/DVC260	187.812	8%
7003	241858-0	FAN 70/5806B	CÁNH QUẠT/5806B	45.792	8%
7004	241859-8	FAN 80/9027	CÁNH QUẠT/9027	181.440	8%
7005	241863-7	FAN 70/6924N	CÁNH QUẠT/6924N	27.540	8%
7006	241869-5	FAN 55/DJR181	CÁNH QUẠT/DJR181	22.896	8%
7007	241873-4	FAN 55/6922NB	CÁNH QUẠT/6922NB	59.616	8%
7008	241881-5	FAN 52/4326	CÁNH QUẠT/4326	22.896	8%
7009	241884-9	FAN 60/9032	CÁNH QUẠT/9032	73.332	8%
7010	241888-1	FAN 110/UB1101	CÁNH QUẠT/UB1101	320.544	8%
7011	241908-1	FAN 80/HW1300	CÁNH QUẠT/HW1300	43.200	8%
7012	241910-4	FAN 125/VC1310L	CÁNH QUẠT/VC1310L	73.332	8%
7013	242022-6	CAP/5012B	NÁP BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/5012B	142.020	8%
7014	242054-3	CAP/5016B	NÁP BÌNH XĂNG/5016B	123.660	8%
7015	242072-1	OIL BOTTLE/EB7650TH	BÌNH ĐỰNG DẦU/EB7650TH	73.440	8%
7016	242101-0	LEVEL INDICATOR/DCU603	THƯỚC CÁN THUY CAN BẢNG/DCU603	64.152	8%
7017	242502-2	OIL GAUGE/HM1306	NÁP THÂM DẦU/HM1306	183.168	8%
7018	243105-5	ONE-TOUCH JOINT H22PM/AT451H	ĐẦU HỐI VAO H22PM/AT451H	294.800	10%
7019	243107-1	GREASE NIPPLE/EH6000W	CHỐT/EH6000W	17.600	10%
7020	245038-0	HOSE 30/DX01	ỐNG HÚT BUI 30/DX01	306.828	8%
7021	245041-1	HOSE 28-0.45/DLS111	ỐNG NỐI/DLS111	224.424	8%
7022	245042-9	HOSE 30 C/HR2651T	ỐNG/HR2651T	14.040	8%
7023	245048-7	HOSE 28-0.5/LS1219L	ỐNG NỐI 28-0.5/LS1219L	105.408	8%
7024	245058-4	HOSE 28-0.25/DSL800	ỐNG HÚT/DSL800	60.480	8%
7025	245062-3	HOSE 20-0.4/LS002GZ	ỐNG NỐI 20-0.4/LS002GZ	91.584	8%
7026	245066-5	HOSE 25/DX16	ỐNG HÚT BUI 25/DX16	128.304	8%
7027	245070-4	HOSE 23/HM004G	ỐNG HỐI/HM004G	210.708	8%
7028	250003-000	LOWER BLADE HOLDER/SJ401	THÀNH ĐỒ DƯỠI CỦA LƯỠI/SJ401	144.650	10%
7029	250004-000	LOWER BLADE NUT/SJ401	KHỚP NỐI DƯỠI/SJ401	96.228	8%
7030	250005-000	UPPER BLADE HOLDER/SJ401	THÀNH ĐỒ TRÊN CỦA LƯỠI/SJ401	144.650	10%
7031	250006-000	UPPER BLADE NUT/SJ401	KHỚP NỐI TRÊN/SJ401	96.228	8%
7032	251217-0	BINDING HEAD SCREW M8/2012NB	ỐC VÍT M8/2012NB	46.640	10%
7033	251221-9	PAN HEAD SCREW M6/N5900B	ỐC VÍT/N5900B	23.320	10%
7034	251246-3	PAN HEAD SCREW M4X5/1804N	ỐC VÍT/1804N	4.730	10%
7035	251247-1	PAN HEAD SCREW M6X20/DHS710	ỐC VÍT M6X20/5806B	4.730	10%
7036	251256-0	COUNTERSUNK HEAD SCREW M8X20/5103N	ỐC VÍT M8X20/5103N	44.000	10%
7037	251267-5	PAN HEAD SCREW M6/LS1019L	ỐC VÍT M6/LS1019L	9.350	10%
7038	251283-7	PAN HEAD SCREW M5/2012NB	ỐC VÍT M5/2012NB	9.350	10%
7039	251291-8	PAN HEAD SCREW M4X8/BO4901	ỐC VÍT/BO4901	4.730	10%
7040	251295-0	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X14/3600H	ỐC VÍT M4X14/3600H	9.350	10%
7041	251308-7	PAN HEAD SCREW M4X10/2704	ỐC VÍT M4X10/2704	4.730	10%
7042	251314-2	SCREW M4X12/DF032D	ỐC VÍT M4X12/BBC231U	4.730	10%
7043	251322-3	PAN HEAD SCREW M5X12/2012NB	ỐC VÍT M5X12/2012NB	9.350	10%
7044	251323-1	PAN HEAD SCREW M4/9741	ỐC VÍT M4/9741	42.020	10%
7045	251337-0	PAN HEAD SCREW M8/2107F	ỐC VÍT/2107F	18.700	10%
7046	251358-2	PAN HEAD SCREW M4X8/HS003G	ỐC M4X8/HS003G	4.730	10%
7047	251370-2	PAN HEAD SCREW M5/HS003G	ỐC VÍT M5/HS003G	4.730	10%
7048	251372-8	COUNTERSUNK HEAD SCREW M5X12/4131	ỐC VÍT/4131	9.350	10%
7049	251382-5	PAN HEAD SCREW M5/2704	ỐC VÍT M5/2704	65.340	10%
7050	251391-4	PAN HEAD SCREW M5X16/9500NB	ỐC VÍT M5X16/9500NB	4.730	10%
7051	251407-5	FLAT HEAD SCREW M8/4107R	ỐC VÍT M8/4107R	55.990	10%
7052	251423-7	FLAT HEAD SCREW M6/3612BR	ỐC VÍT M6/3612BR	65.340	10%
7053	251425-3	FLAT HEAD SCREW M6X22/DS4011	ỐC VÍT M6X22/DS4011	18.700	10%
7054	251445-7	FLAT HEAD SCREW M4/5201N	ỐC VÍT M4/5201N	22.000	10%
7055	251447-3	FLAT HEAD SCREW M6/RP0900	ỐC VÍT M6/RP0900	14.080	10%
7056	251451-2	PAN HEAD SCREW M5X22/DF331D	ỐC M5X22/DF330D	9.350	10%
7057	251463-5	FLAT HEAD SCREW M6X22/DDA460	ỐC VÍT M6X22/DDA460	42.020	10%
7058	251467-7	FLAT HEAD SCREW M6/RP2301FC	ỐC VÍT M6/RP2301FC	69.960	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7059	251468-5	FLAT HEAD SCREW M6X22/6261DWE	ỐC VÍT/6261DWE	4.730	10%
7060	251470-8	FLAT HEAD SCREW M6/MT362	ỐC VÍT/MT362	14.080	10%
7061	251471-6	FLAT HEAD SCREW M9/N3701	ỐC VÍT M5/N3701	9.350	10%
7062	251474-0	SHOULDER SCREW M8/DUP361	ỐC VÍT/DUP361	172.590	10%
7063	251475-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X25/CA5000	BU LÔNG/CA5000	8.800	10%
7064	251476-6	H.S.H.BOLT M5X35 WITH WR/DTW1001	BU LÔNG/DTW1001	17.600	10%
7065	251481-3	THUMB SCREW M5X20/EB7650TH	ỐC VÍT M5X20/EB7650TH	26.400	10%
7066	251482-1	HEX. SOCKET HEX. BOLT M6X17/MT192	ỐC VÍT/MT192	9.350	10%
7067	251484-7	FLAT HEAD SCREW M3X4/DUP361	ỐC VÍT M3X4/DUP361	111.980	10%
7068	251486-3	PAN HEAD SCREW M5X55 WITH WR/EB7660TH	ỐC/EB7660TH	8.800	10%
7069	251488-9	THUMB SCREW M6X12/LW1400	ỐC VÍT M6X12/LW1400	14.080	10%
7070	251489-7	TAPPING SCREW 5X30/GA7060	VÍT 5X30/GA7060	9.350	10%
7071	251490-2	H.S.H.BOLT M5X14 WITH WR/DUP361	ỐC VÍT/DUP361	18.700	10%
7072	251495-2	HEX. BOLT M10/DLS600	ỐC VÍT/DLS600	60.720	10%
7073	251496-0	H.S. BUTTON HEAD BOLT M5X50/EB5300	ỐC VÍT M5X50/EB5300	8.800	10%
7074	251497-8	TAPPING SCREW 3X20/DDF484	ỐC VÍT/DDF484	4.730	10%
7075	251498-6	HEX SOCKET HEAD BOLT M10X25/MT243	ỐC VÍT/MT243	32.670	10%
7076	251499-4	H. S. HEAD BOLT M10X25 WITH WG/MT243	ỐC VÍT M10X25/MT243	18.700	10%
7077	251500-5	H.L. BIND BOLT M5X14/EA3601F40B	ỐC VÍT M5X14/EA3601F40B	4.400	10%
7078	251508-9	TAPPING SCREW 3X20/DC18WC	ỐC VÍT M3X20/DC18WC	28.050	10%
7079	251510-2	H. S. HEAD BOLT M3X12 WITH WRM/DHR171	ỐC M3X12/DHR171	9.350	10%
7080	251513-6	H.S.H.BOLT M5X25/EM403MP	ỐC VÍT M5X25/EM403MP	4.400	10%
7081	251517-8	TAPPING SCREW 4X40/DHS660	ỐC VÍT M4X40/DHS660	18.700	10%
7082	251518-6	PAN HEAD SCREW M6/HS0600	ỐC VÍT/HS0600	9.350	10%
7083	251519-4	HEX.SOCKET HEX.BOLT M8X25/HS0600	BU LÔNG/HS0600	18.700	10%
7084	251520-9	HEX. BOLT M8X20/HS0600	BU LÔNG/HS0600	14.080	10%
7085	251523-3	SHOULDER HEX. BOLT M8/RBC411U	ỐC VÍT/RBC411U	61.600	10%
7086	251526-7	PAN HEAD SCREW M5X56 WITH WR/RBC411U	ỐC VÍT/RBC411U	4.400	10%
7087	251527-5	HEX. HEAD BOLT M6X14/RBC411U	BU LÔNG/RBC411U	4.400	10%
7088	251528-3	PAN HEAD SCREW M6/HS0600	ỐC VÍT/HS0600	14.080	10%
7089	251529-1	PAN HEAD SCREW M4X14/DHS783	ỐC VÍT M4X14/DHS783	4.730	10%
7090	251530-6	TAPPING SCREW 4X18/HR1841F	ỐC/HR1841F	4.730	10%
7091	251537-2	FLATHEADSQUARE NECKBOLT M8X28/RS001G	ỐC VÍT M8X28/RS001G	9.350	10%
7092	251538-0	HEX. BOLT M8X24/RS001G	ỐC VÍT M8X24/RS001G	9.350	10%
7093	251539-8	TAPPING SCREW ST 2.2X6.5/BTC04	ỐC VÍT 2.2X6.5/BTC04	14.080	10%
7094	251544-5	SHOULDER HEX. BOLT M4/DLS111	ỐC VÍT/DLS111	9.350	10%
7095	251545-3	SHOULDER HEX. BOLT M6/DLS111	ỐC VÍT/DLS111	14.080	10%
7096	251546-1	PAN HEAD SCREW M5/LS1019L	ỐC VÍT/DLS111	4.730	10%
7097	251547-9	HEX.SOCKET HEAD BOLT M8X25/DLS111	BU LÔNG/DLS111	9.350	10%
7098	251554-2	THUMB SCREW M6X40/DLS111	ỐC VÍT/DLS111	28.050	10%
7099	251561-5	H.SOCKET HEAD SET SCREW M10X12/DLS111	ỐC VÍT/DLS111	9.350	10%
7100	251565-7	H. S. HEAD BOLT M4X14/HR140D	ỐC VÍT/HR140D	9.350	10%
7101	251566-5	H.S.H BOLT M4X6 WITH W/DPT353	ỐC VÍT/DPT353	14.080	10%
7102	251568-1	H.S.H.BOLT M3X12 WITH WR/HR2651T	ỐC VÍT/HR2651T	4.730	10%
7103	251570-4	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X30/DUB184	ỐC VÍT M5X30/DUB184	23.320	10%
7104	251571-2	FLAT HEAD SCREW M4X8/CP100	ỐC VÍT/CP100	26.400	10%
7105	251572-0	COUNTERSUNK HEAD SCREW M6X30/DHS783	ỐC VÍT M6X30/DHS783	14.080	10%
7106	251574-6	TAPPING SCREW BIND 3X24/CP100	ỐC VÍT/CP100	4.400	10%
7107	251581-9	PAN HEAD SCREW M3X20/DTDA040	ỐC VÍT M3X20/DTDA040	14.080	10%
7108	251582-7	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X25/DLS600	ỐC VÍT/DLS600	9.350	10%
7109	251586-9	FLAT HEAD SQUARE NECK BOLT M6X/4100KB	ỐC VÍT/4100KB	8.800	10%
7110	251587-7	H.L.TAPPING SCREW 5X18/DGA700	ỐC VÍT/DGA700	4.400	10%
7111	251590-8	H.S.HEAD BOLT M4X14/HR3530	BU LÔNG/HR3530	14.080	10%
7112	251591-6	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X20/HR3530	ỐC VÍT M6X20/HR3530	18.700	10%
7113	251594-0	SHOULDER HEX. BOLT M8X40/DCU180	ỐC VÍT M8X40/DCU180	79.310	10%
7114	251595-8	HEX.BOLT M8X20/DCU180	ỐC VÍT M8X20/DCU180	14.080	10%
7115	251599-0	TAPPING SCREW 4X18/DHR400	ỐC VÍT/DHR400	18.700	10%
7116	251609-3	HEX. FLANGE HEAD BOLT M6X17/1804N	BU LÔNG/1804N	4.730	10%
7117	251612-4	HEX. BOLT M8X20/5103N	ỐC VÍT M8X20/5103N	83.600	10%
7118	251644-1	HEX. FLANGE HEAD BOLT M8X20/4107R	BU LÔNG/4107R	18.700	10%
7119	251667-9	HEX. BOLT M8X75/LH1040	BU LÔNG/LH1040	18.700	10%
7120	251680-7	HEX. BOLT M10X25/2414NB	BU LÔNG/2414NB	88.660	10%
7121	251686-5	MIXING BLADE 150	LƯỠI TRỘN SƠN 150	32.670	10%
7122	251697-0	HEX. FLANGE HEAD BOLT M8X17/5016B	BU LÔNG/5016B	88.660	10%
7123	251804-5	SCREW M6X13/1804N	ỐC VÍT M6X13/1804N	26.400	10%
7124	251812-6	SCREW M5X10/LH1040	ỐC VÍT M5X10/LH1040	23.320	10%
7125	251815-0	SCREW M6X25/N3701	ỐC VÍT/N3701	37.400	10%
7126	251861-3	SCREW M10X77/3612BR	ỐC VÍT M10X77/3612BR	74.690	10%
7127	251867-1	SCREW M5X30/N3701	ỐC VÍT/N3701	28.050	10%
7128	251878-6	SCREW M5X20/RP0900	ỐC VÍT M5X20/RP0900	32.670	10%
7129	251887-5	SCREW M6X10/LS1019L	ỐC VÍT M6X10/LS1019L	23.320	10%
7130	251896-4	SCREW M5X20/DCS551	ỐC VÍT/DCS551	32.670	10%
7131	251897-2	SCREW M6X33/SG1251	ỐC VÍT/SG1251	65.340	10%
7132	251919-8	CAP SQUARE NECK BOLT M6X20/4100NH2	ỐC VÍT/4100NH2	9.350	10%
7133	251920-3	CAP SQUARE NECK BOLT M6X30/4100NH2	ỐC VÍT M6X30/4100NH2	8.800	10%
7134	251951-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X10/BJS160	ỐC VÍT/BJS160	9.350	10%
7135	251961-9	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M6X10/JR102D	ỐC VÍT/JR102D	4.730	10%
7136	251966-9	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M10X12/DLS600	ỐC VÍT M10X12/DLS600	9.350	10%
7137	251969-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X12/MT450	ỐC VÍT M5X12/MT450	4.730	10%
7138	251981-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X16/2107F	ỐC VÍT/2107F	9.350	10%
7139	251986-3	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M6X6/JS1602	ỐC VÍT M6X6/JS1602	4.730	10%
7140	252003-2	HEX. NUT M8-14/4107R	CON TÀN M8-14/4107R	52.800	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7141	252005-8	HEX. NUT M8-13/HM1306	CON TÀN M8-13/HM1306	23.320	10%
7142	252007-4	HEX. NUT W1/2-21/GS5000	ỐC VÍT/GS5000	28.050	10%
7143	252014-7	HEX. LOCK NUT M6-10/LS1040	ỐC VÍT/LS1040	9.350	10%
7144	252042-2	SQUARE NUT M5/BO6030	ỐC TÀN/BO6030	30.800	10%
7145	252043-0	HEX. NUT M8-13/5016B	ỐC VÍT/5016B	9.350	10%
7146	252044-8	HEX. NUT M16-24/LC1230	ỐC VÍT M16-24/LC1230	48.400	10%
7147	252070-7	HEX. LOCK NUT M8-13/5012B	ỐC VÍT/5012B	32.670	10%
7148	252083-8	HEX. LOCK NUT M4X7/DJS161	ỐC VÍT M4X7/DJS161	13.200	10%
7149	252087-0	HEX. NUT M12-19/9403	ỐC VÍT/9403	14.080	10%
7150	252094-3	HEX. NUT M8/RP0900	CON TÀN M8/RP0900	42.020	10%
7151	252103-8	HEX. LOCK NUT M5-8/4100NH2	ỐC VÍT/4100NH2	8.800	10%
7152	252105-4	HEX. LOCK NUT M8-13/4107R	ỐC VÍT/4107R	18.700	10%
7153	252126-6	HEX. LOCKING NUT M4-7/DDF083	ĐAI ỐC KHÓA M4-7/DDF083	4.400	10%
7154	252130-5	HEX. LOCK NUT M10X17/2704	ỐC VÍT M10X17 /2704	18.700	10%
7155	252133-9	HEX.NUT M6/DUR193	ỐC VÍT M6/DUR193	14.080	10%
7156	252134-7	HEX. NUT M8/N5900B	ỐC VÍT/N5900B	14.080	10%
7157	252135-5	HEX. NUT/4131	CON TÀN/4131	44.000	10%
7158	252137-1	HEX. NUT M5-8/4100NH3	ỐC VÍT/4100NH3	4.730	10%
7159	252142-8	HEX.NUT FLANGE M5/DFL651F	CON TÀN CỎ REN M5/DFL651F	111.980	10%
7160	252143-6	COLLARED HEX.NUT M5X8/DUH601	ỐC VÍT M5X8/DUH601	4.730	10%
7161	252145-2	COLLARED HEX NUT M8/DCS232T	CON TÀN M8/DCS232T	9.350	10%
7162	252153-3	HEX. NUT M6-10/9910	CON TÀN M6-10/9910	4.730	10%
7163	252154-1	HEX. NUT M8-13/9910	ỐC VÍT/9910	18.700	10%
7164	252155-9	HEX. NUT M12-19/2704	ỐC VÍT/2704	42.020	10%
7165	252156-7	HEX. NUT M5/3612BR	CON TÀN M5/3612BR	4.730	10%
7166	252157-5	SQUARE NUT M6/2107F	ỐC VÍT/2107F	4.400	10%
7167	252159-1	HEX. NUT M6/BCS550	ỐC VÍT/BCS550	8.800	10%
7168	252161-4	HEX. NUT M10-17/LC1230	ỐC VÍT M10X17/LC1230	42.020	10%
7169	252164-8	HEX.NUT M10-17/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	9.350	10%
7170	252168-0	HEX. NUT M8-13/BUC250	ỐC VÍT/BUC250	14.080	10%
7171	252170-3	HEX. NUT M10-17/4100NH3	ỐC VÍT/4100NH3	4.730	10%
7172	252171-1	SQUARE NUT M5-8/4350CT	CON TÀN M5X8/4350CT	4.730	10%
7173	252172-9	HEX. NUT M10/MT941	ỐC VÍT/MT941	4.730	10%
7174	252173-7	SQUARE NUT/SD100D	CON TÀN/SD100D	4.400	10%
7175	252174-5	HEX. NUT M6/MT955	CON TÀN M6/MT955	4.730	10%
7176	252175-3	HEX. NUT M5/DP2010	ỐC VÍT/DP2010	4.730	10%
7177	252178-7	HEX. NUT M8-12/4112HS	ỐC VÍT/4112HS	9.350	10%
7178	252180-0	HEX. LOCK NUT M5-8/EM3400U	ỐC VÍT M5-8/EM3400U	8.800	10%
7179	252183-4	HEX.NUT M10-17/LW1400	ỐC VÍT M10X17/LW1400	4.730	10%
7180	252184-2	HEX. LOCK NUT M5-8/UH650D	CON TÀN M5-8/UH650D	22.000	10%
7181	252185-0	SQUARE NUT M6/SG1251J	CON TÀN M6/SG1251J	42.020	10%
7182	252186-8	HEX. NUT M6/4100NH3	ỐC VÍT/4100NH3	4.730	10%
7183	252187-6	HEX. NUT M36-41/DFL651F	ỐC VÍT/DFL651F	219.230	10%
7184	252194-9	HEX. NUT M8/GA7020	ỐC VÍT/GA7020	4.730	10%
7185	252197-3	HEX. NUT M14/2704	CON TÀN M14/2704	32.670	10%
7186	252199-9	HEX. NUT M8-13/HS6600	ỐC VÍT/HS6600	9.350	10%
7187	252234-3	HEX. NUT M10/CA5000X	CON TÀN M10/CA5000X	17.600	10%
7188	252236-9	HEX. LOCK NUT M10-1/EM403MP	CON TÀN M10/EM403MP	79.310	10%
7189	252240-8	HEX. CAP NUT M8-13/RS001G	ĐAI ỐC M8/RS001G	28.050	10%
7190	252244-0	HEX. LOCK NUT M10-17/DLS111	ỐC VÍT/DLS111	32.670	10%
7191	252262-8	COLLERED HEX. NUT M8/DHS780	ỐC VÍT M8/DHS780	23.320	10%
7192	252267-8	HEX. NUT M16X22/DDA460	ỐC VÍT M6X22/DDA460	214.610	10%
7193	252268-6	HEX. NUT M6/DVC154L	ỐC VÍT M6/DVC154L	4.730	10%
7194	252270-9	THUMB NUT M6/DHS782	ỐC VÍT M6/DHS782	32.670	10%
7195	252273-3	HEX. NUT M6/DFN350	ỐC VÍT M6/DFN350	17.600	10%
7196	252274-1	TAPPING SCREW 4X18 WITH W/PDC1200	ỐC VÍT 4X18/PDC1200	4.730	10%
7197	252275-9	HEX. NUT M4X16/DHS900	ỐC VÍT M4X16/DHS900	32.670	10%
7198	252276-7	HEX. NUT M10/DKP181	ĐAI ỐC M10/DKP181	28.050	10%
7199	252278-3	HEX. CAP NUT M8/DLM533	ỐC VÍT M8/DLM533	9.350	10%
7200	252286-4	COLLARED HEX. LOCK NUT M5X8/DUB184	ỐC VÍT M5X8/DUB184	4.730	10%
7201	252289-8	HEX. CAP NUT M14/DCU603	ỐC VÍT M14/DCU603	55.990	10%
7202	252291-1	HEX. NUT M6/DUA300	BÙ LÔNG M6/DUA300	14.080	10%
7203	252299-5	HEX. NUT M14/DDA450	BULONG M14/DDA450	69.960	10%
7204	252301-4	HEX. FLANGE LOCK NUT M6-10/LM001J	ỐC VÍT M6-10/LM001J	9.350	10%
7205	252306-4	HEX.NUT M10/CE001G	ỐC VÍT M10/CE001G	23.320	10%
7206	252308-0	HEX. NUT M6-10/DCU601	ĐAI ỐC M6-10/DCU601	4.730	10%
7207	252309-8	HEX. NUT M8-13/DCU601Z	ĐAI ỐC M8-13/DCU601Z	4.730	10%
7208	252312-9	HEX. SOCKET HEX. NUT M6-13/CS002G	BÙ LÔNG M6-13/CS002G	251.900	10%
7209	252313-7	HEX. NUT M10/KP001G	ĐAI ỐC M10/KP001G	37.400	10%
7210	252320-0	HEX. NUT M6/HS012G	ĐAI ỐC M6/HS012G	18.700	10%
7211	252321-8	HEX. NUT M8/UP100D	ĐAI ỐC M8/UP100D	98.010	10%
7212	252335-7	WELD NUT TYPE T/VS001G	TẮM ĐỒ M8 LOẠI T/VS001G	14.080	10%
7213	252348-8	FLANGE NUT M6/PS001G	ĐAI ỐC M6/PS001G	14.080	10%
7214	252349-6	THUMB NUT M8/PS001G/GSP01	ĐAI ỐC M8/PS001G/GSP01	54.972	8%
7215	252351-9	HEX. NUT M6/PS001G	ĐAI ỐC M22/PS001G	135.300	10%
7216	252352-7	HEX.NUT M8-17/HS013G	ĐAI ỐC M8-17/HS013G	51.370	10%
7217	252360-8	HEX. NUT M8/DUP181	ĐAI ỐC M8/DUP181	8.800	10%
7218	252426-4	NUT M14/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	270.600	10%
7219	252427-2	NUT M14L/2012NB	CON TÀN M14L/2012NB	270.600	10%
7220	252429-8	NUT M15-23/GA7030	ỐC VÍT/GA7030	28.050	10%
7221	252631-3	SCREW M6/DHS710	ỐC M6/DHS710	46.640	10%
7222	252640-2	WING NUT M8/HM1511	ỐC ĐIỀU CHỈNH M8/HM1511	111.980	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7223	252643-6	WING NUT M10/RP2301FC	ÓC ĐIỀU CHỈNH/RP2301FC	28.050	10%
7224	252648-6	THUMB NUT M8/4114S	TÁN MỎ LƯỠI M8/4114S	119.124	8%
7225	252649-4	THUMB NUT M6/3709	ÓC VÍT/3709	9.350	10%
7226	252652-5	THUMB NUT M5/3709	ÓC KHÓA/3709	18.700	10%
7227	252654-1	THUMB NUT M10/HM1307C	TÁN ĐIỀU CHỈNH M10/HM1307C	69.960	10%
7228	252657-5	THUMB NUT M8/DLM380	ÓC KHÓA M8/DLM380	17.280	8%
7229	252897-5	SCREW PLUG/EK8100	TÁN CHỨ NHẬT/EK8100	17.600	10%
7230	253004-3	FLAT WASHER 13/1804N	VÒNG ĐỆM 13/1804N	8.800	10%
7231	253010-8	FLAT WASHER 6/2107F	LONG ĐẾN/2107F	9.350	10%
7232	253022-1	FLAT WASHER 8/2416S	VÒNG ĐỆM 8/2416S	8.800	10%
7233	253024-7	FLAT WASHER 10/2704	LONG ĐẾN 10/2704	9.350	10%
7234	253047-5	FLAT WASHER 6/5103N	LONG ĐẾN/5103N	4.730	10%
7235	253052-2	FLAT WASHER 12/2704	LONG ĐẾN/2704	4.730	10%
7236	253055-6	FLAT WASHER 12/9500NB	LONG ĐẾN/9500NB	9.350	10%
7237	253058-0	FLAT WASHER 7/DHS680	VÒNG ĐỆM/DHS680	2.200	10%
7238	253077-6	FLAT WASHER 6/9563C	LONG ĐẾN/9563C	4.730	10%
7239	253084-9	FLAT WASHER 12/9563C	LONG ĐẾN/9563C	9.350	10%
7240	253090-4	FLAT WASHER 24/DTD137	LONG ĐẾN/DTD137	9.350	10%
7241	253111-2	FLAT WASHER 6/SP6000	MIẾNG ĐỆM/SP6000	4.730	10%
7242	253133-2	FLAT WASHER 7/N3701	LONG ĐẾN/N3701	4.730	10%
7243	253139-0	FLAT WASHER 8/4304	LONG ĐẾN/4304	9.350	10%
7244	253143-9	FLAT WASHER 12/2704	VÒNG ĐỆM 12/2704	9.350	10%
7245	253147-1	FLAT WASHER 15/2704	MIẾNG ĐỆM/2704	9.350	10%
7246	253165-9	FLAT WASHER 8/HM1810	LONG ĐẾN/HM1810	9.350	10%
7247	253171-4	FLAT WASHER 10/HR2810	LONG ĐẾN/HR2810	4.730	10%
7248	253173-0	FLAT WASHER 10/DCU601Z	VÒNG ĐỆM 10/DCU601Z	4.730	10%
7249	253180-3	FLAT WASHER 10/6906	LONG ĐẾN/6906	9.350	10%
7250	253184-5	FLAT WASHER 5/DUP362	VÒNG ĐỆM CAO SU 5/DUP362	2.160	8%
7251	253186-1	FLAT WASHER 7/DHR242	LONG ĐẾN/DHR242	9.350	10%
7252	253192-6	FLAT WASHER 14/4100NB	LONG ĐẾN/4100NB	4.730	10%
7253	253194-2	FLAT WASHER 5/2012NB	LONG ĐẾN/2012NB	4.730	10%
7254	253196-8	FLAT WASHER 6/9741	LONG ĐẾN/9741	14.080	10%
7255	253197-6	FLAT WASHER 10/2704	LONG ĐẾN/2704	14.080	10%
7256	253198-4	FLAT WASHER 18/JS3201	VÒNG ĐỆM 18/JS3201	18.700	10%
7257	253214-2	FLAT WASHER 9/BO4540	LONG ĐẾN/BO4540	9.350	10%
7258	253215-0	FLAT WASHER 8/2012NB	LONG ĐẾN THÉP/2012NB	4.730	10%
7259	253308-3	THIN WASHER 6/9741	LONG ĐẾN/9741	4.730	10%
7260	253310-6	THIN WASHER 10/DA332D	VÒNG ĐỆM 10/DA332D	4.730	10%
7261	253311-4	THIN WASHER 10/JS3201	VÒNG ĐỆM 10/JS3201	9.350	10%
7262	253312-2	THIN WASHER 12/9924DB	VÒNG ĐỆM 12/9924DB	9.350	10%
7263	253313-0	THIN WASHER 14/4350CT	VÒNG ĐỆM/4350CT	9.350	10%
7264	253314-8	THIN WASHER 15/DTD137	LONG ĐẾN/DTD137	9.350	10%
7265	253315-6	THIN WASHER 15/BO4901	LONG ĐẾN/BO4901	14.080	10%
7266	253332-6	THIN WASHER 6/EX2650LH	LONG ĐẾN THÉP/EX2650LH	4.400	10%
7267	253334-2	THIN WASHER 5/JS1602	VÒNG ĐỆM 5/JS1602	9.350	10%
7268	253338-4	THIN WASHER 7/DJS161	VÒNG ĐỆM 7/DJS161	18.700	10%
7269	253343-1	THIN WASHER 18/CA5000X	VÒNG ĐỆM 18/CA5000X	8.800	10%
7270	253353-8	THIN WASHER 10/LW1400	LONG ĐẾN/LW1400	9.350	10%
7271	253362-7	THIN WASHER 12/BTD136	LONG ĐẾN/BTD136	4.730	10%
7272	253368-5	WASHER 16/TM30D	LONG ĐẾN 16/TM30D	13.200	10%
7273	253374-0	FLAT WASHER 35/EB5300TH	LONG ĐẾN/EB5300TH	8.800	10%
7274	253377-4	FLAT WASHER 17/HR140D	VÒNG ĐỆM 17/HR140D	4.730	10%
7275	253380-5	FLAT WASHER 13/HR1841F	LONG ĐẾN/HR1841F	4.730	10%
7276	253381-3	FLAT WASHER 3/HR1841F	LONG ĐẾN/HR1841F	9.350	10%
7277	253383-9	FLAT WASHER 9/HR1840	LONG ĐẾN/HR1840	23.320	10%
7278	253384-7	FLAT WASHER 8/RBC411U	LONG ĐẾN/RBC411U	5.500	10%
7279	253385-5	WAVE WASHER 10/RBC411U	LONG ĐẾN/RBC411U	5.500	10%
7280	253388-9	FLAT WASHER 10/DLS111	LONG ĐẾN/DLS111	14.080	10%
7281	253389-7	WASHER 94/DLS111	LONG ĐẾN/DLS111	14.080	10%
7282	253391-0	FLAT WASHER 18/DFT023F	VÒNG ĐỆM 18/DFT023F	107.360	10%
7283	253393-6	FLAT WASHER 42/RS001G	VÒNG ĐỆM 42/RS001G	14.080	10%
7284	253396-0	FLAT WASHER 10/DA333D	VÒNG ĐỆM/DA333D	9.350	10%
7285	253397-8	CUP WASHER 15/4100KB	VÒNG ĐỆM/4100KB	26.400	10%
7286	253400-5	FLAT WASHER 4/DJR188	VÒNG ĐỆM/DJR188	9.350	10%
7287	253401-3	FLAT WASHER 18/DSC121	VÒNG ĐỆM 18/DSC121	9.350	10%
7288	253407-1	FLAT WASHER 5A/DHW080	VÒNG ĐỆM 5A/DHW080	9.350	10%
7289	253408-9	FLAT WASHER 5B/DHW080	VÒNG ĐỆM 5B/DHW080	9.350	10%
7290	253409-7	FLAT WASHER 17/DSC102	VÒNG ĐỆM 15/DSC102	9.350	10%
7291	253410-2	FLAT WASHER 15/DSC102	VÒNG ĐỆM 11/DSC102	9.350	10%
7292	253411-0	FLAT WASHER 6/DDA460	VÒNG ĐỆM 6/DDA460	9.350	10%
7293	253412-8	FLAT WASHER 15/DDA460	VÒNG ĐỆM 15/DDA460	14.080	10%
7294	253416-0	DISH WASHER 5/DUH501	VÒNG ĐỆM 5/DUH501	23.320	10%
7295	253424-1	WASHER/EVH2000	LONG ĐẾN/EVH2000	4.400	10%
7296	253427-5	SPRING WASHER 5/DLS211	VÒNG GAI CHỨ C/DLS211	4.730	10%
7297	253428-3	SPRING WASHER 6/DLW140	VÒNG ĐỆM 6/DLW140	4.730	10%
7298	253430-6	FLAT WASHER 8/DCU601	VÒNG ĐỆM 8/DCU601	4.730	10%
7299	253437-2	FLAT WASHER 23/DSL800	NÁP DÂY BÀNH RĂNG/DSL800	17.600	10%
7300	253438-0	FLAT WASHER 20/DTWA140	VÒNG ĐỆM BĂNG THÉP 20/DTWA140	18.700	10%
7301	253440-3	FLAT WASHER 19/WR100D	VÒNG ĐỆM BĂNG THÉP 19/WR100D	9.350	10%
7302	253444-5	CUP WASHER 4/PDC01	VÒNG ĐỆM 4/PDC01	13.200	10%
7303	253445-3	FLAT WASHER 15/DTD171	VÒNG ĐỆM BĂNG THÉP 15/DTD171	4.730	10%
7304	253455-0	WAVE WASHER 19/DLM533	VÒNG ĐỆM 19/DLM533	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7305	253460-7	FLAT WASHER 13/DCU603	VÒNG ĐỆM 13/DCU603	23.320	10%
7306	253461-5	FLAT WASHER 20/DCU601	VÒNG ĐỆM 20/DCU601	18.700	10%
7307	253462-3	FLAT WASHER 5/JR001	VÒNG ĐỆM 5/JR001	8.800	10%
7308	253463-1	FLAT WASHER 51/JR001	VÒNG ĐỆM 51/JR001	9.350	10%
7309	253465-7	FLAT WASHER 13/PP001G	VÒNG ĐỆM 13/PP001G	14.080	10%
7310	253467-3	WASHER 17/HR2670FT	VÒNG ĐỆM 17/HR2670FT	14.080	10%
7311	253468-1	FLAT WASHER 24/HR2670FT	VÒNG ĐỆM 24/HR2670FT	14.080	10%
7312	253470-4	FLAT WASHER 17/DCU180	VÒNG ĐỆM 17/DCU180	9.350	10%
7313	253474-6	LOCK WASHER/DPB183	MIẾNG ĐỆM/DPB183	9.350	10%
7314	253475-4	SPRING WASHER 14/DCU603	VÒNG ĐỆM 14/DCU603	4.730	10%
7315	253477-0	FLAT WASHER 6/DGP180	VÒNG ĐỆM 6/DGP180	14.080	10%
7316	253478-8	FLAT WASHER 41/TW001G	VÒNG ĐỆM 41/TW001G	60.720	10%
7317	253479-6	FLAT WASHER 57/TW001G	VÒNG ĐỆM 57/TW001G	42.020	10%
7318	253481-9	FLAT WASHER 20/DTW700	VÒNG ĐỆM 20/DTW700	18.700	10%
7319	253484-3	TOOTHED LOCK WASHER 5/DPB183	VÒNG ĐỆM 5/DPB183	4.730	10%
7320	253487-7	FLAT WASHER 26/HM1511	MIẾNG ĐỆM 26/HM1511	37.400	10%
7321	253493-2	FLAT WASHER 12/DDA450	VÒNG ĐỆM 12/DDA450	23.320	10%
7322	253494-0	FLAT WASHER 8/DGP180	VÒNG ĐỆM 8/DGP180	48.400	10%
7323	253536-0	FLAT WASHER 14/DDA450	LONG ĐẾN 14/DDA450	14.080	10%
7324	253540-9	FLAT WASHER 30/DTWA260	VÒNG ĐỆM 30/DTWA260	265.680	8%
7325	253544-1	CUP WASHER 5/UH013G	VÒNG ĐỆM 5/UH013G	32.670	10%
7326	253545-9	FLAT WASHER 28/CE001G	VÒNG ĐỆM/CE001G	14.080	10%
7327	253546-7	FLAT WASHER 12/DFT060T	LONG ĐẾN 12/DFT060T	51.370	10%
7328	253551-4	FLAT WASHER 6/DCU601	VÒNG ĐỆM 6/DCU601	4.730	10%
7329	253552-2	FLAT WASHER 8/DCU601	VÒNG ĐỆM 8/DCU601	4.730	10%
7330	253555-6	WAVE WASHER 12/HR008G	VÒNG ĐỆM 12/HR008G	9.350	10%
7331	253559-8	FLAT WASHER 26/TD002G	VÒNG ĐỆM 26/TD002G	18.700	10%
7332	253560-3	FLAT WASHER 19/TD002G	VÒNG ĐỆM 19/TD002G	14.080	10%
7333	253569-5	CUP WAHER 14/HR007G	VÒNG ĐỆM/HR007G	18.700	10%
7334	253572-6	FLAT WASHER 5/BO3710	VÒNG ĐỆM 5/BO3710	4.730	10%
7335	253574-2	FLAT WASHER 56/CE002G	VÒNG ĐỆM 56/CE002G	32.670	10%
7336	253575-0	FLAT WASHER 13/TD003G	VÒNG ĐỆM 13/TD003G	4.730	10%
7337	253577-6	FLAT WASHER 15/PP001G	VÒNG ĐỆM 15/PP001G	14.080	10%
7338	253578-4	LOCK PLATE/UP100D	VÒNG ĐỆM KHÓA/UP100D	55.990	10%
7339	253587-3	FLAT WASHER 20/GA7090	VÒNG ĐỆM 20/GA7090	14.080	10%
7340	253591-2	CUP WASHER 14/DTWA260	VÒNG ĐỆM 14/DTWA260	172.590	10%
7341	253599-6	FLAT WASHER 20/CE003G	VÒNG ĐỆM 20/CE003G	18.700	10%
7342	253603-1	DISK WASHER 5/UN001G	VÒNG ĐỆM 5/UN001G	18.700	10%
7343	253604-9	FLAT WASHER 35/TW002G	VÒNG ĐỆM 35/TW002G	65.340	10%
7344	253608-1	FLAT WASHER 8/RM350D	VÒNG ĐỆM 8/RM350D	23.320	10%
7345	253609-9	FLAT WASHER 60A/TW009G	VÒNG ĐỆM/TW009G	37.400	10%
7346	253610-4	FLAT WASHER 48/TW009G	VÒNG ĐỆM/TW009G	23.320	10%
7347	253623-5	FLAT WASHER 9/TR001G	VÒNG ĐỆM 9/TR001G	44.000	10%
7348	253627-7	LEAD WASHER 15/GA055G/GA056G	VÒNG ĐỆM/GA055G/GA056G	118.800	10%
7349	253632-4	FLAT WASHER 7/TR001G	VÒNG ĐỆM 7/TR001G	22.000	10%
7350	253636-6	FLAT WASHER 18/JR003G	VÒNG ĐỆM 18/JR003G	66.000	10%
7351	253637-4	FLAT WASHER 40/JR003G	VÒNG ĐỆM 40/JR003G	286.000	10%
7352	253638-2	FLAT WASHER 28/JR003G	VÒNG ĐỆM 28/JR003G	70.400	10%
7353	253639-0	WASHER 9/GA055G/GA056G	VÒNG ĐỆM 9/GA055G/GA056G	66.000	10%
7354	253707-9	FLAT WASHER 16/9403	VÒNG ĐỆM 16/9403	14.080	10%
7355	253712-6	FLAT WASHER 36/TW1000	LONG ĐẾN/TW1000	93.280	10%
7356	253715-0	FLAT WASHER 6/2012NB	LONG ĐẾN/2012NB	4.400	10%
7357	253725-7	FLAT WASHER 17/GA7061R	LONG ĐẾN/GA7061R	9.350	10%
7358	253726-5	FLAT WASHER 6/DHR242	VÒNG ĐỆM/DHR242	4.730	10%
7359	253731-2	FLAT WASHER 8/2414NB	VÒNG ĐỆM 8/2414NB	4.730	10%
7360	253733-8	FLAT WASHER 9/2711	VÒNG ĐỆM/2711	9.350	10%
7361	253739-6	FLAT WASHER 4/MT922	VÒNG ĐỆM 4/MT922	9.350	10%
7362	253741-9	FLAT WASHER 9/4100NB	VÒNG ĐỆM 9/4100NB	4.400	10%
7363	253744-3	FLAT WASHER 12/2012NB	LONG ĐẾN/2012NB	9.350	10%
7364	253746-9	FLAT WASHER 12/DSL800	VÒNG ĐỆM/DSL800	17.600	10%
7365	253748-5	FLAT WASHER 12/DHK180	VÒNG ĐỆM 12/DHK180	9.350	10%
7366	253749-3	FLAT WASHER 16/2107F	LONG ĐẾN/2107F	9.350	10%
7367	253752-4	FLAT WASHER 8/VC011G	VÒNG ĐỆM 8/VC011G	9.350	10%
7368	253758-2	FLAT WASHER 10/906H	LONG ĐẾN/906H	4.400	10%
7369	253759-0	FLAT WASHER 12/HM0870C	LONG ĐẾN/HM0870C	9.350	10%
7370	253760-5	FLAT WASHER 14/2012NB	VÒNG ĐỆM14/2012NB	4.730	10%
7371	253762-1	FLAT WASHER 8/DPT351	LONG ĐẾN/DPT351	8.800	10%
7372	253764-7	FLAT WASHER 30/6906	LONG ĐẾN/6906	35.200	10%
7373	253765-5	FLAT WASHER 36/6906	LONG ĐẾN/6906	17.600	10%
7374	253771-0	FLAT WASHER 16/LCI230	VÒNG ĐỆM 16/LCI230	13.200	10%
7375	253774-4	FLAT WASHER 65/6906	VÒNG ĐỆM 65/6906	55.990	10%
7376	253777-8	FLAT WASHER 8/DFL651F	LONG ĐẾN BĂNG THÉP/DFL651F	14.080	10%
7377	253783-3	FLAT WASHER 6/RP2301FC	VÒNG ĐỆM 6/RP2301FC	9.350	10%
7378	253792-2	FLAT WASHER 26/4304	LONG ĐẾN/4304	14.080	10%
7379	253794-8	FLAT WASHER 18/4107R	LONG ĐẾN/4107R	14.080	10%
7380	253797-2	FLAT WASHER 14/2704	VÒNG ĐỆM14/2704	4.730	10%
7381	253798-0	FLAT WASHER 13/TD0101	LONG ĐẾN/TD0101	4.730	10%
7382	253804-1	FLAT WASHER 6/4131	LONG ĐẾN THÉP/4131	4.400	10%
7383	253807-5	FLAT WASHER 5/BO3710	VÒNG ĐỆM 5/BO3710	4.730	10%
7384	253808-3	FLAT WASHER 9/DLM431	LONG ĐẾN THÉP/DLM431	13.200	10%
7385	253810-6	FLAT WASHER 12/DUP361	LONG ĐẾN 12/DUP361	18.700	10%
7386	253811-4	FLAT WASHER 5/5016B	LONG ĐẾN/5016B	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7387	253813-0	FLAT WASHER 12/5016B	LONG ĐÈN/5016B	28.050	10%
7388	253814-8	FLAT WASHER 8/5012B	LONG ĐÈN/5012B	18.700	10%
7389	253821-1	FLAT WASHER 3/SP6000	MIÈNG ĐỆM/SP6000	8.800	10%
7390	253823-7	FLAT WASHER 7/9563C	LONG ĐÈN/9563C	9.350	10%
7391	253825-3	FLAT WASHER 6/BO4510H	LONG ĐÈN/BO4510H	9.350	10%
7392	253828-7	FLAT WASHER 10/2012NB	VÒNG ĐỆM 10/2012NB	9.350	10%
7393	253835-0	FLAT WASHER 8/BUH550	LONG ĐÈN/BUH550	9.350	10%
7394	253837-6	FLAT WASHER 14/DFL302F	VÒNG ĐỆM 14/DFL302F	4.730	10%
7395	253842-3	FLAT WASHER 14/DLS600	VÒNG ĐỆM 14/DLS600	4.730	10%
7396	253845-7	FLAT WASHER 31/HM1201	VÒNG ĐỆM 31/HM1201	228.580	10%
7397	253853-8	FLAT WASHER 15/GA5010	LONG ĐÈN/GA5010	9.350	10%
7398	253865-1	FLAT WASHER 8/9910	LONG ĐÈN/9910	9.350	10%
7399	253874-0	FLAT WASHER 4/2704	LONG ĐÈN/2704	8.800	10%
7400	253877-4	FLAT WASHER 8/4350CT	LONG ĐÈN/4350CT	14.080	10%
7401	253878-2	FLAT WASHER 10/BO6030	LONG ĐÈN/BO6030	8.800	10%
7402	253887-1	FLAT WASHER 15/2416S	VÒNG ĐỆM 15/2416S	13.200	10%
7403	253888-9	FLAT WASHER 25/2416S	VÒNG ĐỆM 25/2416S	22.000	10%
7404	253903-9	WAVE WASHER 6/2414NB	LONG ĐÈN 6/2414NB	4.400	10%
7405	253905-5	WAVE WASHER 23/N3701	LONG ĐÈN/N3701	9.350	10%
7406	253906-3	WAVE WASHER 26/RT0700C	VÒNG ĐỆM 26/RT0700C	9.350	10%
7407	253909-7	FLAT WASHER 35/TW1000	LONG ĐÈN/TW1000	251.900	10%
7408	253913-6	WAVE WASHER 20/3612br	LONG ĐÈN/3612BR	9.350	10%
7409	253922-5	CUP WASHER 12/9403	LONG ĐÈN/9403	9.350	10%
7410	253930-6	FLAT WASHER 7/9035H	LONG ĐÈN/9035H	23.320	10%
7411	253932-2	WAVE WASHER 10/2012NB	VÒNG ĐỆM 10/2012NB	4.730	10%
7412	253939-8	FLAT WASHER 25/6906	LONG ĐÈN/6906	116.600	10%
7413	253948-7	WAVE WASHER 8/LS1019L	VÒNG ĐỆM 8/LS1019L	4.730	10%
7414	253951-8	WASHER 10/GV6010	LONG ĐÈN/GV6010	23.320	10%
7415	253955-0	FLAT WASHER 24/HM0810	LONG ĐÈN/HM0810	135.300	10%
7416	253980-1	WAVE WASHER 14/9741	LONG ĐÈN/9741	4.730	10%
7417	253989-3	SPRING WASHER 12/HM1810	VÒNG ĐỆM 12/HM1810	17.600	10%
7418	254001-2	WOODRUFF KEY 4/2012NB	CHÓT LAVET/2012NB	13.200	10%
7419	254002-0	WOODRUFF KEY 3/4100NB	CHÓT LAVET/4100NB	9.350	10%
7420	254011-9	WOODRUFF KEY 4/9553B	CHÓT LAVET/9553B	14.080	10%
7421	254032-1	WOODRUFF KEY 5/2416S	CHÓT LAVET/2416S	37.400	10%
7422	254038-9	WOODRUFF KEY 4/LS1030	CHÓT LAVET/LS1030	13.200	10%
7423	254040-2	WOODRUFF KEY 3/BHX2500	CHÓT LAVET/BHX2500	17.600	10%
7424	254041-0	WOODRUFF KEY/EH6000W	CHÓT LAVET/EH6000W	13.200	10%
7425	254042-8	WOODRUFF-KEY 3X3,7/EK8100	CHÓT LAVET/EK8100	4.400	10%
7426	254201-4	KEY 4/DA331D	CHÓT LAVET/DA331D	9.350	10%
7427	254202-2	KEY 4/2107F	CHÓT LAVET/2107F	14.080	10%
7428	254203-0	KEY 4/5103N	CHÓT LAVET 4/5103N	30.800	10%
7429	254204-8	KEY 4/9045B	CHÓT LAVET 4/9045B	23.320	10%
7430	254211-1	KEY 5/6016	CHÓT LAVET/6016	18.700	10%
7431	254219-5	KEY 4/9741	CHÓT LAVET/9741	14.080	10%
7432	254229-2	KEY 5/HR5211C	CHÓT LAVET/HR5211C	18.700	10%
7433	254231-5	KEY 4/HR4030C	CHÓT LAVET/HR4030C	23.320	10%
7434	254236-5	KEY 3/4140	CHÓT LAVET/4140	46.640	10%
7435	254239-9	KEY 4/HR2810	CHÓT LAVET/HR2810	22.896	8%
7436	255058-6	RIVET 2/9237C	CHÓT GÀI/9237C	4.730	10%
7437	256002-6	PIN 6/TW0200	CHÓT GÀI/TW0200	18.700	10%
7438	256012-3	PIN 6/2416S	CHÓT GÀI 6/2416S	2.200	10%
7439	256033-5	PIN 6/2107F	CHÓT GÀI/2107F	18.700	10%
7440	256034-3	PIN 4/DLS600	CHÓT 4/DLS600	9.350	10%
7441	256040-8	PIN 5/6906	CHÓT GÀI/6906	9.350	10%
7442	256041-6	PIN 6/2012NB	CHÓT GÀI/2012NB	9.350	10%
7443	256051-3	PIN 10/TW1000	CHÓT GÀI/TW1000	46.640	10%
7444	256087-2	PIN 7/HR3200C	CHÓT GÀI/HR3200C	9.350	10%
7445	256098-7	PIN 5/LC1230	CHÓT 5/LC1230	13.200	10%
7446	256099-5	PIN 6/HR2810	CHÓT GÀI/HR2810	14.080	10%
7447	256104-8	PIN 3/DFL301F	CHÓT 3/DFL301F	4.730	10%
7448	256110-3	PIN 6/JS1602	CHÓT 6/JS1602	17.600	10%
7449	256111-1	PIN 6/JN1601	CHÓT 6/JN1601	18.700	10%
7450	256117-9	PIN 4/4328	CHÓT GÀI/4328	14.080	10%
7451	256118-7	PIN 8/JS3201	CHÓT 8/JS3201	51.370	10%
7452	256120-0	PIN 10/HM1201	CHÓT GÀI/HM1201	65.340	10%
7453	256122-6	PIN 4/HR4040C	CHÓT GÀI/HR4040C	9.350	10%
7454	256123-4	PIN 5/LS002G	CHÓT GÀI/LS002G	8.800	10%
7455	256151-9	PIN 5/HM1810	CHÓT GÀI 5/HM1810	13.200	10%
7456	256155-1	PIN 5/DJS161	CHÓT GÀI 5/DJS161	8.800	10%
7457	256157-7	PIN 3/JR102D	CHÓT 3/JR102D	4.730	10%
7458	256158-5	PIN 3/DJR181	CHÓT GÀI/DJR181	4.730	10%
7459	256165-8	PIN 8/HM0810	CHÓT GÀI/HM0810	23.320	10%
7460	256173-9	PIN 3.5/DTDA040	CHÓT HẮM/DTDA040	9.350	10%
7461	256180-2	PIN 3/DS4011	CHÓT 3/DS4011	4.730	10%
7462	256186-0	PIN 5/EB7650TH	CHÓT GÀI/EB7650TH	8.800	10%
7463	256196-7	PIN 5/LS1013	CHÓT GÀI/LS1013	8.800	10%
7464	256197-5	PIN 7/HR3530	CHÓT GÀI/HR3530	42.020	10%
7465	256200-2	PIN 5/2704	CHÓT GÀI/2704	8.800	10%
7466	256206-0	PIN 4/HM1810	CHÓT 4/HM1810	4.400	10%
7467	256211-7	PIN 6/6924N	CHÓT 6/6924N	9.350	10%
7468	256217-5	PIN 4/DRV150	CHÓT 4/DRV150	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7469	256219-1	PIN 4/HM1810	CHÓT GÀI 4/HM1810	8.800	10%
7470	256221-4	PIN 3/4304	CHÓT/4304	4.730	10%
7471	256225-6	PIN 4/6922NB	CHÓT GÀI/6922NB	23.320	10%
7472	256226-4	PIN 4/2012NB	CHÓT GÀI/2012NB	4.730	10%
7473	256227-2	PIN 8/6922NB	CHÓT GÀI/6922NB	23.320	10%
7474	256228-0	PIN 8/6922NB	CHÓT GÀI/6922NB	32.670	10%
7475	256238-7	PIN 12/HM1306	CHÓT GÀI/HM1306	65.340	10%
7476	256241-8	PIN 3/DVC860L	CHÓT/DVC860L	32.670	10%
7477	256246-8	PIN 6/HR2601	CHÓT 6/HR2601	14.080	10%
7478	256251-5	PIN 4/DP4010	CHÓT GÀI/DP4010	4.730	10%
7479	256253-1	PIN 5/6980FD	CHÓT GÀI/6980FD	4.730	10%
7480	256254-9	PIN 3/4326	CHÓT GÀI/4326	4.730	10%
7481	256255-7	PIN 3/DCG180	CHÓT GÀI/DCG180	4.730	10%
7482	256261-2	PIN 6/DHR263	CHÓT GÀI/DHR263	14.080	10%
7483	256263-8	PIN 5/HR5001C	CHÓT GÀI/HR5001C	14.080	10%
7484	256266-2	PIN 6/HR3200C	CHÓT GÀI/HR3200C	9.350	10%
7485	256267-0	PIN 3/DSC102	CHÓT/DSC102	4.730	10%
7486	256272-7	PIN 2.5/DTP141	CHÓT GÀI/DTP141	4.730	10%
7487	256280-8	PIN 8/LH1040	CHÓT GÀI/LH1040	14.080	10%
7488	256305-8	PIN 4/DSD180	CHÓT 4/DSD180	57.200	10%
7489	256331-7	PISTON PIN 11/EB5300TH	CHÓT PISTON/EB5300TH	30.240	8%
7490	256334-1	SHOULDER PIN 10-16/MT243	CHÓT GÀI 10-16/MT243	30.800	10%
7491	256342-2	ROD 2/DFS250	TRỤC MÁY/DFS250	4.400	10%
7492	256343-0	COLLARED PIN 8/DFS250	CÓT NHÔNG/DFS250	270.216	8%
7493	256347-2	ROD 4/HR1841F	CHÓT GÀI/HR1841F	4.730	10%
7494	256351-1	SHOULDER PIN 6-7/HS0600	CHÓT GÀI/HS0600	9.350	10%
7495	256364-2	PIN 4/DLS111	CHÓT GÀI/DLS111	14.080	10%
7496	256372-3	PIN 3.5/DA333D	CHÓT 3.5/DA333D	4.730	10%
7497	256375-7	ROD 3/DSC121	CHÓT GÀI 3/DSC121	4.730	10%
7498	256380-4	SHOULDER PIN 4X6/DHR400	CHÓT 4X6/DHR400	8.800	10%
7499	256390-1	PIN 3/DTRI80	CHÓT GÀI 3/DTRI80	65.340	10%
7500	256393-5	SHOULDER PIN 5-8.5/DDA460	CHÓT GÀI 5-8.5/DDA460	14.080	10%
7501	256399-3	SHOULDER PIN 4/DTRI80	CHÓT GÀI 4/DTRI80	18.700	10%
7502	256400-4	SHOULDER PIN 4/DTRI80	CHÓT GÀI 4/DTRI80	23.320	10%
7503	256405-4	PIN 6-7/LC1230	CHÓT 6-7/LC1230	110.000	10%
7504	256437-1	PIN 4/RT0700C	CHÓT GÀI 4/RT0700C	9.350	10%
7505	256446-0	PIN 6/9015B	CHÓT GÀI/9015B	37.400	10%
7506	256447-8	PIN 8/HR2010	CHÓT GÀI/HR2010	46.640	10%
7507	256452-5	PIN 8/9067	CHÓT GÀI/9067	18.700	10%
7508	256453-3	PIN 12/LC1230	CHÓT 12/LC1230	52.800	10%
7509	256459-1	PIN/9565CVR	CHÓT MÔ LƯỚI/9565CVR	18.700	10%
7510	256474-5	SHOULDER PIN 10-16/LW1401	CHÓT GIỮ 10-16/LW1401	32.670	10%
7511	256480-0	SHOULDER PIN 6-7/DHS680	CHÓT/DHS680	4.730	10%
7512	256482-6	SHOULDER PIN 6/MT362	CHÓT GÀI/MT362	14.080	10%
7513	256486-8	SHOULDER PIN 4/9553B	CHÓT GÀI/9553B	9.350	10%
7514	256491-5	SHOULDER PIN 5/GA7020	CHÓT GÀI/GA7020	28.050	10%
7515	256492-3	SHOULDER PIN 5/DJR181	CHÓT GÀI/DJR181	18.700	10%
7516	256496-5	SHOULDER PIN 4/DGA402	CHÓT GÀI/DGA402	37.400	10%
7517	256504-2	SHOULDER PIN 9/9237C	CHÓT GÀI/9237C	32.670	10%
7518	256505-0	SHOULDER PIN 5/GA5010	CHÓT GÀI/GA5010	14.080	10%
7519	256510-7	SHOULDER PIN 4/GA4030	CHÓT GÀI/GA4030	9.350	10%
7520	256511-5	SHOULDER PIN 6-7/DHS680	CHÓT GÀI/DHS680	4.730	10%
7521	256516-5	SHOULDER PIN 11/GA7050	CHÓT GÀI/GA7050	14.080	10%
7522	256520-4	ROD 5/EK7651H	CHÓT GÀI/EK7651H	12.960	8%
7523	256525-4	SHOULDER PIN 6/HR5001C	CHÓT GÀI/HR5001C	279.840	10%
7524	256526-2	PUSH ROD/EB7650TH	CHÓT GÀI/EB7650TH	26.400	10%
7525	256528-8	PIN 2/JV0600K	CHÓT GÀI 2/JV0600K	9.350	10%
7526	256535-1	SHOULDER PIN 6/GA4040	CHÓT GÀI/GA4040	14.080	10%
7527	256536-9	FLAT FILLISTER HD PIN 6/DHR242	CHÓT/DHR242	23.320	10%
7528	256537-7	FLAT FILLISTER HD. PIN 1.2-3.5/DTP141	CHÓT/DTP141	9.350	10%
7529	256545-8	PIN 16/LW1400	CHÓT 16/LW1400	48.400	10%
7530	256546-6	SHOULDER PIN 4/DGA404	CHÓT GÀI/DGA404	9.350	10%
7531	256548-2	FLAT FILLISTER HEAD PIN 6/HR4013C	CHÓT GÀI/HR4013C	13.200	10%
7532	256550-5	SHOULDER PIN 5/M0920B	CHÓT HÂM LƯỚI 5/M0920B	14.080	10%
7533	256555-5	PIN 2/DTDA040	CHÓT GÀI/DTDA040	9.350	10%
7534	256567-8	SHOULDER PIN 6-8/DJR186	CHÓT CHẶN 6-8/DJR186	14.080	10%
7535	256568-6	FLAT FILLISTER HD.PIN 5/DUP361	CHÓT GÀI/DUP361	55.990	10%
7536	256569-4	SHOULDER PIN 5/DJR186	CHÓT GÀI/DJR186	18.700	10%
7537	256571-7	SHOULDER PIN 7/GA7060	CHÓT GÀI/GA7060	18.700	10%
7538	256573-3	PIN 5/DTRI80	CHÓT GÀI 5/DTRI80	14.080	10%
7539	256579-1	PIN 5/JR3061T	CHÓT GÀI 5/JR3061T	4.730	10%
7540	256585-6	ROD 4/DHR182	CHÓT GÀI 4/DHR182	4.730	10%
7541	256586-4	FLAT FILLISTER HEAD PIN 2.5/DHR182	CHÓT GÀI 2.5/DHR182	18.700	10%
7542	256590-3	FLAT FILLISTER HD. PIN 3/DCL280F	CHÓT GÀI/DCL280F	9.350	10%
7543	256594-5	SHOULDER PIN 6/GA5050	CHÓT HÂM GÀI 6/GA5050	18.700	10%
7544	256595-3	PIN 2/GA4050	CHÓT GIỮ GẠT CÔNG TÁC/GA4050	4.730	10%
7545	256598-7	SHOULDER PIN 4/HR3001CJ	PIN 4/HR3001CJ	23.320	10%
7546	256606-4	PIN 6/3600H	CHÓT GÀI/3600H	28.050	10%
7547	256633-1	PIN 6/LS1019L	CHÓT 6/LS1019L	14.080	10%
7548	256643-8	PIN 7/2416S	CHÓT GÀI 7/2416S	118.800	10%
7549	256651-9	PIN 10/RP0900	CHÓT 10/RP0900	14.080	10%
7550	256655-1	PIN 7/9741	CHÓT GÀI/9741	37.400	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7551	256688-6	PIN 8/2012NB	CHÓT 8/2012NB	69.960	10%
7552	256689-4	PIN 4/PJ7000	CHÓT GÀI 4/PJ7000	37.400	10%
7553	256693-3	PIN 4/4304	CHÓT 4/4304	42.020	10%
7554	256725-6	PIN 2.5/JN3200	CHÓT GÀI/JN3200	4.730	10%
7555	256733-7	PIN 7/BJS160	CHÓT GÀI/BJS160	42.020	10%
7556	256739-5	PIN 4-55/BO3700	CHÓT GÀI/BO3700	14.080	10%
7557	256836-7	ROD 16/LH1040	CHÓT GÀI/LH1040	55.990	10%
7558	256862-6	ROD 2.5/DHK180	CHÓT GÀI 2.5/DHK180	23.320	10%
7559	256865-0	ROD 2.5/BHX2500	CHÓT GÀI/BHX2500	8.640	8%
7560	256866-8	ROD 2.5/EBH340R	CHÓT GÀI/EBH340R	13.200	10%
7561	256871-5	ROD 6/DLM431	CHÓT GÀI/DLM431	44.000	10%
7562	256875-7	ROD 4/CA5000	CHÓT GÀI/CA5000	13.200	10%
7563	256877-3	PIN 3/DFN350	CHÓT GÀI 3/DFN350	14.080	10%
7564	256882-0	FLAT FILLISTER HD. PIN 4/DFN350	CHÓT GÀI 4/DFN350	51.370	10%
7565	256883-8	ROD 4/PDC01	CHÓT GÀI 4/PDC01	127.600	10%
7566	256886-2	ROD 3/HR001G	CHÓT HẠM 3/HR001G	9.350	10%
7567	256933-9	HEX. HEAD BOLT M8X35 WITH WG/DLM382	ỐC VÍT M8X35/DLM382	13.200	10%
7568	256934-7	COLLARED PIN 6/JR3051T	CHÓT GIỮ LƯỚI/JR3051T	23.320	10%
7569	256935-5	HEADED PIN 4/DGA419	CHÓT GÀI/DGA419	32.670	10%
7570	256937-1	SHOULDER PIN 5/DLM160	CHÓT 5/DLM160	23.320	10%
7571	256938-9	ROD 5/DLM160	CHÓT ĐỊNH VỊ 5/DLM160	23.320	10%
7572	256940-2	PIN 14/DCU603	CHÓT ĐỊNH VỊ 14/DCU603	42.020	10%
7573	256941-0	ROD 8/DCU601/DCU602	THANH TRỤC 8/DCU601/DCU602	93.280	10%
7574	256942-8	ROD 6/DCU603	CHÓT GÀI 6/DCU603	18.700	10%
7575	256944-4	PIN 12/DCU601	CHÓT 12/DCU601	32.670	10%
7576	256945-2	PIN 6/JR001	CHÓT GÀI 6/JR001	9.350	10%
7577	256947-8	SHOULDER PIN 7/DCE090	CHÓT HẠM LƯỚI 7/DCE090	9.350	10%
7578	256948-6	ROD 4/DCE090	CHÓT GÀI 4/DCE090	14.080	10%
7579	256949-4	ROD 3/HP001G	CHÓT GÀI 3/HP001G	9.350	10%
7580	256951-7	SHOULDER PIN 7-8/DGP180	PIN 7-8/DGP180	42.020	10%
7581	256952-5	PIN 1.4/DDA450	CHÓT GÀI 1.4/DDA450	9.350	10%
7582	256954-1	FRONT ROLLER SHAFT/DVC560	TRỤC BÀNH TRƯỚC/DVC560	13.824	8%
7583	256956-7	PIN 4/DST421	CHÓT GÀI 4/DST421	22.000	10%
7584	256963-0	PIN 3/WR100D	CHÓT BĂNG THÉP(ĐINH VỊ)/WR100D	8.800	10%
7585	256965-6	PIN 4/DVC560	CHÓT 4/DVC560	9.350	10%
7586	256988-4	COLLAR HD. PIN 7/DRC300	CHÓT GÀI 7/DRC300	116.600	10%
7587	256989-2	PIN 4/DRC300	CHÓT GÀI 4/DRC300	55.990	10%
7588	256A03-0	ROD 4.5/DCU603	CHÓT ĐỊNH VỊ 4.5/DCU603	14.080	10%
7589	256A04-8	PIN 10/DCU601	CHÓT GÀI 10/DCU601	37.400	10%
7590	256A08-0	PIN 5/TR001G	CHÓT ĐỊNH VỊ /TR001G	4.400	10%
7591	256A09-8	SHOULDER PIN 8/JR002G	CHÓT ĐỊNH VỊ/JR002G	18.700	10%
7592	256A11-1	PIN 3/JR002G	CHÓT ĐỊNH VỊ 3/JR002G	4.730	10%
7593	256A12-9	PIN 5/TD002G	CHÓT ĐỊNH VỊ/TD002G	14.080	10%
7594	256A28-4	ROD 5/UB002C	CHÓT (ĐINH VỊ) 5/UB002C	32.670	10%
7595	256A31-5	SHOULDER PIN 5/UC100D	CHÓT ĐỊNH VỊ 5/UC100D	23.320	10%
7596	256A36-5	PIN 5/2704	CHÓT GÀI/2704	28.050	10%
7597	256A39-9	ROD 6/UV001G	CHÓT GÀI 6/UV001G	69.960	10%
7598	256A44-6	ROD 4/PDC1500	CHÓT ĐỊNH VỊ 4/PDC1500	14.080	10%
7599	256A45-4	ROD 7/LM004G	CHÓT GÀI 7/LM004G	18.700	10%
7600	256A47-0	FLAT FILLISTER HD.PIN 4/VS001G	CHÓT ĐỊNH VỊ 4/VS001G	18.700	10%
7601	256A58-5	PIN 9/UB004C	CHÓT ĐỊNH VỊ 9/UB004C	18.700	10%
7602	256A77-1	COLLARED PIN 6/RP001G	CHÓT 6/RP001G	18.700	10%
7603	256A89-4	SHOULDER PIN 4C/TR001G	CHÓT ĐỊNH VỊ/TR001G	44.000	10%
7604	256A93-3	GROOVED PIN 4A/TR001G	CHÓT ĐỊNH VỊ/TR001G	44.000	10%
7605	256A96-7	GROOVED PIN 4B/TR001G	CHÓT ĐỊNH VỊ/TR001G	48.400	10%
7606	257010-0	RING 12/CA5000	VÒNG ĐỆM/CA5000	8.800	10%
7607	257011-8	RING 12/DFT085F	VÒNG GÀI CHỮ C/DFT085F	18.700	10%
7608	257012-6	RING 12/4140	VÒNG ĐỆM 12/4140	22.000	10%
7609	257018-4	RING 15/DS4011	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DS4011	30.360	10%
7610	257022-3	RING 16/LH1040	VÒNG ĐỆM/LH1040	17.600	10%
7611	257024-9	RING 17/RS001G	VÒNG ĐỆM/RS001G	14.080	10%
7612	257040-1	RING 65/6906	VÒNG ĐỆM 65/6906	494.450	10%
7613	257053-2	RING 15/4114S	VÒNG ĐỆM 15/4114S	28.050	10%
7614	257054-0	RING 20/4112HS	VÒNG ĐỆM 20/4112HS	46.640	10%
7615	257060-5	RING 15.8/2704	VÒNG ĐỆM/2704	51.370	10%
7616	257104-1	RING 22/2416S	VÒNG ĐỆM 22/2416S	48.400	10%
7617	257105-9	RING 6/2416S	VÒNG ĐỆM 6/2416S	17.600	10%
7618	257139-2	RING 20/LC1230	VÒNG ĐỆM 20/LC1230	39.600	10%
7619	257157-0	RING 8/LC1230	VÒNG ĐỆM 8/LC1230	23.320	10%
7620	257161-9	RING 4/2704	VÒNG ĐỆM 4/2704	46.640	10%
7621	257162-7	RING 7/LH1040	LONG ĐẾN/LH1040	14.080	10%
7622	257163-5	RING 6/LS1019L	VÒNG ĐỆM 6/LS1019L	4.400	10%
7623	257171-6	RING 12/PCS000C	VÒNG ĐỆM/PCS000C	37.400	10%
7624	257173-2	RING 12/5806B	VÒNG ĐỆM/5806B	4.730	10%
7625	257185-5	RING 17/2414NB	VÒNG ĐỆM/2414NB	13.824	8%
7626	257187-1	RING 32/TL064D	VÒNG ĐỆM 32/TL064D	23.320	10%
7627	257202-1	RING 25/BO4555	VÒNG ĐỆM/BO4555	144.650	10%
7628	257206-3	RING 29/HM0810T	VÒNG ĐỆM/HM0810T	23.320	10%
7629	257222-5	RING 8/LC1230	VÒNG ĐỆM 8/LC1230	28.050	10%
7630	257227-5	RING 6/SG1251J	VÒNG ĐỆM 6/SG1251J	42.020	10%
7631	257241-1	RING 21/DHR165	VÒNG ĐỆM/DHR165	18.700	10%
7632	257246-1	RING 19/HP1630	VÒNG ĐỆM/HP1630	4.730	10%
7633	257249-5	RING 9/9032	VÒNG ĐỆM 9/9032	32.670	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7634	257250-0	RING 20/4350CT	VÒNG ĐỆM/4350CT	55.990	10%
7635	257253-4	RING 17/GS5000	VÒNG ĐỆM 17/GS5000	18.700	10%
7636	257255-0	RING 17/LW1400	VÒNG ĐỆM/LW1400	9.350	10%
7637	257260-7	RING 17/HM1306	VÒNG ĐỆM/HM1306	74.690	10%
7638	257261-5	RING 21B/JR3060T	VÒNG ĐỆM 21/JR3060T	35.200	10%
7639	257263-1	RING 58/6924N	VÒNG ĐỆM 58/6924N	279.840	10%
7640	257265-7	RING 21/JR3070CT	VÒNG ĐỆM/JR3070CT	37.400	10%
7641	257268-1	RING 33/HR4002	VÒNG ĐỆM 33/HR4002	55.990	10%
7642	257275-4	RING 11/DHR165	VÒNG ĐỆM/DHR165	46.640	10%
7643	257279-6	RING 17/HS0600	VÒNG ĐỆM/HS0600	9.350	10%
7644	257283-5	RING 38/HR4511C	VÒNG ĐỆM/HR4511C	73.332	8%
7645	257286-9	RING 25/HM1306	VÒNG ĐỆM 25/HM1306	77.868	8%
7646	257287-7	RING 44/HR3530	VÒNG ĐỆM/HR3530	205.260	10%
7647	257288-5	RING 21/HR3200C	VÒNG ĐỆM/HR3200C	183.168	8%
7648	257291-6	RING 10/HR3200C	VÒNG ĐỆM/HR3200C	28.050	10%
7649	257296-6	RING 39/DHK180	VÒNG ĐỆM 39/DHK180	354.530	10%
7650	257297-4	RING 45/HM1214C	VÒNG ĐỆM/HM1214C	102.630	10%
7651	257308-5	RING 28/HR4013C	VÒNG ĐỆM/HR4013C	26.400	10%
7652	257309-3	PISTON RING/RBC411	BẠC PISTON/RBC411	51.840	8%
7653	257312-4	RING17/EK7651H	VÒNG ĐỆM/EK7651H	26.400	10%
7654	257321-3	RING 8/HR2630	VÒNG ĐỆM/HR2630	9.350	10%
7655	257323-9	RING 8/DHR242	VÒNG ĐỆM/DHR242	14.080	10%
7656	257333-6	OIL RING/EK7651H	BẠC PISTON/EK7651H	159.840	8%
7657	257334-4	PISTON RING 33/EH6000W	BẠC PISTON 33/EH6000W	30.240	8%
7658	257336-0	STOP RING EXT U-6/DHR242	VÒNG GAI CHỮ C/DHR242	4.730	10%
7659	257340-9	RING 33/HR4013C	VÒNG ĐỆM 33/HR4013C	22.000	10%
7660	257347-5	RING 21/DJV181	VÒNG ĐỆM 21/DJV181	84.040	10%
7661	257348-3	RING 15/DPB181	VÒNG ĐỆM/DPB181	18.700	10%
7662	257349-1	SLEEVE 12/DHS680	BẠC ĐỆM/DHS680	28.050	10%
7663	257353-0	RING 49/HR5212C	VÒNG ĐỆM 49/HR5212C	46.640	10%
7664	257354-8	RING 23/HR5212C	VÒNG ĐỆM 23/HR5212C	84.040	10%
7665	257355-6	RING 44/HR5212C	VÒNG ĐỆM 44/HR5212C	42.020	10%
7666	257359-8	PISTON RING/EM3400U	BẠC PISTON/EM3400U	30.240	8%
7667	257361-1	RING 24/MT860	VÒNG ĐỆM/MT860	51.370	10%
7668	257365-3	PISTON RING/EA3601F	BẠC PISTON/EA3601F	82.080	8%
7669	257366-1	PISTON RING 38/EA3503S	BẠC PISTON 38/EA3503S	60.480	8%
7670	257367-9	RING 28/HR5212C	LONG ĐẾN/HR5212C	55.990	10%
7671	257381-5	Piston Ring 52/EK8100	Bạc Piston/EK8100	393.120	8%
7672	257383-1	PISTON RING 42/EA4301F	BẠC PISTON 42/EA4301F	34.560	8%
7673	257384A9	PISTON RING D47/EK6101	BẠC PISTON D47/EK6101	237.600	8%
7674	257385-7	SPACER/EK6101	VÒNG ĐỆM/EK6101	26.400	10%
7675	257386-5	SPACER/EK6101	VÒNG ĐỆM/EK6101	4.400	10%
7676	257389-9	SLEEVE 11/LW1400	LONG ĐẾN 11/LW1400	28.050	10%
7677	257390-4	SLEEVE 20/LW1400	LONG ĐẾN 20/LW1400	48.400	10%
7678	257391-2	RING 4/DSD180	VÒNG ĐỆM 4/DSD180	44.000	10%
7679	257402-3	SLEEVE 10/DUC353	LONG ĐẾN/DUC353	14.080	10%
7680	257407-3	RETAINING RING R-28/BBC231U	VÒNG GAI CHỮ C/BBC231U	32.670	10%
7681	257408-1	RETAINING RING R-32/RBC413U	VÒNG GAI CHỮ C/RBC413U	17.600	10%
7682	257409-9	RETAINING RING R-32/RBC413U	VÒNG GAI CHỮ C/RBC413U	26.400	10%
7683	257413-8	SLEEVE 20/LW1400	LONG ĐẾN 20/LW1400	18.700	10%
7684	257415-4	RING 5/DHR171	VÒNG ĐỆM 5/DHR171	14.080	10%
7685	257416-2	RING 21/HR140D	VÒNG ĐỆM 21/HR140D	18.360	8%
7686	257417-0	SLEEVE 8/HR1841F	VÒNG ĐỆM/HR1841F	13.824	8%
7687	257423-5	RETAINING RING(EXT) WR-42/RS001G	VÒNG GAI CHỮ C/RS001G	9.350	10%
7688	257425-1	RING 5/DLS111	VÒNG ĐỆM/DLS111	14.080	10%
7689	257426-9	SLEEVE 5/DLS111	VÒNG ĐỆM/DLS111	13.824	8%
7690	257428-5	SLEEVE 10/TL064D	VÒNG ĐỆM/TL064D	13.200	10%
7691	257429-3	SLEEVE 15/TL064D	VÒNG ĐỆM/TL064D	37.400	10%
7692	257430-8	RETAINING RING (EXT) 18/DJR181	VÒNG GAI CHỮ C/DJR181	9.350	10%
7693	257436-6	SLEEVE 5/LS1219L	VÒNG ĐỆM/LS1219L	23.320	10%
7694	257438-2	SLEEVE 10/DHR280	ÔNG ĐỆM 10/DHR280	28.050	10%
7695	257439-0	SLEEVE 5/DUH502	ÔNG ĐỆM 5/DUH502	18.700	10%
7696	257440-5	SLEEVE 17/DDA460	ÔNG ĐỆM 17/DDA460	28.050	10%
7697	257449-7	SLEEVE 6/LS1219L	VÒNG ĐỆM 6/LS1219L	22.896	8%
7698	257451-0	RING 17/DHS780	VÒNG ĐỆM 17/DHS780	23.320	10%
7699	257452-8	RETAINING RING (EXT) WR-40/DHS780	VÒNG ĐỆM WR-40/DHS780	23.320	10%
7700	257456-0	RETAINING RING (INT)R-28/UR016G	PHE GAI/UR016G	9.350	10%
7701	257457-8	RING 5/DRV150	VÒNG ĐỆM 5/DRV150	9.350	10%
7702	257461-7	RING 6/LS1219L	LONG ĐẾN/EA3201S	4.400	10%
7703	257465-9	RING 5/DUH501	VÒNG ĐỆM/DUH501	9.350	10%
7704	257482-9	SLEEVE 8/DLM160	ÔNG 8/DLM160	23.320	10%
7705	257491-8	SLEEVE 15/DCE090	VÒNG ĐỆM 15/DCE090	23.320	10%
7706	257494-2	RING 8/DGP180	VÒNG ĐỆM 8/DGP180	46.640	10%
7707	257498-4	RING 20/DCU603	VÒNG ĐỆM 20/DCU603	79.310	10%
7708	257502-9	SLEEVE 5/DST421	VÒNG ĐỆM 5/DST421	34.560	8%
7709	257504-5	SLEEVE 6/9924DB	ÔNG ĐỆM 6/9924DB	42.020	10%
7710	257506-1	SLEEVE 7/5103N	VÒNG ĐỆM 7/5103N	13.200	10%
7711	257507-9	SLEEVE 7/4100NB	VÒNG ĐỆM 7/4100NB	18.700	10%
7712	257539-6	SLEEVE 5/TW001G	ÔNG ĐỆM/TW001G	13.824	8%
7713	257600-9	SLEEVE 6/2012NB	LONG ĐẾN ĐỆM 6/2012NB	4.644	8%
7714	257636-8	SLEEVE 6/HM0810	VÒNG ĐỆM/HM0810	18.700	10%
7715	257637-6	SLEEVE 18/6905H	VÒNG ĐỆM/6905H	132.000	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7716	257659-6	SLEEVE 4/BO4901	VÒNG ĐỆM/BO4901	18.700	10%
7717	257669-3	SLEEVE 6/DHS710	VÒNG ĐỆM/DHS710	23.320	10%
7718	257670-8	SLEEVE 6/DLM431	TẮM ĐỆM BĂNG THÉP 6/DLM431	8.800	10%
7719	257675-8	SLEEVE 8/LH1040	VÒNG ĐỆM 8/LH1040	23.320	10%
7720	257678-2	SLEEVE 6/DUH501	VÒNG ĐỆM 6/DUH501	28.050	10%
7721	257680-5	SLEEVE 6 /2704	VÒNG ĐỆM/2704	14.080	10%
7722	257683-9	COLLAR SLEEVE/4326	VÒNG ĐỆM/4326	4.730	10%
7723	257707-1	SLEEVE 12/PV7001C	ÔNG ĐỆM 12/PV7001C	42.020	10%
7724	257708-9	SLEEVE 12/GV7000	VÒNG ĐỆM THÉP/GV7000	74.800	10%
7725	257719-4	SLEEVE 15/UT1305	ÔNG ĐỆM 15/UT1305	18.700	10%
7726	257728-3	SLEEVE 10/DCS551	ÔNG ĐỆM 10/DCS551	18.700	10%
7727	257731-4	SLEEVE 7/SG1251	LONG ĐẼN 7/SG1251	18.700	10%
7728	257732-2	SLEEVE 14/SG1251	MẶT BÍCH TRONG 14/SG1251	163.240	10%
7729	257735-6	SLEEVE 9/RP001G	ÔNG NỎI 9/RP001G	18.700	10%
7730	257742-9	SHOULDER SLEEVE 14/JR3060T	VÒNG ĐỆM/JR3060T	4.730	10%
7731	257753-4	SLEEVE 10/2704	VÒNG ĐỆM/2704	14.080	10%
7732	257760-7	SLEEVE 10/BCS550	LONG ĐẼN 10/BCS550	17.600	10%
7733	257761-5	SLEEVE 6/DUN500W	VÒNG ĐỆM/DUN500W	14.080	10%
7734	257776-2	SLEEVE 12/TD0101	VÒNG ĐỆM/TD0101	42.020	10%
7735	257781-9	PISTON PIN/BHX2500	CHÓT PISTON/BHX2500	38.880	8%
7736	257782-7	SLEEVE 43/HM1307C	VÒNG ĐỆM/HM1307C	494.450	10%
7737	257785-1	SLEEVE 6/LS1019L	VÒNG ĐỆM 6/LS1019L	9.350	10%
7738	257796-6	PISTON PIN/EBH340R	CHÓT PISTON/EBH340R	12.960	8%
7739	257802-7	RING 5/DUH507	VÒNG ĐỆM 5/DUH507	9.350	10%
7740	257804-3	SHOULDER SLEEVE 7/JV0600	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/JV0600	37.400	10%
7741	257809-3	SLEEVE 24/DTP141	VÒNG ĐỆM/DTP141	65.340	10%
7742	257813-2	SLEEVE 9/HR4013C	ÔNG LỚT 9/HR4013C	13.200	10%
7743	257820-5	SLEEVE 9/HR5212C	CHÓT PISTON 9/HR5212C	74.690	10%
7744	257821-3	SLEEVE 8/EE2650H	BẠC ĐỆM 8/EE2650H	5.500	10%
7745	257841-7	PISTON PIN/EK8100	CHÓT PISTON/EK8100	419.040	8%
7746	257848-3	RING 8/LS002G	VÒNG ĐỆM 8/LS002G	18.700	10%
7747	257849-1	SLEEVE 8/LS002G	CHÓT GIỮ 8/LS002G	23.320	10%
7748	257858-0	RING 8/DP4010	VÒNG ĐỆM 8/DP4010	28.050	10%
7749	257859-8	SLEEVE 5/UH004G	VÒNG ĐỆM/UH004G	9.350	10%
7750	257868-7	RING 15/CE001G	VÒNG ĐỆM 15/CE001G	23.320	10%
7751	257872-6	SHOULDER SLEEVE 8/DJV184	THÂN Ô BỊ 8/DJV184	45.792	8%
7752	257878-4	RETAINING RING (EXT) S-10/DLM230	PHE GÀI S-10/DLM230	4.730	10%
7753	257881-5	SLEEVE 5/ST001G	ÔNG ĐỆM LỎ XO 5/ST001G	37.400	10%
7754	257884-9	RING 33/UT001G	VÒNG ĐỆM 33/UT001G	65.340	10%
7755	257885-7	SLEEVE 6/UT001G	ÔNG ĐỆM 6/UT001G	37.400	10%
7756	257895-4	SLEEVE 15/CE002G	VÒNG ĐỆM 15/CE002G	32.670	10%
7757	257896-2	SLEEVE 5.4/CE002G	VÒNG ĐỆM 5.4/CE002G	32.670	10%
7758	257926-9	STOP RING E-2.0/DHW080	VÒNG GÀI CHỮ C/DHW080	4.730	10%
7759	257932-4	SPIRO LOCK WASHER 30/DHR242	VÒNG ĐỆM/DHR242	60.720	10%
7760	257933-2	STOP RING (EXT) WR-55/PO5000C	CHÓT/PO5000C	18.700	10%
7761	257938-2	RETAINING RING(EXT) WR-26/BCS550	VÒNG ĐỆM/BCS550	13.200	10%
7762	257940-5	SPIRO LOCK WASHER 70/6922NB	VÒNG ĐỆM/6922NB	137.376	8%
7763	257941-3	SPIRO LOCK WASHER 62/6922NB	VÒNG ĐỆM/6922NB	107.360	10%
7764	257943-9	RETAINING RING 68/6924N	VÒNG GÀI LỎ XO 68/6924N	125.950	10%
7765	257945-5	RETAINING RING 68/6924N	VÒNG GÀI CHỮ C/6924N	158.620	10%
7766	257953-6	BOW STOP RING E-12/HS6600	VÒNG GÀI CHỮ C/HS6600	9.350	10%
7767	257960-9	RETAINING RING(INT) ROUND R-42/HM0870C	VÒNG GÀI CHỮ C/HM0870C	60.720	10%
7768	257965-9	RETAINING RING (INT) R-32/GA7050	VONG GAI CHỮ C/GA7050	79.310	10%
7769	257966-7	RETAINING RING (INT) 55/EBH340U	VÒNG GÀI CHỮ C/EBH340U	26.400	10%
7770	257967-5	RETAINING RING (EXT) 15/EBH340U	VÒNG GÀI CHỮ C/EBH340U	4.400	10%
7771	257971-4	RING 17/EK7651H	LONG ĐẼN/EK7651H	17.600	10%
7772	257972-2	SLEEVE 6.5/EK7651H	VÒNG ĐỆM/EK7651H	22.000	10%
7773	257974-8	RETAINING RING (EXT)28/RBC411	PHE GÀI/RBC411	22.000	10%
7774	257978-0	RETAINING RING(INT)R-32/MT90	LONG ĐẼN/MT90	9.350	10%
7775	257981-1	RETAINING RING (EXT)16/JR103D	VÒNG ĐỆM/JR103D	37.400	10%
7776	257982-9	BOW STOP RING E-8/DCS551	LONG ĐẼN KHỎA/DCS551	9.350	10%
7777	257984-5	RETAINING RING(INT) AR-75/6924N	LONG ĐẼN AR-75/6924N	51.370	10%
7778	257986-1	RETAINING RING S-9/BBC231U	VÒNG GÀI CHỮ C/BBC231U	32.670	10%
7779	257987-9	RETAINING RING R-24/BBC231U	VÒNG GÀI CHỮ C/BBC231U	8.800	10%
7780	257988-7	RETAINING RING (INT) R-26/EM3400U	PHE GAI R-26/EM3400U	8.800	10%
7781	257991-8	RETAINING RING (EXT) WR-32.5/HR4013C	VONG GAI CHỮ C/HR4013C	13.200	10%
7782	257993-4	RETAINING RING (EXT) S-12/M0401B	VÒNG PHE/M0401B	4.730	10%
7783	257994-2	RETAINING RING(EXT)WR-44/HR5212C	VÒNG GÀI CHỮ C/HR5212C	37.400	10%
7784	257997-6	RETAINING RING A14X1V/EK8100	VÒNG GÀI A14X1V/EK8100	17.600	10%
7785	257998-4	RETAINING RING 40X1.75/EK8100	PHE GAI 40X1.75/EK8100	2.200	10%
7786	257A13-0	RING 65/CE002G	VÒNG ĐỆM 65/CE002G	155.736	8%
7787	257A14-8	RING 8/PDC1500	VÒNG ĐỆM 8/PDC1500	18.360	8%
7788	257A18-0	COLLARED SLEEVE 4A/VS001G	ÔNG CANH A/VS001G	37.400	10%
7789	257A19-8	COLLARED SLEEVE 4C/VS001G	VÒNG ĐỆM 4C/VS001G	23.320	10%
7790	257A20-3	COLLARED SLEEVE 4B/VS001G	ÔNG CANH B/VS001G	37.400	10%
7791	257A21-1	SLEEVE 17/VS001G	ÔNG ĐỆM 17/VS001G	23.320	10%
7792	257A22-9	SLEEVE 4/VS001G	ÔNG ĐỆM PULY 4/VS001G	18.700	10%
7793	257A23-7	SLEEVE 8/HW001G	ÔNG ĐỆM 8/HW001G	18.700	10%
7794	257A31-8	RING 12/CE003G	VÒNG ĐỆM 12/CE003G	18.700	10%
7795	257A32-6	RING 35/CE003G	VÒNG ĐỆM 35/CE003G	37.400	10%
7796	257A33-4	SLEEVE 6/CE003G	CHÓT ĐỊNH VỊ 6/CE003G	18.700	10%
7797	257A41-5	RING 6/HR2670	VÒNG ĐỆM 6/HR2670	14.080	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7798	257A43-1	SLEEVE 9/HR2670	VÒNG ĐỆM 9/HR2670	18.700	10%
7799	257A52-0	COLLARED SLEEVE 6/PS001G/GSP01	VÒNG ĐỆM 6/PS001G/GSP01	42.020	10%
7800	257A53-8	SLEEVE 6/PS001G	ÔNG LỘT DÀN HƯỚNG 6/PS001G	18.700	10%
7801	257A54-6	SLEEVE 6/PS001G/GSP01	ÔNG DÀN HƯỚNG 6/PS001G/GSP01	42.020	10%
7802	257A63-5	SLEEVE 7.5/JR003G	ÔNG LỘT 7.5/JR003G	32.670	10%
7803	258002-2	SPRING PIN 3-6/MT430	VÒNG ĐỆM/MT430	4.730	10%
7804	258004-8	SPRING PIN 2.5-16/LM004J	CHÓT ĐỊNH VỊ 2.5-16/LM004J	9.350	10%
7805	258010-3	SPRING PIN 2.5-25/DUR191L	CHÓT CHẶN LỖ XO/DUR191L	4.730	10%
7806	258038-1	CLAMPING PIN/EK6101	CHÓT/EK6101	8.800	10%
7807	258054-3	SPRING PIN 3-12/GD0603	CHÓT GÁI/GD0603	8.800	10%
7808	259008-3	PUSH NUT 4/SP6000	NÚT ĐÁY/SP6000	4.400	10%
7809	259015-6	STOP RING CS-3/DLM431	LONG ĐÈN KHÓA CS-3/DLM431	4.400	10%
7810	259019-8	SELF LOCK 15/RP0900	VÒNG ĐỆM KHÓA 15/RP0900	14.080	10%
7811	259036-8	STOP RING E-8/UC3041A	VÒNG GAI CHỮ C/UC3041A	4.730	10%
7812	259039-2	SELF LOCK 6/GA4040C	VÒNG GAI CHỮ C/GA4040C	4.730	10%
7813	259045-7	STOP RING E-8/EA4301F	PHE GAI E-8/EA4301F	8.800	10%
7814	259049-9	E-RING/RBC411	VÒNG GAI CHỮ C/RBC411	35.200	10%
7815	259056-2	RING SPRING 54/HR5212C	VÒNG ĐỆM 54/HR5212C	9.350	10%
7816	259057-0	RING SPRING 74/HR5212C	LỖ XO 74/HR5212C	18.700	10%
7817	259067-7	ROD 6/DLM432	CHÓT GAI 6/DLM432	57.200	10%
7818	259068-5	ROD 6/DLM382	CHÓT GAI 6/DLM382	39.600	10%
7819	259069-3	RETAINING RING (INT) R-35/EM408MP	VÒNG GAI CHỮ C/EM408MP	4.730	10%
7820	259070-8	RETAINING RING (EXT) S-7/EM408MP	VÒNG GAI (EXT) S-7/EM408MP	9.350	10%
7821	259071-6	RETAINING RING (EXT) S-9/EM408MP	VÒNG GAI/EM408MP	9.350	10%
7822	259072-4	RETAINING RING (INT)R-24/EM408MP	VÒNG GAI CHỮ C/EM408MP	4.730	10%
7823	259075-8	RETAINING RING(EXT) WR-14/TD001G	VÒNG GAI CHỮ C WR-14/TD001G	14.080	10%
7824	259091-0	SNAP PIN 10/DCU601	CHÓT GAI 10/DCU601	9.350	10%
7825	259095-2	STOP R G E-8/PS001G	PHE GAI/PS001G	4.730	10%
7826	259096-0	STOP RING (EXT) E-4/BCC01	PHE GAI E-4/BCC01	102.630	10%
7827	261008-1	FIBER WASHER 6/DS4011	VÒNG ĐỆM 6/DS4011	4.730	10%
7828	261023-5	WASHER 27/6906	VÒNG ĐỆM 27/6906	32.670	10%
7829	261054-4	NYLON WASHER 32/HM1201	ĐỆM NHÔNG 32/HM1201	91.584	8%
7830	261056-0	RUBBER WASHER 12/CC300D	MIẾNG ĐỆM CAO SU 12/CC300D	8.640	8%
7831	261065-9	TEFLON WASHER 7/DJS161	VÒNG ĐỆM 7/DJS161	50.436	8%
7832	261095-0	RUBBER WASHER 21/TL064D	VÒNG ĐỆM 21/TL064D	9.180	8%
7833	261099-2	NYLON WASHER 14/6951	LONG ĐÈN 14/6951	22.896	8%
7834	261103-7	RUBBER WASHER 13/HS7600	VÒNG ĐỆM 13/HS7600	9.180	8%
7835	261104-5	RUBBER WASHER 12/LS1019L	VÒNG ĐỆM 12/LS1019L	4.644	8%
7836	261108-7	NYLON WASHER 14/6980FD	ĐỆM NY LONG/6980FD	13.824	8%
7837	261109-5	RUBBER WASHER 13/5806B	LONG ĐÈN/5806B	9.180	8%
7838	261111-8	URETHANE WASHER 8/FS2500	VÒNG ĐỆM 8/FS2500	9.180	8%
7839	261114-2	SPONGE WASHER 53/BO3700	LONG ĐÈN 53/BO3700	9.180	8%
7840	261116-8	NYLON WASHER 18/DTW250	ĐỆM NYLON/DTW250	18.360	8%
7841	261117-6	NYLON WASHER 12/BTD042	LONG ĐÈN 12/BTD042	22.896	8%
7842	261119-2	RUBBER WASHER 14/6952	VÒNG ĐỆM/6952	12.960	8%
7843	261122-3	WASHER 6/UH200D	LONG ĐÈN/UH200D	4.730	10%
7844	261129-9	URETHANE WASHER 18/2704	VÒNG ĐỆM 18/2704	18.360	8%
7845	261130-4	NYLON WASHER 15/DTP141	LONG ĐÈN/DTP141	18.360	8%
7846	261131-2	NYLON WASHER 89/GA9030R	VÒNG ĐỆM 89/GA9030R	8.640	8%
7847	261133-8	NYLON WASHER 29/HR4030C	LONG ĐÈN 29/HR4030C	32.670	10%
7848	261137-0	NYLON WASHER 26/HR3530	LONG ĐÈN 26/HR3530	41.256	8%
7849	261140-1	NYLON WASHER 20/TD090D	LONG ĐÈN 20/TD090D	4.644	8%
7850	261151-6	NYLON WASHER 19/BTD136	LONG ĐÈN 19/BTD136	9.180	8%
7851	261153-2	URETHAN WASHER 15/DLS600	VÒNG ĐỆM 15/DLS600	22.896	8%
7852	261154-0	NYLON WASHER 28/DTW280	LONG ĐÈN 28/DTW280	9.180	8%
7853	261155-8	NYLON WASHER 24/DTD137	ĐỆM NYLON/DTD137	9.180	8%
7854	261156-6	POLYPROPYLENE WASHER 4/DUR365U	MIẾNG ĐỆM/DUR365U	22.896	8%
7855	261157-4	SPONGE WASHER 40/BO6050	VÒNG ĐỆM THÉP/BO6050	9.350	10%
7856	261159-0	NYLON WASHER 19/TD111D	VÒNG ĐỆM/TD111D	9.180	8%
7857	261160-5	NYLON WASHER 30/DTD171	VÒNG ĐỆM/DTD171	9.180	8%
7858	261161-3	FELT RING 8/DRV250	VÒNG ĐỆM/DRV250	18.700	10%
7859	261163-9	RUBBER WASHER 25/DCU603	VÒNG ĐỆM 25/DCU603	13.824	8%
7860	261164-7	RUBBER WASHER 20/DCU603	VÒNG ĐỆM 20/DCU603	9.350	10%
7861	261165-5	NYLON WASHER 26/DTD157	MIẾNG ĐỆM 26/DTD157	9.180	8%
7862	261167-1	POLYACETAL WASHER 22/DRC300	LONG ĐÈN 22/DRC300	64.152	8%
7863	261168-9	NYLON WASHER 29/DTD172	VÒNG ĐỆM 29/DTD172	13.824	8%
7864	261169-7	NYLON WASHER 89/GA7080	VÒNG ĐỆM 89/GA7080	18.360	8%
7865	261170-2	NYLON WASHER 14/TD112D	VÒNG ĐỆM 14/TD112D	27.540	8%
7866	261171-0	NYLON WASHER/DTW302	VÒNG ĐỆM/DTW302	18.360	8%
7867	261178-6	POLYACETAL WASHER 38/CE003G	VÒNG ĐỆM 38/CE003G	9.180	8%
7868	262007-6	RUBBER RING 8/5201N	VÒNG ĐỆM CAO SU/5201N	18.360	8%
7869	262010-7	URETHANE RING 18/6905B	VÒNG ĐỆM SÁT/6905B	22.896	8%
7870	262027-0	RUBBER RING 8/5103N	VÒNG ĐỆM CAO SU 8/5103N	17.280	8%
7871	262050-5	RUBBER RING 54/HM1810	VÒNG ĐỆM 54/HM1810	73.440	8%
7872	262051-3	RUBBER RING 9/HM0810	VÒNG ĐỆM CAO SU 9/HM0810	9.180	8%
7873	262052-1	RUBBER RING 9/HM0810TA	VÒNG ĐỆM CAO SU 9/HM0810TA	4.644	8%
7874	262054-7	URETHANE RING 3/DPT353	VÒNG ĐỆM 3/DPT353	13.824	8%
7875	262068-6	URETHANE RING 59/HM1306	VÒNG ĐỆM 59/HM1306	160.272	8%
7876	262085-6	RUBBER RING 38/GA7020	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA7020	18.360	8%
7877	262086-4	RUBBER RING 29/9015B	VÒNG ĐỆM CAO SU/9015B	9.180	8%
7878	262087-2	RING 8/DP4010	VÒNG ĐỆM 8/DP4010	4.400	10%
7879	262111-1	URETHAN RING 48/HM1305	SEC MÀNG/HM1305	293.920	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7880	262116-1	URETHAN RING 45/HR4002	VÒNG ĐỆM THÉP/HR4002	111.980	10%
7881	262118-7	FELT RING 18/DGD801	Ổ ĐỖ BẠC ĐẠN 18/DGD801	13.824	8%
7882	262119-5	RUBBER RING 18/HR4030C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR4030C	91.584	8%
7883	262130-7	URETHANE RING 4/DPB182	VÒNG ĐỆM 4/DPB182	13.824	8%
7884	262131-5	NYLON RING 18/HR3530	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3530	54.972	8%
7885	262132-3	RUBBER RING 27/GA5010	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA5010	4.644	8%
7886	262133-1	URETHANE RING 31/HR2810	VÒNG ĐỆM THÉP/HR2810	79.310	10%
7887	262138-1	URETHAN RING 34/HR3200C	VÒNG ĐỆM THÉP/HR3200C	32.670	10%
7888	262142-0	URETHAN RING 26/DHK180	VÒNG ĐỆM 26/DHK180	28.050	10%
7889	262147-0	RUBBER RING 30/HM1203C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1203C	87.048	8%
7890	262148-8	RUBBER RING 39/HM1203C	VÒNG ĐỆM 39/HM1203C	45.792	8%
7891	262149-6	RUBBER RING 24/HM1203C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1203C	164.916	8%
7892	262150-1	URETHAN RING/HM1307C	VÒNG ĐỆM THÉP/HM1307C	116.600	10%
7893	262153-5	FELT RING 16/DGA406	VÒNG ĐỆM/DGA406	18.700	10%
7894	262157-7	NYLON RING 14/HM1307C	VÒNG ĐỆM 14/HM1307C	18.360	8%
7895	262158-5	RUBBER RING 9/HM0810TA	VÒNG ĐỆM CAO SU 9/HM0810TA	4.644	8%
7896	262166-6	RUBBER RING 18/HR4013C	VÒNG ĐỆM CAO SU 18/HR4013C	114.480	8%
7897	262167-4	RUBBER RING 30/HR4013C	VÒNG ĐỆM CAO SU 30/HR4013C	132.840	8%
7898	262168-2	RUBBER RING 32/HR4013C	VÒNG ĐỆM CAO SU 32/HR4013C	59.616	8%
7899	262171-3	RUBBER RING 60/HR5212C	VÒNG ĐỆM 60/HR5212C	119.124	8%
7900	262172-1	RUBBER RING 29/HR5212C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5212C	174.096	8%
7901	262173-9	RUBBER RING 24/HR5212C	VÒNG ĐỆM CAO SU 24/HR5212C	142.020	8%
7902	262174-7	RUBBER RING 47/HM1812	VÒNG CAO SU 47/HM1812	544.968	8%
7903	262182-8	RUBBER RING 6/HR140D	VÒNG ĐỆM 6/HR140D	9.180	8%
7904	262184-4	SLEEVE 10/HR2651T	VÒNG ĐỆM/HR2651T	14.080	10%
7905	262185-2	RUBBER SLEEVE 8/DHS783	VÒNG ĐỆM CAO SU 8/DHS783	36.720	8%
7906	262196-7	RUBBER RING 31/HM1511	VÒNG ĐỆM 21/HM1511	403.056	8%
7907	262197-5	RUBBER RING 20/HM1511	VÒNG ĐỆM 20/HM1511	114.480	8%
7908	262198-3	NYLON RING 26/HM1511	VÒNG ĐỆM 26/HM1511	164.916	8%
7909	262200-2	RUBBER SLEEVE 10/RS002G	VÒNG ĐỆM GIAM CHẶN 10/RS002G	45.792	8%
7910	262206-0	RUBBER RING 6/DCU603	VÒNG ĐỆM 6/DCU603	9.180	8%
7911	262207-8	SLEEVE 9/HR007G	ÔNG ĐỆM 9/HR007G	23.320	10%
7912	262212-5	RUBBER RING 8/VS001G	VÒNG ĐỆM CAO SU/VS001G	9.180	8%
7913	262502-6	RUBBER SLEEVE 6/DHS710	ĐỆM CAO SU 6/DHS710	9.180	8%
7914	262511-5	RUBBER SLEEVE 6/4131	VÒNG ĐỆM CAO SU/4131	9.180	8%
7915	262515-7	SLEEVE 6/9741	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/9741	18.700	10%
7916	262536-9	RUBBER SLEEVE 64/HM1306	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1306	59.616	8%
7917	262539-3	SLEEVE 6/4140	VÒNG ĐỆM 6/4140	13.200	10%
7918	262542-4	SLEEVE 18/9237C	VÒNG ĐỆM 18/9237C	46.640	10%
7919	262551-3	SLEEVE 6/MT410	VÒNG ĐỆM 6/MT410	8.800	10%
7920	262552-1	RUBBER SLEEVE 6/DHS710	ĐỆM CAO SU 6/DHS710	22.896	8%
7921	262554-7	RUBBER RING 36/4114S	VÒNG ĐỆM 36/4114S	18.360	8%
7922	262556-3	RUBBER SLEEVE 6/HS7600	VÒNG ĐỆM CAO SU GIAM CHẶN 6/HS7600	9.180	8%
7923	262560-2	SLEEVE 5/TD0101	VÒNG ĐỆM 5/TD0101	4.730	10%
7924	262561-0	SLEEVE 6/DJR181	VÒNG ĐỆM/DJR181	9.350	10%
7925	262563-6	SLEEVE 4/DCSS50	ÔNG ĐỆM 4/DCSS50	8.800	10%
7926	262566-0	RUBBER SLEEVE 6/DCS550	ÔNG CAO SU 6/DCSS50	8.640	8%
7927	262569-4	SLEEVE 9/HR2300	VÒNG ĐỆM 9/HR2300	13.200	10%
7928	262570-9	NYLON SLEEVE 5/BUH523	VÒNG ĐỆM NILON/BUH523	4.644	8%
7929	262571-7	SLEEVE 8/MT871	VÒNG ĐỆM 8/MT871	18.360	8%
7930	262573-3	SLEEVE 5/EX2650LH	VÒNG ĐỆM/EX2650LH	28.050	10%
7931	263002-9	RUBBER PIN 4/906H	CHÓT GÀI/906H	4.644	8%
7932	263005-3	RUBBER PIN 6/UR002G	CHÓT GÀI 6/UR002G	4.644	8%
7933	263027-3	RUBBER PIN 4/HM0870C	CHÓT CAO SU/HM0870C	9.180	8%
7934	263029-9	RUBBER PIN 6/LW1401	CHÓT GÀI 6/LW1401	4.320	8%
7935	263032-0	RUBBER PIN 4/CA5000	CAO SU ĐỆM 4/CA5000	4.644	8%
7936	263036-2	RUBBER PIN 5/DHR202	CHÓT GÀI/DHR202	9.180	8%
7937	263038-8	RUBBER PIN 6/TD091D	CHÓT GÀI/TD091D	12.960	8%
7938	263039-6	RUBBER PIN 4/TM30D	CHÓT 4/TM30D	4.400	10%
7939	263040-1	RUBBER PIN 6/DTR180	CHÓT GÀI 6/DTR180	22.896	8%
7940	263041-9	SHOULDER PIN 3-5/DHS782	CHÓT GÀI 3-5/DHS782	9.350	10%
7941	263046-9	TAPPING SCREW 3X14/HR005G	ỐC VÍT 3X14/HR005G	4.730	10%
7942	263048-5	RUBBER PIN 3/DTW1005	CHÓT GÀI 3/DTW1005	13.824	8%
7943	264002-2	SQUARE NUT M5/DJR181	ỐC ĐẦU VUÔNG M5/DJR181	9.350	10%
7944	264006-4	HEX. NUT M8X13/HS003G	ỐC VÍT M8X13/HS003G	14.080	10%
7945	264010-3	HEX.NUT M7/GA5010	ỐC VÍT M7/GA5010	4.730	10%
7946	264013-7	HEX. LOCK NUT M5X8/DPB183	ỐC VÍT M5X8/DPB183	4.730	10%
7947	264018-7	HEX.NUT M8/EM2550UH	BU LÔNG/EM2550UH	13.200	10%
7948	264022-6	HEXAGONAL NUT/EK6101	ỐC VÍT/EK6101	4.400	10%
7949	264025-0	HEX. NUT M10-17/BBC231U	TẮN/BBC231U	39.600	10%
7950	264028-4	HEX. NUT M10/KP0800X	CON TẮN M10/KP0800X	9.350	10%
7951	264039-9	CONED DISK SPRING HEXNUT M8-13/EE2650H	ỐC M8-13/EE2650H	2.200	10%
7952	264044-6	SNAP NUT M5/EA3201S	TẮN VUÔNG M5/EA3201S	13.200	10%
7953	264049-6	U NUT M5/EH7500S	CON TẮN M5/EH7500S	2.200	10%
7954	264050-1	SQUARE NUT M5X8/DFN350	CON TẮN VUÔNG M5X8/DFN350	4.730	10%
7955	264052-7	NUT M10/EBH340U	ỐC VÍT/EBH340U	61.600	10%
7956	264053-5	HEX. NUT M8X1/EA3503S	ĐẠI ỐC M8X1/EA3503S	8.800	10%
7957	264054-3	FLANGE NUT M10/EB7650TH	ỐC VÍT M10/EB7650TH	8.800	10%
7958	264055-1	COLLARED HEX. NUT M8/EK7651H	ĐẠI ỐC KHÓA M8/EK7651H	8.800	10%
7959	264065-8	CABLE ADJUST NUT M6/EB7650TH	ỐC VÍT M6/EB7650TH	2.200	10%
7960	264070-5	THUMB NUT M6/DLM431	ỐC VÍT/DLM431	32.670	10%
7961	264072-1	THUMB NUT M6 /DUR189	CON TẮN DẠNG NÚT M6/DUR189	14.080	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
7962	264073-9	CORNED DISC SPRING HEX NUT M6/EH6000W	CON TÀN M6/EH6000W	2.200	10%
7963	264080-2	HEX. LOCK NUT M10-17/EK7651H	ỐC VÍT/EK7651H	22.000	10%
7964	264086-0	NUT M5/EVH2000	ỐC VÍT M5/EVH2000	4.400	10%
7965	264089-4	HEX. LOCK NUT M6-10/EN410NP	BU LÔNG M6-10/EN410NP	4.400	10%
7966	264092-5	FLANGE NUT M6/EVH2000	ỐC VÍT 6M/EVH2000	4.400	10%
7967	264094-1	HEX.NUT M8-12 WITH CW/EA3601F	TÀN/EA3601F	2.200	10%
7968	264096-7	HEX. NUT M6/DCS551	TÀN M6/DCS551	9.350	10%
7969	264099-1	HEX.NUT M8-13/EA3201S	ĐAI ỐC KHÓA M8-13/EA3201S	13.200	10%
7970	264103-6	HEX. NUT M6/4100KB	CON TÀN M6/4100KB	14.080	10%
7971	264107-8	HEXAGONAL NUT M8/EK8100	CON TÀN M8/EK8100	4.400	10%
7972	264108-6	SQUARE NUT M5/EK8100	TÀN VUÔNG M5/EK8100	8.800	10%
7973	264109-4	CAPPING NUT/EK8100	TÀN DANG NÚT/EK8100	17.600	10%
7974	264112-5	SQUARE NUT M6/EK8100	ĐAI ỐC VUÔNG/EK8100	4.400	10%
7975	264115-9	CIRCULAR NUT M10-24/CA5000	ỐC M10-24/CA5000	93.280	10%
7976	264118-3	HEX. NUT M8/DUP361	ĐINH TÀN M8/DUP361	60.720	10%
7977	264119-1	HEXAGONAL NUT M4/EK6101	CON TÀN M4/EK6101	2.200	10%
7978	265008-3	FLAT HEAD SCREW M8/DVC260	ỐC VÍT/DVC260	23.320	10%
7979	265011-4	BINDING HEAD SCREW M5/CA5000X	ỐC VÍT M5/CA5000X	26.400	10%
7980	265026-1	PAN HEAD SCREW M4	ỐC VÍT/4350CT	23.320	10%
7981	265028-7	PAN HEAD SCREW M4X11/LS1019L	ỐC VÍT M4X11/9032	23.320	10%
7982	265031-8	COUNTERSUNK HEAD SCREW M6X20/N5900B	ỐC VÍT/N5900B	14.080	10%
7983	265034-2	SCREW/HS301D	ỐC VÍT/5806B	9.350	10%
7984	265035-0	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X10/4304	ỐC VÍT/4304	9.350	10%
7985	265040-7	PAN HEAD SCREW M3X4/9032	ỐC VÍT M3X4/9032	9.350	10%
7986	265045-7	PAN HEAD SCREW M5X18/2704	ỐC VÍT M5X18/2704	9.350	10%
7987	265056-2	SCREW/HS301D	ỐC VÍT/4100NH3	9.350	10%
7988	265062-7	PAN HEAD SCREW M5X40/5016B	ỐC VÍT/5016B	14.080	10%
7989	265066-9	PAN HEAD SCREW M5X25/5103N	ỐC VÍT/5103N	8.800	10%
7990	265074-0	PAN HEAD SCREW M5X16/DCG180	ỐC VÍT/DCG180	4.730	10%
7991	265075-8	PAN HEAD SCREW M5/4131	ỐC VÍT M5/4131	13.200	10%
7992	265082-1	PAN HEAD SCREW M4X8/GD0800C	ỐC VÍT/GD0800C	18.700	10%
7993	265083-9	FLAT HEAD SCREW M8X11/PO5000C	ỐC VÍT M8X11/PO5000C	28.050	10%
7994	265084-7	TRUSS HEAD SCREW J299/DHS680	ỐC VÍT/DHS680	23.320	10%
7995	265085-5	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X8/DHS661	ỐC VÍT M4X20/DHS661	9.350	10%
7996	265089-7	PAN HEAD SCREW M6/LC1230	ỐC VÍT M6/LC1230	9.350	10%
7997	265090-2	PAN HEAD SCREW M4X20/9032	ỐC VÍT M4X20/9032	17.600	10%
7998	265091-0	PAN HEAD SCREW M5/MT412	ỐC VÍT/MT412	8.800	10%
7999	265092-8	TRUSS HEAD SCREW M5X12/9032	ỐC VÍT M5X12/9032	9.350	10%
8000	265095-2	PAN HEAD SCREW M3X20/TD091D	ỐC VÍT/TD091D	9.350	10%
8001	265096-0	PAN HEAD SCREW M5X16/9015B	ỐC VÍT/9015B	42.020	10%
8002	265098-6	PAN HEAD SCREW M4X12/MT811	ỐC VÍT/MT811	4.400	10%
8003	265099-4	TAPPING SCREW PT 4x18/MT954	ỐC VÍT/MT954	4.730	10%
8004	265100-5	PAN HEAD SCREW M4X16/MT90	ỐC VÍT/MT90	4.400	10%
8005	265101-3	PAN HEAD SCREW M4X25/MT111	ỐC VÍT/MT111	4.730	10%
8006	265103-9	PAN HEAD SCREW M5X14/9553B	ỐC VÍT/9553B	4.730	10%
8007	265104-7	PAN HEAD SCREW M5X40/4100NH3	ỐC VÍT/4100NH3	4.730	10%
8008	265107-1	PAN HEAD SCREW M4X20/MT066	ỐC VÍT/MT066	4.730	10%
8009	265109-7	PAN HEAD SCREW M3X22/MT060	ỐC VÍT M3X22/MT060	4.400	10%
8010	265115-2	PAN HEAD SCREW L8/DHS661	ỐC VÍT L8/DHS661	14.080	10%
8011	265117-8	PAN HEAD SCREW M6X20/MT583	ỐC VÍT M6X20/HS6600	4.730	10%
8012	265118-6	PAN HEAD SCREW M5 /MT583	CHÓT GAI BAN ĐỀ/HS6600	9.350	10%
8013	265120-9	PAN HEAD SCREW M5X16/GA7020	ỐC VÍT/GA7020	4.730	10%
8014	265121-7	FLAT HEAD SCREW M6/MT243	ỐC VÍT/2414NB	14.080	10%
8015	265122-5	PAN HEAD SCREW M5X20/LW1400	ỐC VÍT/LW1400	4.730	10%
8016	265125-9	PAN HEAD SCREW M8X30/LW1400	ỐC VÍT M8X30/LW1400	9.350	10%
8017	265127-5	PAN HEAD SCREW M4X4/DFT085F	ỐC VÍT/DFT085F	4.730	10%
8018	265131-4	PAN HEAD SCREW M5X18/GA5010	ỐC VÍT/GA5010	4.730	10%
8019	265132-2	PAN HEAD SCREW M4X5/KP0800	ỐC VÍT/KP0800	4.730	10%
8020	265133-0	BIND HEAD SCREW M5*10/MT362	ỐC VÍT/MT362	4.730	10%
8021	265134-8	PAN HEAD SCREW M6X45/MT360	ỐC VÍT/MT360	9.350	10%
8022	265135-6	PAN HEAD SCREW M4X5/N3701	ỐC VÍT/N3701	4.730	10%
8023	265142-9	PAN HEAD SCREW M4X5/3709	ỐC VÍT/3709	4.730	10%
8024	265144-5	PAN HEAD SCREW M6X12/LW1400	ỐC VÍT M6X12/LW1400	4.400	10%
8025	265145-3	PAN HEAD SCREW M4X5/DFT085F	ỐC VÍT/DFT085F	9.350	10%
8026	265147-9	PAN HEAD SCREW M4X22/MT191	ỐC VÍT/MT191	4.730	10%
8027	265148-7	TORX SOCKET HEAD SCREW M5X14/JR3050T	ỐC VÍT M5X14/JR3050T	14.080	10%
8028	265150-0	SHOULDER SCREW M5X18/MT110	ỐC VÍT/MT111	65.340	10%
8029	265156-8	COUNTERSUNK HEAD SCREW M/DLS600	ỐC VÍT/DLS600	9.350	10%
8030	265165-7	TORX SOCKET C.S.HEADSCREW M6X16/JR3050T	ỐC VÍT M6X16/JR3050T	4.730	10%
8031	265169-9	PAN HEAD SCREW M4X45/MT941	ỐC VÍT/MT941	4.730	10%
8032	265170-4	PAN HEAD SCREW/MT940	ỐC VÍT/MT941	4.730	10%
8033	265171-2	PAN HEAD SCREW M4X8/DFT085F	ỐC VÍT/DFT085F	9.350	10%
8034	265172-0	PAN HEAD SCREW M2.6X6/DF001D	ỐC VÍT M2.6X6/DF010D	4.730	10%
8035	265173-8	PAN HEAD SCREW M3X8/TD022D	ỐC VÍT M5X55/TD022D	4.730	10%
8036	265174-6	TRUSS HEAD SCREW M4X16/DHS782	ỐC VÍT M4X16/DHS782	4.730	10%
8037	265175-4	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4 *10/MT921	ỐC VÍT/MT921	4.730	10%
8038	265178-8	PAN HEAD SCREW M4X16/DUH601	ỐC VÍT M4X16/DUH601	9.350	10%
8039	265180-1	PAN HEAD SCREW M5X16/DGA404	ỐC VÍT M5X16/DGA404	4.730	10%
8040	265181-9	SCREW M5X20/DUH501	ỐC VÍT M5X20/DUH501	4.730	10%
8041	265182-7	PAN HEAD SCREW M5X25/DUH601	ỐC VÍT M5X25/DUH601	4.730	10%
8042	265184-3	TRUSS HEAD SCREW M5X5/EM2550UH	ỐC VÍT M5X5/EM2550UH	2.200	10%
8043	265188-5	PAN HEAD SCREW M5X68/EBH340R	ỐC VÍT M5X68/BHX2500	13.200	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8044	265195-8	PAN HEAD SCREW M5X12/1804N	VÍT M5*12/1804N	4.400	10%
8045	265199-0	PAN HEAD SCREW M3X8/DCL180	ỐC VÍT M3X8/DCL140	9.350	10%
8046	265201-9	HEX. BOLT M10X25/2416S	ỐC VÍT M10X25/2416S	13.200	10%
8047	265220-5	HEX. BOLT M8X18/MT660	BU LÔNG/MT660	163.240	10%
8048	265226-3	HEX. FLANGE HEAD BOLT M6X17/4100NB	BU LÔNG/4100NB	4.730	10%
8049	265265-3	HEX. BOLT M10X25/4112HS	BU LÔNG M10X25/4112HS	102.630	10%
8050	265269-5	HEX. BOLT M5X12/3612br	BU LÔNG M5X12/3612BR	4.730	10%
8051	265324-3	HEX. FLANGE HEAD BOLT M8X12/LH1040	BU LÔNG/LH1040	9.350	10%
8052	265338-2	H.S.BOTTON HEAD BOLT M6X8/DUH502	ỐC VÍT M6X8/DUH502	9.350	10%
8053	265344-7	HEX. BOLT M5X85/HM1810	ỐC VÍT M5X85/HM1810	44.000	10%
8054	265345-5	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4 *10/HM0810	ỐC VÍT/HM0810	28.050	10%
8055	265347-1	HEX. BOLT M5X45/HM1201	ỐC VÍT M5X45/HM1201	28.050	10%
8056	265350-2	HEX. BOLT M5X70/6906	ỐC VÍT M5X70/6906	28.050	10%
8057	265353-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X12/4350CT	ỐC VÍT M4X12/4350CT	18.700	10%
8058	265355-2	HEX. FLANGE HEAD BOLT M8X20/LH1040	ỐC VÍT M8*20/LH1040	9.350	10%
8059	265367-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X40/HM1306	ỐC VÍT M8X40/HM1306	28.050	10%
8060	265374-8	H.S. BUTTON HEAD SCREW M5X12/JR001G	ỐC VÍT M5X12/JR001G	9.350	10%
8061	265381-1	HEX. BOLT M6X16/LC1230	ỐC VÍT M6X16/LC1230	23.320	10%
8062	265382-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X20/2704	ỐC VÍT M5X20/2704	17.600	10%
8063	265405-3	HEX. FLANGE HEAD BOLT M10X20/LS1016	BU LÔNG ĐẦU DÙ M10X20/LS1016	14.080	10%
8064	265407-9	HEX.BOLT M10/2414NB	ỐC VÍT M10/2414NB	42.020	10%
8065	265408-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X20/5103N	BU LÔNG/5103N	17.600	10%
8066	265409-5	HEX. BOLT M5X30/TL064D	ỐC VÍT M5X30/TL064D	35.200	10%
8067	265412-6	HEX. BOLT M8X20/LC1230	ỐC VÍT M8X20/LC1230	17.600	10%
8068	265413-4	HEX. BOLT M16/LC1230	ỐC VÍT M16/LC1230	127.600	10%
8069	265414-2	HEX. FLANGE HEAD BOLT M10X20/LC1230	BU LÔNG/LC1230	60.720	10%
8070	265437-0	HEX. BOLT M10/LH1040	ỐC VÍT M10/LH1040	55.990	10%
8071	265439-6	HEX. BOLT M8X150/HM1203C	ỐC VÍT M8X150/HM1203C	51.370	10%
8072	265440-1	BOLT M8/16*16/UT2204	ỐC VÍT M8/16*16/UT2204	14.080	10%
8073	265455-8	HEX. BOLT M8X28/LH1040	ỐC VÍT M8X28/LH1040	8.800	10%
8074	265460-5	HEX. BOLT M6X20/2704	ỐC VÍT M6X20/2704	9.350	10%
8075	265462-1	HEX. BOLT M6X50/2704	ỐC VÍT M6X50 /2704	14.080	10%
8076	265464-7	HEX.FLANGE HEAD BOLT M6X8/4140	ỐC VÍT M6X8/4140	13.200	10%
8077	265465-5	SHOULDER HEX. BOLT M6/DCU601	BU LÔNG M6/DCU601	4.730	10%
8078	265472-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X25/DTW300	ỐC M4X25/DTW300	23.320	10%
8079	265475-2	BOLT W5/16*16/DUH604S	ỐC VÍT W5/16*16/DUH604S	32.670	10%
8080	265484-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X17/DPB181	ỐC VÍT/DPB181	4.730	10%
8081	265487-5	H.S. BUTTON HEAD BOLT M5X16/DUN500	ỐC VÍT M5X16/DUN500	4.730	10%
8082	265488-3	HEX. BOLT M8X30/LH1040	ỐC VÍT M8X30/LH1040	18.700	10%
8083	265490-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X16/GA4040	ỐC VÍT M4X16/GA4040	14.080	10%
8084	265491-4	H.S. BUTTON HEAD BOLT M5X16/DLS600	ỐC VÍT M5X16/DLS600	4.730	10%
8085	265494-8	HEX. BOLT M5X13/9032	BU LÔNG M5X13/9032	46.640	10%
8086	265495-6	HEX. BOLT M8X110/HP1630	ỐC VÍT M8X110/HP1630	14.080	10%
8087	265497-2	HEX. BOLT M5X20	BU LÔNG/4100NH3	4.730	10%
8088	265502-5	HEX. BOLT M5X20/4114S	ỐC VÍT M5X20/4114S	14.080	10%
8089	265506-7	SHOULDER HEX. BOLT M6/4112HS	ỐC VÍT M6/4112HS	44.000	10%
8090	265508-3	HEX.BOLT M10X25/LW1401	BU LÔNG M10X25/LW1401	14.080	10%
8091	265509-1	HEX.BOLT M10X140/LW1400	BU LÔNG M10X140/LW1400	32.670	10%
8092	265512-2	FLANGE HEX.BOLT M6X17/MT111	BU LÔNG/MT111	9.350	10%
8093	265515-6	HEX BOLT M5X16	ỐC VÍT M5X16/MT362	4.400	10%
8094	265516-4	HEX BOLT M5X28	ỐC VÍT M5X28/MT362	4.730	10%
8095	265517-2	HEX BOLT M5X40	ỐC VÍT M5X40/MT362	4.730	10%
8096	265530-0	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X8/JR3060T	ỐC VÍT M5X8/JR3060T	4.730	10%
8097	265531-8	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X14/DJR188	ỐC VÍT M6X14/DJR188	9.350	10%
8098	265535-0	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X65/HM1810	ỐC VÍT M6X65/HM1810	22.000	10%
8099	265536-8	HEX.BOLT M16X65/2704	ỐC VÍT M16X65/2704	60.720	10%
8100	265537-6	HEX.BOLT M14X65/2704	ỐC VÍT M14X65/2704	139.920	10%
8101	265538-4	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X60/TW1000	BU LÔNG/TW1000	46.640	10%
8102	265541-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X22/GA7020	BU LÔNG/GA7020	4.730	10%
8103	265557-0	SHOULDER HEX. BOLT M6/4114S	ỐC VÍT M6/4114S	102.630	10%
8104	265566-9	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X30/EB7660TH	ỐC VÍT M6X30/EB7660TH	8.800	10%
8105	265571-6	HEX. BOLT M6X10/DHS710	BU LÔNG M6X10/DHS710	42.020	10%
8106	265578-2	HEX.BOLT M6*8/EM2550UH	BU LÔNG/EM2550UH	8.800	10%
8107	265586-3	HEX.BOLT M5*14/RP2301FC	ỐC VÍT M5X14/RP2301FC	9.350	10%
8108	265587-1	HEX.BOLT M5*20/RP2301FC	ỐC VÍT M5X20/RP2301FC	9.350	10%
8109	265590-2	HEX.BOLT M8X10 WITH R/BBC231U	ỐC VÍT M8X10/BBC231U	2.200	10%
8110	265594-4	HEX.BOLT M6X18/DHS710	BU LÔNG M6X20/DHS710	74.690	10%
8111	265596-0	HEX.BOLT M6X40/EX2650LH	BU LÔNG/EX2650LH	8.800	10%
8112	265620-9	TAPPING SCREW 4X18/3709	ỐC VÍT/3709	4.730	10%
8113	265625-9	THUMB SCREW M6X50/DHR280	ỐC VÍT M6X50/DHR280	28.050	10%
8114	265627-5	H.S.BUTTON HEAD BOLT M4X6/DHR280	ỐC VÍT M4X6/DHR280	9.350	10%
8115	265628-3	BINDING HEAD SCREW L8/DDA460	ỐC VÍT L8/DDA460	4.730	10%
8116	265633-0	HEX SOCKET HEAD BOLT M3X20/DTR180	ỐC VÍT M3X20/DTR180	4.730	10%
8117	265634-8	HEX SOCKET HEAD BOLT M3X8/DTR180	ỐC VÍT M3X8/DTR180	4.730	10%
8118	265635-6	H.S.BUTTON HEAD SCREW M3X6/DTR180	ỐC VÍT M3X6/DTR180	9.350	10%
8119	265642-9	H.L. SOCKET HEAD BOLT/EK7651H	ỐC VÍT LỤC GIÁC/EK7651H	4.400	10%
8120	265644-5	TENSIONING SCREW M6/EK7651H	ỐC VÍT/EK7651H	8.800	10%
8121	265647-9	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X30 W/DUR189	ỐC VÍT M6X30/DUR189	8.800	10%
8122	265648-7	PAN HEAD SCREW M4X8/DHS660	ỐC VÍT M4X8/DHS660	4.730	10%
8123	265649-5	TAPPING SCREW 4X55/HP1630	ỐC VÍT M4X55/HP1630	4.400	10%
8124	265650-0	TAPPING SCREW 4X50/FS2500	ỐC VÍT M4X50/FS2500	4.730	10%
8125	265651-8	TAPPING SCREW 4X22/GA4030	ỐC VÍT/GA4030	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8126	265652-6	TAPPING SCREW 4X18/3709	ỐC VÍT/3709	4.730	10%
8127	265653-4	TAPPING SCREW 4X14/DP2010	ỐC VÍT/DP2010	4.730	10%
8128	265654-2	TAPPING SCREW 4X30/9553B	ỐC VÍT/9553B	4.730	10%
8129	265656-8	TAPPING SCREW 4X25/DF010D	ỐC VÍT/DF010D	4.730	10%
8130	265657-6	TAPPING SCREW 4X70/9553B	ỐC VÍT/9553B	4.730	10%
8131	265658-4	PAN HEAD SCREW M6X26/4100KB	ỐC VÍT M6X26/4100KB	8.800	10%
8132	265674-6	HEX.SOCKET C.S.H.SCREW M6X20/TM30D	ỐC VÍT M6X20/TM30D	23.320	10%
8133	265676-2	H.S.H.B M6X29/DCS553	ỐC LỤC GIÁC M6/DCS553	9.350	10%
8134	265678-8	TAPPING SCREW 4X18/2704	ỐC VÍT/2704	4.730	10%
8135	265679-6	TAPPING SCREW 4X40/DKP181	ỐC VÍT 4X40/DKP181	4.730	10%
8136	265683-5	TAPPING SCREW BIND/DF012D	ỐC VÍT/DF012D	4.730	10%
8137	265691-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X30/HM1214C	BU LÔNG M8X30/HM1214C	23.320	10%
8138	265692-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X40/HM1306	ỐC VÍT M8X40/HM1306	28.050	10%
8139	265693-2	HEX.SOCKET HEAD BOLT M10X40/HM1306	BU LÔNG M10X40/HM1306	37.400	10%
8140	265695-8	H. S. H. BOLT M5X30 WITH WRM/DDA460	ỐC VÍT M5X30/DDA460	17.600	10%
8141	265698-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X25WRM/DUH501	ỐC VÍT M4X25/DUH501	9.350	10%
8142	265701-9	SCREW M6X14/HR3200C	ỐC VÍT/HR3200C	28.050	10%
8143	265708-5	SCREW M6X20/HS6600	ỐC VÍT M6X20/HS6600	28.050	10%
8144	265716-6	SCREW M5X10/2012NB	ỐC VÍT M5X10/2012NB	42.020	10%
8145	265720-5	THUMB SCREW M5X14/RP2301FC	ỐC VÍT M5X14/RP2301FC	23.320	10%
8146	265726-3	SCREW M6X15/CA5000	ỐC VÍT M6X15/CA5000	23.320	10%
8147	265736-0	SCREW M6X135/2012NB	ỐC VÍT M4X19/2012NB	51.370	10%
8148	265739-4	THUMB SCREW M10X90/RP001G	ỐC ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO M10X90/RP001G	181.940	10%
8149	265751-4	THUMB SCREW M5X13/9032	ỐC VÍT M5X13/9032	35.200	10%
8150	265752-2	WING BOLT M6X25/MT410	ỐC ĐIỀU CHỈNH GÓC/MT410	14.080	10%
8151	265753-0	THUMB SCREW M5X24/LS1019L	ỐC VÍT M5X24/LS1019L	23.320	10%
8152	265754-8	THUMB SCREW M6X12/4100NH3	ỐC VÍT M6*12/4100NH3	14.080	10%
8153	265757-2	THUMB SCREW M5X10/MT191	ỐC VÍT M5*10/MT191	9.350	10%
8154	265759-8	THUMB SCREW M10X80/MT362	ỐC VÍT M10X80/MT362	60.720	10%
8155	265760-3	THUMB SCREW M5X10/CC300D	ỐC VÍT M5*10/CC300D	9.350	10%
8156	265761-1	THUMB SCREW M5X16/MT362	ỐC VÍT M5*16/MT362	14.080	10%
8157	265762-9	THUMB SCREW M5X30/EB7650TH	ỐC VÍT M5*30/EB7650TH	9.350	10%
8158	265763-7	THUMB SCREW M6X25/N3701	ỐC VÍT M6*58/N3701	14.080	10%
8159	265764-5	THUMB SCREW M6/N3701	ỐC VÍT M6/N3701	18.700	10%
8160	265765-3	THUMB SCREW M6X21/HS7600	ỐC VÍT M6X21/HS7600	9.350	10%
8161	265767-9	THUMB SCREW M6X13/MT111	ỐC VÍT M6X13/MT111	13.200	10%
8162	265771-8	THUMB SCREW M5X33/3709	ỐC VÍT M5X33/3709	28.050	10%
8163	265774-2	THUMB SCREW M4X19/RP2301FC	ỐC VÍT M4X19/RP2301FC	28.050	10%
8164	265775-0	THUMB SCREW M4X3/CA5000	ỐC VÍT M4X3/CA5000	14.080	10%
8165	265776-8	THUMB SCREW M6X26/SP6000	ỐC VÍT/SP6000	18.700	10%
8166	265785-7	THUMB SCREW M5X10/DLS600	ỐC VÍT M5X10/DLS600	8.800	10%
8167	265786-5	SCREW M5X16/LS1019L	ỐC VÍT M5X16/LS1019L	9.350	10%
8168	265790-4	THUMB SCREW M6X28/BS001G	ỐC VÍT M6X28/BS001G	14.080	10%
8169	265791-2	THUMB SCREW M4/EE2650H	ỐC VÍT M4/EE2650H	13.200	10%
8170	265792-0	THUMB SCREW M5X35/RT0700C	ỐC VÍT M5X35/RT0700C	37.400	10%
8171	265795-4	THUMB SCREW M6X52/MT871	ỐC VÍT M6*52/MT871	26.400	10%
8172	265798-8	THUMB SCREW M6X14/HS0600	ỐC VÍT/HS0600	18.700	10%
8173	265812-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X20/GV6010	BU LÔNG/GV6010	14.080	10%
8174	265813-8	SET BOLT M10/3612br	ỐC VÍT M10/3612BR	65.340	10%
8175	265835-8	CAP SQUARE NECK BOLT M8X30/4107R	ỐC VÍT M8X30/4107R	32.670	10%
8176	265844-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X20/HM1317C	ỐC VÍT M6X20/HM1317C	9.350	10%
8177	265845-5	CAP SQUARE NECK BOLT M8X30/4114S	ỐC VÍT M8X30/4114S	17.600	10%
8178	265846-3	H.S.SET SCREW(CUP POINT)M8X16/2012NB	ỐC VÍT M8X16/2012NB	9.350	10%
8179	265853-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X18/HM1306	ỐC VÍT M5X18/HM1306	9.350	10%
8180	265854-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X12/2012NB	ỐC VÍT M6X12/2012NB	98.010	10%
8181	265871-4	TAPPING SCREW BT 4X16/DVC860L	ỐC VÍT/DVC860L	4.730	10%
8182	265872-2	TAPPING SCREW BT 4X50/BO4540	ỐC VÍT/BO4540	9.350	10%
8183	265874-8	TAPPING SCREW BT 4X20/6501	ỐC VÍT M4X20/6501	4.400	10%
8184	265875-6	TAPPING SCREW BT 4X25/BO4540	ỐC VÍT/BO4540	9.350	10%
8185	265876-4	TAPPING SCREW BT 4X40/BO4540	ỐC VÍT/BO4540	65.340	10%
8186	265878-0	TAPPING SCREW BT 5X16/BHX2500	ỐC VÍT 5X16/BHX2500	4.400	10%
8187	265880-3	H.S.SET SCREW(CONE POINT)M5X8/JN1601	ỐC LỤC GIÁC M5X8/JN1601	9.350	10%
8188	265893-4	TAPPING SCREW 3X12/UB001C	ỐC VÍT 3X12/UB001C	4.730	10%
8189	265894-2	H.S.SET SCREW(CUP POINT) M6X8/4304	BU LONG/4304	4.730	10%
8190	265903-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X12/HM1306	ỐC VÍT M5X12/HM1306	9.350	10%
8191	265907-9	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X10/SP6000	BU LÔNG M5X10/SP6000	8.800	10%
8192	265910-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M3X12/HR140D	BU LÔNG M3X12/HR140D	18.700	10%
8193	265911-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X8/JR3061T	BU LÔNG/JR3061T	9.350	10%
8194	265914-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X25/HM0810	BU LÔNG/HM0810	14.080	10%
8195	265919-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X30/DLS111	ỐC VÍT M5X30/DLS111	88.660	10%
8196	265925-7	TAPPING SCREW BT4X20/6922NB	ỐC VÍT/6922NB	4.730	10%
8197	265935-4	TAPPING SCREW 3X20/2107F	ỐC VÍT/2107F	4.730	10%
8198	265939-6	FLAT HEAD SQ. NECK BOLT M6X14/DHS661	ỐC VÍT M6X14/DHS661	4.730	10%
8199	265954-0	TAPPING SCREW BIND PT3X8/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	4.730	10%
8200	265976-0	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X10/9067	ỐC VÍT/9067	9.350	10%
8201	265984-1	HEX.SOCKET BUTTON HEAD BOLT M6/LH1040	BU LÔNG/LH1040	9.350	10%
8202	265985-9	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6/LH1040	BU LÔNG/LH1040	32.670	10%
8203	265989-1	HEX. SOCKET BOLT M12X45/HM1810	ỐC VÍT M12X45/HM1810	39.600	10%
8204	265995-6	TAPPING SCREW 4X18/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	4.730	10%
8205	265999-8	TAPPING SCREW 4X25/2107F	ỐC VÍT/2107F	4.730	10%
8206	265A01-3	PAN HEAD SCREW M5X16/DCG180	ỐC VÍT/DCG180	4.730	10%
8207	265A06-3	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X20/BHX2500	ỐC VÍT M6X20/BHX2500	22.000	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8208	265A13-6	TAPPING SCREW 5X85/LW1400	ỐC VÍT/LW1400	9.350	10%
8209	265A14-4	CUP H. SQUARE NECK BOLT M6X50/DLM431	BU LÔNG CỖ VUÔNG M6X50/DLM431	9.350	10%
8210	265A27-5	TAPPING SCREW 4X35/3709	ỐC VÍT 4X35/3709	4.400	10%
8211	265A28-3	TAPPING SCREW 4X80/9556HN	ỐC VÍT/9556HN	4.730	10%
8212	265A29-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X16WRM/DUH501	ỐC VÍT M4X16/DUH501	4.730	10%
8213	265A33-0	H.S.H.BOLT M5X50 WITH WR/DHW080	ỐC VÍT M5X50/DHW080	9.350	10%
8214	265A34-8	H.S.H.BOLT M6X20 WITH WR/DHW080	ỐC VÍT M6X20/DHW080	9.350	10%
8215	265A35-6	HEX. BOLT M8X17/DLS800	ỐC VÍT M8X17/DLS800	8.800	10%
8216	265A36-4	H.S.H.BOLT M6X16/DLS211	ỐC VÍT M6X16/DLS211	4.730	10%
8217	265A37-2	TAPPING SCREW 4X60/HR2460	ỐC VÍT/HR2460	4.730	10%
8218	265A38-0	P.H.SCREW M3X6 WITH WR/WR100D	ỐC M3/WR100D	4.730	10%
8219	265A48-7	TAPPING SCREW 4X18/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	4.730	10%
8220	265A52-6	HEX.SOCKET HEAD BOLT M4X14/DFN350	ỐC VÍT M4X14/DFN350	28.050	10%
8221	265A53-4	PAN HEAD SCREW M6X22 WITH WR/LM004G	BU LÔNG M6X22/LM004G	9.350	10%
8222	265A55-0	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)NPT1/DGP180	ỐC LỤC GIÁC/DGP180	13.200	10%
8223	265A56-8	HEX BOLT M12X16/DGP180	ỐC VÍT M12X16/DGP180	139.920	10%
8224	265A57-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M10X7/DGP180	ỐC ĐẦU LỤC M10X7/DGP180	14.080	10%
8225	265A59-2	HEX.SOCKET HEAD BOLT M8/DHS900	ỐC VÍT M8/DHS900	9.350	10%
8226	265A60-7	PAN HEAD SCREW M5X14/DHS900	ỐC VÍT M5X14/DHS900	14.080	10%
8227	265A61-5	TAPPING SCREW FLANGE 3X25/DC40RA	ỐC VÍT 3X25/DC40RA	37.400	10%
8228	265A62-3	FLAT HEAD BOLT M8X38/DLM533	ỐC VÍT M8X38/DLM533	9.350	10%
8229	265A65-7	PAN HEAD SCREW M8X30/MT243	ỐC VÍT M8X30/MT243	9.350	10%
8230	265A66-5	H.S.H.SHOULDER BOLT M5X32/DUB363	ỐC LỤC GIÁC M5X32/DUB363	42.020	10%
8231	265A67-3	H.S.H.SHOULDER BOLT M5X38/DUB363	ỐC LỤC GIÁC M5X38/DUB363	42.020	10%
8232	265A68-1	HEX. BOLT M8X22/DSL800	ỐC VÍT M8X22/DSL800	61.600	10%
8233	265A69-9	HEX. BOLT M10X35 WITH WG/DLM533	ỐC VÍT M10X35/DLM533	18.700	10%
8234	265A77-0	TAPPING SCREW 3X10/DKP181	ỐC VÍT 3X10/DKP181	4.730	10%
8235	265A78-8	HEX SOCKET HEAD BOLT M4X40/JR001	ỐC VÍT M4X40/JR001	4.730	10%
8236	265A82-7	HEX. SOCKET HEAD SCREW M3X4/DHS900	ỐC VÍT M3X4/DHS900	9.350	10%
8237	265A83-5	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M5X20/DHS900	ỐC VÍT M5X20/DHS900	9.350	10%
8238	265A84-3	PAN HEAD SCREW M4X12 WITH WR/DHS900	ỐC VÍT M4X12/DHS900	4.730	10%
8239	265A87-7	TORX SOCKET BUTTON BOLT M4X8/HR001G	ỐC VÍT M4X8/HR001G	9.350	10%
8240	265A89-3	H.S.H.BOLT M5X25 WITH WR/DUN600L	ỐC VÍT M5X25/DUN600L	9.350	10%
8241	265A90-8	H.S.B. HEAD BOLT M5X60 WITH WR/DUN500	ỐC VÍT M5X60/DUN500	9.350	10%
8242	265A94-0	TAPPING SCREW M5X10/UB400MP	ỐC VÍT M5X10/UB400MP	14.080	10%
8243	265A95-8	TAPPING SCREW M5X20/UB400MP	ỐC VÍT M5X20/UB400MP	18.700	10%
8244	265A97-4	H.S.H.BOLT M5X16 WITH WR/BHX2500	ỐC VÍT M5X16 WR/BHX2500	4.730	10%
8245	265B01-9	TAPPING SCREW PT 4X20/ADP10	ỐC VÍT 4X20/ADP10	44.000	10%
8246	265B02-7	TAPPING SCREW 3X8/ADP10	ỐC VÍT 3X8/ADP10	35.200	10%
8247	265B03-5	TAPPING SCREW PT 3X16/ADP10	ỐC VÍT 3X16/ADP10	37.400	10%
8248	265B09-3	H.S. HEAD BOLT M5X30 WITH WR/DCE090	ỐC M5X30/DCE090	23.320	10%
8249	265B10-8	HEX BOLT M12X40/DCU603	ỐC VÍT M12X40/DCU603	23.320	10%
8250	265B11-6	HEX. BOLT M8X20 WITH WR/DCU603	ỐC VÍT M8X20/DCU603	9.350	10%
8251	265B12-4	FLAT H. SQUARE NECK BOLT M8X24/DCU603	ỐC VÍT M8X24/DCU603	28.050	10%
8252	265B13-2	HEX. BOLT M10X20 WITH WG/DCU603	ỐC VÍT M10X20/DCU603	14.080	10%
8253	265B14-0	H.S.H.BOLT M6X20 WITH WR/DCU603	ỐC VÍT M6X20/DCU603	9.350	10%
8254	265B16-6	HEX. BOLT M6X16 WITH WR/DCU603	ỐC VÍT M6X16/DCU603	4.730	10%
8255	265B17-4	HEX. BOLT M5X16 WITH WR/DCU603	ỐC VÍT M5X16/DCU603	4.730	10%
8256	265B19-0	HEX. BOLT M16X86/DCU601/DCU602	ỐC VÍT M16X86/DCU601/DCU602	195.910	10%
8257	265B20-5	HEX SOCKET BUTTON HEAD BOLT M8/DLM462	ỐC VÍT M8/DLM462	9.350	10%
8258	265B21-3	HEX.BOLT M6X20/DHS680	BU LÔNG M6X20/DHS680	9.350	10%
8259	265B25-5	PAN HEAD SCREW M5X12 WITH WG/DUB185	ỐC VÍT M5X12/DUB185	4.730	10%
8260	265B29-7	TAPPING SCREW PT 2X8/DLM533	ỐC VÍT 2X8/DLM533	4.730	10%
8261	265B38-6	H. S. HEAD BOLT M5X50 WITH WRM/TW001G	ỐC VÍT M5X50/TW001G	23.320	10%
8262	265B45-9	HEX. BOLT M8X27/DCE090	ỐC M8X27/DCE090	162.800	10%
8263	265B53-0	H.S HEAD BOLT M10X35 WM/HM1511	ỐC M10X35/HM1511	37.400	10%
8264	265B54-8	HEX BOLT M5X95 WITH GM/HM1511	ỐC M5X95/HM1511	42.020	10%
8265	265B55-6	H.S HEAD BOLT M10X50 WM/HM1511	ỐC M10X50/HM1511	46.640	10%
8266	265B56-4	FLAT HEAD SCREW M4X14/DGP180	ỐC VÍT M4X14/DGP180	4.730	10%
8267	265B58-0	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X45/LS002G	ỐC M6X45/LS002G	23.320	10%
8268	265B66-1	PAN HEAD SCREW M5X25/DUH601	ỐC VÍT M5X25/DUH601	9.350	10%
8269	265B67-9	TAPPING SCREW 4X18/3709	ỐC VÍT/3709	4.730	10%
8270	265B75-0	H.S.H.BOLT M4X8 WITH WG/FN001G	ỐC M4X8/FN001G	14.080	10%
8271	265B77-6	COUNTERSUNK HEAD SCREW M8X35/RS002G	ỐC VÍT M8X35/RS002G	18.700	10%
8272	265B79-2	"H.S.H.BOLT M5X14 WITH GM/DTM52"	ỐC VÍT M5X14/DTM52	9.350	10%
8273	265B81-5	TAPPING SCREW FLANGE 3X6/DTM52/XMT04	ỐC VÍT 3X6/DTM52/XMT04	4.730	10%
8274	265B82-3	P.H.SCREW M3X10 WITH WR/DTM52/XMT04	ỐC VÍT M3X10/DTM52/XMT04	4.730	10%
8275	265B85-7	TAPPING SCREW FLANGE BT 3.5X10/DC64WA	ỐC VÍT 3,5X10/DC64WA	28.050	10%
8276	265C05-7	TAPPING SCREW FRANGE 5X20/LM001J	ỐC VÍT 5X20/LM001J	9.350	10%
8277	265C06-5	THUMB NUT M8/LM001J	ĐAI ỐC M8/LM001J	32.076	8%
8278	265C07-3	HEX. BOLT M8/LM001J	ỐC VÍT M8/LM001J	14.080	10%
8279	265C08-1	FLAT HEAD BOLT M8X50/LM001J	ỐC VÍT M8X50/LM001J	18.700	10%
8280	265C19-6	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M8X12/LS002G	ỐC M8X12/LS002G	9.350	10%
8281	265C21-9	H.S.H.BOLT M4X35(WITH WG)/GA5090	ỐC VÍT M4X35/GA5090	14.080	10%
8282	265C22-7	H.S.H.BOLT M8X30 WITH WG/LM001J	ỐC VÍT M8X30/LM001J	14.080	10%
8283	265C26-9	HEX.BOLT M10X21/CE001G	ỐC VÍT M10X21/CE001G	111.980	10%
8284	265C27-7	HEX.BOLT M8X30/CE001G	ỐC VÍT M8X30/CE001G	8.800	10%
8285	265C30-8	FLAT HEAD BOLT M8X50/DCU603	ỐC VÍT M8X50/DCU603	42.020	10%
8286	265C34-0	THUMB SCREW M5X10/HP001G	ỐC VÍT M5X10/HP001G	18.700	10%
8287	265C39-0	HEX. FLANGE HD. BOLT M6X16/DCU601	BU LÔNG M6X16/DCU601	14.080	10%
8288	265C40-5	HEX. BOLT M8X20/DCU601	BU LÔNG M8X20/DCU601	23.320	10%
8289	265C42-1	TAPPING SCREW 3X6/DCU603	ỐC VÍT 3X6/DCU603	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8290	265C46-3	HEX. BOLT M4X12 WITH WG/DCU603	ỐC VÍT M4X12/DCU603	4.730	10%
8291	265C51-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X12/DMC300	BU LÔNG M5X12/DMC300	9.350	10%
8292	265C56-0	H.S. HEAD BOLT M8X25/PB002G	ỐC VÍT/PB002G	23.320	10%
8293	265C58-6	H.S.H.BOLT M6X50 WITH WR/DCU601	ỐC VÍT M6X50/DCU601	14.080	10%
8294	265C61-7	THUMB SCREW M5X35/UB002C	ỐC VÍT M5X35/UB002C	111.980	10%
8295	265C69-1	HEX. BOLT M8X27/DCE090	ỐC M8X27/DCE090	233.200	10%
8296	265C70-6	PAN HEAD SCREW M6X135/RP2301FC	ỐC VÍT M6X135/RP2301FC	32.670	10%
8297	265C75-6	SET BOLT M10/RP1800	BU LÔNG M10/RP1800	42.020	10%
8298	265C76-4	HEX. BOLT M5X35 WITH WR/DCU603	ỐC VÍT M5X35/DCU603	9.350	10%
8299	265C77-2	PAN HEAD SCREW M3X14 WITH WR/DFT060T	ỐC VÍT M3X14/DFT060T	9.350	10%
8300	265C82-9	HEX. BOLT M6X35/DUR193	ỐC VÍT M6X35/DUR193	4.730	10%
8301	265C83-7	HEX.BOLT M6X75/DUR193	ỐC VÍT M6X75/DUR193	9.350	10%
8302	265C84-5	HEX. SOCKET BUTTON BOLT M4X12/DJR189	ỐC VÍT M4X12/DJR189	14.080	10%
8303	265C85-3	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X12/DCU603	ỐC VÍT M6X12/DCU603	4.730	10%
8304	265C86-1	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X22/DCU603	ỐC VÍT M6X22/DCU603	9.350	10%
8305	265C87-9	H.S.B. HEAD SCREW M5X12/DCU603	ỐC VÍT M5X12/DCU603	9.350	10%
8306	265C89-5	FLAT HEAD SCREW M3X10/LM001G	ỐC VÍT M3X10/LM001G	4.730	10%
8307	265C93-4	HEX. S.F.H. BOLT M5X12/DJR189	ỐC VÍT M5X12/DJR189	14.080	10%
8308	265C98-4	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X25/DCU603	ỐC VÍT M5X25/DCU603	4.730	10%
8309	265D05-3	PAN HEAD SCREW M2X8/UP100D	ỐC VÍT M2X8/UP100D	4.730	10%
8310	265D07-9	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X14/DUP180	ỐC VÍT M5X14/DUP180	28.050	10%
8311	265D11-8	H.S.H.BOLT M4X18 WITH W/EN402MP	ỐC VÍT/EN402MP	4.730	10%
8312	265D13-4	H.S.H.BOLT M5X35 WITH WRM/DTW1001	BU LÔNG M5X35/DTW1001	14.080	10%
8313	265D17-6	H.S.H.BOLT M5X25/EN424MP	BU LÔNG M5X25/EN424MP	9.350	10%
8314	265D18-4	TAPPING SCREW FLANGE 4X14/RM350D	ỐC VÍT 4X14/RM350D	9.350	10%
8315	265D19-2	BINDING HEAD SCREW M4X5/RM350D	ỐC VÍT M4X5/RM350D	14.080	10%
8316	265D20-7	H.S BUTTON HEAD BOLT M6X110/EN402MP	BU LÔNG M6X110/EN402MP	28.050	10%
8317	265D23-1	HEX. S.H.B M6X22 WITH GM/DCU603	ỐC VÍT M6X22/DCU603	23.320	10%
8318	265D24-9	H. S. H. BOLT M5X30 WITH WRM/DA001G	ỐC VÍT M5X30/DA001G	14.080	10%
8319	265D25-7	H.S.H.BOLT M6X20 WITH W/HW001G	ỐC VÍT M6X20/HW001G	14.080	10%
8320	265D26-5	HEX. BOLT M8X55 WITH G/HW001G	ỐC VÍT M8X55/HW001G	23.320	10%
8321	265D60-5	HEX.SOCKET BUTTON HEAD BOLT M5/UB004C	BU LÔNG M5/UB004C	4.730	10%
8322	265D65-5	SET BOLT M10/RP001G	BU LÔNG M10/RP001G	37.400	10%
8323	265D67-1	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X20 WIT/HR2670	ỐC M5X20/HR2670	14.080	10%
8324	265D71-0	H.S.H.BOLT M8X60 WITH WRM/TW009G	ỐC VÍT M8X60/TW009G	28.050	10%
8325	265D79-4	KNOB 40/BS001G	NÚM VẠN 40/BS001G	100.764	8%
8326	265D87-5	HEX. BOLT M8X150/PS001G	BU LÔNG M8X150/PS001G	93.280	10%
8327	265D88-3	HEX SOCKET BUTTON H BOLT M8X22/PS001G	ỐC VÍT M8X22/PS001G	46.640	10%
8328	265D89-1	HEX.BOLT M6X20/PS001G	BU LÔNG M6X20/PS001G	69.960	10%
8329	265D90-6	R.H.SQUARE NECK BOLT M6X35/PS001G	ỐC VÍT M5X35/PS001G	28.050	10%
8330	265D91-4	P.H.SCREW M5X35 WITH WR/PS001G	ỐC VÍT M5X35/PS001G	14.080	10%
8331	265D92-2	P.H.SCREW M6X20 WITH WG/PS001G	ỐC VÍT M6X20/PS001G	14.080	10%
8332	265D93-0	H.S.H.BOLT M6X16 WITH WG/PS001G	ỐC VÍT M8X150/PS001G	18.700	10%
8333	265D94-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X60 W/PS001G	ỐC VÍT M6X60/PS001G	46.640	10%
8334	265D95-6	TAPP G SCREW 4X18/PS001G	ỐC VÍT 4X18/PS001G	9.350	10%
8335	265D96-4	TAPP G SCREW 3X16/PS001G	ỐC VÍT 3X16/PS001G	9.350	10%
8336	265E00-9	TAPPING SCREW 3X8/BCC01	ỐC VÍT 3X8/BCC01	46.640	10%
8337	265E01-7	TAPPING SCREW 3X12/BCC01	ỐC VÍT 3X12/BCC01	51.370	10%
8338	265E02-5	TAPPING SCREW BT 4X20/BCC01	ỐC VÍT 4X20/BCC01	69.960	10%
8339	265E03-3	FLAT HEAD SCREW M6X8/BS001G	ỐC VÍT M6X8/BS001G	14.080	10%
8340	265E16-4	TAPPING SCREW 4X18/TW1001	ỐC VÍT 4X18/TW1001	4.730	10%
8341	265E18-0	H.S.H.BOLT M3X17/TR001G	ỐC VÍT M3X17/TR001G	70.400	10%
8342	265E30-0	COUNTERSUNK HEAD SCREW M8X22/DF003G/HP003G	ỐC VÍT M8X22/HP003G	14.080	10%
8343	265E38-4	TRUSS HEAD SCREW M3X12/GD001G/GD002G	BU LÔNG M3X12/GD001G/GD002G	4.730	10%
8344	265E41-5	THUMB SCREW M5X20/1916B3-6	ỐC VÍT M5X20/1916B3-6	32.670	10%
8345	265E43-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X20/JR003G	ỐC VÍT M5X20/JR003G	39.600	10%
8346	265E44-9	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X35 WRM/DTW1001	ỐC VÍT M5X35/DTW1001	18.700	10%
8347	265E61-9	HEX.BOLT M5X32/EN425MP	BU LÔNG ĐẦU LỤC GIÁC M5X32/EN425MP	52.800	10%
8348	265F03-9	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X25/DTM53/HR011G	BU LÔNG ĐẦU LỤC GIÁC/DTM53/HR011G	17.600	10%
8349	266004-4	TAPPING SCREW 4X70/JS1602	ỐC VÍT M4X70/JS1602	13.200	10%
8350	266007-8	TAPPING SCREW BIND PT 3X10/9556HN	ỐC VÍT 3X10/9556HN	4.730	10%
8351	266010-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X30/HM1214C	BU LÔNG M8X30/HM1214C	17.600	10%
8352	266012-5	TAPPING SCREW 5X35/RP1800	ỐC VÍT 5X35/RP1800	9.350	10%
8353	266015-9	SET BOLT M10/RP1800	ỐC VÍT M10/RP1800	46.640	10%
8354	266016-7	SET BOLT M5X10/RP2301FC	ỐC VÍT M5X10/RP2301FC	55.990	10%
8355	266018-3	F. HEAD SQUARE NECK BOLT M6X26/5806B	ỐC VÍT M6X26/5806B	9.350	10%
8356	266020-6	TAPPING SCREW 4X12/2704	ỐC VÍT/2704	4.400	10%
8357	266021-4	TAPPING SCREW 5X20/2107F	ỐC VÍT/2107F	9.350	10%
8358	266022-2	SET SCREW/6922NB	ỐC VÍT/6922NB	79.310	10%
8359	266024-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X20/5806B	BU LÔNG/5806B	18.700	10%
8360	266026-4	TAPPING SCREW BIND CT 4X12/LS1219L	ỐC VÍT CT4X12/LS1019L	4.730	10%
8361	266027-2	TAPPING SCREW CT5X16/EE2650H	ỐC VÍT CT5X16/EE2650H	4.400	10%
8362	266029-8	TAPPING SCREW 5X65/2704	ỐC VÍT/2704	14.080	10%
8363	266030-3	SCREW M6/LC1230	ỐC VÍT M6/LC1230	52.800	10%
8364	266031-1	CAP SQUARE NECK BOLT M6X20/4131	ỐC VÍT M6X20/4131	22.000	10%
8365	266032-9	TAPPING SCREW BIND CT 5X30/LC1230	ỐC VÍT M5X30/LC1230	8.800	10%
8366	266033-7	TAPPING SCREW BIND CT 5X50/LC1230	ỐC VÍT M5X30/LC1230	13.200	10%
8367	266034-5	TAPPING SCREW BIND CT 4X12/LS1219L	ỐC VÍT CT4X12/LS1019L	4.730	10%
8368	266035-3	TAPPING SCREW BIND CT 5X12/2704	ỐC VÍT M5X12/2704	9.350	10%
8369	266038-7	TAPPING SCREW 5X70/GA7050	ỐC VÍT M5X70/GA7050	13.200	10%
8370	266040-0	TAPPING SCREW CT 4X25/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	4.730	10%
8371	266041-8	TAPPING SCREW 5X25/BBC231U	ỐC VÍT/BBC231U	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8372	266042-6	TAPPING SCREW BIND CT 4X20/2107F	ỐC VÍT/2107F	9.350	10%
8373	266044-2	TAPPING SCREW 5X60/HS0600	ỐC VÍT/HS0600	14.080	10%
8374	266045-0	TAPPING SCREW 4X20/VR001G	ỐC VÍT 4X20/VR001G	4.730	10%
8375	266046-8	TAPPING SCREW 5X50/BO4901	ỐC VÍT/BO4901	9.350	10%
8376	266048-4	TAPPING SCREW 4X40/BO3710	ỐC VÍT 4X40/BO3710	9.350	10%
8377	266049-2	TAPPING SCREW 4X75/BO6050	VÍT/BO6050	13.200	10%
8378	266050-7	TAPPING SCREW 4X30/4304	ỐC VÍT 4X30/4304	9.350	10%
8379	266052-3	TAPPING SCREW 4X60/4304	ỐC VÍT M4X60/4304	8.800	10%
8380	266053-1	TAPPING SCREW 4X35/4304	ỐC VÍT/4304	9.350	10%
8381	266055-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X8/4304	BU LÔNG M5X8/4304	4.730	10%
8382	266056-5	TAPPING SCREW 5X45/2107F	ỐC VÍT/2107F	9.350	10%
8383	266058-1	TAPPING SCREW CT 4X12/BO4901	ỐC VÍT/BO4901	4.730	10%
8384	266059-9	TAPPING SCREW 5X75/2012NB	ỐC VÍT M5X75/2012NB	14.080	10%
8385	266060-4	TAPPING SCREW 4X65/JN1601	ỐC VÍT 4X65/JN1601	14.080	10%
8386	266061-2	TAPPING SCREW BIND CT4X8/2704	ỐC VÍT CT4X8/2704	4.730	10%
8387	266069-6	TAPPING SCREW 4X45/9403	ỐC VÍT/9403	8.800	10%
8388	266071-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X16/BO4901	BU LÔNG/BO4901	18.700	10%
8389	266075-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X6/EN410NP	BU LÔNG/EN410NP	8.800	10%
8390	266080-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M3X12/JN1601	ỐC VÍT M3X12/JN1601	4.730	10%
8391	266085-8	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M6X10/DJS161	ỐC VÍT M6X10/DJS161	9.350	10%
8392	266086-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X16/9069	ỐC VÍT M5X16/9069	14.080	10%
8393	266087-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X25/EX2650LH	ỐC VÍT/EX2650LH	14.080	10%
8394	266090-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X15/MT450	ỐC VÍT/MT450	14.080	10%
8395	266091-3	TAPPING SCREW 4X50/4350CT	ỐC VÍT/4350CT	9.350	10%
8396	266095-5	TAPPING SCREW 5X55/DS4011	ỐC VÍT/DS4011	9.350	10%
8397	266127-8	TAPPING SCREW PT 3X20/EK7651H	ỐC VÍT PT 3X20/EK7651H	4.400	10%
8398	266130-9	TAPPING SCREW BIND PT 3X16/6261DWE	ỐC VÍT/6261DWE	4.730	10%
8399	266133-3	FLANGE HEX. BOLT M6*17/4100NB	BU LÔNG/4100NB	9.350	10%
8400	266147-2	TAPPING SCREW 4X55/2107F	ỐC VÍT/2107F	9.350	10%
8401	266157-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X12/TW1000	BU LÔNG M6X12/TW1000	13.200	10%
8402	266158-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X30/HM1306	ỐC VÍT M6X30/HM1306	14.080	10%
8403	266166-8	TAPPING SCREW CT 3X8/DUC353	ỐC VÍT CT 3X8/DUC353	4.400	10%
8404	266167-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X10/HM1306	ỐC VÍT M4X10/HM1306	9.350	10%
8405	266169-2	H.S.HEAD BOLT M5*12/JR002G	ỐC VÍT M5*12/JR002G	9.350	10%
8406	266170-7	TAPPING SCREW ST3X8/6980FD	ỐC VÍT/6980FD	4.730	10%
8407	266171-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X25/9237C	ỐC VÍT M8X25/9237C	18.700	10%
8408	266173-1	TAPPING SCREW 5X30/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	9.350	10%
8409	266177-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M3X10/4326	ỐC VÍT M3*10/4326	4.730	10%
8410	266192-7	TAPPING SCREW 4X14/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	8.800	10%
8411	266194-3	FLAT HEAD SCREW M6X90/DHS680	ỐC VÍT/DHS680	9.350	10%
8412	266195-1	CAP SQUARE BOLT M6X90/DCS551	ỐC VÍT M6X90/DCS551	44.000	10%
8413	266197-7	H.S.SET SCREW(DOG POINT)M10X12/DST421	ỐC LỤC M10X12/DST421	22.000	10%
8414	266199-3	HEX.SOCKET HEAD BOLT M4X6/6924N	ỐC VÍT M4X6/6924N	9.350	10%
8415	266202-0	H.SOCKET SET SCREW(HOLE)M8X10/MT450	ỐC VÍT/MT450	14.080	10%
8416	266203-8	TAPPING SCREW BIND CT 4X40/2107F	ỐC VÍT/2107F	9.350	10%
8417	266208-8	H.S.SET SCREW(CUP POINT)M6X8/DHS710	ỐC VÍT M6X8/DHS710	18.700	10%
8418	266211-9	TAPPING SCREW 5X40/DS4011	ỐC VÍT/DS4011	14.080	10%
8419	266213-5	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M5X12/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	4.730	10%
8420	266225-8	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M6X8/DSP601	ỐC VÍT M6X8/DSP601	9.350	10%
8421	266227-4	CAP SQUARE NECK BOLT M8X28/HS003G	ỐC VÍT M8X28/HS003G	111.980	10%
8422	266229-0	H.S.SET SCREW(CUP POINT)M5X8/4140	ỐC VÍT/4140	9.350	10%
8423	266237-1	CAP SQUARE NECK BOLT M8X90/N5900B	ỐC VÍT/N5900B	18.700	10%
8424	266240-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M10X25/2012NB	ỐC VÍT M10X25/2012NB	14.080	10%
8425	266256-7	TAPPING SCREW PT3X10/9565CVR	ỐC VÍT M3X10/9565CVR	4.730	10%
8426	266257-5	TAPPING SCREW 4X28/9563C	VÍT/9563C	9.350	10%
8427	266258-3	TAPPING SCREW 4X70/9565CVR	ỐC VÍT M4X70/9565CVR	14.080	10%
8428	266259-1	TAPPING SCREW 4X60/GD0800C	ỐC VÍT M4X60/GD0800C	14.080	10%
8429	266264-8	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M5X6/2704	ỐC VÍT M5X6/2704	4.730	10%
8430	266270-3	HEX.SOCKET HEAD BOLT M8X14/BO6030	BU LÔNG/BO6030	15.180	10%
8431	266273-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X12/DHR202	BU LÔNG M4X12/DHR202	9.350	10%
8432	266278-7	TAPPING SCREW FLANGE BT3X10/DC18SD	ỐC VÍT BT3X10/DC18SD	28.050	10%
8433	266283-4	HEX. SOCKET HEX. BOLT M8X20/DLS111	ỐC VÍT M8X20/DLS111	9.350	10%
8434	266286-8	HEX. SOCKET HEX. BOLT M6X18/MT410	BU LÔNG/MT410	8.800	10%
8435	266292-3	TAPPING SCREW 4X65/BUC250	ỐC VÍT M4X65/BUC250	18.700	10%
8436	266295-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X30/6952	ỐC M4X30/6952	13.200	10%
8437	266300-0	TAPPING SCREW 4X18/2704	ỐC VÍT/2704	14.080	10%
8438	266304-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X50/HM1306	BU LÔNG M6X50/HM1306	23.320	10%
8439	266305-0	TORX C.S.HEAD SCREW M5X10/DFT085F	ỐC VÍT/DFT085F	18.700	10%
8440	266306-8	SHOULDER SCREW M5/LS1019L	ỐC VÍT M5/LS1019L	23.320	10%
8441	266308-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X20/MT582	ỐC VÍT M6*20/MT582	14.080	10%
8442	266309-2	CAP SQUARE NECK BOLT M6X26/MT583	ỐC VÍT/MT583	4.730	10%
8443	266315-7	TAPPING SCREW MT 4X65/DA3010	ỐC VÍT M4X65/DA3010	13.200	10%
8444	266318-1	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M4X6/DHS680	ỐC VÍT/DHS680	9.350	10%
8445	266321-2	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M6X16/LS1019L	ỐC VÍT M6X16/LS1019L	4.730	10%
8446	266322-0	SQUARE BOLT M8X80/HR4030C	BU LÔNG CỎ VUÔNG/HR4030C	984.170	10%
8447	266324-6	TAPPING SCREW 4X22/GA4030	ỐC VÍT/GA4030	4.730	10%
8448	266325-4	TAPPING SCREW 4X70/9553B	ỐC VÍT/9553B	4.730	10%
8449	266326-2	TAPPING SCREW 4X18/3709	ỐC VÍT/3709	4.730	10%
8450	266327-0	TAPPING SCREW 3X40/TM001G	ỐC VÍT 3X20/TM001G	4.730	10%
8451	266328-8	TAPPING SCREW 5X80/MT241	ỐC VÍT/MT241	4.730	10%
8452	266329-6	TAPPING SCREW 5X60/GA7020	ỐC VÍT M5X60/GA7020	4.400	10%
8453	266330-1	FLAT HEAD SQ. NECK BOLT M6X16/N5900B	ỐC VÍT M6*16/N5900B	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8454	266331-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X50/TW0200	BU LÔNG/TW0200	14.080	10%
8455	266332-7	R.H SQUARE NECK BOLT M6X35/M1901B	ỐC VÍT M6X35/M1901B	4.400	10%
8456	266334-3	TAPPING SCREW 4X60/HR2460	ỐC VÍT/HR2460	4.730	10%
8457	266335-1	SET BOLT M8X16/MT362	ỐC VÍT M8*16/MT362	9.350	10%
8458	266338-5	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M6X6/MT430	ỐC VÍT M6*6/MT430	9.350	10%
8459	266339-3	CAP SQUARE NECK BOLT M6X20/M3700B	ỐC VÍT ĐẦU LỤC M6X20/M3700B	4.730	10%
8460	266340-8	TAPPING SCREW 4X65/3709	ỐC VÍT/3709	4.730	10%
8461	266342-4	HEX.SOCKET BUTTON BOLT M5X12/DCS232T	ỐC VÍT/DCS232T	8.800	10%
8462	266345-8	TAPPING SCREW 4X80/9556HN	ỐC VÍT/9556HN	4.400	10%
8463	266349-0	SQUARE BOLT M8X50/HR2300	ỐC VÍT M8X50/HR2300	42.020	10%
8464	266351-3	TAPPING SCREW 4X35/3709	ỐC VÍT 4X35/3709	4.730	10%
8465	266352-1	TAPPING SCREW 5X65/4100NH	ỐC VÍT M5X65/4100NH	4.730	10%
8466	266354-7	FLANGE SOCKET M5X40/DCS232T	ỐC VÍT M5X40/DCS232T	2.200	10%
8467	266359-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X16/DCS232T	ỐC VÍT M4X16/DCS232T	2.200	10%
8468	266361-0	TAPPING SCREW 4X30/9553B	ỐC VÍT/9553B	4.730	10%
8469	266366-0	TAPPING SCREW 3X6/BTC04	ỐC VÍT/BTC04	18.700	10%
8470	266367-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X12/MT813	ỐC VÍT/MT813	4.730	10%
8471	266373-3	TAPPING SCREW 5*35/JR3050T	ỐC VÍT/JR3050T	4.400	10%
8472	266374-1	TAPPING SCREW 4X25/DF010D	ỐC VÍT/DF010D	4.730	10%
8473	266385-6	TAPPING SCREW 4X14/DP2010	ỐC VÍT/DP2010	4.730	10%
8474	266386-4	TAPPING SCREW 5X75/MT860	ỐC VÍT M5X50/MT860	4.400	10%
8475	266388-0	TAPPING SCREW 5X16/MT860	ỐC VÍT/MT860	4.730	10%
8476	266396-1	FLAT HEADSQUARE NECKBOLT M8X24/HS6600	ỐC VÍT/HS6600	9.350	10%
8477	266397-9	TAPPING SCREW BIND 5X50/MT941	ỐC VÍT M5X50/MT941	4.730	10%
8478	266398-7	TAPPING SCREW BIND CT 4X12/HS7600	ỐC VÍT 4X12/HS7600	4.730	10%
8479	266400-6	HEX. SOCKET HEX. BOLT M8X20/RS001G	ỐC VÍT M8X20/RS001G	9.350	10%
8480	266403-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6/SP6000	ỐC GIỮ LƯỚI/SP6000	42.020	10%
8481	266404-8	TAPPING SCREW BIND 3X14/DF010D	ỐC VÍT/DF010D	4.730	10%
8482	266405-6	FLAT H.SQUARE NECK BOLT M6X75/BCS550	ỐC VÍT/BCS550	8.800	10%
8483	266406-4	SQUARE BOLT M8X95/HR3530	BU LÔNG CỎ VUÔNG/HR3530	65.340	10%
8484	266415-3	TAPPING SCREW 4X55/HP1630	ỐC VÍT M4X55/HP1630	4.400	10%
8485	266418-7	TAPPING SCREW 5X55/HR4002	ỐC VITM5X55/HR4002	4.730	10%
8486	266420-0	TAPPING SCREW 5X20/EB7650TH	ỐC VÍT/EB7650TH	4.400	10%
8487	266421-8	TAPPING SCREW 3X10/EA3201S	ỐC VÍT/EA3201S	4.400	10%
8488	266424-2	TAPPING SCREW 4X20/DTM51	ỐC VÍT/DTM51	4.730	10%
8489	266425-0	TAPPING SCREW 4X45/MT921	ỐC VÍT/MT921	4.730	10%
8490	266426-8	TAPPING SCREW 4X20/DC18RE	ỐC VÍT 4X20/DC18RE	23.320	10%
8491	266427-6	TAPPING SCREW 4X12/BUR182U	ỐC VÍT/BUR182U	4.730	10%
8492	266429-2	TAPPING SCREW 3X16/BUH523	ỐC VÍT/BUH523	4.730	10%
8493	266432-3	ADJUST BOLT M8X27/LS002GZ	BU LÔNG M8X27/LS002GZ	23.320	10%
8494	266436-5	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M5X8/HS7600	ỐC VÍT M5X8/HS7600	4.730	10%
8495	266437-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X16/DUH601	ỐC VÍT M4X16/DUH601	9.350	10%
8496	266455-1	PAN HEAD SCREW M4X12/MT921	ỐC VÍT/MT921	4.730	10%
8497	266458-5	HEX.SOCKET HEX.BOLT M6X18/4131	BU LÔNG M6X18/4131	9.350	10%
8498	266459-3	TAPPING SCREW 5X25/DLM431	ỐC VÍT/DLM431	4.730	10%
8499	266466-6	TAPPING SCREW 5*45/JR3050T	ỐC VÍT/JR3050T	2.200	10%
8500	266467-4	TAPPING SCREW 4X50/FS2500	ỐC VÍT M4X50/FS2500	4.730	10%
8501	266472-1	SCREW/EK6101	ỐC VÍT M5X20/EK6101	8.800	10%
8502	266473-9	TORX SOCKET HEAD BOLT M5X23/EK8100	ỐC VÍT M5X23/EK8100	2.200	10%
8503	266474-7	Hexalobular Socket Heat Bolt/EK6101	Bu Lông/EK6101	8.800	10%
8504	266475-5	TAPPING SCREW TORX 5.5X20/EK6101	ỐC VÍT/EK6101	8.800	10%
8505	266477-1	TORX C.S. HEAD SCREW M5X12/EA4301F	ỐC VÍT M5X12/EA4301F	8.800	10%
8506	266478-9	TAPPING SCREW TORX 5.5X16/EK6101	VÍT/EK6101	8.800	10%
8507	266480-2	H.L. Socket Head Bolt/EA3503S	Ốc Vít/EA3503S	2.200	10%
8508	266482-8	H.S.BUTTON HEAD SCREW M6X40/HM1203C	ỐC VÍT M6X40/HM1203C	8.800	10%
8509	266484-4	TAPPING SCREW ST3.5X9.5/EA4301F	ỐC VÍT ST3.5X9.5/EA4301F	8.800	10%
8510	266490-9	TAPPING SCREW PT 2X6/DDF083	ỐC VÍT/DDF083	4.730	10%
8511	266491-7	PAN HEAD SCREW M6X135/RP2301FC	ỐC VÍT M6X135/RP2301FC	5.500	10%
8512	266492-5	TAPPING SCREW 3X8/9556HP	ỐC VÍT/9556HP	4.400	10%
8513	266494-1	PAN HEAD SCREW M5X16/EBH340U	ỐC VÍT M5X16/EBH340U	4.400	10%
8514	266499-1	H.S HEAD BOLT M6X30 WITH GM/HM1317C	ỐC VÍT M6X30/HM1317C	18.700	10%
8515	266510-9	HEX. SOCKET HEX. BOLT M6X18/4100NH2	BU LÔNG/4100NH2	9.350	10%
8516	266511-7	HEAD SCREW M6/BO3710	ỐC VÍT M6/BO3710	9.350	10%
8517	266512-5	SET BOLT M10X142/HM1307C	ỐC VÍT M10X142/HM1307C	125.950	10%
8518	266515-9	PAN HEAD SCREW M5/4100KB	ỐC VÍT M5/4100KB	9.350	10%
8519	266522-2	SQUARE BOLT M8X95/HM001G	BU LÔNG M8X95/HM001G	37.400	10%
8520	266553-1	TAPPING SCREW 5X30/EM408MP	ỐC VÍT 5X30/EM408MP	4.730	10%
8521	266556-5	TAPPING SCREW 3X12/HR2300	ỐC VÍT/HR2300	4.730	10%
8522	266557-3	H.S.BUTTON HEAD BOLT M3X8/DUP361	BU LÔNG M3X8/DUP361	4.730	10%
8523	266559-9	H.S.BUTTON HEAD BOLT M6X4/DUH501	ỐC VÍT M6X4/DUH501	32.670	10%
8524	266560-4	TAPPING SCREW 4X40/BO4510H	ỐC VÍT/BO4510H	4.730	10%
8525	266568-8	TAPPING SCREW 5X80/HR4013C	ỐC VÍT 5X80/HR4013C	23.320	10%
8526	266571-9	SHOULDER HEX. BOLT M8X23/EBH340R	ỐC VÍT/EBH340R	30.800	10%
8527	266573-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X33/EBH340R	ỐC VÍT M5X33/EBH340R	4.400	10%
8528	266579-3	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X30/DUR368A	ỐC VÍT M6X30/DUR368A	8.800	10%
8529	266580-8	TAPPING SCREW 5X10/EBH340R	ỐC VÍT 5X10/EBH340R	8.800	10%
8530	266584-0	TAPPING SCREW 4X20/EH7500S	ỐC VÍT 4X20/EH7500S	2.200	10%
8531	266585-8	TAPPING SCREW 5X12/BHX2500	ỐC VÍT/BHX2500	13.200	10%
8532	266586-6	H.S.H.BOLT M6X35/EB7650TH	ỐC VÍT M6X55/EB7650TH	13.200	10%
8533	266589-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X60/RBC411	BU LÔNG/RBC411	2.200	10%
8534	266591-3	PAN HEAD SCREW M5X14/RBC411	ỐC VÍT/RBC411	4.400	10%
8535	266592-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X50/RBC411	ỐC VÍT/RBC411	2.200	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8536	266595-5	HEX. HEAD BOLT M5X14/RBC411	ỐC VÍT M5X14/RBC411	2.200	10%
8537	266596-3	HEX. HEAD BOLT M6X16 WITH W/EM3400U	ỐC VÍT M6X16/EM3400U	8.800	10%
8538	266598-9	HEX. HEAD BOLT M6X14/RBC411U	BU LÔNG/RBC411U	2.200	10%
8539	266602-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X20/EE2650H	ỐC VÍT M4X20/EE2650H	2.200	10%
8540	266604-0	H.L. SOCKET HEAD BOLT M4X40/EA4301F	ỐC VÍT M4X40/EA4301F	4.400	10%
8541	266605-8	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X16/EA3201S	ỐC VÍT M5X16/EA3201S	8.800	10%
8542	266606-6	H.L.Socket Head Bolt M5X25/EA3201S	Bu Lông/EA3201S	2.200	10%
8543	266607-4	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X20/EA3201S	ỐC VÍT M5X20/EA3201S	4.400	10%
8544	266608-2	H.L.TAPPING SCREW 5X40/EA3503S	ỐC VÍT M5X40/EA3503S	13.200	10%
8545	266611-3	HEX BOLT M6X8/EE2650H	ỐC VÍT/EE2650H	2.200	10%
8546	266612-1	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X10/EA4301F	ỐC VÍT M5X10/EA4301F	2.200	10%
8547	266616-3	SCREW/EK6101	ỐC VÍT/EK6101	26.400	10%
8548	266618-9	H.S.BUTTON HEAD BOLT M5X60/EE2650H	ỐC VÍT M5X60/EE2650H	8.800	10%
8549	266622-8	TRUSS HEAD SCREW M4X12/TD110D	ĐẦU VÍT M4X12/TD1136	4.730	10%
8550	266630-9	COUNTERSUNK TAPPING SCREW4X16/VC3210L	ỐC VÍT M4X16/VC3210L	4.730	10%
8551	266631-7	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X20/EA3503S	ỐC VÍT M5X20/EA3503S	2.200	10%
8552	266634-1	SET SCREW M6X20/EK7651H	ỐC VÍT M6X20/EK7651H	2.200	10%
8553	266641-4	HEX.HEAD BOLT M6X16/EM3400U	ỐC VÍT M6X16/EM3400U	2.200	10%
8554	266647-2	PAN HEAD SCREW M5X12/EBH340U	ỐC VÍT/EBH340U	8.800	10%
8555	266649-8	SOCKET HEAD BOLT M6X30/EBH340U	ỐC VÍT M6X30/EBH340U	13.200	10%
8556	266651-1	H.L. TAPPING SCREW 5.5X16/EA3503S	ỐC VÍT 5.5X16/EA3503S	4.400	10%
8557	266658-7	H.L. SOCKET HEAD BOLT M6X25/EK7651H	ỐC VÍT LỤC GIÁC/EK7651H	8.800	10%
8558	266659-5	H.L. SOCKET HEAD BOLT M6X30/EK7651H	ỐC VÍT LỤC GIÁC/EK7651H	8.800	10%
8559	266677-3	PAN HEAD SCREW M5X14/RBC411	ỐC VÍT M5X14/RBC411	2.200	10%
8560	266687-0	TAPPING SCREW 5.5X45/EK7651H	ỐC VÍT/EK7651H	8.800	10%
8561	266688-8	HEX. BOLT M8/EK7651H	BU LÔNG/EK7651H	17.600	10%
8562	266690-1	HEX. BOLT M8X25/EK7651H	BU LÔNG/EK7651H	30.800	10%
8563	266691-9	TENSIONING SCREW M6/EK7651H	ỐC VÍT/EK7651H	13.200	10%
8564	266692-7	THUMB SCREW M6X15/EK7651H	ỐC VÍT M6X15/EK7651H	70.400	10%
8565	266693-5	H.L. SOCKET HEAD BOLT M6X18/EK7651H	ỐC VÍT LỤC GIÁC/EK7651H	8.800	10%
8566	266704-6	PAN HEAD SCREW M3X10/EB7650TH	ỐC VÍT/EB7650TH	22.000	10%
8567	266729-0	THUMB SCREW M8X35/DLM431	ỐC VÍT M8*38/DLM431	44.000	10%
8568	266730-5	CUP H. SQUARE NECK BOLT M6X50/LM430D	ỐC VÍT LỤC GIÁC/LM430D	9.350	10%
8569	266731-3	HEX. BOLT M10X25/DLM431	BU LÔNG/DLM431	17.600	10%
8570	266732-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X16/DLS600	ỐC VÍT M6X16/DLS600	9.350	10%
8571	266733-9	HEX. S.F.H. BOLT M6X16/DLS600	ỐC VÍT M6X16/DLS600	14.080	10%
8572	266734-7	TRUSS HEAD SCREW M5/DHS710	ỐC VÍT M5/DHS710	14.080	10%
8573	266735-5	HEX.BOLT M6X20/DHS680	BU LÔNG M6X20/DHS680	18.700	10%
8574	266737-1	FLAT HEAD SQ. NECK BOLT M6X20/PJ7000	ỐC VÍT/PJ7000	4.730	10%
8575	266738-9	PAN HEAD SCREW M4/PJ7000	ỐC VÍT/PJ7000	9.350	10%
8576	266741-0	PAN HEAD SCREW M5X50/PJ7000	ỐC VÍT/PJ7000	4.730	10%
8577	266745-2	HEX. BOLT M8X90/HR2650	ỐC VÍT M8X90/HR2650	18.700	10%
8578	266747-8	PAN HEAD SCREW M4X14 WITH WM/JR102D	ỐC VÍT/JR102D	4.730	10%
8579	266749-4	HEX. S.H.B. M5X25 WITH WR/EB7650TH	BULÔNG/EB7650TH	22.000	10%
8580	266754-1	SOCKET HEAD BOLT/HTR5600	ỐC VÍT/HTR5600	17.600	10%
8581	266755-9	HEX.SOCKET HEAD BOLT M10X20/LS1019L	ỐC VÍT M10X20/LS1019L	23.320	10%
8582	266757-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X16/DLS600	ỐC VÍT M6X16/DLS600	4.730	10%
8583	266760-6	H.S.H.BOLT M5X18/EH6000W	ỐC VÍT M5X18/EH6000W	8.800	10%
8584	266764-8	TAPPING SCREW 3X8/DC18RE	ỐC VÍT 3X8/DC18RE	22.000	10%
8585	266767-2	PAN HEAD SCREW M5X12/PM7650H	ỐC VÍT/PM7650H	4.400	10%
8586	266768-0	TAPPING SCREW 4X16/PM7650H	ỐC VÍT/PM7650H	4.400	10%
8587	266774-5	PAN HEAD SCREW M6*30/DLM431	ỐC VÍT/DLM431	8.800	10%
8588	266777-9	TAPPING SCREW 5X12/EA3201S	ỐC VÍT 5X12/EA3201S	2.200	10%
8589	266782-6	H.L.S. HEAD BOLT M5X16 WITH WG/EK7651H	ỐC M5X16/EK7651H	13.200	10%
8590	266783-4	HEX.SOCKET C.S.H.SCREW M6X20/TM30D	ỐC VÍT M6X20/TM30D	4.400	10%
8591	266787-6	H.S.H.BOLT M5X18 WITH WR/EBH340R	ỐC VÍT/EBH340R	8.800	10%
8592	266792-3	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X18/EK7651H	ỐC VÍT/EK7651H	22.000	10%
8593	266793-1	HEX. S.H.B. M5X25 WITH WR/RBC413U	ỐC VÍT M5X25/RBC413U	2.200	10%
8594	266794-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X50/RBC413U	ỐC VÍT M5X50/RBC413U	2.200	10%
8595	266795-7	ADJUST SCREW/EB5300	ỐC VÍT/EB5300	35.200	10%
8596	266807-6	PAN HEAD SCREW M4X25 WITH WR/BHX2500	ỐC VÍT M4X25/BHX2500	4.400	10%
8597	266808-4	P.H.SCREW M5X12 WITH WR/EBH340R	ỐC VÍT M5X14/EBH340R	4.400	10%
8598	266809-2	P.H.SCREW M5X14 WITH WR/EBH340R	ỐC VÍT M5X14/EBH340R	4.400	10%
8599	266810-7	H.S.H.BOLT M4X10/EBH340R	ỐC VÍT M5X10/EBH340R	2.200	10%
8600	266811-5	H.S.H.BOLT M5X14/EBH340R	ỐC VÍT M5X14/EBH340R	4.400	10%
8601	266812-3	H.S.H.BOLT M5X16/EBH340R	ỐC VÍT M5X16/EBH340R	2.200	10%
8602	266816-5	PAN HEAD SCREW M3X12 WITH WR/TD091D	ỐC VÍT/TD091D	4.400	10%
8603	266817-3	H.S. BUTTON HEAD BOLT M6X85/EN420MP	BU LÔNG/EN420MP	13.200	10%
8604	266818-1	HEX. SOCKET HEX. BOLT M8X8/EN420MP	BU LÔNG/EN420MP	8.800	10%
8605	266819-9	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X20/MT583	BU LÔNG/MT583	8.800	10%
8606	266824-6	H.S. BUTTON HEAD BOLT M6X20/EN410NP	BU LÔNG/EN410NP	8.800	10%
8607	266826-2	TAPPING SCREW 5X60/M0401B	ỐC VÍT/M0401B	4.730	10%
8608	266827-0	PAN HEAD SCREW M3X18 WITH WR/DCG180	ỐC VÍT/DCG180	4.730	10%
8609	266828-8	H.S.H.BOLT M6X40 WITH WR/PM7650H	ỐC VÍT LỤC GIÁC M6*20/PM7650H	2.200	10%
8610	266834-3	H.S.H.BOLT M4X18 WITH GM/HM1214C	BU LÔNG/HM1214C	9.350	10%
8611	266840-8	TAPPING SCREW 5X35/M0920B	ỐC VÍT 5X35/M0920B	4.730	10%
8612	266841-6	TAPPING SCREW 4X18/M2401	ỐC VÍT/MT2401	4.400	10%
8613	266842-4	TAPPING SCREW 5X65/M0920B	ỐC VÍT 5X65/M0920B	4.730	10%
8614	266846-6	H.L.BIND BOLT M4X12/EA3601F	BU LÔNG/EA3601F	2.200	10%
8615	266847-4	H.L.SOCKET HEAD BOLT M5X20/EA3601F	BU LÔNG/EA3601F	4.400	10%
8616	266849-0	H.L.SOCKET HEAD BOLT M5X16/EA3601F	BU LÔNG/EA3601F	2.200	10%
8617	266851-3	H.L.BIND BOLT M5X20/EA3601F	BU LÔNG/EA3601F	4.400	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8618	266852-1	H.L.SOCKET HEAD BOLT M5X25/EA3601F	BU LÔNG/EA3601F	4.400	10%
8619	266856-3	H.L. TAPPING SCREW 5X20/EA3601F	ỐC VÍT/EA3601F	4.400	10%
8620	266858-9	H.L. TAPPING SCREW 4X18/EA3601F	ỐC VÍT/EA3601F	4.400	10%
8621	266859-7	H.L.SOCKET HEAD BOLT M5X12/EA3601F	BU LÔNG/EA3601F	4.400	10%
8622	266862-8	H.L.S.H. BOLT M5X16 WITH WR/EK7651H	ỐC VÍT M5X16/EK7651H	2.200	10%
8623	266864-4	SHOULDER HEX. BOLT M6X25/EE2650H	ỐC VÍT M5X25/EE2650H	22.000	10%
8624	266868-6	H.S.BUTTON HEAD SCREW M5X8/DST421	ỐC VÍT M5X8/DST421	18.700	10%
8625	266874-1	H.S.H.BOLT M5X14/EE2650H	ỐC VÍT M5X14/EE2650H	2.200	10%
8626	266875-9	H.S.H.BOLT M5X8/EH6000W	ỐC VÍT M5X8/EH6000W	4.400	10%
8627	266880-6	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X25/EA3503S	ỐC VÍT M5X25/EA3503S	2.200	10%
8628	266889-8	HEX BOLT M8X30/DLM380	ỐC VÍT M8X30/DLM380	22.000	10%
8629	266890-3	TAPPING SCREW 4X16/DLM380	ỐC VÍT M4X16/DLM380	4.400	10%
8630	266892-9	SCREW M6X16/DLM380	ỐC VÍT M6X16/DLM380	8.800	10%
8631	266893-7	FLAT HEAD BOLT M8X45/DLM380	ỐC VÍT M8X45/DLM380	17.600	10%
8632	266894-5	SHOULDER HEX. BOLT M8/RBC411	ỐC VÍT/RBC411	39.600	10%
8633	266895-3	CUP SQUARE NECK BOLT M8X55/MT860	ỐC VÍT M8X55/MT860	42.020	10%
8634	266896-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X20/DUR365U	ỐC VÍT M5X20/DUR365U	116.600	10%
8635	266897-9	TAPPING SCREW PT 4X20/DC18WA	ỐC VÍT PT 4X20/DC18WA	4.730	10%
8636	266898-7	THUMB SCREW M4X8/DCO180	ỐC VÍT M4X8/DCO180	37.400	10%
8637	266901-4	TAPPING SCREW 4X14/BO6050	VÍT/BO6050	14.080	10%
8638	266902-2	H.S. HEAD BOLT M6X35 WITH WR/MT860	ỐC VÍT M6X45/MT860	14.080	10%
8639	266903-0	HEX.S.HEAD BOLT M5X20 WITH WR/RBC411	ỐC VÍT M5X20/RBC411	13.200	10%
8640	266915-3	HEX.SOCKET HEAD BOLT M4X25/DTW280	BU LÔNG/DTW280	14.080	10%
8641	266917-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X55/EM3400U	BU LÔNG CỎ VUÔNG M5X55/EM3400U	8.800	10%
8642	266920-0	SET BOLT M8/RP0900	ỐC VÍT M8/RP0900	28.050	10%
8643	266924-2	HEX. SOCKET HEX. BOLT M6X18/DHS680	ỐC VÍT/DHS680	14.080	10%
8644	266925-0	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X18/DCS551	BU LÔNG M6X18/DCS551	14.080	10%
8645	266937-3	C.HEAD SQUARE NECK BOLT M8X64/EE2650H	ỐC VÍT M8X64/EE2650H	4.400	10%
8646	266938-1	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X20/EK8100	ỐC VÍT M5X20/EK8100	2.200	10%
8647	266940-4	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X15/EK8100	ỐC VÍT M5X15/EK8100	2.200	10%
8648	266941-2	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X50/EK8100	ỐC VÍT M5X20/EK8100	2.200	10%
8649	266942-0	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X20/EK8100	ỐC VÍT M5X20/EK8100	8.800	10%
8650	266944-6	H.L. SOCKET HEAD BOLT M4X55/EK8100	ỐC VÍT M5X55/EK8100	2.200	10%
8651	266945-4	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X30/EK8100	ỐC VÍT M5X30/EK8100	2.200	10%
8652	266946-2	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X12/EK8100	ỐC VÍT M5X12/EK8100	4.400	10%
8653	266947-0	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X14/EK8100	ỐC VÍT M5X14/EK8100	4.400	10%
8654	266948-8	HEX S. H. BOLT M4X20 WITH WR/MT860	ỐC VÍT M4X20/MT860	9.350	10%
8655	266949-6	HOLLOW SCREW, BORED/EK8100	ỐC VÍT/EK8100	35.200	10%
8656	266950-1	H.L.SOCKET HEAD BOLT M6X14/EK6101	BU LÔNG/EK6101	8.800	10%
8657	266960-8	H.L. SOCKET HEAD BOLT M5X20/EA3503S	ỐC VÍT/EA3503S	8.800	10%
8658	266964-0	FLAT HEAD SCREW M10/CA5000	ỐC M10/CA5000	125.950	10%
8659	266969-0	HEX. BOLT M8/EK7651H	BU LÔNG/EK7651H	13.200	10%
8660	266970-5	H.L.SOCKET HEAD COLLAR BOLT M6/EK7651H	ỐC VÍT M6/EK7651H	13.200	10%
8661	266974-7	H.L. TAPPING SCREW 5 12/EK8100	ỐC VÍT 5X12/EK8100	2.200	10%
8662	266977-1	THUMB SCREW/EA4301F	ỐC VÍT/EA4301F	7.700	10%
8663	266978-9	BOLT/EA4301F	ỐC VÍT/EA4301F	17.600	10%
8664	266979-7	HEX.SOCKET HEAD BOLT M4X35 WR/DJR187	BU LÔNG M4X35 WR/DJR187	4.730	10%
8665	266980-2	HEX.S.BUTTON HEAD SCREW M3X16/DUP361	BU LÔNG M3X16/DUP361	4.730	10%
8666	266985-2	H.L. SOCKET HEAD BOLT M4X8/EK6101	ỐC VÍT 4X8/EK6101	2.200	10%
8667	266990-9	H.L. SOCKET HEAD BOLT M6X35/EK6101	ỐC VÍT 6X35/EK6101	8.800	10%
8668	266991-7	H.L.TAPPING SCREW 5X15/EK6101	ỐC VÍT 5X15/EK6101	4.400	10%
8669	266993-3	REGULATING SCREW/EK6101	NÚT VẠN CỎ REN/EK6101	47.520	8%
8670	266994-1	JET SCREW/EK6101	ỐC VÍT/EK6101	5.500	10%
8671	266996-7	COLLAR BOLT M10X20/LW1400	BU LÔNG M10X20/LW1400	51.370	10%
8672	266999-1	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)M3X4/DUP361	ỐC LỤC GIÁC M3X4/DUP361	9.350	10%
8673	267001-3	FLAT WASHER 7/BO3700	LONG ĐÈN/BO3700	14.080	10%
8674	267010-2	FLAT WASHER 5/2704	LONG ĐÈN 5/2704	4.400	10%
8675	267012-8	FLAT WASHER 5/DKP181	VÒNG ĐÈM 5/DKP181	9.350	10%
8676	267017-8	FLAT WASHER 8/FS2500	VÒNG ĐÈM 8/FS2500	13.200	10%
8677	267018-6	FLAT WASHER 22/906H	VÒNG ĐÈM 22/906H	13.200	10%
8678	267039-8	FLAT WASHER 32/2416S	VÒNG ĐÈM 32/2416S	22.000	10%
8679	267041-1	FLAT WASHER 20/2107F	LONG ĐÈN 20/2107F	9.350	10%
8680	267047-9	FLAT WASHER 10/EA3601F	LONG ĐÈN 10/EA3601F	4.400	10%
8681	267053-4	FLAT WASHER 12/DPT351	LONG ĐÈN/DPT351	18.700	10%
8682	267058-4	FLAT WASHER 32/HM1201	VÒNG ĐÈM 32/HM1201	321.860	10%
8683	267063-1	FLAT WASHER 18/DTDA040	VÒNG ĐÈM BĂNG THEP 18/DTDA040	14.080	10%
8684	267066-5	FLAT WASHER 5/EA3201S	VÒNG ĐÈM 5/EA3201S	4.400	10%
8685	267067-3	FLAT WASHER 12/DTS141	LONG ĐÈN BĂNG THEP/DTS141	14.080	10%
8686	267079-6	FLAT WASHER 34/6905H	LONG ĐÈN/6905H	42.020	10%
8687	267080-1	FLAT WASHER 6/2012NB	VÒNG ĐÈM 6/2012NB	4.730	10%
8688	267085-1	FLAT WASHER 12/6951	LONG ĐÈN/6951	4.730	10%
8689	267100-1	FLAT WASHER 6/DHS710	MIẾNG ĐÈM/DHS710	9.350	10%
8690	267101-9	FLAT WASHER 14/TD001G	VÒNG ĐÈM 14/TD001G	14.080	10%
8691	267102-7	FLAT WASHER 4/DLM431	LONG ĐÈN/DLM431	4.400	10%
8692	267104-3	FLAT WASHER 12/DHR202	LONG ĐÈN/DHR202	9.350	10%
8693	267105-1	FLAT WASHER 29/HR2810	LONG ĐÈN/HR2810	9.180	8%
8694	267106-9	FLAT WASHER 18/TW004G	LONG ĐÈN 18/TW004G	9.350	10%
8695	267112-4	FLAT WASHER 34/HM0810	LONG ĐÈN/HM0810	65.340	10%
8696	267113-2	FLAT WASHER 12/DGA404	LONG ĐÈN/DGA404	14.080	10%
8697	267114-0	FLAT WASHER 17/HR2630	MIẾNG ĐÈM/HR2630	9.350	10%
8698	267118-2	FLAT WASHER 6/DHS661	VÒNG ĐÈM 6/DHS661	9.350	10%
8699	267120-5	FLAT WASHER 15/TL064D	MIẾNG ĐÈM PHẪNG 15/TL064D	61.600	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8700	267121-3	FLAT WASHER 20/TL064D	ĐỆM PHẪNG 20/TL064D	8.800	10%
8701	267126-3	FLAT WASHER 22/6951	LONG ĐÈN/6951	9.350	10%
8702	267127-1	FLAT WASHER 26/HR2010	ĐỆM PHẪNG 26/HR2010	9.350	10%
8703	267130-2	FLAT WASHER 9/BO4557	LONG ĐÈN/BO4557	4.730	10%
8704	267133-6	FLAT WASHER 6/JN1601	VÒNG ĐỆM 6/JN1601	13.200	10%
8705	267136-0	FLAT WASHER 5/LH1040	LONG ĐÈN/LH1040	9.350	10%
8706	267143-3	FLAT WASHER 11/DF010D	LONG ĐÈN/DF010D	9.350	10%
8707	267146-7	FLAT WASHER 58/HM1306	LONG ĐÈN/HM1306	125.950	10%
8708	267153-0	FLAT WASHER 30/DHR242	LONG ĐÈN/DHR242	9.350	10%
8709	267164-5	FLAT WASHER 15/DPB181	LONG ĐÈN/DPB181	4.730	10%
8710	267166-1	FLAT WASHER 14/HM1214C	MIẾNG ĐỆM/HM1214C	9.350	10%
8711	267167-9	FLAT WASHER 15/GA9030R	VÒNG ĐỆM 15/GA9030R	18.700	10%
8712	267170-0	FLAT WASHER 34/2704	LONG ĐÈN/2704	37.400	10%
8713	267173-4	FLAT WASHER 6/DPB182	VÒNG ĐỆM 6/DPB182	23.320	10%
8714	267175-0	FLAT WASHER 24/6980FD	LONG ĐÈN/6980FD	9.350	10%
8715	267190-4	FLAT WASHER 45/DUN500	VÒNG ĐỆM 45/DUN500	51.840	8%
8716	267194-6	FLAT WASHER 15/TD001G	VÒNG ĐỆM 15/TD001G	14.080	10%
8717	267195-4	FLAT WASHER 4/BUC250	LONG ĐÈN/BUC250	4.400	10%
8718	267202-3	FLAT WASHER 8/FS6300	VÒNG ĐỆM 8/FS6300	4.730	10%
8719	267203-1	FLAT WASHER 43/HM0810	VÒNG ĐỆM 43/HM0810	32.670	10%
8720	267212-0	FLAT WASHER 12/6980FD	LONG ĐÈN/6980FD	4.730	10%
8721	267213-8	FLAT WASHER 10/DHR202	LONG ĐÈN/DHR202	4.730	10%
8722	267215-4	FLAT WASHER 15/HR006GZ	VÒNG ĐỆM 15/HR006GZ	9.350	10%
8723	267216-2	FLAT WASHER 8/BO3700	LONG ĐÈN/BO3700	13.200	10%
8724	267219-6	FLAT WASHER 45/HS0600	LONG ĐÈN/HS0600	23.320	10%
8725	267220-1	FLAT WASHER 4/9032	MIẾNG ĐỆM 4/9032	9.350	10%
8726	267226-9	FLAT WASHER 14/6952	VÒNG ĐỆM 14/6952	44.000	10%
8727	267229-3	FLAT WASHER 28/DHR202	LONG ĐÈN/DHR202	9.350	10%
8728	267231-6	FLAT WASHER 9/HRI830	VÒNG ĐỆM/HR1830	4.730	10%
8729	267234-0	FLAT WASHER 8/DHR202	LONG ĐÈN/DHR202	4.644	8%
8730	267235-8	FLAT WASHER 18/WR100D	VÒNG ĐỆM 18/WR100D	26.400	10%
8731	267236-6	FLAT WASHER 8/LC1230	VÒNG ĐỆM 8/LC1230	9.350	10%
8732	267237-4	FLAT WASHER 9/4100NH3	LONG ĐÈN/4100NH3	4.730	10%
8733	267238-2	FLAT WASHER 12/9553B	LONG ĐÈN/9553B	4.730	10%
8734	267239-0	FLAT WASHER 7/MT413	VÒNG ĐỆM 7/MT413	4.400	10%
8735	267245-5	FLAT WASHER 7/MT954	LONG ĐÈN/MT954	4.730	10%
8736	267247-1	FLAT WASHER 7/DFT085F	LONG ĐÈN/DFT085F	60.720	10%
8737	267250-2	FLAT WASHER 30/4114S	VÒNG ĐỆM 30/4114S	42.020	10%
8738	267251-0	FLAT WASHER 15/4114S	VÒNG ĐỆM 15/4114S	93.280	10%
8739	267255-2	FLAT WASHER 14/MT583	VÒNG ĐỆM 14/MT583	4.730	10%
8740	267256-0	FLAT WASHER 10/MT111	LONG ĐÈN/MT111	4.730	10%
8741	267257-8	FLAT WASHER 8/LW1400	VÒNG ĐỆM 8/LW1400	4.730	10%
8742	267258-6	FLAT WASHER 10/MT111	VÒNG ĐỆM 10/MT111	4.730	10%
8743	267268-3	FLAT WASHER 19/TW0200	LONG ĐÈN/TW0200	23.320	10%
8744	267269-1	FLAT WASHER 32/TW0200	LONG ĐÈN/TW0200	23.320	10%
8745	267270-6	FLAT WASHER 24/HR2651T	VÒNG ĐỆM 24/HR2651T	9.350	10%
8746	267272-2	FLAT WASHER 28/HM0870C	LONG ĐÈN/HM0870C	23.320	10%
8747	267273-0	FLAT WASHER 29/HM0870C	LONG ĐÈN 29/HM0870C	23.320	10%
8748	267274-8	FLAT WASHER 15/MT241	LONG ĐÈN/MT241	4.730	10%
8749	267276-4	FLAT WASHER 18/DFT085F	LONG ĐÈN/DFT085F	23.320	10%
8750	267278-0	FLAT WASHER 10/MT191	LONG ĐÈN/MT191	4.730	10%
8751	267279-8	FLAT WASHER 21/HR2651T	VÒNG ĐỆM 21/HR2651T	4.730	10%
8752	267280-3	FLAT WASHER 15/LH1040	LONG ĐÈN/LH1040	4.730	10%
8753	267282-9	FLAT WASHER 60/6922NB	LONG ĐÈN/6922NB	219.230	10%
8754	267283-7	FLAT WASHER 21/DFL651F	LONG ĐÈN BẢNG THÉP/DFL651F	14.080	10%
8755	267284-5	FLAT WASHER 8/DCS232T	VÒNG ĐỆM 8/DCS232T	2.200	10%
8756	267289-5	FLAT WASHER 25/6924N	VÒNG ĐỆM 25/6924N	93.280	10%
8757	267290-0	FLAT WASHER 18/BO6050	MIẾNG ĐỆM PHẪNG/BO6050	8.800	10%
8758	267293-4	FLAT WASHER 7/MT111	VÒNG ĐỆM 7/MT111	4.730	10%
8759	267294-2	FLAT WASHER 5/MT401	VÒNG ĐỆM 5/MT401	4.400	10%
8760	267296-8	FLAT WASHER 63/HM1810	LONG ĐÈN 63/HM1810	110.000	10%
8761	267297-6	FLAT WASHER 65/HM1810	VÒNG ĐỆM 65/HM1810	79.200	10%
8762	267299-2	FLAT WASHER 20/GA7020	MIẾNG ĐỆM PHẪNG/GA7020	9.350	10%
8763	267302-9	FLAT WASHER 9/HRI830	VÒNG ĐỆM 9/HRI830	9.350	10%
8764	267304-5	FLAT WASHER 25/DHR165	VÒNG ĐỆM/DHRI65	9.350	10%
8765	267329-9	FLAT WASHER 18/GD0600	LONG ĐÈN/GD0600	4.730	10%
8766	267335-4	FLAT WASHER 20/TD022D	VÒNG ĐỆM/TD022D	4.730	10%
8767	267336-2	FLAT WASHER 45/HR4002	LONG ĐÈN 45/HR4002	46.640	10%
8768	267337-0	FLAT WASHER 40/DHS783	MIẾNG ĐỆM 40/DHS783	18.700	10%
8769	267338-8	FLAT WASHER 29/HR4030C	LONG ĐÈN/HR4030C	125.950	10%
8770	267339-6	FLAT WASHER 34/HR3530	ĐỆM PHẪNG/HR3530	74.690	10%
8771	267340-1	FLAT WASHER 32/DTW450	LONG ĐÈN/DTW450	23.320	10%
8772	267342-7	FLAT WASHER 26/TD001G	VÒNG ĐỆM 26/TD001G	18.700	10%
8773	267347-7	FLAT WASHER 10/HR3530	ĐỆM PHẪNG BẢNG THÉP/HR3530	23.320	10%
8774	267349-3	FLAT WASHER 6/MT921	LONG ĐÈN/MT921	9.350	10%
8775	267350-8	FLAT WASHER 26/HR3530	LONG ĐÈN/HR3530	181.940	10%
8776	267352-4	FLAT WASHER 22/GA5010	LONG ĐÈN/GA5010	4.730	10%
8777	267353-2	FLAT WASHER 8/BO3710	LONG ĐÈN/BO3710	4.730	10%
8778	267354-0	FLAT WASHER 31/HR2810	LONG ĐÈN/HR2810	9.350	10%
8779	267356-6	FLAT WASHER 16/MT941	LONG ĐÈN/MT941	4.730	10%
8780	267357-4	FLAT WASHER 36/HR4511C	ĐỆM PHẪNG/HR4511C	93.280	10%
8781	267360-5	FLAT WASHER 40/HR3200C	LONG ĐÈN/HR3200C	37.400	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8782	267363-9	FLAT WASHER 12/DHK180	VÒNG ĐỆM 12/DHK180	110.000	10%
8783	267380-9	FLAT WASHER 20/TD090D	LONG ĐÈN/TD090D	4.730	10%
8784	267383-3	FLAT WASHER 22/HR3200C	LONG ĐÈN/HR3200C	23.320	10%
8785	267385-9	FLAT WASHER 9/MT960	VÒNG ĐỆM 9/MT960	4.730	10%
8786	267386-7	FLAT WASHER 30/HM1203C	MIẾNG ĐỆM PHẪNG/HM1203C	111.980	10%
8787	267387-5	FLAT WASHER 39/HM1203C	VÒNG ĐỆM 39/HM1203C	32.670	10%
8788	267389-1	FLAT WASHER 12/EK6101	VÒNG ĐỆM/EK6101	17.600	10%
8789	267394-8	FLAT WASHER 5/BHX2500	VÒNG ĐỆM 5/BHX2500	4.400	10%
8790	267397-2	FLAT WASHER 15/HM1203C	ĐỆM PHẪNG/HM1203C	9.350	10%
8791	267398-0	FLAT WASHER 12/HM1203C	VÒNG ĐỆM 12/HM1203C	14.080	10%
8792	267400-9	FLAT WASHER 23/BHX2500	VÒNG GAI CHỮ C/BHX2500	4.320	8%
8793	267401-7	FLAT WASHER 24/HM1307C	LONG ĐÈN/HM1307C	233.200	10%
8794	267402-5	FLAT WASHER 8/MT430	VÒNG ĐỆM 8/MT430	9.350	10%
8795	267404-1	FLAT WASHER 28/MUH355	LONG ĐÈN/MUH355	14.080	10%
8796	267407-5	FLAT WASHER 23/HM0870C	ĐỆM PHẪNG 22/HM0870C	14.080	10%
8797	267414-8	FLAT WASHER 30/DHR242	LONG ĐÈN/DHR242	13.200	10%
8798	267415-6	FLAT WASHER 33/MT870	LONG ĐÈN/MT870	9.350	10%
8799	267425-3	FLAT WASHER 26/EBH340R	VÒNG GAI CHỮ C/EBH340R	13.200	10%
8800	267427-9	FLAT WASHER 7/EM3400U	LONG ĐÈN/EM3400U	4.400	10%
8801	267428-7	FLAT WASHER 8/RBC411	LONG ĐÈN/RBC411	4.400	10%
8802	267429-5	FLAT WASHER 6/EVH2000	ĐỆM PHẪNG/EVH2000	13.200	10%
8803	267430-0	FLAT WASHER 10/EA3201S	LONG ĐÈN 10/EA3201S	4.320	8%
8804	267431-8	FLAT WASHER 10/EA3201S	VÒNG ĐỆM 10/EA3201S	13.200	10%
8805	267437-6	FLAT WASHER 17/DHR242	MIẾNG ĐỆM/DHR242	4.730	10%
8806	267438-4	FLAT WASHER 5/DLM431	VÒNG ĐỆM/DLM431	8.800	10%
8807	267445-7	WASHER 24.5/RBC411	LONG ĐÈN/RBC411	2.200	10%
8808	267447-3	FLAT WASHER 14/DHR242	LONG ĐÈN/DHR242	4.730	10%
8809	267448-1	FLAT WASHER 41/EB7650TH	LONG ĐÈN/EB7650TH	30.800	10%
8810	267451-2	FLAT WASHER 8/EA3201S	LONG ĐÈN/EA3201S	4.320	8%
8811	267453-8	FLAT WASHER 14/DTP141	MIẾNG ĐỆM/DTP141	28.050	10%
8812	267459-6	FLAT WASHER 7/PM7650H	LONG ĐÈN/PM7650H	7.700	10%
8813	267460-1	WASHER 31/DHR202	VÒNG ĐỆM/DHR202	23.320	10%
8814	267462-7	FLAT WASHER 10/PM7650H	LONG ĐÈN/PM7650H	8.800	10%
8815	267464-3	FLAT WASHER 34/VC3211M	VÒNG ĐỆM 34/VC3211M	14.080	10%
8816	267465-1	FLAT WASHER 5/DCG180	ĐỆM PHẪNG 5/DCG180	18.360	8%
8817	267466-9	FLAT WASHER 12/DCG180	ĐỆM PHẪNG 12/DCG180	18.360	8%
8818	267469-3	FLAT WASHER 32/HR4013C	LONG ĐÈN 32/HR4013C	8.800	10%
8819	267470-8	FLAT WASHER 33/HR4013C	LONG ĐÈN 33/HR4013C	22.000	10%
8820	267474-0	FLAT WASHER 14/MT450	VÒNG ĐỆM 14/MT450	9.350	10%
8821	267475-8	FLAT WASHER 6/MT450	VÒNG ĐỆM 6/MT450	14.080	10%
8822	267477-4	FLAT WASHER 60/HR5212C	VÒNG ĐỆM 60/HR5212C	28.050	10%
8823	267478-2	FLAT WASHER 44/HR5212C	LONG ĐÈN 44/HR5212C	42.020	10%
8824	267484-7	FLAT WASHER 43/MT860	VÒNG ĐỆM/MT860	9.350	10%
8825	267487-1	FLAT WASHER 17/HM1511	VÒNG ĐỆM 17/HM1511	14.080	10%
8826	267490-2	FLAT WASHER 54/DJR186	LONG ĐÈN 54/DJR186	37.400	10%
8827	267491-0	FLAT WASHER 4/DJR186	LONG ĐÈN 4/DJR186	4.730	10%
8828	267493-6	FLAT WASHER 38/DTW1001	VÒNG ĐỆM/DTW1001	23.320	10%
8829	267713-8	CUP WASHER 10/2414NB	MIẾNG ĐỆM 10/2414NB	9.180	8%
8830	267714-6	WASHER 15/2414NB	LONG ĐÈN/2414NB	9.350	10%
8831	267715-4	WAVE WASHER 20/906H	LONG ĐÈN/906H	4.730	10%
8832	267721-9	WAVE WASHER 15/HR3200C	LONG ĐÈN/HR3200C	4.730	10%
8833	267746-3	CUP WASHER 17/BS001G	VÒNG ĐỆM 17/BS001G	37.400	10%
8834	267756-0	WAVE WASHER 6/4350CT	LONG ĐÈN 6/4350CT	4.730	10%
8835	267759-4	CUP WASHER 14/6952	VÒNG ĐỆM 14/6952	61.600	10%
8836	267766-7	CUP WASHER 14/6980FD	LONG ĐÈN/6980FD	9.350	10%
8837	267774-8	LOCK WASHER/DFT023F	LONG ĐÈN/DFT023F	32.670	10%
8838	267777-2	CUP WASHER 19/TW0200	LONG ĐÈN 19/TW0200	14.080	10%
8839	267781-1	WAVE WASHER 7/CA5000X	VÒNG ĐỆM 7/CA5000X	26.400	10%
8840	267783-7	WAVE WASHER 10/SG1251J	VÒNG ĐỆM 10/SG1251J	14.080	10%
8841	267784-5	WASHER 42/4131	VÒNG ĐỆM 42/4131	26.400	10%
8842	267785-3	WAVE WASHER 23/3709	LONG ĐÈN/3709	4.644	8%
8843	267789-5	FLAT WASHER 18/DSC191	LONG ĐÈN BĂNG THÉP/DSC191	9.350	10%
8844	267794-2	WAVE WASHER 12/9553B	LONG ĐÈN/9553B	4.730	10%
8845	267798-4	LOCK WASHER/GA7030	ĐỆM KHOA/GA7030	74.690	10%
8846	267802-9	CUP WASHER 13/DCS550	VÒNG ĐỆM 13/DCS550	9.350	10%
8847	267803-7	LOCK WASHER/DF010D	ĐỆM KHOA/DF010D	28.050	10%
8848	267804-5	WAVE WASHER 15/HR2230	LONG ĐÈN/HR2230	4.730	10%
8849	267805-3	WASHER 30/HR2230	LONG ĐÈN/HR2230	9.350	10%
8850	267806-1	WASHER 9/B04555	LONG ĐÈN/B04555	4.320	8%
8851	267809-5	WAVE WASHER 19/HM1214C	LONG ĐÈN/HM1214C	9.350	10%
8852	267810-0	FLAT WASHER 34/HR3200C	LONG ĐÈN/HR3200C	121.330	10%
8853	267811-8	LOCK WASHER/GA5020	LONG ĐÈN/GA5020	55.990	10%
8854	267812-6	WASHER 6/EE2650H	VÒNG ĐỆM 6/EE2650H	4.400	10%
8855	267813-4	WASHER 21/TD090D	LONG ĐÈN/TD090D	4.730	10%
8856	267816-8	WAVE WASHER 15/DHR202	VÒNG ĐỆM/DHR202	9.350	10%
8857	267817-6	WASHER 8/EE2650H	LONG ĐÈN/EE2650H	4.320	8%
8858	267820-7	WASHER 29 /EA4301F	VÒNG ĐỆM 29/EA4301F	57.200	10%
8859	267822-3	SPRING WASHER 8/EA3201S	LÔNG ĐÈN/EA3201S	4.400	10%
8860	267825-7	WAVE WASHER 30/HM0870C	VÒNG ĐỆM 30/HM0870C	9.350	10%
8861	267833-8	CUP WASHER 8/EA3201S	LONG ĐÈN/EA3201S	8.800	10%
8862	267839-6	CUP WASHER/DTP141	MIẾNG ĐỆM/DTP141	23.320	10%
8863	267841-9	WAVE WASHER 7/PM7650H	LONG ĐÈN/PM7650H	2.160	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8864	267849-3	WAVE WASHER 10/EBH340R	LONG ĐÈN/EBH340R	2.200	10%
8865	267851-6	CUP WASHER 14/BTW074	ĐỆM CHÉN/BTW074	4.400	10%
8866	267854-0	CAP WASHER 8/DJV181	VÒNG ĐỆM 8/DJV181	9.350	10%
8867	267855-8	LOCK WASHER/DPB181	VÒNG ĐỆM KHOA/DPB181	14.080	10%
8868	267856-6	SHOULDER WASHER 23/HR5212C	LONG ĐÈN 23/HR5212C	88.660	10%
8869	267858-2	LOCK WASHER 8/EA3201S	LONG ĐÈN 8/EA3201S	8.800	10%
8870	267862-1	SPRING WASHER 5/EK6101	VÒNG ĐỆM 5/EK6101	8.800	10%
8871	268004-0	PIN 4/CC300D	CHÓT 4/CC300D	22.000	10%
8872	268012-1	PIN 7/JR3060T	CHÓT GÀI/JR3060T	60.720	10%
8873	268028-6	PIN 5/CC300D	CHÓT 5/CC300D	4.400	10%
8874	268040-6	PIN 16/LC1230	CHÓT GÀI 16/LC1230	79.310	10%
8875	268057-9	PIN 4/TW0350	CHÓT 4/TW0350	32.670	10%
8876	268063-4	PIN 4/4350CT	CHÓT/4350CT	9.350	10%
8877	268076-5	PIN 6/UH200D	CHÓT GÀI/UH200D	9.350	10%
8878	268079-9	PIN 5/DTW1001	CHÓT GÀI/DTW1001	14.080	10%
8879	268090-1	PIN 4/4350CT	CHÓT 4/4350CT	14.080	10%
8880	268092-7	PIN 4/DP4010	CHÓT GÀI 4/DP4010	4.730	10%
8881	268094-3	PIN 3/DJR181	CHÓT 3/DJR181	32.670	10%
8882	268098-5	PIN 4/DTW1004	CHÓT GÀI 4/DTW1004	32.670	10%
8883	268100-4	PIN 3.5/DA331D	CHÓT/DA331D	4.400	10%
8884	268101-2	PIN 6/2414NB	CHÓT GÀI/2414NB	4.730	10%
8885	268104-6	PIN 8/6924N	CHÓT GÀI/6924N	14.080	10%
8886	268111-9	PIN 10/2704	CHÓT 10/2704	14.080	10%
8887	268119-3	PIN 12/HM1305	CHÓT 12/HM1305	35.200	10%
8888	268121-6	PIN 12/HM1203C	CHÓT/HM1203C	23.320	10%
8889	268122-4	PIN 7/HR3001C	CHÓT PISTON 7/HR3001C	9.180	8%
8890	268124-0	PIN 10/6924N	CHÓT 10/6924N	42.020	10%
8891	268130-5	PIN 15/HM1810	CHÓT PISTON 15/HM1810	77.760	8%
8892	268143-6	PIN 4/DFT060T	CHÓT GÀI 4/DFT060T	4.730	10%
8893	268147-8	PIN 4/DHR165	CHÓT/DHR165	18.700	10%
8894	268158-3	PIN 5/DPT351	CHÓT 5/DPT351	121.330	10%
8895	268160-6	PIN 3.5/TD022D	CHÓT/TD022D	4.730	10%
8896	268161-4	PIN 5/TD022D	CHÓT GÀI/TD022D	4.730	10%
8897	268181-8	PIN 3/DCU601Z	CHÓT ĐINH VÍ 3/DCU601Z	14.080	10%
8898	268182-6	PIN 3/HR3530	CHÓT 3/HR3530	42.020	10%
8899	268184-2	PIN 1.5/DHR202	CHÓT GÀI/DHR202	4.730	10%
8900	268208-4	PIN 3/CL100D	CHÓT 3/CL100D	4.730	10%
8901	268217-3	PIN 3.5/TD090D	CHÓT 3.5/TD090D	4.730	10%
8902	268222-0	PIN 8/HM1214C	CHÓT/HM1214C	84.040	10%
8903	268225-4	PIN 5/2107F	CHÓT GÀI/2107F	9.350	10%
8904	268228-8	SHOULDER PIN 5/MT960	CHÓT KHÓA Đĩa MÀI 5/MT960	14.080	10%
8905	268229-6	COLLARED PIN 8/FS4000	CÓT NHÔNG 8/FS4000	22.896	8%
8906	268230-1	ROD 4/BHX2500	CHÓT 4/BHX2500	2.200	10%
8907	268231-9	COLLARED PIN 8/FS2500	CÓT NHÔNG 8/FS2500	56.160	8%
8908	268233-5	PIN 3/EK8100	CHÓT 3/EK8100	8.800	10%
8909	268234-3	COLLARED PIN 6/RP1800	CHÓT KHÓA 6/RP1800	55.990	10%
8910	268235-1	PIN 6/HM1214C	CHÓT/HM1214C	102.630	10%
8911	268238-5	PIN 5/BHX2500	CHÓT 5/BHX2500	4.400	10%
8912	268239-3	PIN 4/BHX2500	CHÓT 4/BHX2500	4.400	10%
8913	268240-8	PIN 10/HM1317C	CHÓT 10/HM1317C	28.050	10%
8914	268241-6	PIN 6/HM1317C	CHÓT 6/HM1317C	17.600	10%
8915	268254-7	PIN 6/UH200D	CHÓT 6/UH200D	8.800	10%
8916	268256-3	PIN 4/UH200D	CHÓT GÀI/UH200D	8.800	10%
8917	268266-0	FLAT FILLISTER HD. PIN 1.2/DTP141	CHÓT GÀI/DTP141	4.730	10%
8918	268271-7	PIN 3/CL104D	CHÓT 3/CL104D	9.350	10%
8919	268284-8	PIN 1.5/DTW190	CHÓT 1.5/DTW190	4.730	10%
8920	268287-2	PISTON PIN 8/EH6000W	CHÓT PISTON 8/EH6000W	21.600	8%
8921	268288-0	PIN 5.5/PM7650H	CHÓT 5.5/PM7650H	79.200	10%
8922	268292-9	PIN 4/V/C3211M	CHÓT GÀI 4/V/C3211M	9.350	10%
8923	268306-4	PIN 5/DTM51	CHÓT GÀI 5/DTM51	9.350	10%
8924	268308-0	PIN 9/HR5212C	CHÓT 9/HR5212C	18.700	10%
8925	268309-8	PIN/HR5212C	CHÓT GÀI/HR5212C	23.320	10%
8926	268310-3	PIN 5/EK7651H	CHÓT 5/EK7651H	13.200	10%
8927	268311-1	PIN 5/DTD137	CHÓT 5/DTD137	14.080	10%
8928	268325-0	ROD 2/DFS452	TAY BIÊN 2/DFS452	4.644	8%
8929	268330-7	PIN 2/DGA404	CHÓT/DGA404	4.730	10%
8930	268331-5	PISTON PIN/EA3601F	CHÓT PISTON/EA3601F	51.840	8%
8931	268335-7	PIN 3/EK8100	CHÓT 3/EK8100	8.800	10%
8932	268339-9	PISTON PIN 9/EA4301F	CHÓT PISTON 9/EA4301F	2.160	8%
8933	268341-2	PIN 6/DJR186	CHÓT 6/DJR186	9.350	10%
8934	270248-000	BUSHING SET COVER/SJ401	GIA ĐỒ VỎ/SJ401	23.320	10%
8935	270251-000	CONNECTOR/SJ401	THANH NỐI/SJ401	51.370	10%
8936	270252-000	BEARING FENCE/SJ401	NÁP CHÂN BÍ/SJ401	14.080	10%
8937	270308-000	PLATE COVER/SJ401	NÁP CHỤP/SJ401	132.840	8%
8938	270309-000	HOLD DOWN FOOT/SJ401	CHÂN GIỮ/SJ401	36.720	8%
8939	270310-000	BLADE SUPPORTER & GUARD/SJ401	THANH BẢO VỆ LƯỚI/SJ401	69.960	10%
8940	270311-000	TILT BRACKET/SJ401	GIA ĐỖ/SJ401	65.340	10%
8941	270344S	SEAL-O/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	177.120	8%
8942	271072-4	HANDLE 100/LC1230	CÁN ĐIỀU CHỈNH/LC1230	139.920	10%
8943	271073-2	HANDLE 100/2704	TAY CẦM 100/2704	174.096	8%
8944	271074-0	ARM 60/2704	CÁN QUAY 60/2704	64.152	8%
8945	271207-7	KNOB 55/4107R	NÚM XOAY 55/4107R	201.528	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
8946	271213-2	KNOB 52/3600H	ỐC VÍT 52/3600H	91.584	8%
8947	271226-3	KNOB 50/1911B	ỐC VÍT 50/1911B	88.000	10%
8948	271231-0	KNOB 46/1900B	NÚM CHỈNH ĐỘ SÀU LƯỖI BẢO/1900B	87.048	8%
8949	271249-1	KNOB 64/1804N	ỐC VÍT 64/1804N	139.920	10%
8950	271296-2	KNOB 45/2012NB	NÚM XOAY 45/2012NB	50.436	8%
8951	271315-4	KNOB 42/MT190	ỐC 42/MT190	32.670	10%
8952	271318-8	KNOB 37/2704	NÚT VẬN BĂNG NHỰA 37/2704	50.436	8%
8953	271320-1	KNOB 37/2704	NÚT VẬN BĂNG NHỰA 37/2704	96.228	8%
8954	271325-1	KNOB 55/MT941	ỐC 55/MT941	51.370	10%
8955	271329-3	KNOB 50/MT111	NÚM ĐIỀU CHỈNH 50/MT111	54.972	8%
8956	271331-6	KNOB 40/LW1400	TAY CÀM 40/LW1400	59.616	8%
8957	271417-6	DIAL 28/9237C	NÚT ĐIỀU CHỈNH 28/9237C	59.616	8%
8958	271421-5	THUMB PIPE 23/4131	NÚT KHÓA/4131	43.200	8%
8959	271422-3	KNOB 28/DCS232T	ỐC NÁP GIÓ 28/DCS232T	17.280	8%
8960	271423-1	KNOB 32/2704	NÚM XOAY 32/2704	41.256	8%
8961	271427-3	DIAL 28/BUH550	NÚT VOLUME TĂNG GIAM/BUH550	22.896	8%
8962	271428-1	KNOB 20/LS002GZ	NÚT CÔNG TÁC 20/LS002GZ	18.360	8%
8963	271429-9	KNOB 44/MT192	NÚT TĂNG GIAM LƯỖI CAT/MT192	22.896	8%
8964	271431-2	HANDLE 120/MT243	TAY CÀM 120/MT243	18.360	8%
8965	271432-0	LEVER 107/HS0600	CÀN GẠT/HS0600	102.630	10%
8966	271433-8	LEVER 59/RS001G	CÀN GẠT 59/RS001G	50.436	8%
8967	271435-4	LEVER 48/RS001G	THÀNH GẠT 48/RS001G	18.360	8%
8968	271437-0	KNOB 22/DLS111	ỐC/DLS111	9.180	8%
8969	271441-9	LEVER 19/JV103D	CÀN GẠT/JV103D	38.880	8%
8970	271443-5	LEVER 49/4100KB	CÀN GẠT/4100KB	45.792	8%
8971	271446-9	LEVER 45/DHS660	CÀN GẠT 45/DHS660	32.670	10%
8972	271447-7	LEVER 110/DHS780	CÀN GẠT 110/DHS780	42.020	10%
8973	271448-5	LEVER 37/DHS780	CÀN GẠT 37/DHS780	22.896	8%
8974	271450-8	LEVER 37/DHS782	CÀN GẠT 37/DHS782	32.076	8%
8975	271451-6	LEVER 55/DHS900	CÀN GẠT 55/DHS900	36.720	8%
8976	271453-2	LEVER 132/DHS900	CÀN GẠT 132/DHS900	42.020	10%
8977	271460-5	LEVER 90/HS003G	THÀNH ĐIỀU CHỈNH 90/HS003G	42.020	10%
8978	271462-1	LEVER 54/DPB183	CÀN GẠT 54/DPB183	36.720	8%
8979	271463-9	GRIP 38/LS002G	TAY CÀM 38/LS002G	105.408	8%
8980	271464-7	GRIP 46/LS002G	TAY CÀM 46/LS002G	425.952	8%
8981	271465-5	LEVER 24/LS002G	CÀN GẠT 24/LS002G	23.320	10%
8982	271466-3	LEVER 30/LS002G	THÀNH GẠT 30/LS002G	130.680	10%
8983	271467-1	LEVER 40/RS002G	CÀN GẠT 40/RS002G	37.400	10%
8984	271468-9	LEVER 56/RS001G	CÀN CHUYỂN GÓC/RS001G	41.256	8%
8985	271470-2	LEVER 65/PB002G	CÀN GẠT/PB002G	59.616	8%
8986	271471-0	LEVER 24/JR002G	CÀN GẠT CHUYỂN CHẾ ĐỘ 24/JR002G	172.590	10%
8987	271472-8	DIAL 28/PV001G	NĂM XOAY ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ 28/PV001G	100.764	8%
8988	271474-4	LEVER 37/HS012G	CÀN GẠT 37/HS012G	18.360	8%
8989	271483-3	LEVER 39/PS001G	THÀNH GẠT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/PS001G	142.020	8%
8990	271601-3	KNOB 20/JV101D	NÚT NHẤN 20/JV101D	13.824	8%
8991	271617-8	DIAL 28/DTM51	NÚT TĂNG GIAM TỐC ĐỘ/DTM51	37.400	10%
8992	272019-1	HANDLE 120/2416S	TAY CÀM 120/2416S	74.800	10%
8993	272021-4	HANDLE 120/2414NB	TAY CÀM 120/2414NB	23.320	10%
8994	272027-2	HANDLE 120/LW1400	TAY CÀM 120/LW1400	18.700	10%
8995	272028-0	HANDLE 160/2012NB	TAY QUAY 160/2012NB	77.868	8%
8996	272223-2	LEVER 60/2107F	CÀN GẠT 60/2107F	279.396	8%
8997	272229-0	LEVER 40/9032	CÀN GẠT 40/9032	28.050	10%
8998	272230-5	LEVER 54/DPB181	CÀN GẠT 54/DPB181	18.360	8%
8999	272231-3	LEVER 17/4304	CÀN GẠT 17/4304	187.812	8%
9000	272239-7	LEVER 18/4328	CÀN GẠT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/4328	36.720	8%
9001	272244-4	LEVER 17/4350CT	CÀN GẠT 17/4350CT	22.000	10%
9002	272247-8	LEVER 20/JR3060T	CÀN GẠT/JR3060T	111.980	10%
9003	272248-6	LEVER 120/2704	CÀN GẠT 120/2704	87.048	8%
9004	272253-3	LEVER 56/HS0600	CÀN GẠT/HS0600	32.076	8%
9005	272258-3	LEVER 37/DHS710	CÀN GẠT/DHS710	28.050	10%
9006	272263-0	LEVER 40/PJ7000	CÀN GẠT/PJ7000	22.896	8%
9007	272266-4	LEVER 25/DLS600	CÀN GẠT/DLS600	135.300	10%
9008	272267-2	LEVER 19/JV100D	CÀN GẠT 19/JV100D	37.400	10%
9009	272268-0	LEVER 94/EX2650LH	CÀN GẠT 94/EX2650LH	35.200	10%
9010	272269-8	LEVER 18/JV0600	CÀN GẠT 18/JV0600	37.400	10%
9011	272272-9	LEVER 45/DCSS51	CÀN GẠT 45/DCSS51	32.670	10%
9012	272279-5	LEVER PLATE/DHS710	CÀN GẠT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHS710	42.020	10%
9013	272280-0	LEVER 17/4350CT	CÀN GẠT/4350CT	23.320	10%
9014	272282-6	LEVER 60/DHS680	CÀN GẠT/DHS680	14.080	10%
9015	272285-0	LEVER 48/DCSS51	CÀN GẠT 48/DCSS51	23.320	10%
9016	272286-8	LEVER 125/LW1400	CÀN GẠT 125/LW1400	163.240	10%
9017	272408-0	KNOB 44/MT191	ỐC 42/MT191	59.616	8%
9018	273015-2	GRIP 50A/DLS111	TAY CÀM/DLS111	132.840	8%
9019	273016-0	GRIP 50 B/DLS111	TAY CÀM/DLS111	128.304	8%
9020	273025-9	FRONT GRIP 26/DCE090	TAY CÀM 26/DCE090	508.420	10%
9021	273030-6	GRIP/PB002G	TAY CÀM/PB002G	265.680	8%
9022	273499-4	GRIP 34/PV7001C	TAY CÀM/PV7001C	73.332	8%
9023	273518-6	GRIP 37/HM1306	TAY CÀM 37/HM1306	177.320	10%
9024	273523-3	GRIP/2704	TAY CÀM/2704	41.256	8%
9025	273525-9	GRIP/DPB180	TAY CÀM/DPB180	261.036	8%
9026	273526-7	GRIP 18/BUR182U	TAY CÀM/BUR182U	5.400	8%
9027	273603-5	GRIP/5016B	TAY CÀM/5016B	251.856	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9028	273614-0	GRIP/2107F	TAY CÀM/2107F	114.480	8%
9029	273623-9	GRIP/9741	TAY CÀM/9741	302.292	8%
9030	273655-6	GRIP/4114S	TAY CÀM/4114S	730.080	8%
9031	273665-3	GRIP/BHX2500	NÁP TAY CÀM/BHX2500	56.160	8%
9032	273666-1	GRIP 50/LS1016L	NÀM XOAY CHINH GÓC 50/LS1016L	114.480	8%
9033	273675-0	GRIP A/DLM431	TAY CÀM A/DLM431	60.480	8%
9034	273676-8	GRIP B/DLM382	TAY CÀM B/DLM382	38.880	8%
9035	281007-7	HOLDER/1804N	MÓC TREO/1804N	17.600	10%
9036	281019-0	HOOK/DSC102	MÓC/DSC102	238.140	8%
9037	281020-5	HOOK/JR3061T	MÓC GAI/JR3061T	43.200	8%
9038	281040-9	HOSE CLAMP 110/PM001G	VÒNG KÉP ỐNG 110/PM001G	237.930	10%
9039	281216-8	HANGER/2414NB	THÀNH GÀI BẰNG SẮT/2414NB	4.644	8%
9040	281223-1	HOOK/DJR187	MÓC TREO/DJR187	38.880	8%
9041	2814345	GRIP-STARTER/PLM4631N2	GIẤY GIẬT KHỎI ĐỘNG/PLM4631N2	198.720	8%
9042	282015-1	CHAIN/LW1401	ĐÂY XÍCH/LW1401	23.320	10%
9043	282016-9	CHAIN/2414NB	ĐÂY XÍCH/2414NB	18.700	10%
9044	282018-5	D-RING/TW1000	VÒNG ĐỆM/TW1000	139.920	10%
9045	282020-8	HOSE CLAMP/BHX2500	PHE GAI/BHX2500	4.400	10%
9046	282022-4	RING 40/TW007GZ	VÒNG ĐỆM 40/TW007GZ	46.640	10%
9047	282024-0	HOSE CLAMP 76/PM7650H	VÒNG NÉP ỐNG 76/PM7650H	5.500	10%
9048	282025-8	HOSE CLAMP 100/EB7650TH	VÒNG KHÓA 100/EB7650TH	48.400	10%
9049	282027-4	HOSE CLAMP 6/PM7650H	PHE GAI 6/PM7650H	4.400	10%
9050	282028-2	TUBE CLIP/EK6101	VÒNG GAI CHỮ C/EK6101	4.400	10%
9051	284010-7	REAR COVER/2416S	VỎ ĐUÔI MÁY/2416S	73.440	8%
9052	284040-8	REAR COVER/1804N	VỎ MÁY/1804N	65.880	8%
9053	284056-3	REAR COVER/HR3520	VỎ ĐUÔI MÁY/HR3520	238.140	8%
9054	284059-7	REAR COVER/HM0810	NÁP BẢO VỆ/HM0810	41.256	8%
9055	284065-2	REAR COVER/6906	VỎ ĐUÔI MÁY/6906	210.708	8%
9056	284068-6	REAR COVER/1804N	VỎ MÁY/1804N	416.772	8%
9057	285012-6	BEARING COVER 30/1900B	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/1900B	14.080	10%
9058	285015-0	BEARING COVER 34/6905B	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/6905B	27.540	8%
9059	285022-3	BEARING COVER 38/1804N	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN 38/1804N	51.370	10%
9060	285024-9	BEARING RETAINER 55/CA5000	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/CA5000	60.480	8%
9061	285025-7	BEARING RETAINER 19-33/MT413	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/MT413	23.320	10%
9062	285030-4	BEARING RETAINER 14-23/DFL201F	NÁP CHỤP GIỮ BẠC ĐẠN 14-23/DFL201F	174.096	8%
9063	285031-2	BEARING RETAINER 51/DJR188	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DJR188	18.700	10%
9064	285032-0	BEARING RETAINER 55/DJR188	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN /DJR188	18.700	10%
9065	285033-8	BEARING RETAINER 81/JR3061T	NÁP CHẤN BẠC ĐẠN 81/JR3061T	22.000	10%
9066	285034-6	BEARING RETAINER/M9800B	VÒNG HẠM BẠC ĐẠN/M9800B	32.076	8%
9067	285035-4	BEARING RETAINER 13-18/DFL020	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN 13-18/DFL020	65.340	10%
9068	285036-2	BEARING RETAINER 80/JR3051T	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN 80/JR3051T	23.320	10%
9069	285038-8	BEARING RETAINER 80/JR001	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN 80/JR001	22.000	10%
9070	285039-6	BEARING RETAINER 23-33/GA4050	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/GA4050	28.050	10%
9071	285043-5	BEARING RETAINER 52/LS002G	NÁP BẢO VỆ BẠC ĐẠN 52/LS002G	32.670	10%
9072	285044-3	BEARING RETAINER 48/DDA450	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN 48/DDA450	23.320	10%
9073	285045-1	BEARING RETAINER 36-43/GA5080	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN 36-43/GA5080	60.720	10%
9074	285048-5	BEARING RETAINER 27-46/GA5090	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN 27-46/GA5090	9.350	10%
9075	285049-3	BEARING RETAINER 33-59/CE001G	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN 33-59/CE001G	14.080	10%
9076	285050-8	BEARING RETAINER 69/JR002G	TẤM THÉP CỎ ĐINH 69/JR002G	28.050	10%
9077	285051-6	BEARING RETAINER 80/JR002G	TẤM THÉP CỎ ĐINH 80/JR002G	23.320	10%
9078	285053-2	BEARING RETAINER 19-26/VR001G	MIẾNG GIỮ BẠC ĐẠN 19-26/VR001G	32.670	10%
9079	285055-8	BEARING RETAINER 33/DJR189	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN 33/DJR189	18.700	10%
9080	285058-2	RETAINER/DFL303F	ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DFL303F	396.440	10%
9081	285059-0	RETAINER/RP001G	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/RP001G	59.616	8%
9082	285060-5	BEARING RETAINER 17-32/GD001G/GD002G	VÒNG GIỮ BẠC ĐẠN 17-32/GD001G/GD002G	55.990	10%
9083	285621-1	BEARING RETAINER 47/9105	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/9105	132.000	10%
9084	285657-0	BEARING RETAINER 50/3600H	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/3600H	46.640	10%
9085	285661-9	BEARING RETAINER/9741	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/9741	55.990	10%
9086	285685-5	BEARING RETAINER 64/LH1040	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/LH1040	14.080	10%
9087	285687-1	BEARING RETAINER 48/9237C	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/9237C	51.370	10%
9088	285688-9	BEARING RETAINER 57/9067	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/9067	32.670	10%
9089	285689-7	BEARING RETAINER 55/SP6000	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/SP6000	13.200	10%
9090	285698-6	BEARING RETAINER 33/2012NB	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/2012NB	9.350	10%
9091	285700-5	BEARING RETAINER/GD0800C	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/GD0800C	219.230	10%
9092	285702-1	BEARING RETAINER/B06030	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/B06030	37.400	10%
9093	285704-7	BEARING RETAINER 69/MT954	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT954	18.360	8%
9094	285708-9	BEARING RETAINER 50/4112HS	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/4112HS	93.280	10%
9095	285709-7	BEARING RETAINER 44/TW0200	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/TW0200	42.020	10%
9096	285711-0	BEARING RETAINER 50/MT362	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/MT362	18.700	10%
9097	285718-6	BEARING RETAINER/JR3050T	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/JR3050T	17.600	10%
9098	285719-4	BEARING RETAINER A/JR3060T	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/JR3060T	32.670	10%
9099	285720-9	BEARING RETAINER B/JR3060T	VÒNG ĐỆM/JR3060T	32.670	10%
9100	285722-5	BEARING RETAINER 15-26/DFL204F	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/DFL204F	270.216	8%
9101	285723-3	BEARING RETAINER 18-30/DFL301F	NÁP CHỤP GIỮ BẠC ĐẠN 18-30/DFL301F	357.264	8%
9102	285724-1	BEARING RETAINER 50/GA7020	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/GA7020	14.080	10%
9103	285726-7	BEARING RETAINER 63/DJR181	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DJR181	23.320	10%
9104	285728-3	BEARING RETAINER 39/GA5010	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/GA5010	9.350	10%
9105	285729-1	BEARING RETAINER 48/HM1306	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/HM1306	13.824	8%
9106	285730-6	BEARING RETAINER 65/HM1306	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/HM1306	27.540	8%
9107	285731-4	BEARING RETAINER 60/RP2301FC	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN 60/RP2301FC	70.400	10%
9108	285732-2	BEARING RETAINER 51/LS1019L	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN 51/LS1019L	14.080	10%
9109	285735-6	BEARING RETAINER/HR2300	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/HR2300	14.080	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9110	285737-2	BEARING RETAINER/MT450	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/MT450	35.200	10%
9111	285738-0	BEARING RETAINER 36/JR105D	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/JR105D	13.824	8%
9112	285739-8	BEARING RETAINER 20-34/DFL651F	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DFL651F	415.140	10%
9113	285740-3	BEARING RETAINER 66/DJR186	VÒNG ĐỆM/DJR186	12.960	8%
9114	285741-1	BEARING RETAINER 50/GA7060	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN 50/GA7060	14.080	10%
9115	285742-9	BEARING RETAINER 59/GA7061R	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/GA7061R	22.896	8%
9116	285802-7	BEARING RETAINER 19-33/5806B	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/5806B	46.640	10%
9117	285805-1	BEARING RETAINER 22-34/9207SPB	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/9207SPB	39.600	10%
9118	285806-9	BEARING RETAINER 19-36/DP4010	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DP4010	42.020	10%
9119	285807-7	BEARING RETAINER 22-36/4131	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/4131	42.020	10%
9120	285809-3	BEARING RETAINER 23-36/N5900B	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/N5900B	22.896	8%
9121	285815-8	BEARING RETAINER 19-33/4100NB	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/4100NB	46.640	10%
9122	285816-6	BEARING RETAINER 19-33/9207SPB	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/9207SPB	46.640	10%
9123	285818-2	BEARING RETAINER 12-33/9045B	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/9045B	41.256	8%
9124	285819-0	BEARING RETAINER 22-33/4140	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/4140	38.880	8%
9125	285824-7	BEARING RETAINER 31-48/GS5000	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/GS5000	51.840	8%
9126	285834-4	BEARING RETAINER 19-33/4100NH2	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/4100NH2	21.600	8%
9127	285839-4	BEARING RETAINER/HP2050	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/HP2050	55.990	10%
9128	285840-9	BEARING RETAINER 19-33/4100NH3	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/4100NH3	23.320	10%
9129	285841-7	BEARING RETAINER/9563C	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/9563C	42.020	10%
9130	285842-5	BEARING RETAINER 36-43/DA331D	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DA331D	69.960	10%
9131	285843-3	BEARING RETAINER 19-29/DHS660	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DHS660	42.020	10%
9132	285845-9	BEARING RETAINER 19-29/DHS680	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DHS680	18.700	10%
9133	285847-5	BEARING RETAINER 14-23/BCS550	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/BCS550	46.640	10%
9134	285848-3	BEARING RETAINER 23-36/MT621	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/MT621	22.896	8%
9135	285849-1	RETAINER/RP1800	LONG ĐẼN/RP1800	102.630	10%
9136	285851-4	BEARING RETAINER/GA7050	ĐỆM BẠC ĐẠN/GA7050	9.350	10%
9137	285852-2	BEARING RETAINER 19-33/DHS710	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DHS710	23.320	10%
9138	285854-8	BEARING RETAINER 20-33/GA4040	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/GA4040	23.320	10%
9139	285857-2	BEARING RETAINER/DTM51	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DTM51	13.824	8%
9140	285858-0	BEARING RETAINER 19-33/4100KB	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN 19-33/4100KB	60.720	10%
9141	286032-3	CAP 5/4350CT	CHÓT TẮNG GIÂM/4350CT	18.700	10%
9142	286036-5	CAP/DHS660	NÚT CAO SU CÁN GAT/DHS660	9.180	8%
9143	286037-3	CAP 34/HR140D	NẮP CHỤP 34/HR140D	13.824	8%
9144	286039-9	CAP/DSP601	NẮP ĐÁY/DSP601	8.640	8%
9145	286040-4	CAP/DSP601	NẮP CHỤP/DSP601	18.360	8%
9146	286041-2	CAP 14/DSP601	NẮP CHỤP/DSP601	13.824	8%
9147	286043-8	CAP 32/DGP180	VỎ ĐẦU MÁY/DGP180	12.960	8%
9148	286044-6	CAP 13/LS002G	NÚT CAO SU 13/L.S002G	9.180	8%
9149	286045-4	CAP 40/RS002G	NÚT KHÓA 40/RS002G	41.256	8%
9150	286212-1	CAP 20/2704	MIỀNG LỚT 20/2704	9.180	8%
9151	286231-7	CAP 15/1804N	NÚT 15/1804N	17.280	8%
9152	286235-9	CAP 11/3612br	NÚT NHẤN/3612BR	14.080	10%
9153	286236-7	CAP 16/LC1230	MIỀNG LỚT 16/LC1230	13.824	8%
9154	286238-3	CAP 19/RM350D	NẮP 19/RM350D	13.824	8%
9155	286255-3	CAP 13/DLS600	CHĂN CAO SU/DLS600	9.180	8%
9156	286263-4	CAP 35/DHR165	CAO SU ĐẦU GÀI/DHR165	13.824	8%
9157	286265-0	CAP 31/HR2010	CAO SU ĐẦU GÀI/HR2010	13.824	8%
9158	286268-4	CAP 31/4114S	NẮP CHỤP/4114S	4.320	8%
9159	286270-7	CAP 11/MT362	CHÓT KHÓA/MT362	9.180	8%
9160	286272-3	TOOL HOLDER CAP/HR4002	ĐẦU CHỤP/HR4002	34.560	8%
9161	286282-0	TOOL HOLDER CAP/HR3200C	ĐẦU CHỤP/HR3200C	41.256	8%
9162	286283-8	CAP 38/DHK180	NẮP CHỤP 38/DHK180	27.540	8%
9163	286284-6	CAP/EM2550UH	NẮP ĐÁY/EM2550UH	8.640	8%
9164	286285-4	TOOL HOLDER CAP/HR4511C	ĐẦU CHỤP/HR4511C	36.720	8%
9165	286287-0	TOOL HOLDER CAP/HM0870C	ĐẦU CHỤP/HM0870C	22.896	8%
9166	286288-8	CAP 35/DHR242	CAO SU ĐẦU GÀI/DHR242	9.180	8%
9167	286289-6	CAP 32/4112HS	NẮP CHỤP/4112HS	82.512	8%
9168	286291-9	CAP/RBC411	NẮP CHẶN ĐÁY GA/RBC411	21.600	8%
9169	286292-7	TOOL HOLDER CAP/HR4013C	ĐẦU CHỤP/HR4013C	36.720	8%
9170	290077-000	ARM PIN/SJ401	CHÓT HẮM/SJ401	74.690	10%
9171	290078-000	TENSION ADJUSTING BOLT/SJ401	CHÓT HẮM/SJ401	18.700	10%
9172	290079-000	SUPPORT ROD/SJ401	TRỤC HỖ TRỢ/SJ401	54.972	8%
9173	290081-000	DUST BLOWER/SJ401	ÔNG THỜI BỤI/SJ401	36.720	8%
9174	299819S	SEAL/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM/PLM4631N2	233.280	8%
9175	302043-003	SWITCH CASE/SJ401	HỘP CÔNG TÁC/SJ401	96.228	8%
9176	303000-001	BRUSH HOLDER CAP/SJ401	NẮP Ồ THAN/SJ401	13.824	8%
9177	303071-001	KNOB/SJ401	NÚT VẶN/SJ401	27.540	8%
9178	303201-000	ARM LINK/SJ401	THÀNH LIÊN KẾT/SJ401	23.320	10%
9179	303202-000	BLADE STORAGE CASE/SJ401	HỘP DƯ TRỮ LỬO/SJ401	32.076	8%
9180	303204-003	MOTOR REAR COVER/SJ401	VỎ PHÍA SAU STATO/SJ401	109.944	8%
9181	303205-001	BRUSH HOLDER/SJ401	Ồ THAN/SJ401	82.512	8%
9182	303207-000	CONTROL KNOB/SJ401	NÚT VẶN/SJ401	54.972	8%
9183	303209-000	HOSE/SJ401	ÔNG CAO SU/SJ401	13.824	8%
9184	303242-000	POINTER/SJ401	KIM CHỈA VẠCH/SJ401	13.824	8%
9185	303259-001	SWITCH COVER/SJ401	ỚP CÔNG TÁC/SJ401	18.360	8%
9186	310028-3	SLIDER/4304	CHÓT THÉP/4304	288.576	8%
9187	310052-6	SHOULDER PIN 8/HR4500C	CHÓT 8/HR4500C	32.670	10%
9188	310086-9	WISE/LC1230	THÀNH CỨ/LC1230	829.440	8%
9189	310108-5	TOOL RETAINER/HM0870C	CHÓT GIỮ MŨI/HM0870C	96.228	8%
9190	310134-4	SLIDER/4350CT	CHÓT THÉP/4350CT	357.264	8%
9191	310135-2	PUSH PIN/4350CT	CHÓT LAVET/4350CT	60.720	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9192	310136-0	BLADE HOLDER/4350CT	BỘ GIỮ LƯỖI/4350CT	283.932	8%
9193	310145-9	LOCK RING/HM0870C	VÒNG CHUYỀN CHÉ ĐỒ/HM0870C	209.880	10%
9194	310147-5	CARRIER/6922NB	KHỚP NHÔNG NỘI/6922NB	3.338.280	8%
9195	310148-3	CARRIER/DFL302F	HỘP NHÔNG/DFL302F	920.484	8%
9196	310154-8	BEARING BOX/TW1000	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/TW1000	613.656	8%
9197	310157-2	CHIP LEVER/6924N	CỎ/6924N	618.192	8%
9198	310158-0	CARRIER A/6924N	GIÁ ĐỖ/6924N	4.477.440	10%
9199	310159-8	CARRIER B/6924N	GIÁ ĐỖ/6924N	4.906.550	10%
9200	310161-1	TOOL RETAINER/HR4002	CHÓT GIỮ MŨI/HR4002	105.408	8%
9201	310176-8	STOPPER/DPT351	CHÓT/DPT351	60.720	10%
9202	310185-7	SPINDLE/DTW450	TRỤC NHÔNG/DTW450	993.708	8%
9203	310257-8	TOOL RETAINER/DHR400	CHÓT GIỮ MŨI/DHR400	181.940	10%
9204	310279-8	TOOL RETAINER/HM1203C	CHÓT GIỮ MŨI/HM1203C	158.620	10%
9205	310285-3	DRIVING SLEEVE/DJR181	ĐẦU LẠI THAY LƯỖI/DJR181	135.300	10%
9206	310300-3	SPRING GUIDE/BO3710	VÒNG ĐỆM/BO3710	9.350	10%
9207	310301-1	BALANCER/BO3710	CANH LỆCH TÂM/BO3710	82.512	8%
9208	310344-3	BEARING BOX/HR2300	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/HR2300	50.436	8%
9209	310345-1	PISTON CYLINDER/DHR242	BỘ XILANH PISTON/DHR242	155.736	8%
9210	310485-5	LOCK PIN/JV0600K	CHÓT CHẶN/JV0600K	88.660	10%
9211	310496-0	DRIVING SLEEVE/JR103D	ÔNG ĐỆM/JR103D	186.560	10%
9212	310508-9	JOINT SLEEVE/GA4040	CHÓT GÀI/GA4040	39.600	10%
9213	310514-4	LEAD FLANGE/DGA506Z	NÁP CHẶN TRỤC MÁY/DGA506Z	195.910	10%
9214	310516-0	LEAD FLANGE B/DGA406	NÁP CHẶN CỐT NHÔNG/DGA406	247.320	8%
9215	310533-0	ANGULAR PLATE/EN420MP	TẮM ĐỆM CHIA GÓC/EN420MP	950.400	10%
9216	310534-8	CAM A/EN420MP	KHỚP NHÔNG/EN420MP	47.520	8%
9217	310535-6	CAM B/EN420MP	NHÔNG CAM/EN420MP	254.880	8%
9218	310547-9	BLADE HOLDER/DJV181	GIÁ GIỮ LƯỖI/DJV181	233.200	10%
9219	310658-0	DRIVING SLEEVE/JR3060T	ĐẦU LẠI THAY LƯỖI/JR3060T	247.320	8%
9220	310661-1	LOCK SLEEVE/DJR187	VÒNG KHÓA/DJR187	4.400	10%
9221	310662-9	DRIVING SLEEVE/DJR186	ĐẦU KHÓA MỎ LƯỖI/DJR186	132.840	8%
9222	310663-7	ROLLER/DJR186	RU LỎ/DJR186	9.180	8%
9223	310674-2	VALVE STOPPER/EK6101	MIẾNG ĐỆM VAN/EK6101	30.800	10%
9224	310675-0	ECCENTRIC DISK/EK6101	Đĩa LỆCH TÂM/EK6101	73.440	8%
9225	310678-4	CLUTCH CAM/HR004G	KHỚP NHÔNG/HR004G	27.540	8%
9226	310683-1	JOINT SLEEVE/GA4040	CHÓT GÀI/GA4040	102.630	10%
9227	310686-5	SLIDER PLATE/DSD180	THÀNH TRƯỢT/DSD180	12.960	8%
9228	310687-3	SLIDER GUIDE/DSD180	THÀNH DẪN HƯỚNG/DSD180	43.200	8%
9229	310715-4	CAM LIFTER L/EB7650TH	CÁN ĐẦY L/EB7650TH	26.400	10%
9230	310716-2	FLOAT CHAMBER/RBC411U	NÁP ĐỰNG PHẠO XĂNG/RBC411U	39.600	10%
9231	310739-0	CAM LIFTER/EB5300TH	CÁN ĐẦY CAM NHÔNG/EB5300TH	17.280	8%
9232	310774-8	HOLDER/RBC411U	NÁP GIỮ BỘ LY HỘP/RBC411U	149.600	10%
9233	310777-2	CONTACT TOP COVER/DPT353	NÁP CHỤP/DPT353	284.570	10%
9234	310778-0	ARM/DPT353	TRỤC/DPT353	219.230	10%
9235	310800-3	LEAD FLANGE/DGA700	NÁP CHẶN CỐT NHÔNG/DGA700	178.632	8%
9236	310803-7	TURN STOPPER/DLS111	CHÓT KHÓA/DLS111	32.076	8%
9237	310810-0	BLADE GUIDE/JV103D	BỘ GIỮ LƯỖI/JV103D	181.440	8%
9238	310811-8	BLADE CLAMP/JV103D	BỘ KẸP LƯỖI/JV103D	64.800	8%
9239	310812-6	BALANCE PLATE/JV103D	TẮM ĐỆM ĐẦU NHÔNG/JV103D	171.600	10%
9240	310814-2	CUTTER A/DTR180	DAO CẮT A/DTR180	251.856	8%
9241	310815-0	CUTTER B/DTR180	DAO CẮT B/DTR180	293.112	8%
9242	310831-2	LOCK RING/DA333D	VÒNG KHÓA/DA333D	84.040	10%
9243	310832-0	LOCK CAM/DA333D	KHỚP NHÔNG/DA333D	68.688	8%
9244	310837-0	SLIDER/DJV181	THÀNH TRƯỢT/DJV181	247.320	8%
9245	310848-5	DRIVING SLEEVE/JR3061T	ÔNG ĐỆM/JR3061T	135.300	10%
9246	310859-0	PUSH PIN/JR3061T	CHÓT LA VẾT/JR3061T	4.400	10%
9247	310864-7	WIRE GUIDE A/DTR180	MIẾNG ĐỆM DẪN DÂY/DTR180	261.036	8%
9248	310866-3	BEARING RTAINER/DTR180	MIẾNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DTR180	55.990	10%
9249	310869-7	COUNTER WEIGHT/DHR280	CÁN ĐỐI TRONG/DHR280	82.512	8%
9250	310876-0	CHANGE RING/DDA460	KHỚP NHÔNG/DDA460	201.528	8%
9251	310879-4	HAND GUARD GUIDE/DUC254	MIẾNG ĐỆM TAY CẦM/DUC254	12.960	8%
9252	310891-4	BASE/LS1019L	ĐẾ/LS1019L	2.873.090	10%
9253	310907-5	ROLLER SHAFT 6.4/DRV250	TRỤC LĂN/DRV250	453.384	8%
9254	310908-3	GUIDE PLATE L/DRV250	MIẾNG ĐỆM L/DRV250	184.800	10%
9255	310909-1	GUIDE PLATE R/DRV250	MIẾNG ĐỆM R/DRV250	184.800	10%
9256	310912-2	PUSH PIN/JR3061T	CHÓT LA VẾT/JR3061T	46.640	10%
9257	310913-0	LOCK PLATE/DHR182	MIẾNG ĐỆM KHÓA/DHR182	163.240	10%
9258	310925-3	COUNTER WEIGHT B/DFN350	THÀNH ĐỐI TRONG B/DFN350	247.320	8%
9259	310926-1	STOPPER/HR2670FT	VÒNG CHẶN/HR2670FT	116.600	10%
9260	310927-9	WEIGHT RETAINER/HR3001C	VÒNG HẠM/HR3001C	64.152	8%
9261	310929-5	PUSH CORN/HR3001C	THÀNH ĐẦY/HR3001C	13.824	8%
9262	310931-8	STEEL BALL 4/LS1016	BÍ SẮT 4/LS1016	990.000	10%
9263	310935-0	ROLLER SHAFT 4.8/DRV250	TRỤC LĂN 4.8/DRV250	447.810	10%
9264	310941-5	SET PLATE/DFN350	THÀNH DẪN ĐINH/DFN350	1.153.980	8%
9265	310942-3	DRIVER GUIDE/DFN350	THÀNH DÂY/DFN350	966.276	8%
9266	310943-1	CENTER PLATE/DFN350	THÀNH DẪN/DFN350	1.002.888	8%
9267	310945-7	LOCK BLOCK/DFN350	CHÓT KHÓA/DFN350	144.650	10%
9268	310953-8	INTERNAL GEAR CASE/WR100D	HỘP NHÔNG/WR100D	56.160	8%
9269	310960-1	SLIDER/DGP180	THÀNH TRƯỢT/DGP180	123.660	8%
9270	310961-9	SLIDER GUIDE/DGP180	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT/DGP180	92.400	10%
9271	310978-2	BLADE CLAMP/JR102D	BỘ GIỮ LƯỖI/JR102D	316.008	8%
9272	310983-9	SLEEVE 5/DUH604S	MIẾNG ĐỆM 5/DUH604S	14.080	10%
9273	310991-0	ROLLER/JR001	CON LĂN/JR001	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9274	311714-9	VICE NUT/2416S	GÁ ĐỠ/2416S	752.400	10%
9275	311717-3	YOKE/JS1602	BÀN ĐỀ CẮT/JS1602	2.453.760	8%
9276	311928-0	CHIP LEVER/6922NB	CÀN GẠT CÔNG TÁC/6922NB	673.164	8%
9277	311930-3	ROD SUPPORTER/6922NB	KHỚP NHÔNG/6922NB	1.337.148	8%
9278	311949-2	SCREW GUIDE/2414NB	ỐC DẪN HƯỚNG/2414NB	722.920	10%
9279	312023-9	BASE/N1900B	ĐỀ CỬA MÁY BAO/N1900B	705.240	8%
9280	312098-8	BEARING BOX/5900B	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/5900B	316.008	8%
9281	312468-1	BEARING BOX/5103N	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/5103N	488.160	8%
9282	312533-6	SAFETY COVER/5201N	CHỤP BẢO VỆ/5201N	1.010.880	8%
9283	312722-3	GEAR HOUSING COVER/9207SPB	NÁP HỘP NHÔNG/9207SPB	518.400	8%
9284	312795-6	BEARING BOX/9207SPB	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/9207SPB	387.200	10%
9285	312808-3	GEAR COVER/9924DB	NÁP HỘP NHÔNG/9924DB	285.120	8%
9286	312809-1	DUST COLLECTOR COVER/9924DB	NÁP CHÂN BỤI/9924DB	211.680	8%
9287	312810-6	DUST COLLECTOR BRACKET/9924DB	HỘP CHÂN BỤI/9924DB	531.360	8%
9288	312884-7	CHIP COVER/1804N	NÁP CHÂN BỤI/1804N	11.880	8%
9289	312886-3	CHIP COVER/1805N	NÁP CHÂN BỤI/1805N	19.440	8%
9290	312951-8	FRONT BASE/1911B	ĐỀ TĂNG GIAM LƯỖI BAO/1911B	1.343.520	8%
9291	312952-6	REAR BASE/1911B	ĐỀ MÁY BAO/1911B	1.333.200	10%
9292	312956-8	ROD/HM0810	TAY DẪN/HM0810	270.216	8%
9293	312998-2	BEARING BOX/9500NB	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/9500NB	149.270	10%
9294	312A03-1	SLEEVE 28/DUA300	ĐỆM NGOÀI 28/DUA300	79.310	10%
9295	312A10-4	BRACKET/DBS180	NÁP BẠC ĐẠN/DBS180	475.750	10%
9296	312A28-5	SIDE HANDLE BASE A/HM1511	KEP TAY CẮM A/HM1511	270.600	10%
9297	312A29-3	SIDE HANDLE BASE B/HM1511	KEP TAY CẮM B/HM1511	237.930	10%
9298	312A38-2	GUIDE FENCE/LS002G	THƯỚC DẪN/LS002G	1.099.008	8%
9299	312A42-1	SUB BASE L/LS002G	CHÂN ĐỀ TRÁI/LS002G	430.488	8%
9300	312A43-9	SUB BASE R/LS002G	CHÂN ĐỀ PHẢI/LS002G	430.488	8%
9301	312A44-7	BEARING BOX/LS002G	BẠC ĐẠN/LS002G	151.200	8%
9302	312A45-5	GEAR COVER/L/S002G	NÁP HỘP NHÔNG/L/S002G	109.944	8%
9303	312A46-3	PIN HOLDER/LS002G	GIA ĐỠ/LS002G	69.960	10%
9304	312A51-0	BARREL/HM001G	NÔNG THÉP/HM001G	522.072	8%
9305	312A68-3	PISTON/HR006G	PIT-TÔNG/HR006G	164.916	8%
9306	312A70-6	CRANK CAP COVER/HR006G	NÁP CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR006G	297.648	8%
9307	312A82-9	HOLDER/FN001G	GÁ ĐỠ BẢNG THÉP/FN001G	405.790	10%
9308	312A84-5	BEARING CASE/FN001G	HỘP CHỨA BẠC ĐẠN/FN001G	60.720	10%
9309	312A89-5	SAFETY COVER/RS001G	BẢO VỆ LƯỖI/RS001G	430.488	8%
9310	312A92-6	BASE/RS002G	BÀN MÁY/RS002G	1.410.480	8%
9311	312A93-4	SAFETY COVER/RS002G	CHỤP BẢO VỆ LƯỖI/RS002G	760.320	10%
9312	312A94-2	BEARING BOX/RS002G	HỘP BẠC ĐẠN/RS002G	105.408	8%
9313	312A97-6	BEARING BOX/GA7070	Ổ BỊ/GA7070	186.560	10%
9314	312A98-4	SHOE HOLDER/GA7070	GIA ĐỠ/GA7070	135.300	10%
9315	312B02-9	HOOK L/LM001C	MÓC L/LM001C	91.584	8%
9316	312B03-7	HOOK R/LM001C	MÓC R/LM001C	91.584	8%
9317	312B07-9	GEAR HOUSING/DDA450	HỘP NHÔNG/DDA450	1.121.904	8%
9318	312B21-5	BASE/RS001G	BÀN ĐỀ/RS001G	851.796	8%
9319	312B27-3	REAR COVER/DWT310	VỎ ĐUÔI MÁY/DWT310	3.603.852	8%
9320	312B30-4	MOTOR BRACKET/LS003G	NÁP CHỤP/LS003G	223.960	10%
9321	312B35-4	BASE/LS003G	ĐỀ MÁY/LS003G	2.486.592	8%
9322	312B36-2	SUB BASE/L/S003G	CHÂN ĐỀ/LS003G	572.400	8%
9323	312B37-0	GUIDE FENCE/LS003G	TÀM CHÂN/LS003G	1.167.696	8%
9324	312B42-7	TOP COVER SHAFT/DRC300	NÁP CHỤP/DRC300	128.304	8%
9325	312B60-5	MOTOR BRACKET/L/S004G	NÁP CHỤP/LS004G	261.250	10%
9326	312B61-3	BLADE CASE COVER/SP001G	NÁP BẢO VỆ LƯỖI CẮT/SP001G	609.120	8%
9327	312B64-7	BASE/SP001G	BÀN ĐỀ/SP001G	947.916	8%
9328	312B65-5	UPPER PIPE HOLDER 24/UR002G	ĐỀ TAY CẮM TRÊN 24/UR002G	88.660	10%
9329	312B66-3	LOWER PIPE HOLDER 24/UR002G	ĐỀ TAY CẮM DƯỚI 24/UR002G	60.720	10%
9330	312B68-9	LOWER HANDLE HOLDER 22/UR006G	GIA ĐỠ TAY CẮM DƯỚI 22/UR006G	102.630	10%
9331	312B69-7	INNER HOUSING/DHRI71	ỚP ĐẦU/DHRI71	228.960	8%
9332	312B85-9	LOWER HANDLE HOLDER19 COMPLETE/UR002G	NÁP GIỮ TAY CẮM 19/UR002G	69.960	10%
9333	312B95-6	BASE/DSP601	BÀN ĐỀ/DSP601	943.380	8%
9334	312C10-6	BEARING BOX A/GA5090	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/GA5090	210.708	8%
9335	312C11-4	BEARING BOX B/GA5090	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/GA5090	256.500	8%
9336	312C12-2	BLADE CASE COVER/HS009G	NÁP HỘP BỌC LƯỖI CẮT/HS009G	686.880	8%
9337	312C14-8	SAFETY COVER/HS009G	CHỤP BẢO VỆ/HS009G	609.120	8%
9338	312C15-6	BASE/HS009G	ĐỀ MÁY/HS009G	1.158.624	8%
9339	312C17-2	FRONT ANGULAR PLATE/HS009G	MIỀNG CHIA ĐỘ/HS009G	453.384	8%
9340	312C18-0	REAR ANGULAR PLATE/HS009G	MIỀNG CHIA ĐỘ SAU/HS009G	311.472	8%
9341	312C21-1	BLADE CASE COVER/HS011G	VỎ BỌC LƯỖI CẮT/HS011G	686.880	8%
9342	312C22-9	SAFETY COVER/HS011G	VỎ BỌC LƯỖI CẮT/HS011G	590.760	8%
9343	312C23-7	BASE/HS011G	ĐỀ/HS011G	1.016.604	8%
9344	312C29-5	CUTTING DEVICE/CE001G	TAY ĐƠN/CE001G	1.054.130	10%
9345	312C31-8	WHEEL COVER 355/CE001G	NÁP CHỤP BẢO VỆ 355/CE001G	851.040	8%
9346	312C32-6	STAND SUPPORT/CE001G	ĐỀ GẮN BÀN HẸ/CE001G	559.680	10%
9347	312C33-4	SPRING HOLDER A/CE001G	CHÓT CHẶN LỖ XO A/CE001G	91.584	8%
9348	312C34-2	SPRING HOLDER B/CE001G	CHÓT CHẶN LỖ XO B/CE001G	87.048	8%
9349	312C35-0	SPRING HOLDER C/CE001G	CHÓT CHẶN LỖ XO C/CE001G	100.764	8%
9350	312C39-2	BEARING BOX/DFT060T	HỘP BẠC ĐẠN/DFT060T	270.216	8%
9351	312C43-1	ADJUST BOLT/DCU601	ỐC ĐIỀU CHỈNH/DCU601	65.340	10%
9352	312C44-9	ADJUST NUT/DCU601	ĐAI ỐC ĐIỀU CHỈNH/DCU601	55.990	10%
9353	312C48-1	CLAMP 22/DCU603	KEP CÁN ĐÁY MÁY 22/DCU603	37.400	10%
9354	312C49-9	HOLDER/PT001G	MIỀNG THÉP ĐỠ THANH ĐÁY LỖ XO/PT001G	242.550	10%
9355	312C53-8	LOWER HOLDER/PB002G	GIA ĐỠ DƯỚI/PB002G	107.360	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9356	312C54-6	UPPER HOLDER/PB002G	GIÁ ĐỖ TRÊN/PB002G	107.360	10%
9357	312C55-4	BEARING BOX/PB002G	VỎ BẠC ĐẠN/PB002G	444.204	8%
9358	312C66-9	DUST CASE/CS002G	NÁP CHỤP BẢO VỆ/CS002G	508.356	8%
9359	312C67-7	DUST PLATE/CS002G	MIẾNG ĐỆM/CS002G	405.790	10%
9360	312C68-5	BLADE COVER/CS002G	CHỤP BẢO VỆ LƯỖI/CS002G	398.412	8%
9361	312C69-3	SAFETY COVER/CS002G	MIẾNG BẢO VỆ LƯỖI CÁT/CS002G	737.000	10%
9362	312C78-2	FRONT BASE/KP001G	ĐỂ TRƯỚC/KP001G	462.564	8%
9363	312C89-7	BASE/KP0800	ĐỂ CỬA MÁY BẢO/KP0800	297.648	8%
9364	312C90-2	BASE/DJV184	ĐỂ/DJV184	160.272	8%
9365	312D09-7	BEARING HOUSING E/DUH506	VỎ BẠC ĐẠN E/DUH506	105.408	8%
9366	312D13-6	BASE/KP001G	ĐỂ BẢO/KP001G	288.576	8%
9367	312D19-4	BASE/JV001G	BÀN ĐỂ/JV001G	146.556	8%
9368	312D37-2	GEAR HOUSING COVER/DJR189	NÁP HỘP NHÔNG/DJR189	114.480	8%
9369	312D41-1	HOLDER JOINT B/CG100D	NÁP CỬA HỘP ĐUNG TỤY P SILICON B/CG100D	149.270	10%
9370	312D43-7	BRACKET/LM001G	GÁ ĐỖ ĐỘNG CỎ/LM001G	536.360	10%
9371	312D48-7	BLADE SUPPORT 530/LM001G	GIÁ ĐỖ LƯỖI ĐAO 530/LM001G	209.880	10%
9372	312D49-5	JOINT24/DUX60	ĐẦU NỐI CÁN MÁY/DUX60	345.180	10%
9373	312D65-7	JOINT 24 B/DUR191L	KHỚP NỐI 24 B/DUR191L	433.840	10%
9374	312D66-5	BRACKET/CE002G	GÁ ĐỖ MẶT BÍCH/CE002G	116.600	10%
9375	312D67-3	CUTTING DEVICE/CE002G	LÓC MÁY/CE002G	1.419.552	8%
9376	312D70-4	LOWER GUARD L/CE002G	TẮM THÉP BẢO VỆ LƯỖI CÁT BÊN TRÁI/CE002G	685.630	10%
9377	312D76-2	BASE/HS012G	BÀN ĐỂ/HS012G	764.748	8%
9378	312D77-0	SAFETY COVER/HS012G	VỎ BẢO VỆ LƯỖI CÁT/HS012G	343.440	8%
9379	312D78-8	ANGULAR PLATE/HS012G	TẮM ĐỆM CHIA GÓC/HS012G	144.650	10%
9380	312D79-6	HOLDER/ST001G	GIÁ ĐỖ BÚA/ST001G	163.240	10%
9381	312D82-7	DUST CASE/4131	NÁP CHÁN BỤI/4131	444.204	8%
9382	312D92-4	UPPER PIPE HOLDER 25/UR013G	NÚT XOAY CHÍNH GÓC TAY CẮM 25/UR013G	125.950	10%
9383	312D93-2	LOWER PIPE HOLDER 25/UR013G	MIẾNG THÉP KÉP ỐNG 25/UR013G	98.010	10%
9384	312D97-4	GEAR HOUSING/PP001G	VỎ NHÔNG/PP001G	751.032	8%
9385	312D98-2	MOTOR HOLDER/UP100D	GÁ ĐỖ MOTOR/UP100D	293.920	10%
9386	312E11-6	JOINT/EN402MP	ĐẦU NỐI/EN402MP	284.570	10%
9387	312E12-4	GEAR HOUSING/EN402MP	VỎ NHÔNG/EN402MP	256.500	8%
9388	312E14-0	SAFETY COVER/HS7010	CHỤP BẢO VỆ/HS7010	228.960	8%
9389	312E24-7	PULLEY HOLDER/UV001G	LÓC MÁY/UV001G	494.640	8%
9390	312E25-5	SHAFT HOLDER/UV001G	GIÁ ĐỖ TRỤC/UV001G	283.932	8%
9391	312E43-3	TOP HOLDER/PDC1500	CÀNH GÁI/PDC1500	135.300	10%
9392	312E44-1	BOTTOM HOLDER/PDC1500	ĐỂ GIỮ/PDC1500	181.940	10%
9393	312E45-9	PISTON HOUSING/HW001G	VỎ PISTON BOM/HW001G	357.264	8%
9394	312E46-7	PUMP HEAD/HW001G	VỎ ĐẦU BOM/HW001G	668.628	8%
9395	312E61-1	BEARING BOX/GA7090/GA9090	HỘP Ổ BÌ/GA7090/GA9090	114.480	8%
9396	312E62-9	ROD SUPPORTER/WT001G	ĐỂ ĐỊNH VỊ TRỤC/WT001G	1.231.340	10%
9397	312E79-2	GEAR COVER/HM004G	NÁP NHÔNG/HM004G	1.016.604	8%
9398	312E80-7	BARREL/HM004G	ỐNG NÔNG/HM004G	4.267.836	8%
9399	312E87-3	CLUTCH CASE/DFL303F	HỘP NHÔNG/DFL303F	892.944	8%
9400	312E99-6	CUTTING DEVICE/CE003G	KHUNG MÁY CẮT/CE003G	979.992	8%
9401	312F00-7	BEARING BOX/CE003G	HỘP BẠC ĐẠN/CE003G	183.168	8%
9402	312F01-5	WHEEL COVER 230/CE003G	NÁP CHỤP BẢO VỆ 230/CE003G	833.436	8%
9403	312F02-3	PULLEY COVER/CE003G	VỎ BẢO VỆ PULY/CE003G	77.868	8%
9404	312F04-9	STAND SUPPORT/CE003G	GIÁ ĐỖ TAY CẮM/CE003G	370.980	8%
9405	312F05-7	CUTTING DEVICE/CE004G	KHUNG MÁY CẮT/CE004G	1.131.084	8%
9406	312F06-5	WHEEL COVER 305/CE004G	NÁP CHỤP BẢO VỆ/CE004G	1.259.280	8%
9407	312F22-7	RETAINER COVER/RP001G	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/RP001G	146.556	8%
9408	312F26-9	PIPE HOLDER 24/UN001G	KHỚP NỐI ỐNG TAY CẮM 24/UN001G	755.590	10%
9409	312F27-7	PIPE HOLDER COVER 24/UN001G	NÁP KHỚP NỐI 24/UN001G	265.870	10%
9410	312F28-5	SIDE COVER/UN001G	NÁP KHỚP NỐI BÊN /UN001G	84.040	10%
9411	312F61-7	BEARING RETAINER/CE003G	NÁP GIỮ VÒNG BÌ/CE003G	130.680	10%
9412	312H45-7	FRAME/PS001G	KHUNG MÁY/PS001G	636.552	8%
9413	312H48-1	SAFETY COVER/HS013G	VỎ BẢO VỆ LƯỖI CỬA/HS013G	1.273.104	8%
9414	312H68-5	PIPE HOLDER 24/DUN500W	GIÁ ĐỖ ỐNG CÁN 24/DUN500W	494.450	10%
9415	312H69-3	SIDE COVER/DUN500W	NÁP BẢO VỆ KHỚP NỐI/DUN500W	109.944	8%
9416	312H72-4	REEL BEARING/TR001G	Ổ ĐỖ CUỘN DÂY/TR001G	47.520	8%
9417	312H79-0	BEARING BOX/GA055G/GA056G	HỘP BẠC ĐẠN/GA055G/GA056G	203.040	8%
9418	313062-2	FLANGE/DVC260	LONG ĐÈN/DVC260	32.670	10%
9419	313075-3	BLADE CLAMP/MT450	BỘ GIỮ LƯỖI CỬA KIỂM/MT450	36.720	8%
9420	313082-6	SLIDER GUIDE/4326	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT/4326	18.700	10%
9421	313083-4	BLADE CLAMP/4324	BỘ GIỮ LƯỖI/4324	119.124	8%
9422	313086-8	SLIDER SUPPORT/4328	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT/4328	9.350	10%
9423	313104-2	SLEEVE/BO4901	VÒNG ĐỆM/BO4901	23.320	10%
9424	313108-4	BALANCE PLATE/4350CT	TẮM ĐỆM ĐẦU NHÔNG/4350CT	158.620	10%
9425	313114-9	WISE NUT/LW1400	GÁ ĐỖ/LW1400	60.720	10%
9426	313115-7	SPRING HOLDER/TW0350	Ổ GIỮ LỖ XO/TW0350	242.000	10%
9427	313121-2	COUNTER WEIGHT/JR3070CT	CÁN ĐỐI TRONG/JR3070CT	137.376	8%
9428	313124-6	SHOULDER SLEEVE 6/HM1213C	VÒNG ĐỆM THÉP/HM1213C	64.152	8%
9429	313136-9	LOCK RING/TD022D	VÒNG ĐỆM GÁI/TD022D	130.680	10%
9430	313140-8	BLADE CLAMP/4326	BỘ GIỮ LƯỖI/4326	69.960	10%
9431	313141-6	BALANCER/BO4555	CÀNH LỆCH TÂM/BO4555	22.896	8%
9432	313142-4	BALANCER/BO4565	CÀNH LỆCH TÂM/BO4565	18.360	8%
9433	313161-0	BALANCE PLATE/MT430	ÓP ĐẦU/MT430	139.920	10%
9434	313169-4	CAM LIFTER/BHX2500	CÁN ĐÁY CÁN NHÔNG/BHX2500	25.920	8%
9435	313175-9	BALANCER/BO4558	CÀNH LỆCH TÂM/BO4558	22.896	8%
9436	313195-3	SLEEVE 5/EH6000W	MIẾNG ĐỆM 5/EH6000W	4.400	10%
9437	313197-9	HOLDER/RBC411	NÁP GIỮ BỘ LY HỘP/RBC411	14.040	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9438	313207-2	CLUTCH SHOE/EK7651H	KHỚP LY HỢP/EK7651H	272.160	8%
9439	313208-0	CLUTCH HOLDER/EK7651H	GIÁ ĐỖ KHỚP LY HỢP/EK7651H	409.200	10%
9440	313209-8	CAM LIFTER L/EK7651H	CÁN ĐÁY CAM NHÔNG/EK7651H	82.080	8%
9441	313210-3	CAM LIFTER R/EK7651H	CÁN ĐÁY CAM NHÔNG/EK7651H	82.080	8%
9442	313211-1	SLEEVE 5/EN420MP	LONG ĐẸN 5/EN420MP	30.800	10%
9443	313212-9	HAND GUARD GUIDE/EA3201S	CHÓT KHÓA XÍCH/EA3201S	2.200	10%
9444	313215-3	SLIDER SUPPORT/JV0600	MIẾNG ĐỆM/JV0600	14.080	10%
9445	313216-1	BALANCE PLATE/JV0600K	TẤM ĐỆM CÁN BẰNG/JV0600K	171.600	10%
9446	313218-7	DRIVING FLANGE/MT870	KHỚP NHÔNG/MT870	37.400	10%
9447	313219-5	LINK/JR102D	THANH GÁI/JR102D	30.240	8%
9448	313220-0	SLIDER GUIDE/JR102D	NIỀNG ĐỆM CAO SU/JR102D	41.256	8%
9449	313224-2	COUNTER WEIGHT/DHR242	MIẾNG ĐỆM CHIỀU LỰC/DHR242	77.868	8%
9450	313226-8	OPENER/DHR280	ĐỆM CAO SU/DHR280	13.824	8%
9451	313227-6	HAMMER CHANGE RING/DTP141	MIẾNG ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DTP141	51.370	10%
9452	313228-4	COUPLING/GA4040	KHỚP NHÔNG/GA4040	247.320	8%
9453	313245-4	BALANCER/DTM51	CÁNH LỆCH TÂM/DTM51	13.824	8%
9454	313253-5	CARRIER B/DCG180	GIÁ ĐỖ/DCG180	69.960	10%
9455	313254-3	HOLDER PLATE/EN420MP	MIẾNG ĐỆM/EN420MP	23.320	10%
9456	313255-1	DRIVING SLEEVE/HR4013C	KHỚP NHÔNG NỐI/HR4013C	321.860	10%
9457	313257-7	MAGNET/DCG180	CHÓT ĐỆM CỎ TỦ/DCG180	73.332	8%
9458	313260-8	BALANCE PLATE/DJV181	THANH CÁN BẰNG/DJV181	167.970	10%
9459	313265-8	WEIGHT/EA3601F	MÚT CHẶN BỤI/EA3601F	4.320	8%
9460	313267-4	CAM LIFTER R/EB7650TH	CÁN ĐÁY CAM NHÔNG/EB7650TH	57.200	10%
9461	313268-2	TURN BLOCK/DTM51	LONG ĐẸN KHÓA/DTM51	42.020	10%
9462	313269-0	SLIDER N/JR105D	THANH TRƯỢT N/JR105D	96.228	8%
9463	313270-5	COLLARED SLEEVE 4/JR105D	BẠC THAU 4/JR105D	27.540	8%
9464	313271-3	SLIDER/JR103D	THANH TRƯỢT/JR103D	96.228	8%
9465	313272-1	DRIVING SLEEVE/HR5212C	ÔNG ĐỆM/HR5212C	360.800	10%
9466	313288-6	DIAL CAM/HP001G	NÚM VẶN/HP001G	14.080	10%
9467	313290-9	REAR SHAFT HOLDER COVER/DLM533	GIÁ ĐỖ TRỤC BÁNH XE/DLM533	54.972	8%
9468	313297-5	GUIDE PLATE L/DRV150	MIẾNG GÁI TRÁI/DRV150	195.910	10%
9469	313298-3	GUIDE PLATE R/DRV150	MIẾNG GÁI PHẢI/DRV150	195.910	10%
9470	313304-4	HUB/DCU603	MIẾNG ỐP CHỤP MẮM XE/DCU603	2.136.200	10%
9471	313316-7	SLIDER GUIDE/JR3061T	GÁ ĐỖ THANH TRƯỢT L/JR3061T	55.990	10%
9472	313321-4	GUIDE RING/HM1511	VÒNG ĐỆM DẪN HƯỚNG/HM1511	1.329.240	10%
9473	313322-2	TOOL HOLDER A/HM1511	ĐẦU GIỮ MŨI A/HM1511	2.051.568	8%
9474	313324-8	BARREL/HM1511	NÒNG THÉP/HM1511	3.535.164	8%
9475	313325-6	CRANK CAP COVER/HR005G	NẮP ĐẦU/HR005G	206.064	8%
9476	313326-4	TURN STOPPER/LS002G	CHÓT KHÓA/LS002G	32.076	8%
9477	313352-3	COUNTER WEIGHT A/FN001G	CÁN ĐỐI TRỌNG A/FN001G	256.500	8%
9478	313353-1	BOTTOM HOLDER/FN001G	GIÁ ĐỖ TRỤC/FN001G	387.200	10%
9479	313354-9	SLIDER/JV0600	THANH TRƯỢT/JV0600	554.148	8%
9480	313360-4	FAN 45/GA7070	CÁNH QUẠT 45/GA7070	572.400	8%
9481	313361-2	BALANCER/TM001G	BÁNH LỆCH TÂM/TM001G	9.180	8%
9482	313364-6	DRIVER B/DTM52	CHÍNH GÓC CẮT/DTM52	48.400	10%
9483	313365-4	WEIGHT/DTM52/XMT04	ĐỐI TRỌNG/DTM52/XMT04	59.616	8%
9484	313367-0	SPEED CHANGE CAM/DDA450	NHÔNG CAM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDA450	32.076	8%
9485	313379-3	HAND GUARD GUIDE/DUC254	MIẾNG ĐỆM TAY CẦM/DUC254	9.180	8%
9486	313389-0	ROD HOLDER/LM001J	GIÁ ĐỖ TRỤC/LM001J	209.880	10%
9487	313390-5	REAR SHAFT HOLDER/LM001J	GIÁ ĐỖ TRỤ SAU/LM001J	74.690	10%
9488	313391-3	MOTOR HOUSING LOWER/LM001J	VỎ MOTOR DƯỚI/LM001J	247.320	8%
9489	313392-1	BLADE SUPPORT 530/LM001J	GIÁ ĐỖ DAO 530/LM001J	135.300	10%
9490	313393-9	BLADE SUPPORT 480/DLM480	GIÁ ĐỖ DAO 480/DLM480	139.920	10%
9491	313395-5	BALANCER/DBO380	CÁNH LỆCH TÂM/DBO380	59.616	8%
9492	313398-9	HAND GUARD GUIDE/UC012G	MIẾNG ĐỆM TAY CẦM/UC012G	9.350	10%
9493	313400-8	SPRING HOLDER/DCU601	GIÁ ĐỖ LÒ XO/DCU601	23.320	10%
9494	313406-6	BOTTOM HOLDER/PT001G	MIẾNG GÁ ĐỖ LÒ XO/PT001G	396.440	10%
9495	313415-5	ECCENTRIC DISK/CE001G	BÁNH RĂNG LỆCH TÂM/CE001G	36.720	8%
9496	313418-9	DRIVING SLEEVE/JR002G	VÒNG KHÓA MŨI/JR002G	87.048	8%
9497	313419-7	COUNTER WEIGHT/JR002G	CÁN ĐỐI TRỌNG/JR002G	206.064	8%
9498	313420-2	PUMP HEAD/DHW080	ĐẦU BƠM/DHW080	668.628	8%
9499	313421-0	COUNTER WEIGHT A/DFN350	THANH ĐỐI TRỌNG A/DFN350	256.500	8%
9500	313434-1	HOSE HOLDER/VR001G	ĐẦU KẾT NỐI CÁN RUNG/VR001G	312.510	10%
9501	313436-7	SPACER/DUH506	MIẾNG ĐỆM/DUH506	4.730	10%
9502	313437-5	SPEED CHANGE RING/UT001G	VÒNG ĐỆM ĐIỀU TỐC/UT001G	55.990	10%
9503	313446-4	COUNTER WEIGHT/DJR189	GÁ ĐỖ ĐỐI TRỌNG/DJR189	109.944	8%
9504	313450-3	SLIDER GUIDE/DJR189	ĐỆM THANH TRƯỢT/DJR189	18.700	10%
9505	313464-2	BOTTOM HOLDER/ST001G	GIÁ ĐỖ LÒ XO/ST001G	471.130	10%
9506	313470-7	SPACER/EN402MP	MIẾNG ĐỆM/EN402MP	4.730	10%
9507	313471-5	CRANK/EN402MP	TRỤC ĐÀO TRUYỀN ĐỒNG/EN402MP	77.868	8%
9508	313474-9	ECCENTRIC DISK/UV001G	BÁNH LỆCH TÂM/UV001G	50.436	8%
9509	313475-7	REAR SHAFT HOLDER/UV001G	MIẾNG ĐỆM GIỮ TRỤC/UV001G	55.990	10%
9510	313483-8	CLUTCH CAM/HR2230	KHỚP NHÔNG/HR2230	32.076	8%
9511	313494-3	WEIGHT/WA400MP	BÁNH ĐỐI TRỌNG/WA400MP	329.724	8%
9512	313509-6	ADJUST PLATE A/WA400MP	KHỚP NỐI TRỤC A/WA400MP	32.076	8%
9513	313516-9	DRIVER A/DTM52	CÁNH KHÓA LƯỖI A/DTM52	51.370	10%
9514	313517-7	DRIVER B/DTM52	CÁNH KHÓA LƯỖI B/DTM52	51.370	10%
9515	313597-3	SLIDER/GP001G	THANH TRƯỢT/GP001G	90.720	8%
9516	313598-1	SLIDER GUIDE/GP001G	DẪN HƯỚNG THANH TRƯỢT/GP001G	64.800	8%
9517	313603-4	WIRE GUIDE A/TR001G	DẪN HƯỚNG DÂY BƯỚC THÉP A/TR001G	617.760	8%
9518	313606-8	CUTTER GUIDE/TR001G	THANH DẪN HƯỚNG LƯỖI CẮT/TR001G	889.920	8%
9519	313608-4	WIRE GUIDE B/TR001G	DẪN HƯỚNG DÂY BƯỚC THÉP B/TR001G	540.000	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9520	313610-7	STOPPER/TR001G	MIẾNG CHÂN/TR001G	457.600	10%
9521	313613-1	WIRE BENDER/TR001G	MIẾNG UỐN DÂY/TR001G	112.320	8%
9522	313637-7	BLADE CLAMP/JR003G	KẸP GIỮ LƯỖI/JR003G	109.944	8%
9523	313664-4	COUNTER WEIGHT/DTM53/HR011G	THANH ĐỐI TRỌNG/DTM53/HR011G	82.080	8%
9524	313667-8	HAND GUARD GUIDE/UC030G	ĐÀU DẪN HƯỚNG TAY CẮM PHANH XÍCH/UC030G	50.436	8%
9525	313672-5	HAND GUARD GUIDE/UC031G	MIẾNG DẪN HƯỚNG/UC031G	8.640	8%
9526	314062-5	POLE/3612BR	CHÓT CHÂN LỖ XO/3612BR	59.616	8%
9527	315095-3	BALANCE WEIGHT/9045B	CÁNH LỆCH TÂM/9045B	476.280	8%
9528	315154-3	HANDLE COVER F/LOCK/5103N	NÁP TAY CẮM/5103N	356.400	10%
9529	315158-5	HANDLE COVER F/LOCK/5201N	NÁP TAY CẮM/5201N	215.600	10%
9530	315248-4	ROD/HR3520	TAY DẪN/HR3520	256.500	8%
9531	315282-4	BEARING BOX/9005B	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/9005B	444.960	8%
9532	315419-3	CONNECTING ROD/HM1201	TAY DẪN/HM1201	270.216	8%
9533	315466-4	GRIP HOLDER COVER/5016B	ÓP BÌNH ĐẦU/5016B	133.920	8%
9534	315636-5	BEARING HOUSING/2416S	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/2416S	406.080	8%
9535	315769-6	BEARING BOX/4107R	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/4107R	398.412	8%
9536	315872-3	REAR COVER/906H	NÁP VỎ MÁY/906H	246.240	8%
9537	315874-9	BARREL/906H	VỎ NHÓM ĐẦU BẢO VỆ/906H	1.135.728	8%
9538	315931-3	STOPPER/RP2301FC	CHÓT CHÂN/RP2301FC	42.020	10%
9539	316099-8	GEAR HOUSING/9105	HỘP NHÔNG/9105	1.209.600	8%
9540	316149-9	SAFETY COVER/5103N	CHỤP BẢO VỆ/5103N	1.481.760	8%
9541	316294-0	MOTOR BRACKET/3600H	NÁP CHỤP/3600H	943.380	8%
9542	316295-8	ROUTER BASE/3600H	ĐỂ PHAY/3600H	2.880.360	8%
9543	316499-2	BEARING BOX/3612	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/3612	142.020	8%
9544	316527-3	BEARING BOX/2414NB	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/2414NB	82.512	8%
9545	316579-4	BEARING BOX/4131	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/4131	380.160	8%
9546	316608-3	HOLDER/4304	GIÁ ĐỖ/4304	209.880	10%
9547	316626-1	GEAR HOUSING (L)/LC1230	HỘP NHÔNG/LC1230	1.053.216	8%
9548	316669-3	BLADE CASE/5103N	BỘ BỌC LƯỖI CẮT /5103N	3.412.800	8%
9549	316697-8	BLADE CASE/5201N	BỘ BỌC LƯỖI CẮT /5201N	2.665.440	8%
9550	316795-8	FLANGE/VC1310L	MẶT BÍCH/VC1310L	18.700	10%
9551	316799-0	FLAT WASHER 10/VC1310L	LONG ĐẾN 10/VC1310L	9.350	10%
9552	316811-6	CHIP COVER/1805N	NÁP CHÂN BUL/1805N	228.580	10%
9553	316819-0	PISTON/HR2010	PISTON/HR2010	77.868	8%
9554	316821-3	BEARING BOX/LH1040	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/LH1040	77.868	8%
9555	316824-7	TURN BASE/LS1040	BÀN ĐỀ MÁY CỬA/LS1040	1.309.716	8%
9556	316849-1	BEARING BOX/5806B	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/5806B	74.690	10%
9557	316855-6	BEARING BOX/9047	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/9047	139.920	10%
9558	316883-1	BASE/4304	ĐỂ CỬA MÁY CỬA LONG/4304	577.044	8%
9559	316893-8	BEARING BOX/DVR450Z	HỘP NHÔNG/DVR450Z	419.760	10%
9560	316896-2	BEARING BOX/9237C	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/9237C	247.320	8%
9561	316933-2	BEARING BOX/2704	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/2704	105.408	8%
9562	316991-8	BEARING BOX/9015B	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/9015B	215.244	8%
9563	317007-2	BEARING BOX/9067	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/9067	100.764	8%
9564	317018-7	DUST COLLECTOR COVER/9403	KHUNG CHẮN BỤI/9403	892.944	8%
9565	317020-0	GEAR COVER/9403	NÁP HỘP NHÔNG/9403	77.868	8%
9566	317021-8	DUST COLLECTOR BRACKET/9403	KHUNG MÁY/9403	361.800	8%
9567	317027-6	ARM/LS1030N	GIÁ ĐỖ THÂN MÁY/LS1030N	764.940	10%
9568	317028-4	TURN BASE/LS1030N	BÀN ĐỀ MÁY CỬA/LS1030N	1.305.072	8%
9569	317029-2	GUIDE FENCE/LS1030N	TÂM CHÂN/LS1030N	819.720	8%
9570	317031-5	ANGULAR PLATE/HS7600	TÂM ĐỆM CHIA GÓC/HS7600	121.330	10%
9571	317035-7	BEARING BOX/5740NB	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/5740NB	70.400	10%
9572	317102-8	BARREL/HR2010	NONG/HR2010	256.500	8%
9573	317148-4	GEAR HOUSING R/LC1230	HỘP NHÔNG/LC1230	572.400	8%
9574	317152-3	SAFETY COVER/LC1230	TÂM CHÂN BẢO VỆ/LC1230	741.852	8%
9575	317244-8	MOTOR HOUSING/N3701	VỎ MÁY/N3701	489.996	8%
9576	317259-5	BEARING BOX/2012NB	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/2012NB	68.688	8%
9577	317260-0	SUPPORTER/2012NB	BỘ GÀI NHÔNG/2012NB	51.370	10%
9578	317284-6	BALANCER/BO3700	CÁNH LỆCH TÂM/BO3700	64.152	8%
9579	317323-2	GEAR HOUSING COVER/9015B	NÁP HỘP NHÔNG/9015B	357.264	8%
9580	317359-1	GEAR HOUSING COVER/9563C	NÁP HỘP NHÔNG/9563C	142.020	8%
9581	317367-2	BEARING BOX/GD0800C	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GD0800C	407.592	8%
9582	317368-0	BARREL/GD0800C	VỎ NHÓM ĐẦU BẢO VỆ/GD0800C	760.212	8%
9583	317369-8	BARREL/GD0810C	VỎ NHÓM ĐẦU BẢO VỆ/GD0810C	1.538.676	8%
9584	317416-5	SKIRT/BO6030	THÂN MÁY/BO6030	349.920	8%
9585	317428-8	INTERNAL GEAR CASE/6952	HỘP BÁNH RĂNG/6952	366.336	8%
9586	317458-9	GEAR HOUSING/GV7000	HỘP NHÔNG/GV7000	993.708	8%
9587	317517-9	PISTON CYLINDER/HR2230	BỘ XILANH PISTON/HR2230	380.160	8%
9588	317522-6	DRIVING ROLLER/9032	RULO/9032	174.096	8%
9589	317523-4	BRACKET/9032	NÁP BẠC ĐẠN ĐẦU/9032	512.892	8%
9590	317525-0	ARM HOLDER/9032	GIÁ ĐỖ/9032	704.330	10%
9591	317534-9	BEARING BOX/MT954	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT954	100.764	8%
9592	317535-7	FOOT/BO4901	CHÂN RUNG/BO4901	23.320	10%
9593	317536-5	BALANCER/BO4901	CÁNH LỆCH TÂM/BO4901	132.840	8%
9594	317537-3	BASE/BO4901	ĐỂ MÁY CHẠ NHAM/BO4901	696.060	8%
9595	317538-1	FRAME/BO4901	KHUNG MÁY/BO4901	778.464	8%
9596	317550-1	BEARING BOX/4100NH3	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/4100NH3	41.256	8%
9597	317551-9	GEAR HOUSING/UT1305	HỘP NHÔNG/UT1305	590.760	8%
9598	317553-5	INNER HOUSING/MT811	NÁP HỘP NHÔNG/MT811	123.660	8%
9599	317565-8	BASE/4350CT	ĐỂ CỬA MÁY CỬA LONG/4350CT	233.604	8%
9600	317598-3	GEAR HOUSING/UT2204	HỘP NHÔNG/UT2204	622.080	8%
9601	317633-7	BEARING BOX/DA331D	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DA331D	215.244	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9602	317635-3	GEAR HOUSING/DA3010	HỘP NHÔNG/DA3010	769.392	8%
9603	317662-0	SCREW GUIDE/MT241	TỶ REN CỐ ĐỊNH VẬT LIỆU/MT241	60.720	10%
9604	317663-8	BEARING BOX/MT241	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT241	50.436	8%
9605	317666-2	BEARING BOX/MT582	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT582	50.436	8%
9606	317694-7	CLUTCH CASE/BFT080F	VỎ BAO VỆ KHỚP LY HỢP/BFT080F	718.956	8%
9607	317719-7	CYLINDER GUIDE/HM0870C	MIẾNG ĐỆM XILANH/HM0870C	74.690	10%
9608	317723-6	BASE/SG1251	ĐỀ CỬA MÁY CẮT TƯỜNG/SG1251	563.328	8%
9609	317725-2	COVER/SG1251J	CHỤP BẢO VỆ/SG1251J	1.044.144	8%
9610	317741-4	FRONT BASE/MT190	ĐỀ TRƯỚC/MT190	404.800	10%
9611	317744-8	BEARING BOX/N5900B	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/N5900B	114.480	8%
9612	317747-2	BEARING BOX/MT362	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/MT362	91.584	8%
9613	317748-0	STOPPER/MT362	MIẾNG CHÂN/MT362	55.990	10%
9614	317760-0	JOINT/2012NB	KHỚP NỐI/2012NB	41.256	8%
9615	317762-6	MAIN FRAME/2012NB	BỘ KHUNG MÁY/2012NB	2.541.456	8%
9616	317763-4	TABLE/2012NB	BÀN ĐỀ/2012NB	2.385.828	8%
9617	317775-7	SAFETY COVER/4131	TẤM CHÂN BẢO VỆ/4131	384.696	8%
9618	317776-5	DUST CASE/4131	NÁP CHÂN BỤI/4131	38.880	8%
9619	317777-3	DUST PLATE/4131	NÁP BẢO VỆ LƯỚI/4131	328.320	8%
9620	317778-1	BLADE COVER/4131	NÁP CHÂN LƯỚI CẮT/4131	250.560	8%
9621	317779-9	TABLE SUPPORT/LH1040	THANH DẪN HƯỚNG/LH1040	69.120	8%
9622	317788-8	GUIDE HOLDER/N3701	THƯỚC DẪN/N3701	45.792	8%
9623	317789-6	TRIMMER GUIDE/N3701	GIÁ ĐỖ THANH DẪN HƯỚNG/N3701	37.400	10%
9624	317796-9	BASE/JV100D	ĐỀ/JV100D	144.650	10%
9625	317797-7	GEAR HOUSING/MT955	HỘP NHÔNG/MT955	242.784	8%
9626	317798-5	GEAR HOUSING COVER/MT912	NÁP HỘP NHÔNG/MT912	114.480	8%
9627	317799-3	BEARING BOX/MT955	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT955	66.000	10%
9628	317808-8	CLUTCH CASE/DFL651F	HỘP NHÔNG/DFL651F	792.288	8%
9629	317811-9	PISTON/DCS232T	PISTON/DCS232T	272.160	8%
9630	317813-5	FLYWHEEL/DCS232T	MÀM ĐIỆN/DCS232T	375.840	8%
9631	317819-3	BEARING BOX/9553B	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/9553B	64.152	8%
9632	317821-6	GEAR HOUSING COVER/9553B	NÁP HỘP NHÔNG/9553B	59.616	8%
9633	317823-2	LOWER HOLDER/2107F	CHI TIẾT BẢO VỆ/2107F	125.950	10%
9634	317824-0	UPPER HOLDER/2107F	NÁP BẢO VỆ/2107F	125.950	10%
9635	317835-5	GEAR HOUSING/6924N	HỘP NHÔNG/6924N	2.706.372	8%
9636	317841-0	HAMMER CASE COVER/TW1000	NÁP HỘP NHÔNG/TW1000	764.748	8%
9637	317842-8	GEAR HOUSING/JR3060T	HỘP NHÔNG/JR3060T	403.056	8%
9638	317844-4	BEARING BOX/JR3060T	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/JR3060T	177.320	10%
9639	317847-8	REAR WHEEL COVER/2107F	BỘ BỌC LƯỚI CỬA/2107F	1.291.356	8%
9640	317852-5	FRONT BASE/MT111	ĐỀ TRƯỚC/MT111	274.752	8%
9641	317853-3	BEARING BOX/MT111	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT111	119.124	8%
9642	317854-1	BRACKET/MT111	NÁP CHÂN/MT111	201.528	8%
9643	317867-2	REAR OUTER RAIL/2704	THANH RAY TRƯỢT/2704	457.920	8%
9644	317871-1	KNIFE HOLDER/2704	GIÁ ĐỖ/2704	209.880	10%
9645	317877-9	SUB TABLE/2704	BÀN CẮT PHỤ/2704	2.220.912	8%
9646	317901-8	REAR CASE/HM1810	NÁP HỘP NHÔNG/HM1810	1.084.320	8%
9647	317902-6	GEAR HOUSING COVER/HM1810	NÁP HỘP NHÔNG/HM1810	1.373.760	8%
9648	317947-4	REAR WHEEL COVER/DPB180	NÁP CHỤP/DPB180	1.282.176	8%
9649	317956-3	BEARING BOX/MT901	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT901	102.630	10%
9650	317977-5	LEVER HOLDER/BUC250	ỐC VÍT/BUC250	22.896	8%
9651	317986-4	STOPPER/DHS680	CHÓT CHẶN/DHS680	23.320	10%
9652	317988-0	BEARING BOX/GA7020	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA7020	123.660	8%
9653	317999-5	BEARING RETAINER/GD0600	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/GD0600	42.020	10%
9654	318000-9	BARREL/GD0600	VỎ NHÔM ĐẦU BẢO VỆ/GD0600	224.424	8%
9655	318008-3	FRONT BASE/N1900B	ĐỀ TRƯỚC/N1900B	393.876	8%
9656	318020-3	ADJUST BLOCK/2704	KẸP GIỮ/2704	93.280	10%
9657	318027-9	CRANK HOUSING/HM1810	Ổ NHÔM/HM1810	8.372.160	8%
9658	318028-7	CRANK BOX/HM1810	NÁP HỘP NHÔNG/HM1810	976.320	8%
9659	318036-8	BARREL/MT910	VỎ NHÔM ĐẦU BẢO VỆ/MT910	192.348	8%
9660	318038-4	SUPPORTER/DVR450Z	GIÁ ĐỖ/DVR450Z	573.760	10%
9661	318039-2	BASE/1900B	ĐỀ CỬA MÁY BẢO/1900B	369.600	10%
9662	318051-2	GEAR HOUSING/DGA402	HỘP NHÔNG/DGA402	109.944	8%
9663	318074-0	GEAR COVER/MT941	NÁP HỘP NHÔNG/MT941	121.330	10%
9664	318075-8	DUST COLLECTOR BRACKET/MT940	KHUNG CHÂN BỤI/MT940	293.112	8%
9665	318084-7	BLADE CASE COVER/SP6000	NÁP CHÂN LƯỚI CẮT/SP6000	51.840	8%
9666	318087-1	BEARING BOX/BCS550	HỘP NHÔNG/BCS550	56.160	8%
9667	318088-9	BEARING BOX/CA5000	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/CA5000	118.800	10%
9668	318132-2	PISTON CYLINDER/DHR202	BỘ XILANH PISTON/DHR202	329.724	8%
9669	318151-8	FOOT/BO3710	CHÂN RUNG/BO3710	9.350	10%
9670	318158-4	GEAR HOUSING/GA5010	HỘP NHÔNG/GA5010	265.680	8%
9671	318178-8	GEAR HOUSING/HP1230	HỘP NHÔNG/HP1230	138.240	8%
9672	318179-6	BASE/SP6000	ĐỀ CỬA MÁY CỬA Đĩa/SP6000	1.424.196	8%
9673	318187-7	GEAR HOUSING/DP4010	HỘP NHÔNG/DP4010	329.724	8%
9674	318191-6	GEAR HOUSING/HM1306	HỘP NHÔNG/HM1306	1.547.856	8%
9675	318192-4	GEAR HOUSING COVER/HM1306	NÁP HỘP NHÔNG/HM1306	1.002.888	8%
9676	318193-2	PISTON/HM1306	BỘ XILANH PISTON/HM1306	192.348	8%
9677	318201-9	CRANK CAP COVER/HR3200C	NÁP HỘP NHÔNG/HR3200C	261.036	8%
9678	318202-7	BEARING BOX/DHK180	Ổ ĐỖ BẠC ĐẠN/DHK180	77.760	8%
9679	318249-1	PIPE HOLDER/EE2650H	TAY NẮM/EE2650H	51.840	8%
9680	318250-6	PIPE HOLDER/EE2650H	TAY NẮM/EE2650H	56.160	8%
9681	318253-0	FRAME/2704	TẤM CHÂN BỤI/2704	760.320	10%
9682	318270-0	PIPE BRACKET 1/EM2550UH	THANH ỚP CÁN/EM2550UH	4.400	10%
9683	318271-8	PIPE BRACKET 2/EM2550UH	THANH ỚP/EM2550UH	4.400	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9684	318273-4	UPPER PIPE HOLDER 24/UR002G	ĐỂ TAY CẮM 24/UR002G	61.600	10%
9685	318274-2	LOWER PIPE HOLDER 24/UR002G	ĐỂ TAY CẮM DƯỚI 24/UR002G	37.400	10%
9686	318299-6	BEARING BOX/GA5020	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA5020	108.000	8%
9687	318300-7	BEARING BOX/GA6010	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA6010	105.408	8%
9688	318302-3	BEARING BOX/9563C	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/9563C	169.452	8%
9689	318303-1	BEARING BOX COVER/MT922	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/MT922	28.050	10%
9690	318304-9	BEARING BOX/MT922	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/MT922	73.332	8%
9691	318329-3	CLUTCH CASE/EM2550UH	VỎ BẢO VỆ KHỚP LY HỢP/EM2550UH	194.400	8%
9692	318331-6	BEARING BOX/DGA404	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DGA404	54.972	8%
9693	318332-4	BEARING BOX/GA5020	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA5020	91.584	8%
9694	318333-2	BEARING BOX/GA6010	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA6010	82.512	8%
9695	318335-8	GEAR HOUSING/GA4030	HỘP NHÔNG/GA4030	215.244	8%
9696	318336-6	BEARING BOX/GA4030	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA4030	59.616	8%
9697	318339-0	BEARING BOX/MT960	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT960	79.310	10%
9698	318340-5	GEAR HOUSING/MT960	HỘP NHÔNG/MT960	224.424	8%
9699	318343-9	FLYWHEEL/EM2550UH	MÀM ĐIỆN/EM2550UH	22.680	8%
9700	318346-3	BEARING BOX/4100NH2	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/4100NH2	55.990	10%
9701	318354-4	BARREL/HM1810	VỎ NHÓM ĐẦU BẢO VỆ XILANH/HM1810	6.588.000	8%
9702	318361-7	PIPE HOLDER/HM1213C	ỐNG GIỮ LỖ XO/HM1213C	219.888	8%
9703	318363-3	CRANK HOUSING/HM1213C	HỘP NHÔNG/HM1213C	1.479.168	8%
9704	318364-1	CRANK HOUSING/HM1203C	Ổ NHÓM/HM1203C	2.010.312	8%
9705	318371-4	SLIDER SUPPORT/MT430	THÀNH TRƯỢT/MT430	37.400	10%
9706	318374-8	BEARING BOX/MT961	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT961	64.152	8%
9707	318377-2	BEARING BOX/GA7020R	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA7020R	119.124	8%
9708	318382-9	RETAINER COVER/RP1800	NÁP BẠC ĐẠN/RP1800	160.272	8%
9709	318392-6	INNER HOUSING/DHR263	VỎ MÁY BÊN TRONG/DHR263	586.224	8%
9710	318399-2	MOTOR BRACKET/LS1016	NÁP CHỤP/LS1016	263.520	8%
9711	318403-7	HOLDER/LS1016	GIA ĐỖ/LS1016	211.200	10%
9712	318410-0	PIN HOLDER/LS1016	GIA ĐỖ TRỤC XOAY/LS1016	98.010	10%
9713	318411-8	GUIDE FENCE/LS1016	GIA ĐỖ BÀN ĐỀ/LS1016	1.071.576	8%
9714	318421-5	CLUTCH CASE/RBC413U	VỎ BẢO VỆ KHỚP LY HỢP/RBC413U	181.440	8%
9715	318426-5	PIPE CLAMP/BBC231U	NÁP GIỮ TAY CẮM/BBC231U	57.200	10%
9716	318440-1	RETAINER PLATE/BHX2500	MIẾNG ĐỆM/BHX2500	13.200	10%
9717	318443-5	CAM GEAR COVER/BHX2500	HỘP NHÔNG/BHX2500	30.800	10%
9718	318453-2	PIPE RETAINER/EM3400U	NÁP TAY CẮM/EM3400U	61.600	10%
9719	318454-0	PIPE BRACKET/EM3400U	ĐẦU NỐI TAY CẮM/EM3400U	105.600	10%
9720	318455-8	GEAR CASE B/DSC191	NÁP HỘP NHÔNG/DSC191	709.776	8%
9721	318458-2	BARREL/HM1307C	NÔNG/HM1307C	2.014.848	8%
9722	318459-0	PISTON/HM1307C	PISTON/HM1307C	682.344	8%
9723	318462-1	GEAR COVER/HM1307C	NÁP HỘP NHÔNG/HM1307C	1.360.044	8%
9724	318471-0	MOTOR BRACKET/LS1219L	NÁP CHỤP MOTOR/LS1219L	210.708	8%
9725	318476-0	LOWER FENCE R/LS1216	TÀM CHÂN R/LS1216	380.160	8%
9726	318484-1	BASE/BO3710	ĐỂ MÁY CHA NHĂM/BO3710	201.528	8%
9727	318491-4	FRONT BASE/KP0800	ĐỂ TRƯỢT/KP0800	368.500	10%
9728	318499-8	BASE/KP0800	ĐỂ CỬA MÁY BẢO/KP0800	261.036	8%
9729	318505-9	SIDE HANDLE BASE 82A/HM1203C	KẸP TAY CẮM 82A/HM1203C	186.560	10%
9730	318506-7	SIDE HANDLE BASE 82B/HM1203C	KẸP TAY CẮM 82B/HM1203C	205.260	10%
9731	318510-6	CYLINDER GUIDE/HM0871C	MIẾNG ĐỆM XILANH/HM0871C	74.690	10%
9732	318511-4	BARREL/HM0871C	VỎ NHÓM ĐẦU BẢO VỆ XILANH/HM0871C	535.788	8%
9733	318512-2	BARREL/HM0870C	VỎ NHÓM ĐẦU/HM0870C	531.252	8%
9734	318523-7	BEARING BOX/GA7050	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/GA7050	123.660	8%
9735	318533-4	STOPPER/DLS600	CHÓT GAI/DLS600	105.408	8%
9736	318534-2	BEARING BOX/DLS600	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DLS600	178.632	8%
9737	318537-6	GUIDE FENCE/DLS600	THƯỚC DẪN/DLS600	567.864	8%
9738	318543-1	BASE/BO4558	ĐỂ CỬA MÁY CHA NHĂM RUNG/BO4558	174.096	8%
9739	318569-3	FLYWHEEL/EE2650H	MÀM ĐIỆN/EE2650H	259.200	8%
9740	318588-9	OIL CASE/EE2650H	NÁP DỪNG DẦU/EE2650H	15.400	10%
9741	318595-2	LOWER FENCE L/LS1016	THÀNH CHÂN/LS1016	340.560	10%
9742	318596-0	LOWER FENCE R/LS1016L	THÀNH CHÂN DƯỚI R/LS1016L	405.790	10%
9743	318610-2	GEAR CASE COVER/EH6000W	NÁP CHỤP HỘP NHÔNG/EH6000W	341.280	8%
9744	318611-0	FLYWHEEL/EBH340R	MÀM ĐIỆN/EBH340R	263.520	8%
9745	318612-8	OIL CASE/EBH340R	NÁP DẦU/EBH340R	9.720	8%
9746	318613-6	PISTON/EBH340R	PISTON/EBH340R	237.600	8%
9747	318614-4	BLOWER HOUSING/EBH340R	VỎ MÁY/EBH340R	181.440	8%
9748	318617-8	BEARING BOX/MT902	HỘP BẠC ĐẠN/MT902	158.620	10%
9749	318622-5	BALANCER/MT923	CÀNH LỆCH TÂM/MT923	77.868	8%
9750	318630-6	CYLINDER/RBC411	NÔNG XYLINDER/RBC411	1.028.160	8%
9751	318631-4	PISTON/RBC411	PISTON/RBC411	125.280	8%
9752	318632-2	FLYWHEEL/RBC411	MÀM ĐIỆN/RBC411	414.720	8%
9753	318633-0	CRANKCASE UNDERSIDE/EA3201S	NÁP LÓC MÁY/EA3201S	48.400	10%
9754	318634-8	FLANGE RING/EA3201S	CHẶN CỎ HÚT/EA3201S	21.600	8%
9755	318660-7	BEARING BOX/CC300D	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/CC300D	60.720	10%
9756	318666-5	PISTON VALVE/RBC411	VÁN XĂNG/RBC411	51.840	8%
9757	318669-9	HANDLE HOLDER 2/EM3400U	NÁP GIỮ TAY CẮM/EM3400U	7.700	10%
9758	318670-4	HANDLE HOLDER 3/EM3400U	NÁP GIỮ TAY CẮM/EM3400U	4.400	10%
9759	318682-7	BEARING BOX/MT412	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT412	74.690	10%
9760	318695-8	BEARING BOX/MT90	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT90	64.152	8%
9761	318698-2	BRACKET PIPE/EBH340U	ỐNG TRỤC MÁY/EBH340U	255.200	10%
9762	318702-7	FLYWHEEL/BHX2500	MÀM ĐIỆN/BHX2500	51.840	8%
9763	318704-3	FLYWHEEL/EK7651H	MÀM ĐIỆN/EK7651H	639.360	8%
9764	318707-7	FLY WEIGHT/EK7651H	CHÓT CÂN BẰNG/EK7651H	21.600	8%
9765	318708-5	ROCKER COVER/EK7651H	NÁP ĐẦU MÁY/EK7651H	43.200	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9766	318709-3	RETAINER PLATE/EK7651H	THANH GIỮ/EK7651H	64.800	8%
9767	318710-8	OIL CASE/EK7651H	NÁP HỘP NHỚT/EK7651H	41.800	10%
9768	318711-6	CUTTING ARM/EK7651H	LÓC MÁY/EK7651H	470.880	8%
9769	318712-4	GUARD/EK7651H	ĐÈ BẢO VỆ/EK7651H	382.800	10%
9770	318713-2	CLUTCH CASE/EBH340U	VỎ BẢO VỆ KHỚP LY HỢP/EBH340U	457.920	8%
9771	318722-1	CUTTING DEVICE/EK7651H	GÀ ĐỒ LƯỠI CÁT/EK7651H	418.000	10%
9772	318725-5	CAM GEAR COVER/EB7650TH	NÁP HỘP NHÔNG/EB7650TH	90.720	8%
9773	318727-1	ROLLER 45/EK7651H	BÁNH XE 45/EK7651H	60.480	8%
9774	318728-9	FRONT OUTER HOLDER/EK7651H	GIÁ ĐỖ TRƯỚC/EK7651H	92.400	10%
9775	318729-7	CENTER INNER HOLDER/EK7651H	GIÁ ĐỖ THÂN MÁY/EK7651H	74.800	10%
9776	318730-2	REAR OUTER HOLDER/EK7651H	GIÁ ĐỖ TRƯỚC/EK7651H	66.000	10%
9777	318745-9	ROCKER COVER OUTER/EE2650H	NÁP ĐÁY XILANH/EE2650H	51.840	8%
9778	318746-7	PRESSURE RING/EK7651H	VÒNG ĐỆM/EK7651H	444.400	10%
9779	318751-4	HOUSING COVER/JV0600K	NÁP CHỤP VỎ MÁY/JV0600K	108.000	8%
9780	318780-7	FRONT BASE/MT191	ĐÈ TRƯỚC/MT191	357.264	8%
9781	318800-7	TURN BASE/LH1040	BÀN ĐỀ MÁY CỬA/LH1040	1.283.040	8%
9782	318805-7	GEAR HOUSING/JR102D	HỘP NHÔNG/JR102D	206.064	8%
9783	318806-5	GEAR HOUSING COVER/JR102D	NÁP HỘP NHÔNG/JR102D	137.376	8%
9784	318810-4	INNER HOUSING/DHR242	VỎ MÁY BÊN TRONG/DHR242	361.800	8%
9785	318811-2	BEARING BOX/PJ7000	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/PJ7000	311.472	8%
9786	318812-0	BEARING BOX/DPJ180	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DPJ180	298.080	8%
9787	318813-8	BASE/PJ7000	ĐỀ CỬA MÁY GHEP MỘNG/PJ7000	709.776	8%
9788	318814-6	STOPPER/PJ7000	MIẾNG ĐỆM HÂM/PJ7000	163.240	10%
9789	318819-6	BASE/DHS710	ĐỀ CỬA MÁY CỬA Đĩa/DHS710	801.360	8%
9790	318823-5	STOPPER/DHS710	NÚT/DHS710	23.320	10%
9791	318845-5	BLADE COVER/PJ7000	NÁP CHÂN LƯỠI CÁT/PJ7000	453.384	8%
9792	318847-1	GUIDE RULE/LS1040	THƯỚC DẪN HƯỚNG/LS1040	778.464	8%
9793	318858-6	PISTON/EH6000W	PISTON/EH6000W	146.880	8%
9794	318863-3	LOWER FENCE L/LS1216	THANH TRƯỢT BÀN ĐỀ/LS1216	352.620	8%
9795	318880-3	BEARING BOX/MT583	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT583	64.152	8%
9796	318892-6	SPACER/HTR5600	GIÁ ĐỖ BỘ LY HỢP/HTR5600	202.400	10%
9797	318910-0	RETAINER PLATE/EE2650H	MIẾNG ĐỆM LONG ĐÈN/EE2650H	4.400	10%
9798	318919-2	DUST COLLECTOR COVER/MT941	NÁP CHỤP VỎ MÁY/MT941	283.932	8%
9799	318921-5	DUST COLLECTOR BRACKET/MT941	KHUNG CHÂN BỤI/MT941	192.348	8%
9800	318932-0	GUIDE RULE/MT111	THANH CỬ/MT111	254.880	8%
9801	318934-6	GEAR HOUSING/DA331D	HỘP NHÔNG/DA331D	194.400	8%
9802	318958-2	HOLDER JOINT B/DCG180	NÁP CỬA HỘP ĐUNG TUÝP SILICON/DCG180	116.640	8%
9803	318961-3	GEAR HOUSING/GS5000	HỘP NHÔNG/GS5000	1.244.160	8%
9804	318962-1	GEAR HOUSING COVER/GS5000	NÁP HỘP NHÔNG/GS5000	1.318.896	8%
9805	318968-9	UNDER COVER/EN420MP	CHỤP BẢO VỆ DƯỚI/EN420MP	185.760	8%
9806	318969-7	JOINT/EN420MP	HỘP NHÔNG/EN420MP	673.920	8%
9807	318970-2	PIPE HOLDER/EN420MP	KHỚP NỐI HỘP NHÔNG/EN420MP	660.960	8%
9808	318972-8	BEARING HOUSING/EN410MP	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/EN410MP	168.480	8%
9809	318973-6	UNDER COVER/EN410NP	CHỤP BẢO VỆ DƯỚI/EN410NP	246.240	8%
9810	318978-6	BEARING BOX/BUR182U	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/BUR182U	95.040	8%
9811	318988-3	CRANK CAP COVER/HR4013C	NÁP ĐẦU/HR4013C	146.880	8%
9812	319004-4	GEAR HOUSING/M0920B	ĐẦU HỘP NHÔNG/M0920B	288.576	8%
9813	319005-2	BEARING BOX/M0920B	Ổ BẠC ĐẠN/M0920B	114.480	8%
9814	319008-6	OIL CASE/EB7650TH	HỘP ĐẦU/EB7650TH	171.600	10%
9815	319009-4	BASE/DKP180	ĐỀ MÁY BAO/DKP180	256.500	8%
9816	319010-9	FRONT BASE/KP0800X	ĐỀ TĂNG GIAM LƯỠI BAO/KP0800X	457.160	10%
9817	319011-7	FRONT BASE/DKP180	ĐỀ CHỈNH ĐỘ SAU/DKP180	370.980	8%
9818	319012-5	FLYWHEEL/EM2550UH	MÀM ĐIỆN/EM2550UH	250.560	8%
9819	319016-7	BASE/DJV181	ĐỀ MÁY/DJV181	169.452	8%
9820	319022-2	REED VALVE COVER/EA3601F	VỎ VAN LƯỠI GÀ/EA3601F	21.600	8%
9821	319023-0	PISTON/EA3601F	PISTON/EA3601F	358.560	8%
9822	319035-3	FLYWHEEL/EBH340R	MÀM LỬA/EBH340R	241.920	8%
9823	319044-2	BEARING BOX/4100NH2	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/4100NH2	74.690	10%
9824	319059-9	LEVER/DTM51	CÀN GẠT/DTM51	46.640	10%
9825	319060-4	GEAR HOUSING/JR105D	HỘP NHÔNG/JR105D	142.020	8%
9826	319061-2	GEAR HOUSING COVER/JR105D	HỘP NHÔNG/JR105D	114.480	8%
9827	319072-7	SAFETY COVER/DHS710	TÀM CHÂN BẢO VỆ/DHS710	425.952	8%
9828	319074-3	LOWER HOLDER 42/DPB181	TÀM GIỮ PHIA DƯỚI/DPB181	107.360	10%
9829	319082-4	CRANK CAP COVER/HR5212C	NÁP ĐẦU/HR5212C	196.992	8%
9830	319088-2	BEARING BOX/DHS710	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DHS710	55.990	10%
9831	319091-3	BEARING HOUSING/UC4051A	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/UC4051A	403.056	8%
9832	319097-1	PISTON/HR5212C	PISTON/HR5212C	128.304	8%
9833	319102-4	GEAR CASE/EE2650H	HỘP NHÔNG/EE2650H	49.680	8%
9834	319103-2	BLADE CASE/EE2650H	NÁP BẢO VỆ LƯỠI CÁT/EE2650H	59.400	8%
9835	319108-2	PISTON 38/EA3503S	PISTON 38/EA3503S	138.240	8%
9836	319133-3	CYLINDER/EM3400U	XY LANH/EM3400U	453.600	8%
9837	319136-7	PISTON/EM3400U	PISTON/EM3400U	151.200	8%
9838	319137-5	FLYWHEEL/EM3400U	MÀM ĐIỆN/EM3400U	181.440	8%
9839	319150-3	CRANK HOUSING/MT860	Ổ NHÔM/MT860	522.072	8%
9840	319153-7	Blade Case/4107R	BỘ BỌC LƯỠI CÁT/4107R	1.492.884	8%
9841	319178-1	GEAR HOUSING/MT904	HỘP NHÔNG/MT904	224.424	8%
9842	319179-9	BEARING BOX/MT904	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT904	100.764	8%
9843	319188-8	SAFETY COVER/HS7010	CHỤP BẢO VỆ/HS7010	233.280	8%
9844	319200-4	GUIDE FENCE/LH1040	THƯỚC DẪN/LH1040	885.600	8%
9845	319205-4	FLY WHEEL/BHX2500	MÀM ĐIỆN/BHX2500	246.240	8%
9846	319210-1	BASE/DHS680	ĐỀ/DHS680	552.960	8%
9847	319211-9	SAFETY COVER/DHS680	CHỤP BẢO VỆ/DHS680	398.412	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9848	319212-7	BEARING BOX/DHS680	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/DHS680	73.332	8%
9849	319213-5	GEAR HOUSING/DGA404	HỘP NHÔNG/DGA404	242.784	8%
9850	319214-3	GEAR HOUSING COVER/DGA404	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/DGA404	96.228	8%
9851	319234-7	CUTTING ARM/EK7651H	NÁP GIỮ LƯỖI/EK7651H	457.920	8%
9852	319254-1	BEARING BOX/M0401B	HỘP NHÔNG/M0401B	46.640	10%
9853	319268-0	AXLE FOR VIBRATION DAMPER/EK8100	VÒNG ĐỆM /EK8100	4.400	10%
9854	319270-3	FOOT MACHINED/EK8100	CHÂN MÁY/EK8100	25.300	10%
9855	319289-2	CUTTING DEVICE/EK8100	GIÁ ĐỖ LƯỖI CẮT/EK8100	541.200	10%
9856	319292-3	CRANK HOUSING/M8600B	Ổ NHÔM/M8600B	522.072	8%
9857	319294-9	FOOT/EK8100	CHÂN MÁY/EK8100	31.900	10%
9858	319296-5	DUST COLLECTOR COVER/M9400B	THANH NỘI TÚI BỤI/M9400B	382.470	10%
9859	319307-6	SAFETY COVER/HS6600	TẮM CHÂN BẢO VỆ/HS6600	201.528	8%
9860	319308-4	ANGULAR PLATE/HS6600	TẮM ĐỆM CHIA GÓC/HS6600	172.590	10%
9861	319310-7	GEAR HOUSING/GA4040	HỘP NHÔNG/GA4040	224.640	8%
9862	319314-9	BASE/CA5000	ĐỀ CỬA MÁY CẮT RÀNH/CA5000	915.840	8%
9863	319315-7	LOCK PIN/CA5000	CHÓT KHÓA/CA5000	215.600	10%
9864	319316-5	STOPPER/CA5000	CHÓT/CA5000	328.320	8%
9865	319317-3	BLADE CASE/CA5000	BỘ BỌC LƯỖI CẮT/CA5000	2.610.144	8%
9866	319330-1	BALANCER/BO6050	CÁNH LỆCH TÂM/BO6050	146.880	8%
9867	319344-0	JOINT/DJR187	ĐẦU NỐI/DJR187	69.120	8%
9868	319345-8	JOINT/DJR360	KHỚP NỐI/DJR360	73.440	8%
9869	319349-0	MOTOR HOLDER/DUP361	NÁP MOTOR/DUP361	219.888	8%
9870	319351-3	BEARING BOX/GA7060	HỘP BẠC ĐẠN/GA7060	155.736	8%
9871	319369-4	STAND SUPPORT/EK6101	ĐỂ GÀI TAY CẮM/EK6101	444.400	10%
9872	319373-3	PRESSURE RING/EK6101	MẮT BÍCH/EK6101	61.600	10%
9873	319375-9	CYLINDER 47/EK6101	XI LẠNH/EK6101	6.017.760	8%
9874	319391-1	FLYWHEEL/EB5300TH	MAM ĐIỆN/EB5300TH	228.960	8%
9875	319399-5	BEARING BOX/DGA406	HỘP BẠC ĐẠN/DGA406	102.630	10%
9876	319400-6	UPPER HOLDER 42/DPB181	TẮM GIỮ PHÍA TRÊN/DPB181	74.690	10%
9877	319417-9	BASE/MT192	BÀN ĐỀ/MT192	174.096	8%
9878	319418-7	FRONT BASE/MT192	ĐỂ TRƯỚC/MT192	279.396	8%
9879	319464-0	CAM GEAR COVER/EB5300TH	NÁP NHÔNG CAM/EB5300TH	7.700	10%
9880	319465-8	ROCKER COVER/EB5300TH	NÁP CHỤP/EB5300TH	7.700	10%
9881	319466-6	OIL CASE/EB5300TH	NÁP CHỨA NHIÊN LIỆU/EB5300TH	167.200	10%
9882	319467-4	RETAINER PLATE/EB5300TH	MIẾNG ĐỆM/EB5300TH	7.700	10%
9883	319472-1	GUIDE BAR/EN420MP	THANH DẪN/EN420MP	155.520	8%
9884	319474-7	SCREW GUIDE/MT243	GÁ ĐỖ ỐC KÉP/MT243	60.720	10%
9885	319478-9	BARREL/HM1306	VỎ NHÔM ĐẦU BẢO VỆ XILANH HM1306/HM1306	3.970.188	8%
9886	319487-8	GEAR HOUSING/MT964	ĐẦU HỘP NHÔNG/MT964	137.376	8%
9887	319510-9	PISTON CYLINDER/HR140D	TRỤC PISTON/HR140D	105.408	8%
9888	319517-5	LOWER HANDLE HOLDER/UR101C	ĐỂ DƯỠI/UR101C	91.584	8%
9889	319527-2	SAFETY COVER/HS0600	TẮM CHÂN BẢO VỆ/HS0600	663.984	8%
9890	319528-0	ANGULAR PLATE/HS0600	TẮM ĐỆM CHIA GÓC/HS0600	326.480	10%
9891	319529-8	BEARING BOX/HS0600	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/HS0600	137.376	8%
9892	319531-1	JOINT 24 B/DUR191L	KHỚP NỐI 24 B/DUR191L	401.760	8%
9893	319544-2	BEARING BOX/RS001G	HỘP BẠC ĐẠN/RS001G	73.332	8%
9894	319560-4	BASE/DLS111	ĐỂ/DLS111	130.680	8%
9895	319565-4	GUIDE FENCE/DLS111	THƯỚC DẪN/DLS111	1.172.340	8%
9896	319568-8	CLUTCH CASE/DFT085F	VỎ BẢO VỆ KHỚP LI HỘP/DFT085F	998.352	8%
9897	319591-3	MOTOR BRACKET/DLS111	NÁP CHỤP/DLS111	215.244	8%
9898	319592-1	PIN HOLDER/DLS111	GIÁ ĐỖ/DLS111	84.040	10%
9899	319593-9	STOPPER/DLS111	CHÓT/DLS111	65.340	10%
9900	319594-7	LIGHT CASE/DCU180	HỘP ĐÈN/DCU180	265.680	8%
9901	319595-5	LIGHT CASE COVER/DCU180	NÁP DƯỚI ĐÈN/DCU180	128.304	8%
9902	319604-0	BASE/DSP601	ĐỂ/DSP601	870.488	8%
9903	319605-8	BLADE CASE COVER/DSP601	NÁP CHÂN LƯỖI CẮT/DSP601	58.320	8%
9904	319608-2	GEAR BOX/DUX60	HỘP NHÔNG/DUX60	283.932	8%
9905	319609-0	PIPE BRACKET/DUX60	ĐẦU NỐI VỚI CÁN MÁY/DUX60	22.000	10%
9906	319616-3	GEAR HOUSING/DSC121	VỎ NHÔNG/DSC121	476.280	8%
9907	319620-2	BASE/JV103D	ĐỂ MÁY/JV103D	155.736	8%
9908	319634-1	GEAR HOUSING/DA332D	ĐẦU HỘP NHÔNG/DA332D	349.920	8%
9909	319635-9	GEAR HOUSING/DA333D	HỘP NHÔNG/DA333D	393.876	8%
9910	319652-9	CRANK CAP COVER/DHR400	NÁP ĐẦU/DHR400	168.480	8%
9911	319667-6	PIN 9/UR100D	CHÓT 9/UR100D	42.020	10%
9912	319669-2	REAR COVER/DWT310	TẮM BẢO VỆ PHÍA SAU/DWT310	4.093.848	8%
9913	319670-7	PISTON SYLINDER/DHW080	NÁP PISTON/DHW080	256.520	10%
9914	319674-9	BEARING BOX/DHR280	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DHR280	46.640	10%
9915	319702-0	BLADE CASE COVER/DSP601	NÁP CHÂN LƯỖI CẮT/DSP601	760.212	8%
9916	319703-8	PIPE CLAMP/DUR369	NÁP GIỮ TAY CẮM/DUR369	32.670	10%
9917	319705-4	HANDLE HOLDER/DUR369	GIÁ ĐỖ TAY CẮM/DUR369	88.660	10%
9918	319711-9	PISTON/EA3601F	PISTON/EA3601F	228.960	8%
9919	319715-1	ANGULAR PLATE/DHS660	TẮM ĐỆM CHIA GÓC/DHS660	265.870	10%
9920	319729-0	JOINT/JR3061T	ĐẦU NỐI/JR3061T	92.400	10%
9921	319740-2	SAFETY COVER/DHS780	NÁP BẢO VỆ/DHS780	581.580	8%
9922	319743-6	BASE/DHS780	ĐỀ MÁY CỬA/DHS780	1.034.964	8%
9923	319768-0	MOTOR BRACKET/DLM460	GIÁ ĐỖ MOTOR/DLM460	27.500	10%
9924	319774-5	SCREW NUT 6.4/DRV250	ỐC VÍT M6X4/DRV250	475.750	10%
9925	319784-2	PUMP HEAD/DHW080	ĐẦU BƠM/DHW080	604.476	8%
9926	319789-2	PLATE RETAINER 20/GA4050	VÒNG ĐỆM HÂM/GA4050	37.400	10%
9927	319793-1	GEAR HOUSING/DPB182	HỘP NHÔNG/DPB182	160.272	8%
9928	319799-9	PIPE HOLDER/UR012G	NÁP KHÓA TAY CẮM/UR012G	116.600	10%
9929	319802-6	CRANK CAP/HR3001C	NÁP ĐẦU/HR3001C	149.270	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
9930	319807-6	PISTON/HR3001C	PISTON/HR3001C	100.764	8%
9931	319808-4	FRAME/DLS800	KHUNG MÁY/DLS800	251.856	8%
9932	319812-3	SCREW NUT 4.8/DRV250	ỐC VÍT M4X8/DRV250	368.500	10%
9933	319815-7	SUB BASE/DLS211	CHÂN ĐỀ/DLS211	638.990	10%
9934	319823-8	BEARING RETAINER 47/DLS800	VÒNG GIỮ BẠC ĐẠN/DLS800	65.340	10%
9935	319824-6	HOLDER/DFN350	GÀ ĐỖ/DFN350	368.500	10%
9936	319827-0	STOPPER/DHS782	NÚT KHÓA/DHS782	69.960	10%
9937	319828-8	BASE/DHS782	BÀN ĐỀ/DHS782	957.096	8%
9938	319829-6	FRAME/DHS782	KHUNG MÁY/DHS782	554.148	8%
9939	319830-1	FRONT ANGULAR PLATE/DHS782	THANH CHIA GÓC/DHS782	403.056	8%
9940	319831-9	REAR ANGULAR PLATE/DHS782	THANH CHIA GÓC SAU/DHS782	288.576	8%
9941	319846-6	CRANK CAP/HR3001C	NÁP ĐẦU/HR3001C	130.680	10%
9942	319860-2	BLADE CASE COVER/DHS900	NÁP CHÂN LƯỖI CÁT/DHS900	563.328	8%
9943	319861-0	SAFETY COVER/DHS900	CHỤP BẢO VỆ/DHS900	609.120	8%
9944	319862-8	BASE/DHS900	BÀN ĐỀ/DHS900	1.158.624	8%
9945	319865-2	FRONT ANGULAR PLATE/DHS900	THANH CHIA GÓC/DHS900	476.280	8%
9946	319866-0	REAR ANGULAR PLATE/DHS900	THANH CHIA GÓC SAU/DHS900	320.544	8%
9947	319867-8	MOTOR BRACKET/DLM533	GIÁ ĐỖ MOTOR/DLM533	586.224	8%
9948	319868-6	BLADE SUPPORT/DLM533	GIÁ ĐỖ LƯỖI CÁT/DLM533	146.556	8%
9949	319869-4	MOTOR HOUSING UPPER/DLM533	VỎ MOTOR TRÊN/DLM533	215.244	8%
9950	319870-9	MOTOR HOUSING LOWER/DLM533	VỎ MOTOR DƯỚI/DLM533	256.500	8%
9951	319872-5	FRONT BASE/DKP181	ĐỂ TẮNG GIÀM LƯỖI BẢO/DKP181	448.848	8%
9952	319882-2	BLADE SUPPORT/DLM462	GIÁ ĐỖ LƯỖI CÁT/DLM462	196.992	8%
9953	319905-6	BRAKE EQUALIZER L/DCU603	CÀN KHÓA PHANH L/DCU603	73.332	8%
9954	319906-4	BRAKE EQUALIZER R/DCU603	CÀN KHÓA PHANH R/DCU603	77.868	8%
9955	319918-7	DECK/DLM533	THÂN MÁY/DLM533	11.022.156	8%
9956	319919-5	PIPE BRACKET/DUX60	ĐẦU NỐI VỚI CÁN MÁY/DUX60	211.200	10%
9957	319949-6	GEAR HOUSING COVER/DUN500W	BẢO VỆ VỎ HỘP NHÔNG/DUN500W	407.592	8%
9958	319950-1	PIPE HOLDER 24/DUN500W	ĐỂ GIỮ 24/DUN500W	497.200	10%
9959	319951-9	SIDE COVER/DUN500W	NÁP BẢO VỆ LƯỖI/DUN500W	99.360	8%
9960	319952-7	PIPE HOLDER COVER 24/DUN500W	VỎ MÁY/DUN500W	297.648	8%
9961	319959-3	PIPE HOLDER/UR101C	ĐỂ GIỮ LỖ XO/UR101C	329.724	8%
9962	319965-8	HOLDER/DFN350	GIÁ ĐỖ/DFN350	307.890	10%
9963	319970-5	SAFETY COVER/HS003G	BẢO VỆ LƯỖI/HS003G	586.224	8%
9964	319972-1	BASE/HS003G	ĐỂ MÁY/HS003G	1.034.964	8%
9965	319980-2	GEAR HOUSING/DPB183	HỘP NHÔNG/DPB183	242.784	8%
9966	319984-4	HOLDER/DST421	GÀ ĐỖ LỖ XO/DST421	325.600	10%
9967	319988-6	BARREL/DHK180	ÔNG XÝ LẠNH/DHK180	599.940	8%
9968	319992-5	LOWER HOLDER/DPB184	TÂM GIỮ PHÍA DƯỚI/DPB184	107.360	10%
9969	319993-3	UPPER HOLDER/DPB184	TÂM GIỮ PHÍA TRÊN/DPB184	107.360	10%
9970	319994-1	LOWER HOLDER/DPB183	TÂM GIỮ PHÍA DƯỚI/DPB183	107.360	10%
9971	319995-9	UPPER HOLDER/DPB183	TÂM GIỮ PHÍA TRÊN/DPB183	107.360	10%
9972	321114-5	SPINDLE/9045B	TRỤC NHÔNG/9045B	554.148	8%
9973	321119-5	SLEEVE 18/6905B	VÒNG ĐỆM 18/6905B	284.570	10%
9974	321193-3	HANGER/GD0603	MÓC TREO/GD0603	25.920	8%
9975	321194-1	SPINDLE/GD0603	TRỤC NHÔNG/GD0603	815.184	8%
9976	321197-5	SPINDLE/4100NB	TRỤC NHÔNG/4100NB	114.480	8%
9977	321210-9	HANDLE SHAFT/HM0810	ỐC TAY CẦM/HM0810	69.960	10%
9978	321248-4	DEPTH GAUGE/HR3530	THƯỚC CẠNH ĐỘ SAU/HR3530	41.256	8%
9979	321260-4	ADJUST PIN/5012B	CHÓT ĐIỀU CHỈNH LAM XÍCH/5012B	42.020	10%
9980	321261-2	PLUNGER/5016B	NÚT NHAN/5016B	102.630	10%
9981	321311-3	BLADE HOLDER/JS1602	TRỤC GIỮ LƯỖI CÁT/JS1602	448.848	8%
9982	321396-9	CHAIN CATCHER/5016B	CHÓT TẮNG GIÀM LAM XÍCH/5016B	73.332	8%
9983	321404-6	BLADE HOLDER/JS3201	TRỤC GIỮ LƯỖI CÁT/JS3201	622.836	8%
9984	321405-4	METAL/JS3201	TRỤC SẮT/JS3201	676.280	10%
9985	321406-2	SCREW/JN3201	VÒNG ĐỆM/JN3201	52.800	10%
9986	321408-8	CRANK SHAFT/JN3201	TRỤC KHUYU/JN3201	954.720	8%
9987	321415-1	LOCK NUT/JN3201	VÒNG KHÓA NGOÀI/JN3201	660.000	10%
9988	321418-5	PIN 9/JN3201	CHÓT GÁI/JN3201	48.400	10%
9989	321440-2	TOOL HOLDER/HM1201	ĐẦU GÁI MŨI ĐỤC/HM1201	1.643.976	8%
9990	321441-0	PISTON/HM1201	PISTON/HM1201	1.277.640	8%
9991	321445-2	CLAMP NUT/HM1201	TÁN ĐỀ TAY CẦM/HM1201	145.200	10%
9992	321447-8	STRIKER/HM1201	QUA TAY/HM1201	517.536	8%
9993	321495-7	IMPACT BOLT/HM0810	BÚA ĐẬP/HM0810	228.960	8%
9994	321497-3	CLAMP NUT/HM0810	TÁN KÉP GIỮ TAY CẦM/HM0810	93.280	10%
9995	321514-9	INNER RING 26/HM0810	VÒNG ĐỆM/HM0810	69.960	10%
9996	321544-0	SPINDLE/9005B	TRỤC NHÔNG/9005B	359.150	10%
9997	321645-4	SPINDLE/2416S	TRỤC NHÔNG/2416S	864.000	8%
9998	321680-2	SCREW M8/2416S	CHÓT M8/2416S	88.000	10%
9999	321681-0	WISE SCREW/2416S	TỶ KHÓA VẮT LIỆU/2416S	211.680	8%
10000	321682-8	STOPPER/2416S	CHÓT MỎ LƯỖI/2416S	39.600	10%
10001	321869-2	LEVER/BO4540	KẸP NHÁM/BO4540	23.320	10%
10002	321894-3	SPINDLE/906H	TRỤC NHÔNG/906H	696.060	8%
10003	321895-1	COUPLING/906H	KHỚP NỐI/906H	128.304	8%
10004	321896-9	FRONT CAP/906H	NÁP BẠC ĐẠN/906H	328.320	8%
10005	321929-0	STRIKER/HM0810	BÚA GỖ/HM0810	247.320	8%
10006	321948-6	STOPPER POLE/RP0900	TỶ CHẶN/RP0900	22.896	8%
10007	321954-1	CRANK SHAFT/HM0810	TRỤC KHUYU/HM0810	522.072	8%
10008	321958-3	PISTON/HM0810	PISTON/HM0810	251.856	8%
10009	321980-0	SUPPORT PIN/9403	ỐC VÍT TẮNG GIÀM/9403	28.050	10%
10010	322045-1	CLIP/DTW1004	CHÓT HẮM/DTW1004	4.730	10%
10011	322046-9	GRIP HOLDER/5016B	GIÁ ĐỖ TAY CẦM/5016B	116.600	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10012	322049-3	HOOK/2414NB	MÓC TREO/2414NB	18.360	8%
10013	322071-0	ARBOR/9741	TRỤC GẮN CƯỚC/9741	677.808	8%
10014	322107-5	IMPACT BOLT/HM1201	BÚA ĐÁP/HM1201	851.796	8%
10015	322209-7	VICE NUT/2414NB	CON TẮN/2414NB	163.240	10%
10016	322229-1	GAUGE/2012NB	CHỐT/2012NB	18.700	10%
10017	322309-3	SPINDLE/LS1030	TRỤC NHÔNG/LS1030	380.160	8%
10018	322312-4	HOLDER/LS1030N	TAY CÀM/LS1030N	93.280	10%
10019	322317-4	STOPPER PIN/LS1030N	CHỐT GÀI/LS1030N	23.320	10%
10020	322327-1	TOOL HOLDER/HR3520	ĐẦU GÀI MŨI ĐỤC/HR3520	1.584.468	8%
10021	322381-5	CONNECTING ROD/HM1500	TAY ĐÈN/HM1500	233.280	8%
10022	322407-3	WASHER 6/DVC260	LONG ĐÈN/DVC260	65.340	10%
10023	322476-4	CONNECTING ROD/HM1810	TAY BIẾN/HM1810	522.720	8%
10024	322477-2	TOOL RETAINER POLE/HM1810	CHỐT GÀI/HM1810	522.390	10%
10025	322548-5	CYLINDER B/HM1810	XY LÀNH/HM1810	1.218.240	8%
10026	322560-5	RETAINER RING/HM1810	VÒNG ĐỆM/HM1810	184.800	10%
10027	322566-3	SCREW SEAL/HM1810	VÒNG ĐỆM/HM1810	61.600	10%
10028	322633-4	SPINDLE/2414NB	TRỤC NHÔNG/2414NB	68.688	8%
10029	322665-1	STOPPER/2414NB	CHỐT CHẶN MỎ LƯỚI/2414NB	14.080	10%
10030	322678-2	SHAFT LOCK/LC1230	CHỐT GÀI/LC1230	37.400	10%
10031	322679-0	VICE SCREW/LC1230	ỐC ĐIỀU CHỈNH/LC1230	163.240	10%
10032	322688-9	HAMMER/TL064D	BÚA GỖ/TL064D	367.200	8%
10033	322689-7	ANVIL/TL064D	TRỤC/TL064D	557.280	8%
10034	322691-0	GEAR SHAFT/4304	TRỤC NHÔNG/4304	293.112	8%
10035	322701-3	DIE HOLDER/JN1601	Ổ GIỮ KHUÔN ĐẬP/JN1601	3.127.680	8%
10036	322702-1	PUNCH HOLDER/JN1601	Ổ THÉP/JN1601	457.920	8%
10037	322703-9	RAM/JN1601	TRỤC LƯỚI CÁT/JN1601	251.900	10%
10038	322704-7	CRANK SHAFT/JN1601	TRỤC KHUYU/JN1601	416.772	8%
10039	322705-5	ANVIL N/6951	CÓT MÂY/6951	732.672	8%
10040	322719-4	WASHER 10/TL064D	VÒNG ĐỆM 10/TL064D	60.720	10%
10041	322748-7	LOCK NUT/JN1601	NÚT KHÓA/JN1601	186.560	10%
10042	322793-2	HAMMER/6951	VÒNG THÉP/6951	423.360	8%
10043	322838-6	SPINDLE/5806B	TRỤC NHÔNG/5806B	87.048	8%
10044	322842-5	CRANK SHAFT/HR2010	TRỤC KHUYU/HR2010	219.888	8%
10045	322864-5	STRIKER/HR2010	BÚA GỖ/HR2010	68.688	8%
10046	322865-3	SPINDLE/LH1040	TRỤC NHÔNG/LH1040	109.944	8%
10047	322893-8	SAFETY WIRE/4304	KẸP GIỮ AN TOÀN/4304	55.990	10%
10048	322899-6	SPINDLE/LS1013	TRỤC NHÔNG/LS1013	137.376	8%
10049	322908-1	ROLLER 8/HM1202C	CHỐT GÀI 8/HM1202C	102.630	10%
10050	322934-0	UNBALANCER/DVR450Z	TRỤC QUAY/DVR450Z	806.004	8%
10051	322935-8	CAP/DVR450Z	NÁP CHỤP/DVR450Z	219.230	10%
10052	322963-3	GUIDE PIN 2/HR4040C	CHỐT GÀI 2/HR4040C	4.730	10%
10053	322967-5	LOCK LEVER SHAFT/2704	ỐC KHOA/2704	84.040	10%
10054	322968-3	SCREW BAR/2704	ỐC VÍT/2704	55.990	10%
10055	323559-3	HALF NUT/3612br	CHỐT KHÓA/3612BR	102.630	10%
10056	323601-0	NUT/4107R	ĐẦU NỐI/4107R	42.020	10%
10057	323634-5	SUPPORT PIN/9924DB	CHỐT GÀI/9924DB	26.400	10%
10058	323724-4	CHUCK RING/HR2400	VÒNG GÀI LỖ XO/HR2400	335.830	10%
10059	323736-7	GUIDE BAR/2704	THÀNH DẪN(LAM)/2704	228.580	10%
10060	323748-0	SAFETY WIRE/4326	KẸP GIỮ AN TOÀN/4326	14.080	10%
10061	323767-6	PIN 8/HM1202C	CHỐT 8/HM1202C	57.200	10%
10062	323776-5	TENSION ROLLER SHAFT/9910	TRỤC GIỮ RU LỎ/9910	77.868	8%
10063	323802-0	GUIDE PIN/JV101D	CHỐT/JV101D	30.800	10%
10064	323818-5	IMPACT BOLT/HR2010	BÚA/HR2010	32.076	8%
10065	323819-3	SPRING GUIDE/HR2010	VÒNG ĐỆM/HR2010	119.124	8%
10066	323820-8	CHUCK RING/HR2010	VÒNG CHẶN/HR2010	303.160	10%
10067	323821-6	TOOL HOLDER/HR2010	NÔNG MÁY HR2010/HR2010	2.807.136	8%
10068	323823-2	SPINDLE/4140	TRỤC NHÔNG/4140	501.120	8%
10069	323828-2	SPINDLE/LC1230	TRỤC NHÔNG/LC1230	174.096	8%
10070	323829-0	TENSION ROLLER SHAFT/9403	TRỤC GIỮ RU LỎ/9403	102.630	10%
10071	323882-6	COLLARED SHAFT 12/LC1230	CHỐT GÀI 12/LC1230	44.000	10%
10072	323883-4	LEVER ROD 10/LC1230	THÀNH ĐIỀU CHỈNH GÓC 10/LC1230	50.436	8%
10073	323922-0	SPINDLE N/TL064D	TRỤC/TL064D	544.968	8%
10074	323923-8	DRIVE SHAFT/2012NB	TRỤC NHÔNG/2012NB	251.856	8%
10075	323924-6	SCREW R/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	219.230	10%
10076	323925-4	SCREW L/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	154.000	10%
10077	323926-2	SHAFT 10/2012NB	TRỤC GÀI TĂNG GIAM 10/2012NB	119.124	8%
10078	323927-0	HALF NUT/2012NB	CHỐT GÀI/2012NB	74.690	10%
10079	323928-8	DRUM/2012NB	RU LỖ/2012NB	2.216.376	8%
10080	323931-9	TENSION ROLLER SHAFT/BS001G	CHỐT ĐỊNH VỊ RU LỖ/BS001G	102.630	10%
10081	323955-5	SPINDLE/N5900B	TRỤC NHÔNG/N5900B	105.408	8%
10082	323962-8	SHAFT HOLDER/UT1305	TRỤC NỐI/UT1305	155.520	8%
10083	323973-3	CRANK PIN 4/HR5001C	CHỐT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR5001C	42.020	10%
10084	323989-8	COUPLING/GD0800C	KHỚP NỐI/GD0800C	320.544	8%
10085	324026-1	SPINDLE/DTL063	TRỤC NHÔNG/DTL063	746.496	8%
10086	324031-8	FOOT/BO3700	CHÂN RUNG/BO3700	14.080	10%
10087	324035-0	SPINDLE/9565CVR	TRỤC NHÔNG/9565CVR	316.008	8%
10088	324036-8	SPINDLE/9563C	TRỤC NHÔNG/9563C	215.244	8%
10089	324042-3	SPINDLE/GD0800C	TRỤC NHÔNG/GD0800C	691.524	8%
10090	324050-4	SPINDLE A/BTD042	TRỤC NHÔNG/BTD042	1.025.784	8%
10091	324056-2	ANVIL/BTW070	CÓT MÂY/BTW070	137.160	8%
10092	324068-5	ADJUST PIN/EA3201S	CHỐT ĐIỀU CHỈNH LAM XÍCH/EA3201S	13.200	10%
10093	324069-3	SPINDLE/PO5000C	TRỤC NHÔNG/PO5000C	480.816	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10094	324080-5	SPINDLE/GV7000	TRỤC NHÔNG/GV7000	648.000	8%
10095	324090-2	SPINDLE/6952	TRỤC LẬP BÀNH RĂNG/6952	2.101.896	8%
10096	324093-6	ANVIL N/6952	CÓT MÁY/6952	889.920	8%
10097	324099-4	TOOL RETAINER/HM1306	CHÓT GAI/HM1306	107.360	10%
10098	324135-6	RETAINER SLEEVE/HM1306	VÒNG ĐỆM/HM1306	125.950	10%
10099	324144-5	SPINDLE/BO6030	TRỤC MÁY/BO6030	316.008	8%
10100	324145-3	HAMMER/6952	ĐẦU BÚA/6952	427.680	8%
10101	324183-5	STOPPER PIN/LH1040	CHÓT KHÓA/LH1040	18.700	10%
10102	324206-9	JOINT THREAD M12/4107R	TÁN BẮT TAY CÀM M12/4107R	172.590	10%
10103	324207-7	SHAFT/DDF482	TRỤC/DDF482	26.400	10%
10104	324212-4	RING 8/DHR202	VÒNG ĐỆM/DHR202	32.670	10%
10105	324214-0	STRIKER/DHR202	QUẢ TÀ/DHR202	45.792	8%
10106	324215-8	PISTON JOINT/DHR202	CHÓT PISTON/DHR202	18.360	8%
10107	324216-6	O RING CASE/DHR202	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR202	60.720	10%
10108	324219-0	DEPTH GAUGE/DHR202	THƯỚC CÀNH/DHR202	13.824	8%
10109	324220-5	SPINDLE/6980FD	TRỤC NHÔNG/6980FD	261.250	10%
10110	324221-3	SPINDLE/4100NH3	TRỤC NHÔNG/4100NH3	68.688	8%
10111	324231-0	ANVIL/6906	CÓT MÁY/6906	2.051.568	8%
10112	324233-6	SAFETY WIRE/4350CT	KẸP GIỮ AN TOÀN/4350CT	28.050	10%
10113	324236-0	TOOL RETAINER/HM1810	CÀN GAI MŨI ĐỤC/HM1810	3.302.200	10%
10114	324238-6	TOOL RETAINER SHAFT/HM1810	CHÓT GAI/HM1810	471.130	10%
10115	324245-9	SPINDLE/9500N	TRỤC NHÔNG/9500N	172.800	8%
10116	324246-7	SPINDLE/9500NB	TRỤC NHÔNG/9500NB	187.812	8%
10117	324247-5	SPINDLE/HP2050	TRỤC NHÔNG/HP2050	183.168	8%
10118	324259-8	SPINDLE/UT1305	TRỤC NHÔNG/UT1305	883.872	8%
10119	324265-3	SHAFT HOLDER/MT660	ĐẦU NỐI/MT660	137.376	8%
10120	324273-4	SPINDLE/UT2204	TRỤC NHÔNG/UT2204	881.280	8%
10121	324284-9	HOOK/TW0200	MÓC TREO/TW0200	96.228	8%
10122	324312-0	SPINDLE/MT954	TRỤC NHÔNG/MT954	54.972	8%
10123	324320-1	SPINDLE/MT583	TRỤC NHÔNG/MT583	64.152	8%
10124	324321-9	SPINDLE/LW1400	TRỤC NHÔNG/LW1400	68.688	8%
10125	324322-7	STOPPER/LW1400	CHÓT CHẶN/LW1400	9.350	10%
10126	324323-5	WISE SCREW/LW1400	THANH SẮT CỎ REN/LW1400	123.200	10%
10127	324336-6	HAMMER/TW0350	ĐẦU BÚA/TW0350	1.451.628	8%
10128	324338-2	SPINDLE/TW0350	TRỤC NHÔNG/TW0350	1.360.044	8%
10129	324339-0	SPINDLE/TW0200	TRỤC NHÔNG/TW0200	1.927.908	8%
10130	324341-3	HAMMER/TW0200	VÒNG THÉP/TW0200	1.264.010	10%
10131	324344-7	ANVIL/TW0200	CÓT MÁY/TW0200	842.616	8%
10132	324355-2	TOOL HOLDER/HR2651T	ĐẦU GAI MŨI KHOAN/HR2651T	673.164	8%
10133	324357-8	ANVIL/6905H	CÓT MÁY/6905H	1.273.104	8%
10134	324372-2	SPINDLE/MT953	TRỤC NHÔNG/MT953	73.332	8%
10135	324376-4	SPINDLE/6411	TRỤC NHÔNG/6411	64.152	8%
10136	324377-2	SPINDLE M/BFT080F	TRỤC NHÔNG/BFT080F	656.640	8%
10137	324378-0	ROLLER 11/N3701	RU LỎ 11/N3701	9.180	8%
10138	324387-9	TOOL HOLDER/HM0870C	NÔNG THÉP/HM0870C	1.218.132	8%
10139	324388-7	STRIKER/HM0870C	QUẢ TÀ/HM0870C	233.604	8%
10140	324389-5	IMPACT BOLT/HM0870C	BÚA TRUNG GIAN/HM0870C	114.480	8%
10141	324391-8	SPINDLE N/DFT085F	TRỤC NHÔNG/DFT085F	1.181.520	8%
10142	324392-6	SHOULDER SHAFT/SG1251J	TỶ CHỤP BẢO VỆ/SG1251J	132.840	8%
10143	324393-4	SPINDLE/SG1251	TRỤC NHÔNG/SG1251	883.872	8%
10144	324396-8	IMPACT BOLT/HR2450	BÚA TRUNG GIAN/HR2450	261.036	8%
10145	324397-6	SPINDLE/HP1640	TRỤC NHÔNG/HP1640	69.120	8%
10146	324402-9	RING 10/DHR202	VÒNG ĐỆM/DHR202	28.050	10%
10147	324420-7	SLEEVE/6951	VÒNG ĐỆM ĐẦU/6951	42.020	10%
10148	324424-9	HALF NUT/MT362	CHÓT/MT362	51.370	10%
10149	324425-7	LOCK PIN/MT362	CHÓT KHÓA/MT362	9.350	10%
10150	324447-7	SPACER/6922NB	VÒNG ĐỆM/6922NB	606.320	10%
10151	324463-9	PISTON RING/DCS232T	BẠC PISTON/DCS232T	56.160	8%
10152	324464-7	ADJUST PIN/DCS232T	ỐC VÍT ĐIỀU CHỈNH LAM/DCS232T	13.200	10%
10153	324467-1	PISTON PIN 8/DCS232T	ÁT PISTON/DCS232T	4.320	8%
10154	324468-9	ROD/DCS232T	THANH DÂY ĐỒNG MỐ GA/DCS232T	48.400	10%
10155	324469-7	CLUTCH CAM/HR2020	KHỚP NHÔNG/HR2020	480.816	8%
10156	324475-2	SPINDLE/4131	TRỤC NHÔNG/4131	622.080	8%
10157	324476-0	HOOK/4131	CHÓT GẠT/4131	167.200	10%
10158	324477-8	DAMPER SPRING/DCS232T	LÒ XO/DCS232T	22.000	10%
10159	324488-3	SPINDLE/9553B	TRỤC NHÔNG/9553B	82.512	8%
10160	324496-4	LOCK PIN 8/LH1040	CHÓT KHÓA 8/LH1040	17.600	10%
10161	324497-2	GUARD SHAFT/LH1040	TRỤC GIỮ ỐC/LH1040	28.050	10%
10162	324501-7	SPINDLE/TW1000	TRỤC NHÔNG/TW1000	193.320	8%
10163	324513-0	LOWER SHAFT/2107F	NHÔNG/2107F	137.376	8%
10164	324517-2	DRUM REAR SHAFT/M1100B	TRỤC SAU/M1100B	18.360	8%
10165	324519-8	BRACKET/6924N	MẶT ỐP/6924N	952.560	8%
10166	324521-1	ROD SUPPORTER/6924N	TAY BIẾN HỒ TRỢ/6924N	1.492.884	8%
10167	324536-8	PISTON/HM1810	PISTON NHỰA/HM1810	246.240	8%
10168	324539-2	TOOL HOLDER 29/HM1810	ĐẦU GAI MŨI ĐỤC 29/HM1810	5.784.480	8%
10169	324541-5	IMPACT BOLT HOLDER/HM1810	NÔNG THÉP BÚA ĐẬP/HM1810	976.320	8%
10170	324542-3	TOOL HOLDER/HR4002	NÔNG THÉP/HR4002	2.472.768	8%
10171	324545-7	IMPACT BOLT/HM1810	BÚA ĐẬP/HM1810	522.720	8%
10172	324546-5	STRIKER/HM1810	QUẢ TÀ/HM1810	1.304.640	8%
10173	324548-1	CHUCK RING/HR4002	KHOÁ GAI/HR4002	116.600	10%
10174	324549-9	DRIVING FLANGE/HR4002	KHỚP NHÔNG/HR4002	137.376	8%
10175	324550-4	CRANK SHAFT/HR4002	TRỤC KHUYU/HR4002	256.500	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10176	324556-2	SPINDLE/2704	TRỤC NHÔNG/2704	209.880	10%
10177	324559-6	HOOK RING/2704	VÒNG ĐỆM/2704	18.700	10%
10178	324562-7	LOCK LEVER CONNECTOR/2704	ỐC KHÓA/2704	46.640	10%
10179	324563-5	HANDLE SHAFT/2704	CHỐT TÀNG GIAM/2704	51.370	10%
10180	324569-3	IMPACT BOLT/HR4002	BÚA TRUNG GIAN/HR4002	91.584	8%
10181	324571-6	STRIKER/HR4002	BÚA GỖ/HR4002	54.972	8%
10182	324572-4	PIPE 16/HM0871C	ỐNG 16/HM0871C	37.400	10%
10183	324573-2	RING 17/HR4002	VÒNG ĐỆM BĂNG THÉP 17/HR4002	51.370	10%
10184	324580-5	SPACER/HM1810	LONG ĐÈN/HM1810	497.200	10%
10185	324611-0	IMPACT BOLT/DHR165	BÚA TRUNG GIAN/DHR165	41.256	8%
10186	324612-8	PISTON JOINT/DHR165	CHỐT PISTON/DHRI65	22.896	8%
10187	324613-6	STRIKER/DHR165	BÚA GỖ/DHR165	41.256	8%
10188	324616-0	HOSE CLAMP/DCS232T	VÒNG KẸP GIỮ ỚNG/DCS232T	22.000	10%
10189	324619-4	SPINDLE/UC3020A	TRỤC NHÔNG/UC3020A	96.228	8%
10190	324620-9	ADJUST SCREW/BUC250	ỐC VÍT CỬA MÁY CỬA XÍCH/BUC250	9.350	10%
10191	324621-7	ADJUST PIN/BUC250	CHỐT ĐIỀU CHỈNH LAM XÍCH/BUC250	9.350	10%
10192	324622-5	ROD/UC3020A	CHỐT GAI/UC3020A	9.350	10%
10193	324623-3	SPACER/6924N	LONG ĐÈN ĐỆM/6924N	578.380	10%
10194	324624-1	OUTER SUPPORT/6924N	BỘ HỖ TRỢ BÊN NGOÀI/6924N	6.378.912	8%
10195	324638-0	SPINDLE/GD0600	TRỤC NHÔNG/GD0600	132.840	8%
10196	324639-8	COUPLING/GD0600	KHỚP NỐI/GD0600	64.152	8%
10197	324666-5	SPINDLE/TW1000	TRỤC NHÔNG/TW1000	2.422.440	8%
10198	324668-1	CAM SHAFT/DHR202	TRỤC NHÔNG/DHR202	215.244	8%
10199	324669-9	IMPACT BOLT/DHR202	BÚA GỖ/DHR202	41.256	8%
10200	324673-8	ROD R /2704	TRỤC CHỐT /2704	79.310	10%
10201	324674-6	ROD F /2704	TRỤC CHỐT /2704	46.640	10%
10202	324675-4	ROD JOINT /2704	TRỤC/2704	46.640	10%
10203	324685-1	HOSE CLAMP/UC4051A	VÒNG NẸP ỚNG CAO SU/UC4051A	23.320	10%
10204	324697-4	HAMMER/DTW450	HỘP BÚA/DTW450	966.276	8%
10205	324703-5	HAMMER/DTW250	HỘP BÚA/DTW250	581.580	8%
10206	324706-9	ANVIL/DTW250	CỐT MÁY/DTW250	746.496	8%
10207	324707-7	SPINDLE/SP6000	TRỤC NHÔNG/SP6000	203.040	8%
10208	324708-5	STOPPER PIN 8/CA5000	CHỐT/CA5000	22.000	10%
10209	324709-3	LOCK PIN 8/SP6000	CHỐT KHÓA/SP6000	57.200	10%
10210	324710-8	PIN 8/DSP601	CHỐT GAI 8/DSP601	18.700	10%
10211	324711-6	BIT SLEEVE/TD022D	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI VÍT/TD022D	42.020	10%
10212	324712-4	SPINDLE N/TD022D	TRỤC NHÔNG/TD022D	96.228	8%
10213	324713-2	ANVIL/TD022D	KHỚP NỐI TRỤC NHÔNG/TD022D	247.320	8%
10214	324714-0	HAMMER/TD022D	ĐẦU BÚA/TD022D	142.020	8%
10215	324715-8	SPINDLE/TD022D	TRỤC NHÔNG/TD022D	247.320	8%
10216	324716-6	PIN 8/CA5000	CHỐT 8/CA5000	26.400	10%
10217	324723-9	IMPACT BOLT/HR4030C	BÚA GỖ/HR4030C	723.600	8%
10218	324724-7	SLIDE PLATE/HR4030C	THANH TRƯỢT/HR4030C	100.764	8%
10219	324725-5	STRIKER/HR4030C	BÚA GỖ/HR4030C	151.200	8%
10220	324726-3	WASHER 17/HR4030C	LONG ĐÈN/HR4030C	102.630	10%
10221	324727-1	SHOULDER WASHER 8/DHR400	VÒNG ĐỆM 8/DHR400	144.650	10%
10222	324728-9	TOOL HOLDER/HR4030C	ĐẦU GAI MŨI ĐỤC/HR4030C	1.987.416	8%
10223	324729-7	GEAR SHAFT/BCS550	TRỤC NHÔNG/BCS550	38.880	8%
10224	324730-2	SPINDLE/BCS550	NHÔNG LỚN 27/BCS550	73.440	8%
10225	324731-0	STOPPER PIN/SP6000	CHỐT/SP6000	60.720	10%
10226	324733-6	STRIKER/HR2460	BÚA ĐÁP/HR2460	50.436	8%
10227	324756-4	RING 20/HR5211C	VÒNG ĐỆM/HR5211C	142.020	8%
10228	324771-8	TOOL HOLDER/HR3530	ĐẦU GAI MŨI ĐỤC/HR3530	2.060.640	8%
10229	324772-6	IMPACT BOLT/HR3530	BÚA TRUNG GIAN/HR3530	677.808	8%
10230	324773-4	WASHER 17/HR3530	LONG ĐÈN/HR3530	125.950	10%
10231	324774-2	SHOULDER WASHER 18/HR3530	LONG ĐÈN/HR3530	98.010	10%
10232	324775-0	STRIKER/HR3530	PISTON/HR3530	128.304	8%
10233	324776-8	CRANK SHAFT/HR3530	TRỤC KHUYU/HR3530	508.356	8%
10234	324781-5	LEVER/MT920	THANH KẸP GIẤY NHẠM/MT920	28.050	10%
10235	324786-5	SPINDLE/GA5010	TRỤC NHÔNG/GA5010	114.480	8%
10236	324789-9	SPINDLE/GA5020	TRỤC NHÔNG/GA5020	325.188	8%
10237	324793-8	CRANK SHAFT/HR2810	TRỤC KHUYU/HR2810	251.856	8%
10238	324802-3	IMPACT BOLT/HR4511C	BÚA TRUNG GIAN/HR4511C	389.232	8%
10239	324804-9	STRIKER/HR4511C	BÚA GỖ/HR4511C	146.556	8%
10240	324821-9	SEAL HOLDER/HM1306	PHỐT ĐẦU/HM1306	265.870	10%
10241	324822-7	HAMMER/HM1306	NONG MÁY HM1306/HM1306	2.518.560	8%
10242	324823-5	CRANK SHAFT/HM1306	TRỤC KHUYU/HM1306	503.712	8%
10243	324824-3	IDLER/HM1306	VÒNG SẮT/HM1306	918.830	10%
10244	324832-4	CONNECTING ROD/HM1306	TAY ĐÈN/HM1306	526.608	8%
10245	324833-2	LOCK SLEEVE/GA5020	KHÓA VÒNG/GA5020	60.720	10%
10246	324834-0	LOCK NUT M12/DFT085F	NHÔNG KHÓA M12/DFT085F	270.600	10%
10247	324835-8	SPINDLE/DP4010	TRỤC NHÔNG/DP4010	209.880	10%
10248	324837-4	TOOL HOLDER/DHK180	NONG THÉP/DHK180	3.704.616	8%
10249	324838-2	SLIDE PLATE/HR3200C	VÒNG CHẶN BĂNG THÉP/HR3200C	51.370	10%
10250	324839-0	CRANK SHAFT/HR3200C	TRỤC KHUYU/HR3200C	261.036	8%
10251	324840-5	TOOL HOLDER/HR3200C	NONG THÉP/HR3200C	682.344	8%
10252	324844-7	IMPACT BOLT/DHK180	BÚA TRUNG GIAN/DHK180	135.300	10%
10253	324845-5	CRANK SHAFT/DHK180	TRỤC NHÔNG/DHK180	219.888	8%
10254	324847-1	STRIKER/DHK180	QUÁ BÚA/DHK180	137.376	8%
10255	324848-9	CLUTCH/HR3200C	KHỚP NHÔNG/HR3200C	105.408	8%
10256	324849-7	IMPACT BOLT/HR3200C	BÚA GỖ/HR3200C	178.632	8%
10257	324858-6	STRIKER/HR3200C	QUÁ TÀ/HR3200C	109.944	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10258	324862-5	COUNTER WEIGHT/HR3210C	CÂN ĐỐI TRONG/HR3210C	210.708	8%
10259	324872-2	TOOL HOLDER/HR4511C	NỒNG THÉP/HR4511C	6.213.996	8%
10260	324873-0	LEVER/MT921	THANH SẮT GAI GIẤY NHĂM/MT921	13.824	8%
10261	324885-3	HANGER/CL100D	GIÀ TREO/CL100D	4.400	10%
10262	324891-8	PLUG CAP SPRING/BHX2500	LỖ XO BÚI/BHX2500	4.400	10%
10263	324894-2	HAMMER/TD090D	BÚA GỖ/TD090D	169.452	8%
10264	324896-8	ANVIL N/TD090D	CÓT MÂY/TD090D	109.944	8%
10265	324897-6	SPINDLE/TD090D	TRỤC NHÔNG/TD090D	155.736	8%
10266	324917-6	RECEIVE WASHER/BUR182U	LONG ĐÈN CHẶN/BUR182U	74.800	10%
10267	324918-4	PISTON/HR3200C	PISTON/HR3200C	439.668	8%
10268	324919-2	BIT SLEEVE/DF010D	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI VÍT/DF010D	51.370	10%
10269	324930-4	LOCK RING/DA331D/DA331D	VÒNG KHÓA NGOÀI DA331D/DA331D	110.000	10%
10270	324942-7	TOOL RETAINER/HM1306	CHÓT GÀ/HM1306	93.280	10%
10271	324954-0	SPINDLE/GA5030R	TRỤC NHÔNG/GA5030R	77.868	8%
10272	324956-6	SPINDLE/DGA404	TRỤC NHÔNG/DGA404	82.512	8%
10273	324959-0	SPINDLE/MT960	TRỤC NHÔNG/MT960	82.512	8%
10274	324961-3	INTAKE PIPE/BHX2500	ÔNG THÔNG HƠI/BHX2500	21.600	8%
10275	324969-7	CHANGE RING/HM1203C	VÒNG ĐỆM/HM1203C	550.440	10%
10276	324983-3	SPINDLE 125N/FS4000	TRỤC NHÔNG/FS4000	288.576	8%
10277	324985-9	TOOL HOLDER/HM1203C	NỒNG THÉP/HM1203C	2.884.896	8%
10278	324987-5	CHUCK RING/HM1203C	KHÓA GÀ/HM1203C	331.210	10%
10279	324988-3	LOCK RING/HM1203C	LONG ĐÈN/HM1203C	321.860	10%
10280	324990-6	IMPACT BOLT/HM1203C	BÚA TRUNG GIAN/HM1203C	238.140	8%
10281	324992-2	COUNTER WEIGHT/HM1213C	CÂN ĐỐI TRONG/HM1213C	77.868	8%
10282	324993-0	SHOULDER SLEEVE/HM1203C	VÒNG ĐỆM THÉP/HM1203C	111.980	10%
10283	324994-8	CRANK SHAFT/HM1203C	TRỤC KHUYU/HM1203C	334.368	8%
10284	324995-6	BUSH 15/GD0602	LONG ĐÈN CHẶN CỖ HỤT 15/GD0602	35.200	10%
10285	325085-8	SPINDLE/6016	TRỤC NHÔNG/6016	805.200	10%
10286	325183-8	SPINDLE/5103N	TRỤC NHÔNG/5103N	954.720	8%
10287	325318-1	HAMMER/6906	ĐÁU BÚA/6906	2.005.776	8%
10288	325322-0	SPINDLE/6906	TRỤC NHÔNG/6906	1.923.264	8%
10289	325402-2	SPINDLE/4107R	TRỤC NHÔNG/4107R	909.480	10%
10290	325415-3	HAMMER/TW1000	VÒNG THÉP/TW1000	4.043.520	8%
10291	325458-5	TENSION ROLLER SHAFT/9924DB	TRỤC GIỮ RU LÒ/9924DB	142.020	8%
10292	325494-1	SPINDLE/DS4011	TRỤC NHÔNG/DS4011	636.552	8%
10293	325527-2	SPINDLE/9207SPB	TRỤC NHÔNG/9207SPB	721.440	8%
10294	325549-2	ADJUST PIN/5016B	CHÓT ĐIỀU CHỈNH LAM XÍCH/5016B	60.720	10%
10295	325550-7	SPINDLE/5016B	TRỤC NHÔNG/5016B	760.212	8%
10296	325587-4	ANVIL/TW1000	CÓT MÂY/TW1000	3.576.420	8%
10297	325600-8	SLIDER BLOCK/MT430	MIỀNG THÉP KHOA/MT430	96.228	8%
10298	325601-6	BLADE CLAMP/MT430	BỘ GIỮ LƯỚI CỬA LONG/MT430	100.764	8%
10299	325602-4	SAFETY WIRE/MT430	KẸP GIỮ AN TOÀN/MT430	14.080	10%
10300	325603-2	SPINDLE/4100NH2	TRỤC NHÔNG/4100NH2	77.868	8%
10301	325604-0	BUSH/EA4301F	VÒNG ĐỆM/EA4301F	4.320	8%
10302	325605-8	SPINDLE 180N/FS2500	TRỤC NHÔNG/FS2500	329.724	8%
10303	325625-2	SPINDLE/PCS000C	TRỤC NHÔNG/PCS000C	196.992	8%
10304	325640-6	SLEEVE 9/DHR263	ÔNG ĐỆM/DHR263	18.700	10%
10305	325643-0	GEAR SHAFT/LS1016	TRỤC NHÔNG/LS1016	64.152	8%
10306	325644-8	SPINDLE/LS1016	TRỤC NHÔNG/LS1016	69.960	10%
10307	325652-9	SCREW M10/RP2301FC	ỐC VÍT M10/RP2301FC	163.240	10%
10308	325659-5	CRANK SHAFT/HM1214C	TRỤC KHUYU/HM1214C	274.752	8%
10309	325660-0	COUNTER SHAFT/HM1214C	ỐC/HM1214C	883.872	8%
10310	325661-8	SLIDE SLEEVE/HM1214C	NỒNG THÉP/HM1214C	601.700	10%
10311	325662-6	SHOULDER WASHER 8/HM1214C	VÒNG ĐỆM LỖ/HM1214C	37.400	10%
10312	325663-4	ADJUST SCREW/EBH340R	ỐC VÍT/EBH340R	17.600	10%
10313	325665-0	JOINT PIPE/EE2650H	ÔNG DẪN/EE2650H	13.200	10%
10314	325668-4	SPRING RETAINER/BHX2500	LỖ XO/BHX2500	17.600	10%
10315	325669-2	EXHAUST VALVE/BHX2500	VÁN XÁ/BHX2500	95.040	8%
10316	325675-7	SHAFT/EM3400U	TRỤC TỶ/EM3400U	146.880	8%
10317	325680-4	STRIKER/HM1214C	BÚA GỖ/HM1214C	398.412	8%
10318	325681-2	IMPACT BOLT/HM1214C	BÚA TRUNG GIAN/HM1214C	361.800	8%
10319	325682-0	IMPACT BOLT/HM1307C	BÚA LONG/HM1307C	583.000	10%
10320	325683-8	WASHER 30/HM1307C	LONG ĐÈN/HM1307C	219.230	10%
10321	325684-6	SHOULDER RING 32/HM1307C	VÒNG GAI CHỮ C/HM1307C	279.840	10%
10322	325685-4	STRIKER/HM1307C	BÚA ĐÁP/HM1307C	407.592	8%
10323	325686-2	SHOULDER WASHER 8/HM1317C	VÒNG ĐỆM 8/HM1317C	42.020	10%
10324	325688-8	OUTER SUPPORT/6922NB	CHỤP NỒNG/6922NB	7.084.044	8%
10325	325715-1	CRANK SHAFT/BSJ160	TRỤC KHUYU/BSJ160	635.040	8%
10326	325716-9	SEALING SCREW/BSJ160	ĐỆM CHẶN NHÔNG/BSJ160	250.800	10%
10327	325727-4	BLOCK/BSJ160	CHÓT GÀ/BSJ160	114.400	10%
10328	325732-1	RING 20/HM0870C	VÒNG ĐỆM 20/HM0870C	74.690	10%
10329	325733-9	COUNTER WEIGHT/HM0871C	TRỤC ĐỐI TRỌNG/HM0871C	56.160	8%
10330	325734-7	CRANK SHAFT 17.5/HM0871C	TRỤC KHUYU/HM0871C	480.816	8%
10331	325735-5	CRANK SHAFT 17/HM0870C	TRỤC KHUYU/HM0870C	480.816	8%
10332	325747-8	SPACER/VC1310L	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/VC1310L	36.720	8%
10333	325782-6	SLEEVE 9A/HR2300	VÒNG ĐỆM BÚA TRUNG GIAN 9A/HR2300	42.020	10%
10334	325783-4	SLEEVE 9B/DHR242	VÒNG ĐỆM BÚA TRUNG GIAN 9B/DHR242	28.050	10%
10335	325784-2	STRIKER/HR2300	QUÁ TÁ/HR2300	59.616	8%
10336	325785-0	PUSH CORN/DHR242	CHÓT CHUYỀN CHÉ ĐỘ/DHR242	14.080	10%
10337	325786-8	CAM SHAFT/HR2611F	TRỤC NHÔNG/HR2611F	105.408	8%
10338	325789-2	IMPACT BOLT A/DHR242	BÚA TRUNG GIAN/DHR242	27.540	8%
10339	325791-5	IMPACT BOLT B/HR2630T	BÚA TRUNG GIAN B/HR2630T	41.256	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10340	325792-3	WASHER 10/DHR242	LONG ĐÈN/DHR242	32.670	10%
10341	325793-1	O-RING CASE B/DHR242	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR242	60.720	10%
10342	325794-9	RING 10A/HR2300	VÒNG ĐỆM/HR2300	18.700	10%
10343	325795-7	RING 10B/HR2630T	VÒNG ĐỆM/HR2630T	32.670	10%
10344	325798-1	O-RING CASE A/HR2300	CHÉN HẠM BÚA/HR2300	51.370	10%
10345	325811-5	SPINDLE HUB/BBC231U	TRỤC NHÔNG/BBC231U	219.888	8%
10346	325813-1	RING 21/DHR242	VÒNG ĐỆM/DHR242	28.050	10%
10347	325866-0	SPINDLE/DLS600	TRỤC NHÔNG/DLS600	73.332	8%
10348	325912-9	SPRING RETAINER/EBH340R	VÒNG ĐỆM/EBH340R	4.400	10%
10349	325913-7	EXHAUST VALVE/EBH340R	SUPAP XẢ/EBH340R	73.440	8%
10350	325914-5	INTAKE VALVE/EBH340R	SUPAP HÚT/EBH340R	64.800	8%
10351	325915-3	INTAKE PIPE/EBH340R	ỐNG THÔNG HƠI/EBH340R	2.200	10%
10352	325922-6	SWIVEL/BHX2500	KHỚP NỐI/BHX2500	70.400	10%
10353	325923-4	SWING ARM/BHX2500	VÒNG ĐỆM XOAY/BHX2500	13.200	10%
10354	325924-2	JET/EM2550UH	KIM XÀNG/EM2550UH	110.000	10%
10355	325938-1	ANGULAR NIPPLE/EA3201S	VÁN ĐIỀU TIẾT/EA3201S	17.280	8%
10356	325939-9	CONNECTING LINK/EA3201S	THANH NỐI/EA3201S	2.200	10%
10357	325946-2	BUSH 6/EA3201S	ÔNG ĐỆM 6/EA3201S	2.200	10%
10358	325947-0	BUSH 6/EA3201S	ÔNG ĐỆM 6/EA3201S	8.800	10%
10359	325948-8	CRANK SHAFT/JS1601	TRỤC KHUYU/JS1601	190.080	8%
10360	325949-6	SEALING SCREW/JS1601	HỘP VÍT/JS1601	299.200	10%
10361	325976-3	CAM SHAFT/DHR263	TRỤC NHÔNG/DHR263	160.272	8%
10362	325978-9	SPINDLE/MT963	TRỤC NHÔNG/MT963	68.688	8%
10363	325979-7	SPINDLE/MT961	TRỤC NHÔNG/MT961	68.688	8%
10364	325983-6	SPINDLE/CC300D	TRỤC NHÔNG/CC300D	55.990	10%
10365	325985-2	JET/EE2650H	KIM XÀNG/EE2650H	11.880	8%
10366	325991-7	PISTON RING 38/EA3201S	BẠC PISTON/EA3201S	38.880	8%
10367	325992-5	PISTON PIN 8/EA3201S	CHÓT PISTON/EA3201S	2.160	8%
10368	325997-5	ADJUSTER CABLE/RBC411	CON TÀN/RBC411	30.800	10%
10369	326002-1	STRIKER/HM1203C	BÚA GỖ/HM1203C	238.140	8%
10370	326010-2	SPINDLE/DGD800	TRỤC MÁY/DGD800	228.960	8%
10371	326011-0	SPINDLE/DGD801	TRỤC MÁY/DGD801	316.008	8%
10372	326013-6	SPINDLE/MT412	TRỤC NHÔNG/MT412	68.688	8%
10373	326025-9	SPINDLE/MT60	TRỤC NHÔNG/MT60	41.256	8%
10374	326027-5	JET/BHX2500	VỎI PHUN/BHX2500	114.400	10%
10375	326033-0	SHAFT/EBH340U	TRỤC TY/EBH340U	799.200	8%
10376	326034-8	SPINDLE/BUH523	TRỤC NHÔNG/BUH523	47.520	8%
10377	326038-0	LOCK SHAFT/EK7651H	CHÓT CHẶN EK7651H/EK7651H	60.480	8%
10378	326039-8	PISTON PIN/EB7650TH	CHÓT PISTON/EB7650TH	34.560	8%
10379	326040-3	THROTTLE LINKAGE/EK7651H	CÁN CHÍNH GIỜ/EK7651H	4.320	8%
10380	326041-1	CHOKE LINKAGE/EK7651H	THANH ĐÂY DÂY GA/EK7651H	4.320	8%
10381	326054-2	HAMMER/BTD136	VÒNG THÉP/BTD136	393.876	8%
10382	326062-3	SPINDLE/EK7651H	TRỤC NHÔNG/EK7651H	116.640	8%
10383	326066-5	SPINDLE/BTD136	TRỤC NHÔNG/BTD136	251.856	8%
10384	326068-1	BIT SLEEVE/DTD134	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI VÍT/DTD134	42.020	10%
10385	326070-4	ANVIL N/BTD136	CÓT MÁY/BTD136	224.424	8%
10386	326072-0	BIT SLEEVE/BTD136	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI VÍT/BTD136	55.990	10%
10387	326084-3	CABLE ADJUST SCREW M6X13/EM2500U	CON TÀN M6X13/EM2500U	61.600	10%
10388	326088-5	SHAFT A/KR401MP	TY TRỤC/KR401MP	358.560	8%
10389	326092-4	SAFETY WIRE/JV0600K	KẸP GIỮ AN TOÀN/JV0600K	13.200	10%
10390	326096-6	STRIKER/MT870	QUA TÀ/MT870	59.616	8%
10391	326097-4	PISTON JOINT/MT870	CHÓT PISTON/MT870	17.280	8%
10392	326109-3	SPINDLE/DTD129	TRỤC NHÔNG/DTD129	274.752	8%
10393	326110-8	HAMMER/DTD129	ĐẦU BÚA/DTD129	192.348	8%
10394	326111-6	ANVIL N/DTD129	CÓT MÁY/DTD129	160.272	8%
10395	326112-4	COLLARED SLEEVE 4/JR102D	CỤC CÁN/JR102D	28.050	10%
10396	326113-2	BLADE GUIDE/JR103D	THANH DẪN HƯỚNG LƯỚI CÁT/JR103D	174.096	8%
10397	326120-5	SPINDLE/PJ7000	TRỤC NHÔNG/PJ7000	128.304	8%
10398	326123-9	HAMMER/DTP141	ĐẦU BÚA/DTP141	650.268	8%
10399	326124-7	OUTER HAMMER/DTP141	ĐẦU BÚA NGOÀI/DTP141	416.772	8%
10400	326125-5	ANVIL N/DTP141	CÓT MÁY/DTP141	590.760	8%
10401	326129-7	SPINDLE/GA4040	TRỤC NHÔNG/GA4040	196.992	8%
10402	326130-2	SPINDLE/PC5010C	TRỤC NHÔNG/PC5010C	142.020	8%
10403	326139-4	STRIKER/DHR242	BÚA GỖ/DHR242	77.868	8%
10404	326140-9	CAM SHAFT/DHR242	TRỤC NHÔNG/DHR242	123.660	8%
10405	326145-9	ROD 10/PJ7000	TRỤC GÀI 10/PJ7000	57.200	10%
10406	326148-3	PLUG CAP SPRING/EK7651H	LỖ XO/EK7651H	22.000	10%
10407	326168-7	SPINDLE/DBO180	TRỤC NHÔNG/DBO180	91.584	8%
10408	326177-6	OIL WEIGHT/EK7651H	LƯỚI LỌC DẦU/EK7651H	4.320	8%
10409	326198-8	NOZZLE 4.5/PM7650H	BÉC PHUN 4.5/PM7650H	103.680	8%
10410	326199-6	BEARING BOX/TM3000C	HỘP CHỨA BẠC ĐẠN/TM3000C	91.584	8%
10411	326200-7	SWING ARM/EB7650TH	CHÓT KHỐI ĐỘNG/EB7650TH	70.400	10%
10412	326203-1	JOINT/DVR450	KHỚP NỐI/DVR450	599.940	8%
10413	326205-7	SHAFT/UR013G	TRỤC TY TRUYỀN ĐỘNG/UR013G	558.684	8%
10414	326210-4	TERMINAL SPING/EA3201S	LỖ XO/EA3201S	4.400	10%
10415	326211-2	HIGH SPEED NEEDLE/RBC413U	KIM GA TỐC ĐỘ CAO/RBC413U	11.880	8%
10416	326213-8	SPINDLE/DSC191	TRỤC NHÔNG/DSC191	380.160	8%
10417	326215-4	SPINDLE/DA331D	TRỤC NHÔNG/DA331D	77.868	8%
10418	326221-9	CYLINDER 28.5/HR4002	XI LẠNH 28.5/HR4002	403.056	8%
10419	326243-9	JET/PM7650H	CHÓT GÀI/PM7650H	24.840	8%
10420	326249-7	CRANK SHAFT/DJN161	TRỤC KHUYU/DJN161	544.968	8%
10421	326251-0	SPINDLE B/GS5000	TRỤC NHÔNG/GS5000	1.282.176	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10422	326257-8	SPINDLE/EN410NP	TRỤC NHÔNG/EN410NP	95.040	8%
10423	326268-3	TOOL HOLDER/HR4013C	NÔNG THÉP/HR4013C	3.095.604	8%
10424	326269-1	IMPACT BOLT/HR4013C	BÚA TRUNG GIAN/HR4013C	95.040	8%
10425	326270-6	STRIKER/HR4013C	BÚA GỖ/HR4013C	64.152	8%
10426	326271-4	CRANK SHAFT/HR4013C	TRỤC KHUYU/HR4013C	261.036	8%
10427	326272-2	CHUCK RING/HR4013C	KHOA GAI/HR4013C	116.600	10%
10428	326273-0	COUNTER WEIGHT/HR4013C	CHÓT CHỊU LỰC/HR4013C	65.340	10%
10429	326274-8	RING 17/HR4013C	VÒNG ĐỆM BĂNG THÉP 17/HR4013C	51.370	10%
10430	326275-6	CUTTER SHAFT/BUR182U	TRỤC NHÔNG/BUR182U	263.520	8%
10431	326278-0	SPINDLE/MT80A	TRỤC NHÔNG/MT80A	54.972	8%
10432	326280-3	SPINDLE/DP2010	TRỤC NHÔNG/DP2010	68.688	8%
10433	326286-1	SPINDLE/BTW074	TRỤC NHÔNG/BTW074	242.550	10%
10434	326289-5	ANVIL JN/DTW074	CÓT MÁY/DTW074	2.134.080	8%
10435	326300-3	SPINDLE/M0920B	TRỤC/M0920B	68.688	8%
10436	326302-9	SAFETY WIRE/DJV181	KẸP GIỮ AN TOÀN/DJV181	9.350	10%
10437	326304-5	SPACER/EA3601F	BẠC THAU/EA3601F	8.640	8%
10438	326310-0	ADJUST PIN/DUC353	CHÓT ĐIỀU CHỈNH LAM XÍCH/DUC353	18.700	10%
10439	326312-6	ADJUST SCREW/DUC353	ỐC VÍT/DUC353	22.000	10%
10440	326339-6	STOPPER PIN/EA3601F	CHÓT/EA3601F	8.800	10%
10441	326347-7	BEARING BOX/DTM51	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DTM51	88.660	10%
10442	326348-5	WIRE GUARD/BUR182U	KHUNG BẢO VỆ/BUR182U	216.000	8%
10443	326351-6	LEVER SHAFT/DPB181	ỐC KHÓA/DPB181	149.270	10%
10444	326357-4	SPINDLE/DHS710	TRỤC NHÔNG/DHS710	91.584	8%
10445	326359-0	ROD/UC3041A	THÀNH CỬ TĂNG GIẢM GA/UC3041A	9.180	8%
10446	326360-5	SHAFT/UC3041A	TRỤC CHÓT/UC3041A	23.320	10%
10447	326361-3	TOOL HOLDER A/HR5212C	NÔNG THÉP A/HR5212C	2.802.492	8%
10448	326362-1	TOOL HOLDER B/HR5212C	NÔNG THÉP B/HR5212C	4.020.624	8%
10449	326366-3	EXHAUST VALVE/BHX2500	VAN XA/BHX2500	69.120	8%
10450	326367-1	INTAKE VALVE/BHX2500	VAN DÀN/BHX2500	69.120	8%
10451	326368-9	SHAFT/EM2550UH	TY TRỤC MÁY/EM2550UH	138.240	8%
10452	326372-8	ADJUST SCREW/UC4051A	ỐC VÍT CỬA MÁY CỬA XÍCH/UC4051A	9.350	10%
10453	326373-6	SPINDLE/UC4051A	TRỤC NHÔNG/UC4051A	105.408	8%
10454	326374-4	IMPACT BOLT/HR5212C	ĐÁU BÚA XI LANH/HR5212C	19.440	8%
10455	326375-2	COUNTER WEIGHT/HR5212C	CÂN ĐỐI TRONG/HR5212C	73.332	8%
10456	326377-8	STRIKER/HR5212C	BÚA GỖ/HR5212C	160.272	8%
10457	326381-7	CLAMP/EE2650H	NÁP CHỤP LƯỚI CÁT/EE2650H	88.000	10%
10458	326384-1	HAMMER/DTW280	ĐẦU BÚA/DTW280	632.016	8%
10459	326385-9	SPINDLE/DTW280	TRỤC NHÔNG/DTW280	760.212	8%
10460	326390-6	CONNECTING LINK/EA3503S	THÀNH NỐI/EA3503S	2.200	10%
10461	326395-6	PISTON PIN/EA3503S	CHÓT PISTON/EA3503S	25.920	8%
10462	326402-5	BUSH 6/EA3503S	NÚT 6/EA3503S	2.200	10%
10463	326404-1	STRIKER/DHR263	BÚA GỖ/DHR263	59.616	8%
10464	326411-4	SPINDLE/DTD137	TRỤC NHÔNG/DTD137	906.768	8%
10465	326417-2	SPINDLE/DUC252	CHÓT BĂNG THÉP/DUC252	54.972	8%
10466	326420-3	CRANK SHAFT/MT860	TRỤC KHUYU/MT860	247.320	8%
10467	326421-1	STRIKER/MT860	BÚA GỖ/MT860	100.764	8%
10468	326422-9	IMPACT BOLT/MT860	BU LÔNG/MT860	100.764	8%
10469	326423-7	TOOL HOLDER/MT860	ĐẦU GAI MŨI ĐỤC/MT860	636.552	8%
10470	326434-2	SPINDLE/MT904	TRỤC NHÔNG/MT904	87.048	8%
10471	326439-2	SPINDLE/MT660	TRỤC NHÔNG/MT660	123.660	8%
10472	326440-7	SPINDLE/MT621	TRỤC NHÔNG/MT621	90.720	8%
10473	326444-9	SPINDLE/HS6600	TRỤC NHÔNG/HS6600	77.868	8%
10474	326448-1	CAM SHAFT/HR2630	TRỤC NHÔNG/HR2630	123.660	8%
10475	326454-6	SPINDLE/MT90	TRỤC NHÔNG/MT90	45.792	8%
10476	326459-6	SPINDLE/DHS680	TRỤC NHÔNG/DHS680	69.960	10%
10477	326469-3	IMPACT BOLT/HM1812	BU LÔNG/HM1812	713.680	10%
10478	326491-0	CARRIER/DFL651F	Ó ĐỒ NHÔNG/DFL651F	1.094.472	8%
10479	326493-6	JOINT G1/4XG1/4/DVF154	ĐẦU NỐI/DVF154	140.800	10%
10480	326496-0	CHOKE LINKAGE/EK8100	CẢN KÉO GIÓ/EK8100	8.800	10%
10481	326497-8	THROTTLE LINKAGE/EK8100	CẢN ĐIỀU CHỈNH/EK8100	30.800	10%
10482	326499-4	NIPPLE/EK8100	VẠN ĐIỀU TIẾT/EK8100	4.400	10%
10483	326503-9	AXLE/EK8100	CÓT MÁY/EK8100	132.000	10%
10484	326507-1	ANVIL N/DTD137	CÓT MÁY/DTD137	238.140	8%
10485	326518-6	RECEIVE WASHER A/DUR365U	MẶT BÍCH TRONG/DUR365U	130.680	10%
10486	326540-3	SPINDLE/DCS551	TRỤC NHÔNG/DCS551	82.512	8%
10487	326555-0	SPINDLE/CA5000	TRỤC NHÔNG/CA5000	92.400	10%
10488	326557-6	LOCK PIN 8/CA5000	CHÓT KHÓA 8/CA5000	35.200	10%
10489	326561-5	SPINDLE/M0401B	TRỤC NHÔNG/M0401B	64.152	8%
10490	326562-3	SPINDLE/DTD149	TRỤC NHÔNG/DTD149	215.244	8%
10491	326564-9	HAMMER/DTD152	THÀNH GỖ/DTD152	146.556	8%
10492	326576-2	ANVIL N/DTD149	CÓT MÁY/DTD149	187.812	8%
10493	326581-9	FLANGE/BO6050	MẶT BÍCH NGOÀI/BO6050	211.200	10%
10494	326582-7	COVER/BO6050	NÁP CHỤP BẢO VỆ/BO6050	142.020	8%
10495	326586-9	RING 14/DUR365U	VÒNG ĐỆM 14/DUR365U	47.520	8%
10496	326596-6	BUSH/EA4301F	VÒNG ĐỆM/EA4301F	52.800	10%
10497	326599-0	LOCK PIN/DJR187	CHÓT KHÓA/DJR187	60.720	10%
10498	326600-1	SPINDLE/MT621	TRỤC NHÔNG/MT621	114.480	8%
10499	326611-6	SPINDLE/DTW1001	TRỤC NHÔNG/DTW1001	2.266.704	8%
10500	326612-4	HAMMER/DTW1001	THÀNH GỖ/DTW1001	1.012.068	8%
10501	326613-2	HAMMER/DTW1002	THÀNH GỖ/DTW1002	1.002.888	8%
10502	326621-3	THROTTLE LINKAGE/EK6101	CẢN ĐIỀU CHỈNH/EK6101	13.200	10%
10503	326623-9	AXLE 20.0/EK6101	CÓT MÁY/EK6101	330.000	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10504	326624-7	STOPPER PIN/LW1400	CHỐT/LW1400	37.400	10%
10505	326629-7	ANVIL N/TD091D	CÓT MÁY/TD091D	155.736	8%
10506	326635-2	LOWER PIPE/DLM431	CÁN ĐÂY MÁY CẮT CỎ/DLM431	237.600	8%
10507	326636-0	SWITCH LEVER/DLM431	CÁN CÔNG TÁC/DLM431	96.800	10%
10508	326640-9	JOINT SLEEVE/GA7061R	CHỐT GAI/GA7061R	144.650	10%
10509	326641-7	SPINDLE/GA7061R	TRỤC NHÔNG/GA7061R	128.304	8%
10510	326644-1	HAMMER/DTD149	ĐẦU BUA/DTD149	155.736	8%
10511	326669-5	SPINDLE/DGA406	TRỤC NHÔNG/DGA406	151.200	8%
10512	326672-6	SPINDLE/DGA506Z	TRỤC NHÔNG/DGA506Z	142.020	8%
10513	326677-6	BIT SLEEVE/DDF083	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI/DDF083	65.340	10%
10514	326679-2	SHOULDER WASHER/DSD180	LONG ĐÈN/DSD180	48.400	10%
10515	326680-7	SAFETY WIRE/DSD180	KẸP GIỮ AN TOÀN/DSD180	47.520	8%
10516	326691-2	INTAKE VALVE/EB7660TH	VAN HÚT/EB7660TH	164.160	8%
10517	326692-0	EXHAUST VALVE/EB7660TH	VAN XÁ/EB7660TH	181.440	8%
10518	326708-1	SHAFT/DFL651F	TRỤC KHUYU/DFL651F	737.316	8%
10519	326709-9	SPACER/DFL651F	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DFL651F	116.600	10%
10520	326710-4	SPINDLE/DTD170	TRỤC NHÔNG/DTD170	695.200	10%
10521	326711-2	HAMMER/DTD170	ĐẦU BUA/DTD170	319.680	8%
10522	326719-6	CRANK SHAFT/TM30D	TRỤC KHUYU/TM30D	169.452	8%
10523	326734-0	RECEIVE WASHER/EE2650H	MẶT BÍCH/EE2650H	158.400	10%
10524	326736-6	LOWER BALANCE WEIGHT/PO5000C	CÁNH LỆCH TẦM/PO5000C	338.904	8%
10525	326754-4	SHAFT A/EN410MP	TRỤC/EN410MP	119.124	8%
10526	326768-3	TOOL HOLDER/HM1306	ĐẦU GAI/HM1306	801.360	8%
10527	326769-1	STOPPER PIN/DLS600	CHỐT GAI/DLS600	18.700	10%
10528	326790-0	SPINDLE/MT243	TRỤC MÁY/MT243	60.480	8%
10529	326795-0	INTAKE VALVE/EB5300TH	VAN HÚT/EB5300TH	73.440	8%
10530	326796-8	EXHAUST VALVE/EB5300TH	VAN XÁ/EB5300TH	77.760	8%
10531	326798-4	SHAFT A/EN420MP	TRỤC TY/EN420MP	151.200	8%
10532	326801-1	ROD 16/MT243	TRỤC GAI/MT243	50.436	8%
10533	326802-9	WISE SCREW/MT243	GIA ĐÓM/MT243	125.950	10%
10534	326803-7	BIT SLEEVE/TD111D	VÒNG ĐỆM/TD111D	42.020	10%
10535	326812-6	ROD 5/EN410NP	TAY BIÊN/EN410NP	25.920	8%
10536	326813-4	RING 29/DHK180	VÒNG ĐỆM 29/DHK180	349.800	10%
10537	326814-2	CYLINDER/DHK180	XI LẠNH/DHK180	2.225.556	8%
10538	326823-1	RECEIVE WASHER/RBC413U	ĐỆM PHẪNG/RBC413U	321.200	10%
10539	326828-1	SPINDLE/MT964	TRỤC MÁY/MT964	50.436	8%
10540	326829-9	SPINDLE/MT966	TRỤC MÁY/MT966	54.972	8%
10541	326839-6	SPINDLE 180N/DFS250	TRỤC NHÔNG/DFS250	389.232	8%
10542	326841-9	TOOL HOLDER/HR140D	NÔNG THEP/HR140D	334.368	8%
10543	326842-7	RING 10/HR140D	VÒNG ĐỆM 10/HR140D	23.320	10%
10544	326843-5	IMPACT BOLT/HR140D	BÚA TRUNG GIAN/HR140D	22.896	8%
10545	326844-3	STRIKER/HR166	BÚA GỖ/HR166	45.792	8%
10546	326845-1	CLUTCH CAM/HR140D	KHỚP NHÔNG/HR140D	59.616	8%
10547	326846-9	PISTON JOINT/HR140D	PISTON/HR140D	18.360	8%
10548	326847-7	RING 5/HR140D	VÒNG ĐỆM/HR140D	18.360	8%
10549	326849-3	CLUTCH CAM A/HR2611F	BÁNH RĂNG CAM/HR2611F	100.764	8%
10550	326850-8	PUSH CORN/DHR242	CHỐT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR242	23.320	10%
10551	326877-8	SPINDLE/HS0600	TRỤC NHÔNG/HS0600	114.480	8%
10552	326880-9	STOPPER PIN B/DUR191L	NÚT CHẶN B/DUR191L	4.730	10%
10553	326886-7	TOOL HOLDER/HR1841F	ĐẦU GAI MŨI/HR1841F	302.292	8%
10554	326887-5	IMPACT BOLT/HR1841F	BÚA TRUNG GIAN/HR1841F	22.896	8%
10555	326888-3	RING 10/HR1841F	VÒNG ĐỆM/HR1841F	23.320	10%
10556	326889-1	STRIKER/HR1841F	BÚA ĐÁP/HR1841F	45.792	8%
10557	326890-6	PISTON CYLINDER/HR1841F	XI LẠNH PISTON/HR1841F	105.408	8%
10558	326891-4	CLUTCH CAM/HR1841F	KHỚP NHÔNG/HR1841F	77.868	8%
10559	326892-2	CAM SHAFT/HR1841F	TRỤC NHÔNG/HR1841F	77.868	8%
10560	326893-0	RING 9/HR1841F	VÒNG ĐỆM/HR1841F	18.700	10%
10561	326903-3	GUIDE BOLT/DPT353	BU LÔNG/DPT353	44.000	10%
10562	326905-9	ADJUSTER SHAFT/DPT353	TAY CÀM ĐIỀU KHIỂN/DPT353	18.360	8%
10563	326924-5	CUTTER SHAFT/DUR187	TRỤC NHÔNG/DUR187	45.792	8%
10564	326941-5	SPINDLE/RS001GZ	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG/RS001GZ	77.868	8%
10565	326945-7	SPINDLE N/DFT023F	TRỤC NHÔNG/DFT023F	65.880	8%
10566	326953-8	LOCK NUT M12/DFT023F	VÒNG KHÓA M12/DFT023F	191.290	10%
10567	326963-5	SPINDLE/DGA700	TRỤC NHÔNG/DGA700	151.200	8%
10568	326968-5	SLEEVE 17/DCU180	VÒNG ĐỆM 17/DCU180	79.310	10%
10569	326969-3	LOCK PIN 6/DLS111	CHỐT KHÓA/DLS111	37.400	10%
10570	326970-8	LOCK PIN 8/DLS111	CHỐT KHÓA/DLS111	23.320	10%
10571	326971-6	LOCK ROD/DLS111	CHỐT KHÓA/DLS111	18.700	10%
10572	326972-4	ROD 6/DLS111	CHỐT GAI/DLS111	32.670	10%
10573	326973-2	ROD 12/DLS111	CHỐT GAI/DLS111	51.370	10%
10574	326975-8	SHAFT/DLS111	TRỤC GAI/DLS111	37.400	10%
10575	326976-6	CENTER SHAFT/DLS111	ỐC VÍT/DLS111	60.720	10%
10576	326977-4	STOPPER PIN/DLS111	CHỐT/DLS111	18.700	10%
10577	326978-2	HOLDER 200/DLS111	BỆ ĐỒ/DLS111	9.900	10%
10578	326980-5	HEX LOCK NUT M10-19/DLS111	ỐC VÍT/DLS111	32.670	10%
10579	326983-9	ANVIL/TW0350	TRỤC CỐT MÁY/TW0350	961.632	8%
10580	326987-1	PIN 9-365/DLS111	CHỐT GAI/DLS111	60.720	10%
10581	326988-9	SLIDE PIPE/HR2651T	ỐNG TRƯỢT/HR2651T	872.190	10%
10582	326994-4	ROD 16/DLS111	CHỐT GAI/DLS111	55.990	10%
10583	326995-2	STRIKER/HR140D	BÚA GỖ/HR140D	45.792	8%
10584	326996-0	SPINDLE/DSC121	TRỤC NHÔNG/DSC121	100.764	8%
10585	326997-8	SLEEVE/TL064D	VÒNG ĐỆM/TL064D	32.670	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10586	326999-4	HAMMER/TL064D	BÚA GỖ/TL064D	155.736	8%
10587	327000-8	ANVIL/TL064D	TRỤC/TL064D	137.376	8%
10588	327007-4	STRIKER/DHR171	BÚA ĐẬP/DHR171	50.436	8%
10589	327008-2	SLEEVE 5/EA5600F	VÒNG ĐỆM/EA5600F	13.200	10%
10590	327015-5	SPINDLE/DA333D	TRỤC NHÔNG/DA333D	87.048	8%
10591	327038-3	CUP SLEEVE/HR1841F	VÒNG ĐỆM/HR1841F	51.370	10%
10592	327039-1	DRIVING FLANGE/HR1841F	KHỚP NHÔNG/HR1841F	60.720	10%
10593	327043-0	GUIDE SLEEVE/DJR181	VÒNG ĐỆM/DJR181	28.050	10%
10594	327045-6	HAMMER/DTW180	BÚA/DTW180	215.244	8%
10595	327046-4	SPINDLE/DTW180	TRỤC/DTW180	146.556	8%
10596	327048-0	PROTECTION BLOCK/DGA700	ĐỂ LỘT BAO VỆ/DGA700	4.320	8%
10597	327051-1	LOCK PIN 6/LS1219L	TRỤC TỶ/LS1219L	54.972	8%
10598	327052-9	LOCK ROD/LS1219L	TRỤC TỶ/LS1219L	27.540	8%
10599	327053-7	HEX. NUT M10-19/LS1219L	ỐC VÍT M10-19/LS1219L	46.640	10%
10600	327054-5	PIN 9-418/LS1219L	TRỤC TỶ/LS1219L	114.480	8%
10601	327056-1	SHAFT/EE2650H	TRỤC TỶ/EE2650H	138.240	8%
10602	327065-0	WIRE GUARD/URI00D	KẸP/URI00D	37.400	10%
10603	327074-9	U TYPE PIN 3/DHW080	CHÓT CHỮ U/DHW080	14.080	10%
10604	327075-7	PISTON PIN 12/DHW080	CHÓT PISTON/DHW080	489.996	8%
10605	327076-5	SPINDLE/DHW080	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG/DHW080	73.332	8%
10606	327078-1	CAM SHAFT/DHR280	CÓT CAM/DHR280	119.124	8%
10607	327079-9	PISTON CYLINDER/DHR280	PISTON/DHR280	142.020	8%
10608	327095-1	HOLDER 200/LS1219L	TAY CÀM/LS1219L	172.590	10%
10609	327106-2	SPINDLE/DDA460	TRỤC NHÔNG/DDA460	902.124	8%
10610	327112-7	WIRE GUIDE PIPE/DTR180	ỐNG ĐỔ DÂY ĐIỆN/DTR180	19.440	8%
10611	327113-5	SPINDLE/DTD171	TRỤC NHÔNG/DTD171	773.280	8%
10612	327114-3	HAMMER/DTD171	BÚA GỖ/DTD171	561.600	8%
10613	327120-8	ADJUST SCREW/DUC254	ỐC VÍT/DUC254	26.400	10%
10614	327127-4	SPINDLE /TW140D	CÓT MÁY/TW140D	125.280	8%
10615	327132-1	CUTTER SHAFT/DUR189	CÓT MÁY/DUR189	43.200	8%
10616	327142-8	CRANK SHAFT/HR5212C	TRỤC NHÔNG/HR5212C	380.160	8%
10617	327143-6	SPINDLE/DHS660	TRỤC NHÔNG/DHS660	5.400	8%
10618	327145-2	HOLDER 90/LS1219L	TAY CÀM/LS1219L	98.010	10%
10619	327153-3	ROLLER F/JR3061T	TRỤC LĂN/JR3061T	23.320	10%
10620	327154-1	SLIDER/JR3061T	THÀNH TRƯỢT/JR3061T	224.640	8%
10621	327155-9	HAMMER/DTD170	ĐẦU BÚA/DTD170	228.960	8%
10622	327176-1	HOLDER BOLT/TM3010C	BU LÔNG/TM3010C	98.010	10%
10623	327177-9	HOLDER BOLT/DTM51	ỐC KHÓA MỐ LƯỠI/DTM51	93.280	10%
10624	327179-5	REAR BAG ROD/DLM431	KHUNG ĐÓ CỦA TÚI BỤI/DLM431	180.400	10%
10625	327189-2	SHAFT A/SW400MP	TRỤC TỶ A/SW400MP	154.000	10%
10626	327190-7	PIN 9/URI00D	CHÓT GAI 9/URI00D	28.050	10%
10627	327192-3	SPINDLE/DHS780	TRỤC NHÔNG/DHS780	77.868	8%
10628	327200-0	HAMMER/DTW181	ĐẦU BÚA/DTW181	160.272	8%
10629	327202-6	TUBE/DRV250	ỐNG CAO SU/DRV250	233.604	8%
10630	327208-4	SWITCH LEVER/DLM460	CÀN CÔNG TÁC/DLM460	107.360	10%
10631	327209-2	ROD 6/DLM460	CHÓT GAI 6/DLM460	23.320	10%
10632	327215-7	STRIKER/DHR182	BÚA GỖ/DHR182	50.436	8%
10633	327216-5	CAM SHAFT/DHR182	TRỤC CAM/DHR182	105.408	8%
10634	327217-3	CLUTCH CAM/DHR182	KHỚP NHÔNG/DHR182	64.152	8%
10635	327227-0	RING 9/DHR182	VÒNG ĐỆM 9/DHR182	23.320	10%
10636	327236-9	HAMMER/TW060D	BÚA GỖ/TW060D	159.840	8%
10637	327240-8	SPINDLE/GA4050	TRỤC NHÔNG/GA4050	105.408	8%
10638	327241-6	SPINDLE/GA4050	TRỤC NHÔNG/GA4050	77.868	8%
10639	327244-0	SPINDLE/DHS660	TRỤC NHÔNG/DHS660	68.688	8%
10640	327245-8	IMPACT BOLT/HR5212C	ĐẦU BÚA XI LANH/HR5212C	270.216	8%
10641	327264-4	TOOL HOLDER/HR2670FT	ĐẦU GAI MŨI KHOAN/HR2670FT	247.320	8%
10642	327266-0	STRIKER/HR3001C	QUA BÚA/HR3001C	64.152	8%
10643	327268-6	RING 11/HR3001CJ	VÒNG ĐỆM 11/HR3001CJ	28.050	10%
10644	327269-4	RING 17/HR3001C	VÒNG ĐỆM 17/HR3001C	102.630	10%
10645	327271-7	WASHER 11/HR3001CJ	VÒNG ĐỆM 11/HR3001CJ	27.540	8%
10646	327273-3	CLUTCH/HR3001C	KHỚP NHÔNG/HR3001C	77.868	8%
10647	327276-7	DRIVING SLEEVE/HR3001C	ỐNG ĐỆM/HR3001C	174.096	8%
10648	327277-5	TOOL HOLDER/HR3001CJ	NÔNG THÉP/HR3001CJ	792.288	8%
10649	327279-1	HEAD 6.4/DRV250	ỐC VÍT M6X4/DRV250	1.364.688	8%
10650	327281-4	JAW CASE/DRV250	ĐẦU BÀN ĐINH/DRV250	485.460	8%
10651	327284-8	TUBE 4.8/DRV250	ỐNG CAO SU/DRV250	251.856	8%
10652	327315-3	ROD 12/DLS211	CHÓT GAI/DLS211	84.040	10%
10653	327317-9	ADJUST SCREW/DUC256	ỐC ĐIỀU CHỈNH/DUC256	42.020	10%
10654	327318-7	SPINDLE/DLS800	TRỤC MÁY/DLS800	73.332	8%
10655	327322-6	SLEEVE 4/GA4050	GIÀM CHẴN/GA4050	13.824	8%
10656	327325-0	SPINDLE/M8104B	TRỤC NHÔNG (TRỤC BÀN H RĂNG)/M8104B	68.688	8%
10657	327326-8	ADJUSTER SHAFT/DFN350	CHÓT GAI/DFN350	46.640	10%
10658	327327-6	LOCK PIN/DFN350	CHÓT KHÓA/DFN350	46.640	10%
10659	327328-4	GUIDE PIPE/DFN350	ỐNG ĐỔ LỖ XO/DFN350	180.400	10%
10660	327333-1	ROD 3/DHW080	CHÓT GAI/DHW080	23.320	10%
10661	327334-9	HAMMER/TW141D	ĐẦU BÚA GỖ/TW141D	155.520	8%
10662	327342-0	HAMMER A/DTDA040	HỘP BÚA/DTDA040	970.812	8%
10663	327343-8	HAMMER B/DTDA070	ĐẦU BÚA GỖ/DTDA070	1.396.656	8%
10664	327344-6	HAMMER C/DTDA040	HỘP BÚA/DTDA040	902.124	8%
10665	327345-4	HAMMER D/DTDA040	HỘP BÚA/DTDA040	888.408	8%
10666	327346-2	HAMMER E/DTDA040	HỘP BÚA/DTDA040	888.408	8%
10667	327347-0	HAMMER F/DTDA040	ĐẦU BÚA/DTDA040	874.692	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10668	327354-3	SPINDLE A/DTDA040	CÓT MÁY/DTDA040	3.265.056	8%
10669	327355-1	SPINDLE B/DTDA040	CÓT MÁY/DTDA040	2.976.480	8%
10670	327358-5	SPINDLE/WR100D	TRỤC CHUYỀN CHUYỀN ĐỘNG/WR100D	109.944	8%
10671	327361-6	SPINDLE/DLM460	TRỤC NHÔNG/DLM460	361.800	8%
10672	327367-4	SPINDLE/DFL020	CÓT MÁY/DFL020	1.410.480	8%
10673	327370-5	LOCK NUT/DFL020	VÒNG KHÓA NGOÀI/DFL020	824.256	8%
10674	327371-3	SPACER/DFL020	VÒNG ĐỆM/DFL020	37.400	10%
10675	327376-3	SPINDLE/M8100B	TRỤC/M8100B	82.512	8%
10676	327379-7	BARREL A/DGP180	ỐNG A/DGP180	1.089.936	8%
10677	327409-4	REAR BAG ROD/DLM432	KHUNG ĐỖ TÚI BỤI/DLM432	228.960	8%
10678	327411-7	REAR BAG ROD/DLM382	KHUNG ĐỖ TÚI BỤI/DLM382	237.600	8%
10679	327413-3	LOWER PIPE/DLM382	CÁN ĐÁY MÁY CẮT CỎ/DLM382	233.280	8%
10680	327415-9	SHAHT/UB400MP	TRỤC TI/UB400MP	114.480	8%
10681	327418-3	ROD 6/DLM533	CHÓT GÀI 6/DLM533	42.020	10%
10682	327419-1	ROD 6/DLM462	CHÓT GÀI 6/DLM462	51.370	10%
10683	327420-6	ROD 8/DLM530	CHÓT GÀI 8/DLM530	23.320	10%
10684	327421-4	HANDLE UPPER/DLM533	TAY CÀM TRÊN/DLM533	513.040	10%
10685	327422-2	HANDLE LOWER/DLM530	TAY ĐÁY CỎ/DLM530	489.720	10%
10686	327423-0	HANDLE LOWER/DLM462	TAY CÀM DƯỚI/DLM462	503.800	10%
10687	327424-8	SWITCH LEVER/DLM533	CÁN CÔNG TÁC/DLM533	163.240	10%
10688	327425-6	DRIVING LEVER/DLM533	THÀNH ĐIỀU KHIỂN CHẾ ĐỘ/DLM533	158.620	10%
10689	327426-4	REAR SHAFT HOLDER/DLM533	GIÁ ĐỖ TRỤC CHUYỀN ĐỘNG SAU/DLM533	183.168	8%
10690	327435-3	REAR SHAFT HOLDER/DLM530	NÔNG TRỤC/DLM530	103.680	8%
10691	327441-8	BLOCK/JR3051T	KHÓA Hãm/JR3051T	32.670	10%
10692	327459-9	RING 25/DGA419	VÒNG ĐỆM/DGA419	17.600	10%
10693	327460-4	SHAFT/DGA419	CHÓT Hãm/DGA419	32.670	10%
10694	327464-6	LOWER PIPE R/DLM160	ỐNG DƯỚI R/DLM160	149.270	10%
10695	327465-4	LOWER PIPE L/DLM160	ỐNG DƯỚI L/DLM160	144.650	10%
10696	327466-2	UPPER PIPE/DLM160	ỐNG TRÊN/DLM160	135.300	10%
10697	327470-1	ROD 5/DCU603	TAY ĐON BĂNG THÉP 5/DCU603	181.940	10%
10698	327472-7	BASE SHAFT 25/DCU603	THÀNH LIÊN KẾT TRỤC BÁNH XE 25/DCU603	741.620	10%
10699	327474-3	SHAFT 22/DCU603	TRỤC KHUYU TRUYỀN ĐỘNG 22/DCU603	467.100	8%
10700	327477-7	INNER LIFTER SHAFT 16/DCU601	THÀNH CHÓT/DCU601	429.110	10%
10701	327478-5	OUTER LIFTER SHAFT/DCU601	CHÓT ĐỊNH VỊ/DCU601	69.960	10%
10702	327479-3	ROD END SHAFT 16/DCU601/DCU602	CHÓT 16/DCU601/DCU602	102.630	10%
10703	327480-8	SLEEVE 22/DCU603	ỐNG ĐỆM 22/DCU603	219.230	10%
10704	327491-3	HANDLE LOWER/DLM533	TAY CÀM DƯỚI/DLM533	489.720	10%
10705	327492-1	REAR GRIP/DLM533	KHUNG SAU/DLM533	187.812	8%
10706	327514-7	STOPPER PIN/DUN500W	CHÓT Hãm/DUN500W	35.200	10%
10707	327515-5	SLEEVE 11/HR3001C	VÒNG ĐỆM 11/HR3001C	32.670	10%
10708	327516-3	RING 11/HR3001CJ	VÒNG ĐỆM 11/HR3001CJ	28.050	10%
10709	327524-4	SPINDLE/TD001G	TRỤC NHÔNG/TD001G	868.320	8%
10710	327525-2	HAMMER/TD001G	ĐẦU BÚA/TD001G	535.680	8%
10711	327531-7	BIT SLEEVE/TD001G	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI/TD001G	35.200	10%
10712	327532-5	SPINDLE/DCE090	TRỤC/DCE090	114.480	8%
10713	327535-9	CONNECTER/DUH604S	CHÓT NỐI/DUH604S	64.152	8%
10714	327536-7	ROD 6/DLM533	CHÓT GÀI 6/DLM533	18.700	10%
10715	327542-2	CUTTER SHAFT/DUR191L	TRỤC LẬP LUỐI CẮT/DUR191L	77.868	8%
10716	327546-4	PIPE B/DUR191L	ỐNG DẪN/DUR191L	265.870	10%
10717	327555-3	PIPE A/DVC560	THÀNH DẪN A/DVC560	224.424	8%
10718	327572-3	HAMMER/DTW300	ĐẦU BÚA/DTW300	769.392	8%
10719	327573-1	SPINDLE/DTW300	CÓT MÁY/DTW300	920.484	8%
10720	327589-6	ROD 6/DLM462	CHÓT GÀI 6/DLM462	18.700	10%
10721	327591-9	WEIGHT/DST421	CHÓT LỖ XO/DST421	66.000	10%
10722	327592-7	GUIDE PIPE/DST421	ỐNG ĐỆM/DST421	191.290	10%
10723	327594-3	SPINDLE/TW001G	TRỤC NHÔNG/TW001G	494.640	8%
10724	327595-1	HAMMER/TW001G	BÚA/TW001G	444.204	8%
10725	327599-3	SHOUL PIN 6/DUA300	CHÓT ĐỊNH VỊ CHẶN 6/DUA300	9.180	8%
10726	327606-2	ADJUST SCREW/DUA300	ỐC ĐIỀU CHỈNH/DUA300	18.700	10%
10727	327609-6	PIPE 28/DUA300	ỐNG 28/DUA300	722.920	10%
10728	327623-2	SPINDLE/DTW700	TRỤC NHÔNG/DTW700	302.292	8%
10729	327624-0	HAMMER/DTW700	BÚA/DTW700	819.720	8%
10730	327626-6	SLEEVE 25/DCU603	VÒNG ĐỆM 25/DCU603	51.370	10%
10731	327637-1	GUARD/DPB183	THÀNH CHÀN/DPB183	578.380	10%
10732	327638-9	GUARD/DPB183	THÀNH CHÀN/DPB183	1.035.430	10%
10733	327639-7	STAND/PDC1200	CHÓT(ĐINH VỊ)/PDC1200	125.950	10%
10734	327645-2	SPINDLE/DFT085F	TRỤC NHÔNG/DFT085F	686.880	8%
10735	327646-0	AXLE 20/DCU603	THÀNH THÉP LIÊN KẾT BÁNH XE/DCU603	541.090	10%
10736	327648-6	HAMMER/TW004G	ĐẦU BÚA GỖ/TW004G	673.164	8%
10737	327650-9	GUIDE SLEEVE/JR3061T	GÁ ĐỖ GIỮ LƯỚI/JR3061T	22.896	8%
10738	327652-5	SLDIER/JR3061T	THÀNH TRƯỢT/JR3061T	224.424	8%
10739	327660-6	CRANK SHAFT/HM1511	TRỤC KHUYU/HM1511	467.100	8%
10740	327661-4	SPACER/HM1511	MIẾNG ĐỆM/HM1511	312.510	10%
10741	327662-2	CYLINDER 59/HM1511	XY LẠNH 59/HM1511	3.892.320	8%
10742	327663-0	PIPE 15/HM1511	CHÓT PISTON 15/HM1511	46.640	10%
10743	327664-8	SLEEVE 65/HM1511	VÒNG ĐỆM 65/HM1511	114.480	8%
10744	327665-6	STRIKER/HM1511	QUA BÚA/HM1511	338.904	8%
10745	327666-4	SHOULDER RING 30A/HM1511	VÒNG ĐỆM 30A/HM1511	433.840	10%
10746	327667-2	SHOULDER RING 30B/HM1511	VÒNG ĐỆM 30B/HM1511	377.850	10%
10747	327668-0	IMPACT BOLT A/HM1511	BÚA TRUNG GIAN A/HM1511	311.472	8%
10748	327670-3	RETAINER SLEEVE/HM1511	VÒNG ĐỆM /HM1511	215.244	8%
10749	327671-1	TOOL RETAINER/HM1511	CHÓT GIỮ MŨI/HM1511	918.830	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10750	327672-9	SPRING BASE B/HM1511	GIÁ ĐỔ LÒ XO B/HM1511	65.340	10%
10751	327674-5	RING 24/HM1511	VÒNG ĐỆM 24/HM1511	163.240	10%
10752	327678-7	CUTTER SHAFT/DUR192L	TRỤC MÁY TRUYỀN ĐỘNG/DUR192L	54.972	8%
10753	327679-5	COUNTER WEIGHT/HM1511	CHÓT GIAM RUNG/HM1511	60.720	10%
10754	327680-0	PIPE 22/HM1511	ÔNG THÉP 22/HM1511	69.960	10%
10755	327689-2	SPINDLE/TW004G	TRỤC NHÔNG/TW004G	920.484	8%
10756	327693-1	CRANK SHAFT 18.5/HM001G	TRỤC KHUYU 18.5/HM001G	302.292	8%
10757	327694-9	CYLINDER 32/HM001G	XY LẠNH 32/HM001G	934.200	8%
10758	327697-3	SPINDLE/LS002G	TRỤC/LS002G	91.584	8%
10759	327698-1	CENTER SHAFT/LS002G	TRỤC VÍT TAY CÀM/LS002G	55.990	10%
10760	327700-0	LOCK ROD 6/LS002G	CHÓT KHÓA 6/LS002G	28.050	10%
10761	327701-8	LOCK PIN 6/LS002G	CHÓT KHÓA 6/LS002G	74.690	10%
10762	327702-6	LOCK PIN 7-9/LS002G	CHÓT KHÓA 7-9/LS002G	32.670	10%
10763	327703-4	ROD 10/LS002G	CHÓT GÀI 10/LS002G	60.720	10%
10764	327704-2	STOPPER ROD/LS002G	TRỤC KHÓA/LS002G	37.400	10%
10765	327705-0	SQUARE ROD/LS002G	THÀNH HÌNH VUÔNG/LS002G	55.990	10%
10766	327706-8	BASE SUPPORTER/LS002G	ĐỀ ĐỖ/LS002G	41.256	8%
10767	327710-7	ROD 16/LS002G	CHÓT GIỮ 16/LS002G	64.152	8%
10768	327712-3	SLEEVE 4/191M27-0	VÒNG ĐỆM/191M27-0	51.370	10%
10769	327714-9	LOCK RING 20/191M27-0	VÒNG KHÓA/191M27-0	60.720	10%
10770	327719-9	SPINDLE HUB/DUX18	TRỤC BÀNH RĂNG/DUX18	59.616	8%
10771	327723-8	SHAFT A/EM408MP	TRỤC TỶ/EM408MP	297.648	8%
10772	327728-8	BEARING BOLT/EK8100WS	ỐC TRỤC/EK8100WS	79.200	10%
10773	327729-6	CRANK SHAFT/HR006G	TRỤC NHÔNG TRUYỀN ĐỘNG/HR006G	338.904	8%
10774	327730-1	CYLINDER 40/HR006G	XI LẠNH 40/HR006G	2.257.632	8%
10775	327731-9	STRIKER/HR006G	ĐẦU BÚA GỖ/HR006G	95.040	8%
10776	327734-3	SHOULDER WASHER/HR006G	MIẾNG ĐỆM/HR006G	82.512	8%
10777	327735-1	TOOL HOLDER A/HR006G	NÔNG THÉP A/HR006G	3.402.432	8%
10778	327739-3	STRIKER/HM002G	QUA BÚA/HM002G	233.604	8%
10779	327740-8	CRANK SHAFT/HM002G	TRỤC KHUYU/HM002G	334.368	8%
10780	327741-6	CYLINDER 40/HM002G	XI LẠNH 40/HM002G	1.410.480	8%
10781	327742-4	D RING 20/UX01G	VÒNG CHỮ D 20/UX01G	18.700	10%
10782	327743-2	SPINDLE/DTD157	TRỤC NHÔNG/DTD157	142.020	8%
10783	327751-3	SPINDLE/DTD171	TRỤC NHÔNG/DTD171	261.036	8%
10784	327753-9	LOCK PIN/FN001G	CHÓT(ĐINH VÍ)/FN001G	32.670	10%
10785	327754-7	GUIDE PIPE/FN001G	ÔNG ĐỖ LÒ XO/FN001G	233.200	10%
10786	327755-5	ADJUSTER SHAFT/FN001G	CHÓT ĐINH VÍ/FN001G	32.670	10%
10787	327756-3	GUIDE BOLT/FN001G	THÀNH ĐÁY ĐINH/FN001G	64.152	8%
10788	327757-1	WEIGHT/FN001G	QUA CÁN/FN001G	22.896	8%
10789	327760-2	STOPPER PIN/RS001G	KHÓA GÓC/RS001G	93.280	10%
10790	327762-8	SPINDLE/GA7070	TRỤC NHÔNG/GA7070	164.916	8%
10791	327769-4	HOLDER BOLT/DTM52	ỐC KHÓA MÓ LƯỚI/DTM52	84.040	10%
10792	327774-1	SPINDLE/DDA450	TRỤC NHÔNG/DDA450	540.432	8%
10793	327778-3	TOOL HOLDER/HM001G	NÔNG THÉP/HM001G	1.538.676	8%
10794	327783-0	BIT SLEEVE/DTD172	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI VÍT/DTD172	37.400	10%
10795	327784-8	SPINDLE/DTD172	TRỤC NHÔNG/DTD172	1.007.424	8%
10796	327785-6	HAMMER/DTD172	ĐẦU BÚA/DTD172	439.668	8%
10797	327804-8	HAMMER/TW007G	ĐẦU BÚA/TW007G	815.184	8%
10798	327805-6	SPINDLE/TW007G	TRỤC/TW007G	357.264	8%
10799	327807-2	SPINDLE/DBO480	TRỤC MÁY/DBO480	91.584	8%
10800	327810-3	BATTERY GUARD/DUN461W	BAO VỆ PIN/DUN461W	55.990	10%
10801	327818-7	SPINDLE/TD112D	TRỤC/TD112D	178.632	8%
10802	327821-8	HAMMER/TD112D	ĐẦU BÚA/TD112D	155.736	8%
10803	327822-6	SHAFT/UB401MP	TRỤC TỶ/UB401MP	132.840	8%
10804	327824-2	HAMMER/DTD157	ĐẦU BÚA/DTD157	192.348	8%
10805	327828-4	SHAFT A/EY403MP	TRỤC TỶ A/EY403MP	172.590	10%
10806	327834-9	ROD 4/LM001C	CHÓT ĐINH VÍ 4/LM001C	14.080	10%
10807	327837-3	HANDLE 22 R/UR006G	TAY CÀM BÊN PHẢI 22/UR006G	125.950	10%
10808	327838-1	STRIKER/HR3001C	QUA BÚA/HR3001C	64.152	8%
10809	327845-4	SHAFT PIPE COMPLETE A/UR012G	TRỤC TỶ/UR012G	448.848	8%
10810	327861-6	HANDLE 19 R/UR002G	TAY CÀM 19 R/UR002G	116.600	10%
10811	327868-2	CHUCK RING/HR006G	VÒNG CHẶN/HR006G	382.470	10%
10812	327871-3	HANDLE UPPER/LM001J	TAY CÀM TRÊN/LM001J	513.040	10%
10813	327872-1	HEIGHT ADJUST LEVER/LM001J	THÀNH ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/LM001J	102.630	10%
10814	327873-9	ROD 7/LM001J	CHÓT GÀI 7/LM001J	18.700	10%
10815	327875-5	ROD 6/LM001J	CHÓT GÀI 6/LM001J	18.700	10%
10816	327883-6	BIT SLEEVE/DTD172	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI VÍT/DTD172	37.400	10%
10817	327888-6	HAMMER/DTWA260	BÚA GỖ/DTWA260	1.250.208	8%
10818	327890-9	STRIKER/HR007G	BÚA GỖ/HR007G	54.972	8%
10819	327892-5	HAMMER/DTW302	ĐẦU BÚA/DTW302	686.880	8%
10820	327900-2	ADJUST SCREW/DUC254	ỐC VÍT/DUC254	32.670	10%
10821	327916-7	SPINDLE/GA5090	TRỤC NHÔNG/GA5090	91.584	8%
10822	327917-5	SPINDLE/GA5090	TRỤC NHÔNG/GA5090	233.604	8%
10823	327918-3	JOINT SLEEVE/GA5090	CHÓT GÀI/GA5090	37.400	10%
10824	327919-1	CONNECTOR/UH013G/UH014G	ĐẦU NỐI/UH013G/UH014G	74.690	10%
10825	327923-0	SPINDLE/HS011G	TRỤC NHÔNG TRUYỀN ĐỘNG/HS011G	77.868	8%
10826	327926-4	GEAR SHAFT/CE001G	TRỤC NHÔNG/CE001G	160.272	8%
10827	327927-2	SPINDLE/CE001G	TRỤC MÁY/CE001G	174.096	8%
10828	327928-0	FRONT GRIP 26/CE001G	TAY CÀM TRÊN 26/CE001G	932.800	10%
10829	327932-9	FRONT HANDLE/UC012G	TAY CÀM BẢNG NHỰA/UC012G	609.120	8%
10830	327938-7	SNAP RETAINER/DCU601	CHÓT HẮM/DCU601	4.730	10%
10831	327939-5	GUIDE BOLT/ST001G	ỐC DẪN HƯỚNG/ST001G	45.792	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10832	327943-4	GUIDE PIPE/PT001G	ỐP LỖ XO/PT001G	201.528	8%
10833	327947-6	SPINDLE/PB002G	TRỤC NHÔNG/PB002G	128.304	8%
10834	327948-4	GUARD ROD 8/PB002G	CHỐT 8/PB002G	55.990	10%
10835	327957-3	SPINDLE/CS002G	TRỤC MÁY/CS002G	87.048	8%
10836	327958-1	ADJUST SCREW/DUC357	CHỐT ĐIỀU CHỈNH LAM XÍCH/DUC357	23.320	10%
10837	327960-4	BIT SLEEVE/TD001G	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI/TD001G	42.020	10%
10838	327967-0	CUTTER SHAFT/DUR193	TRỤC NHÔNG/DUR193	54.972	8%
10839	327969-6	WIRE GUARD/DUR193	KẸP BẢO VỆ LƯỚI CẮT/DUR193	37.400	10%
10840	327983-2	EARTH WIRE/DBO380	DÂY DẪN/DBO380	4.644	8%
10841	327984-0	SPINDLE/TD002G	TRỤC NHÔNG TRUYỀN ĐỘNG/TD002G	1.396.656	8%
10842	327985-8	HAMMER/TD002G	ĐẦU Búa GỖ/TD002G	668.628	8%
10843	327989-0	BIT SLEEVE/TD002G	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI VÍT/TD002G	107.360	10%
10844	327A22-4	SHAFT/UT001G	TRỤC MÁY/UT001G	174.096	8%
10845	327A23-2	SPINDLE/UT001G	TRỤC NHÔNG/UT001G	224.424	8%
10846	327A24-0	ANVIL/6905H	CÓT MÁY/6905H	980.640	8%
10847	327A29-0	SPINDLE/DUC307	TRỤC NHÔNG/DUC307	91.584	8%
10848	327A49-4	BATTERY GUARD/UR012G	BẢO VỆ PIN/UR012G	261.250	10%
10849	327A50-9	JOINT PIPE 20-343/VC006GM	TRỤC NỐI BÀNH XE KHÔNG TRUYỀN ĐỘNG 20-343/VC006GM	186.560	10%
10850	327A55-9	COLLARED SLEEVE 8/DJR189	BẠC THAU 8/DJR189	27.540	8%
10851	327A64-8	ROD 6/LM001G	CHỐT GAI 6/LM001G	37.400	10%
10852	327A65-6	LOCK PIN/LM004J	CHỐT KHÓA /LM004J	74.690	10%
10853	327A66-4	LOCK HOLDER/LM004J	VÒNG ĐỆM/LM004J	74.690	10%
10854	327A83-4	BIT SLEEVE/DTS141	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI/DTS141	135.300	10%
10855	327A89-2	SPINDLE/UC100D	TRỤC NHÔNG TRUYỀN ĐỘNG/UC100D	68.688	8%
10856	327A95-7	PIPE FRAME A/PM001G	KHUNG MÁY A/PM001G	2.999.376	8%
10857	327A96-5	PIPE FRAME B/PM001G	THANH LIÊN KẾT KHUNG MÁY B/PM001G	405.790	10%
10858	327B00-0	SLIDE PIPE/DX16	ỐNG TRƯỢT HÚT BỤI/DX16	247.320	8%
10859	327B05-0	CLUTCH CAM/HR010G	KHỚP NHÔNG/HR010G	73.332	8%
10860	327B06-8	PISTON CYLINDER/HR010G	PISTON/HR010G	87.048	8%
10861	327B09-2	GEAR SHAFT/CE002G	TRỤC NHÔNG/CE002G	192.348	8%
10862	327B10-7	SPINDLE/CE002G	TRỤC NHÔNG/CE002G	160.272	8%
10863	327B11-5	ROLLER 25/CE002G	VÒNG ĐỆM 25/CE002G	42.020	10%
10864	327B22-0	WEIGHT/ST001G	QUA TAY/ST001G	82.512	8%
10865	327B23-8	BIT SLEEVE/TD003G	VÒNG ĐỆM GIỮ MŨI VÍT/TD003G	46.640	10%
10866	327B24-6	CLUTCH CAM/DHR183	KHỚP NHÔNG/DHR183	68.688	8%
10867	327B36-9	BATTERY GUARD/UR013G	BẢO VỆ PIN/UR013G	214.610	10%
10868	327B55-5	SPINDLE/UB402MP	TRỤC NHÔNG/UB402MP	174.096	8%
10869	327B57-1	GEAR HOUSING/UP100D	VỎ NHÔNG/UP100D	3.292.488	8%
10870	327B59-7	SPINDLE/PP001G	TRỤC NHÔNG/PP001G	380.160	8%
10871	327B60-2	HAMMER/TD003G	ĐẦU Búa GỖ/TD003G	187.812	8%
10872	327B71-7	SPINDLE/DTD173	TRỤC NHÔNG/DTD173	366.336	8%
10873	327B72-5	HAMMER/DTD173	ĐẦU Búa GỖ/DTD173	210.708	8%
10874	327B76-7	RECEIVE WASHER R/UR014G	MẶT BÍCH/UR014G	167.970	10%
10875	327B78-3	SPINDLE/EN402MP	TRỤC NHÔNG/EN402MP	73.332	8%
10876	327B79-1	SLEEVE 12/EN402MP	ỐNG ĐỆM 12/EN402MP	32.670	10%
10877	327B80-6	STOPPER HOLDER/EN402MP	KHỚP ĐỊNH VỊ/EN402MP	23.320	10%
10878	327B81-4	ROD 8/EN402MP	CHỐT GAI 8 (CHỐT ĐỊNH VỊ)/EN402MP	37.400	10%
10879	327B90-3	SHAFT/UR016G,UR017G	TRỤC TỶ TRUYỀN ĐỘNG/UR016G,UR017G	448.848	8%
10880	327B97-9	SHAFT 17/UV001G	TRỤC KHUYU 17/UV001G	206.064	8%
10881	327B98-7	REAR SHAFT/UV001G	TRỤC CỐ ĐỊNH BÀNH XE/UV001G	55.990	10%
10882	327C01-4	SHAFT 12/UV001G	TRỤC CỐ ĐỊNH GIÁ ĐỖ LƯỚI 12/UV001G	265.870	10%
10883	327C02-2	HANDLE MIDDLE/UV001G	TAY CẦM GIỮA/UV001G	377.850	10%
10884	327C06-4	SPINDLE/EN424MP	TRỤC NHÔNG/EN424MP	160.272	8%
10885	327C07-2	CRANK/EN424MP	TRỤC ĐÀO TRUYỀN ĐỘNG/EN424MP	132.840	8%
10886	327C08-0	SHAFT 10/EN424MP	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG 10/EN424MP	45.792	8%
10887	327C11-1	FRONT SHAFT/RM350D	TRỤC TRƯỚC/RM350D	107.360	10%
10888	327C13-7	ROD 6/RM350D	CHỐT 6/RM350D	23.320	10%
10889	327C14-5	SHAFT/RM350D	TRỤC/RM350D	91.584	8%
10890	327C17-9	STAND/PDC1500	CHÂN ĐẰNG/PDC1500	429.110	10%
10891	327C18-7	SPINDLE/TD003G	TRỤC NHÔNG TRUYỀN ĐỘNG/TD003G	274.752	8%
10892	327C19-5	SPINDLE/DDG461,DG002G	TRỤC NHÔNG TRUYỀN ĐỘNG/DDG461,DG002G	554.148	8%
10893	327C22-6	U TYPE PIN 3/HW001G	CHỐT ĐỊNH VỊ CHỮ U/HW001G	14.080	10%
10894	327C24-2	ROD 4/HW001G	CHỐT ĐỊNH VỊ 4/HW001G	9.350	10%
10895	327C25-0	OUTFLOW JOINT/HW001G	ĐẦU NỐI ỐNG DẪN NƯỚC RA/HW001G	186.560	10%
10896	327C28-4	PLATE/HW001G	Miếng ĐỆM/HW001G	42.020	10%
10897	327C32-3	HEIGHT ADJUST LEVER/LM004G	THANH ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/LM004G	79.310	10%
10898	327C33-1	SWITCH LEVER/LM004G	THANH GAT CÔNG TẮC/LM004G	111.980	10%
10899	327C34-9	REAR BAG ROD/LM004G	THANH THÉP GAI TÚI ĐỰNG CỎ/LM004G	167.970	10%
10900	327C35-7	LOWER PIPE/LM003G	TAY CẦM DƯỚI/LM003G	261.250	10%
10901	327C36-5	LOCK PIN/LM004G	CHỐT KHÓA/LM004G	46.640	10%
10902	327C38-1	ROD 6/LM004G	CHỐT GAI 6/LM004G	51.370	10%
10903	327C41-2	UPPER PIPE R/HW001G	TAY CẦM DANG ỚNG TRÊN R/HW001G	186.560	10%
10904	327C42-0	UPPER PIPE L/HW001G	TAY CẦM DANG ỚNG TRÊN L/HW001G	186.560	10%
10905	327C43-8	LOWER PIPE R/HW001G	TAY CẦM DANG ỚNG DƯỚI R/HW001G	181.940	10%
10906	327C44-6	LOWER PIPE L/HW001G	TAY CẦM DANG ỚNG DƯỚI L/HW001G	181.940	10%
10907	327C47-0	GEAR HOUSING/DUP180	VỎ NHÔNG/DUP180	2.665.116	8%
10908	327C51-9	DUST CONTAINER SHAFT/VS001G	THANH THÉP CỐ ĐỊNH TÚI BỤI/VS001G	401.170	10%
10909	327C53-5	DIAL SHAFT/VS001G	THANH THÉP ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÂU CHỖI QUÉT/VS001G	84.040	10%
10910	327C54-3	BRUSH SHAFT/VS001G	TRỤC QUAY TRUYỀN ĐỘNG CHỖI QUÉT/VS001G	50.436	8%
10911	327C55-1	BRUSH PLATE LINK/VS001G	THANH LIÊN KẾT CHỖI QUÉT/VS001G	251.900	10%
10912	327C56-9	SIDE BRUSH SHAFT/VS001G	TRỤC QUAY CHỖI QUÉT/VS001G	59.616	8%
10913	327C57-7	HANDLE/VS001G	TAY CẦM BĂNG THÉP/VS001G	1.110.120	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10914	327C58-5	DIAL SHAFT M8/VS001G	TRỤC ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO CHỖI QUÉT/VS001G	55.990	10%
10915	327C59-3	HANDLE PIPE/VS001G	THANH THÉP LIÊN KẾT TAY CẦM/VS001G	98.010	10%
10916	327C60-8	HANDLE LEVER LINK M5/VS001G	THANH THÉP LIÊN KẾT TAY CẦM/VS001G	167.970	10%
10917	327C72-1	SPACER/WT001G	VÒNG ĐỆM/WT001G	555.060	10%
10918	327C73-9	BRACKET/WT001G	CHÈN ĐỆM/WT001G	1.543.850	10%
10919	327C74-7	OUTER SUPPORT/WT001G	CHỤP NÔNG/WT001G	5.353.128	8%
10920	327C81-0	LOCK PIN 5/HW001G	CHỐT 5/HW001G	23.320	10%
10921	327C87-8	SPINDLE B/WA400MP	CHỐT ĐỊNH VỊ B/WA400MP	37.400	10%
10922	327C88-6	SPINDLE C/HM004G	TRỤC NHÔNG/HM004G	274.752	8%
10923	327C89-4	SPINDLE D/WA400MP	TRỤC NHÔNG D/WA400MP	178.632	8%
10924	327C90-9	SHAFT 7/WA400MP	TRỤC TỶ TRUYỀN ĐỘNG 7/WA400MP	375.516	8%
10925	327C91-7	CRANK/WA400MP	BÁNH LỆCH TẦM/WA400MP	316.008	8%
10926	327C92-5	HAMMER/DTW1004	BÚA GỖ/DTW1004	952.560	8%
10927	327C96-7	CRANK SHAFT/HM004G	TRỤC KHUYU/HM004G	943.380	8%
10928	327C99-1	ADJUST SCREW/UC022G	VÍT ĐIỀU CHỈNH/UC022G	32.670	10%
10929	327D00-2	ADJUST PIN/UC022G	CHỐT ĐIỀU CHỈNH LAM XÍCH (CHỐT ĐỊNH VỊ)/UC022G	32.670	10%
10930	327D14-1	LOCK SLEEVE/DFL303F	KHOA GIỮ ĐẦU HỘP NHÔNG/DFL303F	587.730	10%
10931	327D26-4	PIN 6/BCC01/BCC02	CHỐT GAI 6/BCC01/BCC02	228.580	10%
10932	327D32-9	SPINDLE/DP4020/DP4021	TRỤC/DP4020/DP4021	59.616	8%
10933	327D37-9	FRONT GRIP 26/CE003G	TAY CẦM 26/CE003G	713.680	10%
10934	327D38-7	PULLEY PLATE 32/CE003G	TẦM ĐỆM PULY 32/CE003G	42.020	10%
10935	327D39-5	SPINDLE/CE004G	TRỤC NHÔNG/CE004G	123.660	8%
10936	327D58-1	STOPPER PIN/UN001G	CHỐT GAI/UN001G	37.400	10%
10937	327D60-4	BATTERY GUARD/UN001G	BẢO VỆ PIN/UN001G	228.580	10%
10938	327D62-0	SPINDLE/TW002G	TRỤC/TW002G	499.176	8%
10939	327D63-8	HAMMER/TW002G	ĐẦU BÚA GỖ/TW002G	467.100	8%
10940	327D65-4	HAMMER/TW003G	ĐẦU BÚA/TW003G	476.280	8%
10941	327D67-0	SCREW M10/RP001G	BULONG M10/RP001G	69.960	10%
10942	327D74-3	PISTON CYLINDER/HR2670	PISTON XYLANH/HR2670	128.304	8%
10943	327D75-1	DRIVING FLANGE/HR2670	KHỚP NHÔNG/HR2670	79.310	10%
10944	327D78-5	CAM SHAFT/HR2670	TRỤC NHÔNG TRUYỀN ĐỘNG /HR2670	105.408	8%
10945	327D79-3	PISTON JOINT/HR2670	CHỐT PISTON/HR2670	18.360	8%
10946	327D80-8	SLEEVE 9/HR2670	VÒNG ĐỆM 9/HR2670	23.320	10%
10947	327D81-6	IMPACT BOLT A/HR2670	BÚA TRUNG GIAN A/HR2670	36.720	8%
10948	327D82-4	IMPACT BOLT B/HR2670FT	BÚA TRUNG GIAN/HR2670FT	64.152	8%
10949	327D88-2	SPINDLE/TW009G	TRỤC/TW009G	1.153.980	8%
10950	327D89-0	HAMMER/TW009G	ĐẦU BÚA GỖ/TW009G	1.341.792	8%
10951	327D94-7	PIPE A/DUA200	ỐNG CÁN A/DUA200	163.240	10%
10952	327D96-3	PIPE C/DUA200	ỐNG CÁN C/DUA200	368.500	10%
10953	327E32-5	PIPE 28/PS001G	ỐNG NỐI 28/PS001G	606.320	10%
10954	327E33-3	PIN 9/PS001G/GSP01	CHỐT GIỮ KHÓA MỞ 9/PS001G/GSP01	32.670	10%
10955	327E51-1	ANVIL N/TD004G	TRỤC CỐT MÁY/TD004G	485.460	8%
10956	327E52-9	SPINDLE/TD004G	TRỤC NHÔNG/TD004G	370.980	8%
10957	327E53-7	HAMMER/TD004G	ĐẦU BÚA GỖ/TD004G	256.500	8%
10958	327E56-1	SHAFT C/BCC01/BCC02	THANH THÉP BẢO VỆ /BCC01/BCC02	331.210	10%
10959	327E57-9	SPINDLE/CE003G	TRỤC/CE003G	119.124	8%
10960	327E71-5	SHOULDER SLEEVE 4A/TR001G	BẠCLỐT 4A/TR001G	48.400	10%
10961	327E72-3	SHOULDER SLEEVE 4B/TR001G	BẠCLỐT 4B/TR001G	70.400	10%
10962	327E75-7	SPINDLE/GA055G/GA056G	TRỤC NHÔNG/GA055G/GA056G	129.600	8%
10963	327E78-1	BEARING RETAINER 31-48/GA055G/GA056G	VÒNG GIỮ Ổ BẠC ĐẠN/GA055G/GA056G	101.200	10%
10964	327E79-9	SLEEVE 23/GA055G/GA056G	BẠCLỐT 23/GA055G/GA056G	35.200	10%
10965	327E98-5	HAMMER/TW011G	BÚA/TW011G	508.356	8%
10966	327F17-7	STOPPER PIN/DUN500W	CHỐT HẠM/DUN500W	37.400	10%
10967	327F38-9	SPINDLE/DTL300/DTL301/DTL302	TRỤC/DTL300	283.932	8%
10968	327F39-7	HAMMER/DTL300/DTL301/DTL302	ĐẦU BÚA GỖ/DTL300	265.680	8%
10969	327F45-2	COUPLING A/GD001G/GD002G	KHỚP NỐI TRỤC/GD001G/GD002G	108.000	8%
10970	327F66-4	SPINDLE/GD001G/GD002G	TRỤC/GP001G	132.840	8%
10971	327F74-5	PISTON JOINT/DTM53/HR011G	CHỐT PISTON/DTM53/HR011G	25.920	8%
10972	327F81-8	FRONT HANDLE/UC030G	TAY CẦM/UC030G	673.200	10%
10973	327F83-4	ADAPTER PIN/1916B3-6	CHỐT KHÓA/1916B3-6	59.616	8%
10974	327F84-2	ROD 4/1916B3-6	THANH THÉP/1916B3-6	774.400	10%
10975	327F90-7	GEAR SHAFT/JR003G	TRỤC NHÔNG/JR003G	105.408	8%
10976	327F92-3	GEAR HOUSING/DUP181	VỎ HỘP NHÔNG/DUP181	470.880	8%
10977	327F97-3	HOOK/UC031G	MÓC TREO/UC031G	17.280	8%
10978	327G02-6	SPINDLE/DTD201/XDT21	TRỤC NHÔNG/DTD201/XDT21	259.200	8%
10979	330026-000	AIR DIAPHRAGM/SJ401	ỐNG DẪN KHÍ/SJ401	36.720	8%
10980	331151-1	ROD/JS1602	TAY BIẾN/JS1602	293.112	8%
10981	331165-0	YOKE/JS3201	BỘ ĐẾ/JS3201	2.523.204	8%
10982	331166-8	ROD/JS3201	TAY BIẾN/JS3201	375.516	8%
10983	331167-6	ROD/JN3201	TRỤC GAI/JN3201	403.056	8%
10984	331180-4	SEAL/HM1201	MIẾNG ĐỆM/HM1201	64.152	8%
10985	331194-3	SEAL/HM0810	VÒNG ĐỆM KÍN/HM0810	59.616	8%
10986	331251-7	PIPE 24/2416S	ỐNG DẪN HƯỚNG 24/2416S	193.600	10%
10987	331252-5	GUIDE/2416S	ĐẼ DẪN HƯỚNG CHIA ĐỘ/2416S	673.200	10%
10988	331273-7	ROD/BJS160	TAY BIẾN/BJS160	288.576	8%
10989	331329-6	LINK/DJS161	GÁ ĐỖ LƯỚI CÁT/DJS161	242.000	10%
10990	331350-5	PIN 16X90/DLS600	CHỐT 16X90/DLS600	88.660	10%
10991	331416-1	SLEEVE 25/HM1810	VÒNG ĐỆM 25/HM1810	92.400	10%
10992	331428-4	PIN 16-113/2414NB	CHỐT 16-113/2414NB	51.370	10%
10993	331435-7	CLAMP PLATE/4304	MIẾNG ĐỆM/4304	51.370	10%
10994	331438-1	ROD/JN1601	TAY BIẾN/JN1601	389.232	8%
10995	331503-6	PIPE 25/DVR450Z	KHỚP NỐI 25/DVR450Z	391.820	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
10996	331518-3	CHANGE RING/HM0810T	VÒNG ĐỆM/HM0810T	130.680	10%
10997	331562-0	COLUMN 20/2012NB	TRỤC TÀNG GIAM 20/2012NB	279.840	10%
10998	331568-8	PIPE 9/N5900B	TRỤC CHỐT 9/N5900B	18.700	10%
10999	331596-3	SLEEVE 12/DHR263	VÒNG ĐỆM/DHR263	55.990	10%
11000	331644-8	LOCK SLEEVE/4112HS	VÒNG ĐỆM/4112HS	435.024	8%
11001	331647-2	LOCK CAM/DA331D	KHỚP NHÔNG/DA331D	30.240	8%
11002	331648-0	PIPE 20-128/LW1400	ỐNG DẪN 20-128/LW1400	51.370	10%
11003	331658-7	CYLINDER 32/HM0870C	XILANH/HM0870C	1.753.920	8%
11004	331659-5	CHUCK RING/HM0870C	KHOA GÀI/HM0870C	144.650	10%
11005	331660-0	RING 36/HM0870C	VÒNG ĐỆM 36/HM0870C	55.990	10%
11006	331661-8	SPACER 3/SG1251	LONG ĐÈN 3/SG1251	28.050	10%
11007	331662-6	SPACER 6/SG1251	LONG ĐÈN 6/SG1251	37.400	10%
11008	331681-2	LOCK BOLT M8X70/LH1040	ỐC VÍT M8X70/LH1040	46.640	10%
11009	331682-0	LOCK BOLT M8X150/LH1040	ỐC VÍT M8X150/LH1040	70.400	10%
11010	331683-8	PIPE 9-126/LH1040	TRỤC TY 9-126/LH1040	25.920	8%
11011	331694-3	CYLINDER LINER 62/HM1810	XI LANH 62/HM1810	4.860.000	8%
11012	331706-2	CLUTCH CAM/DHR165	KHỚP NHÔNG/DHR165	119.124	8%
11013	331707-0	SPUR GEAR 46/DHR165	NHÔNG LỚN/DHR165	316.008	8%
11014	331708-8	PISTON CYLINDER/DHR165	PISTON/DHR165	352.620	8%
11015	331709-6	RING 33/HR4002	VÒNG ĐỆM 33/HR4002	98.010	10%
11016	331718-5	SPACER/HM1810	VÒNG ĐỆM/HM1810	105.600	10%
11017	331719-3	PIPE 9/DCS551	ỐNG 9/DCS551	14.080	10%
11018	331730-5	CYLINDER A/HR4030C	XI LANH/HR4030C	1.002.888	8%
11019	331731-3	CYLINDER B/HR4030C	XILANH/HR4030C	2.120.256	8%
11020	331732-1	RING 34/HR4030C	VÒNG ĐỆM/HR4030C	119.124	8%
11021	331733-9	PIPE 6/BCS550	ỐNG LỐT/BCS550	22.000	10%
11022	331734-7	CLUTCH CAM/HR2230	KHỚP NHÔNG/HR2230	77.760	8%
11023	331745-2	PIPE 22/HM1213C	ỐNG LỐT/HM1213C	119.124	8%
11024	331765-6	CYLINDER A/HR3530	XILANH/HR3530	1.360.044	8%
11025	331767-2	RING 34/HR3530	VÒNG ĐỆM/HR3530	155.736	8%
11026	331769-8	SLEEVE 9/DHR202	VÒNG ĐỆM BÚA TRUNG GIAN/DHR202	42.020	10%
11027	331770-3	DRIVING SLEEVE/HR2810	VÒNG NHÔNG/HR2810	541.090	10%
11028	331775-3	SLEEVE 10/HR2810	BẠC ĐỒNG THAU 10/HR2810	18.700	10%
11029	331776-1	PISTON CYLINDER/HR2810	BỘ XILANH PISTON/HR2810	334.368	8%
11030	331792-3	CRANK SLEEVE/HM1306	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/HM1306	135.300	10%
11031	331794-9	CYLINDER 25/HR3200C	XILANH/HR3200C	3.658.824	8%
11032	331795-7	DRIVING SLEEVE/HR3200C	MIỀNG ĐỆM/HR3200C	629.640	10%
11033	331796-5	RING 25/DHK180	VÒNG ĐỆM 25/DHK180	177.320	10%
11034	331797-3	SLEEVE 29/DHK180	VÒNG ĐỆM 29/DHK180	109.944	8%
11035	331800-0	PIPE 15/HR3210C	ỐNG LỐT/HR3210C	174.096	8%
11036	331805-0	RING 29/HR3200C	VÒNG ĐỆM/HR3200C	209.880	10%
11037	331806-8	CYLINDER B/HR3530	XILANH/HR3530	2.523.204	8%
11038	331815-7	CLUTCH CAM B/HR2300	KHỚP NHÔNG/HR2300	87.048	8%
11039	331821-2	HANDLE/EM2550UH	TAY CÀM/EM2550UH	12.100	10%
11040	331854-7	COUNTER WEIGHT/HM1214C	CÂN ĐỐI TRONG/HM1214C	146.556	8%
11041	331855-5	SEALING SCREW/HM1214C	BẮT VÍT/HM1214C	23.320	10%
11042	331856-3	CYLINDER 40/HM1214C	XY LANH/HM1214C	2.413.260	8%
11043	331866-0	TOOL HOLDER/HM1307C	ĐẦU GÀI MŨI ĐỤC/HM1307C	4.194.612	8%
11044	331867-8	COUNTER WEIGHT/HM1317C	MIỀNG ĐỆM CHỊU LỰC/HM1317C	384.696	8%
11045	331868-6	SLIDE SLEEVE/HM1317C	NÔNG THÉP/HM1317C	380.160	8%
11046	331869-4	COUNTER SHAFT/HM1317C	TRỤC LỆCH TÂM/HM1317C	1.254.744	8%
11047	331870-9	CYLINDER 52/HM1307C	XILANH/HM1307C	2.994.840	8%
11048	331871-7	CRANK SHAFT/HM1307C	TRỤC KHUYU/HM1307C	407.592	8%
11049	331888-0	JOINT PIPE 20-350/VC3210L	TRỤC BÀNH XE/VC3210L	79.310	10%
11050	331890-3	CUP SLEEVE/DHR242	VÒNG ĐỆM/DHR242	55.990	10%
11051	331894-5	GUIDE BAR/EH7500S	THÀNH DẪN /EH7500S	527.040	8%
11052	331895-3	GUIDE BAR/EH6000W	THÀNH DẪN(LAM)/EH6000W	444.960	8%
11053	331896-1	PIPE/EH6000W	ỐNG NỔI/EH6000W	57.200	10%
11054	331897-9	BALL/EK7651H	BI SẮT/EK7651H	4.400	10%
11055	331923-4	CABLE GUIDE/RBC411	ỐNG DẪN CÁP/RBC411	110.000	10%
11056	331925-0	CYLINDER 40/HM1203C	XY LANH 40/HM1203C	1.343.520	8%
11057	331937-3	EXHAUST PORT SPACER/EB7650TH	ỐNG DẪN/EB7650TH	21.600	8%
11058	331938-1	RECEIVE WASHER/EBH340U	LONG ĐÈN CHỤP ĐẦU BƠ/EBH340U	462.000	10%
11059	331940-4	FRONT HANDLE/EK7651H	TAY CÀM MÀY/EK7651H	2.121.120	8%
11060	331963-2	GUIDE SLEEVE/JR103D	THÀNH DẪN HƯỚNG/JR103D	50.436	8%
11061	331964-0	INTAKE VALVE/EB7650TH	XUPAP HÚT/EB7650TH	185.760	8%
11062	331965-8	EXHAUST VALVE/EB7650TH	XUPAP XẢ/EB7650TH	220.320	8%
11063	331966-6	RETAINER/EB7650TH	MIỀNG ĐỆM/EB7650TH	32.400	8%
11064	331967-4	COTTER/EB7650TH	THEN CHỐT/EB7650TH	13.200	10%
11065	331969-0	VALVE GUIDE/EK7651H	VAN ĐIỀU CHỈNH/EK7651H	30.240	8%
11066	331970-5	SPACER17/EK7651H	LONG ĐÈN SẮT 17/EK7651H	96.800	10%
11067	331977-1	CHANGE SLEEVE/DTP141	VÒNG ĐỆM/DTP141	233.200	10%
11068	331987-8	EXHAUST PORT SPACER/EB5300TH	ỐNG DẪN/EB5300TH	4.400	10%
11069	331992-5	CLUTCH CAM/DHR202	KHỚP NHÔNG/DHR202	119.124	8%
11070	331993-3	CLUTCH CAM/HR2450T	KHỚP NHÔNG/HR2450T	123.660	8%
11071	332040-3	HANDLE 19R/RBC411U	ỐNG XĂNG 19R/RBC411U	15.400	10%
11072	332041-1	HANDLE 19L/RBC411U	ỐNG XĂNG 19R/RBC411U	149.600	10%
11073	332044-5	SLEEVE/RBC413U	VÒNG ĐỆM/RBC413U	4.400	10%
11074	332046-1	ROPE GUIDE/EK7651H	MIỀNG NHỰA CHẶN GIẤY GIẶT/EK7651H	436.320	8%
11075	332055-0	CRANK/EN410MP	TRỤC/EN410MP	311.040	8%
11076	332058-4	GUIDE BAR/EN410MP	THÀNH HƯỚNG DẪN/EN410MP	228.960	8%
11077	332059-2	GUIDE BAR/EH6000W	THÀNH DẪN(LAM)/EH6000W	211.680	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11078	332060-7	GUIDE BAR/EH7500S	THANH DẪN/EH7500S	241.920	8%
11079	332063-1	CYLINDER 28.5/HR4013C	XILANH/HR4013C	1.103.652	8%
11080	332068-1	HANDLE 19/BUR182U	ÔNG XĂNG 19/BUR182U	216.000	8%
11081	332074-6	INNER RING/EA3601F	VÒNG ĐỆM TRONG/EA3601F	4.400	10%
11082	332075-4	INNER RING/EA3601F	VÒNG ĐỆM TRONG/EA3601F	4.400	10%
11083	332092-4	PIPE 21.5/HR5212C	ÔNG 21.5/HR5212C	69.960	10%
11084	332093-2	CYLINDER 40/HR5212C	XY LANH/HR5212C	2.234.736	8%
11085	332106-9	SWITCH LEVER/DLM380	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DLM380	176.000	10%
11086	332109-3	UPPER HANDLE/DLM380	TAY CẦM PHÍA TRÊN/DLM380	585.200	10%
11087	332114-0	RECEIVE WASHER/RBC411U	ĐỆM PHẪNG/RBC411U	12.100	10%
11088	332123-9	HANDLE 19/EM3400U	TAY CẦM/EM3400U	15.400	10%
11089	332126-3	PIPE 6/DHS680	ÔNG 6/DHS680	23.320	10%
11090	332129-7	SEALING SCREW/HM1511	VÒNG ĐỆM /HM1511	32.670	10%
11091	332130-2	CYLINDER LINER 66/HM1812	TRỤC XY LANH/HM1812	7.134.480	8%
11092	332139-4	DRIVING FLANGE/DHR242	KHỚP NHÔNG/DHR242	88.660	10%
11093	333112-7	RING 79/TW1000	VÒNG ĐỆM/TW1000	741.620	10%
11094	341003-8	PRESSURE PLATE/M1901B	BỀ MẶT LỬỚI/M1901B	12.960	8%
11095	341136-9	HOOK/N3701	LONG ĐÈN VUÔNG/N3701	9.180	8%
11096	341374-3	GUIDE PLATE/1804N	THANH KẸP ĐỀ MÁY BAO/1804N	13.200	10%
11097	341376-9	WASHER 10/1804N	VÒNG ĐỆM 10/1804N	30.800	10%
11098	341377-7	WASHER 12/1804N	VÒNG ĐỆM 12/1804N	30.800	10%
11099	341389-0	WASHER 10/1911B	VÒNG ĐỆM 10/1911B	17.600	10%
11100	341398-9	PLATE/9500NB	TẤM SẮT CHẶN RỔ TO/9500NB	42.020	10%
11101	341462-6	PLATE/DJR181	LONG ĐÈN HÌNH CHỮ NHẬT/DJR181	9.350	10%
11102	341540-2	LEAD COVER/5201N	TẤM CHẶN/5201N	30.800	10%
11103	341553-3	CAP/906	NÁP CHỤP ĐẦU MÁY/906	90.720	8%
11104	341561-4	CHAIN COVER/5012B	NÁP BẢO VỆ LAM XÍCH/5012B	119.124	8%
11105	341601-8	ADJUSTING PLATE/1911B	ỚP BẢO/1911B	135.300	10%
11106	341647-4	BASE PLATE/9924DB	BÀN MÁY/9924DB	198.720	8%
11107	341685-6	METAL COVER (A)/2012NB	KẸP BẢO VỆ/2012NB	42.020	10%
11108	341718-7	LOCK PLATE/4131	KHÓA THÉP/4131	17.600	10%
11109	341741-2	HOLDER BAND/HM1201	VÒNG KẸP Ỗ THAN/HM1201	98.010	10%
11110	341743-8	INNER RING 30/HR3850	VÒNG ĐỆM/HR3850	79.310	10%
11111	341772-1	PROTECTOR HOLDER/5016B	ĐỀ BẢO VỆ/5016B	114.400	10%
11112	341853-1	PLATE B/4114S	VÒNG ĐỆM/4114S	23.320	10%
11113	341860-4	GRIP BASE/HM1201	ĐỀ TAY CẦM/HM1201	140.800	10%
11114	341861-2	GRIP CLAMP/HM1201	VÒNG KẸP TAY CẦM/HM1201	110.000	10%
11115	341862-0	INNER RING 36/HM1201	VÒNG ĐỆM/HM1201	100.764	8%
11116	341914-7	GRIP CLAMP/HM0810	KẸP GIỮ TAY CẦM/HM0810	46.640	10%
11117	341922-8	GRIP BASE/HM0810	ĐỀ TAY CẦM/HM0810	28.050	10%
11118	341933-3	LOCK LEVER/3612BR	ỚC KHOA/3612BR	37.400	10%
11119	342165-5	ADJUSTING PLATE/1805N	ỚP BẢO/1805N	187.812	8%
11120	342193-0	ADJUST PLATE/1804N	MIẾNG ĐỆM ĐIỀU CHỈNH LỬỚI BẢO/1804N	163.240	10%
11121	342290-2	LOCK PLATE/3600H	KẸP KHOA/3600H	23.320	10%
11122	342291-0	PIPE HOLDER/4100NB	KẸP ỖNG NÚỚC/4100NB	9.350	10%
11123	342430-2	ADJUST PLATE/1900B	MIẾNG ĐỆM ĐIỀU CHỈNH LỬỚI DAO BẢO/1900B	23.320	10%
11124	342489-9	BAFFLE PLATE/1804N	NÁP CHẶN GIỚ/1804N	30.240	8%
11125	342666-3	CENTER CAP/2416S	NÁP CHỤP BẢO VỆ/2416S	747.360	8%
11126	342678-6	SPARK CHUTE/2416S	MIẾNG CHẶN /2416S	118.800	10%
11127	342679-4	WISE PLATE/2416S	MIẾNG KẸP/2416S	66.000	10%
11128	342759-6	RETAINER/2416S	MIẾNG ĐỆM NHỰA/2416S	155.520	8%
11129	342907-7	LEVER PLATE/4131	CÁN CHUYỂN CẸ ĐỖ/4131	39.600	10%
11130	342950-6	PLATE/906H	MIẾNG ĐỆM /906H	22.000	10%
11131	343119-5	BAFFLE PLATE/5103N	NÁP CHẶN GIỚ/5103N	60.480	8%
11132	343259-9	BAFFLE PLATE/4107R	NÁP CHẶN GIỚ/4107R	73.332	8%
11133	343270-1	BELT COVER/9924DB	NÁP CHỤP BẢO VỆ ĐẦY CỤ-ROA /1804N	373.120	10%
11134	343271-9	SEPARATOR/9924DB	NÁP CHẶN BỤI/9924DB	41.256	8%
11135	343289-0	BAFFLE PLATE/4100NB	NÁP CHỤP GIỚ/4100NB	27.540	8%
11136	343293-9	BELT COVER/1804N	NÁP CHỤP BẢO VỆ ĐẦY CỤ-ROA /1804N	332.640	8%
11137	343299-7	BAFFLE PLATE/2416S	NÁP CHẶN GIỚ/2416S	64.800	8%
11138	343330-9	LEAD COVER/4107R	NÁP CHẶN/4107R	64.152	8%
11139	343422-4	STOPPER PLATE/2416S	MIẾNG CHẶN/2416S	35.200	10%
11140	343434-7	DEPTH GUIDE/9741	THANH DẪN/9741	77.868	8%
11141	343435-5	PLATE/9741	MIẾNG ĐỆM/9741	60.720	10%
11142	343436-3	COVER PLATE/9741	NÁP/9741	59.616	8%
11143	343480-0	SLIP PLATE L/BJS160	ĐỀ TRƯỢT L/BJS160	22.896	8%
11144	343481-8	SPACER/BJS160	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/BJS160	9.350	10%
11145	343489-2	TENSION PLATE/2107F	ĐỆM LỖ XO/2107F	82.512	8%
11146	343494-9	SLEEVE 5/2107F	LONG ĐÈN 5/2107F	14.080	10%
11147	343540-8	HOLDER/4326	ĐỀ BẢO VỆ/4326	9.350	10%
11148	343593-7	GUIDE PLATE/3709	THANH CỬ/3709	32.076	8%
11149	343639-9	CENTER PLATE/LH1040	MIẾNG ĐỆM/LH1040	107.360	10%
11150	343641-2	SHAFT LOCK/LH1040	KHÓA TRỤC LỬỚI/LH1040	42.020	10%
11151	343682-8	SET PLATE/2012NB	TẤM ĐỆM GIỮ LỬỚI/2012NB	681.010	10%
11152	343692-5	SET PLATE/2012NB	TẤM ĐỆM GIỮ LỬỚI/2012NB	256.520	10%
11153	343753-1	CUSHION PLATE/HM0810	MIẾNG ĐỆM/HM0810	74.690	10%
11154	343755-7	CUSHION PLATE/HM1201	ĐỆM THÉP TAY CẦM/HM1201	98.010	10%
11155	343758-1	PROTECTOR/4131	MIẾNG CHẶN BẢO VỆ/4131	47.520	8%
11156	343759-9	THICKNESS RING/4131	VÒNG ĐỆM/4131	39.600	10%
11157	343760-4	PUNCHING METAL COVER/4131	LỬỚI LỘC BA VỖ/4131	79.310	10%
11158	343799-7	SLIDE PLATE/LH1040	THANH CỬ BÀN ĐỀ/LH1040	9.350	10%
11159	343832-5	SHAFT LOCK/4131	CÁN KHOA NHÔNG/4131	108.000	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11160	343844-8	METAL COVER (B)/2012NB	KẸP BẢO VỆ/2012NB	42.020	10%
11161	344062-1	STOPPER PLATE/6922NB	TẮM ĐỆM/6922NB	65.340	10%
11162	344068-9	POINTER/2012NB	LONG ĐÈN/2012NB	37.400	10%
11163	344087-5	GUIDE PLATE/2414NB	THƯỚC DẪN GÓC/2414NB	114.480	8%
11164	344089-1	STOPPER PLATE/2414NB	MIẾNG ĐỆM/2414NB	18.700	10%
11165	344116-4	STOPPER/JN1601	CHÓT CHẶN/JN1601	26.400	10%
11166	344118-0	VICE PLATE/LC1230	MIẾNG ĐỆM CHẶN VẬT LIỆU/LC1230	74.690	10%
11167	344119-8	GUIDE PLATE/LC1230	MIẾNG ĐỆM/LC1230	102.630	10%
11168	344134-2	PUSH PLATE/4304	CÀ LÊ GÀM/4304	51.370	10%
11169	344137-6	SLIDE PLATE/4304	THANH CỬ/4304	46.640	10%
11170	344232-2	THRUST PLATE/4304	MIẾNG ĐỆM THÉP/4304	14.080	10%
11171	344317-4	SHAFT LOCK/5806B	KHÓA PHỤ/5806B	55.990	10%
11172	344330-2	BALANCE PLATE/4304	TẮM ĐỆM ĐẦU NHÔNG/4304	130.680	10%
11173	344365-3	COVER PLATE/5806B	VÒNG KẸP/5806B	8.800	10%
11174	344366-1	BELT COVER/1804N	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CU-ROA/1804N	363.880	10%
11175	344377-6	LINK PLATE/LH1040	THANH CỬ ĐỖ BẢO VỆ LƯỖI/LH1040	149.270	10%
11176	344380-7	CENTER COVER/LH1040	MIẾNG CHE/LH1040	28.050	10%
11177	344381-5	KNOCK SPRING/LH1040	LONG ĐÈN KHOA/LH1040	42.020	10%
11178	344385-7	POINTER/LH1040	THƯỚC CẠNH ĐỘ/LH1040	8.640	8%
11179	344391-2	BIT HOLDER/SG1251J	KẸP GIỮ /SG1251J	9.350	10%
11180	344418-8	PLATE 12/6409	TẮM ĐỆM/6409	4.730	10%
11181	344443-9	BASE PLATE/4304	TẮM LÓT BÀN ĐỀ/4304	438.460	10%
11182	344464-1	SPRING HOLDER/LH1040	GIA ĐỖ LỖ XO/LH1040	9.350	10%
11183	344470-6	BEARING RETAINER/6922NB	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/6922NB	79.310	10%
11184	344476-4	SUB FENCE PLATE/LS1040	MIẾNG ĐỆM /LS1040	9.350	10%
11185	344492-6	PLATE/HR3200C	MIẾNG ĐỆM/HR3200C	23.320	10%
11186	344527-3	FINGER R/2704	KẸP GIỮ NÁP BẢO VỆ/2704	4.320	8%
11187	344528-1	FINGER L/2704	KẸP GIỮ NÁP BẢO VỆ/2704	4.320	8%
11188	344529-9	SLIDE SEAT/2704	MIẾNG ĐỆM/2704	14.080	10%
11189	344533-8	COLLER/2704	VÒNG ĐỆM BĂNG THÉP/2704	9.350	10%
11190	344536-2	GEAR HOUSING PLATE/2704	GIA ĐỖ BĂNG THÉP/2704	23.320	10%
11191	344543-5	POINTER/2704	MIẾNG ĐỆM/2704	28.050	10%
11192	344583-3	BASE/1804N	ĐỀ MÁY BẢO/1804N	532.400	10%
11193	344613-0	SLIDER/4326	THANH TRƯỢT/4326	73.332	8%
11194	344614-8	BALANCE PLATE/4326	TẮM ĐỆM ĐẦU NHÔNG/4326	121.330	10%
11195	344615-6	THRUST PLATE/4326	MIẾNG ĐỆM THÉP/4326	9.350	10%
11196	344620-3	STEEL PLATE/9403	TẮM ĐỆM BĂNG CHỈ/9403	84.040	10%
11197	344622-9	SAFETY COVER/9403	TẮM CHẶN BẢO VỆ/9403	111.980	10%
11198	344623-7	STRAP WASHER/9403	LONG ĐÈN/9403	18.700	10%
11199	344643-1	STOPPER ARM/LS002GZ	MIẾNG GAI THANH TRƯỢT/LS002GZ	51.370	10%
11200	344662-7	CENTER CAP/2414NB	NÁP CHỤP/2414NB	50.436	8%
11201	344681-3	SHAFT LOCK/DHS710	KHÓA MỎ LƯỖI/DHS710	32.670	10%
11202	344683-9	PUSH PLATE/4328	TẮM ĐỆM/4328	14.080	10%
11203	344685-5	CLAMP COMPLETE/4328	MIẾNG CAM BĂNG THÉP/4328	14.080	10%
11204	344686-3	SEAL PLATE/4328	MIẾNG THÉP CÁN THANH TRƯỢT/4328	9.350	10%
11205	344688-9	BRAKE RING/UC3020A	VÒNG ĐỆM PHANH/UC3020A	14.080	10%
11206	344690-2	GUIDE WASHER/HR2010	LONG ĐÈN GỖ LỖ XO MÁY BĂNG THÉP/HR2010	9.350	10%
11207	344712-8	SPARK GUARD/2414NB	MIẾNG CHẶN BẢO VỆ/2414NB	18.700	10%
11208	344734-8	CENTER WASHER/LC1230	LONG ĐÈN/LC1230	9.350	10%
11209	344735-6	CENTER SUPPORT/LC1230	GIA ĐỖ/LC1230	14.080	10%
11210	344736-4	CENTER PLATE/LC1230	MIẾNG TRUNG GIAN/LC1230	65.340	10%
11211	344737-2	CENTER COVER/LC1230	NÁP CHẶN/LC1230	116.600	10%
11212	344739-8	UNDER PLATE/LC1230	MIẾNG ĐỆM/LC1230	39.600	10%
11213	344740-3	DUST BOX/LC1230	HỘP DỰNG BỤI/LC1230	93.280	10%
11214	344784-3	SEAL PLATE/4304	MIẾNG THÉP CÁN THANH TRƯỢT/4304	9.180	8%
11215	344815-8	LOCK PLATE/2012NB	THANH KHÓA CHUYỂN CHẾ ĐỘ/2012NB	18.360	8%
11216	344816-6	TABLE PLATE/2012NB	MẶT BÀN BĂNG THÉP (300 X250 MM)/2012NB	242.550	10%
11217	344817-4	SUB TABLE PLATE/2012NB	MẶT BÀN BĂNG THÉP (300 X250 MM)/2012NB	382.470	10%
11218	344818-2	ARM/2012NB	THANH KẸP BÀN/2012NB	32.670	10%
11219	344819-0	GUIDE PLATE/2012NB	THANH KẸP ĐỂ BẢO/2012NB	28.050	10%
11220	344820-5	SIDE BEAM/2012NB	THANH GIỮ/2012NB	69.960	10%
11221	344823-9	LEVER/BS001G	CÁN GẠT/BS001G	69.960	10%
11222	344844-1	SHAFT LOCK/N5900B	CHÓT KHÓA MỎ LƯỖI/N5900B	37.400	10%
11223	344845-9	COVER PLATE/N5900B	VÒNG KẸP/N5900B	9.350	10%
11224	344848-3	STRAP WASHER/BS001G	MIẾNG ĐỆM/BS001G	14.080	10%
11225	344871-8	RETAINER/9563C	MIẾNG ĐỆM/9563C	9.350	10%
11226	344944-7	SUB PLATE/4131	MIẾNG ĐỆM/4131	43.200	8%
11227	344966-7	LEVER/5103N	MIẾNG ĐỆM GAI/5103N	26.400	10%
11228	344975-6	HOLDER CAP PLATE/HM1306	NÁP CHỐI THAN/HM1306	23.320	10%
11229	344991-8	C-SLEEVE 45/6952	VÒNG ĐỆM CHỮ C/6952	37.400	10%
11230	345001-4	DRUM PLATE/MT111	ÓP LƯỖI BẢO/MT111	203.040	8%
11231	345160-4	CHAIN COVER/5016B	BẢO VỆ XÍCH/5016B	256.500	8%
11232	345179-3	BEARING RETAINER/DHR202	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DHR202	9.350	10%
11233	345187-4	GUIDE WASHER/DHR165	LONG ĐÈN/DHR165	9.350	10%
11234	345195-5	ARM COVER/9032	NÁP BẢO VỆ THANH TRƯỢT/9032	30.800	10%
11235	345196-3	SAFETY COVER/9032	MIẾNG CHẶN BẢO VỆ/9032	27.540	8%
11236	345197-1	CAM LEVER/9032	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/9032	70.400	10%
11237	345205-8	BRANCH CATCHER/DUH601	THANH ĐỆM LƯỖI CẮT/DUH601	18.700	10%
11238	345211-3	UNDER COVER/BO4901	NÁP BẢO VỆ/BO4901	51.370	10%
11239	345214-7	PUSH PLATE/DJR181	CHÓT THÉP ĐÁY LƯỖI CỬA KIỂM/DJR181	18.700	10%
11240	345220-2	CHANGE PLATE/DHR263	MIẾNG ĐỆM CHUYỂN ĐỔI CHẾ ĐỘ/DHR263	18.700	10%
11241	345223-6	CHANGE PLATE B/DP4010	TẮM ĐỆM/DP4010	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11242	345224-4	CUP WASHER 15/HP2050	VÒNG ĐỆM 15/HP2050	9.350	10%
11243	345225-2	LOCK PLATE/DP4010	KHÓA THÉP/DP4010	9.350	10%
11244	345228-6	CHANGE PLATE/MT813	CÀN CHUYỀN CHÉ ĐỘ/MT813	14.080	10%
11245	345235-9	PUSH PLATE/4350CT	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT/4350CT	102.630	10%
11246	345237-5	CRANK PLATE/4350CT	MIẾNG ĐỆM/4350CT	23.320	10%
11247	345238-3	BASE PLATE/4350CT	TÀM LỘT/4350CT	209.880	10%
11248	345240-6	LINEAR GUIDE/4350CT	THANH GÁI/4350CT	55.990	10%
11249	345269-2	PRESSURE PLATE/4114S	MIẾNG ĐỆM/4114S	116.600	10%
11250	345272-3	LOCK LEVER PLATE/LS1019L	VÒNG KÉP KHÓA/LS1019L	23.320	10%
11251	345280-4	HEX. WASHER/DHR202	VÒNG ĐỆM/DHR202	4.730	10%
11252	345281-2	SPACER/DFL301F	VÒNG ĐỆM/DFL301F	41.256	8%
11253	345282-0	PLATE A/BFL082F	BẢNG TÊN A/BFL082F	82.080	8%
11254	345283-8	PLATE B/DFL125F	BẢNG TÊN/DFL125F	82.512	8%
11255	345284-6	PLATE C/DFL204F	BẢNG TÊN C/DFL204F	82.512	8%
11256	345287-0	RING 38C/DFL201F	VÒNG KÉP 38C/DFL201F	130.680	10%
11257	345291-9	LOCK PLATE/4114S	CÀN KHÓA CHÉ ĐỘ/4114S	79.310	10%
11258	345310-1	STOPPER PLATE/LW1401	THANH CHẶN/LW1401	14.080	10%
11259	345311-9	PLATE/LW1400	MIẾNG ĐỆM/LW1400	9.350	10%
11260	345312-7	WISE PLATE/LW1401	THANH KÉP VẬT LIỆU/LW1401	37.400	10%
11261	345313-5	SPARK GUARD/LW1401	NÁP CHẶN BÀ VỐ/LW1401	13.824	8%
11262	345314-3	CENTER CAP/MT241	NÁP CHỤP/MT241	41.256	8%
11263	345315-1	GUIDE PLATE/LW1401	GIÁ ĐỖ CHIA GÓC/LW1401	103.840	10%
11264	345317-7	SHAFT LOCK/HS6600	KHÓA LƯỠI/HS6600	23.320	10%
11265	345333-9	STOPPER/HR2651T	VÒNG CHẶN/HR2651T	18.700	10%
11266	345334-7	CHANGE RING/HR2651T	VÒNG ĐỆM GIỮ BÌ/HR2651T	37.400	10%
11267	345335-5	LEAF SPRING/HR2651T	VÒNG ĐỆM LỎ XO/HR2651T	9.350	10%
11268	345342-8	PAPER CLAMP/BO3700	CAM GỖ GIẤY NHAM/BO3700	22.896	8%
11269	345343-6	PLATE G/DFT045F	BẢNG TÊN/DFT045F	87.048	8%
11270	345344-4	PLATE H/DFT085F	BẢNG TÊN H/DFT085F	82.512	8%
11271	345345-2	PLATE I/DFT127F	BẢNG TÊN/DFT127F	82.512	8%
11272	345349-4	RING 38G/BFT044F	VÒNG ĐỆM/BFT044F	163.240	10%
11273	345350-9	RING 38H/DFT085F	VÒNG ĐỆM/DFT085F	163.240	10%
11274	345351-7	RING 38I/DFT127F	VÒNG BẢO VỆ NHÔNG/DFT127F	135.300	10%
11275	345355-9	SUPPORT/HM1810	GIÁ ĐỖ CÔNG TÁC/HM1810	138.240	8%
11276	345361-4	GRIP SPRING 60/HR3530	TAY CÀM LỎ XO/HR3530	107.360	10%
11277	345363-0	CHANGE PLATE/DHR202	TÀM ĐỆM/DHR202	18.700	10%
11278	345364-8	INDICATOR/SG1251	GÓC CHỈ SỐ/SG1251	36.720	8%
11279	345368-0	ANGULAR GUIDE/HS7600	THANH DẪN GÓC/HS7600	27.540	8%
11280	345387-6	TEMPLATE GUIDE 16/MT362	THƯỚC CÀNH 16/MT362	27.540	8%
11281	345391-5	THICKNESS RING/HS6600	VÒNG ĐỆM/HS6600	4.730	10%
11282	345393-1	LABYRINTH RING/MT955	VÒNG ĐỆM/MT955	8.800	10%
11283	345403-4	PLATE G/BFT040F	TÀM ĐỆM/BFT040F	84.040	10%
11284	345404-2	PLATE H/BFT080F	TÀM ĐỆM/BFT080F	69.960	10%
11285	345421-2	OPEN LEVER/4131	CÀN GẠT/4131	57.200	10%
11286	345423-8	RIVING KNIFE/LH1040	ĐÀO CẮT/LH1040	88.000	10%
11287	345425-4	GUARD HOLDER/LH1040	NÁP BẢO VỆ/LH1040	28.050	10%
11288	345426-2	GUARD/LH1040	KÉP BẢO VỆ/LH1040	107.360	10%
11289	345427-0	LOCK LEVER/LH1040	CÀN KHÓA /LH1040	47.520	8%
11290	345438-5	GUARD PLATE/LS002G	TÀM THÉP BẢO VỆ LƯỠI/LS002G	18.700	10%
11291	345441-6	BASE PLATE/JV100D	TÀM LỘT BÀN ĐỆ/JV100D	37.400	10%
11292	345442-4	RING 38J/BFL082F	VÒNG BẢO VỆ NHÔNG/BFL082F	127.600	10%
11293	345443-2	RUBBER CASE/MT241	THANH CHẶN/MT241	45.792	8%
11294	345445-8	PLATE J/DFL301F	BẢNG TÊN/DFL301F	82.512	8%
11295	345446-6	PLATE K/DFL403F	BẢNG TÊN K/DFL403F	82.512	8%
11296	345447-4	RING 38K/DFL403F	VÒNG BẢO VỆ NHÔNG/DFL403F	135.300	10%
11297	345448-2	RING 38L/DFL301F	VÒNG BẢO VỆ NHÔNG/DFL301F	135.300	10%
11298	345453-9	RACHET/DCS232T	CHÓT LI TÀM/DCS232T	2.200	10%
11299	345454-7	BRAKE BAND/DCS232T	VÒNG THÉP/DCS232T	101.200	10%
11300	345464-4	LABYRINTH RING/9553B	VÒNG ĐỆM/9553B	4.730	10%
11301	345467-8	STOPPER PLATE/2107F	MIẾNG ĐỆM/2107F	51.370	10%
11302	345468-6	SAW GUARD/2107F	THANH BẢO VỆ/2107F	5.500	10%
11303	345469-4	THICKNESS RING/DHS661	VÒNG ĐỆM/DHS661	28.050	10%
11304	345470-9	THICKNESS RING/BCS550	VÒNG ĐỆM/BCS550	4.730	10%
11305	345473-3	SIDE HANDLE/HM1306	KÉP TAY CAM/HM1306	223.960	10%
11306	345474-1	HANDLE CLAMP/HM1306	THANH KÉP/HM1306	41.256	8%
11307	345476-7	PLATE GUIDE/6924N	MIẾNG ĐỆM/6924N	125.950	10%
11308	345478-3	GEAR PLATE/JR3050T	MIẾNG ĐỆM NHÔNG LỚN/JR3050T	9.350	10%
11309	345479-1	SHOE GUIDE/DJR181	TÀM ĐỆM/DJR181	18.700	10%
11310	345480-6	SLIDE PLATE/DJR181	THANH TRƯỢT/DJR181	13.824	8%
11311	345485-6	PLATE A/JR3060T	TÀM ĐỆM/JR3060T	9.350	10%
11312	345486-4	PLATE B/JR3060T	TÀM ĐỆM/JR3060T	9.350	10%
11313	345487-2	SLIDE PLATE/JR3060T	THANH CỬ BẢNG THÉP/JR3060T	18.700	10%
11314	345489-8	GUIDE PLATE/JR3070CT	NÁP CHỤP THANH DẪN HƯỚNG/JR3070CT	79.310	10%
11315	345493-7	STOPPER PLATE/6924N	MIẾNG ĐỆM/6924N	233.200	10%
11316	345503-0	STEEL PLATE/9910	TÀM ĐỆM THÉP/9910	149.270	10%
11317	345504-8	PLATE/9556HP	TÀM ĐỆM CÔNG TÁC/9556HP	14.080	10%
11318	345506-4	DEPTH GUIDE/MT111	THANH DẪN/MT111	18.360	8%
11319	345507-2	DRUM COVER/MT111	NÁP ĐÁY ỐP BẢO/MT111	27.540	8%
11320	345517-9	PLATE/TW1000	TÀM ĐỆM/TW1000	60.720	10%
11321	345520-0	STAY/2704	THANH CHẶN/2704	23.320	10%
11322	345525-0	PRESSURE PLATE/2704	TÀM ĐỆM/2704	23.320	10%
11323	345529-2	RAIL STOPPER/2704	KÉP CHẶN/2704	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11324	345533-1	BASE FRONT COVER/2704	BÀN CẮT/2704	224.424	8%
11325	345534-9	HANDLE PLATE/2704	TAY CÀM/2704	98.010	10%
11326	345535-7	JOINT PLATE/2704	TẮM ĐỆM NỔI/2704	9.350	10%
11327	345539-9	HANDLE PLATE HOLDER/2704	GIÁ ĐỖ TAY CÀM/2704	79.310	10%
11328	345569-0	PLATE/HM1810	MIẾNG ĐỆM/HM1810	162.800	10%
11329	345579-7	SPRING GUIDE/HR4002	TẮM ĐỆM LỖ XO/HR4002	28.050	10%
11330	345581-0	CUP WASHER 8/HR4002	VÒNG ĐỆM 8/HR4002	14.080	10%
11331	345582-8	LINK PLATE/HR4002	THANH ĐẪY CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4002	36.720	8%
11332	345590-9	ANGULAR GUIDE/DHS710	GÓC DẪN/DHS710	55.990	10%
11333	345599-1	RIVING KNIFE /2704	DAO CẮT DẪN HƯỚNG/2704	352.620	8%
11334	345628-0	PLATE/2704	TẮM BẢO VỆ/2704	177.320	10%
11335	345643-4	SHAFT LOCK/BCS550	CHÓT KHÓA/BCS550	22.000	10%
11336	345644-2	ADJUST PLATE/KP0800	MIẾNG ĐỆM/KP0800	14.080	10%
11337	345645-0	CHANGE PLATE/DHR165	MIẾNG GẢI CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR165	107.360	10%
11338	345647-6	PLATE L/DFT023F	MIẾNG ĐỆM/DFT023F	130.680	10%
11339	345651-5	SPIKE BUMPER/UC3041A	TẮM BẢO VỆ GIAM CHẶN/UC3041A	18.700	10%
11340	345652-3	CHAIN SLIDER L/DCS232T	NÁP ỐP LAM XÍCH/DCS232T	22.000	10%
11341	345653-1	CHAIN SLIDER R/DCS232T	TẮM CHẶN BẢO VỆ/DCS232T	12.960	8%
11342	345654-9	STOPPER PLATE/DHR165	KHÓA CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR165	14.080	10%
11343	345681-6	JOINT PLATE/DHR165	TẮM ĐỆM NỔI/DHR165	14.080	10%
11344	345691-3	COVER/UT1305	NÁP LỌC GIÓ/UT1305	116.640	8%
11345	345702-4	DRIVER/DPT351	THANH ĐẪY ĐINH/DPT351	448.848	8%
11346	345717-1	SHAFT LOCK/5007N	CÁN KHÓA LƯỚI CẮT/5007N	18.360	8%
11347	345726-0	EDGE SLIDER/MT941	THANH GỮ VỎ MÁY/MT941	13.824	8%
11348	345729-4	STEP/MT941	CHẶN ĐẾ/MT941	51.370	10%
11349	345736-7	HOOK/DTW450	MỐC TREO/DTW450	50.436	8%
11350	345739-1	SPACER/DCS550	VÒNG ĐỆM/DCS550	9.350	10%
11351	345742-2	SHAFT LOCK/CA5000	KHÓA PHỤ/CA5000	83.600	10%
11352	345744-8	NUT PLATE/SP6000	ĐỆM GIỮ/SP6000	22.000	10%
11353	345745-6	LINK PLATE/CA5000X	THANH ĐẪY/CA5000X	34.560	8%
11354	345747-2	SPACER PLATE/SP6000	KHÓA PHỤ/SP6000	35.200	10%
11355	345748-0	LOCK WASHER/CA5000	VÒNG ĐỆM/CA5000	18.700	10%
11356	345749-8	SET PLATE/DF010D	ĐĨA THÉP/DF010D	4.730	10%
11357	345763-4	GRIP SPRING 66/HR4030C	TAY CÀM LỖ XO/HR4030C	158.620	10%
11358	345765-0	DRUM COVER/KP0810	MIẾNG NẾP/KP0810	44.000	10%
11359	345767-6	DRUM/CA5000	ỐP BẢO/CA5000	69.120	8%
11360	345773-1	ANTI BACK PLATE/DPT351	MIẾNG ĐỆM CHỐNG GIẬT/DPT351	52.800	10%
11361	345814-3	LINK PLATE/HR2810	THANH CÀI/HR2810	9.350	10%
11362	345815-1	GUIDE PLATE/HR2810	LONG ĐÈN KHÓA BẢNG THÉP/HR2810	9.350	10%
11363	345818-5	CUP WASHER 16/HR2810	LONG ĐÈN/HR2810	9.350	10%
11364	345836-3	CHANGE PLATE/MT817	MIẾNG THAY ĐỔI/MT817	14.080	10%
11365	345867-2	LINK ARM/HR3200C	CAM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR3200C	139.920	10%
11366	345868-0	LINK PLATE/HR3200C	TẮM ĐỆM/HR3200C	42.020	10%
11367	345869-8	CUP WASHER 18/HR3200C	LONG ĐÈN 18/HR3200C	32.670	10%
11368	345872-9	CUP WASHER 29/DHK180	VÒNG ĐỆM 29/DHK180	45.792	8%
11369	345873-7	GUIDE WASHER/HR3200C	LONG ĐÈN CHẶN BỊ/HR3200C	42.020	10%
11370	345874-5	STEEL BALL GUIDE/DHK180	VÒNG ĐỆM/DHK180	102.630	10%
11371	345915-7	MUFFLER COVER/EBH340R	NÁP ỐNG PỐ/EBH340R	35.200	10%
11372	345916-5	MUFFLER GASKET/EBH340R	BỘ GIAM THANH/EBH340R	4.320	8%
11373	345919-9	PLATE/BHX2500	MIẾNG ĐỆM/BHX2500	4.400	10%
11374	345923-8	PROTECTOR CLAMP/EM2550UH	BẮT KẸP BẢO VỆ/EM2550UH	2.200	10%
11375	345931-9	LEVER PLATE/HS7010	CÁN GẠT BẢNG THÉP/HS7010	18.700	10%
11376	345944-0	CHANGE PLATE/HP1630	GẠT CHUYỂN CHẾ ĐỘ KHOAN/HP1630	14.080	10%
11377	345963-6	CLAMP/EBH340R	THANH NẾP/EBH340R	2.200	10%
11378	345977-5	GEARCASE COVER/SP6000	NÁP HỘP NHÔNG/SP6000	4.644	8%
11379	345998-7	SET PLATE/CC300D	TẮM ĐỆM/CC300D	4.730	10%
11380	346003-3	LEVER PLATE/HS003G	THANH ĐIỀU CHỈNH/HS003G	28.050	10%
11381	346005-9	BEARING RETAINER/MT960	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/MT960	9.350	10%
11382	346007-5	PRESSURE PLATE/RP0900	TẮM ĐỆM/RP0900	9.180	8%
11383	346015-6	SPRING GUIDE/HM1203C	CHÓT/HM1203C	69.960	10%
11384	346029-5	BRAKE BAND/EA4301F	ĐAI HẮM/EA4301F	12.100	10%
11385	346031-8	PLATE/MT430	TẮM KIM LOẠI/MT430	9.350	10%
11386	346032-6	LOCK PLATE/RP2301FC	KHÓA THÉP/RP2301FC	79.310	10%
11387	346035-0	CHANGE PLATE/HR2230	THANH CHẶN LỖ XO/HR2230	23.320	10%
11388	346036-8	GUIDE PLATE/DHR242	MIẾNG ĐỆM DẪN HƯỚNG/DHR242	9.350	10%
11389	346037-6	BEARING RETAINER A/DHR263	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DHR263	32.670	10%
11390	346038-4	BEARING RETAINER B/DHR242	ĐỆM BẠC ĐẠN/DHR242	14.080	10%
11391	346039-2	SUPPORT PLATE/BBC231U	THANH GẢI PIN/BBC231U	18.700	10%
11392	346045-7	SEPARATOR/PCS000C	VÒNG ĐỆM/PCS000C	23.320	10%
11393	346051-2	MITER LOCK PLATE/LS1016	CHÓT XOAY ĐỘ/LS1016	189.200	10%
11394	346057-0	THRUST PLATE/MT430	MIẾNG ĐỆM THÉP/MT430	9.350	10%
11395	346073-2	PROTECTOR CLAMP/DUR368A	NÁP GIỮ CÁN/DUR368A	30.800	10%
11396	346083-9	LEAD VALVE/BHX2500	VAN KHÓA/BHX2500	4.320	8%
11397	346084-7	CLAMP WASHER/BBC231U	MẮT BÍCH NGOÀI/BBC231U	28.050	10%
11398	346102-1	PAPER CLAMP/BO3710	KẸP NHÁM/BO3710	18.360	8%
11399	346110-2	CAM PLATE/KP0800X	VÒNG CAM/KP0800X	9.350	10%
11400	346114-4	RETURN VANE/VC1310L	VAN LỌC/VC1310L	123.660	8%
11401	346115-2	FAN COVER/VC1310L	HỘP BẢO VỆ CÀNH QUẠT/VC1310L	50.436	8%
11402	346131-4	SLIP PLATE R/BJS160	ĐỀ TRƯỢT R/BJS160	64.152	8%
11403	346140-3	GRIP SPRING 70/HM001G	VÒNG KẸP TAY CÀM 70/HM001G	46.640	10%
11404	346141-1	PLATE/HM0870C	GIÁ ĐỖ ĐỆM/HM0870C	28.050	10%
11405	346166-5	LABYRINTH RING 23/GA7050	VÒNG ĐỆM 23/GA7050	4.400	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11406	346169-9	FENCE PLATE/DLS600	MIẾNG ỐP/DLS600	46.640	10%
11407	346171-2	COVER PLATE/DLS600	NẮP BẢO VỆ/DLS600	87.048	8%
11408	346176-2	LOCK PLATE/HR2611F	KHÓA CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2611F	14.080	10%
11409	346177-0	GUIDE WASHER/DHR242	LONG ĐÈN CHẶN BỊ/DHR242	9.350	10%
11410	346178-8	CUP SLEEVE/MT870	VÒNG ĐỆM BĂNG THÉP/MT870	14.080	10%
11411	346180-1	WEIGHT HOLDER GUIDE/HR2601	LONG ĐÈN/HR2601	4.730	10%
11412	346181-9	GRIP SPRING 50/HR2300	VÒNG ĐỆM/HR2300	46.640	10%
11413	346219-0	PLATE/GA4034	THANH ĐỆM TRƯỢT CÔNG TÁC/GA4034	36.720	8%
11414	346221-3	WASHER 16/DHR242	LONG ĐÈN/DHR242	14.080	10%
11415	346222-1	PLATE/HR2601	THANH SẮT/HR2601	13.824	8%
11416	346239-4	NAIL STOPPER/DPT351	THANH ĐÁY/DPT351	38.880	8%
11417	346248-3	CLAMP 24/BUR182U	KẸP 24/BUR182U	13.200	10%
11418	346249-1	PIPE CLAMP 28/DCU180	KẸP GIỮ/DCU180	28.050	10%
11419	346251-4	CONNECTING ROD/EN410MP	THANH NỐI/EN410MP	96.228	8%
11420	346252-2	CLAMP/EH6000W	VÒNG GAI/EH6000W	8.800	10%
11421	346253-0	CLAMP/EH6000W	VÒNG GAI/EH6000W	8.640	8%
11422	346255-6	FRICTION PLATE/EH6000W	VÒNG ĐỆM HỘP NHÔNG/EH6000W	39.600	10%
11423	346257-2	PLATE/EH7500S	THANH DẪN (LAM)/EH7500S	64.800	8%
11424	346260-3	MUFFLER GASKET/EH6000W	ĐỆM CÁCH NHIỆT/EH6000W	38.880	8%
11425	346261-1	CARBURETOR INSULATOR/EBH340R	TẢN CHẶN BÌNH XĂNG/EBH340R	4.320	8%
11426	346267-9	CYLINDER GASKET/EH6000W	ĐỆM XÝ LẠNH/EH6000W	56.160	8%
11427	346268-7	INSULATOR GASKET/EH6000W	RON BÌNH XĂNG/EH6000W	25.920	8%
11428	346270-0	PRIMER PUMP COVER/BHX2500	NẮP BƠM KÍCH NỔ/BHX2500	66.000	10%
11429	346275-0	PLATE/UH200D	NẮP ĐÁY/UH200D	4.320	8%
11430	346285-7	HOSE CLAMP/RBC411	VÒNG NẸP ỒNG CAO SU/RBC411	8.800	10%
11431	346286-5	STAND/RBC411	CHẶN MÁY/RBC411	47.520	8%
11432	346288-1	END COVER/EH7500S	KẸP CHẶN/EH7500S	7.700	10%
11433	346290-4	CONTACT SPRING/EA3201S	LỖ XO TIẾP ĐIỆN/EA3201S	8.800	10%
11434	346298-8	BRAKE BAND/EA3201S	ĐAI HẠM/EA3201S	5.500	10%
11435	346299-6	SPACER SHEET METAL/EA3201S	CHẶN CHẶN PHANH XÍCH/EA3201S	4.400	10%
11436	346300-7	TENSION SLIDE /EA4301F	CHỐT TĂNG XÍCH/EA4301F	17.600	10%
11437	346301-5	SPIKE BAR/EA3201S	TẮM CHẶN LAM/EA3201S	4.400	10%
11438	346304-9	GASKET/EA3201S	VÒNG ĐỆM/EA3201S	8.800	10%
11439	346305-7	GASKET/EE2650H	LONG ĐÈN/EE2650H	2.200	10%
11440	346306-5	COOLING PLATE/EA3201S	TẮM CÁCH NHIỆT/EA3201S	8.640	8%
11441	346309-9	GUIDE PLATE/EA3201S	TẮM CHẶN BẢO VỆ XÍCH/EA3201S	12.960	8%
11442	346311-2	LEVER PLATE/HS6600	CẦN KHÓA/HS6600	41.256	8%
11443	346317-0	HOOK/BTD136	MÓC TREO/BTD136	41.256	8%
11444	346331-6	MUFFLER GASKET/EE2650H	TẮM LỐT ỒNG XA/EE2650H	5.500	10%
11445	346334-0	CABLE BRACKET/EH6000W	CẦN TĂNG GIAM GA/EH6000W	26.400	10%
11446	346337-4	SHAFT LOCK/CC300D	KHÓA PHỤ/CC300D	13.200	10%
11447	346338-2	DEPTH GUIDE/HS301D	THANH DẪN/HS301D	13.824	8%
11448	346339-0	ANGULAR GUIDE/HS301D	THANH DẪN GÓC/HS301D	22.896	8%
11449	346343-9	MUFFLER COVER/EH6000W	NẮP CHỤP ỒNG PỐ/EH6000W	11.880	8%
11450	346348-9	SPRING PLATE/RBC411	LỖ XO GAI/RBC411	39.600	10%
11451	346350-2	FLOAT ARM/RBC411	THANH NHỊP XĂNG/RBC411	123.200	10%
11452	346351-0	PROTECTOR CLAMP/EM3400U	VÒNG NẸP BẢO VỆ/EM3400U	4.400	10%
11453	346355-2	CLAMP WASHER/RBC411	BỘ KẸP ĐỆM/RBC411	167.200	10%
11454	346356-0	HANGER/RBC411	GIÀ TREO/RBC411	66.000	10%
11455	346380-3	TUBE HOLDER/M4101B	GIÀ ĐỖ ỒNG/M4101B	13.824	8%
11456	346385-3	HEAT PROTECTION FOIL/EA3201S	ĐỆM CÁCH NHIỆT/EA3201S	4.400	10%
11457	346392-6	CAM PLATE/RT0700C	ĐÈ CAM/RT0700C	9.180	8%
11458	346397-6	GUIDE RING/EK7651H	LONG ĐÈN THÉP/EK7651H	17.280	8%
11459	346398-4	LEAD VALVE/EK7651H	LONG ĐÈN HÌNH CHỮ NHẬT/EK7651H	2.160	8%
11460	346399-2	MUFFLER GASKET/EK7651H	ĐOĂNG CHÌ/EK7651H	146.880	8%
11461	346400-3	ROCKER COVER GASKET/EK7651H	MIẾNG ĐỆM/EK7651H	34.560	8%
11462	346402-9	GUARD/EBH340U	ĐÈ BẢO VỆ/EBH340U	237.600	10%
11463	346404-5	CLAMP WASHER/EBH340U	LONG ĐÈN DỨ LỬỒI/EBH340U	369.600	10%
11464	346406-1	CUP/EBH340U	NẮP CHỤP/EBH340U	202.400	10%
11465	346413-4	BUSH 17/EA3201S	LONG ĐÈN CHẶN CỎ HÚT/EA3201S	2.160	8%
11466	346433-8	BOTTOM PLATE/EK7651H	BOTTOM PLATE/EK7651H	404.800	10%
11467	346434-6	CAM GEAR PLATE/EK7651H	NHÔNG CAM/EK7651H	129.600	8%
11468	346447-7	STAND/EBH340U	BÁT CHẶN ĐÈ/EBH340U	70.400	10%
11469	346449-3	HOOK/DTR180	MÓC TREO/DTR180	41.256	8%
11470	346452-4	GASKET/EB7650TH	LONG ĐÈN XÀ ĐÀU/EB7650TH	4.400	10%
11471	346455-8	IMPACT PLATE/EK7651H	BÁT XOAY BĂNG THÉP/EK7651H	118.800	10%
11472	346457-4	PLATE/EK7651H	BĂNG KẸP ĐAI ỐC/EK7651H	70.400	10%
11473	346466-3	PLATE/BTD136	MIẾNG ĐỆM/BTD136	9.350	10%
11474	346468-9	CLAMP 33/EX2650LH	MIẾNG NẸP ỒNG 33/EX2650LH	2.200	10%
11475	346470-2	SEAL PLATE/JV0600K	MIẾNG ĐỆM/JV0600K	9.180	8%
11476	346471-0	PUSH PLATE/JV0600	TẮM THÉP ĐỆM/JV0600	23.320	10%
11477	346473-6	SLIDER GUIDE PLATE/JV0600	THANH DẪN HƯỚNG/JV0600	13.824	8%
11478	346491-4	BRACKET CABLE/EB7650TH	BÁT KẸP DÂY GA/EB7650TH	139.920	10%
11479	346495-6	HOSE CLAMP 30/EK7651H	CAM GIỮ DÂY GA 30/EK7651H	140.800	10%
11480	346516-4	CENTER COVER/LH1040	MIẾNG CHE/LH1040	55.990	10%
11481	346517-2	CUP WASHER 6/EA3201S	VÒNG ĐỆM 6/EA3201S	8.800	10%
11482	346518-0	GUIDE PLATE/EA4301F	TẮM CHẶN BẢO VỆ XÍCH/EA4301F	39.600	10%
11483	346524-5	SHOE/JR102D	THANH CỬ LỬỒI CỬA/JR102D	77.868	8%
11484	346525-3	PLATE/JR102D	BÁT THÉP/JR102D	8.800	10%
11485	346526-1	CLAMPER/JR102D	VÒNG NẸP/JR102D	18.700	10%
11486	346536-8	BEARING RETAINER A/DHR242	MIẾNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DHR242	23.320	10%
11487	346537-6	LOCK PLATE/DHR242	MIẾNG GÁI CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR242	28.050	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11488	346538-4	WEIGHT HOLDER GUIDE/DHR242	VÒNG ĐỆM/DHR242	9.350	10%
11489	346539-2	GUIDE PLATE/DX01	MIẾNG ĐỆM/DX01	8.800	10%
11490	346543-1	CONNECTING ROD/DLM431	THANH GIỮ TRỤC BÀNH XE/DLM431	289.440	8%
11491	346544-9	PLATE NUT M8/DLM382	ĐAI ỐC M8/DLM382	17.600	10%
11492	346545-7	PLATE/DLM431	THANH THÉP/DLM431	8.800	10%
11493	346554-6	PLATE/EK7651H	THANH THÉP/EK7651H	39.600	10%
11494	346556-2	C TYPE PLATE/GA4040	LONG ĐÈN/GA4040	46.640	10%
11495	346560-1	HAMMER CHANGE PLATE/DTP141	MIẾNG ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DTP141	32.670	10%
11496	346578-2	BAND B/CC300D	VÒNG NẸP CHI TIẾT CC300D/CC300D	42.020	10%
11497	346579-0	TANK HOLDER/CC300D	VÒNG NẸP BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/CC300D	88.660	10%
11498	346582-1	PLATE 31/PM7650H	TẤM ĐỆM/PM7650H	15.400	10%
11499	346586-3	ANGULAR GUIDE/CC300D	GIÁ ĐỖ GÓC DÀN/CC300D	37.400	10%
11500	346587-1	DEPTH GUIDE/CC300D	DEPTH GUIDE/CC300D	22.896	8%
11501	346588-9	BRACKET,CABLE/EM3400U	CÀN GA/EM3400U	7.560	8%
11502	346589-7	MUFFLER GUARD/EK7651H	MIẾNG BẢO VỆ/EK7651H	334.400	10%
11503	346591-0	CARBURETOR PLATE/EM3400U	TẤM LỐT BÌNH XĂNG/EM3400U	2.160	8%
11504	346611-0	STARTER COVER GASKET/EK7651H	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK7651H	108.000	8%
11505	346620-9	PROTECTOR/JS1602	TẤM BẢO VỆ/JS1602	61.600	10%
11506	346622-5	GUARD/BUR182U	LONG ĐÈN/BUR182U	88.660	10%
11507	346626-7	PLATE/RBC413U	TẤM ĐỆM LỌC GIÓ/RBC413U	4.320	8%
11508	346627-5	CHOKE VALVE/RBC413U	CẢN KHÓA GIÓ/RBC413U	11.880	8%
11509	346629-1	END COVER/EN410MP	NẮP CHẮN LUỖI/EN410MP	99.360	8%
11510	346633-0	LINK PLATE/LC1230	TẤM CHIA GÓC/LC1230	181.940	10%
11511	346636-4	WISE PLATE/LW1400	THANH KẸP GIỮ VẬT LIỆU/LW1400	82.080	8%
11512	346641-1	PROTECTOR/JS3201	MIẾNG CHẮN BẢO VỆ/JS3201	37.400	10%
11513	346642-9	PROTECTOR CLAMP/RBC411U	BẮT KẸP BẢO VỆ/RBC411U	2.200	10%
11514	346647-9	PLATE/EH6000W	MIẾNG ĐỆM/EH6000W	5.500	10%
11515	346649-5	PLATE/DCG180	TẤM ĐỆM/DCG180	14.080	10%
11516	346656-8	TIGHT BAND/GS5000	MIẾNG NẸP BẢO VỆ/GS5000	34.560	8%
11517	346657-6	SLIDE PLATE/EN420MP	THANH TRƯỢT/EN420MP	8.640	8%
11518	346658-4	PLATE/EN410NP	TẤM ĐỆM/EN410NP	13.200	10%
11519	346662-3	PLATE/EH6000W	MIẾNG ĐỆM/EH6000W	26.400	10%
11520	346665-7	PLATE/EN410NP	TẤM ĐỆM/EN410NP	60.720	10%
11521	346667-3	PLATE/EH7500S	THANH ĐỆM/EH7500S	216.000	8%
11522	346669-9	SAW GUARD/2107F	THANH BẢO VỆ/2107F	37.400	10%
11523	346670-4	SPRING GUIDE/HR4013C	LỖ XO/HR4013C	13.200	10%
11524	346671-2	LINK PLATE/HR4013C	CẢN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4013C	17.600	10%
11525	346673-8	GUIDE RING/HR4013C	NẮP CHẮN NHÔNG/HR4013C	114.480	8%
11526	346674-6	BASE/M0401B	ĐÈ BĂNG THÉP/M0401B	91.584	8%
11527	346675-4	TUBE HOLDER/M0401B	GIÁ ĐỖ ỐNG/M0401B	18.360	8%
11528	346676-2	PLATE 19/MT80A	MIẾNG ĐỆM/MT80A	4.730	10%
11529	346677-0	SPRING GUIDE/HM0870C	CHÈN GAI BI/HM0870C	151.200	8%
11530	346682-7	MUFFLER GASKET/PM7650H	TẤM LỐT CÁCH NHIỆT/PM7650H	4.320	8%
11531	346685-1	BASE PLATE/DJV181	TẤM LỐT BÀN ĐỀ/DJV181	46.640	10%
11532	346687-7	LINEAR GUIDE/DJV181	THANH DẪN HƯỚNG/DJV181	87.048	8%
11533	346688-5	PUSH PLATE/DJV181	THANH TRƯỢT/DJV181	23.320	10%
11534	346691-6	DUST COVER/EA3601F	CHẮN BỤI/EA3601F	12.960	8%
11535	346693-2	BACK PLATE/EA3601F	LONG ĐÈN/EA3601F	8.640	8%
11536	346694-0	GUIDE PLATE ES/DUC353	MIẾNG DẪN HƯỚNG/DUC353	22.000	10%
11537	346695-8	SPIKE BUMPER/EA3601F	NÚT GIÀM CHẶN/EA3601F	38.880	8%
11538	346696-6	HOOK/EA3601F	KẸP/EA3601F	2.200	10%
11539	346697-4	HOLDER/EA3601F	GIÁ ĐỖ/EA3601F	8.800	10%
11540	346698-2	THRUST WASHER/EA3601F	VÒNG ĐỆM THÉP/EA3601F	17.600	10%
11541	346699-0	GUIDE PLATE CS/DUC353	TẤM ĐỆM CS/DUC353	30.800	10%
11542	346702-7	LEVER/EA3601F	CẢN GẠT/EA3601F	2.200	10%
11543	346704-3	EARTH PLATE/EA3601F	LỖ XO LÃ/EA3601F	8.800	10%
11544	346705-1	SWITCH SPRING/EA3601F	LỖ XO LÃ/EA3601F	8.800	10%
11545	346713-2	SHOE GUIDE/MT450	TẤM ĐỆM/MT450	22.000	10%
11546	346714-0	SLIDE PLATE/MT450	THANH TRƯỢT/MT450	22.896	8%
11547	346715-8	GEAR PLATE/MT450	MIẾNG ĐỆM NHÔNG LỚN/MT450	9.350	10%
11548	346721-3	PLATE 23/DCG180	VÒNG ĐỆM/DCG180	23.320	10%
11549	346722-1	CHAIN CATCHER/EA3601F	KHÓA XÍCH/EA3601F	22.000	10%
11550	346728-9	STOPPER PLATE/DPB181	MIẾNG ĐỆM BẢO VỆ/DPB181	111.980	10%
11551	346729-7	PLATE/DPB181	MIẾNG ĐỆM BẢO VỆ/DPB181	28.050	10%
11552	346739-4	BRAKE RING/UC3041A	BẮT THẮNG/UC3041A	14.080	10%
11553	346748-3	GUIDE RAIL/HR5212C	THANH ĐẪY/HR5212C	36.720	8%
11554	346749-1	LINK PLATE/HR5212C	CẢN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR5212C	93.280	10%
11555	346751-4	SPRING GUIDE/HR5212C	LỖ XO/HR5212C	65.340	10%
11556	346758-0	PLATE/EE2650H	MIẾNG ĐỆM/EE2650H	9.900	10%
11557	346759-8	GUARD PLATE/EE2650H	NẮP BẢO VỆ/EE2650H	9.900	10%
11558	346760-3	CYLINDER BASE GASKET/EA3503S	RON XY LẠNH/EA3503S	25.920	8%
11559	346761-1	CRANKCASE GASKET/EA3503S	RON LỐC MÁY/EA3503S	2.160	8%
11560	346764-5	COOLING PLATE/EA3503S	TẤM CÁCH NHIỆT/EA3503S	17.280	8%
11561	346772-6	MUFFLER GASKET/EB7650TH	BỘ GIÀM THANH/EB7650TH	54.972	8%
11562	346774-2	NAIL PLATE/DFN350	THANH DẪN/DFN350	18.360	8%
11563	346783-1	PLATE/DHR280	MIẾNG ĐỆM/DHR280	9.350	10%
11564	346785-7	PROTECTOR CLAMP/DUR365U	KẸP BẢO VỆ/DUR365U	66.000	10%
11565	346794-6	GRIP SPRING 62/MT860	TAY CẦM LỖ XO/MT860	42.020	10%
11566	346795-4	SHOE SUPPORT/DCO181	GIÁ ĐỖ HỖ TRỢ/DCO181	32.076	8%
11567	346796-2	SHOE PLATE/DCO180	LUỖI CỬA/DCO180	65.340	10%
11568	346798-8	PROTECTION PLATE/DPB181	TẤM BẢO VỆ/DPB181	41.256	8%
11569	346827-7	ANGULAR GUIDE /HS6600	GÓC DẪN/HS6600	32.670	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11570	346829-3	MUFFLER GASKET/EM3400U	BỘ GIAM THANH/EM3400U	5.400	8%
11571	346831-6	LOCK PLATE/HR2630	MIẾNG GÁI CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2630	14.080	10%
11572	346832-4	CHANGE PLATE A/HR2630	MIẾNG THAY ĐỔI/HR2630	32.670	10%
11573	346833-2	CHANGE PLATE B/HR2630	MIẾNG THAY ĐỔI/HR2630	23.320	10%
11574	346834-0	WASHER 16/HR2630	LONG ĐÈN/HR2630	8.800	10%
11575	346836-6	ANGULAR GUIDE/DHS680	GIÁ ĐỖ GÓC/DHS680	28.050	10%
11576	346837-4	SHAFT LOCK/DHS680	CÀN KHÓA TRỤC/DHS680	18.360	8%
11577	346838-2	DEPTH GUIDE/DHS680	THƯỚC CANH ĐỘ SÂU/DHS680	36.720	8%
11578	346839-0	BASE/HS7600	ĐẾ CỬA MÁY CỬA ĐĨA/HS7600	238.140	8%
11579	346846-3	PLATE /HS6600	THANH KÉP/HS6600	14.080	10%
11580	346847-1	BRACKET /HS6600	GIÁ ĐỖ/HS6600	14.080	10%
11581	346855-2	CUTTER /DUR189	LƯỠI CẮT/DUR189	59.616	8%
11582	346857-8	GUARD/DUR189	VÒNG CHẶN BẢO VỆ/DUR189	42.020	10%
11583	346858-6	BATTERY GUARD/DUR365U	NẮP BẢO VỆ PIN/DUR365U	172.800	8%
11584	346859-4	TENSION SLIDE/UC3041A	KHỚP NỐI/UC3041A	32.670	10%
11585	346862-5	PLATE L/DFL651F	MIẾNG ĐỆM BĂNG THEP/DFL651F	84.040	10%
11586	346863-3	RING 38R/DFL651F	VÒNG ĐỆM BĂNG THEP/DFL651F	139.920	10%
11587	346866-7	GUIDE DISK/EK8100	VÒNG ĐỆM/EK8100	2.200	10%
11588	346867-5	GUIDE RING/EK6101	LONG ĐÈN/EK6101	8.800	10%
11589	346868-3	COOLING PLATE/EK8100	TẤM ĐỆM CÁCH NHIỆT/EK8100	13.200	10%
11590	346869-1	CONTACT SPRING/EK8100	LÒ XO TIẾP ĐIỆN/EK8100	2.200	10%
11591	346870-6	WASHER 5.8X26X2/EK8100	VÒNG ĐỆM 5.8X26X2/EK8100	2.200	10%
11592	346871-4	WASHER/EK8100	VÒNG ĐỆM/EK8100	2.200	10%
11593	346872-2	STOP RING/EK8100	VÒNG ĐỆM/EK8100	5.500	10%
11594	346873-0	GASKET/EK8100	LONG ĐÈN/EK8100	26.400	10%
11595	346874-8	GASKET/EK8100	RON BÌNH XĂNG/EK8100	8.640	8%
11596	346876-4	MUFFLER GASKET/EK6101	BỘ GIAM THANH/EK6101	12.960	8%
11597	346877-2	CRANK CASE GASKET/EK8100	GIOĂNG CAO SU/EK8100	17.280	8%
11598	346880-3	SPACER/4131	VÒNG ĐỆM /4131	22.000	10%
11599	346884-5	GUARD/EX2650LH	NẮP ĐẦY/EX2650LH	276.480	8%
11600	346885-3	SHAFT LOCK/DCS551	KHÓA PHỤ/DCS551	23.320	10%
11601	346894-2	BASE/HS6600	ĐẾ/HS6600	224.424	8%
11602	346902-9	CAP/GD0603	NẮP/GD0603	73.332	8%
11603	346912-6	PLATE/BO6050	TẤM ĐỆM/BO6050	52.800	10%
11604	346913-4	GUIDE PLATE/BO6050	MIẾNG ĐỆM/BO6050	39.600	10%
11605	346916-8	RATCHET/EA4301F	CHÓT KHỐI ĐỘNG/EA4301F	171.600	10%
11606	346924-9	CRANK CASE GASKET/EA4301F	RON LÓC MÁY/EA4301F	4.320	8%
11607	346925-7	CYLINDER BASE GASKET/EA4301F	RON XY LẠNH/EA4301F	56.160	8%
11608	346926-5	CONTACT SPRING/EA4301F	LÒ XO TIẾP ĐIỆN/EA4301F	2.200	10%
11609	346927-3	CHAIN BRAKE COVER/EA4301F	NẮP ỐP LAM XÍCH/EA4301F	95.040	8%
11610	346935-4	ROD GUIDE L/DJR186	MIẾNG ỐP TRỤC TRÁI/DJR186	23.320	10%
11611	346936-2	ROD GUIDE R/DJR186	MIẾNG ỐP TRỤC PHẢI/DJR186	23.320	10%
11612	346937-0	SHOE GUIDE PLATE/DJR187	TẤM ĐỆM GIỮ CỐT MÁY/DJR187	51.370	10%
11613	346938-8	SHOE LOCK PLATE/DJR187	MIẾNG ĐỆM GÁI LÒ XO/DJR187	9.350	10%
11614	346940-1	LOCK PLATE/DUP361	CHÓT KHÓA/DUP361	28.050	10%
11615	346941-9	LINK ARM/DUP361	CÀN/DUP361	7.700	10%
11616	346945-1	LOCK PLATE A/CA5000	CHÓT KHÓA A/CA5000	171.600	10%
11617	346946-9	LOCK PLATE B/CA5000	CHÓT KHÓA B/CA5000	132.000	10%
11618	346947-7	RETAINER/DTW1001	VÒNG GAI C /DTW1001	139.920	10%
11619	346948-5	WASHER 25/DTW1001	LONG ĐÈN/DTW1001	42.020	10%
11620	346949-3	HOOK/DTW1001	MOC TREO/DTW1001	82.512	8%
11621	346950-8	CYLINDERBASE GASKET/EK6101	ROAN/EK6101	38.880	8%
11622	346951-6	REEDVALVE/EK6101	VÁN LƯỠI GA/EK6101	86.400	8%
11623	346953-2	RATCHET/EK6101	CHÓT KHỐI ĐỘNG/EK6101	4.400	10%
11624	346954-0	EARTH SHEET/EK6101	ĐẦU NỐI DÂY MẮT/EK6101	5.500	10%
11625	346955-8	GASKET AIR VALVE/EK6101	RON BÌNH XĂNG/EK6101	12.960	8%
11626	346956-6	GASKET INTAKE MANIFOLD/EK6101	RON BÌNH XĂNG/EK6101	12.960	8%
11627	346958-2	BOTTOM SHEET/EK6101	TẤM LÓT CHÂN MÁY/EK6101	171.600	10%
11628	346959-0	COOLING PLATE/EK6101	TẤM CÁCH NHIỆT/EK6101	12.960	8%
11629	346966-3	CRANK CASE GASKET/EK6101	GIOĂNG CAO SU/EK6101	30.240	8%
11630	346969-7	CENTER CAP/LW1400	NẮP BẢO VỆ/LW1400	142.020	8%
11631	346970-2	GUIDE PLATE/LW1400	GIÁ ĐỖ CHIA GÓC/LW1400	195.910	10%
11632	346971-0	SPARK COVER/LW1400	NẮP DÀN HƯƠNG/LW1400	21.600	8%
11633	346979-4	MUFFLER GASKET/EB7660TH	TẤM ĐỆM/EB7660TH	52.800	10%
11634	346980-9	BALANCER/GA7061R	LONG ĐÈN CHẠN/GA7061R	18.360	8%
11635	346981-7	C TYPE PLATE 33/GA7061R	LONG ĐÈN CHỮ C 33/GA7061R	55.990	10%
11636	346982-5	C TYPE PLATE 29/GA7061R	LONG ĐÈN CHỮ C 29/GA7061R	55.990	10%
11637	346998-0	LOCK PLATE/MT871	MIẾNG ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/MT871	23.320	10%
11638	346999-8	CHANGE PLATE A/MT871	MIẾNG ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/MT871	32.670	10%
11639	347000-2	CHANGE PLATE B/MT871	MIẾNG ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/MT871	28.050	10%
11640	347004-4	BIT WASHER/DDF083	VÒNG ĐỆM/DDF083	9.350	10%
11641	347010-9	BLADE HOLDER/DSD180	HỘP BẢO VỆ LƯỠI CẮT/DSD180	77.868	8%
11642	347011-7	PIPE CLAMP 29/DUR191L	VÒNG KÉP/DUR191L	32.670	10%
11643	347024-8	DRUM PLATE/MT192	NẮP GIỮ LƯỠI/MT192	23.320	10%
11644	347027-2	ADJUST PLATE/DKPI80	MIẾNG ĐIỀU CHỈNH/DKPI80	9.350	10%
11645	347057-3	GUARD PLATE/DLS600	TẤM BẢO VỆ/DLS600	79.310	10%
11646	347058-1	INDICATION PLATE/DLS600	THƯỚC CHIA GÓC/DLS600	7.560	8%
11647	347059-9	CENTER PLATE/DLS600	MIẾNG ĐỆM/DLS600	79.310	10%
11648	347060-4	CENTER COVER/DLS600	MIẾNG CHE/DLS600	293.920	10%
11649	347077-7	MUFFLER GASKET/EB5300TH	MIẾNG ĐỆM ỐNG BỐ/EB5300TH	5.500	10%
11650	347078-5	SPIKE BUMPER/DUC353	TẤM CHẶN BẢO VỆ/DUC353	88.660	10%
11651	347079-3	CHAIN CATCHER/DUC353	ĐẾ GÁI/DUC353	69.960	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11652	347080-8	REAR COVER/HM1306	VỎ ĐUÔI MÁY/HM1306	45.792	8%
11653	347082-4	PLATE/EN420MP	THANH DÀN ĐINH VI/EN420MP	50.436	8%
11654	347083-2	PLATE/MT243	MIẾNG ĐỆM/MT243	9.350	10%
11655	347084-0	STOPPER PLATE/MT243	THANH CHẶN/MT243	18.360	8%
11656	347085-8	WISE PLATE/MT243	MIẾNG NỆP ÉTO/MT243	42.020	10%
11657	347086-6	CENTER CAP/MT243	NÁP BẢO VỆ/MT243	45.792	8%
11658	347094-7	CLAMP 24/EM2650LH	THANH NỆP/EM2650LH	4.400	10%
11659	347095-5	CENTER COVER/LW1400	NÁP CHỤP/LW1400	137.376	8%
11660	347100-8	BEARING RETAINER/HR140D	Ổ BẠC ĐẠN/HR140D	9.350	10%
11661	347101-6	GUIDE PLATE/HR140D	MIẾNG DẪN HƯỚNG/HR140D	9.350	10%
11662	347102-4	SPRING GUIDE/HR140D	CHÓT/HR140D	9.350	10%
11663	347104-0	CLAMP WASHER/DUR369	MẮT BÍCH/DUR369	111.980	10%
11664	347105-8	CLAMP WASHER/EM403MP	BỘ KẸP ĐỆM/EM403MP	98.010	10%
11665	347107-4	PROTECTOR CLAMP 24/EM403MP	KẸP GIỮ/EM403MP	60.720	10%
11666	347113-9	UPPER CLAMP 35/DUX60	VÒNG NỆP/DUX60	18.700	10%
11667	347114-7	LOWER CLAMP 35/DUX60	VÒNG NỆP/DUX60	28.050	10%
11668	347116-3	HANGER/DUR187	CHÓT GAI TAY CÀM/DUR187	30.800	10%
11669	347122-8	ANGULAR GUIDE/HS0600	THANH DẪN GÓC/HS0600	96.228	8%
11670	347123-6	COVER PLATE/HS0600	NÁP ĐÁY/HS0600	13.824	8%
11671	347124-4	PLATE/HS0600	MIẾNG ĐỆM/HS0600	18.360	8%
11672	347127-8	GUIDE PLATE/HR1841F	MIẾNG DẪN HƯỚNG/HR1841F	9.350	10%
11673	347128-6	CHANGE PLATE/HR1841F	MIẾNG ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR1841F	18.700	10%
11674	347129-4	SPRING PLATE/HR1841F	MIẾNG GAI LỖ XO/HR1841F	28.050	10%
11675	347130-9	SPRING GUIDE/HR1841F	CHÓT LỖ XO/HR1841F	4.730	10%
11676	347138-3	PUSHER/DPT353	THANH ĐÁY/DPT353	146.556	8%
11677	347139-1	LOCK ARM/DPT353	TAY ĐÁY KHÓA/DPT353	91.584	8%
11678	347140-6	RAIL/DPT353	THANH RAY/DPT353	178.632	8%
11679	347141-4	HUMMER/DPT353	GIA ĐỒ CUA BUA ĐÓNG/DPT353	870.048	8%
11680	347144-8	GUIDE RAIL L/DPT353	THANH RAY/DPT353	137.376	8%
11681	347145-6	GUIDE RAIL R/DPT353	THANH RAY/DPT353	137.376	8%
11682	347146-4	PINION GUIDE/DPT353	THANH RĂNG/DPT353	50.436	8%
11683	347150-3	CHANGE PLATE/BO6050	MIẾNG THAY ĐỔI/BO6050	26.400	10%
11684	347165-0	LINK ARM/DUP361	CÁN/DUP361	111.980	10%
11685	347168-4	SHAFT LOCK/RS001G	THANH HẦM LỖ/RS001G	23.320	10%
11686	347169-2	ANGULAR GUIDE/RS001G	THƯỚC CHIA GÓC/RS001G	51.370	10%
11687	347171-5	FAN COVER/DVC864L	NÁP CÀNH QUẠT/DVC864L	109.944	8%
11688	347208-8	BRAKE DISC/DCU180	THĂNG ĐIỀU/DCU180	283.932	8%
11689	347211-9	BASE/HS0600	ĐẾ/HS0600	732.672	8%
11690	347213-5	CENTER PLATE/DLS111	MIẾNG ĐỆM/DLS111	37.400	10%
11691	347214-3	CENTER COVER/DLS111	MIẾNG CHE/DLS111	65.340	10%
11692	347215-1	GUARD PLATE/DLS111	TẦM BẢO VỆ/DLS111	41.256	8%
11693	347216-9	LOCK PLATE/DLS111	THANH THÉP/DLS111	37.400	10%
11694	347217-7	LEVER PLATE/DLS111	CÁN GẠT/DLS111	69.960	10%
11695	347218-5	MITER LOCK PLATE/DLS111	MIẾNG ĐỆM CUA THƯỚC CHIA ĐỘ/DLS111	69.960	10%
11696	347219-3	STOPPER HOLDER/DLS111	KHỚP ĐỊNH VI/DLS111	14.080	10%
11697	347221-6	STOPPER ARM/DLS111	MIẾNG GAI THANH TRƯỢT/DLS111	32.670	10%
11698	347222-4	FRONT ARM PLATE/DLS111	BỘ TRƯỢT TRÊN/DLS111	9.180	8%
11699	347228-2	LOCK PLATE/HR2651T	CHÓT KHÓA/HR2651T	32.670	10%
11700	347229-0	CHANGE PLATE A/HR2651T	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2651T	55.990	10%
11701	347230-5	CHANGE PLATE B/HR2651T	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2651T	42.020	10%
11702	347237-1	CAM PLATE/DLS111	NHÔNG CAM/DLS111	9.180	8%
11703	347238-9	CLAMP A/DCU180	MOC GAI A/DCU180	51.370	10%
11704	347239-7	CLAMP B/DCU180	MOC GAI B/DCU180	65.340	10%
11705	347247-8	PLATE/JV103D	TẦM LỘT BÀN ĐỀ/JV103D	4.730	10%
11706	347249-4	PUSH PLATE/JV103D	MIẾNG ĐỆM/JV103D	22.000	10%
11707	347250-9	SLIDER/JV103D	THANH TRƯỢT/JV103D	50.436	8%
11708	347251-7	HOLDER/JV103D	GIA ĐỒ/JV103D	22.896	8%
11709	347252-5	TENSION SLIDE /EA4301F	CHÓT TĂNG XÍCH/EA4301F	22.000	10%
11710	347274-5	CUTTER/BUR182U	BÁT BĂNG KÈM/BUR182U	54.972	8%
11711	347278-7	GUARD R/DCU180	NÁP BẢO VỆ ĐÉN PHẢI/DCU180	132.840	8%
11712	347279-5	GUARD L/DCU180	NÁP BẢO VỆ ĐÉN TRÁI/DCU180	132.840	8%
11713	347284-2	SHAFT LOCK/HS7010	CÁN KHÓA/HS7010	27.540	8%
11714	347295-7	BEARING RETAINER/DLS600	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/DLS600	23.320	10%
11715	347299-9	GUIDE PLATE/DHR400	TẦM ĐỆM/DHR400	145.200	10%
11716	347302-6	ROD GUIDE L/DJR188	MIẾNG ỐP TRỤC BÊN TRÁI/DJR188	18.700	10%
11717	347303-4	ROD GUIDE R/DJR188	MIẾNG ỐP TRỤC BÊN PHẢI/DJR188	18.700	10%
11718	347305-0	PLATE/4100KB	KẸP BĂNG THÉP/4100KB	17.600	10%
11719	347308-4	GUARD PLATE/LS1219L	TẦM BẢO VỆ/LS1219L	111.980	10%
11720	347326-2	GUIDE PLATE A/DTR180	TẦM CHẶN A/DTR180	471.130	10%
11721	347327-0	GUIDE PLATE B/DTR180	TẦM CHẶN B/DTR180	401.170	10%
11722	347328-8	TOP PLATE/DTR180	MIẾNG ĐỆM/DTR180	200.640	10%
11723	347329-6	PUSH PLATE/DTR180	MIẾNG ĐỆM/DTR180	88.660	10%
11724	347331-9	CONTACT PLATE/DTR180	KHUNG CHẶN BẢO VỆ/DTR180	540.432	8%
11725	347332-7	SIDE PLATE L/DTR180	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT L/DTR180	209.880	10%
11726	347333-5	SIDE PLATE R/DTR180	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT R/DTR180	209.880	10%
11727	347340-8	SPRING RETAINER C/DHW080	VÒNG ĐỆM LỖ XO/DHW080	9.350	10%
11728	347341-6	WOBBLE PLATE 8.5/DHW080	NÁP CHỤP/DHW080	382.800	10%
11729	347343-2	BEARING RETAINER B/DHR280	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DHR280	18.700	10%
11730	347344-0	SPRING GUIDE/DHR280	VÒNG ĐỆM/DHR280	9.350	10%
11731	347350-5	RETURN PLATE/DSC102	MIẾNG ĐỆM/DSC102	42.020	10%
11732	347351-3	PLATE 500/DUH501	MIẾNG ĐỆM 500/DUH501	42.020	10%
11733	347357-1	CONTACT SPRING/EA4301F	LỖ XO TIẾP ĐIỆN/EA4301F	17.600	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11734	347361-0	FRICTION PLATE/DUH501	VÒNG ĐỆM/DUH501	14.080	10%
11735	347362-8	CONNECTING ROD/DUH501	TAY BIÊN/DUH501	100.764	8%
11736	347363-6	BRAKE BAND/EA3201S	ĐAI Hãm/EA3201S	39.600	10%
11737	347364-4	GUIDE PLATE/DDA460	MIỀNG ĐỆM/DDA460	45.792	8%
11738	347365-2	WASHER 65/DDA460	VÒNG ĐỆM 65/DDA460	32.670	10%
11739	347366-0	CHANGE GUIDE/DDA460	MIỀNG ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDA460	28.050	10%
11740	347370-9	GUIDE ARM A/DTR180	TÀM CHÂN A/DTR180	1.497.210	10%
11741	347372-5	BRAKE BAND/DUC254	VÒNG ĐAI Hãm/DUC254	84.040	10%
11742	347373-3	CHAIN CATCHER/DUC254	MIỀNG THẺP KHÓA XÍCH/DUC254	9.350	10%
11743	347374-1	GUIDE PLATE L/DUC254	MIỀNG ĐỆM L/DUC254	18.700	10%
11744	347375-9	GUIDE PLATE R/DUC254	MIỀNG ĐỆM R/DUC254	18.700	10%
11745	347376-7	TENSION SLIDE/DUC254	MIỀNG ĐỆM TRƯỢT/DUC254	17.600	10%
11746	347377-5	HOOK SUPPORT/DUC254	GÁ ĐỖ MỐC TREO/DUC254	14.080	10%
11747	347392-9	FLAT WASHER 4/DSP600	LONG ĐÈN/DSP600	4.730	10%
11748	347394-5	PLATE/DCU180	TÀN VUÔNG/DCU180	60.720	10%
11749	347398-7	BASE/DHS660	ĐỀ MÁY CẮT/DHS660	288.576	8%
11750	347399-5	LEVER PLATE/DHS660	CÁN GẠT/DHS660	18.700	10%
11751	347400-6	SHAFT LOCK/DHS660	THANH KHÓA LƯỚI/DHS660	28.050	10%
11752	347401-4	REAR GUIDE PLATE/DHS660	THANH ĐỆM DẪN HƯỚNG/DHS660	18.700	10%
11753	347412-9	MITER SCALE PLATE/LS1019L	TÀM VÁT CHÉO/LS1019L	142.020	8%
11754	347415-3	SHOE LOCK PLATE/JR3061T	MIỀNG ĐỆM/JR3061T	8.800	10%
11755	347417-9	PLATE/DCS553	MIỀNG NẾP/DCS553	22.896	8%
11756	347418-7	LEVER PLATE/DCS553	CÁN GẠT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DCS553	28.050	10%
11757	347439-9	DEPTH GUIDE/DHS780	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHS780	45.792	8%
11758	347440-4	ANGULAR GUIDE/DHS780	GÁ ĐỖ/DHS780	50.436	8%
11759	347441-2	SHAFT LOCK/DHS780	CÁN KHÓA/DHS780	22.896	8%
11760	347442-0	SCALE PLATE/DHS780	NHÂN DẠNG/DHS780	41.256	8%
11761	347455-1	BRAKE LEVER/DLM460	CÁN KHÓA THĂNG/DLM460	22.896	8%
11762	347456-9	LEVER BRACKET/DLM460	GÁ ĐỖ/DLM460	46.640	10%
11763	347462-4	CHANGE PLATE A/DHR182	MIỀNG ĐỆM A/DHR182	23.320	10%
11764	347463-2	CHANGE PLATE B/DHR182	MIỀNG ĐỆM B/DHR182	23.320	10%
11765	347465-8	CENTER CAP/DLW140	NẮP BẢO VỆ/DLW140	133.920	8%
11766	347475-5	LEVER/GA4050	THANH TRƯỢT/GA4050	42.020	10%
11767	347476-3	STRAP RING/GA4050	VÒNG ĐỖ/GA4050	51.370	10%
11768	347477-1	PLATE 33/GA4050	VÒNG ĐỆM/GA4050	9.350	10%
11769	347482-8	PROTECTION BLOCK/DGA700	ĐỀ LỘT BẢO VỆ/DGA700	46.640	10%
11770	347491-7	HOOK/WUT02	MIỀNG NẾP/WUT02	88.660	10%
11771	347493-3	CUTTER/UR012G	DAO CẮT/UR012G	32.076	8%
11772	347494-1	PROTECTOR CLAMP 28/UR012G	CHỤP BẢO VỆ/UR012G	46.640	10%
11773	347496-7	CHANGE RING A/HR2670FT	VÒNG ĐỆM GIỮ B/HR2670FT	135.300	10%
11774	347497-5	BEARING RETAINER A/HR3001C	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN A/HR3001C	14.080	10%
11775	347498-3	GUIDE PLATE/HR3001C	TÀM ĐỆM/HR3001C	14.080	10%
11776	347500-2	BEARING RETAINER B/HR3001C	VÒNG ĐỆM B/HR3001C	23.320	10%
11777	347501-0	LEAF SPRING/HR3001CJ	LÒ XO LÁ/HR3001CJ	9.350	10%
11778	347502-8	LOCK PLATE/HR3001C	MIỀNG ĐỆM KHÓA/HR3001C	37.400	10%
11779	347504-4	PLATE/HR3001C	TÀM KIM LOẠI/HR3001C	28.050	10%
11780	347506-0	BRAKE DRUM/DLM460	CHƯƠNG CÓN/DLM460	82.512	8%
11781	347509-4	SUB FENCE/DLS211	MIỀNG NẾP/DLS211	74.690	10%
11782	347513-3	HOOK/DHW080	MỐC TREO/DHW080	27.540	8%
11783	347514-1	HOOK SUPPORT/DUC256	TÀM CHÂN BẢO VỆ/DUC256	9.350	10%
11784	347515-9	BRAKE BAND COMPLETE/DUC256	VÒNG ĐAI Hãm PHANH/DUC256	84.040	10%
11785	347516-7	CHAIN CATCHER/DUC256	MIỀNG THẺP KHÓA XÍCH/DUC256	14.080	10%
11786	347517-5	TENSION SLIDE/DUC256	MIỀNG ĐỆM TRƯỢT/DUC256	32.670	10%
11787	347519-1	DRIVER/DFN350	THANH DẪN ĐINH/DFN350	883.872	8%
11788	347520-6	PUSHER/DFN350	THANH ĐÁY ĐINH/DFN350	114.480	8%
11789	347521-4	RAIL/DFN350	THANH RAY/DFN350	183.168	8%
11790	347522-2	SPRING BASE/DFN350	VÒNG ĐỆM/DFN350	17.600	10%
11791	347523-0	PLATE/DFN350	MIỀNG ĐỆM/DFN350	32.670	10%
11792	347525-6	GEAR PLATE/DFN350	MIỀNG ĐỆM/DFN350	77.868	8%
11793	347526-4	BOTTOM PLATE/DFN350	MIỀNG ĐỆM/DFN350	171.600	10%
11794	347527-2	COUNTER STOPPER/DFN350	THANH Hãm LỖ XO/DFN350	44.000	10%
11795	347528-0	UPPER PLATE/DFN350	MIỀNG ĐỆM/DFN350	32.670	10%
11796	347529-8	ARM/DFN350	THANH ĐỖ NHÔNG/DFN350	130.680	10%
11797	347530-3	LOCK PLATE/DHW080	MIỀNG ĐỆM KHÓA/DHW080	9.350	10%
11798	347532-9	DEPTH GUIDE/DHS782	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHS782	59.616	8%
11799	347533-7	GUIDE PLATE L/DUC256	MIỀNG ĐỆM L/DUC256	18.700	10%
11800	347534-5	GUIDE PLATE R/DUC256	MIỀNG ĐỆM R/DUC256	18.700	10%
11801	347538-7	PLATE R/DFL020F	MIỀNG ĐỆM BÊN PHẢI/DFL020F	84.040	10%
11802	347543-4	CAP A/DGP180	NẮP A/DGP180	181.940	10%
11803	347546-8	PUMP COVER/DGP180	VỎ ĐẦU MÁY/DGP180	56.160	8%
11804	347553-1	GUIDE WASHER/HR3001C	ĐỆM VÀNH/HR3001C	14.080	10%
11805	347560-4	DECK/DLM462	THÂN MÁY/DLM462	2.830.032	8%
11806	347563-8	BATTERY GUARD/DUR369	TÀM BẢO VỆ PIN/DUR369	142.020	8%
11807	347570-1	SHREDDER/DUB363	LƯỚI CẮT/DUB363	96.228	8%
11808	347571-9	CONNECTING ROD/DLM382	THANH KẾT NỐI TRỤC BANH XE/DLM382	171.600	10%
11809	347574-3	DEPTH GUIDE/DHS900	THƯỚC CẠNH ĐỘ/DHS900	82.512	8%
11810	347575-1	SHAFT LOCK/DHS900	CÁN KHÓA TRỤC/DHS900	32.670	10%
11811	347576-9	OPEN PLATE/DHS900	MIỀNG ĐỆM/DHS900	23.320	10%
11812	347577-7	WASHER 6/DHS900	VÒNG ĐỆM 6/DHS900	9.350	10%
11813	347578-5	HANDLE BRACKET R/DLM462	CÁN TÀNG GIÀM PHẢI/DLM462	177.320	10%
11814	347579-3	HANDLE BRACKET L/DLM462	CÁN TÀNG GIÀM TRÁI/DLM462	181.940	10%
11815	347580-8	CONNECTING ROD/DLM530	TAY ĐINH/DLM530	662.310	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11816	347581-6	CONNECTING ROD/DLM462	THANH KẾT NỘI/DLM462	704.330	10%
11817	347582-4	HEIGHT ADJUST PLATE/DLM533	ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/DLM533	107.360	10%
11818	347584-0	SIDE DISCHARGE PLATE/DLM530	THANH GIỮ/DLM530	32.670	10%
11819	347585-8	BRACKET/DLM462	GIÁ ĐỖ TRỤC ĐIỀU KHIỂN/DLM462	32.076	8%
11820	347586-6	GEAR HOLDER PLATE/DLM533	GIÁ ĐỖ BÀNH RĂNG/DLM533	9.180	8%
11821	347588-2	CAM PLATE/DKP181	NHÔNG CAM/DKP181	22.896	8%
11822	347589-0	CENTER CAP/M2400B	VỎ MÁY/M2400B	50.436	8%
11823	347591-3	DECK/DLM530	VỎ ĐỘNG CƠ/DLM530	3.310.848	8%
11824	347596-3	SLIDE PLATE/JR3051T	NÁP THANH TRƯỢT/JR3051T	13.200	10%
11825	347597-1	GEAR PLATE A/JR3051T	MIẾNG ĐỆM/JR3051T	9.350	10%
11826	347601-6	STOPPER HOLDER/LS002G	MIẾNG ĐỖ/LS002G	9.350	10%
11827	347615-5	LEVER/DGA419	CÀN GẠT/DGA419	37.400	10%
11828	347616-3	WHEEL COVER 100/DGA419	NÁP CHỤP BẢO VỆ/DGA419	293.112	8%
11829	347621-0	CLAMP 57/DCU603	MIẾNG NẸP ỒNG 57/DCU603	74.690	10%
11830	347622-8	LIGHT STAY R/DCU603	MIẾNG ĐÈ GÀN ĐÈN CHIẾU SÁNG R/DCU603	46.640	10%
11831	347623-6	LIGHT STAY L/DCU603	MIẾNG ĐÈ GÀN ĐÈN CHIẾU SÁNG L/DCU603	46.640	10%
11832	347624-4	BUCKET BASE R/DCU603	GIÁ ĐỖ BÊN PHẢI THÙNG CHỨA/DCU603	1.199.772	8%
11833	347625-2	BUCKET BASE L/DCU603	GIÁ ĐỖ BÊN TRÁI THÙNG CHỨA/DCU603	1.199.772	8%
11834	347628-6	HOLDER/DCU603	TÀM GÀI THÙNG/DCU603	116.600	10%
11835	347629-4	CABLE CLAMP/DCU603	MIẾNG ĐỆM GIỮ DÂY ĐIỆN/DCU603	9.350	10%
11836	347634-1	ARM JOINT/DCU601	THANH NGANG/DCU601	340.560	10%
11837	347637-5	SHOE GUIDE PLATE/JR001	THANH DẪN/JR001	32.670	10%
11838	347641-4	LEVER B/GA003	CÀN GẠT/GA003	69.960	10%
11839	347645-6	FRONT SHAFT PLATE/DLM533	MIẾNG ĐỆM TRỤC TRƯỚC/DLM533	9.350	10%
11840	347646-4	BRACKET/DLM533	GIÁ ĐỖ TRỤC ĐIỀU KHIỂN/DLM533	41.256	8%
11841	347647-2	CONNECTING ROD/DLM533	THANH KẾT NỘI TRỤC BÀNH XE/DLM533	690.360	10%
11842	347648-0	REAR GUIDE PLATE/DLM533	TÀM CHÂN CỎ/DLM533	187.812	8%
11843	347649-8	REAR SHAFT HOLDER SUPPORT/DLM533	GIÁ ĐỖ TRỤC SAU/DLM533	22.896	8%
11844	347655-3	BATTERY GUARD/DUN600L	TÀM CHÂN PIN/DUN600L	88.660	10%
11845	347656-1	ANGULAR HOLDER/DUN500	GIÁ ĐỖ GÓC/DUN500	79.310	10%
11846	347657-9	HAMMER/DFN350	ĐÀU Búa ĐÓNG/DFN350	1.045.440	8%
11847	347659-5	GUIDE PLATE/DCE090	MIẾNG ĐỆM BẢO VỆ/DCE090	100.764	8%
11848	347661-8	PLATE/DUN600L	TÀM CHÂN KIM LOẠI/DUN600L	9.350	10%
11849	347662-6	CONNECTING ROD/DUH604S	TAY ĐƠN/DUH604S	109.944	8%
11850	347667-6	PROTECTOR CLAMP/DUR191L	KẸP BẢO VỆ/DUR191L	28.050	10%
11851	347668-4	CLAMP WASHER/DUR191L	MIẾNG ĐỆM/DUR191L	37.400	10%
11852	347676-5	SHAFT LOCK/HS003G	KHÓA GIỮ LƯỠI/HS003G	37.400	10%
11853	347679-9	LOCK LEVER/DST421	CÀN KHÓA/DST421	216.000	8%
11854	347681-2	SUPPORTER/DST421	KHỚP NỘI/DST421	92.400	10%
11855	347682-0	CONTACT ARM/DST421	THANH NỘI/DST421	154.000	10%
11856	347683-8	RAIL/DST421	THANH RAY/DST421	270.216	8%
11857	347684-6	DRIVER/DST421	THANH DẪN/DST421	198.720	8%
11858	347685-4	CONTACT ARM GUIDE/DST421	THANH GIỮ/DST421	79.310	10%
11859	347686-2	CONTACT TOP/DST421	THANH CỬ/DST421	119.124	8%
11860	347687-0	PLATE/HR2670FT	MIẾNG ĐỆM/HR2670FT	14.080	10%
11861	347696-9	STOPPER PLATE/DPB184	MIẾNG ĐỆM BẢO VỆ/DPB184	69.960	10%
11862	347697-7	NEUTRAL LEVER HOLDER/DCU603	MIẾNG THÉP HỖ TRỢ CHÍNH GÓC/DCU603	121.330	10%
11863	347698-5	DIFF BRACKET/DCU603	MIẾNG THÉP ĐỖ CÀN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DCU603	79.310	10%
11864	347705-4	LOCK WASHER 12/DUA300	VÒNG ĐỆM 12/DUA300	18.700	10%
11865	347706-2	TENN SL/DUA300	TÀM TRƯỢT/DUA300	42.020	10%
11866	347708-8	GUIDE PLATE R/DUA300	TÀM CHÂN R/DUA300	9.350	10%
11867	347715-1	DRIVER/DST121	THANH DẪN ĐINH/DST121	247.320	8%
11868	347716-9	CONTACT TOP/DST121	THANH TRƯỢT/DST121	160.272	8%
11869	347717-7	LOCK PLATE/DST121	MIẾNG ĐỆM KHÓA ĐINH/DST121	65.340	10%
11870	347718-5	EARTH PLATE/DUB363	MIẾNG ĐỆM/DUB363	28.050	10%
11871	347719-3	HINGE HOLDER/DVC560	KẸP BÀN LỀ/DVC560	28.050	10%
11872	347720-8	PULL PLATE/DTR180	MIẾNG ĐỆM/DTR180	74.690	10%
11873	347722-4	RETAINER/DTW700	VÒNG PHE/DTW700	111.980	10%
11874	347728-2	BOTTOM PLATE/DST421	MIẾNG CHÂN DƯỚI/DST421	191.290	10%
11875	347729-0	COUNTER STOPPER/DST421	MIẾNG ĐỆM LỖ XO/DST421	64.152	8%
11876	347731-3	CENTER COVER/LS002GZ	MIẾNG CHE/LS002GZ	167.970	10%
11877	347733-9	RETAINER/UB001C	MIẾNG ĐỆM/UB001C	9.350	10%
11878	347735-5	HAMMER/DST421	BÚA/DST421	975.456	8%
11879	347740-2	PLATE/PDC1200	TÀM ĐỆM/PDC1200	14.080	10%
11880	347742-8	SUPPORTER/DST121	ĐẦU NỘI HỘP NÁP ĐINH/DST121	130.680	10%
11881	347745-2	GUIDE WASHER/HR2670FT	VÒNG ĐỆM GIỮ B/HR2670FT	23.320	10%
11882	347747-8	JOINT 24/DUR192L	KHỚP NỘI/DUR192L	123.660	8%
11883	347752-5	BATTERY GUARD/UX01G	BẢO VỆ PIN/UX01G	177.320	10%
11884	347756-7	MITER SCALE PLATE/LS002G	MIẾNG CHIA ĐỘ/LS002G	87.048	8%
11885	347757-5	MITER LOCK PLATE/LS002G	MIẾNG ĐỆM KHÓA CHIA ĐỘ/LS002G	64.152	8%
11886	347758-3	SLIDE PLATE/LS002G	VÒNG ĐỆM/LS002G	28.050	10%
11887	347759-1	LOCK PLATE/LS002G	MIẾNG ĐỆM KHÓA/LS002G	28.050	10%
11888	347760-6	LEVER PLATE/LS002G	MIẾNG ĐỆM/LS002G	18.700	10%
11889	347761-4	GUIDE PLATE/191M27-0	MIẾNG ĐỆM/191M27-0	23.320	10%
11890	347765-6	BATTERY GUARD/DUX18	TÀM CHÂN BẢO VỆ PIN/DUX18	102.630	10%
11891	347766-4	CLAMP WASHER US/EM408MP	ĐỆM GIỮ LƯỠI/EM408MP	93.280	10%
11892	347770-3	GUIDE ARM A/DTR181	THANH DẪN HƯỚNG A/DTR181	1.735.560	8%
11893	347771-1	GUIDE PLATE B/DTR181	TÀM CHÂN B/DTR181	471.130	10%
11894	347772-9	GUIDE PLATE A/DTR181	TÀM CHÂN A/DTR181	503.800	10%
11895	347773-7	TOP PLATE/DTR181	MIẾNG ĐỆM TRÊN/DTR181	293.920	10%
11896	347778-7	UNDER DRIVER GUIDE/DTS421	THANH DẪN DƯỚI/DST421	120.960	8%
11897	347779-5	UNDER DRIVER GUIDE/DST121	THANH DẪN DƯỚI/DST121	129.600	8%
11898	347783-4	RING SUPPORT/UX01G	MIẾNG GIỮ/UX01G	8.800	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11899	347785-0	SHAFT LOCK/DCC500	CHỐT ĐINH VI/DCC500	42.020	10%
11900	347787-6	PLATE/DCC500	MIẾNG ĐỆM/DCC500	23.320	10%
11901	347791-5	DRIVER/FN001G	THANH THÉP ĐÁY ĐINH/FN001G	312.510	10%
11902	347792-3	PUSHER/FN001G	MIẾNG THÉP ĐÁY ĐINH/FN001G	163.240	10%
11903	347793-1	RAIL/FN001G	THANH RAY/FN001G	467.100	8%
11904	347794-9	HAMMER/FN001G	BÚA ĐẦU GỖ/FN001G	1.387.584	8%
11905	347795-7	GEAR PLATE/FN001G	TÀM ĐỆM NHÔNG/FN001G	74.690	10%
11906	347796-5	BOTTOM PLATE/FN001G	MIẾNG ĐỆM/FN001G	195.910	10%
11907	347797-3	COUNTER STOPPER/FN001G	MIẾNG ĐỆM LỖ XO/FN001G	317.240	10%
11908	347798-1	HOLDER PLATE/FN001G	MIẾNG ĐỆM/FN001G	111.980	10%
11909	347799-9	ARM/FN001G	THANH THÉP/FN001G	149.270	10%
11910	347800-0	LOCK ARM/FN001G	TAY ĐÁY KHÓA/FN001G	163.240	10%
11911	347801-8	GUIDE RAIL L/FN001G	THANH DẪN HƯỚNG TRÁI/FN001G	316.008	8%
11912	347802-6	GUIDE RAIL R/FN001G	THANH DẪN HƯỚNG PHẢI/FN001G	316.008	8%
11913	347803-4	LEVER/GA035G	CÁN GẠT/GA035G	55.990	10%
11914	347805-0	LOCK PLATE/RS001G	MIẾNG ĐỆM/RS001G	23.320	10%
11915	347812-3	SIDE PLATE L/DTR181	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT L/DTR181	200.640	10%
11916	347813-1	SIDE PLATE R/DTR181	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT R/DTR181	200.640	10%
11917	347816-5	EARTH PLATE A/DSL801	MIẾNG THÉP NỐI ĐẤT/DSL801	251.900	10%
11918	347831-9	CONTACT PLATE/DTR181	KHUNG CHÂN BẢO VỆ/DTR181	559.680	10%
11919	347832-7	RETAINER/TW007G	VÒNG GAI CHỮ C/TW007G	144.650	10%
11920	347835-1	CENTER COVER/LS003G	NÁP CHỤP /LS003G	84.040	10%
11921	347836-9	SUB FENCE/L/S003G	MIẾNG NẾP/LS003G	111.980	10%
11922	347837-7	MITER SCALE PLATE/LS003G	VẠCH CHIA ĐỘ/LS003G	293.112	8%
11923	347864-4	BRAKE BAND/UC004G	VÒNG DAI Hãm/UC004G	84.040	10%
11924	347865-2	CLAMP 19/LM001J	MIẾNG ĐỖ TRỤC SAU 19/LM001J	18.700	10%
11925	347866-0	HANDLE BRACKET L/LM001J	GIÁ TREO TRÁI/LM001J	326.480	10%
11926	347867-8	HANDLE BRACKET R/LM001J	GIÁ TREO PHẢI/LM001J	335.830	10%
11927	347869-4	PLATE/LM001J	MIẾNG ĐỆM/LM001J	9.350	10%
11928	347870-9	HOOK PLATE/LM001J	MIẾNG MỐC LỖ XO/LM001J	9.350	10%
11929	347871-7	CONNECTING ROD F/LM001J	THANH LIÊN KẾT TRÁI/LM001J	205.260	10%
11930	347873-3	CONNECTING ROD R/LM001J	THANH LIÊN KẾT PHẢI/LM001J	265.870	10%
11931	347874-1	CUP/EM407MP	MIẾNG ĐỆM/EM407MP	130.680	10%
11932	347882-2	CHANGE PLATE A/HR007G	MIẾNG ĐỆM/HR007G	60.720	10%
11933	347885-6	SUPPORT PLATE/HR007G	MIẾNG ĐỆM/HR007G	28.050	10%
11934	347887-2	BRACKET/DLM480	TÀM THÉP KHÓA TRỤC QUAY/DLM480	23.320	10%
11935	347908-0	SWITCH PLATE/GA5090	MIẾNG ĐỆM CÔNG TẮT/GA5090	32.670	10%
11936	347909-8	LEVER A/GA5090	CÁN GẠT A/GA5090	51.370	10%
11937	347910-3	LEVER B/GA5090	CÁN GẠT B/GA5090	55.990	10%
11938	347911-1	C TYPE PLATE/GA5090	VÒNG GAI C/GA5090	46.640	10%
11939	347913-7	DEPTH GUIDE/HS011G	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU LƯỖI/HS011G	100.764	8%
11940	347914-5	STRAP RING/AS001G	MIẾNG ĐỆM/AS001G	22.896	8%
11941	347915-3	PULLY BOTTOM PLATE/CE001G	VỎ PULY/CE001G	79.310	10%
11942	347916-1	BOTTOM GUARD/CE001G	TÀM THÉP BẢO VỆ ĐỂ/CE001G	163.240	10%
11943	347917-9	SPINDLE PLATE 83/CE001G	TÀM ĐỖ 83/CE001G	55.990	10%
11944	347918-7	PULLEY PLATE 59/CE001G	TÀM ĐỆM PULY 59/CE001G	23.320	10%
11945	347920-0	PLATE U/DFT060T	TÀM BẢNG HIỂN THỊ LỰC SIẾT U/DFT060T	84.040	10%
11946	347921-8	PLATE V/DFT120T	TÀM BẢNG HIỂN THỊ LỰC SIẾT V/DFT120T	84.040	10%
11947	347922-6	BRAKE BAND COMPLETE/UC012G	VÒNG DAI Hãm PHANH/UC012G	88.660	10%
11948	347923-4	TENSION SLIDE/UC012G	THANH TRƯỢT TĂNG XÍCH/UC012G	42.020	10%
11949	347924-2	CHAIN CATCHER/UC012G	MIẾNG KHÓA XÍCH/UC012G	14.080	10%
11950	347925-0	SPIKE BUMPER/UC012G	TÀM BẢO VỆ GIÀM CHÂN/UC012G	23.320	10%
11951	347932-3	LOCK ARM/PT001G	THANH THÉP ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÂU/PT001G	163.240	10%
11952	347933-1	RAIL/PT001G	THANH RAY/PT001G	219.888	8%
11953	347934-9	GEAR PLATE/PT001G	TÀM ĐỆM/PT001G	74.690	10%
11954	347935-7	DRIVER/PT001G	THANH ĐÁY ĐINH/PT001G	471.744	8%
11955	347936-5	BOTTOM PLATE/PT001G	MIẾNG THÉP ĐỖ THANH ĐÁY LỖ XO/PT001G	191.290	10%
11956	347937-3	HAMMER/PT001G	ĐẦU BÚA BỘ PHANH/PT001G	1.016.604	8%
11957	347938-1	GUIDE RAIL L/PT001G	THANH RAY TRÁI/PT001G	192.348	8%
11958	347939-9	GUIDE RAIL R/PT001G	THANH RAY PHẢI/PT001G	192.348	8%
11959	347940-4	STOPPER PLATE/PB002G	MIẾNG CHÂN/PB002G	139.920	10%
11960	347941-2	SAW GUARD/PB002G	BẢO VỆ LƯỖI CẮT/PB002G	121.330	10%
11961	347942-0	SAW GUARD COVER/PB002G	NÁP BẢO VỆ LƯỖI CẮT/PB002G	121.330	10%
11962	347943-8	FRONT PLATE/DLM230	TRỤC NƠI BÁNH XE/DLM230	265.870	10%
11963	347944-6	GUIDE WASHER/HR2670	VÒNG ĐỆM GIỮ BÌ/HR2670	18.700	10%
11964	347949-6	WHEEL 150/DCU601	VÀNH BÁNH XE 150/DCU601	536.360	10%
11965	347950-1	WHEEL 150/DCU601	VÀNH BÁNH XE 150/DCU601	545.710	10%
11966	347951-9	WHEEL 100/DCU601	VÀNH BÁNH XE 100/DCU601	1.361.910	10%
11967	347952-7	WHEEL 100/DCU601	VÀNH BÁNH XE 100/DCU601	382.470	10%
11968	347963-2	SHAFT LOCK/CS002G	CÁN KHÓA MỖ LƯỖI/CS002G	79.310	10%
11969	347964-0	SPACER/CS002G	VÒNG ĐỆM/CS002G	18.700	10%
11970	347965-8	FAN COVER/VC008G	MIẾNG NHỰA ỚP NGOÀI/VC008G	77.868	8%
11971	347966-6	SLIDER/DJV184	THANH TRƯỢT/DJV184	82.512	8%
11972	347970-5	CAM PLATE/KP001G	NHÔNG CHỈNH ĐỘ SÂU/KP001G	32.076	8%
11973	347972-1	SHOE GUIDE PLATE/JR002G	THANH DẪN HƯỚNG/JR002G	50.436	8%
11974	347973-9	SLIDE PLATE/JR002G	MIẾNG ỚP THANH TRƯỢT/JR002G	23.320	10%
11975	347974-7	PLATE D/JR002G	TÀM ĐỆM BẢNG THÉP D/JR002G	9.350	10%
11976	347976-3	PLATE E/JR002G	MIẾNG ĐỆM E/JR002G	9.350	10%
11977	347977-1	CUTTER/DUR193	MIẾNG THÉP CẮT DÂY CƯỚI/DUR193	23.320	10%
11978	347978-9	SHAFT LOCK/DMC300	KHÓA MỖ LƯỖI/DMC300	18.700	10%
11979	347979-7	PLATE A/DMC300	MIẾNG ĐỆM A/DMC300	14.080	10%
11980	347980-2	PLATE B/DMC300	MIẾNG ĐỆM B/DMC300	9.350	10%
11981	347993-3	SCRAPER/DCU603	THANH GÀ NẾP/DCU603	65.340	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
11982	347994-1	CLAMP L/DCU603	NEP R/DCU603	93.280	10%
11983	347995-9	CLAMP R/DCU603	NEP L/DCU603	93.280	10%
11984	347996-7	PUNING METAL COVER/CS002G	TẮM ĐỒ MẶT THÉP/CS002G	116.600	10%
11985	347A06-6	CONTACT ARM/ST001G	THANH THÉP ĐÁY KHÓA AN TOÀN/ST001G	167.970	10%
11986	347A10-5	PLATE/DUH506	ĐỆM NÁP HỘP NHÔNG/DUH506	37.400	10%
11987	347A13-9	HANDLE/UT001G	KHUNG TAY CÀM/UT001G	788.260	10%
11988	347A16-3	NEUTRAL LEVER/DCU603	CÀN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DCU603	144.650	10%
11989	347A22-8	LEVER/GA039G	CÀN GẠT/GA039G	60.720	10%
11990	347A23-6	BASE PLATE/JV001G	TẦM LÓT BÀN ĐỂ/JV001G	79.310	10%
11991	347A40-6	FAN COVER/VC006GM	MIẾNG NHỰA ỐP NGOÀI CÁNH QUẠT/VC006GM	119.124	8%
11992	347A42-2	PLATE/VC006GM	MIẾNG ĐỆM/VC006GM	14.080	10%
11993	347A43-0	SPACER 6/DCU603	VÒNG ĐỆM 6/DCU603	9.350	10%
11994	347A47-2	PLATE A/DJR189	MIẾNG ĐỆM A/DJR189	9.350	10%
11995	347A48-0	PLATE F/DJR189	MIẾNG ĐỆM F/DJR189	9.350	10%
11996	347A49-8	PLATE R/DJR189	MIẾNG ĐỆM R/DJR189	9.350	10%
11997	347A55-3	HANDLE BRACKET L/LM001G	CÀN ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIẢM TRÁI/LM001G	275.220	10%
11998	347A56-1	HANDLE BRACKET R/LM001G	CÀN ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIẢM PHẢI/LM001G	275.220	10%
11999	347A58-7	CONNECTING ROD/LM001G	THANH THÉP LIÊN KẾT NẶNG HẠ MÁY/LM001G	443.080	10%
12000	347A59-5	BRACKET/LM001G	MIẾNG THÉP KHÓA TRỤC QUAY BÁNH XE/LM001G	23.320	10%
12001	347A66-8	PROTECTOR/CS002G	TẦM BẢO VỆ MẶT SẮT/CS002G	100.764	8%
12002	347A69-2	TENSION SLIDE/UC100D	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT/UC100D	32.670	10%
12003	347A74-9	SLIDE RAIL/DX16	MIẾNG THÉP DẪN HƯỚNG/DX16	37.400	10%
12004	347A75-7	PLATE/DX16	MIẾNG ĐỆM/DX16	23.320	10%
12005	347A76-5	STOPPER/DX16	MIẾNG ĐỆM/DX16	9.350	10%
12006	347A80-4	SPRING GUIDE/HR010G	GÁ ĐỖ LỖ XO/HR010G	9.350	10%
12007	347A81-2	CHANGE PLATE A/HR010G	CÀN CHUYỂN CHẾ ĐỘ A/HR010G	18.700	10%
12008	347A82-0	LOCK PLATE/HR010G	MIẾNG ĐỆM KHÓA/HR010G	18.700	10%
12009	347A83-8	CHANGE PLATE B/HR010G	CÀN CHUYỂN CHẾ ĐỘ B/HR010G	32.670	10%
12010	347A84-6	GUIDE PLATE/HR010G	MIẾNG ĐỆM DẪN HƯỚNG/HR010G	14.080	10%
12011	347A85-4	BEARING RETAINER/DHR183	MIẾNG GIỮ BẠC ĐẠN/DHR183	23.320	10%
12012	347A86-2	PULLEY PLATE 50/CE002G	TẦM ĐỆM PULY 50/CE002G	32.670	10%
12013	347A90-1	ANGULAR GUIDE/HS012G	THANH DẪN GÓC/HS012G	50.436	8%
12014	347A92-7	BEVEL GUIDE/HS012G	THANH DẪN GÓC/HS012G	45.792	8%
12015	347A93-5	TOP GUIDE/HS012G	THƯỚC CÁN/HS012G	22.896	8%
12016	347A98-5	COUNTER STOPPER/ST001G	MIẾNG ĐỆM /ST001G	274.752	8%
12017	347A99-3	HAMMER/ST001G	BÙA/ST001G	1.071.576	8%
12018	347B00-4	SPRING RAIL/ST001G	MIẾNG THÉP GIỮ THANH ĐÁY ĐINH/ST001G	42.020	10%
12019	347B01-2	LOCK LEVER/ST001G	THANH KHÓA/ST001G	233.200	10%
12020	347B03-8	CHANGE PLATE/DHR183	MIẾNG ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ KHOAN/DHR183	18.700	10%
12021	347B05-4	GUIDE PLATE/DHR183	MIẾNG ĐỆM/DHR183	9.350	10%
12022	347B10-1	ANGULAR PLATE/EN402MP	TẦM ĐỆM CHIA GÓC/EN402MP	37.400	10%
12023	347B13-5	PROTECTOR CLAMP 25G/UR013G	MIẾNG THÉP KÉP BẢO VỆ ỐNG 25G/UR013G	55.990	10%
12024	347B15-1	CUTTER/UR013G	MIẾNG THÉP CẮT DÂY CƯỚC CẮT CỎ DÙ/UR013G	65.340	10%
12025	347B26-6	BATTERY GUARD/UR016G	THANH THÉP BẢO VỆ PIN/UR016G	209.880	10%
12026	347B30-5	THICKNESS RING 34/HS012G	VÒNG ĐỆM/HS012G	9.350	10%
12027	347B33-9	LOWER PLATE/EN402MP	MIẾNG ĐỆM/EN402MP	9.350	10%
12028	347B35-5	FRICTION PLATE L/EN402MP	MIẾNG ĐỆM HỘP NHÔNG/EN402MP	28.050	10%
12029	347B36-3	UNDER PLATE/EN402MP	TẦM ĐỆM NGOÀI/EN402MP	137.376	8%
12030	347B39-7	FAN COVER/VC010G	NÁP BẢO VỆ CÁN QUẠT/VC010G	84.040	10%
12031	347B41-0	HANDLE BRACKET R/UV001G	CÀN TĂNG GIẢM ĐỘ CAO BÊN PHẢI/UV001G	331.210	10%
12032	347B42-8	HANDLE BRACKET/UV001G	CÀN TĂNG GIẢM BÊN TRÁI/UV001G	331.210	10%
12033	347B45-2	PULLEY PLATE 30/UV001G	TẦM ĐỆM PULY 30/UV001G	42.020	10%
12034	347B46-0	PLATE/UV001G	MIẾNG ĐỆM BẢNG THÉP/UV001G	18.700	10%
12035	347B49-4	UNDER PLATE/EN424MP	TẦM ĐỆM/EN424MP	125.950	10%
12036	347B50-9	LINEAR GUIDE/JV001G	THANH DẪN HƯỚNG/JV001G	88.660	10%
12037	347B51-7	SENSOR PLATE/RM350D	CAM BIẾN TỬ/RM350D	18.360	8%
12038	347B52-5	SKID PLATE/RM350D	TẦM TRƯỢT BẢO VỆ LƯỚI CÁT/RM350D	261.250	10%
12039	347B56-7	HOOK/BAP001G	MỐC TREO /BAP001G	256.500	8%
12040	347B57-5	STAND PLATE/PDC1500	THANH ĐỨNG/PDC1500	401.170	10%
12041	347B58-3	BEARING RETAINER/UV001G	MIẾNG GIỮ BẠC ĐẠN/UV001G	14.080	10%
12042	347B64-8	CONNECTING ROD F/LM004G	THANH LIÊN KẾT F/LM004G	116.600	10%
12043	347B65-6	CONNECTING ROD R/LM004G	THANH LIÊN KẾT R/LM004G	116.600	10%
12044	347B66-4	WOBBLE PLATE 8.5/DHW080	NÁP CHỤP 8.5/DHW080	261.036	8%
12045	347B67-2	UNDER DRIVER GUIDE/DST421	THANH DẪN DƯỚI/DST421	135.300	10%
12046	347B68-0	UNDER DRIVER GUIDE/DST121	THANH DẪN DƯỚI/DST121	158.620	10%
12047	347B77-9	CASTER PLATE/VS001G	MIẾNG NỆP NHỰA /VS001G	91.584	8%
12048	347B78-7	BRUSH PLATE R/VS001G	MIẾNG ĐỆM TRỤC BÊN PHẢI/VS001G	396.440	10%
12049	347B79-5	TENSION PLATE/VS001G	MIẾNG ĐỆM/VS001G	60.720	10%
12050	347B80-0	HEIGHT ADJUST PLATE/VS001G	MIẾNG THÉP ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/VS001G	107.360	10%
12051	347B81-8	DIAL BASE/VS001G	MIẾNG THÉP ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO CHÓI QUÉT/VS001G	65.340	10%
12052	347B82-6	BRUSH PLATE L/VS001G	MIẾNG ĐỆM TRỤC BÀN CHAI/VS001G	219.230	10%
12053	347B83-4	CABLE PLATE/VS001G	MIẾNG THÉP NỆP DÂY TĂNG CHỈNH/VS001G	32.670	10%
12054	347B84-2	PULLY HOLDER/VS001G	GÁ ĐỖ PULY /VS001G	79.310	10%
12055	347B85-0	PLUNGER CAP/VS001G	CHỐT ĐỊNH VỊ/VS001G	14.080	10%
12056	347B86-8	TOP COVER PLATE/VS001G	MIẾNG THÉP BẢO VỆ/VS001G	18.700	10%
12057	347B90-7	HOOK/WT001G	MỐC GÁI/WT001G	1.212.640	10%
12058	347B98-1	PLATE/WA400MP	MIẾNG ĐỆM/WA400MP	9.350	10%
12059	347B99-9	PLATE/HM004G	MIẾNG ĐỆM/HM004G	55.990	10%
12060	347C01-8	GUIDE PLATE/UC021G,UC022G,UC023G,UC024G,UC025G,UC026G	MIẾNG ĐỆM BẢNG THÉP/UC021G,UC022G,UC023G,UC024G,UC025G,UC026G	28.050	10%
12061	347C02-6	GUIDE PLATE R/UC022G	MIẾNG DẪN HƯỚNG/UC022G	28.050	10%
12062	347C05-0	SHAFT PLATE/VS001G	MIẾNG ĐỆM TRỤC/VS001G	79.310	10%
12063	347C15-7	PLATE S/DFL303F	TẦM ĐỆM/DFL303F	98.010	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12064	347C24-6	BRACKET/UB004C	MIẾNG NẸP KHUNG CHÂN/UB004C	158.620	10%
12065	347C25-4	PULLY BOTTOM PLATE 5/CE003G	TÀM ĐỆM PULY 5/CE003G	32.670	10%
12066	347C26-2	PULLEY PLATE 36/CE003G	ĐỆM TRỤC QUAY 36/CE003G	14.080	10%
12067	347C45-8	LOCK WASHER 39/UN001G	VÒNG GAI BĂNG THÉP 39/UN001G	55.990	10%
12068	347C46-6	LOCK WASHER 27/UN001G	VÒNG ĐỆM 27/UN001G	46.640	10%
12069	347C47-4	ANGULAR HOLDER/UN001G	GIA ĐỒ GÓC QUAY/UN001G	88.660	10%
12070	347C59-7	LOCK PLATE/HR2670FT/HR2670	KHÓA CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2670FT/HR2670	9.350	10%
12071	347C60-2	GUIDE PLATE/HR2670	MIẾNG ĐỆM/HR2670	4.730	10%
12072	347C62-8	SUPPORT PLATE/TW009G	MIẾNG ĐỆM/TW009G	32.670	10%
12073	347C69-4	FRONT HANDLE C/BS001G	TAY CẦM TRƯỚC C/BS001G	93.280	10%
12074	347D08-0	ADJ T PLATE/PS001G	MIẾNG CHIA ĐỘ/PS001G	564.410	10%
12075	347D09-8	FIX PLATE/PS001G	TÀM THÉP CỐ ĐỊNH THANH GAT/PS001G	167.970	10%
12076	347D13-7	RING 30/DTM53/HR011G	VÒNG ĐỆM 30/DTM53/HR011G	26.400	10%
12077	347D29-2	CUTTER BASE/TR001G	ĐỀ ĐỘ LƯỚI CẮT/TR001G	1.136.160	8%
12078	347D30-7	STOPPER BASE/TR001G	MIẾNG CHÂN BĂNG THÉP/TR001G	299.200	10%
12079	347D32-3	SLIDE PLATE/TR001G	THÀNH TRƯỢT/TR001G	419.040	8%
12080	347D33-1	SIDE PLATE/TR001G	MIẾNG THÉP BẢO VỆ LƯỚI CẮT/TR001G	479.600	10%
12081	347D34-9	CURL GUIDE C/TR001G	THÀNH DẪN HƯỚNG DÂY THÉP/TR001G	1.071.360	8%
12082	347D38-1	SLIDE PLATE GUIDE/TR001G	MIẾNG DẪN HƯỚNG/TR001G	95.040	8%
12083	347D42-0	LOCK WASHER 45/DUN500W	VÒNG ĐỆM 45/DUN500W	93.280	10%
12084	347D43-8	LOCK WASHER 25/DUN500W	VÒNG ĐỆM 25/DUN500W	51.370	10%
12085	347D45-4	FAN COVER/VC014G	CHỤP BẢO VỆ CẢNH QUẠT/VC014G	82.512	8%
12086	347D47-0	GUIDE PLATE/TR001G	TÀM DẪN HƯỚNG/TR001G	129.600	8%
12087	347D52-7	LOWER RETAINER/GA055G/GA056G	GIA ĐỒ THANH ĐIỀU CHỈNH/GA055G/GA056G	35.200	10%
12088	347D88-6	PLATE/DTL300/DTL301/DTL302	MIẾNG ĐỆM/DTL300/DTL301/DTL302	8.800	10%
12089	347E15-9	SPIKE BUMPER/UC030G	TÀM THÉP GIAM CHÂN/UC030G	26.400	10%
12090	347E16-7	TENSION SLIDE/UC030G	MIẾNG TRƯỢT ĐIỀU CHỈNH LAM XÍCH/UC030G	44.000	10%
12091	347E17-5	BRAKE BAND COMPLETE/UC030G	PHANH XÍCH/UC030G	130.680	10%
12092	347E19-1	SHOE/RO03G	ĐỀ DẪN HƯỚNG LƯỚI CỬA/RO03G	59.616	8%
12093	347E21-4	LOCK PLATE/DUP181	VÒNG KHOA LƯỚI CẮT/DUP181	13.200	10%
12094	347E26-4	HOOK SUPPORT/UC031G	GIA ĐỒ MÓC TREO/UC031G	48.400	10%
12095	347E27-2	BRAKE BAND/UC031G	DÂY PHANH XÍCH/UC031G	43.200	8%
12096	347E28-0	GUIDE PLATE L/UC031G	TÀM DẪN HƯỚNG LAM TRÁI/UC031G	21.600	8%
12097	347E30-3	TENSION SLIDE/UC031G	THÀNH TRƯỢT ĐIỀU CHỈNH LAM XÍCH/UC031G	34.560	8%
12098	347E43-4	RING 13/TD004G	VÒNG ĐỆM 13/TD004G	42.020	10%
12099	352012-2	SEPARATOR MESH/EK7651H	TÀM ĐỆM NGĂN/EK7651H	132.000	10%
12100	352013-0	SEPARATOR NET/PM7650H	LƯỚI LỌC/PM7650H	7.560	8%
12101	352020-3	SEPARATOR MESH/EB7650TH	LƯỚI LỌC/EB7650TH	48.400	10%
12102	352021-1	INLET SCREEN/EE2650H	LƯỚI LỌC/EE2650H	4.400	10%
12103	352027-9	SPARK ARRESTER SCREEN/EA4301F	LƯỚI LỌC BĂNG THÉP/EA4301F	4.400	10%
12104	353019-1	CONTROL CABLE/EBH340U	DÂY GA/EBH340U	88.000	10%
12105	370021-000	SWITCH,WASHER & NUT/SJ401	CHIẾT AP/SJ401	87.048	8%
12106	375009-001	CARBON BRUSH/SJ401	CHỖI THAN/SJ401	54.972	8%
12107	3997815	SEAL-OIL/PLM4631N2	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/PLM4631N2	19.440	8%
12108	3R004	COM. ADAPTER INITIALIZATIONJIG/ADP12	BỘ KIỂM TRA TUỔI THỌ PIN 40V/ADP12	4.038.876	8%
12109	410126-4	KNOB R/3612br	TAY CẦM/3612BR	169.452	8%
12110	410127-2	KNOB L/3612br	TAY CẦM/3612BR	169.452	8%
12111	410128-0	CHIP DEFLECTOR/3612BR	MIẾNG CHÂN BẢO VỆ/3612BR	73.332	8%
12112	410129-8	NYLON NUT M10/RP2301FC	NÚT Vặn ĐIỀU CHỈNH M10/RP2301FC	27.540	8%
12113	410258-7	BAFFLE PLATE/3612BR	NÁP CHÁN GIÓ/3612BR	32.076	8%
12114	410297-7	SWITCH COVER/3612BR	NÁP CÔNG TÁC/3612BR	77.868	8%
12115	410438-5	REAR COVER/1911B	VỎ MÁY/1911B	128.304	8%
12116	410509-8	BAFFLE PLATE/HM0810	NÁP CHÁN GIÓ/HM0810	27.540	8%
12117	410585-2	BASE PROTECTOR/N3701	TÀM LỘT BÀN ĐỀ/N3701	82.512	8%
12118	410646-8	RELAY COVER/5012B	VÒNG BẢO VỆ/5012B	55.990	10%
12119	410899-9	JOINT/9741	ÔNG NỐI/9741	32.076	8%
12120	410918-1	FOOT/BO4540	MIẾNG NHỰA GIAM RUNG/BO4540	73.332	8%
12121	410919-9	COVER A/4107R	NÁP CHỤP BẢO VỆ A/4107R	696.060	8%
12122	410920-4	COVER B/4107R	NÁP CHỤP BẢO VỆ B/4107R	283.932	8%
12123	410954-7	HANDLE COVER/9741	TAY CẦM/9741	169.452	8%
12124	410957-1	BAFFLE PLATE/9741	NÁP CHÁN GIÓ/9741	55.990	10%
12125	411019-8	BELT COVER/9403	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CU-ROA/N1900B	77.868	8%
12126	411023-7	BASE PLATE/3600H	TÀM LỘT BÀN ĐỀ/3600H	224.424	8%
12127	411153-4	AUXILIARY BAFFLE PLATE/1900B	TÀM CHÂN/1900B	18.360	8%
12128	411170-4	HANDLE COVER/1900B	MIẾNG BẢO VỆ/1900B	164.916	8%
12129	411262-9	HANDLE COVER/9207SPB	NÁP TAY CẦM/9207SPB	298.080	8%
12130	411263-7	BAFFLE PLATE/9207SPB	NÁP CHÁN GIÓ/9207SPB	146.880	8%
12131	411321-9	HANDLE COVER/9924DB	NÁP TAY CẦM/9924DB	123.660	8%
12132	411322-7	BAFFLE PLATE/9924DB	NÁP CHÁN GIÓ/9924DB	34.560	8%
12133	411372-2	SCALE RING/3600H	VÒNG NHỰA CHIA ĐỘ/3600H	338.904	8%
12134	411423-1	HANDLE COVER/1911B	TAY CẦM/1911B	17.280	8%
12135	411426-5	BELT COVER/1911B	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CU-ROA /1911B	77.868	8%
12136	411428-1	BAFFLE PLATE/1911B	NÁP CHÁN GIÓ/1911B	12.960	8%
12137	411462-1	BAFFLE PLATE/5016B	NÁP CHÁN GIÓ/5016B	45.792	8%
12138	411478-6	SWITCH BUTTON/2414NB	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/2414NB	13.824	8%
12139	411594-4	SHOE/9924DB	GÁ ĐỖ LÒ XO /9924DB	14.080	10%
12140	411625-9	PUSH BUTTON/9045B	NÚT NHẤN/9045B	18.700	10%
12141	411628-3	BAFFLE PLATE/9045B	NÁP CHÁN GIÓ/9045B	32.076	8%
12142	411650-0	CHIP COVER/1900B	NÁP DẪN HƯỚNG BỤI/1900B	36.720	8%
12143	411709-3	CRANK CAP/HM0810	NÁP ĐẦU/HM0810	132.840	8%
12144	411736-0	BAFFLE PLATE/5012B	NÁP CHÁN GIÓ/5012B	41.256	8%
12145	411737-8	SIDE GRIP/5012B	ỐP TAY BẢO VỆ/5012B	265.680	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12146	411747-5	PROTECTOR/5016B	TẮM CHÂN/5016B	59.616	8%
12147	411876-4	BAFFLE PLATE/JN3200	NẮP CHẮN GIÓ/JN3200	100.764	8%
12148	411930-4	BASE/N3701	ĐỀ CỬA MÁY ĐÁNH CANH/N3701	215.244	8%
12149	412025-6	PIPE 4/5016B	NÁP HỘP NHÔNG/5016B	4.320	8%
12150	412037-9	PISTON RING 29/HR3520	BẠC PISTON/HR3520	142.020	8%
12151	412038-7	PISTON RING 34/HR3850	BẠC PISTON/HR3850	119.124	8%
12152	412041-8	INNER RING 30/HR3850	VÒNG ĐỆM/HR3850	209.880	10%
12153	412049-2	PISTON RING 40/HM1201	BẠC PISTON/HM1201	132.840	8%
12154	412053-1	PISTON RING 30/HM0810	BẠC PISTON/HM0810	109.944	8%
12155	412073-5	INNER RING 26/HM0810	VÒNG ĐỆM/HM0810	105.408	8%
12156	412097-1	TUBE/EH6000W	ỐNG CAO SU/EH6000W	12.960	8%
12157	412102-4	TUBE/EH6000W	ỐNG CAO SU/EH6000W	12.960	8%
12158	412107-4	VINYL TUBE 5/CC300D	ỐNG DẪN NƯỚC/CC300D	9.180	8%
12159	412108-2	TUBE 10-300/PM7650H	ỐNG DẪN NƯỚC/PM7650H	25.920	8%
12160	412109-0	TUBE 10-500/PM7650H	ỐNG DẪN NƯỚC/PM7650H	38.880	8%
12161	412110-5	TUBE 10-750/PM7650H	ỐNG DẪN NƯỚC/PM7650H	47.520	8%
12162	412112-1	TUBE 3-60/EB7650TH	ỐNG CAO SU/EB7650TH	25.920	8%
12163	412114-7	FUEL TUBE 3-370/EB7650TH	ỐNG CAOSU/EB7650TH	38.880	8%
12164	412116-3	ELBOW/PM7650H	CÓ ỚNG THỐI/PM7650H	88.000	10%
12165	412119-7	TUBE GUARD 20-160/PM7650H	ỐNG CAO SU/PM7650H	21.600	8%
12166	412120-2	FUEL TUBE 3-370/EB7650TH	ỐNG CAOSU/EB7650TH	56.160	8%
12167	412121-0	TUBE 3-130/EB7650TH	ỐNG CAO SU/EB7650TH	17.280	8%
12168	412122-8	TUBE 3-240/PM7650H	ỐNG CAO SU/PM7650H	30.240	8%
12169	412123-6	TUBE 10-110/PM7650H	ỐNG CAO SU/PM7650H	2.160	8%
12170	412124-4	TUBE 10-220/PM7650H	ỐNG CAO SU/PM7650H	2.160	8%
12171	412134-1	TUBE 3-210/PM7650H	ỐNG CAO SU/PM7650H	5.400	8%
12172	412144-8	ELBOW/EB7650TH	ỐNG KHUY/EB7650TH	108.000	8%
12173	412145-6	AIR CLEANER ELEMENT/EB7650TH	LỌC GIÓ/EB7650TH	109.944	8%
12174	412188-8	CENTER CASE/DCU603	VỎ CHỨA PIN/DCU603	870.048	8%
12175	412190-1	FRONT COVER/DCU603	VỎ CHỨA PIN (TRƯỚC)/DCU603	636.552	8%
12176	412194-3	INNER CASE/DCU603	ĐỂ NHỰA GIỮ BƠ MACH/DCU603	137.376	8%
12177	412195-1	BATTERY COVER HOOK/DCU603	MIẾNG NHỰA GẮT GIỮ HỘP BẢO VỆ PIN/DCU603	45.792	8%
12178	412196-9	CHANGE LEVER/DCU603	NÚT CHỈNH CHẾ ĐỘ/DCU603	36.720	8%
12179	412197-7	KNOB/DCU603	GIÁ ĐỖ THANH NỔI/DCU603	36.720	8%
12180	412198-5	DUMP BUCKET 200/DCU603	THÙNG CHỨA 200/DCU603	5.713.400	10%
12181	412201-2	SWITCH CASE/DCU601/DCU602	HỘP CÔNG TẮC/DCU601/DCU602	283.932	8%
12182	412202-0	SWITCH COVER/DCU601/DCU602	NẮP HỘP CÔNG TẮC/DCU601/DCU602	265.680	8%
12183	412203-8	ROD END/DCU601/DCU602	ĐẦU KẾT NỐI TRỤC/DCU601/DCU602	68.688	8%
12184	412206-2	SWITCH LEVER/DCU603	THANH GẠT CÔNG TẮC/DCU603	36.720	8%
12185	412210-1	SLIDER/DHS900	THANH TRƯỢT/DHS900	41.256	8%
12186	412221-6	MOTOR HOUSING/M9512B	VỎ MÁY/M9512B	96.228	8%
12187	412223-2	MOTOR HOUSING/MT971	VỎ MÁY/MT971	105.408	8%
12188	412226-6	MOTOR HOUSING/M9513	VỎ MÁY/M9513	105.408	8%
12189	412228-2	MOTOR HOUSING/MT971	VỎ MÁY/MT971	114.480	8%
12190	412233-9	SWITCH LEVER/GA003	CÁN GẠT CÔNG TẮC/GA003	13.824	8%
12191	412234-7	PIN CAP/GA003	MIẾNG ỚP LỖ XO/GA003	9.180	8%
12192	412237-1	CONTACT ARM/DFN350	CÁN KHÓA MỞ ĐINH/DFN350	34.560	8%
12193	412244-4	BATTERY COVER/DLM160	NẮP ĐẦY HỘP CHỨA PIN/DLM160	105.408	8%
12194	412245-2	DIAL 70/DLM160	TAY NÀM ĐIỀU CHỈNH/DLM160	87.048	8%
12195	412248-6	HINGE COVER/DLM160	NẮP CHỤP BẢO VỆ BÀN XE/DLM160	41.256	8%
12196	412249-4	DUST COVER/DLM160	TẮM THU CỎ/DLM160	50.436	8%
12197	412250-9	DUST BOX/DLM160	HỘP CHỮ BỤI/DLM160	663.984	8%
12198	412253-3	COLLECT GUIDE/DLM160	TẮM THU CỎ/DLM160	87.048	8%
12199	412254-1	HANDLE COVER/DLM160	BẢO VỆ TAY CẦM/DLM160	100.764	8%
12200	412255-9	DUST BOX COVER/DLM160	NẮP BẢO VỆ HỘP CHỨA BỤI/DLM160	96.228	8%
12201	412262-2	LEAD COVER/DLM533	NẮP BẢO VỆ/DLM533	50.436	8%
12202	412263-0	DECK UNDER COVER/DLM533	NẮP DƯỚI THÂN MÁY/DLM533	224.424	8%
12203	412264-8	FRONT SHAFT SUPPORT/DLM533	GIÁ ĐỖ TRỤC TRƯỚC/DLM533	22.896	8%
12204	412268-0	STOPPER PLATE/DVC660	MIẾNG ĐỆM/DVC660	18.360	8%
12205	412272-9	UNDER COVER/DLM382	NẮP BẢO VỆ DƯỚI/DLM382	77.760	8%
12206	412273-7	MULCHING PLUG/DLM382	NẮP CHỤP/DLM382	280.800	8%
12207	412277-9	MOTOR HOUSING/DCE090	VỎ MOTOR/DCE090	306.828	8%
12208	412285-0	SWITCH LEVER/DUN600L	VỎ ĐẠY CÔNG TẮC/DUN600L	27.540	8%
12209	412295-7	STOPPER PIN HOLDER/DUN500	CHỐT ĐỊNH VỊ/DUN500	27.540	8%
12210	412296-5	SLIDE GRIP 24/DUN500W	TAY TRƯỢT BĂNG NHỰA/DUN500W	54.972	8%
12211	412302-6	CORD HOLDER/UR101C	ỐNG GIỮ DÂY/UR101C	192.348	8%
12212	412305-0	PIPE HOLDER 24/UR101C	GIÁ ĐỖ ỚNG TAY CẦM 24/UR101C	306.828	8%
12213	412310-7	GRIP JOINT/DUH604S	VỎ TAY CẦM/DUH604S	128.304	8%
12214	412311-5	GRIP JOINT COVER/DUH604S	VỎ TAY CẦM/DUH604S	142.020	8%
12215	412315-7	SWITCH LEVER R/DUH604S	VỎ BẢO VỆ CÔNG TẮC/DUH604S	45.792	8%
12216	412316-5	SWITCH LEVER F/DUH604S	VỎ BẢO VỆ CÔNG TẮC/DUH604S	100.764	8%
12217	412317-3	LOWER GUARD/DUH604S	VỎ MÁY/DUH604S	41.256	8%
12218	412339-3	REAR COVER/TD001G	VỎ DƯỚI MÁY/TD001G	59.616	8%
12219	412344-0	BATTERY LOWER COVER L/DCE090	VỎ MÁY L/DCE090	164.916	8%
12220	412346-6	BATTERY LOWER COVER R/DCE090	VỎ MÁY R/DCE090	270.216	8%
12221	412347-4	LENS/DCE090	MIẾNG ĐỆM/DCE090	91.584	8%
12222	412348-2	BATTERY COVER HOOK/DCE090	NẮP BẢO VỆ PIN/DCE090	68.688	8%
12223	412358-9	COVER/DFL303F	NẮP/DFL303F	448.848	8%
12224	412361-0	REAR COVER/HP001G	NẮP BẢO VỆ SAU MÁY/HP001G	54.972	8%
12225	412367-8	GEAR CASE/PP001G	HỘP NHÔNG/PP001G	45.792	8%
12226	412368-6	MOTOR BRACKET/PP001G	GIÁ ĐỖ MÔ TƠ/PP001G	45.792	8%
12227	412380-6	GEAR CASE COVER/DLM160	NẮP CHỤP NHÔNG/DLM160	18.360	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12228	412392-9	PROTECTOR/DUR191L	TẮM CHÂN BẢO VỆ/DUR191L	169.452	8%
12229	412408-0	PIN CAP/DUR191L	NẮP CHỤP/DUR191L	9.180	8%
12230	412420-0	UPPER HOUSING/DVC560	VỎ MÁY/DVC560	325.188	8%
12231	412433-1	FRONT ROLLER HOLDER/DVC560	GIÁ ĐỖ BÀNH TRƯỚC/DVC560	105.408	8%
12232	412434-9	FRONT ROLLER/DVC560	RULO TRƯỚC/DVC560	54.972	8%
12233	412437-3	BATTERY COVER/DVC560	MIẾNG NHỰA CHỤP/DVC560	320.544	8%
12234	412438-1	HEIGHT CHANGE LEVER/DVC560	NÚT ĐIỀU CHỈNH/DVC560	45.792	8%
12235	412439-9	CAM/DVC560	ĐĨA LỆCH TRỤC/DVC560	36.720	8%
12236	412440-4	LOCK LEVER B/DVC560	CHÓT ĐỊNH VỊ KHÓA B/DVC560	45.792	8%
12237	412444-6	NOZZLE HOLDER/DVC560	GIÁ ĐỖ ỐNG/DVC560	32.076	8%
12238	412445-4	DUST BOX COVER/DVC560	VỎ HỘP CHỨA BỤI/DVC560	325.188	8%
12239	412446-2	LATCH/DVC560	CHÓT ĐỊNH VỊ/DVC560	59.616	8%
12240	412449-6	SIDE DUST BOX COVER/DVC560	VỎ HỒNG HỘP CHỨA BỤI/DVC560	164.916	8%
12241	412454-3	FOOT LEVER/DVC560	CHÂN GAI BĂNG NHỰA/DVC560	59.616	8%
12242	412455-1	INLET/DVC560	ĐẦU VÀO/DVC560	96.228	8%
12243	412463-2	STAY/DVC560	MIẾNG CHÂN BỤI/DVC560	77.868	8%
12244	412464-0	LOCK LEVER A/DVC560	NÚT KHÓA A/DVC560	27.540	8%
12245	412465-8	STOPPER PLATE/DVC560	THANH CHÂN/DVC560	28.050	10%
12246	412476-3	MOTOR COVER/JR001	VỎ MOTOR/JR001	91.584	8%
12247	412480-2	SPACER/HS003G	MIẾNG ĐỆM/HS003G	18.700	10%
12248	412485-2	WHEEL COVER/DPB183	CHỤP BẢO VỆ/DPB183	242.784	8%
12249	412494-1	MAIN MAGAZINE/DST421	Ố ĐÌNH /DST421	1.075.680	8%
12250	412495-9	FRONT COVER/DST421	BẢO VỆ PHÍA TRƯỚC/DST421	68.688	8%
12251	412496-7	CONTACT ARM COVER/DST421	VỎ MÁY/DST421	47.520	8%
12252	412533-7	HOOK RETAINER/DCU603	MÓC GIỮ NẮP HỘP ĐỰNG PIN/DCU603	36.720	8%
12253	412550-7	WHEEL COVER/DPB184	CHỤP BẢO VỆ/DPB184	215.244	8%
12254	412551-5	LOCK OFF BUTTON/DPB183	NÚT CỒNG TẮC/DPB183	32.076	8%
12255	412555-7	REAR COVER/DTW300	NẮP CHỤP/DTW300	45.792	8%
12256	412556-5	HAMMER CASE COVER/DTW300	BẢO VỆ ĐẦU Búa/DTW300	27.540	8%
12257	412561-2	CORD COVER/DCU603	HỘP BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/DCU603	174.096	8%
12258	412562-0	HANDLE BASE COVER/DCU603	HỘP BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/DCU603	114.480	8%
12259	412572-7	FAN COVER/DUB185	BẢO VỆ CẢNH QUẠT/DUB185	123.660	8%
12260	412573-5	DIAL/DUB185	NÚM TẮNG GIÀM TỐC ĐỘ/DUB185	22.896	8%
12261	412574-3	JOINT/UB101D	ĐẦU NỐI/UB101D	22.896	8%
12262	412580-8	PROTECTOR N 330/DUR192L	TẮM CHÂN BẢO VỆ N 330/DUR192L	128.304	8%
12263	412581-6	SEPARATOR/DVC157	NẮP ĐUÔI MÁY/DVC157	302.292	8%
12264	412590-5	FILTER CAGE/DVC156	BỘ LỌC/DVC156	283.932	8%
12265	412601-6	INSULATION TUBE/EK8100	ỐNG LÓT/EK8100	17.280	8%
12266	412623-6	LINER 15/DUA300	ỐNG LÓT 15/DUA300	228.960	8%
12267	412624-4	BEARING HOUSING A/DUA300	VỎ Ổ BÌ A/DUA300	55.990	10%
12268	412625-2	SLIDE BUSH/DUA300	ỐNG LÓT TRƯỢT/DUA300	18.700	10%
12269	412626-0	PIPE SLEEVE 28/DUA300	ỐNG LÓT/DUA300	68.688	8%
12270	412627-8	BEARING HOUSING B/DUA300	VỎ Ổ BÌ B/DUA300	51.370	10%
12271	412629-4	PIPE JOINT/DUA300	ỐNG NỐI/DUA300	130.680	10%
12272	412630-9	LOCK SCREW/DUA300	ĐẦU NỐI/DUA300	187.812	8%
12273	412631-7	LOCK RING/DUA300	VÒNG KHÓA NGOÀI/DUA300	137.376	8%
12274	412632-5	LOCK SLEEVE/DUA300	VÒNG ĐỆM/DUA300	45.792	8%
12275	412633-3	PIPE SLEEVE 24/DUA300	ĐỆM ỐNG 24/DUA300	37.400	10%
12276	412634-1	GRIP END 38/DUA300	NẮP CÁN 38/DUA300	98.010	10%
12277	412645-6	BATTERY GUARD/DUA300	TAY CẮM/DUA300	228.960	8%
12278	412663-4	MAIN MAGAZINE/DST121	Ố ĐÌNH/DST121	1.239.840	8%
12279	412666-8	SEPARATOR/DVC156	NẮP ĐUÔI MÁY/DVC156	329.724	8%
12280	412673-1	REAR COVER/DTW700	NẮP ĐUÔI MÁY/DTW700	91.584	8%
12281	412697-7	LOCK OFF BUTTON/DPV300	KHOA CỒNG TẮC VÀ ĐẠO CHIỀU/DPV300	27.540	8%
12282	412702-0	BEARING BOX/DCO181	NẮP GIỮ BẠC ĐẠN/DCO181	87.048	8%
12283	412712-7	CHANGE PLATE/DFT024F	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DFT024F	54.972	8%
12284	412715-1	HANDLE COVER/M1100B	NẮP DÂY TAY CẮM/M1100B	96.228	8%
12285	412718-5	BAFFLE PLATE/DBS180	NẮP CHÁN GIÓ/DBS180	41.256	8%
12286	412719-3	LED HOUSING/DBS180	VỎ ĐÈN LED/DBS180	36.720	8%
12287	412720-8	CHANGE LEVER/DBS180	CHÓT AN TOÀN/DBS180	36.720	8%
12288	412721-6	KNOB/DBS180	NÚT BĂM/DBS180	36.720	8%
12289	412724-0	UPPER STOPPER L/DLM160	MIẾNG CHÂN DỨT L/DLM160	14.080	10%
12290	412725-8	UPPER STOPPER R/DLM160	MIẾNG CHÂN TRÊN R/DLM160	14.080	10%
12291	412726-6	CONTACT ARM/DFN350	CÁN KHOA MỞ ĐÌNH/DFN350	45.792	8%
12292	412727-4	SHAFT LOCK/DCO181	KHOA LƯỚI/DCO181	36.720	8%
12293	412749-4	REAR COVER/UB001C	NẮP BẢO VỆ SAU/UB001C	155.736	8%
12294	412751-7	MOTOR HOUSING/UB001C	VỎ MOTOR/UB001C	265.680	8%
12295	412752-5	CAP/UB001C	NẮP CHỤP/UB001C	114.480	8%
12296	412753-3	MOTOR HOUSING COVER/UB001C	NẮP CHỤP VỎ MÁY/UB001C	59.616	8%
12297	412754-1	LINK/UB001C	CÁN GẠT CỒNG TẮC/UB001C	32.076	8%
12298	412755-9	CONTROL LEVER/UB001C	THANH ĐIỀU KHIỂN/UB001C	32.076	8%
12299	412756-7	SWITCH LEVER/UB001C	THANH GẠT CỒNG TẮC/UB001C	45.792	8%
12300	412757-5	FRONT PIPE/UB001C	ỐNG THỐI/UB001C	348.084	8%
12301	412765-6	WAIST HARNESS PLATE/PDC1200	TẮM ĐỆM LƯNG/PDC1200	274.752	8%
12302	412766-4	BACK PLATE/PDC1200	MIẾNG ĐỆM /PDC1200	68.688	8%
12303	412767-2	BOTTOM HOLDER/PDC1200	TẮM ĐỖ GIỮ/PDC1200	45.792	8%
12304	412771-1	ADJUSTER/DST421	NÚT XOAY/DST421	41.256	8%
12305	412772-9	TRIGGER/DFN350	NÚT CỒNG TẮC/DFN350	32.076	8%
12306	412781-8	CORD HOLDER 11/PDC1200	VÒNG KẸP 11/PDC1200	4.644	8%
12307	412804-2	OUTFLOW JOINT/DHW080	KHỚP NỐI/DHW080	73.332	8%
12308	412821-2	REAR COVER/TW004G	VỎ ĐUÔI MÁY/TW004G	36.720	8%
12309	412822-0	HAMMER CASE COVER/TW004G	VỎ HỘP NHÔNG/TW004G	22.896	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12310	412838-5	HANDLE COVER/M2402	NÁP TAY CÀM/M2402	91.584	8%
12311	412857-1	CONNECTING ROD/HM1511	TAY BIẾN/HM1511	325.188	8%
12312	412858-9	PISTON/HM1511	QUẢ PISTON/HM1511	423.576	8%
12313	412859-7	SLIDE SLEEVE/HM1511	MIẾNG ĐỆM XY LANH/HM1511	632.016	8%
12314	412860-2	MOTOR HOUSING/HM1511	VỎ MÁY/HM1511	531.252	8%
12315	412861-0	BUFFLE PLATE/HM1511	NÁP CHÁN BỤI/HM1511	77.868	8%
12316	412862-8	CRANK CAP A/HM1511	GIÁ ĐỖ TAY BIẾN/HM1511	312.510	10%
12317	412863-6	LOCK OFF LEVER/DUR192L	THANH TẮT MỞ CÔNG TÁC/DUR192L	18.360	8%
12318	412865-2	PIPE HOLDER/HM1511	ỔNG GIÁ ĐỖ/HM1511	64.152	8%
12319	412866-0	SPRING GUIDE/HM1511	GIÁ ĐỖ LỖ XO/HM1511	54.972	8%
12320	412867-8	FILTER GUIDE/HM1511	THANH DẪN HƯỚNG/HM1511	55.990	10%
12321	412868-6	CONTROLLER CASE/HM1511	VỎ BẢO VỆ BỘ MẠCH/HM1511	187.812	8%
12322	412869-4	CORD COVER/HM1511	THANH KẸP DÂY DẪN/HM1511	114.480	8%
12323	412871-7	BASE/HM1511	GIÁ ĐỖ LỖ XO/HM1511	74.690	10%
12324	412874-1	BARREL COVER/HM1511	NÁP CHỤP NONG THÉP/HM1511	1.057.860	8%
12325	412875-9	TOP COVER/HM1511	NÁP CHỤP TRÊN/HM1511	599.940	8%
12326	412876-7	REAR COVER A/HM1511	NÁP CHỤP DƯỚI A/HM1511	572.400	8%
12327	412878-3	SWITCH HOLDER/HM1511	GIÁ ĐỖ CÔNG TÁC/HM1511	50.436	8%
12328	412879-1	SWITCH SUPPORT/HM1511	CÁN GẠT CÔNG TÁC/HM1511	45.792	8%
12329	412880-6	HANDLE COVER/HM1511	NÁP TAY CÀM/HM1511	366.336	8%
12330	412881-4	SIDE HANDLE/HM1511	TAY CÀM/HM1511	531.740	10%
12331	412890-3	CHARGER CASE COVER/DC40RB	NÁP SẠC/DC40RB	1.937.088	8%
12332	412891-1	TERMINAL BASE/DC40RB	ĐẼ GẮN PIN/DC40RB	494.640	8%
12333	412892-9	TERMINAL COVER/DC40RB	NÁP CHỤP/DC40RB	549.504	8%
12334	412926-8	MOTOR HOUSING/LS002G	VỎ MÁY/LS002G	196.992	8%
12335	412933-1	SAFETY COVER/LS002G	TẮM CHÀN BẢO VỆ/LS002G	412.128	8%
12336	412934-9	ARM COVER/LS002G	NÁP GIÁ ĐỖ THANH TRƯỢT/LS002G	45.792	8%
12337	412938-1	RAIL HOLDER/LS002G	NÁP GIÁ ĐỖ THANH TRƯỢT/LS002G	45.792	8%
12338	412939-9	LEVER 38/LS002G	KẸP GIỮ 38/LS002G	28.050	10%
12339	412940-4	KERF BOARD/LS002G	THƯỚC CHIA VẠCH/LS002G	74.800	10%
12340	412941-2	LEAD BLOCK/LS002G	TẮM DẪN HƯỚNG/LS002G	28.050	10%
12341	412942-0	INDICATION PLATE L/LS002G	THƯỚC CHIA ĐỘ TRÁI/LS002G	18.360	8%
12342	412943-8	INDICATION PLATE R/LS002G	THƯỚC CHIA ĐỘ PHẢI/LS002G	18.360	8%
12343	412944-6	DUST GUIDE HOLDER/LS002G	GIÁ ĐỖ DẪN HƯỚNG TỪ BỤI/LS002G	36.720	8%
12344	412945-4	HOSE CONNECTOR/LS002GZ	KHỚP NỐI/LS002GZ	45.792	8%
12345	412946-2	HOSE JOINT/LS002G	ĐẦU NỐI ỐNG HÚT BỤI/LS002G	109.944	8%
12346	412947-0	INLET/LS002G	ĐẦU NỐI ỐNG HÚT BỤI/LS002G	32.670	10%
12347	412951-9	BASE/HR005G	BẰ ĐỖ LỖ XO/HR005G	77.868	8%
12348	412953-5	TRIGGER LOCK/HR005G	CHÓT AN TOÀN/HR005G	64.152	8%
12349	412961-6	MOTOR HOUSING/UX01G	VỎ MOTOR/UX01G	119.124	8%
12350	412968-2	PROTECTOR N 330/EM409MP	TẮM BẢO VỆ LƯỚI PHIA DƯỚI/EM409MP	174.096	8%
12351	412969-0	PROTECTOR U 330/EM408MP	TẮM CHÀN CHỮ U 330/EM408MP	178.632	8%
12352	412971-3	LOCK OFF LEVER/GA5050	THANH GẠT CÔNG TÁC/GA5050	9.180	8%
12353	412978-9	CRANK CAP/HM001G	NÁP ĐẦU/HM001G	60.720	10%
12354	412980-2	SWITCH LEVER/HM001G	NÚT CÔNG TÁC/HM001G	41.256	8%
12355	412981-0	TRIGGER LOCK/HM001G	NÚT KHÓA /HM001G	27.540	8%
12356	412982-8	MOTOR HOUSING/HM001G	VỎ MOTOR/HM001G	334.368	8%
12357	412983-6	BAFFLE PLATE/HM001G	NÁP CHÁN GIÓ/HM001G	54.972	8%
12358	412984-4	SPRING PLATE A/HM001G	TẮM ĐỆM LỖ XO A/HM001G	13.824	8%
12359	412985-2	BASE/HM001G	GIÁ ĐỖ LỖ XO/HM001G	22.896	8%
12360	412986-0	SLIDE SLEEVE/HM001G	MIẾNG ĐỆM XY LANH/HM001G	46.640	10%
12361	412987-8	RIVET 7/DSL801	CHÓT HẠM 7/DSL801	13.824	8%
12362	412999-1	PROTECTOR 230/EM407MP	TẮM CHÀN BẢO VỆ 230/EM407MP	389.232	8%
12363	413008-9	BAFFLE PLATE/6906	NÁP CHÁN GIÓ/6906	74.690	10%
12364	413024-1	BASE PLATE/3612br	TẮM LÓT BÀN ĐỀ/3612BR	200.640	10%
12365	413068-1	BASE PLATE/4304	TẮM LÓT BÀN ĐỀ/4304	51.370	10%
12366	413076-2	BAFFLE PLATE/9563C	NÁP CHÁN GIÓ/9563C	27.540	8%
12367	413095-8	PLATE C/RJ3060T	MIẾNG ĐỆM CÁN GẠT/RJ3060T	23.320	10%
12368	413097-4	SLIDE COVER/2704	NÁP CHÀN/2704	352.620	8%
12369	413098-2	PLATE/DPT351	MIẾNG ĐỆM/DPT351	74.800	10%
12370	4130A2-8	MOTOR HOUSING COVER/RP001G	NÁP CHỤP MẠCH ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/RP001G	54.972	8%
12371	4130A3-6	BASE PLATE/RP001G	TẮM LÓT BÀN ĐỀ/RP001G	105.408	8%
12372	4130A8-6	SWITCH LEVER/RP001G	CÁN BÓP CÔNG TÁC/RP001G	41.256	8%
12373	4130B0-9	LOCK ON BUTTON/RP001G	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/RP001G	32.076	8%
12374	4130D2-9	SWITCH LEVER/UN001G	THANH GẠT CÔNG TÁC/UN001G	45.792	8%
12375	4130D3-7	STOPPER PIN HOLDER/UN001G	GIÁ ĐỖ CHÓT HẠM/UN001G	32.076	8%
12376	4130D4-5	SLIDE GRIP 24/UN001G	TAY CÀM TRƯỢT 24/UN001G	73.332	8%
12377	4130H2-7	GEAR COVER/UC012G	MIẾNG ĐẪY NHÔNG TẮNG XÍCH /UC012G	22.896	8%
12378	4130H6-9	MOTOR HOUSING/HR2670FT/HR2670	VỎ MÁY/HR2670FT/HR2670	206.064	8%
12379	4130H7-7	MOTOR HOUSING/HR2670FT/HR2670	VỎ MÁY/HR2670FT/HR2670	206.064	8%
12380	4130H8-5	HANDLE COVER/HR2670FT/HR2670	NÁP TAY CÀM/HR2670FT/HR2670	91.584	8%
12381	4130H9-3	CHANGE LEVER COVER/HR2670FT/HR2670	NÁP BẢO VỆ CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2670FT/HR2670	32.076	8%
12382	4130J0-5	CHUCK COVER/HR2670	CHỤP BẢO VỆ/HR2670	13.824	8%
12383	4130J1-3	BAFFLE PLATE/HR2670FT/HR2670	NÁP CHÁN BỤI/HR2670FT/HR2670	13.824	8%
12384	4130L1-7	BUFFLE PLATE/TW009G	NÁP CHÁN GIÓ/TW009G	32.076	8%
12385	4130L2-5	LEAD COVER/TW009G	TẮM CHÀN/TW009G	22.896	8%
12386	4130L3-3	SWITCH LEVER/TW009G	THANH GẠT CÔNG TÁC/TW009G	27.540	8%
12387	4130N3-7	ROLLER COVER/BS001G	VỎ MÁY BẢO VỆ RULO/BS001G	123.660	8%
12388	4130N4-5	BELT COVER/BS001G	NÁP HỘP DÂY CUROA/BS001G	59.616	8%
12389	4130N7-9	LOCKON BUTTON/BS001G	KHÓA CÔNG TÁC/BS001G	27.540	8%
12390	4130P1-5	SCROLL COVER/BS001G	VỎ HƯỚNG GIÓ/BS001G	64.152	8%
12391	4130P2-3	MOTOR HOUSING/BS001G	VỎ MOTOR/BS001G	87.048	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12392	4130P3-1	BUFFLE PLATE/BS001G	VÒNG CHẮN BỤI/BS001G	45.792	8%
12393	4130P5-7	FRONT HANDLE CAM/BS001G	KHÓA TAY CẮM TRƯỚC/BS001G	73.332	8%
12394	4130P6-5	LOCK OFF BUTTON B/DUA200	KHÓA KHỚP QUAY B/DUA200	18.360	8%
12395	4130P7-3	HOUSING R COVER/DUA200	VỎ MÁY BÊN PHẢI/DUA200	45.792	8%
12396	4130R3-5	LOCK RING/DUA200	KHÓA ỐNG CÁN REN TRONG/DUA200	45.792	8%
12397	4130R4-3	LOCK SCREW/DUA200	KHÓA ỐNG CÁN REN NGOÀI/DUA200	54.972	8%
12398	4130R8-5	SWITCH LEVER/DUA200	THANH GẠT CÔNG TẮC/DUA200	22.896	8%
12399	4130R9-3	PIPE SLEEVE 32/DUA200	ỐNG NỐI 32/DUA200	14.080	10%
12400	4130Y0-0	LOCK OFF BUTTON A/DUA200	NÚT KHÓA CÔNG TẮC A/DUA200	13.824	8%
12401	413120-5	INSULATOR GASKET/BHX2500	RON BÌNH XĂNG/BHX2500	8.640	8%
12402	413121-3	CARBURETOR GASKET/EM2550UH	MIẾNG ĐỆM BÌNH XĂNG/EM2550UH	22.000	10%
12403	413126-3	GUIDE PLATE/GA4030	LONG ĐÈN THÉP/GA4030	9.180	8%
12404	413137-8	GEAR CASE GASKET/EH6000W	VÒNG ĐỆM HỘP NHÔNG/EH6000W	38.880	8%
12405	413138-6	CARBURETOR GASKET/BHX2500	MIẾNG ĐỆM BÌNH XĂNG/BHX2500	26.400	10%
12406	413139-4	CRANKCASE GASKET/EH6000W	RON LÓC MÁY/EH6000W	12.960	8%
12407	413143-3	WASHER/BUR182U	LONG ĐÈN BURI82U	4.400	10%
12408	413147-5	CARBURETOR GASKET/EH6000W	MIẾNG LOT BỘ CHẾ HÓA KH/EH6000W	21.600	8%
12409	413153-0	PLATE/EH6000W	ĐỆM TAY GA/EH6000W	2.200	10%
12410	413158-0	CARBURETOR GASKET/EH6000W	RON BÌNH XĂNG/EH6000W	8.640	8%
12411	413163-7	BASE GASKET/EA3601F	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EA3601F	17.280	8%
12412	413164-5	MUFFLER GASKET/EA3601F	BỘ GIÀM THANH/EA3601F	8.640	8%
12413	413183-1	CHARGER CASE COVER/DC40RC	NÁP SẠC/DC40RC	343.440	8%
12414	413184-9	TERMINAL BASE/DC40RC	ĐỀ GÁI PIN/DC40RC	508.356	8%
12415	4131A7-4	SWITCH LEVER/PS001G/GSP01	THANH GẠT CÔNG TẮC/PS001G/GSP01	36.720	8%
12416	4131A8-2	SLEEVE/PS001G/GSP01	ĐẦU NỐI ỐNG CÁN/PS001G/GSP01	55.990	10%
12417	4131A9-0	LEVER/PS001G/GSP01	THANH KÉP GIỮ ỐNG CÁN/PS001G/GSP01	32.076	8%
12418	4131C0-2	ADAPTER/PS001G/GSP01	GIÁ ĐỖ CHỐI QUÉT/PS001G/GSP01	91.584	8%
12419	4131C1-0	CAP 36/PS001G/GSP01	NÁP CHỤP 36/PS001G/GSP01	27.540	8%
12420	4131C2-8	FRONT HANDLE/PS001G/GSP01	TAY CẮM TRƯỚC/PS001G/GSP01	146.556	8%
12421	4131C4-4	HOOK A/PS001G/GSP01	GIÁ ĐỖ A/PS001G/GSP01	36.720	8%
12422	4131C5-2	HOOK COVER/PS001G/GSP01	GIÁ ĐỖ KHÓA/PS001G/GSP01	45.792	8%
12423	4131C6-0	HOOK B/PS001G/GSP01	MỐC KHÓA B/PS001G/GSP01	22.896	8%
12424	4131D9-1	SWITCH LEVER A/TM001G	CÁN GẠT CÔNG TẮC A/TM001G	18.360	8%
12425	4131E0-6	SWITCH LEVER B/TM001G	CÁN GẠT CÔNG TẮC B/TM001G	13.824	8%
12426	4131E1-4	SWITCH COVER/TM001G	GÁ ĐỖ CÔNG TẮC/TM001G	18.360	8%
12427	4131E2-2	SWITCH BASE/TM001G	ĐỀ CÔNG TẮC/TM001G	9.180	8%
12428	4131E8-0	MOTOR HOUSING/HS013G	VỎ MÁY/HS013G	494.640	8%
12429	4131E9-8	MOTOR HOUSING COVER/HS013G	NÁP VỎ ĐỘNG CƠ/HS013G	164.916	8%
12430	4131F0-3	FRONT HANDLE/HS013G	TAY CẮM TRƯỚC/HS013G	219.888	8%
12431	4131F1-1	DEPTH LEVER/HS013G	THANH ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SAU LƯỖI CẮT/HS013G	91.584	8%
12432	4131F2-9	BAFFLE PLATE/HS013G	NÁP CHẮN BỤI/HS013G	82.512	8%
12433	4131K3-2	HOUSING R COVER/UC029G	VỎ BÊN PHẢI /UC029G	41.256	8%
12434	4131L0-5	COVER/UC029G	NÁP BẢO VỆ/UC029G	18.360	8%
12435	4131N7-5	REAR COVER/TD004G	NÁP SAU/TD004G	36.720	8%
12436	4131R0-7	BUFFLE PLATE/RP1800	TẮM CHẮN BỤI/RP1800	27.540	8%
12437	4131T8-5	GEAR COVER/TR001G	NÁP BẢO VỆ BÀNH RĂNG/TR001G	79.200	10%
12438	4131T9-3	MAGAZINE COVER LOCK/TR001G	KHÓA NÁP CHE Ồ CHỨA DÂY THÉP/TR001G	64.800	8%
12439	4131U3-2	PLATE COVER/TR001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ LƯỖI CẮT/TR001G	56.160	8%
12440	4131U6-6	SLIDE PLATE COVER/TR001G	NÁP CHE THANH TRƯỢT/TR001G	34.560	8%
12441	4131W3-6	STAY/VC014G	GIÁ ĐỖ/VC014G	27.540	8%
12442	4131W9-4	TANK COVER/VC014G	NÁP THÙNG CHỨA BỤI/VC014G	201.528	8%
12443	4131X0-9	TANK/VC014G	THÙNG CHỨA RÁC/VC014G	247.320	8%
12444	4131X1-7	FAN BASE/VC014G	GIÁ ĐỖ QUẠT/VC014G	64.152	8%
12445	4131X4-1	INLET/VC014G	ĐẦU GÁN ỐNG HÚT BỤI/VC014G	27.540	8%
12446	4131X6-7	HOSE HOOK/VC014G	MỐC TREO ỐNG HÚT BỤI/VC014G	13.824	8%
12447	4131X7-5	HANDLE/VC014G	TAY CẮM/VC014G	59.616	8%
12448	413201-5	CUP US/EM408MP	CHỤP GIỮ LƯỖI/EM408MP	84.040	10%
12449	413202-3	UPPER CASE/BAP001G	VỎ TRÊN/BAP001G	178.632	8%
12450	413204-9	HOOK/BAP001G	MIẾNG GÁI BĂNG NHỰA/BAP001G	82.512	8%
12451	413211-2	GEAR COVER/HM1511	NÁP HỘP NHÔNG/HM1511	316.008	8%
12452	413218-8	CONNECTOR CASE/GA037G	HỘP KẾT NỐI/GA037G	32.076	8%
12453	413219-6	PIN CAP/GA037G	NÁP CHỤP/GA037G	22.896	8%
12454	413228-5	HEAD COVER/DPV300	VỎ BẢO VỆ HỘP BÀNH RĂNG/DPV300	142.020	8%
12455	413229-3	ROUND HEAD SCREW M8X10/DPV300	ỐC VÍT M8X10/DPV300	23.320	10%
12456	413241-3	HANDLE COVER/9403	TAY CẮM/9403	151.200	8%
12457	413251-0	REAR COVER/DF002G	VỎ ĐUÔI MÁY/DF002G	32.076	8%
12458	413256-0	MOTOR HOUSING/HR006G	VỎ MÁY/HR006G	860.976	8%
12459	413260-9	BAFFLE PLATE/HR006G	NÁP CHẮN GIÓ/HR006G	132.840	8%
12460	413261-7	CONNECTING ROD/HR006G	TAY BIÊN/HR006G	256.500	8%
12461	413263-3	SLIDE SLEEVE/HR006G	KHỚP NỐI NỒNG THÉP/HR006G	142.020	8%
12462	413264-1	SPRING BASE/HR006G	ĐỀ LỎ XO/HR006G	238.140	8%
12463	413266-7	MOTOR HOUSING/HM002G	VỎ MOTOR/HM002G	531.252	8%
12464	413268-3	HOUSING COVER/HM002G	VỎ BẢO VỆ NỒNG THÉP/HM002G	668.628	8%
12465	413271-4	BAFFLE PLATE/HM002G	NÁP CHẮN GIÓ/HM002G	87.048	8%
12466	413272-2	CRANK CAP/HM002G	NÁP CHẮN ĐẦU/HM002G	77.868	8%
12467	413273-0	CRANK CAP COVER/HM002G	NÁP ĐÁY/HM002G	73.332	8%
12468	413275-6	SPRING PLATE/HM002G	MIẾNG ĐỆM LO XO/HM002G	32.076	8%
12469	413277-2	CONNECTING ROD/HM002G	TAY BIÊN/HM002G	215.244	8%
12470	413291-8	BAFFLE PLATE/DCC500	NÁP CHẮN GIÓ/DCC500	22.896	8%
12471	413292-6	DUST COVER L/DCC500	NÁP CHẮN BỤI TRÁI/DCC500	191.290	10%
12472	413294-2	DUST COVER R/DCC500	NÁP CHẮN BỤI PHẢI/DCC500	22.896	8%
12473	4132A0-4	ADAPTER/UB403MP	ĐẦU NỐI ỐNG THỔI KHÍ/UB403MP	348.084	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12474	4132A1-2	NOZZLE/UB403MP	ÔNG THỜI/UB403MP	187.812	8%
12475	4132A2-0	REAR COVER/UB403MP	NẮP SAU/UB403MP	132.840	8%
12476	4132A3-8	HOUSING A/UB403MP	VỎ MÁY A/UB403MP	247.320	8%
12477	4132A5-4	BEARING COVER/UB403MP	NẮP Ổ BÌ/UB403MP	100.764	8%
12478	4132B5-1	LEVER CAP/GA055G/GA056G	NẮP ĐIỀU CHỈNH CHỤP BAO VỆ LƯỚI/GA055G/G	47.520	8%
12479	4132B6-9	CAP/GA055G/GA056G	NẮP BAO VỆ /GA055G/GA056G	25.920	8%
12480	4132C1-6	SPEED CHANGE LEVER/DHP490	NÚT CHUYỂN TỐC ĐỘ/DHP490	4.644	8%
12481	4132C2-4	F/R CHANGE LEVER/DHP490	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHP490	9.180	8%
12482	4132F1-7	MESH PIPE/CL004G	ỐNG ĐÓ BỎ LỌC/CL004G	27.540	8%
12483	4132F2-5	PRE FILTER/CL004G	LỌC BỤI/CL004G	59.616	8%
12484	4132F3-3	BUTTON/CL004G	NÚT NHẤN/CL004G	13.824	8%
12485	4132F4-1	STOPPER/CL004G	NÚT NHẤN/CL004G	22.896	8%
12486	4132P0-9	SWITCH LEVER/DUB362	CÀN BÓP CÔNG TÁC/DUB362	18.360	8%
12487	4132W2-4	SWITCH LEVER/DTL300/DTL301/DTL302	THANH GẠT CÔNG TÁC/DTL300/DTL301/DTL302	17.280	8%
12488	4132W4-0	REAR COVER/DF003G/HP003G	VỎ BAO VỆ PHÍA SAU/DF003G/HP003G	38.880	8%
12489	4132W8-2	INSULATION COVER/GD001G/GD002G	VỎ CÁCH NHIỆT/GD001G/GD002G	133.920	8%
12490	4132X2-1	PIN CAP/GD001G/GD002G	NẮP GIỮ CHỐT HẠM/GD001G/GD002G	27.540	8%
12491	4132X3-9	SWITCH KNOB/GD001G/GD002G	NÚM CÔNG TÁC/GD001G/GD002G	32.076	8%
12492	4132X5-5	COVER/DTL300/DTL301/DTL302	NẮP BẢO VỆ/DTL300/DTL301/DTL302	30.240	8%
12493	413309-5	REAR COVER/DHP487	VỎ ĐUÔI MÁY/DHP487	32.076	8%
12494	413310-0	SPEED CHANGE LEVER/DHP487	CÀN CHUYỂN TỐC ĐỘ/DHP487	18.360	8%
12495	413312-6	DRIVE B/DUA300	MIẾNG ĐỀM CAO SU B/DUA300	13.824	8%
12496	413321-5	CONTACT ARM/FN001G	MIẾNG THÉP/FN001G	51.370	10%
12497	413324-9	MAGAZINE/FN001G	HỘP CHỨA ĐINH/FN001G	270.216	8%
12498	413325-7	ADJUSTER COVER/FN001G	MIẾNG CHÂN BẰNG THÉP/FN001G	37.400	10%
12499	413326-5	FRONT COVER/FN001G	VỎ MÁY/FN001G	96.228	8%
12500	413327-3	HOUSING R COVER/FN001G	VỎ MÁY R/FN001G	36.720	8%
12501	413328-1	TRIGGER/FN001G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/FN001G	41.256	8%
12502	413329-9	LEVER/FN001G	CÀN GẠT/FN001G	36.720	8%
12503	413330-4	COUNTER WEIGHT HOLDER/FN001G	GIA ĐỖ CÁN ĐOI TRONG/FN001G	23.320	10%
12504	413335-4	TOP COVER/UR002G	NẮP BAO VỆ TRÊN/UR002G	192.348	8%
12505	413336-2	PROTECTOR/UR002G	TẮM CHÂN BẢO VỆ/UR002G	219.888	8%
12506	413343-5	MOTOR HOUSING/GA7070	VỎ MÁY/GA7070	476.280	8%
12507	413348-5	GRIP/RS001G	TAY CẦM/RS001G	82.512	8%
12508	413355-8	GRIP/RS002G	TAY CẦM/RS002G	201.528	8%
12509	413356-6	SPACER/RS002G	VÒNG ĐỆM/RS002G	69.960	10%
12510	413359-0	BAFFLE PLATE/RS002G	NẮP CHẀN GIÓ/RS002G	100.764	8%
12511	413365-5	CAP/UB001G	VỎ ĐẦU/UB001G	32.076	8%
12512	413366-3	FAN HOUSING/UB001G	VỎ BẢO VỆ/UB001G	201.528	8%
12513	413367-1	FRONT PIPE/UB001G	ỐNG BẰNG NHỰA/UB001G	119.124	8%
12514	413381-7	UPPER LINK CASE/GA7070	VỎ LIÊN KẾT TRÊN/GA7070	27.540	8%
12515	413388-3	SHOE HOLDER CAP/GA7070	NẮP GIÁ ĐỖ/GA7070	28.050	10%
12516	413389-1	LOCK BUTTON/GA7070	NÚT KHÓA/GA7070	22.896	8%
12517	413394-8	MOTOR HOUSING/DTM52/XMT04	VỎ BẢO VỆ STATO/DTM52/XMT04	22.896	8%
12518	413396-4	SWITCH LEVER A/DTM52/XMT04	THANH TRƯỢT CÔNG TÁC A/DTM52/XMT04	13.824	8%
12519	413397-2	SWITCH LEVER B/DTM52/XMT04	THANH TRƯỢT CÔNG TÁC B/DTM52/XMT04	9.180	8%
12520	413399-8	SWITCH COVER/DTM52/XMT04	NẮP CHỤP CÔNG TÁC/DTM52/XMT04	27.540	8%
12521	4133E0-8	MOTOR HOUSING/JR003G	VỎ BẢO VỆ ĐỘNG CƠ/JR003G	336.960	8%
12522	4133F4-7	UPPER HEAD COVER/DTM53/HR011G	VỎ BẢO VỆ ĐẦU NHÓM/DTM53/HR011G	47.520	8%
12523	4133F9-7	MOTOR HOUSING/UC030G	VỎ BẢO VỆ ĐỘNG CƠ/UC030G	345.600	8%
12524	4133G0-2	FRONT HAND GUARD/UC030G	TAY CẦM PHANH XÍCH/UC030G	233.280	8%
12525	4133G1-0	FRONT HAND GUARD RETAINER/UC030G	THANH ĐỖ TAY CẦM PHANH XÍCH/UC030G	82.512	8%
12526	4133G3-6	BAFFLE PLATE/UC030G	TẮM CHẀN BỤI/UC030G	50.436	8%
12527	4133G5-2	GEAR COVER/UC030G	NẮP BẢO VỆ BẰNH RẰNG/UC030G	32.076	8%
12528	4133G8-6	SWITCH LEVER/UC030G	THANH GẠT CÔNG TÁC/UC030G	27.540	8%
12529	4133H0-9	BRAKE COVER/UC030G	NẮP BẢO VỆ PHANH XÍCH/UC030G	120.960	8%
12530	4133H4-1	GUARD B/UC030G	TẮM CHẀN B/UC030G	32.076	8%
12531	4133H5-9	GUARD A/UC030G	TẮM CHẀN A/UC030G	32.076	8%
12532	4133H9-1	HOUSING L/1916B3-6	VỎ MÁY TRẰI/1916B3-6	105.408	8%
12533	4133J1-1	HOOK/1916B3-6	MÓC TREO/1916B3-6	128.304	8%
12534	4133J4-5	SWITCH LEVER/1916B3-6	THANH GẠT CÔNG TÁC/1916B3-6	114.480	8%
12535	4133J6-1	DUST COVER/UC030G	NẮP CHẀN BỤI/UC030G	82.512	8%
12536	4133J8-7	BAFFLE PLATE/JR003G	VÒNG CHẀN GIÓ/JR003G	77.760	8%
12537	4133J9-5	LOCK OFF BUTTON/JR003G	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/JR003G	64.800	8%
12538	4133P0-5	PUSHER B/UB003G	CẀN ĐẰY/UB003G	25.920	8%
12539	4133P1-3	FIXED COVER/UB003G	NẮP BẢO VỆ/UB003G	43.200	8%
12540	4133P2-1	LOCK LEVER/UB003G	CẀN KHÓA/UB003G	34.560	8%
12541	4133S8-0	MOTOR COVER/UC031G	VỎ BẢO VỆ ĐỘNG CƠ/UC031G	38.880	8%
12542	4133S9-8	SIDE HANDLE/UC031G	TAY CẦM/UC031G	90.720	8%
12543	4133T0-3	FRONT HAND GUARD/UC031G	TAY CẦM PHANH XÍCH/UC031G	177.120	8%
12544	4133T1-1	FRONT HAND GUARD RETAINER/UC031G	THANH ĐỖ TAY CẦM PHANH XÍCH/UC031G	47.520	8%
12545	4133T4-5	HOUSING R COVER A/UC031G	VỎ BẢO VỆ PHANH XÍCH/UC031G	25.920	8%
12546	4133T6-1	HOUSING R COVER B/UC031G	VỎ BẢO VỆ CHUỖNG PHANH/UC031G	17.280	8%
12547	413400-9	LED GUIDE/DTM52/XMT04	THANH DẰN ĐẸN LED/DTM52/XMT04	50.436	8%
12548	413401-7	CUSSION SUPPORT F/DTM52/XMT04	NẮP CHỤP/DTM52/XMT04	9.350	10%
12549	413405-9	REAR COVER/DDF486	NẮP ĐUÔI MÁY/DDF486	36.720	8%
12550	413408-3	COVER/LM001C	MIẾNG ĐẰY ĐẰY CẀP NGUỖN/LM001C	87.048	8%
12551	413409-1	KEY COVER/LM001C	CHỤP BẢO VỆ KHÓA/LM001C	109.944	8%
12552	413413-0	LEVER/LM001C	CẀN GẠT BẰNG NHỰA/LM001C	36.720	8%
12553	413418-0	CONTROLLER HOLDER/DRC300	GẰ ĐỖ BỎ MẠCH/DRC300	590.760	8%
12554	413422-9	HANDLE COVER/DRC300	NẮP TAY CẦM/DRC300	485.460	8%
12555	413427-9	BUMPER/DRC300	CẀN GIẀM CHẀN/DRC300	1.456.272	8%
12556	413432-6	LATCH B/LM001C	MÓC GẰI/LM001C	13.824	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12557	413433-4	FRONT HANDLE/DDA450	TAY CẦM/DDA450	109.944	8%
12558	413437-6	GEAR CASE/DDA450	HỘP NHÔNG/DDA450	54.972	8%
12559	413438-4	MOTOR BRACKET/DDA450	NÁP ĐẦY HỘP NHÔNG/DDA450	41.256	8%
12560	413439-2	SPEED CHANGE RING/DDA450	VÒNG CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDA450	27.540	8%
12561	413459-6	PLATE A/DGP180	MIẾNG ĐỆM A/DGP180	125.950	10%
12562	413478-2	TERMINAL BASE/DRC300	ĐÈ GAI PIN/DRC300	132.840	8%
12563	413480-5	USS COVER C/DRC300	NÁP CHỤP C/DRC300	123.660	8%
12564	413481-3	USS COVER L/DRC300	NÁP CHỤP L/DRC300	77.868	8%
12565	413482-1	USS COVER R/DRC300	NÁP CHỤP R/DRC300	77.868	8%
12566	413488-9	COVER/DSL801	VỎ MÁY/DSL801	343.440	8%
12567	413489-7	BRUSH STOPPER/DSL801	TẮM LỐT/DSL801	169.452	8%
12568	413490-2	HOSE CONNECTOR/DSL801	ĐẦU NỐI/DSL801	109.944	8%
12569	413493-6	HAMMER CASE COVER/DTD172	NÁP BẢO VỆ HỘP NHÔNG/DTD172	36.720	8%
12570	413494-4	REAR COVER/DTD172	NÁP ĐUÔI MÁY/DTD172	45.792	8%
12571	4134F6-9	PIN/UB003G	CHÓT ĐỊNH VI/UB003G	13.200	10%
12572	413500-5	UPPER TANK/DRC300	ĐÈ ĐỘ HỘP CHỨA BỤI/DRC300	215.244	8%
12573	413505-5	CHARGER CASE COVER/DC64WA	NÁP HỘP SẠC/DC64WA	691.524	8%
12574	413507-1	HOOK/DC64WA	MOC GAI/DC64WA	160.272	8%
12575	413525-9	FEEDER BOX/DFR452	THANH TRƯỢT ĐỊNH/DFR452	128.304	8%
12576	413527-5	FEEDER BOX/DFR551	THANH TRƯỢT ĐỊNH/DFR551	128.304	8%
12577	413535-6	FAN COVER/DRC300	NÁP CHỤP CẢNH QUẠT/DRC300	51.370	10%
12578	413537-2	INNER FRONT COVER/DRC300	NÁP CHỤP TRƯỚC/DRC300	109.944	8%
12579	413540-3	FILTER BUTTON/DRC300	NÚT NHẤN/DRC300	50.436	8%
12580	413541-1	SPRING HOLDER/DRC300	GÁ ĐỖ LO XO/DRC300	45.792	8%
12581	413542-9	VISION CAMERA LENS/DRC300	MAN HÌNH CAMERA/DRC300	64.152	8%
12582	413543-7	USB COVER/DRC300	NÁP CHỤP USB/DRC300	77.868	8%
12583	413544-5	LED LENS L/DRC300	KÍNH ĐÈN LED L/DRC300	119.124	8%
12584	413545-3	LED REFLECTOR L/DRC300	NÁP CHÓA LED L/DRC300	82.512	8%
12585	413546-1	LED COVER L/DRC300	NÁP CHỤP L/DRC300	105.408	8%
12586	413547-9	LED LENS R/DRC300	KÍNH ĐÈN LED R/DRC300	119.124	8%
12587	413548-7	LED REFLECTOR R/DRC300	NÁP CHÓA LED R/DRC300	82.512	8%
12588	413549-5	LED COVER R/DRC300	NÁP CHỤP R/DRC300	105.408	8%
12589	413550-0	REAR CASTER/DRC300	NÁP ĐẦY TRỤC LẤN/DRC300	137.376	8%
12590	413551-8	REAR ROLLER 28/DRC300	TRỤC LẤN 28/DRC300	233.604	8%
12591	413552-6	FRONT ROLLER 18/DRC300	TRỤC LẤN 18/DRC300	242.784	8%
12592	413553-4	FRONT CASTER/DRC300	NÁP ĐẦY TRỤC LẤN/DRC300	109.944	8%
12593	413554-2	PACKING A/DRC300	ĐÈ ĐỘ BƠ MẠCH A/DRC300	73.332	8%
12594	413555-0	FILTER SENSOR HOLDER/DRC300	GÁ ĐỖ CẢM BIẾN/DRC300	50.436	8%
12595	413557-6	AIR DUCT HOUSING/DRC300	TẮM CHÂN HỘP THU BỤI/DRC300	288.576	8%
12596	413558-4	PACKING B/DRC300	MIẾNG ĐỆM/DRC300	96.228	8%
12597	413559-2	AIR DUCT COVER/DRC300	NÁP ỐNG DẪN KHÍ/DRC300	279.396	8%
12598	413560-7	BUMPER ARM/DRC300	CÁN GIÀM CHÂN/DRC300	50.436	8%
12599	413561-5	RF HOLDER/DRC300	GÁ ĐỖ BƠ MẠCH/DRC300	41.256	8%
12600	413562-3	HANDLE/DRC300	TAY CẦM/DRC300	352.620	8%
12601	413565-7	HANDLE LOWER COVER/DRC300	NÁP CHỤP/DRC300	261.036	8%
12602	413567-3	LIDAR HOLDER/DRC300	VỎ MÁY DƯỚI/DRC300	100.764	8%
12603	413568-1	BUTTON/DRC300	THANH NÚT NHẤN/DRC300	77.868	8%
12604	413570-4	SWITCH BUTTON/DRC300	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/DRC300	77.868	8%
12605	413572-0	BUMPER CAP/DRC300	NÁP CHỤP GIÀM CHẶN/DRC300	187.812	8%
12606	413575-4	BUMPER COVER C/DRC300	NÁP GIÀM CHẶN C/DRC300	192.348	8%
12607	413578-8	BUMPER COVER L/DRC300	NÁP GIÀM CHẶN L/DRC300	109.944	8%
12608	413579-6	BUMPER COVER R/DRC300	NÁP GIÀM CHẶN R/DRC300	109.944	8%
12609	413590-8	SPACER/LS003G	MIẾNG ĐỆM BẢO VỆ/LS003G	22.896	8%
12610	413595-8	MOTOR HOUSING/GA7080	VỎ MÁY/GA7080	366.336	8%
12611	413598-2	LOCK BUTTON/GA7080	NÚT KHÓA/GA7080	45.792	8%
12612	413599-0	MOTOR HOUSING/GA7080	VỎ MÁY/GA7080	370.980	8%
12613	413602-7	REAR COVER/TW007G	VỎ ĐUÔI MÁY/TW007G	68.688	8%
12614	413603-5	F/R CHANGE LEVER/TW007G	CÁN GẠT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/TW007G	18.360	8%
12615	413613-2	HOLDER/LM001C	ỐNG BẢO VỆ DÂY/LM001C	22.896	8%
12616	413615-8	SWITCH LEVER/DCE090	NÚT CÔNG TÁC/DCE090	50.436	8%
12617	413618-2	BASE/DBO480	ĐÈ/DBO480	109.944	8%
12618	413619-0	MOTOR BRACKET/DBO480	ĐÈ GAI MOTOR/DBO480	14.080	10%
12619	413645-9	MOTOR COVER F/CL001G	NÁP BẢO VỆ/CL001G	100.764	8%
12620	413687-3	LOCK OFF BUTTON/DCE090	NÚT GIỮ CÔNG TÁC/DCE090	45.792	8%
12621	413711-2	PIPE CAP 28/DUN461W	ỐNG NỐI 28/DUN461W	18.700	10%
12622	413712-0	PIPE CAP 32/DUN461W	ỐNG NỐI 32/DUN461W	32.076	8%
12623	413713-8	LOCK OFF BUTTON A/DUN461W	NÚT KHÓA A/DUN461W	13.824	8%
12624	413714-6	SWITCH LEVER/DUN461W	THANH GẠT CÔNG TÁC/DUN461W	18.360	8%
12625	413715-4	LOCK OFF BUTTON B/DUN461W	NÚT KHÓA B/DUN461W	18.360	8%
12626	413719-6	FRONT GRIP A/DUN461W	TAY CẦM TRƯỚC A/DUN461W	128.304	8%
12627	413734-0	BATTERY BOX COVER/DHW080/DHW080	NÁP HỘP BẢO VỆ PIN/DHW080	174.096	8%
12628	413736-6	REAR COVER/UB401MP	BẢO VỆ PHÍA SAU/UB401MP	137.376	8%
12629	413774-8	TOP COVER/3711	NÁP TRÊN/3711	68.688	8%
12630	413790-0	LOCK BUTTON/GA7070	NÚT KHÓA/GA7070	77.868	8%
12631	413791-8	FRONT GRIP E/UH004G	TAY CẦM/UH004G	196.992	8%
12632	413792-6	SWITCH LEVER R/UH004G	CÁN GẠT CÔNG TÁC/UH004G	32.076	8%
12633	413819-2	KERF BOARD/LS003G	THANH NHỰA/LS003G	91.584	8%
12634	413820-7	SAFETY COVER B/LS003G	TẮM CHÂN BẢO VỆ/LS003G	783.108	8%
12635	413824-9	SWITCH BOX/LM001C	VỎ CÔNG TÁC/LM001C	119.124	8%
12636	413825-7	SAFETY COVER B/LS004G	TẮM CHÂN BẢO VỆ/LS004G	425.952	8%
12637	413826-5	KERF BOARD/LS004G	THANH NHỰA/LS004G	73.332	8%
12638	413827-3	LINK LEVER/HR006G	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR006G	51.370	10%
12639	413828-1	GEAR HOUSING/DSL801	HỘP NHÔNG/DSL801	306.828	8%
12640	413840-1	MOTOR HOUSING/SP001G	VỎ MÁY/SP001G	183.168	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12641	413844-3	REAR COVER/SP001G	NẮP PHÍA SAU/SP001G	109.944	8%
12642	413845-1	BAFFLE PLATE/SP001G	NẮP CHẮN GIÓ/SP001G	41.256	8%
12643	413846-9	DUST NOZZLE/SP001G	ÔNG NỒI/SP001G	36.720	8%
12644	413847-7	DEPTH GUIDE/SP001G	THƯỚC CẠNH ĐỘ XÂU/SP001G	91.584	8%
12645	413849-3	MOTOR HOUSING/HP2070	VỎ MÁY/HP2070	215.244	8%
12646	413850-8	HANDLE COVER/HP2070	NẮP TAY CÀM/HP2070	146.556	8%
12647	413864-7	MOTOR HOUSING/M9514B	VỎ MÁY/M9514B	114.480	8%
12648	413886-7	PROTECTOR/DUR365U	TẦM BẢO VỆ/DUR365U	128.304	8%
12649	413904-1	MOTOR HOUSING/UC004G	VỎ MÁY/UC004G	160.272	8%
12650	413907-5	FRONT HAND GUARD RETAINER/UC004G	TẦM CHÂN BẢO VỆ TAY CÀM TRƯỚC/UC004G	50.436	8%
12651	413918-0	DECK/LM002J	THÂN MÁY(KHUNG MÁY)/LM002J	1.300.536	8%
12652	413919-8	DECK COVER/LM002J	NẮP THÂN MÁY/LM002J	705.240	8%
12653	413920-3	DECK REAR COVER/LM001J	NẮP THÂN MÁY DƯỚI/LM001J	77.868	8%
12654	413928-7	MOTOR BRACKET/LM001J	GIÁ ĐỖ MOTOR/LM001J	265.680	8%
12655	413930-0	COWLING LOWER/LM001J	NẮP CHỤP DƯỚI/LM001J	306.828	8%
12656	413932-6	LEAD COVER/LM001J	NẮP CHÂN/LM001J	27.540	8%
12657	413938-4	REAR GRIP/LM001J	TAY CÀM SAU/LM001J	68.688	8%
12658	413939-2	HEIGHT ADJUST LEVER GRIP/LM001J	TAY CÀM ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/LM001J	32.076	8%
12659	413943-1	KNOB/LM004J	NÚT CHỈNH TAY CÀM /LM004J	32.076	8%
12660	413944-9	CLAMP/LM001J	KẸP GIỮ/LM001J	22.896	8%
12661	413979-0	FRONT HANDLE/UC004G	TAY CÀM/UC004G	96.228	8%
12662	413981-3	HOUSING R COVER/UC004G	NẮP CHÂN R/UC004G	73.332	8%
12663	413A03-5	TOP COVER/RT0702C	NẮP CHỤP/RT0702C	77.868	8%
12664	413A11-6	FRONT ANGULAR GUIDE/SP001G	THANH CHỈA ĐỘ/SP001G	96.228	8%
12665	413A23-9	AIR DUCT/HR007G	NẮP DẪN BỤI/HR007G	105.408	8%
12666	413A32-8	REAR COVER/9553NB/9553NB	VỎ ĐUÔI MÁY/9553NB	41.256	8%
12667	413A61-1	DECK/DLM480	VỎ MÁY DƯỚI/DLM480	1.181.520	8%
12668	413A62-9	DECK/DLM480	VỎ MÁY DƯỚI/DLM480	1.181.520	8%
12669	413A63-7	DECK/DLM480	VỎ MÁY DƯỚI/DLM480	1.291.356	8%
12670	413A64-5	DECK/DLM480	VỎ MÁY DƯỚI/DLM480	1.291.356	8%
12671	413A88-1	COLLECTOR/DX15	GIÁ ĐỖ CHÂN BỤI/DX15	27.540	8%
12672	413A95-4	LEVER BOX C/DLM480	TẦM NHỰA ỚP CÁN ĐIỀU CHỈNH/DLM480	64.152	8%
12673	413A98-8	DRIVING LEVER HOLDER/DLM480	KẸP NHỰA/DLM480	18.360	8%
12674	413A99-6	SWITCH LEVER SUPPORT R/DLM480	ĐỂ GIỮ GIÁ ĐỖ CÁN GẠT CÔNG TÁC PHẢI/DLM480	27.540	8%
12675	413B00-7	LOCK OFF BUTTON/DLM480	NÚT NHẤN KHÓA/DLM480	27.540	8%
12676	413B01-5	SPEED LEVER/DLM480	CÁN GẠT ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/DLM480	22.896	8%
12677	413B03-1	LOCK LEVER/DLM480	MIẾNG NHỰA GAI/DLM480	27.540	8%
12678	413B05-7	MOTOR COVER/DLM480	VỎ MOTOR/DLM480	183.168	8%
12679	413B06-5	WHEEL CAP/DLM480	CHỤP BẢO VỆ BÀNH XE/DLM480	88.660	10%
12680	413B08-1	LEAD COVER/DLM480	TẦM NHỰA GIỮ DÂY ĐIỆN/DLM480	13.824	8%
12681	413B10-4	DRIVING LEVER SUPPORT L/DLM480	ĐẦU GAI CÁN ĐIỀU KHIỂN/DLM480	36.720	8%
12682	413B15-4	REAR COVER/RP1111C/RP1802	VỎ ĐUÔI MÁY/RP1111C/RP1802	219.888	8%
12683	413B16-2	REAR COVER/RP1111C/RP1802	VỎ ĐUÔI MÁY/RP1111C/RP1802	238.140	8%
12684	413B22-7	LOWER TANK COVER/VC001GL	NẮP DƯỚI/VC001GL	77.868	8%
12685	413B26-9	SWITCH BUTTON/VC001GL	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/VC001GL	123.660	8%
12686	413B27-7	GRIP/VC001GL	TAY CÀM/VC001GL	178.632	8%
12687	413B28-5	BATTERY COVER/VC001GL	VỎ BẢO VỆ PIN/VC001GL	270.216	8%
12688	413B29-3	BATTERY COVER/VC002GL	VỎ BẢO VỆ PIN/VC002GL	293.112	8%
12689	413B30-8	BATTERY COVER HOOK/VC001GL	NẮP BẢO VỆ/VC001GL	27.540	8%
12690	413B31-6	LOWER HOUSING/VC001GL	VỎ MÁY DƯỚI/VC001GL	192.348	8%
12691	413B33-2	UPPER HOUSING/VC001GL	VỎ MÁY TRÊN/VC001GL	183.168	8%
12692	413B40-5	TERMINAL COVER/VC001GL	NẮP ĐÈ GAI PIN/VC001GL	32.076	8%
12693	413B41-3	LOCK LEVER/VC001GL	NÚT KHÓA/VC001GL	14.080	10%
12694	413B45-5	FAN BASE/VC001GL	CẠNH QUẠT/VC001GL	155.736	8%
12695	413B46-3	FILTER CAGE/VC005GL	KHUNG LỌC/VC005GL	233.604	8%
12696	413B47-1	TANK/VC001GL	VỎ THÂN MÁY/VC001GL	659.448	8%
12697	413B67-5	NOZZLE G3/4	VẠN XÁ NƯỚC G3/4	270.216	8%
12698	413B68-3	CAP 50/DCU603	NÚT VẬN BĂNG NHỰA 50/DCU603	242.784	8%
12699	413B74-8	INTERNAL GEAR CASE/DTWA260	NẮP HỘP NHÔNG/DTWA260	293.112	8%
12700	413B76-4	ID COVER YELLOW/DTWA260	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ/DTWA260	82.512	8%
12701	413B85-3	GRIP JOINT E/UH013G	NỒI TAY CÀM/UH013G	233.604	8%
12702	413B86-1	GRIP JOINT COVER E/UH013G	NẮP NỒI TAY CÀM/UH013G	215.244	8%
12703	413B87-9	SWITCH LEVER F/UH013G	THANH GẠT CÔNG TÁC/UH013G	59.616	8%
12704	413B91-8	FRONT GRIP RETAINER/UH013G	GIÁ ĐỖ TAY CÀM/UH013G	174.096	8%
12705	413B95-0	FRONT GRIP COVER/UH013G	NẮP TAY CÀM/UH013G	77.868	8%
12706	413C01-1	MOTOR HOUSING B/GA5090	VỎ MOTOR B/GA5090	155.736	8%
12707	413C02-9	REAR COVER C/GA5090	NẮP CHỤP C/GA5090	64.152	8%
12708	413C03-7	SWITCH LEVER/GA5090	CÁN GẠT CÔNG TÁC/GA5090	18.360	8%
12709	413C04-5	SWITCH KNOB B/GA5090	NÚT TRƯỢT CÔNG TÁC B/GA5090	13.824	8%
12710	413C05-3	SPACER/GA5090	TẦM ĐÈM HỘP NHÔNG/GA5090	64.152	8%
12711	413C06-1	DIFFUSER/GA5090	TẦM CHÂN GIÓ/GA5090	13.824	8%
12712	413C07-9	BAFFLE PLATE A/GA5090	NẮP CHẮN GIÓ A/GA5090	32.076	8%
12713	413C08-7	BAFFLE PLATE B/GA5091	NẮP CHẮN GIÓ B/GA5091	32.076	8%
12714	413C09-5	MOTOR HOUSING A/GA5090	VỎ MOTOR A/GA5090	142.020	8%
12715	413C10-0	SWITCH KNOB A/GA5090	NÚT TRƯỢT CÔNG TÁC A/GA5090	13.824	8%
12716	413C17-6	MOTOR HOUSING/HS009G	VỎ MOTOR/HS009G	306.828	8%
12717	413C21-5	FRONT GRIP/HS009G	MẶT TRƯỚC TAY NẮM/HS009G	187.812	8%
12718	413C22-3	BAFFLE PLATE/HS009G	NẮP CHẮN GIÓ/HS009G	41.256	8%
12719	413C23-1	LIGHT COVER/HS009G	NẮP BẢO VỆ ĐÈN/HS009G	22.896	8%
12720	413C24-9	SWITCH LEVER/HS009G	THANH GẠT CÔNG TÁC/HS009G	22.896	8%
12721	413C33-8	MOTOR HOUSING/HS011G	VỎ MOTOR/HS011G	421.308	8%
12722	413C34-6	LIGHT COVER/HS011G	TẦM NHỰA ỚP ĐÈN BẢO/HS011G	41.256	8%
12723	413C35-4	SPACER/HS011G	MIẾNG ĐÈM/HS011G	23.320	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12724	413C42-7	GUARD/UA001G	MÓC TREO BĂNG THÉP/UA001G	320.544	8%
12725	413C45-1	KERF BOARD/LS002G	THƯỚC CHIA VẠCH/LS002G	91.584	8%
12726	413C47-7	REAR COVER/AS001G	NÁP BẢO VỆ SAU/AS001G	32.076	8%
12727	413C49-3	FILTER HOLDER/AS001G	GIÁ ĐỒ LỌC BỤI/AS001G	22.896	8%
12728	413C66-3	LENS/CE001G	TẮM CHÂN/CE001G	50.436	8%
12729	413C69-7	HOSE COVER/CE001G	TẮM NHỰA ĐẦY ỐNG DÁN NƯỚC/CE001G	90.720	8%
12730	413C70-2	MOTOR HOUSING/CE001G	VỎ MOTOR/CE001G	274.752	8%
12731	413C71-0	SPRING HOLDER D/CE001G	CHỐT CHẶN LỖ XO D/CE001G	45.792	8%
12732	413C72-8	SWITCH LEVER/CE001G	CÁN BÓP CÔNG TÁC/CE001G	36.720	8%
12733	413C73-6	LOCK OFF BUTTON/CE001G	NÚT NHẤN KHÓA AN TOÀN/CE001G	32.076	8%
12734	413C76-0	BATTERY ADAPTER LOCK/CE001G	KẸP KHÓA BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN/CE001G	18.700	10%
12735	413C77-8	LOCK COVER/CE001G	TẮM NHỰA ĐẦY KHÓA AN TOÀN/CE001G	41.256	8%
12736	413C81-7	USB COVER/DFT060T	NÁP ĐẦY Ổ Cắm USB/DFT060T	77.868	8%
12737	413C88-3	BATTERY COVER/UC012G	TẮM NHỰA CHỤP BẢO VỆ HỘP CHỨA PIN/UC012G	137.376	8%
12738	413C89-1	MOTOR HOUSING/UC012G	VỎ ĐỘNG CƠ/UC012G	357.264	8%
12739	413C90-6	BAFFLE PLATE/UC012G	NÁP CHÁN GIÓ/UC012G	45.792	8%
12740	413C92-2	FRONT HAND GUARD RETAINER/UC012G	CÁN GẠT KHOA AN TOÀN/UC012G	50.436	8%
12741	413C93-0	SWITCH LEVER/UC012G	CÁN ĐẦY CÔNG TÁC/UC012G	27.540	8%
12742	413C94-8	CATCH LEVER/UC012G	CÁN ĐẦY CÔNG TÁC/UC012G	30.240	8%
12743	413C95-6	BRAKE COVER/UC012G	MIẾNG ĐẦY KHÓA AN TOÀN/UC012G	73.332	8%
12744	413C96-4	SPROCKET COVER/UC012G	VỎ MÁY/UC012G	219.888	8%
12745	413C97-2	NUT COVER/UC012G	MIẾNG NHỰA ỐP TRÊN/UC012G	36.720	8%
12746	413C98-0	INNER COVER/UC012G	TẮM NHỰA BẢO VỆ BÊN TRONG/UC012G	32.076	8%
12747	413D06-7	GEAR COVER/UC012G	MIẾNG ĐẦY NHÔNG TĂNG XÍCH /UC012G	25.920	8%
12748	413D07-5	GUARD A/UC012G	TẮM ĐỆM XÍCH A/UC012G	22.896	8%
12749	413D08-3	GUARD B/UC012G	TẮM ĐỆM XÍCH B/UC012G	18.360	8%
12750	413D09-1	GUARD C/UC012G	TẮM ĐỆM XÍCH C/UC012G	27.540	8%
12751	413D10-6	GUARD D/UC012G	TẮM ĐỆM XÍCH D/UC012G	27.540	8%
12752	413D25-3	SWITCH HOLDER/DCU601	GIÁ ĐỒ CÔNG TÁC/DCU601	27.540	8%
12753	413D27-9	NEUTRAL LEVER LOCK/DCU603	CÁN GẠT ĐỔI VỊ TRÍ TRÍ THUNG/DCU603	55.990	10%
12754	413D28-7	BRAKE EQUALIZER COVER/DCU603	MIẾNG THÉP GIÚP CÂN BẰNG THẮNG/DCU603	37.400	10%
12755	413D29-5	KEY JOINT/DCU603	ĐẦU NỐI LIÊN KẾT CÔNG TÁC VỚI NÚT CHUYỂN CÔNG TÁC	27.540	8%
12756	413D30-0	KEY/DCU603	NÚM XOAY KHÓA CÔNG TÁC/DCU603	32.076	8%
12757	413D31-8	LIFTER GUIDE L/DCU603	NÚM XOAY CHỈNH ĐỘ CAO ĐỂ THÙNG/DCU603	46.640	10%
12758	413D32-6	LIFTER GUIDE R/DCU601Z	DẪN HƯỚNG BÊN TRÁI/DCU601Z	46.640	10%
12759	413D33-4	LOCK LEVER/DCU601	CÁN KHÓA/DCU601	22.896	8%
12760	413D35-0	BUZZER COVER/DCU603	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ CHUÔNG BÁO/DCU603	36.720	8%
12761	413D36-8	LEVEL COVER/DCU603	ĐỆM CỎ ĐỊNH THƯỚC CÂN BẰNG/DCU603	27.540	8%
12762	413D37-6	LEVEL CASE/DCU603	NẸP GIỮ THƯỚC CÂN BẰNG/DCU603	36.720	8%
12763	413D38-4	LEVEL RETANER/DCU603	NẸP GIỮ THƯỚC CÂN BẰNG/DCU603	54.972	8%
12764	413D39-2	STRAP/DCU603	VÒNG GIỮ NÁP ĐẦY/DCU603	183.168	8%
12765	413D40-7	LOCK RING/DCU603	KẸP VỎ/DCU603	73.332	8%
12766	413D41-5	NEUTRAL CHANGE LEVER/DCU603	TẮM THAY ĐỔI VỊ TRÍ CÂN BẰNG/DCU603	121.330	10%
12767	413D62-7	HOUSING R COVER/PT001G	TẮM NHỰA CHỤP BẢO VỆ/PT001G	54.972	8%
12768	413D63-5	FRONT COVER/PT001G	VỎ MÁY TRƯỚC/PT001G	73.332	8%
12769	413D66-9	WHEEL B/PB002G	BÀNH LÁI/PB002G	265.680	8%
12770	413D71-6	FRONT WHEEL COVER/PB002G	TẮM NHỰA ỐP BẢO VỆ TRÊN/PB002G	259.200	8%
12771	413D72-4	REAR WHEEL COVER/PB002G	TẮM NHỰA ỐP BẢO VỆ DƯỚI/PB002G	259.200	8%
12772	413D73-2	LEVER HOLDER/PB002G	TẮM THÉP/PB002G	74.690	10%
12773	413D82-1	BATTERY COVER/DLM230	CHỤP BẢO VỆ PIN/DLM230	219.888	8%
12774	413D85-5	SWITCH LEVER L/DLM230	CÁN GẠT ĐIỀU CHỈNH TRÁI/DLM230	73.332	8%
12775	413D86-3	SWITCH LEVER R/DLM230	CÁN GẠT ĐIỀU CHỈNH PHẢI/DLM230	73.332	8%
12776	413D87-1	LOCK OFF BUTTON/DLM230	NÚT NHẤN KHÓA AN TOÀN/DLM230	82.512	8%
12777	413D89-7	DECK/DLM230	VỎ MÁY DƯỚI/DLM230	494.640	8%
12778	413D90-2	LOCK LEVER/DLM230	CÁN GẠT KHÓA AN TOÀN/DLM230	45.792	8%
12779	413D91-0	LOCK LEVER COVER/DLM230	NÁP KHÓA AN TOÀN/DLM230	82.512	8%
12780	413D94-4	JOINT/DLM230	ĐẦU NỐI CÁN MÁY VÀ THÂN MÁY/DLM230	27.540	8%
12781	413D95-2	PIPE HOLDER/DLM230	KẸP CÁN MÁY/DLM230	32.076	8%
12782	413D96-0	WHEEL 130/DLM230	BÀNH XE 130/DLM230	64.152	8%
12783	413D99-4	LOCK OFF BUTTON/DLM230	CÁN GẠT KHÓA/DLM230	32.670	10%
12784	413E01-3	CAP/DLM230	CHỤP BẢO VỆ BÀNH XE/DLM230	45.792	8%
12785	413E18-6	INNER HOUSING/M4000B/M4000B	VỎ MÁY/M4000B	45.792	8%
12786	413E42-9	FAN BASE/VC008G	ĐÈ QUẠT/VC008G	137.376	8%
12787	413E51-8	DUST BOX COVER/VC008G	TẮM NHỰA BẢO VỆ KHOANG CHỨA BỤI/VC008G	137.376	8%
12788	413E52-6	HOOK/VC008G	KHOA GAI HỘP CHỨA BỤI/VC008G	45.792	8%
12789	413E53-4	HOOK/VC008G	KHOA GAI HỘP CHỨA BỤI/VC008G	45.792	8%
12790	413E54-2	DUST BOX COVER/VC008G	TẮM NHỰA BẢO VỆ KHOANG CHỨA BỤI/VC008G	132.840	8%
12791	413E78-8	GRIP/CS002G	TAY CẦM BẰNG NHỰA/CS002G	251.856	8%
12792	413E79-6	LEAD COVER/CS002G	TẮM CHÂN/CS002G	50.436	8%
12793	413E80-1	HOOK/CS002G	NÚT NHẤN MỖ BẢO VỆ LƯỚI/CS002G	45.792	8%
12794	413E81-9	BAFFLE PLATE/CS002G	NÁP CHÁN GIÓ/CS002G	64.152	8%
12795	413E82-7	GEAR HOUSING COVER/CS002G	VỎ MÁY/CS002G	114.480	8%
12796	413E85-1	LED COVER/CS002G	TẮM BẢO VỆ ĐÈN LED/CS002G	50.436	8%
12797	413E86-9	LED CASE/CS002G	TẮM ĐỒ ĐÈN LED/CS002G	54.972	8%
12798	413E94-0	CHARGER CASE COVER/DCI8WC	NÁP SẠC/DCI8WC	512.892	8%
12799	413E95-8	TERMINAL COVER/DCI8WC	NÁP CHỤP/DCI8WC	384.696	8%
12800	413F12-4	HANDLE BASE/HR009G	VỎ NHÔNG/HR009G	196.992	8%
12801	413F13-2	BAFFLE PLATE/HR009G	NÁP CHÁN GIÓ/HR009G	54.972	8%
12802	413F14-0	MOTOR HOUSING/JR002G	VỎ MOTOR/JR002G	109.944	8%
12803	413F22-1	KNOB/KP001G	VỎ NÚT VẶN/KP001G	119.124	8%
12804	413F24-7	SPROCKET COVER/UC016G	VỎ MÁY/UC016G	210.708	8%
12805	413F25-5	NUT COVER/UC016G	ỐP TRÊN NÁP LAM XÍCH/UC016G	64.152	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12806	413F26-3	INNER COVER/UC016G	TẦM NHỰA BAO VỆ BÊN TRONG/UC016G	50.436	8%
12807	413F27-1	GUARD C/UC012G	MIẾNG ĐẪY BỘ NHÔNG TẮNG XÍCH C/UC012G	36.720	8%
12808	413F28-9	GUARD D/UC012G	MIẾNG ĐẪY BỘ NHÔNG TẮNG XÍCH D/UC012G	36.720	8%
12809	413F29-7	COVER/UC012G	MIẾNG ĐẪY BỘ NHÔNG TẮNG XÍCH/UC012G	27.540	8%
12810	413F37-8	SPEED CHANGE LEVER/DDF333	CÁN CHUYÊN TỐC ĐỘ/DDF333	18.360	8%
12811	413F39-4	LOCK LEVER/JR002G	CÁN GẠT KHÓA CHÓT/JR002G	59.616	8%
12812	413F41-7	PLATE C/JR002G	TẦM ĐỆM C/JR002G	36.720	8%
12813	413F42-5	BAFFLE PLATE/JR002G	NÁP CHÁN GIÓ/JR002G	27.540	8%
12814	413F43-3	CONNECTING SLEEVE/JR002G	ĐẦU NHỰA NỐI LỖ XO VÀ ĐẦU GẢI MŨI/JR002G	18.360	8%
12815	413F44-1	LOCK OFF BUTTON/JR002G	NÚT NHẤN KHÓA/JR002G	18.360	8%
12816	413F45-9	PIN 5/JR002G	CHÓT ĐỊNH VỊ 5/JR002G	14.080	10%
12817	413F51-4	CAP/DMC300	NÁP CHỤP/DMC300	13.824	8%
12818	413F52-2	F/R CHANGE LEVER/DMC300	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DMC300	18.360	8%
12819	413F55-6	SWITCH BASE/DMC300	ĐỀ CÔNG TÁC/DMC300	9.180	8%
12820	413F56-4	LOCK OFF BUTTON/DMC300	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/DMC300	22.896	8%
12821	413F66-1	HEAD COVER/PV001G	VỎ ĐẦU MÁY/PV001G	384.696	8%
12822	413F73-4	PROTECTOR/DUR193	TẦM CHÂN BAO VỆ LƯỖI/DUR193	96.228	8%
12823	413F75-0	LOOP HANDLE/DUR193	TAY CÀM VÒNG/DUR193	187.812	8%
12824	413F76-8	SPOOL HOLDER/DUR193	VỎ BẢO VỆ BỘ CƯỚC CẮT CỎ/DUR193	82.512	8%
12825	413G00-7	GRIP HOLDER/1916B3-6	GIÁ ĐỖ TAY CÀM/1916B3-6	59.616	8%
12826	413G05-7	LOCK OFF BUTTON/DUR193	CÁN GẠT KHÓA AN TOÀN/DUR193	13.824	8%
12827	413G06-5	SWITCH LEVER/DUR193	CÁN BÓP CÔNG TÁC/DUR193	18.360	8%
12828	413G08-1	LOCK OFF BUTTON B/DUR193	NÚT KHÓA CÔNG TÁC B/DUR193	13.824	8%
12829	413G09-9	LEVER 60/DUR193	CÁN GẠT KHÓA 60/DUR193	13.824	8%
12830	413G10-4	SLEEVE/DUR193	ĐẦU NỐI CÁN MÁY/DUR193	18.700	10%
12831	413G11-2	SWITCH BASE/DTM52	ĐỀ CÔNG TÁC/DTM52	13.824	8%
12832	413G19-6	REAR COVER/TD002G	VỎ ĐUÔI MÁY/TD002G	64.152	8%
12833	413G29-3	SWITCH COVER/GA5090	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/GA5090	18.360	8%
12834	413G34-0	SWITCH KNOB/DTM52	NÚT CÔNG TÁC/DTM52	13.824	8%
12835	413G60-9	MOTOR HOUSING/UB002C	VỎ MOTOR/UB002C	380.160	8%
12836	413G61-7	REAR COVER/UB002C	NÁP CHỤP SAU/UB002C	142.020	8%
12837	413G64-1	CAP/UB002C	NÁP CHỤP/UB002C	77.868	8%
12838	413G65-9	BOTTOM HOLDER/UB002C	GÁ ĐỖ/UB002C	160.272	8%
12839	413G66-7	CONTROL LEVER/UB002C	CÁN GẠT ĐIỀU CHỈNH/UB002C	45.792	8%
12840	413G67-5	MOTOR HOUSING COVER/UB002C	NÁP CHỤP MOTOR/UB002C	64.152	8%
12841	413G68-3	SWITCH LEVER/UB002C	CÁN GẠT CÔNG TÁC/UB002C	64.152	8%
12842	413G69-1	FLEXIBLE PIPE 100/UB002C	ỐNG CAO SU 100/UB002C	251.856	8%
12843	413G70-6	END NOZZLE 82/UB002C	ỐNG NỐI 82/UB002C	224.424	8%
12844	413G71-4	ELBOW/UB002C	ỐNG KHUYU BẰNG NHỰA/UB002C	247.320	8%
12845	413G72-2	FAN GUIDE/UB002C	VÒNG CHÁN GIÓ/UB002C	91.584	8%
12846	413G73-0	CONTROLLER CASE COVER/UB002C	NÁP CHỤP BƠ MẠCH/UB002C	68.688	8%
12847	413G74-8	CONNECTOR COVER/UB002C	NÁP CHỤP/UB002C	59.616	8%
12848	413G75-6	UPPER HOLDER/UB002C	GÁ ĐỖ TRÊN/UB002C	77.868	8%
12849	413G76-4	PIPE FRAME COVER/UB002C	MIẾNG NÉP ỐNG/UB002C	32.076	8%
12850	413G87-9	BRAKE LEVER/GA5093	CÁN KHÓA AN TOÀN/GA5093	37.400	10%
12851	413G96-8	ROLL LINK/GA5093	CÁN ĐẪY CÔNG TÁC/GA5093	18.360	8%
12852	413G97-6	MOTOR HOUSING B/GA5093	VỎ MÁY B/GA5093	206.064	8%
12853	413G98-4	MOTOR HOUSING A/GA5093	VỎ MÁY/GA5093	192.348	8%
12854	413G99-2	REAR COVER C/GA5093	VỎ ĐUÔI MÁY/GA5093	114.480	8%
12855	413H00-3	SWITCH COVER/GA5093	MIẾNG BẢO VỆ CÔNG TÁC/GA5093	13.824	8%
12856	413H18-4	FILTER HOUSING/CL003G	CHỤP LỌC BỤI/CL003G	91.584	8%
12857	413H19-2	FRONT HOUSING/CL003G	VỎ MÁY TRƯỚC/CL003G	77.868	8%
12858	413H20-7	LEVER/CL003G	CÁN KHÓA ỐNG NỐI HÚT BỤI/CL003G	18.360	8%
12859	413H21-5	MESH PIPE/CL003G	ỐNG LƯỖI BẰNG NHỰA/CL003G	22.896	8%
12860	413H25-7	INLET/CL003G	ĐẦU NỐI ỐNG HÚT BỤI/CL003G	54.972	8%
12861	413H29-9	PREFILTER/CL003G	BỘ LỌC TRƯỚC/CL003G	41.256	8%
12862	413H34-6	FILTER HOUSING/CL003G	CHỤP LỌC BỤI/CL003G	91.584	8%
12863	413H35-4	FRONT HOUSING/CL003G	VỎ MÁY TRƯỚC/CL003G	82.512	8%
12864	413H36-2	INLET/CL003G	ĐẦU NỐI ỐNG HÚT BỤI/CL003G	54.972	8%
12865	413H37-0	FILTER HOUSING/CL003G	VỎ HỘP LỌC BỤI/CL003G	91.584	8%
12866	413H38-8	FRONT HOUSING/CL003G	CHỤP BỤI TRƯỚC/CL003G	91.584	8%
12867	413H39-6	INLET/CL003G	ĐẦU HÚT BỤI/CL003G	54.972	8%
12868	413H41-9	PIN CAP/GA7090	NÚT NHẤN GIỮ LƯỖI/GA7090	13.824	8%
12869	413H49-3	MAIN MAGAZINE/DST421	Ố ĐÌNH /DST421	1.259.280	8%
12870	413J26-7	UNDER COVER/DUH506	NÁP ĐẪY HỘP NHÔNG/DUH506	102.630	10%
12871	413J38-0	FRONT HANDLE E/DUH506	TAY CÀM TRƯỚC BẰNG NHỰA/DUH506	100.764	8%
12872	413J39-8	FRONT HANDLE COVER E/DUH506	TAY CÀM TRƯỚC BẰNG NHỰA/DUH506	73.332	8%
12873	413J40-3	SWITCH LEVER FE/DUH506	CÁN BÓP CÔNG TÁC/DUH506	73.332	8%
12874	413J41-1	SWITCH LEVER RE/DUH506	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/DUH506	18.360	8%
12875	413J44-5	MOTOR HOUSING/UT001G	VỎ MOTOR/UT001G	238.140	8%
12876	413J45-3	HANDLE COVER/UT001G	NÁP TAY CÀM/UT001G	87.048	8%
12877	413J46-1	LEAD HOLDER/UT001G	GÁ ĐỖ TAY CÀM/UT001G	91.584	8%
12878	413J48-7	GEAR COVER/UT001G	NÁP HỘP NHÔNG/UT001G	132.840	8%
12879	413J58-4	SWITCH SUPPORT/UT001G	GÁ ĐỖ CÔNG TÁC/UT001G	59.616	8%
12880	413J59-2	BEARING HOUSING/UC3041A	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/UC3041A	155.736	8%
12881	413J60-7	LOCK LEVER/DX15	NÚT KHÓA/DX15	27.540	8%
12882	413J72-0	BEARING HOUSING/DUC307	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/DUC307	68.688	8%
12883	413J75-4	FRONT HANDLE/DUC307	TAY CÀM TRƯỚC/DUC307	261.036	8%
12884	413J76-2	MOTOR HOUSING/DUC307	VỎ MOTOR/DUC307	64.152	8%
12885	413J77-0	FAN PROTECTION/CL002G	BẢO VỆ QUẠT/CL002G	45.792	8%
12886	413J84-3	SWITCH LEVER/DUC307	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DUC307	27.540	8%
12887	413J85-1	HOUSING R COVER/DUC307	NÁP CHỤP R/DUC307	59.616	8%
12888	413J86-9	BAFFLE PLATE/DUC307	NÁP CHÁN GIÓ/DUC307	22.896	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12889	413J87-7	FRONT HAND GUARD RETAINER/DUC307	CÀN KHÓA BẢO VỆ/DUC307	54.972	8%
12890	413J88-5	LOCK OFF BUTTON/DUC307	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/DUC307	18.360	8%
12891	413J90-8	FOOT LEVER/VC010G	THANH GẠT/VC010G	68.688	8%
12892	413J94-0	GEAR CASE/DFT087F	HỘP NHÔNG/DFT087F	96.228	8%
12893	413K11-6	RUBBER CLAMP/UB002C	NẸP ỜNG/UB002C	27.540	8%
12894	413K16-6	TOP COVER/MT372	NÁP CHỤP TRÊN MÁY/MT372	32.076	8%
12895	413K49-1	COVER/CL117FD	NÁP BẢO VỆ PIN/CL117FD	17.280	8%
12896	413K59-8	MOTOR HOUSING/VC006GM	VỎ MOTOR/VC006GM	206.064	8%
12897	413K60-3	BAFFLE PLATE/VC006GM	NÁP CHẮN GIÓ/VC006GM	54.972	8%
12898	413K61-1	BASE/VC006GM	ĐỂ ĐỖ ĐỘNG CỎ/VC006GM	178.632	8%
12899	413K62-9	FAN BASE/VC006GM	ĐỂ QUẠT/VC006GM	209.880	10%
12900	413K68-7	LOWER HOUSING/VC006GM	VỎ MÁY DƯỚI/VC006GM	384.696	8%
12901	413K69-5	UPPER HOUSING/VC006GM	VỎ MÁY/VC006GM	338.904	8%
12902	413K71-8	BATTERY COVER HOOK/VC006GM	MIẾNG NHỰA CHỤP BẢO VỆ PIN/VC006GM	68.688	8%
12903	413K75-0	FRONT STAND L/VC006GM	HỘP ĐỖ ỜNG HÚT BỤI L/VC006GM	119.124	8%
12904	413K76-8	FRONT STAND R/VC006GM	HỘP ĐỖ ỜNG HÚT BỤI R/VC006GM	119.124	8%
12905	413K77-6	TANK/VC006GM	VỎ MÁY/VC006GM	1.840.860	8%
12906	413K78-4	HOSE HOOK/VC006GM	MỐC GÀI ỜNG/VC006GM	73.332	8%
12907	413K79-2	CASTER 170/VC006GM	BÁNH XE BẰNG NHỰA 170/VC006GM	540.432	8%
12908	413K80-7	WHEEL CAP/VC006GM	MIẾNG NHỰA CHỤP BẢO VỆ BÁNH XE/VC006GM	36.720	8%
12909	413K81-5	INLET COVER/VC006GM	VỎ MÁY/VC006GM	164.916	8%
12910	413K82-3	INLET COVER/VC006GM	VỎ MÁY/VC006GM	183.168	8%
12911	413K83-1	HOOK/VC006GM	MỐC KHỎA MỞ THÂN MÁY/VC006GM	100.764	8%
12912	413K84-9	INNER COVER/VC006GM	VỎ THÂN MÁY/VC006GM	595.296	8%
12913	413K85-7	REAR STAND/VC006GM	VỎ THÂN MÁY/VC006GM	210.708	8%
12914	413K86-5	TOP PLATE/VC006GM	KHAY LỌC BỤI/VC006GM	338.904	8%
12915	413K91-2	OUTER VALVE HOLDER/VC006GM	MIẾNG THIẾP ĐỖ VAN NGOÀI/VC006GM	32.670	10%
12916	413K92-0	INNER VALVE HOLDER/VC006GM	MIẾNG NHỰA CỎ ĐÌNH LƯỚI LỌC TRONG/VC006GM	41.256	8%
12917	413K93-8	CAM/VC006GM	CÀN ĐẦY KHỎA AN TOÀN/VC006GM	87.048	8%
12918	413K94-6	SEAL STOPPER/VC006GM	MIẾNG ĐỆM CỎ ĐÌNH/VC006GM	59.616	8%
12919	413L02-3	NIPPLE/UC100D	CHỐT CHẶN LỖ XO/UC100D	9.180	8%
12920	413L03-1	LOCK OFF BUTTON/DJR189	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/DJR189	13.824	8%
12921	413L14-6	HEAD COVER/DSL800	VỎ MÁY/DSL800	233.604	8%
12922	413L16-2	CHARGER CASE COVER/DC40WA	ĐỂ SẠC/DC40WA	554.148	8%
12923	413L17-0	TERMINAL COVER/DC40WA	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐỂ GÀI PIN/DC40WA	288.576	8%
12924	413L21-9	COWLING LOWER/LM001G	VỎ MÁY DƯỚI/LM001G	283.932	8%
12925	413L22-7	COWLING UPPER/LM001G	VỎ MÁY TRÊN/LM001G	270.216	8%
12926	413L25-1	COWLING LOWER/LM001G	VỎ MÁY DƯỚI/LM001G	398.412	8%
12927	413L30-8	INNER PLATE/LM001G	TẤM NHỰA ĐỖ BƠ MẠCH/LM001G	64.152	8%
12928	413L31-6	INNER PLATE/LM001G	GÁ ĐỖ BƠ MẠCH/LM001G	82.512	8%
12929	413L33-2	FRONT COVER/LM001G	VỎ MÁY PHÍA TRƯỚC/LM001G	160.272	8%
12930	413L35-8	DECK UNDER COVER F/LM001G	VỎ MÁY TRÁI/LM001G	155.736	8%
12931	413L37-4	DECK UNDER COVER R/LM001G	VỎ MÁY PHẢI/LM001G	462.564	8%
12932	413L40-5	WHEEL CAP/LM001G	CHỤP BẢO VỆ BÁNH XE/LM001G	77.868	8%
12933	413L41-3	WHEEL CAP/LM001G	NÁP CHỤP/LM001G	91.584	8%
12934	413L42-1	REAR GRIP/LM001G	TAY CẦM SAU/LM001G	128.304	8%
12935	413L43-9	HEIGHT ADJUST PLATE/LM001G	MIẾNG NHỰA ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/LM001G	160.272	8%
12936	413L50-2	LEAD COVER/LM001G	MIẾNG NHỰA GIỮ DÂY ĐIỆN/LM001G	22.896	8%
12937	413L52-8	CLAMP/LM001G	MIẾNG NHỰA NẸP ỜNG/LM001G	27.540	8%
12938	413L53-6	BAFFLE PLATE/LM001G	NÁP CHẮN GIÓ/LM001G	102.630	10%
12939	413L58-6	HAMMER CASE COVER/TD002G	VỎ NHÔNG/TD002G	45.792	8%
12940	413L64-1	FOOT/KP001G	CHẶN ĐỖ ĐỂ MÁY/KP001G	9.180	8%
12941	413L67-5	LOOP HANDLE 24/DUR191L	TAY CẦM 24/DUR191L	174.096	8%
12942	413L86-1	REAR COVER/TD003G	VỎ ĐUÔI MÁY/TD003G	54.972	8%
12943	413L96-8	HOUSING R COVER/UC100D	VỎ MÁY/UC100D	50.436	8%
12944	413L97-6	SWITCH LEVER/UC100D	NÚT CÔNG TÁC/UC100D	18.360	8%
12945	413L98-4	LOCK OFF LEVER/UC100D	KHỎA AN TOÀN/UC100D	18.360	8%
12946	413M02-9	STOPPER/UC100D	MIẾNG ĐỆM/UC100D	9.350	10%
12947	413M03-7	COVER/UC100D	NÁP ĐẦY BỘ TĂNG XÍCH/UC100D	9.180	8%
12948	413M04-5	SAFETY COVER/UC100D	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ LƯỚI CÁT/UC100D	59.616	8%
12949	413M39-6	SLIDE SWITCH/DCL283F	NÚT TRƯỢT CÔNG TÁC/DCL283F	25.920	8%
12950	413M43-5	ELBOW SUPPORT/PM001G	VỎ MÁY/PM001G	270.216	8%
12951	413M44-3	MOTOR HOUSING/PM001G	VỎ MOTOR/PM001G	430.488	8%
12952	413M50-8	FLEXIBLE PIPE 100/PM001G	ỜNG DẪN KHÍ 100/PM001G	357.264	8%
12953	413M51-6	ELBOW/PM001G	ỜNG KHUYU/PM001G	311.472	8%
12954	413M52-4	CONTROLLER CASE COVER/PM001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BƠ MẠCH/PM001G	137.376	8%
12955	413M54-0	BATTERY COVER/PM001G	MIẾNG NHỰA CHỤP BẢO VỆ PIN/PM001G	531.252	8%
12956	413M55-8	LOCK LEVER/PM001G	MIẾNG NHỰA GÀI NÁP ĐẦY HỘP CHỨA PIN/PM001G	96.228	8%
12957	413M58-2	CLAMP/PM001G	MIẾNG NHỰA NẸP ỜNG/PM001G	45.792	8%
12958	413M59-0	SLEEVE 23/PM001G	ỜNG ĐỆM 23/PM001G	109.944	8%
12959	413M64-7	TANK STRAINER/PM001G	LƯỚI LỌC/PM001G	338.904	8%
12960	413M65-5	STRAINER FIN/PM001G	MIẾNG NHỰA GÀI LƯỚI LỌC/PM001G	151.200	8%
12961	413M66-3	TOP ADAPTER/PM001G	ĐẦU NỐI ỜNG PHỤN/PM001G	334.368	8%
12962	413M81-7	SWITCH LEVER R/DUH507	NÚT CÔNG TÁC R/DUH507	13.824	8%
12963	413M82-5	PROTECTOR/DUH507	TẤM CHẶN BẢO VỆ/DUH507	32.076	8%
12964	413M87-5	UNDER COVER/DUH507	VỎ MÁY PHÍA DƯỚI/DUH507	73.332	8%
12965	413M88-3	FRONT GRIP E/DUH507	TAY CẦM TRƯỚC/DUH507	82.512	8%
12966	413M89-1	FRONT GRIP COVER E/DUH507	TAY CẦM TRƯỚC/DUH507	82.512	8%
12967	413M90-6	SWITCH LEVER FE/DUH507	NÚT CÔNG TÁC FE/DUH507	64.152	8%
12968	413N06-7	COLLECTOR BASE/DX16	GÁ ĐỖ ỜNG DẪN BỤI/DX16	36.720	8%
12969	413N07-5	SLIDE BASE/DX16	MIẾNG NHỰA GIỮ THANH TRƯỢT/DX16	13.824	8%
12970	413N08-3	LOCK BUTTON/DX16	NÚT NHẶN KHỎA/DX16	18.360	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
12971	413N09-1	RACK/DX16	THAY RAY TRƯỢT/DX16	18.360	8%
12972	413N10-6	COLLECTOR/DX16	GÁ ĐỖ CHÂN BỤI/DX16	27.540	8%
12973	413N13-0	AIR DUCT/HR010G	MIẾNG ĐỆM THÔNG GIÓ/HR010G	22.896	8%
12974	413N14-8	VALVE/DHR183	MIẾNG ĐỆM LỌC BỤI/DHR183	9.180	8%
12975	413N15-6	CAP/DHR183	VÒNG CHÂN BỤI/DHR183	14.080	10%
12976	413N16-4	PUSHER/DHR183	THANH ĐAY LÒ XO/DHR183	9.180	8%
12977	413N25-3	CLAMP BASE/CE002G	MIẾNG NHỰA NẸP VÒNG KẸP ỚNG NƯỚC/CE002G	50.436	8%
12978	413N45-7	BAFFLE PLATE/HS012G	NÁP CHÂN GIÓ/HS012G	27.540	8%
12979	413N46-5	SWITCH LEVER/HS012G	NÚT CÔNG TÁC/HS012G	18.360	8%
12980	413N47-3	DIAL 27/HS012G	NÚT XOAY CHỈNH GÓC 27/HS012G	27.540	8%
12981	413N51-2	TRIGGER/ST001G	NÚT CÔNG TÁC/ST001G	41.256	8%
12982	413N52-0	FRONT COVER/ST001G	VỎ MÁY TRƯỚC/ST001G	73.332	8%
12983	413N53-8	CONTACT ARM COVER/ST001G	VỎ MÁY BẢO VỆ BĂNG DINH/ST001G	59.616	8%
12984	413N54-6	LED COVER/ST001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐÈN LED/ST001G	32.076	8%
12985	413N60-1	AIR DUCT/DHR183	MIẾNG ĐỆM DÀN KHÍ/DHR183	27.540	8%
12986	413N72-4	MOTOR HOUSING/UR013G	VỎ MOTOR/UR013G	206.064	8%
12987	413N73-2	MOTOR HOUSING/UR013G	VỎ MOTOR/UR013G	187.812	8%
12988	413N78-2	PROTECTOR 450/UR013G	TẮM CHẤN CỎ 450/UR013G	599.940	8%
12989	413N80-5	REAR COVER/DHP489	VỎ ĐUÔI MÁY/DHP489	45.792	8%
12990	413N90-2	SWITCH LEVER/UR013G	NÚT CÔNG TÁC/UR013G	32.076	8%
12991	413N91-0	CONTROL LEVER/UR013G	CÁN GẠT CHỈNH TỐC ĐỘ/UR013G	27.540	8%
12992	413N92-8	LINK/UR013G	VÒNG LIÊN KẾT VỚI CÔNG TÁC/UR013G	13.824	8%
12993	413N93-6	SWITCH LEVER/UR013G	NÚT CÔNG TÁC/UR013G	32.076	8%
12994	413N94-4	CONTROL LEVER/UR013G	CÁN GẠT CHỈNH TỐC ĐỘ/UR013G	41.256	8%
12995	413N95-2	LINK/UR013G	VÒNG LIÊN KẾT/UR013G	22.896	8%
12996	413N96-0	BAFFLE PLATE/UR013G	NÁP CHÂN GIÓ/UR013G	41.256	8%
12997	413P00-1	LOCK OFF LEVER/UR013G	KHOA AN TOÀN/UR013G	36.720	8%
12998	413P01-9	PIPE HOLDER 25/UR013G	ĐẦU NỐI CÁN MÁY&THÂN MÁY/UR013G	23.320	10%
12999	413P02-7	GUARD/UR013G	NÁP CHẶN CÁN CÔNG TÁC/UR013G	13.824	8%
13000	413P03-5	GUARD/UR013G	MIẾNG CHẶN CÁN CÔNG TÁC/UR013G	22.896	8%
13001	413P05-1	SPACER 25/UR013G	ĐỆM TAY CẮM 25/UR013G	68.688	8%
13002	413P07-7	PROTECTOR U 450/UR013G	TẮM CHẤN CỎ 450/UR013G	210.708	8%
13003	413P09-3	BEARING COVER/CE002G	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/CE002G	22.896	8%
13004	413P19-0	COVER A/PP001G	NÁP CHỤP A/PP001G	169.452	8%
13005	413P20-5	COVER B/PP001G	NÁP CHỤP B/PP001G	238.140	8%
13006	413P21-3	NOZZLE/UB402MP	ĐẦU NỐI ỚNG THỐI/UB402MP	160.272	8%
13007	413P22-1	ADAPTER/UB402MP	ỚNG THỐI DÀI/UB402MP	274.752	8%
13008	413P23-9	HOUSING A/UB402MP	ĐẦU NỐI ỚNG THỐI/UB402MP	206.064	8%
13009	413P25-5	BEARING COVER/UB402MP	VÀNH BẢO VỆ BẠC ĐẠN/UB402MP	82.512	8%
13010	413P26-3	REAR COVER/UB402MP	TẮM NHỰA ỚP SAU ỚNG THỐI/UB402MP	109.944	8%
13011	413P38-6	COVER C/PP001G	NÁP C/PP001G	13.824	8%
13012	413P41-7	BAFFLE PLATE/GA048G	NÁP CHÂN GIÓ/GA048G	36.720	8%
13013	413P43-3	SLIDE LEVER U/EN402MP	KHOA CHỈNH GÓC CẮT/EN402MP	54.972	8%
13014	413P44-1	SLIDE LEVER L/EN402MP	MIẾNG NHỰA NẸP KHOA CHỈNH GÓC L/EN402MP	18.360	8%
13015	413P45-9	UNDER COVER/EN402MP	TẦM ĐỆM NGOÀI/EN402MP	96.228	8%
13016	413P46-7	HANDLE/EN402MP	TAY CẮM/EN402MP	96.228	8%
13017	413P48-3	LOCK OFF LEVER/UR016G	CÁN GẠT KHOA AN TOÀN/UR016G	18.360	8%
13018	413P49-1	SWITCH LEVER/UR016G	NÚT CÔNG TÁC/UR016G	22.896	8%
13019	413P50-6	SWITCH LEVER/UR016G	NÚT CÔNG TÁC/UR016G	27.540	8%
13020	413P70-0	HAMMER CASE COVER/DTD173	VỎ BẢO VỆ ĐẦU BÚA/DTD173	18.360	8%
13021	413P71-8	REAR COVER/DTD173	NÁP VỎ ĐUÔI MÁY/DTD173	45.792	8%
13022	413P74-2	F/R CHANGE LEVER/DTD173/XDT20	THANH GẠT CÔNG TÁC/DTD173/XDT20	9.180	8%
13023	413P97-0	DUST GUARD/EN402MP	MŨT XÓP NGĂN BỤI/EN402MP	13.824	8%
13024	413R36-2	WHEEL HOLDER/EN424MP	MIẾNG NHỰA GIỮ TRỤC BANH XE/EN424MP	132.840	8%
13025	413R40-1	FAN BASE/VC010G	GÁ ĐỖ QUẠT/VC010G	114.480	8%
13026	413R41-9	UPPER HOUSING/VC010G	VỎ MÁY TRÊN/VC010G	416.772	8%
13027	413R44-3	DUST BOX COVER/VC010G	NÁP TRƯỚC HỘP CHỨA BỤI/VC010G	522.072	8%
13028	413R47-7	SIDE DUST BOX COVER/VC010G	NÁP SAU HỘP CHỨA BỤI/VC010G	306.828	8%
13029	413R48-5	STOPPER PLATE/VC010G	TẦM CHẶN/VC010G	50.436	8%
13030	413R52-4	BRUSH HOLDER/VC010G	CHÔI QUÉT/VC010G	59.616	8%
13031	413R55-8	FRONT ROLLER HOLDER/VC010G	GÁ ĐỖ CON LĂN TRƯỚC/VC010G	114.480	8%
13032	413R56-6	CAM/VC010G	CÁN GẠT /VC010G	45.792	8%
13033	413R65-5	DECK/UV001G	VỎ MÁY DƯỚI/UV001G	1.515.780	8%
13034	413R69-7	BAFFLE PLATE/UV001G	NÁP CHÂN GIÓ/UV001G	59.616	8%
13035	413R70-2	UNDER COVER/UV001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ DƯỚI/UV001G	77.868	8%
13036	413R71-0	ADJUST SCREW HOLDER/UV001G	GÁ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÂU/UV001G	130.680	10%
13037	413R75-2	BEARING COVER/UV001G	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/UV001G	114.480	8%
13038	413R76-0	BLADE UNDER BRACKET/UV001G	MIẾNG THẺP ĐỖ TRỤC LƯỖI/UV001G	69.960	10%
13039	413R79-4	ADJUST SCREW/UV001G	TRỤC XOĂN/UV001G	105.408	8%
13040	413R80-9	DIAL 75/UV001G	NÚT Vặn ĐIỀU CHỈNH 75/UV001G	87.048	8%
13041	413R81-7	LOCK OFF BUTTON/UV001G	CHÓT KHOA CÔNG TÁC/UV001G	22.896	8%
13042	413R94-8	LOCK LEVER/DSC121	CHÓT KHOA CÔNG TÁC/DSC121	82.512	8%
13043	413S09-1	DISPLAY COVER A/RM350D	NÁP TRÊN MÀN HÌNH HIỂN THỊ A/RM350D	224.424	8%
13044	413S10-6	DISPLAY COVER B/RM350D	NÁP DƯỚI MÀN HÌNH HIỂN THỊ B/RM350D	142.020	8%
13045	413S11-4	STOP BUTTON/RM350D	NÚT NHAN/RM350D	73.332	8%
13046	413S12-2	STOP BUTTON ARM/RM350D	NÚT NHAN DỪNG/RM350D	100.764	8%
13047	413S13-0	LOCK OFF BUTTON/RM350D	KHOA NÚT NHAN DỪNG/RM350D	82.512	8%
13048	413S14-8	SWITCH HOLDER/RM350D	GÁ ĐỖ CÔNG TÁC/RM350D	32.076	8%
13049	413S17-2	REFLECTOR/RM350D	TẦM PHẢN QUANG MÀN HÌNH/RM350D	73.332	8%
13050	413S21-1	BATTERY HOLDER/RM350D	NÁP BẢO VỆ PIN/RM350D	45.792	8%
13051	413S22-9	USB CAP/RM350D	NÁP NHỰA BẢO VỆ CÔNG USB/RM350D	27.540	8%
13052	413S23-7	TERMINAL HOLDER COVER/RM350D	NÁP GIÁ ĐỖ ĐỂ GÁI PIN/RM350D	50.436	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13053	413S26-1	COVER/RM350D	NÁP CHỤP BẢO VỆ/RM350D	677.808	8%
13054	413S28-7	RUBBER HOLDER/RM350D	MIẾNG ĐỆM/RM350D	18.360	8%
13055	413S29-5	MOTOR CASE/RM350D	ĐÈ ĐÓ ĐỒNG CỎ/RM350D	100.764	8%
13056	413S31-8	BLADE COVER/RM350D	BAO VỆ LƯỚI/RM350D	68.688	8%
13057	413S32-6	BLADE BASE/RM350D	ĐÈ GIỮ LƯỚI CÁT/RM350D	192.348	8%
13058	413S33-4	HUB/RM350D	GIÁ ĐỠ/RM350D	45.792	8%
13059	413S35-0	HEIGHT ADJUST BASE/RM350D	ĐÈ ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/RM350D	77.868	8%
13060	413S36-8	HEIGHT ADJUST SCREW/RM350D	ỐC ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/RM350D	119.124	8%
13061	413S39-2	SENSOR BASE A/RM350D	GIÁ ĐỠ CẢM BIẾN A/RM350D	13.824	8%
13062	413S40-7	SENSOR BASE B/RM350D	MIẾNG NHỰA B ĐỠ CẢM BIẾN/RM350D	22.896	8%
13063	413S42-3	SPRING HOLDER/RM350D	GIÁ ĐỠ LỖ XO/RM350D	27.540	8%
13064	413S43-1	SLIDER/RM350D	MIẾNG TRƯỢT/RM350D	96.228	8%
13065	413S44-9	SPRING COVER/RM350D	NÁP LỖ XO/RM350D	64.152	8%
13066	413S45-7	SLIDER COVER/RM350D	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ TẦM TRƯỢT/RM350D	22.896	8%
13067	413S46-5	FRONT WHEEL L/RM350D	VÀNH BANH XE TRƯỚC BÊN TRÁI/RM350D	50.436	8%
13068	413S47-3	FRONT WHEEL R/RM350D	VÀNH BANH XE TRƯỚC BÊN PHẢI/RM350D	41.256	8%
13069	413S48-1	FRONT WHEEL CAP/RM350D	NÁP BANH XE TRƯỚC/RM350D	13.824	8%
13070	413S50-4	REAR WHEEL COVER/RM350D	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BANH XE SAU/RM350D	96.228	8%
13071	413S54-6	STATION HOUSING/RM350D	VỎ TRẠM SẠC/RM350D	224.424	8%
13072	413S55-4	CHARGING COVER/RM350D	NÁP SẠC/RM350D	137.376	8%
13073	413S59-6	TERMINAL HOUSING COVER/RM350D	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐÈ GÁI PIN/RM350D	91.584	8%
13074	413S60-1	ROOF/RM350D	NÁP TRẠM SẠC/RM350D	288.576	8%
13075	413S61-9	ROOF COVER A/RM350D	MIẾNG NHỰA A BẢO VỆ HỘP CHỨA PIN/RM350D	91.584	8%
13076	413S62-7	ROOF COVER B/RM350D	MIẾNG NHỰA B BẢO VỆ HỘP CHỨA PIN/RM350D	91.584	8%
13077	413S63-5	WIRE COVER/RM350D	NÁP BẢO VỆ TRẠM SẠC/RM350D	73.332	8%
13078	413S64-3	PLUG ADAPTER/RM350D	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/RM350D	82.512	8%
13079	413S65-1	LENS ST/RM350D	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐÈN LED/RM350D	87.048	8%
13080	413S68-5	MOTOR HOUSING/MT871	VỎ MÁY/MT871	151.200	8%
13081	413S71-6	MOTOR HOUSING/M8700	VỎ MÁY/M8700	160.272	8%
13082	413S75-8	HANDLE COVER/M8700	VỎ TAY CẦM/M8700	82.512	8%
13083	413S81-3	INNER SUPPORT/BAP001G	GIÁ ĐỠ BƠ MẠCH/BAP001G	151.200	8%
13084	413S82-1	CORD HOLDER A/BAP001G	MIẾNG GÁ ĐỠ DÂY DẪN A/BAP001G	96.228	8%
13085	413S83-9	CORD HOLDER B/BAP001G	MIẾNG GÁ ĐỠ DÂY DẪN B/BAP001G	105.408	8%
13086	413S91-0	BACK PLATE/PDC1500	TẦM LƯNG DÂY ĐEO/PDC1500	114.480	8%
13087	413S93-6	STAND HOLDER U/PDC1500	MIẾNG NHỰA GIỮ GIÁ ĐỠ U/PDC1500	77.868	8%
13088	413S94-4	STAND HOLDER L/PDC1500	MIẾNG NHỰA GIỮ GIÁ ĐỠ L/PDC1500	82.512	8%
13089	413S95-2	LOCK LEVER/PDC1500	MIẾNG NHỰA KHÓA ĐIỀU CHỈNH/PDC1500	68.688	8%
13090	413T04-7	PRESSURE PIN/HW001G	CHÓT CHỊU ÁP LỰC CAO/HW001G	32.076	8%
13091	413T05-5	INFLOW JOINT/HW001G	ĐẦU NỐI ỐNG DẪN NƯỚC VAO/HW001G	50.436	8%
13092	413T06-3	SEAL HOLDER 12/HW001G	NÁP CHẶN VẠN ĐẦU 12/HW001G	13.824	8%
13093	413T07-1	POLYACETAL WASHER 4B/HW001G	VÒNG ĐỆM 4B/HW001G	13.824	8%
13094	413T08-9	POLYACETAL WASHER 4A/HW001G	VÒNG ĐỆM 4A/HW001G	18.360	8%
13095	413T10-2	ADJUST HOLDER/HW001G	ỐNG ĐỊNH VỊ/HW001G	27.540	8%
13096	413T11-0	VALVE HOLDER/HW001G	NÚT GIỮ VẠN/HW001G	32.076	8%
13097	413T12-8	JOINT/HW001G	ĐẦU NỐI ỐNG/HW001G	50.436	8%
13098	413T15-2	REAR COVER/HW001G	VỎ MÁY SAU/HW001G	183.168	8%
13099	413T18-6	LOCK BOTTON/HW001G	NÚT KHÓA/HW001G	41.256	8%
13100	413T19-4	PIPE HOLDER/HW001G	GIÁ ĐỠ ỐNG/HW001G	50.436	8%
13101	413T20-9	UPPER STOPPER/HW001G	ỐNG CHẶN TRÊN/HW001G	22.896	8%
13102	413T21-7	LOWER STOPPER/HW001G	ỐNG CHẶN DƯỚI/HW001G	27.540	8%
13103	413T22-5	UPPER PIPE STOPPER/HW001G	NÚT CHẶN ỐNG TRÊN/HW001G	18.700	10%
13104	413T23-3	BOTTOM PLATE/HW001G	ĐÈ/HW001G	247.320	8%
13105	413T25-9	BATTERY BOX COVER/HW001G	NÁP ĐẦY HỘP CHỨA PIN/HW001G	311.472	8%
13106	413T26-7	LOCK LEVER/HW001G	CÁN KHÓA/HW001G	36.720	8%
13107	413T27-5	SWITCH DIAL 55/HW001G	NÚT VẠN ĐIỀU CHỈNH 55/HW001G	50.436	8%
13108	413T29-1	ACCESSORY HOLDER S/HW001G	GIÁ ĐỠ PHỤ KIỆN/HW001G	73.332	8%
13109	413T30-6	TERMINAL PLATE/HW001G	TẦM ĐỠ ĐÈ PIN/HW001G	155.736	8%
13110	413T32-2	WHEEL 140/HW001G	BÀNH XE 140/HW001G	256.500	8%
13111	413T33-0	TERMINAL PLATE COVER/HW001G	TẦM BẢO VỆ TRÊN ĐÈ PIN/HW001G	73.332	8%
13112	413T34-8	LOCK PIN/HW001G	CHÓT KHÓA/HW001G	59.616	8%
13113	413T37-2	SWITCH PANEL/HW001G	BẢNG ĐIỀU KHIỂN CÔNG TÁC/HW001G	64.152	8%
13114	413T38-0	STOPPER PIN/HW001G	CHÓT CHẶN/HW001G	18.700	10%
13115	413T45-3	BLADE SUPPORT/LM004G	GIÁ ĐỠ LƯỚI CÁT/LM004G	46.640	10%
13116	413T46-1	SUPPORT/LM004G	GIÁ ĐỠ KHÓA TAY CẦM/LM004G	32.076	8%
13117	413T47-9	LEVER/LM004G	CÁN GẠT KHÓA TAY CẦM/LM004G	22.896	8%
13118	413T48-7	GRIP/LM004G	TAY CẦM/LM004G	45.792	8%
13119	413T51-8	ROD HOLDER/LM004G	GÁ ĐỠ THANH LIÊN KẾT/LM004G	28.050	10%
13120	413T52-6	HOOK/LM004G	MIẾNG NÉP/LM004G	9.180	8%
13121	413T55-0	DECK/LM004G	VỎ THÂN MÁY/LM004G	1.241.028	8%
13122	413T58-4	UNDER COVER/LM004G	CHỤP BẢO VỆ DƯỚI/LM004G	77.868	8%
13123	413T62-3	LED HOLDER/LM004G	GIÁ GẮN ĐÈN LED/LM004G	9.180	8%
13124	413T68-1	SAFETY COVER/DUC150	CHỤP BẢO VỆ LƯỚI CỬA/DUC150	68.688	8%
13125	413T74-6	REAR COVER/WT001G	TẦM BẢO VỆ/WT001G	119.124	8%
13126	413U00-1	FRONT LIP/VS001G	TẦM CHẶN TRƯỚC/VS001G	334.368	8%
13127	413U01-9	SIDE LIP R/VS001G	THANH NÉP VỎ MÁY BÊN PHẢI/VS001G	325.188	8%
13128	413U02-7	SIDE LIP L/VS001G	THANH NÉP VỎ MÁY BÊN TRÁI/VS001G	334.368	8%
13129	413U03-5	REAR LIP/VS001G	TẦM CHẶN SAU/VS001G	348.084	8%
13130	413U04-3	HANDLE COVER/VS001G	VỎ CHỤP TRƯỚC/VS001G	279.396	8%
13131	413U05-1	REFLECTOR/VS001G	CHÓA ĐÈN LED/VS001G	151.200	8%
13132	413U06-9	LENS/VS001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐÈN/VS001G	50.436	8%
13133	413U08-5	REAR TIRE/VS001G	BÀNH XE SAU/VS001G	952.560	8%
13134	413U09-3	REAR TIRE CAP/VS001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BÀNH SAU/VS001G	114.480	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13135	413U12-4	MOTOR COVER/VS001G	CHÚP ĐẦY CỤM MOTOR/VS001G	68.688	8%
13136	413U13-2	DUCT UPPER/VS001G	VỎ MÁY TRÊN/VS001G	659.448	8%
13137	413U19-0	BEARING HOLDER R/VS001G	Ổ ĐỖ BẠC ĐẠN BÊN PHẢI/VS001G	91.584	8%
13138	413U20-5	PULLEY SHAFT R/VS001G	CHÓT NHỰA CỖ ĐỊNH PULY/VS001G	96.228	8%
13139	413U22-1	PULLEY SHAFT F/VS001G	CHÓT NHỰA CỖ ĐỊNH PULY/VS001G	68.688	8%
13140	413U23-9	HEIGHT INDICATOR/VS001G	THANH THÉP ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/VS001G	69.960	10%
13141	413U24-7	BEARING HOLDER L/VS001G	Ổ ĐỖ BẠC ĐẠN BÊN TRÁI/VS001G	96.228	8%
13142	413U25-5	SIDE BRUSH HOLDER/VS001G	ĐỂ GIỮ BÀN CHAI CUỐI/VS001G	352.620	8%
13143	413U26-3	ROLLER/VS001G	CON LĂN/VS001G	338.904	8%
13144	413U27-1	BRUSH LOCK/VS001G	Ổ KHÓA CHỐI/VS001G	119.124	8%
13145	413U28-9	LINK CABLE ROLLER/VS001G	CON LĂN DẪN HƯỚNG ĐẦY CÁP/VS001G	50.436	8%
13146	413U29-7	ROLLER COVER/VS001G	NẮP ĐẦY CON LĂN/VS001G	45.792	8%
13147	413U40-9	HANDLE CAM B/VS001G	BÀNH RĂNG TAY CÀM B/VS001G	73.332	8%
13148	413U43-3	SWITCH LEVER CASE/VS001G	HỘP ĐIỀU CHỈNH CÔNG TÁC/VS001G	68.688	8%
13149	413U44-1	SWITCH DIAL/VS001G	NÚT VẶN CÔNG TÁC/VS001G	64.152	8%
13150	413U45-9	LOCK OFF BUTTON/VS001G	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/VS001G	54.972	8%
13151	413U46-7	SWITCH LEVER/VS001G	CÀN GẠT CÔNG TÁC/VS001G	41.256	8%
13152	413U48-3	THUMB SCREW DIAL/VS001G	NÚM XOAY ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO CHỐI QUÉT/VS001G	45.792	8%
13153	413U49-1	CABLE GUIDE/VS001G	MIẾNG NHỰA DẪN HƯỚNG CÁP/VS001G	50.436	8%
13154	413U50-6	SIDE BRUSH LEVER/VS001G	CÀN GẠT CHỈNH BÀN CHAI/VS001G	64.152	8%
13155	413U51-4	BUTTON/VS001G	NÚT ĐẦY CÔNG TÁC/VS001G	54.972	8%
13156	413U57-2	BATTERY COVER/VS001G	NẮP CHỤP BẢO VỆ PIN/VS001G	403.056	8%
13157	413U58-0	LATCH/VS001G	MIẾNG KHÓA GẤP/VS001G	59.616	8%
13158	413U59-8	BATTERY HOOK BASE/VS001G	MIẾNG ĐỂ GÁI NẮP HỘP PIN/VS001G	41.256	8%
13159	413U60-3	MAIN BRUSH DIAL/VS001G	NÚM ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÂU CHỐI CUỐN/VS001G	59.616	8%
13160	413U68-7	BAFFLE PLATE/GA7090	NẮP CHẮN GIÓ/GA7090	18.360	8%
13161	413U69-5	DIFFUSER/GA7090/GA9090	CHẶN BỤI/GA7090/GA9090	18.360	8%
13162	413U71-8	SWITCH CAM/HW001G	CHÓT CÔNG TÁC/HW001G	14.080	10%
13163	413U78-4	FAN BASE/VC011G/VC012G	ĐỂ QUẠT/VC011G/VC012G	128.304	8%
13164	413U86-5	FRONT WHEEL/LM004G	BÀNH XE TRƯỚC/LM004G	174.096	8%
13165	413U87-3	REAR WHEEL/LM004G	BÀNH XE SAU/LM004G	206.064	8%
13166	413U92-0	TERMINAL SLIDER/RM350D	MIẾNG TRƯỢT GÁI PIN/RM350D	22.896	8%
13167	413U95-4	MOTOR HOUSING/M9508B	VỎ MÁY/M9508B	100.764	8%
13168	413U97-0	MOTOR HOUSING/M9511B	VỎ MÁY/M9511B	109.944	8%
13169	413V76-4	BAFFLE PLATE/UC004G	NẮP CHẮN GIÓ/UC004G	36.720	8%
13170	413W24-9	GEAR CASE COVER/WA400MP	NẮP HỘP NHÔNG/WA400MP	64.152	8%
13171	413W45-1	CRANK CAP/HM004G	NẮP ĐẦY HỘC ĐẦU/HM004G	453.384	8%
13172	413W46-9	FILTER COVER/HM004G	NẮP ĐẦY LỌC BỤI/HM004G	128.304	8%
13173	413W47-7	MOTOR HOUSING/HM004G	VỎ MÁY/HM004G	627.372	8%
13174	413W48-5	BAFFLE PLATE/HM004G	NẮP CHẮN GIÓ/HM004G	169.452	8%
13175	413W49-3	SPRING HOLDER/HM004G	ĐỂ GIỮ LÒ XO/HM004G	100.764	8%
13176	413W50-8	CENTER COVER/HM004G	VỎ MÁY GIỮA/HM004G	1.094.472	8%
13177	413W53-2	HEAD COVER/HM004G	VỎ MÁY/HM004G	925.020	8%
13178	413W54-0	SWITCH COVER/HM004G	ĐỂ GIỮ CÔNG TÁC/HM004G	142.020	8%
13179	413W57-4	CONTROLLER COVER/HM004G	ĐỂ GẮN BỘ MẠCH/HM004G	526.608	8%
13180	413W58-2	HANDLE A/HM004G	TAY CÀM A/HM004G	975.456	8%
13181	413W59-0	HANDLE B/HM004G	TAY CÀM B/HM004G	975.456	8%
13182	413W60-5	SWITCH LEVER/HM004G	CÀN BÓP CÔNG TÁC/HM004G	187.812	8%
13183	413W61-3	HANDLE BASE B COVER/HM004G	MIẾNG ĐẼM TAY CÀM/HM004G	192.348	8%
13184	413W68-9	FRONT HAND GUARD/UC021G	CÀN GẠT KHÓA AN TOÀN/UC021G	132.840	8%
13185	413W72-8	MICRO SWITCH GUARD/UC021G	NẮP BẢO VỆ CÔNG TÁC/UC021G	9.180	8%
13186	413W73-6	MOTOR HOUSING/UC021G,UC022G,UC023G,UC024G,UC025G	VỎ MÁY/UC021G,UC022G,UC023G,UC024G,UC025G,UC026G	68.688	8%
13187	413W74-4	BAFFLE PLATE/UC021G	CHẶN GIÓ/UC021G	22.896	8%
13188	413W79-4	FRONT HANDLE/UC021G	TAY CÀM/UC021G	224.424	8%
13189	413W82-5	FRONT HAND GUARD RETAINER/UC021G,UC022G,UC023G,UC024G	CÀN GẠT KHÓA AN TOÀN/UC021G,UC022G,UC023G,UC024G	45.792	8%
13190	413W85-9	NUT COVER/UC022G	NẮP BẢO VỆ TĂNG XÍCH/UC022G	32.076	8%
13191	413W87-5	DIAL 40/UC022G	THANH QUAY 40/UC022G	9.180	8%
13192	413W88-3	COVER/UC022G	NẮP BẢO VỆ/UC022G	9.180	8%
13193	413W89-1	CAP/UC022G	NẮP/UC022G	4.644	8%
13194	413X25-3	LED LENS/DFL303F	ĐÈN LED/DFL303F	100.764	8%
13195	413X26-1	COVER/DFL303F	NẮP BẢO VỆ MẠCH/DFL303F	187.812	8%
13196	413X27-9	LENS/DFL303F	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BỘ MẠCH/DFL303F	54.972	8%
13197	413X29-5	GEAR CASE/DFL303F	HỘP NHÔNG/DFL303F	224.424	8%
13198	413X50-4	CHARGER CASE BOTTOM/BCC01/BCC02	VỎ DƯỚI CỬA SẠC/BCC01/BCC02	7.665.624	8%
13199	413X52-0	HANDLE/BCC01/BCC02	TAY CÀM/BCC01/BCC02	892.944	8%
13200	413X53-8	LENS/BCC01/BCC02	ỐNG KÍNH/BCC01/BCC02	142.020	8%
13201	413X59-6	CORD COVER/BCC01	NẮP BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/BCC01	242.784	8%
13202	413X60-1	HINGE L/BCC01/BCC02	BÀN LỀ TRÁI/BCC01/BCC02	192.348	8%
13203	413X61-9	HINGE R/BCC01/BCC02	BÀN LỀ PHẢI/BCC01/BCC02	192.348	8%
13204	413X89-7	FRAME COVER/UB004C	MIẾNG NHỰA NẾP ỚNG DẪN/UB004C	82.512	8%
13205	413X92-8	SWITCH LEVER/UB004C	CÀN BÓP CÔNG TÁC/UB004C	45.792	8%
13206	413X94-4	MOTOR HOUSING COVER/UB004C	CHỤP BẠC ĐẠN/UB004C	73.332	8%
13207	413X95-2	CAP/UB004C	NẮP CHỤP CẢNH QUẠT TẠM LỰC GIÓ/UB004C	64.152	8%
13208	413X96-0	FRONT PIPE/UB004C	ĐẦU NỐI ỚNG THÔI/UB004C	274.752	8%
13209	413X97-8	REAR RETAINER/UB004C	ĐỂ ĐẼM PHÍA SAU/UB004C	73.332	8%
13210	413X98-6	REAR COVER/UB004C	VỎ DƯỚI MÁY/UB004C	128.304	8%
13211	413X99-4	FLEXIBLE PIPE 118/UB004C	ỚNG DẪN/UB004C	293.112	8%
13212	413Y00-5	CONTROLLER CASE COVER/UB004C	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BỘ MẠCH/UB004C	96.228	8%
13213	413Y01-3	SWIVEL RING/UB004C	VÒNG ĐẼM/UB004C	100.764	8%
13214	413Y02-1	MIDDLE PIPE/UB004C	ỚNG NỐI DÀI/UB004C	228.960	8%
13215	413Y04-7	END NOZZLE 81/UB004C	ỚNG THÔI/UB004C	201.528	8%
13216	413Y05-5	PIPE FRAME COVER/UB004C	MIẾNG NHỰA NẾP KHUNG/UB004C	36.720	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13217	413Y06-3	LEVER/UB004C	CẦN GẠT DUY TRÌ/UB004C	45.792	8%
13218	413Y07-1	THUMB SCREW M5X45/UB004C	ỐC VÍT M5X45/UB004C	93.280	10%
13219	413Y18-6	LENS/CE003G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐÈN LED/CE003G	22.896	8%
13220	413Y19-4	MOTOR HOUSING/CE003G	VỎ MÁY/CE003G	142.020	8%
13221	413Y20-9	SWITCH LEVER/CE003G	THANH GẠT CÔNG TÁC/CE003G	32.076	8%
13222	413Y21-7	LOCK OFF BUTTON/CE003G	KHOÁ THANH GẠT CÔNG TÁC/CE003G	22.896	8%
13223	413Y22-5	BAFFLE PLATE/CE003G	MIẾNG CHÂN BỤI/CE003G	41.256	8%
13224	413Y25-9	CONTROLLER CASE/CE003G	HỘP BẢO VỆ BỘ MẠCH/CE003G	41.256	8%
13225	413Y26-7	SPONGE SHEET/DTD173	VÒNG ĐỆM/DTD173	60.720	10%
13226	413Y30-6	CLAMP/UB004C	MỐC TREO/UB004C	45.792	8%
13227	413Y52-6	LOCK RING/UB004C	VÒNG KHÓA/UB004C	123.660	8%
13228	414119-3	HANDLE COVER/5016B	NẮP TAY CẦM/5016B	178.632	8%
13229	414145-2	JOINT/DUB182	ĐẦU NỐI/DUB182	59.616	8%
13230	414218-1	CRANK CAP/HM1201	NẮP ĐẦU/HM1201	251.856	8%
13231	414436-1	SWITCH LEVER/6922NB	NÚT CÔNG TÁC/6922NB	91.584	8%
13232	414530-9	BEARING BOX/LS1030	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/LS1030	86.400	8%
13233	414531-7	SAFETY COVER/LS1030	NÁP BẢO VỆ/LS1030	268.920	8%
13234	414538-3	HANDLE COVER/1911B	TAY CẦM/1911B	178.632	8%
13235	414546-4	CAM/LS1030N	CHÓT GẠT CÔNG TÁC/LS1030N	22.896	8%
13236	414712-3	HANDLE COVER/4100NB	TAY CẦM/4100NB	159.840	8%
13237	414787-2	MOTOR HOUSING A/HM1810	VỎ MÁY A/HM1810	289.440	8%
13238	414959-9	HANDLE COVER/6906	TAY CẦM/6906	137.376	8%
13239	415158-6	SWITCH LEVER/4304	CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI/4304	45.792	8%
13240	415159-4	SPACER/4304	CHÓT KHÓA CÔNG TÁC/4304	17.280	8%
13241	415208-7	RELEASE BUTTON/LS1019L	NÚT NHẢY/LS1019L	22.896	8%
13242	415252-4	DUST NOZZLE/PJ7000	ĐẦU NỔI HÚT BỤI/PJ7000	27.540	8%
13243	415300-9	LABYRINTH RING/9565CVR	VÒNG ĐỆM/9565CVR	23.320	10%
13244	415303-3	SWITCH KNOB/JN1601	NÚT CÔNG TÁC/JN1601	25.920	8%
13245	415350-4	BAFFLE PLATE/6922NB	NÁP CHÂN GIÓ/6922NB	77.868	8%
13246	415353-8	REAR COVER/6922NB	TÀN BẢO VỆ/6922NB	202.400	10%
13247	415366-9	SWITCH LOCK/2414NB	KHOÁ CÔNG TÁC/2414NB	13.824	8%
13248	415369-3	BAFFLE PLATE/2414NB	NÁP CHÂN GIÓ/2414NB	18.360	8%
13249	415467-3	BAFFLE PLATE/4131	NÁP CHÂN GIÓ/4131	34.560	8%
13250	415469-9	GRIP/4131	TAY CẦM/4131	138.240	8%
13251	415474-6	BLADE GUIDE/LC1230	VÒNG ĐỆM CAO SU/LC1230	36.720	8%
13252	415475-4	BAFFLE PLATE/LC1230	NÁP CHÂN GIÓ/LC1230	34.560	8%
13253	415486-9	DEPTH GAUGE/DHR165	THƯỚC ĐO/DHR165	13.824	8%
13254	415490-8	BAFFLE PLATE/JN1601	NÁP CHÂN GIÓ/JN1601	12.960	8%
13255	415491-6	PIN CAP/9237C	NÚT NHAN/9237C	4.644	8%
13256	415524-7	ANTI-SPLINTERING DEVICE/4304	THANH DẪN HƯỚNG/4304	18.360	8%
13257	415532-8	REAR COVER/4304	NÁP ĐUÔI MÁY/4304	109.944	8%
13258	415534-4	LOCK-ON LEVER/4304	NÚT KHÓA/4304	13.824	8%
13259	415535-2	BAFFLE PLATE/4304	NÁP CHÂN GIÓ/4304	18.360	8%
13260	415538-6	CAP/4304	NẮP CHỤP/4304	12.960	8%
13261	415540-9	REAR COVER/JN1601	VỎ ĐUÔI MÁY/JN1601	108.000	8%
13262	415541-7	SWITCH LEVER/JN1601	CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI/JN1601	21.600	8%
13263	415570-0	LOCK RING/6821	VÒNG CHUYỂN CHẾ ĐỘ/6821	39.600	10%
13264	415600-7	HANDLE COVER/4100NH	TAY CẦM/4100NH	96.228	8%
13265	415634-0	BAFFLE PLATE/9032	NÁP CHÂN GIÓ/9032	21.600	8%
13266	415635-8	HANDLE COVER/9032	NÁP TAY CẦM/9032	99.360	8%
13267	415748-5	MOTOR HOUSING/4304	VỎ MÁY/4304	169.452	8%
13268	415805-9	LOCK BUTTON/HM1306	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/HM1306	22.896	8%
13269	415806-7	LOCK PLATE/HM1306	THANH THÉP KHÓA LO XO/HM1306	23.320	10%
13270	415873-2	BAFFLE PLATE/5806B	NÁP CHÂN GIÓ/5806B	27.540	8%
13271	415887-1	PROTECTOR/4304	NÁP BẢO VỆ/4304	56.160	8%
13272	415902-1	CRANK CAP/HR2010	NẮP ĐẦU/HR2010	68.688	8%
13273	415903-9	SWITCH LEVER/HR2010	CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI/HR2010	27.540	8%
13274	415952-6	SWITCH KNOB/9523NB	NÚT CÔNG TÁC/9523NB	8.640	8%
13275	415962-3	ROLLER 14/DVC860L	RU LỎ/DVC860L	32.076	8%
13276	415964-9	JOINT HOLDER/DVC860L	BỘ GIỮ MỐI NỔI/DVC860L	41.256	8%
13277	415965-7	UPPER NOZZLE/DVC860L	ĐẦU HÚT PHÍA TRÊN/DVC860L	174.096	8%
13278	415978-8	HANDLE COVER/5806B	NÁP TAY CẦM/5806B	77.868	8%
13279	415999-0	SWITCH LEVER/LS1030N	NÚT CÔNG TÁC/LS1030N	18.360	8%
13280	416000-4	LOCK OFF LEVER/LS1030N	THANH TẮT MŌ CÔNG TÁC/LS1030N	13.824	8%
13281	416001-2	KERF BOARD/LS1030N	THANH NHỰA MÁY CUA ĐÁ GÓC/LS1030N	22.896	8%
13282	416003-8	SAFETY COVER/LS1030N	BẢO VỆ LƯỚI/LS1030N	233.604	8%
13283	416004-6	HANDLE COVER/LS1030N	VỎ TAY CẦM BẢO VỆ/LS1030N	73.440	8%
13284	416006-2	LEVER 100/LH1040	CẦN GẠT 100/LH1040	27.540	8%
13285	416007-0	GUIDE COVER/LS1030N	TÀN BẢO VỆ THANH MÁY/LS1030N	12.960	8%
13286	416030-5	FAN COVER/DCL140	NẮP ĐÁY CẢNH QUẠT/DCL140	13.824	8%
13287	416063-0	DUST BAG NOZZLE/BO4555	TÚI CHỨA BỤI NOZZLE/BO4555	18.360	8%
13288	416064-8	DUST NOZZLE/BO4555	ÔNG NỔI TÚI BỤI/BO4555	36.720	8%
13289	416131-9	BAFFLE PLATE/4112HS	NÁP CHÂN GIÓ/4112HS	22.896	8%
13290	416178-3	LOCK-OFF BUTTON/BUC250	CHÓT KHÓA CÔNG TÁC/BUC250	9.180	8%
13291	416244-6	NUT 36/DVR450Z	KHỚP NỔI REN 36/DVR450Z	88.660	10%
13292	416253-5	BAFFLE PLATE/9237C	NÁP CHÂN GIÓ/9237C	45.792	8%
13293	416274-7	CAP/DCS232T	VẠN DẪN ĐẦU/DCS232T	4.320	8%
13294	416287-8	CHANGE LEVER/HR4040C	NÚT BẢO VỆ/HR4040C	77.868	8%
13295	416289-4	SLIDE PLATE/HR4040C	MIẾNG KÉP THÉP/HR4040C	14.080	10%
13296	416331-1	BAFFLE PLATE/2704	NÁP CHÂN GIÓ/2704	45.792	8%
13297	416332-9	FRAME RETAINER/2704	MIẾNG ĐỆM/2704	50.436	8%
13298	416333-7	RACK PLATE/2704	BÀNH RĂNG/2704	45.792	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13299	416339-5	SCREW BAR RETAINER/2704	ỐC NÔI/2704	13.824	8%
13300	416340-0	GUIDE BAR RETAINER/2704	GIÁ ĐỖ BẢO VỆ/2704	22.896	8%
13301	416341-8	COVER/2704	NÁP CHỤP/2704	96.228	8%
13302	416356-5	LOCK-OFF LEVER/LS1016	CÁN KHÓA CÔNG TÁC/LS1016	12.960	8%
13303	416410-5	CHUCK COVER/HR2010	VỎ BẢO VỆ/HR2010	32.076	8%
13304	416419-7	SHOE/9910	NÁP CHỤP/9910	149.270	10%
13305	416439-1	DUST GUIDE/2704	ỐNG DẪN BỤI/2704	87.048	8%
13306	416442-2	BAFFLE PLATE/LS1030N	NÁP CHÁN GIÓ/LS1030N	13.824	8%
13307	416448-0	BAFFLE PLATE/9015B	NÁP CHÁN GIÓ/9015B	22.896	8%
13308	416449-8	PIN CAP/9015B	NÁP CHỤP/9015B	4.644	8%
13309	416472-3	BAFFLE PLATE/9067	NÁP CHÁN GIÓ/9067	27.540	8%
13310	416476-5	DUST COVER/4326	TẦM BẢO VỆ/4326	27.540	8%
13311	416494-3	SEPARATOR/9403	TẦM ĐỆM NGĂN/9403	32.076	8%
13312	416495-1	BELT COVER/9403	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CUA ROA/9403	151.200	8%
13313	416497-7	DUST NOZZLE/9403	ỐNG KẾT NỐI HÚT BỤI/9403	41.256	8%
13314	416498-5	BAFFLE PLATE/9403	NÁP CHÁN GIÓ/9403	32.076	8%
13315	416499-3	FRONT GRIP/9403	TAY CÀM TRƯỚC/9403	178.632	8%
13316	416533-9	LOCK OFF LEVER/DLS600	KHÓA CÔNG TÁC/DLS600	13.824	8%
13317	416534-7	SWITCH LEVER/DLS600	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DLS600	22.896	8%
13318	416535-5	SLEEVE 17/DLS600	ỐNG LỐT 17/DLS600	9.350	10%
13319	416536-3	WRENCH HOLDER/LS1019L	KẸP GIỮ/LS1019L	14.080	10%
13320	416537-1	BAFFLE PLATE/LS0714	NÁP CHÁN GIÓ/LS0714	12.960	8%
13321	416571-1	CHANGE LINK/HR5001C	THANH GÁI CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR5001C	79.310	10%
13322	416703-0	DUST SEAL/4328	VÒNG GIỮ THANH TRƯỢT/4328	4.644	8%
13323	416708-0	SWITCH LEVER/UC4020A	NÚT GẠT CÔNG TÁC/UC4020A	18.360	8%
13324	416721-8	BAFFLE PLATE/4140	NÁP CHÁN GIÓ/4140	21.600	8%
13325	416722-6	COVER/4140	CHỤP BẢO VỆ/4140	25.920	8%
13326	416741-2	ELBOW/SG1251	ỐNG XA/SG1251	109.944	8%
13327	416764-0	LENS/BFT080F	NÁP ĐÈN/BFT080F	109.944	8%
13328	416771-3	PLUG/2416S	NÚT ĐEM BĂNG THÉP/2416S	4.400	10%
13329	416772-1	PUSH STICK/2704	GẬY ĐÁY BẰNG NHỰA/2704	151.200	8%
13330	416869-6	PROTECTOR/LC1230	TẦM BẢO VỆ/LC1230	119.124	8%
13331	416905-8	SLEEVE 17-23/LS002G	VÒNG ĐỆM 17-23/LS002G	23.320	10%
13332	417002-3	SIDE HANDLE CAM/HM1203C	BÀNH RĂNG CAM Ở TAY CÀM/HM1203C	23.320	10%
13333	417003-1	SIDE HANDLE/HM1203C	TAY CÀM/HM1203C	292.710	10%
13334	417030-8	GEAR COVER/2012NB	NÁP HỘP NHÔNG/2012NB	32.076	8%
13335	417031-6	SWITCH LEVER/2012NB	CÁN GẠT CÔNG TÁC/2012NB	27.540	8%
13336	417032-4	GAUGE/2012NB	NÁP CHỤP BẰNG NHỰA/2012NB	18.360	8%
13337	417033-2	BAFFLE PLATE/2012NB	NÁP CHÁN GIÓ/2012NB	22.896	8%
13338	417034-0	SHAFT RETAINER/2012NB	CỨ GIỮ BĂNG THÉP/2012NB	9.180	8%
13339	417035-8	BELT COVER/2012NB	NÁP CHỤP DÂY CUROA/2012NB	22.896	8%
13340	417036-6	TOOL BOX HOLDER/2012NB	TẦM ĐỆM/2012NB	23.320	10%
13341	417037-4	SWITCH COVER/2012NB	BỌC CÔNG TÁC/2012NB	59.616	8%
13342	417038-2	SWITCH BOX COVER/2012NB	BỌC CÔNG TÁC/2012NB	91.584	8%
13343	417040-5	SIDE COVER/2012NB	NÁP CHỤP BÊN/2012NB	151.200	8%
13344	417041-3	SWITCH BOX/2012NB	HỘP CÔNG TÁC/2012NB	196.992	8%
13345	417044-7	SWITCH BASE/2012NB	ĐẾ CÔNG TÁC/2012NB	32.076	8%
13346	417113-4	SWITCH BUTTON/2414NB	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/2414NB	9.180	8%
13347	417114-2	BAFFLE PLATE/N5900B	NÁP CHÁN GIÓ/N5900B	32.670	10%
13348	417115-0	SWITCH LEVER/N5900B	CÁN GẠT CÔNG TÁC/N5900B	13.824	8%
13349	417116-8	LOCK-ON BUTTON/N5900B	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/N5900B	59.616	8%
13350	417118-4	HANDLE COVER/N5900B	VỎ TAY CÀM/N5900B	91.584	8%
13351	417185-9	REAR COVER/9565CVR	VỎ ĐUÔI MÁY/9565CVR	142.020	8%
13352	417186-7	SWITCH LEVER/9563C	CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI/9563C	41.256	8%
13353	417187-5	SWITCH LEVER/GD0800C	CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI/GD0800C	45.792	8%
13354	417190-6	HOLDER PLATE/VC2510L	MIẾNG ĐỆM GÁI ĐẦU HÚT/VC2510L	27.540	8%
13355	417191-4	CUFF LOCK/DVC860L	ĐẦU NỐI ỐNG/DVC860L	123.660	8%
13356	417237-6	INSULATION COVER/9563C	KẸP BẢO VỆ VÍT/9563C	13.824	8%
13357	417252-0	POLE/RP2301FC	TỶ ĐÌNH HƯỚNG/RP2301FC	32.076	8%
13358	417283-9	F/R CHANGE LEVER/BTD042	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/BTD042	21.600	8%
13359	417306-3	SLEEVE/DVC860L	KHỚP NỐI/DVC860L	54.972	8%
13360	417307-1	FRONT CUFF/DVC860L	ĐẦU NỐI ỐNG/DVC860L	151.200	8%
13361	417340-3	LOCK BUTTON/HR4040C	NÚT KHÓA CHỈNH CHẾ ĐỘ KHOAN/HR4040C	22.896	8%
13362	417352-6	SWITCH LEVER/9523NB	CÔNG TÁC GẠT/9523NB	4.320	8%
13363	417363-1	GEAR COVER/GD0810C	NÁP HỘP NHÔNG/GD0810C	100.764	8%
13364	417388-5	REAR COVER/9500NB	TẦM BẢO VỆ PHÍA SAU/9500NB	87.048	8%
13365	417403-5	COVER/EA3201S	CHỤP BẢO VỆ/EA3201S	8.800	10%
13366	417405-1	CAM/UC3020A	NHÔNG CAM/UC3020A	9.180	8%
13367	417415-8	BAFFLE PLATE/BO6030	NÁP CHÁN GIÓ/BO6030	95.040	8%
13368	417416-6	TOP COVER/BO6030	NÁP CHỤP VỎ MÁY/BO6030	237.600	8%
13369	417449-1	LEVER/PV7001C	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/PV7001C	54.972	8%
13370	417450-6	HANDLE COVER/PV7001C	NÁP TAY CÀM/PV7001C	201.528	8%
13371	417453-0	HANDLE COVER/GV7000	NÁP TAY CÀM/GV7000	190.080	8%
13372	417460-3	GREASE FENCE/GV7000	NÁP CHÁN NHÔNG/GV7000	34.560	8%
13373	417511-2	F/R CHANGE LEVER/BFT080F	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/BFT080F	60.720	10%
13374	417544-7	SWITCH LEVER/HM1306	NÚT CÔNG TÁC/HM1306	54.972	8%
13375	417553-6	F/R CHANGE LEVER/6952	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/6952	21.600	8%
13376	417564-1	SWITCH LEVER/BUH523	CÁN GẠT CÔNG TÁC/BUH523	12.960	8%
13377	417586-1	STOPPER/DVC860L	CHỐT/DVC860L	42.020	10%
13378	417587-9	HOLDER PLATE/VC3210L	MIẾNG ĐỆM GÁI ĐẦU HÚT/VC3210L	36.720	8%
13379	417628-1	CAP/HR2020	CHỤP BẢO VỆ/HR2020	13.824	8%
13380	417629-9	CHUCK COVER/DHR202	VÒNG BẢO VỆ ĐẦU KHOAN/DHR202	13.824	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13381	417630-4	GRIP BASE/DHR202	TAY CÀM/DHR202	36.720	8%
13382	417657-4	HANDLE COVER/UB1101	VỎ TAY CÀM BẢO VỆ/UB1101	59.616	8%
13383	417662-1	SLEEVE/VC1310L	KHỚP NỐI/VC1310L	82.512	8%
13384	417665-5	FRONT GRIP/SG1251J	TAY CÀM/SG1251J	169.452	8%
13385	417765-1	FRONT CUFF 22/VC1310L	CỎ TRƯỚC 22/VC1310L	41.256	8%
13386	417766-9	FRONT CUFF 38/VC1310L	ĐẦU NỐI ỐNG/VC1310L	96.228	8%
13387	417769-3	REAR COVER/MT954	VỎ ĐUÔI/MT954	22.896	8%
13388	417770-8	SUPPORT/MT954	ĐỂ CHÂN CỒNG TẮC/MT954	21.600	8%
13389	417771-6	PIN CAP/9553B	NẮP CHỤP/9553B	4.644	8%
13390	417772-4	DUST GUIDE/BO4901	VÒNG CHẮN GIÓ BO4901/BO4901	238.140	8%
13391	417774-0	KNOB/BO4901	TAY CÀM ĐUÔI/BO4901	59.616	8%
13392	417775-8	KNOB COVER/BO4901	NẮP BẢO VỆ TAY CÀM/BO4901	54.972	8%
13393	417777-4	BAFFLE PLATE/BO4901	NẮP CHẮN GIÓ/BO4901	50.436	8%
13394	417779-0	TOP COVER/BO4901	NẮP CHỤP TRÊN CHÀ NHẠM/BO4901	238.140	8%
13395	417782-1	SCROLL COVER/BO4901	TẮM CHẤN HÚT BỤI/BO4901	123.660	8%
13396	417791-0	DRIVING SLEEVE GUIDE/DJR181	VÒNG ĐỆM/DJR181	13.824	8%
13397	417793-6	COVER/GV7000	NẮP CHỤP/GV7000	32.076	8%
13398	417796-0	GUIDE BASE/DHR202	THANH CÀI LỖ XO/DHR202	9.180	8%
13399	417802-1	LEVER CASE/HP2050	NÚT NHỰA CHUYỂN CHẾ ĐỘ KHOAN/HP2050	18.360	8%
13400	417803-9	BAFFLE PLATE/DP4010	NẮP CHẮN GIÓ/DP4010	9.180	8%
13401	417804-7	RACK 12/DP4010	THANH RĂNG 12/DP4010	13.824	8%
13402	417805-5	CHANGE LEVER B/DP4010	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ KHOAN HP2050/DP4010	27.540	8%
13403	417807-1	MOTOR HOUSING/DP4010	VỎ MÁY/DP4010	183.168	8%
13404	417809-7	HANDLE COVER/MT410	VỎ TAY CÀM/MT410	54.972	8%
13405	417810-2	BAFFLE PLATE/4100NH3	NẮP CHẮN GIÓ/4100NH3	9.180	8%
13406	417812-8	MOTOR HOUSING/GD0800C	VỎ MÁY/GD0800C	210.708	8%
13407	417813-6	SWITCH KNOB/9563C	NÚT CÔNG TÁC/9563C	22.896	8%
13408	417817-8	HANDLE COVER/MT811	VỎ TAY CÀM/MT811	41.256	8%
13409	417818-6	GEAR HOUSING/MT813	HỘP NHÔNG/MT813	41.256	8%
13410	417819-4	CHANGE LEVER/HP1630	NÚT GẠT CÔNG TÁC/HP1630	4.644	8%
13411	417820-9	LEVER CASE/MT813	Ổ NÚT KHÓA/MT813	9.180	8%
13412	417821-7	BAFFLE PLATE/MT811	NẮP CHẮN GIÓ/MT811	9.180	8%
13413	417822-5	GRIP BASE/MT814	TAY CÀM/MT814	32.076	8%
13414	417837-2	GASKET/GV7000	RON CHỐNG THẤM/GV7000	51.840	8%
13415	417838-0	BAFFLE PLATE/4350CT	NẮP CHẮN GIÓ/4350CT	18.360	8%
13416	417839-8	SEAL PLATE/4350CT	MIẾNG ĐỆM TRỤC/4350CT	18.360	8%
13417	417842-9	TOOL OPENER/4340T	NẮP NHỰA BẢO VỆ/4340T	45.792	8%
13418	417853-4	DUST NOZZLE/4350CT	ỐNG NỔI/4350CT	30.800	10%
13419	417880-1	LOCK OFF LEVER R/JR102D	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/JR102D	12.960	8%
13420	417911-6	GRIP BASE/DHR165	ĐỂ TAY CÀM/DHR165	45.792	8%
13421	418002-6	SWITCH LEVER/DFT085F	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DFT085F	36.720	8%
13422	418003-4	MOTOR BRACKET/DFT023F	VỎ MÁY/DFT023F	64.152	8%
13423	418004-2	GEAR CASE/DFT085F	HỘP NHÔNG/DFT085F	215.244	8%
13424	418005-0	LIGHT COVER/DFL201F	NẮP CHỤP ĐÈN/DFL201F	59.616	8%
13425	418011-5	LIGHT HOLDER/DFL201F	ĐỂ CHỤP ĐÈN/DFL201F	50.436	8%
13426	418013-1	REAR COVER/MT955	VỎ ĐUÔI MÁY/MT955	32.076	8%
13427	418015-7	BAFFLE PLATE/MT961	NẮP CHẮN GIÓ/MT961	4.644	8%
13428	418016-5	SWITCH KNOB/GA4030R	NÚT CÔNG TÁC/GA4030R	9.180	8%
13429	418017-3	SWITCH LEVER/MT955	NÚT CÔNG TÁC/MT955	9.180	8%
13430	418033-5	BAFFLE PLATE/DA3010	NẮP CHẮN GIÓ/DA3010	25.920	8%
13431	418036-9	GASKET/DA3010	VÒNG ĐỆM/DA3010	30.240	8%
13432	418037-7	SPEED CHANGE DIAL/DA3010	NÚT CHUYỂN TỐC ĐỘ/DA3010	47.520	8%
13433	418038-5	F/R CHANGE LEVER/DA3010	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DA3010	22.896	8%
13434	418039-3	COVER/DA3010	NẮP ĐẦY/DA3010	90.720	8%
13435	418040-8	CAM/DA3010	CHỐT GẢI/DA3010	17.280	8%
13436	418042-4	GEAR HOUSING COVER/DA3010	NẮP HỘP NHÔNG/DA3010	100.764	8%
13437	418067-8	PIN CAP/9563C	NẮP CHỐT/9563C	13.824	8%
13438	418083-0	CHANGE LEVER A/HP2050	NÚT CÔNG TÁC/HP2050	9.180	8%
13439	418104-8	LENS/DLS600	ỐNG KÍNH/DLS600	13.824	8%
13440	418138-1	SWITCH BUTTON/MT241	CÔNG TÁC/MT241	4.644	8%
13441	418139-9	SWITCH LOCK/LW1400	CÔNG TÁC KHÓA/LW1400	4.644	8%
13442	418140-4	SWITCH LEVER/LW1401	NÚT CÔNG TÁC/LW1401	13.824	8%
13443	418141-2	SWITCH LEVER/LW1400	NÚT CÔNG TÁC/LW1400	13.824	8%
13444	418142-0	PLUG/LW1401	MIẾNG ĐỆM/LW1401	4.644	8%
13445	418143-8	BAFFLE PLATE/LW1400	NẮP CHẮN GIÓ/LW1400	18.360	8%
13446	418148-8	HANDLE COVER/MT580	NẮP TAY CÀM/MT580	68.688	8%
13447	418149-6	BAFFLE PLATE/MT580	NẮP CHẮN GIÓ/MT580	13.824	8%
13448	418150-1	SAFETY COVER/MT583	CHỤP BẢO VỆ/MT583	105.408	8%
13449	418163-2	KEY HOLDER 10/6411	GÁ ĐỖ KHÓA MỔ/6411	4.644	8%
13450	418175-5	ACRYLIC PIN/DC18SD	NẮP BẢO VỆ ĐÈN/DC18SD	56.160	8%
13451	418179-7	HANDLE COVER/TW0350	VỎ TAY CÀM , TW0350/TW0350	128.304	8%
13452	418180-2	BAFFLE PLATE/TW0350	NẮP CHẮN GIÓ/TW0350	36.720	8%
13453	418186-0	F/L CHANGE LEVER/TW0200	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/TW0200	36.720	8%
13454	418187-8	BAFFLE PLATE/TW0200	NẮP CHẮN GIÓ/TW0200	36.720	8%
13455	418189-4	HANDLE COVER/TW0200	VỎ TAY CÀM/TW0200	178.632	8%
13456	418201-0	F/R CHANGE LEVER/DFL201F	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DFL201F	82.512	8%
13457	418202-8	SWITCH BASE/DFL651F	GÁ ĐỖ CÔNG TÁC BĂNG NHỰA/DFL651F	119.124	8%
13458	418203-6	SWITCH LEVER A/DFL651F	NÚT CÔNG TÁC/DFL651F	123.660	8%
13459	418204-4	COVER/DFL651F	ỐP CÔNG TÁC BĂNG NHỰA/DFL651F	91.584	8%
13460	418217-5	CHUCK COVER/HR2651T	NẮP CHỤP MỔ MŨI KHOAN/HR2651T	36.720	8%
13461	418218-3	CHANGE COVER/HR2651T	VÒNG CHỤP ĐẦU KHOAN/HR2651T	27.540	8%
13462	418273-5	HANDLE COVER/HP2070	NẮP TAY CÀM/HP2070	14.040	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13463	418289-0	CLUTCH CASE COVER/BFT080F	VỎ BẢO VỆ KHỚP LY HỢP/BFT080F	174.096	8%
13464	418311-3	SLEEVE/DJR181	VÒNG ĐỆM/DJR181	9.180	8%
13465	418319-7	CHANGE LEVER/HP1640	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ KHOAN/HP1640	22.896	8%
13466	418332-5	SWITCH LEVER/HM1810	CÔNG TẮC CHUYỂN ĐỔI/HM1810	133.920	8%
13467	418333-3	HANDLE/HM1810	TAY CÀM/HM1810	319.680	8%
13468	418349-8	PISTON/HM0870C	PISTON/HM0870C	54.972	8%
13469	418350-3	CONNECTING ROD/HM0870C	TAY BIÊN/HM0870C	87.048	8%
13470	418363-4	SIDE GRIP BASE 60/HM001G	ĐỆM NGOÀI 60/HM001G	50.436	8%
13471	418390-1	DUST COVER/SG1251J	NÁP LỌC BỤI/SG1251J	82.512	8%
13472	418397-7	SUPPORT/MT955	ĐUÔI CÔNG TẮC/MT955	18.360	8%
13473	418415-1	SIDE HANDLE/HM1810	TAY CÀM/HM1810	302.400	8%
13474	418465-6	GAUGE PLATE/M1901B	THƯỚC CẠNH MÁY BẢO/M1901B	9.180	8%
13475	418468-0	CHIP COVER/MT190	VỎ BẢO VỆ/MT190	9.180	8%
13476	418470-3	HANDLE COVER/MT190	VỎ TAY CÀM/MT190	54.972	8%
13477	418475-3	ASSIST FAN GUIDE/MT190	BÁT NHỰA/MT190	9.180	8%
13478	418483-4	CHIP DEFLECTOR/MT360	TAM CHÂN/MT360	27.540	8%
13479	418484-2	NYLON NUT M10/MT362	NÚT VẠN ĐIỀU CHỈNH/MT362	13.824	8%
13480	418485-0	BASE PLATE/MT360	TẦM LỘT/MT360	98.010	10%
13481	418486-8	BAFFLE PLATE/MT362	NÁP CHÁN GIÓ/MT362	27.540	8%
13482	418489-2	SWITCH COVER/MT360	BỘ C CÔNG TẮC/MT360	45.792	8%
13483	418491-5	TOP COVER/MT360	NÁP CHỤP SAU/MT360	87.048	8%
13484	418492-3	POLE/MT362	TỶ ĐỊNH HƯỚNG/MT362	9.180	8%
13485	418493-1	LOCK LEVER/MT360	NÚT KHÓA/MT360	13.824	8%
13486	418512-3	MOTOR HOUSING/9563C	VỎ MÁY/9563C	329.724	8%
13487	418518-1	SLEEVE/PC5000C	NÚT NHỰA/PC5000C	9.180	8%
13488	418519-9	SWITCH BASE/PC5000C	ĐẾ CÔNG TẮC/PC5000C	22.896	8%
13489	418549-0	SWITCH LEVER/HR3530	CÔNG TẮC CHUYỂN ĐỔI/HR3530	64.152	8%
13490	418612-9	GEAR HOUSING COVER/4131	NÁP HỘP NHÔNG/4131	159.840	8%
13491	418613-7	LEAD COVER/4131	NÁP CHỤP/4131	34.560	8%
13492	418616-1	SWITCH BUTTON ON/LH1040	NÚT NHẤN CÔNG TẮC ON/LH1040	32.076	8%
13493	418617-9	SWITCH BUTTON OFF/LH1040	NÚT NHẤN CÔNG TẮC OFF/LH1040	27.540	8%
13494	418618-7	PIN/LH1040	CHÓT /LH1040	14.080	10%
13495	418620-0	HOUSING COVER/LH1040	VỎ MÁY/LH1040	27.540	8%
13496	418621-8	BAFFLE PLATE/LH1040	NÁP CHÁN GIÓ/LH1040	32.076	8%
13497	418629-2	SWITCH BOX/LH1040	HỘP CÔNG TẮC/LH1040	114.480	8%
13498	418644-6	TOP COVER/MT370	NÁP CHỤP TRÊN MÁY/MT370	27.540	8%
13499	418655-1	ROD HOLDER/2704	VÒNG KẸP (BẮT KẸP)/2704	18.700	10%
13500	418664-0	BAFFLE PLATE/MT912	NÁP CHÁN GIÓ/MT912	9.180	8%
13501	418681-0	BAFFLE PLATE/MT813	NÁP CHÁN GIÓ/MT813	13.200	10%
13502	418682-8	HANDLE COVER/MT813	VỎ TAY CÀM/MT813	64.800	8%
13503	418686-0	LEAD HOLDER/DFL301F	ĐẾ GIỮ ĐÈN/DFL301F	73.332	8%
13504	418687-8	LEAD COVER/DFL301F	VÒNG KẸP/DFL301F	64.152	8%
13505	418690-9	SWITCH COVER/DFL301F	NÁP ĐÁY CÔNG TẮC/DFL301F	96.228	8%
13506	418695-9	TOP HANDLE/DCS232T	NÁP TAY CÀM/DCS232T	142.560	8%
13507	418696-7	TOP HANDLE COVER/DCS232T	NÁP TAY CÀM/DCS232T	108.000	8%
13508	418700-2	BUFFLE PLATE/DCS232T	NÁP CHÁN GIÓ/DCS232T	4.320	8%
13509	418702-8	CLEANER CASE/DCS232T	HỘP LỌC GIÓ/DCS232T	25.920	8%
13510	418703-6	CLEANER CASE COVER/DCS232T	NÁP LỌC GIÓ/DCS232T	34.560	8%
13511	418704-4	SIDE HANDLE/DCS232T	TAY CÀM/DCS232T	155.520	8%
13512	418706-0	LOCKOFF LEVER/DCS232T	CÁN KHÓA CÔNG TẮC/DCS232T	30.240	8%
13513	418707-8	OIL PUMP COVER/DCS232T	TẦM BẢO VỆ/DCS232T	25.920	8%
13514	418708-6	CHOKE LEVER/DCS232T	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DCS232T	12.960	8%
13515	418709-4	BUFFER CAP/DCS232T	MIẾNG ĐỆM GIAM XOC/DCS232T	17.600	10%
13516	418710-9	CHAIN CATCHER/DCS232T	KHÓA XÍCH/DCS232T	4.320	8%
13517	418714-1	SPACER/DCS232T	VÒNG ĐỆM/DCS232T	2.160	8%
13518	418715-9	HAND GUARD COVER/DCS232T	NÁP BẢO VỆ PHÍA TAY CÀM/DCS232T	17.280	8%
13519	418717-5	THROTTLE HOLDER/DCS232T	GIÁ ĐÓ BÌNH XĂNG/DCS232T	17.280	8%
13520	418718-3	MUFFLER GASKET/DCS232T	MIẾNG ĐỆM ÔNG BỐ/DCS232T	5.500	10%
13521	418725-6	MOTOR HOUSING/9556HN	VỎ MÁY/9556HN	137.376	8%
13522	418728-0	SWITCH LEVER B/9556HN	CÁN GẠT CÔNG TẮC/9556HN	9.180	8%
13523	418729-8	SPACER/9556HN	VỎ CHỤP CÔNG TẮC/9556HN	9.180	8%
13524	418734-5	TOP COVER/DCS232T	NÁP ĐÁY/DCS232T	4.320	8%
13525	418736-1	SPRING COVER/DCS232T	NÁP ĐÁY LÒ XO/DCS232T	34.560	8%
13526	418782-4	LAMP COVER/2107F	NÁP HỘP MÁY/2107F	82.512	8%
13527	418783-2	LAMP BOX/2107F	HỘP MÁY/2107F	54.972	8%
13528	418784-0	SAW GUARD HOLDER/2107F	GIÁ ĐÓ BẢO VỆ/2107F	64.152	8%
13529	418785-8	BAFFLE PLATE/2107F	NÁP CHÁN GIÓ/2107F	22.896	8%
13530	418790-5	BAFFLE PLATE/HM1306	NÁP CHÁN GIÓ/HM1306	41.256	8%
13531	418794-7	MOTOR HOUSING/9553NB	VỎ MÁY/9553NB	151.200	8%
13532	418796-3	SWITCH LEVER C/9553NB	CÁN GẠT CÔNG TẮC/9553NB	9.180	8%
13533	418797-1	BAFFLE PLATE/6924N	NÁP CHÁN GIÓ/6924N	343.440	8%
13534	418801-6	GASKET/6924N	RON ĐẦU/6924N	54.972	8%
13535	418805-8	BAFFLE PLATE/JR3050T	NÁP CHÁN GIÓ/JR3050T	25.920	8%
13536	418806-6	CAP/DJR181	NÁP/DJR181	9.180	8%
13537	418814-7	BAFFLE PLATE/TW1000	NÁP CHÁN GIÓ/TW1000	142.020	8%
13538	418817-1	BAFFLE PLATE/JR3060T	NÁP CHÁN GIÓ /JR3060T	34.560	8%
13539	418821-0	LENS/DCG180	ÔNG KÍNH/DCG180	18.360	8%
13540	418838-3	MOTOR HOUSING/9556HP	VỎ MÁY/9556HP	160.272	8%
13541	418842-2	LOCK ON BUTTON/9556HP	CHÓT KHÓA/9556HP	13.824	8%
13542	418850-3	LENZ/2107F	NHẤN DẪN/2107F	13.824	8%
13543	418871-5	LOCK ON BUTTON/MT111	VỎ CHỤP CÔNG TẮC/MT111	9.180	8%
13544	418873-1	SWITCH LEVER/MT111	CÔNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/MT111	13.824	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13545	418874-9	CHIP COVER/MT111	NÁP CHỤP/MT111	13.824	8%
13546	418881-2	LOCK ON BUTTON/MUH355	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/MUH355	9.180	8%
13547	418905-4	DIAL/CA5000X	NÚT NHỰA/CA5000X	36.720	8%
13548	418907-0	OUTER RAIL END/2704	ÓP CHÂN BĂNG NHỰA/2704	27.540	8%
13549	418908-8	INNER RAIL END/2704	NÁP CHỤP TRONG/2704	27.540	8%
13550	418909-6	SWITCH COVER/2704	BỌC CÔNG TÁC/2704	54.972	8%
13551	418911-9	SWITCH BASE/2704	ĐỀ CÔNG TÁC/2704	91.584	8%
13552	418917-7	DUST JOINT/2704	ỐNG DẪN BỤI/2704	169.452	8%
13553	418918-5	SWITCH BOX/2704	HỘP CÔNG TÁC/2704	109.944	8%
13554	418940-2	COVER/2704	NÁP BẢO VỆ/2704	627.372	8%
13555	418941-0	SUB COVER R/2704	NÁP BẢO VỆ/2704	389.232	8%
13556	418942-8	SUB COVER L/2704	NÁP BẢO VỆ/2704	389.232	8%
13557	418949-4	SPACER 68/HM1810	VÒNG GAI 68/HM1810	39.600	10%
13558	418951-7	LENS/HM1810	NÁP ĐÈN LED/HM1810	34.560	8%
13559	418952-5	STOPPER/HM1810	NÁP CHẶN/HM1810	99.360	8%
13560	418954-1	TOP COVER/HM1810	NÁP CHỤP/HM1810	56.160	8%
13561	418981-8	REAR COVER/DTW250	ĐUÔI MÁY/DTW250	192.348	8%
13562	418991-5	STOPPER/JR3060T	CHỐT GAI/JR3060T	22.896	8%
13563	419002-9	SPACER/HR4002	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/HR4002	27.540	8%
13564	419003-7	SLIDE SLEEVE/HR4002	NÒNG THÉP/HR4002	36.720	8%
13565	419004-5	PISTON/HR3530	PISTON/HR3530	45.792	8%
13566	419008-7	FIX GUIDE/HM0870C	THANH DẪN/HM0870C	9.180	8%
13567	419010-0	LENS/HM1203C	NÁP ỐNG KÍNH/HM1203C	18.360	8%
13568	419011-8	SPRING GUIDE/HM0871C	GÁ ĐỖ LÒ XO/HM0871C	9.350	10%
13569	419014-2	DUST COVER SUPPORT/HR3210C	NÁP CHẶN BỤI/HR3210C	36.720	8%
13570	419015-0	CHUCK COVER/HR4002	ĐẦU KHOAN/HR4002	41.256	8%
13571	419016-8	RELEASE COVER/HR4002	ĐẦU GAI TRONG/HR4002	50.436	8%
13572	419018-4	CHANGE PLATE/HR4002	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4002	46.640	10%
13573	419024-9	CORD CLAMP BASE/HR4013C	ĐỀ KẸP DẪN ĐIỆN/HR4013C	25.920	8%
13574	419025-7	SWITCH LEVER/HR3200C	CÔNG TÁC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR3200C	45.792	8%
13575	419027-3	CONTROL PLATE/HR4001C	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4001C	41.256	8%
13576	419041-9	F/R CHANGE LEVER/BTD136	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/BTD136	22.896	8%
13577	419044-3	HANDLE SUB BASE/HM1810	GÁ ĐỖ TAY CÀM/HM1810	164.160	8%
13578	419045-1	SWITCH COVER/HM1810	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/HM1810	69.120	8%
13579	419091-4	MOTOR HOUSING/9553B	VỎ MÁY/9553B	137.376	8%
13580	419092-2	REAR COVER/9553B	VỎ ĐUÔI MÁY/9553B	54.972	8%
13581	419093-0	JOINT/2704	ỐNG NỐI/2704	100.764	8%
13582	419133-4	PIN CAP/GA7020	CHỐT NHÔNG/GA7020	4.644	8%
13583	419135-0	BAFFLE PLATE/GA7020	NÁP CHẶN GIÓ/GA7020	13.824	8%
13584	419137-6	TOP COVER/3709	NÁP CHỤP/3709	21.600	8%
13585	419138-4	BASE/3709	ĐỀ CỬA MÁY ĐÁNH CẠNH/3709	201.528	8%
13586	419144-9	BUMPER/GA9030R	CAO SU GIAM CHẶN/GA9030R	13.824	8%
13587	419192-8	LOCK BUTTON/DHR202	NÚT KHÓA CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR202	9.180	8%
13588	419196-0	BAFFLE PLATE/HR1830	NÁP CHẶN GIÓ/HR1830	27.540	8%
13589	419197-8	HANDLE COVER/HR1830	NÁP TAY CÀM/HR1830	192.348	8%
13590	419198-6	MOTOR HOUSING/HR1830	VỎ MÁY/HR1830	334.368	8%
13591	419220-9	CHUCK COVER/DHR165	ĐẦU KHOAN/DHR165	27.540	8%
13592	419227-5	SUPPORT/MT910	GÁ ĐỖ CÔNG TÁC/MT910	13.824	8%
13593	419233-0	DIAL 40/BUC250	VỎ TĂNG SẴN/BUC250	21.600	8%
13594	419234-8	REAR COVER/UC3020A	TẤM BẢO VỆ PHÍA SAU/UC3020A	183.168	8%
13595	419236-4	BEARING HOLDER/UC3020A	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/UC3020A	11.880	8%
13596	419238-0	BAFFLE PLATE/UC3041A	NÁP CHẶN GIÓ/UC3041A	13.824	8%
13597	419240-3	OIL TANK/UC3020A	BÌNH ĐẦU/UC3020A	68.688	8%
13598	419241-1	COVER/BUC250	MIẾNG CHE/BUC250	9.180	8%
13599	419250-0	F/R CHANGE LEVER/BDF343	THANH TRƯỢT CÔNG TÁC/BDF343	13.824	8%
13600	419252-6	GEAR CASE/DSC191	HỘP NHÔNG/DSC191	59.616	8%
13601	419260-7	LOCK BUTTON/GA7030	NÚT NHỰA KHÓA/GA7030	43.200	8%
13602	419262-3	CRANK HOUSING CAP/HM1810	GÁ ĐỖ NÁP CHỤP/HM1810	120.960	8%
13603	419263-1	CAP COVER/HM1810	NÁP CHỤP/HM1810	129.600	8%
13604	419271-2	CUP WASHER 20/BUC250	LONG ĐÈN 20/BUC250	4.644	8%
13605	419281-9	REAR COVER/DKP180	VỎ ĐUÔI MÁY/DKP180	50.436	8%
13606	419324-7	MOTOR HOUSING COVER/HM1810	NÁP CHỤP VỎ MÁY/HM1810	604.800	8%
13607	419330-2	MOTOR HOUSING/DJR181	VỎ MÁY/DJR181	297.648	8%
13608	419333-6	BAFFLE PLATE/DJR181	NÁP CHẶN GIÓ/DJR181	36.720	8%
13609	419336-0	SWITCH LEVER/DJR181	NÚT CÔNG TÁC/DJR181	27.540	8%
13610	419350-6	HOLDER/DVC860L	ỐNG NỐI/DVC860L	45.792	8%
13611	419351-4	HOLDER PLATE/DVC860L	MIẾNG ĐỆM GAI ĐẦU HÚT/DVC860L	45.792	8%
13612	419362-9	THROTTLE LEVER/DCS232T	NÚT CÔNG TÁC/DCS232T	30.240	8%
13613	419378-4	BLOCK B/DLS600	KIM CHIA ĐỘ/DLS600	45.792	8%
13614	419379-2	BLOCK C/DLS600	KHOA CHIA ĐỘ/DLS600	79.310	10%
13615	419410-4	BAFFLE PLATE/UC4051A	NÁP CHẶN GIÓ/UC4051A	13.824	8%
13616	419411-2	SWITCH LEVER/UC4051A	NÚT CÔNG TÁC/UC4051A	25.920	8%
13617	419416-2	HANDLE COVER/UT1305	TAY CÀM BĂNG NHỰA/UT1305	265.680	8%
13618	419417-0	BAFFLE PLATE/UT1305	NÁP CHẶN GIÓ/UT1305	25.920	8%
13619	419457-8	F/R CHANGE LEVER/DHR165	THANH CHUYỂN ĐỔI/DHR165	45.792	8%
13620	419491-8	HOUSING COVER/MT910	VỎ MÁY/MT910	22.896	8%
13621	419492-6	REAR COVER/MT910	ĐUÔI MÁY/MT910	27.540	8%
13622	419493-4	BAFFLE PLATE/MT910	NÁP CHẶN GIÓ/MT910	13.824	8%
13623	419504-5	LOCK OFF BUTTON/DPB180	CHỐT HÂM/DPB180	88.660	10%
13624	419505-3	DIAL/DPB180	NÚT QUAY ĐIỀU CHỈNH/DPB180	45.792	8%
13625	419506-1	WHEEL/2107F	CHỤP BẢO VỆ/2107F	233.604	8%
13626	419511-8	SWITCH LEVER/DVR450Z	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DVR450Z	59.616	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13627	419518-4	HOLDER CAP COVER/BJS160	NÁP CHỐI THAN/BJS160	9.180	8%
13628	419519-2	SWITCH LEVER/BJS160	NÚT CÔNG TÁC/BJS160	13.824	8%
13629	419528-1	GASKET/UT1305	MIẾNG ĐỆM/UT1305	51.840	8%
13630	419529-9	GASKET/UT2204	RON NHÓT/UT2204	54.972	8%
13631	419560-5	CHAIN PROTECTION COVER 430/EA3201S	NÁP BAO VỆ LƯỚI CỬA 430/EA3201S	51.840	8%
13632	419566-3	SWITCH KNOB/9553NB	NÚT CÔNG TÁC/9553NB	9.180	8%
13633	419567-1	CHARGER CASE COVER/DC18SE	NÁP VỎ SẠC/DC18SE	370.980	8%
13634	419569-7	TERMINAL COVER/DC36RA	BẢO VỆ/DC36RA	215.244	8%
13635	419570-2	ACRYRIC PIN/DC18SE	CHỤP ĐÈN HIỂN THỊ/DC18SE	50.436	8%
13636	419571-0	DIAL 22/SP6000	NÚT NHỰA CHUYỂN CHẾ ĐỘ/SP6000	2.160	8%
13637	419580-9	SEPARATE/MT941	NÁP CHÂN GIÓ MT940/MT941	22.896	8%
13638	419581-7	BELT COVER/MT941	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CUA ROA/MT941	50.436	8%
13639	419582-5	HANDLE COVER/MT940	CHỤP TAY CÀM/MT940	87.048	8%
13640	419583-3	BAFFLE PLATE/MT940	NÁP CHÂN GIÓ/MT940	17.280	8%
13641	419589-1	CAP/MT960	NÁP CHỤP/MT960	9.180	8%
13642	419595-6	FRONT ANGULAR GUIDE/SP6000	THANH BÁT GÓC/SP6000	119.124	8%
13643	419596-4	REAR ANGULAR GUIDE/SP6000	THANH BÁT GÓC/SP6000	96.228	8%
13644	419609-1	FAN GUARD/DCS550	MIẾNG CHÂN BẢO VỆ/DCS550	17.280	8%
13645	419613-0	LOCK OFF BUTTON/DJV180	NÚT CÔNG TÁC/DJV180	60.480	8%
13646	419621-1	SLIDE LEVER/CA5000X	NÚT KHÓA THANH RAY/CA5000X	2.160	8%
13647	419622-9	SWITCH LEVER/CA5000	CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI/CA5000	59.616	8%
13648	419623-7	STOPPER BLOCK/SP6000	NÚT KHÓA/SP6000	39.600	10%
13649	419624-5	SPRING HOLDER/CA5000	CHÓT CHẶN/CA5000	26.400	10%
13650	419626-1	BAFFLE PLATE/CA5000X	NÁP CHÂN GIÓ/CA5000X	34.560	8%
13651	419627-9	HOLDER/CA5000	VÒNG ĐỆM/CA5000	13.824	8%
13652	419629-5	LOCK OFF BUTTON/CA5000	CHÓT HÂM/CA5000	17.600	10%
13653	419630-0	LOCK LEVER/SP6000	NÚT KHÓA/SP6000	30.800	10%
13654	419631-8	LOCK PLATE/CA5000X	KHÓA THÉP/CA5000X	22.000	10%
13655	419632-6	POSITION PLATE/SP6000	THƯỚC CHIA ĐỘ/SP6000	17.280	8%
13656	419637-6	CHANGE LEVER/TD020D	NÚT/TD020D	8.800	10%
13657	419639-2	INTERNAL GEAR CASE/TD020D	NÁP HỘP NHÔNG/TD020D	34.560	8%
13658	419642-3	REAR COVER/DSC191	VỎ CHE PHÍA SAU/DSC191	119.124	8%
13659	419656-2	GEAR HOUSING/BCS550	NHÔNG NHỎ 15/BCS550	59.616	8%
13660	419662-7	BLADE CASE/DCS550	NÁP CHỤP BẢO VỆ/DCS550	120.960	8%
13661	419663-5	BLADE COVER/DCS550	NÁP BẢO VỆ/DCS550	73.440	8%
13662	419664-3	LOCK OFF LEVER/BCS550	NÚT BẢO VỆ/BCS550	18.360	8%
13663	419665-1	SWITCH LEVER/BCS550	CẦN GẠT CÔNG TÁC/BCS550	18.360	8%
13664	419670-8	SLIDE SLEEVE/HR4030C	VỎ CHỤP NỒNG XYLINDER/HR4030C	77.868	8%
13665	419671-6	CRANK CAP/HR4030C	NÁP ĐẦU/HR4030C	50.436	8%
13666	419672-4	CRANK CAP COVER/HR4030C	NÁP ĐẦU/HR4030C	96.228	8%
13667	419673-2	BAFFLE PLATE/HR4030C	NÁP CHÂN GIÓ/HR4030C	36.720	8%
13668	419674-0	MOTOR HOUSING/HR4030C	VỎ MÁY/HR4030C	526.608	8%
13669	419675-8	REAR COVER/HR4030C	NÁP ĐUÔI MÁY/HR4030C	142.020	8%
13670	419677-4	HANDLE COVER/HR3530	VỎ TAY CÀM/HR3530	457.920	8%
13671	419679-0	CONNECTING ROD/HR4030C	TAY ĐÈN/HR4030C	54.972	8%
13672	419694-4	HOUSING/KP0810C	VỎ MÁY/KP0810C	730.080	8%
13673	419704-7	LOCK OFF BUTTON/DHS661	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/DHS661	22.896	8%
13674	419705-5	LOCK ON BUTTON/DSL800	CHÓT KHÓA/DSL800	145.200	10%
13675	419716-0	BUFFLE PLATE/HR2230	NÁP CHÂN GIÓ/HR2230	9.180	8%
13676	419717-8	HANDLE COVER/HR2230	NÁP TAY CÀM/HR2230	114.480	8%
13677	419718-6	MOTOR HOUSING/HR2470F	VỎ MÁY/HR2470F	247.320	8%
13678	419720-9	MOTOR HOUSING/HR2230	VỎ MÁY/HR2230	251.856	8%
13679	419721-7	BAFFLE PLATE/GV7000	NÁP CHÂN GIÓ/GV7000	34.560	8%
13680	419725-9	FLOAT CAGE/DVC860L	HỘP DỰNG TUI PHAO/DVC860L	73.332	8%
13681	419731-4	MOTOR HOUSING/HR2460	VỎ MÁY/HR2460	261.036	8%
13682	419754-2	SWITCH LEVER/DJV180	CẦN GẠT CÔNG TÁC/DJV180	27.540	8%
13683	419760-7	LOCK SLEEVE GUIDE/HR4002	VÒNG GÀI CHỮ C/HR4002	28.050	10%
13684	419771-2	PISTON/HR5211C	PISTON/HR5211C	51.516	8%
13685	419773-8	SPRING GUIDE/HM1213C	CHÓT/HM1213C	23.320	10%
13686	419782-7	FAN GUIDE/HR4511C	NÁP CHỤP GIÓ/HR4511C	41.256	8%
13687	419783-5	DUST COVER SUPPORT/HM1213C	NÁP CHẶN BỤI/HM1213C	18.360	8%
13688	419791-6	GEAR HOUSING COVER/HR5211C	NÁP HỘP NHÔNG/HR5211C	114.480	8%
13689	419793-2	CRANK HOUSING COVER/HR5211C	Ổ NHÓM/HR5211C	251.856	8%
13690	419796-6	HANDLE COVER/HR4511C	TAY CÀM BĂNG NHỰA/HR4511C	316.008	8%
13691	419798-2	HANDLE/HR4511C	TAY CÀM/HR4511C	228.960	8%
13692	419820-5	TOOL OPENER/4350CT	NÁP NHỰA BẢO VỆ/4350CT	91.584	8%
13693	419829-7	LENS/BFT044F	ỐNG KÍNH/BFT044F	95.040	8%
13694	419866-1	MOTOR HOUSING/HR4002	VỎ MOTOR/HR4002	293.112	8%
13695	419867-9	REAR COVER/HR4002	VỎ ĐUÔI MÁY/HR4002	73.440	8%
13696	419868-7	HANDLE/HR4002	TAY CÀM /HR4002	238.140	8%
13697	419869-5	HANDLE COVER/HR4002	TAY CÀM /HR4002	151.200	8%
13698	419870-0	BAFFLE PLATE/HR4002	NÁP CHÂN GIÓ/HR4002	36.720	8%
13699	419873-4	LOCK BUTTON/HR4002	NÚT KHÓA/HR4002	13.824	8%
13700	419874-2	LINK PLATE GUIDE/HR4002	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4002	22.896	8%
13701	419875-0	CONNECTING ROD/HR4002	TAY ĐÈN/HR4002	18.360	8%
13702	419876-8	FASTENER/M4001B	ĐÁU NƠI NHANH/M4001B	13.824	8%
13703	419878-4	CONNECTING ROD/HR3530	TAY ĐÈN/HR3530	59.616	8%
13704	419879-2	CRANK CAP/HR3530	NÁP ĐẦU/HR3530	87.048	8%
13705	419880-7	CRANK CAP COVER/HR3530	NÁP ĐẦU/HR3530	109.944	8%
13706	419881-5	BAFFLE PLATE/HR3530	NÁP CHÂN GIÓ/HR3530	50.436	8%
13707	419882-3	MOTOR HOUSING/HR3530	VỎ MÁY/HR3530	508.356	8%
13708	419883-1	REAR COVER/HR3530	TẮM BẢO VỆ PHÍA SAU/HR3530	91.584	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13709	419885-7	SIDE GRIP BASE 61/HR3530	ĐỀ TAY CẮM/HR3530	146.556	8%
13710	419886-5	MOTOR HOUSING/4350CT	VỎ MÁY/4350CT	168.480	8%
13711	419916-2	TOP COVER/BO4557	NÁP CHỤP TRÊN CHÀ NHÂM/BO4557	50.436	8%
13712	419917-0	BEARING BOX/MT920	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT920	59.616	8%
13713	419918-8	BASE/MT920	ĐỀ MÁY CHÀ NHÂM/MT920	91.584	8%
13714	419961-7	BAFFLE PLATE/GA5010	NÁP CHÀN GIÓ/GA5010	13.824	8%
13715	419975-6	GRIP BASE 20/HR2810	ĐỀ TAY CẮM/HR2810	50.436	8%
13716	419976-4	HANDLE/HR2810	TAY CẮM/HR2810	412.128	8%
13717	419980-3	HANDLE COVER/HR2810	TAY CẮM/HR2810	137.376	8%
13718	419981-1	MOTOR HOUSING/HR2810	VỎ MÁY/HR2810	164.916	8%
13719	419983-7	REAR COVER/HR2810	TẮM BẢO VỆ PHÍA SAU/HR2810	50.436	8%
13720	419984-5	CRANK HOUSING COVER/HR2810	Ó NHÓM/HR2810	82.512	8%
13721	419986-1	LOCK SLEEVE/HR2810	KHỚP NỐI/HR2810	18.700	10%
13722	419987-9	CRANK CAP/HR2810	NÁP ĐẦU/HR2810	22.896	8%
13723	419988-7	FILTER CAP/HM0870C	NÁP CHỤP/HM0870C	13.824	8%
13724	419989-5	BUFFLE PLATE/HR2810	NÁP CHÀN GIÓ/HR2810	22.896	8%
13725	419990-0	SWITCH LEVER/HR2810	CÔNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2810	18.360	8%
13726	419992-6	F/R CHANGE LEVER/HR2810	NÚT CHUYỂN/HR2810	14.080	10%
13727	421007-7	RUBBER PACKING/DKP180	MIẾNG ĐỆM XÓP/DKP180	18.360	8%
13728	421034-4	CAP RUBBER/HM1306	NÚT ĐÁY NÁP THAN/HM1306	9.180	8%
13729	421112-0	BUMPER/6906	CHỤP ĐẦU GIẢM CHẤN /6906	87.048	8%
13730	421141-3	RUBBER PACKING/1804N	ĐỆM XÓP/1804N	69.120	8%
13731	421147-1	RUBBER PACKING/1911B	ĐỆM XÓP/1911B	68.688	8%
13732	421155-2	RUBBER SLEEVE/9045B	ÔNG NỐI CAO SU/9045B	105.408	8%
13733	421198-4	CAP/9032	NÁP/9032	25.920	8%
13734	421224-9	DUST COVER/4107R	NÁP BẢO VỆ CÔNG TẮC/4107R	45.792	8%
13735	421265-5	DUST COVER/HM1201	NÁP LỌC BỤI/HM1201	50.436	8%
13736	421277-8	CUSHION/2416S	ĐỀ GIỮ CAO SU/2416S	43.200	8%
13737	421280-9	WATERPROOF RING 36/4107R	VÒNG ĐỆM /4107R	23.320	10%
13738	421281-7	WATERPROOF RING 34.5/4107R	VÒNG ĐỆM/4107R	46.640	10%
13739	421297-2	DUST COVER/DS4011	NÁP CHÀN BỤI/DS4011	56.160	8%
13740	421298-0	CHECK VALVE/DCS232T	VÁN DẪN ĐẦU/DCS232T	4.320	8%
13741	421305-9	DUST COVER/906H	CHỤP CAO SU CÔNG TẮC/906H	12.960	8%
13742	421323-7	SWITCH COVER/9741	VỎ CÔNG TẮC/9741	54.972	8%
13743	421329-5	DUST COVER/4100NB	NÁP LỌC BỤI/4100NB	36.720	8%
13744	421333-4	RUBBER TIRE/2107F	DÂY CUA ROA/2107F	105.408	8%
13745	421362-7	CAP/LH1040	NÁP ĐÁY ĐẦU HÚT BỤI/LH1040	25.920	8%
13746	421380-5	SUPPORT RING/DVC260	VÒNG ĐỆM CAO SU/DVC260	155.736	8%
13747	421459-2	DUST COVER/SG1251J	BỌC CÔNG TẮC/SG1251J	64.152	8%
13748	421468-1	CORD SEAL/DVC860L	NÚT CHẶN/DVC860L	4.644	8%
13749	421479-6	RUBBER RING 19/CA5000	VÒNG CAO SU 19/CA5000	77.868	8%
13750	421485-1	PROTECTOR/6922NB	CHỤP BẢO VỆ/6922NB	119.124	8%
13751	421490-8	RUBBER RING 26/GA7050	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA7050	91.584	8%
13752	421492-4	SPONGE RING/4131	VÒNG ĐỆM/4131	8.640	8%
13753	421494-0	RUBBER RING 19/3709	VÒNG CAO SU/3709	59.616	8%
13754	421497-4	RUBBER RING/6922NB	VÒNG ĐỆM/6922NB	54.972	8%
13755	421498-2	CLAMP RUBBER/BO4901	KẸP CAO SU/BO4901	22.896	8%
13756	421541-7	BARREL COVER/HM0810	VỎ NHỰA ĐẦU BẢO VỆ HM0810/HM0810	146.556	8%
13757	421578-4	RUBBER RING/DVR450Z	VÒNG ĐỆM/DVR450Z	22.896	8%
13758	421589-9	CAP/LH1040	NÚT ĐÁY TAY CẮM/LH1040	17.280	8%
13759	421597-0	RUBBER PACKING/1805N	ĐỆM XÓP/1805N	45.792	8%
13760	421637-4	MAGAZINE END/DST421	NÁP ĐÁY THANH DẪN PIN/DST421	54.972	8%
13761	421648-9	CARBON PLATE/MT940	TẦM LỘT CARBON/MT940	77.760	8%
13762	421670-6	CUSHION/LC1230	MIẾNG ĐỆM/LC1230	27.540	8%
13763	421671-4	RUBBER PAD/LC1230	ĐỆM CAO SU/LC1230	41.256	8%
13764	421720-7	RUBBER RING/PC5000C	VÒNG ĐỆM CAO SU/PC5000C	105.408	8%
13765	421738-8	LABYRINTH RUBBER RING 22/9563C	CAO SU ĐUÔI 22/9563C	25.920	8%
13766	421763-9	RUBBER GUARD/BO6030	VÒNG ĐỆM CAO SU/BO6030	91.584	8%
13767	421770-2	LABYRINTH RUBBER RING 22/GD0800C	MIẾNG ĐỆM CAO SU/GD0800C	123.660	8%
13768	421778-6	SWITCH BOX/HM1306	HỘP CÔNG TẮC/HM1306	77.868	8%
13769	421808-3	RUBBER RING 19/HP1630	MIẾNG ĐỆM CAO SU/HP1630	9.180	8%
13770	421810-6	SEAL RING/DP4010	VÒNG ĐỆM CAO SU/DP4010	18.360	8%
13771	421812-2	DUST COVER/4100NH2	NÁP CHỤP CÔNG TẮC/4100NH2	13.824	8%
13772	421815-6	DUST SEAL 8/4350CT	VÒNG ĐỆM/4350CT	27.540	8%
13773	421816-4	DUST SEAL/4350CT	LỌC BỤI/4350CT	13.824	8%
13774	421817-2	DUST COVER/4350CT	VÒNG CHẶN BĂNG THIỆP/4350CT	13.824	8%
13775	421821-1	DUST SEAL 8/4304	VÒNG ĐỆM CAO SU 8/4304	18.360	8%
13776	421831-8	DUST COVER/4114S	NÁP BẢO VỆ CAO SU/4114S	129.600	8%
13777	421833-4	SPONGE SHEET/4112HS	MIẾNG ĐỆM/4112HS	9.180	8%
13778	421834-2	CUSHION/LW1400	MIẾNG ĐỆM/LW1400	9.180	8%
13779	421835-0	WATER SUPPLY PLUG/4107R	ÔNG DẪN NƯỚC/4107R	30.240	8%
13780	421837-6	BUMPER/TW0350	VỎ CHỤP ĐẦU MÁY/TW0350	77.760	8%
13781	421838-4	SEAL RING/TW0350	VÒNG ĐỆM CAO SU/TW0350	18.360	8%
13782	421839-2	BUMPER/TW0200	VỎ CHỤP ĐẦU MÁY/TW0200	86.400	8%
13783	421845-7	FOOT/LS1019L	CHÂN CAO SU/LS1019L	9.180	8%
13784	421850-4	DUST PLATE/HM1810	MIẾNG ĐỆM/HM1810	114.400	10%
13785	421858-8	RUBBER PACKING/MT191	MIẾNG ĐỆM CAO SU/MT191	4.644	8%
13786	421867-7	CAP/LH1040	NÚT BỌC THANH CỨ/LH1040	17.280	8%
13787	421868-5	LABYRINTH RUBBER RING 19/9553B	VÒNG ĐỆM CAO SU/9553B	13.824	8%
13788	421870-8	RUBBER BLOCK/MT241	ĐỆM CAO SU/MT241	91.584	8%
13789	421872-4	AIR DUCT/DCS232T	VÁN THÔNG KHÍ/DCS232T	2.160	8%
13790	421873-2	CONNECTOR/DCS232T	ÔNG CAO SU/DCS232T	2.160	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13791	421874-0	BUFFER RUBBER/DCS232T	VÒNG ĐỆM CAO SU/DCS232T	17.280	8%
13792	421876-6	OIL TUBE/DCS232T	ỐNG CAO SU/DCS232T	8.640	8%
13793	421877-4	SPONGE 10/DCS232T	CAO SU XÓP/DCS232T	4.320	8%
13794	421885-5	CAP/2107F	NÁP/2107F	50.436	8%
13795	421889-7	PROTECTOR A/6924N	NÚT BẢO VỆ A/6924N	219.888	8%
13796	421890-2	PROTECTOR B/6924N	NÚT BẢO VỆ B/6924N	160.272	8%
13797	421891-0	PROTECTOR C/6924N	NÁP CHỤP ĐUÔI C/6924N	586.224	8%
13798	421892-8	INSULATION COVER/JR3050T	VỎ TAY CẦM/JR3050T	219.888	8%
13799	421893-6	SEAL RING/JR3050T	VÒNG ĐỆM CAO SU/JR3050T	12.960	8%
13800	421895-2	FRONT BUMPER/TW1000	VỎ CHỤP ĐẦU MÁY/TW1000	261.036	8%
13801	421896-0	REAR BUMPER/TW1000	VỎ CHỤP ĐUÔI MÁY/TW1000	215.244	8%
13802	421897-8	BUMPER/TW1000	VÒNG ĐỆM TAY CẦM/TW1000	137.376	8%
13803	421898-6	INSULATION COVER/JR3060T	NÁP BẢO VỆ CAO SU/JR3060T	270.216	8%
13804	421899-4	SEAL RING/JR3060T	VÒNG ĐỆM CAO SU/JR3060T	13.824	8%
13805	421901-3	RUBBER RING 17/HR4002	VÒNG ĐỆM CAO SU 17/HR4002	174.096	8%
13806	421902-1	RUBBER PACKING/MT111	MIẾNG LỐT/MT111	9.180	8%
13807	421903-9	RUBBER CAP/4131	NÁP ĐỆM CAO SU/4131	38.880	8%
13808	421904-7	INSULATION COVER/JR3070CT	VỎ TAY CẦM/JR3070CT	403.056	8%
13809	421912-8	DUST COVER/HR3210C	NÁP CHÂN BỤI/HR3210C	82.512	8%
13810	421926-7	HOLDER/2704	GIÁ ĐÓ/2704	105.408	8%
13811	421934-8	PACKING/UC3020A	VÒNG ĐỆM CAO SU/UC3020A	4.320	8%
13812	421935-6	OIL TUBE/UC4020A	ỐNG DẦU/UC4020A	27.540	8%
13813	421936-4	VIBRATION PROOF RUBBER/GA9030R	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA9030R	38.880	8%
13814	421940-3	CAP/DHP453	NÁP CHỤP/DHP453	4.644	8%
13815	421942-9	SPACER/GD0600	MIẾNG ĐỆM CAO SU/GD0600	9.180	8%
13816	421943-7	INSULATION COVER/GD0600	VỎ NGOÀI/GD0600	77.868	8%
13817	421945-3	INSULATION COVER/DJR181	VỎ CÁCH ĐIỆN/DJR181	329.724	8%
13818	421946-1	SEAL RING/DJR181	ROAN/DJR181	27.540	8%
13819	421955-0	CUSHION RING 13/DHR202	LONG ĐÉN CAO SU/DHR202	55.990	10%
13820	421959-2	SPONGE SEAL/UC4051A	VÒNG ĐỆM CAO SU/UC4051A	9.180	8%
13821	421961-5	WATERPROOF COVER/DVR450Z	VỎ BẢO VỆ CÔNG TẮC/DVR450Z	137.376	8%
13822	421971-2	BUMPER/DTW450	NÁP BẢO VỆ ĐẦU BÚA/DTW450	96.228	8%
13823	421976-2	SEAL RING/HR4030C	ROAN/HR4030C	36.720	8%
13824	421977-0	RUBBER RING 13/BCS550	MIẾNG ĐỆM CAO SU/BCS550	13.824	8%
13825	422016-9	SEAL RUBBER/4107R	MIẾNG ĐỆM CAO SU/4107R	13.824	8%
13826	422032-1	RUBBER SLEEVE 29/9910	MIẾNG ĐỆM CAO SU/9910	27.540	8%
13827	422036-3	TUBE 3-70/DCS232T	ỐNG CAO SU/DCS232T	30.240	8%
13828	422059-1	TUBE/RBC411	ỐNG CAO SU/RBC411	2.160	8%
13829	422060-6	FUEL TUBE/RBC411	ỐNG CAO SU/RBC411	21.600	8%
13830	422063-0	SINTER INSERT/EK8100	NÚT NI/EK8100	8.640	8%
13831	422065-6	TUBE 2.5-112/EA3201S	ỐNG DẪN 2.5-112/EA3201S	34.560	8%
13832	422066-4	TUBE 2.5-72/EA3201S	ỐNG DẪN 2.5-72/EA3201S	21.600	8%
13833	422067-2	TUBE 2.5-55/EA3201S	ỐNG DẪN 2.5-55/EA3201S	17.280	8%
13834	422068-0	TUBE 3-70/EA3201S	ỐNG DẪN 3-70/EA3201S	25.920	8%
13835	422071-1	CABLE TUBE/EBH340U	ỐNG LỐT/EBH340U	21.600	8%
13836	422074-5	TUBE 3-120/EK7651H	ỐNG CAO SU/EK7651H	2.160	8%
13837	422077-9	TUBE 5-160/EK7651H	ỐNG CAO SU/EK7651H	2.160	8%
13838	422078-7	TUBE 5-70/EK7651H	ỐNG CAO SU/EK7651H	21.600	8%
13839	422081-8	TUBE 3-75/EK7651H	ỐNG CAO SU/EK7651H	2.160	8%
13840	422082-6	TUBE 3-130/EK7651H	ỐNG CAO SU/EK7651H	25.920	8%
13841	422096-5	TUBE 3-25/EB7650TH	ỐNG DẪN 3-25/EB7650TH	8.640	8%
13842	422099-9	PIPE/EE2650H	ỐNG CAO SU/EE2650H	38.880	8%
13843	422109-2	BREATHER PIPE/EE2650H	ỐNG NỔI/EE2650H	7.560	8%
13844	422113-1	OUTER FUEL PIPE 3-100/EA3601F	ỐNG DẪN DẦU/EA3601F	4.320	8%
13845	422114-9	INNER FUEL PIPE/EA3601F	ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU/EA3601F	2.160	8%
13846	422116-5	JOINT PIPE/EA3601F	ỐNG NỐI/EA3601F	38.880	8%
13847	422119-9	TUBE 3-300/EK7651H	ỐNG CAO SU/EK7651H	4.320	8%
13848	422137-7	TUBE GUARD 20-102/EB7650TH	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EB7650TH	2.160	8%
13849	422148-2	BUMPER/DVC864L	MIẾNG ĐỆM GIAM CHÂN/DVC864L	201.528	8%
13850	422150-5	SPONGE SHEET 38-43/CL106FD	MIẾNG LỌC BỤI/CL106FD	4.644	8%
13851	422151-3	PACKING/DCU180	ĐỆM CAO SU/DCU180	32.076	8%
13852	422152-1	SPONGE SHEET 43-58/CL111D	VÒNG ĐỆM/CL111D	9.180	8%
13853	422155-5	GUARD/DLS111	TẤM BẢO VỆ/DLS111	64.152	8%
13854	422156-3	DUST GUIDE/DLS111	MIẾNG CHÂN BỤI/DLS111	100.764	8%
13855	422159-7	FRONT TIRE 430/DCU180	Lốp TRƯỚC 430/DCU180	2.138.508	8%
13856	422166-0	PACKING/DCU180	ĐỆM CAO SU/DCU180	32.076	8%
13857	422168-6	RUBBER SEAL/DSC121	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DSC121	82.512	8%
13858	422169-4	GASKET/JN1601	VÒNG ĐỆM CHỐNG THẨM/JN1601	73.440	8%
13859	422176-7	BUMPER/VC001GL	VÒNG ĐỆM GIAM CHÂN/VC001GL	338.904	8%
13860	422179-1	SEAL/VC006GM	VÒNG ĐỆM/VC006GM	13.824	8%
13861	422221-8	INSULATION COVER/DJR188	VỎ CÁCH ĐIỆN/DJR188	142.020	8%
13862	422223-4	PROTECTOR/JR3061T	TẤM BẢO VỆ/JR3061T	13.824	8%
13863	422224-2	SEAL RING/DJR188	ROAN/DJR188	18.360	8%
13864	422225-0	FELT RING 10/DJR188	VÒNG ĐỆM/DJR188	9.350	10%
13865	422228-4	BUMPER/TW140D	GIAM CHÂN/TW140D	13.824	8%
13866	422229-2	DUST GUIDE/LS1219L	ĐẦU HÚT BỤI/LS1219L	146.556	8%
13867	422230-7	CAP/DGA700	NÁP/DGA700	4.320	8%
13868	422235-7	GUARD/LS1219L	ĐẦU HÚT BỤI/LS1219L	45.792	8%
13869	422241-2	DOUBLE O-RING/DHR400	VÒNG ĐỆM/DHR400	2.160	8%
13870	422247-0	SPONGE SHEET A/DTR180	MIẾNG MÚT A/DTR180	13.824	8%
13871	422249-6	SPONGE SHEET B/DTR180	MIẾNG MÚT/DTR180	13.824	8%
13872	422250-1	RECEIVE RUBBER/DHW080	ĐỆM CAO SU/DHW080	22.896	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13873	422254-3	PACKING 12/DHW080	ĐỆM CAO SU/DHW080	87.048	8%
13874	422255-1	CAP/DHR280	NÚT KHÓA/DHR280	22.896	8%
13875	422256-9	RUBBER RING 10/DHR280	VÒNG ĐỆM CAO SU 10/DHR280	9.180	8%
13876	422257-7	BELLOWS/DHR280	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR280	137.376	8%
13877	422258-5	SPONGE SHEET/DHR280	VÒNG ĐỆM/DHR280	14.080	10%
13878	422259-3	RUBBER SLEEVE 8/DUH501	MIẾNG ĐỆM CAO SU 8/DUH501	22.896	8%
13879	422260-8	RUBBER SLEEVE 8/DUH501	MIẾNG ĐỆM CAO SU 8/DUH501	45.792	8%
13880	422261-6	RUBBER SLEEVE /DUH501	MIẾNG ĐỆM CAO SU 8/DUH501	32.076	8%
13881	422268-2	SPONGE SHEET 57/DCL180	VÒNG ĐỆM/DCL180	9.180	8%
13882	422269-0	BUMPER/DTD171	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DTD171	32.076	8%
13883	422270-5	GROMET/DUC254	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DUC254	13.824	8%
13884	422271-3	CONNECTOR A/DUC254	ỐNG DẪN DẦU A/DUC254	22.896	8%
13885	422272-1	CONNECTOR B/DUC254	ỐNG DẪN DẦU B/DUC254	17.280	8%
13886	422273-9	CUSHION/TW140D	MIẾNG ĐỆM/TW140D	8.640	8%
13887	422307-8	SEAL RING/JR3061T	VÒNG ĐỆM/JR3061T	22.896	8%
13888	422308-6	INSULATION COVER/JR3061T	NÁP CHỤP CAO SU/JR3061T	375.516	8%
13889	422309-4	RUBBER RING 25/JR3061T	VÒNG ĐỆM CAO SU/JR3061T	13.824	8%
13890	422317-5	SPONGE SHEET/HR2651	MIẾNG ĐỆM/HR2651	2.160	8%
13891	422350-7	SPONGE/DLM460	MIẾNG ĐỆM/DLM460	9.180	8%
13892	422351-5	SPONGE/DLM460	MÚT ĐỆM/DLM460	9.180	8%
13893	422354-9	BELLOWS/DHR182	HỘP XẾP/DHR182	32.076	8%
13894	422359-9	BELLOWS/DX05	ỐNG THỎI/DX05	17.280	8%
13895	422364-6	SEAL RING A/DVC750L	VÒNG ĐỆM CAO SU/DVC750L	22.896	8%
13896	422365-4	SEAL RING B/DVC750L	VÒNG ĐỆM CAO SU B/DVC750L	22.896	8%
13897	422366-2	SEAL RING C/DVC750L	VÒNG ĐỆM CAO SU C/DVC750L	41.256	8%
13898	422367-0	SEAL RING D/DVC750L	VÒNG ĐỆM CAO SU D/DVC750L	64.152	8%
13899	422368-8	SEAL RING E/DVC750L	VÒNG ĐỆM CAO SU E/DVC750L	22.896	8%
13900	422370-1	BAND DAMPER C/DVC265	MIẾNG ĐỆM C/DVC265	13.824	8%
13901	422371-9	SEAL RING/MT980	VÒNG ĐỆM CAO SU/MT980	12.960	8%
13902	422372-7	NOSE ADAPTER/DPT353	NÁP CHỤP/DPT353	18.360	8%
13903	422376-9	SUPPORT RING/DVC265	MIẾNG ĐỆM /DVC265	59.616	8%
13904	422377-7	RUBBER RING/CL108FD	MIẾNG ĐỆM/CL108FD	41.256	8%
13905	422407-4	BUMPER/DTW181	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DTW181	18.360	8%
13906	422409-0	RUBBER CUSHION/DHW080	ĐỆM CAO SU/DHW080	9.180	8%
13907	422411-3	SPONGE/DHW080	MIẾNG ĐỆM/DHW080	13.824	8%
13908	422413-9	RUBBER RING 19/GA5050	VÒNG ĐỆM 19/GA5050	59.616	8%
13909	422421-0	RUBBER RING/CL121D	VÒNG ĐỆM CAO SU/CL121D	36.720	8%
13910	422423-6	CUSHION RUBBER/DX05	MIẾNG ĐỆM/DX05	9.180	8%
13911	422433-3	SEAL/CL121D	MIẾNG ĐỆM KÍN/CL121D	36.720	8%
13912	422434-1	PACKING/CL121D	ỐNG NỐI/CL121D	13.824	8%
13913	422435-9	FOOT/CL121D	CHÂN CAO SU/CL121D	9.180	8%
13914	422439-1	SPONGE SHEET 47-57/CL121D	MIẾNG ĐỆM/CL121D	9.180	8%
13915	422440-6	SPONGE SHEET 90/CL121D	MIẾNG ĐỆM 90/CL121D	13.824	8%
13916	422446-4	RUBBER CAP/DSL800	NÁP CHỤP/DSL800	25.920	8%
13917	422451-1	OIL TUBE 3-100/DUC256	DÂY DẪN NHỚT/DUC256	27.540	8%
13918	422452-9	OIL TUBE 3-130/DUC256	DÂY DẪN NHỚT/DUC256	32.076	8%
13919	422456-1	COUNTER CUSHION/DFN350	MIẾNG ĐỆM/DFN350	99.360	8%
13920	422457-9	CUSHION/DFN350	MIẾNG ĐỆM/DFN350	30.240	8%
13921	422458-7	SPONGE SHEET 55-80/DCL280F	MIẾNG ĐỆM/DCL280F	18.360	8%
13922	422460-0	RUBBER PLATE/DCL280F	ĐỆM CAO SU/DCL280F	9.180	8%
13923	422465-0	SWITCH COVER/DTDA040	ÓP CÔNG TÁC BẢNG NHỰA/DTDA040	114.480	8%
13924	422466-8	GROMET/DUC256	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DUC256	9.180	8%
13925	422467-6	CAP/DUC256	NÁP ĐÁY/DUC256	13.824	8%
13926	422468-4	PACKING/PDC01	MIẾNG ĐỆM/PDC01	185.760	8%
13927	422469-2	SWITCH BUTTON/PDC01	CÔNG TÁC DƯỚI/PDC01	47.520	8%
13928	422472-3	SPONGE SLEEVE 3/HR001G	VÒNG ĐỆ GÁI CHỐT 3/HR001G	41.256	8%
13929	422476-5	RUBBER PACKING A/DGP180	VÒNG ĐỆM CAO SU/DGP180	22.896	8%
13930	422478-1	HOSE HOLDER/DGP180	MIẾNG GÁ ĐỖ/DGP180	22.000	10%
13931	422479-9	FOOT/DGP180	CHÂN ĐỂ/DGP180	17.280	8%
13932	422480-4	SEAL RING/DGP180	VÒNG ĐỆM CAO SU/DGP180	12.960	8%
13933	422492-7	CUSHION/HR3001C	MIẾNG ĐỆM/HR3001C	22.896	8%
13934	422493-5	RUBBER RING 31/HR3001C	VÒNG ĐỆM 31/HR3001C	46.640	10%
13935	422526-6	GROMMET/DLM533	MIẾNG ĐỆM/DLM533	13.824	8%
13936	422528-2	SPONGE A/DLM533	TÀM ĐỆM A/DLM533	9.180	8%
13937	422529-0	SPONGE B/DLM533	TÀM ĐỆM B/DLM533	9.180	8%
13938	422531-3	RUBBER PACKING/DKP181	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DKP181	9.180	8%
13939	422533-9	GROMMET/DLM530	MIẾNG ĐỆM/DLM530	9.180	8%
13940	422535-5	BAND DAMPER E/DVC665	VỎ MÁY E/DVC665	9.180	8%
13941	422536-3	SEAL A/DVC665	VỎ MÁY A/DVC665	59.616	8%
13942	422537-1	INSULATION COVER/JR3051T	VỎ BẢO VỆ CAO SU/JR3051T	228.960	8%
13943	422538-9	SEAL RING/JR3051T	VÒNG ĐỆM/JR3051T	17.600	10%
13944	422541-0	SEAL RING/JR001	VÒNG ĐỆM CAO SU/JR001	27.540	8%
13945	422542-8	INSULATION COVER/JR001	VỎ MÁY/JR001	332.640	8%
13946	422543-6	CUSHION RUBBER/JR001	ĐỆM GIẢM CHẤN/JR001	12.960	8%
13947	422550-9	BAND DAMPER A/DVC665	VỎ MÁY A/DVC665	41.256	8%
13948	422551-7	BAND DAMPER B/DVC665	VỎ MÁY B/DVC665	41.256	8%
13949	422554-1	LEVER COVER/DCU603	MIẾNG NHỰA CHỤP NÚT NHẤN/DCU603	59.616	8%
13950	422555-9	SWITCH COVER/DCU603	BỘ C CÔNG TÁC/DCU603	13.824	8%
13951	422556-7	CUSHION RUBBER/DCU603	ĐỆM GIẢM CHẤN/DCU603	27.540	8%
13952	422563-0	DUST COVER/GA003	MIẾNG CHÂN BỤI/GA003	32.076	8%
13953	422566-4	BATTERY COVER SEAL/DCE090	CHÂN BỤI PIN/DCE090	119.124	8%
13954	422568-0	GEAR HOUSING GASKET/DUN500WZ	MIẾNG ĐỆM HỘP NHÔNG/DUN500WZ	41.256	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
13955	422570-3	CAP 35/HR2670FT	NÁP CHỤP 35/HR2670FT	22.896	8%
13956	422574-5	BUMPER/DVC560	MIẾNG GIẢM CHẤN/DVC560	242.784	8%
13957	422576-1	BRUSH/DVC560	CHÓT ĐỊNH VI/DVC560	79.310	10%
13958	422577-9	SIDE BRUSH/DVC560	CHÔI BÊN/DVC560	59.616	8%
13959	422578-7	SEAL RING A/DVC560	ROAN A/DVC560	41.256	8%
13960	422580-0	SEAL RING B/DVC560	ROAN B/DVC560	64.152	8%
13961	422582-6	TUBE/DVC560	ỐNG DẪN/DVC560	59.616	8%
13962	422583-4	TUBE JOINT/DVC560	TẮM LÓT BẰNG NHỰA/DVC560	36.720	8%
13963	422584-2	BUMPER/DTW300	VÒNG ĐỆM GIẢM CHẤN/DTW300	27.540	8%
13964	422588-4	MOTOR RUBBER RING A/DUB185	ĐỆM CAO SU A/DUB185	45.792	8%
13965	422589-2	MOTOR RUBBER RING B/DUB185	ĐỆM CAO SU B/DUB185	18.360	8%
13966	422590-7	SUPPORT RING/DVC156	VÒNG ĐỆM CAO SU/DVC156	96.228	8%
13967	422592-3	COUNTER CUSHION/DST421	NÚT ĐỆM/DST421	32.076	8%
13968	422594-9	BUMPERT/TW001G	VÒNG CHỤP BẢO VỆ ĐẦU BÚA/TW001G	64.152	8%
13969	422595-7	GASKET/TW001G	MIẾNG ĐỆM/TW001G	45.792	8%
13970	422600-0	OIL TUBE 3-70/DUA300	ĐÂY DẪN NHỚT/DUA300	41.256	8%
13971	422602-6	GROMET/DUA300	MIẾNG ĐỆM BĂNG CAO SU/DUA300	13.824	8%
13972	422607-6	BUMPER/DTW700	VỎ CHỤP ĐẦU MÁY/DTW700	32.076	8%
13973	422609-2	GUARD/URI101C	ĐÈ BẢO VỆ/URI101C	105.408	8%
13974	422610-7	DUST COVER/GA027G	NÁP CHẮN BỤI/GA027G	32.076	8%
13975	422613-1	DUST COVER/DPV300	NÁP CHẮN BỤI/DPV300	116.640	8%
13976	422617-3	JOINT/DSL801	NÁP CHỤP/DSL801	119.124	8%
13977	422636-9	SEAL RING/HM1511	VÒNG ĐỆM/HM1511	64.152	8%
13978	422641-6	INTAKE FLANGE GASKET/EK6101	MIẾNG ĐỆM BỎ CHẾ/EK6101	60.480	8%
13979	422642-4	CUSHION RUBBER/HR005G	TẮM ĐỆM/HR005G	105.408	8%
13980	422643-2	HOSE HOLDER/DGP180	ỐNG GIỮ/DGP180	41.256	8%
13981	422647-4	SEAL RING/HM001G	VÒNG ĐỆM/HM001G	18.360	8%
13982	422648-2	DUST GUIDE/LS002G	ỐNG DẪN BỤI/LS002G	105.408	8%
13983	422651-3	GUARD/LS002G	TẮM CHẴN BẢO VỆ/LS002G	27.540	8%
13984	422652-1	GASKET/LS002G	ĐỆM LÓT/LS002G	50.436	8%
13985	422656-3	DUST COVER/GA037G	NÁP CHẮN BỤI/GA037G	45.792	8%
13986	422658-9	SEAL RING A/HM002G	VÒNG ĐỆM A/HM002G	32.076	8%
13987	422659-7	SEAL RING B/HM002G	VÒNG ĐỆM/HM002G	27.540	8%
13988	422661-0	BUMPER/DTD157	GIẢM CHẶN/DTD157	9.180	8%
13989	422663-6	COUNTER CUSHION/FN001G	MIẾNG ĐỆM/FN001G	32.076	8%
13990	422664-4	CUSHION/FN001G	MIẾNG ĐỆM/FN001G	27.540	8%
13991	422669-4	LINK SEAL/GA7070	THANH LIỀN KẾT/GA7070	9.350	10%
13992	422671-7	VIBRATION PROOF RUBBER/GA7070	VÒNG GIẢM RUNG/GA7070	82.512	8%
13993	422672-5	BRAKE SHOE/GA7070	MIẾNG PHANH/GA7070	447.810	10%
13994	422677-5	CUSHION F/DTM52	MIẾNG ĐỆM F/DTM52/XMT04	9.350	10%
13995	422678-3	CUSHION R/DTM52	MIẾNG ĐỆM R/DTM52/XMT04	9.180	8%
13996	422679-1	CUSHION M/DTM52	MIẾNG ĐỆM M/DTM52/XMT04	4.644	8%
13997	422682-2	RUBBER RING 35/DTM52	VÒNG CAO SU 35/DTM52/XMT04	9.180	8%
13998	422683-0	GASKET A/DDA450	VÒNG ĐỆM A/DDA450	42.020	10%
13999	422684-8	GASKET B/DDA450	VÒNG ĐỆM B/DDA450	37.400	10%
14000	422685-6	RUBBER SEAL A/DGP180	VÒNG ĐỆM A/DGP180	174.096	8%
14001	422688-0	SEAL/DTD172	VÒNG ĐỆM/DTD172	9.350	10%
14002	422689-8	BUMPER/DTD172	VÒNG GIẢM CHẤN/DTD172	27.540	8%
14003	422696-1	RUBBER RING/DRC300	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DRC300	187.812	8%
14004	422697-9	SPONGE SHEET 24-110/DRC300	MÚT XÓP LỌC BỤI 24-110/DRC300	4.644	8%
14005	422698-7	EXHAUST FILTER/DRC300	MÚT XÓP LỌC BỤI/DRC300	13.824	8%
14006	422700-6	SEAL RING T/DRC300	MIẾNG ĐỆM T/DRC300	18.360	8%
14007	422701-4	PROTECTOR/DRC300	TẮM BẢO VỆ CÀM BIẾN/DRC300	100.764	8%
14008	422703-0	SEAL RING S/DRC300	MIẾNG ĐỆM S/DRC300	18.360	8%
14009	422706-4	VIBRATION PROOF RUBBER/GA7080	VÒNG ĐỆM GIẢM RUNG/GA7080	123.660	8%
14010	422709-8	BUMPER/TW007G	MIẾNG ĐỆM GIẢM CHẤN/TW007G	32.076	8%
14011	422711-1	CAP 36/DBO480	TẮM ĐẦY BẠC ĐẠN 36/DBO480	9.180	8%
14012	422721-8	CAP/DTM52/XMT04	NÁP CHỤP/DTM52/XMT04	14.080	10%
14013	422723-4	MOTOR COVER SEAL/CL001G	GIÁ ĐÓ BẢO VỆ/CL001G	22.896	8%
14014	422725-0	RUBBER SLEEVE 8/UH004G	GIẢM RUNG 8/UH004G	9.180	8%
14015	422727-6	RUBBER CAP/UR002G	ĐỆM CAO SU/UR002G	9.180	8%
14016	422729-2	RUBBER GUARD/DSL801	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSL801	306.828	8%
14017	422734-9	SPONGE/UB001C	MIẾNG ĐỆM/UB001C	13.824	8%
14018	422750-1	LABYRINTH RUBBER RING 22/GA4040C	CAO SU ĐUỐI 22/GA4040C	50.436	8%
14019	422757-7	SPONGE/LM001J	MIẾNG ĐỆM/LM001J	9.180	8%
14020	422768-2	LABYRINTH RUBBER RING 19/9553B	VÒNG ĐỆM CAO SU/9553B	18.360	8%
14021	422779-7	BELLOWS/HR007G	GIẢM RUNG/HR007G	27.540	8%
14022	422780-2	SPONGE SHEET/HR007G	VÒNG ĐỆM/HR007G	9.180	8%
14023	422784-4	SEALING CAP/HR2651T	NÁP ĐẦY/HR2651T	13.824	8%
14024	422786-0	SEAL RING A/HR006G	VÒNG ĐỆM A/HR006G	270.216	8%
14025	422787-8	SEAL RING B/HR006G	VÒNG ĐỆM B/HR006G	274.752	8%
14026	422793-3	SUPPORT RING/VC001GL	VÒNG ĐỆM CAO SU/VC001GL	100.764	8%
14027	422794-1	RUBBER RING/VC001GL	VÒNG ĐỆM/VC001GL	59.616	8%
14028	422795-9	RUBBER CAP/VC001GL	NÁP CHỤP/VC001GL	50.436	8%
14029	422803-6	REAR BLOCK FILTER A/VC001GL	MIẾNG MÚT LỌC BỤI A/VC001GL	22.896	8%
14030	422805-2	SEAL RING/VC001GL	VÒNG ĐỆM/VC001GL	41.256	8%
14031	422806-0	BUMPER/VC005GL	MIẾNG ĐỆM GIẢM CHẤN/VC005GL	224.424	8%
14032	422811-7	LABYRINTH RUBBER RING 22/GA5093	VÒNG ĐỆM CAO SU 22/GA5093	13.824	8%
14033	422812-5	RUBBER PLATE/GA5090	VÒNG ĐỆM CAO SU/GA5090	4.644	8%
14034	422813-3	RUBBER SLEEVE 8/UH013G	MIẾNG ĐỆM/UH013G	45.792	8%
14035	422816-7	MOTOR COVER SEAL/AS001G	NÁP BẢO VỆ MOTOR/AS001G	4.644	8%
14036	422817-5	MOTOR COVER/AS001G	NÁP BẢO VỆ MOTOR/AS001G	27.540	8%
14037	422819-1	REAR BLOCK FILTER B/VC001GL	MIẾNG MÚT LỌC BỤI B/VC001GL	22.896	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14038	422820-6	RUBBER CAP/DRC300	NÁP CHỤP/DRC300	59.616	8%
14039	422821-4	SPONGE SHEET/CE001G	MÚT XÓP LỌC BỤI/CE001G	155.736	8%
14040	422822-2	RUBBER RING 56/CE001G	VÒNG ĐỆM 56/CE001G	27.540	8%
14041	422823-0	REAR FOOT/CE001G	CỤC CAO SU LƯU HÓA TRỮ/CE001G	27.540	8%
14042	422824-8	FILTER A/AS001G	LỌC BỤI A/AS001G	13.824	8%
14043	422825-6	FILTER B/AS001G	LỌC BỤI B/AS001G	9.180	8%
14044	422832-9	CHIP GUIDE/UC012G	THANH DẪN HƯỚNG/UC012G	18.360	8%
14045	422833-7	GROMMET/UC012G	MIẾNG ĐỆM/UC012G	9.180	8%
14046	422834-5	GROMMET A/UC012G	MIẾNG ĐỆM A/UC012G	9.180	8%
14047	422835-3	OIL TUBE 3-117/UC012G	ỐNG DẪN NHỚT BÔI TRƠN 3-117/UC012G	22.896	8%
14048	422836-1	OIL TUBE 3-108/UC012G	ỐNG DẪN NHỚT BÔI TRƠN 3-108/UC012G	27.540	8%
14049	422837-9	BUMPER/DCU601	ÔNG GIÁM CHÂN/DCU601	59.616	8%
14050	422840-0	GROMMET/DCU603	VÒNG ĐỆM/DCU603	18.360	8%
14051	422842-6	PACKING 44/DCU603	VÒNG ĐỆM 44/DCU603	22.896	8%
14052	422845-0	GASKET/PB002G	TẮM ĐỆM/PB002G	109.944	8%
14053	422847-6	RUBBER SLEEVE 10/DLM230	MIẾNG ĐỆM GIÁM CHÂN 10/DLM230	22.896	8%
14054	422850-7	SEAL/VCO08G	MIẾNG ĐỆM/VCO08G	64.152	8%
14055	422851-5	SUPPORT RING/VCO08G	MIẾNG ĐỆM CỎ ĐỊNH/VCO08G	142.020	8%
14056	422856-5	SUPPORT A/VCO08G	CHÂN HỖ TRỢ ĐỖ ĐỘNG CƠ A/VCO08G	50.436	8%
14057	422857-3	TIRE 330/DCU601Z	LỚP 330/DCU601Z	2.527.740	8%
14058	422860-4	TIRE 210/DCU601Z	LỚP 210/DCU601Z	801.360	8%
14059	422862-0	SPONGE SHEET/4107R	MÚT LỌC/4107R	4.644	8%
14060	422863-8	BATTERY CUSHION/HR009G	MIẾNG ĐỆM LÒ XO/HR009G	9.350	10%
14061	422868-8	SEAL RING/JR002G	TẮM ĐỆM BĂNG CAO SU/JR002G	13.824	8%
14062	422869-6	INSULATION COVER/JR002G	VỎ BẢO VỆ MÁY/JR002G	267.840	8%
14063	422870-1	FELT RING 18/DMC300	VÒNG ĐỆM/DMC300	9.180	8%
14064	422871-9	DUST COVER/PV001G	MIẾNG NHỰA CHÂN BỤI/PV001G	178.632	8%
14065	422874-3	SPONGE SHEET/TD002G	MIẾNG ĐỆM BĂNG MÚT XÓP/TD002G	9.180	8%
14066	422877-7	RUBBER CUSHION/UB002C	MIẾNG ĐỆM BĂNG CAO SU/UB002C	41.256	8%
14067	422878-5	RUBBER CUSHION/UB002C	CHÂN GAI KHUNG CHÍNH/UB002C	45.792	8%
14068	422879-3	GROMMET/UB002C	ĐỆM CAO SU/UB002C	13.824	8%
14069	422880-8	DUST COVER/DMC300	MIẾNG CHÂN BỤI/DMC300	54.972	8%
14070	422884-0	SEAL/CL003G	TẮM ĐỆM/CL003G	22.896	8%
14071	422885-8	RUBBER PLATE/CL003G	TẮM ĐỆM BĂNG CAO SU/CL003G	9.180	8%
14072	422886-6	VALVE/CL003G	TẮM CHÂN ỐNG HỤT BỤI/CL003G	4.644	8%
14073	422904-0	DUST GUARD/DUH506	MÚT XÓP LỌC BẢO VỆ/DUH506	9.180	8%
14074	422905-8	FELT RING 24/UT001G	LONG ĐÈN 24/UT001G	18.700	10%
14075	422906-6	HANDLE GUARD/UT001G	GÁ ĐỖ TAY CẦM/UT001G	27.540	8%
14076	422908-2	SPONGE FILTER/CL003G	ỐNG LỌC BỤI/CL003G	22.896	8%
14077	422909-0	SPONGE SHEET 62/CL003G	TẮM LỌC BỤI/CL003G	4.644	8%
14078	422910-5	RUBBER RING/VR003G	MIẾNG ĐỆM GIÁM RUNG/VR003G	18.360	8%
14079	422913-9	OIL TUBE 3-105/DUC307	ỐNG CAO SU 3-105/DUC307	18.360	8%
14080	422914-7	OIL TUBE 3-60/DUC307	ỐNG CAO SU 3-60/DUC307	13.824	8%
14081	422915-5	GROMMET/DUC307	ĐỆM CAO SU/DUC307	9.180	8%
14082	422917-1	FOOT HOUSING RUBBER/UB002C	CHÂN NẾP KHUNG MÁY/UB002C	155.736	8%
14083	422926-0	RUBBER RING/VCO06GM	VÒNG ĐỆM/VCO06GM	54.972	8%
14084	422929-4	REAR BLOCK FILTER/VCO06GM	TẮM MÚT ĐỖ BƠ MẠCH/VCO06GM	9.180	8%
14085	422932-5	SEAL RING B/VCO06GM	MIẾNG ĐỆM B/VCO06GM	36.720	8%
14086	422933-3	BUMPER A/VCO06GM	MIẾNG ĐỆM GIÁM CHÂN A/VCO06GM	302.292	8%
14087	422934-1	BUMPER B/VCO06GM	MIẾNG ĐỆM GIÁM CHÂN B/VCO06GM	82.512	8%
14088	422943-0	SEAL RING C/VCO06GM	VÒNG ĐỆM C/VCO06GM	114.480	8%
14089	422944-8	SEAL RING A/VCO06GM	MIẾNG ĐỆM A/VCO06GM	87.048	8%
14090	422950-3	SEAL RING/DJR189	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DJR189	13.824	8%
14091	422952-9	GASKET/DJR189	MIẾNG ĐỆM ĐẦU/DJR189	46.640	10%
14092	422955-3	GROMMET/LM001G	MIẾNG ĐỆM/LM001G	9.180	8%
14093	422956-1	SPONGE/LM001G	MIẾNG ĐỆM/LM001G	9.180	8%
14094	422961-8	PAD RETAINER/DCU601	CHỐT GIỮ/DCU601	18.700	10%
14095	422966-8	SWITCH COVER/VR003G	MIẾNG BẢO VỆ CÔNG TẮC/VR003G	45.792	8%
14096	422968-4	OIL TUBE 3-60/UC100D	ỐNG DẪN DẦU 3-60/UC100D	13.824	8%
14097	422969-2	OIL TUBE 3-25/UC100D	ỐNG DẪN DẦU 3-25/UC100D	13.824	8%
14098	422970-7	GROMMET/DUC150	ĐỆM CAO SU/DUC150	9.180	8%
14099	422975-7	KEY HOLDER/UT001G	KHÓA MỔ/UT001G	210.708	8%
14100	422977-3	FOOT HOUSING RUBBER/PM001G	CHÂN NẾP KHUNG MÁY/PM001G	219.888	8%
14101	422980-4	TUBE 10-100/PM001G	ỐNG DẪN 10-100/PM001G	302.292	8%
14102	422981-2	TUBE 10-45/PM001G	ỐNG DẪN 10-45/PM001G	9.180	8%
14103	422982-0	TUBE 10-370/PM001G	ỐNG DẪN 10-370/PM001G	41.256	8%
14104	422983-8	TUBE 10-500/PM001G	ỐNG DẪN 10-500/PM001G	59.616	8%
14105	422984-6	TUBE 10-750/PM001G	ỐNG DẪN 10-750/PM001G	82.512	8%
14106	422990-1	JOINT CUSHION/DX16	VÒNG ĐỆM GIÁM CHÂN/DX16	18.360	8%
14107	422994-3	FELT/TD003G	MIẾNG MÚT NGĂN MỔ/TD003G	9.180	8%
14108	422A00-0	CUSHION/ST001G	GIÁM CHÂN/ST001G	27.540	8%
14109	422A01-8	COUNTER CUSHION/ST001G	ĐỆM GIÁM CHÂN/ST001G	41.256	8%
14110	422A03-4	BUMPER/TD003G	VÒNG ĐỆM GIÁM CHÂN/TD003G	9.180	8%
14111	422A08-4	CAP/DHR183	MIẾNG NHỰA ĐÁY CÔNG USB/DHR183	9.180	8%
14112	422A09-2	CUSHION RING 8/DHR183	VÒNG ĐỆM 8/DHR183	9.180	8%
14113	422A10-7	FRONT CUSHION/GA048G	MIẾNG GIÁM CHÂN/GA048G	13.824	8%
14114	422A12-3	DUST COVER/GA048G	MIẾNG CHÂN BỤI/GA048G	36.720	8%
14115	422A14-9	SPONGE SHEET/DTD173	VÒNG ĐỆM/DTD173	9.180	8%
14116	422A16-5	DUST GUARD/EN402MP	MÚT XÓP NGĂN MỔ/EN402MP	9.180	8%
14117	422A22-0	SUPPORT/VC010G	GIÁ ĐỖ/VC010G	87.048	8%
14118	422A23-8	SUPPORT RING/VC010G	VÒNG ĐỆM/VC010G	96.228	8%
14119	422A24-6	BUMPER/VC010G	GIÁM CHÂN/VC010G	283.932	8%
14120	422A26-2	SPONGE SHEET/VC010G	MIẾNG XÓP BƠT BIẾN/VC010G	9.180	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14121	422A27-0	SEAL RING A/VC010G	VÒNG ĐỆM A/VC010G	50.436	8%
14122	422A29-6	SEAL RING B/VC010G	VÒNG ĐỆM B/VC010G	82.512	8%
14123	422A31-9	BRUSH/VC010G	CHỔI QUÉT/VC010G	82.512	8%
14124	422A32-7	TUBE/VC010G	ỐNG DẪN/VC010G	109.944	8%
14125	422A33-5	TUBE JOINT/VC010G	KHỚP NỐI/VC010G	54.972	8%
14126	422A35-1	SPONGE/UV001G	MIẾNG ĐỆM XÓP/UV001G	9.180	8%
14127	422A36-9	GASKET/EN424MP	MIẾNG ĐỆM HỘP NHÔNG/EN424MP	73.332	8%
14128	422A37-7	DUST GUARD/EN424MP	MÚT XÓP LỌC BAO VỆ/EN424MP	9.180	8%
14129	422A40-8	RUBBER RETAINER/RM350D	ĐỆM CAO SU/RM350D	54.972	8%
14130	422A41-6	FRONT TIRE/RM350D	LỐP TRƯỚC/RM350D	192.348	8%
14131	422A43-2	CUSHION/RM350D	GIÁ ĐỖ PIN/RM350D	384.696	8%
14132	422A44-0	BELLOWS A/RM350D	MIẾNG ĐỆM/RM350D	632.016	8%
14133	422A46-6	SEAL/RM350D	VÒNG ĐỆM/RM350D	787.644	8%
14134	422A47-4	SEAL/RM350D	VÒNG ĐỆM/RM350D	911.304	8%
14135	422A48-2	SEAL/RM350D	VÒNG ĐỆM/RM350D	833.436	8%
14136	422A55-5	CUSHION RUBBER/TW001G	MIẾNG ĐỆM GIAM CHÂN/TW001G	22.896	8%
14137	422A56-3	CUSHION RUBBER/DTW100I	ĐỆM GIAM CHÂN/DTW100I	27.540	8%
14138	422A58-9	PACKING 12/HW001G	VÒNG ĐỆM 12/HW001G	27.540	8%
14139	422A59-7	FOOT RUBBER/HW001G	CHÂN CAO SU/HW001G	32.076	8%
14140	422A66-0	RUBBER CAP/VS001G	NÁP CAO SU/VS001G	36.720	8%
14141	422A68-6	SEAL RING B/VS001G	VÒNG ĐỆM B/VS001G	54.972	8%
14142	422A69-4	SEAL RING A/VS001G	VÒNG ĐỆM A/VS001G	183.168	8%
14143	422A71-7	SEAL A/VS001G	VÒNG ĐỆM A/VS001G	142.020	8%
14144	422A72-5	SEAL B/VS001G	VÒNG ĐỆM B/VS001G	36.720	8%
14145	422A83-0	SUPPORT RING/VC011G/VC012G	VÒNG ĐỆM/VC011G/VC012G	87.048	8%
14146	422A84-8	SUPPORT A/VC011G/VC012G	MIẾNG ĐỆM A/VC011G/VC012G	22.896	8%
14147	422A85-6	SPONGE SEAL/EN402MP	MÚT XÓP NGĂN MỖ/EN402MP	9.180	8%
14148	422A88-0	FELT RING 9/RM350D	VÒNG ĐỆM 9/RM350D	22.896	8%
14149	422A89-8	CAP/VS001G	THANH THÉP CHỤP DÂY CAP/VS001G	18.700	10%
14150	422A90-3	RUBBER RING 33/GA7090/GA9090	VÒNG ĐỆM CAO SU 33/GA7090/GA9090	9.180	8%
14151	422B00-6	RUBBER CAP 26/WA400MP	NÁP/WA400MP	13.824	8%
14152	422B02-2	RUBBER RING 35/TM001G	ĐỆM CAO SU 35/TM001G	4.644	8%
14153	422B04-8	SEAL RING/HM004G	VÒNG ĐỆM/HM004G	119.124	8%
14154	422B05-6	DAMPER/HM004G	MIẾNG ĐỆM/HM004G	36.720	8%
14155	422B09-8	OIL TUBE 3-114/UC021G	ỐNG DẪN DẦU 3-114/UC021G	27.540	8%
14156	422B10-3	OIL TUBE 3-134/UC021G	ỐNG DẪN DẦU/UC021G	27.540	8%
14157	422B38-1	GASKET A/WA400MP	VÒNG RON/WA400MP	169.452	8%
14158	422B39-9	GASKET B/WA400MP	MIẾNG ĐỆM B/WA400MP	54.972	8%
14159	422B41-2	SPONGE SHEET/VS001G	MIẾNG XÓP BỌT BIẾN/VS001G	18.360	8%
14160	422B44-6	DAMPER A/CE003G	VÒNG ĐỆM GIAM SÓC NGOÀI A/CE003G	41.256	8%
14161	422B45-4	DAMPAR B/CE003G	VÒNG ĐỆM GIAM SÓC TRONG B/CE003G	32.076	8%
14162	422B46-2	RUBBER RING 39/CE003G	VÒNG ĐỆM 39/CE003G	64.152	8%
14163	422B58-5	DUST SEAL/UN001G	MIẾNG NHỰA CHỐNG BỤI/UN001G	18.360	8%
14164	422B66-6	BUMPER B/TW009G	VÒNG ĐỆM GIAM CHÂN/TW009G	56.160	8%
14165	422B69-0	CUSHION RUBBER L/TW009G	MIẾNG ĐỆM BỀN TRÁI/TW009G	36.720	8%
14166	422B70-5	CUSHION RUBBER R/TW009G	MIẾNG ĐỆM BỀN PHẢI/TW009G	36.720	8%
14167	422B71-3	BUFFER RUBBER A/TW009G	ĐỆM CAO SU A/TW009G	45.792	8%
14168	422B72-1	BUFFER RUBBER B/TW009G	ĐỆM CAO SU B/TW009G	59.616	8%
14169	422B73-9	BUMPER A/TW009G	NÁP CHỤP GIAM CHÂN A/TW009G	138.240	8%
14170	422B75-5	BUMPER C/TW009G	VÒNG ĐỆM GIAM CHÂN/TW009G	82.512	8%
14171	422B76-3	BUMPER D/TW010G	NÁP CHỤP GIAM CHÂN D/TW010G	146.556	8%
14172	422B78-9	OIL TUBE 3-67/DUA200	ỐNG DẪN DẦU 3-67/DUA200	22.896	8%
14173	422B87-8	SEAL RING/BS001G	VÒNG ĐỆM/BS001G	22.896	8%
14174	422B89-4	CARBON PLATE/BS001G	TẤM CARBON/BS001G	54.972	8%
14175	422B90-9	RUBBER GUARD/PS001G	MIẾNG ĐỆM/PS001G	114.480	8%
14176	422B95-9	GASKET/UC029G	VÒNG ĐỆM/UC029G	27.540	8%
14177	422C03-6	HOSE HOLDER/GP001G	GIÁ ĐỖ ỐNG/GP001G	34.560	8%
14178	422C04-4	SEAL RING/GP001G	VÒNG ĐỆM/GP001G	17.280	8%
14179	422C05-2	MAGAZINE END/ST001G	ĐỆM GIAM CHÂN/ST001G	69.960	10%
14180	422C07-8	SEAL RING B/VC014G	VÒNG ĐỆM B/VC014G	87.048	8%
14181	422C08-6	SUPPORT RING/VC014G	VÒNG ĐỖ/VC014G	36.720	8%
14182	422C19-1	MOTOR RUBBER RING B/UB002G	VÒNG ĐỆM MOTOR/UB002G	22.896	8%
14183	422C20-6	LOWER COVER/GA055G/GA056G	MIẾNG ĐỆM/GA055G/GA056G	21.600	8%
14184	422C24-8	SPONGE SHEET/CL004G	MIẾNG XÓP NGĂN BỤI/CL004G	13.824	8%
14185	422C25-6	MOTOR SUPPORT F/CL004G	GIÁ ĐỖ MỖ TỐ/CL004G	87.048	8%
14186	422C28-0	MOTOR SUPPORT M/CL004G	MIẾNG ĐỆM MOTOR M/CL004G	4.644	8%
14187	422C29-8	SPONGE 45/CL004G	MIẾNG XÓP NGĂN BỤI 45/CL004G	13.824	8%
14188	422C31-1	SPONGE FILTER/CL004G	MIẾNG XÓP LỌC BỤI/CL004G	41.256	8%
14189	422C33-7	RUBBER PLATE/CL004G	MIẾNG ĐỆM/CL004G	13.824	8%
14190	422C56-5	GASKET/DTL300/DTL301/DTL302	VÒNG ĐỆM/DTL300/DTL301/DTL302	38.880	8%
14191	422C57-3	SPACER/GA055G/GA056G	MIẾNG ĐỆM/GA055G/GA056G	25.920	8%
14192	422C74-3	JOINT CUSHION/DTM53/HR011G	MIẾNG ĐỆM KHỚP NỐI/DTM53/HR011G	12.960	8%
14193	422C76-9	INSULATION COVER/JR003G	TẤM CHỤP BAO VỆ/JR003G	302.292	8%
14194	422C77-7	DUST COVER/JR003G	NÁP CHÂN BỤI/JR003G	142.020	8%
14195	422C80-8	OIL TUBE 3-117/UC030G	ỐNG DẪN DẦU 3-117/UC030G	22.896	8%
14196	422C81-6	OIL TUBE 3-154/UC030G	ỐNG DẪN DẦU 3-154/UC030G	36.720	8%
14197	422C85-8	SEAL RING/JR003G	VÒNG ĐỆM LẠM KÍN/JR003G	103.680	8%
14198	422C86-6	CAP/JR003G	NÁP ĐÁY/JR003G	38.880	8%
14199	422C97-1	SPONGE SHEET/CL200FD	MIẾNG XÓP NGĂN BỤI/CL200FD	25.920	8%
14200	422D01-6	OIL TUBE 3-106/UC031G	ỐNG DẪN DẦU/UC031G	17.280	8%
14201	422D02-4	OIL TUBE 3-56/UC031G	ỐNG DẪN DẦU 3-56/UC031G	21.600	8%
14202	423029-3	CARBON PLATE 100MM/9401	TẤM LÓT CARBON/9401	47.520	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14203	423035-8	CORK RUBBER PLATE/9924DB	MIẾNG ĐỆM CAO SU/9924DB	73.332	8%
14204	423036-6	CARBON PLATE 98MM/9924DB	TẤM LỐT CARBON/9924DB	109.944	8%
14205	423155-8	SEAL RUBBER/4140	MIẾNG ĐỆM/4140	8.640	8%
14206	423257-0	SPONGE 38.5-46/HM0810	MÚT LỌC BỤI/HM0810	9.180	8%
14207	423279-0	SEAL RING 70/VC1310L	VÒNG ĐỆM CAO SU/VC1310L	50.436	8%
14208	423307-1	POLY URETANE SPONGE SEAL/4326	VÒNG CAO SU GAI THANH TRƯỢT/4326	4.730	10%
14209	423342-9	SPONGE SEAL/MUH355	CAO SU XÓP/MUH355	4.644	8%
14210	423343-7	SEAL PLATE 14/JR3060T	LONG ĐÈN TRỤC/JR3060T	9.180	8%
14211	423345-3	CUSHION PLATE/HM0870C	ĐỆM THÉP/HM0870C	9.350	10%
14212	423346-1	SEAL RING/DHR165	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR165	9.180	8%
14213	423365-7	SPONGE SEAL 70/DVC860L	VÒNG CAO SU/DVC860L	18.360	8%
14214	423366-5	CUSHION PLATE/HM1203C	ĐỆM THÉP/HM1203C	9.350	10%
14215	423376-2	GASKET/BHX2500	TẤM ĐỆM/BHX2500	4.320	8%
14216	423379-6	SPONGE SHEET/HM1203C	MÚT LỌC BỤI/HM1203C	9.180	8%
14217	423393-2	TOP DAMPER/VC3210L	MIẾNG ĐỆM GIẢM CHẤN PHÍA TRÊN/VC3210L	84.040	10%
14218	423395-8	BOTTOM DAMPER/VC3210L	XÓP NGĂN BỤI/VC3210L	32.076	8%
14219	423396-6	REAR BLOCK FILTER/VC3210L	XÓP NGĂN BỤI/VC3210L	87.048	8%
14220	423397-4	BAND DAMPER/VC3210L	XÓP NGĂN BỤI/VC3210L	45.792	8%
14221	423398-2	DAMPER/DVC864L	TẤM LỐT LỌC BỤI/DVC864L	311.472	8%
14222	423399-0	SIDE BLOCK FILTER/VC3210L	XÓP NGĂN BỤI/VC3210L	27.540	8%
14223	423411-6	RUBBER PLATE/HM0870C	MIẾNG ĐỆM CAO SU/HM0870C	4.644	8%
14224	423412-4	GASKET/RBC411	VÒNG ĐỆM CAO SU/RBC411	8.640	8%
14225	423413-2	RUBBER PLATE/DFS452	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DFS452	4.320	8%
14226	423414-0	AIR FILTER/EA3201S	LỌC GIÓ/EA3201S	25.920	8%
14227	423417-4	DUST GUARD/BUH523	MÚT LỌC BẢO VỆ/BUH523	18.360	8%
14228	423422-1	SPONGE A/DTD134	MIẾNG ĐỆM XÓP/DTD134	4.320	8%
14229	423423-9	SPONGE B/DTD134	MIẾNG ĐỆM XÓP/DTD134	4.320	8%
14230	423424-7	SPONGE SEAL/JR102D	VÒNG CAO SU GAI THANH TRƯỢT/JR102D	9.180	8%
14231	423425-5	SPONGE SHEET B/DX01	VÒNG XÓP/DX01	17.280	8%
14232	423427-1	SPONGE SHEET C/DX08	VÒNG ĐỆM C/DX08	12.960	8%
14233	423434-4	BLIND PACKING/PM7650H	LONG ĐÈN SẮT/PM7650H	13.200	10%
14234	423444-1	SPONGE SHEET 52-76/CL104D	VÒNG ĐỆM 52-76/CL104D	13.824	8%
14235	423450-6	REAR BLOCK FILTER/VC3211M	MIẾNG MÚT LỌC BỤI/VC3211M	68.688	8%
14236	423451-4	BAND DAMPER/VC3211M	MIẾNG ĐỆM/VC3211M	96.228	8%
14237	423452-2	DAMPER/VC3211M	MIẾNG ĐỆM/VC3211M	109.944	8%
14238	423456-4	TOP DAMPER/VC3211M	MIẾNG ĐỆM /VC3211M	187.812	8%
14239	423457-2	GASKET/EN401MP	VÒNG ĐỆM/EN401MP	23.320	10%
14240	423458-0	GASKET/EN401MP	VÒNG ĐỆM/EN401MP	26.400	10%
14241	423462-9	DC MOTOR SEAL/VC3211M	VÒNG ĐỆM/VC3211M	18.360	8%
14242	423467-9	SPONGE 12/PM7650H	VÒNG XÓP/PM7650H	2.160	8%
14243	423469-5	SPONGE 6X105X3/BO3710	VÒNG ĐỆM/BO3710	4.644	8%
14244	423470-0	SPONGE 6X101X3/MT923	MIẾNG ĐỆM 6X101X3/MT923	4.644	8%
14245	423479-2	SPONGE/UH3502	MÚT XÓP LỌC GIÓ/UH3502	4.644	8%
14246	424000-0	RUBBUR RING 24/HR5211C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR5211C	132.840	8%
14247	424001-8	DUST COVER/HM1213C	NÁP CHẶN BỤI/HM1213C	50.436	8%
14248	424022-0	SEAL RING/HR3530	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3530	27.540	8%
14249	424023-8	SPONGE SLEEVE 9/BO4555	VÒNG XÓP/BO4555	4.644	8%
14250	424028-8	SEAL RING/HR2810	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR2810	9.180	8%
14251	424031-9	SPONGE SHEET/HR3001C	TẤM BƠT BIÊN/HR3001C	9.180	8%
14252	424032-7	RUBBER RING 20/HR4511C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR4511C	114.480	8%
14253	424038-5	SPONGE 6X185X3/BO4555	MIẾNG ĐỆM XÓP/BO4555	4.400	10%
14254	424039-3	SWITCH COVER/BO4510H	BỌC CÔNG TÁC/BO4510H	18.360	8%
14255	424042-4	CUSHION RUBBER/DHR202	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DHR202	36.720	8%
14256	424044-0	RUBBER RING 32/TL064D	VÒNG ĐỆM 32/TL064D	32.076	8%
14257	424047-4	PACKING/CA5000X	KẸP KHÓA/CA5000X	13.200	10%
14258	424048-2	SEAL RING A/HM1306	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1306	36.720	8%
14259	424049-0	SEAL RING B/HM1306	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1306	36.720	8%
14260	424050-5	SPONGE/CA5000X	TẤM ĐỆM/CA5000X	8.640	8%
14261	424051-3	RUBBER RING 26/PC5000C	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN 26/PC5000C	9.180	8%
14262	424053-9	SEAL RING C/HM1306	VÒNG ĐỆM C/HM1306	18.360	8%
14263	424056-3	SPONGE SLEEVE 9/BO3710	VÒNG XÓP/BO3710	4.644	8%
14264	424057-1	CARBON PLATE/MT941	TẤM LỐT CARBON/MT941	27.540	8%
14265	424058-9	RUBBER PLATE/MT941	MIẾNG ĐỆM CAO SU/MT941	22.896	8%
14266	424062-8	RUBBER RING 13/HR3200C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3200C	137.376	8%
14267	424063-6	SEAL RING A/HR3200C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3200C	18.360	8%
14268	424064-4	SEAL RING B/HR3200C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HR3200C	22.896	8%
14269	424065-2	RUBBER RING 13/DHK180	VÒNG ĐỆM 13/DHK180	174.096	8%
14270	424067-8	SEAL RING/DHK180	VÒNG ĐỆM/DHK180	13.824	8%
14271	424078-3	CAP 28/MT925	NÁP 28/MT925	9.180	8%
14272	424080-6	BUFFER RUBBER/EE2650H	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EE2650H	4.320	8%
14273	424081-4	BUFFER RUBBER/EE2650H	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EE2650H	8.640	8%
14274	424082-2	BUFFER RUBBER/EE2650H	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EE2650H	12.960	8%
14275	424083-0	BUFFER RUBBER/EE2650H	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EE2650H	12.960	8%
14276	424086-4	SWITCH COVER/MT921	BỌC CÔNG TÁC/MT921	9.180	8%
14277	424087-2	CAP 33/MT921	NÁP CHẶN BỤI/MT921	9.180	8%
14278	424093-7	SEAL/DCL182	VÒNG ĐỆM CAO SU/DCL182	18.360	8%
14279	424094-5	PACKING/CL104D	RON CAO SU ĐỆM/CL104D	13.824	8%
14280	424096-1	WIPER/CL100D	KHĂN LỌC/CL100D	13.824	8%
14281	424100-6	GASKET/EBH340R	VÒNG ĐỆM CAO SU/EBH340R	8.640	8%
14282	424101-4	GROMMET/EK7651H	VÒNG CAO SU GAI ỐNG XĂNG/EK7651H	2.160	8%
14283	424102-2	PLATE/EBH340R	MIẾNG ĐỆM/EBH340R	8.640	8%
14284	424103-0	PLATE/EBH340R	MIẾNG ĐỆM/EBH340R	8.640	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14285	424104-8	DAMPER/EBH340R	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EBH340R	30.240	8%
14286	424105-6	PLUG CAP/BHX2500	NẮP VỎ BUGI/BHX2500	12.960	8%
14287	424107-2	PIPE DAMPER 2/EM2550UH	MIẾNG CHÂN ỐNG 2/EM2550UH	4.400	10%
14288	424109-8	BUMPER/TD090D	NẮP ĐÁY CAO SU/TD090D	27.540	8%
14289	424111-1	SWITCH COVER/DHR202	BỘ CỐNG TẮC/DHR202	27.540	8%
14290	424112-9	SEAL RING/HP1630	VÒNG ĐỆM CAO SU/HP1630	4.644	8%
14291	424128-4	HOLDER CAP COVER/DHR165	NẮP GIÁ ĐỖ/DHR165	9.180	8%
14292	424131-5	BRAKE RING/MT922	VÒNG PHANH/MT922	119.124	8%
14293	424132-3	CAP RUBBER/HM1810	NẮP CHÂN CAO SU/HM1810	12.960	8%
14294	424147-0	PROTECTOR/DJR181	CHỤP KHÓA LƯỠI CỬA/DJR181	13.824	8%
14295	424156-9	RUBBER CAP/RO900	NÚT ĐÁY/RO900	4.644	8%
14296	424162-4	SEAL RING/FS4000	VÒNG ĐỆM CAO SU/FS4000	8.640	8%
14297	424163-2	DUST SEAL SLEEVE/FS4000	VÒNG ĐỆM/FS4000	9.180	8%
14298	424164-0	INSULATION COVER/GD0602	NẮP BẢO VỆ/GD0602	43.200	8%
14299	424165-8	TOOL HOLDER CAP/HM1203C	ĐẦU CHỤP/HM1203C	41.256	8%
14300	424166-6	SEAL RING/HM1203C	RON NHỚT/HM1203C	18.360	8%
14301	424167-4	SEAL RING/HM1203C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1203C	13.824	8%
14302	424170-5	VALVE/EK6101	VAN/EK6101	34.560	8%
14303	424173-9	DAMPING PLUG/EA3201S	CAO SU GIÂM CHÂN/EA3201S	8.640	8%
14304	424175-5	POLYURETHANE SPONGE SEAL/MT430	MIẾNG ĐỆM/MT430	4.644	8%
14305	424176-3	CAP 14/RP2301FC	NÚT NHẤN 14/RP2301FC	9.180	8%
14306	424178-9	OIL TUBE/EA4301F	ỐNG BƠM DẦU/EA4301F	116.640	8%
14307	424180-2	GASKET/BHX2500	VÒNG ĐỆM/BHX2500	2.160	8%
14308	424182-8	FRICTION RUBBER/BHX2500	CHÓT ĐỆM/BHX2500	12.960	8%
14309	424185-2	CAP/DHR263	NẮP ĐÁY/DHR263	9.180	8%
14310	424190-9	CUSHION/LS1019L	ĐỆM GIÂM CHÂN/LS1019L	4.644	8%
14311	424191-7	PIPE DAMPER 1/EM2550UH	MIẾNG CHÂN ỐNG 1/EM2550UH	21.600	8%
14312	424193-3	ROLLER/LS1016	CON LĂN/LS1016	9.180	8%
14313	424195-9	RUBBER RING 6/UH353D	VÒNG ĐỆM CAO SU/UH353D	9.180	8%
14314	424196-7	SEAL RING/HM1214C	VÒNG ĐỆM CAO SU/HM1214C	27.540	8%
14315	424200-2	SPACER/BHX2500	PHỐT DẦU/BHX2500	8.640	8%
14316	424201-0	CHECK VALVE/BHX2500	PHỐT DẦU/BHX2500	34.560	8%
14317	424202-8	OIL TUBE/BHX2500	ỐNG DẪN DẦU/BHX2500	38.880	8%
14318	424204-4	DAMPER/EM3400U	CAO SU GIÂM CHÂN/EM3400U	34.560	8%
14319	424206-0	RUBBER RING 36/HM1307C	VÒNG ĐỆM CAO SU 36/HM1307C	325.188	8%
14320	424207-8	SEAL RING/HM1307C	VÒNG ĐỆM NGẮN DẦU/HM1307C	32.076	8%
14321	424208-6	VALVE/CL100D	VAN CHÂN BỤI/CL100D	4.644	8%
14322	424209-4	SPONGE SHEET 50-50/DCL140	MIẾNG ĐỆM 50-50/DCL140	9.180	8%
14323	424228-0	RUBBER RING 120/VC1310L	VÒNG ĐỆM CAO SU/VC1310L	119.124	8%
14324	424229-8	SUPPORT RING/VC1310L	VÒNG ĐỆM CAO SU/VC1310L	64.152	8%
14325	424230-3	BUMPER/DVC860L	MIẾNG ĐỆM GIÂM CHÂN/DVC860L	11.880	8%
14326	424235-3	SEAL RING 30/DFS452	VÒNG ĐỆM CAO SU/DFS452	4.644	8%
14327	424244-2	SEAL RING/HM0870C	RON NHỚT/HM0870C	9.180	8%
14328	424245-0	RUBBER RING 20/HM0870C	VÒNG ĐỆM CAO SU 20/HM0870C	36.720	8%
14329	424246-8	SPONGE SHEET/CL121D	MIẾNG ĐỆM/CL121D	4.644	8%
14330	424247-6	DUST COVER/HM0871C	NẮP CHÂN BỤI/HM0871C	41.256	8%
14331	424248-4	SPONGE SHEET 15-25/CL106FD	TẤM XÓP/CL106FD	4.644	8%
14332	424250-7	BAMPER/VC2510L	MIẾNG NẾP VỎ MÁY/VC2510L	242.784	8%
14333	424261-2	RUBBER RING 28/HM0870C	VÒNG ĐỆM 28/HM0870C	32.076	8%
14334	424267-0	CUSHION RING 12/HR2300	VÒNG ĐỆM/HR2300	18.700	10%
14335	424270-1	BUMPER/VC3210L	MIẾNG NẾP VỎ MÁY/VC3210L	242.784	8%
14336	424301-6	OIL TUBE/EE2650H	ỐNG DẦU/EE2650H	5.400	8%
14337	424302-4	PLUG CAP/EE2650H	NẮP CHỤP BỤI/EE2650H	34.560	8%
14338	424308-2	SPONGE SHEET 50-36/DCL140	MIẾNG ĐỆM 50-36/DCL140	9.180	8%
14339	424313-9	GROMMET/EBH340R	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EBH340R	2.160	8%
14340	424314-7	PRIMER PUMP/BHX2500	BƠM KÍCH NỔ/BHX2500	64.800	8%
14341	424315-5	CHECK VALVE/BHX2500	VAN ĐIỀU CHỈNH/BHX2500	12.960	8%
14342	424316-3	CHECK VALVE/BHX2500	VAN THÔNG KHÍ/BHX2500	38.880	8%
14343	424317-1	STARTER KNOB/EBH340R	TAY CÀM/EBH340R	47.520	8%
14344	424319-7	STARTER KNOB/BHX2500	TAY CÀM KHỞI ĐỘNG/BHX2500	38.880	8%
14345	424320-2	RUBBER RING/CL104D	VÒNG ĐỆM CAO SU/CL104D	27.540	8%
14346	424336-7	FUEL TANK DAMPER/RBC411	CAO SU GIÂM CHÂN/RBC411	2.160	8%
14347	424337-5	PLUG CAP/RBC411	NẮP CHỤP BUGI/RBC411	17.280	8%
14348	424339-1	CRANK CASE SEALING/EA3201S	VÒNG ĐỆM LỖC MÁY/EA3201S	12.100	10%
14349	424340-6	INTAKE HOSE/EA3201S	CỎ CỎ XĂNG/EA3201S	95.040	8%
14350	424342-2	OIL PRESSURE LINE/EA3503S	ỐNG DẪN DẦU/EA3503S	5.400	8%
14351	424343-0	GASKET/BHX2500	VÒNG ĐỆM CAO SU/BHX2500	4.320	8%
14352	424344-8	DAMPER/EE2650H	CAO SU GIÂM CHÂN/EE2650H	2.160	8%
14353	424346-4	RUBBER RING T/VC3210L	VÒNG ĐỆM /VC3210L	109.944	8%
14354	424358-7	PACKING/CC300D	ĐỆM KÍN/CC300D	9.180	8%
14355	424359-5	DAMPER/EE2650H	CAO SU GIÂM CHÂN/EE2650H	12.960	8%
14356	424360-0	ROPE STOPPER/EB7650TH	NẮP GIỮ TAY CÀM/EB7650TH	21.600	8%
14357	424361-8	STARTER KNOB/EB7650TH	TAY CÀM/EB7650TH	108.000	8%
14358	424364-2	RUBBER WASHER 16/DHR242	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DHR242	4.644	8%
14359	424367-6	RUBBER/CL104D	VÒNG ĐỆM CAO SU/CL104D	4.644	8%
14360	424375-7	BUMPER/DTW250	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DTW250	50.436	8%
14361	424376-5	BUMPER/TD0100	GIÂM CHÂN/TD0100	18.360	8%
14362	424377-3	DAMPER/VC1310L	MIẾNG LỐT LỌC BỤI/VC1310L	256.500	8%
14363	424379-9	FRONT CUFF 24/VC1310L	CỎ TRƯỚC 22/VC1310L	68.688	8%
14364	424380-4	INSULATION COVER/DGD800	VỎ BẢO VỆ NGOÀI/DGD800	142.020	8%
14365	424381-2	INSULATION COVER/DGD801	VỎ BẢO VỆ NGOÀI/DGD801	645.732	8%
14366	424382-0	RUBBER HOLDER/DVC860L	Ổ ĐỖ CAO SU/DVC860L	32.076	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14367	424391-9	LOCK RUBBER/DLM160	CHÓT CAO SU/DLM160	9.180	8%
14368	424394-3	RUBBER RING 8/DUH523	VÒNG ĐỆM 8/DUH523	13.824	8%
14369	424396-9	RUBBER CAP/RT0700C	NÁP CAO SU/RT0700C	9.180	8%
14370	424397-7	SUCTION LINE/EK7651H	CO CỎ XĂNG/EK7651H	449.280	8%
14371	424399-3	INNER FILTER/EK7651H	TẮM NHỰA LỌC BỤI/EK7651H	133.920	8%
14372	424400-4	DAMPER PIPE/EBH340U	MIẾNG ĐỆM/EBH340U	73.440	8%
14373	424403-8	DAMPER/RBC411	HỆ THỐNG GIÀM SỐC/RBC411	154.000	10%
14374	424404-6	REAR FOOT/EK7651H	CHÂN CAO SU/EK7651H	21.600	8%
14375	424405-4	FRONT FOOT/EK7651H	CHÂN CAO SU TRƯỚC/EK7651H	30.240	8%
14376	424406-2	GROMMET/EK7651H	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK7651H	25.920	8%
14377	424407-0	RUBBER JOINT/EK7651H	KHỚP NỐI/EK7651H	13.200	10%
14378	424408-8	TANK GUARD/EK7651H	NÁP BẢO VỆ/EK7651H	38.880	8%
14379	424409-6	PLUG COVER/EK7651H	NÁP CAO SU/EK7651H	34.560	8%
14380	424410-1	RUBBER CAP/EK7651H	NÁP CHỤP/EK7651H	12.960	8%
14381	424417-7	PACKING/EK7651H	MIẾNG ĐỆM/EK7651H	35.200	10%
14382	424418-5	SEAL/EK7651H	VÒNG ĐỆM KÍN/EK7651H	95.040	8%
14383	424421-6	OIL CAP GASKET/EK7651H	RON BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EK7651H	21.600	8%
14384	424424-0	VALVE STEM SEAL/EK7651H	VÁN CHÂN BỤI/EK7651H	51.840	8%
14385	424426-6	RUBBER RING(INNER)/EK7651H	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK7651H	52.800	10%
14386	424427-4	RUBBER RING(OUTER)/EK7651H	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK7651H	47.520	8%
14387	424428-2	BUMPER/TW100D	GIÀM CHẤN/TW100D	18.360	8%
14388	424429-0	BUMPER/DTD134	NÁP CHỤP CAO SU/DTD134	41.256	8%
14389	424430-5	SEAL/DTD134	VÒNG ĐỆM KÍN/DTD134	8.800	10%
14390	424434-7	CAP 24/EE2650H	NÁP CHỤP/EE2650H	2.160	8%
14391	424436-3	POLYURETHANE SPONGE SEAL/JV0600K	VÒNG ĐỆM /JV0600K	4.644	8%
14392	424437-1	DUST COVER/JV0600K	NÁP CHÂN BỤI/JV0600K	9.180	8%
14393	424439-7	PLUG CUP/EB5300	NÁP GAI/EB5300	21.600	8%
14394	424444-4	PACKING RING/EB7650TH	MŨ CHỤP/EB7650TH	34.560	8%
14395	424446-0	DAMPER/EM3400U	GIÀM CHẤN/EM3400U	2.160	8%
14396	424456-7	FUEL LINE/EA3201S	ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU (ỐNG ĐẦU)/EA3201S	129.600	8%
14397	424457-5	DUST COVER/SG1251J	BỌC CÔNG TÁC/SG1251J	68.688	8%
14398	424466-4	PROTECTOR/JR103D	KHÓA MŨI/JR103D	18.700	10%
14399	424467-2	CAP/JR102D	NÁP CHỤP/JR102D	9.180	8%
14400	424473-7	CUSHION RUBBER/DHR242	ĐỆ GÀI/DHR242	27.540	8%
14401	424474-5	SEALING CAP/HR2651T	MIẾNG ĐỆM CAO SU/HR2651T	18.360	8%
14402	424476-1	CUSHION/DHP343	ĐỆ GÀI/DHP343	9.180	8%
14403	424479-5	RUBBER SPIKE/PJ7000	MIẾNG ĐỆM CAO SU/PJ7000	8.640	8%
14404	424485-0	BAMPER/DTP141	NÁP BẢO VỆ ĐẦU BÚA/DTP141	91.584	8%
14405	424486-8	EARTH RUBBER/DX01	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DX01	25.920	8%
14406	424491-5	GROMMET/EM3400U	MIẾNG ĐỆM BÌNH XĂNG/EM3400U	13.200	10%
14407	424492-3	CHECK VALVE/PM7650H	VÁN HÚT/PM7650H	164.160	8%
14408	424495-7	BUMPER/BTD136	NÁP CHỤP CAO SU/BTD136	100.764	8%
14409	424496-5	SEAL/DTD171	VÒNG ĐỆM/DTD171	21.600	8%
14410	424499-9	RUBBER SLEEVE 22/EK7651H	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EK7651H	34.560	8%
14411	424501-8	STARTER KNOB/EK7651H	TAY CÀM KHỎI ĐỘNG/EK7651H	267.840	8%
14412	424504-2	OIL GUARD/PM7650H	NÁP CHÂN ĐẦU/PM7650H	64.800	8%
14413	424505-0	GROMMET/EB7650TH	ĐỆ GÀI CAO SU/EB7650TH	69.120	8%
14414	424510-7	CRANK HOUSING CAP A/TM3000C	NÁP CHỤP A/TM3000C	8.640	8%
14415	424511-5	CRANK HOUSING CAP B/TM3000C	NÁP CHỤP B/TM3000C	4.320	8%
14416	424513-1	BUMPER/DTD129	GIÀM CHẤN/DTD129	9.180	8%
14417	424516-5	COLLAR/EB7650TH	VÒNG ĐỊNH VI/EB7650TH	92.400	10%
14418	424517-3	CUSHION/DDF480	ĐỆ GÀI/DDF480	9.180	8%
14419	424519-9	452031-9	NÚT CHẶN CAO SU/EA3201S	8.640	8%
14420	424522-0	PLUG CAPEA3201S	NÁP CHỤP BUGI/EA3201S	35.200	10%
14421	424523-8	WASHER/RBC413U	LÔNG ĐEN BĂNG THIỆP/RBC413U	4.400	10%
14422	424525-4	DUST COVER/PC5000C	NẮM CHÂN BỤI/PC5000C	471.744	8%
14423	424526-2	DUST COVER CAP/PC5000C	NÁP CHÂN BỤI/PC5000C	210.708	8%
14424	424528-8	SEAL/CL104D	PHỐT DẦU/CL104D	18.360	8%
14425	424529-6	CAP/DA331D	NÁP CHỤP/DA331D	4.320	8%
14426	424530-1	OIL CASE GUARD/EVH2000	CHÓT HỘP DẦU/EVH2000	22.000	10%
14427	424543-2	RUBBER RING/VC3211M	VÒNG ĐỆM CAO SU/VC3211M	476.280	8%
14428	424544-0	SEAL RING/VC3211M	VÒNG ĐỆM CAO SU/VC3211M	41.256	8%
14429	424547-4	RUBBER RING/DCG180	VÒNG ĐỆM CAO SU/DCG180	22.896	8%
14430	424549-0	INSULATION COVER/GS5000	NÁP CHỤP/GS5000	341.280	8%
14431	424550-5	BUMPER/TD091D	GIÀM CHẤN/TD091D	28.050	10%
14432	424551-3	SEAL RING/HR4002	VÒNG ĐỆM/HR4002	50.436	8%
14433	424559-7	SEAL RING B/DHR400	VÒNG ĐỆM CAO SU/DHR400	17.280	8%
14434	424560-2	HOUSING CAP/DHR400	NÁP CHỤP ĐẦU/DHR400	30.240	8%
14435	424565-2	SEAL SHEET/HR4002	RON NHÓT/HR4002	13.824	8%
14436	424566-0	SEAL RING/HR4002	VÒNG ĐỆM/HR4002	13.824	8%
14437	424567-8	RUBBER SLEEVE 24/BUR182U	MIẾNG ĐỆM CAO SU/BUR182U	32.076	8%
14438	424568-6	BUMPER/DTW280	MIẾNG ĐỆM/DTW280	73.332	8%
14439	424569-4	DUST COVER/DJV181	NÁP CHÂN BỤI/DJV181	9.180	8%
14440	424571-7	INLET PIPE/EA3601F	ĐẦU ỐNG VÀO/EA3601F	120.960	8%
14441	424572-5	AIR BOOT/EA3601F	ỐNG XA GIÓ BĂNG CAO SU CỬA MÁY CỬA XÍCH/EA3601F	151.200	8%
14442	424573-3	DUST GROMMET/EA3601F	VÒNG ĐỆM/EA3601F	30.240	8%
14443	424574-1	DUMPER STOPPER/EA3601F	CHÓT GIÀM CHẶN/EA3601F	39.600	10%
14444	424575-9	GROMMET/EA3601F	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EA3601F	14.040	8%
14445	424576-7	GROMMET/EA3601F	VÒNG ĐỆM/EA3601F	38.880	8%
14446	424577-5	SIDE STOPPER/EA3601F	CHÓT/EA3601F	8.800	10%
14447	424579-1	OIL PIPE (OUT)/EA3601F	ỐNG DẦU/EA3601F	12.960	8%
14448	424581-4	GROMMET/EA3601F	VÒNG ĐỆM/EA3601F	8.640	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14449	424582-2	DAMPER/EA3601F	GIÂM SÓC/EA3601F	8.640	8%
14450	424583-0	PLUG/EK7651H	CAO SU CHẤN BỤI/EK7651H	2.160	8%
14451	424586-4	SEAL RING/MT450	VÒNG ĐỆM CAO SU/MT450	21.600	8%
14452	424588-0	INSULATION COVER/MT450	NÁP BAO VỆ/MT450	192.348	8%
14453	424589-8	RUBBER TIRE/DPB181	DÂY CUA ROA/DPB181	27.540	8%
14454	424595-3	NEEDLE GUIDE/EA3601F40B	ĐỆM DẪN HƯỚNG/EA3601F40B	17.280	8%
14455	424597-9	RUBBER RING 23/JR105D	VÒNG ĐỆM CAO SU 23/JR105D	8.640	8%
14456	424600-6	FRONT GRIP/UC3041A	TAY CÀM/UC3041A	36.720	8%
14457	424601-4	CONNECTOR/UC3041A	DÂY GHIM ĐIỆN/UC3041A	22.896	8%
14458	424602-2	OIL TUBE/UC3041A	ỐNG CAO SU/UC3041A	27.540	8%
14459	424603-0	GROMMET/UC3041A	VÒNG ĐỆM/UC3041A	4.320	8%
14460	424605-6	RUBBER RING 19/LS002G	VÒNG ĐỆM 19/LS002G	96.228	8%
14461	424607-2	FILTER CAP/HM001G	NÁP CHỤP/HM001G	18.360	8%
14462	424608-0	SEAL RING B/HR5212C	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/HR5212C	36.720	8%
14463	424609-8	SEAL RING A/HR5212C	RON NHỚT A/HR5212C	45.792	8%
14464	424610-3	CONNECTOR A/UC4051A	ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU/UC4051A	18.360	8%
14465	424611-1	CONNECTOR B/UC4051A	ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU/UC4051A	21.600	8%
14466	424612-9	GROMMET/UC4051A	ĐỀ GAI/UC4051A	4.320	8%
14467	424614-5	SPONGE SHEET 42-42/MT941	MIỀNG MÚT/MT941	4.644	8%
14468	424615-3	DEFLECTOR/EE2650H	MIỀNG CHÂN/EE2650H	5.400	8%
14469	424617-9	INTAKE HOSE/EA3503S	ỐNG DẪN VÀO THÙNG/EA3503S	103.680	8%
14470	424618-7	PLUG/EA3503S	CAO SU CHẤN BỤI/EA3503S	2.160	8%
14471	424619-5	PLUG COVER/EB7650TH	VỎ BUGI/EB7650TH	82.080	8%
14472	424620-0	DAMPER/EB7650TH	BỘ GIÂM CHÂN/EB7650TH	2.160	8%
14473	424621-8	OIL GUARD/EB7650TH	VÒNG ĐỆM CHÂN NHỚT/EB7650TH	17.280	8%
14474	424623-4	GROMMET/EB7650TH	VÒNG ĐỆM CAO SU/EB7650TH	8.640	8%
14475	424629-2	GROMMET/DUC252	NÚT GAI CAO SU/DUC252	18.360	8%
14476	424631-5	SLEEVE/EA3503S	NÚT CAO SU/EA3503S	2.160	8%
14477	424632-3	SEAL RING B/MT860	VÒNG ĐỆM CAO SU/MT860	13.824	8%
14478	424633-1	SEAL RING A/MT860	VÒNG ĐỆM CAO SU/MT860	13.824	8%
14479	424654-3	CAP/MT660	NÁP CHỤP ĐUỐI MÁY/MT660	25.920	8%
14480	424656-9	PLUG CAP COVER/EM3400U	CAO SU CHẤN BỤI/EM3400U	2.160	8%
14481	424657-7	DAMPER/EM3400U	BỘ GIÂM CHÂN/EM3400U	2.160	8%
14482	424660-8	BRACKET DAMPER/RBC411	CAO SU GIÂM CHÂN/RBC411	2.160	8%
14483	424662-4	BUMPER/DTS141	GIÂM CHÂN/DTS141	45.792	8%
14484	424663-2	SEAL/DFS452	NHÔNG LỚN/DFS452	8.640	8%
14485	424664-0	SEAL RING/DFS452	VÒNG ĐỆM/DFS452	8.640	8%
14486	424665-8	DUST SEAL SLEEVE/DFS452	VÒNG ĐỆM/DFS452	9.350	10%
14487	424677-1	INSULATION COVER/JR3035	VỎ CÁCH ĐIỆN/JR3035	375.840	8%
14488	424678-9	RUBBER RING 25/EB7650TH	VÒNG ĐỆM CAO SU/EB7650TH	21.600	8%
14489	424684-4	SPONGE 7X87X3/BO4555	NÁP CHẤN BỤI 6 X 185 X 3/BO4555	4.644	8%
14490	424685-2	RUBBER RING 60/DVC860L	VÒNG ĐỆM CAO SU 60/DVC860L	27.540	8%
14491	424686-0	RUBBER RING 120/DVC860L	VÒNG ĐỆM CAO SU 120/DVC860L	128.304	8%
14492	424687-8	SUPPORT RING/DVC860L	NÁP ĐỆM CAO SU/DVC860L	64.152	8%
14493	424688-6	TOP DAMPER/DVC860L	MIỀNG ĐỆM GIÂM CHÂN/DVC860L	59.616	8%
14494	424689-4	FRONT DAMPER/DVC860L	MIỀNG ĐỆM GIÂM CHÂN/DVC860L	13.824	8%
14495	424690-9	REAR BLOCK FILTER/DVC860L	TÚI LỌC/DVC860L	13.824	8%
14496	424691-7	BAND DAMPER/DVC860L	TẮM GIÂM CHÂN/DVC860L	64.152	8%
14497	424696-7	RUBBER GROMMET/EK8100	NÚT CAO SU/EK8100	2.160	8%
14498	424697-5	PACKING RING/EK8100WS	VÒNG ĐỆM/EK8100WS	21.600	8%
14499	424698-3	TUBE 3-120/EK8100	ỐNG CAO SU 3-120/EK8100	2.160	8%
14500	424700-2	PRE-FILTER/EK8100	MIỀNG LỌC/EK8100	90.720	8%
14501	424701-0	AIR FILTER/EK8100	BỘ LỌC KHÍ/EK8100	246.240	8%
14502	424703-6	DEKO COVER/EK8100	NÚT CAO SU/EK8100	43.200	8%
14503	424705-2	INNER FILTER/EK8100	BỘ LỌC BỤI/EK8100	69.120	8%
14504	424706-0	PLUG CAP/EK8100	CHỤP BUGI/EK8100	73.440	8%
14505	424708-6	INTAKE HOSE/EK8100	CỎ CỎ XĂNG/EK8100	324.000	8%
14506	424709-4	ADJUST GUIDE/EK8100WS	ỐNG DẪN VÍT ĐIỀU CHỈNH/EK8100WS	21.600	8%
14507	424710-9	INSULATION TUBE/EK8100	ỐNG LỐT/EK8100	2.160	8%
14508	424711-7	V-BELT/EK8100	DÂY CUA ROA/EK8100	708.480	8%
14509	424715-9	GASKET/DCS551	VÒNG ĐỆM/DCS551	27.540	8%
14510	424721-4	RUBBER RING 115/DUP362	VÒNG ĐỆM CAO SU 115/DUP362	87.048	8%
14511	424722-2	FITTING RUBBER/HR2651T	MIỀNG ĐỆM CAO SU/HR2651T	27.540	8%
14512	424723-0	FUEL LINE/EK8100	ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU/EK8100	362.880	8%
14513	424736-1	SPONGE/DPB181	ĐỆM XÓP/DPB181	9.180	8%
14514	424737-9	BUMPER/TD110D	GIÂM CHÂN/TD110D	13.824	8%
14515	424738-7	BUMPER/DTDI52	GIÂM CHÂN/DTDI52	9.180	8%
14516	424747-6	RUBBER GUARD/BO6050	VÒNG ĐỆM/BO6050	96.228	8%
14517	424748-4	BRAKE RING/BO6050	KHỚP NHÔNG/BO6050	56.160	8%
14518	424750-7	PLUG CAP/EA4301F	NÁP CHỤP BUGI/EA4301F	5.400	8%
14519	424752-3	PACKING RING/EA4301F	ĐỆM CAO SU/EA4301F	2.160	8%
14520	424753-1	INTAKE HOSE/EA4301F	CỎ XĂNG/EA4301F	17.280	8%
14521	424754-9	TUBE 2.5-55/EA4301F	ỐNG DẪN XĂNG 2.5-55/EA4301F	2.160	8%
14522	424755-7	TUBE 2.5-93/EA4301F	ỐNG DẪN XĂNG 2.5-93/EA4301F	4.320	8%
14523	424756-5	TUBE 2.5-118/EA4301F	ỐNG DẪN XĂNG 2.5-118/EA4301F	4.320	8%
14524	424757-3	TUBE 3.0-93/EA4301F	ỐNG DẪN XĂNG 3.0-93/EA4301F	4.320	8%
14525	424759-9	ISOLATING TUBE 6-30/EA4301F	ỐNG CAO SU 6-30/EA4301F	2.160	8%
14526	424760-4	BLIND PACKING/PM7650H	LONG ĐÈN SẮT/PM7650H	21.600	8%
14527	424762-0	RUBBER RING/DJR186	VÒNG ĐỆM CAO SU/DJR186	9.180	8%
14528	424763-8	PROTECTOR/DJR186	KHÓA MŨI/DJR186	13.824	8%
14529	424764-6	SEAL RING/DJR186	ROAN/DJR186	13.824	8%
14530	424765-4	INSULATION COVER/DJR187	VỎ CÁCH ĐIỆN/DJR187	297.648	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14531	424767-0	INSULATION COVER B/DJR360	VỎ BỌC CAO SU THẦN MÁY/DJR360	341.280	8%
14532	424768-8	INSULATION COVER/DJR186	VỎ CÁCH ĐIỆN/DJR186	338.904	8%
14533	424774-3	SWITCH COVER/TW007G	BẢO VỆ CÔNG TẮC/TW007G	13.824	8%
14534	424776-9	BUMPER/DTD149	GIAM CHẤN/DTD149	32.076	8%
14535	424777-7	SUCTION PIPE/EK6101	ỐNG HÚT/EK6101	30.240	8%
14536	424778-5	SUCTION HOSE/EK6101	LONG ĐẾN/EK6101	138.240	8%
14537	424781-6	RUBBER FOOT/EK6101	CHÂN CAO SU/EK6101	21.600	8%
14538	424783-2	VITON TUBE L=40mm/EK6101	ỐNG CAO SU/EK6101	17.280	8%
14539	424784-0	VITON TUBE L=84mm/EK6101	ỐNG CAO SU/EK6101	21.600	8%
14540	424785-8	VITON TUBE L=122mm/EK6101	ỐNG CAO SU/EK6101	30.240	8%
14541	424786-6	VITON TUBE L=200mm/EK6101	ỐNG CAO SU/EK6101	51.840	8%
14542	424787-4	TUBE. VITON 10X6 L=82MM/EK6101	ỐNG CAO SU/EK6101	116.640	8%
14543	424788-2	DAMPER/EK6101	CAO SU GIAM CHẤN/EK6101	12.960	8%
14544	424789-0	AIR FILTER/EK6101	LỌC GIÓ/EK6101	138.240	8%
14545	424790-5	INNER FILTER/EK6101	LỌC GIÓ/EK6101	73.440	8%
14546	424791-3	WATER FILTER/EK6101	LỌC NƯỚC/EK6101	5.400	8%
14547	424792-1	SLIDING DISK/EK6101	VÒNG ĐỆM/EK6101	22.000	10%
14548	424793-9	RUBBER RING OUTSIDE/EK6101	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK6101	30.240	8%
14549	424794-7	RUBBER RING INSIDE/EK6101	VÒNG ĐỆM CAO SU/EK6101	30.240	8%
14550	424795-5	IMPULSE LINE/EK6101	ỐNG DẪN CAO SU/EK6101	60.480	8%
14551	424796-3	STOPPER/EK6101	CAO SU GIAM CHẤN/EK6101	2.160	8%
14552	424797-1	STARTER ROPE D=4.0 L=1000/EK6101	DÂY KHÔI ĐỘNG D=4.0 L=1000/EK6101	11.880	8%
14553	424799-7	POLY-V-BELT 6PJ 716 ELAST/EK6101	DÂY CUA ROA/EK6101	544.320	8%
14554	424804-0	SUPONGE SHEET 76-110/CL104D	MIẾNG MÚT CHẤN BUI/CL104D	13.824	8%
14555	424823-6	PIPE/EB7660TH	ỐNG CAO SU/EB7660TH	38.880	8%
14556	424824-4	RUBBER SHEET/DLM431	TẤM ĐỆM/DLM431	99.360	8%
14557	424827-8	USB COVER/DFL651F	NÁP BẢO VỆ USB/DFL651F	146.556	8%
14558	424828-6	BUMPER/DTD170	GIAM CHẤN/DTD170	32.076	8%
14559	424830-9	CARBURETOR GASKET/EB7660TH	MIẾNG LỐT BỘ CHẾ/EB7660TH	61.600	10%
14560	424831-7	INSULATOR SEAL/EB7650TH	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EB7650TH	47.520	8%
14561	424833-3	SPACER/TM30D	NÁP CHỤP CÔNG TẮC/TM30D	8.640	8%
14562	424834-1	BAND DAMPER A/DVC260	VỎ MÁY A/DVC260	13.824	8%
14563	424835-9	BAND DAMPER B/DVC260	VỎ MÁY B/DVC260	13.824	8%
14564	424836-7	SEAL/DVC260	ROAN/DVC260	68.688	8%
14565	424837-5	SUPPORT A/DVC260	NÁP CHẤN MOTOR/DVC260	41.256	8%
14566	424838-3	REAR BLOCK FILTER/DVC260	TÚI LỌC/DVC260	9.180	8%
14567	424852-9	RUBBER CUSHION/HW1300	MIẾNG ĐỆM CAO SU/HW1300	25.920	8%
14568	424856-1	SCREEN SPONGE F/HW1300	THÀNH GIỮ/HW1300	60.480	8%
14569	424858-7	FELT 16X16/DJR186	MIẾNG ĐỆM/DJR186	4.730	10%
14570	424859-5	CUSHION/TM30D	MIẾNG ĐỆM/TM30D	4.320	8%
14571	424860-0	SWITCH COVER/TM30D	VỎ CÔNG TẮC/TM30D	9.180	8%
14572	424869-2	HOSE COVER/HW1300	VỎ ỐNG/HW1300	51.840	8%
14573	424870-7	GUARD/DLS600	TẤM BẢO VỆ/DLS600	23.320	10%
14574	424872-3	CRANK CASE SEALING/EA3201S	VÒNG ĐỆM LỐC MÁY/EA3201S	64.800	8%
14575	424873-1	BUMPER/DTD154	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DTD154	13.824	8%
14576	424888-8	BUMPER/DTD153	VÒNG ĐỆM CAO SU/DTD153	9.180	8%
14577	424890-1	SWITCH COVER/DTW181	NÁP CHỤP CÔNG TẮC/DTW181	13.824	8%
14578	424891-9	PUMP CUSHION/DVF154	ĐỆM GIAM CHẤN/DVF154	12.960	8%
14579	424896-9	AIR CLEANER ELEMENT/EB5300TH	LỌC GIÓ/EB5300TH	90.720	8%
14580	424897-7	RUBBER PLATE/EB5300	TẤM ĐỆM/EB5300	8.640	8%
14581	424898-5	FUEL SUCTION LINE/EB5300TH	ỐNG DẪN XĂNG/EB5300TH	112.320	8%
14582	424899-3	INSULATOR SEAL/EB5300TH	MIẾNG ĐỆM CAO SU/EB5300TH	4.320	8%
14583	424900-4	FUEL TUBE 3-85/EB5300	ỐNG DẪN 3-85/EB5300	12.960	8%
14584	424901-2	OIL TUBE 5-195/EB5300	ỐNG DẪN NHỚT 5-195/EB5300	30.240	8%
14585	424902-0	FELT 16X16/DJR360	MIẾNG ĐỆM/DJR360	4.730	10%
14586	424903-8	CONNECTOR A/DUC353	ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU/DUC353	96.228	8%
14587	424904-6	CONNECTOR B/DUC353	ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU/DUC353	91.584	8%
14588	424907-0	BUMPER/TD111D/TD111D	GIAM CHẤN/TD111D	32.076	8%
14589	424909-6	PLUG COVER/EB5300TH	NÁP CHỤP BURI/EB5300TH	5.400	8%
14590	424912-7	SEAL/CL107FD	VÒNG ĐỆM CAO SU/CL107FD	27.540	8%
14591	424913-5	SPONGE SHEET 35-70/CL106FD	MIẾNG LỌC BUI/CL106FD	4.644	8%
14592	424914-3	BUMPER/DTD155	VỎ CHỤP ĐẦU MÁY/DTD155	18.360	8%
14593	424928-2	SEAL RING/DFS250	VÒNG ĐỆM/DFS250	8.640	8%
14594	424937-1	CHECK VALVE/BHX2500	VÁN ĐIỀU CHỈNH/BHX2500	21.600	8%
14595	424938-9	CHECK VALVE/BHX2500	VÁN THÔNG KHÍ/BHX2500	38.880	8%
14596	424942-8	DAMPER/DUX60	MIẾNG CAO SU GIAM CHẤN/DUX60	27.540	8%
14597	424951-7	BELLOWS/HR1841F	VÒNG ĐỆM/HR1841F	36.720	8%
14598	424954-1	COUNTER CUSHION/DPT353	MIẾNG ĐỆM/DPT353	14.080	10%
14599	424958-3	SPONGE SEAL/UH3502	MIẾNG LỌC ĐẦU/UH3502	4.644	8%
14600	424977-9	RING 25 BRACK/DFT085F	VÒNG ĐỆM/DFT085F	42.020	10%
14601	424978-7	BUMPER/DTW1001	NÁP BẢO VỆ ĐẦU BÚA/DTW1001	77.868	8%
14602	424980-0	CAP/DVC864L	NÁP CHỤP/DVC864L	27.540	8%
14603	424981-8	SPACER/DVC864L	MIẾNG ĐỆM/DVC864L	59.616	8%
14604	441075-4	REEL/EB7650TH	CỤM GIẶT/EB7650TH	164.160	8%
14605	442033-3	PACKING/4107R	VÒNG ĐỆM CHÔNG THÂM/4107R	18.360	8%
14606	442123-2	PACKING/4304	RON CAO SU ĐỆM/4304	18.360	8%
14607	442124-0	GASKET/9069	VÒNG ĐỆM CHÔNG THÂM/9069	17.280	8%
14608	442137-1	GASKET/6952	TẤM ĐỆM/6952	32.670	10%
14609	442138-9	PACKING/4350CT	MIẾNG ĐỆM/4350CT	23.320	10%
14610	442139-7	HOLDER SEAL/HM1306	RON BÌNH ĐẦU/HM1306	22.896	8%
14611	442145-2	PACKING/MT430	RON CAO SU ĐỆM/MT430	54.972	8%
14612	442147-8	GASKET/LS1016	MIẾNG ĐỆM/LS1016	45.792	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14613	442149-4	GASKET/FS2500	RON HỘP NHÔNG/FS2500	41.256	8%
14614	442150-9	GASKET/DJS161	MIẾNG ĐỆM CHỐNG THẨM/DJS161	25.920	8%
14615	442152-5	GASKET/DLS600	MIẾNG ĐỆM/DLS600	27.540	8%
14616	442153-3	CARBURETOR GASKET/EE2650H	MIẾNG LỐT BỘ CHẾ/EE2650H	2.200	10%
14617	442154-1	METERING DIAPHRAGM GASKET/BHX2500	MANG XĂNG/BHX2500	47.520	8%
14618	442155-9	PUMP GASKET/BHX2500	MANG NHIP/BHX2500	34.560	8%
14619	442156-7	CYLINDER GASKET/RBC411	ĐỆM XY LẠNH/RBC411	26.400	10%
14620	442157-5	CRANKCASE GASKET/RBC411	VÒNG ĐỆM CHỐNG THẨM/RBC411	12.960	8%
14621	442158-3	INSULATOR GASKET/RBC411	MIẾNG ĐỆM CAO SU/RBC411	8.640	8%
14622	442159-1	CARBURETOR GASKET/RBC411	MIẾNG LỐT BỘ CHẾ/RBC411	8.640	8%
14623	442160-6	LEAD VALVE GASKET/RBC411	MIẾNG ĐỆM CAO SU/RBC411	8.640	8%
14624	442162-2	GASKET/RBC411	RON XĂNG/RBC411	2.160	8%
14625	442163-0	GASKET/RBC411	MIẾNG ĐỆM KHÓA/RBC411	30.800	10%
14626	442165-6	AIR FILTER/EK7651H	LỌC GIÓ/EK7651H	285.120	8%
14627	442166-4	CARBURETOR GASKET/EK7651H	MIẾNG LỐT BỘ CHẾ/EK7651H	8.640	8%
14628	442167-2	CYLINDER HEAD GASKET/EB7650TH	MIẾNG ĐỆM XILANH/EB7650TH	79.200	10%
14629	442169-8	SLIDING DISC/EK7651H	VÒNG ĐỆM/EK7651H	34.560	8%
14630	442172-9	PUMP GASKET/DCS232T	MANG XĂNG/DCS232T	47.520	8%
14631	442177-9	GASKET AIR CLEANER/EM3400U	MIẾNG LỐT BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EM3400U	8.640	8%
14632	442183-4	METERING DIAPHRAGM GASKET/DCS232T	RON XĂNG/DCS232T	30.240	8%
14633	442185-0	GASKET/JS1602	MIẾNG ĐỆM/JS1602	32.076	8%
14634	442186-8	GASKET/JN3201	MIẾNG ĐỆM/JN3201	54.972	8%
14635	442189-2	INSULATOR GASKET/RBC413U	RON BÌNH XĂNG/RBC413U	12.960	8%
14636	442190-7	CARBURETOR GASKET/RBC413U	ĐỆM CÁCH ĐIỆN/RBC413U	17.280	8%
14637	442195-7	GASKET/DJV181	ĐỆM LỐT/DJV181	42.020	10%
14638	442198-1	ANTI CORROSION PAPER/KP0800	GIẤY CHỐNG THẨM/KP0800	8.640	8%
14639	442202-6	ANTI CORROSION PAPER/1804N	NÁP THÙNG MÂY BĂNG GIẤY/1804N	8.640	8%
14640	442206-8	CARBURETOR GASKET/EB7650TH	MIẾNG LỐT BỘ CHẾ/EB7650TH	60.720	10%
14641	442207-6	GASKET/MT660	RON HỘP NHÔNG/MT660	59.616	8%
14642	442208-4	CYLINDER GASKET/EM3400U	ĐỆM XY LẠNH/EM3400U	21.600	8%
14643	442209-2	CRANK CASE GASKET/EM3400U	VÒNG ĐỆM XILANH/EM3400U	12.960	8%
14644	442210-7	INSULATOR GASKET/EM3400U	ĐỆM CÁCH ĐIỆN/EM3400U	8.640	8%
14645	443034-4	FELT RING 18/9500NB	LONG ĐÈN/9500NB	9.180	8%
14646	443073-4	FELT/FP0900	MIẾNG NI/FP0900	4.644	8%
14647	443074-2	FELT/FP0900	MIẾNG NI/FP0900	9.180	8%
14648	443101-5	FELT RING/DVR450Z	VÒNG ĐỆM/DVR450Z	14.080	10%
14649	443103-1	FELT RING 6/LH1040	VÒNG ĐỆM 6/LH1040	9.180	8%
14650	443106-5	FELT 10X20/4304	TẤM NI NGĂN BỤI 10X20/4304	9.180	8%
14651	443108-1	FELT 6X225X3/BO4901	TẤM NI/BO4901	50.436	8%
14652	443118-8	AIR FILTER/DCS232T	LỌC GIÓ/DCS232T	34.560	8%
14653	443122-7	CLOTH/DHR263	KHĂN/DHR263	87.048	8%
14654	443123-5	FELT 4X3/DHR165	VÒNG ĐỆM (PHỐT)/DHR165	4.644	8%
14655	443124-3	FELT RING 17/GA4040	LONG ĐÈN/GA4040	9.180	8%
14656	443126-9	FELT/HR2230	TẤM NI/HR2230	4.644	8%
14657	443127-7	FILTER/HM1203C	LỌC GIÓ/HM1203C	18.360	8%
14658	443129-3	FILTER/HM0870C	LỌC GIÓ/HM0870C	13.824	8%
14659	443137-4	FELT/CA5000X	TẤM NI/CA5000X	8.640	8%
14660	443138-2	FILTER/HR3200C	LỌC GIÓ/HR3200C	4.644	8%
14661	443140-5	AIR CLEANER ELEMENT/BHX2500	BỘ LỌC GIÓ/BHX2500	12.960	8%
14662	443141-3	AIR CLEANER ELEMENT/BHX2500	BỘ LỌC GIÓ/BHX2500	17.280	8%
14663	443143-9	FILTER/DHR263	ĐẦU LỌC/DHR263	14.080	10%
14664	443146-3	FELT RING 8/EM3400U	VÒNG ĐỆM/EM3400U	13.200	10%
14665	443147-1	FILTER/HM1214C	NÁP CHỤP/HM1214C	43.200	8%
14666	443153-6	FELT/DHR242	TẤM NI/DHR242	9.180	8%
14667	443157-8	AIR FILTER/EH6000W	LỌC GIÓ/EH6000W	17.280	8%
14668	443158-6	AIR FILTER/EH6000W	LỌC GIÓ/EH6000W	21.600	8%
14669	443159-4	SEAL/EN410MP	MIẾNG ĐỆM/EN410MP	50.436	8%
14670	443161-7	ELEMENT/RBC411	MÚT LỌC GIÓ/RBC411	8.640	8%
14671	443162-5	AIR CLEANER ELEMENT/RBC411	MÚT LỌC GIÓ/RBC411	12.960	8%
14672	443169-1	AIR CLEANER ELEMENT/EE2650H	LỌC GIÓ/EE2650H	64.800	8%
14673	443170-6	FELT/EE2650H	BẠC ĐỆM/EE2650H	2.200	10%
14674	443171-4	AIR CLEANER ELEMENT/EE2650H	MÚT LỌC GIÓ/EE2650H	12.960	8%
14675	443180-3	AIR FILTER/RBC413U	MÚT LỌC GIÓ/RBC413U	69.120	8%
14676	443185-3	FELT SEAL/JR105D	MIẾNG ĐỆM/JR105D	9.180	8%
14677	443193-4	INSULATION LABEL D/PM7650H	NHÂN DÁN/PM7650H	4.320	8%
14678	444018-5	STARTER ROPE/EBH340R	CUỘN DÂY GIẶT/EBH340R	56.160	8%
14679	444019-3	STARTER ROPE/BHX2500	GIẤY GIẶT/BHX2500	21.600	8%
14680	444020-8	STARTER ROPE/EVH2000	DÂY KHÔI ĐỘNG/EVH2000	25.920	8%
14681	444021-6	TUBE/EE2650H	ỐNG CAO SU/EE2650H	17.280	8%
14682	444023-2	STARTER ROPE/EE2650H	GIẤY GIẶT/EE2650H	21.600	8%
14683	444027-4	STARTER ROPE/EM4350UH	DÂY KHÔI ĐỘNG/EM4350UH	112.320	8%
14684	444038-9	STARTER ROPE/EA3503S	DÂY KHÔI ĐỘNG/EA3503S	4.320	8%
14685	444040-2	BEARING HOLDER/EK7651H	NÁP CHỤP KHÔI ĐỘNG/EK7651H	31.320	8%
14686	444042-8	ISOLATING TUBE 6-80/EA3201S	ỐNG CAO SU 6-80/EA3201S	2.160	8%
14687	444043-6	STARTER ROPE/EB7650TH	DÂY KHÔI ĐỘNG/EB7650TH	47.520	8%
14688	450024-0	SLIDE SLEEVE/HR4511C	NÔNG THÉP/HR4511C	151.200	8%
14689	450025-8	PISTON/HR4511C	PISTON/HR4511C	174.096	8%
14690	450026-6	CONNECTING ROD/HR4511C	TAY ĐÈN/HR4511C	105.408	8%
14691	450067-2	BASE/BO4555	ĐÈ MÂY CHÀ NHÂM/BO4555	77.868	8%
14692	450068-0	BASE/BO4565	ĐÈ MÂY CHÀ NHÂM/BO4565	77.868	8%
14693	450069-8	FAN GUIDE/BO4555	NÁP DÀN QUẠT GIÓ/BO4555	45.792	8%
14694	450070-3	BEARING BOX/BO4555	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/BO4555	54.972	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14695	450071-1	TOP COVER/BO4555	NÁP CHỤP/BO4555	87.048	8%
14696	450072-9	MOTOR HOUSING/BO4555	VỎ MÁY/BO4555	210.708	8%
14697	450098-1	SLIDE SLEEVE/HM0870C	ÔNG TRƯỢT/HM0870C	22.896	8%
14698	450125-4	SWITCH LEVER/TL064D	GAT CÔNG TÁC/TL064D	50.436	8%
14699	450126-2	FR CHANGE LEVER/TL064D	KHÓA GAT/TL064D	36.720	8%
14700	450138-5	SLIDE PLATE/DLS600	VÒNG ĐỆM BÀN XOAY/DLS600	111.980	10%
14701	450179-1	CAP/DP4010	NÁP ĐẬY/DP4010	36.720	8%
14702	450184-8	LENS/PC5000C	NÁP ĐÈN/PC5000C	13.824	8%
14703	450189-8	SPACER A/PC5000C	ĐỆM TAY CẮM/PC5000C	13.824	8%
14704	450190-3	SPACER B/PC5000C	ĐỆM TAY CẮM/PC5000C	13.824	8%
14705	450230-7	CRANK/UC3020A	TRỤC BƠM NHỚT/UC3020A	18.360	8%
14706	450235-7	CONNECTING ROD/HR3200C	TAY ĐÉN/HR3200C	96.228	8%
14707	450236-5	LOCK SLEEVE/HR3200C	VÒNG KHÓA BĂNG NHỰA/HR3200C	45.792	8%
14708	450237-3	CAP HOLDER/HR3200C	NÁP CHỤP/HR3200C	36.720	8%
14709	450238-1	FILTER CAP/HR3200C	NÁP LỌC GIÓ/HR3200C	27.540	8%
14710	450239-9	SPRING GUIDE/HR3210C	CHỐT/HR3210C	14.080	10%
14711	450240-4	LENS/HR3200C	NÁP ĐÈN/HR3200C	32.076	8%
14712	450241-2	CRANK CAP/HR3200C	NÁP ĐẦU/HR3200C	82.512	8%
14713	450243-8	SLIDE SLEEVE/HR3200C	VÒNG CHỤP/HR3200C	51.370	10%
14714	450244-6	CRANK GEAR/HR3200C	TRỤC NHÔNG/HR3200C	41.256	8%
14715	450245-4	CHUCK COVER/HR3200C	VÒNG GAI/HR3200C	59.616	8%
14716	450246-2	CORD CLAMP BASE/HR3200C	ĐẼ GAI/HR3200C	54.972	8%
14717	450248-8	PIPE HOLDER/HR3210C	TAY NÁP/HR3210C	36.720	8%
14718	450249-6	CHANGE LEVER/HR3200C	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR3200C	79.310	10%
14719	450250-1	LOCK BUTTON/HR3200C	NÚT KHÓA/HR3200C	45.792	8%
14720	450251-9	BAFFLE PLATE/HR3200C	NÁP CHẮN GIÓ/HR3200C	59.616	8%
14721	450252-7	MOTOR HOUSING/HR3200C	VỎ MÁY/HR3200C	563.328	8%
14722	450253-5	REAR COVER/HR3200C	VỎ ĐUÔI MÁY/HR3200C	151.200	8%
14723	450254-3	CRANK HOUSING COVER/HR3210C	Ố NHỒM/HR3210C	209.880	10%
14724	450255-1	HANDLE BASE/HR3210C	ĐẼ TAY CẮM/HR3210C	352.620	8%
14725	450256-9	HANDLE/HR3210C	TAY CẮM/HR3210C	155.736	8%
14726	450257-7	HANDLE COVER/HR3200C	TAY CẮM/HR3200C	329.724	8%
14727	450261-6	CRANK HOUSING COVER/HR3200C	VỎ NHỰA BẢO VỆ/HR3200C	265.680	8%
14728	450262-4	HANDLE/HR3200C	TAY CẮM/HR3200C	398.412	8%
14729	450274-7	CHANGE RING/DHK180	VÒNG ĐỆM/DHK180	64.152	8%
14730	450275-5	CHUCK COVER/DHK180	NÁP CHỤP/DHK180	59.616	8%
14731	450278-9	CONNECTING ROD/DHK180	TAY BIÊN/DHK180	36.720	8%
14732	450298-3	PISTON/DHK180	PISTON/DHK180	77.868	8%
14733	450332-9	SIDE GRIP BASE 66/HR4030C	ĐẼ TAY CẮM/HR4030C	842.616	8%
14734	450347-6	CAP/HM1810	NÁP CHẠM NHIÊN LIỆU/HM1810	128.304	8%
14735	450352-3	SHOULDER SLEEVE 6/HM0871C	VÒNG ĐỆM/HM0871C	13.824	8%
14736	450386-6	MOTOR BRACKET/DSC191	ĐẼ GAI MOTOR/DSC191	18.360	8%
14737	450427-8	LINK LEVER/HR4002	CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4002	14.080	10%
14738	450428-6	CHANGE LEVER/HR4002	CÁN GAT CHUYỂN ĐỔI/HR4002	23.320	10%
14739	450455-3	TOP COVER/MT921	NÁP CHỤP TRÊN CHÀ NHÂM/MT921	68.688	8%
14740	450457-9	BEARING BOX/MT921	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/MT921	68.688	8%
14741	450458-7	BASE/MT921	ĐẼ MÂY CHÀ NHÂM/MT921	137.376	8%
14742	450463-4	MOTOR HOUSING/BO4557	VỎ MÁY/BO4557	196.992	8%
14743	450464-2	BEARING BOX/BO4557	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/BO4557	68.688	8%
14744	450504-6	F/R CHANGE LEVER/DF030D	NÚT CHUYỂN/DF030D	9.180	8%
14745	450521-6	INLET/CL104D	ÔNG NỐI/CL104D	22.896	8%
14746	450522-4	LENS/CL104D	ÔNG KÍNH/CL104D	4.644	8%
14747	450532-1	INLET/CL104D	ÔNG NỐI/CL104D	22.896	8%
14748	450553-3	CHANGE LEVER/DF010D	CÁN GAT/DF010D	14.080	10%
14749	450558-3	CHANGE RING/DF012D	VÒNG ĐỆM/DF012D	48.400	10%
14750	450559-1	INSULATOR/EM2550UH	Miếng ĐỆM DẪN NHIÊN LIỆU/EM2550UH	47.520	8%
14751	450560-6	CHOKE PLATE/BHX2500	CÁN GAT GIÓ/BHX2500	12.960	8%
14752	450561-4	AIR CLEANER COVER/BHX2500	NÁP LỌC GIÓ/BHX2500	12.960	8%
14753	450562-2	CLAMP/EBH340R	NẸP NHỰA/EBH340R	8.640	8%
14754	450564-8	CYLINDER COVER/EM2550UH	VỎ NHỰA/EM2550UH	138.240	8%
14755	450565-6	OIL GAUGE/EBH340R	THĂM DẦU/EBH340R	12.960	8%
14756	450566-4	FUEL TANK/EM2550UH	BÌNH CHỨA XĂNG/EM2550UH	116.640	8%
14757	450568-0	PLUG COVER/EVH2000	NÁP CHỤP BURI/EVH2000	47.520	8%
14758	450569-8	SPACER/EE2650H	BẠC THAU/EE2650H	12.960	8%
14759	450584-2	F/R CHANGE LEVER/6261DWE	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/6261DWE	9.180	8%
14760	450590-7	SLIDE PLATE/DF010D	THÀNH TRƯỢT/DF010D	13.824	8%
14761	450608-4	SWITCH LAVER/DDA340	NÚT CÔNG TÁC/DDA340	54.972	8%
14762	450609-2	LINK/DDA340	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/DDA340	27.540	8%
14763	450610-7	F/R CHANGE LEVER/DA331D	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DA331D	22.896	8%
14764	450615-7	F/R CHANGE LEVER/DHR202	NÚT CHUYỂN ĐỔI CHẾ ĐỘ/DHR202	9.350	10%
14765	450619-9	GEAR HOUSING/HP1630	HỘP NHÔNG/HP1630	45.792	8%
14766	450620-4	BAFFLE PLATE/HP1630	NÁP CHẮN GIÓ/HP1630	9.180	8%
14767	450621-2	LEVER CASE/HP1630	NÚT CÔNG TÁC/HP1630	9.180	8%
14768	450653-9	GUARD/EM2550UH	CHỤP ĐẦU BƠ/EM2550UH	22.000	10%
14769	450665-2	TOP COVER/MT372	NÁP CHỤP TRÊN MÁY/MT372	21.600	8%
14770	450672-5	BRACKET/MT922	NÁP ĐẬY/MT922	27.540	8%
14771	450688-0	KEY HOLDER/DDA350	VÒNG KHÓA/DDA350	69.960	10%
14772	450704-8	DIAL 27/HS003G	MẮT CHIA ĐỘ 27/HS003G	18.360	8%
14773	450794-1	REAR COVER/GA4030	CHỤP SAU/GA4030	45.792	8%
14774	450795-9	MOTOR HOUSING/GA4030	VỎ MÁY/GA4030	114.480	8%
14775	450796-7	BAFFLE PLATE/GA4030	NÁP CHẮN GIÓ/GA4030	9.180	8%
14776	450797-5	SWITCH LEVER/GA4030	CÔNG TÁC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/GA4030	9.180	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14777	450811-7	LABYRINTH RING/MT960	VÒNG ĐỆM/MT960	9.350	10%
14778	450812-5	REAR COVER/MT960	VỎ ĐUÔI MÁY/MT960	41.256	8%
14779	450814-1	REAR HOUSING/MT960	VỎ ĐUÔI MÁY/MT960	32.076	8%
14780	450819-1	BASE PLATE/ RP0900	TÂM LỘT BÀN ĐỀ /RP0900	79.310	10%
14781	450820-6	CHIP DEFLECTOR/ RP0900	TÂM CHÂN/ RP0900	18.360	8%
14782	450821-4	LEVER 47/ RP0900	CÀN KHÓA/ RP0900	9.180	8%
14783	450838-7	HANDLE COVER/4100KB	TAY CÀM/4100KB	125.280	8%
14784	450839-5	BUFFLE PLATE/4100KB	TÂM CHÂN GIÓ/4100KB	8.640	8%
14785	450869-6	TOP COVER/MT922	NẮP CHỤP TRÊN CHÀ NHÂM/MT922	45.792	8%
14786	450877-7	MOTOR HOUSING S/FS2500	VỎ MÁY/FS2500	129.600	8%
14787	450880-8	BAFFLE PLATE/FS2500	NẮP CHÂN GIÓ/FS2500	9.180	8%
14788	450884-0	MOTOR HOUSING S2/FS4000	VỎ MÁY S2/FS4000	132.840	8%
14789	450889-0	ONE WAY VALVE GUIDE/HM1203C	VAN 1 CHIỀU/HM1203C	13.824	8%
14790	450890-5	CONNECTING ROD/HM1203C	TAY ĐÈN/HM1203C	183.168	8%
14791	450891-3	LEVER STOPPER/HM1203C	NÚT CỒNG TẮC/HM1203C	13.824	8%
14792	450892-1	AIR PIPE/HM1213C	THANH DÀN/HM1213C	13.824	8%
14793	450893-9	CHANGE RING COVER/HM1203C	VÒNG ĐỆM/HM1203C	59.616	8%
14794	450894-7	CHUCK COVER/HM1203C	ĐẦU KHOAN/HM1203C	50.436	8%
14795	450895-5	RELEASE COVER/HM1203C	LỖP VỎ TÁN NHIỆT/HM1203C	68.688	8%
14796	450896-3	SLIDE LEVER/HM1213C	NÚT KHÓA/HM1213C	27.540	8%
14797	450897-1	SLIDE LEVER/HM1203C	NÚT KHÓA/HM1203C	22.896	8%
14798	450898-9	CRANK CAP/HM1203C	NẮP ĐẦU/HM1203C	45.792	8%
14799	450899-7	CRANK CAP COVER/HM1203C	NẮP CHỤP BÌNH ĐẦU/HM1203C	32.076	8%
14800	450900-8	BAFFLE PLATE/HM1203C	NẮP CHÂN GIÓ/HM1203C	27.540	8%
14801	450901-6	REAR COVER/HM1203C	NẮP NHỰA CHỤP ĐUÔI/HM1203C	105.408	8%
14802	450902-4	HOUSING COVER/HM1213C	VỎ MÁY/HM1213C	238.140	8%
14803	450903-2	HOUSING COVER/HM1203C	VỎ MÁY/HM1203C	224.424	8%
14804	450904-0	MOTOR HOUSING/HM1203C	VỎ MOTOR/HM1203C	393.876	8%
14805	450905-8	HANDLE BASE/HM1213C	BỘ TAY CÀM/HM1213C	283.932	8%
14806	450906-6	HANDLE/HM1213C	TAY CÀM/HM1213C	242.784	8%
14807	450907-4	HANDLE/HM1203C	TAY CÀM/HM1203C	425.952	8%
14808	450908-2	HANDLE COVER/HM1203C	TAY CÀM/HM1203C	169.452	8%
14809	450926-0	STOPPER CASE/EA4301F	KHAY CHẮN CHỐT PHANH XÍCH/EA4301F	2.160	8%
14810	450933-3	BAFFLE PLATE/MT430	NẮP CHÂN GIÓ/MT430	18.360	8%
14811	450936-7	GRIP R/ RP2301FC	TAY CÀM R/ RP2301FC	151.200	8%
14812	450937-5	GRIP COVER R/ RP2301FC	NẮP TAY CÀM R/ RP2301FC	100.764	8%
14813	450938-3	GRIP L/ RP2301FC	TAY CÀM L/ RP2301FC	146.556	8%
14814	450939-1	GRIP COVER L/ RP2301FC	NẮP TAY CÀM L/ RP2301FC	96.228	8%
14815	450940-6	SWITCH LEVER/ RP2301FC	CÀN GẠT CỒNG TẮC/ RP2301FC	27.540	8%
14816	450941-4	LOCK OFF BUTTON/ RP1800	NÚT KHÓA/ RP1800	32.076	8%
14817	450942-2	PUSH BUTTON/ RP1800	NÚT NHAN/ RP1800	13.824	8%
14818	450943-0	SILENT POLE/ RP2301FC	ÔNG ĐỊNH HƯỚNG/ RP2301FC	18.700	10%
14819	450944-8	BUFFLE PLATE/ RP1800	TÂM CHÂN GIÓ/ RP1800	27.540	8%
14820	450946-4	DEPTH POINTER/ RP2301FC	NÚT DẪN HƯỚNG/ RP2301FC	18.360	8%
14821	450947-2	REAR COVER/ RP2301FC	VỎ ĐUÔI MÁY/ RP2301FC	159.840	8%
14822	450948-0	REAR COVER/ RP1800	NẮP ĐUÔI MÁY/ RP1800	116.640	8%
14823	450949-8	COVER/ RP2301FC	NẮP CHỤP/ RP2301FC	95.040	8%
14824	450950-3	LOCK LEVER/ RP1800	CÀN KHÓA/ RP1800	45.792	8%
14825	450951-1	BASE PLATE/ RP2301FC	TÂM LỘT ĐỀ PHAY/ RP2301FC	275.220	10%
14826	450953-7	TIP DEFLECTOR/ RP2301FC	NẮP BẢO VỆ/ RP2301FC	105.408	8%
14827	450956-1	PUMP DRIVE/ EA4301F	NHÔNG BƠM NHỚT/ EA4301F	172.800	8%
14828	450957-9	STRAP/ EK7651H	THẠM XĂNG/ EK7651H	2.200	10%
14829	450961-8	PISTON/ HM1203C	PISTON/ HM1203C	174.096	8%
14830	450968-4	LOCATOR 3/8"/ FS2500	ĐẦU ĐIỀU CHỈNH MŨI VIT/ FS2500	21.600	8%
14831	450978-1	LOCK BUTTON/ BHR261	NÚT KHÓA/ BHR261	8.640	8%
14832	450980-4	CHANGE LEVER/ DHR263	CỒNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/ DHR263	41.256	8%
14833	450998-5	HANDLE COVER/ LS1016	NẮP TAY CÀM/ LS1016	112.320	8%
14834	451000-7	LEAD COVER HOLDER/ DLS111	NẮP ĐẦY/ DLS111	9.180	8%
14835	451001-5	BAFFLE PLATE/ LS1016	NẮP CHÂN GIÓ/ LS1016	13.824	8%
14836	451002-3	GREASE HOLDER/ LS1016	NẮP CHÂN NHÔNG/ LS1016	13.824	8%
14837	451003-1	SWITCH LEVER/ LS1016	CÀN ĐAY CỒNG TẮC/ LS1016	22.896	8%
14838	451010-4	LOCK LEVER/ LS1016L	LẤY CHÍNH GÓC/ LS1016L	28.050	10%
14839	451011-2	RACK BLOCK/ LS1016	THANH ĐỖ/ LS1016	14.080	10%
14840	451013-8	KURF BOARD/ LS1016	THƯỚC CHIA VẠCH/ LS1016	68.688	8%
14841	451018-8	SPUR GEAR 43/ LS1016	NHÔNG LỎN/ LS1016	34.560	8%
14842	451019-6	LEVER 105/ LS1016	CÀN GẠT 105/ LS1016	45.792	8%
14843	451035-8	DEPTH POINTER/ RP0900	VÒNG ĐỆM/ RP0900	9.350	10%
14844	451037-4	SWITCH BUTTON/ LS1016	NÚT NHẤN CỒNG TẮC/ LS1016	8.640	8%
14845	451081-1	CABLE HOLDER/ EM3400U	Ổ GIỮ DÂY CÁP/ EM3400U	8.640	8%
14846	451083-7	LOCK OFF LEVER/ EM3400U	NÚT BẢO VỆ CỒNG TẮC/ EM3400U	12.960	8%
14847	451084-5	THROTTLE LEVER/ EM3400U	NÚT CỒNG TẮC/ EM3400U	17.280	8%
14848	451099-2	RING 7/ FS2500	VÒNG ĐỆM 7/ FS2500	9.350	10%
14849	451103-7	WEIGHT GUIDE/ HM1214C	VÒNG ĐỆM THÉP/ HM1214C	96.228	8%
14850	451104-5	GREASE CAP/ HM1214C	NẮP ĐẦU/ HM1214C	32.076	8%
14851	451105-3	LENS/ HM1214C	ÔNG KÍNH/ HM1214C	27.540	8%
14852	451106-1	SWITCH LEVER/ HM1214C	CỒNG TẮC CHUYỂN ĐỔI/ HM1214C	68.688	8%
14853	451107-9	WASHER GUIDE/ HM1214C	LONG ĐÈN/ HM1214C	23.320	10%
14854	451108-7	FILTER CASE/ HM1214C	HỘP LỌC/ HM1214C	59.616	8%
14855	451109-5	FILTER CASE COVER/ HM1214C	NẮP ĐẦY HỘP LỌC/ HM1214C	45.792	8%
14856	451110-0	CYLINDER GUIDE/ HM1214C	XY LÀNH/ HM1214C	45.792	8%
14857	451111-8	BAFFLE PLATE/ HM1214C	NẮP CHÂN GIÓ/ HM1214C	45.792	8%
14858	451112-6	SLIDE LEVER/ HM1307C	KHÓA AN TOÀN/ HM1307C	68.688	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14859	451113-4	BARREL COVER/HM1214C	VỎ NHỰA ĐẦU BẢO VỆ/HM1214C	334.368	8%
14860	451115-0	GEAR COVER/HM1214C	NẮP HỘP NHÔNG/HM1214C	627.372	8%
14861	451116-8	REAR COVER/HM1214C	TẦM BẢO VỆ PHÍA SAU/HM1214C	439.668	8%
14862	451117-6	MOTOR HOUSING/HM1214C	VỎ MÁY/HM1214C	270.216	8%
14863	451118-4	HANDLE/HM1307C	TAY CẦM/HM1307C	572.400	8%
14864	451119-2	HANDLE COVER/HM1307C	VỎ TAY CẦM/HM1307C	274.752	8%
14865	451157-4	SPACER/EM3400U	ỐC VÍT/EM3400U	12.960	8%
14866	451162-1	LOCK LEVER/DCG180	CHỐT KHÓA CÔNG TÁC/DCG180	5.400	8%
14867	451163-9	COVER/DSC191	NẮP ĐẦY/DSC191	68.688	8%
14868	451164-7	CONNECTING ROD/HM1307C	TAY ĐINH/HM1307C	114.480	8%
14869	451166-3	CRANK CAP COVER/HM1307C	NẮP CHỤP/HM1307C	59.616	8%
14870	451167-1	REAR COVER/HM1317C	VỎ ĐUÔI MÁY/HM1317C	361.800	8%
14871	451168-9	SHOULDER SLEEVE/HM1317C	LONG ĐẼN/HM1317C	51.370	10%
14872	451169-7	WEIGHT GUIDE/HM1317C	VÒNG ĐẼM THIẾP/HM1317C	32.670	10%
14873	451170-2	CRANK CAP/HM1307C	HỘP TRỤC KHUYU/HM1307C	142.020	8%
14874	451171-0	REAR COVER/HM1307C	VỎ ĐUÔI MÁY/HM1307C	233.604	8%
14875	451177-8	DUST NOZZLE/DSD180	ÔNG KẾT NỐI HÚT BỤI/DSD180	47.520	8%
14876	451194-8	BAFFLE PLATE/LS1219L	NẮP CHÂN GIÓ/LS1219L	13.824	8%
14877	451195-6	LASER COVER/LS1219L	NẮP CHỤP LAZE/LS1219L	4.320	8%
14878	451201-7	KERF BOARD/LS1216	THƯỚC CHIA VẠCH/LS1216	82.512	8%
14879	451207-5	CAPSULE/CL100D	CHỤP BẢO VỆ BĂNG NHỰA/CL100D	119.124	8%
14880	451210-6	SWITCH LEVER/CL100D	THÀNH ĐẨY CÔNG TÁC/CL100D	9.180	8%
14881	451226-1	CAPSULE/DCL180	CHỤP BẢO VỆ TÚI BỤI/DCL180	142.020	8%
14882	451227-9	SWITCH LEVER/DCL140	NÚT CÔNG TÁC/DCL140	9.180	8%
14883	451235-0	CAPSULE/DCL140	HỘP ĐỪNG BỤI/DCL140	137.376	8%
14884	451245-7	SASH NOZZLE HOLDER 28(BLUE)/CL106FD	ĐẦU GIỮ ÔNG HÚT BỤI 28 MÀU XANH/CL106FD	12.960	8%
14885	451266-9	BEARING BOX/BO3710	NẮP GIỮ BẠC ĐẠN/BO3710	45.792	8%
14886	451267-7	FAN GUIDE/BO3710	NẮP DÀN QUẠT GIÓ/BO3710	54.972	8%
14887	451268-5	TOP COVER/BO3710	NẮP CHỤP VỎ MÁY/BO3710	100.764	8%
14888	451269-3	TOP COVER/BO3711	NẮP CHỤP TRÊN CHA NHAM /BO3711	96.228	8%
14889	451270-8	MOTOR HOUSING/BO3710	VỎ MÁY/BO3710	261.036	8%
14890	451271-6	PUNCH PLATE/BO3710	GIÁ ĐỖ MŨI ĐỘT/BO3710	32.076	8%
14891	451314-4	HANDLE COVER/KP0800X	TAY CẦM/KP0800X	73.332	8%
14892	451324-1	KNOB/KP0800X	NÚM XOAY CHỈNH ĐỘ SÂU LƯỖI BẢO/KP0800X	105.408	8%
14893	451326-7	BELT COVER/KP0800	NẮP CHỤP BẢO VỆ DÂY CUA-ROA/KP0800	45.792	8%
14894	451327-5	BAFFLE PLATE/KP0800X	NẮP CHÂN GIÓ/KP0800X	9.180	8%
14895	451328-3	KNOB COVER/KP0800X	NÚM XOAY CHỈNH ĐỘ SÂU LƯỖI BẢO/KP0800X	68.688	8%
14896	451331-4	HANDLE BASE/HM1307C	ĐỂ TAY CẦM/HM1307C	22.896	8%
14897	451334-8	TANK/DVC860L	VỎ THÂN MÁY/DVC860L	489.996	8%
14898	451338-0	MOTOR COVER/VC1310L	NẮP MOTOR/VC1310L	32.076	8%
14899	451342-9	SWITCH LEVER/VC1310L	NÚT ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIẢM/VC1310L	9.180	8%
14900	451343-7	SWITCH HOLDER/DVC860L	GIÁ ĐỖ CÔNG TÁC/DVC860L	13.824	8%
14901	451344-5	SWITCH DIAL/DVC860L	NÚT ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIẢM/DVC860L	9.180	8%
14902	451348-7	INLET/DVC860L	NẮP VẠN ỐNG NỔI/DVC860L	59.616	8%
14903	451350-0	STOPPER/DVC860L	NÚT CHẴN/DVC860L	18.360	8%
14904	451380-1	MOTOR HOUSING/GA4031	VỎ MÁY/GA4031	105.408	8%
14905	451381-9	REAR COVER/GA4031	NẮP ĐẦY SAU/GA4031	45.792	8%
14906	451392-4	FOOT/KP0800	CHÂN BẮT BẢO VỆ LƯỖI/KP0800	9.180	8%
14907	451393-2	CHIP COVER/KP0800	BỘ PHẬN CHỮA MÀNH VỤN/KP0800	18.360	8%
14908	451400-1	INLET (BLUE)/CL104D	LỖ THÔNG GIÓ (XANH)/CL104D	22.896	8%
14909	451410-8	ROLLER/CL100D	CON LÀN/CL100D	18.700	10%
14910	451412-4	CASE/LS1219L	HỘP CHỨA MẠCH NGUỒN/LS1219L	13.824	8%
14911	451423-9	MOTOR HOUSING/HM0870C	VỎ MÁY/HM0870C	201.528	8%
14912	451427-1	SWITCH LEVER/HM0870C	CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI/HM0870C	22.896	8%
14913	451428-9	LENS/HM0870C	ỐNG KÍNH/HM0870C	13.824	8%
14914	451429-7	AIR PIPE/HM0871C	GIÁ ĐỖ THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HM0871C	13.824	8%
14915	451431-0	HANDLE RETAINER/HM0871C	NÚT TAY CẦM/HM0871C	13.824	8%
14916	451432-8	CHUCK COVER/HM0870C	ĐẦU KHOAN/HM0870C	41.256	8%
14917	451433-6	CHANGE RING/HM0870C	VÒNG ĐẼM/HM0870C	64.152	8%
14918	451434-4	CRANK CAP/HM0870C	NẮP/HM0870C	36.720	8%
14919	451435-2	PIPE HOLDER A/HM0871C	ỐNG A/HM0871C	18.700	10%
14920	451436-0	PIPE HOLDER B/HM0871C	ỐNG B/HM0871C	18.700	10%
14921	451437-8	DUST COVER SUPPORT/HM0871C	NẮP CHẴN BỤI/HM0871C	18.360	8%
14922	451438-6	BAFFLE PLATE/HM0870C	NẮP CHÂN GIÓ/HM0870C	22.896	8%
14923	451439-4	SLIDE LEVER/HM0871C	NÚT KHÓA AN TOÀN/HM0871C	18.360	8%
14924	451440-9	SLIDE LEVER/HM0870C	NÚT KHÓA AN TOÀN/HM0870C	22.896	8%
14925	451442-5	REAR COVER/HM0870C	VỎ ĐUÔI MÁY/HM0870C	64.152	8%
14926	451443-3	HOUSING COVER/HM0871C	VỎ CHỤP ĐẦU/HM0871C	174.096	8%
14927	451444-1	HOUSING COVER/HM0870C	VỎ MÁY/HM0870C	151.200	8%
14928	451445-9	HANDLE COVER/HM0870C	VỎ TAY CẦM/HM0870C	316.008	8%
14929	451447-5	HANDLE BASE/HM0871C	ĐỂ TAY CẦM/HM0871C	206.064	8%
14930	451453-0	TANK COVER/VC2510L	NẮP VỎ THÂN MÁY/VC2510L	439.668	8%
14931	451454-8	INLET/VC2510L	LỖ THÔNG GIÓ/VC2510L	105.408	8%
14932	451455-6	Holder/VC3210LX1	Ổng Nối /VC3210LX1	27.540	8%
14933	451457-2	TANK/VC2510L	VỎ THÂN MÁY/VC2510L	1.076.112	8%
14934	451462-9	ISOLATING WASHER/EK6101	VÒNG ĐẼM/EK6101	12.960	8%
14935	451480-7	BAFFLE PLATE/GA7050	NẮP CHÂN GIÓ/GA7050	23.320	10%
14936	451485-7	PIN CAP/GA7050	NÚT NHẤN/GA7050	9.180	8%
14937	451500-7	SWITCH LEVER/EM3400U	NÚT CÔNG TÁC/EM3400U	21.600	8%
14938	451516-2	CONECTING ROD/HR5211C	TAY BIẾN/HR5211C	119.124	8%
14939	451522-7	INTERNAL GEAR CASE/TD022D	HỘP NHÔNG/TD022D	22.896	8%
14940	451523-5	LOCK LEVER/TD022D	CÁN GẠT KHÓA/TD022D	9.180	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
14941	451524-3	PIN 10/ RP0900	CHỐT 10/ RP0900	9.350	10%
14942	451525-1	WIRE CLAMP/ EM4350UH	KẸP GIỮ/ EM4350UH	25.920	8%
14943	451527-7	BAFFLE PLATE/ HR2300	NÁP CHẮN GIÓ/ HR2300	18.360	8%
14944	451528-5	HANDLE COVER/ HR2300	VỎ TAY CÀM/ HR2300	87.048	8%
14945	451529-3	CHANGE LEVER A/ HR2611F	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/ HR2611F	13.824	8%
14946	451530-8	CHANGE LEVER COVER A/ HR2611F	NÁP CHUYỂN CHẾ ĐỘ/ HR2611F	18.360	8%
14947	451531-6	CHANGE LEVER B/ HR2300	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/ HR2300	14.080	10%
14948	451532-4	CHANGE LEVER COVER B/ HR2300	NÁP CHUYỂN CHẾ ĐỘ/ HR2300	22.896	8%
14949	451533-2	CHUCK COVER/ DHR242	ĐẦU GÀI MŨI KHOAN KHOAN/ DHR242	22.896	8%
14950	451535-8	MOTOR HOUSING/ HR2611F	VỎ MÁY/ HR2611F	201.528	8%
14951	451536-6	MOTOR HOUSING/ HR2600	VỎ MÁY/ HR2600	196.992	8%
14952	451538-2	MOTOR HOUSING/ HR2300	VỎ MÁY/ HR2300	196.992	8%
14953	451539-0	GRIP BASE/ HR2300	GIÁ ĐỖ TAY CÀM/ HR2300	27.540	8%
14954	451544-7	TANK COVER/ VC3210L	NÁP ĐẦY THÂN MÁY/ VC3210L	384.696	8%
14955	451545-5	HOOK SUPPORTER/ VC3210L	Ổ ĐỖ MOC KHOA/ VC3210L	22.896	8%
14956	451546-3	INLET COVER/ VC3210L	NÁP CHỤP ĐẦU GAN ỒNG HÚT BỤI/ VC3210L	73.332	8%
14957	451592-6	THROTTLE LEVER/ EM4350RH	NÚT CÔNG TÁC/ EM4350RH	38.880	8%
14958	451593-4	LOCK LEVER/ EE2650H	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/ EE2650H	2.160	8%
14959	451594-2	SWITCH LEVER/ EE2650H	NÚT CÔNG TÁC/ EE2650H	4.320	8%
14960	451595-0	SWITCH COVER/ EE2650H	NÁP ĐẦY CÔNG TÁC/ EE2650H	2.160	8%
14961	451601-1	SPACER 24/ BBC300L	ÔNG ĐỆM 24/ BBC300L	4.320	8%
14962	451617-6	MOTOR HOUSING/ BO5041	VỎ MÁY/ BO5041	224.424	8%
14963	451619-2	TOP COVER/ BO5041	NÁP CHỤP TRÊN CHÀ NHÂM / BO5041	90.720	8%
14964	451630-4	LOCK BUTTON/ GA9030R	NÚT KHÓA AN TOÀN/ GA9030R	4.320	8%
14965	451639-6	GUIDE RING/ HM0870C	ÔNG DẪN HƯỚNG/ HM0870C	22.896	8%
14966	451642-7	CASTER 170/ VC3210L	BÀNH XE ĐẦY/ VC3210L	613.656	8%
14967	451643-5	WHEEL CAP/ VC3210L	NÁP ĐẦY BÀNH XE/ VC3210L	27.540	8%
14968	451650-8	MOTOR HOUSING/ GA4034	VỎ MÔ TƠ/ GA4034	109.944	8%
14969	451729-5	INSULATOR/ EE2650H	MIẾNG ĐỆM DẪN NHIÊN LIỆU/ EE2650H	5.400	8%
14970	451731-8	MUFFLER PLATE/ EE2650H	MIẾNG ĐỆM ỒNG PỐ/ EE2650H	2.200	10%
14971	451733-4	STARTER CASE/ EE2650H	NÁP CHỤP KHỐI ĐỘNG/ EE2650H	241.920	8%
14972	451735-0	CLUTCH CASE/ EE2650H	VỎ BẢO VỆ KHỚP LY HỢP/ EE2650H	172.800	8%
14973	451736-8	FUEL TANK/ EE2650H	BÌNH CHỨA XĂNG/ EE2650H	116.640	8%
14974	451737-6	TANK GUARD/ EE2650H	GIÁ ĐỖ/ EE2650H	4.320	8%
14975	451753-8	NOZZLE END/ BHX2500	ÔNG THỜI/ BHX2500	164.160	8%
14976	451754-6	SAFETY COVER B/ LS1016	TẮM CHÂN BẢO VỆ B/ LS1016	389.232	8%
14977	451812-8	LOCK LEVER/ UH200D	CHỐT KHÓA CÔNG TÁC/ UH200D	8.800	10%
14978	451814-4	DUST GUARD/ UH200D	MIẾNG CHÂN BẢO VỆ/ UH200D	4.644	8%
14979	451825-9	CLAMP/ EB7660TH	MIẾNG NẸP BĂNG NHỰA/ EB7660TH	4.320	8%
14980	451859-2	AIR CLEANER COVER/ EH6000W	NÁP HỘP LỌC GIÓ/ EH6000W	43.200	8%
14981	451860-7	CYLINDER COVER/ EH6000W	NÁP CHỤP XI LANH/ EH6000W	5.400	8%
14982	451861-5	MUFFLER COVER/ EH6000W	NÁP CHỤP ỒNG XA/ EH6000W	7.560	8%
14983	451865-7	BAFFLE PLATE/ EH6000W	NÁP CHẮN GIÓ/ EH6000W	30.240	8%
14984	451867-3	FUEL TANK/ EH6000W	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/ EH6000W	9.720	8%
14985	451868-1	BLADE COVER/ EH7500S	NÁP BẢO VỆ LƯỖI CẮT/ EH7500S	5.400	8%
14986	451874-6	INSULATOR/ EBH340R	CỤM GẮN BÌNH XĂNG CON/ EBH340R	69.120	8%
14987	451875-4	CYLINDER COVER/ EBH340R	NÁP CHỤP XI LANH/ EBH340R	164.160	8%
14988	451876-2	PLUG COVER/ EBH340U	NÁP CHỤP BURI/ EBH340U	12.960	8%
14989	451877-0	FUEL TANK/ EBH340R	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/ EBH340R	198.000	10%
14990	451905-1	MOTOR HOUSING/ MT814	VỎ MÁY/ MT814	172.800	8%
14991	451907-7	GEAR HOUSING/ MT814	HỘP NHÔNG/ MT814	45.792	8%
14992	451908-5	LEVER CASE/ MT814	HỘP CÁN GẠT/ MT814	9.180	8%
14993	451911-6	INSULATOR/ EH6000W	GIÁ ĐỖ BÌNH XĂNG/ EH6000W	30.240	8%
14994	451916-6	REAR COVER/ MT961	NÁP CHỤP/ MT961	36.720	8%
14995	451923-9	REEL/ EBH340R	RULO/ EBH340R	56.160	8%
14996	451924-7	CHECK VALVE PLATE/ BHX2500	VÁN NHỰA/ BHX2500	12.960	8%
14997	451925-5	CHOKE LEVER/ BHX2500	VÁN ĐIỀU TIẾT/ BHX2500	12.960	8%
14998	451926-3	MOTOR HOUSING/ MT923	VỎ MÁY/ MT923	238.140	8%
14999	451927-1	TOP COVER/ MT923	NÁP CHỤP TRÊN CHÀ NHÂM/ MT923	82.512	8%
15000	451928-9	BEARING BOX/ MT923	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/ MT923	82.512	8%
15001	451929-7	BASE/ MT923	ĐỂ MÁY CHÀ NHÂM/ MT923	215.244	8%
15002	451930-2	FAN GUIDE/ MT923	NÁP DẪN QUẠT GIÓ/ MT923	54.972	8%
15003	451934-4	STOP LEVER/ EH7500S	CÁN KHÓA TAY GA/ EH7500S	9.720	8%
15004	451937-8	REEL/ BHX2500	RULO QUẦN DÂY/ BHX2500	51.840	8%
15005	451938-6	COLLAR/ BHX2500	MẶT BÍCH/ BHX2500	17.600	10%
15006	451939-4	REEL/ EVH2000	RULO QUẦN DÂY/ EVH2000	99.360	8%
15007	451940-9	CAM PLATE/ EVH2000	NHÔNG CAM/ EVH2000	56.160	8%
15008	451985-7	LEAD COVER/ DUR182L	MIẾNG LÓT/ DUR182L	145.200	10%
15009	451998-8	MUFFLER COVER/ RBC411	NÁP CHỤP BỘ GIẢM THANH/ RBC411	5.400	8%
15010	451999-6	INSULATOR ASSEMBLY/ RBC411	MIẾNG ĐỆM DẪN NHIÊN LIỆU/ RBC411	43.200	8%
15011	452000-0	AIR CLEANER PLATE/ RBC411	TẮM LỌC GIÓ/ RBC411	38.880	8%
15012	452001-8	AIR CLEANER COVER/ RBC411	NÁP LỌC GIÓ/ RBC411	17.280	8%
15013	452002-6	BLOWER HOUSING/ RBC411	VỎ MÁY THỔI/ RBC411	159.840	8%
15014	452003-4	CYLINDER COVER/ RBC411	VỎ NHỰA/ RBC411	9.720	8%
15015	452004-2	FUEL TANK/ RBC411	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/ RBC411	237.600	8%
15016	452018-1	FUEL NIPPLE/ EA3201S	ÔNG NỐI NHIÊN LIỆU/ EA3201S	8.640	8%
15017	452019-9	THROTTLE LEVER/ EA3201S	NÚT CÔNG TÁC/ EA3201S	12.960	8%
15018	452020-4	CATCH LEVER/ EA3201S	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/ EA3201S	12.960	8%
15019	452021-2	GRIP SHELL/ EA3201S	NÁP ĐẦY TAY CÀM/ EA3201S	17.280	8%
15020	452022-0	THROTTLE LINKAGE/ EA3201S	THANH ĐIỀU CHỈNH GA/ EA3201S	13.200	10%
15021	452023-8	HOOD/ EA3201S	NÁP CHỤP/ EA3201S	56.160	8%
15022	452024-6	INTERMEDIATE FLANGE/ EA3201S	GIÁ ĐỖ BỘ CHẾ HÒA KHÍ/ EA3201S	2.160	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15023	452025-4	CHOKE LEVER/EA3201S	CẢN CHÍNH GIÓ/EA3201S	8.640	8%
15024	452026-2	AIR GUIDE PLATE/EA3503S	NẮP CHẮN GIÓ/EA3503S	4.320	8%
15025	452030-1	INTAKE MANIFOLD/EA3201S	NÁP GAI BỘ CHẾ HÓA KHÍ/EA3201S	25.920	8%
15026	452031-9	AIR FILTER COVER/EA3201S	NÁP GAI/EA3201S	12.960	8%
15027	452032-7	HAND GUARD/EA3201S	KHOA GAI AN TOÀN/EA3201S	60.480	8%
15028	452033-5	BRAKE COVER/EA3201S	NÁP CHÂN/EA3201S	21.600	8%
15029	452035-1	PUMP DRIVE/EA3201S	NHÔNG NHỚT/EA3201S	125.280	8%
15030	452036-9	TUBULAR HANDLE/EA3201S	TAY CÀM MÁY CỬA XÍCH/EA3201S	250.560	8%
15031	452047-4	OIL CAP/BHX2500	NÁP DẦU/BHX2500	8.640	8%
15032	452048-2	OIL PIPE/EE2650H	ỐNG DẦU/EE2650H	4.400	10%
15033	452049-0	SPACER/EE2650H	ỐNG ĐỆM/EE2650H	8.640	8%
15034	452063-6	BAFFLE PLATE/DS4011	NẮP CHẮN GIÓ/DS4011	13.200	10%
15035	452066-0	GASKET/DS4011	VÒNG ĐỆM/DS4011	401.760	8%
15036	452071-7	CORRUGATE TUBE/EE2650H	ỐNG NHỰA/EE2650H	2.160	8%
15037	452073-3	SPACER/JS1602	VÒNG GIỮ STATO/JS1602	43.200	8%
15038	452090-3	SAFETY COVER/MT582	BAO VỆ LƯỚI/MT582	116.640	8%
15039	452092-9	BAFFLE PLATE/MT583	NẮP CHẮN GIÓ/MT583	22.896	8%
15040	452105-6	BASE/VC1310L	NÁP MOTOR/VC1310L	14.040	8%
15041	452106-4	ENDBELL/VC1310L	Ố CHỐI THAN/VC1310L	160.272	8%
15042	452126-8	GEAR SHAFT/HR3200C	TRỤC NHÔNG/HR3200C	59.616	8%
15043	452137-3	HANDLE/DF347D	TAY CÀM/DF347D	25.920	8%
15044	452143-8	SHAFT/HP331D	TRỤC/HP331D	4.400	10%
15045	452145-4	HOLDER CAP COVER/BUB360	NÁP CHỐI THAN/BUB360	30.240	8%
15046	452189-4	COVER/DFL201F	NÁP CHỤP/DFL201F	109.944	8%
15047	452193-3	CLAMP/EM3400U	DÂY RÚT BĂNG NHỰA/EM3400U	12.960	8%
15048	452197-5	SPACER/EH6000W	VÒNG ĐỆM/EH6000W	12.960	8%
15049	452219-1	CHOKE PLATE/EE2650H	BÀNH RĂNG CẢN GẠT GIÓ/EE2650H	4.320	8%
15050	452220-6	CHOKE LEVER/EE2650H	CẢN GẠT BƯỚM GIÓ/EE2650H	4.320	8%
15051	452234-5	DUCT/CC300D	TÀM DẪN KHÍ/CC300D	18.360	8%
15052	452236-1	SAFETY COVER/HS301D	CHỤP BẢO VỆ/HS301D	27.540	8%
15053	452243-4	BLADE COVER/CC300D	NẮP CHẮN LƯỚI CÁT/CC300D	34.560	8%
15054	452277-7	LONG LEVER/EH7500S	CẢN GẠT TAY GA/EH7500S	7.560	8%
15055	452279-3	PACKING/RBC411	LONG ĐÈN/RBC411	70.400	10%
15056	452280-8	FLOAT/RBC411	ĐA BƠM/RBC411	164.160	8%
15057	452287-4	STOPPER/RBC411	ỐNG ĐỆM BĂNG NHỰA/RBC411	108.000	8%
15058	452288-2	REEL/RBC411	BULI GIÁT/RBC411	306.720	8%
15059	452291-3	TANK/VC1310L	VỎ THAN MÁY/VC1310L	586.224	8%
15060	452313-9	TRIGGER B/EH6000W	CẢN GẠT TAY GA/EH6000W	25.920	8%
15061	452314-7	STOPPER/EH6000W	CẢN GAI CÔNG TÁC/EH6000W	21.600	8%
15062	452315-5	LOCK LEVER A/EH6000W	NÚT KHOA CÔNG TÁC A/EH6000W	2.160	8%
15063	452316-3	LOCK LEVER B/EH6000W	NÚT KHOA CÔNG TÁC B/EH6000W	2.160	8%
15064	452319-7	HANDLE BASE/EH6000W	MIẾNG ĐỀ TAY CÀM/EH6000W	151.200	8%
15065	452321-0	LOOP HANDLE/EH6000W	TAY CÀM/EH6000W	280.800	8%
15066	452322-8	GUARD/EH6000W	TÀM BẢO VỆ/EH6000W	133.920	8%
15067	452323-6	STOP RING 25/EH6000W	VÒNG GÀI 25/EH6000W	2.200	10%
15068	452324-4	CORRUGATE TUBE/EH6000W	ỐNG BỌC DÂY ĐIỆN/EH6000W	2.160	8%
15069	452344-8	INLET/DCL182	ỐNG NỐI/DCL182	22.896	8%
15070	452345-6	INLET/DCL182	ỐNG NỐI/DCL182	22.896	8%
15071	452346-4	FRONT COVER JOINT/DCL182F	KHỚP VỎ TRƯỢT/DCL182F	18.360	8%
15072	452347-2	FRONT COVER JOINT/DCL182	NÁP CHỤP/DCL182	18.360	8%
15073	452348-0	FRONT COVER/DCL182	NÁP CHỤP/DCL182	45.792	8%
15074	452349-8	FRONT COVER/DCL182	NÁP CHỤP/DCL182	45.792	8%
15075	452350-3	BUTTON/DCL182	NÚT NHAN/DCL182	13.824	8%
15076	452351-1	BUTTON/DCL182	NÚT NHAN/DCL182	13.824	8%
15077	452352-9	STOPPER/CL107FD	MIẾNG ĐỆM/CL107FD	9.180	8%
15078	452363-4	BUTTON/CL107FD	NÚT NHAN/CL107FD	13.824	8%
15079	452399-3	F/R CHANGE LEVER/DF347D	CẢN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DF347D	9.180	8%
15080	452402-0	REEL/EH6000W	RULO QUẤN DÂY/EH6000W	9.720	8%
15081	452438-9	LOCK OFF BUTTON/BUH523	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/BUH523	8.640	8%
15082	452439-7	HAMMER CASE COVER/DTW250	NÁP BẢO VỆ ĐẦU BÚA/DTW250	36.720	8%
15083	452440-2	HAMMER CASE COVER/TD0100	NÁP CHỤP/TD0100	36.720	8%
15084	452446-0	FLOAT CAGE/VC1310L	KHUNG TỦI LỘC/VC1310L	77.868	8%
15085	452451-7	BASE HOOK/VC1310L	NÁP ĐÁY THAN MÁY/VC1310L	82.512	8%
15086	452455-9	BASE/DCL140	ĐỀ GAI/DCL140	22.896	8%
15087	452456-7	BEARING HOLDER/UC4020A	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/UC4020A	98.010	10%
15088	452458-3	STARTER GRIP/EK6101	TAY NÀM/EK6101	43.200	8%
15089	452460-6	HANDLE COVER/MT412	VỎ TAY CÀM/MT412	64.800	8%
15090	452461-4	BAFFLE PALTE/MT412	NẮP CHẮN GIÓ/MT412	13.824	8%
15091	452465-6	TOP COVER/RT0700C	NÁP CHỤP/RT0700C	56.160	8%
15092	452468-0	PUSH BUTTON/RT0700C	NÚT NHAN/RT0700C	9.180	8%
15093	452474-5	DEPTH POINTER/RP001G	VÒNG CHẶN/RP001G	13.824	8%
15094	452478-7	BELT COVER/DKP180	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CU-ROA/DKP180	54.972	8%
15095	452479-5	BAFFLE PLATE/DKP180	NẮP CHẮN GIÓ/DKP180	21.600	8%
15096	452480-0	KNOB/DKP180	NÚT TĂNG GIAM ĐỘ SAU/DKP180	105.408	8%
15097	452500-0	REAR COVER/MT90	VỎ CHỤP ĐUÔI MÁY/MT90	22.896	8%
15098	452501-8	SWITCH LEVER/MT90	THANH TRƯỢT/MT90	9.180	8%
15099	452502-6	PIN CAP/MT90	NÚT NHỰA GIỮ CHÓT/MT90	13.824	8%
15100	452503-4	SWITCH KNOB/MT90	NÚT CÔNG TÁC/MT90	4.644	8%
15101	452556-3	SPACER/EH6000W	VÒNG ĐỆM CÁCH ĐIỆN/EH6000W	2.160	8%
15102	452572-5	LOCK LEVER/DLM160	CẢN KHÓA/DLM160	13.824	8%
15103	452578-3	LOWER STOPPER/DLM160	MIẾNG CHẶN DƯỚI/DLM160	9.180	8%
15104	452580-6	HOLDER/DLM160	MIẾNG KÉP/DLM160	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15105	452613-7	STARTER CASE/EK7651H	NÁP CHỤP KHỐI ĐỘNG/EK7651H	423.360	8%
15106	452614-5	OIL PIPE/EK7651H	CO DẦU/EK7651H	194.400	8%
15107	452617-9	CYLINDER COVER/EK7651H	XILANH/EK7651H	207.360	8%
15108	452638-1	SPACER/EBH340U	LONG ĐÈN/EBH340U	25.920	8%
15109	452641-2	SPACER/EBH340U	VÒNG ĐỆM/EBH340U	250.560	8%
15110	452643-8	HANGER STOPPER/EBH340U	CHÓT GAI TAY CÀM/EBH340U	25.920	8%
15111	452644-6	HANGER HOLDER/EBH340U	CÙM TRƠN/EBH340U	12.960	8%
15112	452666-6	NIPPLE/DUC353	ĐẦU NỐI CAO SU/DUC353	2.160	8%
15113	452667-4	GUIDE /EA4301F	GIÁ ĐỖ BÓM NHÓT/EA4301F	8.640	8%
15114	452668-2	GUIDE PLATE /EA4301F	ĐỆM DẪN HUÔNG/EA4301F	2.200	10%
15115	452678-9	SWITCH LEVER B/DUH523	CÁN ĐAY CÔNG TÁC B/DUH523	59.616	8%
15116	452681-0	SWITCH ARM/DUH523	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DUH523	18.360	8%
15117	452682-8	FRONT GRIP/DUH523	TAY CÀM TRƯỚC/DUH523	128.304	8%
15118	452697-5	TANK CAP KNOB/EK7651H	NÁP CHỤP/EK7651H	38.880	8%
15119	452698-3	BELT COVER/EK7651H	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CUA ROA/EK7651H	259.200	8%
15120	452720-6	FILTER BRACKET/EK7651H	MIÈNG KẸP TÚI LỌC/EK7651H	312.400	10%
15121	452721-4	THROTTLE LEVER/EK7651H	NÚT CÔNG TÁC/EK7651H	60.480	8%
15122	452722-2	LOCK OFF LEVER/EK7651H	CÁN CÔNG TÁC/EK7651H	51.840	8%
15123	452723-0	SWITCH LEVER/EK7651H	NÚT CÔNG TÁC/EK7651H	64.800	8%
15124	452724-8	CARBURETOR MOUNT/EK7651H	GIÁ ĐỖ BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EK7651H	90.720	8%
15125	452726-4	OIL LINE/EK7651H	CHỤP ĐẦU MÁY EK7650H/EK7651H	86.400	8%
15126	452736-1	GRIP COVER/EK7651H	NÁP TAY CÀM/EK7651H	103.680	8%
15127	452737-9	CLAMP/EK7651H	ÔNG GIỮ TAY CÀM/EK7651H	52.800	10%
15128	452738-7	OIL CASE GASKET/EK7651H	MIÈNG ĐỆM/EK7651H	79.200	10%
15129	452739-5	SEPARATER COVER/EK7651H	MIÈNG NHÔM/EK7651H	4.320	8%
15130	452740-0	FRONT INNER HOLDER/EK7651H	GIÁ ĐỖ TRƯỚC/EK7651H	30.800	10%
15131	452741-8	CENTER OUTER HOLDER/EK7651H	GIÁ ĐỖ/EK7651H	64.800	8%
15132	452742-6	REAR INNER HOLDER/EK7651H	GIÁ ĐỖ TRƯỚC/EK7651H	25.920	8%
15133	452777-7	MOTOR HOUSING/MT924	VỎ MÁY/MT924	203.040	8%
15134	452778-5	TOP COVER/MT924	NÁP CHỤP TRÊN CHA NHAM/MT924	103.680	8%
15135	452800-8	HOSE JOINT 4-4/EK7651H	ÔNG NỐI 4-4/EK7651H	4.320	8%
15136	452811-3	HANDLE COVER/MT191	VỎ TAY CÀM/MT191	96.228	8%
15137	452812-1	ASSIST FAN GUIDE/MT191	NÁP CHÂN CÀNH QUẠT/MT191	13.824	8%
15138	452813-9	BELT COVER/MT191	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CUA ROA/MT191	41.256	8%
15139	452832-5	REAR COVER/DTD134	VỎ CHỤP ĐUÔI MÁY/DTD134	41.256	8%
15140	452837-5	HAMMER CASE COVER/DTD134	NÁP ĐẦU BÚA/DTD134	18.360	8%
15141	452841-4	LOOP HANDLE/EH6000W	TAY CÀM/EH6000W	11.880	8%
15142	452843-0	CLAMP COVER B/EX2650LH	NÁP BẢO VỆ/EX2650LH	4.320	8%
15143	452850-3	INSERT HOLDER/JV0600K	GÁ ĐỖ LƯỚI CAT/JV0600K	466.400	10%
15144	452860-0	CHARGER CASE COVER/DCI8RC	ĐỀ CỤC SẠC/DCI8RC	549.504	8%
15145	452861-8	TERMINAL BASE/DCI8RC	GIÁ ĐỖ ĐỀ GAI PIN/DCI8RC	457.920	8%
15146	452862-6	LENS/DCI8RC	CHỤP BẢO VỆ ĐÈN/DCI8RC	64.152	8%
15147	452920-8	FUEL TANK CAP/EM3400U	BÌNH CHỨA XĂNG/EM3400U	103.680	8%
15148	452942-8	SWITCH COVER/SG1251J	BỘ CỘNG TÁC/SG1251J	13.824	8%
15149	452948-6	BLOWER HOUSING/EH6000W	NÁP VỎ MÁY/EH6000W	151.200	8%
15150	452951-7	HOSE JOINT 4-4/EK7651H	BÁT BẮT ỐC VÍT/EK7651H	38.880	8%
15151	452952-5	HOSE JOINT/EB7650TH	ÔNG NỐI/EB7650TH	25.920	8%
15152	452979-5	MOTOR HOUSING/MT871	VỎ MÁY/MT871	169.452	8%
15153	452981-8	HANDLE COVER/MT871	VỎ TAY CÀM/MT871	77.868	8%
15154	452982-6	CHANGE LEVER COVER/MT870	NÁP CHUYỂN CHẾ ĐỘ/MT870	18.360	8%
15155	452983-4	CHANGE LEVER/MT870	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/MT870	14.080	10%
15156	452984-2	BAFFLE PLATE/MT871	NÁP CHÂN GIÓ/MT871	13.824	8%
15157	452985-0	GRIP 34/MT871	TAY CÀM/MT871	82.512	8%
15158	453026-5	SAFETY COVER/LH1040	TẮM CHÂN BẢO VỆ/LH1040	196.992	8%
15159	453028-1	KERF BOARD/LH1040	THÀNH DẪN/LH1040	109.944	8%
15160	453029-9	UNDER GUARD R/LH1040	MIÈNG CHÂN BẢO VỆ/LH1040	45.792	8%
15161	453055-8	F/R CHANGE LEVER/M6901D	CHUYỂN CHẾ ĐỘ/M6901D	9.180	8%
15162	453056-6	INTERNAL GEAR CASE/DTW190	NÁP HỘP NHÔNG/DTW190	22.896	8%
15163	453071-0	CONNECTING SLEEVE/JR103D	VÒNG ĐỆM/JR103D	18.360	8%
15164	453072-8	SWITCH LEVER R/JR102D	GẠT CÔNG TÁC/JR102D	18.360	8%
15165	453123-7	SWITCH LEVER/DHR242	CÁN CÔNG TÁC/DHR242	13.824	8%
15166	453124-5	F/R CHANGE LEVER/DHR242	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR242	41.256	8%
15167	453125-3	CHANGE LEVER/DHR242	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR242	18.360	8%
15168	453129-5	GRIP BASE/HR2650	KẸP TAY CÀM/HR2650	27.540	8%
15169	453131-8	CHANGE LEVER COVER/DHR242	MIÈNG GÁI CHẾ ĐỘ/DHR242	9.180	8%
15170	453139-2	RACK B/DX08	CHÓT GAI B/DX08	13.824	8%
15171	453140-7	STOPPER BASE/DX01	MIÈNG ĐỆM KHÓA/DX01	22.896	8%
15172	453141-5	SLIDE LEVER A/DX01	NÚT NHẤN KHÓA A/DX01	13.824	8%
15173	453142-3	SLIDE LEVER B/DX01	NÚT NHẤN KHÓA B/DX01	13.824	8%
15174	453143-1	BAFFLE PLATE/DX08	NÁP CHÂN GIÓ/DX08	27.540	8%
15175	453144-9	LIFT PLATE/DX01	MIÈNG ĐỆM/DX01	27.540	8%
15176	453145-7	PUSH BUTTON/DX01	NÚT NHẤN/DX01	18.360	8%
15177	453146-5	HOOK/DX01	MỐC TREO/DX01	21.600	8%
15178	453150-4	FILTER COVER/DX01	NÁP TÚI LỌC/DX01	34.560	8%
15179	453165-1	LOCK LEVER/DHS710	ỐC KHÓA/DHS710	18.700	10%
15180	453171-6	FILTER PLATE/DX08	TẦM ĐỆM LƯỚI LỌC/DX08	30.240	8%
15181	453218-6	GRIP/PJ7000	TAY CÀM/PJ7000	59.616	8%
15182	453219-4	GRIP/DPJ180	TAY CÀM/DPJ180	68.688	8%
15183	453239-8	UNDER COVER/DLM431	NÁP BẢO VỆ DƯỚI/DLM431	69.120	8%
15184	453240-3	FRONT WHEEL CAP/DLM431	NÁP BÀNH XE/DLM431	159.840	8%
15185	453241-1	REAR WHEEL CAP/DLM431	NÁP CHỤP BÀNH XE/DLM431	151.200	8%
15186	453242-9	FRONT WHEEL/DLM431	BÀNH XE/DLM431	198.720	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15187	453243-7	REAR WHEEL/DLM431	BÁNH XE/DLM431	233.280	8%
15188	453250-0	LOCK LEVER/DLM431	CHỤP KHÓA/DLM431	25.920	8%
15189	453251-8	LOCK LEVER SUPPORT/DLM431	CHỤP KHÓA ĐỖ/DLM431	21.600	8%
15190	453252-6	CHANGE LEVER/DLM431	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DLM431	54.972	8%
15191	453253-4	CHANGE LEVER COVER/DLM431	NÁP CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DLM431	38.880	8%
15192	453255-0	ADJUST PLATE/DLM431	BỘ ĐIỀU CHỈNH GÓC CẮT/DLM431	90.720	8%
15193	453258-4	COWLING COVER/DLM431	KHỚP NỔI/DLM431	5.400	8%
15194	453266-5	CYLINDER COVER/EE2650H	NÁP XILANH/EE2650H	14.040	8%
15195	453285-1	DUCT/DHS710	NÁP THOÁT BỤI/DHS710	18.360	8%
15196	453286-9	TOP GUIDE/DHS710	THƯỚC CÀNH/DHS710	27.540	8%
15197	453316-6	PROTECTOR/DUH523	TẦM BẢO VỆ LƯỚI/DUH523	119.124	8%
15198	453317-4	UNDER COVER/BUH523	NÁP BẢO VỆ DƯỚI/BUH523	82.512	8%
15199	453320-5	CHANGE CASE/DTP141	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DTP141	77.868	8%
15200	453321-3	CHANGE RING/DTP141	VÒNG ĐIỀU CHỈNH LỰC SIẾT/DTP141	164.916	8%
15201	453323-9	CHANGE LEVER/DTP141	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DTP141	32.076	8%
15202	453324-7	PIN GUIDE/DTP141	CHÓT DẪN HƯỚNG/DTP141	18.700	10%
15203	453325-5	BEARING CASE/DTP141	NÁP CHẶN BẠC ĐẠN/DTP141	68.688	8%
15204	453344-1	LOCK SLEEVE /DUR189	VÒNG KHÓA/DUR189	30.240	8%
15205	453364-5	REAR COVER/GA4040	VỎ ĐUÔI MÁY/GA4040	47.520	8%
15206	453365-3	REAR COVER C/GA4040C	VỎ ĐUÔI MÁY/GA4040C	50.436	8%
15207	453366-1	MOTOR HOUSING/GA4040	VỎ MÁY/GA4040	164.916	8%
15208	453367-9	BUFFLE PLATE/GA4040	NÁP CHẶN GIÓ/GA4040	18.360	8%
15209	453368-7	SWITCH KNOB/GA4040	NÚT CÔNG TÁC/GA4040	9.180	8%
15210	453369-5	PIN CAP/GA4040	NÚT KHÓA NHÔNG/GA4040	9.180	8%
15211	453394-6	REAR COVER/BDF458	NÁP CHỤP SAU/BDF458	30.240	8%
15212	453406-5	BASE COVER/PJ7000	TẦM CHẶN BÀN ĐÉ/PJ7000	27.540	8%
15213	453495-0	MIXING BODY UPPER/PM7650H	CHỤP KHỚP NỔI/PM7650H	48.400	10%
15214	453496-8	MIXING BODY LOWER/PM7650H	CỤM NỔI/PM7650H	48.400	10%
15215	453498-4	PRESSURE PIPE/PM7650H	ỐNG DẪN NƯỚC/PM7650H	47.520	8%
15216	453499-2	FRAME HOLDER/PM7650H	GIA ĐỖ/PM7650H	4.400	10%
15217	453501-1	AIR CLEANER PLATE/PM7650H	HỘP LỌC GIÓ/PM7650H	341.280	8%
15218	453502-9	CHOKE LEVER/PM7650H	CÁN CHỈNH GIÓ/PM7650H	95.040	8%
15219	453505-3	NOZZLE CAP/PM7650H	VÒNG KHÓA BĂNG NHỰA/PM7650H	47.520	8%
15220	453506-1	DIFFUSION COVER/PM001G	NÁP ĐẦY/PM001G	54.972	8%
15221	453509-5	BODY COVER/PM7650H	NÁP CHỤP/PM7650H	30.240	8%
15222	453510-0	VALVE ROD/PM7650H	VÁN KHÓA NƯỚC/PM7650H	38.880	8%
15223	453511-8	PUSH BUTTON/PM7650H	BẮT BẬT ỚC VÍT/PM7650H	44.000	10%
15224	453554-0	CAP A/CC300D	NÁP BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/CC300D	32.076	8%
15225	453555-8	NOZZLE/CC300D	ỐNG XÁ NƯỚC/CC300D	32.076	8%
15226	453556-6	WATER SUPPLY TANK/CC300D	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/CC300D	45.792	8%
15227	453557-4	CAP B/CC300D	NÁP BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/CC300D	45.792	8%
15228	453560-5	LOWER FRAME HOLDER/PM7650H	BỆ ĐỖ/PM7650H	4.400	10%
15229	453599-8	SLEEVE 25/PM7650H	VÒNG NHỰA 25/PM7650H	30.800	10%
15230	453600-9	GUARD/PM7650H	VỎ NGOÀI/PM7650H	316.008	8%
15231	453618-0	FUEL TANK/PM7650H	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/PM7650H	38.880	8%
15232	453632-6	MOTOR BRACKET/DBO180	NÁP CHỤP /DBO180	22.896	8%
15233	453634-2	GUARD/LS1016	ỐNG XÁ BỤI/LS1016	82.512	8%
15234	453635-0	GUARD/LS1216	TẦM BẢO VỆ/LS1216	111.980	10%
15235	453664-3	HAMMER CASE COVER/BTD136	NÁP ĐẦU BÚA/BTD136	32.076	8%
15236	453665-1	BAFFLE PLATE/BTD136	NÁP CHẶN GIÓ/BTD136	123.660	8%
15237	453695-2	GUIDE COVER/LS1030N	TẦM BẢO VỆ THAN MÁY/LS1030N	13.824	8%
15238	453700-5	STRAIGHT PIPE 380/PM7650H	ỐNG NỔI 380/PM7650H	151.200	8%
15239	453702-1	RACK A/DX01	GÁ ĐỖ A/DX01	13.824	8%
15240	453706-3	LOCK BUTTON/DHR263	NÚT KHÓA/DHR263	13.824	8%
15241	453714-4	WIRE BAND/PM7650H	VÒNG ĐỆM/PM7650H	4.400	10%
15242	453716-0	LEVER 1 THROTTLE/PM7650H	THANH GÁI CÔNG TÁC/PM7650H	250.560	8%
15243	453761-5	SWITCH KNOB/TM3000C	NÚT CÔNG TÁC/TM3000C	9.180	8%
15244	453783-5	STARTER GRIP/EA3503S	TAY NẮM KHỐI ĐỘNG/EA3503S	47.520	8%
15245	453786-9	CAM PLATE/EA3201S	NHÔNG CAM/EA3201S	51.840	8%
15246	453823-9	MOTOR HOUSING/TM3000C	VỎ MÁY/TM3000C	194.400	8%
15247	453824-7	REAR COVER/TM3010C	VỎ ĐUÔI MÁY/TM3010C	64.800	8%
15248	453825-5	SWITCH LEVER/TM3000C	CÔNG TÁC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/TM3000C	18.360	8%
15249	453828-9	BAFFLE PLATE/TM3000C	NÁP CHẶN GIÓ/TM3000C	12.960	8%
15250	453847-5	SWITCH LEVER/GA4040	THANH TRƯỢT CÔNG TÁC/GA4040	13.824	8%
15251	453855-6	MOTOR HOUSING/MT925	VỎ MÁY/MT925	183.168	8%
15252	453856-4	TOP COVER/MT925	NÁP CHỤP TRÊN CHA NHAM/MT925	36.720	8%
15253	453860-3	ROCKER COVER INNER/EE2650H	NÁP TRONG BẢO VỆ SUPPAP/EE2650H	2.160	8%
15254	453862-9	OIL CASE PLATE/EE2650H	MIẾNG ĐỆM/EE2650H	4.320	8%
15255	453866-1	AIR PIPE/HR3200C	GIA ĐỖ THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR3200C	45.792	8%
15256	453874-2	PROTECTOR/RBC411U	TẦM BẢO VỆ/RBC411U	5.400	8%
15257	453884-9	REAR COVER/JS1602	VỎ CHỤP ĐUÔI MÁY/JS1602	155.736	8%
15258	453945-5	REAR COVER/MT912	VỎ ĐUÔI MÁY/MT912	32.076	8%
15259	453953-6	HANDLE COVER/MT583	VỎ TAY CẦM/MT583	73.332	8%
15260	453965-9	HANDLE COVER/MT941	BỘ BỌC TAY CẦM/MT941	109.944	8%
15261	453968-3	BAFFLE PLATE/MT941	NÁP CHẶN GIÓ/MT941	18.360	8%
15262	453970-6	THROTTLE VALVE/RBC413U	VÁN TIẾT LƯU/RBC413U	51.840	8%
15263	453971-4	INSULATOR/RBC413U	GIA ĐỖ BÌNH XĂNG/RBC413U	302.400	8%
15264	453981-1	AIR CLEANER HOUSING/RBC413U	VỎ LỌC GIÓ/RBC413U	11.880	8%
15265	453982-9	AIR CLEANER COVER/RBC413U	NÁP LỌC GIÓ/RBC413U	11.880	8%
15266	453983-7	CLEANER COVER CLIP/RBC413U	NÁP GÁI LƯỚI LỌC/RBC413U	9.720	8%
15267	453986-1	TOP ADAPTER/PM7650H	ỐNG NỔI/PM7650H	86.400	8%
15268	454022-6	BASE/MT372	ĐỀ CỬA MÁY ĐẠNH CÀNH/MT372	183.168	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15269	454025-0	TOP COVER/MT362	NÁP CHỤP TRÊN/MT362	45.792	8%
15270	454026-8	BASE PLATE/MT362	TẦM LÓT/MT362	102.630	10%
15271	454027-6	SWITCH COVER/MT362	VỎ CÔNG TÁC/MT362	27.540	8%
15272	454032-3	CHIP DEFLECTOR/MT362	MIẾNG CHÂN/MT362	45.792	8%
15273	454033-1	LOCK LEVER/MT362	CÁN KHÓA/MT362	13.824	8%
15274	454046-2	HANDLE COVER/MT111	NÁP TAY CÀM/MT111	90.720	8%
15275	454047-0	BELT COVER/MT111	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CUA ROA/MT111	45.792	8%
15276	454051-9	BAFFLE PLATE/MT111	NÁP CHÂN GIÓ/MT111	18.360	8%
15277	454069-0	INNER HOUSING/MT401	VỎ MÁY BÊN TRONG/MT401	38.880	8%
15278	454076-3	GEAR HOUSING COVER/JS1602	NÁP HỘP NHÔNG/JS1602	155.736	8%
15279	454077-1	FRONT COVER JOINT/CL104D	NÁP CHỤP/CL104D	13.824	8%
15280	454080-2	COVER/CL111D	NÁP GAI PIN/CL111D	13.824	8%
15281	454084-4	FAN COVER/CL104D	BẢO VỆ CÁCH QUẠT/CL104D	22.896	8%
15282	454100-2	LINK/DA331D	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DA331D	9.180	8%
15283	454102-8	SWITCH LEVER/DA331D	NÚT CÔNG TÁC/DA331D	18.360	8%
15284	454112-5	LOCK BUTTON/DHR242	NÚT NHẤN/DHR242	9.180	8%
15285	454115-9	GEAR HOUSING/MT817	HỘP NHÔNG/MT817	32.076	8%
15286	454116-7	LEVER CASE/MT817	NÁP CHỤP/MT817	9.180	8%
15287	454120-6	MOTOR HOUSING/MT817	VỎ MÁY/MT817	183.168	8%
15288	454121-4	HANDLE COVER/MT817	NÁP TAY CÀM/MT817	59.616	8%
15289	454126-4	GRIP BASE/MT80A	GIÁ ĐỖ TAY CÀM/MT80A	21.600	8%
15290	454140-0	BAFFLE PLATE/JN3201	NÁP CHÂN GIÓ/JN3201	56.160	8%
15291	454190-5	CORRUGATE TUBE 160/PM7650H	ỐNG CAO SU/PM7650H	4.320	8%
15292	454195-5	HANDLE COVER/MT413	TAY CÀM/MT413	50.436	8%
15293	454204-0	INNER COVER/VC3211M	NÁP CHỤP/VC3211M	824.256	8%
15294	454207-4	GEAR CASE/VC3211M	HỘP NHÔNG/VC3211M	64.152	8%
15295	454208-2	CAM/VC3211M	CHỐT CAM/VC3211M	68.688	8%
15296	454209-0	PROTECTOR/VC3211M	TẦM BẢO VỆ/VC3211M	293.112	8%
15297	454214-7	LOCK LEVER/VC3211M	CÁN KHÓA/VC3211M	68.688	8%
15298	454215-5	LOCK PLATE/VC3211M	MIẾNG ĐỆM KHÓA/VC3211M	73.332	8%
15299	454219-7	GEAR HOUSING/DCG180	VỎ HỘP NHÔNG/DCG180	380.160	8%
15300	454220-2	SPACER/DCG180	ĐỂ ĐỖ/DCG180	4.320	8%
15301	454223-6	HOLDER JOINT A/CG100D	NÁP CỬA HỘP ĐUNG TUÝP SILICON/CG100D	105.408	8%
15302	454226-0	NOZZLE/DCG180	ĐẦU BÀN XYLYCOL/DCG180	68.688	8%
15303	454230-9	LENS/DCG180	ỐNG KÍNH/DCG180	27.540	8%
15304	454233-3	MOTOR HOUSING/MT91A	VỎ MÁY/MT91A	105.408	8%
15305	454234-1	REAR COVER/MT91A	NÁP CHỐT/MT91A	27.540	8%
15306	454249-8	COVER/EN410NP	CHỤP BẢO VỆ/EN410NP	86.400	8%
15307	454261-8	CHARGER CASE COVER/DC18SF	NÁP VỎ SẠC/DC18SF	622.836	8%
15308	454263-4	TERMINAL BASE/DC18SF	GIÁ ĐỖ ĐỂ GAI PIN/DC18SF	632.016	8%
15309	454275-7	HOLDER A/CG100D	BỘ ĐỖ ỐNG SILICON/CG100D	160.272	8%
15310	454278-1	BLADE COVER/EH6000W	VỎ BỌC LƯỚI CÁT/EH6000W	73.440	8%
15311	454295-1	SWITCH LEVER/BUR182U	NÚT CÔNG TÁC/BUR182U	73.440	8%
15312	454298-5	LOCK OFF BUTTON/BUR182U	NÚT NHẤN/BUR182U	12.960	8%
15313	454303-8	LOCK LEVER/DUR191L	NÚT CÔNG TÁC/DUR191L	119.124	8%
15314	454304-6	JOINT COVER/DUR191L	NÁP BẢO VỆ/DUR191L	114.480	8%
15315	454317-7	CONNECTING ROD/HR4013C	TAY ĐINH/HR4013C	114.480	8%
15316	454319-3	CRANK CAP/HR4013C	NÁP ĐẦU/HR4013C	91.584	8%
15317	454326-6	CHANGE LEVER/HR4013C	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4013C	50.436	8%
15318	454327-4	SUB LEVER/HR4013C	CHỐT KHÓA/HR4013C	27.540	8%
15319	454330-5	CHUCK COVER/HR4013C	ĐẦU GAI/HR4013C	45.792	8%
15320	454331-3	RELEASE COVER/HR4013C	NÁP ĐẦU GAI/HR4013C	59.616	8%
15321	454332-1	SWITCH LEVER A/HR4013C	CÁN GẠT CÔNG TÁC A/HR4013C	41.256	8%
15322	454336-3	SWITCH LEVER C/HR4013C	CÁN GẠT CÔNG TÁC C/HR4013C	50.436	8%
15323	454337-1	LOCK SLEEVE/HR4013C	KHỚP NỐI/HR4013C	32.670	10%
15324	454338-9	LINK GUIDE/HR4013C	THANH DẪY/HR4013C	54.972	8%
15325	454339-7	CONTROL PLATE/HR4013C	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4013C	46.640	10%
15326	454344-4	DUST SUPPORT B/HR4013C	ĐỂ GIỮ LỖ XO GIÀM RUNG B/HR4013C	36.720	8%
15327	454345-2	CRANK LEVER/HR4013C	MIẾNG ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR4013C	36.720	8%
15328	454346-0	LENS/HR5212C	ỐNG KÍNH/HR5212C	18.360	8%
15329	454347-8	SLIDE SLEEVE/HR4013C	KHỚP NỐI NỒNG THIẾP/HR4013C	41.256	8%
15330	454348-6	GUARD 40/DHR400	ĐẠI KẾ BẢNG NHỰA 40/DHR400	211.680	8%
15331	454369-8	BAFFLE PLATE/M0401B	NÁP CHÂN GIÓ/M0401B	18.360	8%
15332	454375-3	CHANGE LEVER/MT80A	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/MT80A	9.180	8%
15333	454414-9	INTERNAL GEAR CASE/BTW074	NÁP HỘP NHÔNG/BTW074	5.400	8%
15334	454418-1	ID PLATE WHITE/BTW074	MIẾNG ĐẪY ID/BTW074	4.320	8%
15335	454462-8	PIN CAP/M0920B	NÁP CHỐT HẠM LƯỚI/M0920B	9.180	8%
15336	454480-6	BASE/VC1310L	ĐỂ CỬA MÁY HÚT BỤI/VC1310L	224.424	8%
15337	454483-0	TOOL OPENER/DJV181	THẢO MŨI/DJV181	36.720	8%
15338	454484-8	SEAL PLATE/DJV181	NÁP CHẶN/DJV181	9.350	10%
15339	454488-0	BUFFLE PLATE/EA3601F	TẦM ĐỆM/EA3601F	34.560	8%
15340	454489-8	BRACKET/EA3601F	MẶT ỐP/EA3601F	17.280	8%
15341	454493-7	AIR GUIDE PLATE/EA3601F	TẦM HƯỚNG DẪN GIÓ/EA3601F	25.920	8%
15342	454496-1	SHUTTER PLATE/EA3601F40B	MIẾNG ĐỆM/EA3601F40B	12.960	8%
15343	454502-2	LOCKOUT LEVER/EA3601F	KHÓA AN TOÀN/EA3601F	4.320	8%
15344	454503-0	GRIP COVER/EA3601F	NÁP TAY CÀM/EA3601F	34.560	8%
15345	454508-0	HOSE JOINT/EA3601F	ỐNG NỐI BĂNG NHỰA/EA3601F	12.960	8%
15346	454509-8	PUMP COVER/EA3601F	NÁP ỐP BƠM NHỚT/EA3601F	4.320	8%
15347	454511-1	CHAIN COVER/EA3601F	VỎ XÍCH/EA3601F	155.520	8%
15348	454515-3	SPRING COVER/EA3601F	NÁP LỖ XO/EA3601F	4.400	10%
15349	454519-5	NUT COVER/DUC353	NÁP BẢO VỆ/DUC353	21.600	8%
15350	454520-0	PLATE/EA3601F	MẶT ỐP/EA3601F	22.000	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15351	454522-6	STARTER GRIP/EA3601F	TAY NẮM KHỎI ĐỘNG/EA3601F	5.400	8%
15352	454524-2	RATCHET WHEEL/EA3601F	TRỤC KHẾ/EA3601F	4.320	8%
15353	454531-5	BRACKET/EA3601F	ĐỆM/EA3601F	22.000	10%
15354	454532-3	MANIFOLD/EA3601F	ỐNG DẪN/EA3601F	43.200	8%
15355	454533-1	SWITCH LEVER/EA3601F	CÔNG TÁC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/EA3601F	25.920	8%
15356	454554-3	COVER/MT912	NÁP CHỤP BẢO VỆ/MT912	119.124	8%
15357	454555-1	BAFFLE PLATE/M0920B	NÁP CHẮN GIÓ/M0920B	18.360	8%
15358	454557-7	HANDLE COVER/4100NH3	BỘ BỌC TAY CÀM/4100NH3	50.436	8%
15359	454578-9	COLLECTOR BASE A/DX01	GIÁ ĐỖ ỚNG DẪN BỤI/DX01	77.868	8%
15360	454580-2	SLIDE PIPE/DX01	ỚNG TRƯỢT/DX01	96.228	8%
15361	454596-7	BAFFLE PLATE/MT450	NÁP CHẮN GIÓ/MT450	27.540	8%
15362	454614-1	LEVER HOLDER/DPB181	NÁP ĐÁY/DPB181	59.616	8%
15363	454627-2	DEPTH GUIDE/DST421	THANH DẪN SÁU/DST421	68.688	8%
15364	454635-3	LOWER HEAD COVER/DTM51	NÁP BẢO VỆ DƯỚI/DTM51	22.896	8%
15365	454641-8	PROTECTOR HOLDER/BUR182U	ĐỀ BẢO VỆ/BUR182U	311.472	8%
15366	454650-7	GEAR HOUSING COVER/DPB181	HỘP NHÔNG/DPB181	64.152	8%
15367	454651-5	SWITCH LEVER/DPB181	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DPB181	27.540	8%
15368	454661-2	LOCK OFF LEVER R/JR105D	KHOA GẠT/JR105D	27.540	8%
15369	454669-6	VOLUTE CASE 1/PM7650H	NÁP CÀNH QUẠT TRƯỢT/PM7650H	34.560	8%
15370	454670-1	FAN GUARD/PM7650H	NÁP BẢO VỆ CÀNH QUẠT/PM7650H	9.720	8%
15371	454683-2	JOINT 1/PM7650H	ỚNG NỐI DƯỠNG DẪN NHIÊN LIỆU/PM7650H	38.880	8%
15372	454684-0	GUARD/PM7650H	VIÊN BẢO VỆ NGOÀI/PM7650H	31.320	8%
15373	454693-9	MOTOR HOUSING/DHS710	VỎ MÁY/DHS710	183.168	8%
15374	454696-3	BAFFLE PLATE/DHS710	NÁP CHẮN GIÓ/DHS710	41.256	8%
15375	454697-1	REAR COVER/DHS710	NÁP VỎ SAU/DHS710	54.972	8%
15376	454700-8	HANDLE COVER/UB1103	NÁP TAY CÀM/UB1103	99.360	8%
15377	454702-4	FAN COVER/UB1103	HỘP BẢO VỆ CÀNH QUẠT/UB1103	99.360	8%
15378	454720-2	BEARING HOUSING/UC3041A	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/UC3041A	103.680	8%
15379	454725-2	REAR COVER/UC3041A	NÁP CHỤP/UC3041A	123.660	8%
15380	454726-0	DIAL 30/UC3041A	NÚT ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIAM/UC3041A	9.180	8%
15381	454727-8	TENSION COVER/UC3041A	NÁP GIỮ TRỤC/UC3041A	13.824	8%
15382	454728-6	COVER/UC3041A	NÁP CHỤP BẢO VỆ/UC3041A	18.360	8%
15383	454729-4	OIL TANK/UC3041A	BÌNH CHỨ NHIÊN LIỆU/UC3041A	51.370	10%
15384	454730-9	CAP/DPB181	NÁP CHỤP/DPB181	18.360	8%
15385	454736-7	SWITCH LEVER/DUR182L	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DUR182L	69.120	8%
15386	454737-5	LOCK OFF LEVER/DUR182L	NÚT KHOA CÔNG TÁC/DUR182L	60.480	8%
15387	454738-3	LEVER BASE/DUR182LDUR182L	GÁ ĐỖ CÔNG TÁC/DUR182L	90.720	8%
15388	454742-2	LOCK OFF BUTTON/JV101D	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/JV101D	25.920	8%
15389	454757-9	MOTOR HOUSING/HR5212C	VỎ MOTOR/HR5212C	467.100	8%
15390	454758-7	HANDLE BASE/HR5212C	ĐỀ TAY CÀM/HR5212C	228.960	8%
15391	454759-5	HANDLE A/HR5212C	TAY CÀM A/HR5212C	343.440	8%
15392	454760-0	HANDLE COVER/HR5212C	NÁP TAY CÀM/HR5212C	219.888	8%
15393	454761-8	SLIDE SLEEVE/HR5212C	KHỚP NỐI NỒNG THÉP/HR5212C	41.256	8%
15394	454762-6	REAR COVER/HR5212C	VỎ ĐUÔI MÁY/HR5212C	142.020	8%
15395	454763-4	GEAR HOUSING COVER/HR5212C	NÁP HỘP NHÔNG/HR5212C	105.408	8%
15396	454764-2	CRANK CAP/HR5212C	NÁP ĐẦU/HR5212C	84.040	10%
15397	454765-0	CONNECTING ROD/HR5212C	TAY BIÊN/HR5212C	132.840	8%
15398	454766-8	LINK LEVER/HR5212C	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR5212C	32.076	8%
15399	454767-6	CHUCK COVER/HR5212C	BỌC ĐẦU KHOAN/HR5212C	41.256	8%
15400	454768-4	RELEASE COVER/HR5212C	LÓP VỎ TẢN NHIỆT/HR5212C	64.152	8%
15401	454769-2	LOCK SLEEVE/HR5212C	LONG ĐÉN BĂNG THÉP/HR5212C	32.076	8%
15402	454770-7	CONTROL PLATE/HR5212C	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR5212C	36.720	8%
15403	454771-5	SLIDE PLATE/HR5212C	CHÓT ĐÁY/HR5212C	18.700	10%
15404	454772-3	BAFFLE PLATE/HR5212C	NÁP CHẮN GIÓ/HR5212C	41.256	8%
15405	454773-1	HOLDER 15/HR5212C	Ổ GIỮ LỖ XO GIÂM RUNG 15/HR5212C	45.792	8%
15406	454774-9	SPRING PLATE/HR5212C	ĐỀ GIỮ LỖ XO/HR5212C	23.320	10%
15407	454777-3	BASE A/HR5212C	ĐỀ ĐUÔI MÁY/HR5212C	172.590	10%
15408	454778-1	LINK GUIDE/HR5212C	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR5212C	60.720	10%
15409	454779-9	GUIDE RING/HR5212C	NÁP CHẮN NHÔNG/HR5212C	114.480	8%
15410	454780-4	GUARD 52/HR006GZ	VÒNG CHẶN BẢO VỆ 52/HR006GZ	237.930	10%
15411	454818-5	COVER/UC4051A	GIÁ ĐỖ NHÔNG/UC4051A	9.350	10%
15412	454819-3	NUT COVER/UC4051A	NÁP BẢO VỆ/UC4051A	18.360	8%
15413	454821-6	GEAR HOUSING/UC4051A	HỘP NHÔNG/UC4051A	164.916	8%
15414	454822-4	GEAR HOUSING COVER/UC4051A	NÁP MÁY/UC4051A	64.800	8%
15415	454823-2	FRONT HANDLE/UC4051A	TAY CÀM/UC4051A	169.452	8%
15416	454825-8	ROD/UC4051A	THANH CÔNG TÁC/UC4051A	13.824	8%
15417	454826-6	OIL TANK/UC4051A	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/UC4051A	32.076	8%
15418	454842-8	BASE PROTECTOR/RT0700C	TÀM LÓT BÀN ĐỂ/RT0700C	59.616	8%
15419	454843-6	WHEEL/EE2650H	BÀNH XE/EE2650H	11.880	8%
15420	454850-9	REAR COVER/DTW280	NÁP CHỤP/DTW280	50.436	8%
15421	454851-7	HAMMER CASE COVER/DTW280	NÁP ĐẦU BÚA/DTW280	27.540	8%
15422	454874-5	INTERMEDIATE FLANGE/EA3503S	GIÁ ĐỖ BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EA3503S	22.000	10%
15423	454875-3	HOOD/EA3503S	NÁP CHỤP LỌC GIÓ/EA3503S	51.840	8%
15424	454878-7	SLIDE PLATE/UM110DZX	THANH TRƯỢT/UM110DZX	13.824	8%
15425	454879-5	LOCK LEVER/UH201D	ỚC KHOA/UH201D	8.800	10%
15426	454892-3	REAR VOLUTE CASE/EB7650TH	NÁP CÀNH QUẠT TRƯỢT/EB7650TH	322.920	8%
15427	454893-1	FRONT VOLUTE CASE/EB7650TH	NÁP CÀNH QUẠT SAU/EB7650TH	385.560	8%
15428	454894-9	FRAME/EB7650TH	VỎ MÁY/EB7650TH	1.101.600	8%
15429	454895-7	LONG PIPE 90/EB7650TH	ỚNG DẪI/EB7650TH	280.800	8%
15430	454899-9	THROTTLE LEVER A/EB7650TH	NÚT CÔNG TÁC A/EB7650TH	25.920	8%
15431	454900-0	THROTTLE LEVER B/EB7650TH	NÚT CÔNG TÁC/EB7650TH	21.600	8%
15432	454902-6	CHOKE LEVER/EB7650TH	CÁN CHỈNH GIÓ/EB7650TH	17.280	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15433	454903-4	SPRING HOLDER A/EB7650TH	CHÓT CHẶN LỖ XO A/EB7650TH	8.800	10%
15434	454904-2	SPRING HOLDER B/EB7650TH	CHÓT CHẶN LỖ XO B/EB7650TH	17.600	10%
15435	454905-0	BAND HOLDER/EB7650TH	CHÓT GÀI/EB7650TH	8.640	8%
15436	454910-7	CHOKE PLATE/EB7650TH	MIẾNG ĐỆM CHẶN GIÓ/EB7650TH	13.200	10%
15437	454911-5	ICING VALVE/EB7650TH	VÁN THÔNG KHI/EB7650TH	17.280	8%
15438	454912-3	ICING VALVE COVER/EB7650TH	NÁP CHỤP/EB7650TH	2.160	8%
15439	454913-1	AIR CLEANER CASE/EB7650TH	NÁP CHỤP BÌNH XĂNG/EB7650TH	145.800	8%
15440	454922-0	CABLE HOLDER/EB7650TH	CHÓT ĐỊNH VỊ CÁP/EB7650TH	13.824	8%
15441	454924-6	THROTTLE LINK/EB7650TH	CHÓT KHÓA/EB7650TH	17.600	10%
15442	454932-7	SWITCH LEVER A/UH650D	NÚT CÔNG TÁC/UH650D	86.400	8%
15443	454934-3	FLEXIBLE PIPE/EB7650TH	ỐNG DẪN HƯỚNG/EB7650TH	220.320	8%
15444	454956-3	LENS/DC18WA	NẮP BẢO VỆ ĐÈN/DC18WA	9.180	8%
15445	454980-6	F/R CHANGE LEVER/DHR263	CÁN GẠT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR263	18.360	8%
15446	455003-3	FUEL TANK/EM2550UH	BÌNH CHỨA XĂNG/EM2550UH	220.320	8%
15447	455005-9	MOTOR BRACKET/DSC121	NÁP HỘP NHÔNG/DSC121	32.076	8%
15448	455006-7	GEAR CASE/DSC121	HỘP CHỨA NHÔNG/DSC121	41.256	8%
15449	455011-4	REAR COVER/DSC121	NÁP CHỤP PHÍA SAU/DSC121	41.256	8%
15450	455013-0	MOTOR HOUSING/DTM51	VỎ MÁY/DTM51	228.960	8%
15451	455015-6	SWITCH LEVER/DTM51	THANH TRƯỢT CÔNG TÁC/DTM51	13.824	8%
15452	455016-4	SWITCH KNOB/DTM51	NÚT CÔNG TÁC/DTM51	9.180	8%
15453	455017-2	BUFFLE PLATE/DTM51	NÁP CHẶN GIÓ/DTM51	13.824	8%
15454	455018-0	SWITCH CASE/DTM51	HỘP CÔNG TÁC/DTM51	9.180	8%
15455	455027-9	STOPPER/CL104D	CHÓT/CL104D	9.350	10%
15456	455028-7	BUTTON/CL104D	NÚT NHẤN/CL104D	9.180	8%
15457	455051-2	HAMMER CASE COVER/DTD137	TẤM CHẶN/DTD137	22.896	8%
15458	455053-8	F/R CHANGE LEVER/DTD137	CÔNG TÁC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DTD137	13.824	8%
15459	455064-3	MOTOR BRACKET/DLM380	MẶT ỐP CỐ ĐỊNH MOTOR/DLM380	185.760	8%
15460	455070-8	LED COVER/DLM380	THANH BẢO VỆ ĐÈN LED/DLM380	12.960	8%
15461	455071-6	CORD HOLDER/DLM380	MIẾNG GÀ ĐÓ/DLM380	13.200	10%
15462	455072-4	SWITCH BOX/DLM380	HỘP CÔNG TÁC PHẢI/DLM380	43.200	8%
15463	455073-2	SWITCH BOX COVER/DLM380	HỘP CÔNG TÁC TRÁI/DLM380	43.200	8%
15464	455074-0	SWITCH BUTTON/DLM431	CÁN ĐÁY CÔNG TÁC/DLM431	22.896	8%
15465	455075-8	LEVER/DLM431	THANH BẬT/DLM431	17.280	8%
15466	455076-6	SWITCH LEVER CASE/DLM380	NÁP BỌC CÔNG TÁC/DLM380	21.600	8%
15467	455077-4	SWITCH LEVER CASE COVER/DLM380	BỌC CÔNG TÁC/DLM380	21.600	8%
15468	455078-2	ARM/DLM431	TAY CÀM BĂNG NHỰA/DLM431	12.960	8%
15469	455111-0	FOOT/9035H	CHẶN RUNG/9035H	32.076	8%
15470	455120-9	FRONT HAND GUARD/DUC252	BẢO VỆ TAY PHÍA TRƯỚC/DUC252	192.348	8%
15471	455121-7	OIL TANK/DUC252	BÌNH CHỨA NHỆN LIỆU/DUC252	206.064	8%
15472	455130-6	BLADE SUPPORT/DLM380	MIẾNG NHỰA BỌC LƯỚI CÁT/DLM380	43.200	8%
15473	455131-4	CURL WASHER 8/DLM380	MIẾNG ĐỆM/DLM380	8.800	10%
15474	455157-6	CONNECTING ROD/MT860	TAY BIÊN/MT860	41.256	8%
15475	455158-4	PISTON/MT860	PIS TÔNG/MT860	45.792	8%
15476	455159-2	BARREL COVER/MT860	VỎ NHỰA ĐẦU BẢO VỆ MT860/MT860	96.228	8%
15477	455160-7	CRANK CAP/MT860	NẮP DẦU/MT860	73.332	8%
15478	455161-5	CRANK CAP COVER/MT860	NÁP CHE/MT860	18.360	8%
15479	455162-3	BAFFLE PLATE/MT860	NÁP CHẶN GIÓ/MT860	22.896	8%
15480	455165-7	FIX GUIDE/MT860	MIẾNG ĐỆM/MT860	9.180	8%
15481	455166-5	SIDE GRIP BASE 60/MT860	ĐỂ TAY CÀM/MT860	28.050	10%
15482	455183-5	HOLDER CAP COVER/DCO180	NÁP THAN/DCO180	8.640	8%
15483	455185-1	SWITCH LEVER/UC3041A	NÚT CÔNG TÁC/UC3041A	32.076	8%
15484	455191-6	CORRUGATE TUBE/EB7650TH	ỐNG DẪN/EB7650TH	59.616	8%
15485	455203-5	THROTTLE LEVER/BHX2500	NÚT CÔNG TÁC/BHX2500	51.840	8%
15486	455241-7	CLAMP SCREW/DUC254	MIẾNG ĐỆM/DUC254	14.080	10%
15487	455242-5	CLAMP SCREW/EA3700T	ỐC VÍT/EA3700T	13.200	10%
15488	455245-9	HOOK/BAB182	MIẾNG ĐỆM GÀI/BAB182	56.160	8%
15489	455249-1	FRONT COVER JOINT/CL104D	KHỚP VỎ TRƯỚC/CL104D	9.180	8%
15490	455250-6	COVER/CL104D	VỎ NGOÀI/CL104D	13.824	8%
15491	455251-4	BUTTON/CL104D	CHÓT/CL104D	9.350	10%
15492	455252-2	FRONT COVER IVORY/CL104D	NÁP CHỤP MÀU NGÀ/CL104D	59.616	8%
15493	455253-0	FRONT COVER BLUE/CL104D	NÁP ĐÁY HỘP ĐUNG BỤI MÀU XANH/CL104D	54.972	8%
15494	455272-6	UPPER HEAD COVER/DTM51	NÁP BẢO VỆ TRÊN/DTM51	59.616	8%
15495	455288-1	DUST COVER/9237C	NÁP CHỤP/9237C	45.792	8%
15496	455291-2	HEAD COVER/9237C	NÁP BẢO VỆ/9237C	151.200	8%
15497	455301-5	BAFFLE PLATE/MT904	NÁP CHẶN GIÓ/MT904	13.824	8%
15498	455313-8	THROTTLE LEVER/EE2650H	NÚT CÔNG TÁC/EE2650H	4.320	8%
15499	455329-3	GRIP 25/UH353D	TAY CÀM 25/UH353D	73.440	8%
15500	455343-9	BAFFLE PLATE/MT660	NÁP CHẶN GIÓ/MT660	18.700	10%
15501	455347-1	FRONT COVER JOINT/CL104D	NÁP CHỤP/CL104D	13.824	8%
15502	455348-9	COVER/CL111D	NÁP GÀI PIN/CL111D	18.360	8%
15503	455349-7	FRONT COVER RED/CL104D	NÁP CHỤP MÀU ĐỎ/CL104D	59.616	8%
15504	455350-2	BUTTON/CL104D	NÚT NHẤN/CL104D	9.180	8%
15505	455353-6	HANDLE COVER/HS7600	TAY CÀM/HS7600	109.944	8%
15506	455354-4	BAFFLE PLATE/HS7600	NÁP CHẶN GIÓ/HS7600	13.824	8%
15507	455357-8	REAR COVER/TD091D	TẤM BẢO VỆ PHÍA SAU/TD091D	32.076	8%
15508	455358-6	MOTOR HOUSING/9565P	VỎ MÁY/9565P	178.632	8%
15509	455367-5	BAFFLE PLATE/GD0801C	NÁP CHẶN GIÓ/GD0801C	59.616	8%
15510	455370-6	TANK GUARD/EM3400U	NÁP BÌNH CHỨA/EM3400U	57.200	10%
15511	455371-4	CYLINDER COVER/EM3400U	CHỤP BẢO VỆ XY LẠNH/EM3400U	17.280	8%
15512	455372-2	GUARD/EM3400U	TẤM BẢO VỆ/EM3400U	2.160	8%
15513	455373-0	AIR CLEANER PLATE/EM3400U	NÁP LỌC GIÓ/EM3400U	9.720	8%
15514	455374-8	CHOKE PLATE/EM3400U	BƯỚM GIÓ/EM3400U	4.320	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15515	455375-6	CHOKE LEVER/EM3400U	CÀN GẠT GIÓ/EM3400U	4.320	8%
15516	455376-4	AIR CLEANER CHECK PLATE/EM3400U	CÀN GẠT GIÓ/EM3400U	4.320	8%
15517	455377-2	AIR CLEANER COVER/EM3400U	NÁP LỌC GIÓ/EM3400U	34.560	8%
15518	455378-0	INSULATOR/EM3400U	BỘ CÁCH ĐIỆN/EM3400U	51.840	8%
15519	455379-8	FUEL TANK/EM3400U	BỂ CHỨA NHIÊN LIỆU/EM3400U	123.200	10%
15520	455385-3	MOTOR HOUSING/SG1251	VỎ MÁY/SG1251	123.660	8%
15521	455386-1	MOTOR HOUSING COVER/SG1251J	VỎ MÁY/SG1251J	22.896	8%
15522	455391-8	CHANGE LEVER COVER/HR2630	VỎ CHE CÀN GẠT CHUYỂN ĐỔI/HR2630	32.076	8%
15523	455392-6	CHANGE LEVER/HR2630	CÀN GẠT CHUYỂN ĐỔI/HR2630	13.824	8%
15524	455393-4	CHUCK COVER/HR2630	ĐẦU GÀI MŨI KHOAN KHOAN/HR2630	13.824	8%
15525	455394-2	CHANGE LEVER CAP/HR2630	NÁP CÀN GẠT CHUYỂN ĐỔI CHẾ ĐỘ/HR2630	9.180	8%
15526	455398-4	CHARGER CASE COVER/DC18RD	VỎ ĐỂ SẠC/DC18RD	1.429.920	8%
15527	455399-2	TERMINAL BASE/DC18RD	GIÁ ĐỖ/DC18RD	509.760	8%
15528	455401-1	LENS A/DC18RD	ỐNG KÍNH/DC18RD	69.120	8%
15529	455402-9	LENS B/DC18RD	ỐNG KÍNH/DC18RD	69.120	8%
15530	455407-9	AIR CLEANER PLATE COMPLETE/BHX2500	HỘP LỌC GIÓ/BHX2500	120.960	8%
15531	455413-4	LOCK BUTTON/DHR165	NÚT KHÓA/DHR165	9.180	8%
15532	455434-6	FUEL TANK BRACKET/RBC411	GIÁ ĐỖ BÌNH XĂNG/RBC411	25.920	8%
15533	455437-0	MOTOR HOUSING/DHS680	VỎ MÔ TÔ/DHS680	123.660	8%
15534	455440-1	BAFFLE PLATE/DHS680	NÁP CHẮN GIÓ/DHS680	18.360	8%
15535	455446-9	SWITCH LEVER/DGA404	NÚT CÔNG TÁC/DGA404	4.644	8%
15536	455447-7	SWITCH KNOB/DGA404	NÚT CÔNG TÁC/DGA404	4.644	8%
15537	455448-5	LEVER/DGA404	CÀN GẠT/DGA404	9.180	8%
15538	455449-3	DUST COVER L/DGA404	NÁP CHẮN BỤI/DGA404	60.720	10%
15539	455450-8	DUST COVER R/DGA404	NÁP CHẮN BỤI/DGA404	60.720	10%
15540	455468-9	UNIT CASE COVER/DTS141	NÁP CHỤP/DTS141	54.972	8%
15541	455480-9	SWITCH LEVER/DCS551	NÚT CÔNG TÁC/DCS551	60.480	8%
15542	455483-3	DUCT/DHS680	NÁP CHỤP/DHS680	13.824	8%
15543	455490-6	CONNECTING ROD/HM1812	TAY BIÊN/HM1812	151.200	8%
15544	455509-1	PISTON/HM1812	PIS TÔNG/HM1812	142.020	8%
15545	455516-4	TOP GUIDE/DHS680	THANH DẪN HƯỚNG/DHS680	41.256	8%
15546	455517-2	BEVEL GUIDE/DHS680	THANH DẪN GÓC/DHS680	32.076	8%
15547	455546-5	TERMINAL COVER/DC18RD	NÁP BẢO VỆ/DC18RD	518.400	8%
15548	455559-6	CLUTCH COVER/EK7651H	NÁP CHỤP BẢO VỆ BỘ COIL/EK7651H	224.640	8%
15549	455588-9	WIRE CLAMP/RBC413U	KẸP GIỮ/RBC413U	2.160	8%
15550	455591-0	LOCK RING/DFS452	CHÓT GÀI/DFS452	64.152	8%
15551	455594-4	SUPPORT/MT954	ĐỂ CHÂN CÔNG TÁC/MT954	13.824	8%
15552	455601-3	CAPSULE/CL183D	HỘP KÍN/CL183D	151.200	8%
15553	455625-9	SWITCH LEVER/DUR191L	CÀN GẠT CÔNG TÁC/DUR191L	54.972	8%
15554	455626-7	TOP COVER/DUR365U	NÁP NHÔNG/DUR365U	77.868	8%
15555	455628-3	INNER COVER/DUR365U	NÁP ĐẦY/DUR365U	22.896	8%
15556	455629-1	LOCK OFF LEVER/DUR365U	KHOAT GẠT/DUR365U	34.560	8%
15557	455723-9	SWITCH COVER/EM3400U	NÁP CÔNG TÁC/EM3400U	12.960	8%
15558	455726-3	SEPARATOR/DVC860L	NÁP ĐUÔI MÁY/DVC860L	407.592	8%
15559	455728-9	BATTERY COVER HOOK/DVC860L	NÁP BẢO VỆ PIN/DVC860L	32.076	8%
15560	455729-7	TERMINAL BASE/DVC860L	GIÁ ĐỖ/DVC860L	87.048	8%
15561	455730-2	SWITCH BUTTON/DVC860L	NÚT CÔNG TÁC/DVC860L	9.720	8%
15562	455732-8	TOOL BOX/DVC860L	THÙNG CHỨA/DVC860L	352.620	8%
15563	455733-6	SWITCH LEVER/DVC860L	NÚT CÔNG TÁC/DVC860L	36.720	8%
15564	455734-4	GRIP/DVC860L	TAY CÀM/DVC860L	169.452	8%
15565	455743-3	SWITCH LEVER/CL106FD	CÔNG TÁC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/CL106FD	9.180	8%
15566	455765-3	SWITCH COVER/DFL651F	ÓP CÔNG TÁC BẰNG NHỰA/DFL651F	7.560	8%
15567	455766-1	F/R CHANGE LEVER/DFL651F	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DFL651F	91.584	8%
15568	455767-9	LENS/DFL651F	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DFL651F	7.560	8%
15569	455771-8	PROTECTOR E/DFL651F	NÁP BẢO VỆ/DFL651F	256.500	8%
15570	455773-4	PROTECTOR G/DFL651F	NÁP BẢO VỆ/DFL651F	293.112	8%
15571	455784-9	TANK STRAINER/PM7650H	LƯỚI LỌC/PM7650H	298.080	8%
15572	455790-4	GEAR HOUSING/DPB181	HỘP NHÔNG/DPB181	77.868	8%
15573	455791-2	PIPE HOLDER SUPPORT/HM0871C	GÁ ĐỖ TRONG LỰC/HM0871C	28.050	10%
15574	455804-9	DECOMPRESSION VALVE/EK8100	VAN GIẢM ÁP/EK8100	185.760	8%
15575	455805-7	AIR GUIDE PLATE/EK8100	VÒNG ĐẦY CHỤP GIỮT/EK8100	56.160	8%
15576	455806-5	RETAINER FOR DAMPER BLACK/EK8100	CHỤP NHỰA GIẢM CHẤN/EK8100	7.560	8%
15577	455808-1	CHOKE SHAFT/EK8100	BỘ KHÓA BÌNH XĂNG CON/EK8100	12.960	8%
15578	455815-4	PROTECTOR/DUR365U	TẮM BẢO VỆ/DUR365U	220.320	8%
15579	455816-2	SWITCH LEVER/DUR365U	THÀNH GẠT CÔNG TÁC/DUR365U	56.160	8%
15580	455819-6	HOOD/EK8100	NÁP CHỤP/EK8100	9.720	8%
15581	455820-1	THROTTLE LEVER/EK8100	NÚT TAY GA/EK8100	47.520	8%
15582	455821-9	SAFETY LEVER/EK8100	NÚT AN TOÀN/EK8100	47.520	8%
15583	455831-6	BELT COVER/EK8100	NÁP CHỤP BẢO VỆ ĐẦY CUA ROA/EK8100	120.960	8%
15584	455832-4	CLUTCH COVER/EK8100	NÁP CHỤP BẢO VỆ/EK8100	203.040	8%
15585	455897-6	BAFFLE PLATE/DCS551	NÁP CHẮN GIÓ/DCS551	35.200	10%
15586	455898-4	BLADE COVER/DCS551	NÁP CHẮN LƯỚI CẮT/DCS551	114.480	8%
15587	455899-2	BLADE CASE/DCS551	BỘ BỌC LƯỚI CẮT/DCS551	192.348	8%
15588	455900-3	MOTOR HOUSING/DCS551	VỎ MÁY/DCS551	133.920	8%
15589	455907-9	MOTOR HOUSING/DUP362	VỎ MOTOR/DUP362	316.008	8%
15590	455908-7	MOTOR HOUSING COVER/DUP362	VỎ MÁY/DUP362	87.048	8%
15591	455909-5	CAP/DUB362	NÁP CHỤP BẢO VỆ/DUB362	155.520	8%
15592	455912-6	REAR COVER/DUP362	TẮM BẢO VỆ PHÍA SAU/DUP362	146.556	8%
15593	455914-2	FRONT NOZZLE/DUB362	ỐNG THỔI/DUB362	172.800	8%
15594	455915-0	LONG NOZZLE/DUB362	ỐNG NỎI/DUB362	17.280	8%
15595	455919-2	REEL/EA3201S	RULO QUẤN DÂY/EA3201S	56.160	8%
15596	455926-5	PROTECTOR/DUR368A	TẮM CHÂN BẢO VỆ/DUR368A	263.520	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15597	455936-2	BELT COVER/EK7651H	NẠP CHỤP BẢO VỆ DÂY CUA ROA/EK7651H	276.480	8%
15598	455951-6	HOLDER C/CG100D	BỘ ĐỖ ỐNG C /CG100D	806.960	10%
15599	455959-0	LENZ/DC10SB	NÚT NHẤN KÉP/DC10SB	56.160	8%
15600	455965-5	MOTOR HOUSING/M0900B	VỎ MÁY/M0900B	109.944	8%
15601	455966-3	MOTOR HOUSING/M0910B	VỎ MÁY/M0910B	114.480	8%
15602	455974-4	MOTOR HOUSING/M8700	VỎ MÁY/M8700	168.480	8%
15603	455975-2	HANDLE COVER/M8700	VỎ TAY CẦM/M8700	91.584	8%
15604	455989-1	MOTOR HOUSING/M8100B	VỎ MÁY/M8100B	172.800	8%
15605	455991-4	LEVER CASE/M8100B	ỚP CÔNG TÁC/M8100B	9.180	8%
15606	455994-8	INNER HOUSING/M4000B	VỎ MÁY/M4000B	45.792	8%
15607	455996-4	HANDLE COVER/M9400B	TAY CẦM BẰNG NHỰA/M9400B	109.944	8%
15608	456014-1	MOTOR HOUSING/M9201B	VỎ MÁY/M9201B	247.320	8%
15609	456015-9	MOTOR HOUSING/M9202B	VỎ MÁY/M9202B	215.244	8%
15610	456016-7	MOTOR HOUSING/M9200B	VỎ MÁY/M9200B	187.812	8%
15611	456017-5	INNER PIPE/DX01	GÀ ĐỖ ỐNG DẪN BUI/DX01	77.760	8%
15612	456039-5	F/R CHANGE LEVER/DF031D	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DF031D	9.180	8%
15613	456044-2	REAR COVER/DTD149	CHỤP SAU/DTD149	41.256	8%
15614	456048-4	CHARGER CASE COVER/DC10SB	VỎ ĐÈ SẠC/DC10SB	242.784	8%
15615	456049-2	LENZ/DC10SB	NÚT NHẤN ĐƠN/DC10SB	69.120	8%
15616	456059-9	GRIP/CA5000	TAY CẦM/CA5000	64.152	8%
15617	456060-4	SPACER/CA5000	NẠP CHỤP CÔNG TÁC/CA5000	43.200	8%
15618	456061-2	BLADE CASE COVER/CA5000	NẠP CHẴN LƯỖI CẮT/CA5000	324.000	8%
15619	456062-0	COVER/CA5000	CHỤP BẢO VỆ/CA5000	423.360	8%
15620	456082-4	CORRUGATE TUBE/RBC411U	ỐNG NHỰA MỀM/RBC411U	4.320	8%
15621	456084-0	CORRUGATE TUBE/EM3400U	ỐNG NHỰA MỀM/EM3400U	4.320	8%
15622	456099-7	REAR COVER/DDF482	TẮM BẢO VỆ PHÍA SAU/DDF482	279.396	8%
15623	456110-5	DEPTH GUIDE/CA5000	MIẾNG DẪN SAU/CA5000	86.400	8%
15624	456116-3	BAFFLE PLATE/BO6050	NẠP CHẴN GIÓ/BO6050	38.880	8%
15625	456117-1	TOP COVER/BO6050	NẠP CHỤP TRÊN/BO6050	59.616	8%
15626	456120-2	MOTOR HOUSING/BO6050	VỎ MOTOR/BO6050	272.160	8%
15627	456121-0	REAR COVER/BO6050	NẠP BẢO VỆ PHÍA SAU/BO6050	90.720	8%
15628	456122-8	FRONT SWITCH LEVER/BO6050	THANH TRƯỢT CÔNG TÁC/BO6050	34.560	8%
15629	456123-6	REAR SWITCH LEVER/BO6050	CÀN GẠT CÔNG TÁC SAU/BO6050	30.240	8%
15630	456124-4	PICUP COIL COVER/BO6050	NẠP GẢI CUỘN DÂY/BO6050	30.240	8%
15631	456126-0	CHANGE KNOB/BO6050	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/BO6050	34.560	8%
15632	456127-8	PAD PROTECTOR/BO6050	MIẾNG BẢO VỆ ĐÈ/BO6050	64.800	8%
15633	456128-6	BATTERY COVER/CC301D	BỘ VỎ PIN/CC301D	9.180	8%
15634	456129-4	BAFFLE PLATE/MT817	NẠP CHẴN GIÓ/MT817	9.350	10%
15635	456135-9	INTAKE MANIFOLD/EA4301F	NẠP GẢI BỘ CHẾ HOA KHÍ/EA4301F	5.400	8%
15636	456136-7	HAND PROTECTION/EA4301F	TAY KHÓA XÍCH/EA4301F	146.880	8%
15637	456137-5	AIR GUIDE PLATE/EA4301F	NẠP CHẴN GIÓ/EA4301F	4.320	8%
15638	456138-3	GUIDE/EA4301F	NẠP ĐẪY VÍT ĐIỀU CHỈNH/EA4301F	21.600	8%
15639	456139-1	CHOKE LEVER/EA4301F	CÀN GẠT CÔNG TÁC/EA4301F	4.320	8%
15640	456140-6	TUBULAR HANDLE/EA4301F	TAY CẦM/EA4301F	34.560	8%
15641	456141-4	THROTTLE LEVER/EA4301F	CÀN GẠT TAY GA/EA4301F	47.520	8%
15642	456142-2	CATCH LEVER/EA4301F	KHÓA GẠT/EA4301F	30.240	8%
15643	456143-0	GRIP OUTER SHELL/EA4301F	NẠP TAY CẦM/EA4301F	38.880	8%
15644	456151-1	SIDE COVER MAKITA BLUE/EA4301F	ỚP TAY CẦM/EA4301F	4.320	8%
15645	456157-9	INSERT/EA5600F	MIẾNG ĐẼM/EA5600F	8.800	10%
15646	456159-5	HOOD/EA4301F	NẠP CHỤP/EA4301F	73.440	8%
15647	456169-2	CARBURETOR BOTTOM/EA4301F	GIA ĐỖ BỘ CHẾ HOA KHÍ/EA4301F	181.440	8%
15648	456176-5	LOCK LEVER/DJR187	CÀN GẠT CỦA KHÓA/DJR187	32.670	10%
15649	456177-3	CHANGE BUTTON/DJR187	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DJR187	41.256	8%
15650	456178-1	BAFFLE PLATE/DJR187	NẠP CHẴN GIÓ/DJR187	13.824	8%
15651	456196-9	CAPSULE/DCL180	CHỤP BẢO VỆ TÚI BỤI/DCL180	151.200	8%
15652	456199-3	INLET/DCL182	ĐẦU NỐI/DCL182	27.540	8%
15653	456200-4	FRONT COVER JOINT/DCL182	NẠP CHỤP/DCL182	18.360	8%
15654	456201-2	BUTTON/DCL182	NÚT NHẤN/DCL182	13.824	8%
15655	456202-0	FRONT COVER/DCL182	NẠP CHỤP/DCL182	54.972	8%
15656	456206-2	MOTOR HOUSING/DJR186	VỎ MOTOR/DJR186	146.556	8%
15657	456207-0	BAFFLE PLATE/DJR186	NẠP CHẴN GIÓ/DJR186	13.824	8%
15658	456208-8	LOCK OFF BUTTON/DJR186	CHÓT HÂM/DJR186	13.824	8%
15659	456209-6	UPPER HOUSING/DUP361	VỎ MÁY/DUP361	609.120	8%
15660	456211-9	LOWER HOUSING/DUP361	VỎ MÁY/DUP361	210.708	8%
15661	456215-1	LEVER/DUP361	CÀN GẠT/DUP361	42.020	10%
15662	456217-7	BALL NUT COVER A/DUP361	NẠP BẢO VỆ DƯỚI/DUP361	50.436	8%
15663	456218-5	BALL NUT COVER B/DUP361	NẠP BẢO VỆ TRÊN/DUP361	41.256	8%
15664	456238-9	DIFFUSER/GA7060	NẠP CHẴN BỤI/GA7060	27.540	8%
15665	456239-7	BAFFLE PLATE/GA7060	NẠP CHẴN GIÓ/GA7060	13.824	8%
15666	456240-2	MOTOR HOUSING/GA7060	VỎ MÁY/GA7060	554.148	8%
15667	456245-2	BRUSH HOLDER COVER L/GA7062	NẠP THAN/GA7062	27.540	8%
15668	456246-0	BRUSH HOLDER COVER R/GA7062	NẠP THAN/GA7062	41.256	8%
15669	456247-8	PIN CAP/GA7060	NẠP CHÓT/GA7060	9.180	8%
15670	456252-5	BLADE COVER/HS301D	NẠP CHẴN LƯỖI CẮT/HS301D	50.436	8%
15671	456255-9	TERMINAL COVER/DC18SF	NẠP ĐÈ GẢI PIN/DC18SF	228.960	8%
15672	456268-0	F/R CHANGE LEVER/DTW1001	NÚT CHUYỂN ĐỔI CHẾ ĐỘ/DTW1001	18.360	8%
15673	456285-0	HAMMER CASE COVER/DTD149	NẠP GẢI ĐẦU BUA/DTD149	22.896	8%
15674	456289-2	COOLING HOOD/EK6101	NẠP CHỤP/EK6101	7.560	8%
15675	456291-5	INTAKE MANIFOLD/EK6101	NẠP GẢI BỘ CHẾ HOA KHÍ/EK6101	60.480	8%
15676	456292-3	CHOKE LEVER/EK6101	CÀN CHỈNH GIÓ/EK6101	12.960	8%
15677	456293-1	THROTTLE LEVER/EK6101	NÚT CÔNG TÁC/EK6101	17.280	8%
15678	456294-9	CATCH LEVER/EK6101	CÀN GẠT/EK6101	12.960	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15679	456295-7	GRIP OUTER SHELL/EK6101	VỎ TAY CẮM/EK6101	4.320	8%
15680	456297-3	CLAMP HANDLE/EK6101	KẸP TAY CẮM/EK6101	2.160	8%
15681	456299-9	NIPPLE/EK6101	ĐẦU NỒI/EK6101	12.960	8%
15682	456307-6	AIR GUIDE PLATE/EK6101	NÁP CHỤP/EK6101	51.840	8%
15683	456308-4	CABLE DRUM/EK6101	RU LO CÁP/EK6101	95.040	8%
15684	456309-2	DRIVER EASY START/EK6101	BỘ ĐIỀU KHIỂN KHỞI ĐỘNG/EK6101	82.080	8%
15685	456337-7	COUPLING/GD0603	KHỚP NỐI/GD0603	18.360	8%
15686	456340-8	MOTOR HOUSING/MT90B	VỎ MÔ TƠ/MT90B	73.332	8%
15687	456346-6	DECK/DLM431	NÁP CHỤP DƯỚI/DLM431	90.720	8%
15688	456347-4	COWLING M/DLM431	NÁP CHỤP TRÊN/DLM431	367.200	8%
15689	456349-0	SWITCH BOX/DLM431	HỘP CÔNG TÁC/DLM431	73.440	8%
15690	456351-3	SWITCH LEVER CASE/DLM431	NÁP BOC CÔNG TÁC/DLM431	30.240	8%
15691	456352-1	SWITCH LEVER CASE COVER/DLM431	BOC CÔNG TÁC/DLM431	30.240	8%
15692	456353-9	FRONT COVER/DLM431	MIẾNG ĐẼM/DLM431	82.512	8%
15693	456354-7	HOLDER/DLM431	CHỐT ĐỊNH VỊ CÁP/DLM431	17.600	10%
15694	456355-5	INDICATOR M/DLM431	MIẾNG ĐẼM/DLM431	38.880	8%
15695	456369-4	GRIP/EN420MP	TAY CẮM/EN420MP	43.200	8%
15696	456373-3	SPRING HOLDER/EA5600F	GÀ ĐỖ LO XO/EA5600F	4.400	10%
15697	456380-6	MOTOR HOUSING/GA4030R	VỎ MÔ TƠ/GA4030R	123.660	8%
15698	456381-4	REAR COVER/GA4030R	NÁP BẢO VỆ PHÍA SAU/GA4030R	5.400	8%
15699	456386-4	TOP COVER/BAP182	NÁP CHỤP PHÍA DƯỚI/BAP182	263.520	8%
15700	456387-2	OUTER CASE A/BAP182	HỘP ĐỪNG PIN/BAP182	246.240	8%
15701	456389-8	OUTER CASE A/BAP182	NÁP CHỤP/BAP182	164.160	8%
15702	456390-3	OUTER CASE B/BAP182	HỘP ĐỪNG PIN/BAP182	241.920	8%
15703	456392-9	INNER SUPPORT/BAP182	BỘ HỖ TRỢ BÊN TRONG/BAP182	60.480	8%
15704	456398-7	FRONT VOLUTE CASE/EB7660TH	NÁP CẢNH QUẠT SAU/EB7660TH	423.360	8%
15705	456399-5	AIR CLEANER CASE/EB7660TH	NÁP LỌC GIÓ/EB7660TH	138.240	8%
15706	456400-6	CABLE HOLDER/EB7660TH	GIA ĐỖ ĐỊNH VỊ CÁP BẰNG NHƯ A/EB7660TH	25.920	8%
15707	456401-4	CARBURETOR COVER/EB7660TH	NÁP ĐẦY BỘ CHẾ HÒA KHI/EB7660TH	21.600	8%
15708	456423-4	LOOP HANDLE 24/DUR189	TAY CẮM/DUR189	246.240	8%
15709	456426-8	CHARGER CASE COVER/DC18SD	NÁP VỎ SẠC/DC18SD	357.264	8%
15710	456488-6	HANDLE COVER/M4100B	TAY CẮM/M4100B	45.792	8%
15711	456507-8	MOTOR HOUSING/M8104B	VỎ MÁY/M8104B	187.812	8%
15712	456510-9	HANDLE COVER/M8104B	VỎ TAY CẮM/M8104B	59.616	8%
15713	456511-7	LEVER CASE/M8104B	ÓP CÔNG TÁC/M8104B	9.180	8%
15714	456528-0	CHANGE LEVER COVER/MT871	NÁP CHÂN CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/MT871	18.360	8%
15715	456529-8	CHUCK COVER/MT871	ĐẦU GÁI MŨI KHOAN/MT871	12.960	8%
15716	456532-9	SPEED CHANGE LEVER/DF032D	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DF032D	18.360	8%
15717	456552-3	BELT COVER/M1901B	NÁP CHỤP BẢO VỆ ĐẦY CU-ROA/M1901B	50.436	8%
15718	456554-9	HANDLE COVER/M1901B	VỎ TAY CẮM/M1901B	132.840	8%
15719	456558-1	MOTOR HOUSING/M9203B	VỎ MÁY/M9203B	357.264	8%
15720	456559-9	TOP COVER/M9203B	VỎ MÁY/M9203B	137.376	8%
15721	456563-8	MOTOR HOUSING/M9204B	VỎ MÁY/M9204B	233.604	8%
15722	456564-6	TOP COVER/M9204B	NÁP BẢO VỆ TRÊN/M9204B	128.304	8%
15723	456618-9	AIR CLEANER COVER/EB7650TH	NÁP LỌC GIÓ/EB7650TH	108.000	8%
15724	456620-2	REAR VOLUTE CASE/EB7660TH	NÁP CẢNH QUẠT TRƯỚC/EB7660TH	311.040	8%
15725	456623-6	BASE/DSD180	ĐỂ/DSD180	448.848	8%
15726	456624-4	BASE COVER/DSD180	TẮM CHÂN ĐỂ/DSD180	112.320	8%
15727	456625-2	LOCK OFF BUTTON/DSD180	CHỐT HÂM/DSD180	47.520	8%
15728	456628-6	HOOK/DSD180	MỐC TREO/DSD180	56.160	8%
15729	456632-5	BLADE COVER/DSD180	NÁP CHÂN LƯỚI CÁT/DSD180	51.840	8%
15730	456647-2	RUBBER SLEEVE 24 /DUR189	ÔNG LỘT 24A/DUR189	56.160	8%
15731	456648-0	PIPE CAP/DUR189	VONG ĐẼM LỘT/DUR189	69.120	8%
15732	456651-1	PROTECTOR/DUR189	TẮM CHÂN CỎ/DUR189	181.440	8%
15733	456670-7	SWITCH LEVER/DUR189	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DUR189	51.840	8%
15734	456671-5	LOCK OFF LEVER/DUR189	CÁN KHÓA AN TOÀN/DUR189	34.560	8%
15735	456674-9	NUT COVER/EA5600F	NÁP ĐẦY/EA5600F	2.160	8%
15736	456704-6	HANDLE COVER/MT192	NÁP TAY CẮM/MT192	59.616	8%
15737	456705-4	HANDLE COVER/M1902B	TAY CẮM/M1902B	64.152	8%
15738	456706-2	BELT COVER/MT192	NÁP ĐẦY DÂY COROA/MT192	41.256	8%
15739	456707-0	ASSIST FAN GUIDE/MT192	NÁP CHÂN BỤI/MT192	9.180	8%
15740	456708-8	CHIP COVER/MT192	NÁP CHÂN BỤI/MT192	22.896	8%
15741	456710-1	HAMMER CASE COVER/DTD170	BÚA BẢO VỆ/DTD170	27.540	8%
15742	456711-9	REAR COVER/DTD170	TẮM BẢO VỆ PHÍA SAU/DTD170	82.512	8%
15743	456736-3	FAN BASE/DVC260	CẢNH QUẠT/DVC260	109.944	8%
15744	456739-7	DUST BOX COVER/DVC260	NÁP CHÂN BỤI/DVC260	155.736	8%
15745	456751-7	BLADE GAUGE/M1902B	THƯỚC CẢNH LƯỚI/M1902B	18.360	8%
15746	456788-4	SPACER 21/TM30D	LONG ĐÈN 21/TM30D	13.200	10%
15747	456791-5	SWITCH KNOB/TM30D	NÚT CÔNG TÁC/TM30D	27.540	8%
15748	456799-9	TRIGGER LOCK/DPT353	CHỐT AN TOÀN/DPT353	45.792	8%
15749	456823-8	HOSE REEL R/HW1300	CUỘN ÔNG DẪN NƯỚC/HW1300	112.320	8%
15750	456833-5	SWITCH BOX COVER/HW1300	HỘP CÔNG TÁC/HW1300	43.200	8%
15751	456835-1	WHEEL/HW1300	BÁNH XE/HW1300	68.688	8%
15752	456836-9	WHEEL CAP/HW1300	NÁP CHỤP BÁNH XE/HW1300	41.256	8%
15753	456837-7	SWITCH DIAL 50/HW1300	NÚT VẠN/HW1300	17.280	8%
15754	456838-5	REAR BOX/HW1300	VỎ MÁY/HW1300	146.880	8%
15755	456840-8	FRONT HANDLE/HW1300	TAY CẮM TRƯỚC/HW1300	190.080	8%
15756	456841-6	FRONT HANDLE/HW1200	TAY CẮM TRƯỚC/HW1200	190.080	8%
15757	456842-4	REAR HANDLE/HW1300	TAY CẮM SAU/HW1300	146.880	8%
15758	456843-2	REAR HANDLE/HW1200	TAY CẮM SAU/HW1200	146.880	8%
15759	456844-0	FRONT COVER/HW1300	NÁP ĐẦY PHÍA TRƯỚC/HW1300	82.080	8%
15760	456849-0	UPPER CASE/BTC04	NÁP ĐẦY VỎ SẠC/BTC04	343.440	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15761	456851-3	CELL COVER/BTC04	NẮP ĐẦY PIN/BTC04	174.096	8%
15762	456853-9	MICRO USB COVER/BTC04	NẮP ĐẦY CỒNG USB/BTC04	119.124	8%
15763	456854-7	SD COVER/BTC04	NẮP ĐẦY CỒNG SD/BTC04	119.124	8%
15764	456856-3	LCD COVER(3.5INCH)/BTC04	NẮP MÀN HÌNH LCD/BTC04	114.480	8%
15765	456857-1	ON-OFF SWITCH COVER/BTC04	NÚT CỒNG TẮC/BTC04	132.840	8%
15766	456858-9	NEXT SWITCH COVER/BTC04	NÚT NHẤN/BTC04	119.124	8%
15767	456859-7	BACK SWITCH COVER/BTC04	NÚT NHẤN/BTC04	119.124	8%
15768	456895-3	CORRUGATE TUBE/EB7660TH	ỐNG DẪN/EB7660TH	51.840	8%
15769	456897-9	HOSE REEL L/HW1300	CUỐN ỚNG DẪN NƯỚC/HW1300	132.840	8%
15770	456906-4	BLADE COVER/CC301D	NẮP BẢO VỆ/CC301D	50.436	8%
15771	456907-2	KERF BOARD/DLS600	THƯỚC CHIA VẠCH/DLS600	41.256	8%
15772	456908-0	BAFFLE PLATE/DLS600	NẮP CHẮN GIÓ/DLS600	45.792	8%
15773	456910-3	MOTOR HOUSING/DLS600	VỎ MÔ TƠ/DLS600	242.784	8%
15774	456924-2	TOOL COVER/BBC231U	VIÊN NHỰA BOC LƯỚI CẮT/BBC231U	27.540	8%
15775	456953-5	FRONT COVER/HW1200	VỎ MÁY/HW1200	73.440	8%
15776	456955-1	HANDLE COVER/M5801B	TAY CÀM/M5801B	87.048	8%
15777	456963-2	BELT COVER/M1902B	VỎ MÁY/M1902B	41.256	8%
15778	456967-4	REAR COVER/DDF484	NẮP CHÂN BẠC ĐẠN/DDF484	32.076	8%
15779	456993-3	AIR CLEANER PLATE/EB5300TH	HỘP LỌC GIÓ/EB5300TH	9.720	8%
15780	456994-1	BLOWBY GUIDE/EB5300	ỐNG DẪN KHÍ/EB5300	25.920	8%
15781	456996-7	CARBURETOR BRACKET/EB5300TH	MIẾNG LỐT BÌNH XĂNG/EB5300TH	7.560	8%
15782	456997-5	INSULATOR/EB5300TH	MIẾNG ĐỆM DẪN NHIỆT LIỆU/EB5300TH	9.720	8%
15783	456998-3	ICING VALVE/EB5300TH	VAN THÔNG KHÍ/EB5300TH	2.160	8%
15784	456999-1	OIL PIPE/EB5300TH	ỐNG DẪN DẦU/EB5300TH	56.160	8%
15785	457000-5	SPROCKET COVER/DUC353	NẮP BẢO VỆ/DUC353	132.840	8%
15786	457004-7	HOUSING R COVER/DUC353	NẮP BẢO VỆ/DUC353	100.764	8%
15787	457006-3	SWITCH LEVER/DUC353	NÚT CỒNG TẮC/DUC353	32.076	8%
15788	457007-1	FRONT HANDLE/DUC353	TAY CÀM TRƯỚC/DUC353	251.856	8%
15789	457010-2	HOUSING L COVER/DUC353	NẮP BẢO VỆ/DUC353	22.896	8%
15790	457013-6	CATCH LEVER/DUC353	MIẾNG ĐỆM CỒNG TẮC/DUC353	27.540	8%
15791	457029-1	NOZZLE/BHX2500	ỐNG/BHX2500	77.760	8%
15792	457030-6	NOZZLE END/BHX2500	ỐNG/BHX2500	73.440	8%
15793	457060-7	CORRUGATE TUBE/EB7660TH	ỐNG DẪN/EB7660TH	2.160	8%
15794	457062-3	HAMMER CASE COVER/TD111D	NẮP GÁI HỘP NHÔNG/TD111D	27.540	8%
15795	457084-3	HANDLE COVER/M0401B	VỎ TAY CÀM /M0401B	45.792	8%
15796	457086-9	FUEL TANK/EB5300TH	BÌNH CHỨA NHIỆT LIỆU/EB5300TH	280.800	8%
15797	457088-5	AIR CLEANER COVER/EB5300TH	NẮP LỌC GIÓ/EB5300TH	7.560	8%
15798	457097-4	FRAME/EB5300TH	KHUNG MÁY/EB5300TH	41.040	8%
15799	457098-2	FRONT VOLUTE CASE/EB5300TH	NẮP CHỤP TRƯỚC/EB5300TH	31.320	8%
15800	457099-0	REAR VOLUTE CASE/EB5300TH	NẮP CHỤP SAU/EB5300TH	22.680	8%
15801	457105-1	CORRUGATE TUBE/EB5300TH	ỐNG BỌC DÂY GA/EB5300TH	5.400	8%
15802	457108-5	TERMINAL COVER/BTC04	NẮP GÁI PIN/BTC04	91.584	8%
15803	457122-1	BEARING RETAINER/MT964	NẮP CHÂN BẠC ĐẠN/MT964	13.824	8%
15804	457123-9	REAR COVER/MT964	NẮP ĐUỐI MÁY/MT964	27.540	8%
15805	457128-9	MOTOR HOUSING/MT964	VỎ MÁY/MT964	114.480	8%
15806	457129-7	SWITCH LEVER/MT964	THANH TRƯỢT CỒNG TẮC/MT964	13.824	8%
15807	457130-2	BAFFLE PLATE/MT964	NẮP CHẮN GIÓ/MT964	9.180	8%
15808	457135-2	MOTOR HOUSING/MT967	VỎ MÁY/MT967	119.124	8%
15809	457136-0	SWITCH LEVER/MT967	THANH TRƯỢT CỒNG TẮC/MT967	13.824	8%
15810	457137-8	BAFFLE PLATE/MT967	NẮP CHẮN GIÓ/MT967	9.180	8%
15811	457145-9	CAPSULE WHITE/CL106FD	CHỤP VỎ NHỰA MÀU TRẮNG/CL106FD	160.272	8%
15812	457148-3	FRONT COVER WHITE/CL107FD	NẮP ĐẦY MÀU TRẮNG/CL107FD	50.436	8%
15813	457149-1	INLET/CL107FD	ĐẦU VÀO/CL107FD	22.896	8%
15814	457150-6	BUTTON/CL107FD	NÚT NHẤN/CL107FD	13.824	8%
15815	457151-4	FRONT COVER JOINT/CL107FD	KHỚP VỎ TRƯỚC/CL107FD	22.896	8%
15816	457158-0	MOTOR HOUSING/9556HB	VỎ MÁY/9556HB	151.200	8%
15817	457192-0	LOCK OFF BUTTON/SD100D	CHÓT KHÓA CỒNG TẮC/SD100D	39.600	10%
15818	457204-9	REAR COVER/9556HB	NẮP ĐUỐI MÁY/9556HB	54.972	8%
15819	457210-4	F/R CHANGE LEVER/DHR171	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR171	18.360	8%
15820	457214-6	CHUCK COVER/HR140D	BỌC ĐẦU KHOAN/HR140D	13.824	8%
15821	457240-5	CHECK VALVE PLATE/BHX2500	VAN NHỰA/BHX2500	60.480	8%
15822	457241-3	CHOKE LEVER/BHX2500	VAN ĐIỀU TIẾT/BHX2500	69.120	8%
15823	457267-5	LOOP HANDLE/DUR368A	TAY CÀM/DUR368A	216.000	8%
15824	457269-1	PIPE HOLDER 24/DUX60	BỘ GIỮ ỚNG/DUX60	32.670	10%
15825	457274-8	CUP US/EM403MP	ĐỆM CHÈN/EM403MP	103.680	8%
15826	457281-1	CAPSULE BLUE/CL106FD	HỘP MÁY MÀU XANH/CL106FD	164.916	8%
15827	457284-5	FRONT COVER BLUE/CL107FD	NẮP ĐẦY HỘP ĐUNG BỤI MÀU XANH/CL107FD	54.972	8%
15828	457290-0	CUP/EM403MP	ĐỆM CHÈN/EM403MP	88.000	10%
15829	457302-9	RECOIL STARTER/EB5300TH	NẮP CHỤP KHỐI ĐỘNG/EB5300TH	15.120	8%
15830	457317-6	SPACER/HS0600	MIẾNG ĐỆM/HS0600	14.080	10%
15831	457318-4	LEVER 126/HS0600	CÀN GẠT/HS0600	79.310	10%
15832	457324-9	PROTECTOR/DUR187	NẮP BẢO VỆ/DUR187	183.168	8%
15833	457350-8	BUFFLE PLATE A/HR1841F	TẤM CHẮN GIÓ/HR1841F	13.824	8%
15834	457351-6	BUFFLE PLATE B/HR1840	TẤM CHẮN GIÓ/HR1840	27.540	8%
15835	457352-4	MOTOR HOUSING A/HR1841F	VỎ MÁY/HR1841F	146.556	8%
15836	457353-2	MOTOR HOUSING B/HR1840	VỎ MÁY/HR1840	425.952	8%
15837	457354-0	HANDLE COVER/HR1841F	VỎ TAY CÀM BẢO VỆ/HR1841F	160.272	8%
15838	457355-8	HANDLE/HR1841F	TAY CÀM/HR1841F	201.528	8%
15839	457356-6	PLATE/HR1841F	TẤM ĐỆM/HR1841F	9.180	8%
15840	457378-6	ADJUSTER/DPT353	BỘ ĐIỀU CHỈNH/DPT353	22.896	8%
15841	457383-3	SHOULDER PIN 5-6/DPT353	CHÓT GÁI/DPT353	32.670	10%
15842	457384-1	FRONT COVER/DPT353	VỎ BỌC TRƯỚC/DPT353	47.520	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15843	457385-9	HOUSING R COVER/DPT353	VỎ LỘC MÁY/DPT353	32.076	8%
15844	457388-3	LEVER/DPT353	CÀN GẠT/DPT353	32.670	10%
15845	457430-0	BAFFLE PLATE/RS001G	NÁP CHÂN GIÓ/RS001G	27.540	8%
15846	457431-8	LOCK OFF BUTTON/RS001G	NÚT KHÓA CÔNG TẮC/RS001G	22.896	8%
15847	457432-6	SWITCH LEVER/DKP181	CHỤP CÔNG TẮC/DKP181	22.896	8%
15848	457434-2	SPACER/RS001G	MIẾNG ĐỆM/RS001G	23.320	10%
15849	457443-1	LOCK OFF LEVER/UH3502	NÚT KHÓA CÔNG TẮC/UH3502	9.180	8%
15850	457444-9	PROTECTOR/UH3502	TẮM BẢO VỆ/UH3502	64.152	8%
15851	457445-7	GRIP 25/UH3502	TAY CÀM 25/UH3502	87.048	8%
15852	457458-8	CLAMP/DUR187	KẸP GIỮ TAY CÀM/DUR187	12.960	8%
15853	457468-5	MOTOR BRACKET/DFT085F	NÁP CHỤP/DFT085F	73.332	8%
15854	457469-3	F/R CHANGE LEVER/DFT023F	CÀN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DFT023F	36.720	8%
15855	457470-8	CLUTCH CASE COVER/DFT085F	VỎ BẢO VỆ KHỚP LÍ HỘP/DFT085F	64.152	8%
15856	457480-5	MOTOR HOUSING/MT971	VỎ MÁY/MT971	69.120	8%
15857	457483-9	REAR COVER/MT971	VỎ ĐUÔI MÁY/MT971	27.540	8%
15858	457484-7	LENS/DFT023F	ỐNG KÍNH/DFT023F	36.720	8%
15859	457486-3	FAN BASE/DVC864L	CÁNH QUẠT/DVC864L	119.124	8%
15860	457498-6	SAFETY COVER A/DLS111	TẮM CHÂN BẢO VỆ/DLS111	7.560	8%
15861	457499-4	SEAFTY COVER B/DLS111	TẮM CHÂN BẢO VỆ/DLS111	375.516	8%
15862	457525-9	SWITCH LEVER/DFT023F	GẠT CÔNG TẮC/DFT023F	4.320	8%
15863	457526-7	CHANGE PLATE/DFT023F	MIẾNG THAY ĐỔI/DFT023F	51.370	10%
15864	457529-1	GEAR CASE/DFT023F	HỘP NHỔNG/DFT023F	96.228	8%
15865	457530-6	LOCK NUT M28 BLACK/DFT023F	MẶT BÍCH NGOÀI/DFT023F	93.280	10%
15866	457534-8	SLIDE PLATE/UH201D	THANH TRƯỢT/UH201D	8.640	8%
15867	457566-5	HANDLE COVER/M4101B	VỎ MÁY/M4101B	59.616	8%
15868	457609-3	CONTROLLER HOLDER/DVC864L	GIÁ ĐỖ BƠ MẠCH/DVC864L	59.616	8%
15869	457615-8	MOTOR HOUSING/DGA700	VỎ MÔ TƠ/DGA700	198.720	8%
15870	457618-2	BAFFLE PLATE/DGA700	NÁP CHÂN GIÓ/DGA700	25.920	8%
15871	457619-0	VIBRATION PROOF RUBBER/DGA700	CAO SU GIẢM CHẤN/DGA700	51.840	8%
15872	457620-5	DUST COVER/DGA700	NÁP CHÂN BỤI/DGA700	69.120	8%
15873	457621-3	LENS/DGA700	MIẾNG KẾT NỐI/DGA700	12.960	8%
15874	457623-9	TANK/DVC864L	VỎ THÂN MÁY/DVC864L	526.608	8%
15875	457625-5	LEVER 25/DCU180	CÀN GẠT 25/DCU180	32.076	8%
15876	457628-9	FRONT COVER/DCU180	NÁP CHỤP/DCU180	160.272	8%
15877	457629-7	TERMINAL HOLDER/DCU180	GIÁ ĐỖ ĐỂ GAI PIN/DCU180	64.152	8%
15878	457630-2	COVER/DCU180	NÁP GAI DÂY ĐIỆN/DCU180	32.076	8%
15879	457633-6	SWITCH LEVER/DCU180	CÀN GẠT CÔNG TẮC/DCU180	32.076	8%
15880	457634-4	LENS/DCU180	NÁP CHÓA ĐÈN/DCU180	27.540	8%
15881	457635-2	COVER/DCU180	NÁP ĐÈN PIN/DCU180	41.256	8%
15882	457636-0	REFLECTOR/DCU180	GUỖNG CHÓA/DCU180	64.152	8%
15883	457643-3	CAPSULE IVORY/CL111D	CHỤP BẢO VỆ TÙI BỤI MAU NGÀ/CL111D	128.304	8%
15884	457646-7	CAPSULE RED/CL111D	CHỤP BẢO VỆ TÙI BỤI ĐỎ/CL111D	137.376	8%
15885	457652-2	REAR COVER/LS1219L	VỎ CHỤP ĐUÔI MÁY/LS1219L	45.792	8%
15886	457653-0	ARM COVER/DLS111	NÁP BẢO VỆ/DLS111	114.480	8%
15887	457654-8	DUST GUIDE HOLDER/DLS111	GIÁ ĐỖ CHẤN BỤI/DLS111	64.152	8%
15888	457655-6	SLIDE PLATE/DLS111	THANH CỬ/DLS111	36.720	8%
15889	457656-4	LOCK LEVER/DLS111	CÀN KHÓA/DLS111	32.076	8%
15890	457657-2	LEVER 25/DLS111	CÀN GẠT/DLS111	9.350	10%
15891	457659-8	LEAD COVER/DLS111	TẮM CHE/DLS111	14.080	10%
15892	457660-3	LASER COVER/DLS111	NÁP CHỤP LAZE/DLS111	50.436	8%
15893	457664-5	PROTECTOR/DLS111	MIẾNG BẢO VỆ/DLS111	14.080	10%
15894	457665-3	SLEEVE 17/DLS111	VÒNG ĐỆM/DLS111	23.320	10%
15895	457666-1	SLEEVE 20/DLS111	VÒNG ĐỆM/DLS111	9.350	10%
15896	457667-9	LOGO PLATE/DLS111	TẮM CHE/DLS111	50.436	8%
15897	457668-7	HOLDER/DLS111	GÁ ĐỖ/DLS111	9.350	10%
15898	457669-5	DUST NOZZLE A/LS1219L	ỐNG DẪN BỤI/LS1219L	2.160	8%
15899	457672-6	SLEEVE/DLS111	ỐNG NỐI/DLS111	13.824	8%
15900	457673-4	STOPPER/DLS111	VÒNG GAI CHỮ C/DLS111	9.350	10%
15901	457674-2	COCK/PM7650H	VÁN KHÓA NƯỚC/PM7650H	4.320	8%
15902	457690-4	CHARGER CASE COVER/DC18RE	VỎ ĐÈ SẠC/DC18RE	367.200	8%
15903	457691-2	TERMINAL BASE/DC18RE	GIÁ ĐỖ/DC18RE	427.680	8%
15904	457692-0	TERMINAL COVER/DC18RE	NÁP GAI PIN/DC18RE	518.400	8%
15905	457693-8	LENS/DC18RE	CHỤP BẢO VỆ ĐÈN/DC18RE	87.048	8%
15906	457702-3	INDICATION PLATE/DLS111	KIM CHỈ DẪN/DLS111	9.180	8%
15907	457703-1	ELBOW/LS1019L	ỐNG KHUYU/LS1019L	21.600	8%
15908	457704-9	DUST NOZZLE/DLS111	ỐNG NỐI/DLS111	4.320	8%
15909	457709-9	LOCK BUTTON/HR2651T	CÔNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR2651T	18.360	8%
15910	457710-4	FAN HOUSING/HR2651T	NÁP CHỤP CÁNH QUẠT/HR2651T	73.332	8%
15911	457711-2	BAFFLE PLATE/HR2651T	NÁP CHÂN GIÓ/HR2651T	32.076	8%
15912	457712-0	JOINT SLEEVE/HR2651T	CHỐT GAI/HR2651T	2.200	10%
15913	457713-8	FILTER PLATE/HR2651T	TẮM LỌC/HR2651T	32.076	8%
15914	457716-2	LOCK LEVER/HR2651T	CÀN KHÓA/HR2651T	2.160	8%
15915	457717-0	PUSH BUTTON A/HR2651T	NÚT NHẤN/HR2651T	13.824	8%
15916	457718-8	PUSH BUTTON B/HR2651T	NÚT NHẤN/HR2651T	13.824	8%
15917	457719-6	STOPPER BASE A/HR2651T	MIẾNG ĐỆM GAI/HR2651T	14.080	10%
15918	457720-1	PUSH LEVER/HR2651T	CÀN DÂY/HR2651T	13.824	8%
15919	457721-9	SPRING PLATE/HR2651T	LÒ XO ĐỆM/HR2651T	9.350	10%
15920	457722-7	RACK GUIDE/HR2651T	THANH DẪN/HR2651T	32.076	8%
15921	457723-5	PIPE COVER/HR2651T	NÁP BẢO VỆ ỐNG/HR2651T	32.076	8%
15922	457724-3	INNER PIPE/HR2651T	ỐNG BÊN TRONG/HR2651T	27.540	8%
15923	457725-1	SPONGE SHEET B/HR2651T	VÒNG ĐỆM/HR2651T	9.180	8%
15924	457728-5	STOPPER BASE B/HR2651T	MIẾNG ĐỆM GAI/HR2651T	18.700	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
15925	457729-3	COLLECTOR BASE B/HR2651T	ĐẾ GÀI/HR2651T	82.512	8%
15926	457730-8	COLLECTOR BASE A/HR2651	ĐẾ GÀI/HR2651	54.972	8%
15927	457748-9	SWITCH LEVER/DSP601	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DSP601	41.256	8%
15928	457749-7	LOCK PLATE/DSP601	THANH KHÓA CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DSP601	41.256	8%
15929	457750-2	MOTOR HOUSING/DSP601	VỎ MÁY/DSP601	192.348	8%
15930	457751-0	BAFFLE PLATE/DSP601	NÁP CHÁN GIÓ/DSP601	36.720	8%
15931	457752-8	DUST NOZZLE/DSP601	ÔNG NỔI/DSP601	41.256	8%
15932	457756-0	DEPTH GUIDE/DSP601	THANH HƯỚNG DẪN/DSP601	96.228	8%
15933	457764-1	DUST GUIDE PLATE/DLS111	THANH DẪN BỤI/DLS111	18.360	8%
15934	457771-4	SWITCH LEVER/DUX60	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DUX60	73.440	8%
15935	457772-2	LOOP HANDLE/DUX60	TAY CÀM/DUX60	238.140	8%
15936	457773-0	LOCK OFF LEVER/DUX60	CÁN KHÓA CÔNG TÁC/DUX60	43.200	8%
15937	457784-5	MOTOR CASE A/HR140D	VỎ MÔ TƠ/HR140D	41.256	8%
15938	457785-3	MOTOR CASE B/HR140D	VỎ MÔ TƠ/HR140D	27.540	8%
15939	457786-1	F/R CHANGE LEVER/HR140D	THANH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR140D	18.360	8%
15940	457791-8	BAFFLE PLATE/9556HN	NÁP CHÁN GIÓ/9556HN	13.824	8%
15941	457793-4	BAFFLE PLATE/9553NB	NÁP CHÁN GIÓ/9553NB	9.180	8%
15942	457799-2	COVER/DSC121	NÁP CHỤP/DSC121	160.272	8%
15943	457828-1	BLADE COVER/CP100D	VỎ BỌC LƯỚI ĐẠO/CP100D	64.800	8%
15944	457829-9	LOCKOFF LEVER/CP100D	CÁN KHÓA CÔNG TÁC/CP100D	30.240	8%
15945	457830-4	SWITCH LEVER/CP100D	GẠT CÔNG TÁC/CP100D	34.560	8%
15946	457845-1	FLOAT CAGE/VC001GL	NÁP LỌC BỤI/VC001GL	142.020	8%
15947	457851-6	INLET/VC001GL	ĐẦU KẾT NỐI HÚT BỤI/VC001GL	50.436	8%
15948	457852-4	HOLDER/VC001GL	ÔNG NỔI/VC001GL	27.540	8%
15949	457853-2	HOLDER PLATE/VC001GL	MIẾNG ĐỆM GÀI ĐẦU HÚT/VC001GL	32.076	8%
15950	457854-0	TANK/VC001GL	VỎ THÂN MÁY/VC001GL	471.744	8%
15951	457855-8	TANK/VC003GL	VỎ THÂN MÁY/VC003GL	586.224	8%
15952	457857-4	SWITCH LEVER/DVC750L	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DVC750L	18.360	8%
15953	457861-3	DRAIN CAP/VC006GM	NÚT VÁN BĂNG NHỰA/VC006GM	119.124	8%
15954	457862-1	DRAIN BELT/VC006GM	VÒNG ĐỆM/VC006GM	87.048	8%
15955	457866-3	RETAINER GUIDE/JV103D	CỦ GIỮ LƯỚI/JV103D	12.960	8%
15956	457870-2	INDICATION PLATE L/DLS111	MIẾNG ĐỆM/DLS111	9.180	8%
15957	457871-0	INDICATION PLATE R/DLS111	MIẾNG ĐỆM/DLS111	9.180	8%
15958	457875-2	LOCK RING/DFJ2140L	VÒNG KHÓA/DFJ2140L	73.332	8%
15959	457906-7	MOTOR HOUSING/DLS111	VỎ MÔ TƠ/DLS111	302.292	8%
15960	457933-4	REAR COVER/DLS111	VỎ ĐUÔI MÁY/DLS111	119.124	8%
15961	457934-2	BAFFLE PLATE/DLS111	NÁP CHÁN GIÓ/DLS111	47.520	8%
15962	457935-0	SWITCH LEVER/DLS111	THANH TRƯỢT CÔNG TÁC/DLS111	50.436	8%
15963	457937-6	LOOP HANDLE 24/DUR191L	TAY CÀM 24/DUR191L	164.160	8%
15964	457963-5	DIAL 22/DSP601	NÚT ĐIỀU CHỈNH 22/DSP601	9.180	8%
15965	457967-7	MOTOR HOUSING/HP1630	VỎ MÁY/HP1630	174.096	8%
15966	457972-4	MOTOR BRACKET/DA333D	ĐẾ GÀI MÔ TƠ/DA333D	41.256	8%
15967	457973-2	SWITCH LEVER/DA333D	THANH TRƯỢT CÔNG TÁC/DA333D	47.520	8%
15968	457975-8	LENZ/DFL082Z	NÚT NHẤN/DFL082Z	123.660	8%
15969	457980-5	PROTECTOR/BUR182U	MIẾNG CHÁN BẢO VỆ/BUR182U	328.320	8%
15970	458032-5	HANDLE COVER/HS7010	TAY CÀM/HS7010	114.480	8%
15971	458033-3	BAFFLE PLATE/HS7010	NÁP CHÁN GIÓ/HS7010	13.824	8%
15972	458035-9	DUST COVER R/4100KB	VỎ VÁY(PHAI)/4100KB	38.880	8%
15973	458038-3	HOLDER/DSP601	GIÁ ĐỖ/DSP601	146.556	8%
15974	458047-2	BELT COVER/M1100B	VỎ MÁY/M1100B	59.616	8%
15975	458051-1	MOTOR HOUSING/DHR400	VỎ MÁY/DHR400	457.920	8%
15976	458054-5	CONTROLLER COVER/DHR400	VỎ MÁY/DHR400	100.764	8%
15977	458075-7	LEAD COVER/DLS600	TÀM CHÁN/DLS600	36.720	8%
15978	458077-3	SAFETY COVER/DLS600	NÁP BẢO VỆ/DLS600	293.112	8%
15979	458079-9	SWITCH COVER/DLS111	NÁP CÔNG TÁC/DLS111	132.840	8%
15980	458092-7	SLIDE LEVER/DSP601	CÔNG TÁC ĐIỀU CHỈNH/DSP601	27.540	8%
15981	458096-9	TRIGGER LOCK/DHR400	NÚT BẢO VỆ/DHR400	41.256	8%
15982	458097-7	SWITCH LEVER/DHR400	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DHR400	41.256	8%
15983	458098-5	SPRING HOLDER/DHR400	THANH GIỮ/DHR400	44.000	10%
15984	458099-3	BAFFLE PLATE/DHR400	NÁP CHÁN GIÓ/DHR400	51.840	8%
15985	458100-4	LINK LEVER/DHR400	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR400	41.256	8%
15986	458112-7	TOP COVER/M3701B	NÁP BẢO VỆ TRÊN/M3701B	54.972	8%
15987	458113-5	CONNECTING SLEEVE/JR3061T	KHỚP NỔI/JR3061T	2.160	8%
15988	458114-3	LOCK OFF BUTTON/DJR188	CHỚT HÂM/DJR188	9.180	8%
15989	458142-8	HANDLE COVER/M4001B	VỎ TAY CÀM /M4001B	187.812	8%
15990	458143-6	FAN COVER/M4001B	VỎ BẢO VỆ QUẠT GIÓ/M4001B	293.112	8%
15991	458144-4	SAFETY COVER B/LS1219L	CHỤP BẢO VỆ/LS1219L	838.080	8%
15992	458145-2	ARM COVER/LS1219L	NÁP CHỤP/LS1219L	91.584	8%
15993	458146-0	LOGO PLATE/LS1219L	NÁP ĐÁY/LS1219L	59.616	8%
15994	458147-8	BEVEL SCALE PLATE/LS1219L	THƯỚC DÁN CHIA ĐỘ/LS1219L	50.436	8%
15995	458148-6	LEAD COVER/LS1219L	NÁP BẢO VỆ/LS1219L	32.670	10%
15996	458149-4	SLEEVEE 17/LS1219L	VÒNG ĐỆM/LS1219L	23.320	10%
15997	458150-9	INDICATION PLATE L/LS1219L	THƯỚC CHIA ĐỘ/LS1219L	9.180	8%
15998	458151-7	INDICATION PLATE R/LS1219L	THƯỚC CANH ĐỘ/LS1219L	9.180	8%
15999	458158-3	ROCK RIVET/MT230	CHỚT GÀI/MT230	22.000	10%
16000	458165-6	CHOKE LEVER/EB5300	CÁN GẠT/EB5300	51.840	8%
16001	458167-2	CHOKE PLATE/EB5300TH	CÁN GẠT/EB5300TH	12.960	8%
16002	458195-7	MAGAZINE/DPT353	Ổ ĐẠN/DPT353	128.304	8%
16003	458198-1	HOSE JOINT/DLS111	ÔNG NỔI/DLS111	7.560	8%
16004	458216-5	REEL COVER/DTR180	NÁP CHỤP RU LỘ/DTR180	242.784	8%
16005	458217-3	CONTACT PLATE COVER/DTR180	NÁP CHỤP/DTR180	123.660	8%
16006	458219-9	TRIGGER LOCK/DTR180	CÁN KHÓA CÔNG TÁC/DTR180	45.792	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16007	458220-4	TRIGGER/DTR180	NÚT CÔNG TÁC/DTR180	59.616	8%
16008	458221-2	REEL BEARING CAM/DTR180	NÁP CHỤP RU LO/DTR180	128.304	8%
16009	458222-0	MOTOR BASE/DTR180	ĐỀ GÁI MOTOR/DTR180	77.868	8%
16010	458223-8	LOCK LEVER/DTR180	CÀN KHÓA/DTR180	54.972	8%
16011	458225-4	REEL BASE/DTR180	ĐỀ GIỮ RU LO/DTR180	87.048	8%
16012	458226-2	LEAD HOLDER/DTR180	GÁ ĐỖ LƯỚI CAT/DTR180	69.960	10%
16013	458256-3	SLEEVE/URI00D	GIÁ TREO/URI00D	59.616	8%
16014	458257-1	LEVER/URI00D	CÀN GẠT/URI00D	27.540	8%
16015	458258-9	PIPE CAP/URI00D	ĐẦU NỎI/URI00D	36.720	8%
16016	458259-7	SWITCH LEVER/URI00D	CÀN GẠT CÔNG TÁC/UR100D	27.540	8%
16017	458260-2	GRIP HOLDER/URI00D	ĐẦU KẸP/URI00D	50.436	8%
16018	458302-2	MOTOR HOUSING /DWT310	VỎ MÁY/DWT310	806.004	8%
16019	458303-0	SWITCH LEVER/DWT310	CÀN GẠT CÔNG TÁC/DWT310	142.020	8%
16020	458306-4	BAFFLE PLATE/DWT310	NÁP CHẀN GIÓ/DWT310	146.556	8%
16021	458307-2	TRIGGER LOCK/DWT310	KHÓA CÀN GẠT CÔNG TÁC/DWT310	7.560	8%
16022	458309-8	ADJUST HOLDER/DHW080	ÔNG ĐỊNH VỊ/DHW080	27.540	8%
16023	458310-3	PUMP HEAD CAP/DHW080	NÁP ĐẦU BƠM/DHW080	32.076	8%
16024	458311-1	PRESSURE PIN/DHW080	CHỚT CHIU ẠP LỰC CAO/DHW080	32.076	8%
16025	458315-3	OUTFLOW JOINT/DHW080	ĐẦU NỎI NƯỚC RA/DHW080	54.972	8%
16026	458316-1	INFLOW JOINT/DHW080	ĐẦU NỎI VÀO/DHW080	54.972	8%
16027	458320-0	OUTFLOW VALVE/DHW080	VẠN NƯỚC RA/DHW080	9.180	8%
16028	458321-8	VALVE HOLDER/DHW080	GIÁ ĐỖ VẠN NƯỚC/DHW080	41.256	8%
16029	458322-6	SPRING RETAINER A/DHW080	ĐẦU LẮP LỖ XO/DHW080	13.824	8%
16030	458323-4	SEAL HOLDER 12/DHW080	NÁP CHẶN VẠN ĐẦU/DHW080	13.824	8%
16031	458326-8	MOTOR HOUSING/DHW080	VỎ MOTOR/DHW080	169.452	8%
16032	458327-6	BAFFLE PLATE/DHW080	NÁP CHẶN GIÓ/DHW080	22.896	8%
16033	458332-3	BATTERY BOX COVER/DHW080	NÁP HỘP BẠO VỆ PIN/DHW080	112.320	8%
16034	458336-5	ACCESSORY BOX/DHW080	VỎ MÁY/DHW080	251.856	8%
16035	458355-1	SIDE HANDLE BASE/DHR280	KẸP TAY CẦM/DHR280	128.304	8%
16036	458357-7	GRIP 36/DHR280	VỎ TAY CẦM/DHR280	91.584	8%
16037	458373-9	LED HOLDER/DSC102	GIÁ ĐỖ ĐÈN/DSC102	27.540	8%
16038	458374-7	GEAR HOUSING/DSC102	HỘP NHỔNG/DSC102	77.868	8%
16039	458375-5	GEAR HOUSING COVER/DSC102	NÁP HỘP NHỔNG/DSC102	50.436	8%
16040	458378-9	F/R CHANGE LEVER/DSC102	CÀN CHUYỂN CHẾ ĐỘ F/DSC102	27.540	8%
16041	458379-7	SCREW GUIDE/DSC102	ỐC DẶN HƯỚNG/DSC102	32.670	10%
16042	458382-8	SPEED CHANGE LEVER/DDF083	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDF083	27.540	8%
16043	458399-1	PROTECTOR/DUH501	TẮM CHẶN BẠO VỆ/DUH501	109.944	8%
16044	458400-2	FRONT GRIP E/DUH501	TAY CẦM/DUH501	219.888	8%
16045	458402-8	SWITCH LEVER F/DUH501	NÚT CÔNG TÁC/DUH501	146.556	8%
16046	458403-6	LOCK OFF LEVER/DUH501	THẶNH KHÓA GẠT/DUH501	22.896	8%
16047	458404-4	SWITCH LEVER R/DUH501	NÚT CÔNG TÁC/DUH501	32.076	8%
16048	458405-2	LOCK ARM/DUH501	TAY ĐẶY KHÓA/DUH501	27.540	8%
16049	458406-0	LOCK LEVER L/DUH501	NÚT CÔNG TÁC/DUH501	18.360	8%
16050	458407-8	LOCK LEVER R/DUH501	NÚT CÔNG TÁC/DUH501	18.360	8%
16051	458417-5	GASKET/DUH501	VÔNG ĐỆM CHỔNG THẶM/DUH501	12.960	8%
16052	458418-3	FRONT HAND GUARD/DUC353	NÁP BẠO VỆ/DUC353	160.272	8%
16053	458426-4	MOTOR HOUSING/DDA460	VỎ MÁY/DDA460	219.888	8%
16054	458427-2	BAFFLE PLATE/DDA460	NÁP CHẶN GIÓ/DDA460	27.540	8%
16055	458430-3	TOP COVER/DDA460	VỎ MÁY/DDA460	219.888	8%
16056	458431-1	FRONT GRIP/DDA460	TAY CẦM/DDA460	187.812	8%
16057	458432-9	F/R CHANGE LEVER/DDA460	CÀN GẠT CÔNG TÁC/DDA460	22.896	8%
16058	458433-7	CHANGE LEVER/DDA460	NÚT CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDA460	50.436	8%
16059	458434-5	LOCK BUTTON/DDA460	NÚT KHÓA CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDA460	22.896	8%
16060	458437-9	SAFETY COVER A/LS1019L	TẮM CHẶN BẠO VỆ/LS1019L	114.480	8%
16061	458467-0	STAY/DCL180	GIÁ ĐỖ/DCL180	13.824	8%
16062	458478-5	REAR COVER/DTD171	VỎ ĐUỒI MÁY/DTD171	68.688	8%
16063	458479-3	REAR COVER /DTD171	NÁP ĐUỒI MÁY ĐÈN/DTD171	73.332	8%
16064	458481-6	REAR COVER/DTD171	NÁP ĐUỒI MÁY ĐỖ/DTD171	82.512	8%
16065	458484-0	HAMMER CASE COVER/DTD171	NÁP CHỤP ĐẦU BỬA/DTD171	27.540	8%
16066	458489-0	MOTOR HOUSING/DUC254	VỎ MOTOR/DUC254	59.616	8%
16067	458490-5	SIDE HANDLE/DUC254	TAY CẦM/DUC254	91.584	8%
16068	458491-3	HOUSING R COVER/DUC254	NÁP CHẶN/DUC254	41.256	8%
16069	458495-5	SWITCH LEVER/DUC254	NÚT CÔNG TÁC/DUC254	18.360	8%
16070	458497-1	CATCH LEVER/DUC254	NÚT CÔNG TÁC/DUC254	18.360	8%
16071	458499-7	NUT COVER/DUC254	NÁP ỚP LẶM XÍCH/DUC254	22.896	8%
16072	458505-8	FRONT GRIP/URI00D	TAY CẦM/URI00D	137.376	8%
16073	458570-7	SLIDER/DUH501	THẶNH TRƯỢT/DUH501	22.896	8%
16074	458584-6	HANDLE COVER/DHS660	TAY CẦM/DHS660	137.376	8%
16075	458586-2	BAFFLE PLATE/DHS660	NÁP CHẶN GIÓ/DHS660	18.360	8%
16076	458588-8	HOLDER/DHS660	GÁ ĐỖ CÔNG TÁC/DHS660	128.304	8%
16077	458589-6	DUCT/DHS660	NÁP THOẮT BUI/DHS660	18.360	8%
16078	458590-1	FRONT GRIP/DHS660	TAY CẦM/DHS660	91.584	8%
16079	458592-7	COVER/DHS660	NÁP CHỤP/DHS660	22.896	8%
16080	458594-3	SWITCH LEVER/DHS660	CÀN GẠT CÔNG TÁC/DHS660	13.824	8%
16081	458605-4	DUST COVER L/4100KB	VỎ VẶY/TRẠI/4100KB	246.240	8%
16082	458627-4	SPACER 500/DUH502	MIỀNG ĐỆM LƯỚI CẶT 500/DUH502	167.970	10%
16083	458628-2	SPACER 600/DUH502	MIỀNG ĐỆM LƯỚI CẶT 600/DUH502	270.600	10%
16084	458629-0	SPACER 750/DUH502	MIỀNG ĐỆM LƯỚI CẶT 750/DUH502	587.730	10%
16085	458643-6	BAFFLE PLATE/JR3061T	NÁP CHẶN GIÓ/JR3061T	21.600	8%
16086	458644-4	LOCK LEVER/JR3061T	CÀN KHÓA/JR3061T	30.240	8%
16087	458652-5	DUST CAP/DCS553	NÁP HỘP CHỬA BUI/DCS553	22.896	8%
16088	458656-7	MOTOR HOUSING/DCS553	VỎ MOTOR/DCS553	206.064	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16089	458657-5	MOTOR HOUSING COVER/DCS553	VỎ MÁY/DCS553	41.256	8%
16090	458658-3	BAFFLE PLATE/DCS553	NÁP CHẮN GIÓ/DCS553	45.792	8%
16091	458659-1	DUST BOX L/DCS553	VỎ MÁY/DCS553	206.064	8%
16092	458660-6	DUST BOX R/DCS553	VỎ MÁY/DCS553	224.424	8%
16093	458661-4	BLADE CASE/DCS553	VỎ MÁY/DCS553	114.480	8%
16094	458671-1	SPEED CHANGE LEVER/DDF485	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDF485	18.360	8%
16095	458680-0	SAFETY COVER/DHS660	CHỤP BẢO VỆ/DHS660	119.124	8%
16096	458685-0	FAN COVER/DFJ2140L	NÁP ĐẬP QUẠT/DFJ2140L	38.880	8%
16097	458686-8	MOTOR COVER/DFJ2140L	NÁP ĐẬP MOTOR/DFJ2140L	8.640	8%
16098	458690-7	LOOP HANDLE/PC5010C	TAY CÀM /PC5010C	320.544	8%
16099	458714-9	SWITCH LEVER/DVC265	NÚT CÔNG TÁC/DVC265	27.540	8%
16100	458732-7	SPACER/SW400MP	ỔNG ĐỆM/SW400MP	18.360	8%
16101	458733-5	MOTOR HOUSING/DLW140	VỎ MÁY/DLW140	254.880	8%
16102	458736-9	BAFFLE PLATE/DLW140	NÁP CHẮN GIÓ/DLW140	51.840	8%
16103	458737-7	SWITCH LEVER/DLW140	NÚT CÔNG TÁC/DLW140	25.920	8%
16104	458743-2	FUEL TANK/EH6000W	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EH6000W	116.640	8%
16105	458746-6	MOTOR HOUSING/DHS780	VỎ MÁY/DHS780	247.320	8%
16106	458749-0	BAFFLE PLATE/DHS780	NÁP CHẮN GIÓ/DHS780	27.540	8%
16107	458750-5	FRONT GRIP/DHS780	TAY CÀM/DHS780	137.376	8%
16108	458751-3	LIGHT COVER/DHS780	NÁP CHỤP/DHS780	18.700	10%
16109	458772-5	TUBE GUIDE A/DRV250	ỐNG DẪN CAO SU/DRV250	27.540	8%
16110	458773-3	TUBE GUIDE B/DRV250	ỐNG DẪN CAO SU/DRV250	27.540	8%
16111	458774-1	SWITCH LEVER/DRV250	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/DRV250	27.540	8%
16112	458782-2	MOTOR HOUSING/M8100B	VỎ MÁY/M8100B	261.036	8%
16113	458787-2	HANDLE COVER/LS1030N	VỎ TAY CÀM BẢO VỆ/LS1030N	91.584	8%
16114	458797-9	SWITCH COVER/DLM460	NÁP CÔNG TÁC/DLM460	9.180	8%
16115	458798-7	COWLING UPPER/DLM460	NÁP CHỤP VỎ MÁY/DLM460	283.932	8%
16116	458799-5	COWLING LOWER/DLM460	VỎ MÁY/DLM460	283.932	8%
16117	458803-0	LEVER SUPPORT/DLM460	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DLM460	45.792	8%
16118	458805-6	DRIVING SLEEVE A/DLM460	TRỤC DẪN ỐNG A/DLM460	68.688	8%
16119	458806-4	DRIVING SLEEVE B/DLM460	TRỤC DẪN ỐNG B/DLM460	59.616	8%
16120	458807-2	LOCK OFF BUTTON/DLM460	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/DLM460	32.076	8%
16121	458808-0	BUFFLE PLATE/DLM460	NÁP CHẮN GIÓ/DLM460	91.584	8%
16122	458809-8	LOCK LEVER/DLM460	NÚT KHÓA/DLM460	32.076	8%
16123	458810-3	CABLE CLAMP/DLM460	MIẾNG NẸP /DLM460	22.896	8%
16124	458814-5	FRONT COVER/DUT130	KHỚP VỎ TRƯỚC/DUT130	215.244	8%
16125	458816-1	SWITCH COVER/DUT130	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/DUT130	77.868	8%
16126	458819-5	LOCK ON BUTTON COVER/DUT130	NÚT CÔNG TÁC/DUT130	22.896	8%
16127	458820-0	COVER/DUT130	VỎ MÁY/DUT130	159.840	8%
16128	458822-6	LOCK LEVER/DUT130	CÁN KHÓA CÔNG TÁC/DUT130	22.896	8%
16129	458834-9	FAN COVER/CL108FD	NÁP CHỤP CÀNH QUẠT/CL108FD	22.896	8%
16130	458841-2	SLEEVE 12/DHR182	ỔNG ĐỆM 12/DHR182	9.350	10%
16131	458844-6	F/R CHANGE LEVER/DHR182	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHR182	13.824	8%
16132	458845-4	CHUCK COVER/DHR182	NÁP CHỤP ĐẦU GÀI/DHR182	22.896	8%
16133	458846-2	STOPPER PLATE/DHR182	MIẾNG ĐỆM/DHR182	14.080	10%
16134	458847-0	SPRING SUPPORT/DHR182	MIẾNG ĐỆM LÒ XO/DHR182	14.080	10%
16135	458848-8	AIR DUCT/DHR182	NÁP CHẮN BỤI/DHR182	22.896	8%
16136	458849-6	SHATTER/DHR182	MIẾNG ĐỆM LÒ XO/DHR182	14.080	10%
16137	458850-1	GUIDE PLATE/DHR182	MIẾNG ĐỆM/DHR182	14.080	10%
16138	458851-9	LOCK BUTTON/DHR182	NÚT NHẤN CÁN GẠT CHẾ ĐỘ/DHR182	13.824	8%
16139	458860-8	JOINT SLEEVE/DX05	ỐNG DẪN BỤI/DX05	21.600	8%
16140	458861-6	LOCK LEVER B/DX05	NÚT KHÓA B/DX05	34.560	8%
16141	458871-3	SPROCKET COVER/DUC305	NÁP BẢO VỆ LAM XÍCH/DUC305	206.064	8%
16142	458880-2	BATTERY COVER/DVC750L	NÁP CHỤP/DVC750L	109.944	8%
16143	458883-6	FAN COVER/DVC750L	NÁP CHỤP CÀNH QUẠT/DVC750L	96.228	8%
16144	458886-0	HANDLE/DVC750L	TAY CÀM/DVC750L	77.868	8%
16145	458887-8	HOSE HOOK/DVC750L	MÓC GÁI ỐNG/DVC750L	32.076	8%
16146	458888-6	INLET/DVC750L	ĐẦU VÀO BỤI/DVC750L	50.436	8%
16147	458900-2	LOCK OFF BUTTON/UH353D	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/UH353D	8.640	8%
16148	458903-6	LASER COVER/LS1219L	NÁP CHỤP LAZE/LS1219L	50.436	8%
16149	458907-8	UNDER COVER/DUH502	NÁP CHỤP PHÍA DƯỚI/DUH502	219.888	8%
16150	458908-6	PROTECTOR/UH353D	NÁP CHẮN BẢO VỆ/UH353D	32.076	8%
16151	458913-3	REAR COVER/MT980	NÁP CHỤP SAU/MT980	77.760	8%
16152	458914-1	SWITCH LEVER/MT980	CÁN GẠT CÔNG TÁC/MT980	18.360	8%
16153	458915-9	BAFFLE PLATE/MT980	NÁP CHẮN GIÓ/MT980	17.280	8%
16154	458939-5	BUTTON A/DCL280F	NÚT NHẤN/DCL280F	8.640	8%
16155	458947-6	MOTOR HOUSING/MT980	VỎ MÁY/MT980	237.600	8%
16156	458949-2	MOTOR HOUSING/M9800B	VỎ MÁY/M9800B	238.140	8%
16157	458953-1	REAR COVER/M9800B	VỎ ĐUÔI MÁY/M9800B	77.868	8%
16158	458968-8	CONNECTING SLEEVE/DJR188	KHỚP NỐI/DJR188	9.180	8%
16159	458973-5	FAN COVER GUARD/DVC750L	NÁP CHẮN BẢO VỆ/DVC750L	18.360	8%
16160	458998-9	IMPACT ARM/DX05	CHÓT GÀI/DX05	17.280	8%
16161	458999-7	MOTOR HOUSING/GA4050	VỎ MÁY/GA4050	128.304	8%
16162	459003-5	BAFFLE PLATE/GA4050	NÁP CHẮN GIÓ/GA4050	22.896	8%
16163	459004-3	DIFFUSER/GA4050	NÁP CHỤP RỎ TO/GA4050	18.360	8%
16164	459005-1	SWITCH LINK LEVER/GA4050	GẠT CÔNG TÁC/GA4050	13.824	8%
16165	459006-9	PIN CAP/GA5050	NÁP CHỤP/GA5050	22.896	8%
16166	459017-4	SWITCH LEVER/LS1030N	NÚT CÔNG TÁC/LS1030N	22.896	8%
16167	459026-3	SPEED CHANGE LEVER/DDF333	CÁN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DDF333	21.600	8%
16168	459035-2	FAN COVER/CL121D	NÁP CHỤP CÀNH QUẠT/CL121D	22.896	8%
16169	459042-5	STRAIGHT PIPE/CL121D	ỐNG HÚT BỤI/CL121D	41.256	8%
16170	459043-3	SLEEVE/CL121D	VÒNG ĐỆM/CL121D	32.076	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16171	459044-1	STOPPER/CL121D	VÒNG ĐỆM/CL121D	18.700	10%
16172	459048-3	HOSE JOINT HOLDER/CL121D	GÁ ĐỖ ỒNG DẪN BỤI/CL121D	59.616	8%
16173	459050-6	STOPPER PLATE/CL121D	MIẾNG ĐỆM/CL121D	18.360	8%
16174	459066-1	LENS A/DC18SH	CHỤP ĐÈN LED/DC18SH	69.120	8%
16175	459067-9	LENS B/DC18SH	CHỤP ĐÈN LED/DC18SH	69.120	8%
16176	459068-7	CHARGER CASE COVER/DC18SH	ĐÈ CỤC SẠC/DC18SH	652.320	8%
16177	459069-5	TERMINAL BASE/DC18SH	ĐỂ GÀI CHẶN PIN/DC18SH	116.640	8%
16178	459078-4	LOWER HOUSING/WUT02	VỎ/WUT02	155.520	8%
16179	459084-9	LEVER HOLDER/DPB182	NÁP CHỤP/DPB182	45.792	8%
16180	459087-3	WHEEL B/DPB182	BÀNH MẠM B/DPB182	196.992	8%
16181	459099-6	CHANGE LEVER/DLM382	CẦN CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DLM382	51.370	10%
16182	459100-7	FRONT WHEEL/DLM382	BÀNH XE TRƯỚC/DLM382	228.960	8%
16183	459101-5	REAR WHEEL/DLM382	BÀNH XE SAU/DLM382	280.800	8%
16184	459115-4	SPACER 600H/DUH601	MIẾNG ĐỆM 600/DUH601	270.600	10%
16185	459143-9	MOTOR HOUSING/UR012G	VỎ MÁY/UR012G	270.216	8%
16186	459144-7	BAFFLE PLATE/DCE090	NÁP CHẶN GIÓ/DCE090	50.436	8%
16187	459145-5	SWITCH LEVER/DUR369	VỎ CÔNG TÁC/DUR369	59.616	8%
16188	459146-3	LOCK OFF LEVER/DUR369	CẦN GẠT CÔNG TÁC/DUR369	59.616	8%
16189	459147-1	PROTECTOR 480/UR012G	TẤM CHẶN/UR012G	494.640	8%
16190	459158-6	MOTOR HOUSING/HR3001C	VỎ MÁY/HR3001C	242.784	8%
16191	459159-4	CHANGE COVER A/HR2670FT	CHỤP BẢO VỆ A/HR2670FT	119.124	8%
16192	459160-9	MOTOR HOUSING/HR3001C	VỎ MÁY/HR3001C	306.828	8%
16193	459161-7	HANDLE BASE/HR3001C	ĐỂ TAY CẦM/HR3001C	196.992	8%
16194	459162-5	CHUCK COVER/HR2670FT	VỎ BỌC ĐẦU KHOAN/HR2670FT	109.944	8%
16195	459163-3	HANDLE BASE/HR3001C	ĐỂ TAY CẦM/HR3001C	256.500	8%
16196	459164-1	HANDLE/HR3001C	TAY CẦM/HR3001C	119.124	8%
16197	459165-9	BARREL COVER/HR3001C	VỎ BAO VỆ NÔNG THIỆP/HR3001C	146.556	8%
16198	459166-7	HANDLE COVER/HR3001C	NÁP TAY CẦM/HR3001C	132.840	8%
16199	459167-5	BARREL COVER/HR3001C	VỎ BAO VỆ NÔNG THIỆP/HR3001C	142.020	8%
16200	459168-3	REAR COVER/HR3001C	VỎ ĐUÔI MÁY/HR3001C	142.020	8%
16201	459169-1	REAR COVER/HR3001C	VỎ ĐUÔI MÁY/HR3001C	119.124	8%
16202	459170-6	GRIP 36/HR3001CJ	TAY CẦM 36/HR3001CJ	380.160	8%
16203	459172-2	BAFFLE PLATE/HR3001C	NÁP CHẶN GIÓ/HR3001C	27.540	8%
16204	459174-8	CHANGE LEVER/HR3001C	NÚM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR3001C	18.360	8%
16205	459175-6	LINK LEVER/HR3001C	CHUYỂN CHẾ ĐỘ/HR3001C	32.076	8%
16206	459176-4	SHOULDER SLEEVE 5/HR3001C	VÒNG ĐỆM 5/HR3001C	13.824	8%
16207	459177-2	SWITCH LEVER/HR3001C	THÀNH GẠT CÔNG TÁC/HR3001C	27.540	8%
16208	459178-0	SWITCH HOLDER/HR3001C	GIA ĐỖ CÔNG TÁC/HR3001C	36.720	8%
16209	459180-3	FILTER CAP/HR3001C	NÁP LỌC/HR3001C	9.180	8%
16210	459181-1	SEAL RING A/HR3001C	VÒNG ĐỆM A/HR3001C	13.824	8%
16211	459182-9	SEAL RING B/HR3001C	VÒNG ĐỆM B/HR3001C	18.360	8%
16212	459183-7	SPONGE SHEET/HR3011F	VÒNG ĐỆM/HR3011F	9.180	8%
16213	459184-5	CUSHION RING 12/HR001G	VÒNG ĐỆM 12/HR001G	9.180	8%
16214	459191-8	LOCK LEVER/HR3001C	CẦN KHÓA/HR3001C	36.720	8%
16215	459202-9	CUSHION/HR3001C	ĐỆM GIẢM CHẶN/HR3001C	13.824	8%
16216	459216-8	GEAR HOUSING/DSL800	VỎ BÀNH RĂNG/DSL800	211.680	8%
16217	459217-6	HEAD COVER/DSL800	VỎ MÁY/DSL800	155.520	8%
16218	459218-4	COVER/DSL800	VỎ MÁY/DSL800	250.560	8%
16219	459219-2	BRUSH STOPPER/DSL800	TẤM LỘT/DSL800	77.760	8%
16220	459222-3	JOINT/DSL800	ÔNG KHỚP NỎI/DSL800	86.400	8%
16221	459223-1	HOSE CONNECTOR/DSL800	ÔNG NỎI/DSL800	112.320	8%
16222	459224-9	PIPE STOPPER A/DSL800	NÚT CHẶN ỒNG A/DSL800	64.800	8%
16223	459225-7	PIPE STOPPER B/DSL800	NÚT CHẶN ỒNG/DSL800	38.880	8%
16224	459226-5	LOCK RING/DSL800	NÁP HỘP/DSL800	103.680	8%
16225	459228-1	CORD HOLDER/DSL800	GIA ĐỖ/DSL800	57.200	10%
16226	459229-9	CORD COVER/DSL800	THÀNH NẸP DÂY DẪN/DSL800	56.160	8%
16227	459230-4	LOCK OFF BUTTON/DSL800	THÀNH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DSL800	30.240	8%
16228	459231-2	SWITCH LEVER/DSL800	NÚT CÔNG TÁC/DSL800	43.200	8%
16229	459241-9	FRONT COVER/DUT131	VỎ ĐẦU MÁY/DUT131	203.040	8%
16230	459250-8	DUST NOZZLE/DLS211	KHỚP CAO SU LẮP ỒNG HÚT BỤI/DLS211	45.792	8%
16231	459256-6	HOLDER/DCC500	GIA ĐỖ/DCC500	32.076	8%
16232	459262-1	SWITCH BUTTON/DVC860L	NÚT CÔNG TÁC/DVC860L	105.408	8%
16233	459264-7	LOCK OFF BUTTON/DCC500	KHÓA CÔNG TÁC/DCC500	22.896	8%
16234	459267-1	SWITCH LEVER/DUC256	NÚT CÔNG TÁC/DUC256	18.360	8%
16235	459268-9	CATCH LEVER/DUC256	NÚT CÔNG TÁC/DUC256	18.360	8%
16236	459270-2	FRONT HAND GUARD RETAINER/DUC256	TẤM CHẶN BẢO VỆ/DUC256	45.792	8%
16237	459273-6	HOUSING R COVER/DUC256	VỎ MÁY/DUC256	54.972	8%
16238	459275-2	FRONT HANDLE/DUC256	TAY CẦM TRƯỚC BẰNG NHỰA/DUC256	100.764	8%
16239	459276-0	MOTOR HOUSING/DUC256	VỎ MOTOR/DUC256	96.228	8%
16240	459278-6	NUT COVER/DUC256	NÁP ỚP LAM XÍCH/DUC256	22.896	8%
16241	459305-9	MAGAZINE/DFN350	HỘP CHỨA ĐINH/DFN350	279.396	8%
16242	459310-6	ADJUSTER/DFN350	NÚT ĐIỀU CHỈNH/DFN350	41.256	8%
16243	459311-4	SPRING HOLDER/DFN350	GÁ ĐỖ LÒ XO/DFN350	44.000	10%
16244	459312-2	ADJUSTER COVER/DFN350	NÁP CHỤP/DFN350	45.792	8%
16245	459313-0	SLEEVE/DFN350	MIẾNG ĐỆM LÒ XO/DFN350	36.720	8%
16246	459322-9	FAN COVER/DCL280F	NÁP CHỤP CÀNH QUẠT/DCL280F	247.320	8%
16247	459324-5	SWITCH LEVER/DCL280F	NÚT CÔNG TÁC/DCL280F	12.960	8%
16248	459326-1	SLIDE SWITCH/DCL280F	NÚT CÔNG TÁC/DCL280F	13.824	8%
16249	459327-9	STOPPER PLATE/DCL280F	LẤY KHÓA/DCL280F	18.360	8%
16250	459329-5	BUTTON B/DCL280F	NÚT NHẤN/DCL280F	13.824	8%
16251	459330-0	FRONT COVER JOINT/DCL280F	NÁP CHỤP/DCL280F	13.824	8%
16252	459348-1	BUTTON B/DCL280F	NÚT NHẤN/DCL280F	18.360	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16253	459350-4	FRONT COVER JOINT/DCL280F	NÁP CHỤP/DCL280F	18.360	8%
16254	459352-0	STOPPER PLATE/DCL280F	LẮY KHÓA/DCL280F	18.360	8%
16255	459361-9	HEIGHT ADJUSTER STOP PLATE/DLM460	THANH CHỈNH ĐỘ CAO/DLM460	64.152	8%
16256	459369-3	FRONT COVER/DFN350	NÁP CHỤP/DFN350	68.688	8%
16257	459380-5	LOCK LEVER/DHW080	KHÓA NÁP HỘP BẢO VỆ PIN/DHW080	27.540	8%
16258	459400-5	INTERNAL GEAR CASE/DTDA040	NÁP HỘP NHÔNG/DTDA040	123.660	8%
16259	459402-1	COVER/DTDA040	NÁP VỎ NGOÀI/DTDA040	210.708	8%
16260	459414-4	ID COVER BLUE/DTDA040	MIẾNG GÁI/DTDA040	123.660	8%
16261	459415-2	ID COVER WHITE/DTDA040	MIẾNG GÁI/DTDA040	82.512	8%
16262	459416-0	ID COVER RED/DTDA040	MIẾNG GÁI/DTDA040	87.048	8%
16263	459417-8	ID COVER BLACK/DTDA040	MIẾNG GÁI/DTDA040	96.228	8%
16264	459418-6	ID COVER GREEN/DTDA040	MIẾNG GÁI/DTDA040	151.200	8%
16265	459421-7	SWITCH LEVER/WR100D	NÚT CÔNG TÁC/WR100D	27.540	8%
16266	459422-5	LOCK LEVER/WR100D	CÁN GẠT KHÓA/WR100D	23.320	10%
16267	459424-1	STOPPER/DTDA040	NÚT CHẶN/DTDA040	54.972	8%
16268	459465-7	LATCH A/PDC01	MIẾNG ĐÁY/PDC01	51.840	8%
16269	459470-4	SWITCH PIN/PDC01	CHỚT CÔNG TÁC/PDC01	17.600	10%
16270	459471-2	LOCK BUTTON/PDC01	NÚT KHOA/PDC01	34.560	8%
16271	459474-6	TERMINAL BASE/DC40RA	ĐỂ MẠCH/DC40RA	522.072	8%
16272	459475-4	TERMINAL COVER/DC40RA	NÁP BẢO VỆ MẠCH/DC40RA	82.512	8%
16273	459478-8	LENS CASE/DCL280F	CHỤP ĐÈN LED/DCL280F	13.824	8%
16274	459485-1	GRIP BASE/HP2070	TAY CẦM/HP2070	68.688	8%
16275	459489-3	GEAR CASE/DFL020	VỎ NHÔNG/DFL020	128.304	8%
16276	459490-8	LED LENS/DFL020F	VÒNG ĐÈM/DFL020F	82.512	8%
16277	459491-6	LENS/DFL020F	NÁP ĐÈN LED/DFL020F	68.688	8%
16278	459492-4	F/R CHANGE LEVER/DFL020F	NÚT ĐẢO CHIỀU/DFL020F	82.512	8%
16279	459493-2	TANK/DVC157	VỎ THÂN MÁY/ THÙNG CHỨA BỤI/DVC157	622.836	8%
16280	459532-8	CORD COVER/PDC01	THANH NẸP DÂY DẪN/PDC01	77.760	8%
16281	459533-6	DECK/DLM431	NÁP CHỤP DƯỚI/DLM431	1.235.520	8%
16282	459591-2	LIFT PLATE/DX12	MIẾNG ĐÈM/DX12	32.076	8%
16283	459592-0	HOOK/DX12	MÓC/DX12	32.076	8%
16284	459595-4	PUSH BUTTON/DX12	NÚT NHẤN/DX12	18.360	8%
16285	459597-0	SLIDE PIPE A/DX12	ỐNG TRƯỢT A/DX12	50.436	8%
16286	459598-8	SLIDE PIPE B/DX12	ỐNG TRƯỢT B/DX12	100.764	8%
16287	459620-1	THUMB/DGP180	NÚT XOAY/DGP180	36.720	8%
16288	459621-9	BARREL HOLDER/DGP180	MIẾNG GÁ ĐỖ/DGP180	52.800	10%
16289	459622-7	VALVE COVER/DGP180	VỎ BẢO VỆ VAN/DGP180	27.540	8%
16290	459623-5	SWITCH LEVER/DGP180	VỎ CÔNG TÁC/DGP180	36.720	8%
16291	459624-3	LOCK OFF BUTTON/DGP180	KHÓA AN TOÀN/DGP180	27.540	8%
16292	459685-3	CHUCK COVER/HR3001C	NÁP CHỤP ĐẦU KHOAN/HR3001C	36.720	8%
16293	459695-0	FAN HOUSING/DUB184	VỎ BẢO VỆ CẢNH QUẠT/DUB184	279.396	8%
16294	459696-8	SWITCH LEVER/DUB184	NÚT CÔNG TÁC/DUB184	9.180	8%
16295	459697-6	CONTROL LEVER/DUB184	BO MẠCH/DUB184	9.180	8%
16296	459698-4	LINK/DUB184	THANH LIÊN KẾT VỚI CÔNG TÁC/DUB184	9.180	8%
16297	459699-2	REAR COVER/DUB184	VỎ ĐUÔI MÁY/DUB184	82.512	8%
16298	459700-3	CAP/DUB184	NÁP CHỤP BẢO VỆ/DUB184	68.688	8%
16299	459707-9	TRIGGER LOCK/DWT310	KHÓA CÁN GẠT CÔNG TÁC/DWT310	169.452	8%
16300	459737-0	ADAPTER CASE/ADP10	VỎ SẠC/ADP10	403.056	8%
16301	459738-8	ADAPTER CASE COVER/ADP10	NÁP BẢO VỆ DƯỚI/ADP10	338.904	8%
16302	459739-6	TERMINAL BASE/ADP10	ĐỂ BƠ MẠCH/ADP10	242.784	8%
16303	459740-1	TERMINAL COVER/ADP10	NÁP BẢO VỆ/ADP10	82.512	8%
16304	459741-9	HOOK/ADP10	MÓC GÁI/ADP10	160.272	8%
16305	459746-9	CRANK CAP/DHK180	NÁP TRỤC KHUYU/DHK180	178.632	8%
16306	459747-7	MOTOR HOUSING/DHK180	VỎ MÁY/DHK180	467.100	8%
16307	459748-5	HOUSING COVER/DHK180	VỎ MÁY/DHK180	457.920	8%
16308	459749-3	BAFFLE PLATE/DHK180	NÁP CHẮN GIÓ/DHK180	73.332	8%
16309	459750-8	SWITCH LEVER/DHK180	NÚT CÔNG TÁC/DHK180	54.972	8%
16310	459751-6	TRIGGER LOCK/DHK180	NÚT CÔNG TÁC/DHK180	54.972	8%
16311	459752-4	SUPPORT RING/DHK180	VÒNG GIÁ ĐỖ/DHK180	55.990	10%
16312	459753-2	CAP/HR007G	NÁP/HR007G	13.824	8%
16313	459758-2	SWITCH LEVER/DUR192L	NÚT CÔNG TÁC/DUR192L	32.076	8%
16314	459759-0	LOCK OFF LEVER/UX01G	THANH KHÓA GẠT CÔNG TÁC/UX01G	32.076	8%
16315	459763-9	MOTOR HOUSING/DUR369	VỎ MOTOR/DUR369	132.840	8%
16316	459764-7	BAFFLE PLATE/DUR369	NÁP CHẮN GIÓ/DUR369	32.076	8%
16317	459765-5	CUTTER EXTENSION/DUR369	MIẾNG THÉP/DUR369	23.320	10%
16318	459771-0	SPROCKET COVER/DUC254	MẶT ỐP LAM XÍCH/DUC254	96.228	8%
16319	459775-2	STOPPER BASE/DX12	ĐÈM KHÓA/DX12	27.540	8%
16320	459776-0	SLIDE LEVER A/DX12	NÚT KHÓA TRƯỢT A/DX12	14.080	10%
16321	459777-8	DECK/DLM382	THÂN MÁY/DLM382	989.280	8%
16322	459780-9	DECK/DLM432	THÂN MÁY/DLM432	1.369.224	8%
16323	459784-1	VOLUTE CASE R/DUB363	VỎ BẢO VỆ CẢNH QUẠT R/DUB363	508.356	8%
16324	459787-5	SUB HANDLE/DUB363	ĐỂ MÁY/DUB363	421.308	8%
16325	459788-3	GRIP L/DUB363	TAY CẦM/DUB363	476.280	8%
16326	459789-1	MOTOR HOUSING/DUB363	VỎ MOTOR/DUB363	119.124	8%
16327	459790-6	SWITCH COVER/DUB363	NÁP BẢO VỆ CÔNG TÁC/DUB363	18.360	8%
16328	459791-4	SWITCH LEVER/DUB363	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DUB363	13.824	8%
16329	459792-2	CONTROL LEVER/DUB363	CÁN ĐIỀU KHIỂN/DUB363	18.360	8%
16330	459793-0	PUSHER A/DUB363	ĐÈM CÔNG TÁC A/DUB363	9.180	8%
16331	459794-8	PUSHER B/DUB363	ĐÈM CÔNG TÁC B/DUB363	9.180	8%
16332	459798-0	END NOZZLE 72/DUB363	ỐNG THỜI 72/DUB363	95.040	8%
16333	459800-9	VACUUM PIPE B/DUB363	ỐNG HÚT BỤI B/DUB363	125.280	8%
16334	459804-1	SWITCH BOX/DLM382	HỘP CÔNG TÁC/DLM382	59.616	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16335	459806-7	INDICATOR M/DML382	MIẾNG ĐỆM/DML382	4.644	8%
16336	459807-5	REAR BAG COVER/DLM432	NÁP ĐÁY TÚI ĐỰNG CỎ/DLM432	203.040	8%
16337	459809-1	HOLDER/DLM382	GIÁ ĐỖ DÂY ĐIỆN/DLM382	4.320	8%
16338	459811-4	BLADE SUPPORT/DLM382	GIÁ ĐỖ LƯỚI CẮT/DLM382	69.120	8%
16339	459812-2	REAR BAG COVER/DLM382	NÁP ĐÁY TÚI ĐỰNG CỎ/DLM382	181.440	8%
16340	459820-3	NOZZLE/UB400MP	ÔNG THOI/UB400MP	100.764	8%
16341	459821-1	ADAPTER A/UB400MP	ÔNG NỔI/UB400MP	206.064	8%
16342	459823-7	MOTOR HOUSING/DHS900	VỎ MÁY/DHS900	357.264	8%
16343	459826-1	BAFFLE PLATE/DHS900	NÁP CHÁN GIÓ/DHS900	50.436	8%
16344	459827-9	LIGHT COVER/DHS900	NÁP BẢO VỆ ĐÈN/DHS900	32.076	8%
16345	459828-7	FRONT GRIP/DHS900	TAY NẮM/DHS900	192.348	8%
16346	459829-5	SWITCH LEVER/DHS900	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/DHS900	32.076	8%
16347	459830-0	SPACER/DHS900	MIẾNG ĐỆM/DHS900	22.896	8%
16348	459832-6	INTAKE MANIFOLD/EA4301F	NÁP GẢI BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EA4301F	35.200	10%
16349	459846-5	CHARGER CASE COVER/DC40RA	ĐỀ SẠC/DC40RA	526.608	8%
16350	459847-3	COWLING UPPER/DLM533	VỎ MÁY TRÊN/DLM533	329.724	8%
16351	459848-1	COWLING LOWER/DLM533	VỎ MÁY DƯỚI/DLM533	375.516	8%
16352	459851-2	SWITCH LEVER/DLM533	NÚT GẠT CÔNG TÁC/DLM533	22.896	8%
16353	459852-0	LOCK LEVER/DLM533	NÚT NHẤN/DLM533	18.360	8%
16354	459853-8	BAFFLE PLATE/DLM533	NÁP CHÁN GIÓ/DLM533	50.436	8%
16355	459856-2	SWITCH LEVER SUPPORT R/DLM533	CÁN GẠT CÔNG TÁC BÊN PHẢI/DLM533	45.792	8%
16356	459857-0	LOCK OFF BUTTON/DLM533	KHÓA NÚT CÔNG TÁC/DLM533	27.540	8%
16357	459858-8	DRIVING LEVER SUPPORT R/DLM533	KẸP GIỮ CÁN ĐIỀU KHIỂN R/DLM533	54.972	8%
16358	459859-6	DRIVING LEVER HOLDER/DLM533	NÁP KẸP GIỮ THANH ĐIỀU KHIỂN/DLM533	18.360	8%
16359	459860-1	SWITCH BOX/DLM533	HỘP CÔNG TÁC/DLM533	54.972	8%
16360	459863-5	SWITCH LEVER SUPPORT L/DLM533	KẸP GIỮ CÔNG TÁC L/DLM533	41.256	8%
16361	459864-3	DRIVING LEVER SUPPORT L/DLM533	KẸP GIỮ CÁN ĐIỀU KHIỂN L/DLM533	64.152	8%
16362	459865-1	SPEED LEVER/DLM533	THANH ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/DLM533	32.076	8%
16363	459866-9	SPEED LEVER HOLDER/DLM533	GIÁ ĐỖ CÁN ĐIỀU KHIỂN/DLM533	27.540	8%
16364	459867-7	WHEEL CAP/DLM533	NÁP BANH XE/DLM533	119.124	8%
16365	459870-8	FRONT GRIP/DLM462	TAY CẦM/DLM462	132.840	8%
16366	459871-6	FRONT COVER/DLM530	BẢO VỆ TRƯỚC/DLM530	247.320	8%
16367	459872-4	DECK UNDER COVER/DLM530	ĐỀ DƯỚI BẢO VỆ TRƯỚC/DLM530	242.784	8%
16368	459873-2	FRONT COVER/DLM462	MẶT BẢO VỆ TRƯỚC/DLM462	352.620	8%
16369	459874-0	DECK UNDER COVER F/DLM462	MẶT BẢO VỆ DƯỚI/DLM462	306.828	8%
16370	459875-8	DECK UNDER COVER R/DLM462	MẶT BẢO VỆ THÂN MÁY/DLM462	709.776	8%
16371	459877-4	REAR FLAP HOLDER PLATE/DLM530	NÁP ĐÁY HỘP ĐỰNG CỎ/DLM530	59.616	8%
16372	459879-0	REAR FLAP HOLDER PLATE/DLM462	NÁP GIÁ ĐỖ/DLM462	109.944	8%
16373	459880-5	LEAD COVER/DLM462	NÁP BẢO VỆ/DLM462	22.896	8%
16374	459884-7	LOCK LEVER/DLM533	NÚT NHẤN/DLM533	18.360	8%
16375	459885-5	LOCK LEVER SUPPORT/DLM533	HỖ TRỢ NÚT NHẤN/DLM533	18.360	8%
16376	459886-3	SIDE DISCHARGE COVER/DLM530	NÁP CHÁN CỎ/DLM530	73.332	8%
16377	459891-0	BAFFLE PLATE/DKP181	NÁP CHÁN GIÓ/DKP181	50.436	8%
16378	459892-8	NOZZLE/DKP181	ĐẦU NỔI ÔNG HÚT BỤI/DKP181	51.840	8%
16379	459893-6	BELT COVER/DKP181	NÁP CHỤP BẢO VỆ DÂY CU-ROA/DKP181	77.868	8%
16380	459894-4	KNOB/DKP181	NÁP XOAY CHỈNH ĐỘ XÁU/DKP181	109.944	8%
16381	459905-5	CLAMP/DLM533	KẸP/DLM533	18.360	8%
16382	459907-1	HANDLE COVER/DLM530	MIẾNG ĐỆM TAY CẦM/DLM530	13.824	8%
16383	459908-9	SWITCH BOX/DLM530	VỎ CÔNG TÁC/DLM530	54.972	8%
16384	459912-8	STOPPER PLATE/DVC660	MIẾNG ĐỆM/DVC660	18.360	8%
16385	459913-6	PLATE/DVC660	TẤM LỐT/DVC660	96.228	8%
16386	459919-4	BAFFLE PLATE/JR3051T	NÁP CHÁN GIÓ/JR3051T	25.920	8%
16387	459920-9	HOOK COVER/JR3051T	NÁP BẢO VỆ/JR3051T	17.280	8%
16388	459923-3	RELEASE DRUM/JR001	ÔNG HẠM/JR001	28.050	10%
16389	459924-1	LOCK LEVER/JR001	CÁN KHÓA/JR001	54.972	8%
16390	459966-5	SWITCH LEVER/LS002G	THANH GẠT CÔNG TÁC/LS002G	54.972	8%
16391	459967-3	LEVER/DGA419	NÁP TRƯỢT/DGA419	96.228	8%
16392	459974-6	GEAR CASE/DLM160	ĐỀ NHÔNG/DLM160	201.528	8%
16393	459987-7	UNDER PLATE/DLM160	TẤM ĐỆM NGOÀI/DLM160	54.972	8%
16394	459992-4	SWITCH LEVER/DLM160	NÚT CÔNG TÁC/DLM160	22.896	8%
16395	459993-2	LOCK OFF BUTTON/DLM160	NÚT NHẤN KHÓA CÔNG TÁC/DLM160	18.360	8%
16396	510007-3	ARMATURE ASS'Y 220V/5103N	RỎ TO/5103N	2.769.120	8%
16397	510049-7	ARMATURE ASS'Y 220V/9500NB	RỎ TO/9500NB	1.497.420	8%
16398	510086-1	ARMATURE ASSY 240V/9553B	RỎ TO/9553B	423.360	8%
16399	510104-5	ARMATURE ASS'Y 220V/M9504B	RỎ TO/M9504B	494.640	8%
16400	510125-7	ARMATURE ASS'Y 220V/GA7020R	RỎ TO/GA7020R	1.222.668	8%
16401	510141-9	ARMATURE ASS'Y 220V/MT960	RỎ TO/MT960	494.640	8%
16402	510144-3	ARMATURE ASS'Y 220V/LS1016	RỎ TO/LS1016	1.474.524	8%
16403	510163-9	ARMATURE ASSEMBLY 220V/MT814	RỎ TO/MT814	696.060	8%
16404	510169-7	ARMATURE ASS'Y 220V/MT582	RỎ TO/MT582	947.916	8%
16405	510172-8	ARMATURE ASSEMBLY 220V/MT961	RỎ TO/MT961	467.100	8%
16406	510173-6	ARMATURE ASSY 240V/MT963	RỎ TO/MT963	499.176	8%
16407	510191-4	ARMATURE ASSY 115V	RỎ TO/	462.240	8%
16408	510192-2	ARMATURE ASS'Y 220V	RỎ TO/MT923	440.640	8%
16409	510198-0	ARMATURE ASS'Y 220V/M9501B	RỎ TO/M9501B	494.640	8%
16410	510213-0	ARMATURE ASS'Y 220V/MT912	RỎ TO/MT912	480.816	8%
16411	510221-1	ARMATURE ASS'Y 220V/4100NH2	RỎ TO/4100NH2	838.080	8%
16412	510226-1	ARMATURE ASS'Y 220V/MT372	RỎ TO/MT372	709.776	8%
16413	510240-7	ARMATURE ASS'Y 220V/2414NB	RỎ TO/2414NB	1.305.072	8%
16414	510246-5	ARMATURE ASS'Y 220V/MT920	RỎ TO/MT920	453.384	8%
16415	510251-2	ARMATURE ASS'Y 220-240V/MT922	RỎ TO/MT922	485.460	8%
16416	510254-6	ARMATURE ASS'Y 220V/M9201B	RỎ TO/M9201B	531.252	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16417	510264-3	ARMATURE ASS'Y 220V/BO4557	RỎ TO/BO4557	467.100	8%
16418	510267-7	ARMATURE ASS'Y 220V/MT370	RỎ TO/MT370	691.524	8%
16419	510275-8	ARMATURE ASS'Y 220V/3709	RỎ TO/3709	787.644	8%
16420	510283-9	ARMATURE ASS'Y 220V/LC1230	RỎ TO/LC1230	1.392.120	8%
16421	510287-1	ARMATURE ASS'Y 220V/M4001B	RỎ TO/M4001B	659.448	8%
16422	510291-0	ARMATURE ASS'Y 220V/MT941	RỎ TO/MT941	984.528	8%
16423	510300-5	ROTOR ASS'Y/DSC250	RỎ TO/DSC250	586.224	8%
16424	510305-5	ARMATURE ASSEMBLY 220V/GD0801C	RỎ TO/GD0801C	1.204.416	8%
16425	510314-4	ROTO/BO3700	RỎ TO/BO3700	618.192	8%
16426	510329-1	ROTOR ASS'Y/DGA404	RỎ TO/DGA406	572.400	8%
16427	510410-8	ARMATURE ASSEMBLY 220V/MT431	RỎ TO/MT431	503.712	8%
16428	510417-4	ARMATURE ASS'Y 220V/MT191	RỎ TO/MT191	416.772	8%
16429	510420-5	ARMATURE ASS'Y 220V/MT580	RỎ TO/MT580	737.316	8%
16430	510423-9	ARMATURE ASS'Y 220V/MT583	RỎ TO/MT583	604.476	8%
16431	510429-7	ARMATURE ASS'Y 220V/MT921	RỎ TO/MT921	512.892	8%
16432	510432-8	ARMATURE ASS'Y 220-240V/MT922	RỎ TO/MT922	503.712	8%
16433	510437-8	ROTOR ASS'Y/DCS553	RỎ TO/DCS553	741.852	8%
16434	510440-9	ROTOR ASS'Y/DGA419	RỎ TO/DGA419	920.484	8%
16435	510447-5	ROTOR ASS'Y/JR001	RỎ TO/JR001	897.588	8%
16436	510448-3	ROTOR ASS'Y/DUH604	RỎ TO/DUH604	888.408	8%
16437	510449-1	ROTOR ASS'Y/DUR191L	RỎ TO/DUR191L	503.712	8%
16438	510450-6	ROTOR ASS'Y/DUH501	RỎ TO/DUH501	416.772	8%
16439	510470-0	ROTOR ASS'Y/DUA300	RỎ TO/DUA300	1.144.800	8%
16440	510506-5	ROTOR ASS'Y/DUX60	RỎ TO/DUX60	783.108	8%
16441	510510-4	ARMATURE ASS'Y 220-240V/GA4040C	RỎ TO/GA4040C	966.276	8%
16442	510515-4	ARMATURE/GA5080	RỎ TO/GA5080	1.611.900	8%
16443	510536-6	ROTOR ASS'Y/DJV184	RỎ TO/DJV184	457.920	8%
16444	510551-0	ROTOR ASS'Y/UR013G	RỎ TO/UR013G	1.474.524	8%
16445	510558-6	ARMATURE ASS'Y/BO4555	RỎ TO/BO4555	535.788	8%
16446	510561-7	ARMATURE ASSEMBLY/BO3710	RỎ TO/BO3710	471.744	8%
16447	510595-0	ARMATURE ASS'Y 220-240V/2012NB	RỎ TO/2012NB	1.263.924	8%
16448	510598-4	ROTOR ASSEMBLY/UN001G	RỎ TO/UN001G	453.384	8%
16449	510600-3	ROTOR ASS'Y/HM004G	RỎ TO/HM004G	6.987.924	8%
16450	510601-1	ROTOR ASS'Y/CE003G	RỎ TO/CE003G	865.512	8%
16451	510604-5	ROTOR ASS'Y/TW002G	RỎ TO/TW002G	1.694.304	8%
16452	510612-6	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2670FT/HR2670	RỎ TO/HR2670FT/HR2670	563.328	8%
16453	511403-8	ARMATURE ASS'Y 220V/906	RỎ TO/906	1.277.640	8%
16454	511433-9	ARMATURE ASS'Y 220V/JS1600	RỎ TO/JS1600	1.643.976	8%
16455	511548-2	ARMATURE ASS'Y 220V/BO4540	RỎ TO/BO4540	1.332.612	8%
16456	511558-9	ARMATURE ASS'Y 220V/906H	RỎ TO/906H	1.767.636	8%
16457	511923-2	ARMATURE ASS'Y 220V/9500N	RỎ TO/9500N	1.405.836	8%
16458	511933-9	ARMATURE ASS'Y 220V/N3701	RỎ TO/N3701	1.909.548	8%
16459	511938-9	ARMATURE ASS'Y 220V/1900B	RỎ TO/1900B	984.528	8%
16460	511958-3	ARMATURE ASS'Y 220V/HP1300S	RỎ TO/HP1300S	1.396.656	8%
16461	511A03-0	ARMATURE ASS'Y 220-240V/JR3051T	RỎ TO/JR3051T	911.304	8%
16462	511A14-5	ARMATURE ASS'Y 220-240V/GA7070	RỎ TO/GA7070	1.497.420	8%
16463	511A19-5	ARMATURE/GA5080	RỎ TO/GA5080	1.054.080	8%
16464	511A28-4	ARMATURE ASS'Y 220V/GA7080	RỎ TO/GA7080	1.401.300	8%
16465	511A43-8	ARMATURE ASS'Y 220V/GA5090	RO TO/GA5090	1.286.820	8%
16466	511A48-8	ARMATURE ASS'Y 220V/GA5090	RO TO/GA5090	911.304	8%
16467	511A83-6	ARMATURE ASS'Y 220-240V/UC3041A	RỎ TO/UC3041A	952.560	8%
16468	511B08-6	ARMATURE ASSEMBLY 220V/GA9090	RỎ TO/GA9090	1.062.396	8%
16469	511B13-3	ARMATURE ASSEMBLY 220-240V/DP4020/DP4021	RỎ TO/DP4020/DP4021	499.176	8%
16470	512165-1	ARMATURE ASS'Y 220V/6016	RỎ TO/6016	1.772.172	8%
16471	512549-3	ARMATURE ASS'Y 220V/9207SPB	RỎ TO/9207SPB	2.340.036	8%
16472	512583-3	ARMATURE ASS'Y 220V/5800NB	RỎ TO/5800NB	1.790.532	8%
16473	512653-8	ARMATURE ASS'Y 220V/UT1301	RỎ TO/UT1301	1.499.040	8%
16474	512693-6	ARMATURE ASS'Y 220V/8416	RỎ TO/8416	1.607.364	8%
16475	512698-6	ARMATURE ASS'Y 220V/9045B	RỎ TO/9045B	1.721.844	8%
16476	512758-4	ARMATURE ASS'Y 220V/JN3200	RỎ TO/JN3200	1.616.544	8%
16477	512818-2	ARMATURE ASS'Y 220V/HR3520	RỎ TO/HR3520	1.831.680	8%
16478	512883-1	ARMATURE ASS'Y 220V/6906	RỎ TO/6906	1.882.116	8%
16479	512928-5	ARMATURE ASS'Y 220V/9741	RỎ TO/9741	1.895.832	8%
16480	513145-0	ARMATURE ASS'Y 220V/1804N	RỎ TO/1804N	2.472.768	8%
16481	513294-3	ARMATURE ASS'Y 220V/9924DB	RỎ TO/9924DB	2.014.848	8%
16482	513304-6	ARMATURE ASS'Y 220V/3601B	RỎ TO/3601B	2.445.336	8%
16483	513433-5	ARMATURE ASS'Y 220V/GD0603	RỎ TO/GD0603	544.968	8%
16484	513438-5	ARMATURE ASS'Y 220V/HP1630	RỎ TO/HP1630	528.984	8%
16485	513443-2	ARMATURE ASS'Y 220-240V/BO6050	RỎ TO/BO6050	1.602.720	8%
16486	513448-2	ARMATURE ASS'Y 220V/GA7060	RỎ TO/GA7060	1.117.368	8%
16487	513458-9	ARMATURE ASS'Y 220V/HS6600	RỎ TO 220V/HS6600	806.004	8%
16488	513463-6	ARMATURE ASS'Y 220-240V/LW1400	RỎ TO/LW1400	1.181.520	8%
16489	513468-6	ARMATURE ASSEMBLY 220V/HW1300	RỎ TO/HW1300	1.708.128	8%
16490	513469-4	ARMATURE ASSEMBLY 240V/HW1200	RỎ TO/HW1200	1.538.676	8%
16491	513478-3	ARMATURE ASS'Y 220V/MT192	RỎ TO/MT192	462.564	8%
16492	513483-0	ARMATURE ASS'Y 220V/PO5000C	RỎ TO 220V/PO5000C	1.158.624	8%
16493	513493-7	ARMATURE ASS'Y 220V/MT243	RỎ TO/MT243	962.820	8%
16494	513503-0	ARMATURE ASS'Y 220V/BO4901	RỎ TO/BO4901	1.653.156	8%
16495	513508-0	ARMATURE ASS'Y 220V/MT410	RỎ TO/MT410	718.956	8%
16496	513549-6	ARMATURE ASSY 240V/MT580	RỎ TO/MT580	691.200	8%
16497	513578-9	ARMATURE ASS'Y 220-240V/4131	RỎ TO/4131	1.895.832	8%
16498	513583-6	ARMATURE ASS'Y 220-240V/2107F	RỎ TO/2107F	1.543.212	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16499	513592-5	ARMATURE ASS'Y 200-220V/6924N	RỎ TO/6924N	2.051.568	8%
16500	513598-3	ARMATURE ASS'Y 220-240V/JR3050T	RỎ TO/JR3050T	897.588	8%
16501	513603-6	ARMATURE ASS'Y 220-240V/JR3070CT	RỎ TO/JR3070CT	938.736	8%
16502	513608-6	ARMATURE ASS'Y 220V/JR3060T	RỎ TO/JR3060T	787.644	8%
16503	513613-3	ARMATURE ASS'Y 220V/MT110	RỎ TO/MT110	696.060	8%
16504	513633-7	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HR4011C	RỎ TO/HR4011C	2.120.256	8%
16505	513653-1	ARMATURE ASS'Y 220V/UT1305	RỎ TO/UT1305	1.561.572	8%
16506	513678-5	ARMATURE ASS'Y 220-240V/CA5000	RỎ TO/CA5000	2.115.612	8%
16507	513693-9	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HR4030C	RỎ TO/HR4030C	2.120.256	8%
16508	513698-9	ARMATURE ASS'Y 220V/HR4002	RỎ TO/HR4002	902.124	8%
16509	513703-2	ARMATURE ASS'Y 220V/GA5010	RỎ TO/GA5010	659.448	8%
16510	513713-9	ARMATURE ASSY 220-240V/UC4020A	RỎ TO/UC4020A	920.484	8%
16511	513723-6	ARMATURE ASS'Y 220V/HR3530	RỎ TO/HR3530	1.703.484	8%
16512	513748-0	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HR3200C	RỎ TO/HR3200C	1.666.872	8%
16513	513753-7	ARMATURE ASS'Y 220V/MT411	RỎ TO/MT411	760.212	8%
16514	513778-1	ARMATURE ASS'Y 220V/RP0900	RỎ TO/RP0900	883.872	8%
16515	513783-8	ARMATURE ASSY 220V/MT430	RỎ TO/MT430	760.212	8%
16516	513793-5	ARMATURE ASSEMBLY 220-240V/HM0870C	RỎ TO/HM0870C	1.561.572	8%
16517	513808-8	ARMATURE ASS'Y 220V/DS4011	RỎ TO/DS4011	1.611.900	8%
16518	513813-5	ARMATURE ASS'Y 220V/MT412	RỎ TO/MT412	737.316	8%
16519	513853-3	ARMATURE ASS'Y 220V/MT111	RỎ TO/MT111	696.060	8%
16520	513858-3	ARMATURE ASS'Y 220V/JN3201	RỎ TO/JN3201	1.598.184	8%
16521	513864-8	ARMATURE ASS'Y 240V/MT583	RỎ TO/MT583	686.880	8%
16522	513868-0	ARMATURE ASS'Y 220V/4100NH3	RỎ TO/4100NH3	842.616	8%
16523	513873-7	ARMATURE ASS'Y 220V/MT413	RỎ TO/MT413	686.880	8%
16524	513878-7	ARMATURE ASS'Y 220V/M0401B	RỎ TO/M0401B	663.984	8%
16525	513888-4	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HR4013C	RỎ TO/HR4013C	2.312.496	8%
16526	513898-1	ARMATURE ASS'Y 220V/MT450	RỎ TO/MT450	728.136	8%
16527	513903-4	ARMATURE ASS'Y 220V/UB1103	RỎ TO/UB1103	654.912	8%
16528	513908-4	ARMATURE ASS'Y 220V/HS7600	RỎ TO/HS7600	783.108	8%
16529	513913-1	ARMATURE ASS'Y 220V/MT660	RỎ TO/MT660	751.032	8%
16530	513918-1	ARMATURE ASS'Y 220V/M6201B	RỎ TO/M6201B	792.288	8%
16531	513923-8	ARMATURE ASS'Y 220V/MT860	RỎ TO/MT860	879.228	8%
16532	513928-8	ARMATURE ASS'Y 220V/MT904	RỎ TO/MT904	641.088	8%
16533	513943-2	ARMATURE ASS'Y 220V/MT871	RỎ TO/MT871	572.400	8%
16534	513988-0	ARMATURE ASS'Y 220V/HR1841F	RỎ TO/HR1841F	957.096	8%
16535	514205-1	ARMATURE ASS'Y 220V/9401	RỎ TO/9401	2.463.696	8%
16536	514505-9	ARMATURE ASS'Y 220V/4107R	RỎ TO/4107R	3.026.916	8%
16537	514557-0	ARMATURE ASS'Y 220V/5016B	RỎ TO/5016B	3.008.556	8%
16538	514607-1	ARMATURE ASS'Y 220V/5401N	RỎ TO/5401N	3.287.952	8%
16539	514628-3	ARMATURE ASS'Y 220V/5012B	RỎ TO/5012B	2.628.504	8%
16540	514718-2	ARMATURE ASS'Y 220V/HM1201	RỎ TO/HM1201	2.756.700	8%
16541	514823-5	ARMATURE ASS'Y 220V/3612BR	RỎ TO/3612BR	3.077.244	8%
16542	514853-6	ARMATURE ASS'Y 220V/2711	RỎ TO/2711	2.928.960	8%
16543	514863-3	ARMATURE ASS'Y 220V/3600H	RỎ TO/3600H	3.049.812	8%
16544	514883-7	ARMATURE ASS'Y 220V/2416S	RỎ TO/2416S	2.788.776	8%
16545	514953-2	ARMATURE ASS'Y 220V/9067NB	RỎ TO/9067NB	2.112.480	8%
16546	514958-2	ARMATURE ASS'Y 220V/HM1500	RỎ TO/HM1500	2.587.680	8%
16547	515118-9	ARMATURE ASS'Y 220V/GV6000	RỎ TO/GV6000	1.227.312	8%
16548	515133-3	ARMATURE ASS'Y 220V/6905B	RỎ TO/6905B	1.488.240	8%
16549	515158-7	ARMATURE ASS'Y 220V/6802BV	RỎ TO/6802BV	1.497.420	8%
16550	515208-8	ARMATURE ASS'Y 220-240V/SG1251	RỎ TO/SG1251	1.703.484	8%
16551	515213-5	ARMATURE ASS'Y 220V/GD0810C	RỎ TO/GD0810C	1.611.900	8%
16552	515218-5	ARMATURE ASS'Y 220V/GD0800C	RỎ TO/GD0800C	1.694.304	8%
16553	515228-2	ARMATURE ASS'Y 220-240V/9563C	RỎ TO/9563C	1.717.200	8%
16554	515233-9	ARMATURE ASS'Y 220V/9565P	RỎ TO/9565P	1.676.052	8%
16555	515263-0	ARMATURE ASS'Y 220-240V/TW0350	RỎ TO/TW0350	1.534.032	8%
16556	515283-4	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2230	RỎ TO/HR2230	682.344	8%
16557	515288-4	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2460	RỎ TO/HR2460	645.732	8%
16558	515293-1	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2810	RỎ TO/HR2810	1.199.772	8%
16559	515294-9	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2810	RỎ TO/HR2810	1.273.104	8%
16560	515313-1	ARMATURE ASS'Y 220V/GV6010	RỎ TO/GV6010	1.076.112	8%
16561	515353-9	ARMATURE ASSEMBLY 220V/HR2300	RỎ TO/HR2300	810.540	8%
16562	515358-9	ARMATURE ASSEMBLY 220V/HR2600	RỎ TO/HR2600	874.692	8%
16563	515363-6	ARMATURE ASS'Y 220V/GA4040	RỎ TO/GA4040	906.768	8%
16564	515364-4	ARMATURE ASS'Y 240V/GA4040	RỎ TO/GA4040	874.692	8%
16565	515423-4	ARMATURE ASSY 220V/HR2651T	RỎ TO/HR2651T	984.528	8%
16566	515433-1	ARMATURE ASSEMBLY 220V/HS7010	RỎ TO/HS7010	1.053.216	8%
16567	515443-8	ARMATURE ASS'Y 220V/MT980	RỎ TO/MT980	755.568	8%
16568	515448-8	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HR3001C	RỎ TO/HR3001C	1.039.500	8%
16569	515528-0	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HR3001C	RỎ TO/HR3001C	993.708	8%
16570	515543-4	ARMATURE ASSY 220V/HM1511	RỎ TO/HM1511	3.434.400	8%
16571	515548-4	ARMATURE ASS'Y/MT971	RỎ TO/MT971	389.232	8%
16572	515553-1	ARMATURE ASS'Y 220-240V/MT964	RỎ TO/MT964	377.784	8%
16573	515563-8	ARMATURE ASS'Y 220V/M2402	RỎ TO/M2402	1.167.696	8%
16574	515603-2	ARMATURE ASS'Y 220V/MT651	RỎ TO/MT651	453.384	8%
16575	515608-2	ARMATURE ASS'Y 220V/MT955	RỎ TO/MT955	462.564	8%
16576	515613-9	ARMATURE ASS'Y 220-240V/9556HN	RỎ TO/9556HN	416.772	8%
16577	515619-7	ARMATURE ASS'Y 220-240V/9553B	RỎ TO/9553B	373.248	8%
16578	515648-0	ARMATURE ASS'Y 220V/HR1830	RỎ TO/HR1830	865.512	8%
16579	515658-7	ARMATURE ASS'Y 220-240V/MT959	RỎ TO/MT959	499.176	8%
16580	515663-4	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2450T	RỎ TO/HR2450T	595.296	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16581	515668-4	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2450	RỎ TO/HR2450	586.224	8%
16582	515678-1	ARMATURE ASS'Y 220V/GD0600	RỎ TO/GD0600	508.356	8%
16583	515683-8	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2453	RỎ TO/HR2453	950.400	8%
16584	515698-5	ARMATURE ASS'Y 220V/6411	RỎ TO/6411	494.640	8%
16585	515718-5	ARMATURE ASS'Y 220V/4326	RỎ TO/4326	517.536	8%
16586	515733-9	ARMATURE ASS'Y 220V/BO5041	RỎ TO/BO5041	1.117.368	8%
16587	515743-6	ARMATURE ASS'Y 220V/GD0602	RỎ TO/GD0602	1.593.648	8%
16588	515753-3	ARMATURE ASSEMBLY 220V/FS6300	RỎ TO/FS6300	686.880	8%
16589	515758-3	ARMATURE ASSEMBLY 220V/FS4000	RỎ TO/FS4000	677.808	8%
16590	515763-0	ARMATURE ASSEMBLY 220V/FS2500	RỎ TO/FS2500	806.004	8%
16591	515768-0	ARMATURE ASSY 220V/MUH355	RỎ TO/MUH355	508.356	8%
16592	515793-1	ARMATURE ASS'Y 220V/KP0800	RỎ TO/KP0800	586.224	8%
16593	515798-1	ARMATURE ASS'Y 220V/MT923	RỎ TO/MT923	549.504	8%
16594	515828-8	ARMATURE ASS'Y 220V/MT90	RỎ TO/MT90	421.308	8%
16595	515833-5	ARMATURE ASS'Y 220V/MT60	RỎ TO/MT60	439.668	8%
16596	515843-2	ARMATURE ASS'Y 220V/RT0700C	RỎ TO/RT0700C	838.080	8%
16597	515848-2	ARMATURE ASS'Y 220V/MT605	RỎ TO/MT605	494.640	8%
16598	515853-9	ARMATURE ASS'Y 220V/JV0600	RỎ TO/JV0600	613.656	8%
16599	515858-9	ARMATURE ASSEMBLY 220V/MT870	RỎ TO/MT870	531.252	8%
16600	515863-6	ARMATURE ASS'Y 220V/MT401	RỎ TO/MT401	467.100	8%
16601	515868-6	ARMATURE ASS'Y 220V/MT817	RỎ TO/MT817	512.892	8%
16602	515873-3	ARMATURE ASS'Y 220V/MT652	RỎ TO/MT652	467.100	8%
16603	515878-3	ARMATURE ASS'Y 220V/MT653	RỎ TO/MT653	435.024	8%
16604	515893-7	ARMATURE ASS'Y 220V/MT80A	RỎ TO/MT80A	435.024	8%
16605	515913-7	ARMATURE ASS'Y 220-240V/9035H	RỎ TO/9035H	554.148	8%
16606	515918-7	ARMATURE ASS'Y 220V/BO4510H	RỎ TO/BO4510H	535.788	8%
16607	516053-4	ARMATURE ASS'Y 220V/6905H	RỎ TO/6905H	1.490.400	8%
16608	516083-5	ARMATURE ASS'Y 220V/1911B	RỎ TO/1911B	1.657.692	8%
16609	516088-5	ARMATURE ASS'Y 220V/4100NB	RỎ TO/4100NB	1.776.816	8%
16610	516093-2	ARMATURE ASS'Y 220V/9005B	RỎ TO/9005B	1.616.544	8%
16611	516148-3	ARMATURE ASS'Y 220V/HM0810	RỎ TO/HM0810	1.021.248	8%
16612	516149-1	ARMATURE ASS'Y 240V/HM0810	RỎ TO/HM0810	1.175.040	8%
16613	516218-8	ARMATURE ASS'Y 220V/4100NH	RỎ TO/4100NH	828.900	8%
16614	516268-3	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2010	RỎ TO/HR2010	1.387.584	8%
16615	516273-0	ARMATURE ASS'Y 220V/5806B	RỎ TO/5806B	1.034.964	8%
16616	516274-8	ARMATURE ASSY 240V/5740NB	RỎ TO/5740NB	898.560	8%
16617	516308-7	ARMATURE ASS'Y 220/240V/9237C	RỎ TO/9237C	1.836.324	8%
16618	516328-1	ARMATURE ASS'Y 220V/HR4040C	RỎ TO/HR4040C	173.880	8%
16619	516333-8	ARMATURE ASS'Y 220V/9015B	RỎ TO/9015B	1.785.888	8%
16620	516363-9	ARMATURE ASS'Y 220-240V/4140	RỎ TO/4140	1.840.860	8%
16621	516433-4	ARMATURE ASS'Y 220-240V/PV7001C	RỎ TO/PV7001C	1.685.232	8%
16622	516443-1	ARMATURE ASS'Y 220-240V/GV7000C	RỎ TO/GV7000C	1.685.232	8%
16623	516448-1	ARMATURE ASS'Y 220-240V/GV7000	RỎ TO/GV7000	1.593.648	8%
16624	516453-8	ARMATURE ASS'Y 220-240V/BO6030	RỎ TO/BO6030	1.556.928	8%
16625	516588-5	ARMATURE ASS'Y 220V/3612	RỎ TO/3612	2.857.464	8%
16626	516718-8	ARMATURE ASS'Y 220V/LH1040	RỎ TO/LH1040	1.260.468	8%
16627	516723-5	ARMATURE ASS'Y 220V/LS1013	RỎ TO/LS1013	2.302.560	8%
16628	516773-0	ARMATURE ASS'Y 220-240V/9067	RỎ TO/9067	1.108.188	8%
16629	516783-7	ARMATURE ASS'Y 220-240V/9403	RỎ TO/9403	2.445.336	8%
16630	516813-4	ARMATURE ASS'Y 220-240V/2012NB	RỎ TO/2012NB	1.200.960	8%
16631	516818-4	ARMATURE ASS'Y 220V/N5900B	RỎ TO/N5900B	1.268.460	8%
16632	516868-9	ARMATURE ASS'Y 220-240V/4114S	RỎ TO/4114S	3.072.708	8%
16633	516883-3	ARMATURE ASS'Y 220V/MT240	RỎ TO/MT240	1.158.624	8%
16634	516888-3	ARMATURE ASS'Y 220-240V/4112HS	RỎ TO/4112HS	2.688.012	8%
16635	516908-3	ARMATURE ASS'Y 220V/MT360	RỎ TO/MT360	1.208.952	8%
16636	516918-0	ARMATURE ASS'Y 220V/TW1000	RỎ TO/TW1000	2.472.768	8%
16637	516948-1	ARMATURE ASS'Y 220-240V/MT902	RỎ TO/MT902	1.236.384	8%
16638	516973-2	ARMATURE ASS'Y 220V/HM1305	RỎ TO/HM1305	4.162.536	8%
16639	516993-6	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HR5211C	RỎ TO/HR5211C	2.935.332	8%
16640	517033-3	ARMATURE ASS'Y 220V/6501	RỎ TO/6501	1.308.960	8%
16641	517043-0	ARMATURE ASS'Y 220V/9035	RỎ TO/9035	1.085.292	8%
16642	517183-4	ARMATURE ASS'Y 220V/6409	RỎ TO/6409	728.136	8%
16643	517193-1	ARMATURE ASS'Y 220V/6922NB	RỎ TO/6922NB	1.492.884	8%
16644	517198-1	ARMATURE ASS'Y 220/240V/6307	RỎ TO/6307	1.428.732	8%
16645	517243-2	ARMATURE ASS'Y 220-240V/9910	RỎ TO/9910	1.451.628	8%
16646	517258-9	ARMATURE ASSY 220V/9525	RỎ TO/9525	870.048	8%
16647	517303-0	ARMATURE ASS'Y 220-240V/9523NB	RỎ TO/9523NB	544.320	8%
16648	517338-1	ARMATURE ASS'Y 220V/BO3700	RỎ TO/BO3700	375.840	8%
16649	517388-6	ARMATURE ASS'Y 220V/9032	RỎ TO/9032	1.355.508	8%
16650	517393-3	ARMATURE ASS'Y 220V/4340T	RỎ TO/4340T	1.726.380	8%
16651	517398-3	ARMATURE ASS'Y 220-240V/4350CT	RỎ TO/4350CT	1.025.784	8%
16652	517403-6	ARMATURE ASS'Y 220V/HR2410	RỎ TO/HR2410	505.440	8%
16653	517413-3	ARMATURE ASS'Y 220V/DP4010	RỎ TO/DP4010	737.316	8%
16654	517418-3	ARMATURE ASS'Y 220V/HP2230	RỎ TO/HP2230	815.184	8%
16655	517423-0	ARMATURE ASS'Y 220V/MT650	RỎ TO/MT650	476.280	8%
16656	517433-7	ARMATURE ASS'Y 220V/MT951	RỎ TO/MT951	485.460	8%
16657	517448-4	ARMATURE ASS'Y 220-240V/TW0200	RỎ TO/TW0200	1.346.328	8%
16658	517453-1	ARMATURE ASS'Y 220V/MT953	RỎ TO/MT953	453.384	8%
16659	517454-9	ARMATURE ASS'Y 220V/MT953	RỎ TO/MT953	393.120	8%
16660	517458-1	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HP1640	RỎ TO/HP1640	1.176.876	8%
16661	517463-8	ARMATURE ASS'Y 220V/HP2070	RỎ TO/HP2070	741.852	8%
16662	517478-5	ARMATURE ASSY 220V/MT603	RỎ TO/MT603	508.356	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16663	517493-9	ARMATURE ASS'Y 220V/MT190	RỎ TO/MT190	467.100	8%
16664	517513-9	ARMATURE ASS'Y 220V/JN1601	RỎ TO/JN1601	1.355.508	8%
16665	517528-6	ARMATURE ASS'Y 220V/6951	RỎ TO/6951	1.492.884	8%
16666	517543-0	ARMATURE ASS'Y 220V/6952	RỎ TO/6952	1.515.780	8%
16667	517583-8	ARMATURE ASS'Y 220-240V/DA3010	RỎ TO/DA3010	1.341.792	8%
16668	517588-8	ARMATURE ASS'Y 220V/9533B	RỎ TO/9533B	902.880	8%
16669	517623-2	ARMATURE ASS'Y 220V/MT910	RỎ TO/MT910	453.384	8%
16670	517628-2	ARMATURE ASSY 220V/MT911	RỎ TO/MT911	480.816	8%
16671	517648-6	ARMATURE ASS'Y 220V/GA4030	RỎ TO/GA4030	373.248	8%
16672	517653-3	ARMATURE ASSY 220V/TD0100	RỎ TO/TD0100	1.121.904	8%
16673	517663-0	ARMATURE ASSEMBLY 220V/GA4032	RỎ TO/GA4032	535.788	8%
16674	517673-7	ARMATURE ASS'Y 220V/JS1601	RỎ TO/JS1601	1.300.536	8%
16675	517683-4	ARMATURE ASSEMBLY 220-240V/TM3000C	RỎ TO/TM3000C	677.808	8%
16676	517688-4	ARMATURE ASSY 220V/MT925	RỎ TO/MT925	425.952	8%
16677	517693-1	ARMATURE ASS'Y 220V/DP2010	RỎ TO/DP2010	535.788	8%
16678	517768-6	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HR4511C	RỎ TO/HR4511C	2.820.852	8%
16679	517773-3	ARMATURE ASS'Y 220V/HM1306	RỎ TO/HM1306	3.887.784	8%
16680	517788-0	ARMATURE ASSEMBLY 220-240V/HM1307C	RỎ TO/HM1307C	3.127.680	8%
16681	517793-7	ARMATURE ASS'Y 220V/GA7020	RỎ TO/GA7020	1.126.548	8%
16682	517798-7	ARMATURE ASS'Y 220V/RP1800	RỎ TO/RP1800	3.168.828	8%
16683	517803-0	ARMATURE ASS'Y 220V/RP1801	RỎ TO/RP1801	3.200.904	8%
16684	517813-7	ARMATURE ASS'Y 220V/RP2301FC	RỎ TO/RP2301FC	3.292.488	8%
16685	517818-7	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HM1203C	RỎ TO/HM1203C	3.191.724	8%
16686	517828-4	ARMATURE ASS'Y 220V/GA7030	RỎ TO/GA7030	1.296.000	8%
16687	517838-1	ARMATURE ASSEMBLY 220-240V/HM1214C	RỎ TO/HM1214C	2.985.660	8%
16688	517843-8	ARMATURE ASSEMBLY 220V/LS1216	RỎ TO/LS1216	1.570.752	8%
16689	517848-8	ARMATURE ASS'Y 220V/VC1310L	RỎ TO/VC1310L	1.062.396	8%
16690	517853-5	ARMATURE ASSEMBLY 220V/GA7050	RỎ TO/GA7050	1.144.800	8%
16691	517854-3	ARMATURE ASS'Y 240V/GA7050	RỎ TO/GA7050	1.891.296	8%
16692	517863-2	ARMATURE ASS'Y 220V/MT241	RỎ TO/MT241	1.108.188	8%
16693	517883-6	ARMATURE ASS'Y 220V/MT362	RỎ TO/MT362	1.167.696	8%
16694	517888-6	ARMATURE ASS'Y 220V/GS5000	RỎ TO/GS5000	2.289.600	8%
16695	517893-3	ARMATURE ASS'Y 220V/M0920B	RỎ TO/M0920B	1.062.396	8%
16696	517898-3	ARMATURE ASS'Y 220-240V/HR5212C	RỎ TO/HR5212C	2.152.224	8%
16697	517903-6	ARMATURE ASS'Y 220V/UC4051A	RỎ TO/UC4051A	1.099.008	8%
16698	517913-3	ARMATURE ASS'Y 220V/HM1812	RỎ TO/HM1812	3.484.836	8%
16699	517978-5	ARMATURE ASS'Y 220V/JR3061T	RỎ TO/JR3061T	874.692	8%
16700	517993-9	ARMATURE ASS'Y 220V/GA4050	RỎ TO/GA4050	824.256	8%
16701	517998-9	ARMATURE ASS'Y 220V/DF0300	RỎ TO/DF0300	475.200	8%
16702	518168-3	ARMATURE ASSY 220V/MT954	RỎ TO/MT954	457.920	8%
16703	518384-7	ARMATURE ASS'Y 220V/UH3502	RO TO/UH3502	540.432	8%
16704	518506-9	ARMATURE ASS'Y 220V/MT621	RỎ TO/MT621	732.672	8%
16705	518684-5	ARMATURE ASS'Y 220V/PC5000C	RỎ TO/PC5000C	897.588	8%
16706	518765-5	ARMATURE ASS'Y 220V/2704	RỎ TO/2704	1.689.768	8%
16707	518850-4	ARMATURE ASSY 220V/4304	RỎ TO/4304	815.184	8%
16708	519155-5	ARMATURE ASS'Y 220V/MT400	RỎ TO/MT400	457.920	8%
16709	519176-7	ARMATURE ASS'Y 18V/DJR181	RỎ TO/DJR181	760.212	8%
16710	519199-5	ARMATURE ASS'Y 18V/DTW450	RỎ TO/DTW450	1.025.784	8%
16711	519226-8	ARMATURE ASS'Y 18V/DHR202	RỎ TO/DHR202	741.852	8%
16712	519235-7	ARMATURE ASS'Y 36V/DHR263	RỎ TO/DHR263	856.332	8%
16713	519261-6	ARMATURE ASSEMBLY 36V/BUH550	RỎ TO/BUH550	1.360.044	8%
16714	519272-1	ARMATURE ASS'Y DC18V/DKP180	RỎ TO/DKP180	732.672	8%
16715	519329-8	ROTOR ASS'Y/DJV181	RỎ TO/DJV181	1.641.600	8%
16716	519332-9	ARMATURE ASS'Y 36V/DHS710	RỎ TO/DHS710	865.512	8%
16717	519338-7	ARMATURE ASS'Y 18V/DTM51	RỎ TO/DTM51	544.968	8%
16718	519355-7	ROTOR ASS'Y/DFS452	RỎ TO/DFS452	2.724.624	8%
16719	519359-9	ROTOR ASS'Y/DHS680	RỎ TO/DHS680	1.451.628	8%
16720	519365-4	ROTOR ASS'Y/DCS551	RỎ TO/DCS551	1.153.440	8%
16721	519378-5	ROTOR ASS'Y/DGA404	RỎ TO/DGA404	565.920	8%
16722	519384-0	ROTOR ASS'Y/DTW1001	RỎ TO/DTW1001	1.753.920	8%
16723	519391-3	ROTOR ASS'Y/DJR187	RỎ TO/DJR187	1.149.120	8%
16724	519392-1	ARMATURE ASS'Y 18V/DJR186	RỎ TO 18V/DJR186	828.900	8%
16725	519400-8	ROTOR ASSEMBLY/DLS600	RỎ TO/DLS600	2.486.592	8%
16726	519411-3	ROTOR ASS'Y/DUC353	RỎ TO/DUC353	1.959.984	8%
16727	519424-4	ROTOR ASS'Y/DFS250	RỎ TO/DFS250	833.436	8%
16728	519429-4	ROTOR ASS'Y/DUR189	RỎ TO/DUR189	517.536	8%
16729	519435-9	ROTOR ASS'Y/RS001G	RỎ TO/RS001G	1.227.312	8%
16730	519436-7	ROTOR ASS'Y/DGA700	RỎ TO/DGA700	1.034.964	8%
16731	519444-8	ROTOR ASS'Y/DUB362	RỎ TO/DUB362	636.552	8%
16732	519447-2	ROTOR ASS'Y/DUX60	RỎ TO/DUX60	783.108	8%
16733	519448-0	ROTOR ASSY/DSP601	RỎ TO/DSP601	773.928	8%
16734	519449-8	ROTOR/DRT50	RỎ TO/DRT50	879.228	8%
16735	519452-9	ROTOR ASS'Y/JV103D	RO TO/JV103D	435.024	8%
16736	519454-5	ROTOR ASS'Y/DLS111	RỎ TO/DLS111	1.236.384	8%
16737	519457-9	ROTOR ASS'Y/DJR188	RỎ TO/DJR188	714.420	8%
16738	519492-7	ROTOR ASS'Y/DHR400	RỎ TO/DHR400	2.500.308	8%
16739	519497-7	ROTOR ASSY/DWT310	RỎ TO/DWT310	1.415.016	8%
16740	519513-5	ROTOR ASSY/DHR280	RỎ TO/DHR280	1.234.440	8%
16741	519521-6	ROTOR ASSY /DUH501	RỎ TO/DUH501	1.261.440	8%
16742	519526-6	ROTOR ASSY/DDA460	RỎ TO/DDA460	1.515.780	8%
16743	519527-4	ROTOR ASS'Y/DHS660	RỎ TO/DHS660	718.956	8%
16744	519529-0	ROTOR ASS'Y/DJR187	RỎ TO/DJR187	856.332	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16745	519534-7	ROTOR ASSY/DHS780	RỎ TO/DHS780	1.099.008	8%
16746	519537-1	ROTOR ASSY/DLW140	RỎ TO/DLW140	1.140.264	8%
16747	519549-4	ROTOR ASSY/DHR182	RỎ TO/DHR182	773.928	8%
16748	519554-1	ROTOR ASSY/DLS211	RỎ TO/DLS211	1.263.924	8%
16749	519560-6	ROTOR ASSY/UR012G	RỎ TO/UR012G	4.002.264	8%
16750	519567-2	ROTOR ASSY/DSL800	RỎ TO/DSL800	925.020	8%
16751	519570-3	ROTOR ASSEMBLY/DHW080	RỎ TO/DHW080	773.928	8%
16752	519576-1	ROTOR ASSY/DUC256	RỎ TO/DUC256	2.010.312	8%
16753	519580-0	ROTOR ASSY/DUB184	RỎ TO/DUB184	480.816	8%
16754	519587-6	ROTOR ASSY/DUR369	RỎ TO/DUR369	1.167.696	8%
16755	519589-2	ROTOR ASSY/DHK180	RỎ TO/DHK180	1.153.980	8%
16756	519590-7	ROTOR ASSY/DKP181	RỎ TO/DKP181	709.776	8%
16757	519593-1	ROTOR ASSY/DTW1001	RỎ TO/DTW1001	1.950.804	8%
16758	519595-7	ROTOR ASSY/GA003	RỎ TO/GA003	851.796	8%
16759	519598-1	ROTOR ASSY/DUN600L	RỎ TO/DUN600L	439.668	8%
16760	519602-6	ROTOR ASSY/DHS900	RỎ TO/DHS900	1.199.772	8%
16761	519606-8	ROTOR ASSY/DLM533	RỎ TO/DLM533	2.193.480	8%
16762	519629-6	ROTOR ASSY/DCE090	RỎ TO/DCE090	3.722.976	8%
16763	519630-1	ROTOR ASSY/TW001G	RỎ TO/TW001G	1.861.920	8%
16764	519635-1	ROTOR ASSY/DTW700	RỎ TO/DTW700	544.968	8%
16765	519636-9	ROTOR ASSY/DCO181	RỎ TO/DCO181	1.332.612	8%
16766	519639-3	ROTOR ASSY/UB001CZ	RO TO/UB001CZ	741.852	8%
16767	519642-4	ROTOR ASSY/HM001G	RỎ TO/HM001G	1.327.968	8%
16768	519643-2	ROTOR ASSY/DUR192L	RỎ TO/DUR192L	457.920	8%
16769	519645-8	ROTOR ASSY/DBS180	RỎ TO/DBS180	1.016.604	8%
16770	519647-4	ROTOR ASSY/UX01G	RỎ TO/UX01G	961.632	8%
16771	519649-0	ROTOR ASSY/LS002G	RỎ TO/LS002G	1.053.216	8%
16772	519651-3	ROTOR ASSY/HM002G	RỎ TO/HM002G	2.683.476	8%
16773	519652-1	ROTOR ASSY/HR006G	RỎ TO/HR006G	4.606.740	8%
16774	519654-7	ROTOR ASSY/DUX18	RỎ TO/DUX18	467.100	8%
16775	519664-4	ROTOR ASSY/DFS452	RỎ TO/DFS452	1.126.548	8%
16776	519665-2	ROTOR ASSY/DCC500	RỎ TO/DCC500	1.030.320	8%
16777	519667-8	ROTOR ASSY/RS002G	RỎ TO/RS002G	792.288	8%
16778	519683-0	ROTOR ASSY/DTM52/XMT04	RỎ TO/DTM52	535.788	8%
16779	519685-6	ROTOR ASSY/DFR452	RỎ TO/DFR452	1.506.600	8%
16780	519688-0	ROTOR ASSY/DDA450	RỎ TO/DDA450	897.588	8%
16781	519689-8	ROTOR ASSY/DA001G	RỎ TO/DA001G	1.410.480	8%
16782	519691-1	ROTOR ASSY/TW007G	RỎ TO/TW007G	572.400	8%
16783	519693-7	ROTOR/UH013G	RỎ TO/UH013G	1.135.728	8%
16784	519694-5	ROTOR ASSY/UH004G	RỎ TO/UH004G	535.788	8%
16785	519695-3	ROTOR ASSY/UH004G	RỎ TO/UH004G	535.788	8%
16786	519698-7	ROTOR ASSY/SP001G	RỎ TO/SP001G	1.021.248	8%
16787	519705-6	ROTOR ASSY/DBO380	RỎ TO/DBO380	457.920	8%
16788	519710-3	ROTOR ASSY/UC004G	RỎ TO/UC004G	1.071.576	8%
16789	519711-1	ROTOR ASSY/LM001J	RỎ TO/LM001J	1.401.300	8%
16790	519715-3	ROTOR ASSY/HR007G	RỎ TO/HR007G	741.852	8%
16791	519717-9	ROTOR ASSY/CE001G	RỎ TO/CE001G	1.891.296	8%
16792	519721-8	ROTOR ASSY/HS009G	RỎ TO/HS009G	865.512	8%
16793	519722-6	ROTOR ASSY/HR008G	RỎ TO/HR008G	1.350.864	8%
16794	519728-4	ROTOR ASSY/JR002G	RỎ TO/JR002G	897.588	8%
16795	519730-7	ROTOR ASSY/HS011G	RỎ TO/HS011G	773.928	8%
16796	519732-3	ROTOR ASSY/UC012G	RỎ TO/UC012G	2.005.776	8%
16797	519736-5	ROTOR ASSY/PB002G	RỎ TO/PB002G	1.337.148	8%
16798	519738-1	ROTOR ASSY/PV001G	RO TO/PV001G	1.543.212	8%
16799	519742-0	ROTOR ASSY/KP001G	RỎ TO/KP001G	764.748	8%
16800	519749-6	ROTOR ASSY/CS002G	RỎ TO/CS002G	2.706.372	8%
16801	519762-4	ROTOR ASSY/GA039G	RO TO/GA039G	938.736	8%
16802	519764-0	ROTOR ASSY/DUH506	ROTO/DUH506	403.056	8%
16803	519766-6	ROTOR ASSY/DUC307	RO TO/DUC307	815.184	8%
16804	519769-0	ROTOR ASSY/JV001G	RỎ TO/JV001G	476.280	8%
16805	519770-5	ROTOR ASSY/DJR189	RO TO/DJR189	563.328	8%
16806	519777-1	ROTOR ASSY/VC006GM	RỎ TO/VC006GM	769.392	8%
16807	519778-9	ROTOR ASSEMBLY/HS012G	RỎ TO/HS012G	590.760	8%
16808	519785-2	ROTOR ASSY/LM001G	RỎ TO/LM001G	2.175.120	8%
16809	519786-0	ROTOR ASSY/LM001G	RỎ TO/LM001G	2.472.768	8%
16810	519789-4	ROTOR ASSEMBLY/UT001G	RO TO/UT001G	1.506.600	8%
16811	519794-1	ROTOR ASSY/UR013G	RỎ TO/UR013G	1.474.524	8%
16812	519810-9	ROTOR ASSEMBLY/GA048G	RỎ TO/GA048G	792.288	8%
16813	519814-1	ROTOR ASSY/UR016G	RỎ TO/UR016G	563.328	8%
16814	519823-0	ROTOR ASSY/UV001G	RỎ TO/UV001G	1.886.652	8%
16815	519824-8	ROTOR ASSEMBLY/DJV185	RỎ TO/DJV185	467.100	8%
16816	519830-3	ROTOR ASSY/HW001G	RỎ TO/HW001G	746.496	8%
16817	519831-1	ROTOR ASSY/WT001G	RỎ TO/WT001G	1.296.000	8%
16818	519840-0	ROTOR ASSEMBLY/UC022G	RỎ TO/UC022G	1.442.448	8%
16819	519847-6	ROTOR ASSEMBLY/UB004C	RỎ TO/UB004C	741.852	8%
16820	519853-1	ROTOR ASSY/TP001G	RỎ TO/TP001G	851.796	8%
16821	519856-5	ROTOR ASSY/CE004G	RỎ TO/CE004G	883.872	8%
16822	519858-1	ROTOR ASSEMBLY/DRT52	RỎ TO/DRT52	618.192	8%
16823	519860-4	ROTOR ASSY/TW009G	RỎ TO/TW009G	1.804.248	8%
16824	519864-6	ROTOR ASSY/BS001G	RỎ TO/BS001G	732.672	8%
16825	519870-1	ROTOR ASSY/PS001G	RỎ TO/PS001G	860.976	8%
16826	519883-2	ROTOR ASSY/HS013G	RỎ TO/HS013G	998.352	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16827	519915-5	ROTOR ASSY/UC030G	RỎ TO/UC030G	2.034.720	8%
16828	519918-9	ROTOR ASSY/JR003G	RỎ TO/JR003G	1.533.600	8%
16829	520039-2	FIELD ASSY 220V/4100NB	STATO/4100NB	1.515.780	8%
16830	520087-1	FIELD ASSY 240V/PC5000C	STATO/PC5000C	984.528	8%
16831	520146-1	STATOR ASSY/DUC406	STATO/DUC406	1.076.112	8%
16832	520154-2	FIELD/3711	STATO/3711	366.336	8%
16833	520195-8	STATOR ASSY 36V/TW002G	STATO/TW002G	6.566.616	8%
16834	520200-1	STATOR ASSY 36V/TW003G	STATO/TW003G	6.626.124	8%
16835	520203-5	STATOR ASSY 36V/TW011G	STATO/TW011G	6.649.020	8%
16836	521388-0	FIELD ASSY 220V/906	STATO/906	1.172.340	8%
16837	521418-7	FIELD ASSY 220V/JN1600	STATO/JN1600	1.213.488	8%
16838	521553-1	FIELD ASSY 220V/906H	STATO/906H	1.511.136	8%
16839	521623-6	FIELD ASSY 220-240V/9523NB	STATO/9523NB	669.600	8%
16840	521768-0	FIELD ASSY 220V/DP2010	STATO 220V/DP2010	636.552	8%
16841	521878-3	FIELD ASSY 220V/JR3061T	STATO/JR3061T	751.032	8%
16842	521893-7	FIELD ASSY 220V/JR3051T	STATO/JR3051T	700.704	8%
16843	522145-9	FIELD ASSY 220V/5800NB	STATO/5800NB	1.332.612	8%
16844	522165-3	FIELD ASSY 220V/6016	STATO/6016	1.144.800	8%
16845	522335-4	FIELD ASSY 220V/9207SPB	STATO 220V/9207SPB	1.437.912	8%
16846	522478-2	FIELD ASSY 220V/9045B	STATO/9045B	1.268.460	8%
16847	522508-9	FIELD ASSY 220V/HM0810	STATO/HM0810	1.135.728	8%
16848	522553-4	FIELD ASSY 220V/JN3200	STATO/JN3200	824.256	8%
16849	522673-4	FIELD ASSY 220V/9005B	STATO/9005B	1.369.224	8%
16850	522688-1	FIELD ASSY 220V/9741	STATO/9741	1.900.368	8%
16851	522838-8	FIELD ASSY 220-240V/9015B	STATO/9015B	1.451.628	8%
16852	523025-2	FIELD ASSY 220V/1804N	STATO 220V/1804N	1.762.992	8%
16853	523125-8	FIELD ASSY 220V/9924DB	STATO/9924DB	1.483.704	8%
16854	523348-8	FIELD ASSY 220V/3600H	STATO/3600H	1.808.784	8%
16855	523413-3	FIELD ASSEMBLY 220V/GA7050	STATO/GA7050	1.094.472	8%
16856	523423-0	FIELD ASSY 220V/GS5000	STATO/GS5000	1.781.352	8%
16857	524125-1	FIELD ASSY 220V/5900B	STATO/5900B	1.991.952	8%
16858	524465-7	FIELD ASSY 220V/4107R	STATO/4107R	2.248.452	8%
16859	524508-5	FIELD ASSY 220V/5016B	STATO/5016B	2.088.180	8%
16860	524558-0	FIELD ASSY 220V/5103N	STATO/5103N	1.944.000	8%
16861	524583-1	FIELD ASSY 220V/5012B	STATO/5012B	2.133.972	8%
16862	524633-2	FIELD ASSY 220V/HM1201	STATO/HM1201	1.708.128	8%
16863	524708-7	FIELD ASSY 220V/3612br	STATO/3612BR	2.188.944	8%
16864	524753-2	FIELD ASSY 220V/2416S	STATO/2416S	2.500.308	8%
16865	525713-7	FIELD ASSY 220-240V/JR3050T	STATO/JR3050T	700.704	8%
16866	525743-8	FIELD ASSY 220-240V/CA5000	STATO 220-240V/CA5000	856.332	8%
16867	525768-2	FIELD ASSY 220-240V/GA5010	STATO/GA5010	778.464	8%
16868	525833-7	FIELD ASSY 220V/DS4011	STATO 220V/DS4011	1.163.160	8%
16869	525868-8	FIELD ASSY 220V/JN3201	STATO/JN3201	1.163.160	8%
16870	526068-3	FIELD ASSY 220-240V/LS1030N	STATO/LS1030N	1.213.488	8%
16871	526073-0	FIELD ASSY 220V/9067	STATO/9067	1.057.860	8%
16872	526103-7	FIELD ASSY 220V/2012NB	STATO/2012NB	1.121.904	8%
16873	526148-5	FIELD ASSY 220V/TW1000	STATO/TW1000	2.170.584	8%
16874	526178-6	FIELD ASSY 220V/GA7020	STATO/GA7020	1.195.236	8%
16875	526193-0	FIELD ASSY 220-240V/GA7030	STATO/GA7030	1.465.344	8%
16876	526203-3	FIELD ASSY 220V/VC1310L	STATO 220V/VC1310L	915.840	8%
16877	526213-0	FIELD ASSY 220V/GA7020R	STATO/GA7020R	1.236.384	8%
16878	526218-0	FIELD ASSEMBLY 220-240V/GA7030R	STATO/GA7030R	1.259.280	8%
16879	526233-4	FIELD ASSY 220V/HM1306	STATO/HM1306	2.381.184	8%
16880	526583-7	FIELD ASSY 220V/HR2810	STATO/HR2810	755.568	8%
16881	526608-7	FIELD ASSY 220V/GV6010	STATO/GV6010	970.812	8%
16882	528803-5	FIELD ASSY 220-240V/JR3070CT	STATO/JR3070CT	787.644	8%
16883	528805-1	FIELD ASSY 220V/JR3060T	STATO/JR3060T	696.060	8%
16884	529187-4	STATOR ASSY/DHR242	STATO/DHR242	448.848	8%
16885	529420-4	STATOR ASSY/DUC256	STATO/DUC256	790.560	8%
16886	531043-6	SWITCH ASSY TG60A/6010D	CÔNG TẮC/6010D	366.336	8%
16887	533019-9	LEAD ASSY/DF030D	DÂY GHIM ĐIỆN/DF030D	32.076	8%
16888	533020-4	LEAD ASSY/DF030D	DÂY GHIM ĐIỆN/DF030D	32.076	8%
16889	534752-6	FIELD ASSY 220-240V/M2402	STATO/M2402	819.720	8%
16890	539168-0	SUPPORT ASSY/9237C	CỤM CHỤP THAN/9237C	114.480	8%
16891	539189-2	BRUSH HOLDER ASSY/DDA340	Ổ CHỐI THAN/DDA340	128.304	8%
16892	539214-9	RUSH HOLDER ASSY/BHR261	Ổ CHỐI THAN/BHR261	87.048	8%
16893	539215-7	BRUSH HOLDER ASSY/BHR261	Ổ CHỐI THAN/BHR261	87.048	8%
16894	539237-7	SWITCH UNIT ASSY/HR140D	BỘ CÔNG TẮC/HR140D	764.748	8%
16895	539241-6	BRUSH HOLDER ASSY/DTD156	Ổ CHỐI THAN/DTD156	119.124	8%
16896	539252-1	CONTROLLER ASSY/LM001G	BO MẠCH/LM001G	11.383.956	8%
16897	539261-0	CONTROLLER ASSY/DTD173	BO MẠCH/DTD173	2.674.296	8%
16898	539263-6	SWITCH PLATE ASSEMBLY/DTD173	MIẾNG ĐẼM CÔNG TẮC/DTD173	238.140	8%
16899	539268-6	CONTROLLER ASSY/UV001G	BO MẠCH/UV001G	7.509.888	8%
16900	590022-3	FIELD ASSY 220V/LS1016	STATO/LS1016	984.528	8%
16901	590053-2	FIELD/MT361	STATO/MT361	714.420	8%
16902	590065-5	FIELD ASS'Y 220V/MT412	STATO/MT412	485.460	8%
16903	590067-1	FIELD ASS'Y 220V/MT583	STATO 220V/MT583	407.592	8%
16904	590077-8	FIELD ASSY 220V/M4001B	STATO/M4001B	476.280	8%
16905	590086-7	FIELD ASSY 220V/3709	STATO 220V/3709	370.980	8%
16906	590094-8	STATOR ASSY/DUC353	STATO/DUC353	1.653.156	8%
16907	590103-3	FIELD ASSY 220-240V/UC3020A	STATO 220-240V/UC3020A	691.524	8%
16908	592E25-3	STATOR ASSY/DUR365U	STATO/DUR365U	847.152	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16909	592H45-5	STATOR ASS'Y/DUC353	STATO/DUC353	1.710.720	8%
16910	593003-6	FIELD ASS'Y 220V/BO4540	STATO/BO4540	828.900	8%
16911	593118-9	FIELD ASS'Y 220V/1900B	STATO/1900B	796.824	8%
16912	593153-7	FIELD ASS'Y 220V/9500N	STATO/9500N	773.928	8%
16913	593163-4	FIELD ASS'Y 220V/N3701	STATO/N3701	723.600	8%
16914	593268-0	FIELD ASS'Y 220V/6922NB	STATO/6922NB	746.496	8%
16915	593458-5	FIELD ASS'Y 220-240V/BO3700	STATO/BO3700	251.856	8%
16916	593479-7	FIELD ASS'Y 240V/9500NB	STATO/9500NB	792.288	8%
16917	593498-3	FIELD ASS'Y 220V/9032	STATO/9032	34.560	8%
16918	593503-6	FIELD ASS'Y 220-240V/4340T	STATO/4340T	527.040	8%
16919	593508-6	FIELD ASS'Y 220-240V/4350CT	STATO/4350CT	558.684	8%
16920	593523-0	FIELD ASS'Y 220-240V/MT954	STATO/MT954	453.384	8%
16921	593538-7	FIELD ASS'Y 220V/MT650	STATO/MT650	393.876	8%
16922	593563-8	FIELD ASS'Y 220-240V/TW0200	STATO/TW0200	718.956	8%
16923	593588-2	FIELD ASS'Y 220V/MT191	STATO 220V/MT191	485.460	8%
16924	593598-9	FIELD ASS'Y 220V/MT651	STATO/MT651	375.516	8%
16925	593603-2	FIELD ASS'Y 220V/MT955	STATO/MT955	457.920	8%
16926	593628-6	FIELD ASS'Y 220-240V/MT959	STATO/MT959	509.760	8%
16927	593648-0	FIELD ASS'Y 220V/BO4555	STATO/BO4555	293.112	8%
16928	593668-4	FIELD ASS'Y 220-240V/MT921	STATO/MT921	403.056	8%
16929	593698-5	FIELD ASSY 220V/MUH355	STATO/MUH355	279.396	8%
16930	593703-8	FIELD ASSEMBLY 220-240V/BO3710	STATO/BO3710	283.932	8%
16931	593708-8	FIELD ASSEMBLY 220-240V/BO3711	STATO 220-240V/BO3711	283.932	8%
16932	593718-5	FIELD ASS'Y 220-240V/KP0800	STATO/KP0800	348.084	8%
16933	593739-7	FIELD ASS'Y 220-240V/MT923	STATO/MT923	297.648	8%
16934	593803-4	FIELD ASS'Y 220-240V/MT817	STATO/MT817	237.600	8%
16935	593808-4	FIELD ASS'Y 220V/MT652	STATO/MT652	293.112	8%
16936	593848-2	FIELD ASS'Y 220V/BO4510H	STATO/BO4510H	274.752	8%
16937	593853-9	FIELD ASS'Y 220V/9035H	STATO 220V/9035H	343.440	8%
16938	593869-4	FIELD ASSY 220-240V/UC3020A	STATO 220-240V/UC3020A	496.800	8%
16939	593873-3	FIELD ASS'Y 220V/GD0603	STATO/GD0603	522.072	8%
16940	593888-0	FIELD ASSEMBLY 220V/HS6600	STATO 220V/HS6600	632.016	8%
16941	593908-0	FIELD ASS'Y 220V/LW1400	STATO 220V/LW1400	947.916	8%
16942	593923-4	FIELD ASS'Y 220V/MT192	STATO/MT192	207.360	8%
16943	593943-8	FIELD ASS'Y 220V/MT582	STATO/MT582	595.296	8%
16944	593948-8	FIELD ASS'Y 220V/MT243	STATO/MT243	851.796	8%
16945	593949-6	FIELD ASS'Y 240V/M2403B	STATO/M2403B	815.184	8%
16946	593953-5	FIELD ASS'Y 220V/M0401B	STATO/M0401B	572.400	8%
16947	593968-2	FIELD ASS'Y 220V/MT413	STATO/MT413	595.296	8%
16948	593973-9	FIELD ASS'Y 220V/MT370	STATO/MT370	366.336	8%
16949	594253-6	FIELD ASS'Y 220V/HR2010	STATO/HR2010	851.796	8%
16950	594323-1	FIELD ASS'Y 220-240V/4140	STATO/4140	1.176.876	8%
16951	594343-5	FIELD ASS'Y 220V/4100NH	STATO/4100NH	705.240	8%
16952	594388-3	FIELD ASS'Y 220-240V/PV7001C	STATO/PV7001C	760.212	8%
16953	594398-0	FIELD ASS'Y 220-240V/GV7000C	STATO/GV7000C	778.464	8%
16954	594403-3	FIELD ASS'Y 220V/GV7000	STATO/GV7000	787.644	8%
16955	594468-5	FIELD ASS'Y 220V/MT410	STATO/MT410	792.288	8%
16956	594488-9	FIELD ASS'Y 220V/1911B	STATO 220V/1911B	998.352	8%
16957	594527-5	FIELD ASS'Y 200-220V/6924N	STATO/6924N	906.768	8%
16958	594533-0	FIELD ASSY 220V/MT111	STATO/MT111	751.032	8%
16959	594583-5	FIELD ASSY 220V/4100NH2	STATO/4100NH2	336.960	8%
16960	594588-5	FIELD ASSY 220-240V/MT430	STATO/MT430	654.912	8%
16961	594613-2	FIELD ASSY 220V/4100NH3	STATO/4100NH3	663.984	8%
16962	594629-7	FIELD ASS'Y 220-240V/MT450	STATO/MT450	604.476	8%
16963	594633-6	FIELD ASS'Y 220V/UBI103	STATO/UBI103	280.800	8%
16964	594643-3	FIELD ASS'Y 220V/HS7600	STATO/HS7600	563.328	8%
16965	594653-0	FIELD ASS'Y 220V/MT660	STATO/MT660	622.836	8%
16966	594658-0	FIELD ASS'Y 220V/M6201B	STATO/M6201B	723.600	8%
16967	594663-7	FIELD ASS'Y 220V/MT860	STATO/MT860	792.288	8%
16968	594668-7	FIELD ASS'Y 220V/MT904	STATO/MT904	760.212	8%
16969	594679-2	FIELD ASSY 220-240V/HS7010	STATO/HS7010	650.268	8%
16970	594703-1	FIELD ASS'Y 220V/MT192	STATO/MT192	343.440	8%
16971	594708-1	FIELD ASSY 220V/UBI103	STATO/UBI103	476.280	8%
16972	594773-0	FIELD/3711	STATO/3711	370.980	8%
16973	595088-8	FIELD ASS'Y 220-240V/MT910	STATO/MT910	430.488	8%
16974	595093-5	FIELD ASS'Y 220V/MT912	STATO/MT912	453.384	8%
16975	596183-7	FIELD ASS'Y 220-240V/2704	STATO/2704	1.516.320	8%
16976	596193-4	FIELD ASSY 220-240V/9403	STATO/9403	1.296.000	8%
16977	596208-7	FIELD ASS'Y 220V/N5900B	STATO/N5900B	1.300.536	8%
16978	596248-5	FIELD ASSY 220V/MT241	STATO/MT241	860.976	8%
16979	596268-9	FIELD ASS'Y 220-240V/LH1040	STATO/LH1040	1.012.068	8%
16980	596278-6	FIELD ASS'Y 220V/MT902	STATO/MT902	838.080	8%
16981	596298-0	FIELD ASSY 220-240V/MT941	STATO/MT941	677.808	8%
16982	596358-8	FIELD ASSEMBLY 220V/LS1216	STATO/LS1216	1.030.320	8%
16983	596378-2	FIELD ASS'Y 220V/MT362	STATO/MT362	860.976	8%
16984	596388-9	FIELD 220V/UC4051A	STATO/UC4051A	856.332	8%
16985	596410-2	FIELD ASS'Y 220-240V/2704	STATO/2704	1.034.964	8%
16986	599032-7	FIELD ASS'Y 220-240V/2107F	STATO 220-240V/2107F	783.108	8%
16987	599055-5	FIELD ASS'Y 220V/MT621	STATO/MT621	627.372	8%
16988	599095-3	FIELD ASSY 220V/4100KB	STATO/4100KB	663.984	8%
16989	599116-1	FIELD ASS'Y 220V/9032	STATO/9032	696.060	8%
16990	599133-1	FIELD ASS'Y 220V/UH3502	STATO/UH3502	261.036	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
16991	599366-8	FIELD ASSEMBLY 220V/6411	STATO/6411	352.620	8%
16992	599368-4	FIELD ASSY 220V/6412	STATO/6412	338.904	8%
16993	599380-4	FIELD ASSY/MT923	STATO 110V/MT923	228.960	8%
16994	619084-3	ARMATURE/6980FD	RỎ TO/6980FD	796.824	8%
16995	619087-7	ARMATURE 220V/MT811	RỎ TO/MT811	833.436	8%
16996	619143-3	ROTOR/DFL301F	RỎ TO/DFL301F	3.961.008	8%
16997	619144-1	ROTOR/DFL201F	RỎ TO/DFL201F	3.929.040	8%
16998	619165-3	ARMATURE/DSC191	RỎ TO/DSC191	563.328	8%
16999	619187-3	ARMATURE/DPB180	RỎ TO/DPB180	1.076.112	8%
17000	619206-5	ARMATURE/DJV180	RỎ TO/DJV180	1.181.520	8%
17001	619218-8	ARMATURE/DGA402	RỎ TO/DGA402	512.892	8%
17002	619230-8	ARMATURE/DHP454	RỎ TO/DHP454	563.328	8%
17003	619232-4	ARMATURE/DDA340	RỎ TO/DDA340	989.172	8%
17004	619234-0	ARMATURE/DDA350	RỎ TO/DDA350	1.002.888	8%
17005	619239-0	ROTOR/DTD145	RỎ TO/DTD145	1.085.292	8%
17006	619249-7	ARMATURE/DJS161	RỎ TO/DJS161	1.208.952	8%
17007	619251-0	ARMATURE/DTW250	RỎ TO/DTW250	796.824	8%
17008	619254-4	ROTOR/BBC231U	RỎ TO/BBC231U	1.572.480	8%
17009	619260-9	ARMATURE/BUB360	RỎ TO/BUB360	1.012.068	8%
17010	619284-5	ARMATURE/DGD800	RỎ TO/DGD800	563.328	8%
17011	619285-3	ARMATURE/DGD801	RỎ TO/DGD801	549.504	8%
17012	619290-0	ARMATURE/BCS550	RỎ TO/BCS550	897.588	8%
17013	619292-6	ROTOR/DTP141	RỎ TO/DTP141	1.286.820	8%
17014	619295-0	ARMATURE/DPJ180	RỎ TO/DPJ180	1.245.564	8%
17015	619303-7	ROTOR/DTD129	RỎ TO/DTD129	851.796	8%
17016	619304-5	ROTOR/DDF459	RỎ TO/DDF459	816.480	8%
17017	619308-7	ARMATURE/BFT044F	RỎ TO/BFT044F	1.268.460	8%
17018	619312-6	ARMATURE/DJN161	RỎ TO/DJN161	1.231.848	8%
17019	619314-2	ARMATURE/DFL061F	RỎ TO/DFL061F	1.327.968	8%
17020	619316-8	ARMATURE/BFL082F	RỎ TO/BFL082F	1.094.472	8%
17021	619320-7	ARMATURE/TD091D	RỎ TO/TD091D	503.712	8%
17022	619323-1	ARMATURE/BTD103	RỎ TO/BTD103	527.040	8%
17023	619324-9	ROTOR/BUR182U	RỎ TO/BUR182U	2.179.764	8%
17024	619328-1	ARMATURE/BTW074	RỎ TO/BTW074	527.040	8%
17025	619331-2	ROTOR/DDF480	RỎ TO/DDF480	1.044.144	8%
17026	619334-6	ARMATURE/DHR165	RỎ TO/DHR165	677.808	8%
17027	619336-2	ROTOR/DSC121	RỎ TO/DSC121	1.405.836	8%
17028	619341-9	ROTOR/DTW280	RỎ TO/DTW280	1.089.936	8%
17029	619343-5	ROTOR/DTD137	RỎ TO/DTD137	1.071.576	8%
17030	619344-3	ARMATURE/DCO180	RỎ TO/DCO180	540.432	8%
17031	619358-2	ROTOR/DTS141	RO TO/DTS141	1.112.832	8%
17032	619364-7	ROTOR/DFL651F	RỎ TO/DFL651F	2.166.048	8%
17033	619370-2	ARMATURE/DTD134	RỎ TO/DTD134	549.504	8%
17034	619372-8	ARMATURE/DTD146	RỎ TO/DTD146	554.148	8%
17035	619375-2	ARMATURE/DTW251	RỎ TO/DTW251	558.684	8%
17036	619377-8	ARMATURE/DTD152	RỎ TO/DTD152	457.920	8%
17037	619380-9	ARMATURE/DDF482	RỎ TO/DDF482	595.296	8%
17038	619388-3	ARMATURE 18V/DTD149	RỎ TO/DTD149	485.460	8%
17039	619393-0	ROTOR/DF032D	RỎ TO/DF032D	730.080	8%
17040	619395-6	ROTOR/DVC260	RỎ TO/DVC260	617.760	8%
17041	619397-2	ROTOR/DHP481	RỎ TO/DHP481	778.464	8%
17042	619404-1	ROTOR/DTD153	RỎ TO/DTD153	370.980	8%
17043	619406-7	ROTOR/DDF484	RỎ TO/DDF484	366.336	8%
17044	619408-3	ROTOR/DTD154	RỎ TO/DTD154	957.096	8%
17045	619410-6	ROTOR/DDF083	RỎ TO/DDF083	352.620	8%
17046	619415-6	ROTOR/TD111D	RỎ TO/TD111D	467.100	8%
17047	619421-1	ROTOR/DHR171	RỎ TO/DHR171	751.032	8%
17048	619431-8	ROTOR/DVC864L	RỎ TO/DVC864L	384.696	8%
17049	619439-2	ROTOR/DFT023F	RỎ TO/DFT023F	1.231.848	8%
17050	619440-7	ROTOR/DFT045F	RỎ TO/DFT045F	1.556.928	8%
17051	619442-3	ROTOR/DFT085F	RỎ TO/DFT085F	1.589.004	8%
17052	619443-1	ROTOR/DFT127F	RỎ TO/DFT127F	1.263.924	8%
17053	619462-7	ROTOR/DUR365	RỎ TO/DUR365	1.442.448	8%
17054	619491-0	ROTOR/DTW180	RỎ TO/DTW180	485.460	8%
17055	619496-0	ARMATURE/BDF458	RỎ TO/BDF458	544.968	8%
17056	619512-8	ROTOR/DSC102	RỎ TO/DSC102	1.062.396	8%
17057	619517-8	ROTOR/DVC261	RỎ TO/DVC261	343.440	8%
17058	619518-6	ROTOR/DUC254	RỎ TO/DUC254	1.355.508	8%
17059	619520-9	ROTOR/DTR180	RỎ TO/DTR180	1.039.500	8%
17060	619533-0	ROTOR/DDF485	RỎ TO/DDF485	389.232	8%
17061	619535-6	ROTOR/DRV250	RỎ TO/DRV250	847.152	8%
17062	619540-3	ROTOR/DVC750L	RỎ TO/DVC750L	375.516	8%
17063	619551-8	ROTOR/DUT130	RỎ TO/DUT130	1.321.920	8%
17064	619553-4	ARMATURE/DTD156	RỎ TO/DTD156	512.892	8%
17065	619572-0	ROTOR/DTDA040	RỎ TO/DTDA040	1.547.856	8%
17066	619574-6	ROTOR/DTDA040	RỎ TO/DTDA040	1.616.544	8%
17067	619605-1	ROTOR/TD001G	RỎ TO/TD001G	815.184	8%
17068	619609-3	ROTOR/DUB363	RỎ TO/DUB363	1.886.652	8%
17069	619613-2	ROTOR/HP001G	RỎ TO/HP001G	622.836	8%
17070	619626-3	ROTOR/DTW300	RỎ TO/DTW300	380.160	8%
17071	619628-9	ROTOR/DPB183	RỎ TO/DPB183	925.020	8%
17072	619655-6	ROTOR/PP001G	RỎ TO/PP001G	984.528	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17073	619656-4	ROTOR/DDF486	RỎ TO/DDF486	622.836	8%
17074	619659-8	ROTOR/DF002G	RỎ TO/DF002G	370.980	8%
17075	619663-7	ROTOR/DPV300	RỎ TO/DPV300	911.520	8%
17076	619671-8	ROTOR/DHP487	RỎ TO/DHP487	348.084	8%
17077	619672-6	ROTOR/DTD157	RỎ TO/DTD157	393.876	8%
17078	619676-8	ROTOR/FN001G	RỎ TO/FN001G	902.124	8%
17079	619678-4	ROTOR/DTD172	RỎ TO/DTD172	920.484	8%
17080	619704-9	ROTOR/VC001GL	RỎ TO/VC001GL	407.592	8%
17081	619718-8	ROTOR/DFT060T	RỎ TO/DFT060T	1.946.160	8%
17082	619719-6	ROTOR/DFT120T	RỎ TO/DFT120T	1.923.264	8%
17083	619727-7	ROTOR/PT001G	RỎ TO/PT001G	764.748	8%
17084	619737-4	ROTOR/DHR242	RỎ TO/DHR242	760.212	8%
17085	619746-3	ROTOR/VC008G	RỎ TO/VC008G	361.800	8%
17086	619748-9	ROTOR/TD002G	RỎ TO/TD002G	911.304	8%
17087	619755-2	ROTOR/DMC300	RỎ TO/DMC300	659.448	8%
17088	619782-9	ROTOR/HR010G	RỎ TO/HR010G	874.692	8%
17089	619791-8	ROTOR/UC100D	RỎ TO/UC100D	842.616	8%
17090	619797-6	ROTOR/DHP489	RỎ TO/DHP489	508.356	8%
17091	619803-7	ARMATURE/BTW074	RỎ TO/BTW074	650.268	8%
17092	619813-4	ROTOR/ST001G	RỎ TO/ST001G	870.048	8%
17093	619816-8	ROTOR/DHR183	RỎ TO/DHR183	810.540	8%
17094	619826-5	ROTOR/HM004G	RỎ TO/HM004G	412.128	8%
17095	619836-2	ROTOR/DFL303F	RỎ TO/DFL303F	2.133.972	8%
17096	619875-2	ROTOR/DUA200	RỎ TO/DUA200	407.592	8%
17097	619877-8	ROTOR/TD003G	RỎ TO/TD003G	306.828	8%
17098	619881-7	ROTOR/UC029G	RỎ TO/UC029G	467.100	8%
17099	619896-4	ROTOR/TR001G	RỎ TO/TR001G	1.071.360	8%
17100	619897-2	ROTOR/TR001G	RỎ TO/TR001G	1.010.880	8%
17101	619899-8	ROTOR/DHP490/DDF490	RỎ TO/DHP490/DDF490	261.036	8%
17102	619919-8	ROTOR/UC031G	RỎ TO/UC031G	665.280	8%
17103	620024-6	CONTROLLER/CL182D	BO MẠCH/CL182D	682.344	8%
17104	620028-8	LED CIRCUIT/JR102D	MẠCH ĐÈN LED/JR102D	160.272	8%
17105	620033-5	CONTROLLER/VC1310L	BO MẠCH/VC1310L	1.355.508	8%
17106	620040-8	CONTRLER/RT0700C	BO MẠCH/RT0700C	691.524	8%
17107	620042-4	CHARGING CIRCUIT/DC36WA	MẠCH/DC36WA	3.417.120	8%
17108	620046-6	CONTROLLER/JV0600	BO MẠCH/JV0600	586.224	8%
17109	620050-5	CONTROLLER/BUB360	BO MẠCH/BUB360	1.144.800	8%
17110	620051-3	LIGHT CIRCUIT/DTD134	BO MẠCH/DTD134	375.516	8%
17111	620052-1	LIGHT CIRCUIT/DTD146	BO MẠCH/DTD146	357.264	8%
17112	620067-8	CHARGING CIRCUIT/DC18RC T	BO MẠCH/DC18RC T	1.914.192	8%
17113	620081-4	CONTROLLER/RP2301FC	BO MẠCH/RP2301FC	1.643.976	8%
17114	620084-8	CONTROLLER/LM430D	BO MẠCH/LM430D	2.108.160	8%
17115	620092-9	LED CIRCUIT/DTPI41	MẠCH LED/DTPI41	187.812	8%
17116	620115-3	SWITCH UNIT/DBO180	CÔNG TẮC/DBO180	380.160	8%
17117	620120-0	CHARGING CIRCUIT/DC18RC S	BO MẠCH SAC/DC18RC S	2.376.648	8%
17118	620149-6	CONTROLLER/TM3000C	BO MẠCH/TM3000C	1.076.112	8%
17119	620161-6	CONTROLLER/DTD129	BO MẠCH/DTD129	2.108.160	8%
17120	620162-4	CONTROLLER/DDF459	BO MẠCH/DDF459	2.234.736	8%
17121	620163-2	LED CIRCUIT/DDF459	MẠCH LED/DDF459	129.600	8%
17122	620177-1	LED CIRCUIT/DA331D	MẠCH ĐÈN LED/DA331D	108.000	8%
17123	620180-2	SUB CONTROLLER/DCG180	BO MẠCH/DCG180	549.504	8%
17124	620185-2	SUB CONTROLLER/VC3211M	BO MẠCH/VC3211M	352.620	8%
17125	620186-0	BUZZER CIRCUIT/VC3211M	MẠCH CÒI BAO/VC3211M	242.784	8%
17126	620187-8	CONTROLLER FA-02/MT401	BO MẠCH/MT401	169.452	8%
17127	620189-4	LED CIRCUIT/DT091D	MẠCH LED/DT091D	146.880	8%
17128	620191-7	CHARGING CIRCUIT/DC18SF	BO MẠCH/DC18SF	4.920.480	8%
17129	620196-7	CONTROLLER A/BUR182U	BO MẠCH/BUR182U	3.498.552	8%
17130	620200-2	CONTROLLER/HR4013C	BO MẠCH/HR4013C	2.953.584	8%
17131	620211-7	CONTROLLER/DTW074	BO MẠCH/DTW074	102.600	8%
17132	620212-5	LED CIRCUIT/BTW074	MẠCH LED/BTW074	135.108	8%
17133	620226-4	CONTROLLER/HM1214C	BO MẠCH/HM1214C	2.298.780	8%
17134	620228-0	CONTROLLER/HM1307C	BO MẠCH/HM1307C	1.731.024	8%
17135	620230-3	CONTROLLER/HM1317C	BO MẠCH/HM1317C	2.298.780	8%
17136	620234-5	CONTROLLER/TM3010C	BO MẠCH/TM3010C	1.231.848	8%
17137	620237-9	LED CIRCUIT/DJR183	ĐÈN LED/DJR183	105.408	8%
17138	620241-8	CONTROLLER/DHR242	BO MẠCH/DHR242	2.436.480	8%
17139	620243-4	CONTROLLER/DGA402	BO MẠCH/DGA402	1.412.640	8%
17140	620245-0	CONTROLLER/DDF480	BO MẠCH/DDF480	2.179.764	8%
17141	620249-2	CONTROLLER/HR5212C	BO MẠCH/HR5212C	2.559.816	8%
17142	620260-4	CONTROLLER/BCS550	BO MẠCH/BCS550	859.680	8%
17143	620264-6	CONTROLLER/DKP180	BO MẠCH/DKP180	677.808	8%
17144	620270-1	CONTROLLER/DTM51	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DTM51	1.886.652	8%
17145	620272-7	CHARGING CIRCUIT/DC18WA	BO MẠCH/DC18WA	783.108	8%
17146	620276-9	CONTROLLER/DUB361	BO MẠCH/DUB361	2.880.360	8%
17147	620277-7	CONTROLLER/DLM380	BO MẠCH/DLM380	2.436.156	8%
17148	620278-5	LED CIRCUIT/DLM380	MẠCH ĐÈN LED/DLM380	129.600	8%
17149	620280-8	CONTROLLER/DHR263	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DHR263	2.156.868	8%
17150	620281-6	LIGHT CIRCUIT/DHR263	MẠCH LED/DHR263	155.736	8%
17151	620282-4	SWITCH COMPLETE/DUB361	CÔNG TẮC/DUB361	228.960	8%
17152	620283-2	LED CIRCUIT/DX08	ĐÈN LED/DX08	233.604	8%
17153	620294-7	LED CIRCUIT/DTD137	MẠCH LED/DTD137	219.888	8%
17154	620295-5	LED CIRCUIT/DTW280	ĐÈN BẢO/DTW280	187.812	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17155	620308-2	CONTROLLER/DCO180	BO MẠCH/DCO180	1.346.328	8%
17156	620324-4	FILTER CIRCUIT/DC18RD	BỘ MẠCH LỌC KHÍ/DC18RD	1.021.248	8%
17157	620326-0	USB CIRCUIT/DC18RD	MẠCH USB/DC18RD	453.600	8%
17158	620336-7	CONTROLLER/SG1251	BO MẠCH/SG1251	1.245.564	8%
17159	620338-3	CONTROLLER/GD0801C	BO MẠCH/GD0801C	1.854.576	8%
17160	620351-1	LED CIRCUIT/DTW1001	MẠCH LED/DTW1001	316.008	8%
17161	620354-5	CONTROLLER/DTS141	BO MẠCH ĐIỆN TỬ/DTS141	1.732.320	8%
17162	620355-3	LED CIRCUIT/DTS141	ĐÈN BAO/DTS141	210.708	8%
17163	620360-0	CONTROLLER COMPLETE/DFS452	BO MẠCH/DFS452	2.185.920	8%
17164	620392-7	CONTROLLER A/DVC860L	BO MẠCH/DVC860L	5.046.300	8%
17165	620394-3	LED CIRCUIT/DVC860L	MẠCH LED/DVC860L	334.368	8%
17166	620396-9	LED CIRCUIT/DFL651F	ĐÈN LED/DFL651F	192.348	8%
17167	620406-2	CONTROLLER B/DVC860L	BO MẠCH/DVC860L	5.476.788	8%
17168	620411-9	CONTROLLER/4327	BO MẠCH/4327	421.308	8%
17169	620412-7	USB CIRCUIT/DC18RD	BO MẠCH/DC18RD	42.120	8%
17170	620415-1	SUB CONTROLLER/DUP362	ĐỀ CAM BIÊN/DUP362	329.724	8%
17171	620417-7	CONTROLLER/HM1812	BO MẠCH/HM1812	1.708.128	8%
17172	620421-6	CHARGING CIRCUIT COMPLETE/DC10WD	MẠCH/DC10WD	1.282.176	8%
17173	620434-7	LED CIRCUIT/DJR187	MẠCH LED/DJR187	114.480	8%
17174	620444-4	LED CIRCUIT/DDF482	BỘ ĐÈN LED/DDF482	86.400	8%
17175	620445-2	LED CIRCUIT/DTD152	MẠCH LED/DTD152	77.760	8%
17176	620447-8	LED CIRCUIT/JR105D	MẠCH LED/JR105D	99.360	8%
17177	620453-3	CONTROLLER/CL104D	BO MẠCH/CL104D	751.680	8%
17178	620455-9	CONTROLLER A/DJR360	BO MẠCH/DJR360	3.104.784	8%
17179	620458-3	CONTROLLER/DUP361	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DUP361	4.886.028	8%
17180	620459-1	SUB CONTROLLER/DUP361	ĐỀ CAM BIÊN/DUP361	3.301.668	8%
17181	620460-6	LED CIRCUIT/DUP361	MẠCH LED/DUP361	270.216	8%
17182	620461-4	RF UNIT/DUP361	TĂM CHÀN BAO VỆ/DUP361	792.288	8%
17183	620462-2	CONTROLLER/BTW074	BO MẠCH/BTW074	1.616.544	8%
17184	620465-6	CONTROLLER/BO6050	BỘ ĐIỀU KHIỂN/BO6050	1.204.416	8%
17185	620467-2	CONTROLLER/VC3211M	BO MẠCH/VC3211M	7.729.776	8%
17186	620470-3	CONTROLLER/GA7061R	BO MẠCH/GA7061R	686.880	8%
17187	620473-7	LED CIRCUIT/DTD149	MẠCH LED/DTD149	91.584	8%
17188	620479-5	CONTROLLER/DLM431	BO MẠCH/DLM431	2.207.196	8%
17189	620486-8	CONTROLLER/CL104DWYX	BO MẠCH/CL104DWYX	1.140.264	8%
17190	620489-2	LED CIRCUIT/BAP182	ĐÈN BẢO/BAP182	475.200	8%
17191	620490-7	TERMINAL BORAD COMPLETE/BAP182	ĐỀ GẮI PIN/BAP182	743.040	8%
17192	620491-5	TERMINAL BORAD COMPLETE/BAP182	ĐỀ GẮI PIN/BAP182	743.040	8%
17193	620494-9	USB CIRCUIT/DFL651F	MẠCH ĐIỆN USB/DFL651F	256.500	8%
17194	620502-6	CONTROLLER C/DVC860L	BO MẠCH/DVC860L	3.017.736	8%
17195	620507-6	LED CIRCUIT/DPT353	MẠCH LED/DPT353	160.272	8%
17196	620509-2	LIGHT CIRCUIT/DSD180	MẠCH ĐIỆN/DSD180	581.580	8%
17197	620511-5	CONTROLLER/PO5000C	BO MẠCH/PO5000C	1.263.924	8%
17198	620521-2	LED CIRCUIT/DTD170	MẠCH LED/DTD170	105.408	8%
17199	620522-0	CONTROLLER/TM30D	BỘ ĐIỀU KHIỂN/TM30D	1.323.432	8%
17200	620524-6	CONTROLLER A/DVC260	BỘ ĐIỀU KHIỂN A/DVC260	3.242.160	8%
17201	620525-4	SUB CONTROLLER/DVC260	ĐỀ CAM BIÊN/DVC260	183.168	8%
17202	620526-2	CONTROLLER B/DVC260	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DVC260	361.800	8%
17203	620543-2	LED CIRCUIT/TM30D	MẠCH LED/TM30D	164.916	8%
17204	620548-2	CONTROLLER/DDF484	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DDF484	2.115.612	8%
17205	620549-0	LED CIRCUIT/DDF083	ĐÈN LED/DDF083	96.228	8%
17206	620551-3	POWER SUPPLY CIRCUIT/DLS600	MẠCH NGUỒN ĐIỆN/DLS600	586.224	8%
17207	620552-1	CONTROLLER/TD111D	BỘ ĐIỀU KHIỂN/TD111D	2.014.848	8%
17208	620553-9	LED CIRCUIT/DF032D	MẠCH ĐÈN LED/DF032D	132.840	8%
17209	620555-5	CONTROLLER/DDF083	BO MẠCH/DDF083	1.694.304	8%
17210	620557-1	LED CIRCUIT/DTD153	ĐÈN LED/DTD153	183.168	8%
17211	620558-9	LED CIRCUIT/DLS600	MẠCH ĐÈN LED/DLS600	1.199.772	8%
17212	620562-8	CONTROLLER B/DUR365	BO MẠCH/DUR365	453.384	8%
17213	620564-4	CONTROLLER/DTD154	BO MẠCH/DTD154	2.170.584	8%
17214	620578-3	CONTROLLER/HR166D	BO MẠCH/HR166D	1.991.952	8%
17215	620586-4	CONTROLLER/DTD155	BO MẠCH/DTD155	1.877.472	8%
17216	620589-8	LCD COMPLETE/BTC04	MÀN HÌNH LCD/BTC04	4.290.732	8%
17217	620604-8	LED CIRCUIT/SD100D	MẠCH LED/SD100D	59.616	8%
17218	620616-1	CONTROLLER COMPLETE/DFS250	BO MẠCH/DFS250	2.509.488	8%
17219	620620-0	CONTROLLER/DFT127F	BO MẠCH/DFT127F	3.987.360	8%
17220	620621-8	BUZZER CIRCUIT/DFT023F	MẠCH CỒI CẢNH BAO/DFT023F	242.784	8%
17221	620622-6	LED CIRCUIT/DFT023F	MẠCH ĐÈN LED (MẠCH LED)/DFT023F	247.320	8%
17222	620623-4	USB CIRCUIT/DFT023F	MẠCH ĐIỆN USB/DFT023F	297.648	8%
17223	620624-2	LED CIRCUIT/DDF459	MẠCH LED/DDF459	151.200	8%
17224	620625-0	LED CIRCUITMẠCH LED/TD110D	MẠCH LED/TD110D	41.256	8%
17225	620639-9	CONTROLLER/DVC862	BO MẠCH/DVC862	3.388.608	8%
17226	620642-0	CONTROLLER/DUR187	BO MẠCH/DUR187	3.539.808	8%
17227	620647-0	CONTROLLER/DUM604	BO MẠCH/DUM604	792.288	8%
17228	620648-8	CONTROLLER B/DVC864L	BO MẠCH/DVC864L	444.204	8%
17229	620649-6	LED CIRCUIT/DVC864L	ĐÈN BẢO/DVC864L	375.516	8%
17230	620675-5	CONTROLLER/DCU180	BO MẠCH/DCU180	7.967.808	8%
17231	620681-0	CHARGING CIRCUIT/DC18RE	BO MẠCH SAC/DC18RE	3.168.828	8%
17232	620684-4	BUZZER CIRCUIT/DCU180	CỒI XE/DCU180	366.336	8%
17233	620685-2	LED CIRCUIT/DCU180	ĐÈN LED/DCU180	169.452	8%
17234	620687-8	CONTROLLER/CP100D	BO MẠCH/CP100D	938.736	8%
17235	620690-9	LED CIRCUIT/TL064D	MẠCH LED/TL064D	206.064	8%
17236	620691-7	SUB CONTROLLER/DSP601	BO MẠCH/DSP601	540.432	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17237	620692-5	LED CIRCUIT/DC18RE	MẠCH LED/DC18RE	1.053.216	8%
17238	620693-3	CONTROLLER ASSEMBLY/DF001D	BỘ ĐIỀU KHIỂN PIN/DF001D	1.305.072	8%
17239	620711-7	CONTROLLER/JV103D	BO MẠCH/JV103D	2.013.120	8%
17240	620713-3	LED CIRCUIT/JV103D	MẠCH ĐÈN LED/JV103D	138.240	8%
17241	620715-9	SWITCH UNIT/JV103D	CÔNG TẮC/JV103D	95.040	8%
17242	620720-6	CONTROLLER A/DRT50	BO MẠCH/DRT50	2.777.760	8%
17243	620721-4	LED CIRCUIT/DRT50	MẠCH LED/DRT50	228.960	8%
17244	620726-4	CONTROLLER/DVC864L	BO MẠCH/DVC864L	3.512.268	8%
17245	620734-5	CONTROLLER/GA4040C	BO MẠCH/GA4040C	1.641.600	8%
17246	620736-1	CONTROLLER/GA6040C	BO MẠCH/GA6040C	1.621.080	8%
17247	620742-6	POWER SUPPLY CIRCUIT/DLS111	MẠCH ĐIỆN/DLS111	444.204	8%
17248	620743-4	CONTROLLER/DTW180	BO MẠCH/DTW180	2.074.464	8%
17249	620746-8	CONTROLLER/DHR171	BO MẠCH/DHR171	1.712.664	8%
17250	620747-6	LED CIRCUIT/DHR171	ĐÈN LED/DHR171	96.228	8%
17251	620750-7	SUB CONTROLLER/DLS111	BO MẠCH/DLS111	993.708	8%
17252	620752-3	SUB CONTROLLER/DGA414	BO MẠCH/DGA414	993.708	8%
17253	620753-1	SUB CONTROLLER/DSP601	BO MẠCH/DSP601	993.708	8%
17254	620754-9	SUB CONTROLLER/DHS660	BO MẠCH/DHS660	993.708	8%
17255	620755-7	WIRELESS UNIT COMPLETE/DVC864L	Ó ĐỒ CAO SU/DVC864L	2.784.240	8%
17256	620759-9	CONTROLLER A/DJR188	BO MẠCH/DJR188	2.477.412	8%
17257	620760-4	CONTROLLER B/DJR188	BO MẠCH/DJR188	508.356	8%
17258	620780-8	CONTROLLER/URI00D	BO MẠCH/URI00D	947.916	8%
17259	620794-7	CONTROLLER/DHR400	BO MẠCH/DHR400	5.234.112	8%
17260	620795-5	CONTROLLER B/DHR400	BỘ ĐIỀU KIỆN B/DHR400	668.628	8%
17261	620796-3	DIAL CIRCUIT/DHR400	MẠCH LED/DHR400	531.252	8%
17262	620797-1	ACCELEROMETER CIRCUIT/DHR400	BO MẠCH/DHR400	1.097.280	8%
17263	620809-0	LED CIRCUIT/DWT310	MẠCH LED/DWT310	219.888	8%
17264	620812-1	CONTROLLER A/DJR187	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DJR187	2.376.648	8%
17265	620814-7	CONTROLLER/DHR282	BO MẠCH/DHR282	4.899.744	8%
17266	620815-5	CONTROLLER/DHR280	BO MẠCH/DHR280	5.082.912	8%
17267	620816-3	ACCELEROMETER CIRCUIT/DHR282	BO MẠCH/DHR282	1.318.896	8%
17268	620817-1	CONTROLLER/DX08	BO MẠCH/DX08	535.680	8%
17269	620821-0	LED CIRCUIT/DSC102	MẠCH LED/DSC102	160.272	8%
17270	620827-8	CONTROLLER/DHS710	BO MẠCH/DHS710	2.811.672	8%
17271	620838-3	CONTROLLER/DDA460	BO MẠCH/DDA460	4.816.800	8%
17272	620839-1	LED CIRCUIT/DDA460	ĐÈN LED/DDA460	123.660	8%
17273	620849-8	LED CIRCUIT/DTD171	ĐÈN LED/DTD171	187.812	8%
17274	620854-5	CONTROLLER/DFL651F	BO MẠCH/DFL651F	5.600.448	8%
17275	620893-5	CONTROLLER/DTD170	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DTD170	1.973.700	8%
17276	620895-1	CONTROLLER/DTS141	BO MẠCH ĐIỆN TỬ/DTS141	2.477.412	8%
17277	620910-1	CONTROLLER/DUR189	BO MẠCH/DUR189	3.369.600	8%
17278	620913-5	SENSOR CIRCUIT/DTRI80	MẠCH ĐIỆN TỬ/DTRI80	480.816	8%
17279	620924-0	SWITCH CIRCUIT/DTRI80	MẠCH CÔNG TẮC/DTRI80	1.401.300	8%
17280	620936-3	LED CIRCUIT/DHS660	MẠCH LED/DHS660	224.424	8%
17281	620938-9	CONTROLLER/DSC553	BO MẠCH/DSC553	1.723.680	8%
17282	620939-7	CONTROLLER/DLM460	BO MẠCH/DLM460	4.107.564	8%
17283	620942-8	CONTROLLER/DVC265	BO MẠCH/DVC265	3.228.336	8%
17284	620943-6	SUB CONTROLLER/DVC265	BO MẠCH/DVC265	915.840	8%
17285	620949-4	SWITCH CIRCUIT/DVC265	MẠCH CÔNG TẮC/DVC265	151.200	8%
17286	620951-7	CONTROLLER/GA4050	BO MẠCH/GA4050	686.880	8%
17287	620952-5	CONTROLLER/UH353D	BO MẠCH/UH353D	938.736	8%
17288	620958-3	HALL IC CIRCUIT/DRV250	BO MẠCH/DRV250	380.160	8%
17289	620964-8	CONTROLLER/DDF485	BO MẠCH/DDF485	1.969.056	8%
17290	620965-6	LED CIRCUIT/JR3061T	ĐÈN LED/JR3061T	279.396	8%
17291	620967-2	POWER SUPPLY CIRCUIT/JR3061T	DÂY ĐIỆN/JR3061T	207.360	8%
17292	620972-9	CONTROLLER/DUT130	BO MẠCH/DUT130	3.749.760	8%
17293	620982-6	CONTROLLER COMPLETE/DLW140	BO MẠCH/DLW140	4.840.236	8%
17294	620984-2	CONTROLLER COMPLETE/DHS780	BO MẠCH/DHS780	3.468.960	8%
17295	620992-3	CONTROLLER/DVC265	BO MẠCH/DVC265	3.677.184	8%
17296	620995-7	CONTROLLER/DHR182	BO MẠCH/DHR182	3.228.336	8%
17297	620996-5	CONTROLLER/DHR400	BO MẠCH/DHR400	4.821.984	8%
17298	620998-1	CONTROLLER/TW160D	BO MẠCH/TW160D	2.417.904	8%
17299	620999-9	LED CIRCUIT/TW160D	ĐÈN LED/TW160D	146.556	8%
17300	620A05-6	INDICATOR CIRCUIT/DVC750L	BO MẠCH/DVC750L	270.216	8%
17301	620A06-4	CONTROLLER/DVC750L	BO MẠCH/DVC750L	2.395.008	8%
17302	620A17-9	CONTROLLER COMPLETE/DPO500	BO MẠCH/DPO500	5.527.116	8%
17303	620A20-0	FILTER CIRCUIT/DC18SH	BO MẠCH/DC18SH	682.560	8%
17304	620A24-2	CONTROLLER/DUX60	BO MẠCH/DUX60	4.423.572	8%
17305	620A28-4	CONTROLLER/DTDA040	BO MẠCH/DTDA040	5.266.080	8%
17306	620A29-2	CONTROLLER/DTDA070	BO MẠCH/DTDA070	5.266.080	8%
17307	620A30-7	CONTROLLER/DTDA100	BO MẠCH/DTDA100	5.861.376	8%
17308	620A31-5	CONTROLLER/DTDA140	BO MẠCH/DTDA140	5.542.560	8%
17309	620A32-3	CONTROLLER/DTWA070	BO MẠCH/DTWA070	5.266.080	8%
17310	620A33-1	CONTROLLER/DTWA100	BO MẠCH/DTWA100	5.875.200	8%
17311	620A34-9	CONTROLLER/DTWA140	BO MẠCH/DTWA140	5.875.200	8%
17312	620A35-7	CONTROLLER/DTWA140	BO MẠCH/DTWA140	5.875.200	8%
17313	620A36-5	CONTROLLER/DUR368A	BO MẠCH/DUR368A	2.471.040	8%
17314	620A44-6	HALL IC CIRCUIT/DRV250	BO MẠCH/DRV250	380.160	8%
17315	620A49-6	FAN CIRCUIT/WUT02	QUẠT GIÓ/WUT02	855.360	8%
17316	620A64-0	DIAL CURCUIT/DPB183	NÚM CHỈNH TỐC ĐỘ/DPB183	531.252	8%
17317	620A72-1	CONTROLLER/DHS660	BO MẠCH/DHS660	1.667.520	8%
17318	620A73-9	CONTROLLER/DHS661	BO MẠCH/DHS661	1.728.000	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17319	620A74-7	CONTROLLER/DCL280F	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DCL280F	1.305.072	8%
17320	620A75-5	CONTROLLER/DCL280F	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DCL280F	1.305.072	8%
17321	620A76-3	LED CIRCUIT/DCL280F	ĐÈN LED/DCL280F	86.400	8%
17322	620A77-1	SWITCH UNIT/DCL280F	CÔNG TẮC/DCL280F	164.916	8%
17323	620A79-7	CONTROLLER/MT980	BO MẠCH/MT980	632.016	8%
17324	620A89-4	SWITCH CIRCUIT/DGP180	MẠCH CÔNG TẮC/DGP180	251.856	8%
17325	620A90-9	LED CIRCUIT/DGP180	ĐÈN LED/DGP180	251.856	8%
17326	620A91-7	CONTROLLER/DGP180	BO MẠCH/DGP180	1.547.856	8%
17327	620A96-7	CONTROLLER/WR100D	BO MẠCH/WR100D	1.515.780	8%
17328	620A97-5	BUZZER CIRCUIT/DTDA040	MẠCH Còi BAO/DTDA040	247.320	8%
17329	620A98-3	LED CIRCUIT/DTDA040	ĐÈN LED/DTDA040	228.960	8%
17330	620A99-1	USB CIRCUIT/DTDA040	MẠCH USB/DTDA040	325.188	8%
17331	620B00-2	CONTROLLER/DLS800	BO MẠCH/DLS800	3.205.440	8%
17332	620B02-8	CONTROLLER B/DLS800	BO MẠCH/DLS800	430.488	8%
17333	620B08-6	CHARGING CIRCUIT/DC18SH	BO MẠCH/DC18SH	1.067.040	8%
17334	620B10-9	LED CIRCUIT/WR100D	ĐÈN LED/WR100D	155.520	8%
17335	620B11-7	CONTROLLER/DFL020F	BO MẠCH/DFL020F	3.771.360	8%
17336	620B12-5	CONTROLLER/DFL063F	BO MẠCH/DFL063F	3.771.360	8%
17337	620B13-3	LED CIRCUIT/DFL020F	ĐÈN LED/DFL020F	155.736	8%
17338	620B14-1	INDICATION CIRCUIT/DFL020F	VÒNG CHỮ C/DFL020F	317.240	10%
17339	620B15-9	USB CIRCUIT/DFL020F	CÔNG USB/DFL020F	325.188	8%
17340	620B16-7	SENSOR CIRCUIT/DFL020F	MẠCH CẢM BIẾN/DFL020F	224.424	8%
17341	620B17-5	CONTROLLER COMPLETE/DHW080	BO MẠCH ĐIỀU KHIỂN/DHW080	4.643.352	8%
17342	620B23-0	CONTROLLER/DJV181	BO MẠCH/DJV181	4.034.340	8%
17343	620B24-8	CONTROLLER/DJV182	BO MẠCH/DJV182	4.084.668	8%
17344	620B33-7	CONTROLLER/DF032D	BO MẠCH/DF032D	1.616.544	8%
17345	620B42-6	CHARGING CIRCUIT/DC40RA	BO MẠCH/DC40RA	3.521.448	8%
17346	620B46-8	CONTROLLER/PDC01	BO MẠCH/PDC01	22.144.320	8%
17347	620B50-7	INDICATION CIRCUIT/PDC01	BẢNG CHỈ DẪN/PDC01	103.680	8%
17348	620B51-5	SWITCH CIRCUIT/PDC01	CÔNG TẮC/PDC01	103.680	8%
17349	620B66-2	LIDAR MODULE/DRC300	CẢM BIẾN KHOẢNG CÁCH/DRC300	21.330.000	8%
17350	620B76-9	CONTROLLER/DUB184	BO MẠCH(BẢNG ĐIỀU KHIỂN)/DUB184	2.857.464	8%
17351	620B79-3	CONTROLLER/DKP181	BO MẠCH/DKP181	2.112.480	8%
17352	620B80-8	ADAPTER CIRCUIT/ADP10	BO MẠCH/ADP10	1.131.084	8%
17353	620B81-6	CONTROLLER COMPLETE/DLS211	BỘ KHởi ĐỘNG/DLS211	5.133.348	8%
17354	620B88-2	CONTROLLER B/DLM533	BO MẠCH B/DLM533	535.788	8%
17355	620B91-3	LED CIRCUIT/DLM382	MẠCH ĐÈN LED/DLM382	133.920	8%
17356	620B95-5	CONTROLLER/DUH604	BO MẠCH/DUH604	4.881.492	8%
17357	620B96-3	CONTROLLER/TD001G	BO MẠCH/TD001G	2.868.480	8%
17358	620B97-1	LED CIRCUIT/TD001G	MẠCH ĐÈN LED/TD001G	160.272	8%
17359	620B98-9	CONTROLLER/HR001G	BO MẠCH/HR001G	4.744.116	8%
17360	620B99-7	CONTROLLER/HR003G	BO MẠCH/HR003G	4.973.076	8%
17361	620C00-8	ACCELEROMETER CIRCUIT/HR001G	BO MẠCH/HR001G	1.167.696	8%
17362	620C01-6	SENSOR CIRCUIT/HR001G	MẠCH CẢM BIẾN/HR001G	228.960	8%
17363	620C05-8	CONTROLLER/DUR369	BO MẠCH/DUR369	4.162.536	8%
17364	620C14-7	CONTROLLER/SCI03D	MẠCH ĐIỀU KHIỂN/SCI03D	2.903.040	8%
17365	620C15-5	LED CIRCUIT/SCI03D	ĐÈN LED/SCI03D	159.840	8%
17366	620C18-9	CONTROLLER/DHK180	BO MẠCH/DHK180	3.008.556	8%
17367	620C21-0	CONTROLLER/DCU601/DCU602	BO MẠCH/DCU601/DCU602	15.024.420	8%
17368	620C22-8	CONTROLLER/DCU601/DCU602	BO MẠCH/DCU601/DCU602	3.274.128	8%
17369	620C24-4	INDICATION CIRCUIT/DCU603	MẠCH ĐÈN HIỂN THỊ/DCU603	1.117.368	8%
17370	620C25-2	BUZZER CIRCUIT/DCU603	MẠCH Còi CẢNH BAO/DCU603	696.060	8%
17371	620C26-0	LED CIRCUIT/DCU603	MẠCH ĐÈN LED/DCU603	132.840	8%
17372	620C31-7	CONTROLLER/JR001	BO MẠCH/JR001	4.469.364	8%
17373	620C32-5	LED CIRCUIT/JR001	ĐÈN LED/JR001	128.304	8%
17374	620C36-7	CONTROLLER/DX12	BO MẠCH/DX12	572.400	8%
17375	620C41-4	CONTROLLER/HR3001C	BO MẠCH/HR3001C	1.099.008	8%
17376	620C42-2	CONTROLLER/HR3001C	BO MẠCH/HR3001C	1.053.216	8%
17377	620C43-0	LED CIRCUIT/HR3001C	ĐÈN/HR3001C	114.480	8%
17378	620C44-8	CONTROLLER/DLM462	BO MẠCH/DLM462	9.987.300	8%
17379	620C45-6	CONTROLLER/DLM533	BO MẠCH/DLM533	9.744.624	8%
17380	620C46-4	CONTROLLER/DLM530	BO MẠCH/DLM530	9.785.772	8%
17381	620C47-2	CONTROLLER/DLM533	BO MẠCH/DLM533	3.287.952	8%
17382	620C48-0	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/DLM533	MẠCH HIỂN THỊ/DLM533	453.384	8%
17383	620C52-9	CONTROLLER/DVC660	BO MẠCH/DVC660	3.580.956	8%
17384	620C53-7	CONTROLLER/DVC660	BO MẠCH/DVC660	3.594.672	8%
17385	620C56-1	CONTROLLER/DUR191L	BO MẠCH/DUR191L	1.935.360	8%
17386	620C59-5	CONTROLLER COMPLETE/DHS900	BO MẠCH/DHS900	4.560.948	8%
17387	620C64-2	CONTROLLER/DTW300	BO MẠCH/DTW300	3.040.632	8%
17388	620C66-8	CONTROLLER/URI01C	BO MẠCH/URI01C	4.776.192	8%
17389	620C68-4	CONTROLLER/URI01C	BO MẠCH/URI01C	4.776.192	8%
17390	620C78-1	CONTROLLER/DUN600L	BO MẠCH/DUN600L	3.068.064	8%
17391	620C79-9	CONTROLLER/DUN500W	BO MẠCH/DUN500W	3.132.216	8%
17392	620C81-2	SENSOR CIRCUIT/HP001G	MẠCH CẢM BIẾN/HP001G	329.724	8%
17393	620C84-6	CONTROLLER/DUA300	BO MẠCH/DUA300	3.915.216	8%
17394	620C86-2	CONTROLLER/DCE090	BO MẠCH/DCE090	6.516.288	8%
17395	620C87-0	CONTROLLER B/DCE090	MẠCH B/DCE090	503.712	8%
17396	620C88-8	LED CIRCUIT/DCE090	MẠCH ĐÈN LED/DCE090	283.932	8%
17397	620C93-5	CONTROLLER/DLM160	BO MẠCH/DLM160	833.436	8%
17398	620C94-3	LED CIRCUIT/LM001C	MẠCH ĐÈN LED/LM001C	87.048	8%
17399	620D01-2	CONTROLLER/HS003G	BO MẠCH/HS003G	3.227.040	8%
17400	620D03-8	CONTROLLER/DPB183	BO MẠCH/DPB183	4.254.120	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17401	620D05-4	CONTROLLER/DPB183	BO MẠCH/DPB183	4.153.356	8%
17402	620D09-6	LED CIRCUIT/TW001G	MẠCH ĐÈN LED/TW001G	206.064	8%
17403	620D13-5	CONTROLLER/DCU603	BO MẠCH/DCU603	13.288.860	8%
17404	620D15-1	CONTROLLER/UB001C	BO MẠCH/UB001C	4.249.584	8%
17405	620D17-7	CONTROLLER/DVC560	BO MẠCH/DVC560	2.522.880	8%
17406	620D19-3	LED CIRCUIT/DVC560	MẠCH LED/DVC560	142.020	8%
17407	620D20-8	CONTROLLER/DVC157	BO MẠCH/DVC157	4.322.808	8%
17408	620D22-4	CONTROLLER/DPV300	BO MẠCH/DPV300	2.108.160	8%
17409	620D23-2	CONTROLLER/DPV300	BO MẠCH/DPV300	2.095.200	8%
17410	620D25-8	LED CIRCUIT/DCO181	MẠCH ĐÈN LED/DCO181	256.500	8%
17411	620D30-5	DIAL CIRCUIT/GA021G	NÚT ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIẢM TỐC ĐỘ/GA021G	334.368	8%
17412	620D38-9	CONTROLLER B/DVC157	BO MẠCH B/DVC157	517.536	8%
17413	620D39-7	SUB CONTROLLER/DVC157	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DVC157	192.348	8%
17414	620D40-2	LED CIRCUIT/DVC157	ĐÈN LED/DVC157	384.696	8%
17415	620D41-0	SUB CONTROLLER/DVC157	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DVC157	1.048.680	8%
17416	620D43-6	CONTROLLER/DCL184	BO MẠCH/DCL184	796.824	8%
17417	620D47-8	CONTROLLER/GA7070	BO MẠCH/GA7070	1.323.432	8%
17418	620D48-6	CONTROLLER/DTD171	BO MẠCH/DTD171	2.257.632	8%
17419	620D53-3	CONTROLLER/DBS180	BO MẠCH/DBS180	3.819.096	8%
17420	620D54-1	LED CIRCUIT/DBS180	ĐÈN LED/DBS180	119.124	8%
17421	620D59-1	CONTROLLER/DFT024F	BO MẠCH/DFT024F	5.229.468	8%
17422	620D60-6	CONTROLLER/DFT024F	BO MẠCH/DFT024F	5.229.468	8%
17423	620D61-4	SENSOR CIRCUIT/DFT024F	MẠCH CẢM BIẾN/DFT024F	233.604	8%
17424	620D69-8	CONTROLLER/TW004G	BO MẠCH/TW004G	3.036.096	8%
17425	620D73-7	CONTROLLER/HR005G	BO MẠCH/HR005G	5.870.556	8%
17426	620D74-5	ACCELEROMETER CIRCUIT/HR005G	MẠCH ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ/HR005G	1.447.092	8%
17427	620D75-3	SENSOR CIRCUIT/HR005G	BO MẠCH/HR005G	206.064	8%
17428	620D76-1	CONTROLLER B/HR005G	BO MẠCH/HR005G	380.160	8%
17429	620D78-7	CONTROLLER/DUR192L	BO MẠCH/DUR192L	2.257.632	8%
17430	620D88-4	CONTROLLER/DFT024F	BO MẠCH/DFT024F	5.229.468	8%
17431	620D90-7	CONTROLLER/DUX18	BO MẠCH/DUX18	3.159.648	8%
17432	620D97-3	CONTROLLER/UX01G	BO MẠCH/UX01G	3.841.992	8%
17433	620E03-4	CONTROLLER/HM1511	BO MẠCH/HM1511	2.344.572	8%
17434	620E06-8	CONTROLLER/LS002G	BO MẠCH/LS002G	3.906.144	8%
17435	620E07-6	LED CIRCUIT/LS002G	MẠCH ĐÈN LED/LS002G	155.736	8%
17436	620E08-4	POWER SUPPLY CIRCUIT/LS002G	MẠCH NGUỒN/LS002G	453.384	8%
17437	620E09-2	CONTROLLER/HM001G	BO MẠCH/HM001G	4.144.176	8%
17438	620E11-5	CONTROLLER/FN001G	BO MẠCH/FN001G	4.194.612	8%
17439	620E14-9	CONTROLLER/UB001G	BO MẠCH/UB001G	3.864.888	8%
17440	620E18-1	CONTROLLER/GA7080	BO MẠCH/GA7080	723.600	8%
17441	620E21-2	CONTROLLER/DWR180	BO MẠCH/DWR180	1.309.716	8%
17442	620E22-0	CONTROLLER/GA037G	BO MẠCH/GA037G	3.686.256	8%
17443	620E23-8	CONTROLLER/GA037G	BO MẠCH/GA037G	3.686.256	8%
17444	620E25-4	CONTROLLER/HR006G	BO MẠCH/HR006G	9.108.072	8%
17445	620E26-2	CONTROLLER B/HR006G	BO MẠCH B/HR006G	403.056	8%
17446	620E27-0	LED CIRCUIT/HR006G	MẠCH LED/HR006G	91.584	8%
17447	620E28-8	SENSOR CIRCUIT/HR006G	MẠCH CẢM BIẾN/HR006G	219.888	8%
17448	620E29-6	DIAL CIRCUIT/HR006G	NÚT ĐIỀU CHỈNH/HR006G	407.592	8%
17449	620E30-1	ACCELEROMETER CIRCUIT/HR006G	BO MẠCH/HR006G	1.456.272	8%
17450	620E31-9	CONTROLLER/HM002G	BO MẠCH/HM002G	7.528.248	8%
17451	620E35-1	CONTROLLER/DUM111	BO MẠCH/DUM111	920.484	8%
17452	620E39-3	CONTROLLER/DUM111	BO MẠCH/DUM111	915.840	8%
17453	620E41-6	CONTROLLER/DUH551	BO MẠCH/DUH551	2.999.376	8%
17454	620E42-4	CONTROLLER/DF002G	BO MẠCH/DF002G	3.361.176	8%
17455	620E43-2	CONTROLLER/DTD157	BO MẠCH/DTD157	1.937.088	8%
17456	620E44-0	CONTROLLER/DCC500	BO MẠCH/DCC500	1.745.280	8%
17457	620E45-8	CONTROLLER/DHP487	BO MẠCH/DHP487	1.524.960	8%
17458	620E48-2	CONTROLLER B/UR002G	BO MẠCH/UR002G	448.848	8%
17459	620E50-5	CHARGING CIRCUIT/DC40RB	MẠCH SẠC/DC40RB	7.047.432	8%
17460	620E51-3	LED CIRCUIT/DC40RB	ĐÈN LED/DC40RB	1.346.328	8%
17461	620E55-5	CONTROLLER/UH004G	BO MẠCH/UH004G	3.127.680	8%
17462	620E57-1	CONTROLLER/UH004G	BO MẠCH/UH004G	3.127.680	8%
17463	620E60-2	CHARGING CIRCUIT/DC40RC	MẠCH SẠC/DC40RC	1.937.088	8%
17464	620E64-4	CONTROLLER/DFL303F	BO MẠCH/DFL303F	5.952.960	8%
17465	620E65-2	CONTROLLER/DFL404F	BO MẠCH/DFL404F	6.044.544	8%
17466	620E67-8	CONTROLLER/RS002G	BO MẠCH/RS002G	3.924.396	8%
17467	620E72-5	CONTROLLER/CL001G	BO MẠCH/CL001G	1.799.712	8%
17468	620E74-1	SWITCH UNIT/CL001G	CÔNG TẮC/CL001G	87.048	8%
17469	620E75-9	CONTROLLER/DFR452	BO MẠCH/DFR452	2.637.684	8%
17470	620E76-7	CONTROLLER/LM001C	BO MẠCH/LM001C	8.750.916	8%
17471	620E78-3	CONTROLLER/DTM52/XMT04	BO MẠCH/DTM52/XMT04	2.179.764	8%
17472	620E79-1	LED CIRCUIT/DTM52/XMT04	ĐÈN LED/DTM52/XMT04	123.660	8%
17473	620E81-4	CONTROLLER/DTD172	BO MẠCH/DTD172	2.248.452	8%
17474	620E82-2	LED CIRCUIT/DCL280F	ĐÈN LED/DCL280F	109.944	8%
17475	620E87-2	CONTROLLER/DA001G	BO MẠCH/DA001G	4.911.840	8%
17476	620E88-0	CONTROLLER/UH008G	BO MẠCH/UH008G	3.153.600	8%
17477	620E95-3	CONTROLLER/LM001C	BO MẠCH/LM001C	3.223.800	8%
17478	620F00-6	CONTROLLER/RS001G	BO MẠCH/RS001G	2.488.320	8%
17479	620F04-8	CONTROLLER/LS003G	BO MẠCH/LS003G	3.929.040	8%
17480	620F05-6	LED CIRCUIT/LS003G	MẠCH ĐÈN LED/LS003G	169.452	8%
17481	620F07-2	CONTROLLER/DDA450	BO MẠCH/DDA450	1.628.640	8%
17482	620F09-8	CONTROLLER/TDI12D	BO MẠCH/TDI12D	2.211.840	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17483	620F12-9	LED CIRCUIT/DTD172	MẠCH ĐÈN LED/DTD172	160.272	8%
17484	620F17-9	CONTROLLER/LS003G	BO MẠCH/LS003G	3.828.276	8%
17485	620F23-4	CONTROLLER/UR006G	BO MẠCH/UR006G	3.800.736	8%
17486	620F32-3	CONTROLLER/UR006G	BO MẠCH/UR006G	3.819.096	8%
17487	620F35-7	CONTROLLER/UR012G	BO MẠCH/UR012G	8.998.128	8%
17488	620F36-5	CONTROLLER B/UR012G	BO MẠCH/UR012G	471.744	8%
17489	620F37-3	CONTROLLER/VC001GL	BO MẠCH/VC001GL	6.584.976	8%
17490	620F38-1	CONTROLLER/VC001GL	BO MẠCH/VC001GL	6.612.408	8%
17491	620F39-9	CONTROLLER B/VC001GL	BO MẠCH/VC001GL	338.904	8%
17492	620F40-4	INDICATION CIRCUIT/VC001GL	BO MẠCH/VC001GL	338.904	8%
17493	620F42-0	CONTROLLER/DUN461W	BO MẠCH/DUN461W	865.512	8%
17494	620F43-8	CONTROLLER/DUN461 W	BO MẠCH/DUN461 W	851.796	8%
17495	620F48-8	LED CIRCUIT/TW007G	MẠCH LED/TW007G	87.048	8%
17496	620F55-1	CONTROLLER/SP001G	BO MẠCH/SP001G	3.654.288	8%
17497	620F56-9	DIAL CIRCUIT/SP001G	MẠCH ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/SP001G	398.412	8%
17498	620F58-5	CONTROLLER/DUA300	BO MẠCH/DUA300	4.043.520	8%
17499	620F72-1	CONTROLLER/UC004G	BO MẠCH/UC004G	3.883.248	8%
17500	620F73-9	SENSOR UNIT/UC004G	MẠCH CAM BIẾN/UC004G	604.476	8%
17501	620F95-9	CONTROLLER/3711	BO MẠCH/3711	819.720	8%
17502	620F98-3	CONTROLLER/DUR191L	BO MẠCH/DUR191L	2.999.376	8%
17503	620G24-8	CONTROLLER/DBO380	BO MẠCH/DBO380	2.559.816	8%
17504	620G25-6	CONTROLLER/DBO380	BO MẠCH/DBO380	1.891.296	8%
17505	620G26-4	CONTROLLER/LM001J	BO MẠCH/LM001J	6.012.576	8%
17506	620G34-5	LED CIRCUIT/HR007G	MẠCH ĐÈN LED/HR007G	142.020	8%
17507	620G35-3	ACCELEROMETER CIRCUIT/HR007G	BO MẠCH/HR007G	1.135.728	8%
17508	620G36-1	CONTROLLER/HR007G	BO MẠCH/HR007G	4.267.836	8%
17509	620G38-7	CONTROLLER/9565CVR	BO MẠCH/9565CVR	993.708	8%
17510	620G47-6	CONTROLLER/PC5000C	BO MẠCH/PC5000C	1.034.964	8%
17511	620G57-3	CONTROLLER/DGA402	BO MẠCH/DGA402	1.057.860	8%
17512	620G59-9	CHARGING CIRCUIT/DC64WA	MẠCH SẠC/DC64WA	3.397.788	8%
17513	620G60-4	CONTROLLER/DVC560	BO MẠCH/DVC560	3.562.704	8%
17514	620G65-4	PILOT LAMP/UH3502	ĐÈN BẢO/UH3502	160.272	8%
17515	620G66-2	CONTROLLER/DTWA260	BO MẠCH/DTWA260	5.843.124	8%
17516	620G67-0	CONTROLLER/DCU603	BO MẠCH/DCU603	1.268.460	8%
17517	620G68-8	CONTROLLER/DHR242	BO MẠCH(BĂNG ĐIỀU KHIỂN)/DHR242	3.411.504	8%
17518	620G77-7	CONTROLLER/DLM480	BO MẠCH (BĂNG ĐIỀU KHIỂN)/DLM480	3.507.732	8%
17519	620G78-5	CONTROLLER/DLM480	BO MẠCH (BĂNG ĐIỀU KHIỂN)/DLM480	2.880.360	8%
17520	620G85-8	CONTROLLER /UH013G	BO MẠCH/UH013G	5.554.656	8%
17521	620G88-2	CONTROLLER/AS001G	BO MẠCH/AS001G	1.767.636	8%
17522	620G89-0	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/AS001G	MẠCH HIỂN THỊ/AS001G	306.828	8%
17523	620G98-9	CONTROLLER/VC006GM	BO MẠCH/VC006GM	10.458.936	8%
17524	620G99-7	CONTROLLER/VC006GM	BO MẠCH/VC006GM	10.848.168	8%
17525	620H02-4	DIAL CIRCUIT/VC006GM	BO MẠCH/VC006GM	366.336	8%
17526	620H06-6	CONTROLLER/RP1111C/RP1802	BO MẠCH/RP1111C/RP1802	2.289.600	8%
17527	620H08-2	CONTROLLER/RP1111C/RP1802	BO MẠCH/RP1111C/RP1802	1.511.136	8%
17528	620H14-7	CONTROLLER/RT0702C	BO MẠCH/RT0702C	1.277.640	8%
17529	620H15-5	CONTROLLER/CL114FD	BO MẠCH/CL114FD	1.248.480	8%
17530	620H19-7	CONTROLLER/UA001G	BO MẠCH/UA001G	4.057.236	8%
17531	620H23-6	CONTROLLER/GA5090	BO MẠCH/GA5090	1.712.664	8%
17532	620H25-2	CONTROLLER/GA5093	BO MẠCH (BĂNG ĐIỀU KHIỂN)/GA5093	1.740.096	8%
17533	620H27-8	CONTROLLER/GA5090	BO MẠCH/GA5090	1.900.368	8%
17534	620H29-4	CONTROLLER/GA5093	BO MẠCH/GA5093	1.872.936	8%
17535	620H30-9	CONTROLLER/VC008G	BO MẠCH/VC008G	3.503.088	8%
17536	620H31-7	CONTROLLER/VC008G	BO MẠCH/VC008G	3.525.984	8%
17537	620H32-5	CONTROLLER B/VC008G	BO MẠCH B/VC008G	462.564	8%
17538	620H33-3	SWITCH CIRCUIT/VC008G	MẠCH CÔNG TẮC/VC008G	563.328	8%
17539	620H34-1	SWITCH CIRCUIT/VC008G	MẠCH CÔNG TẮC/VC008G	691.524	8%
17540	620H36-7	CHARGING CIRCUIT COMPLETE/DC18SD	MẠCH SẠC/DC18SD	1.529.496	8%
17541	620H37-5	CHARGING CIRCUIT/DC18SH	BO MẠCH/DC18SH	1.479.168	8%
17542	620H42-2	CONTROLLER/DLS111	BO MẠCH/DLS111	4.560.948	8%
17543	620H49-8	CONTROLLER/CE001G	BO MẠCH/CE001G	8.114.364	8%
17544	620H50-3	LED CIRCUIT/CE001G	MẠCH ĐÈN LED/CE001G	224.424	8%
17545	620H53-7	CONTROLLER/VR001G	BO MẠCH (BĂNG ĐIỀU KHIỂN)/VR001G	3.823.632	8%
17546	620H64-2	CONTROLLER/DFT060T	BO MẠCH/DFT060T	8.430.372	8%
17547	620H65-0	BUZZER CIRCUIT/DFT060T	ĐÈN BAO/DFT060T	370.980	8%
17548	620H66-8	USB CIRCUIT/DFT060T	BO MẠCH USB/DFT060T	352.620	8%
17549	620H67-6	DIAL CIRCUIT/DHR400	MẠCH LED/DHR400	448.848	8%
17550	620H70-7	CONTROLLER/DLM230	BO MẠCH/DLM230	1.231.848	8%
17551	620H74-9	CONTROLLER/UC012G	BO MẠCH/UC012G	4.402.080	8%
17552	620H75-7	CONTROLLER B/UC012G	BO MẠCH B/UC012G	403.056	8%
17553	620H77-3	CONTROLLER/JR002G	BO MẠCH/JR002G	3.869.424	8%
17554	620H78-1	LED CIRCUIT/JR002G	MẠCH ĐÈN LED/JR002G	114.480	8%
17555	620H79-9	DIAL CIRCUIT/JR002G	NÚM CHỈNH TỐC ĐỘ/JR002G	329.724	8%
17556	620H80-4	CONTROLLER/HS009G	BO MẠCH/HS009G	3.782.484	8%
17557	620H84-6	CHARGING CIRCUIT/DC10SB	BO MẠCH SẠC/DC10SB	1.795.068	8%
17558	620H90-1	LED CURCUIT/TD002G	ĐÈN BẢO LED HOÀN CHỈNH/TD002G	338.904	8%
17559	620H91-9	CONTROLLER/TD002G	BO MẠCH/TD002G	4.020.624	8%
17560	620H96-9	CONTROLLER/PT001G	BO MẠCH/PT001G	3.933.576	8%
17561	620H98-5	CONTROLLER/CS002G	BO MẠCH/CS002G	4.519.692	8%
17562	620H99-3	CONTROLLER/DJV184	BO MẠCH (BĂNG ĐIỀU KHIỂN)/DJV184	2.248.452	8%
17563	620J00-0	CONTROLLER/HS011G	BO MẠCH (BĂNG ĐIỀU KHIỂN)/HS011G	3.782.484	8%
17564	620J02-6	CONTROLLER/KP001G	BO MẠCH/KP001G	3.874.068	8%
17565	620J15-7	CONTROLLER/DUR193	BO MẠCH/DUR193	1.044.144	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17566	620J16-5	CONTROLLER/UT001G	BO MẠCH/UT001G	4.886.028	8%
17567	620J17-3	CONTROLLER/DMC300	BO MẠCH/DMC300	2.079.000	8%
17568	620J18-1	CONTROLLER/HR008G	BO MẠCH/HR008G	4.808.160	8%
17569	620J19-9	ACCELEROMETER CIRCUIT/HR008G	BO MẠCH/HR008G	1.057.860	8%
17570	620J21-2	SWITCH UNIT/DJV184	CÔNG TẮC/DJV184	105.408	8%
17571	620J22-0	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/UC012G	NÚT CÔNG TẮC/UC012G	348.084	8%
17572	620J23-8	CONTROLLER/DFT060T	BO MẠCH/DFT060T	8.430.372	8%
17573	620J24-6	CONTROLLER/DKP181	BO MẠCH/DKP181	3.155.112	8%
17574	620J36-9	CONTROLLER/PB002G	BO MẠCH/PB002G	4.753.296	8%
17575	620J39-3	CONTROLLER COMPLETE/DFS452	BO MẠCH/DFS452	3.113.856	8%
17576	620J44-0	CONTROLLER B/LM001G	BO MẠCH/LM001G	398.412	8%
17577	620J45-8	DIAL CIRCUIT/LM001G	MẠCH CÔNG TẮC/LM001G	164.916	8%
17578	620J46-6	LED CIRCUIT/LM001G	MẠCH ĐÈN LED/LM001G	123.660	8%
17579	620J51-3	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/UB002C	NÚT NHẤN CÔNG TẮC/UB002C	448.848	8%
17580	620J54-7	CONTROLLER/DUH506	BO MẠCH/DUH506	2.024.028	8%
17581	620J57-1	SWTCH CIRCUIT/VS001G	BO MẠCH/VS001G	925.020	8%
17582	620J58-9	CONTROLLER B/VS001G	BO MẠCH/VS001G	306.828	8%
17583	620J59-7	CONTROLLER B/VS001G	BO MẠCH/VS001G	302.292	8%
17584	620J60-2	LED CIRCUIT/VS001G	MẠCH ĐÈN LED/VS001G	228.960	8%
17585	620J65-2	CONTROLLER/UR002G	BO MẠCH/UR002G	3.773.304	8%
17586	620J73-3	CONTROLLER/DTD153	BO MẠCH/DTD153	2.111.076	8%
17587	620J78-3	CONTROLLER/DUC307	BO MẠCH/DUC307	3.178.008	8%
17588	620J80-6	CONTROLLER/DFT087F	BO MẠCH/DFT087F	5.270.724	8%
17589	620J81-4	CONTROLLER/DFT087F	BO MẠCH/DFT087F	5.270.724	8%
17590	620J82-2	LED CIRCUIT/DFT087F	ĐÈN LED/DFT087F	164.916	8%
17591	620J83-0	USB CIRCUIT/DFT087F	MẠCH USB/DFT087F	325.188	8%
17592	620J84-8	CONTROLLER/DUR368	BO MẠCH/DUR368	3.727.512	8%
17593	620J87-2	CHARGING CIRCUIT/DC18WC	MẠCH SẠC/DC18WC	2.408.724	8%
17594	620J88-0	CONTROLLER/JV001G	BO MẠCH/JV001G	3.499.200	8%
17595	620J89-8	SWITCH UNIT/JV001G	CÔNG TẮC/JV001G	705.240	8%
17596	620J90-3	BUZZER CIRCUIT/VC006GM	MẠCH Còi BẢO/VC006GM	421.308	8%
17597	620J91-1	CONTROLLER/LM001G	BO MẠCH/LM001G	8.389.116	8%
17598	620J95-3	LED CIRCUIT/LM001G	ĐÈN BẢO LED/LM001G	91.584	8%
17599	620K03-0	LED CIRCUIT/DJR189	ĐÈN LED/DJR189	123.660	8%
17600	620K04-8	CONTROLLER/DJR189	BO MẠCH/DJR189	2.761.344	8%
17601	620K13-7	CONTROLLER/DGA405	BO MẠCH/DGA405	2.756.700	8%
17602	620K14-5	CONTROLLER B/DGA406	BO MẠCH B/DGA406	2.788.776	8%
17603	620K19-5	CONTROLLER/DGA412	BO MẠCH/DGA412	3.503.088	8%
17604	620K21-8	CONTROLLER B/DGA417	BO MẠCH B/DGA417	3.457.296	8%
17605	620K23-4	CONTROLLER B/DGA418	BO MẠCH B/DGA418	3.498.552	8%
17606	620K25-0	CONTROLLER B/DGA414	BO MẠCH B/DGA414	3.503.088	8%
17607	620K33-1	CONTROLLER/DGA404	BO MẠCH/DGA404	2.761.344	8%
17608	620K34-9	CONTROLLER B/DGA408	BO MẠCH B/DGA408	2.788.776	8%
17609	620K37-3	CONTROLLER/DCS553	BO MẠCH/DCS553	453.384	8%
17610	620K47-0	CONTROLLER COMPLETE/UB002C	BO MẠCH/UB002C	4.853.952	8%
17611	620K67-4	CONTROLLER/UP100D	BO MẠCH(BANG ĐIỀU KHIỂN)/UP100D	4.679.964	8%
17612	620K68-2	CONTROLLER/DUP180	BO MẠCH/DUP180	5.389.740	8%
17613	620K74-7	CONTROLLER B/DDA460	BO MẠCH B/DDA460	595.296	8%
17614	620K76-3	CONTROLLER/PM001G	BO MẠCH (BANG ĐIỀU KHIỂN)/PM001G	7.592.400	8%
17615	620K85-2	LED CIRCUIT/DHR183	ĐÈN BẢO LED/DHR183	132.840	8%
17616	620K87-8	CONTROLLER/UR013G	BO MẠCH/UR013G	5.389.740	8%
17617	620K91-7	CONTROLLER/UR013G	BO MẠCH/UR013G	5.449.248	8%
17618	620K93-3	CONTROLLER/DHS680	BO MẠCH/DHS680	2.939.868	8%
17619	620K96-7	CONTROLLER/DHW080	BO MẠCH/DHW080	444.204	8%
17620	620K97-5	CONTROLLER/CE002G	BO MẠCH/CE002G	8.741.736	8%
17621	620K98-3	CONTROLLER/DHS660	BO MẠCH/DHS660	2.532.384	8%
17622	620L00-2	CONTROLLER/TD003G	BO MẠCH/TD003G	2.971.944	8%
17623	620L02-8	CONTROLLER/DUH507	BO MẠCH/DUH507	1.112.832	8%
17624	620L08-6	CONTROLLER A/DRT50	BO MẠCH A/DRT50	3.072.708	8%
17625	620L09-4	CONTROLLER B/DRT50	BO MẠCH B/DRT50	393.876	8%
17626	620L11-7	CONTROLLER/DHS661	BO MẠCH/DHS661	2.619.324	8%
17627	620L15-9	CONTROLLER/DCO181	BO MẠCH/DCO181	3.452.760	8%
17628	620L19-1	CONTROLLER/DCL283F	BO MẠCH(BANG ĐIỀU KHIỂN)/DCL283F	1.378.404	8%
17629	620L23-0	CONTROLLER/DCL283F	BO MẠCH (BANG ĐIỀU KHIỂN)/DCL283F	1.188.000	8%
17630	620L24-8	CONTROLLER/DHR183	BO MẠCH(BANG ĐIỀU KHIỂN)/DHR183	2.793.312	8%
17631	620L27-2	CONTROLLER A/DLS600	BO MẠCH A/DLS600	3.910.680	8%
17632	620L31-1	CONTROLLER/GA048G	BO MẠCH/GA048G	3.658.824	8%
17633	620L32-9	CONTROLLER/GA048G	BO MẠCH/GA048G	3.658.824	8%
17634	620L34-5	SWITCH UNIT/DJV185	CÔNG TẮC/DJV185	169.452	8%
17635	620L35-3	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/PM001G	MẠCH CÔNG TẮC/PM001G	512.892	8%
17636	620L36-1	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/PM001G	MẠCH HIỂN THỊ/PM001G	435.024	8%
17637	620L44-2	CONTROLLER/DJV185	BO MẠCH/DJV185	2.848.284	8%
17638	620L50-7	LED CIRCUIT/DTD173	ĐÈN LED/DTD173	577.044	8%
17639	620L52-3	CONTROLLER/ST001G	BO MẠCH(BANG ĐIỀU KHIỂN)/ST001G	4.043.520	8%
17640	620L53-1	CONTROLLER/UR016G	BO MẠCH(BANG ĐIỀU KHIỂN)/UR016G	4.336.524	8%
17641	620L54-9	CONTROLLER/UR016G	BO MẠCH(BANG ĐIỀU KHIỂN)/UR016G	4.386.960	8%
17642	620L68-8	CONTROLLER B/DSP600	BO MẠCH B/DSP600	425.952	8%
17643	620L75-1	CONTROLLER/DCS553	BO MẠCH/DCS553	2.610.144	8%
17644	620L79-3	CONTROLLER/DCC500	BO MẠCH/DCC500	2.610.144	8%
17645	620L83-2	CONTROLLER COMPLETE/DGA701	BO MẠCH/DGA701	3.831.840	8%
17646	620L85-8	CONTROLLER/DPV300	BO MẠCH/DPV300	2.601.072	8%
17647	620L86-6	CONTROLLER/PV301D	BO MẠCH/PV301D	2.436.480	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17648	620L89-0	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/DAS180	MACH HIỂN THỊ/DAS180	320.544	8%
17649	620L90-5	CONTROLLER/DAS180	BO MACH(BẢNG ĐIỀU KHIỂN)/DAS180	1.346.328	8%
17650	620L92-1	CONTROLLER COMPLETE/DHS781	BO MACH/DHS781	5.220.288	8%
17651	620M05-8	CONTROLLER/UC100D	BO MACH/UC100D	2.028.672	8%
17652	620M06-6	CONTROLLER/UC100D	BO MACH/UC100D	2.046.924	8%
17653	620M07-4	TERMINAL BOARD COMPLETE/BAP001G	BO MACH/BAP001G	1.465.344	8%
17654	620M10-5	CONTROLLER/GA4100/GA5100	BO MACH/GA4100/GA5100	1.479.168	8%
17655	620M19-7	WIRE SENSING CIRCUIT/RM350D	MACH CẢM BIẾN/RM350D	1.250.208	8%
17656	620M20-2	INDUCTIVE SENSOR CIRCUIT/RM350D	MACH CẢM BIẾN/RM350D	1.602.720	8%
17657	620M21-0	HALL IC CIRCUIT/RM350D	BO MACH IC/RM350D	535.788	8%
17658	620M22-8	LED CIRCUIT/RM350D	MACH ĐÈN LED/RM350D	1.318.896	8%
17659	620M23-6	BUZZER CIRCUIT/RM350D	MACH CẢNH BÁO/RM350D	1.094.472	8%
17660	620M29-4	LED CIRCUIT/UV001G	ĐÈN LED/UV001G	210.708	8%
17661	620M31-7	CONTROLLER/LM004G	BO MACH/LM004G	2.395.008	8%
17662	620M37-5	CONTROLLER COMPLETE/DCS551	BO MACH/DCS551	3.544.344	8%
17663	620M47-2	SWITCH CIRCUIT/VC011G	BO MACH/VC011G	696.060	8%
17664	620M49-8	CONTROLLER/VC011G	BO MACH/VC011G	5.307.336	8%
17665	620M50-3	CONTROLLER/VC012G	BO MACH/VC012G	5.316.516	8%
17666	620M55-3	CHARGING CIRCUIT/DC40WA	BO MACH/DC40WA	3.351.996	8%
17667	620M58-7	LED CIRCUIT/VC010G	ĐÈN LED/VC010G	242.784	8%
17668	620M65-0	CONTROLLER/HW001G	BO MACH/HW001G	7.038.252	8%
17669	620M67-6	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/HW001G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/HW001G	572.400	8%
17670	620M68-4	INDICATION CIRCUIT COMPLETE/HW001G	NÚT NHẤN HIỂN THỊ DUNG LƯỢNG PIN/HW001G	457.920	8%
17671	620M73-1	CONTROLLER/VC010G	BO MACH/VC010G	3.516.912	8%
17672	620M83-8	CONTROLLER/HM004G	BO MACH/HM004G	11.040.516	8%
17673	620M84-6	CONTROLLER B/HM004G	BO MACH/HM004G	522.072	8%
17674	620M85-4	SENSOR CIRCUIT/HM004G	THIẾT BỊ KIỂM TRA CẢM BIẾN BỤI/HM004G	293.112	8%
17675	620M94-3	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/HM004G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/HM004G	522.072	8%
17676	620M96-9	CONTROLLER/DUH601	BO MACH/DUH601	3.255.876	8%
17677	620M98-5	CONTROLLER/WT001G	BO MACH/WT001G	4.867.776	8%
17678	620N08-8	CONTROLLER/UH006G	BO MACH/UH006G	4.244.940	8%
17679	620N09-6	CONTROLLER/UH008G	BO MACH/UH008G	4.290.732	8%
17680	620N12-7	CONTROLLER/DTW1004	BO MACH/DTW1004	4.144.176	8%
17681	620N14-3	CONTROLLER/JV002G	BO MACH/JV002G	4.107.564	8%
17682	620N15-1	SWITCH UNIT/JV002G	CÔNG TÁC/JV002G	311.472	8%
17683	620N27-4	CONTROLLER/PS001G	BO MACH/PS001G	5.028.048	8%
17684	620N28-2	LED CIRCUIT/PS001G	MACH ĐÈN LED/PS001G	206.064	8%
17685	620N29-0	CONTROLLER B/PS001G	BO MACH/PS001G	503.712	8%
17686	620N41-0	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/UB004C	MACH CÔNG TÁC/UB004C	572.400	8%
17687	620N42-8	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/UB004C	MACH CÔNG TÁC/UB004C	572.400	8%
17688	620N57-5	CONTROLLER/UH020G/UH021G	BO MACH/UH020G/UH021G	2.921.616	8%
17689	620N62-2	CONTROLLER/UC021G	BO MACH/UC021G	5.114.988	8%
17690	620N64-8	SWITCH CIRCUIT COMPLETE/UC021G	MACH CÔNG TÁC/UC021G	338.904	8%
17691	620N68-0	CONTROLLER/UB004C	BO MACH/UB004C	5.353.128	8%
17692	620N71-1	CONTROLLER/VS001G	BO MACH/VS001G	9.057.744	8%
17693	620N72-9	INDICATION CIRCUIT/DFL303F	MACH HIỂN THỊ/DFL303F	361.800	8%
17694	620N82-6	CONTROLLER B/UN001G	BO MACH B/UN001G	398.412	8%
17695	620N85-0	LED CIRCUIT/TW002G	MACH ĐÈN LED/TW002G	215.244	8%
17696	620N88-4	CONTROLLER/UN001G	BO MACH/UN001G	4.006.800	8%
17697	620N97-3	LED CIRCUIT/CE003G	ĐÈN LED/CE003G	160.272	8%
17698	620N99-9	CONTROLLER/CE003G	BO MACH/CE003G	5.435.532	8%
17699	620P08-0	LED CIRCUIT/RP001G	ĐÈN LED/RP001G	201.528	8%
17700	620P09-8	DIAL CIRCUIT/RP001G	MACH ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/RP001G	325.188	8%
17701	620P25-0	CONTROLLER COMPLETE/UB002C	BO MACH/UB002C	4.973.076	8%
17702	620P26-8	CONTROLLER/DRT52	BO MACH/DRT52	2.440.800	8%
17703	620P27-6	SWITCH CIRCUIT/DRT52	MACH CÔNG TÁC/DRT52	242.784	8%
17704	620P29-2	SWITCH CIRCUIT/RP001G	MACH CÔNG TÁC/RP001G	87.048	8%
17705	620P30-7	SENSOR UNIT/RP001G	BO MACH CẢM BIẾN/RP001G	718.956	8%
17706	620P36-5	LED CIRCUIT/TW009G	MACH ĐÈN LED/TW009G	696.060	8%
17707	620P38-1	SENSOR UNIT/CE003G	CẢM BIẾN VÒNG QUAY/CE003G	668.628	8%
17708	620P39-9	CONTROLLER/DUA200	BO MACH/DUA200	1.694.304	8%
17709	620P40-4	CONTROLLER/BS001G	BO MACH/BS001G	3.645.108	8%
17710	620P41-2	CONTROLLER/RP001G	BO MACH/RP001G	3.805.380	8%
17711	620P43-8	CONTROLLER B/UC030G	BO MACH/UC030G	425.952	8%
17712	620P45-4	CONTROLLER/DSC102	BO MACH/DSC102	2.198.016	8%
17713	620P47-0	CONTROLLER/UC020G	BO MACH/UC020G	4.762.368	8%
17714	620P54-3	CONTROLLER/UE001G	BO MACH/UE001G	4.217.508	8%
17715	620P59-3	CONTROLLER/TM001G	BO MACH/TM001G/TM001G	2.454.516	8%
17716	620P60-8	CONTROLLER/UC030G	BO MACH/UC030G	5.998.752	8%
17717	620P78-9	TERMINAL HOUSING A/BCC01/BCC02	ĐỂ GẮI PIN A/BCC01/BCC02	517.536	8%
17718	620P79-7	TERMINAL HOUSING B/BCC01/BCC02	ĐỂ GẮI PIN B/BCC01/BCC02	517.536	8%
17719	620P82-8	CHARGING CIRCUIT/BCC01	MACH SẠC/BCC01	7.940.376	8%
17720	620R04-0	CONTROLLER/HS013G	BO MACH/HS013G	4.048.056	8%
17721	620R06-6	LED CIRCUIT/DF003G/HP003G	MACH ĐÈN LED/DF003G	151.200	8%
17722	620R16-3	CONTROLLER/UC029G	BO MACH/UC029G	2.019.492	8%
17723	620R17-1	CONTROLLER/GP001G	BO MACH/GP001G	4.860.000	8%
17724	620R27-8	CONTROLLER/TD004G	BO MACH/TD004G	3.077.244	8%
17725	620R57-9	CONTROL MODULE/DHP490	BỘ CÔNG TÁC/DHP490	1.717.200	8%
17726	620R88-8	CONTROLLER/TW1005D	BO MACH/DTW1005	4.144.176	8%
17727	620R92-7	CONTROLLER/VC014G	BO MACH/VC014G	3.123.036	8%
17728	620R96-9	CONTROLLER COMPLETE/CL004G	MACH ĐIỀU KHIỂN/CL004G	1.327.968	8%
17729	620R97-7	INDICATION CIRCUIT/VC014G	MACH HIỂN THỊ/VC014G	215.244	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17730	620507-0	CONTROLLER/GD001G/GD002G	BO MẠCH/GD001G	3.022.272	8%
17731	620508-8	CONTROLLER/GD001G/GD002G	BO MẠCH/GD002G	2.971.944	8%
17732	620509-6	DIAL CIRCUIT/GD001G/GD002G	CHIẾT ÁP/GD001G	306.828	8%
17733	620510-1	LED CIRCUIT/GD001G/GD002G	MẠCH ĐÈN LED/GD001G	219.888	8%
17734	620511-9	CONTROLLER/JR003G	BO MẠCH/JR003G	4.609.440	8%
17735	620512-7	LED CIRCUIT/DTM53/HR011G	MẠCH LED/DTM53/HR011G	112.320	8%
17736	620522-4	SWITCH CIRCUIT/UC030G	MẠCH CÔNG TẮC/UC030G	430.488	8%
17737	620523-2	INDICATION CIRCUIT/UC030G	MẠCH HIỂN THỊ/UC030G	630.720	8%
17738	620534-7	CONTROLLER/UC031G	BO MẠCH/UC031G	3.365.280	8%
17739	620535-5	SWITCH CIRCUIT/UC031G	MẠCH CÔNG TẮC/UC031G	302.400	8%
17740	620536-3	CONTROLLER B/UC031G	BO MẠCH B/UC031G	280.800	8%
17741	620541-0	CONTROLLER B/JR003G	BO MẠCH B/JR003G	349.920	8%
17742	620542-8	DIAL CIRCUIT/JR003G	CHIẾT ÁP/JR003G	375.840	8%
17743	620544-4	CONTROLLER/DTM53/HR011G	BO MẠCH/DTM53/HR011G	1.425.600	8%
17744	620574-5	CONTROLLER COMPLETE/DTD201/XDT21	BO MẠCH/DTD201/XDT21	2.026.080	8%
17745	620581-8	CONTROLLER COMPLETE/DUP181	BO MẠCH/DUP181	2.440.800	8%
17746	621658-8	FIELD 220/240V/6410	STATO/6410	549.504	8%
17747	621708-9	FIELD 220-240V/9556HN	STATO 220-240V 110T/9556HN	467.100	8%
17748	621713-6	FIELD 220-240V/9553NB	STATO/9553NB	419.040	8%
17749	621723-3	FIELD 220-240V/GD0600	STATO/GD0600	544.968	8%
17750	621763-1	FIELD 220V/9565P	STATO/9565P	660.960	8%
17751	621773-8	FIELD 220-240V/BO6050	STATO/BO6050	522.072	8%
17752	621778-8	FIELD 220V/GA7060	STATO 220V/GA7060	1.231.848	8%
17753	621813-2	FIELD 220-240V/MT967	STATO/MT967	522.072	8%
17754	621818-2	FIELD 220-240V/MT964	STATO/MT964	503.712	8%
17755	621823-9	FIELD 220-240V/9556HB	STATO/9556HB	535.788	8%
17756	621873-4	FIELD/HR2651T	STATO/HR2651T	554.148	8%
17757	621898-8	FIELD/HR3001C	STATO/HR3001C	728.136	8%
17758	621923-5	FIELD 220V/GA7070	STATO/GA7070	1.300.536	8%
17759	621943-9	FIELD 220V/GA7080	STATO/GA7080	1.350.864	8%
17760	621968-3	FIELD 220-240V/GA5090	STATO/GA5090	815.184	8%
17761	621A18-0	FIELD 220-240V/GA5093	STATO/GA5093	815.184	8%
17762	621A33-4	FIELD 220V/HP1630	STATO/HP1630	682.344	8%
17763	621B33-0	FIELD 220V/GD0800C	STATO/GD0800C	773.928	8%
17764	621B48-7	FIELD 220V/GD0801C	STATO/GD0801C	842.616	8%
17765	621C19-0	FIELD 220-240V/9565CVR	STATO/9565CVR	815.184	8%
17766	621C88-1	FIELD 220V/GA4100/GA5100	STATO/GA4100/GA5100	544.968	8%
17767	622285-4	FIELD 220V/6906	STATO/6906	1.492.884	8%
17768	623528-7	FIELD 220-240V/MT960	STATO/MT960	755.568	8%
17769	623548-1	FIELD/JS1601	STATO/JS1601	622.836	8%
17770	623558-8	FIELD 220-240V/TM3000C	STATO/TM3000C	650.268	8%
17771	625118-2	FIELD 220V/6905B	STATO/6905B	1.300.536	8%
17772	625163-7	FIELD 220-240V/TW0350	STATO/TW0350	1.158.624	8%
17773	625758-6	FIELD 220-240V/HR4013C	STATO/HR4013C	732.672	8%
17774	625763-3	FIELD 220V/HR4002	STATO/HR4002	778.464	8%
17775	625764-1	FIELD 240V/HM0870C	STATO 240V/HM0870C	773.928	8%
17776	625778-0	FIELD 240V/HR3530	STATO/HR3530	709.776	8%
17777	625813-4	FIELD 220-240V/HR3200C	STATO/HR3200C	709.776	8%
17778	626128-2	FIELD 220V/4114S	STATO 220V/4114S	2.111.076	8%
17779	626133-9	FIELD 220-240V/4112HS	STATO/4112HS	2.514.024	8%
17780	626152-5	FIELD 200-220V/HM1810	STATO 200-220V/HM1810	1.870.560	8%
17781	626528-6	FIELD 220V/GD0810C	STATO/GD0810C	746.496	8%
17782	626573-1	FIELD 220V/HR2230	STATO/HR2230	544.968	8%
17783	626578-1	FIELD 220V/HR2460	STATO/HR2460	544.968	8%
17784	626603-8	FIELD 220V/HP1630	STATO/HP1630	479.520	8%
17785	626628-2	FIELD 220V/HR2300	STATO/HR2300	558.684	8%
17786	626633-9	FIELD 220V/HR2600	STATO/HR2600	508.356	8%
17787	626648-6	FIELD 220V/GA4040	STATO/GA4040	892.944	8%
17788	626649-4	FIELD 240V/GA4040	STATO/GA4040	865.512	8%
17789	626653-3	FIELD 220-240V/GA4040C	STATO/GA4040C	847.152	8%
17790	626678-7	FIELD 220-240V/SG1251	STATO/SG1251	659.448	8%
17791	628196-1	FIELD 220V/PO5000C	STATO/PO5000C	714.420	8%
17792	628377-7	FIELD 220-240V/M9508B	STATO/M9508B	544.968	8%
17793	628378-5	FIELD 220-240V/M9511B	STATO/M9511B	509.760	8%
17794	628381-6	FIELD 220-240V/MT971	STATO/MT971	577.044	8%
17795	628386-6	FIELD 220-240V/MT970	STATO/MT970	517.536	8%
17796	628388-2	FIELD 220-240V/M9512B	STATO/M9512B	544.968	8%
17797	628394-7	FIELD 220-240V/GD0600	STATO/GD0600	508.356	8%
17798	628399-7	FIELD 220-240V/9553B	STATO/9553B	419.040	8%
17799	629105-3	DC MOTOR/DJR183	CUM MOTOR/DJR183	480.816	8%
17800	629111-8	DC MOTOR/JV143D	CUM MOTOR/JV143D	578.880	8%
17801	629113-4	DC MOTOR/JV183D	CUM MOTOR/JV183D	654.912	8%
17802	629114-2	DC MOTOR/DA331D	CUM MOTOR/DA331D	746.496	8%
17803	629116-8	STATOR COMPLETE/DSC121	STATO/DSC121	2.834.568	8%
17804	629135-4	STATOR/DFS452	STATO/DFS452	613.656	8%
17805	629137-0	STATOR/DTS141	STATO/DTS141	581.580	8%
17806	629151-6	STATOR 18V/DFL651F	STATO/DFL651F	691.524	8%
17807	629153-2	STATOR DC36V/DUB362	STATO/DUB362	1.097.280	8%
17808	629156-6	MOTOR ASSEMBLY/DVC860L	MÔ TÔ/DVC860L	2.802.492	8%
17809	629160-5	DC MOTOR/DUP361	CUM MOTOR/DUP361	15.367.860	8%
17810	629163-9	DC MOTOR/TD110D	CUM MOTOR/TD110D	343.440	8%
17811	629165-5	DC MOTOR/JR105D	CUM MOTOR/JR105D	439.668	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17812	629167-1	DC MOTOR/HP331D	CUM MOTOR/HP331D	325.188	8%
17813	629177-8	DC MOTOR/DLM431	CUM MOTOR/DLM431	2.661.120	8%
17814	629178-6	STATOR/DF032D	STATO/DF032D	384.696	8%
17815	629179-4	STATOR/DJR187	STATO/DJR187	851.796	8%
17816	629180-9	STATOR/DJR360	STATO/DJR360	699.840	8%
17817	629189-1	STATOR/DVC260	STATO/DVC260	297.648	8%
17818	629193-0	DC MOTOR/DSD180	CUM MOTOR/DSD180	1.057.860	8%
17819	629195-6	DC MOTOR/DTW190	CUM MOTOR/DTW190	531.252	8%
17820	629211-4	DC MOTOR/JV101D	CUM MOTOR/JV101D	595.296	8%
17821	629215-6	STATOR/DLS600	STATO/DLS600	142.560	8%
17822	629217-2	STATOR/DTD170	STATO/DTD170	265.680	8%
17823	629220-3	DC MOTOR/TM30D	CUM MOTOR/TM30D	357.264	8%
17824	629224-5	STATOR/DTD153	STATO/DTD153	228.960	8%
17825	629225-3	STATOR/DDF484	STATO/DDF484	228.960	8%
17826	629228-7	STATOR/DDF083	STATO/DDF083	352.620	8%
17827	629230-0	DC MOTOR/SD100D	CUM MOTOR/SD100D	1.080.756	8%
17828	629232-6	STATOR/TD111D	STATO/TD111D	274.752	8%
17829	629233-4	STATOR/DTD155/DTD155	STATO/DTD155	274.752	8%
17830	629235-0	DC MOTOR/TD022D	CUM MOTOR/TD022D	196.992	8%
17831	629244-9	FIELD/HRI66	STATO/HRI66	316.008	8%
17832	629246-5	DC MOTOR/DF001D	CUM MOTOR/DF001D	129.600	8%
17833	629248-1	STATOR/DUR189	STATO/DUR189	274.752	8%
17834	629256-2	STATOR/DVC864L	STATO/DVC864L	196.992	8%
17835	629258-8	DC MOTOR/UH201D	CUM MOTOR/UH201D	306.828	8%
17836	629260-1	STATOR/DGA700	STATO/DGA700	108.000	8%
17837	629261-9	STATOR/DFT020F	STATO/DFT020F	412.128	8%
17838	629262-7	STATOR/DFT085F	STATO/DFT085F	439.668	8%
17839	629264-3	DC MOTOR/DF012D	CUM MOTOR/DF012D	192.348	8%
17840	629268-5	DC MOTOR/PT354D	CUM MOTOR/PT354D	380.160	8%
17841	629269-3	STATOR/DUX60	STATO/DUX60	934.200	8%
17842	629271-6	DC MOTOR/TL064D	CUM MOTOR/TL064D	636.552	8%
17843	629275-8	STATOR/DSP601	STATO/DSP601	1.021.248	8%
17844	629280-5	STATOR/DRT50	STATO/DRT50	88.560	8%
17845	629281-3	STATOR/JV103D	STATO/JV103D	201.528	8%
17846	629282-1	STATOR/DLS111	STATO/DLS111	1.153.980	8%
17847	629283-9	STATOR/DHR171	STATO/DHR171	320.544	8%
17848	629285-5	DC MOTOR/HR140D	CUM MOTOR/HR140D	938.736	8%
17849	629289-7	DC MOTOR/DA333D	CUM MOTOR/DA333D	320.544	8%
17850	629292-8	FIELD/DJR188	STATO/DJR188	265.680	8%
17851	629298-6	STATOR COMPLETE/DGA413	STATO/DGA413	3.296.160	8%
17852	629299-4	STATOR COMPLETE/DGA414	STATO/DGA414	3.486.240	8%
17853	629304-7	STATOR COMPLETE/DGA417	STATO/DGA417	2.867.400	8%
17854	629305-5	STATOR COMPLETE/DGA418	STATO/DGA418	3.481.920	8%
17855	629317-8	DC MOTOR/URI00D	CUM MOTOR/URI00D	618.192	8%
17856	629334-8	STATOR/DTW180	STATO/DTW180	274.752	8%
17857	629335-6	STATOR/DHR400	STATO/DHR400	1.208.952	8%
17858	629337-2	STATOR/DWT310	STATO/DWT310	1.584.468	8%
17859	629339-8	STATOR/DSC102	STATO/DSC102	403.056	8%
17860	629340-3	STATOR/DHR280	STATO/DHR280	270.216	8%
17861	629343-7	STATOR/DTR180	STATO/DTR180	421.308	8%
17862	629346-1	DC MOTOR/DTRI80	CUM MOTOR/DTRI80	1.117.368	8%
17863	629348-7	STATOR UNIT DC18V/DHS680	STATO/DHS680	3.032.640	8%
17864	629352-6	STATOR /DUH501	STATO/DUH501	403.056	8%
17865	629356-8	STATOR/DDA460	STATO/DDA460	1.183.680	8%
17866	629362-3	STATOR/DHS660	STATO/DHS660	643.680	8%
17867	629368-1	STATOR/DCS553	STATO/DCS553	635.040	8%
17868	629372-0	STATOR/DDF485	STATO/DDF485	210.708	8%
17869	629373-8	STATOR/DRV250	STATO/DRV250	306.828	8%
17870	629374-6	DC MOTOR/DLM460	CUM MOTOR/DLM460	6.923.772	8%
17871	629375-4	STATOR/DHS780	STATO/DHS780	115.560	8%
17872	629376-2	STATOR/DGA701	STATO/DGA701	1.076.112	8%
17873	629377-0	STATOR/DLW140	STATO/DLW140	1.241.028	8%
17874	629378-8	STATOR COMPLETE/DUC254	STATO/DUC254	833.436	8%
17875	629380-1	DC MOTOR/UH353D	CUM MOTOR/UH353D	380.160	8%
17876	629381-9	STATOR/DVC265	STATO/DVC265	293.112	8%
17877	629385-1	STATOR/DVC750L	STATO/DVC750L	192.348	8%
17878	629386-9	DC MOTOR/DGP180	CUM MOTOR/DGP180	714.420	8%
17879	629391-6	STATOR/DPO500	STATO/DPO500	489.996	8%
17880	629393-2	STATOR/DHR182	STATO/DHR182	274.752	8%
17881	629395-8	DC MOTOR/DF333	CUM MOTOR/DF333	256.500	8%
17882	629396-6	STATOR/DUT130	STATO/DUT130	1.308.960	8%
17883	629397-4	DC MOTOR/DUP362	CUM MOTOR/DUP362	14.969.448	8%
17884	629398-2	STATOR/TW160D	STATO/TW160D	201.528	8%
17885	629402-7	DC MOTOR/DPB182	CUM MOTOR/DPB182	1.236.384	8%
17886	629408-5	DC MOTOR/DFN350	CUM MOTOR/DFN350	412.128	8%
17887	629409-3	STATOR/DSL800	STATO/DSL800	207.360	8%
17888	629411-6	DC MOTOR/WR100D	CUM MOTOR/WR100D	334.368	8%
17889	629414-0	STATOR/DHW080	STATO/DHW080	773.280	8%
17890	629417-4	STATOR/DTDA040	STATO/DTDA040	297.648	8%
17891	629418-2	STATOR/DTDA040	STATO/DTDA040	329.724	8%
17892	629433-6	DC MOTOR/DLM380	CUM MOTOR/DLM380	3.201.120	8%
17893	629434-4	DC MOTOR/DLM431	CUM MOTOR/DLM431	3.201.120	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17894	629443-3	STATOR/DUR369	STATO/DUR369	1.190.592	8%
17895	629448-3	STATOR/SC103D	STATO/SC103D	280.800	8%
17896	629451-4	STATOR/DHK180	STATO/DHK180	1.084.320	8%
17897	629453-0	STATOR/DKP181	STATO/DKP181	712.800	8%
17898	629454-8	STATOR/HR001G	STATO/HR001G	279.396	8%
17899	629456-4	STATOR UNIT/DTW285XVZ	STATO/DTW285XVZ	2.678.832	8%
17900	629458-0	STATOR COMPLETE/GA003	STATO/GA003	4.615.920	8%
17901	629459-8	STATOR COMPLETE/GA008G	BO MACH/GA008G	5.202.036	8%
17902	629462-9	STATOR/DHS900	STATO/DHS900	1.097.280	8%
17903	629464-5	STATOR/TD001G	STATO/TD001G	206.064	8%
17904	629465-3	STATOR/DLM530	STATO/DLM530	2.362.932	8%
17905	629469-5	DC MOTOR/DLM160	CUM MOTOR/DLM160	609.120	8%
17906	629470-0	STATOR/JR001	STATO/JR001	883.872	8%
17907	629471-8	STATOR/URI01C	STATO/URI01C	924.480	8%
17908	629473-4	STATOR COMPLETE/DUB363	STATO/DUB363	1.282.176	8%
17909	629476-8	STATOR COMPLETE/HP001G	STATO/HP001G	5.710.284	8%
17910	629477-6	STATOR/DTW300	STATO/DTW300	168.480	8%
17911	629479-2	STATOR/HS003G	STATO/HS003G	1.099.008	8%
17912	629480-7	STATOR COMPLETE/GA011G	STATO/GA011G	4.593.024	8%
17913	629482-3	STATOR/DPB183	STATO/DPB183	325.188	8%
17914	629484-9	DC MOTOR/DUB185	MOTOR/DUB185	760.212	8%
17915	629491-2	STATOR/DVC156	STATO/DVC156	224.424	8%
17916	629492-0	STATOR/DCE090	STATO/DCE090	2.252.988	8%
17917	629498-8	STATOR COMPLETE/GA021G	STATO/GA021G	4.922.640	8%
17918	629794-4	DC MOTOR/MT060	CUM MOTOR/MT060	247.320	8%
17919	629795-2	DC MOTOR/MT062	CUM MOTOR/MT062	276.480	8%
17920	629798-6	DC MOTOR/MT063	CUM MOTOR/MT063	293.112	8%
17921	629801-3	DC MOTOR 7.2V/6012D	DC MOTOR 7.2V/6012D	329.724	8%
17922	629807-1	DC MOTOR/MT065	CUM MOTOR/MT065	531.252	8%
17923	629813-6	DC MOTOR/MT066	CUM MOTOR/MT066	315.360	8%
17924	629815-2	DC MOTOR/6261DWE	CUM MOTOR/6261DWE	499.176	8%
17925	629817-8	DC MOTOR/6271DWE	CUM MOTOR/6271DWE	320.544	8%
17926	629823-3	DC MOTOR/8281D	CUM MOTOR/8281D	203.040	8%
17927	629834-8	DC MOTOR/DDF453	CUM MOTOR/DDF453	618.192	8%
17928	629836-4	DC MOTOR/DVR450Z	CUM MOTOR/DVR450Z	892.944	8%
17929	629846-1	DC MOTOR/DTL061	CUM MOTOR/DTL061	641.088	8%
17930	629851-8	DC MOTOR/TD090D	CUM MOTOR/TD090D	338.904	8%
17931	629853-4	DC MOTOR/DF030D	CUM MOTOR/DF030D	361.800	8%
17932	629854-2	DC MOTOR/DF010D	CUM MOTOR/DF010D	201.528	8%
17933	629865-7	DC MOTOR/CL100D	CUM MOTOR/CL100D	210.708	8%
17934	629877-0	DC MOTOR/UH200D	CUM MOTOR/UH200D	297.648	8%
17935	629885-1	DC MOTOR/CC300D	CUM MOTOR/CC300D	1.044.144	8%
17936	629898-2	DC MOTOR/BDF343	CUM MOTOR/BDF343	393.876	8%
17937	629900-1	DC MOTOR/DHP343	CUM MOTOR/DHP343	393.876	8%
17938	629904-3	DC MOTOR/TW100D	CUM MOTOR/TW100D	334.368	8%
17939	629914-0	DC MOTOR/JR102D	CUM MOTOR/JR102D	439.668	8%
17940	629924-7	DC MOTOR/6280D	CUM MOTOR/6280D	302.292	8%
17941	629926-3	DC MOTOR/JV100D	CUM MOTOR/JV100D	650.268	8%
17942	629930-2	DC MOTOR/BUH523	CUM MOTOR/BUH523	622.836	8%
17943	629933-6	DC MOTOR/LM430D	CUM MOTOR/LM430D	2.976.480	8%
17944	629937-8	DC MOTOR/DF457D	CUM MOTOR/DF457D	558.684	8%
17945	629943-3	DC MOTOR/DUM604	CUM MOTOR/DUM604	306.828	8%
17946	629952-2	DC MOTOR/DBO180	CUM MOTOR/DBO180	609.120	8%
17947	629959-8	STATOR/DTD129	STATO/DTD129	293.112	8%
17948	629960-3	STATOR/DDF459	STATO/DDF459	272.160	8%
17949	629962-9	DC MOTOR/HP330D	CUM MOTOR/HP330D	338.904	8%
17950	629973-4	DC MOTOR/M6901D	CUM MOTOR/M6901D	531.252	8%
17951	629978-4	DC MOTOR/DA330D	CUM MOTOR/DA330D	41.040	8%
17952	629981-5	DC MOTOR/VC3211M	CUM MOTOR/VC3211M	219.888	8%
17953	629985-7	STATOR/BUR182U	STATO/BUR182U	1.795.068	8%
17954	629994-6	DC MOTOR/DPB181	CUM MOTOR/DPB181	1.186.056	8%
17955	629996-2	STATOR/DJV181	STATO/DJV181	599.940	8%
17956	629998-8	STATOR/DJV182	STATO/DJV182	375.516	8%
17957	629999-6	STATOR/DDF480	STATO/DDF480	311.472	8%
17958	629A00-3	STATOR COMPLETE/GA027G	STATO/GA027G	4.908.924	8%
17959	629A06-1	STATOR COMPLETE/DTW700	STATO/DTW700	2.816.208	8%
17960	629A08-7	STATOR COMPLETE/DCO181	STATO/DCO181	2.665.440	8%
17961	629A10-0	STATOR/DVC560	STATO/DVC560	297.648	8%
17962	629A11-8	DC MOTOR/DVCS60	CUM MOTOR/DVCS60	3.127.680	8%
17963	629A12-6	STATOR/DUA300	STATO/DUA300	924.480	8%
17964	629A13-4	STATOR/TW004G	STATO/TW004G	283.932	8%
17965	629A15-0	STATOR/UB001C	STATO/UB001C	975.456	8%
17966	629A16-8	STATOR UNIT/TW001G	STATO/TW001G	6.809.292	8%
17967	629A17-6	DC MOTOR/DLM382	CUM MOTOR/DLM382	3.351.996	8%
17968	629A18-4	DC MOTOR/DLM432	CUM MOTOR/DLM432	4.464.720	8%
17969	629A20-7	DC MOTOR/UB100D	CUM MOTOR/UB100D	517.536	8%
17970	629A21-5	STATOR/DFT020F	STATO/DFT020F	966.276	8%
17971	629A22-3	STATOR/DUR192L	STATO/DUR192L	270.216	8%
17972	629A24-9	STATOR/DBS180	STATO/DBS180	1.369.224	8%
17973	629A25-7	STATOR/UX01G	STATO/UX01G	929.664	8%
17974	629A26-5	STATOR/LS002G	STATO/LS002G	892.944	8%
17975	629A27-3	STATOR/HR006G	STATO/HR006G	1.112.832	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
17976	629A28-1	STATOR/DUX18	STATO/DUX18	270.216	8%
17977	629A32-0	DC MOTOR/DWR180	CUM MOTOR/DWR180	343.440	8%
17978	629A35-4	STATOR/DF002G	STATO/DF002G	228.960	8%
17979	629A36-2	STATOR/DPV300	STATO/DPV300	274.752	8%
17980	629A37-0	STATOR/DPV300	STATO/DPV300	259.200	8%
17981	629A38-8	STATOR/GA037G	STATO/GA037G	1.053.216	8%
17982	629A39-6	STATOR/DCC500	STATO/DCC500	824.256	8%
17983	629A40-1	STATOR/RS002G	STATO/RS002G	590.760	8%
17984	629A41-9	STATOR/DHP487	STATO/DHP487	196.992	8%
17985	629A44-3	STATOR/DTD157	STATO/DTD157	201.528	8%
17986	629A45-1	STATOR/RS001G	STATO/RS001G	1.176.876	8%
17987	629A46-9	MOTOR ASSEMBLY/CL001G	MOTOR/CL001G	2.459.052	8%
17988	629A49-3	STATOR/UB001G	STATO/UB001G	279.396	8%
17989	629A56-6	STATOR/DTM52/XMT04	STATO/DTM52	210.708	8%
17990	629A57-4	STATOR/DFR452	STATO/DFR452	403.056	8%
17991	629A60-5	STATOR/DDA450	STATO/DDA450	847.152	8%
17992	629A61-3	DC MOTOR/DUN461W	CUM MOTOR/DUN461W	352.620	8%
17993	629A63-9	DC MOTOR/DUN461W	CUM MOTOR/DUN461W	398.412	8%
17994	629A72-8	STATOR COMPLETE/TW007G	STATO/TW007G	4.304.448	8%
17995	629A75-2	STATOR/UH004G	STATO/UH004G	338.904	8%
17996	629A76-0	STATOR/LS003G	STATO/LS003G	1.067.040	8%
17997	629A80-9	STATOR/TD112D	STATO/TD112D	196.992	8%
17998	629A81-7	STATOR/SP001G	STATO/SP001G	1.044.144	8%
17999	629A82-5	STATOR/UR012G	STATO/UR012G	2.252.988	8%
18000	629A83-3	STATOR 36V/VC001GL	STATO/VC001GL	283.932	8%
18001	629A85-9	STATOR/UC004G	STATO/UC004G	590.760	8%
18002	629A87-5	STATOR/LM001J	STATO/LM001J	2.156.868	8%
18003	629A88-3	DC MOTOR/DLM480	CUM MOTOR/DLM480	5.925.528	8%
18004	629A89-1	STATOR/HR007G	STATO/HR007G	274.752	8%
18005	629A91-4	MOTOR ASSEMBLY/AS001G	MOTOR/AS001G	2.742.984	8%
18006	629A92-2	STATOR/CE001G	STATO/CE001G	1.396.656	8%
18007	629A94-8	STATOR/DFT060T	STATO/DFT060T	1.314.252	8%
18008	629A95-6	DC MOTOR/DLM230	CUM MOTOR/DLM230	2.578.176	8%
18009	629A96-4	STATOR/HR008G	STATO/HR008G	1.012.068	8%
18010	629A97-2	STATOR/UA001G	STATO/UA001G	1.034.964	8%
18011	629A98-0	STATOR/DTW300	STATO/DTW300	224.424	8%
18012	629A99-8	STATOR/PT001G	STATO/PT001G	302.292	8%
18013	629B00-9	STATOR/UC012G	STATO/UC012G	1.415.016	8%
18014	629B03-3	STATOR/PB002G	STATO/PB002G	1.405.836	8%
18015	629B05-9	DC MOTOR/DBO480	CUM MOTOR/DBO480	407.592	8%
18016	629B10-6	STATOR COMPLETE/PV001G	STATO/PV001G	5.870.556	8%
18017	629B14-8	STATOR/DJV184	STATO/DJV184	192.348	8%
18018	629B15-6	STATOR/KP001G	STATO/KP001G	860.976	8%
18019	629B16-4	STATOR/VC008G	STATO/VC008G	224.424	8%
18020	629B21-1	STATOR/VR001G	STATO/VR001G	224.424	8%
18021	629B23-7	STATOR/DMC300	STATO/DMC300	242.784	8%
18022	629B24-5	STATOR/DUH606	STATO/DUH606	210.708	8%
18023	629B33-4	STATOR/DFT087F	STATO/DFT087F	1.236.384	8%
18024	629B35-0	STATOR COMPLETE/PP001G	STATO/PP001G	5.215.752	8%
18025	629B59-6	STATOR COMPLETE/DTW1001	STATO/DTW1001	343.440	8%
18026	629B61-9	STATOR COMPLETE/DGA404/DGA404	STATO/DGA404	338.904	8%
18027	629B62-7	STATOR/DUC307	STATO/DUC307	343.440	8%
18028	629B64-3	STATOR/JV001G	STATO/JV001G	270.216	8%
18029	629B65-1	STATOR/DJR189	STATO/DJR189	215.244	8%
18030	629B69-3	STATO/DSP601	STATO/DSP601	343.440	8%
18031	629B70-8	STATOR/DCO181	STATO/DCO181	403.056	8%
18032	629B71-6	STATOR/DHK180	STATO/DHK180	398.412	8%
18033	629B72-4	STATOR/DRT50	STATO/DRT50	338.904	8%
18034	629B73-2	STATOR/DUB362	STATO/DUB362	343.440	8%
18035	629B75-8	STATOR/VC006GM	STATO/VC006GM	957.096	8%
18036	629B77-4	DC MOTOR/VC006GM	CUM MOTOR/VC006GM	242.784	8%
18037	629B80-5	STATOR/DGA700	STATO/DGA700	522.072	8%
18038	629B81-3	STATOR COMPLETE/HS012G	STATO/HS012G	4.103.028	8%
18039	629B82-1	STATOR COMPLETE/HR010G	STATO/HR010G	4.327.344	8%
18040	629B84-7	STATOR/LM001G	STATO/LM001G	947.916	8%
18041	629B85-5	STATOR/LM001G	STATO/LM001G	1.053.216	8%
18042	629B87-1	MOTOR ASSEMBLY/DCL283F	MOTOR/DCL283F	2.317.140	8%
18043	629B88-9	STATOR/UT001G	STATO/UT001G	1.469.988	8%
18044	629B89-7	DC MOTOR/DUR193	CUM MOTOR/DUR193	430.488	8%
18045	629B90-2	STATOR COMPLETE/UB002C	STATO/UB002C	874.692	8%
18046	629B91-0	STATOR/UC100D	STATO/UC100D	196.992	8%
18047	629B92-8	STATOR/UC100D	STATO/UC100D	201.528	8%
18048	629B95-2	DC MOTOR/DUH507	CUM MOTOR/DUH507	343.440	8%
18049	629B96-0	STATOR/UR013G	STATO/UR013G	778.464	8%
18050	629B97-8	STATOR/ST001G	STATO/ST001G	306.828	8%
18051	629B98-6	STATOR COMPLETE/DHP489	STATO/DHP489	2.541.456	8%
18052	629B99-4	MOTOR ASSEMBLY/DAS180	CUM MOTOR/DAS180	2.591.892	8%
18053	629C02-1	STATOR/DHS780	STATO/DHS780	508.356	8%
18054	629C04-7	STATOR/DCS553	STATO/DCS553	348.084	8%
18055	629C07-1	DC MOTOR/UP100D	CUM MOTOR/UP100D	24.727.680	8%
18056	629C08-9	STATOR/TD003G	STATO/TD003G	206.064	8%
18057	629C09-7	STATOR/PM001G	STATO/PM001G	938.736	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18058	629C11-0	STATOR/GA048G	STATO/GA048G	1.062.396	8%
18059	629C12-8	STATOR/DHW080	STATO/DHW080	329.724	8%
18060	629C15-2	STATOR/DUA300	STATO/DUA300	586.224	8%
18061	629C16-0	STATOR/DCS551	STATO/DCS551	343.440	8%
18062	629C18-6	STATOR/DHR183	STATO/DHR183	242.784	8%
18063	629C25-9	DC MOTOR/RM350D	MÔ TƠ/RM350D	3.150.576	8%
18064	629C26-7	DC MOTOR/RM350D	MÔ TƠ/RM350D	728.136	8%
18065	629C27-5	STATOR/DTWA260	STATO/DTWA260	329.724	8%
18066	629C28-3	STATOR/UV001G	STATO/UV001G	1.378.404	8%
18067	629C29-1	STATOR/VC010G	STATO/VC010G	297.648	8%
18068	629C30-6	STATOR/VS001G	STATO/VS001G	270.216	8%
18069	629C31-4	STATOR/VS001G	STATO/VS001G	192.348	8%
18070	629C35-6	DC MOTOR/DUP180	CỤM MOTOR/DUP180	21.407.760	8%
18071	629C40-3	STATOR/HW001G	STATO/HW001G	925.020	8%
18072	629C42-9	DC MOTOR/LM004G	CỤM MOTOR/LM004G	3.159.648	8%
18073	629C44-5	STATOR/DTW1004	STATO/DTW1004	480.816	8%
18074	629C56-8	STATOR/VC011G/VC012G	STATO/VC011G	279.396	8%
18075	629C57-6	STATOR/DFL303F	STATO/DFL303F	1.254.744	8%
18076	629C60-7	STATOR/UC021G	STATO/UC021G	673.164	8%
18077	629C63-1	STATOR/UB004C	STATO/UB004C	1.030.320	8%
18078	629C64-9	STATOR/HM004G	STATO/HM004G	1.602.720	8%
18079	629C70-4	STATOR/CE003G	STATO/CE003G	590.760	8%
18080	629C71-2	STATOR/DRT52	STATO/DRT52	270.216	8%
18081	629C73-8	MOTOR ASSEMBLY/DTM52	CUM MOTOR/DTM52	2.340.036	8%
18082	629C79-6	STATOR/TM001G	STATO/TM001G	242.784	8%
18083	629C80-1	STATOR/PS001G	STATO/PS001G	329.724	8%
18084	629C86-9	STATOR/HS013G	STATO/HS013G	746.496	8%
18085	629C87-7	STATOR/TD004G	STATO/TD004G	343.440	8%
18086	629C88-5	STATOR/UC029G	STATO/UC029G	247.320	8%
18087	629C99-0	STATOR/JR003G/GD001G/GD002G	STATO/JR003G/GD001G/GD002G	366.336	8%
18088	629D06-9	DC MOTOR/UB002G	MÔ TƠ/UB002G	563.328	8%
18089	629D10-8	STATOR/TR001G	STATO/TR001G	289.440	8%
18090	629D11-6	STATOR/TR001G	STATO/TR001G	293.760	8%
18091	629D18-2	MOTOR ASSEMBLY/CL004G	MÔ TƠ/CL004G	2.207.196	8%
18092	629D24-7	STATOR/UC030G	STATO/UC030G	1.628.640	8%
18093	629D26-3	STATOR COMPLETE/DHP486	STATO/DHP486	2.462.400	8%
18094	629D39-4	DC MOTOR/DUP181	MÔ TƠ/DUP181	1.313.280	8%
18095	629D46-7	STATOR COMPLETE/DDF486	STATO/DDF486	2.527.740	8%
18096	629D60-3	STATOR/DTD201/XDT21	STATO/DTD201/XDT21	190.080	8%
18097	630999-1	CONTROLLER/DUP362	BỘ ĐIỀU KHIỂN/DUP362	9.521.280	8%
18098	630A38-3	ADP07 AC ADAPTER SET/DF001D/DF001D	CỤC SẠC PIN/DF001D	159.840	8%
18099	631011-0	DIODE S3V60ZM-H/9207SPB	DI OT S3/9207SPB	343.440	8%
18100	631227-7	CONTROLLER 200-250V/9237C	BO MẠCH/9237C	1.327.968	8%
18101	631371-0	PILOT LAMP COMPLETE/2012NB	ĐÈN BẢO/2012NB	210.708	8%
18102	631382-5	CONTROLLER/9563C	BO MẠCH/9563C	1.488.240	8%
18103	631402-5	CONTROLLER/GD0800C	BO MẠCH/GD0800C	1.895.832	8%
18104	631424-5	CONTROLLER/BO6030	BỘ ĐIỀU KHIỂN/BO6030	581.580	8%
18105	631427-9	CONTROLLER/PV7001C	BO MẠCH/PV7001C	2.198.016	8%
18106	631429-5	CONTROLLER/GV7000C	BO MẠCH/GV7000C	1.859.220	8%
18107	631492-8	CONTROLLER/SG1250	BO MẠCH/SG1250	1.442.880	8%
18108	631513-6	LED CIRCUIT/BFT080F	MẠCH ĐÈN LED/BFT080F	334.368	8%
18109	631514-4	BUZZER CIRCUIT/BFT080F	MẠCH Còi BAO/BFT080F	288.576	8%
18110	631532-2	CIRCUIT BOARD/DC1850	MẠCH SẠC/DC1850	567.864	8%
18111	631534-8	CONTROLLER/HP2070	BO MẠCH/HP2070	1.314.252	8%
18112	631550-0	LED CIRCUIT/BCS550	ĐÈN BẢO/BCS550	181.440	8%
18113	631553-4	SOFT START CIRCUIT/4112HS	BO MẠCH ĐIỆN TỬ/4112HS	1.259.280	8%
18114	631613-2	SOFT START CIRCUIT/2704	BO MẠCH/2704	604.476	8%
18115	631622-1	LED CIRCUIT/DFL301F	ĐÈN LED/DFL301F	279.396	8%
18116	631639-4	CONTROLLER/2107F	BO MẠCH/2107F	650.268	8%
18117	631641-7	LIGHT CIRCUIT/2107F	BỘ ĐÈN BẢO/2107F	1.213.488	8%
18118	631651-4	CONTROLLER/JR3070CT	BO MẠCH/JR3070CT	1.176.876	8%
18119	631653-0	CONTROLLER/JR3060T	BO MẠCH/JR3060T	673.164	8%
18120	631657-2	CONTROLLER/HR4011C	BO MẠCH/HR4011C	1.291.356	8%
18121	631671-8	PILOT LAMP/HM1810	ĐÈN BẢO/HM1810	203.040	8%
18122	631672-6	CONTROLLER/MT400	BO MẠCH/MT400	224.424	8%
18123	631677-6	CONTROLLER/9032	BO MẠCH/9032	480.816	8%
18124	631678-4	CONTROLLER/4304	BO MẠCH/4304	480.816	8%
18125	631689-9	LED CIRCUIT/DJR181	ĐÈN LED/DJR181	270.216	8%
18126	631693-8	LIGHT CIRCUIT/DTW251	ĐÈN LED/DTW251	219.888	8%
18127	631706-5	PILOT LAMP/UT1305	ĐÈN LED/UT1305	159.840	8%
18128	631714-6	LED CIRCUIT/BJS160	ĐÈN BẢO/BJS160	178.632	8%
18129	631719-6	CONTROLLER/UC4051A	BO MẠCH/UC4051A	915.840	8%
18130	631727-7	CONTROLLER/HR5211C	BO MẠCH/HR5211C	1.689.768	8%
18131	631729-3	CONTROLLER/CA5000	BO MẠCH/CA5000	1.657.692	8%
18132	631737-4	CONTROLLER/KP0810C	BO MẠCH/KP0810C	709.776	8%
18133	631738-2	LIGHT CIRCUIT/DTW450	ĐÈN LED/DTW450	343.440	8%
18134	631742-1	CONTROLLER/HR4030C	BO MẠCH/HR4030C	1.167.696	8%
18135	631744-7	LIGHT CIRCUIT/DJV180	ĐÈN BẢO/DJV180	178.632	8%
18136	631746-3	LIGHT CIRCUIT/HR2470F	ĐÈN LED/HR2470F	160.272	8%
18137	631751-0	CONTROLLER/HR4511C	BO MẠCH/HR4511C	1.277.640	8%
18138	631755-2	POWER SUPPLY CIRCUIT/DFL201F	DÂY ĐIỆN/DFL201F	471.744	8%
18139	631764-1	LED CIRCUIT/DFL201F	ĐÈN LED/DFL201F	279.396	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18140	631766-7	CONTROLLER/4350FCT	BO MẠCH/4350FCT	1.158.624	8%
18141	631768-3	CONTROLLER/4350CT	BO MACH/4350CT	1.186.056	8%
18142	631784-5	CONTROLLER/HR3200C	BO MACH/HR3200C	1.630.260	8%
18143	631792-6	LIGHT CIRCUIT/DHR202	MACH ĐÈN/DHR202	160.272	8%
18144	631799-2	CONTROLLER/PC5000C	BO MACH/PC5000C	1.034.964	8%
18145	631811-8	CONTROLLER/DF010D	BO MACH/DF010D	796.824	8%
18146	631813-4	LED CIRCUIT/DF030D	ĐÈN LED/DF030D	95.040	8%
18147	631814-2	LED CIRCUIT/DDA340	ĐÈN BAO/DDA340	178.632	8%
18148	631826-5	CHARGING CIRCUIT/DC18SE	MACH/DC18SE	2.633.040	8%
18149	631836-2	CHARGING CIRCUIT COMPLETE/DC10WA	MACH/DC10WA	1.227.312	8%
18150	631847-7	CONTROLLER/9565CVR	BO MACH/9565CVR	1.058.400	8%
18151	631862-1	LED CIRCUIT/RP2301FC	MACH LED/RP2301FC	228.960	8%
18152	631865-5	CONTROLLER/LS1016	BO MACH/LS1016	783.108	8%
18153	631869-7	CONTROLLER/HM1203C	BO MACH/HM1203C	1.117.368	8%
18154	631871-0	CONTROLLER/HM1213C	BO MACH/HM1213C	1.392.120	8%
18155	631873-6	LIGHT CIRCUIT/TD0101F	MACH ĐÈN LED/TD0101F	228.960	8%
18156	631898-0	CONTROLLER/DVF154	BO MACH/DVF154	816.480	8%
18157	631906-7	CONTROLLER/BO3711	BO MACH/BO3711	544.968	8%
18158	631908-3	POWER SUPPLY CIRCUIT/LS1219L	MACH NGUỒN ĐIỆN/LS1219L	526.608	8%
18159	631922-9	SUB CONTROLLER/DVC860L	BO MACH/DVC860L	196.992	8%
18160	631930-0	CONTROLLER/HM0870C	BO MACH/HM0870C	1.172.340	8%
18161	631932-6	CONTROLLER/HM0871C	BO MACH/HM0871C	1.451.628	8%
18162	631937-6	LIGHT CIRCUIT/HR2611F	MACH ĐÈN/HR2611F	164.916	8%
18163	631939-2	LIGHT CIRCUIT/FS2500	MACH LED/FS2500	155.520	8%
18164	631944-9	CONTROLLER/GA7020R	BO MACH/GA7020R	838.080	8%
18165	631946-5	CONTROLLER/GA7030R	BO MACH/GA7030R	1.080.756	8%
18166	631956-2	CONTROLLER/BO5041	BO MACH/BO5041	489.996	8%
18167	631971-6	CONTROLLER/BUC250	BO MACH/BUC250	1.190.592	8%
18168	631973-2	SWITCH UNIT/BUH360	CÔNG TÁC/BUH360	160.272	8%
18169	631988-9	CONTROLLER/BUH550	BO MACH/BUH550	1.058.400	8%
18170	631997-8	MOTOR CONTROL UNIT/DFL201F	BO MACH/DFL201F	15.212.124	8%
18171	631998-6	MOTOR CONTROL UNIT/DFL301F	BO MACH/DFL301F	15.212.124	8%
18172	632073-1	TERMINAL BASE COMPLETE 55C/6501	Ổ CHỐI THAN/6501	116.640	8%
18173	632673-7	SUPPORT COMPLETE/5806B	ĐỂ RÁP THAN/5806B	108.000	8%
18174	632783-0	LEAD UNIT/9237C	GHIM NỔI ĐIỆN/9237C	27.540	8%
18175	632799-5	SUPPORT UNIT/LC1230	GIÁ ĐỖ/LC1230	256.500	8%
18176	632828-4	YOKE UNIT/DHR263	STATO/DHR263	499.176	8%
18177	632999-7	SWITCH BLOCK/9563C	BỘ CÔNG TÁC/9563C	196.992	8%
18178	632A23-2	SWITCH UNIT/DDF453	CÔNG TÁC/DDF453	760.212	8%
18179	632A24-0	SWITCH UNIT/BDF343	CÔNG TÁC/BDF343	654.912	8%
18180	632A38-9	SWITCH UNIT/M6901D	CÔNG TÁC/M6901D	567.864	8%
18181	632A39-7	STATOR UNIT/BDI136	STATO/BDI136	3.503.088	8%
18182	632A40-2	STATOR UNIT/DTD147	STATO/DTD147	3.503.088	8%
18183	632A58-3	LEAD UNIT/RBC411U	DÂY DẪN GIM ĐIỆN/RBC411U	4.320	8%
18184	632A59-1	LEAD UNIT/RBC411U	DÂY DẪN/RBC411U	4.320	8%
18185	632A68-0	LEAD UNIT/VC3211M	DÂY GHIM ĐIỆN/VC3211M	36.720	8%
18186	632A69-8	BRUSH HOLDER COMPLETE/TD091D	Ổ CHỐI THAN/TD091D	91.584	8%
18187	632A84-2	BRUSH HOLDE UNIT/HR4013C	Ổ CHỐI THAN/HR4013C	270.216	8%
18188	632A91-5	BRUSH HOLDER COMPLETE/BT074	Ổ CHỐI THAN/BT074	73.332	8%
18189	632A96-5	SWITH UNIT/DJV181	CÔNG TÁC/DJV181	929.664	8%
18190	632A97-3	SWITCH CORD/EA3601F	DÂY CÔNG TÁC/EA3601F	38.880	8%
18191	632A98-1	EARTH CORD/EA3601F	CẦN GẠT/EA3601F	47.520	8%
18192	632B34-3	TERMINAL UNIT/DC18SF	ĐỂ GÁI PIN/DC18SF	696.060	8%
18193	632B56-3	SWITCH UNIT/DJV182	CÔNG TÁC/DJV182	815.184	8%
18194	632B58-9	STOP SWITCH UNIT/EM2550UH	CÔNG TÁC/EM2550UH	56.160	8%
18195	632B59-7	BRUSH HOLDER UNIT/HR5212C	Ổ CHỐI THAN/HR5212C	178.632	8%
18196	632B66-0	LEAD UNIT/DHS710	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/DHS710	82.512	8%
18197	632B67-8	SWITCH UNIT/JV143D	CÔNG TÁC/JV143D	508.356	8%
18198	632B69-4	YOKE UNIT/DTM51	STATO/DTM51	247.320	8%
18199	632B83-0	CONTROLLER UNIT/DPB180	BO MẠCH/DPB180	2.280.528	8%
18200	632B88-0	BRUSH HOLDER COMPLETE/DTM51	Ổ CHỐI THAN/DTM51	64.152	8%
18201	632B89-8	BRUSH HOLDER COMPLETE/DTM51	Ổ CHỐI THAN/DTM51	64.152	8%
18202	632B91-1	SWITCH UNIT/DDA340	CÔNG TÁC/DDA340	764.748	8%
18203	632B93-7	ENDBELL COMPLETE/DUB361	Ổ CHỐI THAN/DUB361	47.520	8%
18204	632C03-0	CONTROLLER UNIT/DPB181	BO MACH/DPB181	59.400	8%
18205	632C07-2	LEAD UNIT/EB7650TH	BỘ ĐẦU/EB7650TH	164.160	8%
18206	632C08-0	LEAD UNIT/EB7650TH	BỘ ĐẦU/EB7650TH	109.944	8%
18207	632C14-5	ENDBELL COMPLETE/DCO180	VỎ NỒNG/DCO180	51.840	8%
18208	632C15-3	LEAD UNIT/HR5212C	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/HR5212C	59.616	8%
18209	632D00-2	BRUSH HOLDER UNIT/HM1307C	Ổ CHỐI THAN/HM1307C	187.812	8%
18210	632D60-4	STATOR UNIT/DTD137	STATO/DTD137	3.338.280	8%
18211	632D61-2	STATOR UNIT/DTD148	STATO/DTD148	2.298.240	8%
18212	632D62-0	STATOR UNIT/DTW280	STATO/DTW280	3.841.992	8%
18213	632D63-8	STATOR UNIT/DTW281	STATO/DTW281	3.983.904	8%
18214	632D74-3	LEAD UNIT/EM3400U	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/EM3400U	4.320	8%
18215	632D81-6	SWITCH UNIT/DHS680	CÔNG TÁC/DHS680	398.412	8%
18216	632D94-7	SWITCH UNIT/DHR165	CÔNG TÁC/DHR165	828.900	8%
18217	632D96-3	ENDBELL COMPLETE/DHR165	Ổ CHỐI THAN/DHR165	59.616	8%
18218	632E01-6	BRUSH HOLDER UNIT/HM1812	Ổ CHỐI THAN/HM1812	17.280	8%
18219	632E11-3	TERMINAL UNIT/DC18RD	ĐỂ GÁI/DC18RD	1.140.264	8%
18220	632E12-1	SWITCH UNIT/DGA408	CÔNG TÁC/DGA408	215.244	8%
18221	632E22-8	CONTROLLER UNIT/CL183D	BO MẠCH/CL183D	233.604	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18222	632E26-0	SWITCH UNIT/DUR189	CÔNG TÁC/DUR189	256.500	8%
18223	632E35-9	SWITCH UNIT/DFL651F	CÔNG TÁC/DFL651F	14.040	8%
18224	632E36-7	STATOR UNIT/DCS551	STATO/DCS551	3.068.064	8%
18225	632E38-3	LEAD UNIT/EBH340U	DÂY GHIM ĐIỆN/EBH340U	21.600	8%
18226	632E39-1	LEAD UNIT/EPH1000X	DÂY ĐIỆN/EPH1000X	21.600	8%
18227	632E40-6	SWITCH UNIT/DUR365U	CÔNG TÁC/DUR365U	247.320	8%
18228	632E41-4	CABLE WITH PLUG/EK8100	NÚT CAO SU GIỮ DÂY/EK8100	7.560	8%
18229	632E44-8	SWITCH UNIT/DCS551	CÔNG TÁC/DCS551	398.412	8%
18230	632F21-6	BRUSH HOLDER COMPLETE/DDF482	Ổ CHỐI THAN/DDF482	324.000	8%
18231	632F22-4	BRUSH HOLDER COMPLETE/DDF482	Ổ CHỐI THAN/DDF482	151.200	8%
18232	632F23-2	BRUSH HOLDER COMPLETE/DTD152	Ổ CHỐI THAN/DTD152	206.064	8%
18233	632F41-0	SHORT-CIRCUIT CABLE/EA4301F	DÂY ĐIỆN CỎ GIM/EA4301F	5.400	8%
18234	632F44-4	LEAD WIRE/BHX2500	DÂY ĐIỆN KẾT NỐI/BHX2500	17.280	8%
18235	632F45-2	LEAD UNIT/BHX2500	DÂY ĐIỆN/BHX2500	17.280	8%
18236	632F47-8	SWITCH UNIT/JR105D	CÔNG TÁC/JR105D	929.664	8%
18237	632F74-5	SWITCH UNIT/GA7060	CÔNG TÁC/GA7060	283.932	8%
18238	632F77-9	SWITCH UNIT/GA7061R	CÔNG TÁC/GA7061R	389.232	8%
18239	632F82-6	LEAD UNIT/DLM431	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/DLM431	87.048	8%
18240	632F87-6	BRUSH HOLDER COMPLETE/DTD149	Ổ CHỐI THAN/DTD149	132.840	8%
18241	632F93-1	YOKE UNIT/DTD149	STATO/DTD149	164.160	8%
18242	632F97-3	LEAD UNIT/DVC860L	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/DVC860L	293.112	8%
18243	632G44-0	LEAD UNIT/EB7660TH	BỘ DẦU/EB7660TH	17.280	8%
18244	632G53-9	TERMINAL UNIT/DC10SB	ĐÈ GÁI/DC10SB	448.848	8%
18245	632G54-7	SWITCH UNIT/JV101D	CÔNG TÁC/JV101D	686.880	8%
18246	632G60-2	SWITCH UNIT/DPT353	CÔNG TÁC/DPT353	192.348	8%
18247	632G71-7	CURRENT FUSE UNIT/HW1200	CẦU CHÌ/HW1200	96.228	8%
18248	632G73-3	CURRENT FUSE UNIT/HW1300	CẦU CHÌ/HW1300	96.228	8%
18249	632H17-9	FUSE UNIT/CL100D	CẦU CHÌ/CL100D	45.792	8%
18250	632H18-7	FUSE UNIT/DCL180	CẦU CHÌ/DCL180	45.792	8%
18251	632H42-0	CONTROLLER UNIT/DCL182	BO MẠCH/DCL182	696.060	8%
18252	632H44-6	CONTROLLER UNIT/DCL182F	BO MẠCH/DCL182F	645.732	8%
18253	632H47-0	SWITCH UNIT/DUC353	CÔNG TÁC/DUC353	311.472	8%
18254	632H63-2	FUSE UNIT/CL106FD	GHIM NỐI ĐIỆN/CL106FD	50.436	8%
18255	632H65-8	TERMINAL UNIT/BTC04	BỘ GÁI PIN/BTC04	522.072	8%
18256	632H97-5	SWITCH UNIT/SD100D	CÔNG TÁC/SD100D	1.012.068	8%
18257	632J23-6	FIELD/DTW284	STATO/DTW284	2.765.880	8%
18258	632J24-4	STATOR UNIT/DTW285	STATO/DTW285	2.761.344	8%
18259	632J30-9	LEAD UNIT A/EB5300	DÂY ĐIỆN A/EB5300	17.280	8%
18260	632J31-7	LEAD UNIT A/EB5300TH	DÂY GHIM ĐIỆN/EB5300TH	4.320	8%
18261	632J50-3	LEAD UNIT B/EB5300	DÂY ĐIỆN B/EB5300	17.280	8%
18262	632J60-0	LEAD UNIT B/EB5300TH	DÂY GHIM ĐIỆN/EB5300TH	4.320	8%
18263	632J70-7	YOKE UNIT/DDF482	STATO/DDF482	274.752	8%
18264	632J71-5	YOKE/BHP456	STATO/BHP456	421.308	8%
18265	632J77-3	SWITCH UNIT/DF031D	CÔNG TÁC/DF031D	618.192	8%
18266	632J82-0	SWITCH UNIT/DTW190	CÔNG TÁC/DTW190	645.732	8%
18267	632J83-8	LEAD UNIT/DVC864L	DÂY GHIM ĐIỆN/DVC864L	96.228	8%
18268	632J90-1	CONTROLLER UNIT/DPT353	BO MẠCH/DPT353	1.529.496	8%
18269	632J92-7	CONTROLLER UNIT/PT354	BO MẠCH/PT354	1.607.364	8%
18270	632K06-2	SWITCH UNIT/DPT353	CÔNG TÁC/DPT353	215.244	8%
18271	632K10-1	CONTROLLER UNIT/UH201D	BO MẠCH/UH201D	61.560	8%
18272	632K18-5	SWITCH UNIT/DFT023F	CÔNG TÁC/DFT023F	206.064	8%
18273	632K38-9	BRUSH HOLDER UNIT/HR2651T	Ổ CHỐI THAN/HR2651T	160.272	8%
18274	632K41-0	BRUSH HOLDER UNIT/HR1841F	Ổ CHỐI THAN/HR1841F	183.168	8%
18275	632K43-6	TERMINAL UNIT/DC18RE	ĐÈ GÁI PIN/DC18RE	1.112.832	8%
18276	632K44-4	CONTROLLER UNIT/CL111D	BO MẠCH/CL111D	1.602.720	8%
18277	632K49-4	LEAD UNIT/DCU180	DÂY DẪN ĐIỆN/DCU180	338.904	8%
18278	632K50-9	LEAD UNIT/DCU180	DÂY DẪN ĐIỆN/DCU180	100.764	8%
18279	632K58-3	SWITCH UNIT/TL064D	CÔNG TÁC/TL064D	1.190.592	8%
18280	632K92-3	SWITCH UNIT/DRT50	CÔNG TÁC/DRT50	183.168	8%
18281	632K95-7	CONTROLLER UNIT/CG100D	BO MẠCH/CG100D	2.271.348	8%
18282	632K99-9	SWITCH BLOCK/GA4040C	BỘ CÔNG TÁC/GA4040C	174.096	8%
18283	632L09-2	SWITCH UNIT/DLS111	CÔNG TÁC/DLS111	219.888	8%
18284	632L18-1	BRUSH HOLDER COMPLETE/DTW250	Ổ CHỐI THAN/DTW250	114.480	8%
18285	632L22-0	LEAD UNIT/UR100D	THANH DẪN/UR100D	18.360	8%
18286	632L24-6	SWITCH BLOCK/GA4040	GIA ĐỒ CÔNG TÁC/GA4040	187.812	8%
18287	632L35-1	CONTROLLER UNIT/DCG180	BỘ ĐIỀU CHỈNH/DCG180	2.976.480	8%
18288	632L39-3	LEAD UNIT/DHR400	ĐẦU NỐI GIM ĐIỆN/DHR400	88.000	10%
18289	632L42-4	CONTROLLER UNIT/DPB181	BO MẠCH/DPB181	769.392	8%
18290	632L47-4	CONNECTOR UNIT/DHR400	ĐẦU KẾT NỐI/DHR400	436.320	8%
18291	632L48-2	SWITCH UNIT/DUC254	CÔNG TÁC/DUC254	320.544	8%
18292	632L49-0	SWITCH UNIT/DUC254	CÔNG TÁC/DUC254	206.064	8%
18293	632L80-6	SWITCH UNIT/DHS660	CÔNG TÁC/DHS660	242.784	8%
18294	632L84-8	SWITCH UNIT/DTD171	CÔNG TÁC/DTD171	219.888	8%
18295	632L87-2	CONNECTOR UNIT/DHR282	GHIM NỐI ĐIỆN/DHR282	338.904	8%
18296	632L91-1	CONTROLLER UNIT/HS301D	BO MẠCH/HS301D	865.512	8%
18297	632L94-5	SWITCH UNIT/DTR180	CÔNG TÁC/DTR180	270.216	8%
18298	632L95-3	LEAD UNIT/DHR280	DÂY ĐIỆN CỎ ĐẦU GIM/DHR280	59.616	8%
18299	632L96-1	MOTOR COMPLETE/TW140D	DC MOTOR/TW140D	462.564	8%
18300	632M06-4	SWITCH UNIT/TW140D	CÔNG TÁC/TW140D	709.776	8%
18301	632M22-6	CONTROLLER UNIT/DBO180	BO MẠCH/DBO180	801.360	8%
18302	632M46-2	CONTROLLER UNIT/BFL082F/BFL061F	BO MẠCHBFL082F/BFL061F	3.017.736	8%
18303	632M67-4	CONTROLLER UNIT/DRV250	BO MẠCH/DRV250	5.343.948	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18304	632M68-2	SWITCH UNIT/DCS553	CÔNG TẮC/DCS553	242.784	8%
18305	632M81-0	LEAD UNIT/DLM460	DÂY GHIM ĐIỆN/DLM460	155.736	8%
18306	632M90-9	SWITCH UNIT/DRV250	CÔNG TẮC/DRV250	215.244	8%
18307	632M92-5	SWITCH UNIT/DHS780	CÔNG TẮC/DHS780	242.784	8%
18308	632N32-9	CONTROLLER UNIT/CL121D	BO MẠCH/CL121D	737.316	8%
18309	632N35-3	CONTROLLER UNIT/WUT02	BỘ ĐIỀU KHIỂN/WUT02	3.974.400	8%
18310	632N37-9	CONTROLLER UNIT/DWT310	BO MẠCH/DWT310	6.378.912	8%
18311	632N38-7	CONTROLLER UNIT/DFN350	BO MẠCH/DFN350	1.923.264	8%
18312	632N57-3	SWITCH UNIT/DCL280F	CÔNG TẮC/DCL280F	436.320	8%
18313	632N59-9	BRUSH HOLDER UNIT/HR3001C	Ổ CHỖ THAN/HR3001C	343.440	8%
18314	632N61-2	SWITCH UNIT/DHW080	CÔNG TẮC/DHW080	274.752	8%
18315	632N91-3	CAPACITOR UNIT/DF0300	TỤ LỌC/DF0300	36.720	8%
18316	632N92-1	TERMINAL UNIT/ADP10	ĐÈ GÀI PIN/ADP10	645.732	8%
18317	632P18-5	CONTROLLER UNIT/DLM382	BO MẠCH/DLM382	1.723.680	8%
18318	632P20-8	CONTROLLER UNIT/DLM432	BO MẠCH/DLM432	1.736.640	8%
18319	632P24-0	FAN 40/DC40RA	QUẠT TẢN NHIỆT 40/DC40RA	366.336	8%
18320	632P25-8	FAN 40/DC40RA	QUẠT TẢN NHIỆT 40/DC40RA	366.336	8%
18321	632P49-4	TERMINAL UNIT/JR001	ĐÈ GÀI/JR001	210.708	8%
18322	632P52-5	HOLDER ARM UNIT/DF0300	Ổ THAN/DF0300	274.752	8%
18323	632P57-5	SWITCH UNIT/DTD156	CÔNG TẮC/DTD156	632.016	8%
18324	632P64-8	TERMINAL UNIT/HR001G	ĐÈ GÀI PIN/HR001G	206.064	8%
18325	632P65-6	TERMINAL UNIT/GA003	ĐÈ GÀI/GA003	201.528	8%
18326	632P71-1	SWITCH UNIT/DUN500	CÔNG TẮC/DUN500	219.888	8%
18327	632P74-5	LEAD UNIT/DLM533	ĐẦU NỐI ĐIỆN/DLM533	265.680	8%
18328	632P80-0	LEAD UNIT/DUB363	ĐÈN LED/DUB363	22.896	8%
18329	632P82-6	CONTROLLER UNIT/DRV250	BO MẠCH ĐIỀU KHIỂN/DRV250	5.380.560	8%
18330	632P83-4	LEAD UNIT/DCE090	ĐẦU NỐI ĐIỆN/DCE090	174.096	8%
18331	632P85-0	CONTROLLER UNIT/DST421	BO MẠCH/DST421	1.593.648	8%
18332	632P86-8	SWITCH UNIT/DST421	CÔNG TẮC/DST421	311.040	8%
18333	632P88-4	LEAD UNIT/HR3001C	DÂY DẪN ĐIỆN/HR3001C	18.360	8%
18334	632P89-2	LEAD UNIT/HR3001C	DÂY DẪN ĐIỆN/HR3001C	46.640	10%
18335	632R22-6	LEAD UNIT/DVC560	ĐẦU NỐI GHIM ĐIỆN/DVC560	219.230	10%
18336	632R23-4	LEAD UNIT/DVC560	ĐẦU NỐI GHIM ĐIỆN/DVC560	200.640	10%
18337	632R24-2	LEAD UNIT/DVC560	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/DVC560	192.348	8%
18338	632R30-7	SWITCH UNIT/DVC560	CÔNG TẮC/DVC560	370.980	8%
18339	632R60-8	SWITCH UNIT/UBI00D	CÔNG TẮC/UBI00D	700.704	8%
18340	632R64-0	LEAD UNIT/HR005G	ĐÈN/HR005G	125.950	10%
18341	632R65-8	BRUSH HOLDER UNIT/HM1511	Ổ CHỖ THAN/HM1511	325.188	8%
18342	632R68-2	SWITCH UNIT/DUB185	CÔNG TẮC/DUB185	448.848	8%
18343	632R80-2	SCIROCCO FAN/DC40RB	QUẠT LAM MÁT/DC40RB	1.405.836	8%
18344	632R81-0	FAN 60/DC40RB	CẢNH QUẠT 60/DC40RB	1.405.836	8%
18345	632R82-8	CONTROLLER UNIT/DUH523	BO MẠCH/DUH523	1.016.604	8%
18346	632R89-4	LEAD UNIT/HR006G	ĐẦU GHIM DÂY ĐIỆN/HR006G	187.812	8%
18347	632R92-5	CONTROLLER UNIT/CL106FD	BO MẠCH/CL106FD	361.800	8%
18348	632R94-1	CONTROLLER UNIT/CL107FD	BO MẠCH/CL107FD	691.524	8%
18349	632R96-7	SENSOR UNIT/RS002G	MẠCH CẢM BIẾN/RS002G	723.600	8%
18350	632R98-3	TERMINAL UNIT/HR006G	ĐÈ GÀI PIN/HR006G	206.064	8%
18351	632R99-1	TERMINAL UNIT/DF002G	ĐÈ GÀI PIN/DF002G	206.064	8%
18352	632S19-1	LEAD UNIT/DUM111	DÂY DẪN/DUM111	32.076	8%
18353	632S31-1	SWITCH UNIT/FN001G	CÔNG TẮC/FN001G	178.632	8%
18354	632S32-9	LEAD UNIT/CL001G	DÂY KẾT NỐI/CL001G	36.720	8%
18355	632S34-5	SWITCH UNIT/DTM52/XMT04	CÔNG TẮC/DTM52/XMT04	210.708	8%
18356	632S39-5	SWITCH UNIT/GA7070	CÔNG TẮC/GA7070	403.056	8%
18357	632S41-8	BRUSH HOLDER UNIT/HP2070	Ổ CHỖ THAN/HP2070	256.500	8%
18358	632S42-6	BRUSH HOLDER UNIT/DP4020	Ổ CHỖ THAN/DP4020	201.528	8%
18359	632S55-7	THERMAL PROTECTOR UNIT/DRC300	CẦU CHỈ NHIỆT/DRC300	196.992	8%
18360	632S56-5	THERMAL PROTECTOR UNIT/DRC300	CẦU CHỈ NHIỆT/DRC300	228.960	8%
18361	632S59-9	TERMINAL UNIT/LM001J	ĐÈ GÀI PIN/LM001J	250.560	8%
18362	632S61-2	TERMINAL UNIT/DC64WA	ĐÈ GÀI PIN/DC64WA	334.368	8%
18363	632S63-8	TERMINAL UNIT/UC004G	ĐÈ GÀI PIN/UC004G	183.168	8%
18364	632S80-8	CONTROLLER UNIT/DBO480	BO MẠCH/DBO480	1.241.028	8%
18365	632S88-2	LEAD UNIT/VC001GL	CHÂN KẾT NỐI/VC001GL	174.096	8%
18366	632T07-4	TERMINAL UNIT/UC012G	ĐÈ GÀI PIN/UC012G	183.168	8%
18367	632T08-2	TERMINAL UNIT/VC001GL	ĐÈ GÀI PIN/VC001GL	183.168	8%
18368	632T09-0	LEAD UNIT/UR012G	DÂY DẪN/UR012G	206.064	8%
18369	632T10-5	DISPLAY UNIT/DFT060T	MAN HÌNH HIỂN THỊ LỰC XIẾT/DFT060T	6.626.124	8%
18370	632T11-3	SWITCH UNIT/LM001J	CÔNG TẮC/LM001J	302.292	8%
18371	632T12-1	SWITCH UNIT/UH013G	CÔNG TẮC/UH013G	238.140	8%
18372	632T13-9	SWITCH UNIT/DCU601Z	CÔNG TẮC/DCU601Z	416.772	8%
18373	632T14-7	SWITCH UNIT/DCU601Z	CÔNG TẮC/DCU601Z	224.424	8%
18374	632T16-3	TERMINAL UNIT/DC18WC	ĐÈ GÀI PIN/DC18WC	334.368	8%
18375	632T17-1	SWITCH UNIT/TD002G	CÔNG TẮC/TD002G	293.112	8%
18376	632T19-7	LEAD UNIT/UC012G	DÂY CÁP ĐIỆN/UC012G	265.680	8%
18377	632T50-3	SWITCH UNIT/UC012G	CÔNG TẮC KHÓA AN TOÀN/UC012G	334.368	8%
18378	632T58-7	LEAD UNIT/CE001G	DÂY DẪN ĐIỆN/CE001G	334.368	8%
18379	632T59-5	SWITCH UNIT/DCU601/DCU602	CÔNG TẮC/DCU601/DCU602	306.828	8%
18380	632T61-8	SWITCH UNIT/CE001G	CÔNG TẮC/CE001G	320.544	8%
18381	632T84-6	SWITCH UNIT/DMC300	CÔNG TẮC/DMC300	228.960	8%
18382	632U16-9	YOKE UNIT/TD091D	STATO/TD091D	242.784	8%
18383	632U25-8	CONTROLLER UNIT/DLM382	BO MẠCH/DLM382	2.266.704	8%
18384	632U35-5	SWITCH UNIT/UR013G	CÔNG TẮC/UR013G	316.008	8%
18385	632U37-1	SWITCH UNIT/DTD173	CÔNG TẮC CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DTD173	242.784	8%
18386	632U38-9	SWITCH UNIT/ST001G	CÔNG TẮC/ST001G	293.112	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/NĐ-CP
18387	632U41-0	SWITCH UNIT/TW202D	CÔNG TẮC/TW202D	668.628	8%
18388	632U81-8	SWICTH UNIT/RM350D	CÔNG TẮC/RM350D	787.644	8%
18389	632V03-4	LEAD UNIT/VS001G	DÂY DẪN ĐIỆN/VS001G	119.124	8%
18390	632V04-2	LEAD UNIT/VS001G	DÂY DẪN ĐIỆN/VS001G	132.840	8%
18391	632V07-6	SWITCH UNIT/HW001G	CÔNG TẮC/HW001G	375.516	8%
18392	632V08-4	SWITCH UNIT/HW001G	CÔNG TẮC/HW001G	288.576	8%
18393	632V15-7	SENSOR UNIT/UC021G	BO MẠCH CAM BIẾN/UC021G	755.568	8%
18394	632V23-8	TERMINAL UNIT/UC021G	ĐÈ GÀI PIN/UC021G	233.604	8%
18395	632V24-6	TERMINAL UNIT/UN001G	ĐÈ GÀI PIN/UN001G	238.140	8%
18396	632V26-2	SWITCH UNIT/VS001G	CÔNG TẮC 6A/VS001G	348.084	8%
18397	632V43-2	SWITCH UNIT/UB004C	CÔNG TẮC 6A/UB004C	338.904	8%
18398	632V44-0	SWITCH UNIT/CE003G	CÔNG TẮC(CỎ MẠCH ĐIỆN TỬ)/CE003G	741.852	8%
18399	632V45-8	CHOKE COIL UNIT/DP4020/DP4021	CUỘN TỪ/DP4020/DP4021	41.256	8%
18400	632V46-6	CHOKE COIL UNIT/DP4020/DP4021	CUỘN TỪ/DP4020/DP4021	36.720	8%
18401	632V49-0	SWITCH UNIT/UN001G	CÔNG TẮC/UN001G	375.516	8%
18402	632V50-5	SWITCH UNIT/UN001G	CÔNG TẮC/UN001G	256.500	8%
18403	632V51-3	SWITCH UNIT/RP001G	CÔNG TẮC 6A/RP001G	247.320	8%
18404	632V58-9	SWITCH UNIT/UH020G/UH021G	CÔNG TẮC/UH020G/UH021G	691.524	8%
18405	632V59-7	SWITCH UNIT/UH020G/UH021G	CÔNG TẮC/UH020G/UH021G	421.308	8%
18406	632V62-8	TRAY UNIT A/BCC01/BCC02	VỎ CHỨA ĐÈ GÀI PIN/BCC01/BCC02	10.179.648	8%
18407	632V64-4	BRUSH HOLDER UNIT/HR2670	Ổ CHỐI THAN/HR2670	174.096	8%
18408	632V75-9	SWITCH UNIT/BS001G	CÔNG TẮC/BS001G	247.320	8%
18409	632V95-3	LEAD UNIT/BCC01	ĐẦU NỐI ĐIỆN/BCC01	201.528	8%
18410	632V96-1	SWITCH UNIT/PS001G	CÔNG TẮC/PS001G	407.592	8%
18411	632V97-9	SWITCH UNIT/UC029G	CÔNG TẮC 6A/UC029G	673.164	8%
18412	632W03-0	CHARGING CONNECTOR UNIT/BCC01/BCC02	ĐẦU KẾT NỐI SẠC/BCC01/BCC02	2.710.908	8%
18413	632W07-2	TERMINAL UNIT/UC029G	ĐÈ GÀI PIN/UC029G	219.888	8%
18414	632W19-5	CONTROLLER UNIT/UB002G	BO MẠCH/UB002G	1.657.692	8%
18415	632W33-1	SWITCH UNIT/HP488	CÔNG TẮC BOP/HP488	407.592	8%
18416	632W36-5	SWITCH UNIT/DJV186	CÔNG TẮC/DJV186	526.608	8%
18417	632W57-7	LEAD UNIT/VC014G	DÂY DẪN ĐIỆN/VC014G	100.764	8%
18418	632W63-2	SWITCH UNIT/TR001G	CÔNG TẮC/TR001G	358.560	8%
18419	632W77-1	TERMINAL UNIT/VC013G/VC014G	ĐÈ GÀI PIN/CL004G	206.064	8%
18420	633033-6	FIELD 220V/6501	STATO 220V/6501	518.400	8%
18421	633288-3	FIELD 220V/4304	STATO/4304	412.128	8%
18422	633323-7	FIELD 220V/6281	STATO/6281	444.960	8%
18423	633338-4	FIELD 220-240V/6307	STATO/6307	549.504	8%
18424	633393-6	FIELD 220-240V/9910	STATO/9910	549.504	8%
18425	633408-9	FIELD 220V-240V/4323	STATO/4323	274.752	8%
18426	633488-5	FIELD 220-240V/HR2020	STATO/HR2020	215.244	8%
18427	633493-2	FIELD 220V/HR2450T	STATO/HR2450T	215.244	8%
18428	633528-9	FIELD 220-240V/DP4010	STATO/DP4010	311.472	8%
18429	633533-6	FIELD 220V/HP1230	STATO/HP1230	187.812	8%
18430	633568-7	FIELD 220-240V/DP4020	STATO/DP4020	357.264	8%
18431	633573-4	FIELD 220-240V/HP2070	STATO/HP2070	480.816	8%
18432	633623-5	FIELD 220V/HR1830	STATO/HR1830	242.784	8%
18433	633658-6	FIELD 220-240V/4326	STATO/4326	274.752	8%
18434	633673-0	FIELD 220V/BO5030	STATO 220V/BO5030	297.648	8%
18435	633688-7	FIELD 220-240V/MT922	STATO/MT922	389.232	8%
18436	633693-4	FIELD 220-240V/FS2500	STATO/FS2500	206.064	8%
18437	633723-1	FIELD 220V/BO5041	STATO/BO5041	329.724	8%
18438	633733-8	FIELD 220-240V/MT431	STATO/MT431	283.932	8%
18439	633753-2	FIELD 220V/M0900B	STATO/M0900B	319.680	8%
18440	633768-9	FIELD 220V/RT0700C	STATO/RT0700C	228.960	8%
18441	633788-3	FIELD 220V/JV0600	STATO/JV0600	320.544	8%
18442	633793-0	FIELD 220-240V/MT870	STATO/MT870	233.604	8%
18443	633798-0	FIELD 220V/MT401	STATO/MT401	389.232	8%
18444	633813-0	FIELD 220V/MT653	STATO/MT653	32.400	8%
18445	633818-0	FIELD 220V/MT653	STATO/MT653	370.980	8%
18446	633879-0	FIELD 220-240V/GA4031	STATO/GA4031	494.640	8%
18447	633903-9	FIELD 220-240V/GA4030R	STATO 220-240V/GA4030R	467.100	8%
18448	633933-0	FIELD 220V/M6002	STATO/M6002	279.396	8%
18449	633978-8	FIELD 220V/MT871	STATO/MT871	215.244	8%
18450	633983-5	FIELD 220V/MT80A	STATO/MT80A	370.980	8%
18451	633988-5	FIELD 220V/MT60	STATO/MT60	334.368	8%
18452	633993-2	FIELD/HR1841F	STATO/HR1841F	247.320	8%
18453	634159-7	FIELD 240V/5740NB	STATO/5740NB	509.760	8%
18454	634178-3	FIELD 220V/6905H	STATO/6905H	894.240	8%
18455	634293-3	FIELD 220-240V/9237C	STATO/9237C	622.836	8%
18456	634408-2	FIELD 220-240V/BO6030	STATO/BO6030	448.848	8%
18457	634413-9	FIELD 220V/5806B	STATO/5806B	535.788	8%
18458	634463-4	FIELD 220V/BO4901	STATO/BO4901	613.656	8%
18459	634513-5	FIELD 220-240V/4131	RỔ TỎ/4131	741.852	8%
18460	634553-3	FIELD 220V/UT1305	STATO/UT1305	563.328	8%
18461	634728-4	FIELD 220V/MT980	STATO/MT980	439.668	8%
18462	634733-1	FIELD/GA4050	STATO/GA4050	773.928	8%
18463	634738-1	FIELD/DF0300	STATO/DF0300	293.112	8%
18464	634748-8	FIELD 220V/HM1511	STATO/HM1511	1.804.248	8%
18465	634773-9	FIELD/M3702	STATO/M3702	289.440	8%
18466	634848-4	FIELD 220V/GA9090	STATO/GA9090	792.288	8%
18467	634863-8	FIELD 220V/HR2670FT/HR2670	STATO/HR2670FT/HR2670	219.888	8%
18468	635013-8	FIELD 220V/JN1601	STATO/JN1601	453.384	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18469	635023-5	FIELD 220V/6951	STATO/6951	1.117.368	8%
18470	635033-2	FIELD 220V/6952	STATO/6952	1.250.208	8%
18471	635078-0	FIELD/DA3010	STATO/DA3010	480.816	8%
18472	635098-4	FIELD 220V/BO4557	STATO/BO4557	384.696	8%
18473	635103-7	FIELD 220V/TD0100	STATO/TD0100	407.592	8%
18474	635108-7	FIELD 220V/TD0101	STATO/TD0101	398.412	8%
18475	635113-4	FIELD 220-240V/GA4030	STATO/GA4030	444.204	8%
18476	636008-4	FIELD 220V/2414NB	STATO/2414NB	1.053.216	8%
18477	636013-1	FIELD 220V/RP2301FC	STATO/RP2301FC	1.222.668	8%
18478	636058-9	FIELD 220V/RP1801	STATO/RP1801	2.133.972	8%
18479	636103-0	FIELD 220V/HM1302	STATO/HM1302	167.400	8%
18480	636163-2	FIELD 220V/3612	STATO/3612	792.288	8%
18481	636168-2	FIELD 220V/LC1230	STATO/LC1230	888.408	8%
18482	636303-2	FIELD 220-240V/HM1203C	STATO/HM1203C	650.268	8%
18483	636313-9	FIELD 220-240V/HR4511C	STATO/HR4511C	622.836	8%
18484	636333-3	FIELD 220-240V/HM1307C	STATO/HM1307C	1.140.264	8%
18485	636338-3	FIELD 220V/RP1800	STATO/RP1800	1.273.104	8%
18486	636343-0	FIELD 220V/RP2300FC	STATO/RP2300FC	1.327.968	8%
18487	636383-8	FIELD 220V/M0920B	STATO/M0920B	792.288	8%
18488	636388-8	FIELD 220V/UC4051A	STATO/UC4051A	630.720	8%
18489	636408-8	FIELD 220V/HM1812	STATO/HM1812	2.010.312	8%
18490	638016-1	TERMINAL UNIT/BTW070	ĐÈ GÁI/BTW070	37.400	10%
18491	638020-0	YOKE UNIT/BUH550	STATO/BUH550	288.576	8%
18492	638067-4	SUPPORT COMPLETE/BO6030	Ổ GÁI STATO/BO6030	123.660	8%
18493	638086-0	ENDBELL COMPLETE/BTW070	Ổ CHỐI THAN/BTW070	325.188	8%
18494	638104-4	ENDBELL COMPLETE/BTW070	Ổ CHỐI THAN/BTW070	224.424	8%
18495	638105-2	ENDBELL COMPLETE/BTD042	ĐÈ RÁP THAN/BTD042	398.412	8%
18496	638107-8	YOKE UNIT/DJR181	STATO/DJR181	389.232	8%
18497	638134-5	SUPPORT COMPLETE/BO4901	ĐÈ RÁP THAN/BO4901	132.840	8%
18498	638156-5	ENDBELL COMPLETE/6980FD	Ổ CHỐI THAN/6980FD	100.764	8%
18499	638183-2	YOKE UNIT/BFL082F	STATO/BFL082F	1.204.416	8%
18500	638191-3	YOKE UNIT/BFT080F	STATO/BFT080F	1.053.216	8%
18501	638195-5	ENDBELL COMPLETE/BFT080F	ĐÈ RÁP THAN/BFT080F	128.304	8%
18502	638236-7	BRUSH HOLDER UNIT/HP2070	Ổ CHỐI THAN/HP2070	224.424	8%
18503	638237-5	BRUSH HOLDER UNIT/HP1640	Ổ CHỐI THAN/HP1640	288.576	8%
18504	638358-3	SUPPORT COMPLETE/4131	TRAM CÔNG TÁC/4131	133.920	8%
18505	638373-7	YOKE UNIT/DJV180	STATO/DJV180	219.888	8%
18506	638378-7	LEAD UNIT/HM1810	DÂY GHIM ĐIỆN/HM1810	73.440	8%
18507	638386-8	RS-232C CABLE/BFL201R	CÁP RS-232C/BFL201R	414.720	8%
18508	638387-6	BRUSH HOLDER COMPLETE/DTD134	Ổ CHỐI THAN/DTD134	77.868	8%
18509	638393-1	BRUSH HOLDER UNIT/HR4002	Ổ CHỐI THAN/HR4002	151.200	8%
18510	638396-5	YOKE UNIT/DTD134	STATO/DTD134	250.560	8%
18511	638406-8	LEAD UNIT/HR3200C	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/HR3200C	45.792	8%
18512	638420-4	YOKE UNIT/BCS550	STATO/BCS550	627.372	8%
18513	638439-3	SUPPORT COMPLETE/UT1305	Ổ GÁI STATO/UT1305	123.660	8%
18514	638442-4	LASER CIRCUIT COMPLETE/DLS600	ĐÈN LASER/DLS600	613.656	8%
18515	638446-6	YOKE UNIT/DHR165	STATO/DHR165	219.888	8%
18516	638448-2	ENDBELL COMPLETE/BJS160	Ổ CHỐI THAN/BJS160	59.616	8%
18517	638470-9	SWITCH UNIT/TD020D	CÔNG TẮC/TD020D	285.120	8%
18518	638494-5	BRUSH HOLDER COMPLETE/DDF456	Ổ CHỐI THAN/DDF456	73.332	8%
18519	638495-3	YORK UNIT/DTW250	STATO/DTW250	375.516	8%
18520	638499-5	SCIROCCO FAN/DC18RC	QUẠT/DC18RC	297.648	8%
18521	638500-6	BRUSH HOLDER UNIT/HR2230	Ổ CHỐI THAN/HR2230	178.632	8%
18522	638501-4	BRUSH HOLDER UNIT/HR3530	Ổ CHỐI THAN/HR3530	187.812	8%
18523	638502-2	ENDBELL COMPLETE/BCS550	TRỤC NHÔNG/BCS550	74.690	10%
18524	638503-0	GUIDE FENCE/DTW450	CÔNG TẮC/DTW450	398.412	8%
18525	638504-8	ENDBELL COMPLETE/DJV180	Ổ CHỐI THAN/DJV180	64.152	8%
18526	638507-2	LEAD UNIT/HR3530	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/HR3530	59.616	8%
18527	638508-0	LEAD UNIT/HR4002	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/HR4002	54.972	8%
18528	638509-8	LEAD UNIT/HR4030C	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/HR4030C	41.256	8%
18529	638519-5	BRUSH HOLDER UNIT/HR3200C	Ổ CHỐI THAN/HR3200C	183.168	8%
18530	638566-6	LEAD UNIT/HR2810	DÂY GIM ĐIỆN/HR2810	41.256	8%
18531	638567-4	LEAD UNIT/HR2810	DÂY GIM ĐIỆN/HR2810	41.256	8%
18532	638571-3	YOKE UNIT/BUC250	STATO/DHS710	270.216	8%
18533	638602-8	TERMINAL UNIT/DC18SE	ĐÈ GÁI/DC18SE	673.164	8%
18534	638605-2	SWITCH UNIT/DF010D	CÔNG TẮC/DF010D	407.592	8%
18535	638609-4	SWITCH UNIT/DF010D	CÔNG TẮC/DF010D	178.632	8%
18536	638613-3	YOKE UNIT/DDA340	STATO/DDA340	439.668	8%
18537	638614-1	BRUSH HOLDER COMPLETE/DHP454	Ổ THAN/DHP454	68.688	8%
18538	638627-2	YOKE UNIT/BJS160	STATO/BJS160	613.656	8%
18539	638630-3	SWITCH UNIT/MT960	CÔNG TẮC/MT960	215.244	8%
18540	638636-1	SWITCH BLOCK/9565CVR	BỘ CÔNG TÁC/9565CVR	183.168	8%
18541	638640-0	SWITCH COMPLETE/BHX2500	DÂY CÔNG TÁC/BHX2500	190.080	8%
18542	638642-6	SWITCH UNIT/EB7650TH	CÔNG TẮC/EB7650TH	190.080	8%
18543	638643-4	HOLDER ARM COMPLETE/TD0101	Ổ CHỐI THAN/TD0101	187.812	8%
18544	638650-7	LEAD UNIT/HM1203C	DÂY GHIM ĐIỆN/HM1203C	137.376	8%
18545	638651-5	LASER CIRCUIT COMPLETE/DLS111	MẠCH ĐÈN LAZE/DLS111	595.296	8%
18546	638652-3	LASER SWITCH UNIT/LS1219L	CÔNG TẮC ĐÈN/LS1219L	316.008	8%
18547	638654-9	TERMINAL UNIT/DC36RA	ĐÈ GÁI/DC36RA	622.080	8%
18548	638655-7	BRUSH HOLDER UNIT/HR2300	Ổ CHỐI THAN/HR2300	151.200	8%
18549	638670-1	LEAD UNIT/DVF154	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/DVF154	60.480	8%
18550	638674-3	BRUSH HOLDER UNIT/HM0870C	Ổ CHỐI THAN/HM0870C	215.244	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18551	638675-1	LEAD UNIT/HM0870C	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/HM0870C	109.944	8%
18552	638705-8	LEAD UNIT/EM3400U	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/EM3400U	4.320	8%
18553	638706-6	LEAD UNIT/EM3400U	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/EM3400U	4.320	8%
18554	638710-5	LEAD WIRE/BHX2500	DÂY ĐIỆN/BHX2500	17.280	8%
18555	638715-5	BRUSH HOLDER UNIT/HR4001C	Ổ CHỐI THAN/HR4001C	169.452	8%
18556	638725-2	ENDBELL COMPLETE/BUB360	VỎ NÔNG/BUB360	50.436	8%
18557	638747-2	BRUSH HOLDER UNIT/MT871	Ổ CHỐI THAN/MT871	174.096	8%
18558	638776-5	LEAD UNIT/EK7651H	DÂY GIM ĐIỆN/EK7651H	51.840	8%
18559	638784-6	WIRE/HTR7610	DÂY DẪN/HTR7610	38.880	8%
18560	638849-4	BRUSH HOLDER COMPLETE/DSC191	NÁP CHỐI THAN/DSC191	96.228	8%
18561	638883-4	SWITCH UNIT/DHR202	CÔNG TẮC/DHR202	838.080	8%
18562	638885-0	SWITCH UNIT/DTL063	CÔNG TẮC/DTL063	906.768	8%
18563	638887-6	SWITCH UNIT/DF347D	BỘ CÔNG TẮC/DF347D	467.100	8%
18564	638892-3	CONTROLLER UNIT/CC300D	BO MẠCH/CC300D	59.400	8%
18565	638895-7	BRUSH HOLDER COMPLETE/DTD146	Ổ CHỐI THAN/DTD146	91.584	8%
18566	638899-9	STATOR COMPLETE/DTP141	STATO/DTP141	6.136.128	8%
18567	638901-8	CONTROLLER UNIT/BFT080F	BO MẠCH/BFT080F	321.840	8%
18568	638919-9	ENDBELL COMPLETE/DPB180	VỎ NÔNG/DPB180	59.616	8%
18569	638931-9	CONNECTOR/DX01	ĐẦU GHIM ĐIỆN/DX01	47.520	8%
18570	638936-9	CONTROLLER UNIT/DCL140	BO MẠCH/DCL140	338.904	8%
18571	638938-5	CONTROLLER UNIT/DCL180	BO MẠCH/DCL180	558.684	8%
18572	638946-6	LEAD UNIT/LM430D	DÂY GIM ĐIỆN/LM430D	77.868	8%
18573	638956-3	CONTROLLER UNIT/DX01	BO MẠCH/DX01	508.356	8%
18574	638958-9	SWITCH UNIT/DTP141	CÔNG TẮC/DTP141	984.528	8%
18575	638959-7	SWITCH UNIT/DTP141	CÔNG TẮC/DTP141	984.528	8%
18576	638967-8	CONTROLLER UNIT/BUH523	BO MẠCH/BUH523	565.920	8%
18577	638976-7	LINE FILTER UNIT/JV100D	DÂY GHIM ĐIỆN/JV100D	77.868	8%
18578	638987-2	TERMINAL UNIT/DC18RC	ĐỀ GÁI/DC18RC	1.149.444	8%
18579	638989-8	YOKE UNIT/DF458D	STATO/DF458D	343.440	8%
18580	638A15-9	LEAD UNIT/LM001C	ĐẦU GHIM DÂY ĐIỆN/LM001C	142.020	8%
18581	638A19-1	LEAD UNIT/VC001GL	DÂY DẪN ĐIỆN/VC001GL	87.048	8%
18582	638A20-6	LEAD UNIT/VC001GL	DÂY DẪN ĐIỆN/VC001GL	54.972	8%
18583	638A27-2	LEAD UNIT/DCU603	DÂY KẾT NỐI CÔNG TẮC/DCU603	59.616	8%
18584	638A28-0	LEAD UNIT/DCU601/DCU602	DÂY DẪN ĐIỆN/DCU601/DCU602	64.152	8%
18585	638A29-8	LEAD UNIT/VC008G	DÂY DẪN ĐIỆN/VC008G	105.408	8%
18586	638A30-3	LEAD UNIT/AS001G	DÂY DẪN/AS001G	32.076	8%
18587	638A31-1	LEAD UNIT/DDA460	DÂY DẪN/DDA460	142.020	8%
18588	638A32-9	LEAD UNIT/WT001G	DÂY DẪN ĐIỆN/WT001G	435.024	8%
18589	638A35-3	LEAD UNIT/DHW080	DÂY DẪN/DHW080	155.736	8%
18590	638A41-8	LEAD UNIT/VC006GM	DÂY DẪN ĐIỆN/VC006GM	27.540	8%
18591	638A45-0	LEAD UNIT A/RM350D	ĐẦU NỐI ĐIỆN/RM350D	91.584	8%
18592	638A46-8	LEAD UNIT B/RM350D	DÂY DẪN ĐIỆN B/RM350D	82.512	8%
18593	638A47-6	LEAD UNIT C/RM350D	DÂY DẪN ĐIỆN C/RM350D	137.376	8%
18594	638A48-4	LEAD UNIT D/RM350D	DÂY DẪN ĐIỆN D/RM350D	256.500	8%
18595	638A50-7	LEAD UNIT F/RM350D	DÂY DẪN ĐIỆN F/RM350D	77.868	8%
18596	638A51-5	LEAD UNIT G/RM350D	DÂY DẪN ĐIỆN G/RM350D	100.764	8%
18597	638A52-3	LEAD UNIT H/RM350D	DÂY DẪN ĐIỆN H/RM350D	32.076	8%
18598	638A80-8	LEAD UNIT/HM004G	CHẶN KẾT NỐI ĐIỆN/HM004G	178.632	8%
18599	638A81-6	LEAD UNIT/VS001G	DÂY DẪN ĐIỆN/VS001G	73.332	8%
18600	638A82-4	LEAD UNIT E/RM350D	DÂY DẪN ĐIỆN E/RM350D	251.856	8%
18601	638A86-6	LEAD UNIT/UN001G	DÂY DẪN ĐIỆN/UN001G	476.280	8%
18602	638A88-2	LEAD UNIT/UN001G	CẦU NỐI ĐIỆN/UN001G	68.688	8%
18603	638B00-8	LEAD UNIT A/DUA200	DÂY DẪN ĐIỆN A/DUA200	430.488	8%
18604	638B01-6	LEAD UNIT B/DUA200	DÂY DẪN ĐIỆN B/DUA200	435.024	8%
18605	638B02-4	LEAD UNIT C/DUA200	DÂY DẪN ĐIỆN C/DUA200	636.552	8%
18606	638B13-9	LEAD UNIT/JR003G	DÂY DẪN ĐIỆN/JR003G	192.348	8%
18607	639074-0	FIELD/MT607	STATO 220V/MT607	283.932	8%
18608	639080-5	FIELD ASSY 220V/HW1300	STATO/HW1300	1.392.120	8%
18609	639091-0	FIELD ASSY 220V/HW1200	STATO/HW1200	1.121.904	8%
18610	639109-7	FIELD 220V/MT606	STATO/MT606	293.112	8%
18611	639382-9	FIELD 220V/M0910	STATO/M0910	393.876	8%
18612	643455-2	BRUSH HOLDER 6X9/3709	Ổ CHỐI THAN/3709	36.720	8%
18613	643505-3	BRUSH HOLDER/DJR186	NÁP CHỐI THAN/DJR186	45.792	8%
18614	643506-1	BRUSH HOLDER/DJR186	NÁP CHỐI THAN/DJR186	45.792	8%
18615	643515-0	HOLDER CAP 7-11/JN3201	NÁP CHỐI THAN/JN3201	13.824	8%
18616	643516-8	BRUSH HOLDER/9556HB	Ổ CHỐI THAN/9556HB	36.720	8%
18617	643523-1	TERMINAL/DRC200	ĐỀ GÁI PIN/DRC200	123.660	8%
18618	643531-2	BRUSH HOLDER/DTW450	Ổ CHỐI THAN/DTW450	41.256	8%
18619	643532-0	BRUSH HOLDER/DTW450	Ổ CHỐI THAN/DTW450	41.256	8%
18620	643535-4	KEY/DLM460	KHOA MẠCH ĐIỆN/DLM460	82.512	8%
18621	643536-2	BRUSH HOLDER/LH1040	Ổ CHỐI THAN/LH1040	41.256	8%
18622	643540-1	TERMINAL/PDC01	ĐỀ GÁI PIN/PDC01	112.320	8%
18623	643541-9	BRUSH HOLDER/GA4050	Ổ CHỐI THAN/GA4050	50.436	8%
18624	643550-8	BRUSH HOLDER CAP 5-8/906H	NÁP CHỐI THAN/906H	13.824	8%
18625	643552-4	BRUSH HOLDER 5-8/4326	Ổ CHỐI THAN/4326	4.644	8%
18626	643556-6	BRUSH HOLDER 5-8/N3701	Ổ CHỐI THAN/N3701	45.792	8%
18627	643557-4	BRUSH HOLDER 5-8/906H	Ổ CHỐI THAN/906H	43.200	8%
18628	643563-9	BRUSH HOLDER 5X8/6411	Ổ CHỐI THAN/6411	8.640	8%
18629	643564-7	BRUSH HOLDER/MT241	Ổ CHỐI THAN/MT241	41.256	8%
18630	643566-3	BRUSH HOLDER 5X8/6411	Ổ CHỐI THAN/6411	4.644	8%
18631	643600-9	BRUSH HOLDER CAP 6-10/6906	NÁP CHỐI THAN/6906	18.360	8%
18632	643601-7	BRUSH HOLDER 6-10/1911B	Ổ THAN 6-10/1911B	9.180	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18633	643603-3	BRUSH HOLDER 6-10/6906	Ổ CHỐI THAN/6906	54.972	8%
18634	643609-1	BRUSH HOLDER 6-10/9741	Ổ CHỐI THAN/9741	73.332	8%
18635	643610-6	BRUSH HOLDER 6.5X13.5/VC1310L	Ổ CHỐI THAN/VC1310L	36.720	8%
18636	643650-4	BRUSH HOLDER CAP 6.5-13.5/1804N	NÁP CHỐI THAN/1804N	9.180	8%
18637	643653-8	BRUSH HOLDER/LH1040	Ổ CHỐI THAN/LH1040	64.152	8%
18638	643700-5	BRUSH HOLDER CAP 7-18/2414NB	NÁP CHỐI THAN/2414NB	13.824	8%
18639	643707-1	BRUSH HOLDER/2414NB	Ổ CHỐI THAN/2414NB	91.584	8%
18640	643708-9	BRUSH HOLDER 5-11/2107F	Ổ CHỐI THAN/2107F	82.512	8%
18641	643710-2	BRUSH HOLDER CAP/4114S	NÁP CHỐI THAN/4114S	27.540	8%
18642	643711-0	BRUSH HOLDER/HM1810	Ổ CHỐI THAN/HM1810	203.040	8%
18643	643712-8	BRUSH HOLDER/GA7020	Ổ CHỐI THAN/GA7020	59.616	8%
18644	643713-6	BRUSH HOLDER/HM1306	Ổ CHỐI THAN/HM1306	119.124	8%
18645	643715-2	BRUSH HOLDER/GA7062	Ổ CHỐI THAN/GA7062	32.076	8%
18646	643716-0	BRUSH HOLDER/MT964	Ổ CHỐI THAN/MT964	18.360	8%
18647	643717-8	BRUSH HOLDER/MT967	Ổ CHỐI THAN/MT967	22.896	8%
18648	643750-0	BRUSH HOLDER CAP 7-11/2107F	NÁP CHỐI THAN/2107F	9.180	8%
18649	643754-2	BRUSH HOLDER/4131	Ổ CHỐI THAN/4131	64.152	8%
18650	643755-0	BRUSH HOLDER CAP 7-11/UB1101	NÁP CHỐI THAN/UB1101	18.360	8%
18651	643760-7	BRUSH HOLDER/9553B	Ổ CHỐI THAN/9553B	59.616	8%
18652	643764-9	BRUSH HOLDER/MT410	Ổ CHỐI THAN/MT410	54.972	8%
18653	643766-5	BRUSH HOLDER/HR2810	Ổ CHỐI THAN/HR2810	36.720	8%
18654	643770-4	BRUSH HOLDER/BO6050	Ổ CHỐI THAN/BO6050	32.076	8%
18655	643800-1	TERMINAL/BFT080F	ĐỀ GÀI/BFT080F	149.270	10%
18656	643801-9	BRUSH HOLDER/DA3010	Ổ CHỐI THAN/DA3010	47.520	8%
18657	643807-7	BRUSH HOLDER CAP/BCS550	NÁP CHỐI THAN/BCS550	13.824	8%
18658	643815-8	BRUSH HOLDER/DJR181	NÁP CHỐI THAN/DJR181	59.616	8%
18659	643816-6	BRUSH HOLDER/HR3530	NÁP CHỐI THAN/HR3530	36.720	8%
18660	643817-4	TERMINAL/CL100D	ĐỀ GÀI PIN/CL100D	27.540	8%
18661	643828-9	TERMINAL/BDF343	ĐỀ GÀI PIN/BDF343	82.080	8%
18662	643829-7	BRUSH HOLDER CAP/DTW450	NÁP CHỐI THAN/DTW450	9.180	8%
18663	643830-2	TERMINAL/CC300D	ĐỀ GÀI/CC300D	22.896	8%
18664	643834-4	BRUSH HOLDER/DHR202	Ổ CHỐI THAN/DHR202	77.868	8%
18665	643835-2	BRUSH HOLDER/DHR202	NÁP THAN/DHR202	77.868	8%
18666	643836-0	BRUSH HOLDER/DHR241	Ổ CHỐI THAN/DHR241	77.868	8%
18667	643837-8	BRUSH HOLDER/DHR241	Ổ CHỐI THAN/DHR241	77.868	8%
18668	643839-4	BRUSH HOLDER 6X9/GA4030	Ổ CHỐI THAN/GA4030	22.896	8%
18669	643843-3	TERMINAL/DVF154	ĐỀ GÀI PIN/DVF154	82.080	8%
18670	643844-1	TERMINAL/DTW450	ĐỀ GÀI PIN/DTW450	59.616	8%
18671	643850-6	TERMINAL/BTD136	ĐỀ GÀI PIN/BTD136	77.868	8%
18672	643852-2	TERMINAL/BUH523	ĐỀ GÀI/BUH523	77.868	8%
18673	643855-6	BRUSH HOLDER 6X9/M9514B	Ổ CHỐI THAN/M9514B	32.076	8%
18674	643856-4	BRUSH HOLDER/BUH550	Ổ CHỐI THAN/BUH550	56.160	8%
18675	643857-2	BRUSH HOLDER/BUH550	Ổ CHỐI THAN/BUH550	56.160	8%
18676	643858-0	BRUSH HOLDER 6X9/MT191	Ổ CHỐI THAN/MT191	27.540	8%
18677	643860-3	TERMINAL/DCG180	ĐỀ GÀI/DCG180	82.512	8%
18678	643861-1	TERMINAL/DF347D	ĐỀ GÀI/DF347D	59.616	8%
18679	643862-9	TERMINAL/CL183D	ĐỀ GÀI/CL183D	59.616	8%
18680	643866-1	TERMINAL/DTW250	ĐỀ GÀI PIN/DTW250	77.868	8%
18681	643871-8	BRUSH HOLDER/MT90	Ổ CHỐI THAN/MT90	18.360	8%
18682	643872-6	BRUSH HOLDER/DKP180	Ổ CHỐI THAN/DKP180	41.256	8%
18683	643873-4	BRUSH HOLDER/DKP180	Ổ CHỐI THAN/DKP180	41.256	8%
18684	643874-2	TERMINAL/DDF083	ĐỀ GÀI PIN/DDF083	91.584	8%
18685	643890-4	KEY/DLM431	KHÓA CẦU CHÌ/DLM431	68.688	8%
18686	643899-6	TERMINAL/DCL500	ĐỀ GÀI PIN/DJR187	82.512	8%
18687	643909-9	BATTERY HOLDER/6261DWE	BỘ GIỮ PIN/6261DWE	18.360	8%
18688	643923-5	BRUSH HOLDER/4304	Ổ CHỐI THAN/4304	22.896	8%
18689	643928-5	BRUSH HOLDER CAP/6951	NÁP CHỐI THAN/6951	22.896	8%
18690	643929-3	BRUSH HOLDER CAP/BSJ160	NÁP CHỐI THAN/BSJ160	4.644	8%
18691	643932-4	BRUSH HOLDER 6X9/6922NB	Ổ CHỐI THAN/6922NB	64.152	8%
18692	643933-2	BRUSH HOLDER CAP/6980FD	NÁP CHỐI THAN/6980FD	54.972	8%
18693	643936-6	BRUSH HOLDER/4350CT	Ổ CHỐI THAN/4350CT	27.540	8%
18694	643948-9	BRUSH HOLDER/FS4000	Ổ THAN/FS4000	13.824	8%
18695	643949-7	BRUSH HOLDER R/DJR181	Ổ CHỐI THAN/DJR181	64.152	8%
18696	643951-0	BRUSH HOLDER/FS4000	Ổ THAN/FS4000	13.824	8%
18697	643952-8	BRUSH HOLDER/FS2500	Ổ THAN/FS2500	13.824	8%
18698	643953-6	BRUSH HOLDER/FS2500	Ổ THAN/FS2500	13.824	8%
18699	643954-4	BRUSH HOLDER CAP/DGA402	NÁP CHỐI THAN/DGA402	18.360	8%
18700	643981-1	BRUSH HOLDER 6X9/TD0101	Ổ CHỐI THAN/TD0101	128.304	8%
18701	643987-9	BRUSH HOLDER CAP 5-8/MT191	NÁP CHỐI THAN/MT191	9.180	8%
18702	643988-7	BRUSH HOLDER/DP4010	Ổ CHỐI THAN/DP4010	22.896	8%
18703	643989-5	BRUSH HOLDER/DP4010	Ổ CHỐI THAN/DP4010	22.896	8%
18704	643995-0	BRUSH HOLDER/BO4555	Ổ CHỐI THAN/BO4555	27.540	8%
18705	644001-4	BRUSH HOLDER/GA7070	Ổ CHỐI THAN/GA7070	41.256	8%
18706	644011-1	BRUSH HOLDER/GA5090	Ổ CHỐI THAN/GA5090	36.720	8%
18707	644014-5	BRUSH HOLDER/GA4100/GA5100	Ổ CHỐI THAN/GA4100/GA5100	32.076	8%
18708	644501-4	BRUSH HOLDER 5X11/MT413	Ổ CHỐI THAN/MT413	32.076	8%
18709	644502-2	BRUSH HOLDER 7-18/M0920B	Ổ CHỐI THAN 7-18/M0920B	27.540	8%
18710	644505-6	BRUSH HOLDER/DHS710	Ổ CHỐI THAN/DHS710	41.256	8%
18711	644506-4	BRUSH HOLDER/DHS710	Ổ CHỐI THAN/DHS710	41.256	8%
18712	644507-2	BRUSH HOLDER/DHR263	Ổ CHỐI THAN/DHR263	82.512	8%
18713	644508-0	BRUSH HOLDER/DHR263	Ổ CHỐI THAN/DHR263	82.512	8%
18714	644511-1	BRUSH HOLDER/DUH551	Ổ CHỐI THAN/DUH551	77.868	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18715	644512-9	BRUSH HOLDER/DUH551	Ổ CHỐI THAN/DUH551	91.584	8%
18716	644513-7	BRUSH HOLDER/DUC252	Ổ CHỐI THAN/DUC252	73.332	8%
18717	644514-5	BRUSH HOLDER/DUC252	Ổ CHỐI THAN/DUC252	73.332	8%
18718	644802-0	HOLDER CAP/MT243	NÁP THAN/MT243	9.180	8%
18719	644803-8	TERMINAL/BTW074	CHỐT/BTW074	130.680	10%
18720	644808-8	TERMINAL/BCS550	ĐÈ GAI PIN/BCS550	96.228	8%
18721	644809-6	TERMINAL/DJR186	ĐÈ GAI PIN/DJR186	87.048	8%
18722	644813-5	TERMINAL/CC301D	CHỐT/CC301D	68.688	8%
18723	645105-5	NOISE SUPPRESSOR/HR4002	TỤ LỌC CHỐNG NHIỄU/HR4002	13.824	8%
18724	645185-1	NOISE SUPPRESSOR/M6500B	TỤ LỌC/M6500B	9.180	8%
18725	645190-8	NOISE SUPPRESSOR/6412	TỤ LỌC/6412	13.824	8%
18726	645196-6	NOISE SUPPRESSOR/MT817	TỤ LỌC/MT817	17.280	8%
18727	645200-1	NOISE SUPPRESSOR/DP4010	TỤ LỌC/DP4010	9.180	8%
18728	645218-2	NOISE SUPPRESSOR/M6501B	TỤ ĐIỆN KHÔNG PHẢN CỰC/M6501B	18.360	8%
18729	645253-0	NOISE SUPPRESSOR/DA3010	TỤ LỌC/DA3010	22.896	8%
18730	646147-2	CHOKE COIL/MT606	CUỘN DÂY CHỐNG NHIỄU/MT606	13.824	8%
18731	646148-0	CHOKE COIL/MT817	CUỘN DÂY CHỐNG NHIỄU/MT817	18.360	8%
18732	646151-1	CHOKE COIL/6412	TỤ LỌC/6412	21.600	8%
18733	646153-7	CHOKE COIL/M0800B	CUỘN DÂY CHỐNG NHIỄU/M0800B	13.824	8%
18734	646172-3	CHOKE COIL/M6501B	ĐẦU NỒI/M6501B	13.824	8%
18735	646230-5	CHOKE COIL/MT60	CUỘN DÂY CHỐNG NHIỄU/MT60	18.360	8%
18736	646231-3	CHOKE COIL/MT606	CUỘN DÂY CHỐNG NHIỄU/MT606	12.960	8%
18737	646755-9	RESISTOR/DS4011	TỤ LỌC CHỐNG NHIỄU/DS4011	22.896	8%
18738	647069-9	VARISTOR/DC10SB	TỤ CHỐNG SÉT/DC10SB	77.868	8%
18739	647070-4	VARISTOR/DC18SB	TỤ/DC18SB	77.868	8%
18740	647306-1	VARISTOR/DC18RC	TỤ/DC18RC	87.048	8%
18741	649150-2	EARTH LINE 120/DVC860L	DÂY ĐIỆN NỐI ĐẤT/DVC860L	41.256	8%
18742	649152-8	EARTH LINE 70/DRC300	DÂY TIẾP ĐỊA 70/DRC300	45.792	8%
18743	649153-6	EARTH LINE 90/VS001G	DÂY DẪN ĐIỆN 90/VS001G	41.256	8%
18744	649233-8	TRANSFORMER/DC1251	CỤC BIẾN ÁP/DC1251	357.264	8%
18745	649500-1	SPARK PLUG (BPMR8Y)/EA3601F	BUGI/EA3601F	211.680	8%
18746	650000-6	SWITCH BSW-1125A-17/DTM52/XMT04	CÔNG TẮC/DTM52/XMT04	100.764	8%
18747	650005-6	SWITCH C3JW-2B/DDF487	CÔNG TẮC C3JW-2B/DDF487	375.516	8%
18748	650006-4	SWITCH C3JW-4B/DDF484	CÔNG TẮC/DDF484	407.592	8%
18749	650008-0	SWITCH C3XB-1LPSPM/HS009G	CÔNG TẮC/HS009G	518.400	8%
18750	650011-1	SWITCH C3JR-4BM-PAND3/UC004G	CÔNG TẮC C3JR-4BM-PAND3/UC004G	572.400	8%
18751	650013-7	SWITCH 1703.4002/VC001GL	CÔNG TẮC 1703.4002/VC001GL	512.892	8%
18752	650014-5	SWITCH 1703.4803/VC001GL	CÔNG TẮC 1703.4803/VC001GL	499.176	8%
18753	650015-3	SWITCH C3JR-4B-PAND3/UA001G	CÔNG TẮC C3JR-4B-PAND3/UA001G	563.328	8%
18754	650019-5	SWITCH C3JW-4B-L/AS001G	CÔNG TẮC/AS001G	599.940	8%
18755	650020-0	SWITCH C3JR-4B-2L/PV001G	CÔNG TẮC C3JR-4B-2L/PV001G	751.032	8%
18756	650024-2	SWITCH C3JR-4B-PAND4-1/UC012G	CÔNG TẮC C3JR-4B-PAND4-1/UC012G	668.628	8%
18757	650025-0	SWITCH C3JW-4B-2AL-R/DJV184	CÔNG TẮC C3JW-4B-2AL-R/DJV184	535.788	8%
18758	650027-6	SWITCH C3JW-4CM-R/DMC300	CÔNG TẮC C3JW-4CM-R/DMC300	499.176	8%
18759	650028-4	SWITCH FPC-2115T-0-02/GA5090	CÔNG TẮC FPC-2115T-0-02/GA5090	247.320	8%
18760	650033-1	SWITCH C3XA-3PSPM-1/DUH506	CÔNG TẮC C3XA-3PSPM-1/DUH506	467.100	8%
18761	650034-9	SWITCH D2VW-01L3-3HS/DUH506	CÔNG TẮC/DUH506	178.632	8%
18762	650035-7	SWITCH C3JW-4BM-1L-R/UT001G	CÔNG TẮC C3JW-4BM-1L-R/UT001G	645.732	8%
18763	650036-5	SWITCH DMU-1212D-020/DUH507	CÔNG TẮC/DUH507	119.124	8%
18764	650037-3	SWITCH DMU-1212D-021/DUH507	CÔNG TẮC/DUH507	128.304	8%
18765	650039-9	SWITCH C3XB-1LPSPM/HS009G	CÔNG TẮC/HS009G	627.372	8%
18766	650041-2	SWITCH TG772BDS-1/LM004G	CÔNG TẮC BOP/LM004G	416.772	8%
18767	650046-2	SWITCH 1247.0304/GA4100/GA5100	CÔNG TẮC 1247.0304/GA4100/GA5100	54.972	8%
18768	650047-0	SWITCH DRH-03S-DDK32-02R/RM350D	CÔNG TẮC DRH-03S-DDK32-02R/RM350D	164.916	8%
18769	650048-8	SWITCH C3JR-4B-PAND6-1/UC021G	CÔNG TẮC C3JR-4B-PAND6-1/UC021G	700.704	8%
18770	650054-3	SWITCH/DP4020/DP4021	CÔNG TẮC TG853TB-6/DP4020/DP4021	375.516	8%
18771	650056-9	SWITCH C3JR-1AT-PAXD5/UB004C	CÔNG TẮC BOP/UB004C	540.432	8%
18772	650057-7	SWITCH D2SW-P01L30-3M-C2(S)/UC021G	CÔNG TẮC D2SW-P01L30-3M-C2(S)/UC021G	302.292	8%
18773	650065-8	SWITCH/UB002G	CÔNG TẮC BOP/UB002G	228.960	8%
18774	650067-4	SWITCH 1703.4705/VC014G	CÔNG TẮC 1703.4705/VC014G	132.840	8%
18775	650101-0	SWITCH TG08-1100-011/9015B	CÔNG TẮC/9015B	279.396	8%
18776	650109-4	SWITCH TG08-2100-011/GA7020R	CÔNG TẮC/GA7020R	384.696	8%
18777	650113-3	SWITCH SGEL115CDY-15/SG1251	CÔNG TẮC/SG1251	146.556	8%
18778	650115-9	SWITCH TN31-2/MT904	CÔNG TẮC/MT904	164.916	8%
18779	650202-4	SWITCH SGEL115CDY-8/4350CT	CÔNG TẮC/4350CT	160.272	8%
18780	650203-2	SWITCH SGEL115CD-1/UT1305	CÔNG TẮC/UT1305	119.124	8%
18781	650209-0	SWITCH SGL206CDY/MT410	CÔNG TẮC/MT410	41.256	8%
18782	650212-1	SWITCH TG813TB-4/HP2070	CÔNG TẮC/HP2070	522.072	8%
18783	650215-5	SWITCH FA1-3/2B-4/MT605	CÔNG TẮC/MT605	100.764	8%
18784	650217-1	SWITCH FA1-6/1B-1/MT191	CÔNG TẮC/MT191	87.048	8%
18785	650222-8	SWITCH TG71ARS-1/JR3060T	CÔNG TẮC/JR3060T	343.440	8%
18786	650223-6	SWITCH SGEL115CD-4/6501	CÔNG TẮC/6501	146.556	8%
18787	650226-0	SWITCH TG823AB-2/6802BV	CÔNG TẮC/6802BV	737.316	8%
18788	650229-4	SWITCH SGE120C-3/DPB180	CÔNG TẮC/DPB180	151.200	8%
18789	650231-7	SWITCH TGL115CDT-1/4340T	CÔNG TẮC/4340T	164.916	8%
18790	650233-3	SWITCH DGQ-1108A/6411	CÔNG TẮC/6411	178.632	8%
18791	650235-9	SWITCH FA1-6/1B-3/MT652	CÔNG TẮC/MT652	45.792	8%
18792	650236-7	SWITCH SGEL115CDY-13/KP0800	CÔNG TẮC/KP0800	123.660	8%
18793	650239-1	SWITCH FA1-6/1B/4100NH3	CÔNG TẮC/4100NH3	41.256	8%
18794	650240-6	SWITCH FA2-4/1BEK/MT60	CÔNG TẮC/MT60	151.200	8%
18795	650246-4	SWITCH TN14-3-C01-1/MT192	CÔNG TẮC/MT192	45.792	8%
18796	650251-1	SWITCH SGEL106C-4/JV103D	CÔNG TẮC/JV103D	201.528	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18797	650253-7	SWITCH TN19/MT860	CÔNG TẮC TN19/MT860	119.124	8%
18798	650505-6	SWITCH C3MA-D/6952	CÔNG TẮC C3MA-D/6952	678.240	8%
18799	650508-0	SWITCH TG813TLB-1/HR2450T	CÔNG TẮC/HR2450T	535.788	8%
18800	650511-1	SWITCH TG813ALB-1/HR1230	CÔNG TẮC/HR1230	622.836	8%
18801	650514-5	SWITCH TG803BLA-1/HR2410	CÔNG TẮC/HR2410	453.600	8%
18802	650523-4	SWITCH C3MA-DB/TW0200	CÔNG TẮC/TW0200	938.736	8%
18803	650524-2	SWITCH TG813ALB-2/DP4010	CÔNG TẮC/DP4010	659.448	8%
18804	650529-2	SWITCH DGT-1225-17/MT065	CÔNG TẮC/MT065	24.840	8%
18805	650531-5	SWITCH DGT-1225A-07/MT062	CÔNG TẮC/MT062	22.680	8%
18806	650532-3	SWITCH C3LA-1A-SS/BTW070	CÔNG TẮC/BTW070	1.186.056	8%
18807	650536-5	SWITCH C3Z-5-01/BFT080F	CÔNG TẮC/BFT080F	792.288	8%
18808	650539-9	SWITCH TG803BSA-1/DA3010	CÔNG TẮC/DA3010	737.316	8%
18809	650540-4	SWITCH C6908D	CÔNG TẮC/6908D	712.800	8%
18810	650543-8	SWITCH TG843TB-1/JR3050T	CÔNG TẮC/JR3050T	412.128	8%
18811	650545-4	SWITCH TGA115CT-2/MT111	CÔNG TẮC/MT111	82.512	8%
18812	650551-9	SWITCH FA1-3/2BEZ-4/MT606	CÔNG TẮC/MT606	320.544	8%
18813	650555-1	SWITCH FA1-3/2BEZ-3/MT817	CÔNG TẮC/MT817	187.812	8%
18814	650556-9	SWITCH/6280	CÔNG TẮC/6280	552.960	8%
18815	650562-4	SWITCH DGQ-1108-CA-AYA21AK-01/MT813	CÔNG TẮC/MT813	265.680	8%
18816	650565-8	SWITCH SGE110C-1/MT066	CÔNG TẮC/MT066	151.200	8%
18817	650567-4	SWITCH TG73B-1/HR3200C	CÔNG TẮC/HR3200C	190.080	8%
18818	650570-5	SWITCH TG843TB-2/HR1830	CÔNG TẮC/HR1830	328.320	8%
18819	650577-1	SWITCH SD-006-BB2AA-AA/CC301D	CÔNG TẮC/CC301D	41.256	8%
18820	650579-7	SWITCH 1246.3223/9565P	CÔNG TẮC/9565P	109.944	8%
18821	650580-2	SWITCH SGE120C-4/DVR450Z	CÔNG TẮC SGE120C-4/DVR450Z	155.736	8%
18822	650586-0	SWITCH DGQ-1104H/6412	CÔNG TẮC/6412	334.368	8%
18823	650587-8	SWICTH TG553FSB-7/BHR241	CÔNG TẮC/BHR241	636.552	8%
18824	650588-6	SWITCH C3VA-2L-C/HR2230	CÔNG TẮC/HR2230	389.232	8%
18825	650591-7	SWITCH/HR2810	CÔNG TẮC/HR2810	650.268	8%
18826	650593-3	SWITCH/MUH355	CÔNG TẮC/MUH355	60.480	8%
18827	650604-4	SWITCH TG563FSB-4/BDF453	CÔNG TẮC/BDF453	512.892	8%
18828	650613-3	SWITCH C3TA/TD0101	CÔNG TẮC/TD0101	467.100	8%
18829	650614-1	SWITCH/FS2500	CÔNG TẮC/FS2500	471.744	8%
18830	650615-9	SWITCH C3TA-2/TD0100	CÔNG TẮC/TD0100	444.204	8%
18831	650616-7	SWITCH DGQ-1104H-02/MT430	CÔNG TẮC/MT430	247.320	8%
18832	650618-3	SWITCH TG72B-1/LS1016	CÔNG TẮC/LS1016	302.292	8%
18833	650621-4	SWITCH PS10/9553NB	CÔNG TẮC/9553NB	54.972	8%
18834	650622-2	SWITCH/DVC862Z/DVC862	CÔNG TẮC/DVC862	215.244	8%
18835	650623-0	SWITCH/VC1310L	CÔNG TẮC/VC1310L	274.752	8%
18836	650624-8	SWITCH C3YY/TD021D	CÔNG TẮC/TD021D	641.088	8%
18837	650626-4	SWITCH TG853TB-1/HR2300	CÔNG TẮC/HR2300	343.440	8%
18838	650631-1	SWITCH/BUC250	CÔNG TẮC/BUC250	311.472	8%
18839	650632-9	SWITCH/DCG180	CÔNG TẮC/DCG180	370.980	8%
18840	650633-7	SWITCH DGQ-1104H-03/MT431	CÔNG TẮC TG73BDS-1/MT431	306.828	8%
18841	650635-3	SWITCH TG73BDH/BUH550	CÔNG TẮC TG73BDH/BUH550	272.160	8%
18842	650647-6	SWITCH C3LA-2A-LLMS/DJR181	CÔNG TẮC C3LA-2A-LLMS/DJR181	1.023.840	8%
18843	650650-7	SWITCH C3LA-2A-PLSRS/DJV180	CÔNG TẮC C3LA-2A-PLSRS/DJV180	1.268.460	8%
18844	650652-3	SWITCH TG553FSB-1B/DTW250	CÔNG TẮC/DTW250	792.288	8%
18845	650653-1	SWITCH TG553FSB-4B/DSC191	CÔNG TẮC/DSC191	792.288	8%
18846	650655-7	SWITCH TG553FSB-7B/DHR241	CÔNG TẮC TG73BDS-1/DHR241	938.736	8%
18847	650659-9	SWITCH/VC3211M	CÔNG TẮC/VC3211M	352.620	8%
18848	650663-8	SWITCH TG563FSB-2/6261DWE	CÔNG TẮC/6261DWE	315.360	8%
18849	650666-2	SWITCH/DA331D	CÔNG TẮC/DA331D	897.588	8%
18850	650671-9	SWITCH TG853TB-1C/MT871	CÔNG TẮC/MT871	311.040	8%
18851	650672-7	SWITCH TG563FSB-2/6261DWE	CÔNG TẮC/6261DWE	430.488	8%
18852	650673-5	SWITCH C3JW-1A/DTP141	CÔNG TẮC/DTP141	366.336	8%
18853	650676-9	SWITCH C3PA-1111/HR3200C	CÔNG TẮC/HR3200C	174.096	8%
18854	650678-5	SWITCH C3PA-1121/HR4013C	CÔNG TẮC/HR4013C	183.168	8%
18855	650679-3	SWITCH C3HW-3A-M/JV100D	CÔNG TẮC/JV100D	824.256	8%
18856	650685-8	SWITCH CGJ-3120E/MT062	CÔNG TẮC/MT062	325.188	8%
18857	650686-6	SWITCH CGJ-3120A/MT065	CÔNG TẮC/MT065	375.516	8%
18858	650687-4	SWITCH TGC32B/LS1219L	CÔNG TẮC/LS1219L	201.528	8%
18859	650689-0	SWITCH C3JW-2B/DDF083	CÔNG TẮC/DDF083	366.336	8%
18860	650691-3	SWITCH C3HW-3A-EF1M/HP330D	CÔNG TẮC/HP330D	897.588	8%
18861	650695-5	SWITCH C3GA-2L/HP1630	CÔNG TẮC/HP1630	270.216	8%
18862	650699-7	SWITCH C3HW-3A-LF1M/DF030D	CÔNG TẮC/DF030D	947.916	8%
18863	650700-8	SWITCH TG573MSB-1/TD091D	CÔNG TẮC TG573MSB-1/TD091D	1.034.964	8%
18864	650704-0	SWITCH D2SW-P01L1-3M/BUR182U	CÔNG TẮC/BUR182U	185.760	8%
18865	650705-8	SWITCH TG73BDS-1/DPB181	CÔNG TẮC TG73BDS-1/DPB181	499.176	8%
18866	650706-6	SWITCH/DP2010	CÔNG TẮC/DP2010	535.788	8%
18867	650709-0	SWITCH C3JW-1A-P/DHR242	CÔNG TẮC C3JW-1A-P/DHR242	348.084	8%
18868	650710-5	SWITCH C3JW-4B/DDF484	CÔNG TẮC/DDF484	352.620	8%
18869	650712-1	SWITCH C3HY-1A-PRLMS/DJR183	CÔNG TẮC C3HY-1A-PRLMS/DJR183	833.436	8%
18870	650714-7	SWITCH TN04-6/1BEK/MT450	CÔNG TẮC/MT450	215.244	8%
18871	650716-3	SWITCH TGC31B/CA5000	CÔNG TẮC/CA5000	201.528	8%
18872	650717-1	SWITCH TGC30B/UC4051A	CÔNG TẮC/UC4051A	215.244	8%
18873	650719-7	SWITCH TN04-6/1BEK/M4001B	CÔNG TẮC TN04-6/1BEK/M4001B	201.528	8%
18874	650721-0	SWITCH/DHR263	CÔNG TẮC/DHR263	673.164	8%
18875	650722-8	SWITCH TG573FSB-1/DTD134	CÔNG TẮC/DTD134	741.852	8%
18876	650724-4	SWITCH/BHP448	CÔNG TẮC/BHP448	860.976	8%
18877	650730-9	SWITCH TG72BD-6/DHS710	CÔNG TẮC/DHS710	306.828	8%
18878	650732-5	SWITCH TN55/MT622	CÔNG TẮC TN55/MT622	155.736	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18879	650733-3	SWITCH C3JW-4B-2L/DFS452	CÔNG TẮC C3JW-4B-2L/DFS452	613.656	8%
18880	650734-1	SWITCH TG73BDS-2/DCS551	CÔNG TẮC/DCS551	316.008	8%
18881	650744-8	SWITCH/DCL140	CÔNG TẮC/DCL140	45.792	8%
18882	650745-6	SWITCH/DVC860L	CÔNG TẮC/DVC860L	357.264	8%
18883	650751-1	SWITCH/DTD152	CÔNG TẮC/DTD152	943.380	8%
18884	650753-7	SWITCH/DDF482	CÔNG TẮC/DDF482	920.484	8%
18885	650759-5	SWITCH C3JW-6B-2/DJR187	CÔNG TẮC C3JW-6B-2/DJR187	453.384	8%
18886	650760-0	SWITCH TG573FSB-9V/DJR186	CÔNG TẮC TG573FSB-9V/DJR186	929.664	8%
18887	650762-6	SWITCH/DSD180	CÔNG TẮC/DSD180	1.126.548	8%
18888	650769-2	SWITCH/GA4030R	CÔNG TẮC/GA4030R	366.336	8%
18889	650771-5	SWITCH TG573FSB-12V/DTD149	CÔNG TẮC/DTD149	847.152	8%
18890	650772-3	SWITCH/DTD170	CÔNG TẮC/DTD170	412.128	8%
18891	650775-7	SWITCH/HW1300	CÔNG TẮC/HW1300	425.952	8%
18892	650780-4	SWITCH/HW1200	CÔNG TẮC/HW1200	371.520	8%
18893	650781-2	SWITCH C3JW-6B-P/DUC353	CÔNG TẮC/DUC353	439.668	8%
18894	650783-8	SWITCH C3YW/TD022D	CÔNG TẮC C3YW/TD022D	778.464	8%
18895	651016-4	SWITCH HPAHR2-2/5103N	CÔNG TẮC/5103N	421.308	8%
18896	651018-0	SWITCH HPAHR2-3S/3600H	CÔNG TẮC/3600H	398.412	8%
18897	651023-7	SWITCH HPAH2-2S/5016B	CÔNG TẮC/5016B	311.472	8%
18898	651030-0	SWITCH HPAHR2-2S/1804N	CÔNG TẮC/1804N	439.668	8%
18899	651051-2	SWITCH HPAHR6-3SS/HM0810	CÔNG TẮC/HM0810	572.400	8%
18900	651054-6	SWITCH TG71C-2/4131	CÔNG TẮC/4131	522.720	8%
18901	651065-1	SWITCH STL115ADT-D/9553B	CÔNG TẮC/9553B	54.972	8%
18902	651066-9	SWITCH STL115ADT/MT362	CÔNG TẮC/MT362	82.512	8%
18903	651067-7	SWITCH/MT243	CÔNG TẮC/MT243	50.436	8%
18904	651068-5	SWITCH STL115ADF-AD/GA4031	CÔNG TẮC/GA4031	68.688	8%
18905	651082-1	SWITCH C3JW-1B-S/DFT023F	CÔNG TẮC/DFT023F	480.816	8%
18906	651083-9	SWITCH C3XA-1SPM/DHS660	CÔNG TẮC/DHS660	448.848	8%
18907	651086-3	SWITCH/HR1841F	CÔNG TẮC/HR1841F	375.516	8%
18908	651088-9	SWITCH C3JW-4B-1L/DUT130	CÔNG TẮC/DUT130	604.476	8%
18909	651090-2	SWITCH TG853TB-3/HR2651T	CÔNG TẮC/HR2651T	361.800	8%
18910	651097-8	SWITCH C3HW-3A-PLF5MS-W/DA333D	CÔNG TẮC/DA333D	1.099.008	8%
18911	651098-6	SWITCH 1703.4801/DVC864L	CÔNG TẮC/DVC864L	416.772	8%
18912	651128-3	SWITCH C3D-15AS/2416S	CÔNG TẮC/2416S	563.328	8%
18913	651131-4	SWITCH C3D-15MS/HM1810	CÔNG TẮC/HM1810	384.480	8%
18914	651145-3	SWITCH C3D-H-MS/HM1201	CÔNG TẮC/HM1201	595.296	8%
18915	651181-9	SWITCH 1362.0114/4112HS	CÔNG TẮC 1362.0106/4112HS	1.158.624	8%
18916	651184-3	SWITCH HY44C/MT902	CÔNG TẮC/MT902	265.680	8%
18917	651193-2	SWITCH TG933TR-1/GA5010	CÔNG TẮC/GA5010	246.132	8%
18918	651203-5	SWITCH SGEL115CDY/5012B	CÔNG TẮC/5012B	114.480	8%
18919	651204-3	SWITCH SGEL115CDY/1900B	CÔNG TẮC/1900B	114.480	8%
18920	651242-5	SWITCH SGEL106C-1/6501	CÔNG TẮC/6501	112.320	8%
18921	651248-3	SWITCH SGEL106C/6905H	CÔNG TẮC/6905H	146.880	8%
18922	651256-4	SWITCH SGEL106CV-1A/6802BV	CÔNG TẮC/6802BV	34.560	8%
18923	651263-7	SWITCH SGEL206C/9032	CÔNG TẮC/9032	123.660	8%
18924	651280-7	SWITCH SGEL115CDY-5/RP0900	CÔNG TẮC/RP0900	132.840	8%
18925	651281-5	SWITCH SGEL115CDY-5/4100NH2	CÔNG TẮC/4100NH2	109.944	8%
18926	651282-3	SWITCH/9237C	CÔNG TẮC/9237C	773.928	8%
18927	651284-9	SWITCH SGEL115CDY-6/2107F	CÔNG TẮC/2107F	169.452	8%
18928	651285-7	SWITCH/9910	CÔNG TẮC/9910	160.272	8%
18929	651286-5	SWITCH SGEL206C-5/4326	CÔNG TẮC/4326	114.480	8%
18930	651288-1	SWITCH/4100NH2	CÔNG TẮC/4100NH2	146.556	8%
18931	651298-8	SWITCH TG813AB-1/UB1101	CÔNG TẮC/UB1101	599.940	8%
18932	651332-4	SWITCH SGEL210R-4/9741	CÔNG TẮC/9741	512.892	8%
18933	651363-3	SWITCH/BTW073	CÔNG TẮC/BTW073	1.235.520	8%
18934	651364-1	SWITCH TG573FSB-5/BTW074	CÔNG TẮC/BTW074	1.318.896	8%
18935	651365-9	SWITCH C3JW-6BM-P/DUC254	CÔNG TẮC C3JW-6BM-P/DUC254	471.744	8%
18936	651366-7	SWITCH C3JW-6B-24/DHR280	CÔNG TẮC C3JW-6B-24/DHR280	503.712	8%
18937	651367-5	SWITCH/DSC102	CÔNG TẮC/DSC102	604.476	8%
18938	651376-4	SWITCH C3VA-2L16/JR3061T	CÔNG TẮC/JR3061T	407.592	8%
18939	651379-8	SWITCH C3JW-1A-S/DRV250	CÔNG TẮC/DRV250	526.608	8%
18940	651380-3	SWITCH C3JW-6B-25/DHR182	CÔNG TẮC/DHR182	609.120	8%
18941	651382-9	SWITCH 1703.4702/DVC750L	CÔNG TẮC/DVC750L	311.472	8%
18942	651385-3	SWITCH C3JW-A1B-PA7/HR3001C	CÔNG TẮC C3JW-A1B-PA7/HR3001C	613.656	8%
18943	651388-7	SWITCH ASW-1108-03/MT980	CÔNG TẮC/MT980	96.228	8%
18944	651391-8	SWITCH C3JW-6BM-PN/WR100D	CÔNG TẮC/WR100D	489.996	8%
18945	651393-4	SWITCH DGQ-1104H-01/DF0300	CÔNG TẮC/DF0300	334.368	8%
18946	651395-0	SWITCH C3JW-6B-PA6N/DUB184	CÔNG TẮC/DUB184	572.400	8%
18947	651396-8	SWITCH FPC-2115S-0-03/GA5050	CÔNG TẮC/GA5050	178.632	8%
18948	651398-4	SWITCH BMC-1112-001/DUN461W	CÔNG TẮC BMC-1112-001/DUN461W	100.764	8%
18949	651399-2	SWITCH C3JW-6B-PA/DHK180	CÔNG TẮC/DHK180	489.996	8%
18950	651409-5	SWITCH ST115A-35/906H	CÔNG TẮC/906H	320.544	8%
18951	651418-4	SWITCH ST115A-40/9563C	CÔNG TẮC/9563C	96.228	8%
18952	651421-5	SWITCH ALA164/3612	CÔNG TẮC/3612	432.000	8%
18953	651423-1	SWITCH/BO6050	CÔNG TẮC/BO6050	160.272	8%
18954	651424-9	SWITCH STL106AT/MT370	CÔNG TẮC/MT370	64.152	8%
18955	651430-4	SWITCH/RP1801	CÔNG TẮC/RP1801	270.216	8%
18956	651432-0	SWITCH/RP1800	CÔNG TẮC/RP1800	242.784	8%
18957	651433-8	SWITCH ST115A-31/N3701	CÔNG TẮC/N3701	68.688	8%
18958	651434-6	SWITCH TN15-2/MT90	CÔNG TẮC/MT90	32.076	8%
18959	651436-2	SWITCH C3JW-1A-P-2/DUR369	CÔNG TẮC C3JW-1A-P-2/DUR369	398.412	8%
18960	651438-8	SWITCH C3JW-6B-PAN/DUB363	CÔNG TẮC C3JW-6B-PAN/DUB363	499.176	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
18961	651439-6	SWITCH C3JR-4B-2/HR001G	CÔNG TẮC C3JR-4B-2/HR001G	535.788	8%
18962	651442-7	SWITCH C3JR-1A-1/TD001G	CÔNG TẮC C3JR-1A-1/TD001G	462.564	8%
18963	651443-5	SWITCH C3JR-4B/DTW300	CÔNG TẮC C3JR-4B/DTW300	453.384	8%
18964	651444-3	SWITCH 1703.4703/DLM533	CÔNG TẮC 1703.4703/DLM533	316.008	8%
18965	651445-1	SWITCH FPM-1130/GA003	CÔNG TẮC FPM-1130/GA003	274.752	8%
18966	651478-6	SWITCH VTX11/6802BV	CÔNG TẮC/6802BV	272.160	8%
18967	651481-7	SWITCH STE215K/3612BR	CÔNG TẮC/3612BR	535.788	8%
18968	651486-7	SWITCH C3JW-4B-R/DPB183	CÔNG TẮC C3JW-4B-R/DPB183	457.920	8%
18969	651488-3	SWITCH 1939.3322/DCU601/DCU602	CÔNG TẮC 1939.3322/DCU601/DCU602	435.024	8%
18970	651489-1	SWITCH C3JW-4B-L6/DPV300	CÔNG TẮC C3JW-4B-L6/DPV300	613.440	8%
18971	651492-2	SWITCH C3JR-1A-PAXD3/UR002G	CÔNG TẮC C3JR-1A-PAXD3/UR002G	467.100	8%
18972	651493-0	SWITCH C3JW-4CM-1L/DBS180	CÔNG TẮC C3JW-4CM-1L/DBS180	599.940	8%
18973	651494-8	SWITCH C3JW-1A-PA-2/DUR192L	CÔNG TẮC C3JW-1A-PA-2/DUR192L	403.056	8%
18974	651496-4	SWITCH C3JR-1AT-PAXD3/UB001G	CÔNG TẮC C3JR-1AT-PAXD3 6A/UB001G	480.816	8%
18975	651514-8	SWITCH SLE6A/2107F	CÔNG TẮC/2107F	59.616	8%
18976	651525-3	SWITCH SLE6A2-GG-31/DCS232T	CÔNG TẮC SLE6A2-GG-31/DCS232T	56.160	8%
18977	651527-9	SWITCH/BO4510H	CÔNG TẮC/BO4510H	41.256	8%
18978	651529-5	SWITCH/2012NB	CÔNG TẮC/2012NB	247.320	8%
18979	651531-8	SWITCH OR05-11B-BB-2/DVF154	CÔNG TẮC/DVF154	99.360	8%
18980	651533-4	SWITCH SLE6A2-33/BBC231U	CÔNG TẮC SLE6A2-33/BBC231U	64.152	8%
18981	651534-2	SWITCH 1934.3112B/DCU180	CÔNG TẮC/DCU180	549.504	8%
18982	651536-8	SWITCH 1941. 1451/DUP361	CÔNG TẮC 1941. 1451/DUP361	352.620	8%
18983	651556-2	SWITCH VLX11/6905H	CÔNG TẮC/6905H	276.480	8%
18984	651564-3	SWITCH SL220SD-4/6905B	CÔNG TẮC/6905B	512.892	8%
18985	651572-4	SWITCH SL220SD-19/TW0350	CÔNG TẮC/TW0350	668.628	8%
18986	651574-0	SWITCH ART -2220-1C-DBA12-01/2704	CÔNG TẮC ART -2220-1C-DBA12-01/2704	169.452	8%
18987	651600-5	SWITCH SS106A/9207SPB	CÔNG TẮC/9207SPB	183.168	8%
18988	651607-1	SWITCH SS106AY/9045B	CÔNG TẮC/9045B	297.648	8%
18989	651609-7	SWITCH SS106A-7-1/TM3000C	CÔNG TẮC/TM3000C	215.244	8%
18990	651610-2	SWITCH/TM30D	CÔNG TẮC/TM30D	96.228	8%
18991	651816-2	SWITCH ZGC53/JN1600	CÔNG TẮC/JN1600	220.320	8%
18992	651835-8	SWITCH SP215C/6922NB	CÔNG TẮC/6922NB	242.784	8%
18993	651852-8	SWITCH V-15-1A5/BUH523	CÔNG TẮC/BUH523	105.408	8%
18994	651874-8	SWITCH BSE230C-3/2711	CÔNG TẮC/2711	993.600	8%
18995	651891-8	SWITCH V-15-3A6/HS300DZ	CÔNG TẮC V-15-3A6/HS300DZ	91.584	8%
18996	651910-0	SWITCH D2VW-01-3HS/DVC860L	CÔNG TẮC/DVC860L	160.272	8%
18997	651919-2	SWITCH SGE106CV-1P/HR2010	CÔNG TẮC/HR2010	838.080	8%
18998	651922-3	SWITCH TG71B/2414NB	CÔNG TẮC/2414NB	247.320	8%
18999	651923-1	SWITCH TG70B/LS1030N	CÔNG TẮC/LS1030N	325.188	8%
19000	651941-9	SWITCH V-15-2A5/LS1016	CÔNG TẮC/LS1016	64.152	8%
19001	651944-3	SWITCH DMC-1115-13/CL100D	CÔNG TẮC/CL100D	82.512	8%
19002	651947-7	SWITCH 1247.0302/9556HN	CÔNG TẮC/9556HN	54.972	8%
19003	651956-6	SWITCH TG72BD/BCS550	CÔNG TẮC TG72BD/BCS550	246.240	8%
19004	651965-5	SWITCH C3MA/6951	CÔNG TẮC/6951	888.408	8%
19005	651978-6	SWITCH C3MA-2L/6824	CÔNG TẮC/6824	518.400	8%
19006	651984-1	SWITCH TG71B-2/N5900B	CÔNG TẮC/N5900B	228.960	8%
19007	651986-7	SWITCH TG803TLB-1/6307	CÔNG TẮC/6307	567.864	8%
19008	652008-6	SCREW M3.5X7/4100NH	ỐC VÍT CÓ REN/4100NH	4.730	10%
19009	652014-1	PAN HEAD SCREW M4X8/1804N	ỐC VÍT M4X8/1804N	4.730	10%
19010	652031-1	PAN HEAD SCREW M3X6/DHR400	ỐC VÍT M3X6/DHR400	4.400	10%
19011	652038-7	PAN HEAD SCREW M3X8/4100NH2	ỐC VÍT/4100NH2	4.400	10%
19012	652044-2	BIND SCREW M3.5X5.0/HR3001CJ	ỐC VÍT M3.5X5.0/HR3001CJ	4.730	10%
19013	652045-0	PAN HEAD SCREW M3.5X5/DTW251	ỐC VÍT M3.5X5/DTD134	4.730	10%
19014	652061-2	WASHER 12/906H	VÒNG ĐỆM 12/906H	4.400	10%
19015	652063-8	FUSE/DVF154	CẦU CHỈ/DVF154	38.880	8%
19016	652066-2	PAN HEAD SCREW M3X9 WITH W/DDF482	ỐC VÍT M3X9/DDF482	4.730	10%
19017	652067-0	FUSE/DC10SB	CẦU CHỈ/DC10SB	54.972	8%
19018	652069-6	FLAT HEAD SCREW M3X6/DDF484	ỐC VÍT M3X6/DDF484	18.700	10%
19019	652071-9	FUSE/DC40RA	CẦU CHỈ/DC40RA	96.228	8%
19020	652093-9	PAN HEAD SCREW M2X5/RS002G	ỐC VÍT M2X5/RS002G	4.730	10%
19021	652102-4	HEX. NUT M12/3612br	BU LÔNG/3612BR	14.080	10%
19022	652112-1	HEX. NUT/MT954	BU LÔNG/MT954	8.800	10%
19023	652113-9	HEX. NUT M12-16/MT910	ĐAI ỐC/MT910	9.350	10%
19024	652119-7	PAN HEAD SCREW	ỐC VÍT M2X6/DSP600	4.730	10%
19025	652173-1	INSULATION PAPER/906H	NÁP CHỤP CÔNG TẮC/906H	12.960	8%
19026	652190-1	SLIDE COVER/9045B	NÚT CÔNG TẮC/9045B	50.436	8%
19027	652519-1	OVERLOAD PROTECTOR 200V-240V/5012B	NÚT NGẮT QUÁ TẢI . 200V-240V/5012B	526.608	8%
19028	652772-9	RELAY 305.232.01/LH1040	RƠ LE/LH1040	1.245.564	8%
19029	652779-5	FUSE/HR166	CẦU CHỈ/HR166	96.228	8%
19030	652786-8	FUSE/DC36RA	CẦU CHỈ/DC36RA	285.120	8%
19031	652789-2	FUSE/DC18WA	CẦU CHỈ/DC18WA	50.436	8%
19032	652792-3	FUSE/DC36WA	CẦU CHỈ/DC36WA	21.600	8%
19033	652800-0	FUSE/DC18RC	CẦU CHỈ/DC18RC	96.228	8%
19034	652802-6	FUSE/DC18RE	CẦU CHỈ/DC18RE	90.720	8%
19035	652804-2	FUSE/DC10SB	CẦU CHỈ/DC10SB	96.228	8%
19036	654019-7	RING TERMINAL/9207SPB	LỖ XO THAN/9207SPB	4.730	10%
19037	654020-2	RING TERMINAL/1804N	LỖ XO THAN/1804N	9.350	10%
19038	654037-5	INSULATED TERM. FT1.25-M3/1911B	ĐẦU NỐI/1911B	4.730	10%
19039	654069-2	RECEPTACLE/4350CT	GHIM ĐIỆN -41-187N/4350CT	4.320	8%
19040	654086-2	RECEPTACLE/BO4558	GHIM NỐI ĐIỆN/BO4558	4.730	10%
19041	654100-4	RING TERMINAL/3709	LỖ XO THAN/3709	9.350	10%
19042	654197-3	RING TERMINAL/HW1300	LỖ XO THAN/HW1300	14.080	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19043	654199-9	RECEPTACLE/DPB181	HỐC CẮM ĐIỆN/DPB181	4.644	8%
19044	654208-4	RECEPTACLE/DPB181	HỐC CẮM ĐIỆN/DPB181	4.730	10%
19045	654228-8	RECEPTACLE/M8104B	DÂY DẪN ĐIỆN Ồ THAN/M8104B	4.320	8%
19046	654409-4	TERMINAL FK1.25-M3/MT650	ĐẦU NỐI THAN/MT650	4.644	8%
19047	654449-2	RING TERMINAL/MT905	LỖ XO THAN/MT905	9.350	10%
19048	654450-7	RING TERMINAL/MT191	LỖ XO THAN/MT191	9.350	10%
19049	654451-5	RING TERMINAL/MT360	LỖ XO THAN/MT360	9.350	10%
19050	654460-4	SPRING TERMINAL/BTC04	LỖ XO PIN/BTC04	28.050	10%
19051	654461-2	SPRING TERMINAL/BTC04	LỖ XO PIN/BTC04	14.080	10%
19052	654462-0	SPRING TERMINAL/BTC04	LỖ XO PIN/BTC04	14.080	10%
19053	654485-8	CONNECTOR P-1.25/906H	DÂY GHIM ĐIỆN/906H	4.730	10%
19054	654486-6	CONNECTOR P-2/1804N	DÂY GHIM ĐIỆN/1804N	4.644	8%
19055	654501-6	CONNECTOR P-1.25/906H	DÂY GHIM ĐIỆN/906H	4.730	10%
19056	654531-7	TERMINAL BLOCK 2P/2107F	MIẾNG NỐI CÁP ĐIỆN/2107F	36.720	8%
19057	654532-5	TERMINAL BLOCK 1PMT241	MIẾNG NỐI CÁP ĐIỆN/MT241	13.824	8%
19058	654542-2	TERMINAL BLOCK 2P/RT0700C	GHIM ĐIỆN/RT0700C	38.880	8%
19059	654561-8	TERMINAL BLOCK/2012NB	MIẾNG NỐI CÁP ĐIỆN/2012NB	64.152	8%
19060	654571-5	TERMINAL BLOCK/9237C	ĐẦU NỐI DÂY/9237C	35.200	10%
19061	654588-8	TERMINAL BLOCK 1PMT241	MIẾNG NỐI CÁP ĐIỆN/MT241	8.800	10%
19062	654741-6	TERMINAL BLOCK/HM1511	ĐẦU NỐI ĐIỆN/HM1511	36.720	8%
19063	654896-7	TERMINAL A/RM350D	ĐẦU KẾT NỐI ĐIỆN A/RM350D	114.480	8%
19064	654898-3	TERMINAL/RM350D	ĐẦU KẾT NỐI ĐIỆN/RM350D	164.916	8%
19065	654899-1	TERMINAL C/RM350D	ĐẦU KẾT NỐI PIN SẠC C/RM350D	18.360	8%
19066	654909-4	EARTH PLATE/UH020G/UH021G	MIẾNG TIẾP ĐẤT/UH020G/UH021G	23.320	10%
19067	654938-7	TERMINAL/DHP490/DDF490	ĐẾ GÀI PIN/DHP490/DDF490	41.256	8%
19068	655123-5	OUTLET/VC1310L	Ổ RA ĐIỆN/VC1310L	123.660	8%
19069	660330-7	POWER SUPPLY CORD/DLM431	DÂY ĐIỆN CỎ ĐẦU NỐI/DLM431	480.816	8%
19070	660331-5	POWER SUPPLY CORD/BAP182	DÂY ĐIỆN/BAP182	717.120	8%
19071	660332-3	POWER SUPPLY CORD/BAP182	DÂY ĐIỆN/BAP182	159.840	8%
19072	660393-3	POWER SUPPLY CORD/DLM382	DÂY ĐIỆN/DLM382	99.360	8%
19073	660480-8	POWER SUPPLY CORD #16-3-0.95/DLM380	DÂY NGUỒN/DLM380	172.800	8%
19074	660500-8	POWER SUPPLY CORD/DUR193	DÂY CÁP NGUỒN/DUR193	160.272	8%
19075	661432-2	USB CABLE/DFTO23F	CÁP USB/DFTO23F	174.096	8%
19076	661445-3	CONNECTION CORD/DUP361	DÂY NỐI/DUP361	2.573.532	8%
19077	661750-8	USB CABLE/DF001D/DF001D	NẮP DÂY USB/DF001D	5.400	8%
19078	661905-5	EXTENSION CORD 0.75-2-10.0/MUH355	DÂY ĐIỆN/MUH355	522.072	8%
19079	661914-4	CONNECTION CORD/DVC860L	DÂY KẾT NỐI/DVC860L	471.130	10%
19080	664094-5	POWER SUPPLY CORD 1.5-5-0.5/2704	DÂY ĐIỆN 1.5-5-0.5/2704	142.020	8%
19081	664780-8	POWER SUPPLY CORD #18-2-1.2/LM430D	DÂY ĐIỆN/LM430D	105.408	8%
19082	665865-3	POWER SUPPLY CORD 1.0-2-2.5/2704	DÂY ĐIỆN 1.0-2-2.5/2704	256.500	8%
19083	666053-5	POWER SUPPLY CORD/HP1640	DÂY ĐIỆN 1.0-2-2.0/HP1640	138.240	8%
19084	666066-6	POWER SUPPLY CORD 1.0-2-2.5/9565CVR	DÂY ĐIỆN 1.0-2-2.5/9565CVR	228.960	8%
19085	666216-3	POWER SUPPLY CORD 1.5-2-2.5/CA5000X	DÂY ĐIỆN 1.5-2-2.5/CA5000X	237.600	8%
19086	666764-2	POWER SUPPLY CORD 1.0-2-0/4100NH2	DÂY ĐIỆN/4100NH2	137.376	8%
19087	666899-9	POWER SUPPLY CORD 1.0-2-0.55/DVC860L	DÂY ĐIỆN 1.0-2-0.55/DVC860L	137.376	8%
19088	667231-0	POWER SUPPLY CORD/DC40RA	DÂY ĐIỆN/DC40RA	251.856	8%
19089	667234-4	POWER SUPPLY CORD A/DC4001	DÂY DẪN ĐIỆN/DC4001	210.708	8%
19090	667708-5	POWER SUPPLY CORD/DC18RD	DÂY ĐIỆN/DC18RD	215.244	8%
19091	667720-5	POWER SUPPLY CORD/DC18SE	DÂY DẪN ĐIỆN/DC18SE	778.464	8%
19092	667985-9	VINYL CORD 0.75-2-2.0/DC18RC	DÂY DẪN/DC18RC	228.960	8%
19093	668140-6	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-0.3/MUH355	DÂY ĐIỆN 0.75/MUH355	164.916	8%
19094	679032-4	SOLENOID/DTRI80	CUỘN DÂY SOLENOID/DTRI80	671.660	10%
19095	680398-7	POLYCARBONATE SHEET/PDC01	TẤM LOT/PDC01	216.000	8%
19096	681000-5	INSULATION WASHER/N3701	VÒNG ĐỆM/N3701	4.320	8%
19097	681002-1	INSULATION WASHER/1804N	VÒNG ĐỆM/1804N	4.730	10%
19098	681018-6	APPER WASHER/HM1306	VÒNG ĐỆM CÁCH ĐIỆN/HM1306	13.824	8%
19099	681613-2	INSULATION WASHER/1911B	LONG ĐÈN NHỰA/1911B	9.180	8%
19100	681614-0	INSULATION WASHER/1900B	LONG ĐÈN NHỰA NHP1300S/1900B	13.824	8%
19101	681623-9	INSULATION WASHER/2012NB	LONG ĐÈN NHỰA/2012NB	13.824	8%
19102	681630-2	INSULATION WASHER/4112HS	LONG ĐÈN NHỰA/4112HS	9.180	8%
19103	681636-0	INSULATION WASHER/4304	LONG ĐÈN/4304	4.644	8%
19104	681640-9	INSULATION WASHER/2704	LONG ĐÈN NHỰA/2704	13.824	8%
19105	681642-5	INSULATION WASHER/HM1203C	ĐỆM CÁCH ĐIỆN/HM1203C	114.480	8%
19106	681644-1	INSULATION WASHER/2107F	LONG ĐÈN NHỰA/2107F	4.644	8%
19107	681649-1	INSULATION WASHER/9403	VÒNG ĐỆM/9403	9.350	10%
19108	681650-6	INSULATION WASHER/HM0870C	LONG ĐÈN/HM0870C	121.330	10%
19109	681656-4	INSULATION WASHER/9563C	LONG ĐÈN NHỰA GD0800C/9563C	9.180	8%
19110	681660-3	INSULATION WASHER/PCS000C	MIẾNG ĐỆM/PCS000C	116.640	8%
19111	681665-3	INSULATION WASHER/TW1000	LONG ĐÈN NHỰA/TW1000	14.080	10%
19112	681666-1	INSULATION WASHER/2414NB	LONG ĐÈN NHỰA/2414NB	4.644	8%
19113	681668-7	INSULATION WASHER/M3700B	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/M3700B	4.644	8%
19114	681670-0	INSULATION WASHER/HR2230	LONG ĐÈN/HR2230	4.644	8%
19115	681671-8	INSULATION WASHER/RP1800	VÒNG ĐỆM CÁCH ĐIỆN/RP1800	13.824	8%
19116	681672-6	INSULATION WASHER/MT191	LONG ĐÈN NHỰA/MT191	9.180	8%
19117	681675-0	INSULATION WASHER/BO4557	LONG ĐÈN/BO4557	4.644	8%
19118	682095-1	CORD GUARD/BAP182	CHUI BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/BAP182	41.256	8%
19119	682096-9	CORD GUARD/MT980	CHUỐI BẢO VỆ DÂY/MT980	21.600	8%
19120	682098-5	GROMMET/HW1300	NÚT BẢNG CAO SU/HW1300	8.640	8%
19121	682100-4	GROMMET/HW1300	NÚT BẢNG CAO SU/HW1300	8.640	8%
19122	682103-8	GROMMET/2704	CHUỐI DÂY ĐIỆN/2704	9.180	8%
19123	682106-2	CORD GUARD/MT413	CHUỐI DÂY ĐIỆN/MT413	13.824	8%
19124	682114-3	GROMMET/DCU603	MIẾNG ĐỆM/DCU603	18.360	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19125	682117-7	CORD GUARD/GA5090	CHUÔI BẢO VỆ DÂY/GA5090	13.824	8%
19126	682141-0	GROMMET/DCU601/DCU602	VÒNG ĐỆM/DCU601/DCU602	9.180	8%
19127	682211-5	RUBBER SLEEVE/UC3041A	CAO SU GIÀM CHÂN/UC3041A	9.180	8%
19128	682502-4	CORD GUARD 8-85/4304	DÂY TREO MỀM 8-85/4304	13.824	8%
19129	682503-2	CORD GUARD 8-90/CA5000	ÔNG CAO SU 8-90/CA5000	13.824	8%
19130	682504-0	CORD GUARD 10-85/1900B	DÂY TREO MỀM 10-85/1900B	13.824	8%
19131	682505-8	CORD GUARD 10-90/906H	DÂY TREO MỀM 10-90/906H	13.824	8%
19132	682506-6	CORD GUARD 12-90/3600H	ÔNG CAO SU BẢO VỆ DÂY ĐIỆN 12-90/3600H	13.824	8%
19133	682507-4	CORD GUARD 12-200/1804N	ÔNG CAO SU BẢO VỆ DÂY ĐIỆN 12-200/1804N	34.560	8%
19134	682516-3	CORD GUARD 9.3-85/2704	DÂY TREO CAO SU/2704	2.160	8%
19135	682539-1	GROMMET/2012NB	CHỖI DÂY ĐIỆN/2012NB	13.824	8%
19136	682546-4	CORD GUARD 12-125/HM1810	CHỖI DÂY ĐIỆN 12-125/HM1810	51.840	8%
19137	682559-5	CORD GUARD 8/4350CT	DÂY TREO MỀM 8-110/4350CT	13.824	8%
19138	682560-0	CORD GUARD 10/4112HS	DÂY TREO MỀM/4112HS	41.256	8%
19139	682564-2	CORD GUARD/N5900B	DÂY TREO MỀM 10/N5900B	22.896	8%
19140	682566-8	CORD GUARD 10/9500NB	DÂY TREO MỀM 10-110 6824/9500NB	22.896	8%
19141	682568-4	CORD GUARD 10/HR2010	ÔNG BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/HR2010	27.540	8%
19142	682569-2	CORD GUARD/MT80A	BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/MT80A	9.180	8%
19143	682573-1	CORD GUARD 10/2107F	DÂY TREO MỀM 10/2107F	18.360	8%
19144	682574-9	CORD GUARD 10-90/4100NH2	DÂY TREO MỀM/4100NH2	13.824	8%
19145	682576-5	GROMMET/DCU180	DÂY ĐIỆN/DCU180	13.824	8%
19146	682577-3	GROMMET/WUT02	MIẾNG ĐỆM GIỮ DÂY/WUT02	8.640	8%
19147	682582-0	CORD GUARD/MT60	ÔNG CAO SU/MT60	9.180	8%
19148	682583-8	CORD GUARD/MT967	BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/MT967	9.180	8%
19149	682584-6	CORD GUARD/DVC860L	ÔNG CAO SU/DVC860L	41.256	8%
19150	682585-4	CORD GUARD 10/GA7090	BẢO VỆ DÂY 10/GA7090	9.180	8%
19151	683184-5	POLYETHYLENE TUBE 8-30/5806B	ÔNG NHỰA CỨNG/5806B	9.180	8%
19152	683607-3	VARNISHED POLYESTER TUBE 8-40/HM1306	ÔNG CAO SU 8-40/HM1306	22.896	8%
19153	683A20-1	POLYOLEFIN TUBE/DLMS33	ÔNG ĐỆM/DLMS33	4.644	8%
19154	684990-1	VINYL TUBE/VC006GM	ÔNG BĂNG NHỰA MỀM PVC/VC006GM	18.360	8%
19155	685700-9	SPONGE SHEET/4107R	MÚT LỌC/4107R	2.160	8%
19156	685722-9	SPONGE/HR2810	VÒNG ĐỆM/HR2810	4.644	8%
19157	685725-3	SPONGE SHEET/HR4002	CAO SU MỀM/HR4002	4.644	8%
19158	685740-7	RUBBER SHEET/VC1310L	TẤM ĐỆM/VC1310L	4.644	8%
19159	685756-2	RUBBER SHEET/HM1511	TẤM ĐỆM/HM1511	9.180	8%
19160	686023-8	RECEPTACLE SLEEVE/DVC860L	GHIM NỐI ĐIỆN/DVC860L	4.644	8%
19161	686035-1	RECEPTACLE SLEEVE/HW1300	HỐC CÀM/HW1300	8.640	8%
19162	686036-9	RECEPTACLE SLEEVE/GA9030R	BỌC NHỰA CÁCH ĐIỆN/GA9030R	4.644	8%
19163	686038-5	RECEPTACLE SLEEVE/HP2070	DẮC CÀM/HP2070	4.320	8%
19164	686039-3	RECEPTACLE SLEEVE/BO4510H	DẮC CÀM/BO4510H	4.644	8%
19165	686044-0	CONNECTOR HOUSING/HR2810	TIẾP ĐIỂM NỐI/HR2810	4.730	10%
19166	687000-3	STRAIN RELIEF/3612Br	MIẾNG NÉP/3612BR	4.644	8%
19167	687010-0	BAND/VC1310L	VÒNG NÉP CHI TIẾT JN3200/VC1310L	4.644	8%
19168	687034-6	STRAIN RELIEF/1804N	THANH CHÂN BẮT DÂY ĐIỆN BĂNG VÍT/1804N	12.960	8%
19169	687042-7	STRAIN RELIEF/2012NB	MIẾNG CHÂN/2012NB	9.180	8%
19170	687045-1	STRAIN RELIEF/DLS600	THANH CHÂN BẮT DÂY ĐIỆN /DLS600	9.180	8%
19171	687049-3	STRAIN RELIEF/2704	MIẾNG NÉP DÂY ĐIỆN/2704	9.180	8%
19172	687051-6	STRAIN RELIEF/6905H	NÉP DÂY ĐIỆN6905H	8.640	8%
19173	687052-4	CORD CLAMP/4324	THANH NÉP DÂY ĐIỆN/4324	2.160	8%
19174	687053-2	STRAIN RELIEF/1900B	MIẾNG NÉP/1900B	9.180	8%
19175	687055-8	STRAIN RELIEF/EB7660TH	MIẾNG NÉP/EB7660TH	4.320	8%
19176	687063-9	CORD CLAMP/9565CVR	THANH CHÂN BẮT DÂY ĐIỆN BĂNG VÍT/9565CVR	2.160	8%
19177	687069-7	SUPPORT/JN1601	ĐUÔI CÔNG TÁC/JN1601	34.560	8%
19178	687105-9	STRAIN RELIEF/N3701	VÒNG CHÂN DÂY ĐIỆN/N3701	13.824	8%
19179	687113-0	COVER/9563C	NẮP BẢO VỆ CÔNG TÁC/9563C	17.280	8%
19180	687116-4	SUPPORT/9500NB	CHỤP BẢO VỆ CÔNG TÁC/9500NB	27.540	8%
19181	687123-7	STRAIN RELIEF/DVC260	THANH NÉP DÂY ĐIỆN/DVC260	4.644	8%
19182	687124-5	CORD CLAMP/4324	THANH NÉP DÂY ĐIỆN/4324	4.730	10%
19183	687138-4	ENDBELL COMPLETE/BFL082F	Ó THAN/BFL082F	100.764	8%
19184	687139-2	SUPPORT/DA3010	ĐÈ GIỮ CÔNG TÁC/DA3010	43.200	8%
19185	687140-7	STRAIN RELIEF/2012NB	MIẾNG NÉP/2012NB	4.644	8%
19186	687149-9	STRAIN RELIEF/2414NB	MIẾNG CHÂN/2414NB	4.320	8%
19187	687169-3	STRAIN RELIEF/9556HP	MIẾNG NÉP/9556HP	9.350	10%
19188	687216-0	LENS CASE/DSC191	GÁ ĐỖ/DSC191	22.896	8%
19189	687260-7	STRAIN RELIEF/4350CT	THANH CHÂN BẮT DÂY ĐIỆN/4350CT	4.644	8%
19190	687261-5	STRAIN RELIEF/BBC231U	MIẾNG CHÂN/BBC231U	9.180	8%
19191	687410-4	BAND/DCU180	DÂY RÚT/DCU180	13.824	8%
19192	687464-1	SUPPORT/DDF459	THANH HỖ TRỢ/DDF459	8.640	8%
19193	687650-4	STRAIN RELIEF/9500NB	THANH CHÂN BẮT DÂY ĐIỆN BĂNG VÍT/9500NB	8.640	8%
19194	687678-2	STRAIN RELIEF/GA7020	MỐC GÁ/GA7020	9.350	10%
19195	687681-3	STRAIN RELIEF/MT870	THANH CHÂN/MT870	4.320	8%
19196	687682-1	STRAIN RELIEF/BO6050	MIẾNG CHÂN/BO6050	8.800	10%
19197	687849-1	BAND/DCU180	MỐC TREO/DCU180	18.360	8%
19198	687877-6	STOPPER/DHR400	VÒNG ĐỆM/DHR400	4.400	10%
19199	687A88-9	CORD CLAMP/DLM380	MIẾNG NÉP BẢO VỆ ĐÈN LED/DLM380	38.880	8%
19200	687B69-9	STOPPER/DHR400	VÒNG ĐỆM/DHR400	44.000	10%
19201	687F00-9	BAND/DCU603	VÒNG NÉP BĂNG NHỰA/DCU603	4.644	8%
19202	687F01-7	BAND/DCU603	NÉP DÂY ĐIỆN/DCU603	41.256	8%
19203	687F74-0	CORD CLAMP/BAP001G	MIẾNG NÉP DÂY ĐIỆN/BAP001G	64.152	8%
19204	687F91-0	CLAMP/RM350D	MIẾNG NHỰA KÉP GIỮ DÂY ĐIỆN/RM350D	18.360	8%
19205	687G57-6	RETAINER/DUA200	VÒNG GIỮ DÂY ĐIỆN/DUA200	18.360	8%
19206	687H54-8	STOPPER/UC030G	VÒNG ĐỆM/UC030G	36.720	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19207	688110-9	MAGNET SLEEVE/9237C	VÒNG ĐỆM/9237C	73.332	8%
19208	688117-5	MAGNET SLEEVE/4350CT	MIẾNG ĐỆM/4350CT	45.792	8%
19209	688131-1	LINE FILTER/DS4011	BỘ LỌC DÒNG/DS4011	8.640	8%
19210	688161-2	LINE FILTER/DVC860L	CUỘN DÂY CHỒNG NHIỀU/DVC860L	2.200	10%
19211	688162-0	LINE FILTER/DCU180	CUỘN DÂY CHỒNG NHIỀU/DCU180	45.792	8%
19212	688163-8	LINE FILTER/DVC860L	CUỘN DÂY CHỒNG NHIỀU TỦ/DVC860L	22.896	8%
19213	688164-6	LINE FILTER/M6501B	DÂY LỌC/M6501B	4.644	8%
19214	688165-4	LINE FILTER/M6201B	DÂY LỌC/M6201B	13.824	8%
19215	688189-0	MAGNET/DUP361	MIẾNG ĐỆM/DUP361	195.910	10%
19216	688233-3	LINE FILTER/PDC01	ÔNG ĐỆM/PDC01	263.520	8%
19217	688234-1	FERRITE CORE/DRC300	LỎI FERIT LỌC NHIỀU/DRC300	36.720	8%
19218	688238-3	LINE FILTER/DLM432	VÒNG ĐỆM/DLM432	93.280	10%
19219	689070-8	HEAT SINK/DDF482	ĐÈ TẢN NHIỆT/DDF482	69.960	10%
19220	689098-6	HEAT SINK/DDA340	MIẾNG TẢN NHIỆT/DDA340	14.080	10%
19221	689111-0	SPACER/DP4010	GIA ĐỖ CHỖI THAN/DP4010	4.644	8%
19222	689145-3	HEAT SINK/DPP200	MIẾNG TẢN NHIỆT/DPP200	14.080	10%
19223	689181-9	SPACER/DTW250	NÁP CHỤP CỒNG TẮC/DTW250	8.640	8%
19224	689204-3	HEAT SINK/DJR186	MIẾNG TẢN NHIỆT (NHÔM)/DJR186	14.080	10%
19225	689286-5	THERMAL DIFFUSION SHEET/DC64WA	MIẾNG TẢN NHIỆT/DC64WA	169.452	8%
19226	691005-7	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-2.0/JN1601	DÂY ĐIỆN 0.75-2-2.0/JN1601	242.784	8%
19227	691015-4	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-2.5/1900B	DÂY ĐIỆN/1900B	123.660	8%
19228	691025-1	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-5.0/9403	DÂY ĐIỆN 0.75-2-5.0/9403	412.128	8%
19229	691049-7	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-5.7/HW1200	DÂY DẪN ĐIỆN/HW1200	279.396	8%
19230	691055-2	POWER SUPPLY CORD 0.75-3-2.0/4326	DÂY ĐIỆN 0.75-2-2.0/4326	219.888	8%
19231	691065-9	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-2.5/3709	DÂY ĐIỆN 0.75-2-2.5/3709	250.560	8%
19232	691134-6	POWER SUPPLY CORD 0.75-3-2.5/9237C	DÂY ĐIỆN 0.75-3-2.5/9237C	357.264	8%
19233	691157-4	POWER SUPPLY CORD 0.75-3-5.0/HM1306	DÂY ĐIỆN 0.75-3-5.0/HM1306	586.224	8%
19234	691202-5	POWER SUPPLY CORD 1.25-2-2.0/M0920B	DÂY DẪN ĐIỆN 1.25-2-2.0/M0920B	228.960	8%
19235	691216-4	POWER SUPPLY CORD 1.25-2-2.5/2414NB	DÂY ĐIỆN 1.25-2-2.5/2414NB	380.160	8%
19236	691227-9	POWER SUPPLY CORD 1.25-2-5.0/1911B	DÂY ĐIỆN 1.25-2-5.0/1911B	462.564	8%
19237	691237-6	POWER SUPPLY CORD 1.25-2-3.0/LW1401	DÂY ĐIỆN 1.25-2-3.0/LW1401	311.472	8%
19238	691284-7	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-2.0/MT60	DÂY ĐIỆN VCT-F0.75-2/MT60	119.124	8%
19239	691295-2	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-5.0/MT871	DÂY ĐIỆN/MT871	215.244	8%
19240	691337-2	POWER SUPPLY CORD 1.25-3-2.5/2416S	DÂY ĐIỆN 1.25-3-2.5/2416S	338.904	8%
19241	691346-1	POWER SUPPLY CORD 1.25-3-5.0/1804N	DÂY ĐIỆN 1.25-3-5.0/1804N	812.160	8%
19242	691410-8	POWER SUPPLY CORD 0.75-3-2.0/MT370	DÂY ĐIỆN 0.75-3-2.0/MT370	283.932	8%
19243	691770-8	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-3.0/MT241	DÂY ĐIỆN/MT241	183.168	8%
19244	691780-5	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-5.0/MT111	DÂY ĐIỆN/MT111	151.200	8%
19245	691788-9	POWER SUPPLY CORD 0.75-2-2.5/MT243	DÂY ĐIỆN 0.75-2-2.5/MT243	169.452	8%
19246	692006-8	POWER SUPPLY CORD 1.0-2-2.0/4326	DÂY ĐIỆN/4326	120.960	8%
19247	692516-5	POWER SUPPLY CORD 1.0-2-2.0/JN1601	DÂY ĐIỆN/JN1601	216.000	8%
19248	694007-2	POWER SUPPLY CORD 1.0-2-2.0/4350CT	DÂY ĐIỆN/4350CT	155.736	8%
19249	695107-1	POWER SUPPLY CORD 1.5-2-2.5/GA7030	DÂY ĐIỆN 1.5-2-2.5/GA7030	334.368	8%
19250	695137-2	POWER SUPPLY CORD 1.5-2-5.0/HR4511C	DÂY ĐIỆN 1.5-2-5.0/HR4511C	636.552	8%
19251	695350-2	POWER SUPPLY CORD 1.5-3-5.0/VC3210L	DÂY ĐIỆN 1.5-3-5.0/VC3210L	741.852	8%
19252	699059-8	POWER SUPPLY CORD UNIT/BUR182U	DÂY CÁP ĐIỆN/BUR182U	741.852	8%
19253	699060-3	POWER SUPPLY CORD UNIT/BUR182U	ÔNG LƯƠN DÂY CÁP ĐIỆN/BUR182U	501.120	8%
19254	699064-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR182L	DÂY NỐI ĐIỆN/DUR182L	306.720	8%
19255	699067-9	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR365U	DÂY ĐIỆN/DUR365U	558.684	8%
19256	699069-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR365U	DÂY ĐIỆN/DUR365U	787.644	8%
19257	699070-0	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUP361	DÂY ĐIỆN/DUP361	1.283.040	8%
19258	699077-6	POWER SUPPLY CORD UNIT/DVC260	DÂY ĐIỆN/DVC260	979.992	8%
19259	699084-9	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR187	DÂY ĐIỆN/DUR187	654.912	8%
19260	699086-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUP361	DÂY ĐIỆN/DUP361	1.721.844	8%
19261	699087-3	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR191L	DÂY ĐIỆN/DUR191L	677.808	8%
19262	699088-1	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR191L	DÂY ĐIỆN/DUR191L	572.400	8%
19263	699090-4	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR187	DÂY ĐIỆN/DUR187	210.708	8%
19264	699095-4	POWER SUPPLY CORD UNIT/DCU180	DÂY CÁP ĐIỆN/DCU180	105.408	8%
19265	699096-2	POWER SUPPLY CORD UNIT/DCU180	DÂY CÁP ĐIỆN/DCU180	320.544	8%
19266	699113-8	POWER SUPPLY CORD UNIT/UR100D	DÂY ĐIỆN/UR100D	164.916	8%
19267	699114-6	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR189	DÂY ĐIỆN CỎ ĐẦU GIM/DUR189	517.536	8%
19268	699115-4	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM460	DÂY ĐIỆN/DLM460	361.800	8%
19269	699116-2	POWER SUPPLY CORD UNIT/DVC265	DÂY ĐIỆN/DVC265	1.103.652	8%
19270	699118-8	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR368A	DÂY NGUỒN/DUR368A	237.600	8%
19271	699119-6	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR368A	DÂY NGUỒN/DUR368A	181.440	8%
19272	699129-3	POWER SUPPLY CORD UNIT/DSL800	ÔNG DẪN/DSL800	881.280	8%
19273	699132-4	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR369	DÂY DẪN/DUR369	357.264	8%
19274	699135-8	POWER SUPPLY CORD UNIT/PDC01	DÂY ĐIỆN/PDC01	5.590.080	8%
19275	699136-6	POWER SUPPLY CORD UNIT/DVC660	DÂY KẾT NỐI ĐIỀU KHIỂN/DVC660	828.900	8%
19276	699137-4	POWER SUPPLY CORD UNIT/DVC660	DÂY KẾT NỐI ĐIỀU KHIỂN/DVC660	1.080.756	8%
19277	699140-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM160	DÂY CÁP NGUỒN/DLM160	192.348	8%
19278	699142-1	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM533	DÂY ĐIỆN/DLM533	128.304	8%
19279	699143-9	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM533	DÂY ĐIỆN/DLM533	769.392	8%
19280	699144-7	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM530	DÂY DẪN ĐIỆN/DLM530	444.204	8%
19281	699145-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM533	DÂY ĐIỆN/DLM533	206.064	8%
19282	699146-3	POWER SUPPLY CORD UNIT/UR101C	DÂY DẪN/UR101C	2.181.600	8%
19283	699147-1	POWER SUPPLY CORD UNIT/UR101C	DÂY DẪN/UR101C	2.784.240	8%
19284	699149-7	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR191L	DÂY DẪN NGUỒN/DUR191L	206.064	8%
19285	699150-2	POWER SUPPLY CORD UNIT/PDC1200	DÂY DẪN/PDC1200	2.605.608	8%
19286	699156-0	POWER SUPPLY CORD UNIT/UB001C	DÂY CÁP ĐIỆN/UB001C	3.402.432	8%
19287	699157-8	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUR192L	DÂY CÁP ĐIỆN/DUR192L	407.592	8%
19288	699159-4	POWER SUPPLY CORD UNIT/UR002G	DÂY DẪN ĐIỆN/UR002G	554.148	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19289	699161-7	POWER SUPPLY CORD UNIT/UR101C	DÂY DẪN/UR101C	2.994.840	8%
19290	699162-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/LM001C	DÂY CÁP ĐIỆN NGUỒN/LM001C	659.448	8%
19291	699163-3	POWER SUPPLY CORD UNIT/LM001C	DÂY CÁP ĐIỆN NGUỒN/LM001C	2.742.984	8%
19292	699165-9	POWER SUPPLY CORD UNIT/UR006G	DÂY DẪN ĐIỆN/UR006G	380.160	8%
19293	699167-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/DUN461W	DÂY DẪN ĐIỆN/DUN461W	361.800	8%
19294	699170-6	POWER SUPPLY CORD UNIT/UR012G	DÂY ĐIỆN/UR012G	361.800	8%
19295	699175-6	POWER SUPPLY CORD UNIT/LM001J	DÂY DẪN ĐIỆN/LM001J	293.112	8%
19296	699178-0	POWER SUPPLY CORD UNIT/DCU603	ĐẦU NỐI DÂY NGUỒN/DCU603	536.360	10%
19297	699179-8	POWER SUPPLY CORD UNIT/DCU601/DCU602	DÂY DẪN ĐIỆN/DCU601/DCU602	274.752	8%
19298	699180-3	POWER SUPPLY CORD UNIT/DCU603	DÂY CÁP NGUỒN/DCU603	196.992	8%
19299	699181-1	POWER SUPPLY CORD UNIT/DCU603	DÂY CÁP NGUỒN/DCU603	77.868	8%
19300	699183-7	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM480	DÂY CÁP ĐIỆN/DLM480	155.736	8%
19301	699184-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM480	DÂY CÁP ĐIỆN/DLM480	389.232	8%
19302	699186-1	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM480	DÂY CÁP ĐIỆN/DLM480	334.368	8%
19303	699187-9	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM480	DÂY CÁP ĐIỆN/DLM480	393.876	8%
19304	699189-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM480	DÂY CÁP ĐIỆN/DLM480	343.440	8%
19305	699191-8	POWER SUPPLY CORD UNIT/DLM230	DÂY CÁP NGUỒN/DLM230	228.960	8%
19306	699193-4	POWER SUPPLY CORD UNIT/VC008G	DÂY NGUỒN/VC008G	329.724	8%
19307	699194-2	POWER SUPPLY CORD UNIT/VC008G	DÂY DẪN ĐIỆN/VC008G	338.904	8%
19308	699202-9	POWER SUPPLY CORD UNIT/UB002C	DÂY ĐIỆN/UB002C	3.054.348	8%
19309	699203-7	POWER SUPPLY CORD UNIT/UB002C	DÂY ĐIỆN/UB002C	366.336	8%
19310	699213-4	POWER SUPPLY CORD UNIT/LM001G	DÂY DẪN ĐIỆN/LM001G	142.020	8%
19311	699215-0	POWER SUPPLY CORD UNIT/LM001G	DÂY CÁP ĐIỆN/LM001G	306.828	8%
19312	699216-8	POWER SUPPLY CORD UNIT/LM001G	DÂY CÁP ĐIỆN/LM001G	366.336	8%
19313	699219-2	POWER SUPPLY CORD UNIT/UR013G	DÂY DẪN ĐIỆN/UR013G	416.772	8%
19314	699221-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/PM001G	DÂY CÁP ĐIỆN/PM001G	435.024	8%
19315	699223-1	POWER SUPPLY CORD UNIT/UR016G	DÂY CÁP ĐIỆN/UR016G	325.188	8%
19316	699225-7	POWER SUPPLY CORD UNIT/BAP001G	DÂY CÁP ĐIỆN/BAP001G	476.280	8%
19317	699226-5	POWER SUPPLY CORD UNIT/UV001G	DÂY CÁP ĐIỆN/UV001G	265.680	8%
19318	699229-9	POWER SUPPLY CORD UNIT/PDC1500	DÂY DẪN ĐIỆN CỎ GẮN ĐẦU NỐI/PDC1500	2.610.144	8%
19319	699231-2	POWER SUPPLY CORD UNI/LM004G	DÂY DẪN ĐIỆN/LM004G	256.500	8%
19320	699233-8	POWER SUPPLY CORD UNIT/VS001G	DÂY DẪN ĐIỆN/VS001G	297.648	8%
19321	699235-4	POWER SUPPLY CORD UNIT/VC011G/VC012G	DÂY DẪN ĐIỆN/VC011G/VC012G	297.648	8%
19322	699239-6	POWER SUPPLY CORD UNIT/UB004C	DÂY CÁP ĐIỆN/UB004C	1.923.264	8%
19323	699240-1	POWER SUPPLY CORD UNIT/UB004C	DÂY CÁP ĐIỆN/UB004C	668.628	8%
19324	699251-6	POWER SUPPLY CORD UNIT/PS001G/GSP01	DÂY DẪN ĐIỆN/PS001G/GSP01	654.912	8%
19325	743127-0	BRUSH/DSL801	CHỔI QUÉT/DSL801	957.096	8%
19326	743327-2	WIPER/DVC860L	CÀN GẠT NƯỚC/DVC860L	73.332	8%
19327	743328-0	BRUSH/DVC860L	BÀN CHẢI/DVC860L	87.048	8%
19328	743340-0	BRUSH A/PCS5000C	VÒNG ĐỆM/PCS5000C	416.772	8%
19329	743341-8	BRUSH B/PCS5000C	VÒNG ĐỆM/PCS5000C	233.604	8%
19330	763258-9	COLLET NUT/DCO181	ỐC GIỮ CÓN/DCO181	107.360	10%
19331	794530-8	DIAMOND FILE 140/DUP361	DỮA MÀI LƯỖI/DUP361	425.952	8%
19332	8004U3-3	INDICATION LABEL L/ADP10	NHẪN DẪN L/ADP10	64.152	8%
19333	8004U4-1	INDICATION LABEL R/ADP10	NHẪN DẪN R/ADP10	64.152	8%
19334	8007N9-0	SWITCH LABEL/DUX18	NHẪN DẪN CÔNG TẮC/DUX18	50.436	8%
19335	8008J4-8	LABEL FOR 40V MAX BATTERY	NHẪN DẪN BẢO MỨC ĐÓ PIN 40V MAX	13.824	8%
19336	8008M5-7	SWITCH LABEL/DUN500	NÚT NHẤN CÔNG TẮC/DUN500	18.360	8%
19337	800H89-4	IMPORTER LABEL FOR VIETNAM/9553B	NHẪN DẪN/9553B	4.644	8%
19338	800H90-9	IMPORTER LABEL FOR VIETNAM/9553NB	NHẪN DẪN/9553NB	4.644	8%
19339	800H93-3	9553B CARTON LABEL/9553B	NHẪN DẪN/9553B	4.644	8%
19340	800H95-9	9553NB CARTON LABEL/9553NB	NHẪN DẪN/9553NB	4.644	8%
19341	801259-8	SWITCH LABEL/TW009G	MẶT HIỆN THỊ CÔNG TẮC/TW009G	22.896	8%
19342	801L27-3	LABEL/MT817	NHẪN DẪN/MT817	4.644	8%
19343	801L37-0	CARTON LABEL/MT814	NHẪN DẪN/MT814	4.644	8%
19344	801M82-1	INDICATION LABEL/DC18SF	NHẪN DẪN/DC18SF	64.152	8%
19345	801N34-8	CARTON LABEL/MT583	NHẪN DẪN THÙNG/MT583	4.644	8%
19346	801R54-6	IMPORTER LABEL FOR VIETNAM/9553NB	NHẪN DẪN/MT583	4.644	8%
19347	8020C7-1	SWITCH LABEL/DVC560	NHẪN DẪN/MT583	4.644	8%
19348	8024K3-9	2200W LABEL/M2403B	NHẪN DẪN CÔNG TẮC/DVC560	18.360	8%
19349	8024V1-0	INDICATION LABEL/LS002G	NHẪN DẪN 2200W/M2403B	4.644	8%
19350	802G51-9	CAUTION LABEL/UC3041A	NHẪN DẪN/LS002G	4.644	8%
19351	802K54-7	INDICATION LABEL/UC3041A	NHẪN DẪN/UC3041A	4.644	8%
19352	802W67-0	LABEL/MT817	NHẪN DẪN/UC3041A	4.644	8%
19353	803G54-6	IMPORTER LABEL FOR VIETNAM/MT814	NHẪN DẪN/MT817	4.644	8%
19354	804269-6	COMPANY NAME LABEL/6936FD	NHẪN DẪN/MT814	4.644	8%
19355	8044Y7-5	CHARGING CONDITION LABEL/DC18WC	NHẪN TÊN/6936FD	4.644	8%
19356	804W32-5	SJS MARK LABEL/SG1251J	NHẪN DẪN/DC18WC	9.180	8%
19357	804Y47-4	CHARGING CONDITION LABEL/DC18RD	NHẪN DẪN/SG1251J	13.824	8%
19358	804Y51-3	INDICATION LABEL/DC18RD	NHẪN ĐIỀU KIỆN SẠC PIN/DC18RD	159.840	8%
19359	806E81-0	CARTON LABEL/DTW250	NHẪN HIỆN THỊ/DC18RD	159.840	8%
19360	806J47-0	INDICATION LABEL/EK8100	NHẪN DẪN/DTW250	4.644	8%
19361	8074D9-3	OPERATIONAL INDICATION LABEL/VS001G	NHẪN DẪN/EK8100	7.560	8%
19362	8074E1-6	OPERATIONAL INDICATION LABEL/VS001G	NHẪN DẪN/VS001G	4.644	8%
19363	8074E3-2	OPERATIONAL INDICATION LABEL/VS001G	NHẪN DẪN/VS001G	4.644	8%
19364	807B60-3	CHARGING CONDITION LABEL/DC10SB	NHẪN THÔNG TIN HƯỚNG DẪN/DC10SB	95.040	8%
19365	807L80-7	INDICATION LABEL/DUP361	NHẪN DẪN/DC18WC	4.644	8%
19366	808723-2	CAUTION LABEL/BBC300L	NHẪN DẪN/SG1251J	13.824	8%
19367	808D28-4	LABEL/LW1400	NHẪN ĐIỀU KIỆN SẠC PIN/DC18RD	159.840	8%
19368	808D33-1	CARTON LABEL/LW1401	NHẪN HIỆN THỊ/DC18RD	159.840	8%
19369	808D50-1	IMPORTER LABEL FOR VIETNAM/9553NB	NHẪN DẪN/DTW250	4.644	8%
19370	808J59-9	LABEL/GA9060	NHẪN DẪN/EK8100	7.560	8%
19371	808K63-4	LABEL/GA9060	NHẪN DẪN/LW1400	4.644	8%
19372	809293-4	INDICATION LABEL/CL183D	NHẪN DẪN/LW1401	4.644	8%
19373	809948-1	CARTON LABEL/GA4034	NHẪN DẪN/LW1401	4.644	8%
19374	809N37-6	SCALE LABEL/MT192	NHẪN THÔNG TIN HƯỚNG DẪN/DC10SB	95.040	8%
19375	809P12-4	CLEAR LABEL/EK8100	NHẪN DẪN/CL183D	4.644	8%
19376	810A91-7	LABEL/DHP484	NHẪN DẪN/MT192	4.644	8%
			NHẪN DẪN/EK8100	2.160	8%
			NHẪN DẪN/DHP484	4.320	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19377	810G16-7	LABEL/MT243	NHẪN DÁN/MT243	4.644	8%
19378	810P35-7	SWITCH LABEL/DCL184	NHẪN DÁN/DCL184	17.280	8%
19379	810V46-8	CHARGING CONDITION LABEL/DC18RC	NHẪN DÁN /DC18RC	123.660	8%
19380	810W86-2	2500RPM INDICATION LABEL/DFS251	NHẪN PHU/DFS251	13.824	8%
19381	812P94-7	CHARGING CONDITION LABEL/DC18RE	NHẪN DÁN/DC18RE	174.096	8%
19382	812V02-4	IMPORTER LABEL/MT583	NHẪN DÁN THUNG/MT583	4.644	8%
19383	812X86-4	BEVEL SCALE LABEL/LS1019L	NHẪN DÁN/LS1019L	22.896	8%
19384	813D01-1	CAUTION LABEL/DSP600	NHẪN DÁN/DSP600	4.644	8%
19385	813D03-7	INDICATION LABEL/DSP601	NHẪN DÁN/DSP601	45.792	8%
19386	813D82-5	HR1841FJ INDICATION LABEL/HR1841F	NHẪN DÁN/HR1841F	9.180	8%
19387	813D84-1	HR1841FJ PLASTIC CARRYING CASE/HR1841F	THÙNG MÁY/HR1841F	4.644	8%
19388	813L22-1	CAUTION LABEL/DLS211	NHẪN DÁN/DLS211	4.644	8%
19389	813T75-8	CAP LABEL/DHR282	NHẪN DÁN/DHR282	2.160	8%
19390	8147U1-9	NAME PLATE/HR2670	NHẪN DÁN/HR2670	13.824	8%
19391	8147V7-4	NAME PLATE/HR2670	NHẪN DÁN/HR2670	13.824	8%
19392	814B96-5	LABEL/DA331D/DA331	TEM/DA331	4.644	8%
19393	815088-5	NAME PLATE 6906/6906	BẢNG TÊN/6906	21.600	8%
19394	815460-1	NAME PLATE/906	BẢNG TÊN/906	22.896	8%
19395	815G82-9	DDF453 NAME PLATE/DDF453	BẢNG TÊN/DDF453	4.320	8%
19396	816128-2	POINTER/LC1230	KIM CHIA ĐỘ/LC1230	8.640	8%
19397	816212-3	INDICATIONAL LABEL/2107F	NHẪN PHU/2107F	13.824	8%
19398	816311-1	MITER SCALE PLATE/LH1040	TÀM VÁT CHÉO/LH1040	45.792	8%
19399	816335-7	SCALE LABEL/1804N	NHẪN DÁN/1804N	43.200	8%
19400	816358-5	SCALE LABEL/2012NB	NHẪN DÁN/2012NB	4.644	8%
19401	816528-6	SWITCH LABEL/DCL182	NHẪN DÁN/DCL182	18.360	8%
19402	816835-7	INNER SCALE PLATE /2704	THƯỚC ĐO/2704	41.256	8%
19403	816920-6	MITER SCALE PLATE/LS1216	THƯỚC CHIA ĐỘ/LS1216	128.304	8%
19404	817283-3	CAUTION LABEL/2704	NHẪN DÁN/2704	9.180	8%
19405	817837-6	CAUTION LABEL/LS1030N	NHẪN DÁN/LS1030N	24.084	8%
19406	817881-3	CAUTION LABEL/LC1230	NHẪN DÁN/LC1230	13.824	8%
19407	819126-5	MAKTEC LOGO LABEL/MT062	NHẪN LOGO MAKITA/MT062	4.320	8%
19408	819141-9	MAKTEC LOGO LABEL/MT921	NHẪN MAKITA/MT921	4.644	8%
19409	819312-8	MAKITA LOGO LABEL/BBC231U	NHẪN MAKITA/BBC231U	2.160	8%
19410	819432-8	CAUTION TAG/EB7650TH	NHẪN DÁN/EB7650TH	8.640	8%
19411	8206B0-2	CARTON/9553B	THÙNG CARTON/9553B	47.520	8%
19412	8207D9-4	CARTON/9556HP	THÙNG CARTON/9556HP	51.840	8%
19413	8207E1-7	CARTON/GA4030	THÙNG CARTON/GA4030	47.520	8%
19414	8207H5-0	CARTON/M5801B	THÙNG CARTON/M5801B	95.040	8%
19415	8207L7-4	CARTON/M0910B	THÙNG CARTON/M0910B	38.880	8%
19416	8209K9-5	CARTON/9556HB	THÙNG CARTON/9556HB	54.972	8%
19417	820D17-9	CARTON/HW1200	THÙNG CARTON/HW1200	338.904	8%
19418	820F56-1	CARTON/HR166DZ	THÙNG CARTON/HR166DZ	56.160	8%
19419	820H45-8	CARTON/GA9020	THÙNG CARTON/GA9020	293.760	8%
19420	820H50-5	CARTON/MT583	THÙNG CARTON/MT583	69.120	8%
19421	820J29-8	CARTON/GD0603	THÙNG CARTON/GD0603	69.120	8%
19422	820J91-3	CARTON/DGA700Z	THÙNG CARTON/DGA700Z	112.320	8%
19423	820K83-8	CARTON/SP6000	THÙNG CARTON/SP6000	73.440	8%
19424	820N27-6	CARTON/DJV180	THÙNG CARTON/DJV180	146.880	8%
19425	820N69-0	CARTON/DLS111ZU	THÙNG CARTON/DLS111ZU	1.330.560	8%
19426	820N80-2	CARTON/DLS600	THÙNG CARTON/DLS600	1.039.500	8%
19427	820S31-5	CARTON/UR100D	THÙNG CARTON/UR100D	129.600	8%
19428	820T48-4	CARTON/M0600B	THÙNG CARTON/M0600B	43.200	8%
19429	820V49-4	CARTON/9558HN	THÙNG CARTON/9558HN	51.840	8%
19430	820W03-4	CARTON/DUR189	THÙNG CARTON/DUR189	375.840	8%
19431	820Y12-5	CARTON/M9512B	THÙNG CARTON/M9512B	177.120	8%
19432	820Y16-7	CARTON/M9513B	THÙNG CARTON/M9513B	77.760	8%
19433	820Y63-8	CARTON/HS6600	THÙNG CARTON/HS6600	263.520	8%
19434	820Y71-9	CARTON/M9509B	THÙNG CARTON/M9509B	129.600	8%
19435	821C91-4	CARTON/DLW140Z	THÙNG CARTON/DLW140Z	980.640	8%
19436	822A83-4	CARTON/DHR182Z	THÙNG CARTON/DHR182Z	34.560	8%
19437	822D83-2	CARTON/DHP453SFX8	THÙNG CARTON/DHP453SFX8	60.480	8%
19438	822F88-4	CARTON/MT80B	THÙNG CARTON/MT80B	25.920	8%
19439	822G67-8	CARTON/2012NB	THÙNG CARTON/2012NB	479.520	8%
19440	822G76-7	CARTON/LS1040	THÙNG CARTON/LS1040	125.280	8%
19441	822J14-7	CARTON/HP0300	THÙNG CARTON/HP0300	32.076	8%
19442	822K01-2	CARTON/MT90	THÙNG CARTON/MT90	25.920	8%
19443	822L25-4	CARTON/M6001B	THÙNG CARTON/M6001B	34.560	8%
19444	822M59-3	CARTON/M8100B	THÙNG CARTON/M8100B	116.640	8%
19445	822P34-7	CARTON/BO4556	THÙNG CARTON/BO4556	86.400	8%
19446	822R01-4	CARTON/M0601B	THÙNG CARTON/M0601B	64.800	8%
19447	822R16-1	CARTON/9403	THÙNG CARTON/9403	699.840	8%
19448	822X79-3	CARTON/9556HN	THÙNG CARTON/9556HN	32.076	8%
19449	824799-1	PLASTIC CARRYING CASE/HR2230	HỘP NHỰA/HR2230	384.480	8%
19450	824914-7	PLASTIC CARRYING CASE/HR2630	VỎ THÙNG ĐỰNG MÁY/HR2630	677.808	8%
19451	8253E7-6	CARTON/M2403B	THÙNG CARTON/M2403B	272.160	8%
19452	8255A1-2	CARTON/M0910B	THÙNG CARTON/M0910B	69.120	8%
19453	8256G0-2	CARTON/DTW300	THÙNG CARTON/DTW300	246.240	8%
19454	8259C3-6	CARTON/DUH507Z	THÙNG CARTON/DUH507Z	238.140	8%
19455	825A31-2	CARTON/DVC157LZX3	THÙNG CARTON/DVC157LZX3	449.280	8%
19456	825A59-0	CARTON/M2401B	THÙNG CARTON/M2401B	142.560	8%
19457	825H05-5	CARTON/M8101B	THÙNG CARTON/M8101B	56.160	8%
19458	825K04-5	CARTON/KP0800X	THÙNG CARTON/KP0800X	82.080	8%
19459	825M00-5	CARTON/TD0101F	THÙNG CARTON/TD0101F	30.240	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19460	825R81-9	CARTON/DDF486RTE	THÙNG CARTON/DDF486RTE	99.360	8%
19461	825S04-3	CARTON/5806B	THÙNG CARTON/5806B	60.480	8%
19462	825U29-9	CARTON/DF333DSAP1	THÙNG CARTON/DF333DSAP1	47.520	8%
19463	825V05-9	CARTON/UC4041A	THÙNG CARTON/UC4041A	194.400	8%
19464	825V85-5	CARTON/DF001DW	THÙNG CARTON/DF001DW	30.240	8%
19465	825Y47-1	CARTON/DLM532	THÙNG CARTON/DLM532	938.736	8%
19466	826523-8	CARTON/5012B	THÙNG CARTON/5012B	14.040	8%
19467	827946-3	CARTON/2416S	THÙNG CARTON/2416S	334.368	8%
19468	829088-9	CARTON/BO4540	THÙNG CARTON/BO4540	132.840	8%
19469	838312-9	INNER TRAY/TD111D	KHAY NHỰA/TD111D	100.764	8%
19470	839016-6	INNER TRAY/SD100D	KHAY NHỰA/SD100D	123.660	8%
19471	839166-7	INNER TRAY/PT354	KHAY NHỰA/PT354	155.736	8%
19472	839214-2	INNER TRAY/HR1841F	KHAY TRONG/HR1841F	119.124	8%
19473	839245-1	INNER TRAY/HR166D	KHAY NHỰA/HR166D	109.944	8%
19474	839246-9	INNER TRAY/HR140D	KHAY NHỰA/HR140D	119.124	8%
19475	839264-7	INNER FITMENT/MT583	TAM LOT THÙNG CARTON/MT583	22.896	8%
19476	839696-8	INNER FITMENT/9556HB	TAM LOT THÙNG CARTON/9556HB	27.540	8%
19477	840832-1	CARTON/JN1601	THÙNG CARTON/JN1601	203.040	8%
19478	842189-6	CARTON/9910	THÙNG CARTON/9910	172.800	8%
19479	842769-8	CARTON/9067	THÙNG CARTON/9067	43.200	8%
19480	843797-6	CARTON/GD0800C	THÙNG CARTON/GD0800C	320.544	8%
19481	844295-3	CARTON/9500NB	THÙNG CARTON/9500NB	146.880	8%
19482	844516-3	CARTON/GV7000	THÙNG CARTON/GV7000	384.696	8%
19483	844520-2	CARTON/GV7000C	THÙNG CARTON/GV7000C	192.348	8%
19484	844852-7	CARTON/LC1230	THÙNG CARTON/LC1230	639.360	8%
19485	844931-1	CARTON/5806B	THÙNG CARTON/5806B	112.320	8%
19486	846074-5	CARTON/N5900B	THÙNG CARTON/N5900B	133.920	8%
19487	847703-3	CARTON/4114S	THÙNG CARTON/4114S	68.040	8%
19488	847789-7	CARTON/UT2204	THÙNG CARTON/UT2204	384.480	8%
19489	847871-2	CARTON/MT910	THÙNG CARTON/MT910	43.200	8%
19490	847898-2	CARTON/DPB180	THÙNG CARTON/DPB180	503.712	8%
19491	848372-3	CARTON/6411	THÙNG CARTON/6411	59.616	8%
19492	848375-7	CARTON/6412	CARTON/6412	21.600	8%
19493	848472-9	CARTON/GA6010	THÙNG CARTON/GA6010	47.520	8%
19494	848555-5	CARTON/BO4565	THÙNG CARTON/BO4565	38.880	8%
19495	848557-1	CARTON/BO4566	THÙNG CARTON/BO4566	41.256	8%
19496	848687-8	CARTON/4328	THÙNG CARTON/4328	25.920	8%
19497	848957-5	CARTON/LH1040	THÙNG CARTON/LH1040	185.760	8%
19498	849208-9	CARTON/MT921	THÙNG CARTON/MT921	21.600	8%
19499	849722-5	CARTON/4100NH	THÙNG CARTON/4100NH	64.800	8%
19500	849747-9	CARTON/GD0602	THÙNG CARTON/GD0602	38.880	8%
19501	849868-7	CARTON/TD0100	THÙNG CARTON/TD0100	38.880	8%
19502	849901-5	CARTON/PC5000C	THÙNG CARTON/PC5000C	129.600	8%
19503	849938-2	CARTON/RP1800	THÙNG CARTON/RP1800	574.560	8%
19504	849950-2	CARTON/TD0101	THÙNG CARTON/TD0101	30.240	8%
19505	851537-8	NAME PLATE/LC1230	NHÃN DÁN/LC1230	13.824	8%
19506	851F32-4	DUP361 NAME PLATE/DUP361	NHÃN DECAL/DUP361	9.180	8%
19507	852U75-9	DFS251 SERIAL NO. LABEL/DFS251	NHÃN DÁN/DFS251	27.540	8%
19508	853B29-5	DVC863L NAME PLATE/DVC863	BẢNG TÊN/DVC863	4.644	8%
19509	853K16-8	HR1841F NAME PLATE/HR1841F	NHÃN DÁN/HR1841F	4.644	8%
19510	853K20-7	HR1841F SERIAL NO. LABEL/HR1841F	NHÃN DÁN/HR1841F	4.644	8%
19511	853U91-4	SERIAL NO. LABEL/DJR188	NHÃN DÁN/DJR188	4.320	8%
19512	8586R3-8	TD003G NAME PLATE/TD003G	NHÃN DÁN/TD003G	4.644	8%
19513	859572-0	NAME PLATE/2414NB	BẢNG TÊN/2414NB	12.960	8%
19514	861762-3	GA9020 NAME PLATE/GA9020	NHÃN DECAL/GA9020	12.960	8%
19515	864096-3	HR4511C NAME PLATE/HR4511C	NHÃN DECAL/HR4511C	13.824	8%
19516	870036-1	CARTON/LS1016	THÙNG CARTON/LS1016	280.800	8%
19517	870050-7	CARTON/FS6300	THÙNG CARTON/FS6300	30.240	8%
19518	870183-8	CARTON/LS1216	THÙNG CARTON/LS1216	285.120	8%
19519	870216-9	CARTON/BO3710	THÙNG CARTON/BO3710	64.800	8%
19520	870245-2	CARTON/FS4000	THÙNG CARTON/FS4000	38.880	8%
19521	870516-7	CARTON/MUH355G	THÙNG CARTON/MUH355G	95.040	8%
19522	870539-5	CARTON/BO4558	THÙNG CARTON/BO4558	69.120	8%
19523	870846-6	CARTON/GA9050	THÙNG CARTON/GA9050	96.228	8%
19524	871037-2	CARTON/GA7030	THÙNG CARTON/GA7030	146.556	8%
19525	871117-4	CARTON/MT431	THÙNG CARTON/MT431	25.920	8%
19526	871167-9	CARTON/MT963	THÙNG CARTON/MT963	43.200	8%
19527	871409-1	CARTON/HS300D	THÙNG CARTON/HS300D	38.880	8%
19528	871793-4	CARTON/VC2510L	THÙNG CARTON/VC2510L	190.080	8%
19529	872301-4	CARTON/MT191	THÙNG CARTON/MT191	64.800	8%
19530	872948-4	CARTON/9565CVR	THÙNG CARTON/9565CVR	99.360	8%
19531	873075-0	CARTON/PM7650H	THÙNG CARTON/PM7650H	211.680	8%
19532	873135-8	CARTON/EM2550UH	THÙNG CARTON/EM2550UH	198.720	8%
19533	873806-7	CARTON/9553B	THÙNG CARTON/9553B	38.880	8%
19534	873807-5	CARTON/9553NB	THÙNG CARTON/9553NB	38.880	8%
19535	873835-0	CARTON/MT912	THÙNG CARTON/MT912	43.200	8%
19536	874583-4	CARTON/MT652	THÙNG CARTON/MT652	25.920	8%
19537	874820-6	CARTON/MT80A	THÙNG CARTON/MT80A	25.920	8%
19538	874888-2	CARTON/MT652	THÙNG CARTON/MT652	25.920	8%
19539	874983-8	CARTON/GA7030R	THÙNG CARTON/GA7030R	99.360	8%
19540	875093-4	CARTON/BHX2500	THÙNG CARTON/BHX2500	86.400	8%
19541	875260-1	CARTON/HP1630	CARTON/HP1630	34.560	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19542	875295-2	INNER CARTON/UC3041A	THÙNG CARTON BÊN TRONG/UC3041A	129.600	8%
19543	875349-5	CARTON/MT450	THÙNG CARTON/MT450	164.916	8%
19544	875588-7	CARTON/UC4551A	THÙNG CARTON/UC4551A	238.140	8%
19545	876409-6	CARTON/MT241	THÙNG CARTON/MT241	7.560	8%
19546	876468-0	CARTON/GA4040	THÙNG CARTON/GA4040	54.972	8%
19547	876542-4	CARTON/9237C	THÙNG CARTON/9237C	343.440	8%
19548	876611-1	CARTON/EE2650H	THÙNG CARTON/EE2650H	505.440	8%
19549	876728-0	CARTON/MT621	THÙNG CARTON/MT621	68.688	8%
19550	876730-3	CARTON/MT660X	THÙNG CARTON/MT660X	91.584	8%
19551	876795-5	CARTON/MT904	THÙNG CARTON/MT904	38.880	8%
19552	876948-6	CARTON/DGA404	THÙNG CARTON/DGA404	38.880	8%
19553	877189-7	CARTON/9035H	THÙNG CARTON/9035H	34.560	8%
19554	877221-7	CARTON/DCL180	THÙNG CARTON/DCL180	69.120	8%
19555	877397-0	CARTON/DCL182	THÙNG CARTON/DCL182	77.760	8%
19556	877727-5	CARTON/DVC860L	THÙNG CARTON/DVC860L	328.320	8%
19557	877784-3	CARTON/M4000B	THÙNG CARTON/M4000B	241.920	8%
19558	877785-1	CARTON/M9000B	THÙNG CARTON/M9000B	552.960	8%
19559	877789-3	CARTON/M6201B	THÙNG CARTON/M6201B	211.680	8%
19560	877806-9	CARTON/M9200B	THÙNG CARTON/M9200B	90.720	8%
19561	877845-9	CARTON/MT925	THÙNG CARTON/MT925	27.540	8%
19562	878669-6	CARTON/DF331DSAE	THÙNG CARTON/DF331DSAE	233.280	8%
19563	879031-8	CARTON/M1901B	THÙNG CARTON/M1901B	56.160	8%
19564	879096-0	CARTON/M3700B	THÙNG CARTON/M3700B	38.880	8%
19565	879173-8	CARTON/EB7660TH	THÙNG CARTON/EB7660TH	280.800	8%
19566	879191-6	CARTON/M9100B	THÙNG CARTON/M9100B	38.880	8%
19567	879508-3	CARTON/M8103B	THÙNG CARTON/M8103B	38.880	8%
19568	879516-4	CARTON/M4100B	THÙNG CARTON/M4100B	138.240	8%
19569	879526-1	CARTON/CC301DSYE	THÙNG CARTON/CC301DSYE	172.800	8%
19570	879531-8	CARTON/M2400B	THÙNG CARTON/M2400B	112.320	8%
19571	879545-7	CARTON/M6501B	THÙNG CARTON/M6501B	99.360	8%
19572	879565-1	CARTON/M1902B	THÙNG CARTON/M1902B	82.080	8%
19573	879568-5	CARTON/MT192	THÙNG CARTON/MT192	38.880	8%
19574	879733-6	CARTON/DHP484	CARTON/DHP484	25.920	8%
19575	879854-4	CARTON/M0401B	THÙNG CARTON/M0401B	95.040	8%
19576	880084-000	ARMATURE ASS'Y WITH BEARINGS/SJ401	RỎ TO/SJ401	2.307.960	8%
19577	890029-2	SCALE LABEL/M1100B	NHÃN DÁN/M1100B	4.320	8%
19578	891392-6	IMPORTER LABEL FOR VIETNAMY&M/LS1040	NHÃN DÁN/LS1040	4.644	8%
19579	891977-8	CAUTION LABEL/VC1310L	NHÃN CẢNH BÁO/VC1310L	4.644	8%
19580	892373-3	CLEAR LABEL/9556HP	NHÃN DÁN/9556HP	4.644	8%
19581	893488-9	SCALE LABEL/MT191	NHÃN/MT191	4.644	8%
19582	898699-1	CAUTION LABEL/EM2550UH	NHÃN DÁN/EM2550UH	2.160	8%
19583	900312-000	FIELD ASS'Y WITH MOTOR HOUSING/SJ401	STATO/SJ401	874.692	8%
19584	900403-000	LOCK HANDLE ASS'Y/SJ401	KHÓA TAY QUAY/SJ401	132.840	8%
19585	900570-000	ARM COVER SET/SJ401	NẮP CHỤP CÁN TRỤC/SJ401	1.680.588	8%
19586	900625-004	CONTROL BOARD ASS'Y (220V)/SJ401	BẢNG MẠCH ĐIỀU KHIỂN/SJ401	1.259.280	8%
19587	900782-006	BOARD COVER ASSY (220V)/SJ401	VỎ BẢO VỆ MẠCH/SJ401	1.708.128	8%
19588	911003-8	PAN HEAD SCREW M3X6/6261DWE	ỐC M3X6/6261DWE	4.730	10%
19589	911006-2	PAN HEAD SCREW M3X8/DDA340	VÍT M3X8/DDA340	4.400	10%
19590	911007-0	PAN HEAD SCREW M3X8/VS001G	ỐC VÍT M3X8/VS001G	4.730	10%
19591	911008-8	PAN HEAD SCREW M3X8/DLS111	ỐC VÍT M3X8/DLS111	4.730	10%
19592	911011-9	PAN HEAD SCREW M3X10/DHR202	ỐC VÍT M3X10/DHR202	4.730	10%
19593	911013-5	PAN HEAD SCREW M3X10/DSD180	ỐC VÍT M3X10/DSD180	4.400	10%
19594	911017-7	PAN HEAD SCREW M3X12/DSC191	ỐC VÍT M3X12/DSC191	4.730	10%
19595	911018-5	PAN HEAD SCREW M3X12/BO6030	ỐC VÍT/BO6030	4.730	10%
19596	911024-0	PAN HEAD SCREW M3X14/PC5000C	ỐC VÍT M3X14/PC5000C	4.730	10%
19597	911028-2	PAN HEAD SCREW M3X16/DUP361	VÍT M3X16/DUP361	4.730	10%
19598	911029-0	P.H.SCREW M3X16 WITH WG/DRC300	ỐC VÍT 3X16/DRC300	4.730	10%
19599	911047-8	P.H.SCREW M3X25/PP001G	ỐC VÍT M3X25/PP001G	4.730	10%
19600	911063-0	PAN HEAD SCREW M3X35/DDA450Z	ỐC VÍT M3X35/DDA450Z	4.730	10%
19601	911101-8	PAN HEAD SCREW M4X6/1804N	ỐC VÍT M4X6/1804N	4.400	10%
19602	911102-6	PAN HEAD SCREW M4X6/DTM51	VÍT M4X6/DTM51	4.730	10%
19603	911103-4	PAN HEAD SCREW M4X6/3600H	ỐC VÍT M4X6/3600H	4.400	10%
19604	911104-2	PAN HEAD SCREW M4X6/2012NB	ỐC VÍT M4X6/2012NB	4.730	10%
19605	911106-8	PAN HEAD SCREW M4X8/906H	VÍT M4X8/906H	4.730	10%
19606	911107-6	PAN HEAD SCREW M4X8/GB602	ỐC VÍT M4X8/GB602	4.400	10%
19607	911108-4	PAN HEAD SCREW M4X8/2012NB	VÍT M4X8/2012NB	4.400	10%
19608	911109-2	PAN HEAD SCREW M4X8/HM0810	VÍT M4X8/HM0810	4.730	10%
19609	911111-5	PAN HEAD SCREW M4X10 WITH W/906H	VÍT M4*10/906H	4.730	10%
19610	911113-1	PAN HEAD SCREW M4X10/2416S	VÍT/2416S	4.730	10%
19611	911114-9	PAN HEAD SCREW M4X10/2704	ỐC VÍT M4X10/2704	4.730	10%
19612	911115-7	PAN HEAD SCREW M4X10/PC5000C	ỐC VÍT M4X10/PC5000C	18.700	10%
19613	911116-5	PAN HEAD SCREW M4X12/1804N	ỐC VÍT M4X12/1804N	4.730	10%
19614	911117-3	PAN HEAD SCREW M4X12/UB1101	VÍT M4X12/UB1101	4.400	10%
19615	911118-1	PAN HEAD SCREW M4X12/2012NB	BU LÔNG M4*12/2012NB	4.400	10%
19616	911119-9	PAN HEAD SCREW M4X12/BO6050	ỐC VÍT/BO6050	4.400	10%
19617	911121-2	PAN HEAD SCREW M4X14/5016B	ỐC VÍT/5016B	4.730	10%
19618	911123-8	PAN HEAD SCREW M4X14/1911B	ỐC VÍT M4X14/1911B	4.730	10%
19619	911126-2	PAN HEAD SCREW M4X16/6016	ỐC VÍT/6016	4.730	10%
19620	911128-8	PAN HEAD SCREW M4X16/DUH601	ỐC VÍT M4X16/DUH601	4.730	10%
19621	911129-6	PAN HEAD SCREW M4X16/HM1201	ỐC VÍT M4X16/HM1201	4.730	10%
19622	911133-5	PAN HEAD SCREW M4X18/1804N	VÍT M4X8/1804N	4.730	10%
19623	911136-9	PAN HEAD SCREW M4X20/906H	VÍT M4X20/906H	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19624	911137-7	PAN HEAD SCREW M4X20/VS001G	ỐC VÍT M4X20/VS001G	4.730	10%
19625	911138-5	PAN HEAD SCREW M4X20/2704	VÍT M4X20/2704	4.400	10%
19626	911139-3	PAN HEAD SCREW M4X20 WG/UR100D	ỐC VÍT M4X20/UR100D	4.730	10%
19627	911143-2	PAN HEAD SCREW M4X22/3612BR	ỐC VÍT M4X22/3612BR	4.400	10%
19628	911146-6	PAN HEAD SCREW M4X25/1804N	ỐC VÍT M4X25/1804N	4.400	10%
19629	911148-2	PAN HEAD SCREW M4X25/1900B	ỐC VÍT/1900B	4.730	10%
19630	911151-3	PAN HEAD SCREW M4X28/5103N	ỐC VÍT M4X28/5103N	4.400	10%
19631	911153-9	PAN HEAD SCREW M4X28/1911B	VÍT M4X40/1911B	4.730	10%
19632	911156-3	PAN HEAD SCREW M4X30/GB602	ỐC VÍT M4X30/GB602	9.350	10%
19633	911158-9	PAN HEAD SCREW M4X30/MT960	ỐC VÍT MTX30/MT960	4.730	10%
19634	911159-7	PAN HEAD SCREW M4X30/GA003	ỐC VÍT M4X30/GA003	4.730	10%
19635	911161-0	PAN HEAD SCREW M4X35/906H	ỐC VÍT M4X35/906H	4.400	10%
19636	911163-6	PAN HEAD SCREW M4X35/LM004G	ỐC VÍT M4X35/LM004G	4.730	10%
19637	911166-0	PAN HEAD SCREW M4X40/1805N	ỐC VÍT M4X40/1805N	8.800	10%
19638	911168-6	PAN HEAD SCREW M4X40/1911B	VÍT M4X40/1911B	9.350	10%
19639	911173-3	PAN HEAD SCREW M4X45/6906	ỐC VÍT M4X45/6906	9.350	10%
19640	911188-0	PAN HEAD SCREW M4X60/DPB183	ỐC M4X60/DPB183	9.350	10%
19641	911190-3	PAN HEAD SCREW M4X60/906H	ỐC VÍT M4X60/906H	92.400	10%
19642	911193-7	PAN HEAD SCREW M4X65/UH353D	ỐC VÍT M4X65/UH353D	9.350	10%
19643	911203-0	PAN HEAD SCREW M5X8/DHS680	ỐC VÍT M5X8/DHS680	8.800	10%
19644	911206-4	PAN HEAD SCREW M5X10/1804N	ỐC VÍT M5X10/1804N	4.730	10%
19645	911207-2	PAN HEAD SCREW M5X10/3600H	VÍT M5X10/3600H	4.730	10%
19646	911209-8	PAN HEAD SCREW M5X10/DVF154	ỐC VÍT M5/DVF154	4.400	10%
19647	911211-1	PAN HEAD SCREW M5X12/2416S	VÍT M5X12/2416S	4.730	10%
19648	911213-7	PAN HEAD SCREW M5X12/1804N	VÍT M5*12/1804N	4.730	10%
19649	911216-1	PAN HEAD SCREW M5X14/5016B	ỐC VÍT M5X14/5016B	4.400	10%
19650	911218-7	PAN HEAD SCREW M5X14/1804N	ỐC VÍT M5X14/EBH252U	4.400	10%
19651	911221-8	PAN HEAD SCREW M5X16/2107F	VÍT M5X16/2107F	4.730	10%
19652	911223-4	PAN HEAD SCREW M5X16/2704	VÍT M5*16/2704	4.730	10%
19653	911225-0	PAN HEAD SCREW M5X16 WM/JR3060T	VÍT M5X16/JR3060T	23.320	10%
19654	911226-8	PAN HEAD SCREW M5X18/HS7010	ỐC VÍT M5X18/HS7010	4.730	10%
19655	911227-6	PAN HEAD SCREW M5X18/MT91A	ỐC VÍT M5X18/MT91A	4.400	10%
19656	911228-4	PAN HEAD SCREW M5X18/1900B	ỐC VÍT/1900B	4.400	10%
19657	911231-5	PAN HEAD SCREW M5X20/1911B	ỐC VÍT M5X20/1911B	4.400	10%
19658	911233-1	PAN HEAD SCREW M5X20/BBC231U	ỐC VÍT M5X20/BBC231U	4.400	10%
19659	911238-1	PAN HEAD SCREW M5X22/5016B	ỐC VÍT M5X22/5016B	9.350	10%
19660	911241-2	PAN HEAD SCREW M5X25/1804N	ỐC VÍT M5X25/1804N	4.730	10%
19661	911242-0	PAN HEAD SCREW M5X25/PM7650H	ỐC VÍT M5X25/PM7650H	2.200	10%
19662	911243-8	PAN HEAD SCREW M5X25/2107F	VÍT M5X25/2107F	4.400	10%
19663	911246-2	PAN HEAD SCREW M5X28/5201N	ỐC VÍT M5X28/5201N	4.400	10%
19664	911248-8	PAN HEAD SCREW M5X28/9741	VÍT/9741	9.350	10%
19665	911253-5	PAN HEAD SCREW M5X30/2416S	VÍT M5X30/2416S	8.800	10%
19666	911256-9	PAN HEAD SCREW M5X35/5103N	ỐC VÍT M5X35/5103N	9.350	10%
19667	911258-5	PAN HEAD SCREW M5X35/2414NB	VÍT M5X35 WR/2414NB	4.730	10%
19668	911263-2	PAN HEAD SCREW M5X40/3612br	VÍT M5X40 WR/3612BR	8.800	10%
19669	911265-8	PAN HEAD SCREW M5X40/9045B	ỐC VÍT M5X40/9045B	17.600	10%
19670	911267-4	PAN HEAD SCREW M5X45/GB602	ỐC VÍT M5X45/GB602	8.800	10%
19671	911268-2	PAN HEAD SCREW M5X45/5016B	ỐC M5X45/5016B	4.400	10%
19672	911270-5	PAN HEAD SCREW M5X45/9924DB	ỐC VÍT M5X45/9924DB	17.600	10%
19673	911271-3	PAN HEAD SCREW M5X50/6016	VÍT M5X50/6016	9.350	10%
19674	911273-9	PAN HEAD SCREW M5X50/2414NB	VÍT M5X50/2414NB	14.080	10%
19675	911274-7	PAN HEAD SCREW M5X50/GB602	ỐC VÍT M5X50/GB602	14.080	10%
19676	911276-3	PAN HEAD SCREW M5X55/GB801	ỐC VÍT M5X55/GB801	9.350	10%
19677	911278-9	PAN HEAD SCREW M5X55/9741	VÍT/9741	9.350	10%
19678	911283-6	PAN HEAD SCREW M5X60/VC3210L	ỐC VÍT M5X60/VC3210L	9.350	10%
19679	911285-2	PAN HEAD SCREW M5X60/4100NB	VÍT M5X60/4100NB	17.600	10%
19680	911288-6	PAN HEAD SCREW M5X65/PM7650H	ỐC VÍT/PM7650H	2.200	10%
19681	911290-9	PAN HEAD SCREW M5X65/1911B	VÍT M5X65/1911B	2.200	10%
19682	911293-3	PAN HEAD SCREW M5X70/PM7650H	ỐC VÍT M5X70/PM7650H	2.200	10%
19683	911295-9	Pan Head Screw M5X70/1804N	ỐC Vít/1804N	22.000	10%
19684	911300-2	PAN HEAD SCREW M5X75/3600H	ỐC VÍT M5X75/3600H	28.050	10%
19685	911308-6	PAN HEAD SCREW M6X10/2414NB	ỐC VÍT M6X10/2414NB	4.730	10%
19686	911309-4	PAN HEAD SCREW M6X10/2416S	ỐC VÍT M6X10/2416S	8.800	10%
19687	911313-3	PAN HEAD SCREW M6X12 WITH WR/PM7650H	VÍT M6X12 WITH/PM7650H	2.200	10%
19688	911316-7	PAN HEAD SCREW M6X14/2416S	ỐC VÍT M6X14/2416S	8.800	10%
19689	911323-0	PAN HEAD SCREW M6X16/2704	ỐC VÍT M6X20/2704	4.730	10%
19690	911324-8	PAN HEAD SCREW M6X16/1804N	ỐC VÍT M6X16/1804N	8.800	10%
19691	911333-7	PAN HEAD SCREW M6X20/2414NB	ỐC VÍT/2414NB	4.730	10%
19692	911334-5	PAN HEAD SCREW M6X20/DSL800	ỐC VÍT M6X20/DSL800	13.200	10%
19693	911343-4	PAN HEAD SCREW M6X25/RP2301FC	ỐC VÍT M6X25/RP2301FC	9.350	10%
19694	911344-2	PAN HEAD SCREW M6X25/2704	ỐC VÍT M6X25/2704	9.350	10%
19695	911349-2	PAN HEAD SCREW M6X28/2416S	ỐC VÍT M6X28/2416S	13.200	10%
19696	911353-1	PAN HEAD SCREW M6X30/M3600B	ỐC VÍT M6X30/M3600B	9.350	10%
19697	911363-8	PAN HEAD SCREW M6X40/3612BR	ỐC VÍT M6X40/3612BR	13.200	10%
19698	911381-6	PAN HEAD SCREW M6X60/2416S	ỐC VÍT M6X60/2416S	13.200	10%
19699	911383-2	PAN HEAD SCREW M6X60/2704	VÍT M6*60 WR/2704	23.320	10%
19700	911451-1	PAN HEAD SCREW M8X30/2414NB	ỐC VÍT M8X30/2414NB	9.350	10%
19701	911511-9	PAN HEAD SCREW M4X10/DHR400	ỐC VÍT M4X10/DHR400	8.800	10%
19702	911516-9	PAN HEAD SCREW M4X12/DHS783	ỐC VÍT M4X12/DHS783	9.350	10%
19703	911526-6	P.H.SCREW M4*16 WITH WR/BHX2500	VÍT M4*16/BHX2500	8.800	10%
19704	911531-3	P.H.SCREW M4X18 WITH WRM/DJR188	ỐC VÍT/DJR188	9.350	10%
19705	911546-0	PAN HEAD SCREW M4X25/6905H	VÍT M4X25/6905H	8.800	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19706	911566-4	P.H.SCREW M4X40 WITH WRM/RS001G	ỐC VÍT M4X40/RS001G	9.350	10%
19707	911581-8	PAN HEAD SCREW M4X55/N3701	ỐC VÍT M4X55/N3701	18.700	10%
19708	911586-8	PAN HEAD SCREW M4X60/1900B	ỐC VÍT M4X60/1900B	17.600	10%
19709	911596-5	PAN HEAD SCREW M4X70/6922NB	VÍT M4X70/6922NB	18.700	10%
19710	911681-4	PAN HEAD SCREW M5X60/5800NB	VÍT M5X60/5800NB	18.700	10%
19711	911691-1	PAN HEAD SCREW M5X70/DLM530	ỐC VÍT M5X70/DLM530	18.700	10%
19712	911938-3	PAN HEAD SCREW M5X85/2416S	ỐC VÍT M5X85/2416S	22.000	10%
19713	911948-0	PAN HEAD SCREW M6X80 WITH WR/LS1019L	ỐC VÍT M6X80/LS1019L	9.350	10%
19714	912007-3	C.H.SCREW M3X8/UP100D	ỐC VÍT M3X8/UP100D	4.730	10%
19715	912012-0	C.H.SCREW M3X10/DUP361	VÍT M3X10/DUP361	4.730	10%
19716	912107-9	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X8/4350CT	ỐC VÍT M4X8/4350CT	4.730	10%
19717	912112-6	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X10/3612br	ỐC VÍT/3612BR	4.730	10%
19718	912116-8	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X12/5103N	ỐC VÍT M4X12/5103N	4.730	10%
19719	912117-6	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X12/1804N	VÍT M4X12/1804N	4.730	10%
19720	912122-3	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X14/9741	ỐC VÍT M4X14/9741	4.730	10%
19721	912202-5	COUNTERSUNK HEAD SCREW M5X8/4112HS	ỐC VÍT/4112HS	4.730	10%
19722	912207-5	COUNTERSUNK HEAD SCREW M5X10/DHR280	ỐC VÍT M5X10/DHR280	4.730	10%
19723	912212-2	COUNTERSUNK HEAD SCREW M5X12/9045B	ỐC VÍT M5X12/9045B	4.730	10%
19724	912222-9	COUNTERSUNK HEAD SCREW M5X16/DLS600	ỐC VÍT M5X16/DLS600	18.700	10%
19725	912342-9	COUNTERSUNK HEAD SCREW M6X25/LS1040	ỐC VÍT M6X25/LS1040	9.350	10%
19726	913002-000	BUSHING/SJ401	ĐAI ỐC/SJ401	9.350	10%
19727	913106-4	SET SCREW M4X8/DSL800	ỐC VÍT M4X8/DSL800	4.400	10%
19728	913301-6	SET SCREW (CUP POINT) M6X6/DPP200	ỐC VÍT M6X6/DPP200	14.080	10%
19729	913322-8	SET SCREW M6X14/JS3201	VÍT M6X14/JS3201	28.050	10%
19730	913327-8	H.S. SET SCREW M6X16/DPP200	ỐC VÍT M6X16/DPP200	135.300	10%
19731	913416-9	SET SCREW M8X12/DLS111	ỐC VÍT/DLS111	9.350	10%
19732	913427-4	SET SCREW M8X16/JS1602	ỐC VÍT M8X16/JS1602	44.000	10%
19733	914019-000	SPONGE/SJ401	MIẾNG DỆM BANG MÚT/SJ401	22.896	8%
19734	915101-0	BINDING HEAD SCREW M4X6/DPT353	ỐC VÍT/DPT353	4.730	10%
19735	915106-0	BINDING HEAD SCREW M4X8/BUC250	VÍT/BUC250	4.400	10%
19736	915116-7	BINDING HEAD SCREW M4X12/9035H	ỐC VÍT M4X12/9035H	4.730	10%
19737	915211-3	BINDING HEAD SCREW M5X12/DUH601	ỐC VÍT M5X12/DUH601	4.730	10%
19738	921212-1	HEX. BOLT M6X12/GB602	BU LÔNG M5X12/GB602	13.200	10%
19739	921331-3	HEX. BOLT M6X20/2704	ỐC VÍT M6X20/2704	18.700	10%
19740	921342-8	HEX. BOLT M6X25/2704	ỐC VÍT M6X25/2704	9.350	10%
19741	921351-7	HEX. BOLT M6X30/GB602	ỐC VÍT/GB602	9.350	10%
19742	921352-5	HEX. BOLT M6X30/DLM431	BU LÔNG M6*30/DLM431	4.400	10%
19743	921382-6	HEX. BOLT M6X60/DUR189	ỐC VÍT M6X60/DUR189	13.200	10%
19744	921387-6	HEX. BOLT M6X65/UR100D	BU LÔNG M6X65/UR100D	9.350	10%
19745	921411-5	HEX. BOLT M8X12/GB602	ỐC VÍT/GB602	18.700	10%
19746	921412-3	HEX. BOLT M8X12/EB7660TH	BU LÔNG M8X12/EB7660TH	8.800	10%
19747	921427-0	HEX.BOLT M8X18/PDC1500	BU LÔNG M8X18/PDC1500	9.350	10%
19748	921431-9	HEX. BOLT M8X20/LH1040	BU LÔNG M8X20/LH1040	2.200	10%
19749	921432-7	HEX. BOLT M8X20/4114S	ỐC VÍT M8X20/4114S	13.200	10%
19750	921441-6	HEX. BOLT M8X25/DLM533	ỐC M8X25/DLM533	18.700	10%
19751	921451-3	HEX. BOLT M8X30/DLM462	ỐC M8X30/DLM462	18.700	10%
19752	921452-1	HEX. BOLT M8X30/LH1040	BU LÔNG M8*30/LH1040	8.800	10%
19753	921461-0	HEX. BOLT M8X40/LS1030N	BU LÔNG M8*40/LS1030N	14.080	10%
19754	921462-8	HEX. BOLT M8X40/2704	ỐC VÍT M8X40/2704	69.960	10%
19755	921467-8	HEX. BOLT M8X45/BO4901	BU LÔNG M8X45/BO4901	18.700	10%
19756	921542-0	HEX. BOLT M10X25/EE2650H	BU LÔNG M10X25/EE2650H	4.400	10%
19757	921556-9	HEX. BOLT M10X35/DLM460	ỐC VÍT M10X35/DLM460	149.270	10%
19758	921919-9	HEX. BOLT M8X110/GD0800C	BU LÔNG M8*110/GD0800C	32.670	10%
19759	921923-8	HEX. BOLT M8X120/DHR165	BU LÔNG M8X120/DHR165	18.700	10%
19760	922102-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X6/DPT351	BU LÔNG/DPT351	4.730	10%
19761	922103-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X6/2704	ỐC VÍT M4X6/2704	9.350	10%
19762	922106-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X8/DSD180	BU LÔNG LỤC GIÁC/DSD180	9.350	10%
19763	922107-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X8/4326	BU LÔNG/4326	4.730	10%
19764	922111-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X10/DHR400	ỐC VÍT M4X10/DHR400	2.200	10%
19765	922112-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X10/DPT351	BU LÔNG/DPT351	4.400	10%
19766	922116-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X12/HM1306	ỐC VÍT M4X12/HM1306	9.350	10%
19767	922117-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X12/JR3061T	ỐC VÍT M4X12/JR3061T	4.400	10%
19768	922118-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X12/DHR242	ỐC VÍT M4X12/DHR242	9.350	10%
19769	922122-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X16/MT430	BU LÔNG M4X16/MT430	4.730	10%
19770	922123-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X14/6922NB	BU LÔNG M4X14/6922NB	8.800	10%
19771	922126-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X16/2704	ỐC VÍT/2704	9.350	10%
19772	922127-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X16/JN3201	BU LÔNG M4X16/JN3201	4.730	10%
19773	922128-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X16/UH004G	BU LÔNG M4X16/UH004G	4.730	10%
19774	922132-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X18/EB7650TH	BU LÔNG M4X18/EB7650TH	4.400	10%
19775	922133-0	H.S.H.BOLT M4X18/DWT310	ỐC VÍT M4X18/DWT310	98.010	10%
19776	922137-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X20/DHS710	ỐC VÍT M4X20/DHS710	9.350	10%
19777	922138-0	H.S.H.BOLT M4X20 WITH WR/BHX2500	ỐC VÍT M4X12/BHX2500	4.400	10%
19778	922143-7	H.S.H.BOLT M4X22 WITH WR/DTWA260	ỐC VÍT M4X22/DTWA260	28.050	10%
19779	922146-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X25/2704N	ỐC VÍT M4X25/2704N	9.350	10%
19780	922147-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X25/BJS160	BU LÔNG M4X25/BJS160	9.350	10%
19781	922148-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X25/6922NB	BU LÔNG M4X25/6922NB	9.350	10%
19782	922149-5	H.S.H.BOLT M4X25/DWT310	ỐC VÍT M4X25/DWT310	98.010	10%
19783	922201-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X8/RBC411	ỐC VÍT/RBC411	2.200	10%
19784	922206-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X10/JS1602	BU LÔNG/JS1602	4.400	10%
19785	922207-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X10/EY2650H	ỐC VÍT M5X10/EY2650H	4.400	10%
19786	922211-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X12/LS002G	BU LÔNG M5*12/LS002G	4.730	10%
19787	922212-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X12/CC300D	BU LÔNG M5X12/CC300D	4.400	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19788	922213-2	H.S.H.BOLT M5X12 WITH WR/BHX2500	ỐC VÍT M5X12/BHX2500	4.400	10%
19789	922216-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X14/JS3201	BU LÔNG M5X14/JS3201	9.350	10%
19790	922217-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X14/BHX2500	ỐC VÍT M5X14/BHX2500	13.200	10%
19791	922218-2	H.S.H.BOLT M5X14 WITH WR/BBC231U	BU LÔNG/BBC231U	4.400	10%
19792	922221-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X16/2012NB	BU LÔNG M5X16/2012NB	4.730	10%
19793	922222-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X16/EBH340U	ỐC VÍT/EBH340U	4.400	10%
19794	922223-9	H.S.H.BOLT M5X16 WITH WR/BHX2500	ỐC VÍT M5X16 WR/BHX2500	4.400	10%
19795	922224-7	SOCKET HEAD BOLT/EH6000W	ỐC VÍT/EH6000W	4.400	10%
19796	922226-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X18/4350CT	BU LÔNG/4350CT	4.400	10%
19797	922227-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X18/JS3201	ỐC VÍT M5X18/JS3201	9.350	10%
19798	922228-9	H.S.H.BOLT M5X18 WITH WR/BBC231U	ỐC VÍT M5X18/BBC231U	4.400	10%
19799	922231-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X20/2012NB	BU LÔNG M5X20/2012NB	4.400	10%
19800	922232-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X20/2704	BU LÔNG M5X20/2704	4.400	10%
19801	922233-6	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X20/DCS232T	ỐC VÍT M5X20/DCS232T	4.400	10%
19802	922234-4	H.S.H.BOLT M5X20 WITH WG/DUX18	ỐC VÍT M5X20/DUX18	9.350	10%
19803	922236-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X22/RBC411	ỐC VÍT/RBC411	4.400	10%
19804	922241-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X30/UR002G	BU LÔNG M5X30/UR002G	8.800	10%
19805	922242-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X25/EY2650H	ỐC VÍT M5X25/EY2650H	2.200	10%
19806	922243-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X25/6924N	ỐC VÍT M5X25/6924N	8.800	10%
19807	922244-1	H.S.H.BOLT M5X25 WITH WG/DUX60	ỐC VÍT M5X25/DUX60	22.000	10%
19808	922251-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X30/UR002G	BU LÔNG M5X30/UR002G	2.200	10%
19809	922252-2	H.S.H.BOLT M5*30/EM2550UH	BU LÔNGM5*30/EM2550UH	2.200	10%
19810	922253-0	H.S.H.BOLT M5X30 WITH WR/BHX2500	ỐC VÍT/BHX2500	4.400	10%
19811	922256-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X35/EM3400U	ỐC VÍT M5X35/EM3400U	2.200	10%
19812	922258-0	H.S.H.BOLT M5X35 WITH WR/DUH501	ỐC VÍT M5X35/DUH501	18.700	10%
19813	922261-1	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X40/5007N	ỐC VÍT M5X40/5007N	14.080	10%
19814	922262-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X40/6906	ỐC VÍT M5X40/6906	9.350	10%
19815	922311-2	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X12 /TW1000	BU LÔNG M6X12/TW1000	9.350	10%
19816	922312-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X12/2012NB	ỐC VÍT/2012NB	4.730	10%
19817	922316-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X14/HM0810	ỐC VÍT M6X14/HM0810	8.800	10%
19818	922317-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X14/2416S	ỐC VÍT M6X14/2416S	4.400	10%
19819	922323-5	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X16/2012NB	ỐC VÍT M6X16/2012NB	14.080	10%
19820	922331-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X20/CA5000	ỐC VÍT M6X20/CA5000	8.800	10%
19821	922332-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X20/LS1016	ỐC VÍT/LS1016	4.400	10%
19822	922333-2	HEX.SOCKET HD BOLT M6X20/DCE090	ỐC M6X20/DCE090	18.700	10%
19823	922334-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X20/2704	ỐC VÍT M6X20/2704	23.320	10%
19824	922336-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X22/RBC411	ỐC VÍT/RBC411	4.400	10%
19825	922341-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X25/EM3400U	BU LÔNG M6X25/EM3400U	8.800	10%
19826	922342-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X25/EX2650LH	ỐC VÍT/EX2650LH	13.200	10%
19827	922343-9	H.S.H.BOLT M6X25 WITH WR/EB7650TH	BU LÔNG M6X25 WR/EB7650TH	13.200	10%
19828	922344-7	H.S.H.BOLT M6X25 WITH WG/DLS600	ỐC VÍT M6X25/DLS600	9.350	10%
19829	922351-0	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X30/HR4002	BU LÔNG M6X30/HR4002	2.200	10%
19830	922352-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X30/EB7650TH	ỐC VÍT/EB7650TH	4.400	10%
19831	922353-6	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X30/BBC231U	BU LÔNG/BBC231U	2.200	10%
19832	922357-8	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X35/PM7650H	ỐC VÍT M6X35/PM7650H	2.200	10%
19833	922358-6	H.S.H.BOLT M6X35 WITH WR/RBC411U	ỐC VÍT/RBC411U	2.200	10%
19834	922359-4	H.S.H.BOLT M6X35 WITH WG/HR5212C	ỐC VÍT M6X35/HR5212C	14.080	10%
19835	922363-3	H.S.H BOLT M6*40 WITHWR/DDG460	BU LÔNG M6*40 WITHWR/DDG460	9.350	10%
19836	922366-7	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X45/HM1810	ỐC VÍT M6X45/HM1810	13.200	10%
19837	922374-8	HEX.SOCKET FLANGE HEAD BOLT M6/HM0810	ỐC VÍT M6/HM0810	9.350	10%
19838	922382-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X60/DSC191	BU LÔNG/DSC191	18.700	10%
19839	922383-7	H.S.H.BOLT M6X60 WITH WR/UT001G	ỐC VÍT M6X60/UT001G	18.700	10%
19840	922384-5	H.S.HEAD BOLT M6X60 W/HR3530	BU LÔNG/HR3530	32.670	10%
19841	922413-4	H.S.H.BOLT M8X12 WITH WR/UV001G	ỐC VÍT M8X12/UV001G	9.350	10%
19842	922422-3	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X16/PJ7000	ỐC VÍT M8X16/PJ7000	13.200	10%
19843	922431-2	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X20/HM1306	ỐC VÍT M8X20/HM1306	14.080	10%
19844	922438-8	H.S.H.BOLT M8X22 WITH WR/DLM460	ỐC VÍT M8X22/DLM460	9.350	10%
19845	922441-9	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X25/LS1016	ỐC VÍT M8X25/LS1016	8.800	10%
19846	922443-5	H.S.H.BOLT M8X25 WITH WR/PC5010C	ỐC VÍT M8X25/PC5010C	9.350	10%
19847	922451-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X30/HM1201	VÍT M8X30/HM1201	17.600	10%
19848	922452-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X30/JS3201	BU LÔNG M8X30/JS3201	8.800	10%
19849	922453-2	HEX.SOCKET HEAD BOLT M8X30/PC5000C	ỐC VÍT M8X30/PC5000C	9.350	10%
19850	922456-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X35/2107F	BU LÔNG/2107F	9.350	10%
19851	922458-2	H.S.H.BOLT M8X35 WITH WR/DLS111	ỐC VÍT/DLS111	9.350	10%
19852	922462-1	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X40/SG1251J	ỐC VÍT M8X40/SG1251J	18.700	10%
19853	922466-3	HEX.SOCKET HEAD BOLT M8X45/SG1251J	ỐC VÍT M8X45/SG1251J	23.320	10%
19854	922478-6	H.S.H.BOLT M8X55 WITH WR/DDG460	ỐC VÍT M8X55/DDG460	28.050	10%
19855	922487-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X65/SG1251J	ỐC VÍT M8X65/SG1251J	28.050	10%
19856	922496-4	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X75/HM1810	ỐC VÍT M8X75/HM1810	44.000	10%
19857	922673-8	H.S.H.BOLT M12X50 WITH WR/DDG460	ỐC VÍT M12X50/DDG460	65.340	10%
19858	922677-0	HEX. SOCKET BOLT M12X55/HM1810	ỐC VÍT M12X55/HM1810	44.000	10%
19859	922909-5	HEX. SOCKET HEAD BOLT M4X35/6922NB	BU LÔNG M4X35/6922NB	14.080	10%
19860	922912-6	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X65/UN001G	ỐC VÍT M5X65/UN001G	9.350	10%
19861	924206-5	WING BOLT M5X10/3612br	ỐC VÍT/3612BR	8.800	10%
19862	924216-2	WING BOLT M5X15/3612br	ỐC CÀNH CHUÔNG M5X15/3612BR	14.080	10%
19863	924306-1	WING BOLT M6X10/2416S	ỐC ĐIỀU CHỈNH GÓC/2416S	23.320	10%
19864	924316-8	WING BOLT M6X15/2416S	ỐC ĐIỀU CHỈNH GÓC/2416S	18.700	10%
19865	924326-5	WING BOLT M6X20/5103N	ỐC VÍT M6X20/5103N	22.000	10%
19866	924336-2	WING BOLT M6X25/5103N	ỐC VÍT M6X25/5103N	22.000	10%
19867	924341-9	WING BOLT M6X28/4100NB	ỐC VÍT M6X28/4100NB	14.080	10%
19868	924426-1	WING BOLT M8X20/4114S	ỐC VÍT M8X20/4114S	32.670	10%
19869	925146-0	HEX. BOLT M4X25/4100NB	ỐC VÍT M4X25/4100NB	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19870	925216-5	HEX. BOLT M5X14/4114S	ỐC VÍT M5X14/4114S	4.730	10%
19871	925221-2	HEX. BOLT M5X16/4107R	ỐC VÍT M5X16/4107R	9.350	10%
19872	925231-9	HEX. BOLT M5X20/4140	ỐC VÍT M5X20/4140	8.800	10%
19873	925261-0	HEX. BOLT M5X40/4114S	ỐC VÍT M5X40/4114S	9.350	10%
19874	931002-4	HEX. NUT M3/DTDA040	ỐC VÍT M3/DTDA040	4.730	10%
19875	931102-0	HEX. NUT M4/2704	ỐC VÍT/2704	9.350	10%
19876	931203-4	HEX. NUT M5/JS3201	TẮN M5/JS3201	4.730	10%
19877	931301-4	HEX. NUT M6/DPP200	ĐẠI ỐC M6/DPP200	4.730	10%
19878	931302-2	HEX. NUT M6/2414NB	TẮN/2414NB	8.800	10%
19879	931303-0	HEX. NUT M6/9563C	ỐC VÍT/9563C	4.730	10%
19880	931402-8	HEX. NUT M8/RM350D	TẮN M8/RM350D	4.730	10%
19881	931403-6	HEX. NUT M8/2012NB	TẮN M8/2012NB	8.800	10%
19882	931502-4	HEX. NUT M10/2704	CON TẮN M10/2704	9.350	10%
19883	931503-2	HEX. NUT M10/9403	CON TẮN M10/9403	14.080	10%
19884	931601-2	HEX. NUT M12/DSC191	ỐC VÍT M12/DSC191	18.700	10%
19885	934301-3	WING NUT M6/1804N	ỐC VÍT/1804N	14.080	10%
19886	934401-9	WING NUT M8/UE001G	ỐC ĐIỀU CHỈNH M8/UE001G	18.700	10%
19887	941001-8	FLAT WASHER 3/DTR180	VÒNG ĐỆM 3/DTR180	4.730	10%
19888	941052-1	FLAT WASHER 4/9032	ĐỆM PHẪNG/9032	4.400	10%
19889	941101-4	FLAT WASHER 5/3612br	LONG ĐẾN/3612BR	4.730	10%
19890	941102-2	FLAT WASHER 5/4100NB	LONG ĐẾN/4100NB	4.400	10%
19891	941151-9	FLAT WASHER 6/2704	LONG ĐẾN/2704	4.730	10%
19892	941152-7	FLAT WASHER 6/2107F	ĐỆM PHẪNG 6/2107F	4.400	10%
19893	941202-8	FLAT WASHER 8/2107F	LONG ĐẾN/2107F	4.400	10%
19894	941251-5	FLAT WASHER 10/1911B	VÒNG ĐỆM 10/1911B	4.730	10%
19895	941252-3	FLAT WASHER 10/VS001G	VÒNG ĐỆM 10/VS001G	4.730	10%
19896	941302-4	FLAT WASHER 12/2704	LONG ĐẾN BĂNG THEP 12/2704	9.350	10%
19897	942051-6	SPRING WASHER 4/GB602	VÒNG ĐỆM/GB602	2.200	10%
19898	942101-7	SPRING WASHER 5/3600H	ĐỆM LÒ XO 5/3600H	4.730	10%
19899	942151-2	SPRING WASHER 6/2414NB	ĐỆM LÒ XO 6/2414NB	4.730	10%
19900	942201-3	SPRING WASHER 8/2414NB	LONG ĐẾN/2414NB	4.400	10%
19901	942251-8	SPRING WASHER 10/LS1030N	ĐỆM LÒ XO 10/LS1030N	4.730	10%
19902	942301-9	SPRING WASHER 12/HM004G	VÒNG ĐỆM 12/HM004G	9.350	10%
19903	943202-4	TOOTHED LOCK WASHER 8/5103N	VÒNG ĐỆM 8/5103N	4.400	10%
19904	951010-9	SPRING PIN 2-14/JN3200	CHÓT 2-14/JN3200	4.730	10%
19905	951019-1	SPRING PIN 2-20/DGA700	LÒ XO/DGA700	4.400	10%
19906	951051-5	SPRING PIN 3-8/GB602	CHÓT/GB602	4.400	10%
19907	951057-3	SPRING PIN 3-12/4304	CHÓT 3-12/4304	4.730	10%
19908	951063-8	SPRING PIN 3-16/LC1230	CHÓT LÒ XO 3-16/LC1230	8.800	10%
19909	951066-2	SPRING PIN 3-18/2416S	CHÓT GAI 3-18/2416S	4.400	10%
19910	951107-4	SPRING PIN 4-14/DLS111	CHÓT LÒ XO 4-14/DLS111	4.730	10%
19911	951110-5	SPRING PIN 4-16/LW1400	CHÓT LÒ XO 4-16/LW1400	4.730	10%
19912	951116-3	SPRING PIN 4-20/2704	CHÓT 4-20/2704	4.730	10%
19913	951119-7	SPRING PIN 4-24/LM004G	CHÓT ĐỊNH VỊ 4-24/LM004G	4.730	10%
19914	951122-8	SPRING PIN 4-28/2012NB	CHÓT LÒ XO 4-28/2012NB	4.730	10%
19915	951163-4	SPRING PIN 5-20/2414NB	CHÓT LÒ XO 5-20/2414NB	4.730	10%
19916	951166-8	SPRING PIN 5-24/HM1203C	CHÓT LÒ XO 5-24/HM1203C	9.350	10%
19917	951175-7	SPRING PIN 5-36/LW1400	CHÓT LÒ XO 5-36/LW1400	9.350	10%
19918	951219-3	SPRING PIN 6-32/4100NB	CHÓT 6-32/4100NB	9.350	10%
19919	951222-4	SPRING PIN 6-36/5806B	CHÓT GAI 6-36/5806B	9.350	10%
19920	951272-9	SPRING PIN 8-40/HM1810	CHÓT GAI 8-40/HM1810	17.600	10%
19921	961002-0	RETAINING RING S-6/4100NH2	VÒNG GAI CHỮ C/4100NH2	4.730	10%
19922	961003-8	RETAINING RING S-7/9015B	PHE GAI/9015B	4.730	10%
19923	961004-6	RETAINING RING S-8/4100NB	VÒNG GAI CHỮ C/4100NB	4.730	10%
19924	961005-4	RETAINING RING S-9/9067	VÒNG GAI CHỮ C/9067	4.730	10%
19925	961006-2	RETAINING RING S-10/2704	VÒNG GAI CHỮ C/2704	4.400	10%
19926	961008-8	RETAINING RING S-5/TM30D	VÒNG GAI CHỮ C/TM30D	4.730	10%
19927	961011-9	STOP RING E-4/4328	PHE GAI/4328	4.730	10%
19928	961012-7	STOP RING E-6/2012NB	PHE GAI/2012NB	4.730	10%
19929	961013-5	STOP RING E-7/DUC353	PHE GAI/DUC353	4.730	10%
19930	961014-3	STOP RING E-8/9032	PHE GAI/9032	4.400	10%
19931	961016-9	STOP RING E-10/2704	PHE GAI/2704	4.730	10%
19932	961017-7	STOP RING E-3/1911B	PHE GAI/1911B	4.730	10%
19933	961018-5	STOP RING E-5/2416S	PHE GAI/2416S	4.730	10%
19934	961026-6	RETAINING RING S-10/DFT023F	VÒNG GAI CHỮ C/DFT023F	4.730	10%
19935	961034-7	RETAINING RING/HR2810	VÒNG GAI CHỮ C/HR2810	9.350	10%
19936	961036-3	RETAINING RING WR-10/HR3200C	VÒNG GAI CHỮ C/HR3200C	9.350	10%
19937	961052-5	RETAINING RING S-12/906H	VÒNG GAI CHỮ C/906H	4.730	10%
19938	961054-1	RETAINING RING S-14/DS4011	VÒNG GAI CHỮ C/DS4011	4.730	10%
19939	961055-9	RETAINING RING S-15/2107F	VÒNG GAI CHỮ C/2107F	4.730	10%
19940	961056-7	RETAINING RING S-16/LW1400	VÒNG GAI CHỮ C/LW1400	4.730	10%
19941	961057-5	RETAINING RING S-17/4107R	VÒNG GAI CHỮ C/4107R	4.400	10%
19942	961058-3	RETAINING RING (EXT) S-18/DDA460	VÒNG GAI S-18/DDA460	9.350	10%
19943	961060-6	RETAINING RING S-20/5103N	VÒNG GAI CHỮ C/5103N	9.350	10%
19944	961062-2	STOP RING E-12/DVC860L	PHE GAI/DVC860L	4.730	10%
19945	961072-9	RETAINING RING S-12/TD022D	VÒNG GAI C/TD022D	4.730	10%
19946	961078-7	RETAINING RING (EXT) S-18/WR100D	VÒNG GAI S-18/WR100D	9.350	10%
19947	961082-6	RETAINING RING WR12/DHR263	VÒNG GAI CHỮ C/DHR263	9.350	10%
19948	961085-0	RETAINING RING WR-15/DTP141	VÒNG HÂM/DTP141	9.350	10%
19949	961104-2	RETAINING RING S-24/2416S	PHE GAI S-24/2416S	9.350	10%
19950	961105-0	RETAINING RING S-25/2416S	VÒNG GAI S-25/2416S	8.800	10%
19951	961108-4	RETAINING RING S-28/HM0810T	VÒNG GAI CHỮ C/HM0810T	79.310	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
19952	961110-7	RETAINING RING S-30/BO6050	VÒNG GÀI CHỮ C/BO6050	14.080	10%
19953	961135-1	RETAINING(EXT) WR-25/DHR165	VÒNG THÉP/DHR165	13.200	10%
19954	961140-8	RETAINING RING/HR2810	VÒNG GÀI CHỮ C/HR2810	18.700	10%
19955	961151-3	RETAINING RING S-32/EM3400U	VÒNG GÀI CHỮ C/EM3400U	13.200	10%
19956	961152-1	RETAINING RING (EXT) S-34/DHS680	PHE GÀI S-34/DHS680	18.700	10%
19957	961155-5	RETAINING RING S-38/5806B	PHE GÀI/5806B	18.700	10%
19958	961156-3	RETAINING RING S-40/HM004G	VÒNG PHE GÀI S-40/HM004G	18.700	10%
19959	961201-4	RETAINING RING S-42/4131	VÒNG GÀI S-25/4131	17.600	10%
19960	961202-2	RETAINING RING S-45/N5900B	VÒNG ĐỆM/N5900B	28.050	10%
19961	961232-3	RETAINING RING WR-45/HM1203C	VÒNG GÀI CHỮ C/HM1203C	28.050	10%
19962	961252-7	RETAINING RING S-55/5201N	VÒNG GÀI S-55/5201N	39.600	10%
19963	961253-5	RETAINING RING S-56/5103N	VÒNG GÀI S-56/5103N	35.200	10%
19964	961254-3	RETAINING RING (EXT) S-58/TW009G	VÒNG PHE GÀI S-58/TW009G	37.400	10%
19965	962059-4	RETAINING RING (INT) R-19/UP100D	PHE GÀI R-19/UP100D	4.730	10%
19966	962062-5	RETAINING RING R-12/3600H	VÒNG GÀI CHỮ C/3600H	9.350	10%
19967	962063-3	RETAINING RING R-13/JV0600K	PHE GÀI R-13/JV0600K	9.350	10%
19968	962065-9	RETAINING RING R-15/RP0900	VÒNG GÀI R-15/RP0900	9.350	10%
19969	962067-5	RETAINING RING R-17/FN001G	VÒNG PHE R-17/FN001G	9.350	10%
19970	962068-3	RETAINING RING R-18/4350CT	VÒNG GÀI CHỮ C/4350CT	9.180	8%
19971	962102-9	RETAINING RING R-22/DFL301F	PHE GÀI R-22/DFL301F	9.350	10%
19972	962103-7	RETAINING RING R-24/BBC231U	VÒNG GÀI CHỮ C/BBC231U	2.200	10%
19973	962105-3	RETAINING RING R-26/DGA406	VÒNG GÀI CHỮ C/DGA406	8.800	10%
19974	962106-1	RETAINING RING R-28/BBC231U	VÒNG GÀI CHỮ C/BBC231U	9.350	10%
19975	962107-9	RETAINING RING (INT) R-30/GA5010	PHE GÀI/GA5010	14.080	10%
19976	962111-8	RETAINING RING R-21/DFT085F	VÒNG GÀI CHỮ C/DFT085F	14.080	10%
19977	962112-6	RETAINING RING R-22/HM1214C	VÒNG GÀI CHỮ C/HM1214C	9.350	10%
19978	962113-4	RETAINING RING R-24/DTDA040	VÒNG GÀI/DTDA040	14.080	10%
19979	962116-8	RETAINING RING R-28/TL064D	VÒNG HÀM 28/TL064D	14.080	10%
19980	962153-2	RETAINING RING R-35/2012NB	VÒNG GÀI CHỮ C/2012NB	13.200	10%
19981	962157-4	RETAINING RING R-40/4107R	PHE GÀI BANG THÉP R-40/4107R	13.200	10%
19982	962161-3	RETAINING RING R-32/DFL301F	PHE GÀI R-32/DFL301F	18.700	10%
19983	962201-7	RETAINING RING (INT) R-42/UE001G	PHE GÀI R-42/UE001G	18.700	10%
19984	962203-3	RETAINING RING R-47/2107F	VÒNG GÀI CHỮ C/2107F	23.320	10%
19985	962211-4	RETAINING RING R-42/GA7020	VÒNG GÀI CHỮ C/GA7020	28.050	10%
19986	962251-2	RETAINING RING R-52/HM1201	VÒNG GÀI R-52/HM1201	28.050	10%
19987	962301-3	RETAINING RING R-62/HM1810	VÒNG GÀI S-62/HM1810	35.200	10%
19988	962352-6	RETAINING RING R-75/6906	VÒNG GÀI CHỮ C/6906	60.720	10%
19989	962354-2	RETAINING RING R-80/HM1810	VÒNG GÀI S-80/HM1810	61.600	10%
19990	990026-000	MOTOR/SJ401	MOTOR/SJ401	4.322.808	8%
19991	A0000-0011	SCREW 4X8/AF201Z	VÍT 4*8/AF201Z	9.350	10%
19992	A0000-0021	SCREW 4X16/AF301Z	VÍT 4*16/AF301Z	14.080	10%
19993	A0000-0081	SCREW 5X18/AF301Z	ỐC VÍT M5X18/AF301Z	14.080	10%
19994	A0000-0101	SCREW 5X22/AF301Z	CỦ CHÂN 5*22/AF301Z	18.700	10%
19995	A0000-0211	SCREW M4X10/AF201Z	ỐC VÍT/AF201Z	9.350	10%
19996	A0000-0341	SCREW M5X50/AF504Z	VÍT 5*50/AF504Z	14.080	10%
19997	A0002-0011	SCREW M6/AT422AZ	VÍT M6/AT422AZ	18.700	10%
19998	A0004-0001	HEX. NUT M5/AF301Z	VÒNG ĐỆM M5/AF301Z	14.080	10%
19999	A0005-0031	WASHER #5X1.1T/AF301Z	LONG ĐÈN/AF301Z	13.824	8%
20000	A0005-0051	WASHER #4X0.9T/AF301Z	LONG ĐÈN/AF301Z	14.080	10%
20001	A0006-0271	STEP PIN 2.9X29/AF301Z	VÒNG ĐỆM 2.9*29/AF301Z	14.080	10%
20002	A0011-0051	OUTER SPRNG PN 4X10/AF301Z	VÒNG ĐỆM 4*10/AF301Z	8.800	10%
20003	A0011-0061	INNER SPRING PIN 2.5X10/AF301Z	VÒNG ĐỆM 2.5*10/AF301Z	8.800	10%
20004	A0100-0021	COMPRESSION SPRING/AF301Z	VÒNG ĐỆM AF301Z/AF301Z	9.350	10%
20005	A0100-0031	COMPRESSION SPRING/AF301Z	LÒ XO/AF301Z	18.700	10%
20006	A0100-0121	FEEDER SPRING/AT422AZ	LÒ XO/AT422AZ	32.670	10%
20007	A0100-0131	EXTENSION SPRING/AT1022AZ	LÒ XO/AT1022AZ	42.020	10%
20008	A0100-0831	SPRING/AF201Z	LÒ XO/AF201Z	14.080	10%
20009	A0101-0021	TORSION SPRING/AT422AZ	LÒ XO/AT422AZ	18.700	10%
20010	A0103-0061	SPRING/AF504Z	LÒ XO/AF504Z	18.700	10%
20011	A0200-0031	O RING 21.3X3/AF301Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF301Z	13.824	8%
20012	A0200-0071	O RING 31X2.5/AF301Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF301Z	13.824	8%
20013	A0200-0081	O RING 25X3.5/AF301Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF301Z	13.824	8%
20014	A0200-0231	O RING 9.8X2.4/AF301Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF301Z	13.824	8%
20015	A0200-0241	O RING 22X1.5/AF301Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF301Z	13.824	8%
20016	A0200-0251	O RING 13X3/AF301Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF301Z	13.824	8%
20017	A0200-0301	O-RING 28X1.2/AF504Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF504Z	13.824	8%
20018	A0200-0321	O-RING 3.8X1.5/AF301Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF301Z	9.180	8%
20019	A0200-0331	O-RING 9.8X1.9/AF301Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF301Z	9.180	8%
20020	A0200-0721	O-RING 22.9X2.7/AF504Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF504Z	13.824	8%
20021	A0200-0911	O RING 39.4X3.1/AF301Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF301Z	22.896	8%
20022	A0200-1341	O-RING 17X2.6/AF201Z	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF201Z	13.824	8%
20023	A0200-1581	O-RING 34.5X1.8/AF504Z	VÒNG ĐỆM/AF504Z	18.360	8%
20024	A0205-0111	GASKET/AF301Z	VÒNG ĐỆM/AF301Z	41.256	8%
20025	A0303-0141	CYLLNDER/AF504Z	XILANH/AF504Z	274.752	8%
20026	A0303-0281	CYLINDER/AF201Z	XILANH/AF201Z	288.576	8%
20027	A0304-0301	EXHAUST VALVE COLLAR/AF301Z	VÁN XÀ/AF301Z	23.320	10%
20028	A0305-0071	COLLAR/AF301Z	VÒNG ĐỆM AF301Z/AF301Z	18.360	8%
20029	A0307-0001	AIR PLUG/AF201Z	ĐẦU VÀO HƠI/AF201Z	84.040	10%
20030	A0308-0241	FIRING VALVE PISTON/AF301Z	PISTON/AF301Z	96.228	8%
20031	A0309-0011	BUMPER/AF301Z	GIÂM CHÂN/AF301Z	45.792	8%
20032	A0309-0251	BUMPER/AF201Z	GIÂM CHÂN/AF201Z	41.256	8%
20033	A0310-0241	NOZZLE/AF301Z	MIÈNG ÔNG AF301Z/AF301Z	22.896	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20034	A0310-0301	NOZZLE WASHER/AF201Z	MIẾNG ỒNG/AF201Z	18.360	8%
20035	A0311-0121	SEAL,AIR/AF301Z	VÒNG ĐỆM KÍN/AF301Z	13.824	8%
20036	A0500-0191	TRIGGER/AF301Z	NÚT CÔNG TÁC/AF301Z	36.720	8%
20037	A0503-0041	TRIGGER VALVE GUIDE/AF301Z	VAN HỒI CÔNG TÁC/AF301Z	36.720	8%
20038	A0505-0041	SEAL,AIR/AF301Z	VÒNG ĐỆM KÍN/AF301Z	13.824	8%
20039	A0505-0051	AIR SEAL/AF201Z	VÒNG ĐỆM KÍN/AF201Z	13.824	8%
20040	A0600-1711	DRIVER BLADE/AT1022AZ	THANH DẪN/AT1022AZ	100.764	8%
20041	A0600-1731	DRIVER BLADE/AF504Z	THANH DẪN/AF504Z	196.992	8%
20042	A0601-0021	DRIVER BLADE PIN/AF301Z	CHÓT THANH DẪN/AF301Z	42.020	10%
20043	A0601-0151	DRIVER BLADE PIN/AF504Z	CHÓT THANH DẪN/AF504Z	48.400	10%
20044	A0706-0241	SUPPORT/AF301Z	THANH GIỮ/AF301Z	98.010	10%
20045	A0706-0691	SPRING HOLDER/AF504Z	GIÁ ĐỖ LÒ XO/AF504Z	14.080	10%
20046	A0706-0701	SPRING HOLDER/AF301Z	GIÁ ĐỖ LÒ XO/AF301Z	18.700	10%
20047	A0706-0851	MAGAZINE SUPPORT/AF201Z	ĐỀ RÁP HỘP ĐUNG ĐÌNH/AF201Z	36.720	8%
20048	A0707-0151	PUSHER/AT422AZ	THANH ĐÁY/AT422AZ	41.256	8%
20049	A0707-0171	PUSHER/AT1022AZ	THANH ĐÁY/AT1022AZ	54.972	8%
20050	A0707-0451	PUSHER/AF504Z	THANH ĐÁY/AF504Z	82.512	8%
20051	A0707-0471	PUSHER/AF301Z	THANH ĐÁY AF301Z/AF301Z	32.076	8%
20052	A0707-0713	PUSHER/AF201Z	THANH ĐÁY/AF201Z	96.228	8%
20053	A0708-0061	STEEL BAR/AT422AZ	THANH THÉP/AT422AZ	13.824	8%
20054	A0708-0131	STEEL BAR/AF301Z	THANH THÉP/AF301Z	9.350	10%
20055	A0708-0581	STEEL BAR/AF504Z	THANH THÉP/AF504Z	9.350	10%
20056	A0709-0081	CLICK LEVER/AF504Z	CỎ BÓP BẰNG THÉP/AF504Z	174.096	8%
20057	A0709-0301	CLICK LEVER/AF201Z	MIẾNG GÀI HỘP ĐINH/AF201Z	32.670	10%
20058	A0716-0121	END STOPPER/AF301Z	BẮT THÉP/AF301Z	36.720	8%
20059	A0716-0131	FRONT STOPPER/AF301Z	CHÓT GÀI/AF301Z	23.320	10%
20060	A0719-0161	STOPPER/AF301Z	BẮT THÉP/AF301Z	18.700	10%
20061	A0800-0081	SPACER/AF301Z	VÒNG ĐỆM/AF301Z	17.280	8%
20062	A0800-0381	SPACER/AF301Z	ĐẠI ỐC/AF301Z	37.400	10%
20063	A0800-0911	SPACER/AF504Z	VÒNG ĐỆM/AF504Z	37.400	10%
20064	A0801-0121	DRIVER GUIDE/AT1022AZ	THANH DẪN/AT1022AZ	370.980	8%
20065	A0801-0511	DRIVER GUIDE/AF504Z	THANH DẪN/AF504Z	709.776	8%
20066	A0801-1041	DRIVER GUIDE/AF301Z	THANH DẪN/AF301Z	476.280	8%
20067	A0801-1291	DRIVER GUIDE/AF301Z	THANH ĐÁY ĐINH/AF301Z	302.292	8%
20068	A0801-1331	DRIVER GUIDE COVER/AF504Z	THANH KẸP BẰNG THÉP/AF504Z	545.710	10%
20069	A0801-1891	DRIVER GUIDE/AF201Z	THANH DẪN/AF201Z	531.252	8%
20070	A0902-0771	CARTON/AF201	THÙNG CARTON/AF201	155.736	8%
20071	A0902-0781	CARTON/AT422A	THÙNG CARTON/AT422A	169.452	8%
20072	A0902-0801	CARTON/AF301	THÙNG CARTON/AF301	169.452	8%
20073	A0902-0811	CARTON/AF504	THÙNG CARTON/AF504	178.632	8%
20074	A-81290	CARBON BRUSH CB-106A	CHÒI THAN CB-106A	56.160	8%
20075	AL00000002	WHEEL COVER L/GB602	NÁP CHỤP ĐÁ MÀI(TRÁI)/GB602	82.512	8%
20076	AL00000003	HEX NUT M12L/GB602	CON TẮN M12/GB602	9.350	10%
20077	AL00000006	WHEEL COVER L/GB602	NÁP CHỤP ĐÁ MÀI(TRÁI)/GB602	116.640	8%
20078	AL00000007	CORD CLAMP/GB602	NÁP CHỤP ĐẒN/GB602	8.640	8%
20079	AL00000008	LAMP COVER BASE/GB602	NÁP CHỤP/GB602	50.436	8%
20080	AL00000009	NUT/GB602	ỐC VÍT/GB602	4.400	10%
20081	AL00000010	STRAIN RELIEF/GB602	MIẾNG CHẢN/GB602	4.320	8%
20082	AL00000011	LAMP COVER/GB602	NÁP CHỤP/GB602	54.972	8%
20083	AL00000012	LAMP HOLDER ASSY/GB602	ĐUỖI ĐẒN/GB602	77.760	8%
20084	AL00000013	BULB/GB602	BÓNG ĐẒN/GB602	22.896	8%
20085	AL00000014	ADJUSTABLE KNOB/GB602	TAY CẦM ĐIỀU CHỈNH/GB602	4.644	8%
20086	AL00000015	EYESHIELD MOUNTING ARM L/GB602	CHÓT GÀI/GB602	46.640	10%
20087	AL00000016	SAFETY EYE SHIELD/GB602	KÍNH BẢO VẒ/GB602	73.332	8%
20088	AL00000017	SPARK DEFLECTOR (LEFT)/GB602	GIÁ ĐỖ KÍNH BẢO VẒ(TRÁI)/GB602	18.700	10%
20089	AL00000018	WORK REST (LEFT)/GB602	GIÁ ĐỖ VẬT LIẒU (TRÁI)/GB602	51.370	10%
20090	AL00000019	MOTOR HOUSING COVER R/GB602	VỎ MOTOR (PHẢI)/GB602	345.600	8%
20091	AL00000022	BUSH/GB602	VÒNG ĐẒM/GB602	4.320	8%
20092	AL00000023	MOTOR HOUSING/GB602	VỎ MOTOR/GB602	151.200	8%
20093	AL00000024	CORD CLIP PLATE/GB602	MIẾNG ĐẒM/GB602	8.640	8%
20094	AL00000026	CORD GUARD/GB602	MIẾNG GIỮ DẒY/GB602	8.640	8%
20095	AL00000027	WAVE WASHER/GB602	VÒNG ĐẒM/GB602	8.800	10%
20096	AL00000028	MOTOR HOUSING COVER L/GB602	VỎ MOTOR(TRÁI)/GB602	358.560	8%
20097	AL00000029	CAPACITOR CLAMP/GB602	GIÁ ĐỖ TỤ ĐIỆN/GB602	4.400	10%
20098	AL00000031	SWITCH BOARD/GB602	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/GB602	17.280	8%
20099	AL00000034	WHEEL COVER R/GB602	NÁP CHỤP ĐÁ MÀI(PHẢI)/GB602	82.512	8%
20100	AL00000035	HEX NUT M12/GB602	CON TẮN M12/GB602	9.350	10%
20101	AL00000036	SPARK DEFLECTOR (RIGHT)/GB602	GIÁ ĐỖ KÍNH BẢO VẒ(PHẢI)/GB602	18.700	10%
20102	AL00000037	SAFETY EYE SHIELD WITH MAG/GB602	KÍNH BẢO VẒ/GB602	68.688	8%
20103	AL00000038	EYESHIELD MOUNTING ARM R/GB602	CHÓT GÀI/GB602	46.640	10%
20104	AL00000039	COOLANT TRAY/GB602	KHAY ĐỰNG BẢ VỎ/GB602	41.256	8%
20105	AL00000040	COOLANT TRAY PLATE ASSY/GB602	HỘP NHỰA CHẢN MÁY/GB602	41.256	8%
20106	AL00000041	RUBBER SLEEVE/GB602	CHẢN CAO SU/GB602	4.644	8%
20107	AL00000042	WHEEL COVER R/GB602	NÁP CHỤP ĐÁ MÀI(PHẢI)/GB602	116.640	8%
20108	AL00000043	WORK REST (RIGHT)/GB602	GIÁ ĐỖ VẬT LIẒU (PHẢI)/GB602	51.370	10%
20109	AL00000057	WHEEL COVER L/GB801	CHỤP BẢO VẒ/GB801	325.188	8%
20110	AL00000058	HEX NUT M16L/GB801	ỐC VÍT M16L/GB801	14.080	10%
20111	AL00000059	PAN HEAD SCREW M5X5/GB801	ỐC VÍT M5X5/GB801	4.730	10%
20112	AL00000060	BALANCE PLATE/GB801	TẦM ĐẒM ĐẦU NHỎNG/GB801	14.080	10%
20113	AL00000061	BALANCE WEIGHT/GB801	MIẾNG ĐẒM LẒCH TẦM/GB801	14.080	10%
20114	AL00000064	WHEEL COVER L/GB801	NÁP BẢO VẒ TRÁI/GB801	488.160	8%
20115	AL00000065	CORD CLAMP/GB801	KẸP DẒY/GB801	12.960	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20116	AL00000066	SPARK DEFLECTOR (LEFT)/GB801	TẮM CHÂN TIA LỬA ĐIỆN/GB801	32.076	8%
20117	AL00000067	WORK REST (LEFT)/GB801	GÁ ĐỖ (ĐỀ BÀN)/GB801	52.800	10%
20118	AL00000068	PAN HEAD SCREW M5X142/GB801	ỐC VÍT M5X142/GB801	8.800	10%
20119	AL00000069	MOTOR HOUSING COVER R/GB801	NÁP MÔ TÔ PHẢI/GB801	471.744	8%
20120	AL00000072	MOTOR HOUSING/GB801	VỎ MÔ TÔ/GB801	151.200	8%
20121	AL00000073	WAVE WASHER/GB801	VÒNG ĐỆM/GB801	8.800	10%
20122	AL00000074	MOTOR HOUSING COVER L/GB801	NÁP MÔ TÔ TRÁI/GB801	462.564	8%
20123	AL00000076	BASE/GB801	ĐẾ/GB801	396.000	10%
20124	AL00000077	SIDE COVER R/GB801	NÁP BẢO VỆ BÊN/GB801	325.188	8%
20125	AL00000078	HEX NUT M16/GB801	ỐC VÍT M16/GB801	14.080	10%
20126	AL00000079	SPARK DEFLECTOR (RIGHT)/GB801	GÁ ĐỖ/GB801	32.670	10%
20127	AL00000080	COOLANT TRAY/GB801	KHAY LÀM MÁT/GB801	43.200	8%
20128	AL00000081	COOLANT TRAY PLATE ASSY/GB801	TẦM ĐỆM KHAY LÀM MÁT/GB801	47.520	8%
20129	AL00000083	RUBBER SLEEVE/GB801	MIẾNG ĐỆM/GB801	4.400	10%
20130	AL00000084	WHEEL COVER R/GB801	CHỤP BẢO VỆ/GB801	494.640	8%
20131	AL00000085	WORK REST (RIGHT)/GB801	GÁ ĐỖ (ĐỀ BÀN)/GB801	55.990	10%
20132	AL00000086	WRENCH 10-13-17/GB801	CÓ LÊ HẠM ĐAI ỐC/GB801	41.256	8%
20133	AL00000087	WRENCH 8-24/GB801	KHÓA LỤC GIÁC/GB801	27.540	8%
20134	AL00000095	CAPACITOR/GB602	TỤ ĐẾ/GB602	132.840	8%
20135	AL00000099	CAPACITOR/GB801	TỤ/GB801	343.440	8%
20136	AL00000113	SCREW M5X135/GB602	ỐC VÍT M5X135/GB602	8.800	10%
20137	AL00000134	TOOTHED LOCK WASHER 4/GB602	MIẾNG ĐỆM KHÓA 4/GB602	4.400	10%
20138	AL00000138	LAMP HOLDER ASSEMBLY/GB801	GÁ ĐỖ ĐÈN/GB801	87.048	8%
20139	AL00000168	SWITCH WITH COVER/GB602	CÔNG TẮC/GB602	109.944	8%
20140	AL00000174	POWER SUPPLY CORD/GB602	DÂY ĐIỆN/GB602	132.840	8%
20141	AL00000194	LAMP COVER BASE/GB801	TẦM BẢO VỆ ĐÈN/GB801	50.436	8%
20142	AL00000215	ROTOR/GB602	RÔ TÔ/GB602	272.160	8%
20143	AL00000236	STATOR/GB801	STATO/GB801	1.712.664	8%
20144	AL00000241	ROTOR/GB801	RÔ TÔ/GB801	686.880	8%
20145	AL00000261	STATOR/GB602	STATO/GB602	888.408	8%
20146	AN02010C00	TENSION SPRING 9/EBH340R	LÒ XO 9/EBH340R	35.200	10%
20147	AN23010C00	SPRING/RBC411U	LÒ XO/RBC411U	44.000	10%
20148	AS000AI158	HOSE PACKING (6 PCS)/DVP180	VÒNG ĐỆM CAO SU/DVP180	151.200	8%
20149	AS000VP009	DRAIN PLUG M8X12/DVP180	BU LÔNG M8X12/DVP180	200.640	10%
20150	AS000VP010	O-RING 10X2.5/DVP180	VÒNG ĐỆM CAO SU 10X2.5/DVP180	54.972	8%
20151	AS000VP011	HEXAGON BOLT M5X16/DVP180	BU LÔNG LỤC GIÁC M5X16/DVP180	55.990	10%
20152	AS000VP012	OIL FILL/EXHAUST CAP/DVP180	NÁP XÁ/DVP180	316.008	8%
20153	AS000VP013	O-RING 26X2.2/DVP180	VÒNG ĐỆM CAO SU 26X2.2/DVP180	54.972	8%
20154	AS000VP014	O-RING 95X3.1/DVP180	VÒNG ĐỆM CAO SU 95X3.1/DVP180	54.972	8%
20155	AS000VP016	INTAKE SHUT-OFF VALVE/DVP180	VÁN ĐÓNG ĐẦU VAO/DVP180	1.259.280	8%
20156	AS000VP017	INLET PORT CAP (5/16")/DVP180	NÁP LỖ HÚT GIÓ (5/DVP180	54.972	8%
20157	AS000VP018	HANDLE/DVP180	TAY CÀM/DVP180	485.460	8%
20158	AS000VP019	HEXAGON BOLT M5X8/DVP180	BU LÔNG LỤC GIÁC M5X8/DVP180	52.800	10%
20159	AS000VP020	INLET PORT CAP/DVP180	NÁP LỖ HÚT GIÓ/DVP180	125.950	10%
20160	AS000VP022	BASE/DVP180	BỘ ĐẾ/DVP180	393.876	8%
20161	AS000VP023	RUBBER BASE/DVP180	ĐỀ CAO SU/DVP180	54.972	8%
20162	AS000VP024	WASHER 4.5X12X1.0/DVP180	VÒNG ĐỆM CAO SU 4.5X12X1.0/DVP180	52.800	10%
20163	AS000VP025	TAPPING SCREW M4X1/DVP180	ỐC VÍT M4X1/DVP180	52.800	10%
20164	AS000VP026	HEXAGON BOLT (W/WASHER) M5X16/DVP180	BU LÔNG LỤC GIÁC M5X16/DVP180	55.990	10%
20165	AS000VP027	SPRING WASHER M5/DVP180	VÒNG ĐỆM CAO SU M5/DVP180	52.800	10%
20166	AS000VP028	PAN HEAD SCREW M5X100/DVP180	ỐC VÍT M5X100/DVP180	52.800	10%
20167	AS000VP029	CARBON BRUSH SPRING/DVP180	LÒ XO/DVP180	52.800	10%
20168	AS000VP030	BATTERY HOLDER (FRONT)/DVP180	ĐỂ GIỮ PIN (TRƯỚC)/DVP180	187.812	8%
20169	AS000VP031	ARMATURE/DVP180	RÔ TÔ/DVP180	3.805.380	8%
20170	AS000VP032	MOTOR COVER (REAR)/DVP180	VỎ MÔ TÔ (SAU)/DVP180	1.382.940	8%
20171	AS000VP033	HEXAGON BOLT M5X10/DVP180	BU LÔNG LỤC GIÁC/DVP180	5.500	10%
20172	AS000VP034	CIRCUIT BOARD/DVP180	BƠ MẠCH/DVP180	3.205.440	8%
20173	AS000VP035	TAPPING SCREW M3X10/DVP180	ỐC VÍT M3X10/DVP180	55.990	10%
20174	AS000VP036	POWER SWITCH/DVP180	CÔNG TẮC/DVP180	114.480	8%
20175	AS000VP037	LEAD WIRE/DVP180	DÂY DẪN/DVP180	59.616	8%
20176	AS000VP042	BELT/DVP180	DÂY THẮT/DVP180	384.480	8%
20177	AS000VP066	HEXAGON BOLT M5X10/DVP180	BU LÔNG LỤC GIÁC/DVP180	52.800	10%
20178	AS000VP071	WIRE KIT AND BRUSH/DVP180	DÂY DẪN ĐIỆN VÀ CHỖI THAN/DVP180	435.024	8%
20179	AS000VP087	EXHAUST PORT ASSY/DVP181	MIẾNG THẺP/DVP181	321.860	10%
20180	AS000VP092	O-RING 120X3.1/DVP181	VÒNG ĐỆM 120X3.1/DVP181	54.972	8%
20181	AS000VP093	HEX SOCKET HEAD BOLT M8X90/DVP181	ỐC VÍT M8X90/DVP181	55.990	10%
20182	AS000VP094	SPRING WASHER 8/DVP181	VÒNG ĐỆM 8/DVP181	55.990	10%
20183	AS000VP095	FLAT WASHER 8/DVP181	VÒNG ĐỆM 8/DVP181	55.990	10%
20184	AS000VP096	PUMP HEAD ASSY/DVP181	ĐẦU BƠM HÚT CHÂN KHÔNG/DVP181	6.131.592	8%
20185	AS000VP100	O-RING 12X1.6/DVP181	VÒNG ĐỆM 12X1.6/DVP181	54.972	8%
20186	AS000VP101	O-RING 34.5X2/DVP181	VÒNG ĐỆM 34.5X2/DVP181	54.972	8%
20187	AS000VP103	O-RING 13X2/DVP181	VÒNG ĐỆM 13X2/DVP181	54.972	8%
20188	AS000VP104	SPRING 7X0.5X6/DVP181	LÒ XO 7X0.5X6/DVP181	55.990	10%
20189	AS000VP105	GAS BALLAST VALVE ELEMENT/DVP181	VÁN KHÍ/DVP181	54.972	8%
20190	AS000VP107	O-RING 15X2/DVP181	VÒNG ĐỆM 15X2/DVP181	54.972	8%
20191	AS000VP108	SOLENOID VALVE ASSY/DVP181	VÁN CÀM BIẾN TỬ NGẬT/DVP181	3.672.540	8%
20192	AS000VP113	INLET PORT CAP 4# (3/8SAE)/DVP181	ỐP VÁN HƠI 4# (3/8SAE)/DVP181	54.972	8%
20193	AS000VP114	GAS BALLAST ASSY/DVP181	VÁN XÁ HƠI/DVP181	357.264	8%
20194	AS000VP117	HANDLE MA245/DVP181	TAY CÀM MA245/DVP181	801.360	8%
20195	AS000VP118	HEX SOCKET HEAD BOLT M8X8/DVP181	ỐC VÍT M8X8/DVP181	55.990	10%
20196	AS000VP119	BASE ASSY/DVP181	ĐẾ CỬA MÁY HÚT CHÂN KHÔNG/DVP181	911.304	8%
20197	AS000VP123	PAN HEAD SCREW M4X8/DVP181	ỐC VÍT M4X8/DVP181	55.990	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20198	AS000VP125	WIRING COVER/DVP181	ỐP BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/DVP181	109.944	8%
20199	AS000VP128	BEARING WASHER/DVP181	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DVP181	55.990	10%
20200	AS000VP129	ARMATURE ASSY/DVP181	RỎ TỎ/DVP181	5.669.136	8%
20201	AS000VP131	MOTOR REAR COVER ASSY/DVP181	TẮM THÉP BẢO VỆ THÂN ĐỘNG CƠ/DVP181	1.501.830	10%
20202	AS000VP133	PAN HEAD SCREW M5X130/DVP181	ỐC VÍT M5X130/DVP181	55.990	10%
20203	AS000VP134	BATTERY HOLDER F/DVP181	NÁP HỘP CHỨA PIN F/DVP181	338.904	8%
20204	AS000VP135	FAN/DVP181	CÁNH QUẠT/DVP181	87.048	8%
20205	AS000VP136	CIRCLIP/DVP181	PHE GÁI/DVP181	44.000	10%
20206	AS000VP137	CIRCUIT BOARD B8-18V/DVP181	BO MẠCH B8-18V/DVP181	6.445.440	8%
20207	AS000VP138	BUZZER/DVP181	CHUÔNG BÁO/DVP181	192.348	8%
20208	AS000VP139	LED LAMP/DVP181	ĐÈN LED/DVP181	109.944	8%
20209	AS000VP140	SWITCH/DVP181	CÔNG TẮC/DVP181	389.232	8%
20210	AS000VP141	WIRING ASSY L FOR SWITCH/DVP181	ĐẦU CÔNG TẮC NỐI DÂY ĐIỆN/DVP181	54.972	8%
20211	AS000VP142	WIRING ASSY S FOR SWITCH/DVP181	DÂY DẪN ĐIỆN/DVP181	59.616	8%
20212	AS000VP143	RED CONNECTING LINE/DVP181	DÂY DẪN ĐIỆN MÀU ĐỎ/DVP181	105.408	8%
20213	AS000VP144	BLACK CONNECTING LINE/DVP181	DÂY DẪN ĐIỆN MÀU ĐEN/DVP181	105.408	8%
20214	AS000VP145	CLOSED END SPLICE/DVP181	ỐP NHỰA CHỤP ĐẦU NỐI DÂY ĐIỆN/DVP181	54.972	8%
20215	AS000VP146	BATTERY HOLDER/DVP181	VỎ ĐỂ GÁI PIN/DVP181	485.460	8%
20216	AS000VP147	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X10/DVP181	ỐC VÍT M5X10/DVP181	55.990	10%
20217	AS000VP148	BATTERY GUARD CONNECTING ROD/DVP181	LIÊN KẾT NÁP BẢO VỆ PIN/DVP181	219.230	10%
20218	AS000VP149	BATTERY GUARD/DVP181	TẮM BẢO VỆ PIN/DVP181	613.656	8%
20219	AS000VP173	PAN HEAD SCREW M3X25/DVP181	ỐC VÍT M3X25/DVP181	55.990	10%
20220	AS000VP174	HEX SOCKET HEAD BOLT M4X10/DVP181	ỐC VÍT M4X10/DVP181	55.990	10%
20221	AS000VP175	CIRCLIP/DVP181	PHE GÁI/DVP181	55.990	10%
20222	AS000VP176	CIRCUIT BOARD/DVP181	BO MẠCH/DVP181	7.876.224	8%
20223	AS00SS0305	CAUTION LABEL (HEAT)/DVP180	NHÃN CẢNH BÁO (NÓNG)/DVP180	41.256	8%
20224	AS00SS0306	CAUTION LABEL (OIL)/DVP180	NHÃN CẢNH BÁO (DẦU)/DVP180	41.256	8%
20225	AS00VP015M	PUMP ASSY/DVP180	BƠM NHỚT/DVP180	3.782.484	8%
20226	AS00VP021M	MOTOR HOUSING/DVP180	VỎ MÔ TỎ/DVP180	1.552.392	8%
20227	AS00VP039K	BATTERY HOLDER (REAR)/DVP180	ĐỂ GIỮ PIN (SAU)/DVP180	123.660	8%
20228	AS00VP086M	OIL DRAIN PLUG ASSY/DVP181	ỐC XẢ DẦU/DVP181	195.910	10%
20229	AS00VP091M	OIL TANK MA245 ASSY/DVP181	BÌNH CHỨA DẦU MA245/DVP181	1.679.040	10%
20230	AS00VP106M	TRESTLE MA245/DVP181	CHỤP BẢO VỆ THÂN MÁY MA245/DVP181	1.660.450	10%
20231	AS00VP127M	MOTOR HOUSING ASSY/DVP181	VỎ MÁY/DVP181	2.871.180	8%
20232	AS00XP080M	VACUUM GAUGE/DVP180	ĐỒNG HỒ ÁP SUẤT/DVP180	1.726.380	8%
20233	AS0AI154MK	VACUUM HOSE/DVP180	ỐNG DẪN KHÍ/DVP180	1.287.360	8%
20234	AS0VP008MK	OIL TANK ASSY/DVP180	BỂ CHỨA DẦU/DVP180	1.259.280	8%
20235	AS0VP051MK	INTAKE SHUT-OFF VALVE WITH/DVP180	VÁN KHÓA/DVP180	4.726.080	8%
20236	AS0Y06110K	ADAPTER/DVP180	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/DVP180	321.200	10%
20237	B0600-1751	PISTON SET/AT1022AZ	PISTON/AT1022AZ	329.724	8%
20238	B0600-1761	PISTON SET/AF301Z	PISTON/AF301Z	238.140	8%
20239	B0600-1811	PISTON SET/AF301Z	PISTON/AF301Z	206.064	8%
20240	B0700-0041	UPPER MAG. ASSY/AT1022AZ	NÁP CHỨA ĐÌNH/AT1022AZ	247.320	8%
20241	B0700-0761	CLICK LEVER SET/AF504Z	CỖ BÓP/AF504Z	338.904	8%
20242	B0700-1191	NAIL TANK ASSY/AT1022AZ	BỂ CHỨA ĐÌNH/AT1022AZ	519.200	10%
20243	B0700-1401	MAGAZINE ASSY/AF301Z	BỘ MĂNG TRƯỢT/AF301Z	503.712	8%
20244	B0700-2291	CLICK LEVER SET/AF301Z	CỖ BÓP/AF301Z	135.300	10%
20245	B0800-0181	DRIVER GUDE COVER SET/AF201Z	THÀNH KÉP/AF201Z	267.840	8%
20246	B-80232	CARBON BRUSH SET CB-51A/1900B	CHÒI THAN CB-51A/1900B	36.720	8%
20247	B-80248	CARBON BRUSH SET CB-55A/6701B	CHÒI THAN CB-55A/6701B	43.200	8%
20248	B-80254	CARBON BRUSH SET CB-64A/3706	CHÒI THAN CB-64A/3706	36.720	8%
20249	B-80260	CARBON BRUSH SET CB-65A/6905B	CHÒI THAN CB-65A/6905B	50.436	8%
20250	B-80276	CARBON BRUSH SET CB-70A/4320	CHÒI THAN CB-70A/4320	45.792	8%
20251	B-80282	CARBON BRUSH SET CB-85A/HP1630	CHÒI THAN CB-85A/HP1630	54.972	8%
20252	B-80298	CARBON BRUSH SET CB-100A/1100	CHÒI THAN CB-100A/1100	41.256	8%
20253	B-80307	CARBON BRUSH SET CB-105A/HK1800	CHÒI THAN CB-105A/HK1800	114.480	8%
20254	B-80313	CARBON BRUSH SET CB-106A/1911B	CHÒI THAN CB-106A/1911B	50.436	8%
20255	B-80329	CARBON BRUSH SET CB-153A/1804N	CHÒI THAN CB-153A/1804N	45.792	8%
20256	B-80335	CARBON BRUSH SET CB-155A/HM1201	CHÒI THAN CB-155A/HM1201	119.124	8%
20257	B-80341	CARBON BRUSH SET CB-203A/2030S	CHÒI THAN CB-203A/2030S	68.688	8%
20258	B-80357	CARBON BRUSH SET CB-204A/4112HS	CHÒI THAN CB-204A/4112HS	109.944	8%
20259	B-80363	CARBON BRUSH SET CB-251A/4100NB	CHÒI THAN CB-251A/4100NB	68.688	8%
20260	B-80379	CARBON BRUSH SET CB-303A/2107F	CHÒI THAN CB-303A/2107F	54.972	8%
20261	B-80391	CARBON BRUSH SET CB-411A/3709	CHÒI THAN CB-411A/3709	36.720	8%
20262	B-80400	CARBON BRUSH SET CB-415A	CHÒI THAN CB-415A	82.080	8%
20263	B-80416	CARBON BRUSH SET CB-417A/HR2400	CHÒI THAN CB-417A/HR2400	201.528	8%
20264	B-80422	CARBON BRUSH SET CB-419A/4304	CHÒI THAN CB-419A/4304	41.256	8%
20265	BA00000002	REAR HOUSING GUARD/AN560	KÉP TREO MÁY/AN560	26.400	10%
20266	BA00000003	EXHAUST COVER/AN560	NÁP BẢO VỆ ĐUÔI MÁY/AN560	45.792	8%
20267	BA00000005	RUBBER PAD 10/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	4.644	8%
20268	BA00000007	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X25/AN560	ỐC ĐẦU LỤC GIÁC M5X25/AN560	14.080	10%
20269	BA00000008	FLAT WASHER 37/AN560	LONG ĐÈN/AN560	74.690	10%
20270	BA00000009	COMPRESSION SPRING 23 /AN560	LÒ XO/AN560	39.600	10%
20271	BA00000011	O-RING 42/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	13.824	8%
20272	BA00000012	O-RING 53/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	18.360	8%
20273	BA00000013	CAP WASHER 23/AN560	LONG ĐÈN/AN560	46.640	10%
20274	BA00000014	REAR CUSHION/AN560	CHỤP GÁN LỖ XO/AN560	279.396	8%
20275	BA00000015	VALVE SEAT/AN560	VÁN CHẶN DẦU/AN560	91.584	8%
20276	BA00000016	TOP CAP GASKET/AN560	VÒNG ĐỆM CHỐNG THẤM/AN560	242.784	8%
20277	BA00000017	O-RING 38/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	82.512	8%
20278	BA00000018	DRIVER COMPLETE/AN560	THÀNH ĐẦY ĐÌNH BẢNG THÉP/AN560	2.596.428	8%
20279	BA00000020	O-RING 46.3*3.1/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	32.076	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20280	BA00000022	O-RING 60/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	18.360	8%
20281	BA00000023	SHEET RING/AN560	VÒNG ĐỆM/AN560	18.360	8%
20282	BA00000024	CUSHION F/AN560	CÚC CAO SU/AN560	306.828	8%
20283	BA00000025	COLLAR/AN560	RON CAO SU/AN560	164.916	8%
20284	BA00000026	O-RING 12/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	4.644	8%
20285	BA00000027	TRIGGER VALVE GUIDE/AN560	VAN HƠI CÔNG TÁC/AN560	50.436	8%
20286	BA00000028	O-RING 19/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	4.644	8%
20287	BA00000029	PILOT VALVE/AN560	VAN DẪN HƯỚNG/AN560	91.584	8%
20288	BA00000030	O-RING 6/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	4.644	8%
20289	BA00000031	O-RING 9/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	4.644	8%
20290	BA00000032	COMPRESSION SPRING 3/AN560	LÒ XO/AN560	4.730	10%
20291	BA00000033	TRIGGER VALVE STEM/AN560	VAN HƠI CÔNG TÁC/AN560	9.180	8%
20292	BA00000034	O-RING 3/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	4.644	8%
20293	BA00000035	TRIGGER VALVE CASE/AN560	VAN VỚI CÔNG TÁC/AN560	18.360	8%
20294	BA00000036	SPRING PIN 3-12/AN560	CHÓT CHẶN/AN560	4.730	10%
20295	BA00000037	SPRING PIN 3-22/AN560	CHÓT LỖ XO/AN560	4.730	10%
20296	BA00000038	SPRING PIN 3-30/AN560	CHÓT CHẶN/AN560	4.730	10%
20297	BA00000039	TRIGGER ASSY/AN560	NÚT CÔNG TÁC/AN560	123.660	8%
20298	BA00000040	SEQUENTIAL TRIGGER/AN560	CÁN KHÓA CÔNG TÁC/AN560	345.180	10%
20299	BA00000042	INLET CAP/AN560	NÁP GÁI/AN560	201.528	8%
20300	BA00000043	O-RING 43/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	13.824	8%
20301	BA00000044	CAP 9/AN560	CHÓT GÁI/AN560	14.080	10%
20302	BA00000045	ONE-TOUCH JOINT 20PM/AN560	ĐẦU GÁI HƠI/AN560	73.332	8%
20303	BA00000047	O-RING 47/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	22.896	8%
20304	BA00000049	O-RING 9/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	4.644	8%
20305	BA00000050	O-RING 18/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	9.180	8%
20306	BA00000051	O-RING 6/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	4.644	8%
20307	BA00000052	COMPRESSION SPRING 9/AN560	LÒ XO/AN560	14.080	10%
20308	BA00000053	RUBBER RING 17/AN560	THÂN MÁY 17/AN560	45.792	8%
20309	BA00000054	CUP WASHER 5/AN560	LONG ĐÈN THÉP 5/AN560	32.670	10%
20310	BA00000055	RETAINING RING R-24/AN560	VÒNG GÁI CHỮ C/AN560	9.350	10%
20311	BA00000056	FEEDING CLAW/AN560	KẸP GIỮ CÔNG TÁC/AN560	284.570	10%
20312	BA00000057	TORSION SPRING 5/AN560	LÒ XO 5/AN560	14.080	10%
20313	BA00000058	URETHANE RING 3/AN560	VÒNG ĐỆM SẮT/AN560	18.700	10%
20314	BA00000059	CHECK CLAW/AN560	KẸP GIỮ/AN560	32.670	10%
20315	BA00000060	URETHANE RING 2/AN560	VÒNG ĐỆM SẮT/AN560	14.080	10%
20316	BA00000061	TORSION SPRING 3/AN560	LÒ XO 3/AN560	14.080	10%
20317	BA00000062	PIN 4/AN560	CHÓT 4/AN560	88.660	10%
20318	BA00000063	PIN 3/AN560	CHÓT 3/AN560	18.700	10%
20319	BA00000064	PIN 4/AN560	CHÓT 4/AN560	55.990	10%
20320	BA00000065	DOOR/AN560	TAY CÀM/AN560	815.184	8%
20321	BA00000066	COMPRESSION SPRING 6/AN560	LÒ XO/AN560	9.350	10%
20322	BA00000067	LOCK LEVER/AN560	CHÓT KHÓA ĐINH/AN560	219.230	10%
20323	BA00000068	SPRING PIN 3-10/AN560	CHÓT CHẶN/AN560	42.020	10%
20324	BA00000069	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X22/AN560/AN560	ỐC ĐẦU LỰC GIÁC SIẾT BU LÔNG M5X22/AN560	8.800	10%
20325	BA00000070	HEX.SOCKET HEAD BOLT M6X25/AN560/AN560	ỐC ĐẦU LỰC GIÁC SIẾT BU LÔNG M6X25/AN560	18.700	10%
20326	BA00000071	CONTACT ARM COVER/AN560	VỎ VÀO VẼ/AN560	41.256	8%
20327	BA00000072	HEX. LOCK NUT M5/AN560	ỐC LỰC GIÁCĐẦU M5/AN560	9.350	10%
20328	BA00000073	HOLDER/AN560	GIÁ ĐỖ CÔNG TÁC/AN560	46.640	10%
20329	BA00000074	SPRING PIN 2.5-10/AN560	CHÓI GÁI BĂNG THÉP/AN560	4.730	10%
20330	BA00000075	COMPRESSION SPRING 6/AN560	LÒ XO/AN560	9.350	10%
20331	BA00000078	ADJUSTER GUIDE COMPLETE/AN560	MIẾNG ĐỆM GÁI CÔNG TÁC/AN560	46.640	10%
20332	BA00000080	ADJUSTER ROD/AN560	VAN ĐIỀU CHỈNH HƠI/AN560	123.660	8%
20333	BA00000081	O-RING 5/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	4.644	8%
20334	BA00000083	STOP RING E-4/AN560	VÒNG GÁI CHỮ C BĂNG THÉP E4/AN560	4.730	10%
20335	BA00000084	MAGAZINE CAP COMPLETE/AN560	NÁP HỘP ĐỪNG ĐINH/AN560	210.708	8%
20336	BA00000085	HOLDER CAP A/AN560	NÁP CHỤP/AN560	13.824	8%
20337	BA00000087	CHANGE PLATE/AN560	TẤM GIỮ ĐINH CUỘN/AN560	238.140	8%
20338	BA00000089	MAGAZINE/AN560	HỘP ĐỪNG ĐINH/AN560	316.008	8%
20339	BA00000090	HOLDER CAP B/AN560	Ó GIỮ ĐINH/AN560	13.824	8%
20340	BA00000091	URETHANE RING 2.5/AN560	VÒNG ĐỆM SẮT/AN560	9.350	10%
20341	BA00000092	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X25/AN560/AN560	ỐC LỰC GIÁC ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG M5X25/AN560	9.350	10%
20342	BA00000093	FLAT WASHER 5/AN560	LONG ĐÈN/AN560	14.080	10%
20343	BA00000094	O-RING 8/AN560	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN560	9.180	8%
20344	BA00000095	HEX. LOCK NUT M5/AN560	ỐC VÍT/AN560	4.730	10%
20345	BA00000096	COVER/AN560	COVER/AN560	228.960	8%
20346	BA00000097	FIXED PIN/AN560	CHÓT CỐ ĐINH/AN560	4.730	10%
20347	BA00000098	FIXED GUIDE/AN560	VÒNG ĐỆM CHÓT GÁI/AN560	4.644	8%
20348	BA00000102	COMPRESSION SPRING 10/AN902	LÒ XO/AN902	4.730	10%
20349	BA00000104	FILTER/AN560	MIẾNG LỌC GIÓ/AN560	45.792	8%
20350	BA00000168	CYLINDER/AN560	XILANH/AN560	1.502.064	8%
20351	BA00000169	CYLINDER SEPARATOR/AN560	XILANH/AN560	274.752	8%
20352	BA00000170	HOUSING COMPLETE/AN560	VỎ MÁY/AN560	3.529.440	8%
20353	BA00000171	HEAD VALVE/AN560	VÒNG ĐỆM NHỰA/AN560	696.060	8%
20354	BA00000172	TOP CAP COMPLETE/AN560	NÁP CHỤP TRÊN/AN560	885.600	8%
20355	BA00000173	COMPRESSION SPRING 23/AN560	LÒ XO/AN560	46.640	10%
20356	BA00000209	PROTECTIVE CUSHION (LEFT)/AN760	LOGO MAKITA BÊN TRÁI/AN760	192.348	8%
20357	BA00000210	PROTECTIVE CUSHION (RIGHT)/AN760	LOGO MAKITA BÊN PHẢI/AN760	192.348	8%
20358	BA00000245	FLAT WASHER/AN760	LONG ĐÈN/AN760	14.080	10%
20359	BA00000250	BOLT CAP/AN760	BU LÔNG/AN760	9.350	10%
20360	BA00000254	CONTACT ARM/AN560	THANH THÉP KẾT NỐI/AN560	424.490	10%
20361	BA00000255	CONTACT ARM ASSY/AN560	CỤM KẾT NỐI/AN560	536.360	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20362	BA00000256	DRIVER GUIDE/AN560	ĐẦU SÙNG MẮY/AN560	4.812.804	8%
20363	BA00000263	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X16/AN760	BU LÔNG/AN760	18.700	10%
20364	BA00000264	EXHAUST COVER/AN760	BỆ CHỨA KHÍ THẢI/AN760	312.510	10%
20365	BA00000265	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X35/AN760	ỐC VÍT/AN760	32.670	10%
20366	BA00000266	TOP CAP COMPLETE/AN760	NÁP CHỤP TRÊN/AN760	1.259.280	8%
20367	BA00000267	REAR CUSHION/AN760	NÁP CHỤP/AN760	247.320	8%
20368	BA00000268	COMPRESSION SPRING 21/AN760	LÒ XO/AN760	32.670	10%
20369	BA00000269	CAP WASHER/AN760	LONG ĐÈN/AN760	42.020	10%
20370	BA00000270	CYLINDER SEAL/AN760	VÒNG ĐỆM XILANH/AN760	54.972	8%
20371	BA00000271	O-RING 42/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	13.824	8%
20372	BA00000272	O-RING 57/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	18.360	8%
20373	BA00000273	TOP CAP GASKET/AN760	VÒNG ĐỆM CHỐNG THÂM/AN760	224.640	8%
20374	BA00000274	O-RING 43/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	27.540	8%
20375	BA00000275	DRIVER COMPLETE/AN760	PISTON/AN760	3.100.140	8%
20376	BA00000276	CYLINDER/AN760	XI LANH/AN760	1.309.716	8%
20377	BA00000277	O-RING 56/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	36.720	8%
20378	BA00000278	O-RING 55/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	13.824	8%
20379	BA00000279	CYLINDER SEPARATOR/AN760	XILANH/AN760	595.296	8%
20380	BA00000280	O-RING 85/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	27.540	8%
20381	BA00000281	FRONT CUSHION/AN750	MIỀNG ĐỆM TRƯỚC/AN750	343.440	8%
20382	BA00000282	HEAD VALVE/AN760	VÒNG ĐỆM/AN760	839.520	10%
20383	BA00000283	SHEET RING/AN760	VÒNG ĐỆM/AN760	237.930	10%
20384	BA00000284	REAR HOUSING GUARD/AN760	MIỀNG THIỆP BẢO VỆ/AN760	65.340	10%
20385	BA00000288	O-RING 49/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	13.824	8%
20386	BA00000289	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6X38/AN760	BU LÔNG/AN760	18.700	10%
20387	BA00000290	O-RING 64/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	22.896	8%
20388	BA00000292	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X25/AN760	BU LÔNG/AN760	18.700	10%
20389	BA00000293	O-RING 10/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	9.180	8%
20390	BA00000294	PISTON/AN760	PISTON/AN760	686.880	8%
20391	BA00000295	O-RING 21/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	9.180	8%
20392	BA00000296	COMPRESSION SPRING 10/AN760	LÒ XO/AN760	14.080	10%
20393	BA00000297	COMPRESSION SPRING 8/AN760	LÒ XO/AN760	9.350	10%
20394	BA00000301	LOCK LEVER/AN760	CÁN GẠT KHÓA/AN760	160.272	8%
20395	BA00000302	TORSION SPRING 6/AN760	LÒ XO 6/AN760	4.730	10%
20396	BA00000303	DOOR/AN760	NÁP/AN760	1.567.170	10%
20397	BA00000304	PIN 3/AN760	CHÓT/AN760	60.720	10%
20398	BA00000305	PIN 3.5/AN760	CHÓT/AN760	55.990	10%
20399	BA00000306	URETHANE RING 3/AN760	VÒNG ĐỆM SẮT/AN760	13.824	8%
20400	BA00000307	COMPRESSION SPRING 5/AN760	LÒ XO/AN760	4.730	10%
20401	BA00000309	PIN 4/AN760	CHÓT/AN760	42.020	10%
20402	BA00000310	CONTACT ARM ASSY/AN760	THANH TIẾP XÚC 760/AN760	645.732	8%
20403	BA00000311	CONTACT ARM/AN760	CÁN KHÓA MỎ ĐINH/AN760	563.328	8%
20404	BA00000316	ADJUSTER GUIDE/AN760	MIỀNG ĐỆM CÔNG TẮT BẰNG NHỰA/AN760	41.256	8%
20405	BA00000317	ADJUSTER LOD/AN760	CHÓT ĐIỀU CHỈNH/AN760	88.660	10%
20406	BA00000319	MAGAZINE COMPLETE/AN760	HỘP ĐỨNG ĐINH/AN760	531.252	8%
20407	BA00000325	HOLDER CAP B/AN760	NÁP ĐẦY BÌNH CHỨA/AN760	13.824	8%
20408	BA00000326	PIN 4/AN760	CHÓT/AN760	74.690	10%
20409	BA00000327	TENSION SPRING 5 COMPLETE/AN760	LÒ XO/AN760	23.320	10%
20410	BA00000328	CHANGE PLATE/AN760	KHAY ĐIỀU CHỈNH ĐINH/AN760	293.760	8%
20411	BA00000329	HOLDER CAP A/AN760	NÁP ĐẦY BÌNH CHỨA/AN760	13.824	8%
20412	BA00000331	MAGAZINE CAP/AN760	NÁP ĐỨNG ĐINH/AN760	293.112	8%
20413	BA00000333	CHECK CLAW/AN760	BỘ KẸP ÉTO/AN760	23.320	10%
20414	BA00000334	TORSION SPRING 4/AN760	LÒ XO/AN760	9.350	10%
20415	BA00000335	PIN 3/AN760	CHÓT/AN760	51.370	10%
20416	BA00000336	FEEDING CLAW/AN760	CỤ LỎI ĐINH 760/AN760	522.720	8%
20417	BA00000337	PIN 4.5/AN760	CHÓT GÀI 4.5/AN760	60.720	10%
20418	BA00000338	TORSION SPRING 6/AN760	LÒ XO 6/AN760	37.400	10%
20419	BA00000339	SPRING PIN 3-16/AN760	CHÓT GÀI LÒ XO/AN760	9.350	10%
20420	BA00000340	CONTACT ARM COVER/AN760	VỎ VÀO VỆ/AN760	119.124	8%
20421	BA00000341	COVER/AN760	CHỤP BẢO VỆ/AN760	114.480	8%
20422	BA00000342	WASHER 6/AN760	VÒNG ĐỆM 6/AN760	42.020	10%
20423	BA00000343	RUBBER PIN/AN760	CHÓT KHÓA/AN760	23.320	10%
20424	BA00000352	TOP CAP COMPLETE/AN902	NÁP ĐẦY BÌNH CHỨA/AN902	1.108.188	8%
20425	BA00000353	COMPRESSION SPRING/AN902	LÒ XO/AN902	77.868	8%
20426	BA00000354	REAR CUSHION/AN902	VÒNG ĐỆM KÍN/AN902	228.960	8%
20427	BA00000355	HEAD VALVE/AN902	VÁN HỒI/AN902	787.644	8%
20428	BA00000356	O-RING/AN902	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN902	22.896	8%
20429	BA00000357	COLLAR/AN902	ỐC/AN902	65.340	10%
20430	BA00000358	PISTON RING/AN902	BẠC PISTON/AN902	174.096	8%
20431	BA00000359	O-RING/AN902	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN902	18.360	8%
20432	BA00000360	DRIVER UNIT/AN902	PISTON/AN902	3.709.152	8%
20433	BA00000361	CYLINDER/AN902	XILANH/AN902	1.611.900	8%
20434	BA00000363	O-RING/AN902	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN902	27.540	8%
20435	BA00000364	CYLINDER SPACER/AN902	VÒNG ĐỆM XILANH/AN902	601.700	10%
20436	BA00000369	PUSHER-SPRING A/AN902	LÒ XO/AN902	9.350	10%
20437	BA00000372	PROTECTIVE CASING/AN902	HỘP BẢO VỆ/AN902	32.076	8%
20438	BA00000374	SAFETY A UNIT/AN902	THANH TIẾP XÚC 902/AN902	632.016	8%
20439	BA00000375	SAFETY A/AN902	THANH KẾT NỎI/AN902	615.670	10%
20440	BA00000380	PULL SPRING/AN902	LÒ XO/AN902	23.320	10%
20441	BA00000384	FEED FINGER/AN902	CỤ LỎI ĐINH 902/AN902	512.892	8%
20442	BA00000387	O-RING/AN760	VÒNG ĐỆM CAO SU/AN760	4.644	8%
20443	BA00000388	FRONT CUSHION/AN760	NÚT CAO SU GIAM CHẶN/AN760	590.760	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20444	BA00000391	MAGAZINE COMPLETE/AN560	HỘP DỪNG ĐINH/AN560	380.160	8%
20445	BA00000479	COMPRESSION SPRING 7/AN760	LÒ XO/AN760	13.824	8%
20446	BA00000481	STOPPER/AN760	CÀN GẠT KHÓA/AN760	139.920	10%
20447	BA00000485	HOLDER/AN902	GIÁ ĐỒ CÔNG TÁC/AN902	137.376	8%
20448	BA00000487	TRIGGER VALVE ASSEMBLY/AN560	VAN VỚI CÔNG TÁC/AN560	181.440	8%
20449	BE00000021	FILTER/DCM500	TÙI LỌC/DCM500	21.600	8%
20450	BF00000001	HEX. SOCKET BUTTON BOLT M5X8/DCU181/DCU180	ỐC VÍT M5X8/DCU180	9.350	10%
20451	BF00000002	HEX. NUT M17/DCU180	ỐC VÍT M16/DCU180	23.320	10%
20452	BF00000003	FLAT WASHER/DCU181/DCU180	VÒNG ĐỆM/DCU180	23.320	10%
20453	CE00000008	BASKET/CW004G	GIỎ ĐỰNG/CW004G	340.560	10%
20454	CE00000009	TRAY/CW004G	KHAY ĐỰNG/CW004G	132.840	8%
20455	CE00000010	COMPRESSOR BRACKET/CW004G	THANH THÉP ĐỠ KHUNG MÁY/CW004G	172.590	10%
20456	CE00000011	HANDLE SHEET METAL/CW004G	TÀM THÉP ĐỠ KHUNG MÁY/CW004G	98.010	10%
20457	CE00000012	BOTTLE OPENER/CW004G	DỤNG CỤ MỠ CHAI/CW004G	88.660	10%
20458	CE00000013	MAGNETIC SWITCH COVER (BLUE)/CW004G	NHÂN CÔNG TÁC/CW004G	9.180	8%
20459	CE00000019	RIGHT AIR OUTLET COVER BLUE/CW004G	NÁP CHỤP BỤI XANH/CW004G	27.540	8%
20460	CE00000020	CONTROL PANEL HOLDER/CW004G	ĐỂ ĐỠ BỘ MẠCH/CW004G	45.792	8%
20461	CE00000021	CONTROL PANEL COVER/CW004G	NÁP CHỤP BỘ MẠCH/CW004G	54.972	8%
20462	CE00000024	BATTERY BOX/CW004G	HỘP CHỨA PIN/CW004G	142.020	8%
20463	CE00000025	BATTERY SOCKET COVER 1/CW004G	NÁP CHỤP ĐỠ PIN 1/CW004G	27.540	8%
20464	CE00000026	BATTERY SOCKET COVER 2/CW004G	NÁP CHỤP ĐỠ PIN 2/CW004G	27.540	8%
20465	CE00000027	DISPLAY PANEL/CW004G	BẢNG HIỂN THỊ/CW004G	403.056	8%
20466	CE00000028	SHAFT SLEEVE/CW004G	VÒNG ĐỆM/CW004G	18.700	10%
20467	CE00000029	WHEEL/CW004G	BÀNH XE/CW004G	187.812	8%
20468	CE00000030	WHEEL COVER/CW004G	NÁP CHỤP BÀNH XE/CW004G	18.360	8%
20469	CE00000032	LED LIGHT COVER/CW004G	NÁP CHỤP ĐÈN LED/CW004G	13.824	8%
20470	CE00000033	TEMPERATURE SENSOR COVER/CW004G	NÁP CHỤP CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ/CW004G	13.824	8%
20471	CE00000034	DC COMPRESSOR MODULE/CW004G	BỘ MẠCH/CW004G	1.268.460	8%
20472	CE00000035	FILTERING COTTON/CW004G	LỌC GIỜ/CW004G	4.644	8%
20473	CE00000036	REED TUBE ASSEMBLY/CW004G	CÔNG TÁC TỦ/CW004G	77.868	8%
20474	CE00000037	BATTERY TERMINAL 36V 1/CW004G	ĐỠ GẮN PIN 36V 1/CW004G	338.904	8%
20475	CE00000038	LED LIGHT BOARD/CW004G	MẠCH ĐÈN LED/CW004G	155.736	8%
20476	CE00000040	MAGNETIC VALUE CABLE/CW004G	DÂY DẪN ĐIỆN/CW004G	50.436	8%
20477	CE00000041	MODULE CONNECTION CABLE/CW004G	DÂY DẪN ĐIỆN/CW004G	87.048	8%
20478	CE00000042	CONTROL BOARD CABLE/CW004G	DÂY DẪN ĐIỆN/CW004G	64.152	8%
20479	CE00000043	18V1 DC CONNECTION CABLE/CW004G	DÂY DẪN ĐIỆN/CW004G	123.660	8%
20480	CE00000044	18V2 DC CONNECTION CABLE/CW004G	DÂY DẪN ĐIỆN/CW004G	132.840	8%
20481	CE00000045	36V1 DC CONNECTION CABLE/CW004G	DÂY DẪN ĐIỆN/CW004G	91.584	8%
20482	CE00000046	36V2 DC CONNECTION CABLE/CW004G	DÂY DẪN ĐIỆN/CW004G	91.584	8%
20483	CE00000047	13.8V DC CONNECTION CABLE/CW004G	DÂY DẪN ĐIỆN/CW004G	109.944	8%
20484	CE00000048	DISPLAY CONTROL PANEL/CW004G	BẢNG ĐIỀU KHIỂN HIỂN THỊ/CW004G	425.952	8%
20485	CE00000049	USB BOARD/CW004G	BỘ MẠCH USB/CW004G	142.020	8%
20486	CE00000052	BATTERY TERMINAL 36V 2/CW004G	ĐỠ GẮN PIN 36V 2/CW004G	338.904	8%
20487	CE00000053	BATTERY TERMINAL 18V/CW004G	ĐỠ GẮN PIN 18V/CW004G	119.124	8%
20488	CE00000054	DC FAN/CW004G	QUẠT DC/CW004G	283.932	8%
20489	CE00000055	TEMPERATURE SENSOR/CW004G	CẢM BIẾN NHIỆT/CW004G	50.436	8%
20490	CE00000057	TAPPING SCREWS 4.2X16/CW004G	ỐC VÍT 4.2X12/CW004G	4.730	10%
20491	CE00000059	TAPPING SCREWS ST4.2X16/CW004G	ỐC VÍT ST4.2X16/CW004G	4.730	10%
20492	CE00000060	TAPPING SCREWS ST4.2X16/CW004G	ỐC VÍT ST4.2X16/CW004G	4.730	10%
20493	CE00000061	TAPPING SCREWS ST2.9X9.5/CW004G	ỐC VÍT ST2.9X9.5/CW004G	4.730	10%
20494	CE00000062	TAPPING SCREWS ST2.9X10/CW004G	ỐC VÍT ST2.9X10/CW004G	4.730	10%
20495	CE00000063	C.H TAPPING SCREWS 4X16/CW004G	ỐC VÍT 4X16/CW004G	4.730	10%
20496	CE00000064	SCREW SUS304 ST4.8X13/CW004G	ỐC VÍT ST4.8X16/CW004G	4.730	10%
20497	CE00000065	PAN HEAD SCREW ST4X16/CW004G	ỐC VÍT ST4X16/CW004G	9.350	10%
20498	CE00000066	PAN HEAD SCREW M5X35/CW004G	ỐC VÍT M5X35/CW004G	4.730	10%
20499	CE00000067	SCREW M4X35/CW004G	ỐC VÍT M4X35/CW004G	4.730	10%
20500	CE00000068	PAN HEAD SCREW M5X14/CW004G	ỐC VÍT M5X14/CW004G	4.730	10%
20501	CE00000069	PAN HEAD SCREW M4X30/CW004G	ỐC VÍT M4X30/CW004G	4.730	10%
20502	CE00000070	PAN HEAD SCREW M5X14/CW004G	ỐC VÍT M5X14/CW004G	4.730	10%
20503	CE00000071	C.H TAPPING SCREWS M4X8/CW004G	ỐC VÍT M4X8/CW004G	4.730	10%
20504	CE00000072	PAN HEAD SCREW M4X8/CW004G	ỐC VÍT M4X8/CW004G	4.730	10%
20505	CE00000073	HEX. LOCK NUT M6/CW004G	ỐC VÍT M6/CW004G	14.080	10%
20506	CE00000074	FLAT WASHER/CW004G	VÒNG ĐỆM/CW004G	4.730	10%
20507	CE00000076	LED COVER SILICONE RING/CW004G	VÒNG ĐỆM ĐÈN LED/CW004G	9.180	8%
20508	CE00000077	FOOTING/CW004G	CHÂN ĐỠ/CW004G	50.436	8%
20509	CE00000078	USB COVER/CW004G	NÁP ĐẪY CÔNG USB/CW004G	4.644	8%
20510	CE00000079	THE DRAIN PLUG/CW004G	NÚT XẢ NƯỚC/CW004G	18.360	8%
20511	CE00000084	LEFT LID SHAFT/CW004G	MIẾNG ĐỆM TRỤC TRÁI/CW004G	42.020	10%
20512	CE00000085	RIGHT LID SHAFT/CW004G	MIẾNG ĐỆM TRỤC PHẢI/CW004G	42.020	10%
20513	CE00000086	LEFT LID SHAFT (SMALL)/CW004G	NÁP ĐỆM TRỤC TRÁI/CW004G	37.400	10%
20514	CE00000087	WHEEL SHAFT/CW004G	TRỤC BÀNH XE/CW004G	270.600	10%
20515	CE00000088	LID HINGE/CW004G	BỘ BÀN LỀ/CW004G	183.168	8%
20516	CE00000093	DIVIDER FOAMING ASSEMBLY/CW004G	TÀM PHÂN CÁCH/CW004G	384.696	8%
20517	CE00000094	BATTERY COVER ASSEMBLY/CW004G	NÁP HỘP PIN/CW004G	132.840	8%
20518	CE00000095	SHORT HANDLE ASSEMBLY/CW004G	BỘ TAY CẠM/CW004G	187.812	8%
20519	CE00000096	LONG PULL ROD ASSEMBLY/CW004G	BỘ TAY CẠM KÉO/CW004G	444.204	8%
20520	CE00000097	BACK COVER(B)/CW004G	VỎ MÁY/CW004G	544.968	8%
20521	CE00000099	AIR FLUE/CW004G	GIÁ ĐỠ QUẠT/CW004G	54.972	8%
20522	CE00000127	CONTROL PANEL OVERSEAS/CW004G	BỘ MẠCH/CW004G	2.953.584	8%
20523	CE00000137	TOP COVER (BLUE)/CW004G	NÁP TỦ LẠNH (MÀU XANH)/CW004G	1.332.612	8%
20524	DA00000025	WASHER 5/DLM460	VÒNG ĐỆM 5/DLM460	9.350	10%
20525	DA00000062	STARTER,REWIND ASSY/EM2500U	BỘ KHỞI ĐỘNG/EM2500U	246.240	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20526	DA00000063	PULLEY/EM2500U	PULI/EM2500U	60.480	8%
20527	DA00000064	OIL SEAL/EM2500U	KHÓA ĐẦU/EM2500U	96.800	10%
20528	DA00000065	CRANKCASE 2 ASSY/EM2500U	LỐC MÁY/EM2500U	660.960	8%
20529	DA00000066	BALL BEARING 6001C3/EM2500U	BẠC ĐẠN 6001Z/EM2500U	328.320	8%
20530	DA00000067	SOCKET HEAD BOLT M5X45/EM2500U	BÚ LÔNG M5X45/EM2500U	2.200	10%
20531	DA00000068	MUFFLER/EM2500U	BỘ GIÀM THANH/EM2500U	211.680	8%
20532	DA00000069	MUFFLER GASKET/EM2500U	BỘ GIÀM THANH/EM2500U	11.880	8%
20533	DA00000070	DAMPER/EM2500U	BỘ GIÀM CHẤN/EM2500U	17.280	8%
20534	DA00000071	CLIP/EM2500U	KẸP VÒNG CHỮ C/EM2500U	8.800	10%
20535	DA00000072	PISTON PIN/EM2500U	CHÓT PISTON/EM2500U	34.560	8%
20536	DA00000073	NEEDLE BEARING 8/EM2500U	BẠC ĐẠN ĐŨA 8/EM2500U	159.840	8%
20537	DA00000074	PISTON/EM2500U	PISTON/EM2500U	272.160	8%
20538	DA00000075	PISTON RING/EM2500U	BẠC PISTON/EM2500U	64.800	8%
20539	DA00000076	CRANKSHAFT COMPLETE/EM2500U	TRỤC KHUYU/EM2500U	1.023.840	8%
20540	DA00000077	WOODRUFF KEY/EM2500U	CHÓT LAVET/EM2500U	4.400	10%
20541	DA00000078	CYLINDER GASKET/EM2500U	ĐỆM XY LẠNH/EM2500U	17.280	8%
20542	DA00000080	SOCKET HEAD BOLT M5X20/EM2500U	BÚ LÔNG M5X20/EM2500U	2.200	10%
20543	DA00000081	CYLINDER COVER/EM2500U	CHỤP BẢO VỆ XY LẠNH/EM2500U	15.120	8%
20544	DA00000082	TAPPING SCREW 5X14/EM2500U	VÍT 5X14/EM2500U	2.200	10%
20545	DA00000083	IGNITION COIL/EM2500U	HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA (IC)/EM2500U	578.880	8%
20546	DA00000084	SCREW ASSY M4X20/EM2500U	VÍT M4X20/EM2500U	2.200	10%
20547	DA00000085	SPARK PLUG/EM2500U	BUGI/EM2500U	177.120	8%
20548	DA00000086	CRANKCASE GASKET/EM2500U	ĐỆM HỘP SỐ/EM2500U	13.200	10%
20549	DA00000087	CRANKCASE 1 ASSY/EM2500U	KHỚP LY HỘP/EM2500U	738.720	8%
20550	DA00000088	SCREW M5X25/EM2500U	VÍT M5X25/EM2500U	2.200	10%
20551	DA00000089	FLYWHEEL/EM2500U	MÀM ĐIỆN/EM2500U	432.000	8%
20552	DA00000090	CLUTCH ASSY/EM2500U	KHỚP LY HỘP/EM2500U	99.360	8%
20553	DA00000092	OUTER SNAP RING/EM2500U	VÒNG ĐỆM NGOÀI/EM2500U	8.800	10%
20554	DA00000093	PLATE/EM2500U	ĐỆM/EM2500U	21.600	8%
20555	DA00000094	PLATE/EM2500U	ĐỆM/EM2500U	21.600	8%
20556	DA00000095	CLUTCH CASE COMPLETE/EM2500U	VỎ BẢO VỆ KHỚP LY HỘP/EM2500U	185.760	8%
20557	DA00000096	SCREW & WASHER ASSY/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	2.200	10%
20558	DA00000097	PIPE DAMPER 1/EM2500U	ÔNG GIÀM SỐC 1/EM2500U	60.480	8%
20559	DA00000098	PIPE DAMPER 2/EM2500U	ÔNG GIÀM SỐC 2/EM2500U	56.160	8%
20560	DA00000099	PIPE BRACKET 1/EM2500U	MẮT ỐP 1/EM2500U	47.520	8%
20561	DA00000100	PIPE BRACKET 2/EM2500U	MẮT ỐP 2/EM2500U	47.520	8%
20562	DA00000101	SOCKET HEAD BOLT M5X18/EM2500U	BÚ LÔNG M5X18/EM2500U	8.800	10%
20563	DA00000102	CLAMP/EM2500U	BỘ KẸP ẼTO/EM2500U	2.200	10%
20564	DA00000103	CLEANER PLATE COMPLETE/EM2500U	MIẾNG ĐỆM/EM2500U	43.200	8%
20565	DA00000104	SPACER/EM2500U	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/EM2500U	2.160	8%
20566	DA00000105	AIR CLEANER ELEMENT/EM2500U	LỌC GIÓ/EM2500U	12.960	8%
20567	DA00000106	PLATE/EM2500U	ĐỆM/EM2500U	2.160	8%
20568	DA00000107	PAN HEAD SCREW M5X63/EM2500U	VÍT M5X63/EM2500U	2.200	10%
20569	DA00000108	AIR CLEANER CASE/EM2500U	NÁP LỌC GIÓ/EM2500U	21.600	8%
20570	DA00000109	SCREW ASSY M5X14/EM2500U	VÍT M5X14/EM2500U	2.200	10%
20571	DA00000110	INSULATOR GASKET/EM2500U	ĐỆM CÁCH ĐIỆN/EM2500U	17.280	8%
20572	DA00000112	INSULATOR COMPLETE/EM2500U	BỘ CÁCH ĐIỆN/EM2500U	73.440	8%
20573	DA00000115	CARBURETOR/EM2500U	BỘ CHẾ HÓA KHÍ/EM2500U	1.611.360	8%
20574	DA00000118	GROMMET/EM2500U	NÚT GAI ỜNG ĐÀN/EM2500U	21.600	8%
20575	DA00000119	FILTER/EM2500U	LỌC GIÓ/EM2500U	116.640	8%
20576	DA00000120	HOSE CLAMP/EM2500U	KẸP ỜNG/EM2500U	26.400	10%
20577	DA00000121	FUEL TANK/EM2500U	BỂ ĐỰNG DẦU/EM2500U	237.600	10%
20578	DA00000122	FUEL TANK CAP COMPLETE/EM2500U	NÁP ĐẬY BÓN CHỨA/EM2500U	254.880	8%
20579	DA00000123	BOLT ASSY/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	2.200	10%
20580	DA00000124	SCREW ASSY M5X18(W,SW)/EM2500U	ỐC VÍT M5X18(W,SW)/EM2500U	2.200	10%
20581	DA00000129	HANGER STOPPER/EM2500U	ĐẦU NÔI/EM2500U	2.160	8%
20582	DA00000130	NUT M5/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	2.200	10%
20583	DA00000131	HANGER/EM2500U	ĐẦU NÔI/EM2500U	30.240	8%
20584	DA00000132	SHAFT PIPE ASSY/EM2500U	TRỤC ỜNG/EM2500U	699.840	8%
20585	DA00000133	HANDLE HOLDER 3/EM2500U	GIÁ ĐỖ TAY CẦM/EM2500U	79.200	10%
20586	DA00000134	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X30/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	8.800	10%
20587	DA00000135	HANDLE HOLDER 2/EM2500U	GIÁ ĐỖ TAY CẦM/EM2500U	52.800	10%
20588	DA00000136	HANDLE HOLDER 1/EM2500U	GIÁ ĐỖ TAY CẦM/EM2500U	52.800	10%
20589	DA00000137	SOCKET HEAD BOLT M5X25/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	8.800	10%
20590	DA00000138	HANDLE/EM2500U	CÁN NÔI TAY CẦM PHẢI/EM2500U	202.400	10%
20591	DA00000139	GRIP/EM2500U	VỎ NHỰA TAY CẦM TRÁI/EM2500U	108.000	8%
20592	DA00000140	HANDLE/EM2500U	CÁN NÔI TAY CẦM TRÁI/EM2500U	140.800	10%
20593	DA00000141	CONTROL LEVER ASSY/EM2500U	THÀNH ĐIỀU KHIỂN/EM2500U	462.240	8%
20594	DA00000142	CROSSRECESS BOLT M6X23/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	13.200	10%
20595	DA00000143	SOCKET HEAD BOLT M5X14 (W,SW)/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	8.800	10%
20596	DA00000144	PROTECTOR CLAMP/EM2500U	MIẾNG KẸP/EM2500U	44.000	10%
20597	DA00000146	SCREW ASSEMBLY M5X40/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	8.800	10%
20598	DA00000148	CUTTER/EM2500U	MIẾNG ĐỆM/EM2500U	25.920	8%
20599	DA00000149	TAPPING SCREW, ST5X25/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	8.800	10%
20600	DA00000150	INNER SNAP RING/EM2500U	VÒNG ĐỆM TRONG/EM2500U	8.800	10%
20601	DA00000151	OUTER SNAP RING/EM2500U	VÒNG ĐỆM NGOÀI/EM2500U	8.800	10%
20602	DA00000152	BALL BEARING #609ZZ/EM2500U	BẠC ĐẠN 609Z/EM2500U	77.760	8%
20603	DA00000153	GEAR/EM2500U	NHÔNG/EM2500U	293.760	8%
20604	DA00000154	OIL BOLT M6X8/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	8.800	10%
20605	DA00000155	GEAR CASE/EM2500U	HỘP NHÔNG/EM2500U	151.200	8%
20606	DA00000156	GUARD/EM2500U	TẮM BẢO VỆ/EM2500U	26.400	10%
20607	DA00000157	SCREW ASSEMBLY M5X25/EM2500U	ỐC VÍT/EM2500U	8.800	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

					Giá thông thường
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20608	DA00000158	BALL BEARING 626ZZ/EM2500U	BẠC ĐẠN 626ZZ/EM2500U	73.440	8%
20609	DA00000159	CUTTER SHAFT SET/EM2500U	NHÔNG/EM2500U	488.160	8%
20610	DA00000160	BALL BEARING 6000DDU/EM2500U	BẠC ĐẠN 6000Z/EM2500U	203.040	8%
20611	DA00000161	INNER SNAP RING/EM2500U	VÒNG ĐỆM/EM2500U	8.800	10%
20612	DA00000162	RECEIVE WASHER/EM2500U	LONG ĐẾN/EM2500U	123.200	10%
20613	DA00000163	CUTTER BODY/EM2500U	LƯỚI CẮT/EM2500U	138.240	8%
20614	DA00000164	SPRING SEAT/EM2500U	LÒ XO/EM2500U	13.200	10%
20615	DA00000165	SPRING/EM2500U	LÒ XO/EM2500U	26.400	10%
20616	DA00000166	REEL/EM2500U	RULO QUẦN DÂY/EM2500U	86.400	8%
20617	DA00000167	NYLON LINE/EM2500U	DÂY NYLON/EM2500U	43.200	8%
20618	DA00000168	BODY CAP/EM2500U	NẬP/EM2500U	82.080	8%
20619	DA00000170	WASHER CLAMP COMPL/EM2500U	BỘ KẸP ĐỆM/EM2500U	70.400	10%
20620	DA00000171	SPRING WASHER/EM2500U	LÒ XO ĐỆM/EM2500U	13.200	10%
20621	DA00000324	GEAR CASE ASSEMBLY/EM2500U	BỘ ĐẦU NHÔNG/EM2500U	1.628.640	8%
20622	DA00000326	TAPPING SCREW M5X16/DLM460	ỐC VÍT M5X16/DLM460	4.730	10%
20623	DA00000327	THUMB SCREW M8/DLM380	KHOA ỐC M8/DLM380	103.680	8%
20624	DA00000328	WHEEL ASSEMBLY 5.5"/DLM380	BANH XE/DLM380	82.080	8%
20625	DA00000329	WHEEL COVER 5.5"/DLM380	MIẾNG NHỰA CHỤP BANH XE/DLM380	56.160	8%
20626	DA00000330	WHEEL ASSEMBLY 7.5"/DLM380	BANH XE/DLM380	120.960	8%
20627	DA00000331	WHEEL COVER 7.5"/DLM380	MIẾNG NHỰA CHỤP BANH XE/DLM380	60.480	8%
20628	DA00000332	REAR FLAP HINGE ROD/DLM380	TRỤC NẬP ĐÁY/DLM380	44.000	10%
20629	DA00000333	CONNECTION ROD PIN/DLM380	CHÓT HÀM/DLM380	4.400	10%
20630	DA00000334	DECK/DLM380	NẬP CHỤP DƯỚI/DLM380	1.222.560	8%
20631	DA00000335	RETAINER PLATE/DLM460	MIẾNG ĐỆM/DLM460	8.640	8%
20632	DA00000336	FRONT AXLE/DLM380	TRỤC NỐI/DLM380	272.800	10%
20633	DA00000337	GRASS-PROOF STRAP/DLM380	MIẾNG GIÁ ĐỖ/DLM380	17.600	10%
20634	DA00000338	RETAINER/DLM380	MIẾNG NẸP GIỮ DÂY/DLM380	8.800	10%
20635	DA00000339	HEIGHT ADJUSTMENT HANDLE/DLM380	THANH ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/DLM380	151.200	8%
20636	DA00000340	HEIGHT ADJUST RINK ROD FRONT/DLM380	THANH ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/DLM380	77.760	8%
20637	DA00000341	HEIGHT ADJUST RINK ROD REAR/DLM380	THANH ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/DLM380	56.160	8%
20638	DA00000342	HEXAGON LOCKING NUT/DLM380	CON TẮN M8/DLM380	13.200	10%
20639	DA00000343	HEXAGON NUT/DLM380	ĐAI ỐC/DLM380	8.800	10%
20640	DA00000344	LEFT FIXING BOARD OF HANDLE/DLM380	KHOA GIỮ TAY CẦM/DLM380	90.720	8%
20641	DA00000345	LOWER HANDLE BAR/DLM380	TAY CẦM PHÍA DƯỚI/DLM380	158.620	10%
20642	DA00000346	PIPE PLUG/DLM380	NÚT NHỰA/DLM380	12.960	8%
20643	DA00000347	WASHER/DLM380	VÒNG ĐỆM/DLM380	8.800	10%
20644	DA00000348	REAR COVER ASSEMBLY/DLM380	VỎ MÁY/DLM380	146.880	8%
20645	DA00000349	REAR AXLE/DLM380	TRỤC NỐI BANH XE/DLM380	286.000	10%
20646	DA00000350	RIGHT FIXING BOARD OF HANDLE/DLM380	MIẾNG KHOA/DLM380	90.720	8%
20647	DA00000351	SIDE DISCHARGE COVER OF DECK/DLM380	VỎ MÁY/DLM380	77.760	8%
20648	DA00000352	REAR FLAP TORSION SPRING/DLM380	LÒ XO/DLM380	8.800	10%
20649	DA00000353	HEIGHT ADJUST SUPPORT SPRING/DLM380	LÒ XO ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/DLM380	26.400	10%
20650	DA00000354	AIR FILTER/DLM380	LỌC BỤI/DLM380	12.960	8%
20651	DA00000357	GRASS CATCHER/DLM380	BỘ TỤI DỰNG CỎ/DLM380	406.080	8%
20652	DA00000358	GRASS CATCHER FRAME/DLM380	KHUNG ĐỖ CỬA TỤI BỤI/DLM380	207.360	8%
20653	DA00000359	GRASS CATCHER HANDLE/DLM380	TAY CẦM/DLM380	43.200	8%
20654	DA00000360	LEVEL INDICATOR/DLM380	MIẾNG NẸP/DLM380	8.640	8%
20655	DA00000361	PRESSING PLATE/DLM380	VÒNG ĐỆM/DLM380	8.800	10%
20656	DA00000362	GRASS CATCHER UPPER BORAD/DLM380	NẬP TỤI RÁC/DLM380	367.200	8%
20657	DA00000525	PROTECTOR ASSY/EM2500U	NẬP BẢO VỆ LƯỚI CẮT/EM2500U	190.080	8%
20658	DA00000526	PROTECTOR/EM2500U	TẦM CHÂN BẢO VỆ/EM2500U	133.920	8%
20659	DA00000536	WHEEL COVER 7 INCH/DLM460	NẬP CHỤP 7 INCH/DLM460	73.332	8%
20660	DA00000538	BEARING/PLM4631N	BẠC ĐẠN/PLM4631N	56.160	8%
20661	DA00000569	SADDLE HEAD BOLT M8X58/DLM460	ỐC VÍT M8X58/DLM460	37.400	10%
20662	DA00000609	BEARING/PLM4631N	BẠC ĐẠN/PLM4631N	59.616	8%
20663	DA00000778	DECK/DLM380	NẬP CHỤP DƯỚI/DLM380	1.179.360	8%
20664	DA00000802	THROTTLE CABLE/EM2500U	DÂY GA/EM2500U	116.640	8%
20665	DA00000880	SADDLE HEAD BOLT M8X35/DLM460	ỐC VÍT M8X35/DLM460	23.320	10%
20666	DA00000888	TAPPING SCREW M5X12/DLM460	ỐC VÍT M5X12/DLM460	9.350	10%
20667	DA00000911	TAPPING SCREW M4.2X10/DLM460	ỐC VÍT M4.2X10/DLM460	9.350	10%
20668	DA00000924	PLASTIC SADDLE WASHER 8/DLM460	VÒNG ĐỆM 8/DLM460	13.824	8%
20669	DA00001025	REAR AXLE MOUNT/DLM460	NẬP ỐP TRỤC BANH XE/DLM460	13.824	8%
20670	DA00001154	LINK ROD/DLM460	THANH LIÊN KẾT TRỤC BANH XE/DLM460	298.540	10%
20671	DA00001174	HANDLE/DLM460	TAY CẦM/DLM460	121.330	10%
20672	DA00001175	REAR WHEEL AXIS ASSY/DLM460	TRỤC BANH XE/DLM460	567.864	8%
20673	DA00001237	THUMB SCREW M8/DLM380	ỐC KHOA M8/DLM380	103.680	8%
20674	DA00001245	DECK/DLM380	NẬP CHỤP DƯỚI/DLM380	1.140.480	8%
20675	DA00001247	CLUTCH SPRING/EM2500U	LÒ XO/EM2500U	39.600	10%
20676	DA00001248	HANDLE BRACKET R/DLM460	CÀN TẮNG GIÁM PHAI/DLM460	209.880	10%
20677	DA00001249	HANDLE BRACKET/DLM460	CÀN TẮNG GIÁM TRÁI/DLM460	209.880	10%
20678	DA00001250	DECK/DLM460	NẬP CHỤP VỎ MÁY/DLM460	2.898.720	8%
20679	DA00001251	FRONT COVER/DLM460	NẬP CHỤP TRƯỚC/DLM460	306.828	8%
20680	DA00001252	REAR FLAP/DLM460	NẬP CHỤP SAU/DLM460	146.880	8%
20681	DA00001255	HANDLE UPPER + GRIP RUBBER/DLM460	TAY CẦM/DLM460	607.200	10%
20682	DM46312612	BRUSH SPRING/DVC860L	LÒ XO THAN/DVC860L	28.050	10%
20683	DM46714602	BRUSH HOLDER/DVC860L	Ổ CHỐI THAN/DVC860L	174.096	8%
20684	E02667-0	SERIAL NO LABEL/BO6030	TEM SỐ SERI/BO6030	4.644	8%
20685	GB00000004	SWITCH LEVER/DUB187	NÚT ĐIỀU CHỈNH TỐC ĐỘ/DUB187	13.824	8%
20686	GB00000006	FLAT WASHER 12.5/DUB187	VÒNG ĐỆM 12.5/DUB187	13.824	8%
20687	GB00000007	RUBBER RING 12.5X3.5/DUB187	VÒNG ĐỆM GIÁM CHẶN 12.5X3.5/DUB187	18.360	8%
20688	GB00000008	SWITCH STOPPER CAM/DUB187	NÚT ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU TỐC/DUB187	13.824	8%
20689	GB00000010	SWITCH TRIGGER/DUB187	NÚT CỒNG TÁC/DUB187	22.896	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20690	G800000025	TAPPING SCREW ST4.2X20/DUB187	ỐC VÍT ST4.2X20/DUB187	9.350	10%
20691	G800000035	WHEEL SHAFT/DUB187	CHÓT GÀI (CHÓT HẦM)/DUB187	9.350	10%
20692	G800000036	TAPPING SCREW ST4.2X25/DUB187	ỐC VÍT ST4.2X25/DUB187	9.350	10%
20693	G800000041	SELECTOR STOPPER PIN ASSY/DUB187	CHÓT ĐỊNH VÍ/DUB187	14.080	10%
20694	G800000044	SWITCH LEVER/DLM330	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DLM330	205.260	10%
20695	G800000045	PAN HEAD SCREW M4X18/DLM330	ỐC VÍT M4X18/DLM330	9.350	10%
20696	G800000046	HEX LOCK NUT M4/DLM330	ỐC VÍT M4/DLM330	4.730	10%
20697	G800000047	SWITCH LEVER HINGE BOX L/DLM330	BẢO VỆ CÁN GẠT TỐC ĐỘ TRÁI/DLM330	22.896	8%
20698	G800000048	SWITCH LEVER END CAP L/DLM330	CÁN GẠT ĐIỀU CHỈNH BÊN TRÁI/DLM330	13.824	8%
20699	G800000049	SWITCH LEVER HINGE BOX R/DLM330	BẢO VỆ CÁN GẠT TỐC ĐỘ PHẢI/DLM330	22.896	8%
20700	G800000050	SWITCH LINK BUTTON/DLM330	NÚT NHẤN BẰNG NHỰA/DLM330	9.180	8%
20701	G800000051	COMPRESSION SPRING/DLM330	LÒ XO/DLM330	9.350	10%
20702	G800000053	SWITCH BOX COVER L/DLM330	ÓP BẢO VỆ CÔNG TÁC TRÁI/DLM330	68.688	8%
20703	G800000054	SWITCH CONTROL LINK/DLM330	THANH GẠT ĐIỀU CHỈNH/DLM330	22.896	8%
20704	G800000055	SWITCH LEVER END CAP R/DLM330	CÁN GẠT ĐIỀU CHỈNH BÊN PHẢI/DLM330	27.540	8%
20705	G800000056	TENSION SPRING/DLM330	LÒ XO/DLM330	9.350	10%
20706	G800000057	CORD CLAMP/DLM330	KẸP ĐÓ DÂY ĐIỆN/DLM330	9.180	8%
20707	G800000058	SWITCH BOX COVER R/DLM330	ÓP BẢO VỆ CÔNG TÁC PHẢI/DLM330	68.688	8%
20708	G800000060	SQUARE NECK BOLT M6X42/DLM330	ỐC VÍT M6X42/DLM330	23.320	10%
20709	G800000061	KNOB NUT M6/DLM330	NÚT XOAY M6/DLM330	32.076	8%
20710	G800000062	CORD CLIP/DLM330	NẸP DÂY ĐIỆN/DLM330	18.360	8%
20711	G800000063	LOWER HANDLE/DLM330	TAY CẦM ĐẦY DƯỚI/DLM330	410.520	10%
20712	G800000064	TENSION LEVER ASSY/DLM330	CÁN GẠT KHÓA TAY CẦM/DLM330	114.480	8%
20713	G800000065	HANDLE FIX BLOCK/DLM330	VỖ KHÓA TAY CẦM/DLM330	119.124	8%
20714	G800000066	TRAS HEAD TAPPING SCREW 4X8/DLM330	ỐC VÍT 4X8/DLM330	9.350	10%
20715	G800000067	MULTING PLUG/DLM330	TẮM NHỰA HƯỚNG CỎ CÁT/DLM330	160.272	8%
20716	G800000068	CARRYNG HANDLE/DLM330	TAY CẦM TRÊN THAN MÂY/DLM330	64.152	8%
20717	G800000069	KEY/DLM330	NÚT KHÓA AN TOÀN/DLM330	77.868	8%
20718	G800000070	INDICATOR UNIT MOUNT/DLM330	KẸP ĐÓ DÂY ĐIỆN/DLM330	9.180	8%
20719	G800000071	BATTERY HOLDER/DLM330	VỎ CHỨA PIN/DLM330	77.868	8%
20720	G800000072	RUBBER PIN 5.5X8.5/DLM330	CHÓT 5.5X8.5/DLM330	13.824	8%
20721	G800000074	BATTERY HOOD/DLM330	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ HỘP PIN/DLM330	215.244	8%
20722	G800000077	BATTERY HOOD LOCK BUTTON/DLM330	NÚT KHÓA NẮP BẢO VỆ PIN/DLM330	13.824	8%
20723	G800000078	COMPRESSION SPRING/DLM330	LÒ XO/DLM330	9.350	10%
20724	G800000079	BATTERY HOOD RATCHI/DLM330	KHÓA NẮP BẢO VỆ PIN/DLM330	9.180	8%
20725	G800000080	BATTERY HOOD RATCHI FIX PLATE/DLM330	MIẾNG NHỰA ĐÓ NẮP BẢO VỆ PIN/DLM330	18.360	8%
20726	G800000081	UPPER HOUSING ASSEMBLY/DLM330	VỎ MÁY/DLM330	348.084	8%
20727	G800000083	TAPPING SCREW ST4.2X15 SILVER/DLM330	ỐC VÍT ST4.2X15/DLM330	9.350	10%
20728	G800000084	HEIGHT ADJUST GUIDE PLATE/DLM330	THANH THÉP ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/DLM330	154.000	10%
20729	G800000085	RUBBER SHEET FOR GUIDE PLATE/DLM330	MIẾNG ĐỆM/DLM330	68.688	8%
20730	G800000086	DECK ASSEMBLY/DLM330	VỎ MÁY DƯỚI/DLM330	943.380	8%
20731	G800000096	REAR FLAP TORSION SPRING/DLM330	LÒ XO/DLM330	23.320	10%
20732	G800000097	REAR FLAP HINGE ROD/DLM330	TRỤC GIỮ NẮP ĐẦY SAU/DLM330	84.040	10%
20733	G800000099	REAR FLAP/DLM330	VỎ ĐUÔI MÁY/DLM330	109.944	8%
20734	G800000104	GLASS OUTLET LOWER PLATE/DLM330	TẮM NHỰA DẪN HƯỚNG CỎ/DLM330	105.408	8%
20735	G800000105	HEX FLANGED+F130 LOCK NUT M6/DLM330	ĐAI ỐC M6/DLM330	23.320	10%
20736	G800000106	WHEEL 180MM/DLM330	BÁNH XE 180MM/DLM330	242.784	8%
20737	G800000107	REAR AXLE/DLM330	TRỤC NỐI BÁNH XE/DLM330	181.940	10%
20738	G800000108	HEIGHT ADJUST TENSION SPRING/DLM330	LÒ XO/DLM330	42.020	10%
20739	G800000109	TRUSS HEAD TAPPING SCREW 5X18/DLM330	ỐC VÍT 5X18/DLM330	14.080	10%
20740	G800000110	AXLE FIX PLATE/DLM330	TẮM THÉP CỎ ĐỊNH/DLM330	23.320	10%
20741	G800000111	STEPPED PIN 10-12/DLM330	CHÓT GÀI 10-12/DLM330	14.080	10%
20742	G800000112	FLAT WASHER 10/DLM330	VONG ĐỆM 10/DLM330	9.350	10%
20743	G800000114	HEGHT ADJUST LINK ROD REAR/DLM330	THANH TĂNG HẠ ĐỘ CAO MÁY/DLM330	84.040	10%
20744	G800000115	HEIGHT ADJUST LINK ROD FRONT/DLM330	THANH TĂNG HẠ ĐỘ CAO MÁY/DLM330	116.600	10%
20745	G800000116	PAN HEAD SCREW 6X30/DLM330	ỐC VÍT 6X30/DLM330	9.350	10%
20746	G800000117	HEIGHT ADJUST LEVER ASSY/DLM330	CÁN GẠT TĂNG HẠ ĐỘ CAO MÁY/DLM330	102.630	10%
20747	G800000118	FLAT HEAD SCREW M4X10/DLM330	ỐC VÍT M4X10/DLM330	4.730	10%
20748	G800000119	GRIP FOR HEIGHT ADJUSTMENT/DLM330	TAY CẦM ĐIỀU CHỈNH ĐỘ CAO/DLM330	27.540	8%
20749	G800000120	WHEEL 138MM/DLM330	BÁNH XE 138MM/DLM330	155.736	8%
20750	G800000121	FRONT AXLE/DLM330	TRỤC BÁNH XE/DLM330	196.992	8%
20751	G800000122	KEY SOCKET/DLM330	VỖ KHÓA AN TOÀN/DLM330	174.096	8%
20752	G800000124	TERMINAL/DLM330	ĐẼ GÀI PIN/DLM330	164.916	8%
20753	G800000125	INDICATOR UNIT/DLM330	DÂY DẪN ĐIỆN/DLM330	142.020	8%
20754	G800000126	CONTROLLER/DLM330	BỘ MẠCH (BẢNG ĐIỀU KHIỂN)/DLM330	1.099.008	8%
20755	G800000127	CLOSED END SPLICE 5.5-SD/DLM330	ĐẦU KẸP BẢO VỆ DÂY DẪN ĐIỆN 5.5-SD/DLM330	9.180	8%
20756	G800000128	TAPPING SCREW ST3.0X8/DLM330	ỐC VÍT ST3.0X8/DLM330	14.080	10%
20757	G800000131	HEX FLANGED BOLT M8X18 W/BOND/DLM330	ỐC VÍT M8X18/DLM330	46.640	10%
20758	G800000132	BLADE SUPPORT/DLM330	ĐẼ CỎ ĐỊNH LƯỚI CÁT/DLM330	55.990	10%
20759	G800000133	BLADE HEX BOLT M8X28 WITH WR/DLM330	ỐC VÍT M8X28/DLM330	18.700	10%
20760	G800000136	UPPER HANDLE/DLM330	TAY CẦM ĐẦY TRÊN/DLM330	545.710	10%
20761	G800000138	SWITCH&CORD ASSY/DLM330	DÂY DẪN ĐIỆN CÔNG TÁC/DLM330	512.892	8%
20762	G800000142	GLASS CATCHER LOWER PLATE ASSY/DLM330	KHUNG NHỰA GÀI TỤI ĐỰNG CỎ/DLM330	517.536	8%
20763	G800000147	CARBON BRUSH ASSY WITH COIL/DLM330	CHỔI THAN/DLM330	87.048	8%
20764	G800000148	MOTOR ASSY WITH CHOKE COIL/DLM330	MƠ TƠ/DLM330	3.466.476	8%
20765	G800000151	GLASS CATCHER ASSY/DLM330	TỤI CHỨA CỎ/DLM330	870.048	8%
20766	G800000158	TAPPING SCREW ST4.2X15/DLM330	ỐC VÍT ST4.2X15/DLM330	14.080	10%
20767	G800000159	R-PIN 10/DLM330	CHÓT GÀI 10/DLM330	9.350	10%
20768	G800000166	WHEEL 61/DUB187	BÁNH XE 61/DUB187	50.436	8%
20769	G800000167	WHEEL BRACKET/DUB187	MIẾNG THÉP ĐỖ BÁNH XE/DUB187	46.640	10%
20770	G800000171	SELECTOR LEVER/DUB187	CÁN GẠT CÔNG TÁC/DUB187	45.792	8%
20771	G800000172	HOUSING SET/DUB187	VỎ MÁY/DUB187	1.085.292	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20772	GB00000173	ANTI-STATIC STEEL WIRE/DUB187	DÂY DẪN ĐIỆN/DUB187	54.972	8%
20773	GB00000174	ANTI-STATIC WIRE ASSY/DUB187	DÂY DẪN ĐIỆN/DUB187	68.688	8%
20774	GB00000175	SWITCH/DUB187	CÔNG TẮC/DUB187	238.140	8%
20775	GB00000176	HEX NUT M8 WITH PLASTIC CAP/DUB187	ỐC KHÓA LƯỖI M8/DUB187	46.640	10%
20776	GB00000177	SHREDDER BLADE 53/DUB187	DAO CẮT DÁN HƯỚNG 53/DUB187	59.616	8%
20777	GB00000178	FAN 115/DUB187	CANH QUẠT 115/DUB187	109.944	8%
20778	GB00000179	SIM RING 2MM/DUB187	VÒNG ĐỆM 2MM/DUB187	14.080	10%
20779	GB00000180	TRAS HEAD SCREW M8X10 WITH WG/DUB187	ỐC VÍT M8X10/DUB187	14.080	10%
20780	GB00000181	MOTOR MOUNT/DUB187	MIẾNG CỐ ĐỊNH MOTOR/DUB187	109.944	8%
20781	GB00000183	CONTROLLER ASSY/DUB187	BỘ MẠCH/DUB187	1.827.144	8%
20782	GB00000185	DUST BAG ASSY/DUB187	TÚI CHỨA BỤI BẢNG VAI/DUB187	554.148	8%
20783	GB00000188	LOWER TUBE/DUB187	ỐNG THỜI DÀI (PHÍA DƯỚI)/DUB187	480.816	8%
20784	GB00000189	TAPPING SCREW ST4.2X40/DUB187	ỐC VÍT ST4.2X40/DUB187	14.080	10%
20785	GB00000190	UPPER TUBE/DUB187	ỐNG THỜI DÀI (PHÍA TRÊN)/DUB187	517.536	8%
20786	GB00000191	BRUSHLESS MOTOR ASSY/DUB187	MOTOR LOẠI ĐỘNG CƠ MỘT CHIỀU/DUB187	2.550.636	8%
20787	GB00000192	SHREDDER DUST OUTLET/DUB187	ĐẦU NƠI TÚI CHỨA BỤI/DUB187	142.020	8%
20788	GB00000199	WIND SELECT SHUTTER/DUB187	CÁN GẠT CÔNG TẮC/DUB187	96.228	8%
20789	GM00001012	SCREW 3X12 PB BLACK ZN/DML812	ỐC VÍT 3X12/DML812	4.400	10%
20790	GM00001024	SCREW 3X12 B0130120202/DML807	ỐC VÍT/DML807	4.730	10%
20791	GM00001116	BATTERY HOLDER (C2004185006)/DUB182	ĐỂ GÀI PIN/DUB182	86.400	8%
20792	GM00001117	BATTERY HOLDER/DML801	ĐỂ GÀI PIN/DML801	91.584	8%
20793	GM00001201	TUNING KNOB/ML187	NÚT ĐIỀU CHỈNH/ML187	27.540	8%
20794	GM00001203	SCREW 2.3X10 PWA/ML187	ỐC VÍT/ML187	14.080	10%
20795	GM00001204	SCREW 2.3 X 6BB/ML187	ỐC VÍT/ML187	9.350	10%
20796	GM00001205	BATTERY COVER/ML187	NẮP BỌC VỎ PIN/ML187	18.360	8%
20797	GM00001206	TERMINAL ASSY/ML187	CHÓT/ML187	55.990	10%
20798	GM00001207	BACK BODY ASSY/ML187	VỎ MÁY/ML187	91.584	8%
20799	GM00001208	ROD ANTENNA/DMR202	ẮNG TEN CẦN/DMR202	68.040	8%
20800	GM00001209	SCREW 2.6 X 12BB/ML187	VÍT/ML187	13.824	8%
20801	GM00001215	FRONT BODY ASSY/ML187	KHUNG MÀY TRƯỚC/ML187	398.412	8%
20802	GM00001217	MAIN CIRCUIT ASSY/ML187	MẠCH ĐIỆN/ML187	824.256	8%
20803	GM00001218	MAIN CIRCUIT ASSY/MR051	BỘ MẠCH/MR051	874.692	8%
20804	GM00001222	SOUND SPONGE/ML187	MIẾNG LÓT TAY NGHE/ML187	41.256	8%
20805	GM00001241	LED CIRCUIT ASSY(G0118700400)/ML187	MẠCH ĐIỆN/ML187	206.064	8%
20806	GM00001246	SCREW 2.6X6/ML187/ML187	VÍT 2.6X6/ML187	4.644	8%
20807	GM00001247	SCREW 3X12/ML187/ML187	VÍT 3X12/ML187	4.644	8%
20808	GM00001248	SPRING (A)/ML187/ML187	LÒ XO (A)/ML187	4.730	10%
20809	GM00001249	SPRING (B)/ML187/ML187	LÒ XO (B)/ML187	4.730	10%
20810	GM00001250	LAMP HEAD BODY/ML187/ML187	THÂN MÁY/ML187	68.688	8%
20811	GM00001252	KNOCK SHAFT/ML187/ML187	TRỤC GÀI/ML187	4.730	10%
20812	GM00001253	SWITCH HOLDER/ML187	BỘ GIỮ CÔNG TẮC/ML187	4.644	8%
20813	GM00001254	PC SHEET/ML187/ML187	BỘ ĐIỀU KHIỂN/ML187	4.644	8%
20814	GM00001255	PC SHEET COVER/ML187/ML187	VỎ BỌC BỘ ĐIỀU KHIỂN/ML187	4.644	8%
20815	GM00001257	MAIN CIRCUIT ASSY/ML187/ML187	MẠCH ĐIỆN/ML187	100.764	8%
20816	GM00001259	HOUSING R/ML187/ML187	VỎ MÁY R/ML187	77.760	8%
20817	GM00001260	SWITCH COVER ASSY/ML187	NẮP CÔNG TẮC/ML187	9.180	8%
20818	GM00001261	HEAD COVER ASSY/ML187/ML187	NẮP BẢO VỆ/ML187	68.688	8%
20819	GM00001262	BATTERY HOLDER ASSY/ML187/ML187	BỘ GIỮ PIN/ML187	114.480	8%
20820	GM00001264	SWITCH ASSY/ML187	CÔNG TẮC/ML187	32.076	8%
20821	GM00001265	MAGNET RING(A)/DML801	VÒNG KHÁNG TỬ/DML801	13.824	8%
20822	GM00001266	MAGNET RING(B)/DML801	VÒNG KHÁNG TỬ/DML801	9.180	8%
20823	GM00001267	SCREW 2.6X8PWB/DML801	ỐC VÍT 2.6X8/DML801	4.730	10%
20824	GM00001268	SCREW 2.6X10KA/DML801	ỐC VÍT 2.6X10/DML801	4.730	10%
20825	GM00001269	SCREW 3X12PB/DML801	ỐC VÍT 3X12/DML801	4.730	10%
20826	GM00001270	SPRING/DML801	LÒ XO/DML801	4.730	10%
20827	GM00001271	ROTATOR BRACKET L/DML801	KHỚP XOAY TRÁI/DML801	18.360	8%
20828	GM00001272	ROTATOR BRACKET R/DML801	KHỚP XOAY PHẢI/DML801	18.360	8%
20829	GM00001273	LEFT ROTATOR/DML801	NẮP CHỤP TRÁI/DML801	9.180	8%
20830	GM00001274	RIGHT ROTATOR/DML801	NẮP CHỤP PHẢI/DML801	9.180	8%
20831	GM00001275	FRONT CASE HEAD/DML801	VỎ BẢO VỆ ĐÈN LED/DML801	13.824	8%
20832	GM00001276	REAR CASE HEAD/DML801	ĐÈ ĐÈN LED/DML801	27.540	8%
20833	GM00001277	HOOK HOLDER/DML801	ĐÈ BÁT MÓC TREO/DML801	4.730	10%
20834	GM00001278	HOOK LATCH COVER/DML801	NẮP ĐÁY ĐÈ BÁT MÓC TREO/DML801	4.730	10%
20835	GM00001279	SPRING LID/DML801	GIA ĐỒ LÒ XO/DML801	4.644	8%
20836	GM00001280	TURNING SHAFT/DML801	KHỚP CHÍNH GÓC/DML801	4.644	8%
20837	GM00001281	LENS/DML801	KÍNH BẢO VỆ ĐÈN LED/DML801	13.824	8%
20838	GM00001282	FIX PLATE/DML801	ĐÈ KHỚP CHÍNH GÓC/DML801	4.730	10%
20839	GM00001283	HOOK ASSY/DML801	MÓC TREO/DML801	82.512	8%
20840	GM00001284	LED CIRCUIT ASSY/DML801	BỘ ĐÈN LED/DML801	778.464	8%
20841	GM00001285	SWITCH HOLDER ASSY/DML801	NÚT NHẤN CÔNG TẮC/DML801	27.540	8%
20842	GM00001286	MAIN CIRCUIT ASSY/DML801	BỘ MẠCH/DML801	412.128	8%
20843	GM00001287	HOUSING R/L/DML801	BỘ VỎ MÁY/DML801	398.412	8%
20844	GM00001291	SWITCH COVER/DML815	NÚT NHẤN CÔNG TẮC/DML815	18.360	8%
20845	GM00001292	RING (B3103184009)/DML812	VÒNG ĐỆM (B3103184009)/DML812	8.800	10%
20846	GM00001322	SCREW 2.6X8 PB/FJ401D	ỐC VÍT/FJ401D	4.730	10%
20847	GM00001328	PAD(B)/DML805	ĐỆ (B)/DML805	41.256	8%
20848	GM00001331	SCREW 2.6 X 10/DML805	ỐC VÍT 2.6 X 10/DML805	18.700	10%
20849	GM00001332	SCREW 3 X 8/DML805	ỐC VÍT 3 X 8/DML805	9.350	10%
20850	GM00001333	SCREW 3 X 12/DML805	ỐC VÍT 3 X 12/DML805	9.350	10%
20851	GM00001334	SCREW 3 X 12/DML805	ỐC VÍT 3 X 12/DML805	14.080	10%
20852	GM00001335	SCREW M3 X18/DML805	ỐC VÍT M3 X18/DML805	14.080	10%
20853	GM00001337	NUT M3/DML805	ỐC VÍT M3/DML805	14.080	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20854	GM00001338	CORD HOLDER B0405805120/DML805	GIÁ ĐỖ/DML805	14.080	10%
20855	GM00001340	HOUSING (BOTTOM) C1920805002/DML805	VỎ MÁY DƯỚI C1920805002/DML805	68.688	8%
20856	GM00001341	SWITCH BRACKET/DML805	GIÁ ĐỖ CÔNG TÁC/DML805	22.896	8%
20857	GM00001342	KNOB/DML805	TAY CÀM/DML805	183.168	8%
20858	GM00001343	SWITCH ROD/DML805	CÔNG TÁC/DML805	9.180	8%
20859	GM00001344	CORD CLAMP C2820805010/DML805	MIẾNG CHÂN C2820805010/DML805	18.360	8%
20860	GM00001347	CORD HOOK (R)/DML805	TRỤC GÁI BÊN PHẢI/DML805	22.896	8%
20861	GM00001348	CORD HOOK (L)/DML805	TRỤC GÁI BÊN TRÁI/DML805	22.896	8%
20862	GM00001349	ADAPTER/DML805	CÁN GẠT/DML805	18.360	8%
20863	GM00001350	FOOT (FRONT)/DML805	CHÂN GÁI/DML805	45.792	8%
20864	GM00001351	FOOT (BACK)/DML805	CHÂN GÁI/DML805	50.436	8%
20865	GM00001352	PACKING/DML805	RON CAO SU ĐỆM/DML805	59.616	8%
20866	GM00001353	PACKING/DML805	RON CAO SU ĐỆM/DML805	59.616	8%
20867	GM00001354	PACKING/DML805	RON CAO SU ĐỆM/DML805	64.152	8%
20868	GM00001356	HOUSING(FRONT) ROS88050100/DML805	VỎ MÁY TRƯỚC ROS88050100/DML805	430.488	8%
20869	GM00001358	REFLECTOR/DML805	GUỒNG CHÓA/DML805	146.556	8%
20870	GM00001359	LED CIRCUIT ROS88050400/DML805	MẠCH LED ROS88050400/DML805	915.840	8%
20871	GM00001360	SWITCH CIRCUIT/DML805	CÔNG TÁC/DML805	91.584	8%
20872	GM00001361	LEAD WIRE ASSY/DML805	DÂY NỐI ĐIỆN/DML805	174.096	8%
20873	GM00001362	BATTERY HOLDER ROS88050700/DML805	BỘ GIỮ PIN ROS88050700/DML805	187.812	8%
20874	GM00001363	FIX PLATE ASSY/DML805	TẮM NHÓM/DML805	50.436	8%
20875	GM00001365	FRAME ROS88051000/DML805	BỘ KHUNG MÁY ROS88051000/DML805	283.932	8%
20876	GM00001367	HANGER L/DML805	GIÁ TREO L/DML805	128.304	8%
20877	GM00001368	HANGER R/DML805	GIÁ TREO L/DML805	128.304	8%
20878	GM00001374	PAD(A)/DML805	ĐẾ (A)/DML805	27.540	8%
20879	GM00001375	PAD(C)/DML805	ĐẾ (C)/DML805	174.096	8%
20880	GM00001376	HOUSING (TOP) C1920805003/DML805	VỎ MÁY TRÊN C1920805003/DML805	100.764	8%
20881	GM00001378	LENS/DML805	ỐNG KÍNH/DML805	114.480	8%
20882	GM00001379	BATTERY COVER ASSY/DML805	BỌC VỎ PIN/DML805	746.496	8%
20883	GM00001380	SILICON BAND ASSY ROS28009808/DML800	DÂY ĐEO BĂNG NHỰA/DML800	151.200	8%
20884	GM00001395	SCREW 2.6X8PB B0126081102/DML807	ỐC VÍT 2.6X8/DML807	14.080	10%
20885	GM00001402	SCREW 3X12/FJ401D	ỐC VÍT/FJ401D	4.730	10%
20886	GM00001411	FAN FRONT HOUSING/FJ401D	NÁP CẢNH QUẠT/FJ401D	132.840	8%
20887	GM00001415	POWER CIRCUIT ASSY/DML805	MẠCH ĐIỆN/DML805	1.227.312	8%
20888	GM00001416	CORD GUARD/DML805	ỐNG CAO SU BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/DML805	22.896	8%
20889	GM00001417	CORD GUARD/DML805	ỐNG CAO SU BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/DML805	22.896	8%
20890	GM00001423	POWER SUPPLY CORD/DML805	DÂY ĐIỆN/DML805	435.024	8%
20891	GM00001424	POWER SUPPLY CORD/DML805	DÂY ĐIỆN/DML805	503.712	8%
20892	GM00001425	POWER SUPPLY CORD/DML805	DÂY ĐIỆN/DML805	517.536	8%
20893	GM00001427	CABLE TIE/DML805	DÂY GÚT/DML805	22.896	8%
20894	GM00001457	BATTERY HOLDER ROS88070009/DML807	ĐỂ GÁI PIN/DML807	123.660	8%
20895	GM00001459	METAL STRAP HOOK B2808807021/DML807	MÓC DÂY/DML807	54.972	8%
20896	GM00001460	USB RUBBER COVER C9820807005/DML807	NÁP DÂY USB/DML807	27.540	8%
20897	GM00001461	SWITCH HOLDER ASSY ROS88070004/DML807	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/DML807	87.048	8%
20898	GM00001462	FEMALE SOCKET PCBA ROS88070003/DML807	BỘ MẠCH/DML807	59.616	8%
20899	GM00001463	LAMP HOLDER C1020807004/DML807	GIÁ ĐỖ/DML807	54.972	8%
20900	GM00001464	O-RING (CAP) C9820807004/DML807	VÒNG ĐỆM CAO SU/DML807	13.824	8%
20901	GM00001465	LED LAMP TUBE ASSY ROS88070002/DML807	ĐÈN LED/DML807	824.256	8%
20902	GM00001466	DIFFUSING CAP ROS88070007/DML807	NÁP CHỤP ĐÈN LED/DML807	183.168	8%
20903	GM00001467	O-RING C9820807003/DML807	VÒNG ĐỆM CAO SU/DML807	13.824	8%
20904	GM00001468	LOCK RING C0110184004/DML807	NÁP KHÓA/DML807	22.896	8%
20905	GM00001469	REFLECTOR ROS88070008/DML807	GUỒNG CHÓA/DML807	59.616	8%
20906	GM00001470	BEZEL ASSY ROS88070001/DML807	NÁP CHỤP/DML807	114.480	8%
20907	GM00001471	HOOK ASSY ROS88070000/DML807	CÁN GIỮ MÁY/DML807	87.048	8%
20908	GM00001472	HOOK BALL COVER C3020807002/DML807	MÓC GIỮ/DML807	18.360	8%
20909	GM00001526	FAN FRONT HOUSING BLACK/FJ301D	NÁP CẢNH QUẠT/FJ301D	132.840	8%
20910	GM00001629	MOTOR ASSY WHITE/DFJ202	MÔ TƠ/DFJ202	686.880	8%
20911	GM00001630	MOTOR ASSY BLACK/DFJ300	MÔ TƠ/DFJ300	686.880	8%
20912	GM00001669	HOUSING L/R ASSY ROS88070300/DML807	VỎ ĐÈN PIN/DML807	279.396	8%
20913	GM00001670	MAIN+USB PCBA ASSY ROS88070301/DML807	BỘ MẠCH/DML807	738.720	8%
20914	GM00001672	HEAT TRANSFER PAD A3252040000/DML807	TẮM TRAO ĐỔI NHIỆT/DML807	28.050	10%
20915	GM00001673	USB SWITCH PCBA ROS88070302/DML807	MẠCH CÔNG TÁC CỎ KẾT NỐI USB/DML807	132.840	8%
20916	GM00001684	HOUSING L/R ASSY/ML104	VỎ NHỰA/ML104	320.544	8%
20917	GM00001685	USB RUBBER COVER/ML104	NÁP DÂY USB/ML104	13.824	8%
20918	GM00001687	METAL SQUARE NUT/ML104	NÚT KIM LOẠI/ML104	14.080	10%
20919	GM00001688	BATTERY HOLDER/ML104	ĐỂ GÁI PIN/ML104	279.396	8%
20920	GM00001689	METAL SPRING/ML104	LÒ XO/ML104	23.320	10%
20921	GM00001690	PLASTIC SWITCH POST/ML104	NÚT CÔNG TÁC/ML104	18.360	8%
20922	GM00001691	MAIN PCBA ASSY/ML104	BỘ MẠCH/ML104	741.852	8%
20923	GM00001692	FEMALE SOCKET PCBA/ML104	TẮM GIỮ/ML104	54.972	8%
20924	GM00001693	LAMP HOLDER/ML104	VÒNG ĐỖ/ML104	45.792	8%
20925	GM00001694	LED LAMP TUBE ASSY/ML104	THANH LED/ML104	938.736	8%
20926	GM00001695	DIFFUSING CAP/ML104	NÁP CHỤP ĐÈN/ML104	224.424	8%
20927	GM00001696	LED DRIVER PCBA/ML104	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/ML104	439.668	8%
20928	GM00001700	LED PCB ASSY/ML105	ĐÈN LED ĐIỆN TỬ/ML105	338.904	8%
20929	GM00001701	WIRE HOLDER/ML105	GIÁ GIỮ DÂY ĐIỆN/ML105	13.824	8%
20930	GM00001702	AL HEAD/ML105	NÁP CHỤP ĐÈN/ML105	384.696	8%
20931	GM00001703	KNOCK SHAFT SPRING/ML105	LÒ XO/ML105	14.080	10%
20932	GM00001704	KNOCK SHAFT/ML105	CHỐT KHÓA/ML105	69.960	10%
20933	GM00001705	HOUSING ASSY/ML105	VỎ MÁY/ML105	279.396	8%
20934	GM00001706	METAL HOOK PLATE/ML105	MÓC KIM LOẠI/ML105	18.360	8%
20935	GM00001708	BATTERY TERMINAL/ML105	TIẾP ĐIỂM PIN/ML105	87.048	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
20936	GM00001711	SWITCH COVER/ML105	VỎ CÔNG TÁC/ML105	22.896	8%
20937	GM00001712	USB SWITCH BUTTON/ML104	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/ML104	36.720	8%
20938	GM00001713	USB SWITCH BUTTON/DML807	NÚT NHẤN/DML807	27.540	8%
20939	GM00001956	HOUSING L/R ASSY/DML808	CỤM VỎ MÁY/DML808	270.216	8%
20940	GM00001957	MAIN PCBA ASSY/DML808	BO MẠCH CHÍNH/DML808	316.008	8%
20941	GM00001958	KNOCK SHAFT SPRING/DML808	LÒ XO/DML808	9.350	10%
20942	GM00001960	AL HEAD BODY ASSY/DML808	ĐẦU CHUYỂN HUỚNG/DML808	544.968	8%
20943	GM00001961	LED PCBA ASSY/DML808	BỘ ĐÈN LED/DML808	320.544	8%
20944	GM00001962	METAL FOCUSING RING/DML808	CHỤP ĐÈN/DML808	279.396	8%
20945	GM00001963	SEMI-CONVEX LENS/DML808	KÍNH TRONG SUỐT/DML808	87.048	8%
20946	GM00001964	PLASTIC BEZEL/DML808	CHỤP BẢO VỆ/DML808	36.720	8%
20947	GM00001965	MAIN PCBA ASSY/DML808	BO MẠCH CHÍNH/DML808	316.008	8%
20948	GM00002074	REFLECTOR/DML815	ĐẦU THỜI NỒNG/DML815	96.800	10%
20949	GM00002075	LED PCBA ASSY/DML815	BỘ ĐÈN LED/DML815	196.992	8%
20950	GM00002076	HEAD HOUSING ASSY/DML815	NÁP CHỤP ĐẦU ĐÈN LED/DML815	108.000	8%
20951	GM00002077	SPRING/DML815	LÒ XO LA/DML815	9.350	10%
20952	GM00002078	MAIN PCBA ASSY/DML815	BO MẠCH/DML815	357.264	8%
20953	GM00002203	LENS COVER ASSY/DML812	VÒNG GAI KÍNH CHỤP/DML812	96.228	8%
20954	GM00002204	LENS/DML812	ÔNG KÍNH/DML812	59.616	8%
20955	GM00002205	LENS O-RING/DML812	VÒNG ĐỆM/DML812	27.540	8%
20956	GM00002206	REFLECTION CUP COVER/DML812	TẮM BẢO VỆ/DML812	91.584	8%
20957	GM00002207	LED O-RING/DML812	VÒNG ĐỆM/DML812	13.824	8%
20958	GM00002208	O-RING/DML812	VÒNG ĐỆM/DML812	22.896	8%
20959	GM00002209	REFLECTION CUP/DML812	CỐC PHẢN CHIẾU/DML812	137.376	8%
20960	GM00002211	O-RING/DML812	VÒNG ĐỆM/DML812	13.824	8%
20961	GM00002212	SCREW 3X8 PM/DML812	ỐC VÍT 3X8 PM/DML812	4.730	10%
20962	GM00002217	LEFT LATCH PLATE/DML812	THEN Đĩa TRÁI/DML812	59.616	8%
20963	GM00002218	RIGHT LATCH PLATE/DML812	THEN Đĩa PHẢI/DML812	59.616	8%
20964	GM00002219	SCREW 2.6X7 KB/DML812	ỐC VÍT 2.6X7 KB/DML812	4.730	10%
20965	GM00002220	LIGHT HEAD CASE ASSY/DML812	VỎ ĐÈN/DML812	247.320	8%
20966	GM00002221	HOUSING ASSY/DML812	VỎ MÁY/DML812	366.336	8%
20967	GM00002222	LINE PRESSING BLOCK/DML812	MIẾNG ĐỆM KHÓA/DML812	14.080	10%
20968	GM00002224	COMPRESSION SPRING/DML812	LÒ XO/DML812	4.730	10%
20969	GM00002225	LATCH PIN/DML812	CHÓT/DML812	13.824	8%
20970	GM00002226	SHAFT O-RING/DML812	VÒNG ĐỆM/DML812	13.824	8%
20971	GM00002229	MAIN PCBA/DML812	MẠCH CHỦ PCBA/DML812	952.560	8%
20972	GM00002230	WHITE SWITCH ASSY/DML812	NÚT NHẤN CÔNG TÁC TRẮNG/DML812	137.376	8%
20973	GM00002231	STRAP HOOK/DML812	MÓC TREO/DML812	68.688	8%
20974	GM00002232	SWITCH RUBBER/DML812	NÚT CÔNG TÁC/DML812	36.720	8%
20975	GM00002233	SWITCH SUPPORT/DML812	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DML812	4.644	8%
20976	GM00002235	PCBA & TERMINAL ASSY/DML812	BO MẠCH/DML812	467.100	8%
20977	GM00002237	RIGHT HOUSING COVER/DML812	VỎ BẢO VỆ PHẢI/DML812	45.792	8%
20978	GM00002238	HOUSING HOOK/DML812	MÓC VỎ ĐÈN/DML812	274.752	8%
20979	GM00002247	LED & HEAT SINK ASSY/DML812	ÔNG ĐÈN NHIỆT/DML812	1.657.692	8%
20980	GM00002248	LEFT HOUSING COVER ASSY/DML812	VỎ BẢO VỆ TRÁI/DML812	192.348	8%
20981	GM00002249	SWITCH SPRING/DML812	LÒ XO/DML812	4.730	10%
20982	GM00002250	SCREW 2.0X5 KB/DML812	ỐC VÍT 2.0X5 KB/DML812	4.730	10%
20983	GM00002251	SPRING CLIP 2X10X25/DML812	THANH KÉP 2X10X25/DML812	9.350	10%
20984	GM00002252	SILICONE & HEAT SINK/DML812	ĐỆM NHIỆT/DML812	123.660	8%
20985	GM00002268	LED PCBA ASSY/ML001G	MẠCH ĐÈN LED/ML001G	206.064	8%
20986	GM00002269	HOUSING L/R ASSY/ML001G	VỎ MÁY/ML001G	288.576	8%
20987	GM00002271	BATTERY HOLDER ASSY/ML001G	ĐỂ GÁI PIN/ML001G	233.604	8%
20988	GM00002272	SWITCH COVER ASSY/ML001G	NÁP CÔNG TÁC/ML001G	59.616	8%
20989	GM00002273	MAIN PCBA ASSY/ML001G	BO MẠCH/ML001G	549.504	8%
20990	GM00002274	HOUSING ASSY/ML002G	VỎ MÁY/ML002G	325.188	8%
20991	GM00002275	BATTERY HOLDER/ML002G	ĐỂ GÁI PIN/ML002G	233.604	8%
20992	GM00002276	MAIN PCBA ASSY/ML002G	BO MẠCH/ML002G	1.575.288	8%
20993	GM00002277	USB RUBBER COVER/ML002G	NÁP ĐẦY USB/ML002G	18.360	8%
20994	GM00002278	LED LAMP TUBE ASSY/ML002G	ÔNG ĐÈN LED/ML002G	897.588	8%
20995	GM00002279	USB SWITCH BUTTON/ML002G	NÚT CHUYỂN USB/ML002G	27.540	8%
20996	GM00002284	RING/ML001G	VÒNG ĐỆM/ML001G	9.350	10%
20997	GM00002285	HOOK PLATE/ML001G	MÓC GÁI GIỮ MÁY/ML001G	18.700	10%
20998	GM00002291	MAIN+USB PCBA ASSY ROS88070301/DML807	BO MẠCH/DML807	1.044.144	8%
20999	GM00002321	FRONT CASE/DML816	VỎ MÁY TRƯỚC/DML816	54.972	8%
21000	GM00002322	LENS/DML816	NÁP CHÓA ĐÈN/DML816	77.868	8%
21001	GM00002323	LED ASSY/DML816	ĐÈN LED/DML816	540.432	8%
21002	GM00002324	REAR CASE/DML816	VỎ MÁY SAU/DML816	87.048	8%
21003	GM00002325	LEFT ROTATOR/DML816	NÁP CHỤP TRÁI/DML816	54.972	8%
21004	GM00002326	LEFT ROTATOR BRACKET/DML816	GÁ ĐỖ XOAY BÊN TRÁI/DML816	41.256	8%
21005	GM00002327	RIGHT ROTATOR BRACKET/DML816	GÁ ĐỖ XOAY BÊN PHẢI/DML816	41.256	8%
21006	GM00002328	RIGHT ROTATOR/DML816	NÁP CHỤP PHẢI/DML816	54.972	8%
21007	GM00002329	HOUSING ASSY/DML816	VỎ MÁY/DML816	407.592	8%
21008	GM00002330	HOOK COVER ASSY/DML816	NÁP CHỤP MÓC GÁI/DML816	77.868	8%
21009	GM00002331	HANGING HOOK ASSY/DML816	MÓC TREO/DML816	146.556	8%
21010	GM00002332	HOOK SUPPORT/DML816	MÓC GÁI/DML816	45.792	8%
21011	GM00002333	SWITCH ASSY/DML816	CÔNG TÁC/DML816	210.708	8%
21012	GM00002334	MAIN PCBA ASSY/DML816	BO MẠCH/DML816	897.588	8%
21013	GM00002335	TERMINAL ASSY/DML816	ĐỂ GÁI PIN/DML816	265.680	8%
21014	GM00002336	HOUSING ASSY/DML816	VỎ MÁY/DML816	375.516	8%
21015	GM00002337	MAIN PCBA ASSY/DML816	BO MẠCH/DML816	764.748	8%
21016	GM00002338	TERMINAL ASSY/DML816	ĐỂ GÁI PIN/DML816	192.348	8%
21017	GM00002339	LOCKING SHAFT/DML816	TRỤC KHÓA/DML816	18.360	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21018	GM00002340	SPRING/DML816	LÒ XO/DML816	9.350	10%
21019	GM00002341	COVER/DML816	NẮP CHỤP/DML816	22.896	8%
21020	GM00002349	LED ASSY/DML816	ĐÈN LED/DML816	540.432	8%
21021	GM00002360	LENS COVER ASSY/ML007G	VIÊN KÍNH CHỤP ĐÈN/ML007G	132.840	8%
21022	GM00002362	LED & HEAT SINK ASS LED/ML007G	CHỤP ĐÈN TẢN NHIỆT/ML007G	1.698.948	8%
21023	GM00002363	LIGHT HEAD CASE ASSY/ML007G	VỎ ĐÈN/ML007G	370.980	8%
21024	GM00002364	LEFT & RIGHT HOUSING ASSY/ML007G	VỎ TAY CẦM/ML007G	512.892	8%
21025	GM00002365	LEFT HOUSING COVER ASSY/ML007G	TẮM NHỰA KẸP TRÁI GIỮ THÂN ĐÈN/ML007G	228.960	8%
21026	GM00002366	SILICONE & HEAT SINK(IC)/ML007G	TẮM NHỰA KẸP TRÁI GIỮ BƠ MẠCH/ML007G	146.556	8%
21027	GM00002367	MAIN PCBA(SMD+ DIP)/ML007G	BƠ MẠCH/ML007G	1.080.756	8%
21028	GM00002368	DIMMER SWITCH RUBBER/ML007G	NÚT NHẤN ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SÁNG/ML007G	36.720	8%
21029	GM00002369	SWITCH SUPPORT/ML007G	NÚT CÔNG TÁC/ML007G	13.824	8%
21030	GM00002370	FUSE PCB SP (ROHS)/ML007G	CẦU CHỈ/ML007G	627.372	8%
21031	GM00002371	RIGHT HOUSING COVER/ML007G	TẮM NHỰA KẸP PHẢI GIỮ THÂN ĐÈN/ML007G	45.792	8%
21032	GM00002372	HANGING HOOKS/ML007G	MỐC TREO/ML007G	293.112	8%
21033	GM00002374	BATTERY HOLDER ASSY/ML007G	ĐÈ GAI PIN/ML007G	256.500	8%
21034	GM00002380	FRONT COVER ASSY/ML005G	VỎ ĐÈN/ML005G	549.504	8%
21035	GM00002381	LENS/ML005G	ỐNG KÍNH ĐÈN/ML005G	100.764	8%
21036	GM00002382	O-RING/ML005G	VÒNG ĐỆM/ML005G	41.256	8%
21037	GM00002383	REFLECTOR ASSY/ML005G	CHỤP CHỎA ĐÈN/ML005G	329.724	8%
21038	GM00002384	O-RING/ML005G	VÒNG ĐỆM/ML005G	59.616	8%
21039	GM00002385	LED ASSY/ML005G	ĐÈN LED/ML005G	1.836.324	8%
21040	GM00002386	MID-BODY COVER/ML005G	MIẾNG CHỤP BẢO VỆ THÂN ĐÈN/ML005G	334.368	8%
21041	GM00002387	HEAT SINK ASSY/ML005G	ỐNG ĐÈN NHIỆT/ML005G	279.396	8%
21042	GM00002388	O-RING/ML005G	VÒNG ĐỆM/ML005G	41.256	8%
21043	GM00002389	POWER CASE/ML005G	HỘP BẢO VỆ NGUỒN/ML005G	142.020	8%
21044	GM00002390	O-RING/ML005G	VÒNG ĐỆM/ML005G	45.792	8%
21045	GM00002392	TERMINAL HOLDING PLATE ASSY/ML005G	HỘP ĐÈ GAI PIN/ML005G	91.584	8%
21046	GM00002393	XGT TERMINAL ASSY/ML005G	ĐÈ GAI PIN 40V/ML005G	352.620	8%
21047	GM00002394	LXT TERMINAL ASSY/ML005G	ĐÈ GAI PIN LXT/ML005G	183.168	8%
21048	GM00002396	FRONT COVER PLATE/ML005G	VỎ ĐÈN/ML005G	18.360	8%
21049	GM00002397	LEAD UNIT ASSY/ML005G	DÂY DẪN ĐIỆN/ML005G	192.348	8%
21050	GM00002401	O-RING/ML005G	VÒNG ĐỆM/ML005G	59.616	8%
21051	GM00002402	SPRING/ML005G	LÒ XO/ML005G	14.080	10%
21052	GM00002403	SHAFT/ML005G	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG/ML005G	36.720	8%
21053	GM00002404	BATTERY COVER ASSY/ML005G	VỎ CHỨA PIN/ML005G	503.712	8%
21054	GM00002405	HANDLE ASSY/ML005G	TAY CẦM BẰNG NHỰA/ML005G	316.008	8%
21055	GM00002406	SWITCH HOLDER/ML005G	KHOÁ CÔNG TÁC/ML005G	27.540	8%
21056	GM00002407	LEAD UNIT/ML005G	DÂY DẪN ĐIỆN/ML005G	64.152	8%
21057	GM00002408	SCREW 5X30PM/ML005G	ỐC VÍT 5X30PM/ML005G	14.080	10%
21058	GM00002409	BASE PLATE/ML005G	ĐÈ BANG NHỰA/ML005G	293.112	8%
21059	GM00002410	HEX. BOLT M8/ML005G	ỐC VÍT M8/ML005G	167.970	10%
21060	GM00002411	TUBE/ML005G	ỐNG NỔI/ML005G	169.452	8%
21061	GM00002413	STAND-LEFT ASSY/ML005G	CHÂN ĐÈ GIỮ ĐÈN/ML005G	407.592	8%
21062	GM00002414	SCREW 3X8PM/ML005G	ỐC VÍT 3X8PM/ML005G	9.350	10%
21063	GM00002415	MAIN PCBA ASSY/ML005G	BƠ MẠCH CHÍNH/ML005G	1.772.172	8%
21064	GM00002416	MID-BODY ASSY/ML005G	MIẾNG CHỤP BẢO VỆ THÂN ĐÈN/ML005G	650.268	8%
21065	GM00002417	STAND-RIGHT ASSY/ML005G	CHÂN ĐÈ GIỮ ĐÈN/ML005G	425.952	8%
21066	GM00002418	FRONT COVER ASSY/ML009G	NẮP MẶT TRƯỚC/ML009G	586.224	8%
21067	GM00002419	LENS ASSY/ML009G	KÍNH ĐÈN LED/ML009G	343.440	8%
21068	GM00002420	O-RING/ML009G	VÒNG ĐỆM CAO SU/ML009G	45.792	8%
21069	GM00002421	REFLECTOR ASSY/ML009G	TẮM CHỎA ĐÈN LED/ML009G	384.696	8%
21070	GM00002422	O-RING/ML009G	VÒNG ĐỆM CAO SU/ML009G	54.972	8%
21071	GM00002423	LED PCBA ASSY/ML009G	MẠCH ĐÈN LED/ML009G	2.930.688	8%
21072	GM00002424	MID-BODY COVER/ML009G	ĐÈ GAI ĐÈN LED/ML009G	403.056	8%
21073	GM00002425	HEAT SINK/ML009G	TẮM GIẢI NHIỆT/ML009G	177.320	10%
21074	GM00002426	O-RING/ML009G	VÒNG ĐỆM CAO SU/ML009G	50.436	8%
21075	GM00002427	POWER CASE/ML009G	HỘP CHỨA NGUỒN/ML009G	155.736	8%
21076	GM00002428	O-RING/ML009G	VÒNG ĐỆM CAO SU/ML009G	73.332	8%
21077	GM00002430	TERMINAL HOLDING PLATE ASSY/ML009G	TẮM ĐỆM GIỮ ĐÈ GAI PIN/ML009G	87.048	8%
21078	GM00002431	BATTERY SUPPORT/ML009G	GÁ ĐỖ ĐÈ GAI PIN/ML009G	100.764	8%
21079	GM00002432	LXT TERMINAL ASSY/ML009G	ĐÈ GAI PIN LXT/ML009G	233.604	8%
21080	GM00002433	LXT TERMINAL ASSY/ML009G	ĐÈ GAI PIN LXT/ML009G	238.140	8%
21081	GM00002434	TERMINAL HOLDING ASSY/ML009G	TẮM ĐỆM GIỮ ĐÈ GAI PIN/ML009G	36.720	8%
21082	GM00002435	XGT TERMINAL ASSY/ML009G	ĐÈ GAI PIN XGT/ML009G	316.008	8%
21083	GM00002436	XGT TERMINAL ASSY/ML009G	ĐÈ GAI PIN XGT/ML009G	325.188	8%
21084	GM00002437	BATTERY SUPPORT/ML009G	GÁ ĐỖ ĐÈ GAI PIN/ML009G	100.764	8%
21085	GM00002438	TERMINAL HOLDING ASSY/ML009G	TẮM ĐỆM GIỮ ĐÈ GAI PIN/ML009G	36.720	8%
21086	GM00002440	O-RING/ML009G	VÒNG ĐỆM CAO SU/ML009G	64.152	8%
21087	GM00002441	SPRING/ML009G	LÒ XO/ML009G	14.080	10%
21088	GM00002442	BATTERY LOCK COVER ASSY/ML009G	NẮP ĐÁY PIN/ML009G	613.656	8%
21089	GM00002443	LATCH ASSY/ML009G	BỘ MỐC KHÓA HỘP CHỨA PIN/ML009G	50.436	8%
21090	GM00002444	HANDLE ASSY/ML009G	TAY CẦM/ML009G	380.160	8%
21091	GM00002445	SWITCH HOLDER/ML009G	GÁ ĐỖ CÔNG TÁC/ML009G	22.896	8%
21092	GM00002446	LEAD UNIT ASSY/ML009G	DÂY NỐI BƠ MẠCH/ML009G	59.616	8%
21093	GM00002447	BASE PLATE/ML009G	MIỀM ĐỆM BÀN ĐÈ/ML009G	377.850	10%
21094	GM00002448	HEX. BOLT M8/ML009G	ỐC VÍT M8/ML009G	172.590	10%
21095	GM00002449	TUBE/ML009G	ỐNG ĐỖ THÂN MÁY/ML009G	205.260	10%
21096	GM00002450	FRONT COVER PLATE/ML009G	MIỀNG ĐỆM MẶT TRƯỚC/ML009G	22.896	8%
21097	GM00002451	LEAD UNIT ASSY/ML009G	DÂY NỐI BƠ MẠCH/ML009G	109.944	8%
21098	GM00002455	MAIN PCBA ASSY/ML009G	BƠ MẠCH/ML009G	3.370.356	8%
21099	GM00002456	MID-BODY ASSY/ML009G	VỎ MÁY/ML009G	943.380	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21100	GM00002458	LENS/ML011G	MIẾNG NHỰA BAO VỆ ĐÈN LED/ML011G	41.256	8%
21101	GM00002459	USB SWITCH BUTTON/ML011G	NÚT NHẤN CÔNG TÁC CÔNG USB/ML011G	18.360	8%
21102	GM00002460	STRAP HOOK /ML011G	VÒNG GAI/ML011G	37.400	10%
21103	GM00002461	USB COVER/ML011G	MIẾNG ĐẦY CÔNG USB/ML011G	18.360	8%
21104	GM00002462	LED PCBA ASSY/ML011G	ĐÈN LED/ML011G	329.724	8%
21105	GM00002463	USB PCBA ASSY/ML011G	BO MẠCH USB/ML011G	192.348	8%
21106	GM00002464	BATTERY HOLDER ASSY/ML011G	ĐỂ GÀI PIN/ML011G	242.784	8%
21107	GM00002465	MAIN PCBA ASSY/ML011G	BO MẠCH/ML011G	1.053.216	8%
21108	GM00002466	BODY ASSY BLUE/ML011G	VỎ ĐÈN/ML011G	233.604	8%
21109	GM00002468	SWITCH SPRING/ML011G	LÒ XO CUỘN/ML011G	9.350	10%
21110	GM00002469	SWITCH SPRING BRACKET/ML011G	MIẾNG NHỰA GIỮ LÒ XO NHẤN CÔNG TÁC/ML011G	18.360	8%
21111	GM00002470	SWITCH ASSY/ML011G	CÔNG TÁC/ML011G	96.228	8%
21112	GM00002471	LED PCBA ASSY/DML817	ĐÈN BẢO LED HOÀN CHÍNH/DML817	352.620	8%
21113	GM00002472	USB PCBA ASSY/DML817	BO MẠCH USB/DML817	196.992	8%
21114	GM00002473	MAIN PCBA ASSY/DML817	BO MẠCH/DML817	815.184	8%
21115	GM00002474	BODY ASSY BLUE/DML817	VỎ ĐÈN/DML817	201.528	8%
21116	GM00002477	LENS/DML817	MIẾNG BAO VỆ ĐÈN LED/DML817	45.792	8%
21117	GM00002478	STRAP HOOK/DML817	VÒNG GAI/DML817	37.400	10%
21118	GM00002479	USB COVER/DML817	MIẾNG ĐẦY CÔNG USB/DML817	18.360	8%
21119	GM00002480	LED PCBA ASSY/DML817	ĐÈN LED/DML817	334.368	8%
21120	GM00002481	MAIN PCBA ASSY/DML817	BO MẠCH/DML817	892.944	8%
21121	GM00002482	BODY ASSY BLUE/DML817	VỎ ĐÈN/DML817	206.064	8%
21122	GM00002484	SWITCH SPRING BRACKET/DML817	MIẾNG GIỮ LÒ XO NHẤN CÔNG TÁC/DML817	27.540	8%
21123	GM00002485	SWITCH ASSY/DML817	CÔNG TÁC/DML817	119.124	8%
21124	GM00002486	SCREW 2.6X12 PB BLACK ZN/DML817	ĐINH VÍT 2.6X12/DML817	9.350	10%
21125	GM00002501	BATTERY HOLDER ASSY/ML012G	ĐỂ GÀI PIN/ML012G	219.888	8%
21126	GM00002502	O RING/ML012G/DML818	VÒNG ĐỆM/ML012G/DML818	27.540	8%
21127	GM00002503	HOUSING ASSY/ML012G	VỎ TAY CÀM/ML012G	453.384	8%
21128	GM00002504	MAIN PCBA ASSY/ML012G	BO MẠCH/ML012G	957.096	8%
21129	GM00002505	MODE SWITCH PCBA ASSY/ML012G/DML818	BO MẠCH CÔNG TÁC/ML012G/DML818	68.688	8%
21130	GM00002507	MODE SWITCH HOLDER/ML012G/DML818	MIẾNG ĐỆM/ML012G/DML818	27.540	8%
21131	GM00002508	MODE SWITCH COVER/ML012G/DML818	NÚT CHỈNH CHẾ ĐỘ/ML012G/DML818	45.792	8%
21132	GM00002510	NEEDLE COVER/ML012G/DML818	MIẾNG NẸP BĂNG NHỰA/ML012G/DML818	18.360	8%
21133	GM00002511	LOCK RING/ML012G/DML818	VÒNG KHÓA/ML012G/DML818	151.200	8%
21134	GM00002512	ON/OFF SWITCH PCBA/ML012G/DML818	CÔNG TÁC NHẤN/ML012G/DML818	59.616	8%
21135	GM00002514	SPRING/ML012G/DML818	LÒ XO/ML012G/DML818	9.350	10%
21136	GM00002515	ON/OFF SWITCH SUPPORT/ML012G/DML818	CHÓT NHẤN CÔNG TÁC/ML012G/DML818	27.540	8%
21137	GM00002516	ON/OFF SWITCH/ML012G/DML818	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/ML012G/DML818	105.408	8%
21138	GM00002517	NEEDLE SUPPORT/ML012G/DML818	VÒNG ĐỆM/ML012G/DML818	27.540	8%
21139	GM00002518	BOTTOM SUPPORT/ML012G/DML818	ĐỂ GÀN ĐÈN/ML012G/DML818	73.332	8%
21140	GM00002519	ALUMINUM COVER A/ML012G/DML818	THANH NHÓM ĐỒ BÔNG ĐÈN/ML012G/DML818	559.680	10%
21141	GM00002520	LED PCBA ASSY-A/ML012G	BO MẠCH ĐÈN LED A/ML012G	691.524	8%
21142	GM00002521	LENS O RING A/ML012G/DML818	MIẾNG ĐỆM KÍNH/ML012G/DML818	32.076	8%
21143	GM00002522	LENS A/ML012G/DML818	MIẾNG NHỰA BAO VỆ ĐÈN LED/ML012G/DML818	119.124	8%
21144	GM00002523	MIDDLE SUPPORT A1/ML012G/DML818	MIẾNG ĐỆM/ML012G/DML818	45.792	8%
21145	GM00002524	MIDDLE SUPPORT A2/ML012G/DML818	KHỚP GÁP LIÊN KẾT/ML012G/DML818	201.528	8%
21146	GM00002525	NEEDLE B/ML012G/DML818	CHÓT ĐỊNH VỊ B/ML012G/DML818	18.700	10%
21147	GM00002526	SPINDLE COVER/ML012G/DML818	NÁP ĐẦY KHỚP GÁP/ML012G/DML818	32.076	8%
21148	GM00002527	SPINDLE L/ML012G/DML818	KHỚP XOAY BÊN TRÁI/ML012G/DML818	64.152	8%
21149	GM00002528	2P HOUSING CONNECTOR/ML012G/DML818	ĐÂY DẪN ĐIỆN/ML012G/DML818	54.972	8%
21150	GM00002529	SPINDLE R/ML012G/DML818	KHỚP XOAY BÊN PHẢI/ML012G/DML818	36.720	8%
21151	GM00002530	FLAT WASHER/ML012G/DML818	VÒNG ĐỆM/ML012G/DML818	9.350	10%
21152	GM00002531	MIDDLE SUPPORT B2/ML012G/DML818	KHỚP GÁP LIÊN KẾT/ML012G/DML818	261.036	8%
21153	GM00002532	MIDDLE SUPPORT B1/ML012G/DML818	MIẾNG ĐỆM BĂNG NHỰA/ML012G/DML818	45.792	8%
21154	GM00002533	ALUMINUM COVER B/ML012G/DML818	THANH NHÓM ĐỒ BÔNG ĐÈN/ML012G/DML818	513.040	10%
21155	GM00002534	LENS CUSHION B/ML012G/DML818	MIẾNG ĐỆM ỐNG KÍNH/ML012G/DML818	27.540	8%
21156	GM00002535	TOP SUPPORT A/ML012G/DML818	GIÁ ĐỒ MÓC TREO A/ML012G/DML818	64.152	8%
21157	GM00002536	LED PCBA ASSY-B/ML012G	BO MẠCH ĐÈN LED B/ML012G	453.384	8%
21158	GM00002537	LENS O RING B/ML012G/DML818	MIẾNG ĐỆM KÍNH/ML012G/DML818	32.076	8%
21159	GM00002538	LENS B/ML012G/DML818	MIẾNG NHỰA BAO VỆ ĐÈN LED/ML012G/DML818	100.764	8%
21160	GM00002539	HOOK SUPPORT/ML012G/DML818	MIẾNG NHỰA ĐỒ MÓC TREO/ML012G/DML818	45.792	8%
21161	GM00002540	HOOK SPRING COVER/ML012G/DML818	MIẾNG NHỰA ĐỆM MÓC TREO/ML012G/DML818	27.540	8%
21162	GM00002541	TOP HOOK SPRING/ML012G/DML818	LÒ XO CHỮ U/ML012G/DML818	14.080	10%
21163	GM00002542	TOP SUPPORT B/ML012G/DML818	GIÁ ĐỒ MÓC TREO B/ML012G/DML818	68.688	8%
21164	GM00002543	TOP HOOK/ML012G/DML818	MÓC TREO/ML012G/DML818	96.228	8%
21165	GM00002546	SCREW 3X12 PM/ML012G/DML818	ỐC VÍT 3X12 PM/ML012G/DML818	4.730	10%
21166	GM00002547	SCREW 4X26 PM/ML012G/DML818	ỐC VÍT 4X26 PM/ML012G/DML818	9.350	10%
21167	GM00002548	BATTERY HOLDER ASSY/DML818	ĐỂ GÀI PIN/DML818	160.272	8%
21168	GM00002549	HOUSING ASSY/DML818	VỎ TAY CÀM/DML818	375.516	8%
21169	GM00002550	MAIN PCBA ASSY/DML818	BO MẠCH/DML818	824.256	8%
21170	GM00002551	LED PCBA ASSY-A/DML818	BO MẠCH ĐÈN LED A/DML818	691.524	8%
21171	GM00002552	LED PCBA ASSY-B/DML818	BO MẠCH ĐÈN LED B/DML818	453.384	8%
21172	GM00002553	HOLDER HOOK ASSY/ML012G/DML818	MÓC TREO/ML012G/DML818	737.316	8%
21173	GM00002554	PIN D/ML012G/DML818	CHÓT ĐỊNH VỊ/ML012G/DML818	14.080	10%
21174	GM00002555	SPRING CLIP B/ML012G/DML818	MIẾNG NHỰA GIỮ MÓC TREO B/ML012G/DML818	82.512	8%
21175	GM00002556	SPRING CLIP A/ML012G/DML818	MIẾNG NHỰA GIỮ MÓC TREO A/ML012G/DML818	45.792	8%
21176	GM00002557	HOLDER CUSHION/ML012G/DML818	MIẾNG ĐỆM/ML012G/DML818	22.896	8%
21177	GM00002558	ALUMINUM INNER COVER/ML012G/DML818	THANH NHÓM BÊN TRONG/ML012G/DML818	345.180	10%
21178	GM00002559	ALUMINUM INNER COVER PLUG/ML012G/DML818	MIẾNG NHỰA CHẶN BÊN TRONG THANH NHÓM/ML012G/D	45.792	8%
21179	GM00002560	ALUMINUM OUTER COVER PLUG/ML012G/DML818	MIẾNG NHỰA CHẶN BÊN NGOÀI THANH NHÓM/ML012G/D	41.256	8%
21180	GM00002561	TENSION SPRING/ML012G/DML818	LÒ XO/ML012G/DML818	209.880	10%
21181	GM00002562	CLAMP ASSY/ML012G/DML818	VÒNG NHỰA KẸP ĐÈN/ML012G/DML818	279.396	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21182	GM00002563	ALUMINUM OUTER COVER/ML012G/DML818	THANH NHÔM ĐÓ BÓNG ĐÈN/ML012G/DML818	979.440	10%
21183	GM00002564	SILICON TUBE/ML012G/DML818	ÔNG NÉP/ML012G/DML818	50.436	8%
21184	GM00002565	SCREW 3X15PM/ML012G/DML818	ỐC VÍT 3X15PM/ML012G/DML818	9.350	10%
21185	GM00002566	SCREW 3X6PB/ML012G/DML818	ỐC VÍT 3X6PB/ML012G/DML818	4.730	10%
21186	GM00002569	SPRING/ML012G/DML818	LÒ XO/ML012G/DML818	9.350	10%
21187	GM00002570	NEEDLE C/ML012G/DML818	CHÓT ĐỊNH VÍ/ML012G/DML818	18.700	10%
21188	GQ00000001	VALVE CAP M8/DCU601	NÁP VAN BƠM HƠI M8/DCU601	18.360	8%
21189	HA00000079	SPRING WASHER 5/VR001C	VÒNG ĐỆM 5/VR001C	14.080	10%
21190	HA00000310	VIBRATOR CAP/VR001C	VỎ MÁY/VR001C	3.136.752	8%
21191	HA00000311	ECCENTRIC WEIGHT/VR001C	TRỤC LỆCH TÂM TRUYỀN ĐỘNG/VR001C	4.693.680	8%
21192	HA00000312	BEARING 6202JR2LLHC3/VR001C	BẠC ĐẠN 6202JR2LLHC3/VR001C	517.536	8%
21193	HA00000313	WASHER M15.5X22/VR001C	VÒNG ĐỆM M15.5X22/VR001C	32.670	10%
21194	HA00000314	H.S.H. BUTTON BOLT M6X20/VR001C	ỐC VÍT M6X20/VR001C	18.700	10%
21195	HA00000315	ROTOR/VR001C	RỎ TÔ/VR001C	22.607.532	8%
21196	HA00000316	MOTOR ASSEMBLY/VR001C	CỤM MOTOR/VR001C	33.725.808	8%
21197	HA00000317	HOSE JOINT/VR001C	KHỚP NỐI BĂNG THÉP/VR001C	3.502.730	10%
21198	HA00000318	TUBE R6.5X3.5-300/VR001C	ÔNG ĐEO R6.5X3.5-300/VR001C	196.992	8%
21199	HA00000319	RUBBER RING M13X17/VR001C	VÒNG ĐỆM M13X17/VR001C	174.096	8%
21200	HA00000320	HOSE ADAPTER/VR001C	KHỚP NỐI BĂNG THÉP/VR001C	708.950	10%
21201	HA00000321	HEAT-SHRINK TUBING R1/8X30	ÔNG CHỊU NHIỆT R1/8X30	22.896	8%
21202	HA00000322	INTERNAL CABLE GUIDE/VR001C	ÔNG DẪN DÂY CÁP/VR001C	370.980	8%
21203	HA00000323	HEAT-SHRINK TUBING 15X220/VR001C	ÔNG CHỊU NHIỆT 15X220/VR001C	142.020	8%
21204	HA00000324	INTERNAL CABLE ASSEMBLY(1.5M)/VR001C	ÔNG DẪN DÂY CÁP(1.5M)/VR001C	3.439.044	8%
21205	HA00000326	HOSE M20X33X1.5M/VR001C	ÔNG ĐEO M20X33X1.5M/VR001C	4.089.312	8%
21206	HA00000327	HOSE CLAMP M38 W10/VR001C	VÒNG NÉP GIỮ ống NỐI M38 W10/VR001C	163.240	10%
21207	HA00000328	INVERTER CASE/VR001C	HỘP CHỮA BƠ MẠCH/VR001C	2.912.436	8%
21208	HA00000329	LED LENS COVER/VR001C	MIẾNG NHỰA CHỤP ĐÈN LED/VR001C	567.864	8%
21209	HA00000330	CIRCUIT BOARD LED/VR001C	BƠ MẠCH LED/VR001C	911.304	8%
21210	HA00000331	PAN HEAD SCREW M3X6/VR001C	ỐC VÍT M3X6/VR001C	18.700	10%
21211	HA00000332	SWITCH/VR001C	CÔNG TẮC/VR001C	435.024	8%
21212	HA00000333	SWITCH COVER/VR001C	MIẾNG BẢO VỆ CÔNG TẮC/VR001C	306.828	8%
21213	HA00000334	SWITCH PLATE/VR001C	MIẾNG ĐỆM CÔNG TẮC/VR001C	164.916	8%
21214	HA00000335	PAN HEAD SCREW M3X12/VR001C	ỐC VÍT M3X12/VR001C	14.080	10%
21215	HA00000336	CIRCUIT BOARD ASSEMBLY/VR001C	BƠ MẠCH/VR001C	23.033.376	8%
21216	HA00000337	FUSE/VR001C	CẦU CHÌ/VR001C	659.448	8%
21217	HA00000338	HEX BOLT M5X12/VR001C	ỐC VÍT M5X12/VR001C	14.080	10%
21218	HA00000339	LOCK NUT M5/VR001C	ĐAI ỐC M5/VR001C	9.350	10%
21219	HA00000340	RING TERMINAL/VR001C	LÒ XO/VR001C	32.670	10%
21220	HA00000341	INSULATION SHEET B/VR001C	MIẾNG ĐỆM CÁCH ĐIỆN B/VR001C	196.992	8%
21221	HA00000342	CABLE STOPPER/VR001C	NÚT CHẶN BĂNG NHỰA/VR001C	36.720	8%
21222	HA00000343	HARNESS BOARD/VR001C	DÂY KHỐI ĐỘNG/VR001C	1.469.988	8%
21223	HA00000344	CABLE ASSY/VR001C	DÂY CÁP ĐIỆN/VR001C	6.163.668	8%
21224	HA00000345	CLOSED END CONNECTOR CE-1/VR001C	ỐP NHỰA CHỤP ĐẦU NỐI DÂY ĐIỆN CE-1/VR001C	41.256	8%
21225	HA00000346	CORD CLAMP/VR001C	MIẾNG NÉP DÂY ĐIỆN/VR001C	68.688	8%
21226	HA00000347	PAN HEAD SCREW M4X10/VR001C	ỐC VÍT M4X10/VR001C	14.080	10%
21227	HA00000348	CLOSED END CONNECTOR CE-8/VR001C	ỐP NHỰA CHỤP ĐẦU NỐI DÂY ĐIỆN CE-8/VR001C	27.540	8%
21228	HA00000349	CABLE TIES/VR001C	NÉP DÂY ĐIỆN/VR001C	13.824	8%
21229	HA00000350	INSULATION SHEET/VR001C	MIẾNG ĐỆM CÁCH ĐIỆN/VR001C	64.152	8%
21230	HA00000351	RUBBER RING M15X22X16/VR001C	VÒNG ĐỆM M15X22X16/VR001C	87.048	8%
21231	HA00000352	COMPRESSION NUT M15.5/VR001C	ĐAI ỐC M15.5/VR001C	172.590	10%
21232	HA00000353	CORD GUARD/VR001C	CHUỐI BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/VR001C	838.080	8%
21233	HA00000354	INVERTER COVER/VR001C	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BƠ MẠCH/VR001C	1.479.168	8%
21234	HA00000355	RUBBER SEAL/VR001C	MIẾNG ĐỆM/VR001C	403.056	8%
21235	HA00000356	HEX BOLT M5X20/VR001C	ỐC VÍT M5X20/VR001C	14.080	10%
21236	HA00000357	CLAMPING RING/VR001C	VÒNG ĐỆM BĂNG NHỰA/VR001C	164.916	8%
21237	HA00000361	INTERNAL CABLE ASSEMBLY(3M)/VR001C	ÔNG DẪN DÂY CÁP(3M)/VR001C	4.098.384	8%
21238	HA00000362	HOSE M20X33X3M/VR001C	ÔNG ĐEO M20X33X3M/VR001C	8.178.516	8%
21239	HA00000364	VIBRATOR CAP/VR001C	VỎ MÁY/VR001C	3.155.112	8%
21240	HA00000365	ECCENTRIC WEIGHT/VR001C	TRỤC LỆCH TÂM TRUYỀN ĐỘNG/VR001C	6.974.208	8%
21241	HA00000366	BEARING 6302JR2LLHC3/VR001C	BẠC ĐẠN 6302JR2LLHC3/VR001C	609.120	8%
21242	HA00000367	H.S.H. BUTTON BOLT M6X25/VR001C	ỐC VÍT M6X25/VR001C	18.700	10%
21243	HA00000368	ROTOR/VR001C	RỎ TÔ/VR001C	25.959.528	8%
21244	HA00000369	MOTOR ASSEMBLY/VR001C	CỤM MOTOR/VR001C	37.943.316	8%
21245	HA00000370	HOSE JOINT/VR001C	KHỚP NỐI BĂNG THÉP/VR001C	3.950.430	10%
21246	HY00000001	HEX SOCKET HEAD BOLT M4X10/AF353	ỐC VÍT M4X10/AF353	4.400	10%
21247	HY00000010	O-RING 12/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	8.640	8%
21248	HY00000037	O-RING 3/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	4.320	8%
21249	HY00000046	PIN 2-10/AF353	CHÓT/AF353	8.800	10%
21250	HY00000054	SPRING PIN 2.5-18/AF353	CHÓT LÒ XO/AF353	8.800	10%
21251	HY00000062	HOOK/AF353	MÓC TREO/AF353	27.540	8%
21252	HY00000064	STOP RING (EXT) E-2.5/AF353	VÒNG GÀI CHỮ C/AF353	4.730	10%
21253	HY00000070	WASHER/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	4.400	10%
21254	HY00000071	HEX SOCKET HEAD BOLT M4X6/AF353	BU LÔNG/AF353	4.730	10%
21255	HY00000073	HEX LOCK NUT M5/AF353	ỐC VÍT/AF353	4.400	10%
21256	HY00000075	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X30/AF353	ỐC VÍT M5X30/AF353	4.730	10%
21257	HY00000082	ONE TOUCH JOINT/AF353	ĐẦU GÀI HƠI/AF353	30.240	8%
21258	HY00000161	SPRING WASHER 4/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	4.400	10%
21259	HY00000397	ORING5/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	4.320	8%
21260	HY00000398	ORING6.5/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	8.640	8%
21261	HY00000399	ORING8.5/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	8.640	8%
21262	HY00000406	ORING19/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	8.640	8%
21263	HY00000411	ORING2/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	4.320	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21264	HY00000413	ORING15.5/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	9.180	8%
21265	HY00000414	ORING10.5/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	8.640	8%
21266	HY00000415	ORING8.5/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	8.640	8%
21267	HY00000416	ORING23.5/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	9.180	8%
21268	HY00000417	ORING25/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	9.180	8%
21269	HY00000418	ORING32.5/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	9.180	8%
21270	HY00000419	ORING/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	8.640	8%
21271	HY00000420	ORING/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	8.640	8%
21272	HY00000431	INLET CAP COVER/AF353	NÁP DƯỚI MÁY/AF353	43.200	8%
21273	HY00000434	TRIGGER/AF353	CÔNG TẮC/AF353	18.360	8%
21274	HY00000435	LOCK LEVER/AF353	CHÓT KHÓA/AF353	18.700	10%
21275	HY00000438	LINK/AF353	CÀN GẠT/AF353	74.690	10%
21276	HY00000445	COMPRESSIONSPRING3/AF353	LÒ XO 3/AF353	9.350	10%
21277	HY00000478	SLIDE DOOR/AF353	THANH TRƯỢT/AF353	328.320	8%
21278	HY00000483	MAGAZINE/AF353	HỘP CHỨA ĐINH/AF353	457.600	10%
21279	HY00000484	FRONT SEAL/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	18.700	10%
21280	HY00000485	LOWER RAIL/AF353	THANH RAY DƯỚI/AF353	64.800	8%
21281	HY00000489	PUSHER/AF353	THANH ĐÁY/AF353	51.370	10%
21282	HY00000492	PIN5/AF353	CHÓT 5/AF353	13.200	10%
21283	HY00000501	SLIDE DOOR CAP/AF353	NÁP ĐÁY THANH TRƯỢT/AF353	59.616	8%
21284	HY00000504	LEVER/AF353	CÀN GẠT/AF353	27.540	8%
21285	HY00000513	VALVE STEM/AF353	VÁN/AF353	21.600	8%
21286	HY00000516	TRIGGER VALVE STEM/AF353	VÁN HƠI CÔNG TẮC/AF353	21.600	8%
21287	HY00000530	HEX SOCKET THE AD BOLT M4 X20/AF353	BU LÔNG/AF353	4.400	10%
21288	HY00000532	FLAT WASHER 4/AF353	LONG ĐÈN/AF353	13.200	10%
21289	HY00000534	DRIVER GUIDE COVER/AF353	THANH ĐÁY ĐINH/AF353	251.856	8%
21290	HY00000542	JOINT/AF353	ĐÈ GAI BẢNG SẮT/AF353	88.000	10%
21291	HY00000544	TOP CAP/AF353	NÁP CHỤP TRÊN/AF353	220.320	8%
21292	HY00000547	FRONT CUSHION/AF353	MIẾNG ĐỆM TRƯỚC/AF353	54.972	8%
21293	HY00000548	COMPRESSIONSPRING4/AF353	LÒ XO/AF353	4.400	10%
21294	HY00000549	DRIVER COMPLETE/AF353	PISTON/AF353	160.272	8%
21295	HY00000555	CYLINDER SEPARATER/AF353	XILANH/AF353	41.256	8%
21296	HY00000556	GRIP/AF353	BỌC TAY CẦM/AF353	48.400	10%
21297	HY00000561	NOSE ADAPTER/AF353	NÁP CHỤP/AF353	12.960	8%
21298	HY00000568	PIPE COMPLETE/AF353	ỐNG DẪN/AF353	70.400	10%
21299	HY00000571	STOPPER/AF353	CHÓT HÂM/AF353	178.632	8%
21300	HY00000572	PIPE/AF353	ỐNG DẪN/AF353	52.800	10%
21301	HY00000573	DUSTER BUTTON/AF353	VÁN XÀ BỤI/AF353	21.600	8%
21302	HY00000574	CASE/AF353	HỘP CHỨA ĐINH/AF353	17.600	10%
21303	HY00000576	DOUBLE SIDED TAPE/AF353	MIẾNG ĐỆM/AF353	8.800	10%
21304	HY00000578	TOP CAP GASKET/AF353	VÒNG ĐỆM/AF353	18.360	8%
21305	HY00000579	SEAL RING/AF353	VÒNG ĐỆM CAO SU/AF353	12.960	8%
21306	HY00000581	CUSHION V/AF353	MIẾNG ĐỆM/AF353	13.824	8%
21307	HY00000591	COMPRESSIONSPRING5/AF353	LÒ XO/AF353	4.400	10%
21308	HY00000593	HEAD VALVE/AF353	ĐẦU VÁN/AF353	87.048	8%
21309	HY00000594	HEAD VALVE GUIDE/AF353	VÒNG ĐỆM NHỰA/AF353	51.840	8%
21310	HY00000595	PIN3/AF353	CHÓT/AF353	8.800	10%
21311	HY00000597	TRIGGER VALVE CASE/AF353	VÁN HƠI CÔNG TẮC/AF353	103.680	8%
21312	HY00000598	TRIGGER VALVE GUIDE/AF353	VÁN XÀ HƠI CÔNG TẮC/AF353	60.480	8%
21313	HY00000599	VALVE GUIDE/AF353	VÁN ĐIỀU CHỈNH/AF353	56.160	8%
21314	HY00000600	CYLINDER/AF353	XILANH/AF353	201.528	8%
21315	HY00000604	DRIVER GUIDE/AF353	THANH ĐÁY/AF353	526.608	8%
21316	HY00000612	COMPRESSION SPRING 6/AF353	LÒ XO 6/AF353	9.350	10%
21317	HY00000613	COMPRESSIONSPRING3/AF353	LÒ XO 3/AF353	9.350	10%
21318	HY00000614	COMPRESSIONSPRING4/AF353	LÒ XO 4/AF353	13.200	10%
21319	HY00000615	COMPRESSIONSPRING4/AF353	LÒ XO 4/AF353	13.200	10%
21320	HY00000617	TORSIONSPRING3/AF353	LÒ XO 3/AF353	9.350	10%
21321	HY00000619	LEAF SPRING/AF353	LÒ XO LÁ /AF353	26.400	10%
21322	HY00000620	SPACER/AF353	THANH KEP/AF353	22.000	10%
21323	HY00000622	NAIL GUIDE HOLDER/AF353	THANH TRƯỢT/AF353	21.600	8%
21324	HY00000623	NAIL STOPPER/AF353	THANH ĐÁY/AF353	25.920	8%
21325	HY00000626	COMPRESSIONSPRING5/AF353	LÒ XO/AF353	8.800	10%
21326	HY00000638	PIN3/AF353	CHÓT 3/AF353	9.350	10%
21327	HY00000646	HEX.NUT M4/AF353	ỐC VÍT M4/AF353	4.400	10%
21328	HY00000647	HEX.SOCKET THE AD BOLT M4 X12/AF353	BU LÔNG/AF353	4.400	10%
21329	HY00000680	SPRING PIN 2.5-10/AF353	CHÓT CHẶN LÒ XO/AF353	4.400	10%
21330	HY00000681	HEX.SOCKET THE AD BOLT M4 X14/AF353	BU LÔNG/AF353	4.400	10%
21331	HY00000682	SPRING PIN 3-25/AF353	CHÓT CHẶN LÒ XO/AF353	8.800	10%
21332	HY00000683	HEX.SOCKET THE AD BOLT M3 X10/AF353	ỐC VÍT M3 X10/AF353	4.400	10%
21333	HY00000684	SPRING PIN 2.5-8/AF353	CHÓT 2.5-8/AF353	4.400	10%
21334	HY00000685	SPRING PIN 3-18/AF353	CHÓT 3-18/AF353	8.800	10%
21335	HY00000705	COMPRESSION SPRING 10/AF353	LÒ XO/AF353	8.800	10%
21336	HY00000762	HOUSING COMPLETE/AF353	VỎ MÁY/AF353	116.640	8%
21337	HY00000764	AIR DUSTER COMPLETE/AF353	BỘ LỌC GIÓ/AF353	319.680	8%
21338	HY00000765	INLET CAP/AF353	NÁP DƯỚI MÁY/AF353	211.680	8%
21339	HY00000766	MAGAZINE COMPLETE/AF353	HỘP ĐỪNG ĐINH/AF353	1.227.312	8%
21340	HY00001139	ELBOW 6-R1/4/AC001G	ÔNG KHUYU 6-R1/4/AC001G	64.152	8%
21341	HY00001141	TANK LABEL/AC001G	NHÃN DÁN/AC001G	4.644	8%
21342	HY00001143	TOOL LABEL/AC001G	NHÃN DÁN/AC001G	4.644	8%
21343	HY00001144	COVER F/AC001G	VỎ MÁY/AC001G	247.320	8%
21344	HY00001145	SWITCH/AC001G	CÔNG TẮC/AC001G	228.960	8%
21345	HY00001146	XGT LOGO LABEL/AC001G	NHÃN DÁN/AC001G	4.644	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21346	HY00001147	PIPE 6 SET (OUT)/AC001G	ỐNG DẪN KHÍ 6 (ĐẦU RA)/AC001G	172.590	10%
21347	HY00001149	REGULATOR R1/4 NPT1/4 COMPLETE/AC001G	BỘ ĐIỀU CHỈNH HƠI R1/4 NPT1/4/AC001G	444.204	8%
21348	HY00001152	LEAD UNIT YELLOW/AC001G	DÂY DẪN ĐIỆN MÀU VÀNG/AC001G	54.972	8%
21349	HY00001153	LEAD UNIT BLACK & WHITE/AC001G	DÂY DẪN ĐIỆN MÀU TRẮNG & ĐEN/AC001G	54.972	8%
21350	HY00001154	PRESSURE SWITCH/AC001G	CÔNG TÁC ÁP SUẤT/AC001G	302.292	8%
21351	HY00001156	INDICATION LABEL(QUIET)/AC001G	NHÃN DẪN/AC001G	9.180	8%
21352	HY00001157	COVER L/AC001G	VỎ BẢO VỆ ĐỘNG CƠ/AC001G	224.424	8%
21353	HY00001159	TANK ASSEMBLY/AC001G	THẠNH MÁY/AC001G	1.891.296	8%
21354	HY00001160	MAKITA LOGO LABEL/AC001G	NHÃN DẪN MAKITA/AC001G	13.824	8%
21355	HY00001161	CAP 19/AC001G	NÚT ĐÁY 19/AC001G	13.824	8%
21356	HY00001162	RUBBER FOOT/AC001G	CHÂN ĐỂ CAO SU/AC001G	68.688	8%
21357	HY00001163	AIR FILTER ASSEMBLY/AC001G	BỘ LỌC KHÍ/AC001G	82.512	8%
21358	HY00001165	MUFFLER TUBE 8/AC001G	ỐNG DẪN KHÍ 8/AC001G	13.824	8%
21359	HY00001167	CYLINDER HEAD ASSEMBLY/AC001G	NÁP XI LANH/AC001G	111.980	10%
21360	HY00001168	HARF UNION 6-R1/8/AC001G	ỐC NỐI 6-R1/8/AC001G	84.040	10%
21361	HY00001169	PIPE 6 SET (IN)/AC001G	ỐNG DẪN KHÍ 6 (ĐẦU VÀO)/AC001G	154.000	10%
21362	HY00001170	CHECK VALVE ASSY/AC001G	VAN KIỂM TRA ÁP SUẤT/AC001G	183.168	8%
21363	HY00001171	O-RING 37/AC001G	VÒNG ĐỆM 37/AC001G	54.972	8%
21364	HY00001172	CYLINDER 36/AC001G	XILANH 36/AC001G	238.140	8%
21365	HY00001173	CYLINDER SIM/AC001G	RON ĐỆM ĐỂ XILANH/AC001G	13.824	8%
21366	HY00001174	PISTON ASSEMBLY/AC001G	TAY BIÊN/AC001G	370.980	8%
21367	HY00001175	FAN 60/AC001G	CÁNH QUẠT 60/AC001G	32.076	8%
21368	HY00001176	POLY LIBBED BELT 5-265/AC001G	DÂY CỤ ROA 5-265/AC001G	389.232	8%
21369	HY00001177	MOTOR ASSEMBLY/AC001G	CUM MOTOR/AC001G	13.302.576	8%
21370	HY00001178	SLEEVE 5/AC001G	CHỐT ĐỊNH VỊ 5/AC001G	14.080	10%
21371	HY00001179	CUSHION/AC001G	VÒNG ĐỆM GIẢM CHẤN/AC001G	4.644	8%
21372	HY00001180	TERMINAL CASE L/AC001G	NÁP BẢO VỆ ĐỂ GAI PIN L/AC001G	36.720	8%
21373	HY00001181	TERMINAL UNIT/AC001G	ĐỂ GAI PIN/AC001G	627.372	8%
21374	HY00001182	RUBBER PIN 6/AC001G	CHỐT GAI CAO SU 6/AC001G	4.644	8%
21375	HY00001183	TERMINAL CASE R/AC001G	NÁP BẢO VỆ ĐỂ GAI PIN R/AC001G	36.720	8%
21376	HY00001184	LEAD UNIT BROWN/AC001G	DÂY DẪN ĐIỆN MÀU NÀU/AC001G	45.792	8%
21377	HY00001185	COVER R/AC001G	VỎ BẢO VỆ ĐỘNG CƠ R/AC001G	361.800	8%
21378	HY00001188	CAUTION LABEL/AC001G	NHÃN DẪN/AC001G	32.076	8%
21379	HY00001189	BOND/AC001G	DÂY DẪN ĐIỆN/AC001G	18.360	8%
21380	HY00001190	TUBE/AC001G	ỐNG BẢO VỆ DÂY ĐIỆN/AC001G	9.180	8%
21381	HY00001191	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X20/AC001G	ỐC VÍT M5X20/AC001G	4.730	10%
21382	HY00001192	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X60/AC001G	ỐC VÍT M5X60/AC001G	9.350	10%
21383	HY00001193	BIND HEAD SCREW M4X12/AC001G	ỐC VÍT M4X12/AC001G	4.730	10%
21384	HY00001194	BIND HEAD SCREW M5X12/AC001G	ỐC VÍT M5X12/AC001G	4.730	10%
21385	HY00001195	BIND HEAD SCREW M5X8/AC001G	ỐC VÍT M5X8/AC001G	4.730	10%
21386	HY00001196	TAPPING SCREW ST3X13/AC001G	ỐC VÍT ST3X13/AC001G	4.730	10%
21387	HY00001197	TAPPING SCREW ST4.2X16/AC001G	ỐC VÍT ST4.2X16/AC001G	14.080	10%
21388	HY00001198	SPRING WASHER 5/AC001G	VÒNG ĐỆM 5/AC001G	4.730	10%
21389	HY00001199	FLAT WASHER 5L/AC001G	VÒNG ĐỆM 5L/AC001G	4.730	10%
21390	HY00001200	FLAT WASHER 5/AC001G	VÒNG ĐỆM 5/AC001G	4.730	10%
21391	HY00001201	FLAT WASHER 4/AC001G	VÒNG ĐỆM 5L/AC001G	4.730	10%
21392	I56818	SWITCH TG853TB-1C/MT871	CÔNG TÁC/MT871	329.724	8%
21393	JL03007280	STARTER KNOB/EM3400U	TAY CÀM KHỞI ĐỘNG/EM3400U	25.920	8%
21394	JL03007281	STARTER CASE COMPLETE/EM3400U	NÁP CHỤP KHỞI ĐỘNG/EM3400U	95.040	8%
21395	JL03007282	SPIRAL SPRING/EM3400U	LÒ XO/EM3400U	44.000	10%
21396	JL03007283	REEL/EM3400U	RULO QUẤN DÂY/EM3400U	30.240	8%
21397	JL03007284	STARTER ROPE/EM3400U	DÂY GIẶT/EM3400U	4.320	8%
21398	JL03007287	PLATE/EM3400U	MIỀNG ĐỆM TAY GIỰT/EM3400U	26.400	10%
21399	JL03007288	SET SCREW/EM3400U	ỐC VÍT/EM3400U	2.200	10%
21400	JL12650113	NUT/EM3400U	TẮN VUÔNG/EM3400U	2.200	10%
21401	JM00000001	FIX BRACKET B/LB1200F	THÀNH CHẮN B/LB1200F	69.960	10%
21402	JM00000021	HANDLE COVER BLUE/M2300B	NÁP TAY CÀM /M2300B	87.048	8%
21403	JM00000024	MOTOR HOUSING COMP GREEN/M2300B	VỎ MÁY/M2300B	462.564	8%
21404	JM00000028	HANDLE COVER/MT230	TAY CÀM/MT230	87.048	8%
21405	JM00000065	BLADE CASE COMPLETE/M2300B	BẢO VỆ LƯỖI/M2300B	723.600	8%
21406	JM00000066	BASE COMP/M2300B	ĐỂ XOAY/M2300B	1.651.100	10%
21407	JM00000067	SWITCH/M2300B	CÔNG TÁC/M2300B	183.168	8%
21408	JM00000074	KNOB FOR EXT.WING/LS1018L	NÚT ĐIỀU CHỈNH/LS1018L	18.700	10%
21409	JM00000077	RIGHT SUB FENCE COMPLETE/LS1018L	THÀNH DẪN HƯỚNG/LS1018L	246.240	8%
21410	JM00000206	FLAT HEAD SCREW M4X8/M2300B	ỐC VÍT M4X8/M2300B	9.350	10%
21411	JM00000207	HEX SOCKET HEAD BOLT M8X30/M2300B	BULÔNG M8X30/M2300B	18.700	10%
21412	JM00000212	PAN HEAD SCREW M4X30/MT230	ỐC VÍT/MT230	14.080	10%
21413	JM00000213	SELF TAPING SCREWS5.2X12/MT230	ỐC VÍT 5.2X12/MT230	9.350	10%
21414	JM00000214	SELF TAPPING SCREW/MT230	ỐC VÍT/MT230	14.080	10%
21415	JM00000219	BRACKET SET/WST06	KHUNG ĐỖ/WST06	2.491.128	8%
21416	JM00000262	REAR EXTENSION TABLE ASSEMBLY/MLT100	BÀN TRƯỢT/MLT100	380.160	8%
21417	JM00000263	RIGHT EXTENSION TABLE/MLT100	BÀN TRƯỢT/MLT100	247.320	8%
21418	JM00000270	WORKING TABLE COMPLETE/LB1200F	BẢNG XOAY ĐỘ/LB1200F	778.910	10%
21419	JM00000272	SWITCH LEVER/M2300B	THÀNH GẠT CÔNG TÁC/M2300B	36.720	8%
21420	JM00000390	MOTOR/LB1200F	ĐỘNG CƠ/LB1200F	6.076.620	8%
21421	JM00000415	SUPPORT ARM COMPLETE/LS1018L	GIA ĐỖ THANH TRƯỢT/LS1018L	1.680.588	8%
21422	JM00000417	BRACKET/MLT100	GIA ĐỖ DAO CẮT/MLT100	55.990	10%
21423	JM00000418	FIX PLATE/MLT100	TẮM ĐỆM/MLT100	28.050	10%
21424	JM00000432	VERTICAL VISE SET/LS0816F	BỘ ĐỂ KEP/LS0816F	164.916	8%
21425	JM00000433	LEFT EXTENSION TABLE/L/S0816F	MIỀNG NHỰA MỞ RỘNG BÊN TRÁI/LS0816F	155.736	8%
21426	JM00000434	EXTENSION PIPE 10X210/LS0816F	THÀNH THÉP MỞ RỘNG 10X210/LS0816F	46.640	10%
21427	JM00000435	PAN HEAD SCREW M4X8/LS0816F	ỐC VÍT M4X8/LS0816F	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21428	JM00000436	RUBBER FOOT/LS0816F	CHÂN CAO SU/LS0816F	18.360	8%
21429	JM00000437	WAVE WASHER 10/LS0816F	VÒNG ĐỆM 10/LS0816F	4.730	10%
21430	JM00000438	BASE COMP/LS0816F	BÀN ĐỀ/LS0816F	957.096	8%
21431	JM00000441	HEX. LOCK NUT M6/LS0816F	ĐAI ỐC M6/LS0816F	4.730	10%
21432	JM00000442	RIGHT EXTENSION TABLE/LS0816F	MIẾNG NHỰA MỞ RỘNG BÊN PHẢI/LS0816F	155.736	8%
21433	JM00000443	SET PLATE/LS0816F	TẤM ĐỆM/LS0816F	18.700	10%
21434	JM00000444	KNOB BOLT M6X46/LS0816F	ỐC VÍT M6X46/LS0816F	23.320	10%
21435	JM00000446	WRENCH HOLDER SLEEVE/LS0816F	VÒNG ĐỆM/LS0816F	9.180	8%
21436	JM00000447	RIP FENCE/LS0816F	THANH CỬ/LS0816F	462.564	8%
21437	JM00000448	SUB FENCE/LS0816F	THANH CHÂN PHỤ/LS0816F	195.910	10%
21438	JM00000449	KNOB BOLT M6X18/LS0816F	ỐC VÍT M6X18/LS0816F	23.320	10%
21439	JM00000450	HEX SOCKET HEAD BOLT M8X20/LS0816F	ỐC VÍT M8X20/LS0816F	9.350	10%
21440	JM00000451	HEX SOCKET HEAD BOLT M8X35/LS0816F	ỐC VÍT M8X35/LS0816F	14.080	10%
21441	JM00000453	SLIDING FOOT/LS0816F	CHÓT ĐỆM/LS0816F	4.644	8%
21442	JM00000454	BACK SUPPORT/LS0816F	BỀ ĐỖ TAY CÀM/LS0816F	32.670	10%
21443	JM00000455	LOCK PLATE/LS0816F	MIẾNG ĐỆM KHÓA GÓC/LS0816F	4.730	10%
21444	JM00000456	PAN HEAD SCREW M4X16/LS0816F	ỐC VÍT M4X16/LS0816F	4.730	10%
21445	JM00000457	POSITION SPRING PLATE/LS0816F	TẤM ĐỖ LÒ XO/LS0816F	18.700	10%
21446	JM00000458	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X12/LS0816F	BU LÔNG M6X12/LS0816F	4.730	10%
21447	JM00000459	POSITION LOCK LEVER/LS0816F	THANH KHÓA GÓC/LS0816F	32.076	8%
21448	JM00000460	TAPPING SCREW ST4.2X9.5/LS0816F	ỐC VÍT 4.2X9.5/LS0816F	4.730	10%
21449	JM00000461	COMPRESSION SPRING 14.5X25/LS0816F	LÒ XO/LS0816F	9.350	10%
21450	JM00000462	FOOT BOLT M8X23/LS0816F	BU LÔNG M8X23/LS0816F	9.350	10%
21451	JM00000463	GRIP BOLT M10X244/LS0816F	TAY CÀM M10X244/LS0816F	46.640	10%
21452	JM00000464	PIN 6X50/LS0816F	CHÓT 6X50/LS0816F	9.350	10%
21453	JM00000465	TURN BASE POINTER/LS0816F	MIẾNG NHỰA CHỈ GÓC/LS0816F	13.824	8%
21454	JM00000467	CONNECTION SHAFT BOLT M10X20/LS0816F	BU LÔNG M10X20/LS0816F	14.080	10%
21455	JM00000468	HEX BOLT M10X45/LS0816F	BU LÔNG M10X45/LS0816F	4.730	10%
21456	JM00000469	TURN TABLE COMPLETE/LS0816F	BÀN ĐỀ/LS0816F	989.172	8%
21457	JM00000470	SUPPORT ARM SCALE LABEL/LS0816F	NHÂN DAN/LS0816F	13.824	8%
21458	JM00000472	FLAT WASHER 4 XL/LS0816F	VÒNG ĐỆM 4/LS0816F	4.730	10%
21459	JM00000473	PRESSURE PLATE/LS0816F	TẤM ĐỆM/LS0816F	18.700	10%
21460	JM00000474	WISE ARM/LS0816F	THANH THÉP NẸP CỐ ĐỊNH VẬT LIỆU CỬA/LS0816F	55.990	10%
21461	JM00000475	KNOB BOLT M10X128/LS0816F	BU LÔNG M10X128/LS0816F	32.670	10%
21462	JM00000476	KERF BOARD/LS0816F	THƯỚC CHIA VẠCH/LS0816F	18.360	8%
21463	JM00000477	WING NUT M10/LS0816F	TAY VẮN ĐIỀU CHỈNH M10/LS0816F	22.896	8%
21464	JM00000478	KNOB BOLT M6X20/LS0816F	ỐC VÍT M6X20/LS0816F	23.320	10%
21465	JM00000479	COMPRESSION SPRING 9X18/LS0816F	LÒ XO/LS0816F	9.350	10%
21466	JM00000480	KNOB NUT M5/LS0816F	NÚT GIỮ LÒ XO M5/LS0816F	9.350	10%
21467	JM00000481	COMPRESSION SPRING 10X32/LS0816F	LÒ XO/LS0816F	4.730	10%
21468	JM00000482	BEVEL SCALE POINTER/LS0816F	MIẾNG NHỰA CHỈ GÓC/LS0816F	13.824	8%
21469	JM00000483	BEVEL STEP STOPPER BOLT M5X18/LS0816F	BU LÔNG M5X18/LS0816F	18.700	10%
21470	JM00000484	HEX SOCKET SCREW ROD M10X100/LS0816F	BU LÔNG M10X100/LS0816F	14.080	10%
21471	JM00000485	SLIDING ARM ASSY/LS0816F	BỘ THANH TRƯỢT/LS0816F	824.256	8%
21472	JM00000495	STEPPED H.S.H.BOLT M6X10/LS0816F	ỐC VÍT M6X10/LS0816F	4.730	10%
21473	JM00000496	LOCK PIN/LS0816F	CHÓT KHÓA/LS0816F	18.700	10%
21474	JM00000497	PIVOT SHAFT 12X107/LS0816F	CHÓT ĐỊNH VỊ 12X107/LS0816F	32.670	10%
21475	JM00000498	PAN HEAD SCREW M5X16/LS0816F	ỐC VÍT M5X16/LS0816F	4.730	10%
21476	JM00000499	BIG FLAT WASHER 5/LS0816F	VÒNG ĐỆM 5/LS0816F	4.730	10%
21477	JM00000500	CORD CLIP/LS0816F	MIẾNG NHỰA NẸP DÂY ĐIỆN/LS0816F	13.824	8%
21478	JM00000501	CORD REEL HOOK/LS0816F	MOC CUỘN DÂY ĐIỆN/LS0816F	13.824	8%
21479	JM00000502	LOWER BLADE GUARD ASSY/LS0816F	BỘ CHỤP BẢO VỆ LƯỠI/LS0816F	256.500	8%
21480	JM00000503	PUSH NUT 5/LS0816F	NÚT ĐAY 5/LS0816F	9.180	8%
21481	JM00000504	GUARD WHEEL/LS0816F	MIẾNG ĐỆM/LS0816F	4.644	8%
21482	JM00000505	SQUARE NECK BOLT M5X12/LS0816F	ỐC VÍT M5X12/LS0816F	9.350	10%
21483	JM00000506	LOWER BLADE GUARD/LS0816F	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CỬA/LS0816F	119.124	8%
21484	JM00000507	TORSION SPRING 40/LS0816F	LÒ XO 40/LS0816F	28.050	10%
21485	JM00000508	GUARD FIX PLATE/LS0816F	TẤM CHÂN BẢO VỆ LƯỠI CỬA/LS0816F	46.640	10%
21486	JM00000509	BOWL PLATE/LS0816F	ĐỀ ĐỆM/LS0816F	28.050	10%
21487	JM00000510	FLAT WASHER 5L/LS0816F	MIẾNG ĐỆM/LS0816F	4.730	10%
21488	JM00000514	HEX SOCKET HEAD BOLT M8X20 LH/LS0816F	ỐC VÍT M8X20/LS0816F	32.670	10%
21489	JM00000515	H.S.H. SPECIAL BOLT M10X10/LS0816F	ỐC VÍT M10X10/LS0816F	4.730	10%
21490	JM00000516	CUTTING DEPTH ADJUSTABLE PLATE/LS0816F	TẤM ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SAU/LS0816F	18.700	10%
21491	JM00000517	STEPPED PAN HEAD SCREW M6X10/LS0816F	ỐC VÍT M6X10/LS0816F	4.730	10%
21492	JM00000518	TORSION SPRING 41/LS0816F	LÒ XO 41/LS0816F	79.310	10%
21493	JM00000519	SPRING BUSH/LS0816F	ÔNG CÀNH LÒ XO/LS0816F	18.360	8%
21494	JM00000520	DUST CHUTE PLATE/LS0816F	MIẾNG NHỰA CHÂN BỤI/LS0816F	22.896	8%
21495	JM00000521	DUST PORT/LS0816F	ÔNG DẪN BỤI/LS0816F	22.896	8%
21496	JM00000522	LINK PLATE COMP/LS0816F	THANH THÉP LIÊN KẾT/LS0816F	93.280	10%
21497	JM00000525	STOP RING E-5/LS0816F	PHE GÀI E-5/LS0816F	4.730	10%
21498	JM00000526	LED WIRE COVER/LS0816F	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐÈN LED/LS0816F	22.896	8%
21499	JM00000527	UPPER BLADE GUARD COMP/LS0816F	ĐẦU HỘP NHÔNG/LS0816F	577.044	8%
21500	JM00000530	STEPPED TRASS HEAD BOLT M6X10/LS0816F	ỐC VÍT M6X10/LS0816F	4.730	10%
21501	JM00000531	R-PIN 6/LS0816F	CHÓT 6/LS0816F	9.350	10%
21502	JM00000532	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X18/LS0816F	ỐC VÍT M6X19/LS0816F	4.730	10%
21503	JM00000534	DUST BAG CLAMP/LS0816F	THANH NHỰA TỤI BỤI/LS0816F	13.824	8%
21504	JM00000536	KNURLED NUT M6/LS0816F	VÒNG ĐỆM M6/LS0816F	18.360	8%
21505	JM00000537	HEX SOCKET SET SCREW M6X16/LS0816F	ỐC VÍT M6X16/LS0816F	4.730	10%
21506	JM00000538	SET SCREW M6X18/LS0816F	ỐC VÍT M6X18/LS0816F	4.730	10%
21507	JM00000539	TAPPING SCREW ST4.2X6.5/LS0816F	ỐC VÍT ST4.2X8/LS0816F	4.730	10%
21508	JM00000540	LED LAMP BOX/LS0816F	MIẾNG NHỰA GÀI ĐÈN LED/LS0816F	22.896	8%
21509	JM00000541	LED LAMP COMP/LS0816F	ĐÈN LED/LS0816F	155.736	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21510	JM00000542	SPINDLE GEAR ASSY/LS0816F	CỤM NHÔNG/LS0816F	64.152	8%
21511	JM00000548	TAPPING SCREW ST4.2X13/LS0816F	ỐC VÍT 4.2X13/LS0816F	4.730	10%
21512	JM00000549	MOTOR END COVER/LS0816F	NÁP CHỤP ĐUÔI/LS0816F	27.540	8%
21513	JM00000551	PAN HEAD SCREW M5X30/LS0816F	ỐC VÍT M5X30/LS0816F	4.730	10%
21514	JM00000555	SELF TAPPING SCREW ST4.2X65/LS0816F	ỐC VÍT 4.2X65/LS0816F	4.730	10%
21515	JM00000556	BUFFLE PLATE/LS0816F	NÁP CHÁN GIÓ/LS0816F	18.360	8%
21516	JM00000566	CARBON BRUSH 2PCS SET/LS0816F	CHÒI THAN/LS0816F	68.688	8%
21517	JM00000567	BRUSH CAP/LS0816F	NÁP CHÒI THAN/LS0816F	4.644	8%
21518	JM00000569	SPINDLE LOCK LEVER COMPLETE/LS0816F	THANH KHÓA TRỤC/LS0816F	28.050	10%
21519	JM00000573	PW CIRCUIT FOR LED LAMP/LS0816F	BỘ MẠCH/LS0816F	96.228	8%
21520	JM00000575	SWITCH LEVER/LS0816F	CẦN BÓP CÔNG TẮC/LS0816F	13.824	8%
21521	JM00000576	SWITCH/LS0816F	CÔNG TẮC/LS0816F	91.584	8%
21522	JM00000578	FERRITE RING/LS0816F	MIẾNG ĐỆM/LS0816F	13.824	8%
21523	JM00000579	LAMP SWITCH/LS0816F	CÔNG TẮC ĐÈN LED/LS0816F	36.720	8%
21524	JM00000580	HANDLE RIGHT/LS0816F	TAY CÀM BÊN PHẢI/LS0816F	119.124	8%
21525	JM00000581	LOCK OFF LINK ROCKER/LS0816F	CÁN KHOA CÔNG TẮC/LS0816F	13.824	8%
21526	JM00000582	COMPRESSION SPRING/LS0816F	LÒ XO/LS0816F	9.350	10%
21527	JM00000583	HANDLE LEFT/LS0816F	TAY CÀM BÊN TRÁI/LS0816F	128.304	8%
21528	JM00000584	CORD CLAMP/LS0816F	MIẾNG NHỰA NẸP DÂY ĐIỆN/LS0816F	9.180	8%
21529	JM00000599	MOTOR HOUSING ASSY/LS0816F	VỎ MÁY/LS0816F	164.916	8%
21530	JM00000600	BASE COMP/LS1110F	BÀN ĐỀ MÁY CỬA/LS1110F	1.153.980	8%
21531	JM00000601	RIP FENCE/LS1110F	THANH CỬ/LS1110F	577.044	8%
21532	JM00000602	SUB FENCE/LS1110F	THANH CHÂN PHỤ/LS1110F	387.200	10%
21533	JM00000603	HEX SOCKET HEAD BOLT M8X40/LS1110F	ỐC VÍT M8X40/LS1110F	9.350	10%
21534	JM00000604	PAN HEAD SCREW M6X12/LS1110F	ỐC VÍT M6X12/LS1110F	4.730	10%
21535	JM00000605	TURN TABLE COMPLETE/LS1110F	BÀN ĐỀ/LS1110F	1.153.980	8%
21536	JM00000607	HEX SOCKET SCREW ROD M10X120/LS1110F	ỐC VÍT M10X120/LS1110F	4.730	10%
21537	JM00000608	BEVEL STEP STOPPER BOLT M5X18/LS1110F	ỐC VÍT M5X18/LS1110F	32.670	10%
21538	JM00000609	PIVOT SHAFT 12X119/LS1110F	CHỐT ĐỊNH VỊ 12X119/LS1110F	46.640	10%
21539	JM00000610	SPRING BUSH/LS1110F	ÔNG CANH LÒ XO/LS1110F	32.076	8%
21540	JM00000611	TORSION SPRING 38/LS1110F	LÒ XO 38/LS1110F	88.660	10%
21541	JM00000612	SLIDING ARM ASSY/LS1110F	THANH TRƯỢT MÁY CỬA/LS1110F	1.071.576	8%
21542	JM00000613	LOWER BLADE GUARD ASSY/LS1110F	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI/LS1110F	412.128	8%
21543	JM00000618	DUST PORT/LS1110F	MIẾNG NHỰA DẪN BỤI/LS1110F	36.720	8%
21544	JM00000619	DUST CHUTE PLATE/LS1110F	TẤM CHÁN BỤI/LS1110F	27.540	8%
21545	JM00000620	HEX SOCKET HEAD BOLT M8X20 LH/LS1110F	ỐC VÍT M8X20/LS1110F	32.670	10%
21546	JM00000621	LINK PLATE COMP/LS1110F	THANH THÉP LIÊN KẾT/LS1110F	102.630	10%
21547	JM00000622	LED WIRE COVER/LS1110F	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐÈN LED/LS1110F	32.076	8%
21548	JM00000623	UPPER BLADE GUARD COMP/LS1110F	ĐẦU HỘP NHÔNG/LS1110F	824.256	8%
21549	JM00000625	BUFFLE PLATE/LS1110F	NÁP CHÁN GIÓ/LS1110F	22.896	8%
21550	JM00000626	FIELD 230V/LS1110F	STATO/LS1110F	1.465.344	8%
21551	JM00000629	MOTOR HOUSING ASSY/LS1110F	VỎ MÁY/LS1110F	247.320	8%
21552	JM00000643	OUTPUT SHAFT ASSEMBLY/LS1110F	CỤM NHÔNG/LS1110F	100.764	8%
21553	JM00000644	SPINDLE LOCK LEVER COMPLETE/LS1110F	THANH THÉP KHÓA TRỤC/LS1110F	37.400	10%
21554	JM00000645	ARMATURE ASSY 230V/LS1110F	RÔ TO/LS1110F	1.552.392	8%
21555	JM00000647	HANDLE RIGHT/LS1110F	TAY CÀM BÊN PHẢI/LS1110F	151.200	8%
21556	JM00000648	HANDLE LEFT/LS1110F	TAY CÀM BÊN TRÁI/LS1110F	169.452	8%
21557	JM00000660	SELF TAPPING SCREW ST5X60/LS1110F	ỐC VÍT M5X60/LS1110F	9.350	10%
21558	JM00000661	MOTOR END COVER/LS1110F	ĐUÔI MÁY/LS1110F	36.720	8%
21559	JM00000662	SOFT START PCB UNIT 220-240V/LS1110F	BỘ MẠCH KHỞI ĐỘNG/LS1110F	567.864	8%
21560	JM00000684	ARMATURE(230V)/LS0816F	RÔ TO/LS0816F	1.982.880	8%
21561	JM21000004	SWITCH/LB1200F	CÔNG TẮC/LB1200F	338.904	8%
21562	JM21000006	CORD AND PLUG/LB1200F	CHÓT XOAY/LB1200F	316.008	8%
21563	JM21000018	HEX.SOCKET HEAD SCREW M5X12/LB1200F	ỐC VÍT M5X12/LB1200F	14.080	10%
21564	JM21000019	SPRING WASHER 5/LB1200F	LÒ XO 5/LB1200F	9.350	10%
21565	JM21000020	FLAT WASHER 5/LB1200F	VÒNG ĐỆM 5/LB1200F	9.350	10%
21566	JM21000021	UP COVER COMPLETE/LB1200F	VỎ BẢO VỆ TRÊN/LB1200F	352.620	8%
21567	JM21000025	MICRO SWITCH FIX PANEL A/LB1200F	BẢNG CÔNG TẮC A/LB1200F	14.080	10%
21568	JM21000026	FLAT WASHER 4/LB1200F	VÒNG ĐỆM 4/LB1200F	9.350	10%
21569	JM21000027	SPRING WASHER 4/LB1200F	LÒ XO 4/LB1200F	9.350	10%
21570	JM21000028	CROSS HEAD SUNK SCREW M4X10/LB1200F	CHÓT TRÊN M4X10/LB1200F	9.350	10%
21571	JM21000029	MICRO SWITCH PRESS PAW/LB1200F	CÔNG TẮC MICRO/LB1200F	13.824	8%
21572	JM21000030	MICRO SWITCH BRACKET/LB1200F	THANH CHÔNG CÔNG TẮC MICOR/LB1200F	13.824	8%
21573	JM21000031	CROSS HEAD SUNK SCREW M4X12/LB1200F	ỐC VÍT M4X12/LB1200F	9.350	10%
21574	JM21000032	HEX NUT M4/LB1200F	ĐAI ỐC M4/LB1200F	14.080	10%
21575	JM21000033	LOCKING NUT M6/LB1200F	ĐAI ỐC KHOA M6/LB1200F	14.080	10%
21576	JM21000034	SPRING WASHER 6/LB1200F	LÒ XO 6/LB1200F	9.350	10%
21577	JM21000035	FLAT WASHER 6/LB1200F	VÒNG ĐỆM 6/LB1200F	9.350	10%
21578	JM21000036	SPACER SLEEVE/LB1200F	ÔNG ĐỆM/LB1200F	14.080	10%
21579	JM21000037	HEX.SOCKET HEAD SCREW M6X20/LB1200F	ỐC VÍT M6X20/LB1200F	14.080	10%
21580	JM21000038	MICRO SWITCH FIX PANEL B/LB1200F	BẢNG CÔNG TẮC B/LB1200F	14.080	10%
21581	JM21000039	LOW COVER COMPLETE/LB1200F	VỎ BẢO VỆ DƯỚI/LB1200F	329.724	8%
21582	JM21000041	MACHINE BODY COMPLETE/LB1200F	KHUNG MÁY/LB1200F	4.277.016	8%
21583	JM21000043	SHAFT RETAINING RING 17/LB1200F	PHE GAI 17/LB1200F	18.700	10%
21584	JM21000044	BEARING 6203/LB1200F	BẠC ĐẠN 6203/LB1200F	68.688	8%
21585	JM21000045	HOLE COLLAR 40/LB1200F	PHE GAI 40/LB1200F	14.080	10%
21586	JM21000046	UP SAW WHEEL/LB1200F	BÀNH XE TRÊN/LB1200F	897.588	8%
21587	JM21000047	TIRE/LB1200F	VÒNG NGOÀI BÀNH XE TRÊN/LB1200F	109.944	8%
21588	JM21000048	BEAM A COMPLETE/LB1200F	BỘ THANH CÁN A/LB1200F	154.000	10%
21589	JM21000049	BEAM A/LB1200F	THANH CÁN A/LB1200F	130.680	10%
21590	JM21000050	LOW SAW WHEEL/LB1200F	BÀNH XE DƯỚI/LB1200F	897.588	8%
21591	JM21000051	TENSION KNOB/LB1200F	NÚM XOAY THĂNG BẢNG/LB1200F	18.360	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21592	JM21000052	SEALING RING/LB1200F	VÒNG ĐỆM KÍN/LB1200F	22.896	8%
21593	JM21000053	TENSION THREAD ROD/LB1200F	CHÓT THẮNG BĂNG/LB1200F	32.670	10%
21594	JM21000054	TENSION POINTER/LB1200F	TÂM NÉN/LB1200F	13.824	8%
21595	JM21000055	SPRING BASE/LB1200F	ĐÈ LỖ XO/LB1200F	14.080	10%
21596	JM21000056	COMPRESSURE SPRING 45/LB1200F	LỖ XO 45/LB1200F	18.700	10%
21597	JM21000057	FIX BRACKET/LB1200F	GIÁ ĐỖ/LB1200F	60.720	10%
21598	JM21000058	HEX NUT M8/LB1200F	ĐAI ỐC M8/LB1200F	14.080	10%
21599	JM21000059	SPRING WASHER 8/LB1200F	ĐỆM LỖ XO 8/LB1200F	9.180	8%
21600	JM21000060	FLAT WASHER 8/LB1200F	VÒNG ĐỆM 8/LB1200F	9.350	10%
21601	JM21000061	FIX SIDE PLATE A/LB1200F	TÂM CẠNH A/LB1200F	149.270	10%
21602	JM21000062	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8X16/LB1200F	ỐC VÍT M8X16/LB1200F	14.080	10%
21603	JM21000063	HEX NUT M6/LB1200F	ĐAI ỐC M6/LB1200F	14.080	10%
21604	JM21000064	HEX BOLT M6X35/LB1200F	THEN M6X35/LB1200F	14.080	10%
21605	JM21000065	HEX BOLT M6X25/LB1200F	THEN M6X25/LB1200F	14.080	10%
21606	JM21000066	FIX SIDE PLATE B/LB1200F	TÂM CẠNH B/LB1200F	119.124	8%
21607	JM21000067	THIN NUT M10/LB1200F	ĐAI ỐC M10/LB1200F	18.700	10%
21608	JM21000068	COLUMN PIN D/LB1200F	CHÓT HẠM/LB1200F	18.700	10%
21609	JM21000069	UP WHEEL SHAFT/LB1200F	TRỤC XOAY TRÊN/LB1200F	77.868	8%
21610	JM21000070	MOVING BRACKET/LB1200F	GIÁ TRƯỢT/LB1200F	60.720	10%
21611	JM21000071	FIX BRACKET/LB1200F	GIÁ LẮP/LB1200F	93.280	10%
21612	JM21000072	DUST SEAL BAR/LB1200F	THANH CHẀN BỤI/LB1200F	18.700	10%
21613	JM21000073	LIFTING BRACKET COVER/LB1200F	TÂM BẢO VỆ /LB1200F	18.360	8%
21614	JM21000076	ELASTIC PIN 4/LB1200F	PIN 4/LB1200F	9.350	10%
21615	JM21000078	ADJUSTABLE SCREW/LB1200F	THANH CHÓT/LB1200F	18.700	10%
21616	JM21000079	SLIDER B/LB1200F	CON TRƯỢT B/LB1200F	23.320	10%
21617	JM21000080	GEAR WHEEL B/LB1200F	NHÔNG NHỎ B/LB1200F	18.360	8%
21618	JM21000081	H.S.BUTTON HEAD SCREW M6X12/LB1200F	ỐC VÍT M6X12/LB1200F	14.080	10%
21619	JM21000083	BIG WASHER 8/LB1200F	VÒNG ĐỆM 8/LB1200F	9.350	10%
21620	JM21000084	SPRING/LB1200F	LỖ XO/LB1200F	14.080	10%
21621	JM21000085	LOCKING NUT/LB1200F	NÚM KHOA/LB1200F	14.080	10%
21622	JM21000086	COLUMN PIN A/LB1200F	PIN A/LB1200F	18.700	10%
21623	JM21000087	HEX. SOCKET SET SCREWS M6X10/LB1200F	ỐC VÍT M6X10/LB1200F	14.080	10%
21624	JM21000088	BOLT C/LB1200F	THEN C/LB1200F	14.080	10%
21625	JM21000089	LOCKING BRACKET/LB1200F	GIÁ ĐỖ/LB1200F	37.400	10%
21626	JM21000091	FIX BRACKET A/LB1200F	GIÁ ĐỖ A/LB1200F	224.424	8%
21627	JM21000092	COLUMN PIN B/LB1200F	PIN B/LB1200F	18.700	10%
21628	JM21000093	BEARING 6200/LB1200F	BẠC ĐẠN 6200/LB1200F	54.972	8%
21629	JM21000094	SLEEVE B/LB1200F	VÒNG ĐỆM 3/LB1200F	14.080	10%
21630	JM21000095	H.S.BOLT M5X20/LB1200F	ỐC VÍT M5X20/LB1200F	14.080	10%
21631	JM21000096	COVER/LB1200F	NÁP ĐẦY/LB1200F	27.540	8%
21632	JM21000097	CORD PROTECTION TUBE/LB1200F	MIẾNG ĐỆM /LB1200F	13.824	8%
21633	JM21000098	HEX THIN NUT M20/LB1200F	ĐAI ỐC M20/LB1200F	18.360	8%
21634	JM21000099	ECCENTRIC WHEEL 32/LB1200F	BÀNH LỆCH TÂM 32/LB1200F	41.256	8%
21635	JM21000100	ELASTIC PIN 4X32/LB1200F	CHÓT 4X32/LB1200F	9.350	10%
21636	JM21000101	INSERT B/LB1200F	CHÓT GÀI B/LB1200F	18.700	10%
21637	JM21000102	MICRO SWITCH/LB1200F	CÔNG TẮC NHỎ/LB1200F	279.396	8%
21638	JM21000103	SLEEVE A/LB1200F	ÔNG A/LB1200F	42.020	10%
21639	JM21000104	BRUSH/LB1200F	CHỔI QUÉT/LB1200F	27.540	8%
21640	JM21000105	BRUSH SCREW/LB1200F	CHÓT HẠM/LB1200F	18.700	10%
21641	JM21000106	LOCKNUT M8/LB1200F	BULONG M8/LB1200F	14.080	10%
21642	JM21000107	ACCESSORY STORAGE PLATE/LB1200F	TÂM GIỮ/LB1200F	18.360	8%
21643	JM21000108	HEX.SOCKET BUTTON BOLT M4X10/LB1200F	ỐC VÍT M4X10/LB1200F	14.080	10%
21644	JM21000109	HY17 SWITCH/LB1200F	CÔNG TẮC/LB1200F	36.720	8%
21645	JM21000110	LED SWITCH FIX PLATE/LB1200F	NÁP BẢO VỆ CÔNG TẮC/LB1200F	18.360	8%
21646	JM21000111	HY17 SWITCH SHIELD/LB1200F	NÁP BẢO VỆ CÔNG TẮC/LB1200F	18.360	8%
21647	JM21000112	LED SWITCH PANEL/LB1200F	NÁP BẢO VỆ CÔNG TẮC/LB1200F	18.700	10%
21648	JM21000113	STAR WASHER 4/LB1200F	TÂM ĐỆM 4/LB1200F	9.350	10%
21649	JM21000114	HEX NUT M20/LB1200F	BULONG M20/LB1200F	14.080	10%
21650	JM21000115	DUST COLLECTOR PORT B/LB1200F	KHỚP NỐI DẪN BỤI PHÍA TRONG/LB1200F	27.540	8%
21651	JM21000116	PLATE SPRING/LB1200F	MIẾNG ĐỆM/LB1200F	14.080	10%
21652	JM21000117	HEX BOLT M5X12/LB1200F	BU LÔNG M5X12/LB1200F	14.080	10%
21653	JM21000118	HEX NUT M5/LB1200F	ỐC VÍT M5/LB1200F	14.080	10%
21654	JM21000119	DUST BOX/LB1200F	BU LÔNG M5/LB1200F	270.216	8%
21655	JM21000120	SHAFT RETAINING RING 11/LB1200F	VÒNG GẠI CHỮ C 11/LB1200F	14.080	10%
21656	JM21000121	BEARING 6001/LB1200F	BẠC ĐẠN 6001/LB1200F	60.720	10%
21657	JM21000122	HOLE COLLAR 28/LB1200F	VÒNG GẠI CHỮ C 28/LB1200F	14.080	10%
21658	JM21000123	TENSION WHEEL/LB1200F	ÔNG SẮT/LB1200F	42.020	10%
21659	JM21000124	TENSION WHEEL SHAFT/LB1200F	CHÓT GIỮ TRỤC/LB1200F	32.670	10%
21660	JM21000125	THREAD ROD/LB1200F	THANH SẮT/LB1200F	59.616	8%
21661	JM21000126	ELASTIC PIN 4X16/LB1200F	CHÓT GẠI 4X16/LB1200F	9.350	10%
21662	JM21000127	LIMIT CIRCLE/LB1200F	VÒNG SẮT CỎ ĐINH/LB1200F	18.700	10%
21663	JM21000128	HEX.SOCKET SET SCREWS M5X8/LB1200F	ỐC VÍT M5X8/LB1200F	14.080	10%
21664	JM21000129	WHEEL TENSION KNOB A/LB1200F	NÚM XOAY PHÍA TRONG A/LB1200F	18.360	8%
21665	JM21000130	WHEEL TENSION KNOB B/LB1200F	NÚM XOAY PHÍA NGOÀI B/LB1200F	18.360	8%
21666	JM21000131	H.S.BOLT M6X12/LB1200F	ỐC ĐẦU LỘT M6X12/LB1200F	14.080	10%
21667	JM21000132	KEY 5X5X20/LB1200F	THANH CHÓT VUÔNG 5X5X20/LB1200F	13.824	8%
21668	JM21000133	MOTOR PULLEY/LB1200F	PULY/LB1200F	82.512	8%
21669	JM21000134	HEX BOLT M6X12/LB1200F	ỐC VÍT M6X12/LB1200F	14.080	10%
21670	JM21000135	V BELT/LB1200F	DÂY CUROA/LB1200F	100.764	8%
21671	JM21000136	TAPPING SCREW ST4.2X14/LB1200F	ỐC VÍT ST4.2X14/LB1200F	14.080	10%
21672	JM21000137	DUST CONNECTOR PORT/LB1200F	ÔNG DẪN BỤI/LB1200F	23.320	10%
21673	JM21000138	CORD CLAMP PAW/LB1200F	KẸP DÂY/LB1200F	13.824	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21674	JM21000139	CORD CLAMP BOLT M10/LB1200F	ỐC VÍT M10/LB1200F	14.080	10%
21675	JM21000140	H.S. HEAD SCREW M6X25/LB1200F	ỐC VÍT M6X25/LB1200F	14.080	10%
21676	JM21000141	LATCH KNOB/LB1200F	KHOÁ GIỮ/LB1200F	18.700	10%
21677	JM21000142	DRIVING WHEEL SHAFT/LB1200F	TRỤC XOAY/LB1200F	114.480	8%
21678	JM21000143	CROSS HEAD SUNK SCREW M4X8/LB1200F	ỐC VÍT M4X8/LB1200F	9.350	10%
21679	JM21000144	MITER POINTER/LB1200F	LÀ THEP/LB1200F	13.824	8%
21680	JM21000145	SPACER PLATE/LB1200F	TÂM CHÂN/LB1200F	79.310	10%
21681	JM21000146	SLIDER/LB1200F	THANH THÉP HÌNH VÒNG CUNG/LB1200F	27.540	8%
21682	JM21000147	BOLT B/LB1200F	BULONG B/LB1200F	14.080	10%
21683	JM21000148	DUST PROTECTOR PLATE/LB1200F	TẮM CHÂN CHỐNG BỤI/LB1200F	14.080	10%
21684	JM21000149	PROTECTOR PLATE/LB1200F	TẮM THÉP HÌNH CHỮ V/LB1200F	14.080	10%
21685	JM21000150	LOW COVER B/LB1200F	TẮM CHÂN B/LB1200F	14.080	10%
21686	JM21000151	FIX BRACKET SLIDER/LB1200F	NÁP ĐÁY MẶT MÁY/LB1200F	18.700	10%
21687	JM21000152	PROTECTOR PLATE A/LB1200F	TẮM CHÂN LƯỚI CỬA A/LB1200F	13.824	8%
21688	JM21000153	STRAIN & RELIEF/LB1200F	ỐNG BỌC DÂY ĐIỆN/LB1200F	18.360	8%
21689	JM21000154	LIFTING POINTER/LB1200F	MIÈNG SÁT/LB1200F	13.824	8%
21690	JM21000155	TAPPING SCREW ST4.2X8/LB1200F	ỐC VÍT ST4.2X8/LB1200F	14.080	10%
21691	JM21000156	FIX BRACKET C/LB1200F	VÁCH NGĂN CỐ ĐỊNH C/LB1200F	69.960	10%
21692	JM21000157	LOW COVER A/LB1200F	ĐỆM BẢO VỆ DƯỚI A/LB1200F	14.080	10%
21693	JM21000158	CROSS HEAD SUNK SCREW M6X10/LB1200F	ỐC VÍT M6X10/LB1200F	14.080	10%
21694	JM21000159	TAPPING SCREW ST3.2X8/LB1200F	ỐC VÍT ST3.2X8/LB1200F	14.080	10%
21695	JM21000160	LED LAMP COVER B/LB1200F	NÁP BẢO VỆ ĐÈN LED B/LB1200F	13.824	8%
21696	JM21000161	LED REFLECT COVER/LB1200F	NÁP BẢO VỆ ĐÈN LED/LB1200F	18.360	8%
21697	JM21000162	LED LAMP COVER A/LB1200F	TẮM CHÂN BẢO VỆ ĐÈN LED A/LB1200F	13.824	8%
21698	JM21000163	LED LAMP COVER C/LB1200F	NÁP BẢO VỆ ĐÈN LED C/LB1200F	13.824	8%
21699	JM21000164	SELF TAPPING SCREW ST2.2X8/LB1200F	ỐC VÍT ST2.2X8/LB1200F	14.080	10%
21700	JM21000165	LED CORD PROTECTOR A/LB1200F	ỐP BẢO VỆ ĐÈN LED A/LB1200F	13.824	8%
21701	JM21000166	H.S.BOLT M4X20/LB1200F	ỐC VÍT M4X20/LB1200F	14.080	10%
21702	JM21000167	LED CORD PROTECTOR B/LB1200F	ỐP BẢO VỆ ĐÈN LED B/LB1200F	18.360	8%
21703	JM21000168	SLEEVE/LB1200F	ỐNG SÁT/LB1200F	14.080	10%
21704	JM21000169	CROSS HEAD SUNK SCREW M4X35/LB1200F	ỐC VÍT M4X35/LB1200F	9.350	10%
21705	JM21000170	SLEEVE 8/LB1200F	ỐNG SÁT NHỎ 8/LB1200F	14.080	10%
21706	JM21000171	TRANSFORMER LOW COVER/LB1200F	ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ THẤP/LB1200F	13.824	8%
21707	JM21000172	TRANSFORMER/LB1200F	ĐỆM CHUYỂN ĐỘ/LB1200F	201.528	8%
21708	JM21000173	WING NUT M8/LB1200F	VÒNG SẮT CÓ CẢNH M8/LB1200F	18.700	10%
21709	JM21000174	TRANSFORMER UP COVER/LB1200F	ĐỆM CHUYỂN CHẾ ĐỘ/LB1200F	13.824	8%
21710	JM21000175	TRACKING KNOB/LB1200F	TAY VẬN/LB1200F	18.360	8%
21711	JM21000176	SLEEVE C/LB1200F	KHỚP ĐẦU NỐI C/LB1200F	51.370	10%
21712	JM21000177	H.S. SET SCREWS M6X10/LB1200F	ỐC VÍT M6X10/LB1200F	9.350	10%
21713	JM21000178	OPERATION HANDLE A/LB1200F	TAY CÀM ĐÈ MỞ A/LB1200F	60.720	10%
21714	JM21000179	SCALE LABEL/LB1200F	TEM NHAN THUỐC ĐO/LB1200F	18.360	8%
21715	JM21000180	FRONT RAIL SIDE COVER B/LB1200F	NÚT BÍT ĐẦU B/LB1200F	18.360	8%
21716	JM21000181	WING KNOB C/LB1200F	ỐC VÍT CỐ ĐỊNH CỐ CẢNH C/LB1200F	23.320	10%
21717	JM21000182	FRONT RAIL A/LB1200F	VÒNG ĐỆM A/LB1200F	329.724	8%
21718	JM21000183	CONNECTION PIN/LB1200F	CHỐT KẾT NỐI/LB1200F	9.350	10%
21719	JM21000184	FRONT RAIL B/LB1200F	THANH NHÔM(THUỐC ĐO) B/LB1200F	329.724	8%
21720	JM21000185	FRONT RAIL SIDE COVER A/LB1200F	NÁP ĐÁY A/LB1200F	18.360	8%
21721	JM21000186	CUSHION CAP/LB1200F	NÁP ĐÁY/LB1200F	14.080	10%
21722	JM21000187	RUBBER RING PAD/LB1200F	VÒNG CAO SU/LB1200F	13.824	8%
21723	JM21000188	H.S. SET SCREW M8X50/LB1200F	ỐC VÍT M8X50/LB1200F	18.700	10%
21724	JM21000189	LIMITED PLATE/LB1200F	MIÈNG CHÂN CHỐNG TRƯỢT/LB1200F	14.080	10%
21725	JM21000190	WORKING TABLE/LB1200F	MẶT BÀN MÁY/LB1200F	4.789.950	10%
21726	JM21000191	BLADE PROTECTION PLATE/LB1200F	MIÈNG ỐP/LB1200F	18.360	8%
21727	JM21000192	CROSS HEAD SUNK SCREW M3X10/LB1200F	ỐC VÍT M3X10/LB1200F	9.350	10%
21728	JM21000193	HEX SOCKET HEAD SCREW M6X30/LB1200F	ỐC VÍT.M6X30/LB1200F	14.080	10%
21729	JM21000194	COMPRESSURE SPRING/LB1200F	LÒ XO/LB1200F	18.700	10%
21730	JM21000195	OPERATION HANDLE B ASSY/LB1200F	TAY VẬN MỞ KHOÁ B/LB1200F	13.824	8%
21731	JM21000196	LOCKING HANDLE BOLT/LB1200F	ỐC KHOÁ CHỐT TRÊN TAY CÀM/LB1200F	14.080	10%
21732	JM21000197	LOCKING HANDLE A/LB1200F	TAY CÀM A/LB1200F	37.400	10%
21733	JM21000198	H.S.BOLT M8X20/LB1200F	ỐC VÍT M8X20/LB1200F	18.700	10%
21734	JM21000199	WORKING TABLE TURNION/LB1200F	BÀN XOAY/LB1200F	760.320	10%
21735	JM21000200	GEAR WHEEL A/LB1200F	BÀNH RĂNG A/LB1200F	18.360	8%
21736	JM21000201	POSITION SLEEVE/LB1200F	CHỐT ĐỊNH VỊ/LB1200F	14.080	10%
21737	JM21000202	GEAR SHAFT/LB1200F	CHỐT GAI/LB1200F	13.824	8%
21738	JM21000203	H.S.BOLT M8/LB1200F	BULONG M8/LB1200F	9.350	10%
21739	JM21000204	HANDLE SUPPORT B/LB1200F	THANH TRƯỢT PHỤ B/LB1200F	191.290	10%
21740	JM21000205	HOSE/LB1200F	TAY CÀM/LB1200F	84.040	10%
21741	JM21000206	STEEL PIPE ASSEMBLY/LB1200F	ỐNG THÉP/LB1200F	18.700	10%
21742	JM21000207	HANDLE SUPPORT A/LB1200F	THANH TRƯỢT PHỤ A/LB1200F	223.960	10%
21743	JM21000208	LEG A/LB1200F	CHÂN MÁY A/LB1200F	329.724	8%
21744	JM21000209	LEG B/LB1200F	CHÂN MÁY B/LB1200F	343.440	8%
21745	JM21000210	SQUARE NECK BOLT M6X16/LB1200F	ỐC VÍT M6X16/LB1200F	14.080	10%
21746	JM21000211	LOCKNUT M10/LB1200F	BULONG M10/LB1200F	14.080	10%
21747	JM21000212	WHEEL SUPPORT B/LB1200F	GÁ ĐỖ B/LB1200F	69.960	10%
21748	JM21000213	SHAFT RETAINING RING I3/LB1200F	VÒNG GAI CHỮ C/LB1200F	18.700	10%
21749	JM21000214	WHEEL/LB1200F	BÀNH XE/LB1200F	183.168	8%
21750	JM21000215	ROLLER BUSH/LB1200F	CHỐT HẠM/LB1200F	51.370	10%
21751	JM21000216	WHEEL SHAFT/LB1200F	TRỤC TỈ/LB1200F	77.868	8%
21752	JM21000217	WHEEL SUPPORT A/LB1200F	GÁ ĐỖ A/LB1200F	69.960	10%
21753	JM21000218	HEX BOLT M8X50/LB1200F	ỐC VÍT M8X50/LB1200F	18.700	10%
21754	JM21000219	LEG PAD/LB1200F	ĐỆM GIAM CHÂN/LB1200F	22.896	8%
21755	JM21000220	BEAM B/LB1200F	THANH NGANG/LB1200F	130.680	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21756	JM21000221	EARTHING TERMINAL 4/LB1200F	TẮM ĐẼM 4/LB1200F	4.730	10%
21757	JM21000228	TERMINAL BOX/LB1200F	MOTO ĐIỆN/LB1200F	100.764	8%
21758	JM21000229	LED LIGHT ASSEMBLY/LB1200F	BỘ ĐÈN LED/LB1200F	316.008	8%
21759	JM21000237	RACK/LB1200F	CHỐT ĐINH VÍ/LB1200F	60.720	10%
21760	JM21000238	LIFTING BRACKET/LB1200F	KHUNG LƯỚI CỬA/LB1200F	256.500	8%
21761	JM21000239	LIFTING KNOB/LB1200F	NĂM VÁN/LB1200F	36.720	8%
21762	JM21000240	HEX SOCKET HEAD BOLT M4X8/LB1200F	ỐC VÍT M4X8/LB1200F	14.080	10%
21763	JM21000241	SPONGE/LB1200F	MIẾNG ĐẼM/LB1200F	27.540	8%
21764	JM21000245	MOTOR/LB1200F	ĐỘNG CƠ/LB1200F	4.993.920	8%
21765	JM21000248	CAPACITOR HIGH VOLT/LB1200F	TỤ ĐIỆN BĂNG KIM LOẠI/LB1200F	210.708	8%
21766	JM21010002	LIFTING BRACKET COMPLETE/LB1200F	BỘ VỎ/LB1200F	363.880	10%
21767	JM21010003	LIFTING BRACKET ASSEMBLY/LB1200F	BỘ VỎ/LB1200F	457.160	10%
21768	JM23000001	GRIP/MT230	TAY CÀM/MT230	45.792	8%
21769	JM23000002	HANDLE BRACKET/MT230	MẶT ỐP/MT230	84.040	10%
21770	JM23000003	SPRING WASHER8/MT230	VÒNG ĐẼM 8/MT230	9.350	10%
21771	JM23000004	HEX. SOCKET HEAD BOLT M8 X 20/MT230	BÚ LÔNG M8X20/MT230	22.000	10%
21772	JM23000005	KNOCK SPRING/M2300B	KHOA CHÍNH GÓC/M2300B	93.280	10%
21773	JM23000006	LOCK KNOB FOR EXT.WINGS/MT230	NÚT ĐIỀU CHỈNH/MT230	22.000	10%
21774	JM23000007	MITER ANGLE LABEL/MT230	NHÃN DÁN/MT230	27.540	8%
21775	JM23000008	RIVET/MT230	ĐINH TÁN/MT230	4.730	10%
21776	JM23000009	BASE COMP/MT230	ĐẾ CỬA MÁY CỬA ĐA GÓC/MT230	976.320	8%
21777	JM23000011	BASE SUPPORTER/MT230	THANH GÁ/MT230	68.688	8%
21778	JM23000012	SCREW/MT230	ỐC VÍT/MT230	18.700	10%
21779	JM23000013	FLAT WASHER10/MT230	LONG ĐÈN/MT230	14.080	10%
21780	JM23000014	SADDLE SHAPE WASHER/MT230	VÒNG ĐẼM/MT230	14.080	10%
21781	JM23000015	ANTI-LOOSE NUT M10/MT230	CON TÁN M10/MT230	18.700	10%
21782	JM23000016	SLIDE PLATE/MT230	THANH CỬ/MT230	27.540	8%
21783	JM23000017	MITER ANGLE POINTER/MT230	THƯỚC CHIA GÓC/MT230	18.360	8%
21784	JM23000018	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X10/MT230	ỐC VÍT M4X10/MT230	18.700	10%
21785	JM23000019	PIVOT/MT230	ỐC VÍT/MT230	46.640	10%
21786	JM23000020	KERF BOARD/MT230	THƯỚC CHIA VẠCH/MT230	36.720	8%
21787	JM23000021	TURN BASE COMP./MT230	BÀN ĐẾ BĂNG GIANG/MT230	1.561.572	8%
21788	JM23000022	PROTECTION NET/MT230	TẮM BẢO VỆ/MT230	38.880	8%
21789	JM23000023	GUIDE RULE/MT230	THƯỚC DẪN/MT230	412.128	8%
21790	JM23000024	HEX.BOLT M8X30/MT230	ỐC VÍT M8X30/MT230	18.700	10%
21791	JM23000026	FLAT WASHER8/MT230	VÒNG ĐẼM 8/MT230	8.800	10%
21792	JM23000027	HEX. BOLT M8X20/MT230	ỐC VÍT M8X20/MT230	17.600	10%
21793	JM23000028	HEX. NUT M8/MT230	TÁN/MT230	13.200	10%
21794	JM23000029	BEVEL POINTER/MT230	THƯỚC CHIA ĐỘ/MT230	22.000	10%
21795	JM23000030	FLAT WASHER5/MT230	ĐẼM PHẪNG/MT230	9.350	10%
21796	JM23000031	SPRING WASHER5/MT230	ĐẼM LỖ XO/MT230	14.080	10%
21797	JM23000032	PAN HEAD SCREW M5 X 10/MT230	ỐC VÍT/MT230	17.600	10%
21798	JM23000033	HEX. BOLT M8X16/MT230	BÚ LÔNG/MT230	17.600	10%
21799	JM23000034	RIVET/MT230	ĐINH TÁN/MT230	8.800	10%
21800	JM23000035	SCALE LABEL/MT230	MIẾNG NHÔM/MT230	25.920	8%
21801	JM23000036	ARM COMPLETE/MT230	GIÁ ĐỖ THÂN MÁY/MT230	883.872	8%
21802	JM23000037	SHAFT/MT230	TAY CÀM/MT230	77.868	8%
21803	JM23000038	LINK SUPPORT PLATE/MT230	MIẾNG ĐẼM KẾT NỐI/MT230	32.670	10%
21804	JM23000039	PAN HEAD SCREW M6 X 16/MT230	ỐC VÍT/MT230	18.700	10%
21805	JM23000040	SPRING WASHER6/MT230	LỖ XO ĐẼM/MT230	9.350	10%
21806	JM23000041	FLAT WASHER6/MT230	ĐẼM PHẪNG/MT230	9.350	10%
21807	JM23000042	CLIP/MT230	KẸP VÒNG CHỮ C/MT230	51.370	10%
21808	JM23000043	KNOB/MT230	NÚT CÔNG TÁC/MT230	96.228	8%
21809	JM23000044	ANTI-LOOSE NUTM12/MT230	CON TÁN 12/MT230	22.000	10%
21810	JM23000045	FLAT WASHER12/MT230	ĐẼM PHẪNG/MT230	13.200	10%
21811	JM23000046	LOCK PIN CAP/MT230	NÁP CHỐT KHÓA/MT230	41.256	8%
21812	JM23000047	O RING/MT230	VÒNG ĐẼM CAO SU/MT230	23.320	10%
21813	JM23000048	PIN/MT230	VÒNG ĐẼM/MT230	23.320	10%
21814	JM23000049	LIMIT PIN/MT230	BÚ LÔNG/MT230	23.320	10%
21815	JM23000050	TORSIONAL SPRING/MT230	LỖ XO/MT230	172.590	10%
21816	JM23000051	RING/MT230	VÒNG ĐẼM/MT230	42.020	10%
21817	JM23000052	HEX. SOCKET HEAD BOLT M6 X 20/MT230	BÚ LÔNG/MT230	18.700	10%
21818	JM23000053	PLATE/MT230	TẦM KIM LOẠI/MT230	18.360	8%
21819	JM23000054	BLADE LOCK BOLT/MT230	BÚ LÔNG MT230/MT230	23.320	10%
21820	JM23000055	STEPPED BOLT M5/MT230	ỐC MT230/MT230	23.320	10%
21821	JM23000056	BUSH/MT230	MIẾNG ĐẼM/MT230	23.320	10%
21822	JM23000057	STEPPED BOLT M6/MT230	ỐC M6/MT230	18.700	10%
21823	JM23000058	LINK COMP./MT230	MIẾNG LIỀN KẾT/MT230	114.480	8%
21824	JM23000059	DUST NOZZLE/M2300B	ÔNG THỜI BỤI/M2300B	50.436	8%
21825	JM23000060	PAN HEAD SCREW M4/MT230	ỐC VÍT M4/MT230	2.200	10%
21826	JM23000063	LIMIT RING/MT230	VÒNG CHẶN/MT230	44.000	10%
21827	JM23000066	LOCK SPRING/MT230	LỖ XO CHỐT MỖ LƯỚI/MT230	37.400	10%
21828	JM23000067	SHAFT LOCK/MT230	CHỐT KHÓA/MT230	37.400	10%
21829	JM23000068	COVER/MT230	NÁP CHẶN/MT230	18.360	8%
21830	JM23000069	PAN HEAD SCREW M5X12/MT230	ỐC VÍT M5X12/MT230	18.700	10%
21831	JM23000070	FLAT WASHER16/MT230	MIẾNG ĐẼM 16/MT230	14.080	10%
21832	JM23000071	ANTI-LOOSE NUT16/MT230	CON TÁN 16/MT230	18.700	10%
21833	JM23000072	SAFETY COVER COMP./MT230	CHỤP BẢO VỆ/MT230	577.044	8%
21834	JM23000073	TORSION SPRING/MT230	LỖ XO/MT230	79.310	10%
21835	JM23000074	SQUARE NECK BOLTM6X10/MT230	ỐC VÍT/MT230	23.320	10%
21836	JM23000075	WHEEL/MT230	VÒNG ĐẼM CAO SU/MT230	22.896	8%
21837	JM23000076	E RING/MT230	LONG ĐÈN/MT230	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21838	JM23000077	STEPPED BOLT M6/MT230	BULONG/MT230	18.700	10%
21839	JM23000078	RUBBER SLEEVE/MT230	ĐỆM CAO SU/MT230	27.540	8%
21840	JM23000079	FIX PLATE/MT230	TẮM NHÔM/MT230	42.020	10%
21841	JM23000080	ANTI-LOOSE NUTM6/MT230	CON TẮN 6/MT230	23.320	10%
21842	JM23000081	STEPPED BOLT M5/MT230	ỐC VÍT/MT230	23.320	10%
21843	JM23000084	SPINDLE/MT230	TRỤC NHÔNG/MT230	91.584	8%
21844	JM23000085	KEY5X10/MT230	CHÓT GÀ/MT230	18.700	10%
21845	JM23000086	BALL BEARING 6304-RZ/MT230	BẠC ĐẠN 6304/MT230	96.228	8%
21846	JM23000087	SPACE RING 20/MT230	PHE GÀI 20/MT230	14.080	10%
21847	JM23000088	HELICAL GEAR/MT230	NHÔNG LỚN/MT230	164.916	8%
21848	JM23000089	SPACE RING 16/MT230	VÒNG ĐỆM/MT230	14.080	10%
21849	JM23000090	PAN HEAD SCREW M6/MT230	ỐC VÍT M6/MT230	18.700	10%
21850	JM23000091	GEAR HOUSING COMP./MT230	HỘP NHÔNG/MT230	1.071.576	8%
21851	JM23000092	PAN HEAD SCREW M5X20/MT230	ỐC VÍT M5X20/MT230	18.700	10%
21852	JM23000093	LIMIT PLATE/MT230	NÚT CHẶN/MT230	18.700	10%
21853	JM23000094	LIMIT PAD/MT230	ĐỆM CHẶN/MT230	18.700	10%
21854	JM23000095	ADJUST PAD/MT230	KE CHẶN/MT230	18.700	10%
21855	JM23000096	HEX.NUTM4/MT230	CON TẮN M4/MT230	14.080	10%
21856	JM23000097	HANDLE COVER/MT230	TAY CẮM/MT230	77.868	8%
21857	JM23000098	FAN GUIDE/MT230	THANH DẪN HƯỚNG CÀNH QUẠT/MT230	36.720	8%
21858	JM23000099	BALL BEARING 6201Z/MT230	BẠC ĐẠN 6201Z/MT230	87.048	8%
21859	JM23000100	ARMATURE ASSY (230V)/MT230	RÔ TO/MT230	1.561.572	8%
21860	JM23000101	SELF TAPING SCREWST4.8X70/MT230	ỐC VÍT/MT230	18.700	10%
21861	JM23000102	BALL BEARING 6001Z/MT230	BẠC ĐẠN 6001Z/MT230	96.228	8%
21862	JM23000103	RUBBER RING/MT230	VÒNG ĐỆM CAO SU/MT230	18.360	8%
21863	JM23000104	FIELD ASSY (230V)/MT230	STATO/MT230	1.561.572	8%
21864	JM23000105	NOISE SUPPRESSOR/MT230	TỤ LỌC/MT230	87.048	8%
21865	JM23000106	SELF TAPING SCREWST4.2X12/MT230	ỐC VÍT ST4.2X12/MT230	18.700	10%
21866	JM23000107	STRAIN RELIEF/MT230	THANH CHẶN BẮT DÂY ĐIỆN BẰNG VÍT/MT230	17.280	8%
21867	JM23000109	CORD GUARD/MT230	ÔNG CAO SU/MT230	27.540	8%
21868	JM23000110	NOISE SUPPRESSOR/MT230	TỤ LỌC/MT230	17.280	8%
21869	JM23000111	CLAMP/MT230	MIẾNG ĐỆM/MT230	17.280	8%
21870	JM23000112	SWITCHCB21-B/MT230	CÔNG TẮC/MT230	146.556	8%
21871	JM23000113	SELF TAPING SCREWST 3X8/MT230	ỐC VÍT 3X8/MT230	14.080	10%
21872	JM23000114	SWITCH LEVER/MT230	NÚT CÔNG TẮC/MT230	32.076	8%
21873	JM23000115	SELF TAPING SCREWST4.2X12/MT230	ỐC VÍT 4.2X12/MT230	22.000	10%
21874	JM23000116	TERMINAL BASE/MT230	ĐẦU NỐI/MT230	48.400	10%
21875	JM23000117	MOTOR HOUSING COMP./MT230	VỎ MÁY/MT230	380.160	8%
21876	JM23000118	PAN HEAD SCREW M4X30/MT230	ỐC VÍT/MT230	17.600	10%
21877	JM23000119	SELF TAPPING SCREW/MT230	ỐC VÍT/MT230	2.200	10%
21878	JM23000120	BRUSH HOLDER CAP/MT230	NÁP CHỐI THAN/MT230	18.360	8%
21879	JM23000121	BRUSH HOLDER/MT230	Ó CHỐI THAN/MT230	36.720	8%
21880	JM23000122	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X8/MT230	ỐC VÍT M5X8/MT230	18.700	10%
21881	JM23000123	CARBON BRUSH CB-500/LS1018L	CHÒI THAN CB-500/LS1018L	73.332	8%
21882	JM23000124	SELF TAPING SCREWST5.2X12/MT230	ỐC VÍT 5.2X12/MT230	17.600	10%
21883	JM23000125	MOTOR REAR COVER/MT230	NÁP ĐUÔI MÁY/MT230	18.360	8%
21884	JM23000126	WING BOLT/MT230	ỐC VÍT M6/MT230	18.700	10%
21885	JM23000127	HOLDER SET/LS0815FL	BỘ GÁ ĐỖ/LS0815FL	331.210	10%
21886	JM23000128	SET PLATE/MT230	THANH CHẶN/MT230	27.540	8%
21887	JM23000129	WING BOLT/MT230	ỐC CÀNH CHUÔNG/MT230	17.600	10%
21888	JM23000130	WRENCH/MT230	CỖ LỀ HẠM ĐAI ỐC/MT230	17.280	8%
21889	JM23000131	WISE ASSY/MT230	KẸP/MT230	242.550	10%
21890	JM23000136	FLAT WASHER 4/M2300B	VÒNG ĐỆM 4/M2300B	9.350	10%
21891	JM23000137	SPRING WASHER 4/M2300B	VÒNG ĐỆM 4/M2300B	9.350	10%
21892	JM23000138	PAN HEAD SCREW M4/MT230	ỐC VÍT M4/MT230	18.700	10%
21893	JM23000141	KERF BOARD/M2300B	ĐỀ LỘT BẢNG NHỰA/M2300B	36.720	8%
21894	JM23000143	KNOB/M2300B	TAY CẮM CHÍNH CẮT GÓC/M2300B	84.040	10%
21895	JM23000154	POWER SUPPLY CORD/LS0815FL	DÂY ĐIỆN/LS0815FL	480.816	8%
21896	JM23000178	DUST NOZZLE/MT230	ĐẦU NỐI HÚT BỤI/MT230	45.792	8%
21897	JM23000179	BLADE CASE COMP/MT230	BỘ BỌC LƯỖI CẮT/MT230	778.464	8%
21898	JM23000185	LOCK SPRING CAP/MT230	NÁP ĐÁY LỖ XO/MT230	18.700	10%
21899	JM23000197	HANDLE COVER/MT230	TAY CẮM/MT230	96.228	8%
21900	JM23000200	KNOCK SPRING SET/MT230	LỖ XO/MT230	93.280	10%
21901	JM23080032	CARTON/MT230	THÙNG CARTON/MT230	393.120	8%
21902	JM23080141	CARTON/M2300B	THÙNG CARTON/M2300B	325.188	8%
21903	JM23100001	STATOR ASSEMBLY/LS1018L	STATO/LS1018L	1.877.472	8%
21904	JM23100004	SAW BLADE/LS1018L	LƯỖI CỬA/LS1018L	801.360	8%
21905	JM23100006	CROSS HEAD SCREW M5X20/LS0815FL	ỐC VÍT M5X20/LS0815FL	9.350	10%
21906	JM23100007	FLAT WASHER 5/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 5/LS0815FL	4.730	10%
21907	JM23100008	PAD/LS1018L	TẮM LỘT ĐỀ/LS1018L	18.360	8%
21908	JM23100009	LOCKNUT M10/LS0815FL	ĐAI ỐC M10/LS0815FL	13.200	10%
21909	JM23100010	FLAT WASHER 10/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 10/LS0815FL	4.730	10%
21910	JM23100012	MITER SCALE LABEL/LS1018L	NHẪN DẪN/LS1018L	22.896	8%
21911	JM23100013	KNOB FOR EXT.WING/LS0815FL	NÚT CÔNG TẮC/LS0815FL	21.600	8%
21912	JM23100014	CROSS HEAD SCREW M4X15/LS0815FL	ỐC VÍT M4X15/LS0815FL	9.350	10%
21913	JM23100015	SPRING WASHER 4/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 4/LS0815FL	4.730	10%
21914	JM23100016	FLAT WASHER 4/LS0815FL	ĐỆM PHẪNG 4/LS0815FL	4.730	10%
21915	JM23100017	FRICTION PLATE/LS1018L	VÒNG ĐỆM/LS1018L	23.320	10%
21916	JM23100018	LOCK PLATE A/LS0815FL	ĐỆM KHÓA A/LS0815FL	37.400	10%
21917	JM23100019	CROSS HEAD SCREW M4X18/LS0815FL	ỐC VÍT M4X18/LS0815FL	9.350	10%
21918	JM23100020	LOCK PLATE B/LS0815FL	ĐỆM KHÓA B/LS0815FL	37.400	10%
21919	JM23100021	LOCK SPRING/LS0815FL	LỖ XO/LS0815FL	32.670	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
21920	JM23100022	LOCK PIN/LS0815FL	CHỐT/LS0815FL	23.320	10%
21921	JM23100023	PRESS PLATE/LS0815FL	CHỐT XOAY ĐỘ/LS0815FL	27.540	8%
21922	JM23100024	LOCK SHAFT B/LS1018L	CHỐT KHÓA B/LS1018L	42.020	10%
21923	JM23100025	WORKING TABLE LOCKING BRACKET/LS0815FL	CHỐT KHÓA/LS0815FL	37.400	10%
21924	JM23100026	LOCK SHAFT A/LS1018L	TRỤC KHÓA/LS1018L	23.320	10%
21925	JM23100027	MITER LOCKING HANDLE/LS0815FL	TAY CAM/LS0815FL	64.152	8%
21926	JM23100029	TABLE INSERT/LS0815FL	ĐỂ LỖ/LS0815FL	41.256	8%
21927	JM23100030	MITER POINTER/LS0815FL	KIM CHỈ GÓC/LS0815FL	22.896	8%
21928	JM23100031	CROSS HEAD SCREW M5X15/LS1018L	ỐC VÍT M5X15/LS1018L	8.800	10%
21929	JM23100032	PIVOT SHAFT/LS1018L	ĐAI ỐC/LS1018L	65.340	10%
21930	JM23100033	CROSS HEAD SCREW M4X12/LS0815FL	ỐC VÍT M4X12/LS0815FL	9.350	10%
21931	JM23100034	HEX BOLT M6X28/LS0815FL	ỐC VÍT M6X28/LS0815FL	18.700	10%
21932	JM23100035	ANTI-LOOSEN RING/LS0815FL	VÒNG ĐỆM/LS0815FL	9.350	10%
21933	JM23100037	FRICITION RING/LS1018L	VÒNG ĐỆM/LS1018L	23.320	10%
21934	JM23100038	ELASTIC PIN 4X20/LS1018L	CHỐT 4X20/LS1018L	9.350	10%
21935	JM23100039	LOCKING ROD/LS1018L	CHỐT GAI/LS1018L	42.020	10%
21936	JM23100040	H.S.BOLT M6X20/LS1018L	ỐC VÍT M6X20/LS1018L	9.350	10%
21937	JM23100041	FLAT WASHER/LS1018L	VÒNG ĐỆM/LS1018L	4.730	10%
21938	JM23100043	RETAINING RING 10/LS1018L	PHE GAI 10/LS1018L	9.350	10%
21939	JM23100044	FLAT WASHER 12X20X1/LS1018L	VÒNG ĐỆM 12X20X1/LS1018L	4.730	10%
21940	JM23100045	ANGLE LIMIT SHAFT/LS1018L	TRỤC GIỚI HẠN GÓC/LS1018L	44.000	10%
21941	JM23100046	90DEGREE BLOCK SPRING/LS1018L	LỖ XO/LS1018L	18.700	10%
21942	JM23100047	90DEGREE BLOCK/LS1018L	CHỐT GAI/LS1018L	93.280	10%
21943	JM23100048	BEVEL POINTER/LS0815FL	KIM CHỈ GÓC/LS0815FL	13.824	8%
21944	JM23100049	MITER PRESSION SPRING/LS0815FL	LỖ XO/LS0815FL	23.320	10%
21945	JM23100051	LIMITED KNOB/LS0815FL	NÚT NHẤN/LS0815FL	22.896	8%
21946	JM23100052	CLAMP PLATE/LS0815FL	TẮM ĐỆM/LS0815FL	17.600	10%
21947	JM23100053	BOWL TYPE PLATE/LS0815FL	ĐỆM DẠNG TRÙNG/LS0815FL	17.600	10%
21948	JM23100054	SURFACE BEARING/LS0815FL	BẠC ĐẠN/LS0815FL	142.020	8%
21949	JM23100055	BIG FLAT WASHER 10X26X2.5/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 10X26X2.5/LS0815FL	23.320	10%
21950	JM23100056	SLIDING BRACKET COVER/LS1018L	NẮP ĐẦY/LS1018L	18.360	8%
21951	JM23100057	HEX NUT/LS1018L	ỐC VÍT/LS1018L	18.700	10%
21952	JM23100058	BEVEL LOCKING HANDLE/LS1018L	CÁN KHÓA MỎ/LS1018L	22.896	8%
21953	JM23100060	FLAT WASHER 8/LS0815FL	ĐỆM PHẪNG/LS0815FL	4.644	8%
21954	JM23100061	SPRING WASHER 8/LS0815FL	ĐỆM LỖ XO 8/LS0815FL	4.730	10%
21955	JM23100062	HEX BOLT M8X30/LS0815FL	BU LÔNG M8X30/LS0815FL	23.320	10%
21956	JM23100063	KEY/LS1018L	KHÓA/LS1018L	32.670	10%
21957	JM23100065	CROSS HEAD SCREW M4X8/LS0815FL	ỐC VÍT M4X8/LS0815FL	4.400	10%
21958	JM23100066	WING KNOB M6X20/LS1018L	ỐC CÀNH CHUÔNG M6X45/LS1018L	23.320	10%
21959	JM23100067	H.S.BOLT M4X12/LS0815FL	ỐC VÍT M4X12/LS0815FL	8.800	10%
21960	JM23100068	LASER MOVING FIX PLATE/LS1018L	TẮM ĐỆM CỐ ĐỊNH/LS1018L	9.350	10%
21961	JM23100069	LASER CORD CLAMP/LS1018L	ĐỀ KẸP DÂY ĐIỆN/LS1018L	4.320	8%
21962	JM23100070	LASER/LS1018L	ĐÈN LAZE/LS1018L	224.424	8%
21963	JM23100071	THIN FLAT WASHER 6/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 6/LS0815FL	4.730	10%
21964	JM23100072	CORD CLAMP/LS0815FL	KẸP DÂY ĐIỆN/LS0815FL	12.960	8%
21965	JM23100073	CORD WRAP BRACKET/LS1018L	KẸP CUỘN DÂY ĐIỆN/LS1018L	41.256	8%
21966	JM23100075	LASER BASE/LS1018L	ĐỂ LAZE/LS1018L	36.720	8%
21967	JM23100076	H.S.SCREW M4X10/LS1018L	ỐC VÍT M4X10/LS1018L	9.350	10%
21968	JM23100077	CONNECTION SHAFT/LS1018L	TRỤC NỐI/LS1018L	36.720	8%
21969	JM23100078	TORSION SPRING/LS1018L	LỖ XO/LS1018L	154.000	10%
21970	JM23100079	LOCATION TUBE/LS1018L	ỐNG CỐ ĐỊNH/LS1018L	22.896	8%
21971	JM23100080	SLIDING BAR/LS1018L	THÀNH TRƯỢT/LS1018L	558.684	8%
21972	JM23100081	BUFFER/LS0815FL	MIỀNG ĐỆM A/LS0815FL	37.400	10%
21973	JM23100082	BEARING BAFFLE/LS1018L	VÒNG ĐỆM GIỮ BẠC ĐẠN/LS1018L	37.400	10%
21974	JM23100083	LIMITED BRACKET/LS1018L	TẮM ĐỆM/LS1018L	18.700	10%
21975	JM23100084	DUSTPROOF RING/LS1018L	VÒNG ĐỆM NGĂN BỤI/LS1018L	13.824	8%
21976	JM23100085	LINEAR BEARING/LS1018L	BẠC ĐẠN TRƯỢT/LS1018L	334.368	8%
21977	JM23100086	SLIDING BAR LOCKING KNOB/LS0815FL	ỐC VÍT/LS0815FL	18.700	10%
21978	JM23100087	LOCK SCREW M6X8/LS0815FL	ỐC VÍT M6X8/LS0815FL	8.800	10%
21979	JM23100088	PRESSURE SPRING/LS0815FL	LỖ XO/LS0815FL	14.080	10%
21980	JM23100089	CROSS HEAD SCREW M5X12/LS1018L	ỐC VÍT M5X12/LS1018L	9.350	10%
21981	JM23100090	SLIDING BAR REAR COVER/LS1018L	BỘ GAI THANH TRƯỢT/LS1018L	201.528	8%
21982	JM23100091	WRENCH CLIP/LS0815FL	ĐỀ KẸP/LS0815FL	17.600	10%
21983	JM23100092	CUTTING DEPTH ADJUSTABLE PLATE/LS0815FL	TẮM ĐỆM ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SAU/LS0815FL	17.600	10%
21984	JM23100094	WAVE SPRING WASHER/LS0815FL	VÒNG ĐỆM/LS0815FL	8.800	10%
21985	JM23100095	FLAT WASHER 8X14X1/LS1018L	VÒNG ĐỆM 8X14X1/LS1018L	4.730	10%
21986	JM23100096	DEPTH ADJUSTABLE PLATE BOLT/LS0815FL	ỐC ĐIỀU CHỈNH ĐỘ SAU/LS0815FL	8.800	10%
21987	JM23100097	PIN CAP/LS0815FL	NẮP CHỐT/LS0815FL	17.280	8%
21988	JM23100098	LINK SLEEVE/LS0815FL	VÒNG ĐỆM/LS0815FL	14.080	10%
21989	JM23100099	LINK/LS1018L	THÀNH GAI/LS1018L	59.616	8%
21990	JM23100101	GUARD RIVET/LS0815FL	ĐINH TÁN/LS0815FL	4.400	10%
21991	JM23100102	GUARD WHEEL/LS0815FL	CHỤP BẢO VỆ/LS0815FL	4.644	8%
21992	JM23100103	WHEEL LOCK RING/LS0815FL	VÒNG ĐỆM GAI/LS0815FL	4.730	10%
21993	JM23100104	FLAT WASHER 5/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 5/LS0815FL	4.400	10%
21994	JM23100105	LOWER BLADE GUARD PLATE/LS1018L	TẮM BẢO VỆ LƯỚI PHÍA DƯỚI/LS1018L	144.650	10%
21995	JM23100106	SQUARE NECK BOLT M6X12/LS1018L	ỐC VÍT M6X12/LS1018L	23.320	10%
21996	JM23100107	GUARD SPRING/LS1018L	LỖ XO/LS1018L	42.020	10%
21997	JM23100108	BOWL PLATE/LS1018L	MIỀNG ĐỆM/LS1018L	23.320	10%
21998	JM23100109	GUARD FIX PLATE/LS1018L	TẮM ĐỆM CỐ ĐỊNH/LS1018L	23.320	10%
21999	JM23100110	LOCKNUT M6/LS1018L	ĐAI ỐC M6/LS1018L	14.080	10%
22000	JM23100112	HEX BOLT FOR GUARD/LS1018L	BU LÔNG/LS1018L	23.320	10%
22001	JM23100113	CROSSHEAD SCREW FOR GUARD/LS0815FL	ỐC VÍT/LS0815FL	23.320	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22002	JM23100114	LINK PIN/LS0815FL	CHỐT NỐI/LS0815FL	9.350	10%
22003	JM23100115	RETAINING RING 5/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 5/LS0815FL	4.730	10%
22004	JM23100116	LOCK SCREW M6X12/LS1018L	ỐC VÍT M6X12/LS1018L	9.350	10%
22005	JM23100117	DUST PORT/LS1018L	ỐNG DẪN BỤI/LS1018L	41.256	8%
22006	JM23100118	HEX BOLT M6X25/LS1018L	ỐC VÍT M6X25/LS1018L	9.350	10%
22007	JM23100119	LIMITED KNOB/LS0815FL	CHÓT/LS0815FL	42.020	10%
22008	JM23100120	H.S.SCREW M6X15/LS1018L	ỐC VÍT M6X15/LS1018L	9.350	10%
22009	JM23100122	DUST GUIDE PLATE/LS1018L	MÀNG CHẴN BỤI/LS1018L	18.700	10%
22010	JM23100123	COPPER CONNECTION PLATE/LS1018L	TẤM ĐỆM NỐI/LS1018L	42.020	10%
22011	JM23100125	BATTERY BOX/LS1018L	HỘP CHỨA PIN/LS1018L	59.616	8%
22012	JM23100126	LASER CORD TUBE/LS1018L	ỐNG DẪY ĐIỆN/LS1018L	8.640	8%
22013	JM23100127	LASER SWITCH COVER/LS1018L	NẮP ĐÁY CÔNG TÁC/LS1018L	13.824	8%
22014	JM23100128	BATTERY BOX COVER/LS1018L	NẮP ĐÁY HỘP CHỨA PIN/LS1018L	9.180	8%
22015	JM23100129	LASER SWITCH/LS1018L	CÔNG TÁC LAZE/LS1018L	54.972	8%
22016	JM23100130	SELF-TAPPING SCREW 2.9X12/LS1018L	ỐC VÍT 2.9X12/LS1018L	14.080	10%
22017	JM23100131	ANODE COPPER SHEET/LS1018L	TẤM ĐỒNG CỰC DƯỠNG/LS1018L	17.600	10%
22018	JM23100132	CATHODE COPPER SHEET/LS1018L	TẤM ĐỒNG CỰC AM/LS1018L	13.200	10%
22019	JM23100133	BATTERY BOX SPRING/LS1018L	LÒ XO/LS1018L	13.200	10%
22020	JM23100138	LOCK COVER/LS0815FL	NÚT BỘC CHÓT MỎ LUỖI/LS0815FL	17.280	8%
22021	JM23100140	LEVER SPRING/LS1018L	LÒ XO/LS1018L	26.400	10%
22022	JM23100141	LOCKNUT M5/LS0815FL	TẮN KHÓA M5/LS0815FL	13.200	10%
22023	JM23100145	ELASTIC PIN 5X30/LS1018L	CHÓT 5X30/LS1018L	8.640	8%
22024	JM23100146	H.S.BOLT M4X10/LS1018L	ỐC VÍT M4X10/LS1018L	9.350	10%
22025	JM23100147	BUFFER/LS0815FL	MIỀNG ĐỆM B/LS0815FL	30.800	10%
22026	JM23100148	H.S.BOLT M6X20 WITH GLUE/LS1018L	ỐC VÍT M6X20/LS1018L	23.320	10%
22027	JM23100149	SPRING WASHER 5/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 5/LS0815FL	4.730	10%
22028	JM23100150	SEALING RING/LS0815FL	VÒNG ĐỆM/LS0815FL	17.280	8%
22029	JM23100151	SPRING WASHER 6/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 6/LS0815FL	4.730	10%
22030	JM23100152	WING KNOB,M6X10/LS0815FL	ỐC CÀNH CHUÔNG M6X10/LS0815FL	23.320	10%
22031	JM23100153	BLADE BOLT/LS1018L	ỐC VÍT/LS1018L	23.320	10%
22032	JM23100154	BIG FLAT WASHER 10/LS1018L	VÒNG ĐỆM 10/LS1018L	13.200	10%
22033	JM23100156	KEY 5X10/LS0815FL	CHÓT LAVET/LS0815FL	28.050	10%
22034	JM23100157	BEARING 6304/LS0815FL	BẠC ĐẠN 6304/LS0815FL	119.124	8%
22035	JM23100158	RETAINING RING 20/LS0815FL	VÒNG GÀI 20/LS0815FL	13.200	10%
22036	JM23100159	GEAR/LS1017L	NHÔNG/LS1017L	247.320	8%
22037	JM23100160	RETAINING RING 16/LS0815FL	VÒNG GÀI 16/LS0815FL	13.200	10%
22038	JM23100161	OUTPUT SHAFT SCREW M8X12/LS0815FL	ỐC VÍT M8X12/LS0815FL	13.200	10%
22039	JM23100165	PROTECTION TUBE/LS0815FL	ỐNG BẢO VỆ/LS0815FL	36.720	8%
22040	JM23100166	CORD CLAMP/LS0815FL	THÀNH NẾP DÂY ĐIỆN/LS0815FL	12.960	8%
22041	JM23100167	SELF TAPPING SCREW M4X16/LS0815FL	ỐC VÍT M4X16/LS0815FL	17.600	10%
22042	JM23100168	BAFFLE RING/LS1018L	NẮP CHẴN GIO/LS1018L	22.896	8%
22043	JM23100169	CAPACITOR/LS0815FL	TỤ ĐIỆN/LS0815FL	82.512	8%
22044	JM23100171	TERMINAL POLE/LS0815FL	ĐẦU NỐI NHANH/LS0815FL	41.256	8%
22045	JM23100172	ABSORBER RING/LS1018L	VÒNG ĐỆM CAO SU/LS1018L	22.896	8%
22046	JM23100173	SWITCH LOCK BRACKET/LS0815FL	MIỀNG CHẴN LỖ XO CÔNG TÁC/LS0815FL	22.896	8%
22047	JM23100174	SWITCH HANDLE/LS0815FL	TAY CẦM CÔNG TÁC/LS0815FL	77.868	8%
22048	JM23100175	SWITCH LOCK PLATE/LS0815FL	NÚT KHÓA CÔNG TÁC/LS0815FL	45.792	8%
22049	JM23100176	SWITCH HANDLE SPRING/LS0815FL	LÒ XO/LS0815FL	42.020	10%
22050	JM23100177	BRAKE SYSTEM SWITCH KEY/LS1018L	CHÓT CÔNG TÁC/LS1018L	13.824	8%
22051	JM23100178	BRAKE SYSTEM SWITCH/LS1018L	CÔNG TÁC HỆ THỐNG PHANH/LS1018L	64.152	8%
22052	JM23100179	ELECTRIC SWITCH/LS0815FL	CÔNG TÁC/LS0815FL	334.368	8%
22053	JM23100182	SCREW CAP/LS1018L	NẮP CỎ REN/LS1018L	18.360	8%
22054	JM23100184	CARBON BRUSH HOUSE/LS1018L	Ồ CHƠI THAN/LS1018L	45.792	8%
22055	JM23100185	H.S.SCREW M5X8/LS0815FL	ỐC VÍT M5X8/LS0815FL	8.800	10%
22056	JM23100186	SOFT STARTER/LS0815FL	BỘ KHỞI ĐỘNG/LS0815FL	489.996	8%
22057	JM23100188	MOTOR REAR COVER/LS1018L	NẮP CHỤP ĐUÔI MỎ TỖ/LS1018L	59.616	8%
22058	JM23100190	SPECIAL WASHER 6/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 6/LS0815FL	18.700	10%
22059	JM23100191	BLADE INNER RING/LS0815FL	LONG ĐÈN/LS0815FL	23.320	10%
22060	JM23100193	PIN C/LS0815FL	CHÓT GAI/LS0815FL	17.600	10%
22061	JM23100197	BOX WRENCH 13-3/LS1018L	CỖ LÊ/LS1018L	246.240	8%
22062	JM23100300	BASE COMPLETE/LS1018L	BÀN ĐỂ MÁY CỬA/LS1018L	2.124.792	8%
22063	JM23100320	SUB FENCE COMPLETE/LS1018L	TẤM CHẴN PHỤ/LS1018L	167.970	10%
22064	JM23100342	UP BLADE GUARD BRACKET CMPLT/LS1018L	THÀNH TRƯỢT/LS1018L	1.671.408	8%
22065	JM23100365	UP BLADE GUARD COMPLETE/LS1018L	NẮP BẢO VỆ/LS1018L	1.241.028	8%
22066	JM23100390	LASER ASSEMBLY/LS1018L	BỘ LAZE/LS1018L	448.848	8%
22067	JM23100500	EXTENSION WING/LS1018L	THÀNH CỬ/LS1018L	201.528	8%
22068	JM23100501	DUST BAG ASSEMBLY/LS1018L	TÚI CHỨA BỤI/LS1018L	87.048	8%
22069	JM23100502	VISE ASSEMBLY/LS1018L	E TỖ KÉP/LS1018L	191.290	10%
22070	JM23180056	CAUTION LABEL/LS0815FL	NHÃN DÁN/LS0815FL	18.360	8%
22071	JM23180057	CAUTION LABEL/LS0815FL	NHÃN DÁN/LS0815FL	18.360	8%
22072	JM23180058	CAUTION LABEL/LS1018L	NHÃN DÁN/LS1018L	18.360	8%
22073	JM23180059	CAUTION LABEL/LS0815FL	NHÃN DÁN/LS0815FL	18.360	8%
22074	JM23180060	CAUTION LABEL/LS1018L	NHÃN DÁN/LS1018L	17.280	8%
22075	JM23200001	ROTOR ASSEMBLY/LS1018L	RỎ TỖ/LS1018L	1.991.952	8%
22076	JM23200004	BEVEL SCALE/LS1018L	NHÃN DÁN/LS1018L	18.360	8%
22077	JM23200005	45DEGREE LIMIT BRACKET/LS1018L	CÁN CHUYỂN GIỚI HẠN 45/LS1018L	65.340	10%
22078	JM23200006	H.S.BOLT M6X22/LS1018L	ỐC VÍT M6X22/LS1018L	9.350	10%
22079	JM23200007	RIGHT SUB FENCE CONNECTION PIN/LS1018L	TRỤC NỐI/LS1018L	60.720	10%
22080	JM23200008	RIGHT SUB FENCE/LS1017L	THÀNH DẪN HƯỚNG PHỤ PHẢI/LS1017L	247.280	10%
22081	JM23200009	H.S.SCREW WITH DOG POINT M6X10/LS1018L	VÍT M6X10/LS1018L	18.700	10%
22082	JM23200012	OUTPUT SHAFT RING 15.88/LS1018L	LONG ĐÈN/LS1018L	37.400	10%
22083	JM23200013	COUNTERSUNK HEAD BOLT M4X10/LS1018L	ỐC VÍT M4X10/LS1018L	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22084	JM23200014	COUNTERSUNK HEAD BOLT M6X15/LS1018L	ỐC VÍT M6X15/LS1018L	14.080	10%
22085	JM23200015	BEARING PRESS PLATE/LS1018L	MIẾNG ĐỆM ẮN BẠC ĐẠN/LS1018L	55.990	10%
22086	JM23200016	BEARING COVER/LS1018L	NÁP GIỮ BẠC ĐẠN/LS1018L	107.360	10%
22087	JM23200017	OUTPUT SHAFT/LS1018L	TRỤC NHÔNG/LS1018L	242.784	8%
22088	JM23200018	KEY 4X10/LS1018L	CHÓT LAVET/LS1018L	23.320	10%
22089	JM23200020	GEAR/LS1018L	NHÔNG LỚN/LS1018L	467.100	8%
22090	JM23200021	SHAFT WASHER/LS1018L	LONG ĐÈN/LS1018L	14.080	10%
22091	JM23200022	RETAINING RING 14/LS1018L	VÒNG Hãm BẰNG THÉP 14/LS1018L	9.350	10%
22092	JM23200023	OIL BUSH/LS1018L	MIẾNG ĐỆM/LS1018L	88.660	10%
22093	JM23200025	GEAR LOCK SPRING/LS1018L	LÒ XO KHÓA NHÔNG/LS1018L	37.400	10%
22094	JM23200026	GEAR LOCK PIN/LS1018L	CHÓT KHÓA NHÔNG/LS1018L	37.400	10%
22095	JM23200027	RETAINING RING 10.5X1/LS1018L	PHE GÀI 10.5X1/LS1018L	9.350	10%
22096	JM23200028	SHAFT FIX COVER/LS1018L	NÁP ĐÁY/LS1018L	50.436	8%
22097	JM23200029	CROSS HEAD SCREW M5X18/LS1018L	ỐC VÍT M5X18/LS1018L	9.350	10%
22098	JM23200030	RETAINING RING 16/LS1018L	VÒNG ĐỆM 16/LS1018L	9.350	10%
22099	JM23200031	BEARING 6003/LS1018L	BẠC ĐẠN 6003/LS1018L	109.944	8%
22100	JM23200032	BEARING 6001/LS1018L	BẠC ĐẠN 6001/LS1018L	109.944	8%
22101	JM23200034	RIGHT HANDLE/LS1018L	TAY CẦM BÊN PHẢI/LS1018L	187.812	8%
22102	JM23200036	LEFT HANDLE/LS1018L	TAY CẦM BÊN TRÁI/LS1018L	187.812	8%
22103	JM23200037	RIP FENCE/LS1018L	THANH CỬ/LS1018L	728.136	8%
22104	JM23200100	WORKING TABLE COMPLETE/LS1018L	BÀN MÁY CỬA/LS1018L	1.790.532	8%
22105	JM23200120	MOTOR HOUSE COMPLETE/LS1018L	VỎ MÔ TƠ/LS1018L	567.864	8%
22106	JM23200130	GEAR BOX COMPLETE/LS1018L	HỘP NHÔNG/LS1018L	1.007.424	8%
22107	JM23200146	UP BLADE GUARD COMPLETE/LS1018L	NÁP BẢO VỆ/LS1018L	1.186.056	8%
22108	JM23210008	LOWER BLADE GUARD COMPLETE/LS1018L	GIÁ ĐÓ BẢO VỆ/LS1018L	380.160	8%
22109	JM23280021	NAME PLATE/LS1018L	BẢNG TÊN/LS1018L	18.360	8%
22110	JM23280056	CAUTION LABEL/LS1018L	NHÃN DAN/LS1018L	17.280	8%
22111	JM23500001	ARMATURE(230V)/LS0815FL	RÔ TƠ/LS0815FL	1.895.832	8%
22112	JM23500004	FIELD 230V/LS0815FL	STATO/LS0815FL	1.895.832	8%
22113	JM23500008	CROSS HEAD SCREW M4X10/LS0815FL	ỐC VÍT M4X10/LS0815FL	13.200	10%
22114	JM23500009	PIVOT SHAFT/LS0815FL	ỐC VÍT/LS0815FL	52.800	10%
22115	JM23500012	FRICTION PLATE/LS0815FL	THANH CỬ BÀN CẮT/LS0815FL	47.520	8%
22116	JM23500013	ADJUSTABLE ROD/LS0815FL	ỐC ĐIỀU CHỈNH CHÂN MÁY/LS0815FL	26.400	10%
22117	JM23500014	SPRING11/LS0815FL	LÒ XO 11/LS0815FL	8.800	10%
22118	JM23500015	LOCK SHAFT B/LS0815FL	TRỤC TỶ B/LS0815FL	25.920	8%
22119	JM23500016	LOCK SHAFT A/LS0815FL	TRỤC TỶ A/LS0815FL	28.050	10%
22120	JM23500022	FLAT WASHER 8/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 8/LS0815FL	8.800	10%
22121	JM23500023	LOCKNUT M8/LS0815FL	TẮN KHÓA M8/LS0815FL	8.800	10%
22122	JM23500024	KEY/LS0815FL	THANH KHOA/LS0815FL	47.520	8%
22123	JM23500025	SUB FENCE/LS0815FL	THANH CHÂN PHỤ/LS0815FL	133.920	8%
22124	JM23500026	RIP FENCE/LS0815FL	TẦM CỬ/LS0815FL	476.280	8%
22125	JM23500027	LOCK THIN NUT/LS0815FL	TẮN KHOA/LS0815FL	8.800	10%
22126	JM23500031	SQUARE NECK BOLT M5X12/LS0815FL	ỐC VÍT M5X12/LS0815FL	8.800	10%
22127	JM23500035	GUARD SPRING/LS0815FL	LÒ XO LẬP BẢO VỆ/LS0815FL	13.200	10%
22128	JM23500036	LOW GUARD FIX PLATE/LS0815FL	TẦM CHÂN BẢO VỆ/LS0815FL	50.436	8%
22129	JM23500037	GUARD LINKAGE CENTER PLATE/LS0815FL	GÁ ĐỖ CHỤP BẢO VỆ/LS0815FL	55.990	10%
22130	JM23500039	DUST PORT/LS0815FL	NÁP CHÂN DÀN BỤI/LS0815FL	51.840	8%
22131	JM23500041	H.S.BOLT M6X40/LS0815FL	ỐC VÍT M6X40/LS0815FL	8.800	10%
22132	JM23500047	GUARD INSERT/LS0815FL	MIẾNG CHÈN BẢO VỆ/LS0815FL	12.960	8%
22133	JM23500048	LOCK PLATE/LS0815FL	MIẾNG ĐỆM KHÓA/LS0815FL	13.200	10%
22134	JM23500049	LOCK SPRING5/LS0815FL	LÒ XO 5/LS0815FL	13.200	10%
22135	JM23500051	HEX BOLT M6X25/LS0815FL	ỐC VÍT M6X25/LS0815FL	8.800	10%
22136	JM23500052	H.S.SET SCREW/LS0815FL	ỐC VÍT/LS0815FL	13.200	10%
22137	JM23500053	OUT STAR WASHER/LS0815FL	VÒNG ĐỆM/LS0815FL	4.400	10%
22138	JM23500054	SQUARE NECK BOLT M6X14/LS0815FL	ỐC VÍT M6X14/LS0815FL	8.800	10%
22139	JM23500055	LINK FIX PLATE/LS0815FL	MIẾNG ĐỆM/LS0815FL	26.400	10%
22140	JM23500056	CROSS HEAD SCREW M4X28/LS0815FL	ỐC VÍT M4X28/LS0815FL	13.200	10%
22141	JM23500057	LAMP COVER/LS0815FL	NÁP GIỮ ĐÈN/LS0815FL	25.920	8%
22142	JM23500058	LAMP LENZ/LS0815FL	BÓNG ĐÈN /LS0815FL	12.960	8%
22143	JM23500059	SEALING RING/LS0815FL	VÒNG ĐỆM CAO SU/LS0815FL	8.640	8%
22144	JM23500062	S.T.CROSS HEAD SCREW 9X13/LS0815FL	ỐC VÍT 9X13/LS0815FL	13.200	10%
22145	JM23500063	SPRING SUPPORT PIN/LS0815FL	CHÓT GIỮ LÒ XO/LS0815FL	26.400	10%
22146	JM23500064	CONNECTION SHAFT/LS0815FL	TRỤC TỶ/LS0815FL	25.920	8%
22147	JM23500065	SPRING BRACKET/LS0815FL	ĐỆM CHÈN/LS0815FL	26.400	10%
22148	JM23500066	CABLE HOLDER BRACKET/LS0815FL	MỐC TREO DÂY/LS0815FL	25.920	8%
22149	JM23500067	LASER BRACKET/LS0815FL	ĐẼ ĐÈN LAZER/LS0815FL	30.240	8%
22150	JM23500068	H.S.BOLT M4X8/LS0815FL	ỐC VÍT M4X8/LS0815FL	8.800	10%
22151	JM23500069	H.S.SET SCREW/LS0815FL	ỐC VÍT/LS0815FL	13.200	10%
22152	JM23500070	LASER/LS0815FL	ĐÈN LAZE/LS0815FL	155.736	8%
22153	JM23500071	H.S.BOLT M6X12/LS0815FL	ỐC VÍT M6X12/LS0815FL	8.800	10%
22154	JM23500072	SPRING32/LS0815FL	LÒ XO/LS0815FL	140.800	10%
22155	JM23500073	LASER MOVING PLATE/LS0815FL	ĐẼ ĐIỀU CHỈNH ĐÈN LAZER/LS0815FL	43.200	8%
22156	JM23500077	BRACKET BACK COVER/LS0815FL	NÁP GAI BỐ TRƯỢT/LS0815FL	12.960	8%
22157	JM23500078	FRICTION RING/LS0815FL	VÒNG ĐỆM/LS0815FL	13.200	10%
22158	JM23500079	RETAINING RING 8/LS0815FL	VÒNG GAI 8/LS0815FL	8.800	10%
22159	JM23500080	90 DEGREE LIMIT BRACKET/LS0815FL	CHÓT GIỚI HẠN GÓC 90/LS0815FL	52.800	10%
22160	JM23500081	CROSS HEAD SCREW M5X/LS0815FL	ỐC VÍT M5/LS0815FL	13.200	10%
22161	JM23500082	SUPPORT ARM COVER/LS0815FL	VÒNG ĐỆM TỶ TRƯỢT/LS0815FL	52.800	10%
22162	JM23500083	DUSTPROOF RING/LS0815FL	VÒNG ĐỆM TỶ TRƯỢT/LS0815FL	8.800	10%
22163	JM23500084	BEARING GASKET/LS0815FL	BẠC ĐẠN TRƯỢT/LS0815FL	12.960	8%
22164	JM23500085	SLIDING BAR BRACKET/LS0815FL	NÁP BẠC ĐẠN TRƯỢT/LS0815FL	25.920	8%
22165	JM23500086	SUPPORT ARM COVER/LS0815FL	NÁP TRƯỚC SAU/LS0815FL	25.920	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22166	JM23500087	BEVEL LOCKING HANDLE/LS0815FL	CÁN KHÓA /LS0815FL	34.560	8%
22167	JM23500088	HEX NUT/LS0815FL	TẮN KHÓA THẦN MÁY/LS0815FL	8.800	10%
22168	JM23500093	45 DEGREE LIMIT PLATE/LS0815FL	MIẾNG ĐỆM GÀI 45/LS0815FL	26.400	10%
22169	JM23500094	SPRING8/LS0815FL	LÒ XO 8/LS0815FL	8.800	10%
22170	JM23500095	45DEGREE LIMIT BRACKET/LS0815FL	BỘ CHIA GÓC 45 ĐỘ/LS0815FL	47.520	8%
22171	JM23500096	H.S.BOLT M5X14/LS0815FL	ỐC VÍT M5X14/LS0815FL	8.800	10%
22172	JM23500097	45 DEGREE COVER/LS0815FL	NÁP GIỮ GÓC 45/LS0815FL	17.600	10%
22173	JM23500103	OUTPUT SHAFT/LS0815FL	CÓT NHÔNG/LS0815FL	142.020	8%
22174	JM23500104	GEAR WHEEL/LS0815FL	NHÔNG LỚN/LS0815FL	261.036	8%
22175	JM23500107	LEFT HANDLE/LS0815FL	TAY CÀM TRAI/LS0815FL	250.560	8%
22176	JM23500108	PROTECTIVE SLEEVE/LS0815FL	ĐỆM CAO SU/LS0815FL	25.920	8%
22177	JM23500109	TRANSFORMER/LS0815FL	BỘ BIẾN ÁP/LS0815FL	133.920	8%
22178	JM23500110	BAFFLER RING/LS0815FL	NÁP CHÂN GIÓ/LS0815FL	21.600	8%
22179	JM23500111	BALL BEARING 608/LS0816F	BẠC ĐẠN 608/LS0816F	73.332	8%
22180	JM23500112	DAMPING RING/LS0815FL	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/LS0815FL	8.640	8%
22181	JM23500113	S.T. CROSS HEAD 4.2X65/LS0815FL	ỐC VÍT M4.2X65/LS0815FL	17.600	10%
22182	JM23500116	BRUSH COVER/LS0815FL	NÁP THAN/LS0815FL	8.640	8%
22183	JM23500117	CARBON BRUSH CB-500/LS0815FL	CARBON BRUSH CB-500/LS0815FL	73.332	8%
22184	JM23500118	CROSS HEAD SCREW M6X60/LS0815FL	ỐC VÍT M6X60/LS0815FL	17.600	10%
22185	JM23500119	MOTOR REAR COVER/LS0815FL	VỎ ĐUÔI MÁY/LS0815FL	69.120	8%
22186	JM23500120	ST CROSS HEAD SCREW 4.2X28/LS0815FL	ỐC VÍT 4.2X28/LS0815FL	13.200	10%
22187	JM23500121	RIGHT HANDLE/LS0815FL	TAY CÀM PHẢI/LS0815FL	250.560	8%
22188	JM23500123	CROSS HEAD SCREW M5X40/LS0815FL	ỐC VÍT M5X40/LS0815FL	13.200	10%
22189	JM23500124	SWITCH BRACKET/LS0815FL	HỘP CÔNG TẮC/LS0815FL	12.960	8%
22190	JM23500125	LASER SWITCH/LS0815FL	CÔNG TẮT ĐÈN LAZE/LS0815FL	129.600	8%
22191	JM23500126	LASER SWITCH PROTECTIVE COVER/LS0815FL	NÁP ĐẦY CÔNG TẮC/LS0815FL	13.824	8%
22192	JM23500128	FLAT WASHER 3/LS0815FL	VÒNG ĐỆM 3/LS0815FL	4.400	10%
22193	JM23500132	BUFFER PAD/LS0815FL	CHÂN ĐÈ CAO SU/LS0815FL	12.960	8%
22194	JM23500134	HEX BOLT M8X15/LS0815FL	ỐC VÍT M8X15/LS0815FL	8.800	10%
22195	JM23500135	BLADE BOLT/LS0815FL	ỐC VÍT/LS0815FL	39.600	10%
22196	JM23500137	BALL BEARING 6201/LS0815FL	BẠC ĐẠN 6201/LS0815FL	59.616	8%
22197	JM23500139	LOCK PLATE/LS0815FL	CHÓT KHÓA LƯỖI/LS0815FL	13.200	10%
22198	JM23510001	BASE COMPLETE/LS0815FL	BÀN ĐỀ MÁY CỬA/LS0815FL	1.183.680	8%
22199	JM23510002	WORKING TABLE COMPLETE/LS0815FL	BÀN MÁY CỬA/LS0815FL	1.006.560	8%
22200	JM23510003	LINK COMPLETE/LS0815FL	THÀNH ĐẦY NÁP BẢO VỆ/LS0815FL	69.960	10%
22201	JM23510004	LOW BLADE GUARD/LS0815FL	NÁP BẢO VỆ/LS0815FL	375.840	8%
22202	JM23510005	UP BLADE GUARD COMPLETE/LS0815FL	NÁP BẢO VỆ/LS0815FL	677.600	10%
22203	JM23510006	LAMP ASSY/LS0815FL	NÁP CHÓA BÓNG ĐÈN/LS0815FL	237.600	8%
22204	JM23510007	UP BLADE GUARD BRACKET COMP/LS0815FL	THÀNH TRƯỢT/LS0815FL	673.920	8%
22205	JM23510008	SUPPORT ARM COMPLTE/LS0815FL	BỘ GÀI THANH TRƯỢT/LS0815FL	828.900	8%
22206	JM23510011	GEAR BOX COMPLETE/LS0815FL	HỘP NHÔNG/LS0815FL	357.264	8%
22207	JM23510012	MOTOR HOUSING COMPLETE/LS0815FL	VỎ MÁY/LS0815FL	375.516	8%
22208	JM23600001	SET PLATE/WS06	TẤM THÉP/WS06	35.200	10%
22209	JM23600002	H.S.BOLT M4X6/WS06	BU LÔNG/WS06	8.800	10%
22210	JM23600003	SUPPORT BRACKET/WS06	GIÁ ĐỖ/WS06	83.600	10%
22211	JM23600004	COVER/WS06	NÁP/WS06	21.600	8%
22212	JM23600005	SLEEVE/WS06	NÔNG THÉP/WS06	25.920	8%
22213	JM23600006	LOCK KNOB A/WS06	NÚT KHÓA A/WS06	25.920	8%
22214	JM23600007	EXT. WING/WS06	THÀNH CỬ/WS06	328.320	8%
22215	JM23600008	PAD A/WS06	ĐỆM A/WS06	22.000	10%
22216	JM23600009	PAD B/WS06	ĐỆM B/WS06	22.000	10%
22217	JM23600010	H.S.BOLT M8X12/WS06	BU LÔNG M8X12/WS06	17.600	10%
22218	JM23600011	CARRY HANDLE/WS06	TAY CÀM/WS06	51.840	8%
22219	JM23600012	HEX NUT M8/WS06	BU LÔNG M8/WS06	13.200	10%
22220	JM23600013	FIX LINK PLATE/WS06	TẤM NHÔM/WS06	22.000	10%
22221	JM23600014	CROSS HEAD SCREW M4×10/WS06	ỐC VÍT/WS06	13.200	10%
22222	JM23600015	RAIL COVER/WS06	BỘ NÁP GÀI/WS06	21.600	8%
22223	JM23600016	LOCK KNOB B/WS06	NÚT KHÓA B/WS06	25.920	8%
22224	JM23600017	SELF-TAPPING SCREW ST4.2×9.5/WS06	ỐC VÍT/WS06	13.200	10%
22225	JM23600018	H.S.BOLT M6×12/WS06	BU LÔNG M6X12/WS06	13.200	10%
22226	JM23600019	FLAT WASHER 6/WS06	MIẾNG ĐỆM PHẪNG/WS06	8.800	10%
22227	JM23600020	LOCK BLOCK/WS06	GIÁ ĐỖ CHÓT KHÓA/WS06	52.800	10%
22228	JM23600021	SPRING/WS06	LÒ XO/WS06	22.000	10%
22229	JM23600022	BOLT M8/WS06	BU LÔNG M8/WS06	22.000	10%
22230	JM23600025	LOCK HANDLE/WS06	CÁN GẠT KHÓA CHẾ ĐỘ/WS06	82.080	8%
22231	JM23600026	FOOT/WS06	CHÂN ĐÈ RUNG/WS06	25.920	8%
22232	JM23600027	HEX BOLT M8×16/WS06	BU LÔNG M8X16/WS06	22.000	10%
22233	JM23600028	SLOT NUT M8/WS06	ỐC KHÓA/WS06	13.200	10%
22234	JM23600029	SLIDING RAIL/WS06	THÀNH TRƯỢT/WS06	267.840	8%
22235	JM23600030	FLAT WASHER 8/WS06	ĐỆM PHẪNG/WS06	8.800	10%
22236	JM23600031	HEX BOLT M8×25/WS06	BU LÔNG M8X25/WS06	13.200	10%
22237	JM23600033	TUBE/WS06	VÒNG ĐỆM CAO SU/WS06	21.600	8%
22238	JM23600034	H.S.BOLT M8×30/WS06	BU LÔNG M8X30/WS06	22.000	10%
22239	JM23600035	ROLLER SUPPORT/WS06	TRỤC KẸP LÙ LO/WS06	57.200	10%
22240	JM23600036	PULL HANDLE/WS06	TAY CÀM/WS06	51.840	8%
22241	JM23600037	BOLT M8/WS06	BU LÔNG M8X30/WS06	22.000	10%
22242	JM23600038	PIN/WS06	CHÓT/WS06	13.200	10%
22243	JM23600039	FRICTION PAD 13/WS06	ĐỆM MA SÁT 13/WS06	12.960	8%
22244	JM23600040	POSITION SPRING/WS06	LÒ XO/WS06	13.200	10%
22245	JM23600041	FRICTION PAD 8/WS06	ĐỆM MA SÁT 8/WS06	12.960	8%
22246	JM23600042	E RING 6/WS06	VÒNG E 6/WS06	13.200	10%
22247	JM23600047	LEG CAP A/WS06	NÚT CHÂN ĐÈ/WS06	38.880	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22248	JM23600048	LEG CAP B/WST06	NÚT CHÂN ĐỀ/WST06	38.880	8%
22249	JM23600049	ADJUSTING NUT/WST06	NÚT NHỰA/WST06	38.880	8%
22250	JM23600052	MAIN SUPPORT BRACKET B/WST06	GIA ĐỖ CHỈNH B/WST06	164.160	8%
22251	JM23600053	H.S.BOLT M6×16/WST06	BU LÔNG M6X16/WST06	13.200	10%
22252	JM23600054	MAIN SUPPORT BRACKET A/WST06	GIA ĐỖ CHỈNH A/WST06	164.160	8%
22253	JM23600055	WHEEL BRACKET/WST06	GIA ĐỖ/WST06	52.800	10%
22254	JM23600056	BOLT M8/WST06	BU LÔNG M8X45/WST06	22.000	10%
22255	JM23600057	WHEEL/WST06	BÀNH XE ĐÁY/WST06	60.480	8%
22256	JM23600059	HEX BOLT M8×65/WST06	BU LÔNG M8X65/WST06	22.000	10%
22257	JM23600060	LEAF SPRING/WST06	LỎ XO LÁ/WST06	26.400	10%
22258	JM23600061	H.S.BOLT M4×10/WST06	BU LÔNG M4×10/WST06	13.200	10%
22259	JM23610001	LOCK BRACKET COMPLETE/WST06	NẮP ĐÁY/WST06	246.240	8%
22260	JM23610002	MAIN FRAME COMPLETE/WST06	BỘ KHUNG/WST06	1.624.320	8%
22261	JM23610003	LEG A COMPLETE/WST06	CHÂN ĐỀ/WST06	328.320	8%
22262	JM23610004	LEG B COMPLETE/WST06	CHÂN ĐỀ/WST06	334.400	10%
22263	JM23610005	LEG C COMPLETE/WST06	CHÂN ĐỀ/WST06	347.600	10%
22264	JM2361A006	SPACER PLATE COMPLETE/WST06	MIẾNG ĐỆM/WST06	83.600	10%
22265	JM27000001	HEX.BOLT M10X35/MLT100	ỐC VÍT M10X35/MLT100	14.080	10%
22266	JM27000002	SPRING WASHER 10/MLT100	VÒNG ĐỆM 10/MLT100	4.730	10%
22267	JM27000003	FLAT WASHER 10/MLT100	VÒNG ĐỆM 10/MLT100	4.730	10%
22268	JM27000004	CROSS HEAD SELF TAPPING SCREW/MLT100	ỐC VÍT/MLT100	4.730	10%
22269	JM27000005	EXTERIOR HALF HANDLE/MLT100	TAY CÀM/MLT100	36.720	8%
22270	JM27000006	INTERIOR HALF HANDLE/MLT100	TAY CÀM/MLT100	36.720	8%
22271	JM27000007	HEX LOCK NUT M4/MLT100	CON TẮN M4/MLT100	4.730	10%
22272	JM27000008	BOTTOM/MLT100	ĐỂ DƯỚI BÀN CẮT/MLT100	824.256	8%
22273	JM27000009	FLAT WASHER 4/MLT100	VÒNG ĐỆM 4/MLT100	4.730	10%
22274	JM27000010	LIMITED BRACKET/MLT100	CÁN GẠT KHOA BÀN TRƯỢT/MLT100	23.320	10%
22275	JM27000011	CROSS HEAD SCREW M4X12/MLT100	ỐC VÍT M4X12/MLT100	4.730	10%
22276	JM27000012	FIX BRACKET B/MLT100	KẸP KHÓA THANH TRƯỢT/MLT100	9.350	10%
22277	JM27000013	SPRING WASHER 4/MLT100	VÒNG ĐỆM 4/MLT100	4.730	10%
22278	JM27000014	FIX FLAT RAIL/MLT100	THANH TRƯỢT BÀN CẮT/MLT100	412.128	8%
22279	JM27000015	SLIDING FLAT RAIL/MLT100	THANH TRƯỢT BÀN CẮT/MLT100	132.840	8%
22280	JM27000016	CROSS HEAD SCREW M6X10/MLT100	ỐC VÍT M6X10/MLT100	4.730	10%
22281	JM27000018	SLIDING TABLE RACK RAIL/MLT100	THANH RAY TRƯỢT BÀN CẮT/MLT100	41.256	8%
22282	JM27000019	FIX BRACKET B/MLT100	KẸP KHÓA THANH TRƯỢT/MLT100	14.080	10%
22283	JM27000022	FIX RAIL 1/MLT100	THANH TRƯỢT BÀN CẮT/MLT100	164.916	8%
22284	JM27000023	SLIDING RAIL/MLT100	THANH TRƯỢT BÀN CẮT/MLT100	494.640	8%
22285	JM27000024	FLAT WASHER 6/MLT100	VÒNG ĐỆM 6/MLT100	4.730	10%
22286	JM27000025	GEAR/MLT100	NHÔNG LỚN/MLT100	54.972	8%
22287	JM27000026	RIVET 5X9/MLT100	ỐC VÍT 5X9/MLT100	4.730	10%
22288	JM27000027	CROSS HEAD SCREW M4X10/MLT100	ỐC VÍT M4X10/MLT100	4.730	10%
22289	JM27000028	SHAFT/MLT100	TRỤC TY/MLT100	22.896	8%
22290	JM27000029	RETAINING RING 6/MLT100	VÒNG GAI 6/MLT100	18.700	10%
22291	JM27000030	SLIDING LIMITED PLATE/MLT100	TẤM ĐỆM NHÔNG TRƯỢT/MLT100	18.700	10%
22292	JM27000031	GEAR LIMITED C/MLT100	KẸP KHÓA NHÔNG TRƯỢT/MLT100	65.340	10%
22293	JM27000032	HEX. NUT M6/MLT100	ỐC VÍT M6/MLT100	4.730	10%
22294	JM27000033	HEX BOLT M6X10/MLT100	ỐC VÍT M6X10/MLT100	4.730	10%
22295	JM27000034	CONNECTION NUT/MLT100	MIẾNG ĐỆM/MLT100	14.080	10%
22296	JM27000035	SLIDING TABLE/MLT100	BÀN TRƯỢT/MLT100	989.172	8%
22297	JM27000036	SLIDING TABLE COVER/MLT100	THANH KẸP BÀN CẮT/MLT100	130.680	10%
22298	JM27000037	SELF TAPPING SCREW ST3.9X8/MLT100	ỐC VÍT ST3.9X8/MLT100	4.730	10%
22299	JM27000038	CROSS HEAD SCREW M6X16/MLT100	ỐC VÍT M6X16/MLT100	4.730	10%
22300	JM27000039	FIX BRACKET A/MLT100	KẸP GIỮ TY TRƯỢT/MLT100	28.050	10%
22301	JM27000042	CROSS HEAD SCREW M5X10/MLT100	ỐC VÍT M5X10/MLT100	4.730	10%
22302	JM27000043	LOCK KNOB/MLT100	NÚT KHÓA/MLT100	32.076	8%
22303	JM27000044	SLIDING BAR B/MLT100	TY TRƯỢT/MLT100	329.724	8%
22304	JM27000046	REAR EXTENSION TABLE ASSEMBLY/MLT100	BÀN TRƯỢT/MLT100	705.240	8%
22305	JM27000047	BIG FLAT WASHER 5/MLT100	VÒNG ĐỆM 5/MLT100	4.730	10%
22306	JM27000048	SPRING WASHER 5/MLT100	VÒNG ĐỆM 5/MLT100	4.730	10%
22307	JM27000049	CROSS HEAD SCREW M5X14/MLT100	ỐC VÍT M5X14/MLT100	4.730	10%
22308	JM27000052	UP BLADE GUARD ASSY/MLT100	TẤM CHẴN BẢO VỆ/MLT100	641.088	8%
22309	JM27000066	FLAT HEAD SCREW M4X8/MLT100	ỐC VÍT M4X8/MLT100	4.730	10%
22310	JM27000067	TABLE INSERT/MLT100	ĐỂ MÁY CỬA/MLT100	100.764	8%
22311	JM27000068	RIGHT EXTENSION TABLE/MLT100	BÀN TRƯỢT/MLT100	17.280	8%
22312	JM27000070	HEX NUT M8/MLT100	CON TẮN M8/MLT100	4.730	10%
22313	JM27000071	SPRING WASHER 8/MLT100	VÒNG ĐỆM 8/MLT100	4.730	10%
22314	JM27000072	FLAT WASHER 8/MLT100	VÒNG ĐỆM 8/MLT100	4.730	10%
22315	JM27000073	SQUARE NECK BOLT M8X25/MLT100	ỐC VÍT M8X25/MLT100	23.320	10%
22316	JM27000074	COVER A/MLT100	NẮP CHỤP A/MLT100	13.824	8%
22317	JM27000076	SUB FRONT RAIL ASSEMBLY (MMSCA/MLT100	THƯỚC CÀNH/MLT100	100.764	8%
22318	JM27000078	COVER B/MLT100	NẮP CHỤP B/MLT100	13.824	8%
22319	JM27000083	FRONT RAIL ASSEMBLY (MMSCALE)/MLT100	THƯỚC CÀNH/MLT100	485.460	8%
22320	JM27000088	FIX PLATE/MLT100	GIA TREO PHỤ KIỆN/MLT100	142.020	8%
22321	JM27000089	PROTECTION PLATE/MLT100	NẮP CHỤP HÚT BỤI/MLT100	68.688	8%
22322	JM27000091	HEX.BOLT M5X65/MLT100	ỐC VÍT M5X65/MLT100	9.350	10%
22323	JM27000092	HEX.BOLT M5X55/MLT100	ỐC VÍT M5X55/MLT100	9.350	10%
22324	JM27000093	CORD BRACKET/MLT100	NÚM XOAY ĐIỀU CHỈNH/MLT100	32.076	8%
22325	JM27000094	CORD PROTECTION TUBE/MLT100	ỐNG CAO SU BẢO VỆ DÂY ĐIỆN /MLT100	18.360	8%
22326	JM27000095	HOOK/MLT100	MÓC GAI/MLT100	22.896	8%
22327	JM27000096	CROSS HEAD SCREW M5X25/MLT100	ỐC VÍT M5X25/MLT100	14.080	10%
22328	JM27000101	BLADE INNER LING 25.4/MLT100	VÒNG ĐỆM LƯỚI CẮT 25.4/MLT100	23.320	10%
22329	JM27000102	CLAMP PLATE/MLT100	THANH CHẴN BẮT DÂY ĐIỆN/MLT100	14.080	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22330	JM27000103	CROSS HEAD SELF TAPPING SCREW/MLT100	ỐC VÍT/MLT100	4.730	10%
22331	JM27000104	HEX.BOLT M10X45/MLT100	ỐC VÍT M10X45/MLT100	14.080	10%
22332	JM27000105	CABINET/MLT100	THÙNG MÁY/MLT100	1.534.032	8%
22333	JM27000106	CABINET ASSEMBLY(A)/MLT100	THÙNG MÁY/MLT100	1.676.052	8%
22334	JM27000108	BOTTOM/MLT100	TẦM LƯỚI BẢO VỆ/MLT100	461.780	10%
22335	JM27000110	FRONT PANEL LABEL/MLT100	NHÂN DAN/MLT100	41.256	8%
22336	JM27000111	HEX BOLT M6X16/MLT100	ỐC VÍT M6X16/MLT100	9.350	10%
22337	JM27000112	BRACKET B/MLT100	MẶT ỐP B/MLT100	79.310	10%
22338	JM27000115	SOFT START DEVICE COVER/MLT100	NÁP CHỤP CÔNG TÁC/MLT100	22.896	8%
22339	JM27000117	CROSS HEAD SELF TAPPING SCREW/MLT100	ỐC VÍT/MLT100	4.730	10%
22340	JM27000118	STRAIN & RELIEF/MLT100	THANH NẸP DÂY ĐIỆN/MLT100	13.824	8%
22341	JM27000119	SWITCH COVER/MLT100	NÁP CÔNG TÁC/MLT100	13.824	8%
22342	JM27000120	SWITCH BOX/MLT100	HỘP CÔNG TÁC/MLT100	109.944	8%
22343	JM27000121	OVERLOAD SWITCH/MLT100	RƠ LÊ BẢO VỆ QUÁ TẢI/MLT100	87.048	8%
22344	JM27000122	OVERLOAD SWITCH LABEL/MLT100	NHÂN BAO/MLT100	4.644	8%
22345	JM27000123	OVERLOAD SWITCH NUT/MLT100	NÚT CÔNG TÁC/MLT100	4.644	8%
22346	JM27000130	SWITCH ASSEMBLY 4/MLT100	CÔNG TÁC/MLT100	476.280	8%
22347	JM27000136	CROSS HEAD SCREW M4X14/MLT100	ỐC VÍT M4X14/MLT100	4.730	10%
22348	JM27000137	HEX. NUT M6X12/MLT100	ỐC VÍT M6X12/MLT100	14.080	10%
22349	JM27000138	LOCK HANDLE/MLT100	CẦN KHÓA TAY CÀM/MLT100	22.896	8%
22350	JM27000139	LOCK BOLT/MLT100	TỶ KHÓA /MLT100	74.690	10%
22351	JM27000140	TORSION SPRING/MLT100	LÒ XO/MLT100	28.050	10%
22352	JM27000141	BUSH/MLT100	VÒNG ĐỆM/MLT100	14.080	10%
22353	JM27000142	MAGNETIC SWITCH A/MLT100	BỆ ĐỖ/MLT100	45.792	8%
22354	JM27000143	SUPPORT PLATE/MLT100	TẦM ỐP MẶT TRƯỚC/MLT100	121.330	10%
22355	JM27000144	CROSS HEAD SUNK SCREW M5X8/MLT100	ỐC VÍT M5X8/MLT100	4.730	10%
22356	JM27000145	TUBE/MLT100	ỐNG NỘI/MLT100	46.640	10%
22357	JM27000149	H.S.BOLT M6X20/MLT100	ỐC VÍT M6X20/MLT100	14.080	10%
22358	JM27000150	RIVING KNIF/MLT100	THANH DÀN HƯỚNG CẮT/MLT100	59.616	8%
22359	JM27000152	SLIDING PLATE/MLT100	VÒNG ĐỆM/MLT100	4.730	10%
22360	JM27000153	FRAME/MLT100	TẦM CHÂN BỤI/MLT100	825.550	10%
22361	JM27000154	COVER/MLT100	CHỤP BẢO VỆ/MLT100	46.640	10%
22362	JM27000155	FLAT WASHER 5/MLT100	VÒNG ĐỆM 5/MLT100	4.730	10%
22363	JM27000156	CROSS HEAD SCREW M5X20/MLT100	ỐC VÍT M5X20/MLT100	4.730	10%
22364	JM27000157	BAR/MLT100	TRỤC GẢI THAN MÁY/MLT100	69.960	10%
22365	JM27000158	ROD/MLT100	TAY BIÊN/MLT100	59.616	8%
22366	JM27000159	KEY 4X8/MLT100	CHÓT 4X8/MLT100	37.400	10%
22367	JM27000160	ADJUSTING BRACKET/MLT100	CHÓT GẢI/MLT100	65.340	10%
22368	JM27000161	H.S.BOLT M5X20/MLT100	BÚ LÔNG MM5X20/MLT100	4.730	10%
22369	JM27000162	BEVEL GEAR/MLT100	NHÔNG NANG LƯỚI/MLT100	27.540	8%
22370	JM27000163	RETAINING RING 10/MLT100	VÒNG GẢI/MLT100	4.730	10%
22371	JM27000164	POINTER/MLT100	CON TRÒ/MLT100	9.180	8%
22372	JM27000165	ROD/MLT100	TRỤC TỶ/MLT100	59.616	8%
22373	JM27000166	WHEEL/MLT100	CẦN TĂNG GIAM/MLT100	73.332	8%
22374	JM27000167	GROSS HEAD SCREW/MLT100	ỐNG VÍT/MLT100	4.730	10%
22375	JM27000168	KNOB/MLT100	TAY CÀM/MLT100	32.076	8%
22376	JM27000169	SCREW/MLT100	ỐC VÍT/MLT100	14.080	10%
22377	JM27000170	PROTECTION PLATE/MLT100	MIẾNG ĐỆM BẢO VỆ /MLT100	14.080	10%
22378	JM27000172	H.S.BOLT WITH GLUE M6X12/MLT100	ỐC VÍT M6X12/MLT100	18.700	10%
22379	JM27000174	CROSS HEAD SCREW M3X25/MLT100	ỐC VÍT M3X25/MLT100	4.730	10%
22380	JM27000175	BIG WASHER 3/MLT100	VÒNG ĐỆM 3/MLT100	4.730	10%
22381	JM27000176	HEX LOCK NUT M3/MLT100	CON TẮN M3/MLT100	4.730	10%
22382	JM27000177	SELF TAPPING SCREW ST3.9X10/MLT100	ỐC VÍT ST3.9X10/MLT100	4.730	10%
22383	JM27000178	PROTECTION PLATE/MLT100	TẦM CHÂN BẢO VỆ/MLT100	100.764	8%
22384	JM27000180	NUT M16/MLT100	CON TẮN M16/MLT100	9.350	10%
22385	JM27000181	PROTECTION PLATE/MLT100	NÁP CHỤP LƯỚI/MLT100	137.376	8%
22386	JM27000182	PLATE/MLT100	TẦM ĐỆM/MLT100	55.990	10%
22387	JM27000183	NUT M5/MLT100	CON TẮN M5/MLT100	4.730	10%
22388	JM27000184	SUPPORT BRACKET/MLT100	NÚT VẠN/MLT100	22.896	8%
22389	JM27000186	HANDLE/MLT100	TAY CÀM/MLT100	54.972	8%
22390	JM27000193	PRESSION SPRING/MLT100	LÒ XO/MLT100	18.700	10%
22391	JM27000202	RIP FENCE ASSEMBLY/MLT100	THƯỚC CÀNH/MLT100	741.852	8%
22392	JM27000224	MITER GUAGE ASSEMBLY/MLT100	THƯỚC CHIA GÓC/MLT100	796.824	8%
22393	JM27000292	CROSS HEAD SCREW M5X8/MLT100	ỐC VÍT M5X8/MLT100	4.730	10%
22394	JM27000293	COVER/MLT100	NÁP CHỤP ĐUÔI/MLT100	14.080	10%
22395	JM27000294	BRUSH COVER/MLT100	NÁP CHỖI THAN/MLT100	9.180	8%
22396	JM27000296	BRUSH HOLDER/MLT100	Ỗ CHỖI THAN/MLT100	27.540	8%
22397	JM27000298	MOTOR HOUSE ASSEMBLY/MLT100	VỎ MÁY/MLT100	494.640	8%
22398	JM27000299	CLAMP PLATE/MLT100	VÒNG KẸP/MLT100	4.730	10%
22399	JM27000302	STATOR(230V)/MLT100	STATO/MLT100	1.552.392	8%
22400	JM27000305	CROSS HEAD SELF TAPPING SCREW/MLT100	ỐC VÍT/MLT100	4.730	10%
22401	JM27000306	ROTOR(230V)/MLT100	RỎ TỎ/MLT100	1.721.844	8%
22402	JM27000309	ROTOR(230V)ASSEMBLY/MLT100	RỎ TỎ/MLT100	1.863.756	8%
22403	JM27000313	RING/MLT100	VÒNG ĐỆM/MLT100	9.350	10%
22404	JM27000316	CROSS HEAD SCREW M5X35/MLT100	ỐC VÍT M5X35/MLT100	9.350	10%
22405	JM27000317	CROSS HEAD SUNK SCREW M5X16/MLT100	ỐC VÍT M5X16/MLT100	4.730	10%
22406	JM27000318	GEAR COVER/MLT100	NÁP HỘP NHÔNG/MLT100	105.408	8%
22407	JM27000319	BEARING 6003-22/MLT100	BẠC ĐẠN 6003/MLT100	87.048	8%
22408	JM27000320	RETAINING RING 35/MLT100	VÒNG GẢI 35/MLT100	9.350	10%
22409	JM27000321	OUTER SHAFT/MLT100	TRỤC NGOÀI/MLT100	100.764	8%
22410	JM27000322	OUTER SHAFT ASSEMBLY/MLT100	CỤM NHÔNG/MLT100	558.684	8%
22411	JM27000323	KEY 5X6.5X16/MLT100	CHÓT LAVET 5X6.5X16/MLT100	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22412	JM27000324	GEAR/MLT100	NHÔNG 43/MLT100	201.528	8%
22413	JM27000325	RETAINING RING 16/MLT100	VÒNG GAI 16/MLT100	14.080	10%
22414	JM27000326	BUSH/MLT100	BẠC THAU/MLT100	46.640	10%
22415	JM27000327	SLIDING TABLE PAD/MLT100	TÀM ĐỆM DƯỚI/MLT100	18.700	10%
22416	JM27000328	TRIANGLE PLATE/LS0815FL	THƯỚC TAM GIÁC/LS0815FL	18.360	8%
22417	JM27000330	HOOK/MLT100	MOC TREO/MLT100	9.180	8%
22418	JM27000332	CLAMP/MLT100	VÒNG NẾP DÂY/MLT100	9.180	8%
22419	JM27000339	H.S.BOLT WITH GLUE M6X20/MLT100	ỐC VÍT M6X20/MLT100	14.080	10%
22420	JM27000340	BLADE GUARD/MLT100	NẮP BẢO VỆ LƯỖI/MLT100	128.304	8%
22421	JM27000361	ABSORB RING/MLT100	VÒNG ĐỆM CAO SU/MLT100	4.644	8%
22422	JM27000423	GEAR BOX/MLT100	HỘP NHÔNG/MLT100	302.292	8%
22423	JM27000424	GEAR BOX ASSEMBLY/MLT100	HỘP NHÔNG/MLT100	306.828	8%
22424	JM27000426	SLIDING BAR A ASSEMBLY (MMSCAL/MLT100	TỶ TRƯỢT BÀN CẮT/MLT100	279.396	8%
22425	JM27000430	MAIN TABLE A/MLT100	BÀN CẮT CHÍNH/MLT100	3.718.332	8%
22426	JM27000443	MAGNETIC SWITCH A/MLT100	CÔNG TẮC TÔ/MLT100	283.932	8%
22427	JM27000445	BEARING 6001DDW/MLT100	BẠC ĐẠN 6001/MLT100	68.688	8%
22428	JM27000446	BEARING 6201DDW/MLT100	BẠC ĐẠN 6201/MLT100	68.688	8%
22429	JM2708A060	CAUTION LABEL/LS0815FL	NHÃN DÁN/LS0815FL	18.360	8%
22430	JPA122277	NOZZLE/1805N	ỔNG NÓI/1805N	1.149.444	8%
22431	K0300-0261	CYLINDER SET/AF504Z	XI LANH/AF504Z	279.396	8%
22432	K0300-0621	HEAD VALVE PISTON SET/AF301Z	BỘ PISTON/AF301Z	142.020	8%
22433	K0300-0671	EXHAUST VALVE ASS'Y/AF301Z	THÀNH ĐÁY/AF301Z	41.256	8%
22434	K0300-0861	CYLINDER SET/AF301Z	XI LANH/AF301Z	174.096	8%
22435	K0500-0291	TRIGGER VALVE SET/AF301Z	VAN HƠI CÔNG TẮC/AF301Z	82.512	8%
22436	K0500-0421	TRIGGER VALVE PISTON SET/AF201Z	VAN HƠI CÔNG TẮC/AF201Z	192.348	8%
22437	K0500-0431	TRIGGER VALVE HEAD SET/AF201Z	ĐẦU VAN/AF201Z	183.168	8%
22438	K0500-0441	TRIGGER VALVE STEM SET/AF201Z	THÂN VAN/AF201Z	54.972	8%
22439	K0600-1741	PISTON SET/AF201Z	PISTON/AF201Z	348.084	8%
22440	K0600-1761	PISTON SET/AF301Z	CHƠT/AF301Z	233.604	8%
22441	K0600-1801	PISTON SET/AT422AZ	PISTON/AT422AZ	196.992	8%
22442	K0600-1811	PISTON SET/AT1022AZ	PISTON/AT1022AZ	206.064	8%
22443	K0600-1991	PISTON UNIT/AF504Z	PISTON/AF504Z	421.308	8%
22444	K0600-3271	PISTON SET/AF504	PISTON/AF504	393.876	8%
22445	K0700-0521	MAGAZINE ASS'Y/AF504	HỘP CHỨA ĐINH/AF504	1.076.112	8%
22446	K0700-2851	MAGAZINE SET/AF201Z	HỘP ĐỪNG ĐINH/AF201Z	796.824	8%
22447	KC00000003	GUARD/EM3400U	TÀM BẢO VỆ/EM3400U	38.880	8%
22448	KC00000004	CLAMP WASHER/EM3400U	BỘ KẸP ĐỆM/EM3400U	70.400	10%
22449	KC00000006	RETAINING RING S-10/EM3400U	VÒNG GAI CHỮ C/EM3400U	2.200	10%
22450	KC00000013	RECEIVE WASHER/EM3400U	ĐỆM/EM3400U	149.600	10%
22451	KC00000014	HEX BOLT M6X8/EM3400U	ỐC VÍT M6X8/EM3400U	4.400	10%
22452	KC00000016	HEX NUT M10/EM3400U	TÀN M10/EM3400U	35.200	10%
22453	KC00000017	CUTTER SHAFT SET/EM3400U	LƯỖI CẮT/EM3400U	440.640	8%
22454	KF00000001	BASE SET/DCM501	ĐỂ/DCM501	151.200	8%
22455	KF00000002	SCREW M3X12/DCM501	ỐC VÍT M3X12/DCM501	4.400	10%
22456	KF00000005	BUTTON PCB ASSEMBLY/DCM501	BỘ MẠCH/DCM501	228.960	8%
22457	KF00000006	SLIDING COVER OF BATTERY SET/DCM501	NẮP TRƯỢT/DCM501	99.360	8%
22458	KF00000007	SCREW M3X10/DCM501	ỐC VÍT M3X10/DCM501	4.400	10%
22459	KF00000017	HANDLE SET(BLUE)/DCM501	TAY CÀM/DCM501	172.800	8%
22460	KF00000028	FOOT/DCM501	CHÂN ĐỂ/DCM501	8.640	8%
22461	KF00000029	BATTERY BOX (BLUE)/DCM501	HỘP ĐỪNG PIN/DCM501	241.920	8%
22462	KF00000031	BATTERY HOLDER SET/DCM501	ĐỂ GAI PIN/DCM501	224.400	10%
22463	KF00000032	UNIVERSAL BATTERY HOLDER SET/DCM501	ĐỂ GAI PIN/DCM501	268.400	10%
22464	KF00000034	WATER TANK COVER/DCM501	NẮP ĐẦY/DCM501	59.616	8%
22465	KF00000052	BUTTON PCB ASSEMBLY/DCM501	BỘ MẠCH/DCM501	198.720	8%
22466	KF00000053	WATER TANK SET/DCM501	KHOẢNG CHỨA NƯỚC/DCM501	256.500	8%
22467	KF00000060	MAIN BODY (BLUE)/DCM501	VỎ THÂN MÁY/DCM501	185.760	8%
22468	KF00000062	HEATING TUBE SET/DCM501	THÀNH LẠM NÓNG/DCM501	847.152	8%
22469	KF00000063	TOP&MIDDLE COVER SET(BLUE)/DCM501	BỘ VỎ TRÊN VÀ NẮP THÂN MÁY/DCM501	577.044	8%
22470	KF00000065	DRAWER SET/DCM501	KHAY CHỨA/DCM501	87.048	8%
22471	KF00000067	POD DRAWER/DCM501	KHAY CHỨA/DCM501	50.436	8%
22472	KF00000070	MAIN PCB SET/DCM501	BỘ MẠCH/DCM501	1.827.144	8%
22473	KF00000076	TOP COVER ASSEMBLY(BLUE)/DKT360	NẮP CHỤP/DKT360	453.384	8%
22474	KF00000078	PLUG/DKT360	NÚT NHAN/DKT360	54.972	8%
22475	KF00000079	PLUG COVER/DKT360	MIẾNG NHỰA CHỤP LỖ THOÁT HƠI/DKT360	32.076	8%
22476	KF00000080	COUNTERSUNK SCREW ST3X12/DKT360	VÍT ST3X12/DKT360	9.350	10%
22477	KF00000081	FILTER NET/DKT360	MIẾNG MANG LỌC NƯỚC/DKT360	36.720	8%
22478	KF00000082	SILICONE OF WATER STOPPER/DKT360	TÀM CHÂN NƯỚC/DKT360	32.076	8%
22479	KF00000083	WATER STOPPER/DKT360	MIẾNG NHỰA GIỮ NÚT NHẤN MỠ NƯỚC/DKT360	32.076	8%
22480	KF00000084	SEAL RING OF COVER/DKT360	VÒNG ĐỆM GIỮ NƯỚC/DKT360	45.792	8%
22481	KF00000085	KETTLE ASSEMBLY(BLUE)/DKT360	ÂM ĐUN(XANH)/DKT360	1.676.052	8%
22482	KF00000087	HANDLE CLIP/DKT360	MIẾNG NHỰA KHÓA MỠ NẮP/DKT360	32.076	8%
22483	KF00000088	HANDLE COVER/DKT360	TAY CÀM/DKT360	36.720	8%
22484	KF00000089	TAPPING SCREW ST3X8/DKT360	ỐC VÍT 3X8/DKT360	9.350	10%
22485	KF00000090	SEAL RING/DKT360	VÒNG ĐỆM CAO SU/DKT360	9.180	8%
22486	KF00000091	BOTTOM COVER/DKT360	ĐỂ ÂM ĐUN/DKT360	50.436	8%
22487	KF00000092	H.L. SOCKET HEAD SCREW T10/DKT360	VÍT T10/DKT360	9.350	10%
22488	KF00000103	HANDLE COVER L(BLUE)/DKT360	NẮP TAY CÀM L(XANH)/DKT360	45.792	8%
22489	KF00000104	HANDLE BASE L(BLUE)/DKT360	TAY CÀM L(XANH)/DKT360	100.764	8%
22490	KF00000106	UNIVERSAL BATTERY HOLDER A/DKT360	ĐỂ GAI PIN A/DKT360	270.216	8%
22491	KF00000107	LEAD UNIT A/DKT360	DÂY DẪN ĐIỆN A/DKT360	36.720	8%
22492	KF00000108	UNIVERSAL BATTERY HOLDER B/DKT360	ĐỂ GAI PIN B/DKT360	256.500	8%
22493	KF00000109	LEAD UNIT B/DKT360	DÂY DẪN ĐIỆN B/DKT360	36.720	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22494	KF00000110	BATTERY QUANTITY DISPLY BOARD/DKT360	MẠCH BẢO DUNG LƯỢNG PIN/DKT360	158.620	10%
22495	KF00000111	HANDLE BASE R ASSEMBLY(BLUE)/DKT360	LAY CÀM R(XANH)/DKT360	137.376	8%
22496	KF00000114	HANDLE COVER R/DKT360	NÁP TAY CÀM R/DKT360	50.436	8%
22497	KF00000115	SCREW ST3X10/DKT360	ỐC VÍT 3X10/DKT360	9.350	10%
22498	KF00000116	BASE(BLUE)/DKT360	BÀN ĐẾ(XANH)/DKT360	196.992	8%
22499	KF00000118	NTC BOTTOM CONTACT PAD A ASSY/DKT360	NÚT CỘNG TÁC BẢO VỆ A/DKT360	114.480	8%
22500	KF00000119	SEAL RING/DKT360	VÒNG ĐỆM CAO SU/DKT360	9.180	8%
22501	KF00000120	BUTTON/DKT360	NÚT NHẤN/DKT360	50.436	8%
22502	KF00000121	PCB SWITCH SUPPORT/DKT360	HỘP CHỨA BƠ MẠCH/DKT360	32.076	8%
22503	KF00000122	SWITCH BOARD/DKT360	MẠCH CỘNG TÁC/DKT360	196.992	8%
22504	KF00000123	NTC BOTTOM CONTACT PAD B ASSY/DKT360	NÚT CỘNG TÁC BẢO VỆ B/DKT360	114.480	8%
22505	KF00000124	MICRO-SWITCH ASSEMBLY/DKT360	CỘNG TÁC/DKT360	64.152	8%
22506	KF00000125	MICRO-SWITCH SUPPORT/DKT360	GÁ ĐỖ CỘNG TÁC/DKT360	32.076	8%
22507	KF00000126	COUPLER ASSEMBLY/DKT360	KHỚP NỐI/DKT360	192.348	8%
22508	KF00000127	COUPLER BASE SEAL RING/DKT360	VÒNG ĐỆM CAO SU/DKT360	27.540	8%
22509	KF00000128	TERMIANL/DKT360	ĐỀ GÁI/DKT360	68.688	8%
22510	KF00000129	SCREW ST3X14/DKT360	ỐC VÍT 3X14/DKT360	9.350	10%
22511	KF00000130	MAIN PCB/DKT360	BƠ MẠCH/DKT360	1.703.484	8%
22512	KF00000131	BASE COVER ASSEMBLY/DKT360	NÁP BÀN ĐẾ/DKT360	183.168	8%
22513	KF00000132	SILICONE BUTTON/DKT360	NÚT ĐỆM CHẤM ĐẾ/DKT360	36.720	8%
22514	KF00000164	BASE L-HAND COVERBL/KT001	VỎ TAY CÀM BÊN TRÁI/KT001	119.124	8%
22515	KF00000165	BATTERY HOLDER A/KT001	ĐỂ GÁI PIN A/KT001	306.828	8%
22516	KF00000166	BATTERY HOLDER B/KT001	ĐỂ GÁI PIN B/KT001	293.112	8%
22517	KF00000167	BASE R-HAND COVER BL/KT001	VỎ TAY CÀM BÊN PHẢI/KT001	114.480	8%
22518	KF00000169	BASE BL/KT001	ĐỂ BÌNH ĐỰNG NƯỚC/KT001	206.064	8%
22519	KF00000170	COUPLERASSY/KT001	ĐẦU NỐI TRUYỀN ĐIỆN/KT001	192.348	8%
22520	KF00000172	BASE COVER ASSY/KT001	TÀM ĐẾ/KT001	192.348	8%
22521	KF00000193	NTCBOTTOM CONTACT PAD A SET/KT001	NÚT NHẤN A/KT001	109.944	8%
22522	KF00000194	MICRO-SWITCH ASSY/KT001	CỘNG TÁC HÀNH TRÌNH/KT001	64.152	8%
22523	KF00000210	SCREW (ST3*12)/KT001	ỐC VÍT (ST3*12)/KT001	9.350	10%
22524	KF00000211	SCREW (ST3*12)/KT001	ỐC VÍT (ST3*12)/KT001	9.350	10%
22525	KF00000212	SCREW (ST3*8)/KT001	ỐC VÍT (ST3*8)/KT001	9.350	10%
22526	KU31104321	FLOAT C/U CP3/EW2050H	DÂY NỐI ĐIỆN/EW2050H	954.720	8%
22527	KW00000100	FAN AP-10302/DUB182	CÁNH QUẠT/DUB182	119.124	8%
22528	KW00000150	MOTOR RUBBER RING A/DUB182	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DUB182	27.540	8%
22529	KW00000160	SPRING WASHER M5/DUB182	VÒNG ĐỆM M5/DUB182	4.730	10%
22530	KW00000170	FLAT WASHER 5/DUB182	VÒNG ĐỆM 5/DUB182	4.730	10%
22531	KW00000210	TAPPING SCREW 4X18/DUB182	ỐC VÍT M4X18/DUB182	4.400	10%
22532	KW00000220	PAN HEAD SCREW M5X8/DUB182	ỐC VÍT/DUB182	4.730	10%
22533	LC210070-3	BALL BEARING 6200ZZ/DLM431	BẠC ĐẠN 6200/DLM431	21.600	8%
22534	LC231297-2	COMPRESSION SPRING 9/DLM431	LÒ XO 9/DLM431	4.400	10%
22535	LC231875-8	TENSION SPRING 16/DLM431	LÒ XO 16/DLM431	17.600	10%
22536	LC233597-6	TORSION SPRING 8/DLM431	LÒ XO 8/DLM431	8.800	10%
22537	LC252145-2	COLLARED HEX. NUT M8/DLM431	BU LÔNG M8/DLM431	4.400	10%
22538	LC253808-3	FLAT WASHER 9/DLM431	VÒNG ĐỆM 9/DLM431	4.400	10%
22539	LC253808A3	FLAT WASHER 9/DLM382	VÒNG ĐỆM 9/DLM382	4.400	10%
22540	LC256871-5	ROD 6/DLM431	CHÓT GÁI 6/DLM431	35.200	10%
22541	LC257670-8	SLEEVE 6/DLM431	VÒNG ĐỆM/DLM431	8.800	10%
22542	LC257670A8	SLEEVE 6/DLM382	CHÓT GÁI 6/DLM382	8.800	10%
22543	LC267102-7	FLAT WASHER 4/DLM431	VÒNG ĐỆM/DLM431	4.400	10%
22544	LC267102A7	FLAT WASHER 4/DLM382	VÒNG ĐỆM 4/DLM382	4.400	10%
22545	LC346545-7	PLATE/DLM431	MIẾNG ĐỆM/DLM431	4.400	10%
22546	LC921352-5	HEX BOLT M6X30/DLM431	ỐC VÍT M6X30/DLM431	4.400	10%
22547	LC941101-4	FLAT WASHER 5/DLM431	VÒNG ĐỆM 5/DLM431	4.400	10%
22548	LC961018-5	STOP RING (EXT) E-5/DLM431	VÒNG GÁI CHỮ C/DLM431	4.400	10%
22549	LE00870130	BATTERY COVER/SK105D	HỘP PIN BẰNG NHỰA/SK105D	440.640	8%
22550	LE00870259	WINDOW FRAME SET/SK105D	VỎ MÁY/SK105D	3.477.600	8%
22551	LE00870260	BASE LABEL SET/SK105D	NHẤN DÁN/SK105D	384.480	8%
22552	LE00870262	WINDOW FRAME SET/SK105D	VỎ MÁY/SK105D	3.477.600	8%
22553	LE00870264	WINDOW FRAME SET/SK106D	VỎ MÁY/SK106D	3.686.256	8%
22554	LE00870265	WINDOW FRAME SET/SK106D	VỎ MÁY/SK106D	3.477.600	8%
22555	LE00873680	DC JACK COVER/SK105D	MIẾNG NHỰA/SK105D	341.280	8%
22556	LE00899151	KEYPAD RED/SK105D	NÚT NHẤN MÀU ĐỎ/SK105D	514.080	8%
22557	LE00899153	KEYPAD GREEN/SK105D	NÚT NHẤN MÀU XANH/SK105D	514.080	8%
22558	LE00899156	SCREW FOR BOTTOM HOUSING(10P) M5X10/SK105D	ỐC VÍT M5X10/SK105D	149.600	10%
22559	LE00929098	LASER PROTECTION CAGE/SK700D	VIỆN MÁY/SK700D	3.997.070	10%
22560	LE00931036	LASER PROTECTION CAGE/SK700D	VIỆN MÁY/SK700D	3.997.070	10%
22561	LE00931038	RUBBER FEET(1SET=4PCS)/SK700D	CHÂN ĐỂ BẢNG CAO SU/SK700D	718.956	8%
22562	LE00931039	ROTATING BASE/SK700D	ĐỂ XOAY/SK700D	5.962.140	8%
22563	LE00947148	PAN HEAD SCREW ST2.5X8(1SET=10PCS)/SK700D/SK700GD	ỐC VÍT ST2.5X8/SK700D/SK700GD	158.620	10%
22564	LX00000005	TAPPING SCREW ST3X12/DHW180	ỐC VÍT ST3X12/DHW180	18.700	10%
22565	LX00000008	WIRE GROMMET 4 HOLES/DHW180	VÒNG ĐỆM/DHW180	9.180	8%
22566	LX00000009	ROUND SEAL 2X200/DHW180	VÒNG ĐỆM 2X200/DHW180	4.644	8%
22567	LX00000010	WIRE GROMMET 2 HOLES/DHW180	VÒNG ĐỆM/DHW180	9.180	8%
22568	LX00000011	SILICONE RING 17/DHW180	VÒNG ĐỆM 17/DHW180	18.360	8%
22569	LX00000012	O-RING 15.5X2/DHW180	VÒNG ĐỆM 15.5X2/DHW180	4.644	8%
22570	LX00000013	U TYPE PIN 2.5X18.5/DHW180	CHÓT CHỮ U 2.5X18.5/DHW180	9.350	10%
22571	LX00000014	PUMP MOUNT PAD/DHW180	ĐỆM CỤM BƠM/DHW180	9.180	8%
22572	LX00000015	MOTOR & PUMP ASSY/DHW180	CỤM BƠM/DHW180	1.877.472	8%
22573	LX00000018	SWITCH/DHW180	CỘNG TÁC/DHW180	54.972	8%
22574	LX00000019	CONTROL UNIT/DHW180	BƠ MẠCH/DHW180	737.316	8%
22575	LX00000020	LEAD UNIT 18AWG 210MM RED/DHW180	DÂY DẪN ĐIỆN/DHW180	22.896	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22576	LX00000021	U TYPE PIN 2.5X11.5/DHW180	CHÓT CHỮ U 2.5X11.5/DHW180	9.350	10%
22577	LX00000022	VALVE/DHW180	VAN NƯỚC/DHW180	4.644	8%
22578	LX00000023	CONICAL SPRING 7-9X20 INOX/DHW180	LÒ XO VAN NƯỚC 7-9X20/DHW180	4.730	10%
22579	LX00000024	O-RING 8.6X1.7/DHW180	VÒNG ĐỆM 8.6X1.7/DHW180	4.644	8%
22580	LX00000025	U TYPE PIN 2X16/DHW180	CHÓT CHỮ U 2X16/DHW180	9.350	10%
22581	LX00000026	INLET VALVE PLUG/DHW180	NÚT CHẶN VAN NƯỚC/DHW180	4.644	8%
22582	LX00000027	O-RING 12X1.7/DHW180	VÒNG ĐỆM 12X1.7/DHW180	4.644	8%
22583	LX00000028	O-RING 5.3X1.8/DHW180	VÒNG ĐỆM 5.3X1.8/DHW180	4.644	8%
22584	LX00000029	PLASTIC WASHER 6/DHW180	VÒNG ĐỆM 6/DHW180	9.180	8%
22585	LX00000030	COMPRESSION SPRING 8.5X39 INOX/DHW180	LÒ XO 8.5X39/DHW180	4.730	10%
22586	LX00000031	INLET VALVE STEM/DHW180	LỖI VAN/DHW180	9.180	8%
22587	LX00000032	O-RING 4.5X2/DHW180	VÒNG ĐỆM 4.5X2/DHW180	4.644	8%
22588	LX00000033	INLET VALVE BODY/DHW180	THÂN VAN NƯỚC VÀO/DHW180	9.180	8%
22589	LX00000034	LINK ROD/DHW180	THANH LIÊN KẾT/DHW180	9.350	10%
22590	LX00000035	TRIGGER/DHW180	CƠ BÓP/DHW180	45.792	8%
22591	LX00000036	COMPRESSION SPRING 7.5X25 INOX/DHW180	LÒ XO 7.5X25/DHW180	4.730	10%
22592	LX00000037	TRIGGER LOCK/DHW180	KHOA CƠ BÓP/DHW180	9.180	8%
22593	LX00000038	INDICATOR LAMP LENS/DHW180	CHỤP BẢO VỆ ĐÈN/DHW180	9.180	8%
22594	LX00000039	LEAF SPRING INOX/DHW180	LÒ XO LÁ/DHW180	9.350	10%
22595	LX00000040	SPEED CHANGE LEVER/DHW180	MIẾNG CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DHW180	9.180	8%
22596	LX00000043	BATTERY CASE SEAL RING/DHW180	VÒNG ĐỆM/DHW180	50.436	8%
22597	LX00000044	BATTERY CASE LATCH/DHW180	KHOA HỘP BẢO VỆ PIN/DHW180	9.180	8%
22598	LX00000045	CONICAL SPRING 5-10X6.3 INOX/DHW180	LÒ XO/DHW180	4.730	10%
22599	LX00000046	BATTERY CASE/DHW180	HỘP BẢO VỆ PIN/DHW180	137.376	8%
22600	LX00000049	EXTENSION PIPE 350MM ASSY/DHW180	ỐNG NỐI DÀI 350MM/DHW180	109.944	8%
22601	LX00000050	5 PATTERNS SPLAYER NOZZLE ASSY/DHW180	ĐẦU XIT RỬA/DHW180	320.544	8%
22602	LX00000051	COMPRESSION SPRING 5.2X12 INOX/DHW180	LÒ XO 5.2X12/DHW180	4.730	10%
22603	LX00000052	STEEL BALL 7/32/DHW180	BÍ SẮT 7/32/DHW180	9.350	10%
22604	LX00000053	O-RING 7.5X2.5/DHW180	VÒNG ĐỆM 7.5X2.5/DHW180	4.644	8%
22605	LX00000054	O-RING 10.5X1.8/DHW180	VÒNG ĐỆM 10.5X1.8/DHW180	4.644	8%
22606	LX00000055	COMPRESSION SPRING 14X15 INOX/DHW180	LÒ XO 14X15/DHW180	4.730	10%
22607	LX00000056	FILTER ASSY/DHW180	ĐẦU NỐI ỐNG DẪN NƯỚC/DHW180	45.792	8%
22608	LX00000057	HOSE END CONNECTOR 8MM(5/16)/DHW180	ĐẦU NỐI ỐNG DẪN NƯỚC 8MM(5/16)/DHW180	77.868	8%
22609	LX00000058	HOSE BAND/DHW180	DÂY BƯỚC ỐNG NƯỚC/DHW180	13.824	8%
22610	LX00000059	HOSE CLIP/DHW180	MIẾNG NHỰA KẸP GIỮ ỐNG/DHW180	13.824	8%
22611	LX00000060	STRAINER ASSY/DHW180	ĐẦU HÚT NƯỚC/DHW180	64.152	8%
22612	LX00000071	HOUSING SET/DHW180	VỎ MÁY/DHW180	457.920	8%
22613	LX00000072	OUTLET PIPE COMP/DHW180	ỐNG NƯỚC RA/DHW180	27.540	8%
22614	LX00000073	INLET VALVE SET/DHW180	BỘ VAN NƯỚC VÀO/DHW180	32.076	8%
22615	LX00000076	O-RING 9.5X2.65/DHW180	VÒNG ĐỆM 9.5X2.65/DHW180	4.644	8%
22616	LX00000077	5 PATTERNS SPLAYER NOZZLE/DHW180	ĐẦU XIT CHUYỂN ĐỔI/DHW180	160.272	8%
22617	LX00000078	PLASTIC SLEEVE 6/DHW180	VÒNG ĐỆM 6/DHW180	4.644	8%
22618	LX00000079	HOSEASSY 8MMX6M (5/16X19.7FT)/DHW180	DÂY DẪN NƯỚC 8MMX6M(5/16X19.7FT)/DHW180	311.472	8%
22619	MR00081238	NUT M5/EVH2000	ỐC VÍT M5/EVH2000	22.000	10%
22620	MR00102680	BEARING/EVH2000	BẠC ĐẠN/EVH2000	190.080	8%
22621	MR00106190	COLLAR/EVH2000	VÒNG ĐỆM/EVH2000	38.880	8%
22622	MR00121831	CRANK CASE AY/EVH2000	VỎ MÁY/EVH2000	1.015.200	8%
22623	MR00121956	SCREW AY M5X32(W,SW)/EVH2000	ỐC VÍT M5X32/EVH2000	17.600	10%
22624	MR00126521	NUT M8/EVH2000	ỐC VÍT/EVH2000	22.000	10%
22625	MR00127216	WASHER M8/EVH2000	LONG ĐÈN/EVH2000	13.200	10%
22626	MR00127217	WASHER/EVH2000	LONG ĐÈN/EVH2000	13.200	10%
22627	MR00127225	COLLAR/EVH2000	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/EVH2000	44.000	10%
22628	MR00127231	BOLT AY M6X55/EVH2000	ỐC VÍT M6X55/EVH2000	22.000	10%
22629	MR00816036	SCREW AY M5X60(W,SW)/EVH2000	ỐC VÍT M5X60/EVH2000	26.400	10%
22630	NC00000001	TAPPING SCREW 3X15/PDC1200	ỐC VÍT 3X15/PDC1200	37.400	10%
22631	NC00000002	CASE LEVER COVER/PDC1200	MIẾNG NHỰA/PDC1200	389.232	8%
22632	NC00000003	CASE LOCK BUTTON/PDC1200	NÚT KHÓA/PDC1200	316.008	8%
22633	NC00000004	COMPRESSION SPRING/PDC1200	LÒ XO/PDC1200	191.290	10%
22634	NC00000005	CHARGING CONNECTOR CAP/PDC1200	ĐẦU NỐI SẠC/PDC1200	599.940	8%
22635	NC00000006	CORD CLAMP/PDC1200	MIẾNG NẸP DÂY ĐIỆN/PDC1200	128.304	8%
22636	NC00000007	SCREW M4X8/PDC1200	ỐC VÍT M4X8/PDC1200	135.300	10%
22637	NC00000008	SEAL A/PDC1200	TẮM ĐỆM A/PDC1200	114.480	8%
22638	NC00000009	CORD COVER/PDC1200	MIẾNG NHỰA/PDC1200	403.056	8%
22639	NC00000010	GROMMET/PDC1200	MIẾNG ĐỆM/PDC1200	73.332	8%
22640	NC00000011	TAPPING SCREW 4X14/PDC1200	ỐC VÍT 4X14/PDC1200	37.400	10%
22641	NC00000019	CHARGING CONNECTOR ASSY/PDC1200	DÂY CÁP ĐIỆN/PDC1200	3.178.008	8%
22642	NC00000021	VOID LABEL/PDC1200	NHÃN DÁN/PDC1200	87.048	8%
22643	NC00000022	O-RING-AS(SEAL A)/PDC1500	VÒNG ĐỆM/PDC1500	201.528	8%
22644	NC00000023	LOCK BUTTON/PDC1500	NÚT KHÓA/PDC1500	2.092.716	8%
22645	NC00000024	CASE AS COVER/PDC1500	NÁP CHỤP BẢO VỆ/PDC1500	3.700.080	8%
22646	NC00000025	CHARGE CONNECTOR/PDC1500	ĐẦU KẾT NỐI SẠC/PDC1500	4.437.288	8%
22647	NP00000001	SPLIT PIN 3-35/DCU603	CHÓT GAI 3-35/DCU603	9.350	10%
22648	NP00000002	HEX. NUT M20/DCU603	ỐC VÍT M20/DCU603	28.050	10%
22649	NP00000003	SPRING WASHER 22/DCU603	VÒNG ĐỆM 22/DCU603	14.080	10%
22650	NP00000004	KEY 6/DCU603	CHÓT ĐỊNH VỊ 6/DCU603	9.350	10%
22651	P00095-3	SERIAL NUMBER LABEL/GA4030	NHÃN DÁN/GA4030	4.644	8%
22652	PK00000001	PLUG CAP SPRING/DCS232T	LÒ XO BUGI/DCS232T	26.400	10%
22653	PK00000002	PLUG CAP/DCS232T	NÁP VỎ BUGI/DCS232T	51.840	8%
22654	PR00000001	HOUSING LEFT/HG5030	VỎ MÁY TRÁI/HG5030	263.520	8%
22655	PR00000002	HEATING ELEMENT ASSY/HG5030	CUỘN NHIỆT/HG5030	1.039.500	8%
22656	PR00000003	HOUSING RIGHT/HG5030	VỎ MÁY PHẢI/HG5030	224.640	8%
22657	PR00000004	TAPPING SCREW/HG5030	ỐC VÍT/HG5030	13.200	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22658	PR00000005	SWITCH COVER/HG5030	NÁP CÔNG TẮC/HG5030	34.560	8%
22659	PR00000006	CORD CLAMP/HG5030	THANH NẸP DÂY ĐIỆN/HG5030	17.280	8%
22660	PR00000007	TAPPING SCREW/HG5030	ỐC VÍT/HG5030	8.800	10%
22661	PR00000008	CORD GUARD/HG5030	CHUÔI DÂY ĐIỆN/HG5030	30.240	8%
22662	PR00000010	FRONT COVER COMPLETE/HG5030	NÁP CHỤP BAO VỆ/HG5030	96.228	8%
22663	PR00000011	SUPPORT RING/HG5030	VÒNG ĐỆM/HG5030	22.000	10%
22664	PR00000015	HOUSING LEFT/HG6530V	VỎ MÁY/HG6530V	233.604	8%
22665	PR00000020	TAPPING SCREW/HG6530V	ỐC VÍT/HG6530V	8.800	10%
22666	PR00000023	HOUSING RIGHT/HG6530V	VỎ MÁY/HG6530V	196.992	8%
22667	PR00000025	HEATING ELEMENT ASSY/HG6030	CUỘN NHIỆT/HG6030	1.451.628	8%
22668	PR00000026	SWITCH COVER/HG6030	CÀN GẠT CÔNG TẮC/HG6030	36.720	8%
22669	PR00000044	POWER SUPPLY CORD/HG5030	DÂY ĐIỆN/HG5030	233.604	8%
22670	PR00000068	BACK COVER/HG6530V	NÁP CHỤP/HG6530V	45.792	8%
22671	PR00000069	AIRFLOW BUTTON/HG6530V	NÚT NHẤN /HG6530V	9.180	8%
22672	PR00000070	SPONGE/HG6530V	MIẾNG ĐỆM/HG6530V	9.350	10%
22673	PR00000071	INNER COVER/HG6530V	NÁP CHỤP/HG6530V	68.688	8%
22674	PR00000073	PCB (EU)/HG6530V	BO MẠCH/HG6530V	1.021.248	8%
22675	PR00000075	MOTOR ASSY (EU)/HG6530V	CỤM MOTOR/HG6530V	581.580	8%
22676	PR00000077	HEATING ELEMENT ASSY 230-240V/HG6530V	CUỘN NHIỆT/HG6530V	1.556.928	8%
22677	PR00000086	PCB (EU)/HG6530V	BO MẠCH/HG6530V	1.671.408	8%
22678	PR00000088	MOTOR ASSY (EU)/HG6530V	CỤM MOTOR/HG6530V	604.476	8%
22679	PR00000090	HEATING ELEMENT ASSY 230-240V/HG6530V	CUỘN NHIỆT/HG6530V	1.625.616	8%
22680	PR00000129	HOUSING SET/DUS054	VỎ MÁY/DUS054	586.224	8%
22681	PR00000130	DAM-BOARD/DUS054	MIẾNG ĐỆM GIẢM CHẤN/DUS054	18.360	8%
22682	PR00000131	DAM-BOARD SPRING/DUS054	LÒ XO/DUS054	14.080	10%
22683	PR00000132	TAPPING SCREW ST4.0X12/DUS054	ỐC VÍT ST4.0X12/DUS054	4.730	10%
22684	PR00000133	INDICATION LABEL/DUS054	NHÃN DAN/DUS054	18.360	8%
22685	PR00000134	TERMINAL/DUS054	ĐỀ GÀI PIN/DUS054	91.584	8%
22686	PR00000135	PCB/US053D	BO MẠCH/US053D	865.512	8%
22687	PR00000136	SWITCH/DUS054	CÔNG TẮC/DUS054	91.584	8%
22688	PR00000147	FILTER ASSEMBLY/DUS054	BỘ LỌC/DUS054	41.256	8%
22689	PR00000148	HANDLE TRIGGER ASSEMBLY/DUS054	CỖ BÓP /DUS054	36.720	8%
22690	PR00000149	O RING 8X1.8/DUS054	VÒNG ĐỆM 8X1.8/DUS054	9.180	8%
22691	PR00000150	SPRING/DUS054	LÒ XO/DUS054	14.080	10%
22692	PR00000151	VALVE ROD/DUS054	CÀN VAN/DUS054	18.360	8%
22693	PR00000152	LOCK COVER/DUS054	NÁP KHÓA/DUS054	18.360	8%
22694	PR00000153	HANDLE SET/DUS054	TAY CÀM/DUS054	164.916	8%
22695	PR00000154	SPRAY HOSE ASSEMBLY/DUS054	BỘ ỒNG ĐÉO/DUS054	1.048.680	8%
22696	PR00000155	SPRAY HOSE SLEEVE/DUS054	ÔNG NỔI VỚI PHỤN/DUS054	18.360	8%
22697	PR00000158	BATTERY COVER SEAL PAD/DUS054	ĐỆM NÁP BAO VỆ PIN/DUS054	41.256	8%
22698	PR00000159	BATTERY COVER BUTTON/DUS054	NÚT BẤM /DUS054	18.360	8%
22699	PR00000160	SPRING/DUS054	LÒ XO/DUS054	9.350	10%
22700	PR00000161	BATTERY COVER/DUS054	NÁP BAO VỆ /DUS054	137.376	8%
22701	PR00000162	PRESS-BUTTON/DUS054	NÚT NHẤN/DUS054	14.080	10%
22702	PR00000163	SHAFT/DUS054	TRỤC/DUS054	28.050	10%
22703	PR00000164	MOTOR FIXED BLOCK/DUS054	THANH CỐ ĐỊNH MOTOR/DUS054	23.320	10%
22704	PR00000165	SHOCK ABSORBER RING/DUS054	MIẾNG ĐỆM GIẢM XÓC/DUS054	32.076	8%
22705	PR00000166	INLET CONNECTION/DUS054	ĐẦU NỐI VÀO/DUS054	22.896	8%
22706	PR00000167	SPRING/DUS054	LÒ XO/DUS054	14.080	10%
22707	PR00000168	PUMP UNIT WITH MOTOR/US053D	CỤM BƠM PISTON/US053D	746.496	8%
22708	PR00000169	CHECK VALVE ASSEMBLY/DUS054	VÁN KIỂM TRA LƯỢNG DUNG DỊCH/DUS054	54.972	8%
22709	PR00000170	WATER INLET/DUS054	ĐẦU NƯỚC VÀO/DUS054	27.540	8%
22710	PR00000171	PUMP/DUS054	CỤM BƠM/DUS054	1.616.544	8%
22711	PR00000172	BASE BOARD/DUS054	ĐỀ ĐỖ MOTOR/DUS054	293.112	8%
22712	PR00000173	O RING 17X2/DUS054	VÒNG ĐỆM 17X2/DUS054	54.972	8%
22713	PR00000174	KNOB LOCK CAP ASSEMBLY/DUS054	NÚT KHÓA/DUS054	13.824	8%
22714	PR00000175	SEAL PAD/DUS054	VÒNG ĐỆM/DUS054	32.076	8%
22715	PR00000176	SUCTION TUBE/DUS054	ÔNG HÚT /DUS054	45.792	8%
22716	PR00000177	FILTER/DUS054	QUẢ LỌC/DUS054	45.792	8%
22717	PR00000178	TANK/DUS054	THÙNG ĐỰNG NƯỚC/DUS054	732.672	8%
22718	PR00000180	MEASURING CUP/DUS054	LY ĐO THUỐC/DUS054	87.048	8%
22719	PR00000181	FILTER CARTRIDGE/DUS054	CỐC LỌC/DUS054	128.304	8%
22720	PR00000182	TAPPING SCREW ST2.9X12/DUS054	ỐC VÍT ST2.9X12/DUS054	18.700	10%
22721	PR00000183	TAPPING SCREW ST4.0X16/DUS054	ỐC VÍT ST4.0X16/DUS054	32.670	10%
22722	PR00000184	HOSE CLAMP/DUS054	KẸP GIỮ ỒNG NỔI/DUS054	57.200	10%
22723	PR00000185	BATTERY HOUSING/DUS054	VỎ BAO VỆ PIN/DUS054	228.960	8%
22724	PR00000186	O RING 6X2/DUS054	VÒNG ĐỆM CAO SU/DUS054	41.256	8%
22725	PR00000189	HOLDER/DUS054	GIÁ ĐỖ/DUS054	14.080	10%
22726	PR00000190	O RING/DUS054	VÒNG ĐỆM/DUS054	22.896	8%
22727	PR00000191	HOLDER/DUS054	GIÁ ĐỖ/DUS054	18.700	10%
22728	PR00000192	HOUSING SET/DUS054	VỎ MÁY/DUS054	636.552	8%
22729	PR00000193	BATTERY HOUSING/DUS054	VỎ BAO VỆ PIN/DUS054	242.784	8%
22730	PR00000194	SPRING/DUS054	LÒ XO/DUS054	14.080	10%
22731	PR00000195	TERMINAL/DUS054	ĐỀ GÀI PIN/DUS054	82.512	8%
22732	PR00000196	PCB/DUS054	BO MẠCH/DUS054	865.512	8%
22733	PR00000198	BATTERY COVER SEAL PAD/DUS054	ĐỆM NÁP BAO VỆ PIN/DUS054	41.256	8%
22734	PR00000199	BATTERY COVER/DUS054	NÁP BAO VỆ /DUS054	155.736	8%
22735	PR00000200	PUMP UNIT WITH MOTOR/DUS054	CỤM BƠM PISTON/DUS054	746.496	8%
22736	PR00000201	PUMP/DUS054	CỤM BƠM/DUS054	1.616.544	8%
22737	PR00000204	O RING 6X2/DUS054	VÒNG ĐỆM CAO SU/DUS054	17.280	8%
22738	PR00000205	O RING 3X1/DUS054	VÒNG ĐỆM CAO SU 3X1/DUS054	36.720	8%
22739	PR00000247	SNAPPER HOSE CLAMP (S)/DUS054	KẸP ỒNG (S)/DUS054	37.400	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22740	PR00000248	DELIVERY TUBE (48MM)/DUS054	ỐNG DẪN (48MM)/DUS054	9.180	8%
22741	PR00000249	DELIVERY TUBE (40MM)/DUS054	ỐNG DẪN (40MM)/DUS054	9.180	8%
22742	PR00000251	SINGLE NOZZLE ASSY/DUS108	ĐẦU BÉT PHUN ĐƠN/DUS108	174.096	8%
22743	PR00000260	SPRAY WAND ASSY/DUS108	CÁN PHUN/DUS108	471.130	10%
22744	PR00000261	HOSE CLIP/DUS108	MỐC GAI/DUS108	18.360	8%
22745	PR00000262	PLASTIC NUT 1/2"/DUS108	ỐC VÍT 1/2"/DUS108	14.080	10%
22746	PR00000263	RUBBER CAP/DUS108	NÁP ĐẬY CAO SU/DUS108	4.644	8%
22747	PR00000264	SPRAY WAND THREAD ADAPTOR/DUS108	ĐẦU NỐI CÁN PHUN/DUS108	167.970	10%
22748	PR00000265	TANK ELBOW JOINT/DUS108	CỎ NỐI/DUS108	45.792	8%
22749	PR00000267	SNAPPER HOSE CLAMP (M)/DUS108	NEP ỐNG/DUS108	18.360	8%
22750	PR00000270	PUMP UNIT WITH MOTOR/DUS108	CỤM MOTOR/DUS108	1.433.376	8%
22751	PR00000271	TAPPING SCREW ST4.0X16/DUS108	ỐC VÍT 4X16/DUS108	18.700	10%
22752	PR00000272	MOTOR FIXED PLATE/DUS108	NEP GIỮ MOTOR/DUS108	37.400	10%
22753	PR00000273	PUMP FIXED PLATE/DUS108	NEP GIỮ ĐẦU BƠM/DUS108	32.670	10%
22754	PR00000274	RUBBER SHEET/DUS108	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DUS108	27.540	8%
22755	PR00000277	O-RING 17.5X3/DUS108	VÒNG ĐỆM CAO SU 17.5X3/DUS108	13.824	8%
22756	PR00000278	NET FILTER FOR SUCTION HEAD/DUS108	LƯỚI LỌC/DUS108	9.350	10%
22757	PR00000279	SUCTION HEAD/DUS108	ĐẦU HÚT/DUS108	54.972	8%
22758	PR00000280	TUBE 8X230/DUS108	ỐNG CAO SU 8X230/DUS108	9.180	8%
22759	PR00000287	SUCTION TUBE SET/DUS108	BỘ ỐNG NỐI/DUS108	91.584	8%
22760	PR00000288	PAN HEAD SCREW M5X12 WITH WR/DUS108	ỐC VÍT M5X12/DUS108	14.080	10%
22761	PR00000289	BACK PAD/DUS108	MIẾNG ĐỆM ĐEO VAI/DUS108	380.160	8%
22762	PR00000292	ANTI VIBRATION PAD/DUS108	MIỀN ĐỆM CAO SU/DUS108	18.360	8%
22763	PR00000293	TAPPING SCREW ST2.9X10/DHG180	ỐC VÍT ST2.9X10/DHG180	9.350	10%
22764	PR00000295	PCB/DUS108	BỘ MẠCH/DUS108	1.131.084	8%
22765	PR00000297	BATTERY HOUSING SET/DUS108	VỎ BẢO VỆ PIN/DUS108	1.547.856	8%
22766	PR00000298	SWITCH GASKET/DUS108	MIẾNG ĐỆM CÔNG TÁC/DUS108	36.720	8%
22767	PR00000299	SWITCH/DUS108	CÔNG TÁC/DUS108	196.992	8%
22768	PR00000300	HEX NUT(SWITCH)/DUS108	ỐC CÔNG TÁC/DUS108	9.180	8%
22769	PR00000302	BATTERY TERMINAL/DUS108	ĐỀ GAI PIN/DUS108	77.868	8%
22770	PR00000303	BATTERY COVER SEAL PAD/DUS108	VÒNG ĐỆM CAO SU/DUS108	87.048	8%
22771	PR00000304	BATTERY COVER CLIP/DUS108	NÁP CHỤP/DUS108	9.180	8%
22772	PR00000305	BATTERY COVER/DUS108	NÁP CHỤP/DUS108	142.020	8%
22773	PR00000306	SHAFT 3X136/DUS108	TRỤC GAI 3X16/DUS108	18.700	10%
22774	PR00000307	INDICATION LABEL/DUS108	NHÃN DẪN/DUS108	22.896	8%
22775	PR00000312	DRAIN PLUG ASSY/DUS108	NÁP ĐẬY/DUS108	41.256	8%
22776	PR00000313	TANK FILTER/DUS108	LƯỚI LỌC/DUS108	96.228	8%
22777	PR00000319	HARNESS LR SET/DUS108	DÂY ĐEO VAI/DUS108	1.213.488	8%
22778	PR00000379	HOUSING ASSEMBLY/DHG180	VỎ MÁY/DHG180	343.440	8%
22779	PR00000380	LOCK ON BUTTON/DHG180	NÚT NHAN KHOA AN TOÀN/DHG180	22.896	8%
22780	PR00000381	SPRING 9/DHG180	LÒ XO 9/DHG180	9.350	10%
22781	PR00000382	SUPPORT FRAME/DHG180	KHUNG CỐ ĐỊNH MỐC TREO/DHG180	37.400	10%
22782	PR00000383	HOOK/DHG180	MỐC TREO/DHG180	128.304	8%
22783	PR00000384	SNAP RING/DHG180	PHE GÁI/DHG180	18.700	10%
22784	PR00000385	SPRING 6/DHG180	LÒ XO 6/DHG180	55.990	10%
22785	PR00000386	REAR COVER/DHG180	VỎ ĐUÔI MÁY/DHG180	87.048	8%
22786	PR00000387	HOOK RELEASE BUTTON/DHG180	CHÓT ĐỊNH VÍ/DHG180	111.980	10%
22787	PR00000388	SPRING 5/DHG180	LÒ XO 5/DHG180	9.350	10%
22788	PR00000389	INNER COVER/DHG180	TẦM NHỰA BẢO VỆ NÁP/DHG180	54.972	8%
22789	PR00000390	MOTOR ASSEMBLY/DHG180	MÔ TƠ/DHG180	947.916	8%
22790	PR00000391	HEATER ASSEMBLY/DHG180	BỘ LAM NÔNG/DHG180	3.150.576	8%
22791	PR00000392	FRONT COVER ASSEMBLY/DHG180	VỎ MÁY/DHG180	114.480	8%
22792	PR00000393	SPRING 4/DHG180	LÒ XO 4/DHG180	9.350	10%
22793	PR00000394	TRIGGER ASSEMBLY/DHG180	NÚT NHAN ĐIỀU CHỈNH/DHG180	100.764	8%
22794	PR00000395	TAPPING SCREW ST2.9X16/DHG180	ỐC VÍT ST2.9X16/DHG180	18.700	10%
22795	PR00000420	HOUSING SET/DHG181	VỎ MÁY/DHG181	375.516	8%
22796	PR00000421	REAR COVER/DHG181	MIẾNG ĐẬY PHÍA SAU/DHG181	105.408	8%
22797	PR00000422	HOOK BUTTON/DHG181	CHÓT MỐC KHÓA/DHG181	135.300	10%
22798	PR00000423	DIAL/DHG181	VÒNG XOAY CHỈNH NHIỆT ĐỘ/DHG181	45.792	8%
22799	PR00000425	INNER COVER/DHG181	TẦM NHỰA CHỤP VỎ SAU/DHG181	91.584	8%
22800	PR00000427	HEATER ASSEMBLY/DHG181	BỘ LAM NÔNG/DHG181	3.544.344	8%
22801	PR00000429	LEAF SPRING/DHG181	LÒ XO LÁ/DHG181	14.080	10%
22802	PR00000430	CHAGE LEVER/DHG181	NÚT CHUYỂN TỐC ĐỘ/DHG181	22.896	8%
22803	PR00000472	PUMP HOUSING ASSY EU/DUS108	VỎ MÁY/DUS108	1.479.168	8%
22804	PR00000477	15L TANK/DUS108	BÌNH CHỨA 15L/DUS108	2.596.428	8%
22805	PR00000478	10L TANK/DUS108	BÌNH CHỨA 10L/DUS108	2.220.912	8%
22806	PR00000523	HOUSING SET/HG001G	VỎ MÁY/HG001G	352.620	8%
22807	PR00000524	CONTROL PANEL ASSY/HG001G	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/HG001G	682.560	8%
22808	PR00000531	BACK COVER INSIDE/HG001G	TẦM NHỰA CỐ ĐỊNH VỎ ĐUÔI MÁY/HG001G	32.076	8%
22809	PR00000532	HEATER MOTOR&CONT. ASSY/HG001G	BỘ LAM NÔNG/HG001G	3.913.920	8%
22810	PR00000537	FRONT COVER WITH CAUTION LABEL/HG001G	VỎ BẢO VỆ THANH NÔNG/HG001G	160.272	8%
22811	PR00000539	TRIGGER ASSY/HG001G	CÁN BÓP CÔNG TÁC/HG001G	100.764	8%
22812	PR00000567	BACK COVER ASSEMBLY/HG001G	VỎ ĐUÔI MÁY/HG001G	87.048	8%
22813	QY00000001	TAPPING SCREW 4X20/DML810	ỐC VÍT 4X20/DML810	23.320	10%
22814	QY00000002	LED COVER/DML810	BẢO VỆ ĐÈN/DML810	663.984	8%
22815	QY00000003	TAPPING SCREW 3.5X14/DML810	ỐC VÍT 3.5X14/DML810	4.730	10%
22816	QY00000004	LED PLATE/DML810	TẦM LED/DML810	270.216	8%
22817	QY00000005	WIRE UNIT 6X300/DML810	DÂY DẪN ĐIỆN 6X300/DML810	96.228	8%
22818	QY00000006	INSULATION PLATE/DML810	MIỀNG CÁCH ĐIỆN/DML810	41.256	8%
22819	QY00000007	HEAT SINK PLATE COVER/DML810	GÁ ĐỠ/DML810	111.980	10%
22820	QY00000008	HEAT SINK PLATE/DML810	ỐNG ĐÈN/DML810	961.632	8%
22821	QY00000009	TAPPING SCREW 3X6/DML810	ỐC VÍT 3X6/DML810	4.730	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22822	QY00000010	LED PLATE LONG/DML810	MIẾNG ĐỆM/DML810	116.600	10%
22823	QY00000011	TAPPING SCREW 3X12/DML810	ỐC VÍT 3X12/DML810	4.730	10%
22824	QY00000012	DISTRIBUTION UNIT FOR LED/DML810	PHÂN PHỐI ÁNH SÁNG/DML810	563.328	8%
22825	QY00000013	WIRE UNIT 6X1000/DML810	DÂY DẪN ĐIỆN 6X1000/DML810	114.480	8%
22826	QY00000014	CIRCLE HANDLE UPPER/DML810	TAY CÀM VÒNG PHÍA TRÊN/DML810	320.544	8%
22827	QY00000015	O-RING/DML810	VÒNG ĐỆM/DML810	109.944	8%
22828	QY00000016	CIRCLE HANDLE LOWER/DML810	TAY CÀM VÒNG PHÍA DƯỚI/DML810	361.800	8%
22829	QY00000017	TAPPING SCREW 3.5X14/DML810	ỐC VÍT 3.5X14/DML810	4.730	10%
22830	QY00000018	SWITCH COVER/DML810	NÁP BẢO VỆ CÔNG TÁC/DML810	238.140	8%
22831	QY00000019	INDICATOR COVER/DML810	NÁP BẢO VỆ ĐÈN HIỂN THỊ/DML810	27.540	8%
22832	QY00000020	INDICATOR UNIT/DML810	ĐÈN HIỂN THỊ/DML810	128.304	8%
22833	QY00000021	SWITCH PCB BASE/DML810	ĐỂ GIỮ BƠ MẠCH CỦA CÔNG TÁC/DML810	100.764	8%
22834	QY00000022	SWITCH UNIT/DML810	MẠCH CÔNG TÁC/DML810	206.064	8%
22835	QY00000023	WIRE UNIT 10X850/DML810	DÂY DẪN ĐIỆN 10X850/DML810	109.944	8%
22836	QY00000024	TAPPING SCREW 5X20/DML810	ỐC VÍT 5X20/DML810	4.730	10%
22837	QY00000026	TAPPING SCREW 3X8/DML810	ỐC VÍT 3X8/DML810	4.730	10%
22838	QY00000027	REFLECTOR/DML810	TẮM PHAN QUANG/DML810	45.792	8%
22839	QY00000029	LATCH/DML810	NÁP BẢO VỆ/DML810	36.720	8%
22840	QY00000030	PIN 2.5X73/DML810	CHÓT GÀI 2.5X73/DML810	14.080	10%
22841	QY00000031	PIN 4X75/DML810	CHÓT GÀI 4X75/DML810	14.080	10%
22842	QY00000032	BATTERY COVER PLATE/DML810	TẮM GIỮ CHÓT GÀI/DML810	13.824	8%
22843	QY00000033	BATTERY COVER/DML810	NÁP BẢO VỆ PIN/DML810	201.528	8%
22844	QY00000034	PIN 2.5X52.5/DML810	CHÓT GÀI 2.5X52.5/DML810	18.700	10%
22845	QY00000035	BATTERY COVER BASE/DML810	ĐỂ BẢO VỆ PIN/DML810	36.720	8%
22846	QY00000036	TAPPING SCREW 3X12/DML810	ỐC VÍT 3X12/DML810	4.730	10%
22847	QY00000037	BATTERY COVER PACKING/DML810	NÁP BẢO VỆ/DML810	174.096	8%
22848	QY00000039	POWER UNDER COVER/DML810	NÁP BẢO VỆ NGUỒN PHÍA DƯỚI/DML810	77.868	8%
22849	QY00000040	PCB BOARD/DML810	BƠ MẠCH/DML810	856.332	8%
22850	QY00000041	POWER COVER/DML810	NÁP BẢO VỆ NGUỒN/DML810	32.076	8%
22851	QY00000042	WIRE UNIT 400/DML810	DÂY DẪN ĐIỆN 400/DML810	54.972	8%
22852	QY00000043	PACKING/DML810	MIẾNG ĐỆM LÀM KÍN/DML810	100.764	8%
22853	QY00000044	BATTERY BOX LOWER/DML810	NÁP BẢO VỆ PIN PHÍA DƯỚI/DML810	274.752	8%
22854	QY00000045	MAIN CONTROLLER UNIT/DML810	BƠ MẠCH/DML810	1.195.236	8%
22855	QY00000046	TERMINAL/DML810	ĐỂ GÀI PIN/DML810	128.304	8%
22856	QY00000047	WIRE UNIT 300/DML810	DÂY DẪN ĐIỆN 300/DML810	160.272	8%
22857	QY00000048	CONTROLLER BOX/DML810	HỘP BẢO VỆ BƠ MẠCH/DML810	77.868	8%
22858	QY00000049	BATTERY TERMINAL FIX PLATE/DML810	TẮM CỐ ĐỊNH ĐỂ GÀI PIN/DML810	36.720	8%
22859	QY00000050	UPPER GRIP/DML810	TAY CÀM PHÍA TRÊN/DML810	256.500	8%
22860	QY00000051	LOWER GRIP/DML810	TAY CÀM PHÍA DƯỚI/DML810	293.112	8%
22861	QY00000052	AC OUTPUT SOCKET COVER/DML810	NÁP BẢO VỆ NGUỒN RA XOAY CHIỀU/DML810	105.408	8%
22862	QY00000053	AC OUTPUT SOCKET FLAME A/DML810	MIẾNG NHỰA Ồ CÀM ĐIỆN/DML810	32.076	8%
22863	QY00000054	AC OUTPUT SOCKET A/DML810	Ồ CÀM ĐẦU RA XOAY CHIỀU/DML810	82.512	8%
22864	QY00000055	SOCKET CASE/DML810	VỎ HỘP/DML810	36.720	8%
22865	QY00000056	HUSE SET/DML810	CẦU CHỈ/DML810	91.584	8%
22866	QY00000057	AC INPUT SOCKET FRAME/DML810	KHUNG Ồ CÀM ĐẦU VÀO XOAY CHIỀU/DML810	36.720	8%
22867	QY00000058	AC INPUT POWER CONNECTOR/DML810	ĐẦU NỐI NGUỒN AC ĐẦU VÀO/DML810	32.076	8%
22868	QY00000059	AC INPUT SOCKET COVER/DML810	NÁP Ồ CÀM ĐẦU VÀO XOAY CHIỀU/DML810	128.304	8%
22869	QY00000060	LOWER HOUSING/DML810	VỎ DƯỚI/DML810	696.060	8%
22870	QY00000061	WASHER 5/DML810	VÒNG ĐỆM 5/DML810	9.350	10%
22871	QY00000062	WEIGHT/DML810	TẮM CÂN/DML810	2.220.130	10%
22872	QY00000063	WEIGHT COVER/DML810	VỎ DƯỚI/DML810	430.488	8%
22873	QY00000064	PAN HEAD SCREW M5X20/DML810	ỐC VÍT M5X20/DML810	9.350	10%
22874	QY00000067	AC OUTPUT SOCKET D/BAC01	Ồ CÀM ĐẦU RA AC/BAC01	412.128	8%
22875	QY00000073	HOUSING SET/DML810	VỎ MÁY/DML810	2.285.064	8%
22876	QY00000078	POWER SUPPLY CORD 2500A/DML810	DÂY NGUỒN 2500A/DML810	444.204	8%
22877	QY00000092	CABLE/DML810	DÂY CÁP ĐIỆN/DML810	206.064	8%
22878	QY00000102	LED PLATE/ML010G	ĐÈN LED/ML010G	352.620	8%
22879	QY00000103	LED PLATE LONG/ML010G	ĐÈN LED (DÀI)/ML010G	100.764	8%
22880	QY00000104	LED PCB CONNECTOR/ML010G	ĐÈN LED KẾT NỐI PCB/ML010G	613.656	8%
22881	QY00000105	CABLE/ML010G	DÂY DẪN ĐIỆN/ML010G	114.480	8%
22882	QY00000106	CABLE HOOK UNDER/ML010G	MIẾNG NHỰA GIỮ DÂY ĐIỆN/ML010G	137.376	8%
22883	QY00000107	CABLE HOOK UPPER/ML010G	MÓC TREO TRÊN/ML010G	128.304	8%
22884	QY00000108	CASE L/ML010G	VỎ ĐÈN TRÁI/ML010G	1.016.604	8%
22885	QY00000109	SEALING/ML010G	MIẾNG ĐỆM CHỐNG THẤM/ML010G	82.512	8%
22886	QY00000110	CASE R/ML010G	VỎ ĐÈN PHẢI/ML010G	1.048.680	8%
22887	QY00000111	SWITCH PCB BOARD/ML010G	MẠCH CÔNG TÁC/ML010G	224.424	8%
22888	QY00000112	LEAD UNIT/ML010G	DÂY DẪN ĐIỆN/ML010G	100.764	8%
22889	QY00000113	SWITCH BASE/ML010G	ĐỂ GIỮ CÔNG TÁC/ML010G	73.332	8%
22890	QY00000114	SWITCH COVER/ML010G	MIẾNG BẢO VỆ CÔNG TÁC/ML010G	320.544	8%
22891	QY00000115	PIN/ML010G	CHÓT ĐỊNH VỊ/ML010G	37.400	10%
22892	QY00000116	BATTERY COVER A/ML010G	NÁP HỘP PIN LXT/ML010G	673.164	8%
22893	QY00000117	BATTERY COVER BASE/ML010G	CHÂN NÁP HỘP PIN/ML010G	68.688	8%
22894	QY00000118	BATTERY COVE B/ML010G	NÁP HỘP PIN XGT/ML010G	673.164	8%
22895	QY00000119	BATTERY BOX LOWER/ML010G	ĐỂ HỘP PIN/ML010G	590.760	8%
22896	QY00000121	LEAD UNIT (LXT)/ML010G	DÂY DẪN ĐIỆN(LXT)/ML010G	425.952	8%
22897	QY00000122	LXT BATTERY TERMINAL/ML010G	ĐỂ GÀI PIN LXT/ML010G	462.564	8%
22898	QY00000123	XGT BATTERY TERMINAL/ML010G	ĐỂ GÀI PIN XGT/ML010G	531.252	8%
22899	QY00000124	LEAD UNIT(XGT)/ML010G	DÂY DẪN ĐIỆN(XGT)/ML010G	87.048	8%
22900	QY00000125	TERMINAL SUPPORT/ML010G	CHÂN ĐỂ GÀI PIN/ML010G	87.048	8%
22901	QY00000126	CABLE TIES/ML010G	NẸP DÂY ĐIỆN/ML010G	9.180	8%
22902	QY00000127	MAIN PCB BOARD/ML010G	BƠ MẠCH/ML010G	1.378.404	8%
22903	QY00000128	PCB BOARD COVER/ML010G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BƠ MẠCH/ML010G	64.152	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22904	QY00000129	AC INPUT SOCKET COVER/ML010G	NẮP BẢO VỆ Ổ CẮM ĐẦU VÀO AC/ML010G	151.200	8%
22905	QY00000130	AC INPUT SOCKET CASE/ML010G	CHÂN ĐÉ CẮM NGUỒN VÀO AC/ML010G	54.972	8%
22906	QY00000135	AC OUTPUT SOCKET COVER/ML010G	NẮP BẢO VỆ Ổ CẮM ĐẦU RA AC/ML010G	151.200	8%
22907	QY00000142	LEAD UNIT/ML010G	DÂY DẪN ĐIỆN/ML010G	192.348	8%
22908	QY00000148	AC OUTPUT SOCKET CASE/ML010G	CHÂN ĐÉ CẮM NGUỒN RA AC/ML010G	50.436	8%
22909	QY00000151	POWER UNIT/ML010G	BO MẠCH NGUỒN/ML010G	925.020	8%
22910	QY00000152	SUB HADDLE/ML010G	TAY CÀM PHỤ/ML010G	123.660	8%
22911	QY00000153	HANDLE COVER/ML010G	VỎ TAY CÀM/ML010G	77.868	8%
22912	QY00000154	BASE/ML010G	VỎ ĐÉ ĐÈN/ML010G	1.034.964	8%
22913	QY00000155	WEIGHT/ML010G	TẦM CÂN BẢNG/ML010G	2.047.540	10%
22914	QY00000156	UNDER COVER/ML010G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ/ML010G	270.216	8%
22915	QY00000157	PAN HEAD SCREW M5X16/ML010G	BÚ LÔNG M5X16/ML010G	23.320	10%
22916	QY00000158	HOOK B COVER/BAC01	ĐÉ MỐC GIỮ B/BAC01	22.896	8%
22917	QY00000159	LEFT SPRING/BAC01	LÒ XO/BAC01	4.730	10%
22918	QY00000160	HOOK B/BAC01	MỐC GIỮ B/BAC01	114.480	8%
22919	QY00000161	RIGHT SPRING/BAC01	LÒ XO/BAC01	4.730	10%
22920	QY00000162	HOOK C/BAC01	MỐC GIỮ C/BAC01	114.480	8%
22921	QY00000163	HOUSING TOP/BAC01	NẮP ĐẦY TRÊN/BAC01	696.060	8%
22922	QY00000164	O-RING/BAC01	VÒNG ĐỆM/BAC01	4.644	8%
22923	QY00000165	LATCH B ASSEMBLY/BAC01	MỐC GÁI B/BAC01	13.824	8%
22924	QY00000166	LATCH COVER B/BAC01	ĐÉ MỐC GÁI B/BAC01	32.076	8%
22925	QY00000167	LATCH COVER A/BAC01	ĐÉ MỐC GÁI A/BAC01	32.076	8%
22926	QY00000168	HOOK A/BAC01	MỐC GIỮ A/BAC01	50.436	8%
22927	QY00000169	HOOK A COVER/BAC01	ĐÉ MỐC GIỮ A/BAC01	27.540	8%
22928	QY00000170	TAPPING SCREW 2.0X6/BAC01	ỐC VÍT 2.0X6 /BAC01	4.730	10%
22929	QY00000171	KEY PCB BOARD/BAC01	BO MẠCH PCB/BAC01	499.176	8%
22930	QY00000172	OVA KEY GLAND/BAC01	ĐÉ GIỮ CHÂN USB/BAC01	9.180	8%
22931	QY00000173	USB BUTTON/BAC01	NÚT NHẤN USB/BAC01	22.896	8%
22932	QY00000174	AC BUTTON/BAC01	NÚT NHẤN AC/BAC01	22.896	8%
22933	QY00000175	DC BUTTON/BAC01	NÚT NHẤN DC/BAC01	22.896	8%
22934	QY00000176	LENS/BAC01	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐÈN LED/BAC01	27.540	8%
22935	QY00000177	TAPPING SCREW 3.0X8/BAC01	ỐC VÍT 3.0X8/BAC01	4.730	10%
22936	QY00000178	PANEL OPERATION ASSEMBLY/BAC01	TẦM NHỰA BẢO VỆ BẢNG ĐIỀU KHIỂN/BAC01	228.960	8%
22937	QY00000179	SCREW 4.0X29.5/BAC01	ỐC VÍT 4.0X29.5/BAC01	4.730	10%
22938	QY00000180	FAN PLATE/BAC01	TẦM ĐỆM QUẠT/BAC01	251.856	8%
22939	QY00000181	FAN/BAC01	QUẠT TẢN NHIỆT/BAC01	494.640	8%
22940	QY00000182	HEX. NUT M4/BAC01	ĐAI ỐC M4/BAC01	4.730	10%
22941	QY00000183	LEAD UNIT A/BAC01	DÂY DẪN ĐIỆN A/BAC01	114.480	8%
22942	QY00000184	PLATE B/BAC01	MIẾNG ĐỆM/BAC01	270.216	8%
22943	QY00000185	LEAD UNIT B/BAC01	DÂY DẪN ĐIỆN B/BAC01	100.764	8%
22944	QY00000187	LEAD HOLDER A/BAC01	MIẾNG NHỰA NẾP A/BAC01	9.180	8%
22945	QY00000188	SCREW M3X6/BAC01	ỐC VÍT 3.0X6/BAC01	4.730	10%
22946	QY00000189	SHIELD/BAC01	NẮP ĐẦY BO MẠCH/BAC01	289.190	10%
22947	QY00000190	SCREW M3X8/BAC01	ỐC VÍT 3.0X8/BAC01	4.730	10%
22948	QY00000191	DC CONVERTER PCB/BAC01	BO MẠCH/BAC01	604.476	8%
22949	QY00000192	HEAT DISSIPATION SHEET/BAC01	TẦM TẢN NHIỆT/BAC01	102.630	10%
22950	QY00000193	LEAD HOLDER B/BAC01	MIẾNG NHỰA NẾP GIỮ DÂY ĐIỆN/BAC01	9.180	8%
22951	QY00000194	HEAT SINK DC/BAC01	MIẾNG ĐÉ TẢN NHIỆT/BAC01	209.880	10%
22952	QY00000195	DC PCB ASSY/BAC01	BO MẠCH DC/BAC01	2.005.776	8%
22953	QY00000196	AC PLUG BRACKET/BAC01	GIÁ ĐỖ GIÁC CẮM AC/BAC01	41.256	8%
22954	QY00000197	USB HOLDER PLATE/BAC01	ĐÉ GIỮ CHÂN CÀM USB/BAC01	9.180	8%
22955	QY00000198	TAPPING SCREW FLANGE 2X5/BAC01	ỐC VÍT 2X5/BAC01	4.730	10%
22956	QY00000199	USB PCB/BAC01	BO MẠCH USB/BAC01	64.152	8%
22957	QY00000200	USB TYPE-C PCB/BAC01	BO MẠCH TYPE -C/BAC01	100.764	8%
22958	QY00000204	PANEL OUTPUT/BAC01	TẦM NHỰA NGOÀI BẢNG ĐIỀU KHIỂN NGUỒN RA/BAC01	164.916	8%
22959	QY00000210	USB COVER/BAC01	CHỤP BẢO VỆ USB/BAC01	41.256	8%
22960	QY00000211	WIRE CONNECT DC TO USB-A PCB/BAC01	DÂY DẪN ĐIỆN/BAC01	100.764	8%
22961	QY00000212	AC-SPINDLE-PLATEN/BAC01	ĐÉ GIỮ CHÂN CẮM AC/BAC01	9.180	8%
22962	QY00000213	COVER AC/BAC01	CHỤP BẢO VỆ Ổ CẮM AC/BAC01	68.688	8%
22963	QY00000214	LEAD UNIT E/BAC01	DÂY DẪN ĐIỆN E /BAC01	45.792	8%
22964	QY00000215	CIGAR LIGHTER SOCKET/BAC01	Ổ CẮM TÀU DC/BAC01	810.540	8%
22965	QY00000216	PIN/BAC01	CHÓT/BAC01	14.080	10%
22966	QY00000217	CIGAR LIGHTER SOCKET COVER/BAC01	NẮP ĐẦY Ổ CẮM DC/BAC01	13.824	8%
22967	QY00000218	CIGAR LIGHTER SOCKET ASSY/BAC01	Ổ CẮM TÀU DC 12V/BAC01	366.336	8%
22968	QY00000219	TAPPING SCREW 3X30/BAC01	ỐC VÍT 3X30/BAC01	4.730	10%
22969	QY00000220	HANDLE PIN COVER/BAC01	MIẾNG NHỰA CHỤP GÓC TAY CÀM/BAC01	9.180	8%
22970	QY00000221	HANDLE PIN/BAC01	CHÓT GIỮ/BAC01	18.700	10%
22971	QY00000222	HANDLE/BAC01	TAY CÀM/BAC01	91.584	8%
22972	QY00000223	GUIDE DUCT/BAC01	ỐNG THOÁT GIÓ/BAC01	64.152	8%
22973	QY00000224	LATCH A/BAC01	MỐC GÁI A/BAC01	27.540	8%
22974	QY00000225	CONTAINING BOX/BAC01	NẮP HỘP/BAC01	151.200	8%
22975	QY00000226	COVER PDC/BAC01	NẮP ĐẦY CỘNG KẾT NỘI/BAC01	32.076	8%
22976	QY00000227	SCREW KB4.0X12/BAC01	ỐC VÍT 4.0X12/BAC01	4.730	10%
22977	QY00000231	FILT PCBA CONNECT AC OUTPUT/BAC01	DÂY DẪN ĐIỆN/BAC01	256.500	8%
22978	QY00000233	FILTER PCB ASSY (H)/BAC01	BO MẠCH/BAC01	535.788	8%
22979	QY00000235	FILTER PCB CONNECT HEAT SINK/BAC01	DÂY DẪN ĐIỆN/BAC01	13.824	8%
22980	QY00000236	HOUSING BOTTOM/BAC01	VỎ MÁY/BAC01	1.419.552	8%
22981	QY00000237	FILTER/BAC01	LỌC GIÓ/BAC01	79.310	10%
22982	QY00000255	MAIN PCB ASSEMBLY 230V/BAC01	BO MẠCH/BAC01	18.756.468	8%
22983	R01768-9	SERIAL NO LABEL/GA7030	TEM NHẤN/GA7030	4.644	8%
22984	RX00000001	DRAIN SCREW/RBC411U	ỐC VÍT M5/RBC411U	13.200	10%
22985	RX00000002	O RING/RBC411U	VÒNG ĐỆM CAO SU/RBC411U	4.320	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
22986	RX00000003	MAIN JET/RBC411U	CHỐT GAI/RBC411U	17.600	10%
22987	RX00000004	FLOAT/RBC411U	ĐA BƠM/RBC411U	12.960	8%
22988	RX00000005	GASKET BOWL/RBC411U	RON XĂNG/RBC411U	8.640	8%
22989	RX00000006	SPRING/RBC411U	LÒ XO/RBC411U	2.200	10%
22990	RX00000007	IDLE SCREW/RBC411U	ỐC VÍT/RBC411U	8.800	10%
22991	RX00000008	MAIN NEEDLE/RBC411U	KIM XĂNG/RBC411U	12.960	8%
22992	RX00000009	SLIDE (PISTON VALVE)/RBC411U	VAN XĂNG/RBC411U	25.920	8%
22993	RX00000010	E-RING/RBC411U	VÒNG GAI CHỮ C/RBC411U	4.400	10%
22994	RX00000011	WASHER/RBC411U	LONG ĐÈN/RBC411U	4.400	10%
22995	RX00000012	SPRING/RBC411U	LÒ XO GAI/RBC411U	8.800	10%
22996	RX00000013	SPRING/RBC411U	LÒ XO/RBC411U	8.800	10%
22997	RX00000014	RUBBER COVER/RBC411U	NÁP CHẶN DÂY GA/RBC411U	8.640	8%
22998	RX00000015	CABLE ADJUSTING NUT/RBC411U	CON TẮN/RBC411U	13.200	10%
22999	RX00000016	NUT M6/RBC411U	CON TẮN/RBC411U	13.200	10%
23000	RX00000017	THROTTLE CABLE TUBE/RBC411U	ỐNG DẪN CÁP/RBC411U	17.600	10%
23001	RX00000018	RUBBER COVER/RBC411U	NÁP CHẶN DÂY GA/RBC411U	4.320	8%
23002	RX00000019	SLIDE COVER/RBC411U	NÁP BÌNH XĂNG CON/RBC411U	22.000	10%
23003	RX00000020	FILTER SCREEN/RBC411U	ỐNG LỌC XĂNG/RBC411U	4.320	8%
23004	RX00000021	GASKET/RBC411U	MIẾNG ĐỆM KHÓA XĂNG BẢNG CAO SU/RBC411	8.640	8%
23005	RX00000022	COCK BODY COMPLETE/RBC411U	CHỐT KHÓA XĂNG/RBC411U	57.200	10%
23006	RX00000023	INLET/NEEDLE VALVE W/CLIP/RBC411U	KIM XĂNG/RBC411U	30.240	8%
23007	RX00000024	FLOAT PIN/RBC411U	CHỐT GAI/RBC411U	4.400	10%
23008	RX00000025	FLOAT LEVER/RBC411U	THANH NHỊP XĂNG/RBC411U	12.960	8%
23009	RX00000026	SCREW M4X14/RBC411U	ỐC VÍT/RBC411U	4.400	10%
23010	RX00000027	SCREW M4X16/RBC411U	ỐC VÍT/RBC411U	4.400	10%
23011	RX00000028	CLEAR HOSE/RBC411U	ỐNG CAO SU/RBC411U	8.640	8%
23012	RX00000029	BRACKET/RBC411U	MIẾNG ĐỆM/RBC411U	4.400	10%
23013	SC00000015	PISTON/DSC191	PISTON/DSC191	851.796	8%
23014	SC00000019	NEEDLE BEARING SUPPORTER/DSC191	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DSC191	88.660	10%
23015	SC00000020	MAGNET/DSC191	CỤC NAM CHÂM/DSC191	77.868	8%
23016	SC00000021	CHECK VALVE SPRING/DSC191	LÒ XO/DSC191	39.600	10%
23017	SC00000022	PISTON RETURN SPRING/DSC191	LÒ XO/DSC191	42.020	10%
23018	SC00000023	RELEASE VALVE SPRING/DSC191	LÒ XO/DSC191	84.040	10%
23019	SC00000029	BUSH/DSC163	MIẾNG ĐỆM/DSC163	354.530	10%
23020	SC00000032	VALVE RETURN SPRING/DSC191	LÒ XO/DSC191	84.040	10%
23021	SC00000034	WOOD SCREW 5X60/DSC191	ỐC VÍT/DSC191	144.650	10%
23022	SC00000048	NEEDLE BEARING/DSC191	BẠC ĐẠN ĐŨA/DSC191	1.094.472	8%
23023	SC00000049	BALL BEARING 608/DSC191	BẠC ĐẠN/DSC191	316.008	8%
23024	SC00000050	BALL BEARING 6002RU/DSC191	BẠC ĐẠN/DSC191	352.620	8%
23025	SC00000054	OIL SEAL/DSC191	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC191	196.992	8%
23026	SC00000057	HEX. SOCKET HEAD BOLT 6X18/DSC191	ỐC VÍT M6X18/DSC191	23.320	10%
23027	SC00000059	HEX. SOCKET HEAD BOLT 5X12/DSC163	ỐC LỤC GIÁC M5X12/DSC163	23.320	10%
23028	SC00000060	HEX. SOCKET HEAD BOLT 4X6/DSC191	BU LÔNG/DSC191	4.400	10%
23029	SC00000061	HEX. BOLT 10X15/DSC191	BU LÔNG/DSC191	37.400	10%
23030	SC00000065	SPRING WASHER 8/DSC191	LONG ĐÈN/DSC191	2.200	10%
23031	SC00000067	WASHER 5/DSC191	LONG ĐÈN BẢNG THÉP/DSC191	18.700	10%
23032	SC00000068	WASHER 4/DSC121	VÒNG ĐỆM 4/DSC121	23.320	10%
23033	SC00000070	SPRING PIN 2.5X10/DSC191	CHỐI GAI BẢNG THÉP/DSC191	18.700	10%
23034	SC00000082	BUSH/DPP200	NÚT ĐỆM LỌC/DPP200	536.360	10%
23035	SC00000096	ROD PACKING/DSC191	VÒNG ĐỆM/DSC191	897.588	8%
23036	SC00000097	HEX. SOCKET HEAD BOLT 6X20/DSC163	ỐC VÍT M6X20/DSC163	23.320	10%
23037	SC00000098	HEX. SOCKET HEAD BOLT 5X15/DSC191	ỐC VÍT/DSC191	23.320	10%
23038	SC00000134	HOLD BOLT/DSC191	ỐC VÍT/DSC191	331.210	10%
23039	SC00000146	RETURN VALVE/DPP200	VAN XA/DPP200	480.816	8%
23040	SC00000147	RETURN LEVER/DPP200	TAY ĐÓN/DPP200	681.010	10%
23041	SC00000149	CHECK VALVE/DSC163	VAN DẪN ĐẦU/DSC163	645.732	8%
23042	SC00000150	PISTON RETURN SPRING/DPP200	LÒ XO/DPP200	42.020	10%
23043	SC00000155	GRIP M14/DPP200	TAY CÀM M14/DPP200	549.504	8%
23044	SC00000158	O RING P4/DPP200	VÒNG ĐỆM P4/DPP200	41.256	8%
23045	SC00000161	HEX. SOCKET HEAD BOLT M10X15/DPP200	ỐC VÍT M10X15/DPP200	23.320	10%
23046	SC00000376	HEX. SOCKET HEAD BOLT 8X20/DSC191	ỐC VÍT M8X20/DSC191	23.320	10%
23047	SC00000462	RELEASE VALVE #T45461/DSC163	CHỐT GAI/DSC163	1.068.100	10%
23048	SC00000464	CHECK VALVE #T43445N1/DSC191	VAN MỘT CHIỀU BẢNG CAO SU/DSC191	540.432	8%
23049	SC00000465	NEEDLE BEARING HOLDER A T45421/DSC121	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DSC121	93.280	10%
23050	SC00000466	NEEDLE BEARING #RNAF81510/DSC121	BẠC ĐẠN ĐŨA/DSC121	604.476	8%
23051	SC00000467	NEEDLE BEARING HOLDER B T45422/DSC121	VÒNG ĐỆM BẠC ĐẠN/DSC121	93.280	10%
23052	SC00000468	SPRING #43449N2/DSC121	LÒ XO/DSC121	42.020	10%
23053	SC00000469	SPRING #T45470/DSC163	LÒ XO/DSC163	42.020	10%
23054	SC00000471	SPRING #T45378/DSC121	LÒ XO/DSC121	84.040	10%
23055	SC00000481	STOPPER PLATE #45423/DSC191	MIẾNG ĐỆM/DSC191	806.960	10%
23056	SC00000484	OIL SEAL MSH15257/DSC163	VÒNG ĐỆM NGẮN ĐẦU MSH15257/DSC163	219.888	8%
23057	SC00000485	PACKING OSI50406/DSC121	VÒNG ĐỆM/DSC121	363.880	10%
23058	SC00000486	ECCENTRIC SHAFT T45417/DSC121	TRỤC LỆCH TẮM/DSC121	1.804.248	8%
23059	SC00000487	STOP RING H19/DSC121	VÒNG GAI C/DSC121	23.320	10%
23060	SC00000489	SEAL WASHER WF10171.6/DSC191	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC191	82.512	8%
23061	SC03103210	BAR HOLDER/DSC191	CỤM ĐẦU CÁT/DSC191	22.452.540	10%
23062	SC03103700	C FRAME/DPP200	KHUNG ĐÓT LÒ/DPP200	39.120.192	8%
23063	SC03103740	C FRAME COMPLETE/PP001G	KHUNG C/PP001G	41.638.752	8%
23064	SC03104000	CUTTER HEAD/DSC163	NÔNG THÉP/DSC163	18.522.864	8%
23065	SC03104210	CUTTER HEAD/DSC121	ĐẦU CÁT/DSC121	20.464.488	8%
23066	SC03110750	ROD/DPP200	THANH GIỮ LƯỚI ĐÓT/DPP200	11.045.052	8%
23067	SC03110760	PUNCHING ROD/PP001G	THANH GIỮ LƯỚI ĐÓT/PP001G	10.097.136	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23068	SC03111710	CUTTER ROD/DSC121	TRỤC GẮN LƯỖI CẮT/DSC121	11.695.320	8%
23069	SC03112300	CUTTER ROD/DSC191	THANH ĐỔ LƯỖI CẮT/DSC191	9.607.248	8%
23070	SC03113600	CUTTER ROD/DSC163	TRỤC LƯỖI CẮT/DSC163	11.292.372	8%
23071	SC03206140	CYLINDER/DSC191	XILANH/DSC191	20.093.616	8%
23072	SC03206510	CYLINDER/DSC163	XI LANH/DSC163	15.093.108	8%
23073	SC03207610	MAIN PUMP/DSC121	ĐẦU BƠM /DSC121	12.281.436	8%
23074	SC03210040	PIMP CASE/DSC121	NÁP CHỤP ĐẦU BƠM/DSC121	9.216.130	10%
23075	SC03211330	PUMP CASE/DPP200	MIẾNG THÉP NGĂN DẦU/DPP200	7.854.220	10%
23076	SC03212300	BEARING HOUSING/DSC163	VỎ NHÔNG/DSC163	5.353.128	8%
23077	SC03213510	PUMP CASE/DSC191	ĐẦU BƠM/DSC191	8.009.064	8%
23078	SC03220120	MOTOR FLANGE/DSC121	MẶT BÍCH MOTOR/DSC121	1.590.490	10%
23079	SC03221200	INTERMEDIATE HOUSING/DSC163	VÒNG ĐỆM/DSC163	1.203.400	10%
23080	SC03221700	MOTOR FLANGE/DSC191	VÒNG CHẶN/DSC191	1.240.690	10%
23081	SC03222300	MOTOR MOUNTING FLANGE/DSC191	NÁP CHỤP MOTOR/DSC191	1.138.060	10%
23082	SC03222700	FLANGE SET PLATE/DSC163	MIẾNG ĐỆM/DSC163	1.138.060	10%
23083	SC03223430	HANDGRIP RING/DSC191	BỘ ĐẦU CAT/DSC191	2.042.388	8%
23084	SC03251180	FLANGE/DSC163	VÒNG ĐỆM TRONG/DSC163	1.068.100	10%
23085	SC03251320	SPACER/DPP200	VÒNG CHẶN CHÓT TRUYỀN ĐỘNG/DPP200	1.226.720	10%
23086	SC03251400	THRUST FIXING FLANGE/DSC191	NÁP CHỤP BẠC ĐẠN/DSC191	1.076.112	8%
23087	SC03252560	FRANGE FOR MOTOR/DPP200	VÒNG CHẶN CHÓT TRUYỀN ĐỘNG/DPP200	704.330	10%
23088	SC03301340	WASHER A/DPP200	TẮM ĐỆM A/DPP200	93.280	10%
23089	SC03301350	WASHER B/DPP200	TẮM ĐỆM B/DPP200	93.280	10%
23090	SC03301860	FILTER/DSC121	LƯỖI LỌC/DSC121	177.320	10%
23091	SC03302040	STRIPPER R/DPP200	TẮM CHẶN BÊN PHẢI/DPP200	657.690	10%
23092	SC03302050	STRIPPER L/DPP200	TẮM CHẶN BÊN TRÁI/DPP200	657.690	10%
23093	SC03302580	STRIPPER L/PP001G	TẮM CHẶN TRÁI/PP001G	2.541.880	10%
23094	SC03302640	HANDGRIP/DSC191	TAY CÀM/DSC191	522.390	10%
23095	SC03302650	SPACER/DSC191	MIẾNG ĐỆM/DSC191	46.640	10%
23096	SC03303570	STRIPPER R/PP001G	TẮM CHẶN PHẢI/PP001G	2.621.190	10%
23097	SC03500140	RELEASE VALVE/DSC121	VAN LAM THOAT ĐẦU/DSC121	1.108.188	8%
23098	SC03500310	RELEASE VALVE/DSC191	VAN XÀ/DSC191	1.204.416	8%
23099	SC03500380	PISTON/DSC121	PISTON/DSC121	847.152	8%
23100	SC03500390	PISTON/DSC163	CHÓT GÀU/DSC163	847.152	8%
23101	SC03500540	METAL PACKING/DSC191	Ổ ĐỔ LỖ XO/DSC191	163.240	10%
23102	SC03500690	STOPPER PLATE/DPP200	TẮM CHẶN THANH GIỮ LƯỖI/DPP200	1.054.130	10%
23103	SC03500750	O-RING GUIDE/DSC121	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC121	174.096	8%
23104	SC03500990	BOLT/DSC163	ỐC VÍT/DSC163	223.960	10%
23105	SC03501070	CRANK SHAFT/DPP200	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG/DPP200	1.872.936	8%
23106	SC03501140	ECCENTRIC SHAFT/DSC163	TRỤC/DSC163	1.886.652	8%
23107	SC03501390	ECCENTRIC SHAFT/DSC191	TRỤC/DSC191	1.708.128	8%
23108	SC03501400	BUSH HOLDER/DSC163	ĐẦU GIỮ/DSC163	737.316	8%
23109	SC03501420	RETURN VALVE/DSC191	VAN ĐIỀU CHỈNH/DSC191	343.440	8%
23110	SC03503890	STOPPER/DSC163	MIẾNG CHẶN/DSC163	615.670	10%
23111	SC03503900	RETURN VALVE/DSC121	VAN XÀ/DSC121	659.448	8%
23112	SC03505270	PUNCH RETAINER/DPP200	VÒNG KHÓA CHÓT CẮT/DPP200	1.837.660	10%
23113	SC03505320	PUNCH RETAINING NUT/PP001G	ĐẦU KHÓA MŨI ĐỘT/PP001G	1.630.260	8%
23114	SC03505780	PROTECTOR/DSC163	LƯỖI CHẶN BẢO VỆ/DSC163	443.080	10%
23115	SC03505790	PROTECTOR/DSC191	TẮM BẢO VỆ/DSC191	433.840	10%
23116	SC03505970	SLIDE STOPPER/DPP200	THANH TRƯỢT/DPP200	1.529.880	10%
23117	SC03507000	BUSHING/DSC191	ỐNG LỘT/DSC191	550.440	10%
23118	SC03507010	BUSHING HOLDER/DSC191	GÀ ĐỖ ỐNG LỘT/DSC191	1.282.600	10%
23119	SC03510860	GEAR29 COLLAR/DSC250	ĐỆM NHÔNG/DSC250	242.550	10%
23120	SC03513230	SEAL BOLT/DPP200	VAN NGĂN DẦU/DPP200	430.488	8%
23121	SC03515230	FLANGE FOR CUTTER HEAD/DSC121	NÁP CHỤP ĐẦU CẮT/DSC121	8.187.696	8%
23122	SC03607820	GEAR16/DSC250	NHÔNG/DSC250	2.830.032	8%
23123	SC03700020	KEY/DSC191	CHÓT/DSC191	130.680	10%
23124	SC03700080	KEY/DSC121	CHÓT LAVET/DSC121	186.560	10%
23125	SC04000050	RETURN SPRING FOR CUTTER ROD/DSC191	LỖ XO/DSC191	676.280	10%
23126	SC04000320	RETURN SPRING FOR CUTTER ROD/DSC163	LỖ XO/DSC163	657.690	10%
23127	SC04000370	RETURN SPRING FOR CUTTER ROD/PP001G	LỖ XO/PP001G	685.630	10%
23128	SC04000400	RETURN SPRING/DSC121	LỖ XO/DSC121	704.330	10%
23129	SC04003020	PISTON RETURN SPRING/DSC163	LỖ XO/DSC163	42.020	10%
23130	SC04004170	RELEASE BULB SPRING/DPP200	LỖ XO/DPP200	102.630	10%
23131	SC04005130	BULB RETURN RING/DPP200	LỖ XO/DPP200	200.640	10%
23132	SC04005170	VALVE RETURN SPRING/PP001G	LỖ XO/PP001G	186.560	10%
23133	SC04007430	POSITION SPRING/DSC191	LỖ XO/DSC191	121.330	10%
23134	SC04007620	LEAF SPRING/DSC191	LỖ XO LÁ/DSC191	242.550	10%
23135	SC04007960	POSITION SPRING A/DPP200	LỖ XO A/DPP200	107.360	10%
23136	SC04007970	POSITION SPRING B/DPP200	LỖ XO B/DPP200	107.360	10%
23137	SC04007990	LEAF SPRING/DPP200	LỖ XO/DPP200	247.280	10%
23138	SC04500680	OIL LEVELER COVER/DSC121	NÁP CHỤP/DSC121	251.856	8%
23139	SC04500690	LEVELER COVER/DSC121	NÁP CHỤP/DSC121	2.477.412	8%
23140	SC04500710	BALANCE STAND/DSC121	MIẾNG ĐỆM CÂN BẰNG/DSC121	270.600	10%
23141	SC04601440	LINER B/DSC163	MIẾNG ĐỆM/DSC163	107.360	10%
23142	SC04601470	LINER B/DSC191	VÒNG ĐỆM/DSC191	88.660	10%
23143	SC04601550	LINER B/DSC121	VÒNG ĐỆM B/DSC121	111.980	10%
23144	SC04601600	LINER B/DPP200	TẮM ĐỆM B/DPP200	111.980	10%
23145	SC06500170	SKY PACKING/DSC121	VÒNG ĐỆM LỖ XO/DSC121	508.420	10%
23146	SC06503190	BACK-UP RING P26/DSC163	VÒNG GÀI CHỮ C/DSC163	116.600	10%
23147	SC06503230	BACK-UP RING P46/DSC163	VÒNG GÀI CHỮ C/DSC163	307.890	10%
23148	SC06503240	BACK-UP RING G55/DSC163	VÒNG ĐỆM/DSC163	489.720	10%
23149	SC06503260	BACK UP RING G70/DSC191	VÒNG ĐỆM/DSC191	154.000	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23150	SC06503510	DUST SEAL/DSC191	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC191	471.744	8%
23151	SC06503580	BACKUP RING P6/DSC121	VÒNG ĐỆM/DSC121	46.640	10%
23152	SC06503590	BACKUP RING TBC-26X34X1/DSC121	VÒNG ĐỆM/DSC121	275.220	10%
23153	SC06503600	BACKUP RING G45/DSC121	VÒNG ĐỆM/DSC121	228.580	10%
23154	SC06503630	BACK UP RING G65/DPP200	VÒNG ĐỆM G65/DPP200	158.620	10%
23155	SC06503640	BACK UP RING/DPP200	VÒNG ĐỆM/DPP200	359.150	10%
23156	SC06504050	OIL SEAL UE15257/DSC121	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC121	206.064	8%
23157	SC06505010	O RING P6/DSC191	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC191	41.256	8%
23158	SC06505030	O-RING P8/DPP200	VÒNG ĐỆM P8/DPP200	41.256	8%
23159	SC06505180	O RING G55/DSC163	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC163	64.152	8%
23160	SC06505190	O-RING G65/DPP200	VÒNG ĐỆM G65/DPP200	64.152	8%
23161	SC06505280	O RING P46/DSC163	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC163	64.152	8%
23162	SC06505300	O RING S4/DSC191	VÒNG ĐỆM S4/DSC191	41.256	8%
23163	SC06505310	O RING P22A/DSC163	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC163	41.256	8%
23164	SC06505320	O RING P26/DSC191	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC191	160.272	8%
23165	SC06505350	O RING FOR CYLINDER G70/DSC191	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC191	82.512	8%
23166	SC06505460	O-RING G45/DSC121	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC121	64.152	8%
23167	SC06505510	O-RING S67/DPP200	VÒNG ĐỆM S67/DPP200	50.436	8%
23168	SC06505570	O-RING S31.5/DSC121	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC121	64.152	8%
23169	SC06505590	O RING S-8/DSC191	VÒNG ĐỆM CAO SU/DSC191	41.256	8%
23170	SC06505880	SKY PACKING/DPP200	VÒNG ĐỆM/DPP200	489.720	10%
23171	SC06506010	O RING P8/PP001G	VÒNG ĐỆM P8/PP001G	41.256	8%
23172	SC06602190	BOLT 6.5X25/DSC121	ỐC VÍT M6.5X25/DSC121	130.680	10%
23173	SC06602200	BOLT/DSC121	ỐC VÍT/DSC121	564.410	10%
23174	SC07100030	BALL BEARING 625/DSC121	BẠC ĐẠN 62/DSC121	164.916	8%
23175	SC07100050	BALL BEARING 698/DPP200	BẠC ĐẠN 698/DPP200	192.348	8%
23176	SC07201030	NEEDLE BEARING/DPP200	BẠC ĐẠN ĐŨA/DPP200	1.007.424	8%
23177	SC07410110	STOP RING H10/DSC121	VÒNG GAI C/DSC121	23.320	10%
23178	SC07411020	RETAINING RING RTW-26/DSC191	VÒNG GAI CHŨ C/DSC191	46.640	10%
23179	SC07411330	RETAINING RING H25/DPP200	VÒNG ĐỆM H25/DPP200	46.640	10%
23180	SC07511010	HEX. SOCKET HEAD BOLT 4X8/DSC121	ỐC VÍT M4X8/DSC121	23.320	10%
23181	SC07511020	BOLT HB4X15/DSC191	ỐC VÍT HB4X15/DSC191	23.320	10%
23182	SC07511060	BOLT HB4X22/DSC163	ỐC VÍT M4X22/DSC163	23.320	10%
23183	SC07511070	H.S. BOLT M4X25/DPP200	ỐC VÍT M4X25/DPP200	23.320	10%
23184	SC07511080	BOLT HB4X12/DSC121	ỐC VÍT M4X12/DSC121	23.320	10%
23185	SC07512050	BOLT HB5X18/DSC121	ỐC VÍT M5X18/DSC121	23.320	10%
23186	SC07512110	BOLT HB5X50/DSC163	ỐC VÍT M5X50/DSC163	23.320	10%
23187	SC07512130	H.S.BOLT M5×65/DPP200	ỐC VÍT M5×65/DPP200	23.320	10%
23188	SC07513030	BOLT HB6X18/DSC191	ỐC VÍT HB6X18/DSC191	23.320	10%
23189	SC07514130	H.S.BOLT M8X22/DPP200	ỐC VÍT M8X22/DPP200	23.320	10%
23190	SC07521010	BOLT HS4X4/DSC121	ỐC VÍT M4X4/DSC121	23.320	10%
23191	SC07523020	BOLT HS6X8/DSC121	ỐC VÍT M6X8/DSC121	28.050	10%
23192	SC07523040	BOLT HS5X5/DPP200	ỐC VÍT H5X5/DPP200	18.700	10%
23193	SC07550100	HEX. SOCKET BUTTON BOLT HBB10X/DSC121	ỐC VÍT M10/DSC121	46.640	10%
23194	SC07550510	T50 BUTTON HEAD BOLT M10X15/PP001G	ỐC VÍT M10X15/PP001G	74.690	10%
23195	SC07552000	WING BOLT M6X15/DPP200	ỐC VÍT M6X15/DPP200	23.320	10%
23196	SC07600130	WASHER WM3/DPP200	MIỀNG ĐỆM WM3/DPP200	23.320	10%
23197	SC07610030	WASHER SW5/DSC121	VÒNG ĐỆM/DSC121	22.000	10%
23198	SC07610040	WASHER SW6/DSC191	VÒNG ĐỆM SW6/DSC191	23.320	10%
23199	SC07620040	WASHER HW8/DSC191	VÒNG ĐỆM HW8/DSC191	23.320	10%
23200	SC07850050	PLUG/DSC121	CHỐT GAI/DSC121	42.020	10%
23201	SC07900000	STEEL BALL 3/DSC121	BI THÉP/DSC121	23.320	10%
23202	SC07900010	STEEL BALL S4/DSC191	VIÊN BI/DSC191	18.700	10%
23203	SC07900070	STEEL BALL D3/16/DSC121	BI THÉP/DSC121	23.320	10%
23204	SC07900080	STEEL BALL D6/DPP200	BI SẮT D6/DPP200	23.320	10%
23205	SC09002030	SP BLADE SET (PC)/DSC191	BỘ LƯỚI/DSC191	6.113.232	8%
23206	SC09004210	HANDLE SET/DSC121	TAY CẦM/DSC121	2.481.948	8%
23207	SC09004230	SPINDLE (W/PIN)/DSC251	TRỤC NHÔNG/DSC251	6.305.580	8%
23208	SC09004910	OIL LEVELER SACK/DSC191	ĐẦU CÁP DẦU/DSC191	320.544	8%
23209	SC09004930	OIL LEVELER SACK/DSC163	TẮM DẦU/DSC163	354.530	10%
23210	SC09009190	PLASTIC CASE SET/DSC191	VỎ HỘP/DSC191	5.266.080	8%
23211	SC09030630	SCREW SET/DSC191	ỐC VÍT/DSC191	1.012.110	10%
23212	SC09050110	CYLINDER COMPLETE/DPP200	XY LẠNH/DPP200	25.487.892	8%
23213	SC09050360	CYLINDER/PP001G	BỘ XY LẠNH PISTON/PP001G	22.103.820	8%
23214	SE00000108	LIGHT COVER/DMR050	BÁ SÁNG/DMR050	45.792	8%
23215	SE00000109	LED MODULE/DMR050	HỘP ĐÈN LED/DMR050	1.167.696	8%
23216	SE00000111	LIGHT REAR COVER/DMR050	VỎ CHUỐI ĐÈN/DMR050	77.868	8%
23217	SE00000112	C RING/DMR050	PHE GAI/DMR050	9.350	10%
23218	SE00000113	SCREW M4X15/DMR050	ỐC VÍT M4X15/DMR050	4.730	10%
23219	SE00000114	WASHER 4/DMR050	VÒNG ĐỆM 4/DMR050	14.080	10%
23220	SE00000115	SCREW M3X8/DMR050	ỐC VÍT M3X8/DMR050	4.730	10%
23221	SE00000116	STEEL BALL 4/DMR050	BÔNG THÉP 4/DMR050	4.730	10%
23222	SE00000117	CLICK SPRING/DMR050	LÒ XO/DMR050	4.730	10%
23223	SE00000118	ROD ANT/DMR050	ẮNG TEN/DMR050	137.376	8%
23224	SE00000119	SCREW M2.6X7/DMR050	ỐC VÍT M2.6X7/DMR050	4.730	10%
23225	SE00000120	SCREW M3X10/DMR050	ỐC VÍT M3X10/DMR050	4.730	10%
23226	SE00000121	REAR CABINET/DMR050	VỎ TAY CẦM/DMR050	265.680	8%
23227	SE00000122	SPEAKER KIT/DMR050	BỘ LOA/DMR050	293.112	8%
23228	SE00000123	SPEAKER GRILL/DMR050	GIÁ LOA/DMR050	36.720	8%
23229	SE00000124	PUSH KNOB/DMR050	NÚT NHẤN/DMR050	9.180	8%
23230	SE00000125	LIGHT KNOB ASSY/DMR050	CÔNG TẮC/DMR050	293.112	8%
23231	SE00000126	PUSH KNOB/DMR050	NÚT NHẤN/DMR050	22.896	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23232	SE00000127	WIRE COVER/DMR050	MIẾNG ĐẬY/DMR050	9.180	8%
23233	SE00000128	LIGHT SHAFT/DMR050	TRỤC XOAY/DMR050	9.180	8%
23234	SE00000129	FRONT CABINET/DMR050	VỎ MÁY/DMR050	288.576	8%
23235	SE00000130	CIRCUIT BOARD C ASSY/DMR050	BO MẠCH C/DMR050	499.176	8%
23236	SE00000133	CIRCUIT BOARD A ASSY/DMR050	BO MẠCH A/DMR050	783.108	8%
23237	SE00000134	SENSOR TERMINAL ASSY/DMR050	CAM BIẾN/DMR050	13.824	8%
23238	SE00000135	SCREW M2X5/DMR050	ỐC VÍT/DMR050	4.730	10%
23239	SE00000136	BAR ANT ASSY/DMR050	THANH CHÂN/DMR050	65.340	10%
23240	SE00000137	PUSH KNOB FUNCTION/DMR050	BĂNG ĐIỀU KHIỂN/DMR050	50.436	8%
23241	SE00000138	STRAP/DMR050	BÀN LỀ/DMR050	73.332	8%
23242	SE00000195	W/TIES 100MM/DMR200	CHÓT GAI 100MM/DMR200	4.320	8%
23243	SE00000466	BATTERY CONTACT(+) 2100RA00700/DMR108	BỘ NỐI PIN/DMR108	12.960	8%
23244	SE00000467	BATTERY CONTACT (-) 2100PL00200/DMR108	BỘ NỐI PIN/DMR108	8.640	8%
23245	SE00000473	TERMINAL 10.8V ASSY 011 WA1/DMR108	ĐỀ GAI/DMR108	101.200	10%
23246	SE00000477	PCB A ASSY/DMR108	BO MẠCH/DMR108	2.321.676	8%
23247	SE00000480	PCB C ASSY/DMR108	BO MẠCH C/DMR108	1.126.548	8%
23248	SE00000482	ROTARY KNOB (BLK)/DMR108	NÚT ĐIỀU CHỈNH CHẾ ĐỘ/DMR108	43.200	8%
23249	SE00000483	BATTERY COVER/DMR108	NÁP BAO VỆ PIN/DMR108	358.560	8%
23250	SE00000485	REAR CABINET (BLUE ASSY)/DMR108	VỎ MÁY/DMR108	635.040	8%
23251	SE00000488	PCB D BATTERY SWITCH ASSY/DMR108	BO MẠCH/DMR108	254.880	8%
23252	SE00000501	AC ADAPTER (CE)/DMR200	BỘ SẠC PIN/DMR200	371.520	8%
23253	SE00000505	PCB A ASSY/ADP06	MẠCH ĐIỀU KHIỂN/ADP06	393.120	8%
23254	SE00000506	SCREW/ADP06	ỐC VÍT/ADP06	4.400	10%
23255	SE00000507	CASE L/ADP06	VỎ ĐỂ SẠC/ADP06	87.048	8%
23256	SE00000509	SLIDE KNOB(BLK)/ADP06	CHÓT TRƯỢT/ADP06	21.600	8%
23257	SE00000510	RUBBER COVER(BLK)/ADP06	TẦM BẢO VỆ/ADP06	25.920	8%
23258	SE00000511	TERMINAL/ADP06	ĐỀ GAI PIN/ADP06	87.048	8%
23259	SE00000519	PCB B ASSY(KEY BOARD)/DMR200	BẢNG MẠCH/DMR200	224.424	8%
23260	SE00000520	SCREW PTPW 2X6(NI) 29S15106002/DMR200	ỐC VÍT M2X6/DMR200	4.400	10%
23261	SE00000521	SCREW PTB 3X8(ZK)/DMR200	ỐC/DMR200	4.400	10%
23262	SE00000522	RUBBER KEY HOLDER 2000B300100/DMR200	GIA ĐÓNG BO MẠCH/DMR200	43.200	8%
23263	SE00000523	PCB A LED ASSY/DMR200	BẢNG MẠCH/DMR200	146.556	8%
23264	SE00000524	LED LENS/DMR200	MẮT NÁ ĐÈN/DMR200	30.240	8%
23265	SE00000525	LED LENS PACKING/DMR200	VIÊN BẢO MẮT NÁ ĐÈN/DMR200	12.960	8%
23266	SE00000526	RUBBERE KEY/DMR200	PHÍM CAO SU/DMR200	87.048	8%
23267	SE00000527	FRONT CABINET ASSY-BLUE/DMR200	VỎ PHÍA TRƯỚC/DMR200	1.728.000	8%
23268	SE00000530	SCREW PTHE 6X37(CR) 29S1793701/DMR200	ỐC VÍT M6X37/DMR200	13.200	10%
23269	SE00000531	BATTERY BUMPER R 3163B30000010/DMR200	MIẾNG ĐỆM CAO SU R/DMR200	25.920	8%
23270	SE00000532	BATTERY BUMPER L 3162B30000010/DMR200	MIẾNG ĐỆM CAO SU L/DMR200	25.920	8%
23271	SE00000533	PIN D2X88 2100B300100/DMR200	CHÓT GAI D2X88/DMR200	17.600	10%
23272	SE00000534	PHONE COVER ASSY/DMR200	NÁP ĐẦY KHOANG CHỮA/DMR200	38.880	8%
23273	SE00000535	LOCKER COVER/DMR200	NÁP ĐẦY/DMR200	95.040	8%
23274	SE00000536	LOCKER HINGE 3300B30000010/DMR200	MÓC BÀN LỀ/DMR200	17.280	8%
23275	SE00000537	BATTERY COVER (BLUE) 3120B3000/DMR200	NÁP ĐẦY PIN/DMR200	203.040	8%
23276	SE00000539	PIN D2X77/DMR200	CHÓT GAI/DMR200	13.200	10%
23277	SE00000540	REAR BUMPER L 3160B30000010/DMR200	MIẾNG ĐỆM CAO SU L/DMR200	25.920	8%
23278	SE00000541	REAR BUMPER R 3161B30000010/DMR200	MIẾNG ĐỆM CAO SU R/DMR200	25.920	8%
23279	SE00000542	BATTERY PACKING 2400B300200/DMR200	VÒNG ĐỆM CAO SU/DMR200	25.920	8%
23280	SE00000543	HANDLE ASSY-BLUE 01HB3A1/DMR200	TAY CÀM/DMR200	276.480	8%
23281	SE00000545	REAR ASSY BLUE/DMR200	NÁP BẢO VỆ PHÍA SAU/DMR200	375.840	8%
23282	SE00000548	SCREW PTB 3X20(ZK) 29S09990047/DMR200	ỐC VÍT M3X20/DMR200	4.400	10%
23283	SE00000549	BATTERY COVER FIXER PIN 2100B3/DMR200	CHÓT GAI/DMR200	44.000	10%
23284	SE00000551	PCB ASSY/DMR200	BẢNG MẠCH/DMR200	2.358.720	8%
23285	SE00000553	JACK HOLDER ASSY-BLUE/DMR200	LỔ CÀM/DMR200	276.480	8%
23286	SE00000555	MOBILE-PHONE-CASE ASSY/DMR200	KHOANG CHỮA ĐIỆN THOẠI/DMR200	233.280	8%
23287	SE00000556	PHONE CASE PACKING 2400B300400/DMR203	NÁP BẢO VỆ/DMR203	17.280	8%
23288	SE00000557	SCREW PTPW 3X10(ZK) 29S1531000/DMR200	ỐC VÍT M3X10/DMR200	4.400	10%
23289	SE00000589	CASE L/R SET/ADP08	BỘ VỎ MÁY TRÁI/ADP08	82.080	8%
23290	SE00000592	PCB A ASSY/DMR200	BO MẠCH/DMR200	2.463.696	8%
23291	SE00000595	PCB A ASSY/DMR108	BO MẠCH A/DMR108	2.449.872	8%
23292	SE00000632	CIRCUIT BOARD C ASSY(KEYBOARD)/MR202	BO MẠCH/MR202	325.188	8%
23293	SE00000633	RUBBERE GRILL 3100 B0000010/MR202	PHÍM BÀN/MR202	146.880	8%
23294	SE00000634	DISPLAY PLATE 3150 B0000010/MR202	NHÃN DAN/MR202	56.160	8%
23295	SE00000635	FRONT CABINET-BLUE 01F BA1/MR202	VỎ PHÍA TRƯỚC/MR202	2.056.320	8%
23296	SE00000637	SPEAKER GRILL 01K BA1/MR202	KHUNG LOA/MR202	241.920	8%
23297	SE00000639	PCB A ASSY DMR202 07A BA2/MR202	BO MẠCH/MR202	2.729.268	8%
23298	SE00000649	REAR ASSY BLUE 01R AA1/MR202	NÁP BẢO VỆ/MR202	574.560	8%
23299	SE00000651	TERMINAL 10.8V ASSY 011 AA1/MR202	ĐỀ GAI PIN/MR202	190.080	8%
23300	SE00000652	TERMINAL D ASSY 011 AA2/MR202	ĐỀ GAI PIN/MR202	201.528	8%
23301	SE00000654	JACK HOLDER ASSY-BLUE 011 AA3/MR202	GIA ĐÓNG/MR202	457.920	8%
23302	SE00000683	PCB H ASSY/DMR114	BO MẠCH H/DMR114	557.280	8%
23303	SE00000684	PCB A ASSY/DMR114	BO MẠCH A/DMR114	4.229.280	8%
23304	SE00000685	SCREW PTB 2.6x5(ZK)/DMR114	ỐC VÍT 2.6x5/DMR114	4.400	10%
23305	SE00000687	PCB P ASSY/DMR114	BO MẠCH P/DMR114	332.640	8%
23306	SE00000690	PCB C ASSY/DMR114	BO MẠCH C/DMR114	1.507.680	8%
23307	SE00000698	ROTARY KNOB/DMR114	NÚT XOAY (CHUYỂN KẾNH)/DMR114	47.520	8%
23308	SE00000700	FRONT CABINET PACKING/DMR114	VÒNG ĐỆM NGOÀI/DMR114	34.560	8%
23309	SE00000701	FRONT BUMPER/DMR114	MIẾNG CHÂN BẢO VỆ LOA/DMR114	622.080	8%
23310	SE00000703	FRONT BAR/DMR114	MIẾNG CHÂN BẢO VỆ/DMR114	396.000	10%
23311	SE00000704	BATTERY BUMPER R/DMR114	MIẾNG ĐỆM CAO SU R/DMR114	146.880	8%
23312	SE00000705	BATTERY BUMPER L/DMR114	MIẾNG ĐỆM CAO SU L/DMR114	146.880	8%
23313	SE00000709	SCREW PTHE 6X33(CR)/DMR114	ỐC VÍT 6X33/DMR114	13.200	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23314	SE00000710	REAR BUMPER/DMR114	NÁP CHỤP SAU CỦA LOA/DMR114	155.520	8%
23315	SE00000711	BATTERY COVER PACKING/DMR114	VÒNG ĐỆM/DMR114	146.880	8%
23316	SE00000713	HANDLE BAR/DMR114	THANH TAY CÀM/DMR114	220.320	8%
23317	SE00000714	LEFT HANDLE ASS'Y/DMR114	TAY CÀM TRÁI/DMR114	95.040	8%
23318	SE00000715	SCREW PTHE 6X17(CR)/DMR114	ỐC VÍT 6X17/DMR114	13.200	10%
23319	SE00000716	SCREW PTHE 7X16(CR)/DMR114	ỐC VÍT 7X16/DMR114	17.600	10%
23320	SE00000717	SCREW PTHE 10.8X4.5(CR)/DMR114	ỐC VÍT 10.8X4.5/DMR114	30.800	10%
23321	SE00000721	UPDATE RUBBER/DMR114	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DMR114	12.960	8%
23322	SE00000724	PCB F ASS'Y/DMR114	BO MẠCH F/DMR114	216.000	8%
23323	SE00000725	RIGHT SPK NET ASS'Y/DMR114	VỎ MÁY/DMR114	466.560	8%
23324	SE00000726	DC JACK COVER/DMR114	MIẾNG BẢO VỆ JACK USB/DMR114	43.200	8%
23325	SE00000727	LEFT SPK NET ASS'Y/DMR114	VỎ MÁY/DMR114	466.560	8%
23326	SE00000728	SPEAKER ASS'Y(2.5'')/DMR114	LOA/DMR114	332.640	8%
23327	SE00000729	SPRAKER 2.5" PACKING/DMR114	MIẾNG ĐỆM/DMR114	48.400	10%
23328	SE00000730	SPEAKER HOLDER PACKING/DMR114	VÒNG ĐỆM CAO SU/DMR114	12.960	8%
23329	SE00000731	SPEAKER HOLDER L/DMR114	GÁ ĐỖ LOA L/DMR114	164.160	8%
23330	SE00000732	TERMINAL 10.8V-A-3PIN/DMR114	ĐẼ PIN 10.8V/DMR114	99.360	8%
23331	SE00000733	TERMINAL E ASS'Y/DMR114	ĐẼ PIN E/DMR114	95.040	8%
23332	SE00000734	SPEAKER PLATE/DMR114	MIẾNG ĐỆM/DMR114	118.800	10%
23333	SE00000735	REAR PLATE/DMR114	MIẾNG ĐỆM SAU/DMR114	30.800	10%
23334	SE00000736	SCREW JMF 3×10(ZK)/DMR114	ỐC VÍT 3X10/DMR114	4.400	10%
23335	SE00000737	PCB B ASS'Y/DMR114	BO MẠCH B/DMR114	194.400	8%
23336	SE00000738	SPEAKER 4" PACKING/DMR114	MIẾNG ĐỆM LOA/DMR114	66.000	10%
23337	SE00000739	SPEAKER ASS'Y (4'')/DMR114	LOA/DMR114	531.360	8%
23338	SE00000741	SCERW PTT3X8(ZK)/DMR114	ỐC VÍT 3X8/DMR114	4.400	10%
23339	SE00000743	PCB J ASS'Y/DMR114	BO MẠCH J/DMR114	194.400	8%
23340	SE00000744	REAR CABINET PACKING/DMR114	MIẾNG ĐỆM THÙNG MÁY/DMR114	34.560	8%
23341	SE00000752	JACK PCB HOLDER/DMR114	GÁ ĐỖ BO MẠCH/DMR114	38.880	8%
23342	SE00000754	EN/SW WASHER/DMR114	VÒNG ĐỆM/DMR114	4.400	10%
23343	SE00000755	EN/SW NUT/DMR114	ỐC VÍT M10/DMR114	4.400	10%
23344	SE00000757	BATTERY COVER/DMR114	BẢO VỆ PIN/DMR114	673.920	8%
23345	SE00000759	SPRING/DMR114	LÒ XO/DMR114	4.400	10%
23346	SE00000760	SPEAKER HOLDER R/DMR114	GÁ ĐỖ LOA R/DMR114	185.760	8%
23347	SE00000761	SPEAKER GRILL B/DMR114	KHUNG LOA B/DMR114	164.160	8%
23348	SE00000762	PCB D ASS'Y/DMR114	BO MẠCH D/DMR114	220.320	8%
23349	SE00000769	FRONT CABINET ASS'Y/DMR114	VỎ TRƯỚC/DMR114	1.602.720	8%
23350	SE00000770	RIGHT HANDLE ASS'Y/DMR114	TAY CÀM NHỮA/DMR114	228.960	8%
23351	SE00000771	REAR CABINET ASS'Y/DMR114	VỎ MÁY/DMR114	1.097.280	8%
23352	SE00000796	PCB C ASS'Y/DMR203	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DMR203	604.476	8%
23353	SE00000797	RUBBER KEY/DMR203	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DMR203	142.020	8%
23354	SE00000798	DISPLAY PLATE/DMR203	MAN HÌNH/DMR203	77.760	8%
23355	SE00000799	FRONT CABINET(BLUE)/DMR203	VỎ MÁY TRƯỚC/DMR203	984.960	8%
23356	SE00000801	SPEAKER PACKING B/DMR203	MIẾNG ĐỆM/DMR203	30.240	8%
23357	SE00000802	TWEETER SPEAKER ASS'Y/DMR203	MẠCH LOA NHỎ/DMR203	192.348	8%
23358	SE00000803	SPEAKER PACKING A/DMR203	NÁP GIỮ LOA/DMR203	38.880	8%
23359	SE00000804	MAIN SPEAKER ASS'Y/DMR203	MẠCH LOA/DMR203	526.608	8%
23360	SE00000805	SPEAKER GRILL ASS'Y/DMR203	MÀNG LOA (LƯỚI LOA)/DMR203	241.920	8%
23361	SE00000806	FRONT CABINET ASS'Y(BLUE)/DMR203	BỘ LOA MẶT TRƯỚC/DMR203	2.121.120	8%
23362	SE00000808	REAR CABINET ASS'Y(BLUE)/DMR203	VỎ SAU/DMR203	548.640	8%
23363	SE00000810	JACK RUBBER COVER/DMR203	MIẾNG BẢO VỆ/DMR203	47.520	8%
23364	SE00000812	PCB A ASS'Y/DMR203	MẠCH ĐIỀU KHIỂN/DMR203	3.219.264	8%
23365	SE00000834	SCREW PTP 3X16(ZK)/ADP001G	ỐC VÍT 3X16/ADP001G	4.730	10%
23366	SE00000835	HOUSING SET/ADP001G	VỎ MÁY/ADP001G	256.500	8%
23367	SE00000836	PCB A ASS'Y/ADP001G	MẠCH A/ADP001G	1.204.416	8%
23368	SE00000837	USB COVER/ADP001G	NÁP BẢO VỆ CỒNG USB/ADP001G	32.076	8%
23369	SE00000839	PCB C ASS'Y/ADP001G	MẠCH C/ADP001G	132.840	8%
23370	SE00000840	LED LENS/ADP001G	MẶT BẢO VỆ ĐÈN LED/ADP001G	36.720	8%
23371	SE00000841	POWER BUTTON/ADP001G	NÚT NGUỒN/ADP001G	22.896	8%
23372	SE00000848	PCB P ASS'Y (BAR ANT)/MR002G	BO MẠCH P/MR002G	238.140	8%
23373	SE00000854	SCREW PTF 3X6(ZK)/MR002G	ỐC VÍT 3X6(ZK)/MR002G	4.730	10%
23374	SE00000860	JACK COVER/MR002G	MIẾNG NHỰA ỚP NGOÀI/MR002G	27.540	8%
23375	SE00000861	ROTARY KNOB(BLK)/MR002G	NÚT ĐIỀU CHỈNH ÂM LƯỢNG/MR002G	50.436	8%
23376	SE00000862	FRONT BAR/MR002G	THANH THẺP CHẠM NGOÀI/MR002G	247.280	10%
23377	SE00000863	BATTERY BUMPER-L/MR002G	VIÊN SAU MÁY BÊN TRÁI/MR002G	174.096	8%
23378	SE00000864	BATTERY BUMPER-R/MR002G	VIÊN SAU MÁY BÊN PHẢI/MR002G	174.096	8%
23379	SE00000865	REAR BUMPER-L/MR002G	MIẾNG ĐỆM TRÁI/MR002G	105.408	8%
23380	SE00000866	REAR BUMPER-R/MR002G	MIẾNG ĐỆM PHẢI/MR002G	105.408	8%
23381	SE00000873	BATTERY COVER PACKING/MR002G	MIẾNG ĐỆM/MR002G	142.020	8%
23382	SE00000874	SPEAKER PANEL ASS'Y/MR002G	LƯỚI BẢO VỆ LOA/MR002G	154.000	10%
23383	SE00000875	RIGHT SPEAKER ASS'Y/MR002G	LOA PHẢI/MR002G	531.252	8%
23384	SE00000876	SPEAKER PACKING/MR002G	MIẾNG ĐỆM/MR002G	64.152	8%
23385	SE00000877	BATTERY COVER FIXER PIN/MR002G	CHÓT GAI/MR002G	46.640	10%
23386	SE00000878	DC JACK COVER/MR002G	MIẾNG NHỰA CHỤP BẢO VỆ/MR002G	27.540	8%
23387	SE00000879	HANDLE L/MR002G	TAY CÀM L/MR002G	105.408	8%
23388	SE00000881	HANDLE BAR/MR002G	TAY CÀM BẢNG NHỰA/MR002G	233.604	8%
23389	SE00000883	HANDLE R ANT(B)/MR002G	TAY CÀM R/MR002G	242.784	8%
23390	SE00000888	HANDLE SUS-PLATE(R)/MR002G	MIẾNG ĐỆM R/MR002G	23.320	10%
23391	SE00000889	HANDLE SUS-PLATE(L)/MR002G	MIẾNG ĐỆM L/MR002G	23.320	10%
23392	SE00000892	SPEAKER HOLDER/MR002G	GÁ ĐỖ LOA/MR002G	174.096	8%
23393	SE00000893	LEFT SPEAKER ASS'Y/MR002G	LOA TRÁI/MR002G	531.252	8%
23394	SE00000894	XGT TERMINAL(36V) ASS'Y/MR002G	ĐẼ GAI PIN 40V/MR002G	256.500	8%
23395	SE00000895	CXT TERMINAL 10.8V-A-3PIN ASS'Y/MR002G	ĐẼ GAI PIN 12V/MR002G	128.304	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23396	SE00000896	LXT TERMINAL(18V) ASS'Y/MR002G	ĐỀ GÀI PIN 18V/MR002G	119.124	8%
23397	SE00000897	PCB D+M ASS'Y (BATT. DET)/MR002G	BO MẠCH/MR002G	1.007.424	8%
23398	SE00000898	W/TIES 150MM/MR002G	CHÓT GAI BĂNG NHỰA/MR002G	4.644	8%
23399	SE00000899	REAR CABINET PACKING/MR002G	MIẾNG ĐỆM LOA/MR002G	32.076	8%
23400	SE00000902	PCB A ASS'Y/MR002G	BO MẠCH A/MR002G	2.523.204	8%
23401	SE00000906	PCB C ASS'Y/MR002G	BO MẠCH C/MR002G	1.231.848	8%
23402	SE00000911	KNOB LENS HOLDER/MR002G	MIẾNG NHỰA GAI/MR002G	32.076	8%
23403	SE00000912	FRONT CABINET ASS'Y/MR002G	VỎ MÁY TRƯỚC/MR002G	709.776	8%
23404	SE00000913	FRONT BUMPER ASS'Y/MR002G	KHUNG ĐỆM TRƯỚC/MR002G	595.296	8%
23405	SE00000916	JACK RUBBER COVER/MR002G	NÁP CHỤP CỒNG USB/MR002G	59.616	8%
23406	SE00000920	BATTERY COVER ASS'Y/MR002G	CHỤP BẢO VỆ PIN/MR002G	590.760	8%
23407	SE00000926	REAR CABINET ASS'Y/MR002G	VỎ MÁY PHÍA SAU/MR002G	714.420	8%
23408	SE00000929	DC JACK HOLDER/MR002G	MIẾNG GÁ ĐỖ ĐỘNG CỎ/MR002G	13.824	8%
23409	SE00000930	PCB F ASS'Y (DC JACK)/MR002G	BO MẠCH/MR002G	174.096	8%
23410	SE00001125	TOP PANEL/DMR055	TẤM BANER TRÊN/DMR055	36.720	8%
23411	SE00001127	TAPPING SCREW 3X12(ZK)/DMR055	ỐC VÍT 3X12/DMR055	4.730	10%
23412	SE00001128	TOP COVER/DMR055	NÁP CHỤP PHÍA TRÊN/DMR055	77.868	8%
23413	SE00001129	O RING D37.8 W2/DMR055	VÒNG ĐỆM CAO SU/DMR055	18.360	8%
23414	SE00001136	RUBBER PAD A/DMR055	MIẾNG ĐỆM A/DMR055	13.824	8%
23415	SE00001137	HANDLE/DMR055	TAY CẦM/DMR055	158.620	10%
23416	SE00001139	TOP CABINET ASS'Y/DMR055	NÁP VỎ MÁY/DMR055	142.020	8%
23417	SE00001140	HEX SOCKET HEAD BOLT M4X16/DMR055	ỐC VÍT M4X16/DMR055	9.350	10%
23418	SE00001141	FIXER BAR/DMR055	THANH CỎ ĐINH/DMR055	116.600	10%
23419	SE00001143	SPEAKER/MR010G	LOA/MR010G	398.412	8%
23420	SE00001144	SPEAKER/DMR055	LOA/DMR055	398.412	8%
23421	SE00001146	PACKING/DMR055	GÁ ĐỖ LOA/DMR055	50.436	8%
23422	SE00001147	ANT WIRE/DMR055	DÂY NỐI LOA/DMR055	59.616	8%
23423	SE00001150	LAMP COVER ASS'Y/DMR055	VỎ MÁY/DMR055	476.280	8%
23424	SE00001152	PCB D+E LIGHT CTRL ASS'Y/DMR057	ĐÈN BẢO LED/DMR057	1.753.920	8%
23425	SE00001159	PCB K ASS'Y/MR010G	BO MẠCH K/MR010G	105.408	8%
23426	SE00001160	TAPPING SCREW 2X6/DMR055	ỐC VÍT 2X6/DMR055	4.730	10%
23427	SE00001161	PCB H ASS'Y (USB JACK)/MR010G	BO MẠCH/MR010G	741.852	8%
23428	SE00001163	BOTTOM CABINET PACKING D1.5XL2/DMR055	GÁ ĐỖ/DMR055	13.824	8%
23429	SE00001164	PCB P+TERMINAL ASS'Y/MR010G	BO MẠCH/MR010G	613.656	8%
23430	SE00001165	LXT TERMINAL(18V) ASS'Y/DMR057	ĐỀ GÀI PIN/DMR057	132.840	8%
23431	SE00001178	STRAP WITH HOOK/DMR055	DÂY TREO/DMR055	142.020	8%
23432	SE00001183	COVER/DMR055	NÁP CHỤP/DMR055	18.360	8%
23433	SE00001185	LED HOLDER ASS'Y/DMR055	NÁP GẮN ĐÈN LED/DMR055	114.480	8%
23434	SE00001186	WATERPROOF PLUG C/DMR055	CHÓT GAI C/DMR055	13.824	8%
23435	SE00001187	WATERPROOF PLUG D/DMR055	CHÓT GAI D/DMR055	13.824	8%
23436	SE00001188	PCB D+E ASS'Y/DMR055	BỘ ĐÈN LED/DMR055	1.382.940	8%
23437	SE00001189	REAR BOTTOM CABINET/DMR055	NÁP CHỤP/DMR055	462.564	8%
23438	SE00001191	PCB K ASS'Y/DMR055	BO MẠCH K/DMR055	54.972	8%
23439	SE00001192	TERMINAL/DMR055	ĐỀ GÀI PIN/DMR055	132.840	8%
23440	SE00001193	PCB A ASS'Y/DMR055	BO MẠCH A/DMR055	773.928	8%
23441	SE00001195	PCB C ASS'Y/DMR055	BO MẠCH C/DMR055	824.256	8%
23442	SE00001216	HEX SOCKET HEAD BOLT M4X13/DMR055	ỐC VÍT M4X13/DMR055	9.350	10%
23443	SE00001219	FRONT BOTTOM CABINET ASS'Y/DMR055	NÁP CHỤP/DMR055	632.016	8%
23444	SE00001221	PCB D+E ASS'Y/MR010G	MẠCH ĐÈN LED/MR010G	1.753.920	8%
23445	SE00001222	REAR BOTTOM CABINET ASS'Y/MR010G	VỎ MÁY SAU/MR010G	535.788	8%
23446	SE00001224	REAR BOTTOM CABINET ASS'Y/DMR057	VỎ MÁY/DMR057	535.788	8%
23447	SE00001226	PCB H ASS'Y (USB JACK)/DMR057	BO MẠCH H/DMR057	741.852	8%
23448	SE00001227	PCB A ASS'Y/MR010G	BO MẠCH/MR010G	1.502.064	8%
23449	SE00001228	PCB A ASS'Y/DMR057	BO MẠCH A/DMR057	1.502.064	8%
23450	SE00001229	PCB C ASS'Y(CE)/MR010G	BO MẠCH/MR010G	879.228	8%
23451	SE00001232	PCB C ASS'Y(CE)/DMR057	BO MẠCH C/DMR057	769.392	8%
23452	SE00001235	FRONT BOTTOM CABINET ASS'Y/MR010G	VỎ MÁY PHÍA TRƯỚC/MR010G	632.016	8%
23453	SE00001237	FRONT BOTTOM CABINET ASS'Y/DMR057	VỎ MÁY/DMR057	622.836	8%
23454	SE024PC040	PACKING/DMR203	TẤM LỘT/DMR203	30.240	8%
23455	SE09176166	HEX SCREW M6X16/DMR200	ỐC VÍT M6X16/DMR200	13.200	10%
23456	SG00000001	REEL A54108100300/DCS232T	BULY/DCS232T	47.520	8%
23457	SG00000002	SPRING ASS'Y A20403720201/DCS232T	LỎ XO LÁ/DCS232T	96.800	10%
23458	SG00000007	STARTER ROPE A57110860000/DCS232T	DÂY KHÔI ĐỘNG/DCS232T	21.600	8%
23459	SG00000008	STARTER KNOB A5720A20000/DCS232T	TAY NẤM/DCS232T	43.200	8%
23460	SG00000009	ROPE STOPPER A57302611810/DCS232T	NÚT CHẶN/DCS232T	4.320	8%
23461	SG00000014	SPIRAL SPRING/RBC413	LỎ XO LÁ/RBC413	74.800	10%
23462	SG00000015	REEL/EK7651H	RULO/EK7651H	90.720	8%
23463	SG00000018	SPIRAL SPRING/RBC411	LỎ XO LÁ/RBC411	79.200	10%
23464	SG00000019	STARTER ROPE/RBC411	DÂY KHÔI ĐỘNG/RBC411	4.320	8%
23465	SG00000023	DAMPER SPRING/EA3601F	BỘ LỎ XO GIẢM SỐC/EA3601F	35.200	10%
23466	SG00000025	STARTER ROPE/EA3601F	DÂY KHÔI ĐỘNG/EA3601F	17.280	8%
23467	SG00000058	STARTER CASE COMPLETE/EK7651H	ĐỆM TAY NẤM/EK7651H	254.880	8%
23468	SG00000059	STARTER ROPE/EK7651H	DÂY KHÔI ĐỘNG/EK7651H	25.920	8%
23469	SG00000060	STARTER KNOB/EK7651H	TAY CẦM KHÔI ĐỘNG/EK7651H	228.960	8%
23470	SG00000061	ROPE STOPPER/EK7651H	ĐỆM CHẶN/EK7651H	26.400	10%
23471	SH00000061	ELECTRONIC DEVICE/DCL500	BỘ MOTOR/DCL500	14.969.448	8%
23472	SH00000069	SCREW(M4X8 MACHIN)/DRC200	ỐC VÍT/DRC200	23.320	10%
23473	SH00000070	SB SCREW ASSY 2PCS/DRC200	ỐC VÍT/DRC200	51.370	10%
23474	SH00000071	SCREW(M3X10)/DRC200	ỐC VÍT/DRC200	42.020	10%
23475	SH00000072	LOWER BODY ASSY/DRC200	VỎ MÁY/DRC200	139.320	8%
23476	SH00000073	CONTROL PWB ASSY/DRC200	BO MẠCH ĐIỆN TỬ/DRC200	8.760.096	8%
23477	SH00000075	RF HOLDER/DRC200	GIA ĐỖ MẠCH ĐIỆN TỬ/DRC200	120.960	8%
23478	SH00000078	AS PWB ASSY/DRC200	MẠCH NGUỒN ĐIỆN TỬ/DRC200	1.057.860	8%
23479	SH00000081	TERMINAL HOLDER L/DRC200	GIA ĐỖ ĐỀ GÀI PIN L/DRC200	247.320	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23480	SH00000082	TERMINAL HOLDER R/DRC200	GIÁ ĐỠ ĐỂ GAI PIN R/DRC200	169.452	8%
23481	SH00000084	FRONT ROLLER SHAFT/DRC200	TRỤC GÁI/DRC200	200.640	10%
23482	SH00000085	FRONT ROLLER ASSY/DRC200	TRỤC QUAY MẮT TRƯỖC/DRC200	198.720	8%
23483	SH00000087	IR SENSOR S ASSY/DRC200	CAM BIẾN/DRC200	110.160	8%
23484	SH00000090	BUMPER ANGLE L/DRC200	THANH CHẶN GÓC L/DRC200	103.680	8%
23485	SH00000093	SB UNIT L ASSY/DRC200	CỤM MOTOR/DRC200	902.124	8%
23486	SH00000094	SB UNIT R ASSY/DRC200	CỤM MOTOR/DRC200	902.124	8%
23487	SH00000095	PB SUPPORT S ASSY/DRC200	BỘ HỘP NHÔNG/DRC200	3.058.560	8%
23488	SH00000096	MAIN WHEEL L ASSY/DRC200	BỘ HỘP NHÔNG/DRC200	4.034.340	8%
23489	SH00000099	AIR DUCT UNIT ASSY/DRC200	BỘ HÚT BỤI/DRC200	2.252.988	8%
23490	SH00000111	SCREW(M4X10)/DRC200	ỐC VÍT/DRC200	23.320	10%
23491	SH00000113	SCREW(M5X10XWASHER16)/DRC200	ỐC VÍT/DRC200	42.020	10%
23492	SH00000114	MOTOR S ASSY/DRC200	CỤM MOTOR/DRC200	1.153.440	8%
23493	SH00000125	SB MOTOR HOLDER R/DRC200	HỘP NHÔNG/DRC200	112.320	8%
23494	SH00000133	BEARING/DRC200	BẠC ĐẠN/DRC200	96.228	8%
23495	SH00000135	U RING/DRC200	VÒNG GAI CHỮ C/DRC200	116.600	10%
23496	SH00000136	TIMING BELT/DRC200	ĐÂY CUA ROA/DRC200	109.944	8%
23497	SH00000139	MAIN WHEEL L UNIT/DRC200	BỘ HỘP NHÔNG/DRC200	2.756.700	8%
23498	SH00000150	WHEEL L ASSY/DRC200	BÀNH XE/DRC200	203.040	8%
23499	SH00000154	MAIN WHEEL R UNIT/DRC200	BỘ HỘP NHÔNG/DRC200	2.756.700	8%
23500	SH00000157	WHEEL R ASSY/DRC200	BÀNH XE/DRC200	203.040	8%
23501	SH00000158	WHEEL R UNIT COVER/DRC200	GIÁ ĐỠ HỘP NHÔNG/DRC200	146.880	8%
23502	SH00000161	FAN MOTOR UNIT ASSY/DRC200	MOTOR QUẠT HÚT/DRC200	2.172.960	8%
23503	SH00000166	REAR CASTER FRAME/DRC200	NÁP ĐẦY TRỤC LẤN/DRC200	142.020	8%
23504	SH00000167	REAR CASTER SHAFT/DRC200	CHÓT GÁI/DRC200	237.930	10%
23505	SH00000168	CASTER ASSY/DRC200	TRỤC LẤN/DRC200	120.960	8%
23506	SH00000169	BUMPER/DRC200	MIẾNG ĐỆM/DRC200	641.088	8%
23507	SH00000170	BUMPER DECO/DRC200	MIẾNG ĐỆM/DRC200	178.632	8%
23508	SH00000182	US EARTH CABLE/DRC200	ĐÂY NỐI TIẾP ĐIỂM/DRC200	116.600	10%
23509	SH00000183	WASHER(4.5/25/T1)/DRC200	LONG ĐÈN/DRC200	51.370	10%
23510	SH00000184	SCREW(M3X6)/DRC200	ỐC VÍT/DRC200	42.020	10%
23511	SH00000185	UPPER BODY/DRC200	VỎ MÁY/DRC200	700.704	8%
23512	SH00000187	HANDLE/DRC200	TAY CẦM/DRC200	237.600	8%
23513	SH00000188	HANDLE COVER/DRC200	NÁP TAY CẦM/DRC200	245.160	8%
23514	SH00000189	UI BUTTON/DRC200	NÚT NHẤN/DRC200	105.408	8%
23515	SH00000190	UI PWB ASSY/DRC200	BO MẠCH/DRC200	1.502.064	8%
23516	SH00000191	UI PWB HOLDER/DRC200	GIÁ ĐỠ BO MẠCH/DRC200	128.304	8%
23517	SH00000195	LED PWB ASSY/DRC200	MẠCH ĐÈN LED/DRC200	613.656	8%
23518	SH00000196	BUZZER PWB ASSY/DRC200	CHUÔNG BÁO/DRC200	288.576	8%
23519	SH00000198	FILTER BUTTON SP/DRC200	LỖ XO/DRC200	84.040	10%
23520	SH00000199	FILTER BUTTON HOLDER/DRC200	GIÁ ĐỠ/DRC200	114.480	8%
23521	SH00000200	INTAKE PACKING/DRC200	MIẾNG ĐỆM/DRC200	142.020	8%
23522	SH00000201	NOZZLE PACKING/DRC200	MIẾNG ĐỆM/DRC200	119.124	8%
23523	SH00000202	NOZZLE SEAL/DRC200	MIẾNG ĐỆM/DRC200	82.512	8%
23524	SH00000205	EXHAUST FILTER ASSY/DRC200	MIẾNG LỌC GIÓ/DRC200	77.868	8%
23525	SH00000209	DUST BOX LOWER/DRC200	HỘP ĐỪNG BỤI/DRC200	416.772	8%
23526	SH00000210	DUST CASE/DRC200	KHAY LỌC BỤI/DRC200	348.084	8%
23527	SH00000211	DUST SEAL RING/DRC200	PHỐT CHẶN BỤI/DRC200	164.916	8%
23528	SH00000212	DUST BOX UPPER/DRC200	HỘP CHỨA BỤI Ở TRÊN/DRC200	251.856	8%
23529	SH00000214	DUST BOX COVER/DRC200	NÁP CHẶN BỤI/DRC200	265.680	8%
23530	SH00000221	SCREW(M4X16)/DRC200	ỐC VÍT/DRC200	32.670	10%
23531	SH00000222	SENSOR LENS SHEET/DRC200	LED CAM BIẾN/DRC200	5.400	8%
23532	SH00000223	COOLING FAN S ASSY/DRC200	MIẾNG TẢN NHIỆT/DRC200	839.520	10%
23533	SH00000229	SCREW(M3X10)/DRC200	ỐC VÍT/DRC200	37.400	10%
23534	SH00000245	US CABLE C/DRC200	ĐÂY NỐI TIẾP ĐIỂM/DRC200	158.620	10%
23535	SH00000247	CASE COVER K/DRC200	NÁP ĐẦY/DRC200	586.224	8%
23536	SH00000248	UI KEY SHEET/DRC200	MIẾNG LỖT/DRC200	151.200	8%
23537	SH00000250	PACKING CASE/DRC200	HỘP ĐÓNG GÓI/DRC200	1.355.508	8%
23538	SH00000254	ELECTRIC EQUIPMENT UNIT/DCL501	CỤM MÔ TỎ/DCL501	16.828.560	8%
23539	SH00000255	WHEEL COVER/DCL501	CHỤP BẢO VỆ/DCL501	155.736	8%
23540	SH00000256	WHEEL COVER/DCL501	CHỤP BẢO VỆ/DCL501	311.472	8%
23541	SH00000257	MAIN TRIM/DCL501	NÁP ĐẦY/DCL501	155.736	8%
23542	SH00000267	CABLE COVER R/DRC200	NÁP ĐẦY/DRC200	105.408	8%
23543	SH00000268	CABLE COVER/DRC200	NÁP ĐẦY/DRC200	105.408	8%
23544	SH00000269	HANDLE COVER/DRC200	VỎ MÁY/DRC200	288.576	8%
23545	SH00000270	FILTER BUTTON/DRC200	NÚT TRƯỢT/DRC200	119.124	8%
23546	SH00000271	FILTER BUTTON HOLDER/DRC200	ĐỂ GIỮ NÚT/DRC200	119.124	8%
23547	SH00000277	BUMPER ANGLE R/DRC200	THANH CHẶN GÓC R/DRC200	119.124	8%
23548	SH00000280	BL SENSOR ASSY/DRC200	CAM BIẾN/DRC200	609.120	8%
23549	SH00000285	DUST CUP DK/DCL501	BỘ LỌC BỤI/DCL501	2.079.000	8%
23550	SH00000287	CONTROL HOLDER ASSY/ DRC200	GIÁ ĐỠ MẠCH ĐIỆN TỬ/DRC200	489.996	8%
23551	SH00000288	MAIN WHEEL R ASSY/DRC200	BỘ HỘP NHÔNG/DRC200	4.034.340	8%
23552	SH00000289	WHEEL R UNIT COVER/DRC200	GIÁ ĐỠ HỘP NHÔNG/DRC200	251.856	8%
23553	SH00000291	CONTROL PWB ASSY/DRC200	BO MẠCH/DRC200	6.616.944	8%
23554	SH00000293	AS PWB ASSY/DRC200	MẠCH NGUỒN ĐIỆN TỬ/DRC200	824.256	8%
23555	SH00000294	BATTERY PWB ASSY/DRC200	MẠCH NGUỒN CUA PIN/DRC200	792.288	8%
23556	SH00000295	US HOLDER C ASSY/DRC200	GIÁ ĐỠ C/DRC200	2.170.584	8%
23557	SH00000296	US HOLDER L1 ASSY/DRC200	GIÁ ĐỠ L1/DRC200	810.540	8%
23558	SH00000297	US HOLDER L2 ASSY/DRC200	GIÁ ĐỠ L2/DRC200	705.240	8%
23559	SH00000298	US HOLDER L3 ASSY/DRC200	GIÁ ĐỠ L3/DRC200	700.704	8%
23560	SH00000299	US HOLDER R1 ASSY/DRC200	GIÁ ĐỠ R1/DRC200	810.540	8%
23561	SH00000300	US HOLDER R2 ASSY/DRC200	GIÁ ĐỠ R2/DRC200	705.240	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23562	SH00000301	US HOLDER R3 ASSY/DRC200	GIÁ ĐỖ R3/DRC200	700.704	8%
23563	SH00000302	UI PWB ASSY/DRC200	BO MẠCH/DRC200	1.126.548	8%
23564	SH00000303	IR SENSOR C ASSY/DRC200	CAM BIẾN/DRC200	1.222.668	8%
23565	SH00000304	IR BIENSOR S ASSY/DRC200	CAM BIẾN/DRC200	1.222.668	8%
23566	SH00000305	RF MODULE/DRC200	MẠCH ĐIỆN TỬ RF/DRC200	1.135.728	8%
23567	SH00000307	TAPPING BUSH/DRC200	MIẾNG ĐỆM BĂNG NHỰA/DRC200	73.332	8%
23568	SH00000308	IR HOLDER CK/DRC200	MẮT CAM BIẾN/DRC200	316.008	8%
23569	SH00000309	IR HOLDER SK/DRC200	MẮT CAM BIẾN/DRC200	316.008	8%
23570	SH00000315	LOWER BODY ASSY/DRC200	VỎ MÁY/DRC200	1.492.884	8%
23571	SH00000316	PB SUPPORT S ASSY/DRC200	BỘ HỘP NHÔNG/DRC200	3.242.160	8%
23572	SH00000317	PB MOTOR D ASSY/DRC200	HỘP NHÔNG/DRC200	2.463.696	8%
23573	SH00000318	PB HOLDER ASSY/DRC200	TRỤC NHÔNG/DRC200	201.528	8%
23574	SH00000404	ELECTRIC EQUIPMENT UNIT/DCL501	CỤM MOTOR/DCL501	12.336.408	8%
23575	SH00000407	TAPPING SCREW M3X16/DRC200	ỐC VÍT M3X16/DRC200	55.990	10%
23576	SM00000190	RING B3103184009/DML807	VÒNG ĐỆM/DML807	4.730	10%
23577	SV00000628	CASE C ASSY/EM407MP	VỎ GIỮ NHÔNG/EM407MP	1.172.340	8%
23578	SV00000629	UPPER BLADE HOLDER ASSY/EM407MP	GIÁ ĐỖ GIỮ LƯỠI TRÊN/EM407MP	1.556.928	8%
23579	SV00000630	LOWER BLADE HOLDER ASSY/EM407MP	GIÁ ĐỖ GIỮ LƯỠI DƯỚI/EM407MP	1.556.928	8%
23580	SV00000633	SUN GEAR B/EM407MP	NHÔNG B/EM407MP	874.692	8%
23581	SV00000634	STAINLESS PLATE/EM407MP	VÒNG ĐỆM/EM407MP	275.220	10%
23582	SV00000635	OIL SEAL/EM407MP	VÒNG ĐỆM NGĂN DẦU/EM407MP	535.788	8%
23583	SV00000636	BOLT M5X25/EM407MP	ỐC VÍT M5X25/EM407MP	93.280	10%
23584	SV00000637	BOLT M8/EM407MP	ỐC VÍT M8/EM407MP	228.580	10%
23585	SV00146002	CASE A/EM407MP	ĐẦU HỘP NHÔNG A/EM407MP	5.600.448	8%
23586	SV00146003	PLUG/GREASE CAP/EM407MP	CHÓT GAI/EM407MP	46.640	10%
23587	SV00146006	BOLT M5X15/EM407MP	ỐC VÍT M5X15/EM407MP	28.050	10%
23588	SV00146007	SNAP RING (S-9)/EM407MP	VÒNG ĐỆM (S-9)/EM407MP	14.080	10%
23589	SV00146008	PLANETARY GEAR ASSY/EM407MP	NHÔNG NHO/EM407MP	2.623.968	8%
23590	SV00146009	WASHER/EM407MP	VÒNG ĐỆM/EM407MP	32.670	10%
23591	SV00146010	COLLAR/EM407MP	VÒNG ĐỆM/EM407MP	125.950	10%
23592	SV00146011	INTERNAL GEAR/EM407MP	NHÔNG LỚN/EM407MP	1.314.252	8%
23593	SV00146012	BOLT M5X10/EM407MP	ỐC VÍT M5X10/EM407MP	23.320	10%
23594	SV00146015	GROUND COVER(SPLINE SPEC)/EM407MP	NÁP GIÁ ĐỖ LƯỠI CẮT/EM407MP	401.170	10%
23595	SV00146016	SUN GEAR A/EM407MP	NHÔNG A/EM407MP	435.024	8%
23596	TC00000001	FRONT BAR/DMR300	MIẾNG CHÂN BẢO VỆ/DMR300	489.720	10%
23597	TC00000002	VOLUME KNOB/DMR300	ĐIỀU CHỈNH ÁM LƯỢNG/DMR300	132.840	8%
23598	TC00000003	USB COVER HOLDER/DMR300	NÁP GIÁ ĐỖ USB/DMR300	73.332	8%
23599	TC00000004	USB COVER/DMR300	NÁP CHỤP USB/DMR300	73.332	8%
23600	TC00000005	SCREW M6X45/DMR300	ỐC VÍT M6X45/DMR300	42.020	10%
23601	TC00000006	FRONT CABINET BLUE/DMR300	VỎ PHÍA TRƯỚC/DMR300	1.639.440	8%
23602	TC00000009	SCREW M4X15/DMR300	ỐC VÍT M4X15/DMR300	9.350	10%
23603	TC00000010	WIRE CLAMP/DMR300	MIẾNG NẾP DÂY ĐIỆN/DMR300	37.400	10%
23604	TC00000011	SCREW M3X8/DMR300	ỐC VÍT M3X8/DMR300	4.730	10%
23605	TC00000012	VOLUME HOLDER COVER/DMR300	NÁP GIÁ ĐỖ/DMR300	59.616	8%
23606	TC00000019	COVER PCB/DMR300	NÁP BO MẠCH/DMR300	398.412	8%
23607	TC00000020	PCBA-DISPLAY/DMR300	MẠCH HIỂN THỊ/DMR300	3.168.828	8%
23608	TC00000025	PCBA-MAIN B/DMR300	BO MẠCH B/DMR300	4.180.896	8%
23609	TC00000026	SCREW M3X8/DMR300	ỐC VÍT M3X8/DMR300	4.730	10%
23610	TC00000027	SHIELD/DMR300	TẦM BẢO VỆ/DMR300	111.980	10%
23611	TC00000029	PCBA-USB2/DMR300	BO MẠCH - USB2/DMR300	494.640	8%
23612	TC00000030	PCBA CHARGING/DMR300	MẠCH SẠC/DMR300	2.642.220	8%
23613	TC00000032	SCREW M2.6X6/DMR300	ỐC VÍT M2.6X6/DMR300	18.700	10%
23614	TC00000033	PCBA-SWITCH/DMR300	MẠCH CÔNG TẮC/DMR300	77.868	8%
23615	TC00000038	BAT SWITCH BUTTON BLUE/DMR300	NÚT NHẤN CÔNG TẮC/DMR300	22.896	8%
23616	TC00000042	FRONT INNER CABINET RUBBER/DMR300	TẦM LỘT/DMR300	68.688	8%
23617	TC00000045	SPEAKER BRACKET/DMR300	NÁP GIỮ LOA/DMR300	149.270	10%
23618	TC00000047	SPEAKER RUBBER/DMR300	ĐỆM GIỮ LOA/DMR300	59.616	8%
23619	TC00000048	SPEAKER L/DMR300	LOA TRÁI/DMR300	947.916	8%
23620	TC00000049	SPK COVER/DMR300	TẦM BẢO VỆ/DMR300	457.920	8%
23621	TC00000050	SCREW M6X14/DMR300	ỐC VÍT M6X14/DMR300	23.320	10%
23622	TC00000051	RUBBER RING/DMR300	VÒNG ĐỆM/DMR300	9.350	10%
23623	TC00000052	SCREW M3X10/DMR300	ỐC VÍT M3X10/DMR300	4.730	10%
23624	TC00000053	FM ANTENNA/DMR300	ĂNG TEN/DMR300	535.788	8%
23625	TC00000054	RUBBER RING/DMR300	VÒNG ĐỆM/DMR300	18.700	10%
23626	TC00000058	BACK CABINET SHAFT/DMR300	CHÓT GAI/DMR300	88.660	10%
23627	TC00000059	DC JACK COVER/DMR300	CHẶN KẾT NỐI/DMR300	82.512	8%
23628	TC00000060	SCREW M3X14/DMR300	ỐC VÍT M3X14/DMR300	42.020	10%
23629	TC00000063	BATTERY MINUS PLUS PLATE/DMR300	MIẾNG ĐỆM PIN/DMR300	22.000	10%
23630	TC00000064	BATTERY COVER BLUE/DMR300	NÁP ĐẦY PIN/DMR300	50.436	8%
23631	TC00000066	HEXA SOCKET SCREW T15 3X45/DMR300	ỐC VÍT T15 3X45/DMR300	18.700	10%
23632	TC00000067	MIDDLE CABINET RUBBER/DMR300	VÒNG ĐỆM/DMR300	96.228	8%
23633	TC00000068	SCREW M6X19/DMR300	ỐC VÍT M6X19/DMR300	23.320	10%
23634	TC00000069	COMPRESSION SPRING/DMR300	LÒ XO/DMR300	9.350	10%
23635	TC00000070	STEEL BALL/DMR300	BI SẮT/DMR300	9.350	10%
23636	TC00000071	HANDLE PLATE R/DMR300	MIẾNG ĐỆM PHẢI/DMR300	55.990	10%
23637	TC00000072	HANDLE PLATE L/DMR300	MIẾNG ĐỆM TRÁI/DMR300	55.990	10%
23638	TC00000073	HANDLE L BLUE/DMR300	VỎ TAY CẠM TRÁI/DMR300	297.648	8%
23639	TC00000075	GRIP/DMR300	TAY CẠM/DMR300	1.149.444	8%
23640	TC00000076	HANDLE R BLUE/DMR300	VỎ TAY CẠM PHẢI/DMR300	279.396	8%
23641	TC00000078	SCREW M6X20/DMR300	ỐC VÍT M6X20/DMR300	32.670	10%
23642	TC00000080	BOTTLE OPENER BACK COVER BLUE/DMR300	NÁP CHỤP/DMR300	96.228	8%
23643	TC00000082	RUBBER RING/DMR300	VÒNG ĐỆM/DMR300	41.256	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23644	TC00000085	BOTTLE OPENER/DMR300	MÓ NÁP VỎ MÁY/DMR300	144.650	10%
23645	TC00000086	HOLDER/DMR300	GIÁ ĐỖ/DMR300	93.280	10%
23646	TC00000087	PHONE POCKET BLUE/DMR300	KHAY ĐỂ ĐIỆN THOẠI/DMR300	100.764	8%
23647	TC00000100	CABINET HOLDER L BLUE/DMR300	GIÁ ĐỖ TRÁI/DMR300	650.268	8%
23648	TC00000102	CABINET HOLDER R BLUE/DMR300	GIÁ ĐỖ PHẢI/DMR300	650.268	8%
23649	TC00000104	CABINET HOLDER BLUE/DMR300	GIÁ ĐỖ/DMR300	632.016	8%
23650	TC00000113	UPPER CASE/DC4001	NÁP TRÊN/DC4001	462.564	8%
23651	TC00000115	UNDER CASE/DC4001	VỎ ĐỂ SẠC/DC4001	494.640	8%
23652	TC00000119	PCBA/DC4001	BO MẠCH/DC4001	6.836.832	8%
23653	TC00000120	FAN/DC4001	QUẠT LÀM MÁT/DC4001	636.552	8%
23654	TC00000122	UPPER CASE SET/BTC06	VỎ MÁY/BTC06	673.164	8%
23655	TC00000123	LCD SET/BTC06	MÀN HÌNH/BTC06	2.335.392	8%
23656	TC00000124	TAPPING SCREW ST3X10/BTC06	ỐC VÍT ST3X10/BTC06	37.400	10%
23657	TC00000125	SWITCH COVER SET/BTC06	NÚT NHẤN/BTC06	123.660	8%
23658	TC00000126	UNDER CASE SET/BTC06	ĐỂ MÁY/BTC06	659.448	8%
23659	TC00000127	BATTERY COVER/BTC06	NÁP ĐẦY/BTC06	183.168	8%
23660	TC00000128	TAPPING SCREW ST2X6/BTC06	ỐC VÍT ST2X6/BTC06	37.400	10%
23661	TC00000129	MICRO USB COVER/BTC06	NÁP ĐẦY CỒNG USB/BTC06	54.972	8%
23662	TC00000130	TAPPING SCREW ST4X20/BTC06	ỐC VÍT ST4X20/BTC06	46.640	10%
23663	TC00000131	CIRCUIT/BTC06	MẠCH ĐIỀU KHIỂN/BTC06	1.451.628	8%
23664	TC00000132	TAPPING SCREW ST3X6/BTC06	ỐC VÍT ST3X6/BTC06	37.400	10%
23665	TC00000162	FRONT INNER CABINET ASSY/DMR300	VỎ PHÍA TRƯỚC MÁY/DMR300	2.120.256	8%
23666	TC00000163	PCBA-USB1 ASSY/DMR300	BO MẠCH - USB1/DMR300	1.424.196	8%
23667	TC00000164	CXT TERMINAL ASSY/DMR300	ĐỂ GÁI PIN 12V MAX/DMR300	1.392.120	8%
23668	TC00000165	LXT TERMINAL ASSY BLUE/DMR300	ĐỂ GÁI PIN 18V/DMR300	2.056.104	8%
23669	TC00000168	MIDDLE CABINET ASSY BLUE/DMR300	VỎ THÂN MÁY/DMR300	4.212.864	8%
23670	TC00000172	DC JACK ASSY BLUE/DMR300	BỘ NGUỒN VAO DC/DMR300	370.980	8%
23671	TC00000174	SPEAKER R/DMR300	LOA PHẢI/DMR300	1.314.252	8%
23672	TC00000175	BATTERY RUBBER PAD/DMR300	ĐỆM GIỮ PIN/DMR300	622.836	8%
23673	TC00000176	BACK CABINET ASSY BLUE/DMR300	BỘ VỎ SAU MÁY/DMR300	3.036.096	8%
23674	TC00000178	FLAT CABLE/DMR300	DÂY CÁP MÀN HÌNH/DMR300	45.792	8%
23675	TC00000179	4P WIRE/DMR300	DÂY DẪN 4P/DMR300	77.868	8%
23676	TC00000180	8P WIRE/DMR300	DÂY DẪN 8P/DMR300	196.992	8%
23677	TC00000181	2P/4P WIRE ASSY/DMR300	DÂY DẪN 2P/4P/DMR300	174.096	8%
23678	TC00000199	LEAD UNIT/DMR300	DÂY DẪN ĐIỆN/DMR300	196.992	8%
23679	TD00000015	TAPPING SCREW PB3.5X14/DML813	ỐC VÍT PB3.5X14/DML813	4.730	10%
23680	TD00000016	REAR BASE/DML813	ĐỂ ĐIỀU CHỈNH SAU/DML813	444.204	8%
23681	TD00000017	CABLE COVER/DML813	VỎ BẢO VỆ/DML813	22.896	8%
23682	TD00000018	CORD CLAMP/DML813	KẸP GIỮ DÂY/DML813	14.080	10%
23683	TD00000019	REAR FOOT L/DML813	THANH TRƯỢT TRÁI/DML813	32.076	8%
23684	TD00000020	FRONT BASE/DML813	ĐỂ ĐIỀU CHỈNH TRƯỚC/DML813	201.528	8%
23685	TD00000021	SLEEVE R/DML813	THANH NẾP R/DML813	55.990	10%
23686	TD00000022	SLEEVE L/DML813	THANH NẾP L/DML813	55.990	10%
23687	TD00000023	POLE B/DML813	TRỤC ĐỊNH HƯỚNG B/DML813	755.568	8%
23688	TD00000024	POLE SLEEVE/DML813	ỐNG NỔI /DML813	59.616	8%
23689	TD00000025	POLE A/DML813	TRỤC ĐỊNH HƯỚNG A/DML813	741.852	8%
23690	TD00000026	LEG/DML813	CHÂN ĐỖ/DMR813	723.600	8%
23691	TD00000027	PIN/DML813	CHÓT GÁI/DML813	32.670	10%
23692	TD00000028	CHECK BLOCK/DML813	MIẾNG HẸM/DML813	14.080	10%
23693	TD00000029	LINK/DML813	THANH LIÊN KẾT/DML813	107.360	10%
23694	TD00000031	PIN/DML813	CHÓT GÁI/DML813	4.730	10%
23695	TD00000032	RELEASE BUTTON/DML813	NÚT NHẤN /DML813	36.720	8%
23696	TD00000033	SPRING/DML813	LÒ XO/DML813	4.730	10%
23697	TD00000034	LATCH/DML813	CHÓT GÁI/DML813	205.260	10%
23698	TD00000036	BODY/DML813	THÂN MÁY/DML813	1.153.980	8%
23699	TD00000038	RUBBER PAD/DML813	CHÓT HẸM/DML813	22.896	8%
23700	TD00000039	BATTERY HOUSING/DML813	BẢO VỆ PIN/DML813	654.912	8%
23701	TD00000040	LATCH/DML813	MIẾNG GÁI/DML813	32.076	8%
23702	TD00000041	CLIP/DML813	MIẾNG KẸP/DML813	32.076	8%
23703	TD00000042	SPRING/DML813	LÒ XO/DML813	4.730	10%
23704	TD00000043	PUSH PLATE/DML813	NÚT GẠT/DML813	32.076	8%
23705	TD00000044	GASKET/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	45.792	8%
23706	TD00000045	MAGNET RING/DML813	CHÓT GÁI/DML813	41.256	8%
23707	TD00000050	TAPPING SCREW PB3X8/DML813	ỐC VÍT/DMR813	4.730	10%
23708	TD00000054	GASKET/DML813	MIẾNG ĐỆM/DML813	41.256	8%
23709	TD00000055	TORSION SPRING/DML813	LÒ XO/DML813	9.350	10%
23710	TD00000056	BATTERY COVER/DML813	BẢO VỆ PIN/DML813	142.020	8%
23711	TD00000057	TORSION SPRING/DML813	LÒ XO/DML813	9.350	10%
23712	TD00000058	TAPPING SCREW PWB3X8/DML813	ỐC VÍT/DML813	4.730	10%
23713	TD00000059	KEY PCBA/DML813	BO MẠCH/DML813	59.616	8%
23714	TD00000060	POWER KEY/DML813	MẠCH NGUỒN/DML813	22.896	8%
23715	TD00000061	MODE KEY/DML813	MẠCH CHUYỂN CHẾ ĐỘ/DML813	22.896	8%
23716	TD00000062	HOUSING COVER/DML813	VỎ BẢO VỆ/DML813	311.472	8%
23717	TD00000064	SCREW PM4.0X16/DML813	ỐC VÍT M4/DML813	4.730	10%
23718	TD00000065	SCREW PM4X28/DML813	ỐC VÍT M4/DML813	9.350	10%
23719	TD00000066	CLAMP/DML813	TAY GẠT/DML813	27.540	8%
23720	TD00000068	NUT M4/DML813	ỐC M4/DML813	4.730	10%
23721	TD00000072	NUT M5/DML813	ỐC M5/DML813	18.700	10%
23722	TD00000073	POLE COVER/DML813	NÁP CHỤP TRỤC ĐỊNH HƯỚNG/DML813	46.640	10%
23723	TD00000074	SHAFT COVER R/DML813	VỎ BẢO VỆ TRỤC PHẢI/DML813	27.540	8%
23724	TD00000075	SHAFT COVER L/DML813	VỎ BẢO VỆ TRỤC TRÁI/DML813	27.540	8%
23725	TD00000076	SCREW PW5.0X12/DML813	ỐC VÍT PW5.0X12/DML813	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23726	TD00000077	FLAT WASHER/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	14.080	10%
23727	TD00000078	SPRING WASHER/DML813	VÒNG ĐỆM VÀNH/DML813	9.350	10%
23728	TD00000079	SQUARE WASHER/DML813	MIÈNG ĐỆM/DML813	14.080	10%
23729	TD00000080	FLAT WASHER/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	14.080	10%
23730	TD00000081	BASE/DML813	ĐẾ/DML813	88.660	10%
23731	TD00000082	SCREW PM5.0X30/DML813	ỐC VÍT PM5.0X30/DML813	14.080	10%
23732	TD00000083	HANDLE SUPPORTER/DML813	TAY ĐỖ/DML813	87.048	8%
23733	TD00000084	TAPPING SCREW CB4.0X20/DML813	ỐC VÍT CB4.0X20/DML813	14.080	10%
23734	TD00000085	HANDLE/DML813	TAY CÀM/DML813	320.544	8%
23735	TD00000086	COILED CABLE/DML813	DÂY DẪN/DML813	609.120	8%
23736	TD00000087	LAMP HOUSING/DML813	VỎ ĐÈN/DML813	412.128	8%
23737	TD00000089	GASKET/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	87.048	8%
23738	TD00000090	REFLECTOR CUP/DML813	CHÉN KHUẾCH ĐẠI ÁNH SÁNG/DML813	87.048	8%
23739	TD00000091	LENS/DML813	THẤU KÍNH/DML813	201.528	8%
23740	TD00000092	FRONT HOUSING/DML813	NÁP CHỤP/DML813	201.528	8%
23741	TD00000093	HEATSINK COMPLETE/DML813	CỤM TẢN NHIỆT/DML813	2.101.896	8%
23742	TD00000094	MAIN BOARD ASSEMBLY/DML813	BỘ BO MẠCH/DML813	1.469.988	8%
23743	TD00000095	LED CABLE B/DML813	DÂY DẪN/DML813	632.016	8%
23744	TD00000096	LAMP HOUSING/DML813	VỎ ĐÈN/DML813	297.648	8%
23745	TD00000097	GASKET/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	18.700	10%
23746	TD00000098	COVER/DML813	NÁP CHỤP/DML813	32.670	10%
23747	TD00000099	SHAFT/DML813	TRỤC/DML813	13.824	8%
23748	TD00000100	FLAT WASHER/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	9.350	10%
23749	TD00000101	SQUARE WASHER/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	9.350	10%
23750	TD00000102	SPRING WASHER/DML813	VÒNG ĐỆM VÀNH/DML813	9.350	10%
23751	TD00000103	FLAT WASHER/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	14.080	10%
23752	TD00000106	FRONT HOUSING/DML813	NÁP CHỤP/DML813	279.840	10%
23753	TD00000107	LED ASSEMBLY/DML813	BỘ ĐÈN LED/DML813	961.632	8%
23754	TD00000108	LED ASSEMBLY B/DML813	BỘ ĐÈN LED B/DML813	966.276	8%
23755	TD00000109	HANDLE SET/DML813	BỘ TAY CÀM/DML813	549.504	8%
23756	TD00000132	BUSH A/DML813	BẠC LỐT A/DML813	54.972	8%
23757	TD00000133	BUSH B/DML813	BẠC LỐT B/DML813	54.972	8%
23758	TD00000134	POLE CLAMP A/DML813	VÒNG SIẾT TRỤC ĐỊNH HƯỚNG A/DML813	375.516	8%
23759	TD00000135	POLE CLAMP B/DML813	VÒNG SIẾT TRỤC ĐỊNH HƯỚNG B/DML813	375.516	8%
23760	TD00000136	SCREW PM4.0X38/DML813	ỐC VÍT M4/DML813	14.080	10%
23761	TD00000137	LOCK NUT/DML813	NÚT NHẤN/DML813	28.050	10%
23762	TD00000138	PIN/DML813	CHÓT GÀI/DML813	84.040	10%
23763	TD00000139	SPRING/DML813	LÒ XO/DML813	42.020	10%
23764	TD00000140	RING/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	22.896	8%
23765	TD00000141	RING/DML813	VÒNG ĐỆM/DML813	22.896	8%
23766	TE00000003	FAN BLADE COVER/BCF201	NÁP CÀNH QUẠT/BCF201	38.880	8%
23767	TE00000004	FAN BLADE/BCF201	CÀNH QUẠT/BCF201	108.000	8%
23768	TE00000005	WIRE COVER A/BCF201	NÁP GAI/BCF201	34.560	8%
23769	TE00000006	WIRE COVER B/BCF201	NÁP GAI/BCF201	34.560	8%
23770	TE00000007	SIDE COVER/BCF201	NÁP ỐP LÔNG QUẠT/BCF201	96.228	8%
23771	TE00000009	STOP RING/BCF201	PHE GAI/BCF201	8.800	10%
23772	TE00000011	MOTOR COVER/BCF201	NÁP MOTOR/BCF201	45.792	8%
23773	TE00000018	ADAPTER SOCKET CAP/BCF201	NÁP CHỤP BẢO VỆ/BCF201	34.560	8%
23774	TE00000019	REAR FOOT L/BCF201	THANH TRƯỢT TRÁI/BCF201	36.720	8%
23775	TE00000020	REAR FOOT R/BCF201	THANH TRƯỢT PHẢI/BCF201	34.560	8%
23776	TE00000024	CLUTCH PLATE L/BCF201	KẸP GIỮ BÊN TRÁI/BCF201	30.800	10%
23777	TE00000025	CLUTCH PLATE R/BCF201	KẸP GIỮ BÊN PHẢI/BCF201	30.800	10%
23778	TE00000026	STAND/BCF201	CHÂN MÁY/BCF201	138.240	8%
23779	TE00000028	TAPPING SCREW 3X14/DCF203	ỐC VÍT 3X14/DCF203	17.600	10%
23780	TE00000030	P.H.SCREW M3X5/DCF203	ỐC VÍT M3X5/DCF203	22.000	10%
23781	TE00000032	SWITCH LABEL L/BCF201	NHẤN DẪN CÔNG TẮC/BCF201	13.824	8%
23782	TE00000033	SWITCH LABEL R/BCF201	NHẤN DẪN CÔNG TẮC/BCF201	13.824	8%
23783	TE00000041	MOTER ASSEMBLY/BCF201	BỘ MÔ TƠ/BCF201	457.920	8%
23784	TE00000042	TIME PCB BOARD/BCF201	MẠCH HEN GIỖ/BCF201	247.320	8%
23785	TE00000043	SWITCH PCB BOARD/BCF201	CÔNG TẮC/BCF201	247.320	8%
23786	TE00000047	FRONT GUARD/DCF300	NÁP BẢO VỆ CÀNH QUẠT/DCF300	957.096	8%
23787	TE00000051	FAN BLADE LOCK/DCF300	VÒNG KHÓA CÀNH QUẠT/DCF300	45.792	8%
23788	TE00000052	FAN BLADE/DCF300	CÀNH QUẠT/DCF300	216.000	8%
23789	TE00000053	FRONT ARM/DCF300	KHUNG QUẠT/DCF300	476.280	8%
23790	TE00000057	MOTOR/DCF300	CỤM MOTOR/DCF300	796.824	8%
23791	TE00000059	REAR FRAME/DCF300	KHUNG PHÍA SAU/DCF300	210.708	8%
23792	TE00000060	MOTOR REAR COVER/DCF300	NÁP ĐÁY CÀNH QUẠT/DCF300	59.616	8%
23793	TE00000067	SWITCH PANEL/DCF300	NÚT NHẤN CÔNG TẮC/DCF300	41.256	8%
23794	TE00000068	FLANGE/DCF300	MẶT BÍCH/DCF300	46.640	10%
23795	TE00000069	LOCKNUT M10/DCF300	CON TẮN M10/DCF300	23.320	10%
23796	TE00000071	ROBBER CAP/DCF300	NÚT ĐÁY/DCF300	59.616	8%
23797	TE00000072	LINK A/DCF300	THANH CHUYỂN HƯỚNG/DCF300	18.360	8%
23798	TE00000073	LINK B/DCF300	TAY BIẾN/DCF300	18.360	8%
23799	TE00000075	TERMINAL HOLDER/DCF300	GIÁ ĐỖ ĐỂ GAI PIN/DCF300	50.436	8%
23800	TE00000083	FOOT A/DCF300	CHÂN MÁY A/DCF300	13.824	8%
23801	TE00000084	FOOT B/DCF300	CHÂN MÁY B/DCF300	13.824	8%
23802	TE00000087	FLAT WASHER 3/DCF300	VÒNG ĐỆM 3/DCF300	14.080	10%
23803	TE00000088	SEAT/DCF300	GIÁ ĐỖ CÔNG TẮC/DCF300	41.256	8%
23804	TE00000092	NUT M4/DCF300	CON TẮN M4/DCF300	14.080	10%
23805	TE00000093	LABEL/DCF300	NHẤN DẪN NÚT NHẤN/DCF300	36.720	8%
23806	TE00000102	PHILLIPS HEAD SCREW M3X14/DCF300	ỐC VÍT M3X14/DCF300	9.350	10%
23807	TE00000103	SCREW A 3X14/DCF300	ỐC VÍT/DCF300	9.350	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23808	TE00000104	SCREW B 3X10/DCF300	ỐC VÍT/DCF300	9.350	10%
23809	TE00000105	SCREW C 3X14/DCF300	ỐC VÍT 3X14/DCF300	9.350	10%
23810	TE00000155	SUB MOTOR/DCF300	MOTOR ĐẠO CHIỀU/DCF300	517.536	8%
23811	TE00000166	HOUSING SET/BCF201	VO MÁY/BCF201	1.386.720	8%
23812	TE00000177	FRONT COVER/CF100D	NÁP BAO VỆ TRƯỚC/CF100D	119.124	8%
23813	TE00000178	BACK COVER/CF100D	NÁP BAO VỆ SAU/CF100D	108.000	8%
23814	TE00000179	THE BATTERY HOUSING/CF100D	NÁP CHỤP BAO VỆ PIN/CF100D	22.896	8%
23815	TE00000180	UP INSERT OF BOTTOM/CF100D	NÚT ĐỆM/CF100D	73.440	8%
23816	TE00000181	FRONT COVER OF THE STAND/CF100D	MẶT TRƯỚC GIÁ ĐỖ/CF100D	69.120	8%
23817	TE00000182	BACK COVER OF THE SUPPORT/CF100D	MẶT SAU GIÁ ĐỖ/CF100D	47.520	8%
23818	TE00000183	UP COVER OF THE BASE/CF100D	TẦM LỚT ĐỂ TRÊN/CF100D	38.880	8%
23819	TE00000184	LOWER COVER OF THE BASE/CF100D	TẦM LỚT ĐỂ DƯỚI/CF100D	47.520	8%
23820	TE00000185	HOOK AND HANDLE/CF100D	MỐC VÀ TAY CÀM/CF100D	41.256	8%
23821	TE00000186	FAN BLADE/CF100D	CÁNH QUẠT/CF100D	21.600	8%
23822	TE00000187	MOTOR AND LEAD/CF100D	MÔ TÔ/CF100D	375.516	8%
23823	TE00000188	LEAD WITH INSERTING PIECE/CF100D	ĐẦU NỐI/CF100D	25.920	8%
23824	TE00000189	SMALL GEAR PRESSING PARTS/CF100D	THANH DẪN HƯỚNG/CF100D	4.320	8%
23825	TE00000190	SPARE PARTS FOR POM/CF100D	CHỐT/CF100D	4.320	8%
23826	TE00000191	POM POSITION PART/CF100D	VÒNG ĐỆM/CF100D	4.320	8%
23827	TE00000192	CHARGING SOCKET PLUG/CF100D	ĐẦU CÀM/CF100D	4.320	8%
23828	TE00000193	IRON PARTS FOR SUPPORT/CF100D	VÒNG ĐỆM SẮT/CF100D	17.600	10%
23829	TE00000194	PCB/CF100D	BƠ MẠCH/CF100D	325.188	8%
23830	TE00000196	FIXED PART OF DC BASE/CF100D	ĐẦU CÀM/CF100D	41.256	8%
23831	TE00000197	SPRING1/CF100D	LÒ XO/CF100D	13.200	10%
23832	TE00000198	SPRING2/CF100D	THANH ĐỆM/CF100D	13.200	10%
23833	TE00000199	CIRCLIP/CF100D	VÒNG GIỮ/CF100D	8.800	10%
23834	TE00000201	INNER HEXAGON 4X14/CF100D	ỐC M4X14/CF100D	23.320	10%
23835	TE00000202	SCREW 3X10/CF100D	ỐC VÍT 3X10/CF100D	17.600	10%
23836	TE00000203	SELF-TAPPING SCREW 2.5X8/CF100D	ỐC VÍT 2.5X8/CF100D	13.200	10%
23837	TE00000204	SCREW 3X14/CF100D	ỐC VÍT M3X14/CF100D	17.600	10%
23838	TE00000205	CROSS BELT PAD SCREWS 4X10/CF100D	ỐC VÍT M4X10/CF100D	22.000	10%
23839	TE00000206	P.H. SCREW M3X5/CF100D	ỐC VÍT M3X5/CF100D	22.000	10%
23840	TE00000247	TERMINAL/DCF203	ĐỀ GÁI PIN/DCF203	34.560	8%
23841	TE00000248	FRONT COVER OF THE BODY/CF101D	NÁP CHỤP TRƯỚC/CF101D	120.960	8%
23842	TE00000249	FRONT COVER OF THE STAND/CF101D	KHUNG MÁY/CF101D	108.000	8%
23843	TE00000250	BACK COVER OF THE BODY/CF101D	NÁP CHỤP SAU/CF101D	142.560	8%
23844	TE00000251	BACK COVER OF THE SUPPORT/CF101D	NÁP KHUNG MÁY/CF101D	77.760	8%
23845	TE00000252	SPRING(LARGE)/CF101D	LÒ XO/CF101D	17.600	10%
23846	TE00000253	UP COVER OF THE BASE/CF101D	ĐỀ MÁY/CF101D	103.680	8%
23847	TE00000254	PCBA/CF101D	BƠ MẠCH/CF101D	558.684	8%
23848	TE00000255	LOWER COVER OF THE BASE/CF101D	NÁP ĐỀ MÁY/CF101D	86.400	8%
23849	TE00000256	TAPPING SCREW 3X8/CF101D	ỐC VÍT M3X8/CF101D	17.600	10%
23850	TE00000258	FRONT COVER OF THE BODY/CF101D	NÁP CHỤP TRƯỚC/CF101D	142.560	8%
23851	TE00000259	FRONT COVER OF THE STAND/CF101D	KHUNG MÁY/CF101D	108.000	8%
23852	TE00000260	BACK COVER OF THE BODY/CF101D	NÁP CHỤP SAU/CF101D	151.200	8%
23853	TE00000261	BACK COVER OF THE SUPPORT/CF101D	NÁP KHUNG MÁY/CF101D	87.048	8%
23854	TE00000262	MOTOR AND LEAD/CF101D	CỤM MOTOR/CF101D	341.280	8%
23855	TE00000263	CLAMPING PARTS OF BATTERY TOUC/CF101D	GÁ NẸP ĐỀ PIN/CF101D	12.960	8%
23856	TE00000264	THE BATTERY HOUSING/CF101D	NÁP CHỤP BAO VỆ/CF101D	22.896	8%
23857	TE00000265	HOOK&HANDLE/CF101D	TAY CÀM/CF101D	41.256	8%
23858	TE00000266	HEAD-LOCK ALUMINUM PARTS1/CF101D	VÒNG KHÓA/CF101D	17.600	10%
23859	TE00000267	SPRING(LARGE)/CF101D	LÒ XO/CF101D	8.800	10%
23860	TE00000268	HEAD-LOCK ALUMINUM PARTS2/CF101D	VÒNG KHÓA/CF101D	17.600	10%
23861	TE00000269	HEAD-LOCK BUTTON/CF101D	NÚT NHẤN/CF101D	12.960	8%
23862	TE00000270	SPRING(MIDDLE)/CF101D	LÒ XO/CF101D	4.400	10%
23863	TE00000271	PRINCIPAL AXIS/CF101D	TRỤC CHÍNH THÂN MÁY/CF101D	77.760	8%
23864	TE00000272	PRESSING/FIXING PART(FOR PRINC/CF101D	GÁ ĐỖ TRỤC/CF101D	13.200	10%
23865	TE00000273	UP COVER OF THE BASE/CF101D	ĐỀ MÁY/CF101D	109.944	8%
23866	TE00000274	SHAKE HEAD-POM 1/CF101D	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT/CF101D	12.960	8%
23867	TE00000276	NUT M8/CF101D	ỐC VÍT M8/CF101D	22.000	10%
23868	TE00000277	SHAKE HEAD -CONNECTION IRON/CF101D	MIẾNG ĐỆM TRƯỢT/CF101D	13.200	10%
23869	TE00000278	LOWER COVER OF THE BASE/CF101D	NÁP MÁY/CF101D	96.228	8%
23870	TE00000279	TAPPING SCREW 3X8/CF101D	ỐC VÍT M3X8/CF101D	17.600	10%
23871	TE00000280	SUB MOTOR/CF101D	CỤM MOTOR/CF101D	21.600	8%
23872	TE00000281	NUT M3/CF101D	ỐC VÍT M3/CF101D	13.200	10%
23873	TE00000282	SHAKE HEAD-POM 2/CF101D	ĐỀ GÁI/CF101D	8.800	10%
23874	TE00000283	FIXED PART OF DC BASE/CF101D	ĐẦU VAO ĐIỆN/CF101D	82.080	8%
23875	TE00000284	LEAD WITH INSERTING PIECE/CF101D	DÂY GHIM ĐIỆN/CF101D	7.560	8%
23876	TE00000285	CARTON/DCF102Z	THÙNG CARTON/DCF102Z	114.480	8%
23877	TE00000313	TERMINAL/CF101D	ĐỀ PIN/CF101D	77.868	8%
23878	TE00000315	TERMINAL WIRE/DCF300	ĐỀ GÁI PIN/DCF300	50.436	8%
23879	TE00000324	SCREW M3X14/MP100D	ỐC VÍT M3X14/MP100D	18.700	10%
23880	TE00000327	SCREW M3X10/MP100D	ỐC VÍT M3X10/MP100D	18.700	10%
23881	TE00000328	TRIGGER SPRING-FIXED BLOCK/MP100D	NÚT NHẤN CÔNG TÁC/MP100D	22.896	8%
23882	TE00000329	SWITCH/MP100D	CÔNG TÁC/MP100D	30.240	8%
23883	TE00000330	SPRING/MP100D	LÒ XO/MP100D	9.350	10%
23884	TE00000331	SWITCH TRIGGER/MP100D	NÚT CÔNG TÁC/MP100D	32.076	8%
23885	TE00000332	FIXED BRACKET/MP100D	NÁP CHỤP/MP100D	18.360	8%
23886	TE00000336	PCB/MP100D	BƠ MẠCH/MP100D	164.916	8%
23887	TE00000337	BATTERY TERMINAL/MP100D	ĐỀ GÁI PIN/MP100D	87.048	8%
23888	TE00000338	MAT/MP100D	CHÂN ĐỀ/MP100D	32.076	8%
23889	TE00000339	RUBBER(CYLINDER)/MP100D	MIẾNG ĐỆM CAO SU/MP100D	18.360	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23890	TE00000340	MOTOR ASSEMBLY/MP100D	CỤM MOTOR/MP100D	946.080	8%
23891	TE00000341	POWER ON/OFF/MP100D	CÔNG TẮC NGUỒN/MP100D	68.688	8%
23892	TE00000342	LED PCB/MP100D	ĐÈN LED/MP100D	82.512	8%
23893	TE00000343	TERMINAL PROTECTOR/MP100D	RƠ LE BẢO VỆ/MP100D	54.972	8%
23894	TE00000345	AIR PIPE ASSEMBLY/MP100D	ÔNG BƠM/MP100D	279.396	8%
23895	TE00000346	BRITISH ADAPTER/MP100D	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/MP100D	25.920	8%
23896	TE00000351	HOUSING SET/MP100D	VỎ MÁY/MP100D	250.560	8%
23897	TE00000352	CLAMP/MP100D	VÒNG KẸP HƠI/MP100D	28.050	10%
23898	TE00000362	RELEASE BUTTON/DCF203	ỐC VÍT/DCF203	17.600	10%
23899	TE00000363	BACK COVER OF THE BODY/DCF203	NÁP BẢO VỆ SAU/DCF203	263.520	8%
23900	TE00000364	LOCKED SCREW FOR FRONT HOUSING/DCF203	ỐC VÍT CỎ REN/DCF203	17.600	10%
23901	TE00000365	SWITCH LABEL/CF001G	NHÃN DÁN/CF001G	18.360	8%
23902	TE00000370	CIRCLIP M3/DCF203	VÒNG KẸP/DCF203	8.800	10%
23903	TE00000371	FRONT COVER OF THE BODY/DCF203	VỎ MÁY/DCF203	198.720	8%
23904	TE00000372	RELEASE BUTTON/DCF301	NÚT NHẤN/DCF301	4.644	8%
23905	TE00000373	CIRCLIP/DCF203	VÒNG KẸP/DCF203	4.400	10%
23906	TE00000374	FAN BLADE/DCF203	CÁNH QUẠT/DCF203	25.920	8%
23907	TE00000375	FRONT COVER OF STAND/DCF203	KHUNG QUẠT TRƯỚC/DCF203	77.760	8%
23908	TE00000376	SHELL HOOK/DCF203	GÁ VỎ MÁY/DCF203	8.640	8%
23909	TE00000378	SPRING/DCF203	LÒ XO/DCF203	18.700	10%
23910	TE00000380	MOTOR/DCF203	MOTOR/DCF203	457.920	8%
23911	TE00000381	BACK COVER OF THE SUPPORT LR/DCF203	KHUNG QUẠT SAU/DCF203	82.080	8%
23912	TE00000382	PRINCIPAL AXIS/DCF203	TRỤC XOAY/DCF203	77.760	8%
23913	TE00000384	SWITCH PANEL/CF001G	MẠCH CÔNG TẮC/CF001G	32.076	8%
23914	TE00000385	UPPER BASE/DCF203	ĐỂ XOAY TRÊN/DCF203	146.880	8%
23915	TE00000386	SUB MOTOR/DCF203	MOTOR ĐẠO CHIỀU/DCF203	320.544	8%
23916	TE00000387	CONTROLLER/DCF203	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DCF203	563.328	8%
23917	TE00000388	SCREW 3X10/DCF203	ỐC VÍT 3X10/DCF203	17.600	10%
23918	TE00000389	ADAPTOR PLATE/DCF203	MIÈNG ĐỆM GIỮ GHIM/DCF203	41.256	8%
23919	TE00000390	DC CHARGE BASE/DCF203/CF001G	ĐẦU VAO ĐIỆN CHUYỂN ĐỔI NGUỒN AC SANG DC/CF001G	68.688	8%
23920	TE00000391	BATTERY HOUSING/DCF203	VỎ BỌC GIỮ PIN/DCF203	56.160	8%
23921	TE00000392	LOWER COVER OF THE BASE/DCF203	NÁP ĐỂ MÁY BẰNG NHỰA/DCF203	120.960	8%
23922	TE00000394	LEAD UNIT/DCF203	DÂY DẪN ĐIỆN/DCF203	73.440	8%
23923	TE00000407	CABLE TIE/DCF203	DÂY CÁP/DCF203	4.320	8%
23924	TE00000408	WASHER/DCF203	VÒNG ĐỆM BẰNG THÉP/DCF203	4.400	10%
23925	TE00000414	CARTON/DCF203Z	THÙNG CARTON/DCF203Z	155.736	8%
23926	TE00000417	SUB MOTOR/CF101D	CỤM MOTOR/CF101D	338.904	8%
23927	TE00000420	HOUSING ASSEMBLY/DMP180	VỎ MÁY/DMP180	259.200	8%
23928	TE00000421	DIGITAL DISPLAY/DMP180	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/DMP180	691.200	8%
23929	TE00000422	FIXED BRACKET/DMP180	ĐỂ GÁI/DMP180	17.280	8%
23930	TE00000423	PCB/DMP180	MẠCH ĐIỀU KHIỂN PCB/DMP180	164.916	8%
23931	TE00000424	BATTERY TERMINAL/DMP180	ĐỂ GÁI PIN/DMP180	90.720	8%
23932	TE00000425	MOTOR ASSEMBLY/DMP180	CỤM MOTOR/DMP180	1.002.240	8%
23933	TE00000445	FRONT COVER OF THE BODY(BLUE)/CF001G	NÁP CHỤP TRƯỚC/CF001G	206.064	8%
23934	TE00000446	FAN BLADE/CF001G	CÁNH QUẠT/CF001G	25.920	8%
23935	TE00000447	BACK COVER OF THE BODY/CF001G	NÁP CHỤP SAU/CF001G	274.752	8%
23936	TE00000448	MOTOR/CF001G	MOTOR/CF001G	476.280	8%
23937	TE00000449	UPPER BASE (BLUE)/CF001G	ĐỂ TRÊN/CF001G	192.348	8%
23938	TE00000450	NUT M8/CF001G	ỐC VÍT M8/CF001G	14.080	10%
23939	TE00000451	TERMINAL HOLDER (BLUE)/CF001G	GIA ĐỖ ĐỂ GÁI PIN/CF001G	32.076	8%
23940	TE00000452	TERMINAL/CF001G	ĐỂ GÁI PIN/CF001G	151.200	8%
23941	TE00000453	BATTERY HOUSING (BLUE)/CF001G	VỎ BẢO VỆ PIN/CF001G	77.868	8%
23942	TE00000454	LOWER COVER OF THE BASE/CF001G	ĐỂ DƯỚI/CF001G	132.840	8%
23943	TE00000464	PERFORATED CABLE TIE/CF001G	DÂY CÁP ĐIỆN/CF001G	4.644	8%
23944	TE00000474	POM PLATE/DCF300	ĐỆM LỐT/DCF300	13.824	8%
23945	TE00000475	PCB/DCF300	BO MẠCH/DCF300	421.308	8%
23946	TE00000476	CONTROLLER/CF001G	BO MẠCH/CF001G	622.836	8%
23947	TE00000479	SWITCH PCB BOARD/DCF300	MẠCH CÔNG TẮC/DCF300	957.096	8%
23948	TE00000509	MOTOR ASSY/DCF300	MOTOR/DCF300	815.184	8%
23949	TE00000510	MOTOR AND LEAD/CF101D	CỤM MOTOR/CF101D	425.952	8%
23950	TE00000517	PCBA/CF101D	BO MẠCH/CF101D	567.864	8%
23951	TE00000518	MAIN BOARD PCB/DCF102	BO MẠCH/DCF102	567.864	8%
23952	TE00000522	FRONT COVER/DCF301	NÁP VỎ TRƯỚC/DCF301	242.784	8%
23953	TE00000523	BLADE LOCK/DCF301	NÚM GIỮ CÁNH QUẠT/DCF301	13.824	8%
23954	TE00000525	P.H. SCREW M3X4/DCF301	ỐC VÍT M3X4/DCF301	14.080	10%
23955	TE00000527	BACK COVER OF THE SUPPORT LR/DCF301	NÁP KHUNG MÁY SAU/DCF301	105.408	8%
23956	TE00000528	MOTOR ASSY/DCF301	MOTOR/DCF301	581.580	8%
23957	TE00000529	MOTOR CONNECTION WIRE/DCF301	DÂY DẪN/DCF301	50.436	8%
23958	TE00000530	WIRE COVER/DCF301	NÁP BẢO VỆ DÂY DẪN/DCF301	9.180	8%
23959	TE00000531	MOTOR REAR COVER/DCF301	NÁP VỎ MOTOR/DCF301	27.540	8%
23960	TE00000532	STAND/DCF301	KHUNG MÁY/DCF301	114.480	8%
23961	TE00000534	SWITCH PANEL/DCF301	MẠCH CÔNG TẮC/DCF301	9.180	8%
23962	TE00000535	PCB/DCF301	BO MẠCH/DCF301	517.536	8%
23963	TE00000536	BATTERY HOUSING/DCF301	VỎ BẢO VỆ ĐỂ GÁI PIN/DCF301	27.540	8%
23964	TE00000537	WIRE SHEATH RUBBER/DCF301	VỎ BỌC DÂY DẪN/DCF301	4.644	8%
23965	TE00000538	SCREW M4X8/DCF301	ỐC VÍT M4X8/DCF301	14.080	10%
23966	TE00000539	LOWER COVER/DCF301	NÁP DƯỚI/DCF301	196.992	8%
23967	TE00000540	SUPPORT FOOT/DCF301	CHÂN HỖ TRỢ/DCF301	354.530	10%
23968	TE00000541	FOOT/DCF301	CHÂN ĐỖ/DCF301	82.512	8%
23969	TE00000542	FASTEN IRON PART OF TRIPOD/DCF301	MIÈNG LIỀN KẾT 2 CHÂN ĐỖ/DCF301	93.280	10%
23970	TE00000543	CROSS BELT PAD SCREW M3X10/DCF301	ỐC VÍT/DCF301	18.700	10%
23971	TE00000544	FOOT RUBBER HOUSING/DCF301	VỎ CHÂN ĐỖ/DCF301	13.824	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
23972	TE00000545	PRINCIPAL AXIS/DCF301	TRỤC KHUNG MÁY/DCF301	132.840	8%
23973	TE00000546	FLAT WASHER/DCF301	VÒNG ĐỆM/DCF301	14.080	10%
23974	TE00000548	CHARGING SOCKET PLUG/DCF301	ĐẦU NỐI NGUỒN ĐIỆN/DCF301	64.152	8%
23975	TE00000549	DC CHARGE BASE/DCF301	ĐỀ ĐỖ NGUỒN VAO/DCF301	64.152	8%
23976	TE00000550	ADAPTOR PLATE/DCF301	ĐẦU CÀM BỘ CHUYỂN ĐỔI /DCF301	37.400	10%
23977	TE00000551	SHAKE HEAD-CONNECTION IRON/DCF301	ĐẦU NỐI /DCF301	9.350	10%
23978	TE00000552	WASHER/DCF301	VÒNG ĐỆM/DCF301	9.350	10%
23979	TE00000553	TERMINAL ASSY/CF002G	ĐỀ GÀI PIN/CF002G	169.452	8%
23980	TE00000555	BATTERY SOCKET CONNECTION WIRE/DCF301	DÂY DẪN/DCF301	32.076	8%
23981	TE00000558	CIRCLIP/DCF301	VÒNG ĐỆM/DCF301	4.730	10%
23982	TE00000559	BACK COVER/DCF301	NẮP VỎ SAU/DCF301	338.904	8%
23983	TE00000561	SUB MOTOR/DCF301	MOTOR/DCF301	265.680	8%
23984	TE00000563	CARTON/DCF301Z	THÙNG CARTON/DCF301Z	206.064	8%
23985	TE00000573	FRONT COVER/CF002G	NẮP VỎ TRƯỚC/CF002G	242.784	8%
23986	TE00000574	PCB/CF002G	BỘ MẠCH/CF002G	613.656	8%
23987	TE00000575	BATTERY HOUSING/CF002G	VỎ BẢO VỆ ĐỀ GÀI PIN/CF002G	27.540	8%
23988	TE00000576	SUPPORT FOOT/CF002G	CHÂN HỖ TRỢ/CF002G	354.530	10%
23989	TE00000591	MAIN BODY HOUSING/DMP181	VỎ MÁY/DMP181	751.032	8%
23990	TE00000593	FIXED BRACKET/DMP181	MIẾNG CỐ ĐỊNH VỎ MÁY/DMP181	18.360	8%
23991	TE00000595	INNER PAD/DMP181	MIẾNG ĐỆM/DMP181	41.256	8%
23992	TE00000596	INNER MAIN BODY HOUSING/DMP181	VỎ MOTOR /DMP181	174.096	8%
23993	TE00000597	BRITISH ADAPTER/DMP181	KẸP KẾT NỐI/DMP181	37.400	10%
23994	TE00000598	TRACHRAL COMPONENTS/DMP181	BỘ ỐNG ĐEO/DMP181	279.396	8%
23995	TE00000599	MOTOR ASSEMBLY/DMP181	MOTOR/DMP181	806.004	8%
23996	TE00000600	SCREW 4X6/DMP181	ỐC VÍT 4X6/DMP181	18.360	8%
23997	TE00000601	BUTTON/DMP181	NÚT BẤM/DMP181	41.256	8%
23998	TE00000602	RELEASE VALVE BUTTON/DMP181	NÚT NHAN CÔNG TÁC/DMP181	18.360	8%
23999	TE00000604	PAD/DMP181	MIẾNG ĐỆM/DMP181	4.644	8%
24000	TE00000605	DIGITAL DISPLAY/MP001G	MÀN HÌNH HIỂN THỊ/MP001G	851.796	8%
24001	TE00000606	PLUG/DMP181	MIẾNG ĐỆM LỖT/DMP181	14.080	10%
24002	TE00000607	THERMAL PROTERCTOR/DMP181	TẢN NHIỆT/DMP181	54.972	8%
24003	TE00000608	POWER ON/OFF/DMP181	MẠCH CÔNG TÁC/DMP181	68.688	8%
24004	TE00000609	MAT/DMP181	MIẾNG ĐỆM/DMP181	36.720	8%
24005	TE00000610	LED PCB/DMP181	MẠCH ĐÈN LED/DMP181	82.512	8%
24006	TE00000614	MAIN BODY HOUSING/DMP181	VỎ MÁY/DMP181	668.628	8%
24007	TE00000615	MOTOR ASSEMBLY/DMP181	MOTOR/DMP181	806.004	8%
24008	TE00000616	MAIN CONTROL BOARD ASSEMBLY/DMP181	BỘ MẠCH/DMP181	668.628	8%
24009	TE00000617	DIGITAL DISPLAY/DMP181	MÀN HÌNH HIỂN THỊ/DMP181	801.360	8%
24010	TE00000624	PLATE/DMP181	ỐC M4/DMP181	18.700	10%
24011	TE00000625	PART OF THE CYLINDER BODY/DMP181	BỘ XY LẠNH/DMP181	1.460.808	8%
24012	TE00000629	DIGITAL DISPLAY/MP100D	ĐỒNG HỒ HIỂN THỊ/MP100D	806.004	8%
24013	TE00000630	DIGITAL DISPLAY/DMP180	MÀN HÌNH HIỂN THỊ/DMP180	879.228	8%
24014	TE00000632	UPPER COVER/DCF301	ĐỀ QUẠT/DCF301	114.480	8%
24015	TE00000634	UPPER COVER/CF002G	NẮP TRÊN /CF002G	114.480	8%
24016	TE00000640	MOTOR ASSEMBLY/MP100D	CỤM MOTOR/MP100D	1.195.236	8%
24017	TE00000641	MOTOR ASSEMBLY/DMP180	CỤM MOTOR/DMP180	1.241.028	8%
24018	TE00000694	MAIN CONTROL BOARD ASSEMBLY/DMP181	BỘ MẠCH/DMP181	915.840	8%
24019	TE00000698	FAN BLADE/CF100D	CÁNH QUẠT/CF100D	22.896	8%
24020	TE00000699	FAN BLADE/BCF201	CÁNH QUẠT/BCF201	132.840	8%
24021	TE00000700	FAN BLADE/DCF203	CÁNH QUẠT/DCF203	32.076	8%
24022	TE00000701	FAN BLADE/DCF300	CÁNH QUẠT/DCF300	270.216	8%
24023	TE00000702	FAN BLADE/DCF301	CÁNH QUẠT/DCF301	32.076	8%
24024	TE00000703	FAN BLADE/CF001G	CÁNH QUẠT/CF001G	32.076	8%
24025	TE00000704	CENTER CAP FRONT/CF003G	NẮP GIỮA BẢO VỆ TRƯỚC/CF003G	41.256	8%
24026	TE00000706	PAN HEAD SCREW M5X20/CF003G	ỐC VÍT M5X20/CF003G	14.080	10%
24027	TE00000707	FRONT GUARD/CF003G	LÔNG QUẠT TRƯỚC/CF003G	668.628	8%
24028	TE00000708	CENTER CAP REAR/CF003G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ/CF003G	32.076	8%
24029	TE00000709	BLADE FIXING TUB NUT M8 LH/CF003G	NÚM GIỮ CÁNH QUẠT/CF003G	27.540	8%
24030	TE00000710	FAN BLADE 45/CF003G	CÁNH QUẠT 45/CF003G	325.188	8%
24031	TE00000711	FRONT SWINGING FLAME/CF003G	KHUNG QUẠT XOAY PHÍA TRƯỚC/CF003G	329.724	8%
24032	TE00000712	ANGLE ADJUSTER RING/CF003G	VÒNG ĐIỀU CHỈNH GÓC/CF003G	13.824	8%
24033	TE00000713	TUB SCREW M10X31/CF003G	ỐC VÍT M10X31/CF003G	37.400	10%
24034	TE00000714	FRONT GUARD FIXING RING/CF003G	KHUNG VIÊN LÔNG QUẠT TRƯỚC/CF003G	398.412	8%
24035	TE00000715	FRONT GUARD FIXING NUT M5/CF003G	ỐC VÍT M5/CF003G	51.370	10%
24036	TE00000716	RECTANGLE NUT M10/CF003G	ĐAI ỐC M10/CF003G	37.400	10%
24037	TE00000717	WIRING COVER FOR REAR GUARD/CF003G	THANH NẸP DÂY/CF003G	27.540	8%
24038	TE00000718	REAR GUARD/CF003G	LÔNG QUẠT SAU/CF003G	828.900	8%
24039	TE00000719	HANDLE HOLDER L/R SET/CF003G	MIẾNG NHỰA GIỮ TAY CÀM/CF003G	32.076	8%
24040	TE00000720	HEX SOCKET HEAD TAPPING SCREW M4X14/CF003G	ỐC VÍT M4X14/CF003G	18.700	10%
24041	TE00000721	HANDLE/CF003G	TAY CÀM/CF003G	36.720	8%
24042	TE00000722	POM SMALL FASTENER 1/CF003G	MIẾNG NHỰA NẸP KHÓA 1/CF003G	9.180	8%
24043	TE00000723	REAR SWINGING FLAME/CF003G	KHUNG QUẠT XOAY PHÍA SAU/CF003G	325.188	8%
24044	TE00000724	FRONT MOTOR MOUNT/CF003G	CHỤP TRƯỚC MOTOR/CF003G	50.436	8%
24045	TE00000725	DC MOTOR ASSY/CF003G	CỤM DC MOTOR /CF003G	1.492.884	8%
24046	TE00000726	LEAD WIRE ASSY(MOTOR-PCB)/CF003G	DÂY DẪN ĐIỆN/CF003G	160.272	8%
24047	TE00000727	REAR MOTOR MOUNT/CF003G	CHỤP SAU MOTOR/CF003G	32.076	8%
24048	TE00000728	MOTOR HOUSING/CF003G	VỎ MÁY/CF003G	41.256	8%
24049	TE00000729	PAN HEAD SCREW M4X12/CF003G	ỐC VÍT M4X12/CF003G	18.700	10%
24050	TE00000730	FIX RING FOR TURN TABLE/CF003G	VÒNG XOAY BÀN ĐỀ/CF003G	45.792	8%
24051	TE00000731	TURN TABLE/CF003G	BÀN QUAY/CF003G	105.408	8%
24052	TE00000732	COMPRESSION SPRING 6/CF003G	LO XO 6/CF003G	14.080	10%
24053	TE00000733	TURN TABLE BASE/CF003G	VÒNG CỐ ĐỊNH BÀN ĐỀ/CF003G	68.688	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24054	TE00000734	SWING SHAFT/CF003G	TRỤC XOAY/CF003G	164.916	8%
24055	TE00000735	TURN TABLE RING/CF003G	VÒNG ĐỆM/CF003G	23.320	10%
24056	TE00000736	BALL BEARING 6008ZZ/CF003G	BẠC ĐẠN 6008ZZ/CF003G	430.488	8%
24057	TE00000737	UPPER CONTROLLER HOUSING/CF003G	VỎ ĐỀ TRÊN/CF003G	361.800	8%
24058	TE00000738	KNOB FOR SPEED CONTROL/CF003G	NÚT VẠN ĐỀ ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ/CF003G	36.720	8%
24059	TE00000740	LABEL FOR SWITCH PANEL/CF003G	NHÂN DAN BẢNG ĐIỀU KHIỂN/CF003G	22.896	8%
24060	TE00000741	SWITCH PANEL/CF003G	BẢNG ĐIỀU KHIỂN CÔNG TÁC/CF003G	17.280	8%
24061	TE00000742	PCB/CF003G	BO MẠCH/CF003G	1.524.960	8%
24062	TE00000743	DC SOCKET COVER/CF003G	MIẾNG ĐỆM BẢO VỆ CHẶN NGUỒN DC/CF003G	4.644	8%
24063	TE00000744	DC SOCKET PANEL/CF003G	MIẾNG ĐỀ CHẶN NGUỒN DC/CF003G	4.644	8%
24064	TE00000745	DC SOCKET/CF003G	CHẶN NGUỒN DC/CF003G	18.700	10%
24065	TE00000746	GEAR 54/CF003G	NHÔNG 54/CF003G	64.152	8%
24066	TE00000747	MOTOR ASSY FOR SWINGING/CF003G	MOTOR KÉO QUẠT XOAY/CF003G	696.060	8%
24067	TE00000748	GEAR 20/CF003G	NHÔNG 20/CF003G	36.720	8%
24068	TE00000749	SWING UNIT HOUSING/CF003G	VỎ NHÔNG XOAY/CF003G	54.972	8%
24069	TE00000750	BATTERY HOLDER LEFT/CF003G	ĐỀ GÁI PIN TRÁI/CF003G	50.436	8%
24070	TE00000751	BATTERY TERMINAL(LXT)/CF003G	ĐỀ GÁI PIN(LXT) VÀ DÂY/CF003G	164.916	8%
24071	TE00000752	BATTERY HOLDER CENTER/CF003G	ĐỀ GÁI PIN GIỮA/CF003G	82.512	8%
24072	TE00000753	BATTERY TERMINAL(XGT)/CF003G	ĐỀ GÁI PIN(LXT) VÀ DÂY/CF003G	274.752	8%
24073	TE00000754	BATTERY HOLDER RIGHT/CF003G	ĐỀ GÁI PIN PHẢI/CF003G	50.436	8%
24074	TE00000755	LOWER CONTROLLER HOUSING/CF003G	VỎ ĐỀ DƯỚI/CF003G	343.440	8%
24075	TE00000767	ACCESSORY BOX LEFT SIDE/CF003G	HỘP PHỤ KIỆN BÊN TRÁI/CF003G	91.584	8%
24076	TE00000768	ACCESSORY BOX LID STOPPER/CF003G	MIẾNG ĐỆM NÁP HỘP/CF003G	18.700	10%
24077	TE00000769	HINGE ROD FOR ACCESSORY BOX/CF003G	CHÓT GÁI (CHÓT ĐỊNH VỊ)/CF003G	28.050	10%
24078	TE00000770	ACCESSORY BOX LID OUTER PANEL/CF003G	NÁP HỘP PHỤ KIỆN /CF003G	36.720	8%
24079	TE00000771	ACCESSORY BOX LID CENTER PANEL/CF003G	MIẾNG NHỰA GÁI NÁP ĐẦY HỘP PHỤ KIỆN/CF003G	18.360	8%
24080	TE00000772	ACCESSORY BOX RIGHT SIDE/CF003G	HỘP PHỤ KIỆN BÊN PHẢI/CF003G	91.584	8%
24081	TE00000773	TAPPING SCREW 4X10/CF003G	ỐC VÍT M4X10/CF003G	18.700	10%
24082	TE00000774	ALUMINUM LEG/CF003G	CHÂN ĐỀ/CF003G	373.120	10%
24083	TE00000775	UPPER FOOT SET/CF003G	CHÂN ĐỖ ĐỀ TRÊN/CF003G	155.736	8%
24084	TE00000776	LOWER FOOT SET/CF003G	CHÂN ĐỖ ĐỀ DƯỚI/CF003G	96.228	8%
24085	TF119F0840	HEX.BOLT/EY2650H	BU LÔNG/EY2650H	35.200	10%
24086	TF120S0510	HEX.SOCKET HEAD BOLT (M5X10)/EY2650H	BU LÔNG (M5X10)/EY2650H	22.000	10%
24087	TF120S0625	HEX.SOCKET HEAD BOLT (M6X25)/EY2650H	BU LÔNG (M6X25)/EY2650H	22.000	10%
24088	TF244F0408	SCREW/EY2650H	ỐC VÍT/EY2650H	22.000	10%
24089	TF2616001A	SLIDE HOLDER/EY2650H	CÀN TRƯỢT/EY2650H	164.160	8%
24090	TF290Q0506	HEX.SOCKET HEAD SET SCREW/EY2650H	ỐC VÍT/EY2650H	22.000	10%
24091	TF3312328A	MAIN PIPE ASSY/EY2650H	CÀN MÁY/EY2650H	1.784.160	8%
24092	TF3651008A	SLIDE HOLDER WASHER/EY2650H	LONG ĐEN BĂNG THEP/EY2650H	35.200	10%
24093	TF4117027A	DRIVE SHAFT/EY2650H	TRỤC TỶ/EY2650H	1.088.640	8%
24094	TF411M0800	FLAT WASHER/EY2650H	LONG ĐEN BĂNG THEP/EY2650H	22.000	10%
24095	TF4613005B	SET COLLAR/EY2650H	VÒNG ĐỊNH VỊ/EY2650H	60.480	8%
24096	TF480J1200	SNAP RING (S-12)/EY2650H	VÒNG KHÓA (S-12)/EY2650H	22.000	10%
24097	TF5313012A	SPRING/EY2650H	LÒ XO/EY2650H	66.000	10%
24098	TF6116068B	KNOB/EY2650H	NÚT VẠN/EY2650H	34.560	8%
24099	TF6126008A	SLEEVE/EY2650H	KHỚP NỐI/EY2650H	38.880	8%
24100	TF6126009A	DRIVE BUSH/EY2650H	BỘ TRUYỀN ĐỘNG/EY2650H	35.200	10%
24101	TF6362070A	CUSHION TUBE/EY2650H	ÔNG ĐỆM/EY2650H	77.760	8%
24102	TG00000002	U TYPE PIN 3/HW1300	CHÓT GIỮ/HW1300	18.700	10%
24103	TG00000003	U TYPE PIN 2/HW1300	CHÓT GIỮ/HW1300	26.400	10%
24104	TG00000004	HIGH-PRESSURE HOSE JOINT/HW1300	ÔNG ÁP LỰC/HW1300	338.904	8%
24105	TG00000005	PRESSURE SWITCH COMPLETE/HW1300	VÁN XA NƯỚC/HW1300	293.112	8%
24106	TG00000006	SEAL RING 62/HW1300	VÒNG ĐỆM/HW1300	22.896	8%
24107	TG00000007	DISCHARGE PORT JOINT/HW1200	ĐẦU NỐI/HW1200	146.556	8%
24108	TG00000008	O RING 10/HW1300	VÒNG ĐỆM/HW1300	2.160	8%
24109	TG00000009	HIGH-PRESSURE HOSE 10M/HW1300	ÔNG ÁP LỰC/HW1300	1.611.360	8%
24110	TG00000010	REEL JOINT COMPLETE/HW1300	ĐẦU NỐI/HW1300	476.280	8%
24111	TG00000011	TORSION SPRING 8/HW1300	LÒ XO/HW1300	26.400	10%
24112	TG00000012	SCREW 3.5X19/HW1300	ỐC VÍT/HW1300	52.800	10%
24113	TG00000023	REEL HANDLE COMPLETE/HW1300	TAY QUAY/HW1300	325.188	8%
24114	TG00000024	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	22.896	8%
24115	TG00000025	HELICAL GEAR/HW1200	NHÔNG LỚN/HW1200	256.500	8%
24116	TG00000026	SPINDLE/HW1200	TRỤC NHÔNG/HW1200	146.556	8%
24117	TG00000027	WOBBLE PLATE/HW1200	MIẾNG ỐP BẠC ĐẠN ĐẠO/HW1200	88.660	10%
24118	TG00000028	THRUST BALL BEARING/HW1200	MIẾNG ĐỆM/HW1200	205.260	10%
24119	TG00000029	H.S.H.BOLT 4MM/HW1200	ỐC VÍT 4MM/HW1200	32.670	10%
24120	TG00000030	OIL SEAL/HW1200	PHỐT ĐẦU/HW1200	36.720	8%
24121	TG00000031	BALL BEARING/HW1200	BẠC ĐẠN/HW1200	128.304	8%
24122	TG00000032	RETAINING RING/HW1200	VÒNG HẠM/HW1200	23.320	10%
24123	TG00000033	SPRING RETAINER/HW1200	VÒNG ĐỆM LÒ XO/HW1200	23.320	10%
24124	TG00000034	COMPRESSION SPRING/HW1200	LÒ XO/HW1200	23.320	10%
24125	TG00000035	PISTON PIN/HW1200	CHÓT (HẠM) PISTON/HW1200	102.630	10%
24126	TG00000036	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	32.076	8%
24127	TG00000037	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	21.600	8%
24128	TG00000038	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	32.076	8%
24129	TG00000039	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	22.896	8%
24130	TG00000040	U TYPE PIN/HW1200	CHÓT ĐỊNH VỊ/HW1200	28.050	10%
24131	TG00000041	OIL SEAL/HW1200	PHỐT ĐẦU/HW1200	36.720	8%
24132	TG00000042	PACKING/HW1200	MIẾNG ĐỆM/HW1200	41.256	8%
24133	TG00000043	H.S.H.BOLT 4MMX10MM/HW1200	ỐC VÍT 4MMX10MM/HW1200	60.720	10%
24134	TG00000044	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	27.540	8%
24135	TG00000045	HEX BOLT 13MMX15MM/HW1200	BU LÔNG 13MMX15MM/HW1200	28.050	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24136	TG00000046	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	23.320	10%
24137	TG00000047	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	22.896	8%
24138	TG00000048	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	32.076	8%
24139	TG00000058	O RING 10/HW1300	VÒNG ĐỆM/HW1300	13.824	8%
24140	TG00000059	HIGH-PRESSURE HOSE 10M/HW1300	ÔNG AP LỰC/HW1300	1.973.700	8%
24141	TG00000063	PUMP COMPLETE/HW1300	ĐẦU MÁY BƠM/HW1300	2.990.304	8%
24142	TG00000065	O-RING/HW1200	VÒNG ĐỆM/HW1200	22.896	8%
24143	TK0000PW20	FLAT WASHER/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	2.200	10%
24144	TK0000PW50	FLAT WASHER 5/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	2.200	10%
24145	TK000ET03F	MOUNT/SK312GD	GIÁ ĐỖ/SK312GD	730.400	10%
24146	TK00170132	DAMPER PLATE A/SK312GD	TẮM ĐỆM A/SK312GD	19.800	10%
24147	TK00174111	GIMBAL INNER RING/SK312GD	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG/SK312GD	57.200	10%
24148	TK00210106	GLASS V/SK312GD	TẮM KÍNH V/SK312GD	21.600	8%
24149	TK00218012	LENS/SK312GD	ÔNG KÍNH/SK312GD	48.600	8%
24150	TK00D01004	BATTERY LID ASSY./TK0LDG301F	BỘ NÁP PIN/TK0LDG301F	872.640	8%
24151	TK00D01106	BATTERY LID KNOB/TK0LDG301F	NÚM VẶN/TK0LDG301F	242.000	10%
24152	TK00D01110	CASE PACKING/TK0LDG301F	VỎ BỌC LAM KÍN/TK0LDG301F	132.000	10%
24153	TK00D01112	FILTER PACKING/TK0LDG301F	BỘ LỌC KÍN/TK0LDG301F	69.120	8%
24154	TK00D01119	PD FILTER/TK0LDG301F	BỘ LỌC PD/TK0LDG301F	2.073.600	8%
24155	TK00D07108	MAIN PANEL (D07)/TK0LDG301F	BẢNG MẠCH CHÍNH (D07)/TK0LDG301F	190.080	8%
24156	TK00ER3050	E-RING 3/TK0LDG301F	VÒNG ĐỆM 3/TK0LDG301F	13.200	10%
24157	TK00LD9127	SHADE CUSHION/TK0LDG301F	NẮP ĐỆM/TK0LDG301F	34.560	8%
24158	TK00LD9135	PACKING(FOR SCREW)/TK0LDG301F	ỐC VÍT/TK0LDG301F	26.400	10%
24159	TK00PW80N2	FLAT WASHER(M8)/TK000ET03F	VÒNG ĐỆM(M8)/TK000ET03F	13.200	10%
24160	TK00SB3000	STELL BALL 3/SK312GD	BÌ SẮT/SK312GD	2.200	10%
24161	TK00WW5050	WAVE WASHER 5/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	2.200	10%
24162	TK01501151	O RING/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	17.280	8%
24163	TK01581222	SPIKE CAP/SK312GD	BỌC CHÂN ĐÈ/SK312GD	8.100	8%
24164	TK01700104	LOCK SEAL/SK312GD	BĂNG CHỈ HƯỚNG/SK312GD	4.320	8%
24165	TK01701146	PILLAR A/SK312GD	TRỤC MÁY A/SK312GD	23.100	10%
24166	TK01701192	LOCK LEVER/SK312GD	NÚT KHÓA/SK312GD	5.400	8%
24167	TK01730148	O RING/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	24.840	8%
24168	TK01730156	DAMPER PLATE B/SK312GD	TẮM ĐỆM B/SK312GD	23.100	10%
24169	TK01730196	FULCRUM SCREW/SK312GD	ỐC VÍT/SK312GD	5.500	10%
24170	TK01730199	BALL BEARING/SK312GD	BẠC ĐẠN/SK312GD	21.600	8%
24171	TK01731383	PILLAR BUSH/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	2.160	8%
24172	TK01735A13	MAGNET UNIT/SK312GD	VÒNG ĐỆM CỎ NAM CHÂM/SK312GD	56.160	8%
24173	TK01821112	UNDER COVER ASSEMBLY/SK312GD	BỘ MẶT BÍCH DƯỚI/SK312GD	7.560	8%
24174	TK01821141	ADJUSTING ROD/SK312GD	TỶ ĐIỀU CHỈNH/SK312GD	44.280	8%
24175	TK01821152	ADJUSTING RING/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	34.560	8%
24176	TK01821161	ROTATION RING/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	67.100	10%
24177	TK01821171	BUSH/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	7.560	8%
24178	TK01821181	TENSION SPRING/SK312GD	LÒ XO/SK312GD	15.400	10%
24179	TK01830135	UPPER FRAME/SK312GD	KHUNG MÁY/SK312GD	184.680	8%
24180	TK01850105	BUSH/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	7.560	8%
24181	TK01851071	SPONGE/SK312GD	RON NHỰA/SK312GD	5.400	8%
24182	TK01950104	HANDLE/SK10GD	TAY CẦM/SK10GD	224.424	8%
24183	TK01955A01	LOCK CAM COMPLETE/SK312GD	CÔNG TẮC/SK312GD	103.680	8%
24184	TK01970106	ADJUSTING WHEEL/SK312GD	NÚT VẶN/SK312GD	25.300	10%
24185	TK02100118	PILLAR B/SK312GD	TRỤC MÁY B/SK312GD	35.200	10%
24186	TK02101071	GLASS H/SK312GD	TẮM KÍNH H/SK312GD	21.600	8%
24187	TK02160111	LASER UNIT G COMPLETE/SK312GD	CỤM ĐÈN LAZE/SK312GD	677.160	8%
24188	TK02180008	BATTERY HOLDER COMPLETE/SK312GD	HỘP CHỨA PIN/SK312GD	81.000	8%
24189	TK02180103	HOUSING RETAINER RING/SK312GD	VÒNG GIỮ/SK312GD	215.600	10%
24190	TK02180108	SPIKE/SK312GD	CỤM CHÂN ĐIỀU CHỈNH/SK312GD	100.100	10%
24191	TK02180127	GRIP RETAINER/SK312GD	NÚT ĐÁY TAY CẦM/SK312GD	11.880	8%
24192	TK02180128	GLASS V RETAINER LABEL/SK312GD	TẮM GIỮ KÍNH/SK312GD	5.400	8%
24193	TK02180129	GLASS H RETAINER LABEL/SK312GD	VIÊN NHỰA DÁN KÍNH/SK312GD	4.320	8%
24194	TK02181041	HANDLE/SK312GD	TAY CẦM/SK312GD	160.272	8%
24195	TK02181051	GRIP/SK312GD	TAY CẦM NGANG/SK312GD	577.044	8%
24196	TK02181185	ADJUSTING FLAME/SK312GD	VỎ MÁY/SK312GD	76.680	8%
24197	TK02181215	TRIPOD/SK312GD	CHÂN ĐÈ/SK312GD	129.600	8%
24198	TK02181242	BATTERY HOLDER GASKET/SK312GD	MIẾNG ĐỆM ĐÈ GAI PIN/SK312GD	9.720	8%
24199	TK02181261	HANDLE RETAINER/SK312GD	VÒNG BÍT TAY CẦM/SK312GD	9.720	8%
24200	TK02181302	COMPRESSION SPRING E/SK312GD	LÒ XO/SK312GD	2.200	10%
24201	TK02185A05	LOWER FRAME COMPLETE/SK312GD	KHUNG MÁY/SK312GD	122.040	8%
24202	TK02190125	COVER V/SK312GD	NÁP BẢO VỆ/SK312GD	9.720	8%
24203	TK02190126	COVER H/SK312GD	NÁP BẢO VỆ/SK312GD	7.560	8%
24204	TK02190128	DOUBLE SIDES LABEL V/SK312GD	NÁP BẢO VỆ ĐÈN/SK312GD	4.320	8%
24205	TK02190129	DOUBLE SIDES LABEL H/SK312GD	NÁP BẢO VỆ ĐÈN/SK312GD	4.320	8%
24206	TK02195A02	GIMBAL ASSEMBLY/SK312GD	THÂN MÁY/SK312GD	470.880	8%
24207	TK0219SET1	BALANCER WEIGHT SET/SK312GD	ỐC ĐIỀU CHỈNH TRỌNG LƯỢNG/SK312GD	59.400	10%
24208	TK0219SET2	GIMBAL WIRE SET/SK312GD	BƠ MẠCH/SK312GD	728.136	8%
24209	TK02205A02	GIMBAL ASSEMBLY/SK209GD	KHỚP TRỤC QUAY/SK209GD	518.400	8%
24210	TK02330055	TRIPOD BASE/SK10GD	ĐỀ 3 CHÂN/SK10GD	2.527.910	10%
24211	TK0233009B	TERMINAL ASSY/SK10GD	ĐÈ GAI PIN/SK10GD	1.067.040	8%
24212	TK02330111	SWITCH KNOB/SK10GD	NÚT CÔNG TÁC/SK10GD	50.436	8%
24213	TK02330117	STAND 233/SK10GD	KHUNG MÁY 233/SK10GD	151.200	8%
24214	TK02330201	CONTROL UNIT(WITH CABLE)/SK10GD	BƠ MẠCH/SK10GD	1.076.112	8%
24215	TK02330202	POWER PCB(WITH CABLE)/SK10GD	BƠ MẠCH/SK10GD	2.651.400	8%
24216	TK02330205	GREEN LASER UNIT/SK10GD	ĐÈN LASER TIA XANH/SK10GD	3.324.564	8%
24217	TK02330302	ANTI SHOCK COVER/SK10GD	NÁP CHỤP GIẢM SỐC/SK10GD	77.868	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24218	TK02330325	SPIKE CAP/SK10GD	NÁP CHỤP THANH ĐẾ/SK10GD	27.540	8%
24219	TK02330501	PAN HEAD SCREW M2X6/SK10GD	ỐC VÍT M2X6/SK10GD	14.080	10%
24220	TK02330504	PAN HEAD SCREW M3X8/SK10GD	ỐC VÍT M3X8/SK10GD	14.080	10%
24221	TK02330505	PAN HEAD SCREW M3X10/SK10GD	ỐC VÍT M3X10/SK10GD	14.080	10%
24222	TK02330508	TAPPING SCREW ST2.2X6.5/SK10GD	ỐC VÍT ST2.2X6.5/SK10GD	14.080	10%
24223	TK02330510	TAPPING SCREW ST2.2X12/SK10GD	ỐC VÍT M2X12/SK10GD	14.080	10%
24224	TK02330519	SPRING WASHER 3/SK10GD	VÒNG ĐỆM 3/SK10GD	14.080	10%
24225	TK02333235	SPIKE/SK10GD	THANH ĐẾ/SK10GD	111.980	10%
24226	TK02335A02	GIMBAL ASSEMBLY/SK10GD	BỘ GÁ ĐỖ ĐÈN LASER/SK10GD	17.249.868	8%
24227	TK02335A03	BASE ASSMBLY/SK10GD	BÀN ĐẾ/SK10GD	3.040.632	8%
24228	TK02335A04	TRIPOD ASSEMBLY/SK10GD	BỘ ĐẾ 3 CHÂN/SK10GD	2.669.760	8%
24229	TK02340202	POWER PCB(WITH CABLE)/SK10GD	BỘ MẠCH/SK10GD	2.651.400	8%
24230	TK02345A02	GIMBAL ASSEMBLY/SK10GD	BỘ GÁ ĐỖ ĐÈN LASER/SK10GD	11.493.792	8%
24231	TK02345A03	BASE ASSEMBLY/SK10GD	BÀN ĐẾ/SK10GD	3.040.632	8%
24232	TK02355A02	GIMBAL ASSEMBLY/SK10GD	BỘ GÁ ĐỖ ĐÈN LASER/SK10GD	8.613.540	8%
24233	TK03F2080N	COUTERSUNK HD. SCREW M2X8/SK312GD	ỐC VÍT M2X8/SK312GD	2.200	10%
24234	TK03P2040N	PAN HD.SCREW M2X4/SK312GD	ỐC VÍT M2X4/SK312GD	2.200	10%
24235	TK03P2060N	PAN HD.SCREW M2X6/SK312GD	ỐC VÍT M2X6/SK312GD	4.730	10%
24236	TK03P2080N	PAN HD. SCREW M2X8/SK312GD	ỐC VÍT M2X8/SK312GD	2.200	10%
24237	TK0D011051	BATTERY LID PACKING/TK0LDG301F	NÁP LẮM KÍN/TK0LDG301F	116.640	8%
24238	TK0D011201	FILTER/TK0LDG301F	BỘ LỌC/TK0LDG301F	241.920	8%
24239	TK0D071015	PHOTODETECTOR ASSY./TK0LDG301F	CỤM MẠCH ĐIỀU KHIỂN/TK0LDG301F	1.905.120	8%
24240	TK0ET03002	WISE BASE ASSY./TK000ET03F	BỘ GIÁ ĐỖ/TK000ET03F	3.537.600	10%
24241	TK0ET03005	TRUSS TAPPING SCREW 3X10/TK000ET03F	ỐC VÍT M3X10/TK000ET03F	1.478.400	10%
24242	TK0ET03101	WISE BASE/TK000ET03F	BÀN ĐỖ/TK000ET03F	2.886.400	10%
24243	TK0ET03106	GEAR A/TK000ET03F	NÚM ĐIỀU CHỈNH A/TK000ET03F	203.040	8%
24244	TK0ET03110	RUBBER A/TK000ET03F	MIẾNG ĐỆM CAO SU A/TK000ET03F	159.840	8%
24245	TK0ET03111	RUBBER B/TK000ET03F	MIẾNG ĐỆM CAO SU B/TK000ET03F	155.520	8%
24246	TK0ET03112	RUBBER C/TK000ET03F	VÒNG ĐỆM CAO SU C/TK000ET03F	77.760	8%
24247	TK0ET03116	SLOTTED SCREW/TK000ET03F	TRỤC VÍT/TK000ET03F	1.056.000	10%
24248	TK0F2580B0	FLAT HEAD SCREW M2.5X8/SK312GD	ỐC VÍT M2.5X8/SK312GD	2.200	10%
24249	TK0F6010S0	FLAT HEAD SCREW M6X10/TK000ET03F	ỐC VÍT M6X10/TK000ET03F	13.200	10%
24250	TK0F6020S0	PAN HD. SCREW M6X20/TK000ET03F	ỐC VÍT M6X20/TK000ET03F	17.600	10%
24251	TK0H4060FU	HEX SOCKET HD. CAP SCREW M4X6/TK000ET03F	ỐC VÍT M4X6/TK000ET03F	13.200	10%
24252	TK0LV36971	COVER GLASS/SK312GD	KÍNH BẢO VỆ/SK312GD	5.400	8%
24253	TK0LV37351	ECCENTRIC SCREW/SK312GD	ỐC VÍT/SK312GD	2.200	10%
24254	TK0LVE3044	LEAD UNIT A/SK312GD	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/SK312GD	36.720	8%
24255	TK0LVF0066	CONNECTOR UNIT/SK312GD	THANH DẪN ĐIỆN/SK312GD	21.600	8%
24256	TK0P2550FB	PAN HEAD SCREW M2.5X5/SK312GD	ỐC VÍT M2.5X5/SK312GD	2.200	10%
24257	TK0P2550FU	PAN HD. SCREW M2.5X5/SK312GD	ỐC VÍT M2.5X5/SK312GD	2.200	10%
24258	TK0P2560FU	PAN HD. SCREW M2.5X6/SK312GD	ỐC VÍT M2.5X6/SK312GD	2.200	10%
24259	TK0P2570FB	PAN HEAD SCREW M2.5X7/SK10GD	ỐC VÍT M2.5X7/SK10GD	14.080	10%
24260	TK0P3060FU	PAN HEAD SCREW M3X6/SK312GD	ỐC VÍT M3X6/SK312GD	2.200	10%
24261	TK0P3080FU	PAN HD. SCREW M3X8/SK312GD	ỐC VÍT M3X8/SK312GD	2.200	10%
24262	TK0PW30FU1	FLAT WASHER 3/TK000ET03F	VÒNG ĐỆM 3/TK000ET03F	13.200	10%
24263	TK0T3060FU	TRUSS HD. SCREW 3X6/SK312GD	ỐC VÍT 3X6/SK312GD	2.200	10%
24264	TK0TL32108	SWITCH/SK312GD	CÔNG TẮC/SK312GD	9.720	8%
24265	TK16010441	SWITCH BUTTON(4.1)/SK312GD	NÚT CÔNG TẮC(4.1)/SK312GD	4.320	8%
24266	TK16010443	SWITCH BUTTON(4.3)/SK312GD	NÚT CÔNG TẮC(4.3)/SK312GD	4.320	8%
24267	TK16010444	SWITCH BUTTON(4.4)/SK312GD	NÚT CÔNG TẮC(4.4)/SK312GD	4.644	8%
24268	TK16010468	SWITCH BUTTON (L=6.8)/TK0LDG301F	NÚT NHẤN CÔNG TẮC (L=6.8)/TK0LDG301F	38.880	8%
24269	TK219EUA01	HOUSING ASSEMBLY/SK312GD	VỎ MÁY/SK312GD	8.576.928	8%
24270	TK219SA03E	LASER UNIT V COMPLETE/SK312GD	CỤM ĐÈN LAZE/SK312GD	802.440	8%
24271	TK219SA04E	LASER UNIT COMPLETE/SK312GD	CỤM ĐÈN LAZE/SK312GD	799.092	8%
24272	TK219UN101	SWITCH LABEL/SK312GD	CÔNG TẮC/SK312GD	24.840	8%
24273	TK219UN113	NAME PLATE 219UN/SK312GD	BẢNG TÊN/SK312GD	17.280	8%
24274	TK219UN131	DC JUCK UN/SK312GD	ĐẦU NỐI DC/SK312GD	54.000	8%
24275	TK233UN008	HOUSING/SK10GD	VỎ MÁY/SK10GD	2.916.972	8%
24276	TK233UN101	SWITCH LABEL/SK10GD	NHÃN CÔNG TẮC/SK10GD	100.764	8%
24277	TK233UNSA1	HOUSING ASSEMBLY/SK10GD	BỘ VỎ MÁY/SK10GD	4.148.820	8%
24278	TK234UN008	HOUSING/SK10GD	VỎ MÁY/SK10GD	1.547.856	8%
24279	TK234UNSA1	HOUSING ASSEMBLY/SK10GD	BỘ VỎ MÁY/SK10GD	2.779.596	8%
24280	TK235UN008	HOUSING/SK10GD	VỎ MÁY/SK10GD	1.323.432	8%
24281	TK235UNSA1	HOUSING ASSEMBLY/SK10GD	BỘ VỎ MÁY/SK10GD	2.550.636	8%
24282	TKAL411252	DC JUCK COVER/SK312GD	NÚT ĐÁY LỖ CAM ĐIỆN/SK312GD	5.400	8%
24283	TKD0110315	CASE ASSY./TK0LDG301F	VỎ MÁY/TK0LDG301F	639.360	8%
24284	TKD0110425	BATTERY LID S/TK0LDG301F	NÁP PIN S/TK0LDG301F	272.160	8%
24285	TKD0UN7101	SWITCH PANEL (D07UN)/TK0LDG301F	BẢNG ĐIỀU KHIỂN CÔNG TẮC/TK0LDG301F	220.320	8%
24286	TKD7F00001	PHOTODETECTOR CIRCUIT ASSY./TK0LDG301F	BỘ MẠCH/TK0LDG301F	7.793.280	8%
24287	TKET03003B	BASE B ASSEMBLY/TK000ET03F	BỘ ĐẾ/TK000ET03F	2.518.560	8%
24288	TKET031075	GEAR B ASSY./TK000ET03F	BỘ NÚM ĐIỀU CHỈNH/TK000ET03F	781.920	8%
24289	TKLM400102	ROTATION PAN HEAD/TK0LM4001F	ĐẦU XOAY/TK0LM4001F	369.600	10%
24290	TKLM400103	ROTATION SECURING KNOB/TK0LM4001F	NÚM VÍT CỐ ĐỊNH/TK0LM4001F	35.200	10%
24291	TKLM400104	THREE-PRONGED FORK/TK0LM4001F	CỤM XOAY/TK0LM4001F	345.600	8%
24292	TKLM400105	ELEVATOR SECURING SCREW/TK0LM4001F	NÚM VÍT CỐ ĐỊNH/TK0LM4001F	35.200	10%
24293	TKLM400106	ELEVATOR HANDLE/TK0LM4001F	TAY QUAY/TK0LM4001F	695.200	10%
24294	TKLM400107	BOLT CAP/TK0LM4001F	MŨI ỐC BU LÔNG/TK0LM4001F	8.800	10%
24295	TKLM400108	HEX. BOLT M5X50/TK0LM4001F	BU LÔNG M5X50/TK0LM4001F	13.200	10%
24296	TKLM400109	HEX. NUT M5/TK0LM4001F	BU LÔNG M5/TK0LM4001F	13.200	10%
24297	TKLM400110	HANDLE RETAINING SCREW/TK0LM4001F	CHÓT GIỮ/TK0LM4001F	13.200	10%
24298	TKLM400111	RACK PIPE/TK0LM4001F	ỐNG GIÁ ĐỖ/TK0LM4001F	567.600	10%
24299	TKLM400112	PIPE ASSY./TK0LM4001F	CHÂN GIÁ ĐỖ/TK0LM4001F	1.381.600	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24300	TKLM400113	LINER/TK0LM4001F	ÔNG LỐT/TK0LM4001F	30.240	8%
24301	TKLM400114	SENER PIPE/TK0LM4001F	ÔNG TRỤ ĐỨNG/TK0LM4001F	444.400	10%
24302	TKLM400115	RUBBER CAP/TK0LM4001F	NÁP CAO SU/TK0LM4001F	47.520	8%
24303	TKLM400116	STOPPER/TK0LM4001F	NÚT CHẶN/TK0LM4001F	38.880	8%
24304	TKLM503004	EXTENSION POLE/TK0LM5030F	ÔNG NÔI DÀI/TK0LM5030F	809.600	10%
24305	TKLM503005	O-RING/TK0LM5030F	VÒNG ĐỆM/TK0LM5030F	47.520	8%
24306	TKLM503006	EXTENSION SECURING SCREW/TK0LM5030F	ỐC HẮM/TK0LM5030F	655.600	10%
24307	TKLM503007	EXTENSION POLE LINER/TK0LM5030F	ÔNG LỐT ĐỂ NÔI DÀI/TK0LM5030F	330.000	10%
24308	TKLM503008	RETAINING SCREW/TK0LM5030F	VÍT GIỮ/TK0LM5030F	202.400	10%
24309	TKLM503009	O-RING/TK0LM5030F	VÒNG ĐỆM/TK0LM5030F	47.520	8%
24310	TKLM503017	RACK PIPE/TK0LM5030F	ÔNG GIÁ ĐỖ/TK0LM5030F	1.135.200	10%
24311	TKLM503018	PIPE ASSY./TK0LM5030F	CHẶN GIÁ ĐỖ/TK0LM5030F	2.024.000	10%
24312	TKLM503021	CENTER PIPE/TK0LM5030F	ÔNG TRỤ ĐỨNG/TK0LM5030F	594.000	10%
24313	TKLV272921	RING NUT/SK312GD	VÒNG ĐỆM/SK312GD	12.100	10%
24314	TKLVF0068B	CONTROL UNIT/SK312GD	BO MẠCH/SK312GD	169.560	8%
24315	TKLVF00753	POWER SUPPLY UNIT/SK312GD	THÀNH DAN ĐIỆN/SK312GD	409.320	8%
24316	TKLVF0076C	SWITCH UNIT/SK312GD	BẢNG CÔNG TÁC/SK312GD	120.204	8%
24317	TKLVF0076D	SWITCH UNIT/SK209GD	CÔNG TÁC/SK209GD	119.880	8%
24318	TKLVF068B1	CONTROL UNIT G3L-LB-1/SK312GD	BO MẠCH G3L-LB-1/SK312GD	1.337.148	8%
24319	TKP4010FUS	PAN HEAD SCREW M4X10(WITH RUBBER)/SK312GD	ỐC VÍT M4X10/SK312GD	4.400	10%
24320	TKS2540FB4	H.S.SET SCREW M2.5X4/SK312GD	ỐC VÍT M2.5X4/SK312GD	4.400	10%
24321	TKS2550S05	H.S.SET SCREW(FLAT POINT)/SK312GD	ỐC CỎ ĐINH/SK312GD	4.400	10%
24322	TKS3060FB5	HEX SOCKET HD. SCREW M3X6/SK312GD	ỐC VÍT M3X6/SK312GD	2.200	10%
24323	TKST2060FZ	SPACER/SK312GD	ÔNG NHƯA GẢI/SK312GD	2.160	8%
24324	TKTP2040FN	TAPPING SCREW 2X4/TK0LDG301F	ỐC VÍT 2X4/TK0LDG301F	13.200	10%
24325	TKTP2040FU	PAN HEAD SCREW 2X4/SK312GD	ỐC VÍT 2X4/SK312GD	2.200	10%
24326	TKTP2050FZ	B TIGHT TAPPING SCREW 2X5/TK0LDG301F	ỐC VÍT 2X5/TK0LDG301F	13.200	10%
24327	TKTP2080FB	PAN HEAD TAPPING SCREW 2X8/SK312GD	ỐC VÍT 2X8/SK312GD	2.200	10%
24328	TKTP2550FB	PAN HD. SCREW M2.5X5/SK312GD	ỐC VÍT M2.5X5/SK312GD	2.200	10%
24329	TKTP2610FB	B TIGHT TAPPING SCREW 2.6X10/TK0LDG301F	ỐC VÍT 2.6X10/TK0LDG301F	13.200	10%
24330	TKTP3010FB	TAPPING SCREW 3X10/SK312GD	ỐC VÍT 3X10/SK312GD	2.200	10%
24331	TKTT3010FB	TRUSS HD. TAPPING SCREW 3X10/SK312GD	ỐC VÍT 3X10/SK312GD	2.200	10%
24332	TKTT3070FU	TRUSS HD. TAPPING SCREW 3X7/SK312GD	ỐC VÍT 3X7/SK312GD	2.200	10%
24333	TL00000005	SWITCH (CSW-P11N003A)/6723DW	CÔNG TÁC MÁY/6723DW	12.960	8%
24334	TL00000006	SPRING CLIP (AM-02890001)/6723DW	MIẾNG ĐỆM/6723DW	4.400	10%
24335	TL00000007	STEEL BALL (AM-05060004)/6723DW	BI SẮT/6723DW	4.400	10%
24336	TL00000011	CIRCUIT BOARD (AN-0289001)/6722DW	MẠCH CÔNG TÁC/6722DW	9.180	8%
24337	TL00000014	SCREW 3.0X10 MM (MSS-B30H10B3)/6723DW	ỐC VÍT M3X10/6723DW	4.400	10%
24338	TL00000016	SCREW 3.5X26MM(MSS-B35H26BT3)/6723DW	ỐC VÍT M3.5X26/6723DW	4.400	10%
24339	TL00000020	DC JACK (CJP-DJ2155B)/6723DW	GHIM SẠC DC/6723DW	4.320	8%
24340	TL00000031	FEMALE TERMINAL (CTM-SR1803)/6723DW	CHỐT GIM DÂY ĐIỆN/6723DW	4.400	10%
24341	TP00000072	SPUR GEAR 3G005/6723DW	NHÔNG 3G005/6723DW	34.560	8%
24342	TP00000075	LED LIGHT SLD-3D9L04/6723DW	ĐÈN LED/6723DW	34.560	8%
24343	TP00000083	MOTOR RUBBER RING B/DUB182	MIẾNG ĐỆM CAO SU/DUB182	36.720	8%
24344	TP00000084	SPRING/DUB182	LÒ XO/DUB182	4.730	10%
24345	TP00000085	PIN/DUB182	CHỐT GẢI/DUB182	9.350	10%
24346	TP00000095	MOTOR ASSY MGB-285MG01-R/6723DW	MÔ TƠ/6723DW	512.892	8%
24347	TP00000096	L/R HOUSING SET AP-0285-5-L/R/6723DW	VỎ MÁY/6723DW	22.896	8%
24348	TP00000097	BUTTON COVER SET AP-0289CLS-R/6723DW	NÚT NHẤN/6723DW	13.824	8%
24349	TP00000098	L/R HANDLE APS-0285-0-L/R-R/6723DW	TAY CẦM L/6723DW	59.616	8%
24350	TP00000112	FAN HOUSING SET(AS-890FHL-MK-R/DUB182	HỘP CÀNH QUẠT/DUB182	489.996	8%
24351	TP00000113	MOTOR SET (AS-890-MS18-R)/DUB182	MÔ TƠ/DUB182	632.016	8%
24352	TP00000116	S/T SCREW M3.5X14/HG6003	VÍT/HG6003	8.640	8%
24353	TP00000118	SPRING PIN/HG6003	CHỐT LÒ XO/HG6003	22.000	10%
24354	TP00000120	HOUSING COVER/HG6003	VỎ MÁY/HG6003	267.840	8%
24355	TP00000121	BEND RELIEF SMALL HOLE/HG6003	CHUI DÂY ĐIỆN/HG6003	2.160	8%
24356	TP00000122	S/T SCREW M4X14/HG6003	VÍT/HG6003	8.640	8%
24357	TP00000123	CORD CLAMP/HG6003	NẸP DÂY ĐIỆN/HG6003	8.640	8%
24358	TP00000124	SWITCH TRIGGER/HG6003	CÔNG TÁC/HG6003	8.640	8%
24359	TP00000125	SWITCH ASSY 230V/HG6003	CÔNG TÁC 230V/HG6003	60.480	8%
24360	TP00000127	RELEASE BUTTON/HG6003	CÀNH TÀN NHIỆT/HG6003	17.280	8%
24361	TP00000128	SPRING/HG6003	LÒ XO/HG6003	8.800	10%
24362	TP00000129	TOP CAP/HG6003	NÁP CHỤP TRÊN/HG6003	21.600	8%
24363	TP00000130	MOTOR ASSY 220-230V/HG6003	MÔ TƠ/HG6003	151.200	8%
24364	TP00000132	TUBE SLEEVE ASSY/HG6003	ÔNG CHỤP BẢO VỆ/HG6003	79.200	10%
24365	TP00000133	SPRING/HG6003	LÒ XO/HG6003	2.200	10%
24366	TP00000134	STEEL TUBE SUPPORT/HG6003	VÒNG KẸP BẢO VỆ/HG6003	2.200	10%
24367	TP00000135	M/C SCREW M3X6/HG6003	ỐC VÍT M3X6/HG6003	2.200	10%
24368	TP00000136	NOSE CONE COVER/HG6003	NÁP BẢO VỆ/HG6003	43.200	8%
24369	TP00000143	POWER CORD (TH, VN, ID)/HG6003	DÂY DẪN ĐIỆN/HG6003	24.840	8%
24370	TP00000145	SWITCH ASSY/HG6500	CÔNG TÁC/HG6500	60.480	8%
24371	TP00000145-Y2	SWITCH ASSY/HG6500	CÔNG TÁC/HG6500	51.840	8%
24372	TP00000146	S/T SCREW M2X5/HG6005	ỐC VÍT M2X5/HG6005	8.800	10%
24373	TP00000148	TOP CAP/HG6500	NÁP CHỤP MÀN HÌNH/HG6500	21.600	8%
24374	TP00000149	SWITCH CAP,"+"/HG6500	NÚT CÔNG TÁC (+)/HG6500	8.640	8%
24375	TP00000150	SWITCH CAP,"-"/HG6500	NÚT CÔNG TÁC (-)/HG6500	8.640	8%
24376	TP00000151	LCD PROTECTOR/HG6500	MIẾNG BẢO VỆ MÀN HÌNH/HG6500	17.280	8%
24377	TP00000161	INDUCTANCE,90UH/HG6500	BO MẠCH/HG6500	43.200	8%
24378	TP00000162	S/T SCREW M3.5X14 W/WASHER/HG6003	ỐC VÍT M3.5X14/HG6003	8.800	10%
24379	TP00000169	PCB ASSY WITH MEMORY FUNCTION/HG6500	BO MẠCH/HG6500	535.680	8%
24380	TP00000209	SWITCH AS-890SW05A-MK-R/DUB182	CÔNG TÁC AS-890SW05A-MK-R/DUB182	540.432	8%
24381	TP00000211	MOTOR HOUSING SET/DUB182	VỎ MÁY/DUB182	998.352	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24382	TP00000212	DIAL/DUB182	NÚT TĂNG GIAM TỐC ĐỘ/DUB182	27.540	8%
24383	TP00000230	GIFT BOX/DUB182	THÙNG CARTON/DUB182	82.080	8%
24384	TR00000017	6201 BEARING/TR00000002	BẠC ĐẠN 6201/TR00000002	45.792	8%
24385	TR00000067	LOCK LEVER/DCU180	CÁN KHÓA THAY XE/DCU180	215.244	8%
24386	TR00000068	HEX.BOLT M5X16/DCU180	ỐC VÍT M5X16/DCU180	4.730	10%
24387	TR00000069	HEX.SOCKET HEAD BOLT M5X14/DCU180	ỐC VÍT M5X14/DCU180	4.730	10%
24388	TR00000070	HEX.BOLT M16X50/DCU180	ỐC VÍT M16X50/DCU180	46.640	10%
24389	TR00000071	HEX.NUT M16X24/DCU180	ỐC VÍT M16X24/DCU180	18.700	10%
24390	TR00000072	SPRING 16/DCU180	VÒNG ĐỆM 16/DCU180	4.730	10%
24391	TR00000073	FLAT WASHER 17/DCU180	VÒNG ĐỆM 17/DCU180	4.730	10%
24392	UD00010231	STRAIN RELIEF GLAND M16/HB350	ÔNG NHỰA MỀM M16/HB350	215.244	8%
24393	UD00040025	PLUG B/HB350	ĐẦU NỐI DÂY DẦU/HB350	224.424	8%
24394	UD00040026	GLAND M16/HB350	ĐẦU NỐI DÂY DẦU/HB350	105.408	8%
24395	UD00050015	COCK/HB350	VAN CHÍNH LƯƠNG DẦU/HB350	228.960	8%
24396	UD0008D043	HANDLE 10X130/HB350	TRỤC TỶ TRUYỀN ĐỘNG 10X130/HB350	196.992	8%
24397	UD000EB002	KEY/HB350	KHOA MỖ/HB350	111.980	10%
24398	UD000M0041	PINION/HB350	BANH RĂNG NHỎ/HB350	1.611.900	8%
24399	UD000M0072	PINION END CAP (DEEP)/HB350	NÚT ĐÁY ONG ĐỆM BANH RĂNG NHỎ/HB350	550.440	10%
24400	UD000M0081	PINION BUSH/HB350	BẠC THAU/HB350	407.592	8%
24401	UD000M0101	RAIL/HB350	THANH RAY/HB350	494.640	8%
24402	UD000M0401	BRIDGE RECTIFIER/HB350	BO MẠCH/HB350	874.692	8%
24403	UD000M0441	PLATE/HB350	THANH ĐỆM/HB350	676.280	10%
24404	UD000M0443	CONDUIT LARGE 12MM/HB350	ÔNG DẪN DẦU/HB350	293.112	8%
24405	UD000M0831	RACK/HB350	THANH RAY/HB350	2.120.256	8%
24406	UD000M0841	HANDLE KNOB/HB350	TAY NÀM TĂNG CHÍNH ĐỘ CAO/HB350	105.408	8%
24407	UD000M1000	SLIDE/HB350	THANH TRƯỢT/HB350	2.944.512	8%
24408	UD000M1020	MAGNET BASE/HB350	NAM CHÂM ĐIỆN/HB350	9.753.696	8%
24409	UD000M1022	PANEL PLATE/HB350	TẤM ĐÓ CÔNG TÁC/HB350	1.176.876	8%
24410	UD000M1047	WARNING PLATE/HB350	NHÃN DAN/HB350	606.320	10%
24411	UD0010076C	OIL CUP RETAINING RING/HB350	VÒNG NÉP BÌNH CHỨA/HB350	177.320	10%
24412	UD0010085A	GRUB SCREW M5X25/HB350	CHÓT ĐỊNH VỊ/HB350	32.670	10%
24413	UD0010085B	NYLOC NUT M5/HB350	ỐC VÍT M5/HB350	18.700	10%
24414	UD0030046A	SMALL OILCUP C/W TAP (BLACK)/HB350	BÌNH CHỨA DẦU/HB350	659.448	8%
24415	UD00CABL04	POWER SUPPLY CORD EU/HB350	DÂY CÁP NGUỒN/HB350	673.164	8%
24416	UD00EBD001	BRUSH HOLDER ASSY/HB350	Ổ CHỐI THAN/HB350	242.784	8%
24417	UD00EBD002	CARBON BRUSH/HB350	CHỐI THAN/HB350	215.244	8%
24418	UD00EBD003	PAN HEAD SCREW M4X12/HB350	ỐC VÍT M4X12/HB350	18.700	10%
24419	UD00EBD004	WAVE WASHER 4/HB350	VÒNG ĐỆM 4/HB350	18.700	10%
24420	UD00EBD005	TAPPING SCREW 4.8X45/HB350	ỐC VÍT 4.8X45/HB350	46.640	10%
24421	UD00EBD009	TAPPING SCREW 3.9X60/HB350	ỐC VÍT 3.9X60/HB350	51.370	10%
24422	UD00EBD010	BAFFLE PLATE/HB350	NÁP CHÁN GIÓ/HB350	46.640	10%
24423	UD00EBD011	O-RING/HB350	VÒNG ĐỆM/HB350	37.400	10%
24424	UD00EBD012	INSULASION WASHER/HB350	MIẾNG ĐỆM/HB350	42.020	10%
24425	UD00EBD014	CIRCLIP/HB350	PHE GÀI/HB350	32.670	10%
24426	UD00EBD015	GEAR CASE COVER/HB350	NÁP HỘP NHÔNG/HB350	696.060	8%
24427	UD00EBD016	CIRCLIP/HB350	PHE GÀI/HB350	18.700	10%
24428	UD00EBD017	GASKET/HB350	MIẾNG ĐỆM/HB350	54.972	8%
24429	UD00EBD018	INTERNAL SHAFT ASSY/HB350	NHÔNG/HB350	751.032	8%
24430	UD00EBD019	SPINDLE GEAR/HB350	NHÔNG/HB350	403.056	8%
24431	UD00EBD021	GEAR CASE/HB350	VỎ HỘP NHÔNG/HB350	1.112.832	8%
24432	UD00EBD022	TAPPING SCREW 4.8X60/HB350	ỐC VÍT 4.8X60/HB350	46.640	10%
24433	UD00EBD026	COMPRESSION SPRING/HB350	LÒ XO/HB350	32.670	10%
24434	UD00EBD027	EJECTION PLUG/HB350	CHÓT LÒ XO/HB350	37.400	10%
24435	UD00EBD028	WASHER/HB350	MIẾNG ĐỆM BANG THÉP/HB350	23.320	10%
24436	UD00EBD029	RUBBER WASHER/HB350	MIẾNG ĐỆM/HB350	22.896	8%
24437	UD00EBD030	CIRCLIP/HB350	PHE GÀI BANG THÉP/HB350	18.700	10%
24438	UD00EBD031	TOOTHED LOCK WASHER 4/HB350	VÒNG ĐỆM 4/HB350	18.700	10%
24439	UD00EBD032	ROUND HEAD SCREW/HB350	ỐC VÍT/HB350	23.320	10%
24440	UD00EIB184	OIL SEAL/HB350	MIẾNG ĐỆM CHẶN DẦU/HB350	98.010	10%
24441	UD00EIB526	MOTOR HOUSING/HB350	VỎ MOTOR/HB350	764.748	8%
24442	UD00EIB527	REAR COVER/HB350	VỎ ĐUÔI MÁY/HB350	544.968	8%
24443	UD00EIB528	SPINDLE/HB350	TRỤC QUAY TRUYỀN ĐỘNG/HB350	3.887.784	8%
24444	UD00M0811A	BRACKET/HB350	TẤM CỐ ĐỊNH THANH RAY/HB350	657.690	10%
24445	UD00NCP002	SWITCH 230V/HB350	CÔNG TÁC 230V/HB350	489.996	8%
24446	UD00NCP006	SWITCH/HB350	CÔNG TÁC/HB350	398.412	8%
24447	UD00PL1889	MAKITA LOGO LABEL/HB350	NHÃN DAN/HB350	192.348	8%
24448	UD00UDC004	BALL BEARING 6003 2RS/HB350	BẠC ĐẠN 6003 2RS/HB350	228.960	8%
24449	UD00UDC019	BALL BEARING 6904 2RS/HB350	BẠC ĐẠN 6904 2RS/HB350	375.516	8%
24450	UD00UDC022	GROOVED BALL BEARING 608ZZ/HB350	BẠC ĐẠN 608ZZ/HB350	279.996	8%
24451	UD00UDC023	GROOVED BALL BEARING 6001ZZ/HB350	BẠC ĐẠN 6001ZZ/HB350	261.036	8%
24452	UD00VISO18	GUARD/HB350	TẤM NHỰA BẢO VỆ/HB350	2.555.280	8%
24453	UD0RD43118	CAPACITOR/HB350	TỤ ĐIỆN/HB350	132.840	8%
24454	UD0RD47179	O CLIP/HB350	ÔNG CỐ ĐỊNH ĐẦU NỐI/HB350	51.370	10%
24455	UD0SC46BUT	H.S. BUTTON HEAD BOLT M4X6/HB350	ỐC VÍT M4X6/HB350	23.320	10%
24456	UD0SC46CSK	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X6/HB350	ỐC VÍT M4X6/HB350	23.320	10%
24457	UD0SPWR-M4	TOOTHED LOCK WASHER 4/HB350	VÒNG ĐỆM 4/HB350	23.320	10%
24458	UDEBD008-B	FIELD 230V/HB350	STATO/HB350	1.048.680	8%
24459	UDEBD013-B	ARMATURE 230V/HB350	RO TO/HB350	2.065.284	8%
24460	UDM0001BLK	MAIN HOUSING/HB350	KHUNG MÁY/HB350	7.358.796	8%
24461	UDSC412CSK-B	COUNTERSUNK HEAD SCREW M4X12/HB350	ỐC VÍT M4X12/HB350	23.320	10%
24462	UDSC516CAP	HEX SOCKET HEAD BOLT M5X16/HB350	ỐC VÍT M5X16/HB350	23.320	10%
24463	UDSC616CAP	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X16/HB350	ỐC VÍT M6X16/HB350	23.320	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24464	UDSC625CAP	HEX SOCKET HEAD BOLT M6X25/HB350	ỐC VÍT M6X25/HB350	23.320	10%
24465	UDW18XCS11	FUSE HOLDER/HB350	VỎ BẢO VỆ CẦU CHỈ/HB350	433.840	10%
24466	UDW18XCS12	FUSE/HB350	CẦU CHỈ/HB350	32.076	8%
24467	UDW18XCS21	VARISTOR 20MM 275VRMS/HB350	TỤ ĐIỆN 20MM 275VRMS/HB350	210.708	8%
24468	W107400268	POWER CORD BS-1363/VC2000L	DÂY CÀM ĐIỆN/VC2000L	1.469.988	8%
24469	W107402646	KIT FILTER SUPPORT CAGE +FLOAT/VC2000L	BỘ LỌC HỒ TRỖ LÔNG/VC2000L	503.712	8%
24470	W107404540	SWITCH O-I/VC2000L	CÔNG TẮC/VC2000L	283.932	8%
24471	W107404542	CAPACITOR 0.1 MICRO FARAD/VC2000L	TỤ ĐIỆN/VC2000L	334.368	8%
24472	W107409125	CABLE OUTLET/VC2000L	Ổ CÀM CÁP/VC2000L	261.036	8%
24473	W107409127	P&C DRAIN HOUSING/VC2000L	Ổ P&C/VC2000L	215.244	8%
24474	W107409128	DEDUTING ROD/VC2000L	CHỐT XOAY/VC2000L	192.348	8%
24475	W107409129	DEDUSTING FLAP/VC2000L	TIẾP ĐIỂM/VC2000L	181.940	10%
24476	W107409130	KIT LOCKING CLAMP/VC2000L	NÁP ĐÁY/VC2000L	361.800	8%
24477	W107409132	CLAMPING PLATE/VC2000L	VỎ MÁY/VC2000L	957.096	8%
24478	W107409159	DEFLECTOR SHIELD/VC2000L	TẮM CHÂN/VC2000L	348.084	8%
24479	W107409160	MOTOR 220-240V 1000 W/VC2000L	DC MOTOR/VC2000L	2.083.536	8%
24480	W107409163	UPPER MOTOR SEALING/VC2000L	VÒNG ĐỆM TRÊN MOTOR/VC2000L	316.008	8%
24481	W107409164	LOWER MOTOR SEALING/VC2000L	VÒNG ĐỆM DƯỚI MOTOR/VC2000L	384.696	8%
24482	W107409165	SEALING FILTER/VC2000L	VÒNG ĐỆM/VC2000L	242.784	8%
24483	W107409166	BASE PLATE WITH AIR OUTLET/VC2000L	ĐỀ MÁY/VC2000L	1.776.816	8%
24484	W107409167	AIR OUTLET/VC2000L	VÒNG NHỰA THOÁT KHÍ/VC2000L	293.112	8%
24485	W107409169	INLET FITTING >VC2512L</VC2000L	MIẾNG ĐỆM GAI ĐẦU HÚT/VC2000L	389.232	8%
24486	W107409170	WHEEL D130/VC2000L	VÒNG ĐỆM/VC2000L	343.440	8%
24487	W107409183	DEDUSTING KNOB/VC2000L	MIẾNG ĐÁY/VC2000L	219.888	8%
24488	W107409981	HOSE AND CABLE HOOK/VC2000L	TẮM GIỮ THÙNG CHỨA BỤI/VC2000L	238.140	8%
24489	W107419618	COVER/VC2000L	NÁP ĐÁY TRÊN/VC2000L	1.433.376	8%
24490	W1406422500	KIT CASTOR WHEELS 50MM/VC2000L	BANH XE TRƯỚC/VC2000L	824.256	8%
24491	W302004029	SCREW 5X18TX20/VC2000L	ỐC VÍT 5X18TX20/VC2000L	144.650	10%
24492	W909100083	TORSION SPRING/VC2000L	LÒ XO/VC2000L	65.340	10%
24493	WJ00001673	RETAINING RING/EM4350UH	VÒNG GAI CHỮ C/EM4350UH	8.800	10%
24494	WJ00008282	INLET NEEDLE VALVE/DCS232T	KIM XĂNG/DCS232T	95.040	8%
24495	WJ00008995	BALL/EK7651H	BÍ SẮT/EK7651H	39.600	10%
24496	WJ00009589	PUMP DIAPHRAGM/EK7651H	MÀNG LỌC/EK7651H	51.840	8%
24497	WJ00009599	PUMP DIAPHRAGM/DCS232T	MÀNG BƠM XĂNG/DCS232T	56.160	8%
24498	WJ00014070	INLET SCREEN/BHX2500	LƯỚI LỌC BĂNG THÉP/BHX2500	17.600	10%
24499	WJ00014477	METERING LEVER PIN/EM3400U	CHỐT/EM3400U	17.600	10%
24500	WJ00014886	BUSHING 148-86/EK7651H	BẠC LÓT 148-86/EK7651H	8.800	10%
24501	WJ00014896	SPACER-THROTTLE LEVER/EK7651H	ÔNG ĐỆM/EK7651H	30.800	10%
24502	WJ00015631	THROTTLE SHAFT SEAL/EK7651H	VÁN /EK7651H	103.680	8%
24503	WJ00016104	O RING/EM3400U	MIẾNG ĐỆM/EM3400U	21.600	8%
24504	WJ00016105	O RING/EB5300	VÒNG ĐỆM/EB5300	21.600	8%
24505	WJ00016648	LEVER/EM3400U	THÀNH NHỊP XĂNG/EM3400U	25.920	8%
24506	WJ00021158	METERING DIAPHRAGM COVER/DCS232T	NÁP BẢO VỆ BỘ CHẾ HÒA KHÍ/DCS232T	4.400	10%
24507	WJ00025162	LIMITER CAP/EK7651H	NÁP CHỤP/EK7651H	26.400	10%
24508	WJ00034839	THROTTLE VALVE ASSY/EB7660TH	VÁN TIẾT LƯU BĂNG NHỰA/EB7660TH	272.160	8%
24509	WJ00052903	PUMP BODY ASSY/DCS232T	THÂN BƠM/DCS232T	21.600	8%
24510	WJ00059242	PUMP BODY ASSY/EB5300	THÂN BƠM CHẾ HÒA KHÍ/EB5300	293.760	8%
24511	WJ00088119	PLUG CAP/EK7651H	VÁN CHẶN/EK7651H	12.960	8%
24512	WJ00088229	CUP PLUG/EK7651H	NÁP ĐÁY/EK7651H	8.800	10%
24513	WJ00088271	PLUG-WELCH/EA3201S	KIM XĂNG/EA3201S	4.320	8%
24514	WJ00092225	GASKET-PUMP/EK7651H	MÀNG LỌC/EK7651H	30.240	8%
24515	WJ00095586	DIAPHRAGM ASSY/DCS232T	MIẾNG ĐỆM NHỊP XĂNG/DCS232T	142.560	8%
24516	WJ00095613	DIAPHRAGM ASSEMBLY-METERING/EA3201S	MIẾNG ĐỆM NHỊP XĂNG/EA3201S	11.880	8%
24517	WJ00096166	SCREW/EM4350UH	ỐC VÍT/EM4350UH	26.400	10%
24518	WJ00096325	SCREW 6X10/EB5300	ỐC VÍT 6X10/EB5300	30.800	10%
24519	WJ00096368	IDLE ADJUST SCREW/EK7651H	ỐC ĐIỀU CHỈNH/EK7651H	39.600	10%
24520	WJ00096424	SCREW/EM3400U	ỐC VÍT/EM3400U	22.000	10%
24521	WJ00096475	SCREW/EK7651H	ỐC VÍT/EK7651H	13.200	10%
24522	WJ00096589	SCREW ASSEMBLY/EK7651H	ỐC VÍT/EK7651H	22.000	10%
24523	WJ00098217	SPRING/EK7651H	LÒ XO/EK7651H	17.600	10%
24524	WJ00098356	SPRING/EA3201S	LÒ XO/EA3201S	13.200	10%
24525	WJ00098404	SPRING/EB5300	LÒ XO/EB5300	22.000	10%
24526	WJ00098494	SPRING/EM4350UH	LÒ XO/EM4350UH	22.000	10%
24527	WJ00112245	JET/DCS232T	VỎI PHUN /DCS232T	9.720	8%
24528	WJ00112288	JET/EM3400U	CHỐT GIỮ (ĐINH VỊ)/EM3400U	57.200	10%
24529	WJ00136152	WASHER/EB5300	VÒNG ĐỆM/EB5300	17.600	10%
24530	WJ00136194	WASHER/EK7651H	VÒNG ĐỆM/EK7651H	22.000	10%
24531	WJ00136231	WASHER/EK7651H	VÒNG ĐỆM/EK7651H	8.800	10%
24532	WJ00148542	SLEEVE-CHOKE/EK7651H	ÔNG ĐỆM/EK7651H	61.600	10%
24533	WJ00148545	BUSHING/EK7651H	BẠC LÓT/EK7651H	74.800	10%
24534	WJ00160580	PISTON ASSEMBLY ACCELERATOR/EK7651H	PISTON CHẾ/EK7651H	99.360	8%
24535	WJ00183498	THROTTLE LEVER/EK7651H	VÁN TIẾT LƯU/EK7651H	60.480	8%
24536	WJ00224210	SHAFT ASSEMBLY-CHOKE/EK7651H	TRỤC ĐIỀU CHỈNH VÁN TIẾT LƯU/EK7651H	203.040	8%
24537	WJ00224273	SHAFT ASSEMBLY-THROTTLE/EK7651H	TRỤC ĐIỀU CHỈNH VÁN TIẾT LƯU/EK7651H	181.440	8%
24538	WJ00343480	CHOKE VALVE/EK7651H	MIẾNG CHẶN/EK7651H	44.000	10%
24539	WJ00343753	THROTTLE VALVE ASSY/EB5300	VÁN LẬP VAO BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EB5300	427.680	8%
24540	WJ00963279	DIAPHRAGM ASSEMBLY/EM2550UH	MIẾNG NHỊP XĂNG/EM2550UH	13.200	10%
24541	WJ00983160	SPRING/EM3400U	LÒ XO/EM3400U	22.000	10%
24542	WJ00983707	SPRING/EK7651H	LÒ XO/EK7651H	74.800	10%
24543	WJ01023103	NEEDLE-HIGH SPEED/EB7660TH	ỐC VÍT ĐIỀU CHỈNH/EB7660TH	15.400	10%
24544	WJ01023343	NEEDLE/EK7651H	ỐC ĐIỀU CHỈNH/EK7651H	92.400	10%
24545	WJ01023345	HIGH SPEED NEEDLE/EM4350UH	ỐC CHỈNH GA/EM4350UH	102.630	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24546	WJ01023347	NEEDLE/EK7651H	ỐC ĐIỀU CHỈNH/EK7651H	114.400	10%
24547	WJ01023908	NEEDLE-IDLE/EA3201S	ỐC ĐIỀU CHỈNH XĂNG/EA3201S	127.600	10%
24548	WJ01024001	NEEDLE-HIGH SPEED/EA3201S	ỐC ĐIỀU CHỈNH GIÒ/EA3201S	61.600	10%
24549	WL00000087	COMPRESSOR INPUT WIRE/CW001G	DÂY NỐI MẠCH/CW001G	74.690	10%
24550	WL00000088	BATTERY COVER/CW001G	NÁP ĐẠY PIN/CW001G	146.556	8%
24551	WL00000092	CONTROL FILM/CW001G	NHÂN DAN/CW001G	27.540	8%
24552	WL00000093	SWITCH PANEL/CW001G	BẢNG CÔNG TẮC/CW001G	9.180	8%
24553	WL00000094	XGT LABEL/CW001G	LOGO XGT/CW001G	4.644	8%
24554	WL00000095	CONTROL PANEL/CW001G	BẢNG ĐIỀU KHIỂN/CW001G	41.256	8%
24555	WL00000096	CONTROL PCB/CW001G	BO MẠCH/CW001G	1.753.920	8%
24556	WL00000097	LIGHT BOARD ASSY/CW001G	ĐÈN BẢO TÍN HIỆU/CW001G	132.840	8%
24557	WL00000098	SCREWS ST3X8/CW001G	ỐC VÍT 3X8/CW001G	4.730	10%
24558	WL00000099	BATTERY TERMINAL/CW001G	ĐỀ GÁI PIN/CW001G	114.480	8%
24559	WL00000100	LEAD WIRE/CW001G	DÂY NỐI MẠCH/CW001G	60.720	10%
24560	WL00000101	BATTERY TERMINAL COVER/CW001G	NÁP CHỤP ĐỀ GÁI PIN/CW001G	32.076	8%
24561	WL00000102	USB PCB/CW001G	MẠCH USB/CW001G	270.216	8%
24562	WL00000103	FAN (AIR OUTLET)/CW001G	QUẠT LAM MÁT/CW001G	554.148	8%
24563	WL00000104	SCREWS M4X30/CW001G	ỐC VÍT M4X30/CW001G	4.730	10%
24564	WL00000105	WHEEL COVER/CW001G	NÁP CHỤP BÁNH XE/CW001G	27.540	8%
24565	WL00000106	LEFT WHEEL COVER BLUE/CW001G	NÁP CHỤP TRÁI(XANH)/CW001G	27.540	8%
24566	WL00000107	RIGHT WHEEL COVER BLUE/CW001G	NÁP CHỤP PHẢI(XANH)/CW001G	27.540	8%
24567	WL00000108	POWER PCB/CW001G	BO MẠCH NGUỒN/CW001G	2.463.696	8%
24568	WL00000109	REAR COVER ASSY(BLUE)/CW001G	NÁP CHỤP SAU(XANH)/CW001G	306.828	8%
24569	WL00000111	DC IN COVER/CW001G	NÁP CHỤP NGUỒN DC/CW001G	13.824	8%
24570	WL00000112	DUST PROOF COVER BLUE/CW001G	NÁP CHỤP BỤI(XANH)/CW001G	32.076	8%
24571	WL00000173	CONTROLLING PCB WIRE/CW003G	DÂY NỐI BO MẠCH/CW003G	32.670	10%
24572	WL00000174	COMPRESSOR PCB WIRE/CW003G	DÂY NỐI BO MẠCH/CW003G	32.670	10%
24573	WL00000175	COMPRESSOR INPUT WIRE/CW003G	DÂY NỐI BO MẠCH/CW003G	111.980	10%
24574	WL00000176	BATTERY COVER ASSY/CW003G	NÁP CHỤP BẢO VỆ PIN/CW003G	142.020	8%
24575	WL00000178	HEX. SOCKET HEAD SCREW/CW003G	ỐC VÍT/CW003G	14.080	10%
24576	WL00000179	SLEEVE/CW003G	LONG ĐÈN/CW003G	9.180	8%
24577	WL00000180	CARRY HANDLE/CW003G	TAY CẦM/CW003G	137.376	8%
24578	WL00000181	SILICONE RING/CW003G	VÒNG ĐÈM CAO SU/CW003G	4.644	8%
24579	WL00000192	LIGHT BOARD ASSY/CW003G	MẠCH ĐÈN LED/CW003G	123.660	8%
24580	WL00000193	CONTROL PCB/CW003G	BO MẠCH/CW003G	1.058.400	8%
24581	WL00000194	MAGNETIC SWITCH WITH CABLE/CW003G	CÔNG TẮC TỪ/CW003G	73.332	8%
24582	WL00000195	BATTERY TERMINAL COVER/CW003G	NÁP ĐỀ GÁI PIN/CW003G	27.540	8%
24583	WL00000196	BATTERY TERMINAL/CW003G	ĐỀ GÁI PIN/CW003G	206.064	8%
24584	WL00000197	LEAD UNIT A/CW003G	DÂY NỐI A/CW003G	32.076	8%
24585	WL00000198	BATTERY BOX/CW003G	HỘP CHỨA PIN/CW003G	100.764	8%
24586	WL00000199	LEAD UNIT B/CW003G	DÂY NỐI B/CW003G	87.048	8%
24587	WL00000200	BATTERY TERMINAL COVER/CW003G	NÁP ĐỀ GÁI PIN/CW003G	18.360	8%
24588	WL00000201	POWER PCB/CW003G	BO MẠCH NGUỒN/CW003G	2.504.844	8%
24589	WL00000202	PCB BOX/CW003G	HỘP CHỨA BO MẠCH/CW003G	59.616	8%
24590	WL00000203	COMPRESS POWER PCB/CW003G	BO MẠCH NÉN ÁP/CW003G	1.685.232	8%
24591	WL00000204	FOOT PAD/CW003G	CHÂN ĐÈM ĐỀ/CW003G	13.824	8%
24592	WL00000205	PAN HEAD SCREWS M4X10/CW003G	ỐC VÍT M4X10/CW003G	4.730	10%
24593	WL00000206	FOOT/CW003G	CHÂN ĐỀ/CW003G	27.540	8%
24594	WL00000210	FILTER SPONGE/CW003G	MÚT CHÔNG BỤI/CW003G	4.644	8%
24595	WL00000212	REAR COVER ASSY(BLUE)/CW003G	NÁP CHỤP/CW003G	329.724	8%
24596	WL00000213	DUST PROOF COVER (BLUE)/CW003G	NÁP CHÂN BỤI/CW003G	22.896	8%
24597	WL00000331	POWER CONNECTION WIRE/CW003G	DÂY NỐI/CW003G	155.736	8%
24598	WL00000332	TOP COVER ASSY/CW003G	NÁP CHỤP TRÊN/CW003G	462.564	8%
24599	WL00000333	PANEL ASSEMBLY/CW003G	TÀM BANER HIỂN THỊ/CW003G	100.764	8%
24600	WL00000334	START BUTTON/MW001G	NÚT NHẤN KHỞI ĐỘNG/MW001G	45.792	8%
24601	WL00000335	KNOB/MW001G	VỎ NÚT VÁN/MW001G	18.360	8%
24602	WL00000336	CONTROL PANEL ASSY/MW001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BẢNG HIỂN THỊ/MW001G	439.668	8%
24603	WL00000340	CONTROL BOARD ASSY/MW001G	BO MẠCH/MW001G	1.905.012	8%
24604	WL00000342	SCREW ST3X6/MW001G	ĐINH VÍT ST3X6/MW001G	4.730	10%
24605	WL00000343	SCREW CT4X6/MW001G	ĐINH VÍT CT4X6/MW001G	4.730	10%
24606	WL00000345	SCREW 4X8/MW001G	ĐINH VÍT 4X8/MW001G	4.730	10%
24607	WL00000356	FILTER BRAKECT ASSY/MW001G	TÀM LỌC GIÓ BĂNG THÉP/MW001G	321.860	10%
24608	WL00000357	SPONGE/MW001G	MIẾNG LỌC GIÓ/MW001G	9.180	8%
24609	WL00000358	VENT GRILLE ASSY/MW001G	BỘ LỌC KHÍ/MW001G	448.848	8%
24610	WL00000361	USB COVER/MW001G	MIẾNG ĐẠY CÔNG USB/MW001G	27.540	8%
24611	WL00000362	USB PCB ASSY/MW001G	BO MẠCH USB/MW001G	224.424	8%
24612	WL00000363	LEAD UNIT USB/MW001G	DÂY DẪN ĐIỆN USB/MW001G	82.512	8%
24613	WL00000364	SCREW CT4X8/MW001G	ĐINH VÍT CT4X8/MW001G	4.730	10%
24614	WL00000365	LOWER SHIELD ASSY/MW001G	VỎ BẢO VỆ DƯỚI/MW001G	206.064	8%
24615	WL00000367	INVERTER BRACKET/MW001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BO MẠCH/MW001G	261.036	8%
24616	WL00000368	PCB BOARD/MW001G	BO MẠCH/MW001G	2.358.288	8%
24617	WL00000369	POWER BOARD/MW001G	BO MẠCH/MW001G	21.939.012	8%
24618	WL00000370	MAIN HARNESS/MW001G	DÂY DẪN ĐIỆN/MW001G	572.400	8%
24619	WL00000371	SCREW CT4X5/MW001G	ĐINH VÍT CT4X5/MW001G	4.730	10%
24620	WL00000372	POWER CORD (WHITE)/MW001G	DÂY CÁP ĐIỆN(MÀU TRẮNG)/MW001G	169.452	8%
24621	WL00000373	POWER CORD (BLACK)/MW001G	DÂY CÁP ĐIỆN(MÀU ĐEN)/MW001G	169.452	8%
24622	WL00000374	POWER CORD (RED)/MW001G	DÂY CÁP ĐIỆN(MÀU ĐỎ)/MW001G	265.680	8%
24623	WL00000375	BOTTOM COVER ASSY/MW001G	VỎ MÁY DƯỚI/MW001G	993.708	8%
24624	WL00000377	LATCH BRACKET/MW001G	GÁ ĐỖ CÔNG TẮC/MW001G	41.256	8%
24625	WL00000378	MICROSWITCH A/MW001G	CÔNG TẮC A/MW001G	45.792	8%
24626	WL00000379	MICROSWITCH B/MW001G	CÔNG TẮC B/MW001G	45.792	8%
24627	WL00000380	LATCH LEVER/MW001G	CÁN GẠT CÔNG TẮC/MW001G	9.180	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24628	WL00000381	LEAD UNIT LATCH ASS'Y/MW001G	DÂY DẪN ĐIỆN/MW001G	183.168	8%
24629	WL00000382	MAGNETRON/MW001G	BÓNG CAO TẦN LỎ VI SÓNG/MW001G	2.344.572	8%
24630	WL00000383	THERMOSTAT/MW001G	RƠ LÊ NHIỆT/MW001G	22.896	8%
24631	WL00000384	SCREW CB4X8/MW001G	ĐINH VÍT CB4X8/MW001G	4.730	10%
24632	WL00000385	RIGHT COVER ASS'Y/MW001G	VỎ MÁY BÊN PHẢI/MW001G	329.724	8%
24633	WL00000387	UPPER COVER R/MW001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ TRÊN/MW001G	77.868	8%
24634	WL00000388	RIGHT SHIELD ASS'Y/MW001G	MIẾNG NHỰA CHÂN BẢO VỆ BÊN PHẢI/MW001G	206.064	8%
24635	WL00000391	FAN MOTOR/MW001G	QUẠT LẠM MÁT/MW001G	842.616	8%
24636	WL00000392	SCREW CT5X16/MW001G	ĐINH VÍT CT5X16/MW001G	4.730	10%
24637	WL00000393	SCREW ST4X12/MW001G	ĐINH VÍT ST4X12/MW001G	4.730	10%
24638	WL00000394	WIRE HOLDER/MW001G	GÁ ĐỖ DÂY DẪN ĐIỆN/MW001G	13.824	8%
24639	WL00000395	THERMOSTAT/MW001G	RƠ LÊ NHIỆT/MW001G	32.076	8%
24640	WL00000396	CAVITY ASS'Y/MW001G	THÂN MÁY/MW001G	2.175.120	8%
24641	WL00000397	LAMP COVER/MW001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ LED/MW001G	4.644	8%
24642	WL00000398	LEFT SHIELD ASS'Y/MW001G	MIẾNG NHỰA CHÂN BẢO VỆ BÊN TRÁI/MW001G	206.064	8%
24643	WL00000400	LEFT COVER/MW001G	VỎ MÁY BÊN TRÁI/MW001G	325.188	8%
24644	WL00000401	UPPER COVER L/MW001G	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ TRÊN BÊN TRÁI/MW001G	77.868	8%
24645	WL00000402	RAISER HANDLE/MW001G	TAY CAM/MW001G	384.696	8%
24646	WL00000403	HANDLE SUPPORT/MW001G	VỎ MÁY TRÊN/MW001G	558.684	8%
24647	WL00000404	HANDLE WASHER/MW001G	VÒNG ĐỆM/MW001G	22.896	8%
24648	WL00000405	SCREW ST6X22/MW001G	ĐINH VÍT ST6X22/MW001G	9.350	10%
24649	WL00000406	LAMP BRACKET/MW001G	GÁ ĐỖ ĐÈN/MW001G	18.360	8%
24650	WL00000407	LAMP BOARD/MW001G	ĐÈN BẢO LED/MW001G	228.960	8%
24651	WL00000408	MAIN HARNESS FOR LAMP/MW001G	DÂY DẪN ĐIỆN/MW001G	22.896	8%
24652	WL00000409	SCREW CT4X10/MW001G	ĐINH VÍT CT4X10/MW001G	4.730	10%
24653	WL00000410	NUT M4/MW001G	ĐAI ỐC M4/MW001G	4.730	10%
24654	WL00000412	BACK COVER ASS'Y/MW001G	VỎ LƯNG MÁY /MW001G	604.476	8%
24655	WL00000413	MAIN HARNESS FOR COMMUNICATION/MW001G	DÂY DẪN ĐIỆN/MW001G	77.868	8%
24656	WL00000414	BATTERY SOCKET ASS'Y(BLACK)/MW001G	ĐÈ GÁI PIN(MAU ĐEN)/MW001G	435.024	8%
24657	WL00000415	BATTERY SOCKET ASS'Y(WHITE)/MW001G	ĐÈ GÁI PIN(MAU TRẮNG)/MW001G	435.024	8%
24658	WL00000419	WASHER 4.3X9X1.0/MW001G	VÒNG ĐỆM 4.3X9X1.0/MW001G	4.730	10%
24659	WL00000420	DOOR ASS'Y/MW001G	CỬA CHÍNH/MW001G	998.352	8%
24660	XMR0121179	CORN ROD/EVH2000	KHỚP NỐI/EVH2000	1.152.800	10%
24661	XNR0000052	BALL BEARING #6001ZZ/KR401MP	BẠC ĐẠN 6001ZZ/KR401MP	82.080	8%
24662	XNR0000309	FLEXIBLE SHAFT/EBH340R	THÀNH TRỤC TY/EBH340R	315.360	8%
24663	XNR0000043	COVER SLEEVE/KR401MP	ỐNG LỐT/KR401MP	123.200	10%
24664	XNR00000487	GUARD CLAMP B/KR401MP	VÒNG KẸP B/KR401MP	39.600	10%
24665	XNR00000515	ROTARY COVER/KR401MP	TẮM CHẴN/KR401MP	663.984	8%
24666	XNR00000516	HARD LOCK NUT RIM/KR401MP	CON TÁN M6/KR401MP	39.600	10%
24667	XNR00000517	H.L.SOCKET HEAD BOLT M6X45/KR401MP	ỐC VÍT M6X45/KR401MP	30.800	10%
24668	XNR00000518	COVER HOLDER A/KR401MP	VÒNG KẸP A/KR401MP	48.400	10%
24669	XNR00000519	COLLAR/KR401MP	ỐNG LỐT/KR401MP	140.800	10%
24670	XNR00000520	BALL BEARING 6301LL/KR401MP	BẠC ĐẠN 6301LL/KR401MP	114.480	8%
24671	XNR00000521	WORM COMPLETE/KR401MP	NHÔNG NHỎ/KR401MP	453.600	8%
24672	XNR00000522	PLUG/KR401MP	NÚT KHÓA/KR401MP	56.160	8%
24673	XNR00000525	WHEEL COMPLETE/KR401MP	NHÔNG LỚN/KR401MP	1.209.600	8%
24674	XNR00000527	H.L.SOCKET HEAD BOLT M6X20/KR401MP	ỐC VÍT M6X20/KR401MP	13.200	10%
24675	XNR00000528	H.L.SOCKET HEAD BOLT M5X10/KR401MP	ỐC VÍT M5X10/KR401MP	8.800	10%
24676	XNR00000529	H.L.SOCKET HEAD BOLT M5X15/KR401MP	ỐC VÍT M5X15/KR401MP	8.800	10%
24677	XNR00000530	R PIN/KR401MP	CHÓT R/KR401MP	8.800	10%
24678	XNR00000531	PIN/KR401MP	CHÓT/KR401MP	17.600	10%
24679	XNR00000533	H.L.SOCKET HEAD BOLT M6X10/KR401MP	ỐC VÍT M6X10/KR401MP	8.800	10%
24680	XNR00000534	HUB/KR401MP	KHỚP GÁN LƯỚI XÔI/KR401MP	366.336	8%
24681	XNR00000536	WORM CASE A COMPL/KR401MP	HỘP NHÔNG A/KR401MP	536.800	10%
24682	XNR00000537	WORM CASE B COMPL/KR401MP	HỘP NHÔNG B/KR401MP	536.800	10%
24683	XNR00000541	COVER SLEEVE/SW400MP	KẸP ỚNG/SW400MP	84.040	10%
24684	XNR00000542	SQUARE NUT/SW400MP	ỐC VUÔNG/SW400MP	14.080	10%
24685	XNR00000543	FLAT WASHER 6/SW400MP	VÒNG ĐỆM 6/SW400MP	4.730	10%
24686	XNR00000544	WHEEL COMPLETE/SW400MP	TRỤC BÀNH XE/SW400MP	1.346.328	8%
24687	XNR00000545	R PIN/SW400MP	CHÓT R/SW400MP	14.080	10%
24688	XNR00000546	L PIN/SW400MP	CHÓT L/SW400MP	32.670	10%
24689	XNR00000547	AXLE SHAFT/SW400MP	TRỤC NỐI/SW400MP	398.412	8%
24690	XNR00000548	BRUSH COMPLETE/BR400MP	CHỔI QUÉT/BR400MP	4.428.108	8%
24691	XNR00000554	FRONT CAP/UB400MP	NÁP TRƯỚC/UB400MP	210.708	8%
24692	XNR00000555	HOUSING A/UB400MP	VỎ MÁY A/UB400MP	554.148	8%
24693	XNR00000556	HOUSING B/UB400MP	VỎ MÁY B/UB400MP	563.328	8%
24694	XNR00000557	HOUSING C/UB400MP	VỎ MÁY C/UB400MP	590.760	8%
24695	XNR00000558	REAR COVER/UB400MP	ĐUÔI CHỤP/UB400MP	540.432	8%
24696	XNR00000559	FAN/UB400MP	CÁN QUẠT/UB400MP	279.396	8%
24697	XNR00000560	FAN SHAFT/UB400MP	CÁN QUẠT/UB400MP	377.850	10%
24698	XNR00000561	SPACER/UB400MP	MIẾNG ĐỆM/UB400MP	32.076	8%
24699	XNR00000562	WASHER/UB400MP	VÒNG ĐỆM/UB400MP	4.730	10%
24700	XNR00000563	BALL BEARING 6000LL/UB400MP	BẠC ĐẠN 6000LL/UB400MP	91.584	8%
24701	XNR00000564	RETAINING RING S10/UB400MP	PHE GÀI S10/UB400MP	4.730	10%
24702	XNR00000565	MAKITA LOGO PLATE/UB400MP	NHÂN DÁN/UB400MP	270.216	8%
24703	XNR00000566	TAPPING SCREW 5X16/UB400MP	ỐC VÍT 5X16/UB400MP	14.080	10%
24704	XNR00000567	COLLAR/UB400MP	VÒNG ĐỆM/UB400MP	65.340	10%
24705	XNR00000569	COLLAR/UB401MP	ỐNG LỐT/UB401MP	69.960	10%
24706	XTM00000001	GEAR CASE A/EY2650H	HỘP NHÔNG/EY2650H	673.920	8%
24707	XTM00000002	BALL BEARING 608/EY2650H	BẠC ĐẠN 608/EY2650H	60.480	8%
24708	XTM00000004	BEVEL GEAR SET/EY2650H	NHÔNG LỚN/EY2650H	747.360	8%
24709	XTM00000005	WORM WHEEL/EY2650H	NHÔNG NHỎ/EY2650H	185.760	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24710	XTM0000006	BALL BEARING 609/EY2650H	BẠC ĐẠN 609/EY2650H	60.480	8%
24711	XTM0000007	BALL BEARING 609Z/EY2650H	BẠC ĐẠN 609Z/EY2650H	69.120	8%
24712	XTM0000009	SEAL/EY2650H	VÒNG ĐỆM CAO SU/EY2650H	2.160	8%
24713	XTM0000010	OIL PIPE ASSY/EY2650H	ỐNG DẦU/EY2650H	185.760	8%
24714	XTM0000011	HB BOLT 6X8/EY2650H	ỐC VÍT M6X8/EY2650H	2.200	10%
24715	XTM0000013	BALL BEARING 6001DDW/EY2650H	BẠC ĐẠN 6001DDW/EY2650H	142.560	8%
24716	XTM0000015	SPEOCKET WASHER/EY2650H	LAM/EY2650H	73.440	8%
24717	XTM0000019	OIL TANK ASSY/EY2650H	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU/EY2650H	198.720	8%
24718	XTM0000021	H.S.H.BOLT M5X12SW/EY2650H	ỐC VÍT M5X12/EY2650H	2.200	10%
24719	XTM0000022	CHAIN COVER/EY2650H	NÁP CỬA XÍCH/EY2650H	142.560	8%
24720	XTM0000023	FLANGE NUT M6/EY2650H	ỐC VÍT M6/EY2650H	13.200	10%
24721	XTM0000024	GEAR SHAFT/EY2650H	TRỤC BÀNH RĂNG/EY2650H	336.960	8%
24722	XTM0000025	OIL PUMP/EY2650H	BƠM NHIÊN LIỆU/EY2650H	324.000	8%
24723	XTM0000027	GEAR CASE B/EY2650H	NÁP HỘP NHÔNG/EY2650H	38.880	8%
24724	XTM0000028	BEVEL GEAR SET/EY2650H	NHÔNG LỚN/EY2650H	453.600	8%
24725	XTM0000029	GEAR CASE A/EY2650H	CỤM ĐẦU NHÔNG/EY2650H	488.160	8%
24726	XTM0000030	GEAR SHAFT/EY2650H25H	TRỤC QUAY/EY2650H25H	336.960	8%
24727	XTM0000031	SPROCKET WASHER/EY2650H25H	TẮM ĐỆM/EY2650H25H	52.800	10%
24728	XTM0000032	E RING/EY2650H25H	VÒNG E/EY2650H25H	17.600	10%
24729	XTM0000033	PUMP ASSY/PF400MP	ĐẦU BƠM NƯỚC/PF400MP	4.061.772	8%
24730	XTM0000034	PIPE JOINT ASSY/PF400MP	ĐẦU NỐI ỐNG CÁN/PF400MP	2.387.990	10%
24731	XTM0000035	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X25/PF400MP	BU LÔNG M5X25/PF400MP	98.010	10%
24732	XTM0000036	O-RING/PF400MP	VÒNG ĐỆM/PF400MP	114.480	8%
24733	XTM0000037	FLANGE HEX. SOCKET HEAD BOLT M/PF400MP	BU LÔNG M5X12/PF400MP	107.360	10%
24734	XTM0000038	CASING COVER/PF400MP	MIẾNG CHỤP TRÊN ĐẦU BƠM/PF400MP	760.320	10%
24735	XTM0000039	FLAT WASHER/PF400MP	VÒNG ĐỆM/PF400MP	93.280	10%
24736	XTM0000040	IMPELLER/PF400MP	CÁNH QUẠT CUA CÁN NỒI/PF400MP	393.876	8%
24737	XTM0000041	LOWER CASING ASSY/PF400MP	MIẾNG ỚP DƯỚI ĐẦU BƠM/PF400MP	667.040	10%
24738	XTM0000044	CASING PACKING/PF400MP	MIẾNG ĐỆM/PF400MP	155.736	8%
24739	XTM0000045	FLANGE HEX. HEAD BOLT M5X12/PF400MP	BU LÔNG MM5X12/PF400MP	88.660	10%
24740	XTM0000046	FLANGE HEX. HEAD BOLT M4X14/PF400MP	BU LÔNG MM4X14/PF400MP	88.660	10%
24741	XTM0000047	STRAINER/PF400MP	LƯỚI LỌC/PF400MP	195.910	10%
24742	XTM0000048	BINDING HEAD SCREW M3X8/PF400MP	BU LÔNG M3X8/PF400MP	125.950	10%
24743	XTM0000049	HOSE NUT/PF400MP	VÀNH ĐỆM VẮN ỐNG/PF400MP	132.840	8%
24744	XTM0000050	HOSE COUPLING/PF400MP	ĐẦU NỐI ỐNG RA NƯỚC/PF400MP	105.048	8%
24745	XTM0000051	PACKING/PF400MP	MIẾNG ĐỆM/PF400MP	151.200	8%
24746	XTM0000053	FLEXIBLE SHAFT ASSY/PF400MP	TRỤC TỶ TRUYỀN ĐỘNG/PF400MP	1.497.420	8%
24747	XTM0000054	PUSH NUT/PF400MP	VÒNG ĐỆM/PF400MP	28.050	10%
24748	XTM0000055	FELT/PF400MP	VÒNG ĐỆM CHÔNG THÂM/PF400MP	82.512	8%
24749	XTM0000056	LEAF SPRING/PF400MP	LÒ XO LA/PF400MP	84.040	10%
24750	XTM0000057	CAP/PF400MP	NÚT NHỰA ĐÁY ĐẦU CÁN NỒI/PF400MP	64.152	8%
24751	XTM0000058	HOSE BAND/PF400MP	VÒNG SIẾT CỎ ỐNG/PF400MP	102.630	10%
24752	XTM0000062	PIPE ASSY B/PF400MP	ỐNG CÁN B/PF400MP	3.232.240	10%
24753	XTM0000067	DATE CODE LABEL/PF400MP	NHÃN DÁN IN THÔNG TIN NGÀY THÁNG/PF400MP	224.424	8%
24754	YA00000398	SUNK SCREW 5X14/ELM4120	ỐC VÍT 5X14/ELM4120	23.320	10%
24755	YA00000420	WASHER/ELM4120	VÒNG ĐỆM/ELM4120	22.000	10%
24756	YA00000627	SELF-LOCKING NUTS M6/ELM4120	ĐAI ỐC M6/ELM4120	4.400	10%
24757	YA00000737	TORSION SPRING/ELM4120	LÒ XO/ELM4120	17.600	10%
24758	YA00000765	SWITCH BOX RIGHT/ELM4120	HỘP CÔNG TÁC BÊN PHẢI/ELM4120	30.240	8%
24759	YA00000766	SWITCH LINK BUTTON/ELM4120	VÒNG GAI CÔNG TÁC/ELM4120	12.960	8%
24760	YA00000767	COMPRESSION SPRING 16.8/ELM4120	LÒ XO 16.8/ELM4120	8.800	10%
24761	YA00000768	SWITCH LEVER END CAP RIGHT/ELM4120	CÁN GẠT CÔNG TÁC/ELM4120	17.280	8%
24762	YA00000769	SWITCH TORSION SPRING 21/ELM4120	LÒ XO GAI TRONG CÔNG TÁC 21/ELM4120	8.800	10%
24763	YA00000772	SWITCH/ELM4120	CÔNG TÁC/ELM4120	60.480	8%
24764	YA00000773	POWER SUPPLY CORD ASSY (EURO)/ELM4120	DÂY NGUỒN/ELM4120	259.200	8%
24765	YA00000778	SELF TAPPING SCREW ST4X16/ELM4120	ỐC VÍT ST4X16/ELM4120	8.800	10%
24766	YA00000780	CORD CLAMP/ELM4120	Nẹp GIỮ DÂY ĐIỆN/ELM4120	8.640	8%
24767	YA00000781	INDICATOR LENZ/ELM4120	MIẾNG NHỰA CHỤP BÓNG ĐÈN/ELM4120	12.960	8%
24768	YA00000782	SWITCH BOX LEFT/ELM4120	HỘP CÔNG TÁC BÊN TRÁI/ELM4120	34.560	8%
24769	YA00000785	SELF TAPPING SCREW ST4X25/ELM4120	ỐC VÍT ST4X25/ELM4120	8.800	10%
24770	YA00000791	GRASS CATCHER INDICATOR BLUE/ELM4120/ELM3320	MIẾNG NHỰA HIỂN THỊ MỨC CỎ TRONG TÚI ĐU/N/ELM332	12.960	8%
24771	YA00000794	SELF TAPPING SCREW ST4X14/ELM4120	ỐC VÍT ST4X14/ELM4120	8.800	10%
24772	YA00000795	GRIP/ELM4120	TAY NÀM/ELM4120	25.920	8%
24773	YA00000796	WASHER 4/ELM4120	MIẾNG ĐỆM 4/ELM4120	8.800	10%
24774	YA00000798	SPANNER 10-13/ELM4120	THANH VÁN ĐAI ỐC 10-13/ELM4120	34.560	8%
24775	YA00000802	HEX.FRANGE CAP NUT M6/ELM4120	ỐC VÍT M6/ELM4120	9.350	10%
24776	YA00000803	KNOB M8/ELM4120	TAY NÀM M8/ELM4120	21.600	8%
24777	YA00000806	SELF TAPPING SCREW ST5X20/ELM4120	ỐC VÍT ST5X20/ELM4120	9.350	10%
24778	YA00000807	HEX BOLT M8X65/ELM4120	ỐC M8X65/ELM4120	17.600	10%
24779	YA00000811	AXLE RETAINER/ELM4120	MIẾNG ĐỆM/ELM4120	12.960	8%
24780	YA00000813	SELF TAPPING SCREW ST4X10/ELM4120	ỐC VÍT ST4X10/ELM4120	8.800	10%
24781	YA00000814	CARBON BRUSH 2PCS SET/ELM4120	CHỔI THAN /ELM4120	109.944	8%
24782	YA00000820	SELF TAPPING SCREW ST5X16/ELM4120	ỐC VÍT ST5X16/ELM4120	8.800	10%
24783	YA00000821	SELF TAPPING SCREW ST4X16/ELM4120	ỐC VÍT ST4X16/ELM4120	9.350	10%
24784	YA00000827	HEX. BOLT M8X25/ELM4120	ỐC M8X25/ELM4120	14.080	10%
24785	YA00000831	REAR FLAP TORSION SPRING 7.7/ELM4120	LÒ XO 7.7/ELM4120	8.800	10%
24786	YA00000837	NYLON INSERT HEX LOCK NUT M5/ELM4120	ỐC VÍT M5/ELM4120	8.800	10%
24787	YA00000845	WASHER 5/ELM4120	MIẾNG ĐỆM 5/ELM4120	8.800	10%
24788	YA00000848	HIGHT ADJUST GRIP/ELM4120	TAY NÀM/ELM4120	51.840	8%
24789	YA00000849	PAN HEAD SCREW M4X10/ELM4120	ỐC VÍT M4X10/ELM4120	8.800	10%
24790	YA00000851	R PIN 7/ELM4120	KẸP GHIM 7/ELM4120	8.800	10%
24791	YA00000875	ANGLE ADJUSTMENT JOINT LOWER R/ELM4120	NÚT VÁN BÊN PHẢI/ELM4120	47.520	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24792	YA00000876	ANGLE ADJUSTMENT JOINT LOWER L/ELM4120	NÚT Vặn BÊN TRÁI/ELM4120	44.000	10%
24793	YA00000883	SPONGE CUSHION/ELM4120	MIẾNG ĐỆM XÓP/ELM4120	18.360	8%
24794	YA00000885	SPONGE CUSHION/ELM4120	MIẾNG ĐỆM XÓP/ELM4120	17.280	8%
24795	YA00000891	CLAMP WASHER 8/ELM4120	VÒNG ĐỆM 8/ELM4120	17.600	10%
24796	YA00000903	TENSION SPRING 11/ELM4120	LÒ XO 11/ELM4120	17.600	10%
24797	YA00000906	HIGHT ADJUST LEVER/ELM4120	THÀNH ĐIỀU CHỈNH/ELM4120	44.000	10%
24798	YA00000907	TORSION SPRING 8/ELM4120	LÒ XO 8/ELM4120	13.200	10%
24799	YA00000909	AXLE RETAINER WASHER/ELM4120	VÒNG ĐỆM/ELM4120	8.800	10%
24800	YA00000910	SPEASER RING 16/ELM4120	VÒNG ĐỆM 16/ELM4120	14.080	10%
24801	YA00000914	POWER SUPPLY CORD ASSY/ELM4120	DÂY DẪN ĐIỆN/ELM4120	108.000	8%
24802	YA00000915	GRASS BOX ASSV/ELM4120	BỘ TỦI ĐỰNG CỎ/ELM4120	928.800	8%
24803	YA00000917	GRASS CATCH SIDE CLOSS SET MAK/ELM4120	TỦI ĐỰNG CỎ/ELM4120	462.240	8%
24804	YA00000919	GRASS CATCHER UPPER BORAD/ELM4120	NÁP ĐẦY TUI CỎ/ELM4120	259.200	8%
24805	YA00000920	GRASS CATCHER FRAME/ELM4120	KHUNG ĐỖ TUI CỎ/ELM4120	151.200	8%
24806	YA00000921	CABLE CLIP/ELM4120	KẸP DÂY CÁP/ELM4120	8.640	8%
24807	YA00000922	LOWER HANDLE/ELM4120	TAY CẦM DƯỚI/ELM4120	250.800	10%
24808	YA00000923	TENSION LEVER ASSY/ELM4120	TAY KHÓA/ELM4120	95.040	8%
24809	YA00000924	ANGLE ADJUSTMENT JOINT UPPER/ELM4120	KẸP BĂNG THẺP/ELM4120	35.200	10%
24810	YA00000925	WHEEL CAP 7 INCH/ELM4120	NÁP BÀNH SE SAU 7INCH/ELM4120	73.440	8%
24811	YA00000926	WHEEL 8 INCH/ELM4120	BÀNH XE SAU 8INCH/ELM4120	151.200	8%
24812	YA00000927	REAR AXLE/ELM4120	TRỤC BÀNH XE SAU/ELM4120	211.200	10%
24813	YA00000930	DECK/ELM4120	VỎ MÁY/ELM4120	699.840	8%
24814	YA00000931	SPONGE CUSHION/ELM4120	MIẾNG ĐỆM XÓP/ELM4120	8.640	8%
24815	YA00000932	GRASS INTAKE UNDER PLATE/ELM4120	NÁP CHÂN CỎ/ELM4120	21.600	8%
24816	YA00000933	UNDER BRACE RIGHT/ELM4120	ỐC NỐI DƯỚI BÊN PHẢI/ELM4120	44.000	10%
24817	YA00000934	AIR INTAKE BOARD RIGHT/ELM4120	TẤM CHÂN GIÕ BÊN PHẢI/ELM4120	12.960	8%
24818	YA00000935	BLADE SUPPORT/ELM4120	GIA ĐỖ DAO/ELM4120	36.720	8%
24819	YA00000938	REAR FLAP HINGE ROD/ELM4120	CHỐT ĐỊNH VỊ/ELM4120	26.400	10%
24820	YA00000939	REAR FLAP BULE/ELM4120	NÁP SAU/ELM4120	108.000	8%
24821	YA00000941	TOP COVER/ELM4120	BAO VỆ TRÊN/ELM4120	90.720	8%
24822	YA00000942	HEIGHT ADJUSTER STOP PLATE/ELM4120	MIẾNG CHẶN CHỈNH ĐỘ CAO/ELM4120	44.000	10%
24823	YA00000943	STOP PLATE RUBBER SHEET/ELM4120	MIẾNG CHẶN/ELM4120	35.200	10%
24824	YA00000944	HOUSING ASSY BULE/ELM4120	VỎ MÁY/ELM4120	496.800	8%
24825	YA00000946	SPONGE CUSHION/ELM4120	MIẾNG ĐỆM/ELM4120	8.640	8%
24826	YA00000947	SPONGE CUSHION/ELM4120	MIẾNG ĐỆM/ELM4120	30.240	8%
24827	YA00000948	SPONGE CUSHION/ELM4120	MIẾNG ĐỆM/ELM4120	17.280	8%
24828	YA00000949	CONNECTING ROD/ELM4120	TRỤC LIÊN KẾT/ELM4120	184.800	10%
24829	YA00000950	UNDER BRACE LEFT/ELM4120	THÀNH NỐI DƯỚI TRÁI/ELM4120	52.800	10%
24830	YA00000951	AIR INTAKE BOARD LEFT/ELM4120	TẤM CHÂN GIÕ BÊN TRÁI/ELM4120	34.560	8%
24831	YA00000952	WHEEL CAP 5 INCH/ELM4120	NÁP BÀNH XE TRƯỚC 5 INCH/ELM4120	69.120	8%
24832	YA00000953	WHEEL 6 INCH/ELM4120	BÀNH XE 6 INCH/ELM4120	108.000	8%
24833	YA00000954	FRONT AXLE/ELM4120	TRỤC NỐI BÀNH XE TRƯỚC/ELM4120	228.800	10%
24834	YA00001157	UPPER HANDLE BAR ASSY/ELM4120	BỘ TAY CẦM TRÊN/ELM4120	552.960	8%
24835	YA00001158	SWITCH LEVER/ELM4120	CÁN GẠT CÔNG TẮC/ELM4120	90.720	8%
24836	YA00001173	HEAT SHRINKABLE TUBE/ELM4120	ỐNG CHỊU NHIỆT/ELM4120	13.824	8%
24837	YA00001174	CABLE TIE/ELM4120	DÂY RÚT/ELM4120	4.320	8%
24838	YA00001176	MOTOR ASSY (230V)/ELM4120	MOTOR(230V)/ELM4120	2.344.572	8%
24839	YA00001178	MOTOR FLAME & PULLEY ASSY/ELM4120	MOTOR ĐÁNH LỬA VÀ BỘ BU LÌ/ELM4120	526.608	8%
24840	YA00001179	BELT COVER/ELM4120	NÁP BAO VỆ DÂY CUA -ROA/ELM4120	155.736	8%
24841	YA00001180	LIBED BELT/ELM4120	DÂY CUA-ROA/ELM4120	132.840	8%
24842	YA00001181	LEAD WIRE SET/ELM4120	DÂY DẪN ĐIỆN/ELM4120	129.600	8%
24843	YA00001182	SPONGE GRIP/ELM4120	TAY NẮM/ELM4120	77.760	8%
24844	ZG00000001	WIRE/EM3400U	DÂY ĐIỆN/EM3400U	4.320	8%
24845	ZG00000002	CAP,PLUG/EM3400U	NÁP CHỤP BURI/EM3400U	17.280	8%
24846	ZG00000003	SPRING,PLUG CAP/EM3400U	LÒ XO CHỤP BURI/EM3400U	13.200	10%
24847	ZH00000001	TAPPING SCREW CT 4X12/EM3400U	ỐC VÍT 4X12/EM3400U	2.200	10%
24848	ZJ00000001	SCREW/EA3503S	ỐC VÍT/EA3503S	26.400	10%
24849	ZJ00000003	STRAINER/EA3201S	VÒNG ĐỆM/EA3201S	22.000	10%
24850	ZJ00000004	COVER KIT, PUMP/EA3201S	NÁP CHỤP TRÊN BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EA3201S	325.600	10%
24851	ZJ00000005	PLUNGER KIT/EA3201S	CỤM NÚT ĐẨY/EA3201S	136.400	10%
24852	ZJ00000006	LEVER/EA3201S	THÀNH NHỊP XĂNG/EA3201S	30.800	10%
24853	ZJ00000007	VALVE, INLET NEEDLE/EA3201S	KIM XĂNG/EA3201S	146.880	8%
24854	ZJ00000008	PIN/EA3201S	CHỐT GAI/EA3201S	17.600	10%
24855	ZJ00000009	SCREW/EA3201S	ỐC VÍT/EA3201S	17.600	10%
24856	ZJ00000010	SPRING/EA3201S	LÒ XO/EA3201S	26.400	10%
24857	ZJ00000011	GASKET,METERING CHAMBER/EA3201S	MÀNG ĐỆM/EA3201S	25.920	8%
24858	ZJ00000012	SHAFT ASS'Y, CHOKE/EA3201S	THÀNH ĐIỀU TIẾT GIÕ/EA3201S	193.600	10%
24859	ZJ00000013	DIAPHRAGM ASSY,METERING/EA3201S	MÀNG BƠM/EA3201S	133.920	8%
24860	ZJ00000014	SCREW (WITH SERRATION)/EA3201S	ỐC VÍT/EA3201S	17.600	10%
24861	ZJ00000015	SHAFT ASS'Y, THROTTLE/EA3201S	THÀNH ĐIỀU TIẾT/EA3201S	154.000	10%
24862	ZJ00000016	GASKET, PUMP/EA3201S	MÀNG LỌC/EA3201S	30.240	8%
24863	ZJ00000017	E-RING/EA3201S	PHE GAI/EA3201S	17.600	10%
24864	ZJ00000018	NOZZLE ASS'Y, CHOKE VALVE/EA3201S	THẦN BÌNH XĂNG/EA3201S	145.200	10%
24865	ZJ00000020	SCREW (PUMP COVER)/EA3201S	ỐC VÍT/EA3201S	17.600	10%
24866	ZJ00000021	COLLAR/EA3201S	VÒNG ĐỆM/EA3201S	26.400	10%
24867	ZJ00000022	LEVER, THROTTLE/EA3201S	THÀNH GẠT/EA3201S	39.600	10%
24868	ZJ00000023	SCREW/EA3201S	ỐC VÍT/EA3201S	17.600	10%
24869	ZJ00000024	VALVE, CHOKE/EA3201S	VÁN GIÕ/EA3201S	57.200	10%
24870	ZJ00000025	LEVER, CHOKE/EA3201S	CÁN GẠT/EA3201S	57.200	10%
24871	ZJ00000026	SCREW, IDLE MIXTURE/EA3201S	ỐC ĐIỀU CHỈNH XĂNG/EA3201S	136.400	10%
24872	ZJ00000028	COVER, METERING/EA3201S	NÁP CHỤP DƯỚI BỘ CHẾ HÒA KHÍ/EA3201S	88.000	10%
24873	ZJ00000029	DIAPHRAGM, PUMP/EA3201S	MÀNG LỌC XĂNG/EA3201S	82.080	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W.VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24874	ZJ00000030	VALVE, THROTTLE/EA3201S	VAN XĂNG/EA3201S	51.840	8%
24875	ZJ00000031	LEVER, CHOKE/EA3201S	THANH GAT/EA3201S	57.200	10%
24876	ZJ00000032	SPRING, CHOKE RETURN/EA3201S	LÒ XO/EA3201S	26.400	10%
24877	ZJ00000033	WASHER/EA3201S	VÒNG ĐỆM/EA3201S	35.200	10%
24878	ZJ00000034	SPRING, THROTTLE RETURN/EA3201S	LÒ XO/EA3201S	26.400	10%
24879	ZJ00000035	RETAINER/EA3201S	VAN ĐIỀU TIẾT/EA3201S	51.840	8%
24880	ZJ00000036	PLUG, ACC POCKET/EA3201S	NÚT/EA3201S	25.920	8%
24881	ZJ00000037	STRAINER/EA3201S	VÒNG ĐỆM/EA3201S	17.600	10%
24882	ZJ00000039	SCREW, MAIN MIXTURE/EA3201S	ỐC ĐIỀU CHỈNH GIÓ/EA3201S	136.400	10%
24883	ZJ00000040	SPRING, RETURN/EA3201S	LÒ XO/EA3201S	35.200	10%
24884	ZJ00000048	LEVER,CHOKE/EA3601F	ĐÓN BAY/EA3601F	57.200	10%
24885	ZJ00000054	O-RING/EA3601F	MIẾNG ĐỆM/EA3601F	88.000	10%
24886	ZJ00000055	COVER, METERING/EA3601F	VỎ NGOÀI TRÊN BÌNH XĂNG/EA3601F	86.400	8%
24887	ZJ00000056	COVER, PUMP/EA3601F	VỎ NGOÀI DƯỚI BÌNH XĂNG/EA3601F	142.560	8%
24888	ZJ00000058	DIAPHRAGM ASS'Y, METERING/EA3601F	MIẾNG ĐỆM/EA3601F	110.000	10%
24889	ZJ00000061	SCREW, THROTTLE ADJUST/EA3601F	ĐIỀU CHỈNH GA/EA3601F	83.600	10%
24890	ZJ00000063	SCREW/EA3601F	ỐC/EA3601F	26.400	10%
24891	ZJ00000068	SPRING, ADJUST SCREW/EA3601F	LÒ XO/EA3601F	22.000	10%
24892	ZJ00000071	SCREW, IDLE MIXTURE/EA3601F	ỐC CHÍNH XĂNG, GIÓ/EA3601F	136.400	10%
24893	ZJ00000072	SCREW, MAIN MIXTURE/EA3601F	ỐC CHÍNH XĂNG, GIÓ/EA3601F	136.400	10%
24894	ZJ00000073	SPRING/EA3201S	LÒ XO/EA3201S	132.000	10%
24895	ZJ00000074	PLUNGER/EA3601F40B	NÚT NHẤN/EA3601F40B	52.800	10%
24896	ZJ00000077	NOZZLE ASSEMBLY/EA3503S	ÔNG NỎI/EA3503S	95.040	8%
24897	ZJ00000078	SPRING, METERING LEVER/EA3503S	LO XO ĐIỀU CHỈNH/EA3503S	26.400	10%
24898	ZJ00000079	METERING CHAMBER GASKET/EA3503S	ĐỆM ĐIỀU CHỈNH/EA3503S	25.920	8%
24899	ZJ00000080	THROTTLE VALVE/EA3503S	VAN TIẾT LƯU/EA3503S	64.800	8%
24900	ZJ00000081	REBUILT KIT/EA3503S	BỘ VAN ĐIỀU TIẾT/EA3503S	203.040	8%
24901	ZJ00000082	GASKET&DIAPHRAGM KIT/EA3503S	BỘ MIẾNG ĐỆM VÀ MANG NGĂN/EA3503S	146.880	8%
24902	ZJ00000097	PUMP COVER KIT/EA4301F	BỘ BẢO VỆ BOM/EA4301F	319.680	8%
24903	ZJ00000098	THROTTLE LEVER SCREEN/EA4301F	CẢN GA/EA4301F	26.400	10%
24904	ZJ00000099	CHOKE LEVER/EA4301F	CẢN GAT/EA4301F	57.200	10%
24905	ZM00000003	RATCHET/DTC302	MIẾNG THÉP GIỮ LÒ XO/DTC302	261.250	10%
24906	ZM00000004	PIN(280)/DTC302	CHÓT GÀI(280)/DTC302	247.280	10%
24907	ZM00000006	TORSION SPRING(720)/DTC302	LÒ XO(720)/DTC302	265.870	10%
24908	ZM00000007	STOP RING E3/DTC302	PHE GÀI E3/DTC302	9.350	10%
24909	ZM00000010	SUPPORTER/DTC302	NÚT NHẤN/DTC302	1.492.884	8%
24910	ZM00000011	TORSION SPRING(719)/DTC302	LÒ XO(719)/DTC302	251.900	10%
24911	ZM00000012	PIN 3X22/DTC302	CHÓT GÀI 3X22/DTC302	18.700	10%
24912	ZM00000013	CHANGE PIN/DTC302	CHÓT NHỰA ĐIỀU CHỈNH CHỨC NĂNG/DTC302	435.024	8%
24913	ZM00000015	STRAP RING/DTC302	ĐÂY TREO MÀY/DTC302	100.764	8%
24914	ZM00000095	HEX. SET SCREW M3X5/DTC100, DTC101	ỐC VÍT M3X5/DTC100, DTC101	14.080	10%
24915	ZM00000115	CUTTER GUIDE/DTC101	ĐẪN HƯỚNG LƯỚI CÁT/DTC101	810.540	8%
24916	ZM00000116	SPRING WASHER 4/DTC100	VÒNG ĐỆM 4/DTC100	14.080	10%
24917	ZM00000117	H.S.BUTTON HEAD SCREW M4X12/DTC100	ỐC VÍT M4X12/DTC100	28.050	10%
24918	ZM00000127	H.S. HEAD SCREW M3X3/DTC100	ỐC VÍT M3X3/DTC100	14.080	10%
24919	ZM00000128	SPRING GEAR B ASSY/DTC100	NHÔNG ĐỆM B/DTC100	130.680	10%
24920	ZM00000130	SHOULDER SCREW/DTC100	BU LÔNG/DTC100	251.900	10%
24921	ZM00000131	SPRING GEAR A ASSY/DTC100	NHÔNG ĐỆM B/DTC100	130.680	10%
24922	ZM00000132	HEX LOCK NUT M6/DTC100	ỐC VÍT M6/DTC100	69.960	10%
24923	ZM00000133	SPRING WASHER 6/DTC100	VÒNG ĐỆM 6/DTC100	4.730	10%
24924	ZM00000135	PAN HEAD SCREW M3X8/DTC100, DTC101	ỐC VÍT M3X8/DTC100, DTC101	9.350	10%
24925	ZM00000136	BEARING CASE/DTC100, DTC101	NÁP BẠC ĐẠN/DTC100, DTC101	1.534.032	8%
24926	ZM00000137	CUTTER PLATE/DTC100, DTC101	MIẾNG ĐỆM/DTC100, DTC101	475.750	10%
24927	ZM00000138	HEX. SOCKET HEAD BOLT M5X14/DTC100, DTC101	ỐC VÍT M5X14/DTC100, DTC101	98.010	10%
24928	ZM00000139	BALL BEARING 6001VV/DTC100, DTC101	BẠC ĐẠN 6001VV/DTC100, DTC101	686.880	8%
24929	ZM00000140	PINION GEAR/DTC100, DTC101	NHÔNG/DTC100, DTC101	920.484	8%
24930	ZM00000141	BALL BEARING 6002VV/DTC100, DTC101	BẠC ĐẠN 6002VV/DTC100, DTC101	842.616	8%
24931	ZM00000142	NEEDLE PIN 3X11.8/DTC100, DTC101	CHÓT 3X11.8/DTC100, DTC101	23.320	10%
24932	ZM00000143	GEAR CASE ASSY/DTC100, DTC101	HỘP NHÔNG/DTC100, DTC101	22.076.388	8%
24933	ZM00000144	PAN HEAD SCREW M4X8/DTC100, DTC101	ỐC VÍT M4X8/DTC100, DTC101	4.730	10%
24934	ZM00000145	SPUR GEAR/DTC100, DTC101	NHÔNG/DTC100, DTC101	416.772	8%
24935	ZM00000146	GEAR PLATE/DTC100, DTC101	MIẾNG ĐỆM NHÔNG/DTC100, DTC101	69.960	10%
24936	ZM00000147	GEAR COVER/DTC100, DTC101	NÁP HỘP NHÔNG/DTC100, DTC101	618.192	8%
24937	ZM00000148	TAPPING SCREW 3X14/DTC100, DTC101	ỐC VÍT 3X14/DTC100, DTC101	4.730	10%
24938	ZM00000149	PAN HEAD SCREW M4X12/DTC100, DTC101	ỐC VÍT M4X12/DTC100, DTC101	18.700	10%
24939	ZM00000150	BRUSH PLATE/DTC100, DTC101	BÀN CHAI QUÉT BỤI/DTC100, DTC101	192.348	8%
24940	ZM00000151	TAPPING SCREW 3X8/DTC100, DTC101	ỐC VÍT 3X8/DTC100, DTC101	4.730	10%
24941	ZM00000152	SWITCH KNOB/DTC100, DTC101	CẢN BÓP CÔNG TẮC/DTC100, DTC101	238.140	8%
24942	ZM00000153	COMPRESSION SPRING/DTC100, DTC101	LÒ XO/DTC100, DTC101	32.670	10%
24943	ZM00000154	LOCK OFF BUTTON/DTC100, DTC101	NÚT KHÓA CÔNG TẮC/DTC100, DTC101	146.556	8%
24944	ZM00000155	SWITCH CIRCUIT UNIT/DTC100	MẠCH CÔNG TẮC/DTC100	13.668.912	8%
24945	ZM00000156	TAPPING SCREW 4X12/DTC100, DTC101	ỐC VÍT M4X12/DTC100, DTC101	4.730	10%
24946	ZM00000157	STRAP PLATE/DTC100, DTC101	MIẾNG THÉP GÀI DÂY ĐEO/DTC100, DTC101	373.120	10%
24947	ZM00000158	DIAL KNOB/DTC100, DTC101	NÚM XOAY ĐIỀU CHỈNH/DTC100, DTC101	105.408	8%
24948	ZM00000159	CAP/DTC100, DTC101	CHÓT CHẶN BANG NHỰA/DTC100, DTC101	54.972	8%
24949	ZM00000160	FLAT WASHER/DTC100	VÒNG ĐỆM/DTC100	23.320	10%
24950	ZM00000161	MOTOR ASSY/DTC100, DTC101	CỤM MOTOR/DTC100, DTC101	8.086.932	8%
24951	ZM00000162	HOUSING ASSY/DTC100, DTC101	VỎ MÁY/DTC100, DTC101	5.705.748	8%
24952	ZM00000172	SHOULDER SCREW/DTC101	BU LÔNG/DTC101	251.900	10%
24953	ZM00000173	PAN HEAD SCREW M4X8/DTC101	ỐC VÍT M4X8/DTC101	4.730	10%
24954	ZM00000178	HEX. NUT M10 (LEFT)/DTC101	ỐC VÍT M10/DTC101	690.360	10%
24955	ZM00000179	SHOULDER BOLT/DTC101	ỐC VÍT/DTC101	60.720	10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ TÙNG MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường	
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
24956	ZM00000180	URETHANE RING/DTC101	VÒNG ĐỆM/DTC101	544.968	8%
24957	ZM00000185	BATTERY CASE ASSY/DTC100, DTC101	VỎ ĐỂ GÀI PIN/DTC100, DTC101	412.128	8%
24958	ZM00000187	LED COVER/DTC100, DTC101	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ ĐÈN LED/DTC100, DTC101	439.668	8%
24959	ZM00000229	SWITCH LEVER/DTC302	MIẾNG GẠT CÔNG TẮC/DTC302	59.616	8%
24960	ZM00000230	LINK/DTC302	THANH LIÊN KẾT/DTC302	87.048	8%
24961	ZM00000231	PIN/DTC302	CHÓT GAI/DTC302	172.590	10%
24962	ZM00000232	COMPRESSION SPRING(599)/DTC302	LÒ XO(599)/DTC302	28.050	10%
24963	ZM00000233	CAM STAY/DTC302	MIẾNG NHỰA GIỮ CHÓT/DTC302	27.540	8%
24964	ZM00000234	CAP/DTC302	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ CHÓT/DTC302	45.792	8%
24965	ZM00000236	ADJUSTMENT CAP/DTC302	MIẾNG NHỰA BẢO VỆ BÌNH DẦU/DTC302	45.792	8%
24966	ZM00000239	BODY COVER/DTC302	VÒNG BẢO VỆ BÌNH DẦU/DTC302	554.148	8%
24967	ZM00000241	KEY/DTC302	MIẾNG THÉP GIỮ KHUÔN/DTC302	559.680	10%
24968	ZM00000242	HOUSING SET/DTC302	VỎ MÁY/DTC302	3.796.200	8%
24969	ZM00000244	POWER UNIT ASSY/DTC302	CỤM ĐỘNG CƠ/DTC302	15.180.480	8%
24970	ZM00000260	SWITCH ASSY/DTC302	CÔNG TẮC/DTC302	7.798.464	8%
24971	ZM00000261	COMPRESSION SPRING(644)/DTC302	LÒ XO(644)/DTC302	904.860	10%
24972	ZM00000262	HEX. SOCKET SET BOLT M5X8/DTC302	BU LÔNG M5X8/DTC302	69.960	10%
24973	ZM00000263	OIL UNIT ASSY/DTC302	CỤM ĐẦU THUY LỰC/DTC302	32.361.120	8%
24974	ZM00000264	GUIDE RING ASSY/DTC302	VÒNG DẪN HƯỚNG/DTC302	947.916	8%
24975	ZM00000265	RAM HEAD ASSY/DTC302	ĐẦU GIỮ KHUÔN ÉP/DTC302	12.157.776	8%
24976	ZM00000266	HEAD ASSY/DTC302	CỤM ĐẦU ÉP COS/DTC302	17.210.880	8%
24977	ZM00000268	PIN 4X18/DTC302	CHÓT 4X18/DTC302	18.700	10%
24978	ZM00000335	LOCK RELEASE LEVER/DTC302	NÚT NHẤN /DTC302	68.688	8%